KINH TƯƠNG ƯNG BỘ (Saṃyutta Nikāya)

Kinh Tương Ưng Bộ (VNC PHVN, 2020)

TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật rong Kỉnh Hoa Nghiêm có ghi: "Phật dĩ nhất nhất thân, xứ xứ chuyển

T pháp ỉuârỉ'? nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở
mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp. Thật hoan hỷ? tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt? trên phương diện hoằng truyên kinh điên, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật? Luận? Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pali, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác... Khi nghiên cứu5 hoằng truyền kinh điển5 nhà Phật thường có câu: "D7 Thảnh giảo vi mình cảnh chiếu kiến tự tâm, di tự tâm vi trí đăng chiếu kỉnh u chr ,nghĩa là lấy Phật pháp
làm tâm gương sáng soi vào tự tâm? lây tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chô thâm sâu của kinh điên. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học? dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó9 mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tap, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn. Từ việc nghiên cứu kinh điên, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nên văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Băc thuộc, làm cho dân : e Ị' • e • tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiên nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Bạo pháp - Dân tOc." Chính vì vậy5 những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hêt sức quan trọng trong việc "kê vãng khai lai? truyên trì đạo mạch,55 không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tôn ở thê gian mà còn góp phân làm cho

Vlll

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xua, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai SỊT.” Nguyện câu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyên, thê giới hòa bình, nhân dân an lạc. Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát, tác đại chứng minh.

VesakLiên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ (Ph chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIỆU

'ĩhay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam? tôi tán dương Hội

1 đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này. Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pãli, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành 1 năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. 1. về thuật ngữ Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "Đại tạng kỉnh Việt Nam"\ vốn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "Tam tạng Thánh điên Phật giảo Việt Nam", nhằm thế hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay. Khái niệm "Bại tạng kinh^ chỉ đề cập đến "Kinh tạng" (P. Sutta Pitaka, H,)tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giAo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. Vìnaya Pitaka, H.9 Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. Abhỉdhamma Pitaka, H.? Luận tạng), Văn học Chú giải (P. Atthakathã). Văn học Phụ chú giải (P. Tĩkã), Văn học Tục tạng và các tác phẩm Phật học Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v... 2. về Văn học sử Phật giáo "Thanh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyên) hay 49 năm (theo Phật giáo

X

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. Dhamma, s. Dharma. H.Pháp), Đạo đức (P=S Vinaya. H.Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. Abhidhamma, s. Abhidharma, H.Vô tỷ pháp). Thánh điên Phật giáo được truyên thừa qua hình thức khâu truyên, được cho là bằng ngon ngữ Pãli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đến đại hội kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lira truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm Đảo sử (Dĩpavamsa) và Đại sử (Mahãvamsă) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pãli bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn. Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I (TTL) trở di, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ9 được các vua chúa, đại tín chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá? khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tầm vóc quốc gia ở

Trung Hoa; còn tiếng Tây Tạng cổ5 được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng (Tibetan Buddhist Canon) gồm hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm IOO bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ). 3. về phương diện lịch sử Hơn IO thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa băng Hán cô và cho đên những thê kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nom mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu cầu thích nghi với quốc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyết định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm. • Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn: Giai đoạn 1 bắt đầu từ 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh {Ma-ha Bát-nhã. Hoa Nghiêm, Đại Bảo Tích. Nỉết-bàn, Pháp Hoa); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (Đại Bắt-nhã); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (Trung A-hàm, Tăng nhất A-hànỉ). Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ9 Thượng tọa Thích Trí Thành (TrườngA-hàm, Tạp A-hàm), v.v...

XI

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pãli sang tiếng Việt.12Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pãli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pãli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pãli. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pãli. Sau ba thập niên phiên dịch độc lập? đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thanh lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tải bản được Kinh tạng Nam truyền/ gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã djch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn? khuyến khích chư Tăng Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam. Trong hai thập niên? 1994-2014, Hội đồnệ Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ5 có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã c6, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành Lỉnh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh, Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới5 với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ5 Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải5 Tục tạng, Văn học tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiêp theo. Công trình sưu tâm, phiên dịch,

hiệu chú và ân hành này dự kiên sẽ hoàn thành trong vòng io năm hoặc lâu hơn nữa. 4. về bản sắc quốc gia Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài an bản Tam tạng Thánh điển Pãli? đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ. Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có Khai Bảo tạng được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời nhà Bắc Tống. Các nước

1 Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hành Kỉnh Trường bộ từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (i III và IV). Các năm kế tiếp, Hòa thượng cho ấn hành các tập Kỉnh Trung bọ: 1973 (tặp I), 1974 (tạp II, III). 2 Còn thiếu 5 quyển trong Kỉnh Tiểu bộ'. Diễn giải, Phân tích Đạo, Thảnh nhân kỷ sự, Phật sử và Hạnh tạng.

Xll

Phật giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng. Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản Cao Ly Đại tạng kinh (),hay còn gọi là Bát vạn Đại tạng kinh ()có cấu trúc mục lục khác
với các Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó9 các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn. Nhật Bản có Thiên Hải tạng ()d tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đến đầu thế kỷ XX, Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh (1924-1934) do các học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và Ono Genmyo
biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ? 13.520 quyển, trong đó? 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải5 các tông phái Phật giáo Trung Quốc? Nhật Bản. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất. Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hâu hêt các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ5 có nguồn gốc từ Trường Đại học Nalanda nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyên đặc thù, vì nó chứa nhiêu bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng Trung Hoa và các nước khác. Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm? Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam chỉ mới hoàn tât một nửa chặng đường phiên dịch. Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam hoàn chính, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thê tiêp cận lời Phật dạy băng tiêng Việt? nhăm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. Sutamayapanna. Văn tuệ)? trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P.

Cỉntãmayapannã, Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiên chí, thiên quán (P. Bhăvanãmayapanhã, Tu tuệ). Đê tạo nên bản săc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua Tam tạng Thánh điển Phật giáo Vỉệt Nam. tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giảo Vỉệt Nam. góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh Tam tạng Thánh điển

Xlll

Phật giáo Việt Nam. Đông thời, tôi tha thiêt kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam sớm thành tựu mỹ mãn. Xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật? tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái5 sân hận5 si mê, chấp thiỉ, vốn là nhân khổ đau, đồng thời5 trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triển bền vững.

VesakLiên Hợp Quốc, PL.2563 -DL.2019 Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN (Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐẦU

am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy

T đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ5 nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong từng thời kỳ5 càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Việị Nam. Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối nối kết với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đât nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triêt phương Đông? ân hưởng nguôn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyên hóa nhiệm mầu của đạo Phật9 đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tàm quôc gia và quôc tê trên nhiêu phương diện, trong đó Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật. Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nânệ cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì5 gia tăng hiệu

ứng tâm linh, khuêch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với yiệc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên? Thánh điển được trùng tụng, chuẩn y yà ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ thứ III (TTL) đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Saõghamittã của vương triều này đã truyền

XVI

bá đạo Phật sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vattagãmanĩ Abhaya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải. Ở An Độ, lân kêt tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniặka từ cuôi thê kỷ thứ I đến đầu thế kỷ thứ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thông kinh điên tiêp tục được lưu giữ, quảng bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền. Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giởi trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, cố thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pãli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ản Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triêu Vua Vattagãmanĩ Abhaya vào thê kỷ thứ I (TTL), công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihãra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách. Tạng Pãli được xem là Thánh điên Phật giáo chính thông của các nước thuộc hệ thông Nam truyên như An Độ, Tích Lan, Miên Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ thứ V đã có công lớn đối với Thánh tạng Pãli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điên, và nôi tiêng với bộ kinh băng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pãli) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pãli và phiên dịch sang tiếng Anh, Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pãli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ V. Ngoài tạng Pãli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thẩm quyền, cần ghi nhận rằng Thánh tạng tiếng Hán cổ có truyền thông lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tâm châu lục. Từ nhà Tông đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khăc gô đây đủ đâu tiên của Trung Quôc được đặt tên là Khai Bảo tạng, hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó Bát vạn Đại tạng kinh (còn gọi là Cao Ly Đại tạng kinh) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ? khắc vào thế kỷ thứ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Àn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguôn Phật giáo khá trê5 có 9 bản Đại tạng. Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh (Taishõ Shinshũ Daizõkyõ,)do

Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc

XVII

truyền hoàn chỉnh nhất cho đến năm 1934. Mông cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng). Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý, văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. Ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đả, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cô đức đã hết lồng truyên trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam có biểu hiện dừng lại hẳn5 nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện. Lịch sử thực hiện Đại tạng kinh Việt Nam khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ thứ XX. Việc phiên dịch, ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hồa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nôi tiêng cũng xuât hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phâm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiên bôi và đương thời nôi tiêp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận5 Sớ giải? như quý Ngài: Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ5 Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trân Phương Lan,... Như vậy5 nội dung bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thông, Nam truyên hoặc Bắc truyền, hoặc có một phần của nhau, nhưng không đầy đủ. Trong khi đó, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chuyển tải cả hai hệ thống và được bô cục lại. Đôi với Tam tạng Nam truyên (Thượng Tọa bộ)5 câu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải5 Phụ chú giải). Đôi với Băc truyên, câu trúc được chia thành hai phân: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải.

XV111

Nguồn tư liệu này dựa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguôn tiêng Sanskrit, tiêng Anh và một sô ngôn ngữ khác. Phần Tục tạng của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ tri thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam của chư tiền hiền hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu9 đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nên tảng hành chánh cho việc tô chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lên một tầm cao mới5 đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo. Phiên dịch Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam là công việc cân một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bí, đồng thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quôc như Đạo An, Ciru-ma-la-thập5 Huyên Trang... đêu biêu tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó5 độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pãli cũng không ngoại lệ5 khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, hầu hết những rào cản đều đã được vượt qua và phản ánh trong Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú5 kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bô sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiêt yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học5 nâng cao giá trị hàn lâm của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam mở ra một triên vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải5 đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành Tam tạng Thánh điên Phật giáo Vi̊ệt Nam. Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chât liệu cao câp5 thiêt kê mâu mực, kỹ thuật in ân tiên tiên, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam còn thực hiện bản sô hóa làm tăng thêm khả năng đồng bộ? lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu.

XIX

Bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam ra đời lần này là kết tinh những bản dịch từ các bậc Tổ sư, các bậc chân tu thật học, nhiều thế hệ dịch giả5 nhà nghiên cứu... Hình ảnh các Ngài an nhẫn, kiên định5 tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bô sung từng cước chú, nhuận săc từng dâu châm phây, đê đảm bảo "văn nghĩa đầy diỉ” một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo. Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm

làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được liru bố ở nhân gian, công đức ây đang ân tàng trong từng con chữ, trong sô nhiêu chục triệu con chữ của ấn bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Vỉệt Nam lần này thật bất khả tư nghi. Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị. Thành kính cúng dâng ấn phẩm Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát5 liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiên chư Tôn đức Giáo phâm chứng minh. Thành tâm hôi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

"Bnày gồm tất cả 5 tập: ... Tập I, bắt đầu dịch ngày 18-08-1974 đến ngày 03-05-1975 mới hoàn thành5 mất hơn tám tháng. Tập II, bắt đầu dịch ngày 19-06-1975, được hoàn thành ngày 18-10-1975, mất bon tháng. Tập III, bắt đầu dịch ngày 21-10-1975, được hoàn thành ngày 29-01-1976, mất ba tháng tám ngày. Tập IV, được phiên dịch bắt đàu ngày 31-01-1976, hoàn thành ngày 01-06-1976, mất bốn tháng. Tập V, bắt đầu ngày 20-06-1976 và hoàn thành ngày 22-09-1976, mất hơn ba tháng.” "Nêu chúng ta so sánh thời gian Bà Rhys Davids và Ong Woodquard đã dùng để dịch toàn bộ Samyutta Nỉkãya ra tiếng Anh là 14 năm (xin xem Lời giới thiệu tập V của Ong Rhys Davids), thì thời gian 1 năm 10 tháng của chúng tôi cũng có thể được xem là khá nhanh. Nếu so sánh với hai bộ trước Kỉnh Trường bộ (Dĩgha Nỉkãyd) 4 tập, phải dịch mất 7 năm (1965-1972); Kinh Trung bộ (Majjhima Nikãyă) 3 tập, phải mất 3 năm (1973-1975); thời Kỉnh Tương ưng bộ này chỉ mất 1 năm 10 tháng có thể xem là khá nhanh chóng. Sở dĩ chúng tôi hoàn thành tương đối mau chóng bản dịch này là do sau ngày đất nước thống nhất, chúng tôi được khỏi lo về trách nhiệm giáo dục thế học nên để toàn lực? toàn tâm và toàn thì giờ vào phiên dịch. Trong khi chúng tôi phiên dịch tập này, chúng tôi sử dụng nguyên bản tiếng Pãli của Hội Pali Text Sociery. Nhimg rất tiếc, chúng tôi không có tập thứ III, thành ra phải sử dụng bản Pâli của Viện Đại học Nalanda bằng chữ Devanagari. Do vậy5 không làm sao tránh được những khó khăn do những bản sai khác gây nên. Chúng tôi được sử dụng bản dịch tiếng Anh của Hội Pali Text Society và bản dịch Nam truyền Đại tạng kinh bằng chữ Nhật, nhưng không có thể so sánh với bản dịch tiếng Campuchia, tiếng Thái, hay tiếng Miến Điện, nên khó lòng tránh khỏi các khiếm khuyết... về chú thích, chúng tôi trích dùng một số chú thích trong bản dịch của Hội Pali Text Society. Đúng lý, chúng tôi phải ghi chú

xxii

những sai khác căn bản giữa các kinh Pãli và các kinh Hán tạng tương đương, nhimg vì không có thì giờ nên đành gác lại5 chờ sau khi hoàn thành năm bộ Kinh tạng Pãli.

Chúng tôi thấy rõ có ba khuyết điểm lớn trong sự phiên dịch hiện tại của chúng tôi. Thứ nhất là không thể tra cứu các bản dịch Miến Điện, Thái Lan và Campuchia hiện có mặt tại thư viện Viện Phật học Vạn Hạnh5 vì lý do dễ hiểu là không có người giỏi các thứ tiêng trên giúp đỡ. Khuyêt điêm thứ hai, chúng tôi chưa có thể so sánh với bộ Tạp A-hàm kỉnh, tức là bộ trong Hán tạng tương đương với bộ Kinh Tương ưng Pãli. Sự so sánh này sẽ làm nôi bật các điêm dị đồng giữa hai bộ. Những điểm tương đồng sẽ xác chứng phần giáo lý nguyên thủy mà hai bộ ấy tàng trữ. Những điểm dị biệt nói lên sự dị biệt của các học phái. Và đây là những tài liệu quan trọng, giúp chúnệ ta một mặt tìm hiểu được giáo lý nguyên thủy, một mặt cho thấy rõ sự phát triển của các học phái. Ngoài ra5 hai bộ Pãli và Hán sẽ bổ sung cho nhau5 làm sáng tỏ những đoạn tối nghĩa trong cả hai bộ và hai bộ sẽ bô túc lân nhau rât là tôt đẹp. Nêu người phương Tây biết nhiều đến tạng Pali, thì trái lại, họ biết rất mù mờ về Hán tạng, và những ai biết Hán tạng lại không biết đến Pãli. Đây có thể là một lãnh vực mà Phật giáo Việt Nam chúng ta có thê công hiên cho nên văn học Phật giáo quôc tế, nếu chúng ta khôn khéo khai thác lãnh vực này. Khuyết điểm thứ ba của chúng tôi là không có thì giờ soạn các bản phụ lục, hoặc về địa danh, hoặc về nhân danh, hoặc về nội dung đã được đề cập đến trong bản dịch của chúng tôi5 đê giúp các học giả nghiên cứu. Chúng tôi rât tiêc là không có thì giờ và không có các phụ khảo có khả năng để giúp đỡ chúng tôi trong công trình này? một khuyết điểm mà chúng tôi chỉ có thể bổ túc sau này, khi hoàn thành phiên dịch năm bộ Kinh tạng Pãli. Chúng tôi xem sự nghiệp phiên dịch Kinh tạng như là một bổn phận phải làm đối với những ai được may mắn du học tại Án Độ. Gương của Ngài Pháp Hiển trong thế kỷ thứ IV, gương của Ngài Huyền Trang trong thế kỷ thứ VII, và gương của Ngài Nghĩa Tịnh trong cuối thế kỷ thứ VII cho chúng ta thấy, dịch kinh là một nhiệm vụ thiêng liêng phải làm, và đã làm thời phải làm cho đến nơi đến chốn. Lại nghĩ đến các vị đã dịch các kinh điển Sanskrit hay Prakrit ra chữ Hán, như Ngài Phật-đà-da-xá (Buddhayaáas) đã dịch bộ Trường A-hàm kỉnh. Ngài Tăng-già-đề-bà (Samghadeva) đã dịch bộ Trung A-hàm kinh, V.V.. thời tự nhiên chúng tôi phải noi theo gương sáng của các Ngài, đóng góp một cách khiêm tốn vào sự nghiệp phiên dịch này. Hơn nữa? chúng ta cũng không thể không nhắc đến một số chư Tăng Việt Nam đã du học và chiêm bái ở Ấn Độ. Như Ngài Vận Kỳ vào thế kỷ thứ VII, giỏi Phạn ngữ và Hán ngữ, đã từng du hành qua Java, Trung Quốc và Ẩn Độ. Pháp sư Giải Thoát Thiên, tên chữ Phạn là Moksadeva đã qua Ấn Độ bằng đường thủy và viếng thăm Bồ-đề Đạo Tràng. Pháp sư Khuy Xung, tên chữ

XX111

Phạn là Citradeva qua Tích Lan rồi qua Ấn Độ5 có đến Bồ-đề Đạo Tràng và Vương Xá rồi mệnh chung ở Trúc Lâm, Vương Xá. Pháp sư Huệ Diễm đi du hành ở Tích Lan và ở luôn tu học tại đấy. Pháp sư Trí Hành5 người Ái Châu (Thanh H6a), tên Phạn ngữ là Prạjnădeva5 đi Ấn Độ bằng thuyền. Ngài lên miền Bắc sông Hằng và tu tại chùa Tín Giả rồi tịch lúc 50 tuổi. Ngài Đại Thừa Đăng, tên chữ Phạn là Mahãyãnapradĩpa, xuất gia ở Dvãrarati, An Độ? sau đó về Trường An thọ giới Tỷ-kheo với Ngài Huyền Trang, rồi đi Tích Lan bằng đường biên tới Nam An Độ, đi vê phía Đông, cùng với Ngài Nghĩa Tịnh đi đến Phật học viện Nalanda, Bồ-đề Đạo Tràng, Vesãli rồi Kusinãrã. Ngài mất tại chùa

Parinirvãna ở Kusinãrã tuổi chừng quá 60 (trích Việt Nam Phật giáo sử luận của Nguyễn Lang). Chính vì nhớ đến công đức lớn lao của các vị tiền bối đã du hành qua Ấn Độ, cầu đạo và chiêm bái, mà chúng tôi tự nghĩ mình đã may mắn được tu học tại Tích Lan và Ấn Độ hơn 10 năm5 nay về nước phải đóng góp một sự nghiệp gì cho quốc gia và đạo Phật, và vì vậy chúng tôi mới chọn lấy trách nhiệm phiên dịch năm bộ Kinh tạng Pãli ra tiếng Việt. Hơn nữa, chúng tôi cũng rất muốn đóng góp vào trách nhiệm xây dựng một Đại tạng kinh Việt Nam với những khả năng khiêm tốn của mình. Chúng tôi nghĩ đến một số học giả người Anh trong Hội Pali Text Society, khoảng độ 15 - 20 vị5 trong khoảng không đầy 80 năm đã phiên dịch và in các nguyên bản Atthakathã (Chủ giải) nữa. Phật tử Việt Nam chúng ta nói nhiều mà làm ít, nên mãi cho đến nay, gần 2.000 năm Phật sử mà vẫn chưa xây dựng được một Đại tạng kinh Việt Nam. Chúng tôi lựa Kinh tạng Pãli để phiên dịch là có một dụng ý rõ rệt. Trong Kinh tạng có đủ cả Luật tạng (Vỉnayă), A-tỳ-đàm tạng (Abhidhamma) và Kinh tạng (Suítanía) chứa đựng nhiều lời dạy nguyên thủy nhất. Ngày nay, chúng ta phải đi tìm lại? thật sự đức Phật đã dạy những gì5 khỏi phải qua những lăng kính, những giải thích của các học phái, khỏi phải chịu đựng những phát triển, những chê biên vê mặt giáo lý cũng như pháp môn tu hành làm biên dạng và xuyên tạc những giáo lý và những pháp môn căn bản của đạo Phật. Đức Phật là một con người nhờ sự tu hành được giải thoát, đã bị biến thành một vị thần linh ban phước giáng họa, được siêu nhân hóa để trở thành một vị phi nhân. Các pháp môn tu hành là những phương pháp huấn luyện thân, huấn luyện tâm, huấn luyện trí đã trở thành những hình thức lễ nghi, bùa chú, phù phép5 để cầu danh, cầu lọi." "Vi vậy, chúng ta cần phải đọc những tài liệu nguyên thủy; và muốn vậy, chúng ta phải nghiên cứu Kinh tạng; và Kinh tạng này phải là Kinh tạng Pãli và tạngA-hàm. Việc phiên dịch Kinh tạng Pãli của chúng tôi cũng nằm trong chiều hướng này và cũng là một sự khuyến khích trực tiếp hay gián tiếp để Kinh tạng A-hàm được phiên dịch từ Hán tạng ra tiếng Việt.,, "Chúng tôi không có thì giờ đi sâu vào nội dung của bộ Kinh Tương ưng

XXIV

này? nhưng chúng tôi có thể nêu rõ ba đặc điểm của bộ này để cống hiến cho các học giả và các Phật tử. Đặc điểm thứ nhất là các kinh điển trong bộ kinh này được phân loại theo từng vấn đề liên hệ với nhau (samyutta) như tên kinh được đặt ra. Ví như trong tập V các kinh liên hệ đến bảy giác chi được sắp đặt trong chương Tương ưng Giác chi (Bojjhanga Samyutta); các kinh liên hệ đến bốn niệm xứ được sắp đặt trong chương Tương ưng Niệm xứ (Satipatthãna Samyutta). Như vậy9 các kinh liên hệ chung một vấn đề đều được quy tụ trong một chương riêng biệt và như vậy rât dê cho phân nghiên cứu và tìm hiêu. Quý vị muôn tìm hiêu vê pháp môn Ẫnãpãnasati (Niệm hơi thở vô, hơi thở ra), thời xin tìm tập V chương X, Tương ưng Hơi thở vô, hơi thở ra (Ãnãpãna Samyutta) là tìm ra ngay. Các kinh của Kỉnh Tương ưng bộ tương đối ngắn so với các kinh trong Kinh Trường bộ. hay Kỉnh Trung bộ. nhưng nhờ phân loại theo từng vấn đề tương ưng, nên mỗi vấn đề được đề cập dưới nhiều khía cạnh khác nhau, và được quy tụ trong một Tương ưng (Samyutta), rất tiện cho vấn đề nghiên cứu. Đặc điểm thứ hai của bộ này là vấn đề định nghĩa từng danh từ, định nghĩa từng vân đê và nhờ vậy đem

lại một quan niệm rât rõ ràng, rât chính xác của từng vấn đề một. Chúng tôi xin đơn cử một ví dụ về bốn như ý túc. "Thế nào là như ý? Ở đây. vị Tỷ-kheo thực hiện nhiều thần thông,., gọi là như ỷ. Này các Tỷ-kheo, thế nào là như ỷ túc? Con đường nào. đạo lộ nào, này các Tỷ-kheo, đưa đến chứng được như ỷ. chứng đắc như ỷ. Này các Tỷ-kheo, đây gọ ỉ là như ỷ tủđ' (tập V). “Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo nương tựa dục được định, được nhất tâm. đây gọi là dục định, Đối với các ác. bất thiện pháp chưa sanh, vị ấy khởi lên ỷ muốn không cho sanh khởi, tinh cần. tinh tấn. quyết tâm. cổ gắng. Đối với các ác. bất thiện pháp đã sanh... Đối với các thiện pháp chưa sanh.,, Đoi với các thiện pháp đã sanh, vị ấy khởi lên ỷ muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại. tu tập làm cho viên mãn. tỉnh cần, tỉnh tấn. quyết tâm, cố gắng. Những pháp này được gọi là tinh cần hành. Như vậy, đây là dục. đây là dục định, và những pháp này là tỉnh cần hành. Này các Tỷ-kheo. đây gọi là như ỷ túc câu hữu với dục định tinh cần hanh\ Như vậy, "chandasamãdhỉ padhãnasankhãrasamannãgata ỉddhỉpãdă\ dịch là "Nhu ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành” đã được định nghĩa rất rõ ràng. Ví dụ như vậy trong kinh này rât nhiêu và vì vậy mà bộ kinh này giúp chúng ta năm vững được định nghĩa của từng vấn dề, khỏi bị những sự lệch lạc xuyên tạc gây hiểu lầm về sau. Đặc điểm thứ ba của bộ này là sự quy tụ gần như đầy đủ 37 pháp môn tu hành chính của đạo Phật5 từ tám chánh đạo đến bảy giác chi, bốn niệm xứ, năm căn5 năm lực, bốn chánh cần? bốn như ý túc, thiền niệm hơi thở vô hơi thở ra, đều được phân loại trong tập V của Kinh Tương ưng bộ. Cũng chính

nhờ phiên dịch tập V Kỉnh Tương ưng bộ. chúng tôi khám phá ra được pháp môn Ãnãpãnasati (Niệm hơi thở vô, hơi thở ra), một pháp tham thiền điều hòa thân, điều hòa hơi thở, điều hòa tâm, một pháp môn nằm trong bốn niệm xứ (satỉpaịthãnă), niệm thân5 niệm thọ5 niệm tâm, niệm pháp; một pháp môn dùng hơi thở vô, hơi thở ra làm đối tượng hành trì5 một pháp môn trong một hơi thở vừa phát triển niệm, vừa phát triển định? vừa phát triển tuệ? và như vậy tăng trưởng cả niệm căn, niệm lực, định căn9 định lực, tuệ căn, tuệ lực. Pháp môn này đem giới thiệu với các Phật tử, được các Phật tử nhiệt liệt hưởng ứng hành trì. Chúng tôi rất tiếc là không có thì giờ để đi sâu vào nội dung và giới thiệu thêm cho quý vị những đóng góp về Chánh pháp của Kinh Tương ưng bộ này. Nhưng điều chúng tôi tin tưởng một cách chăc chăn răng5 với bôn bộ Kinh Trường bộ, Kinh Trung bộ. Kỉnh Tương ưng bộ. Kỉnh Tăng chi bộ. đã được phiên dịch và phổ biến, với Kinh Tiểu bộ đang được phiên dịch5 chúng tôi có thể xem là đã xây dựng được những cơ sở căn bản cho một Đại tạng kinh Việt Nam. cống hiến cho các Phật tử và các học giả nghiên cứu đạo Phật những tài liệu học hỏi và nghiên cứu thật sự chính xác về nguyên thủy? hay gần nguyên thủy nhất của đạo Phat.” (Lời Giới thiệu Kinh Tương ưng bQ, tập 1,1977) “Chúng tôi đã định nghĩa Phật giáo Nguyên thủy là Phật giáo trong thời đức Phật còn tại thế cho đến khoảng 100 năm sau khi đức Phật nhập diệt, khi đạo Phật chưa phân chia 18 hay 20 học phái5 khi chưa chia thành Đại thừa, Tiểu thừa, khi chưa chia thành Bắc tông, Nam tông. Sự phân chia thành học phái chỉ là những đáp ứng của nhu cầu hoằng pháp, tùy thuộc cá tánh địa phương, liên hệ đên trí tuệ của các bậc Tô sư hoăng pháp. Nhưng học phái nào, bộ phái nào cũng

phải chấp nhận một số lý thuyết chủ yếu, một số giới luật căn bản5 một số pháp môn tu hành truyền thống. Và chính những giáo lý chủ yếu ấy, những giới luật căn bản ây, những pháp môn tu hành truyên thông ây, tác thành Phật giáo Nguyên thủy, số giáo lý căn bản ấy là gì, nếu không phải là 4 sự thật, 12 nhân duyên, vô ngã, 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới... số giới luật căn bản ấy là gì nếu không phải là Giới bôn (Pãtỉmokkhă), là hộ trì các căn9 tiêt độ trong ăn uông, chánh niệm tỉnh giác, chú tâm cảnh giác, thiêu dục tri túc. Những pháp môn truyên thống ấy là gì nếu không phải là giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến5 là 4 niệm xứ, 4 như ý the, 5 căn5 5 lực, 7 giác chi5 8 Thánh đạo,... vẫn biết có thể có những giải thích khác biệt đối với các giáo lý căn bản tùy thuộc theo học phái, nhưng dầu muốn giải thích thế nào đi nữa, cũng không thể tách rời khỏi những định nghĩa căn bản mà đức Phật đã giảng giải vê những giáo lý này, nêu không thì sẽ bị rơi vào ngoại đạo ngay. Chắc cũng có một số người nói: "Các giáo lý này như 4 sự thật, 12 nhân duyên, lý vô ngã? chúng tôi đã hiểu rồi, đã thuộc làu rồi5 cần gì phải nhắc đi nhắc l@i" Vâng, quý vị có thể tưởng tri (sarỳãnãtĩ) những giáo lý ây, quý vị có thê thức tri (yị/ãnãtí) những giáo lý ây, nhưng quý

XXVI

vị không thê thăng tri (abhụãnãtí) những giáo lý ây nêu quý vị chưa có trí tuệ (panna). quý vị không có thể liễu tri (paryãnãti) những giáo lý ấy nếu quý vị chưa đoạn trừ các lậu hoặc. Do vậy5 vân đê giáo lý nguyên thủy cân phải đặt ra một cách khẩn thiết để chúng ta cùng nhau tưởng tri, thức tri, thắng tri, tuệ tri và liễu tri những lời dạy căn bản của đức Phật. Tư liệu về Phật giáo Nguyên thủy phần lớn nằm trong Kinh tạng A-hàm (Âgama) và Kinh tạng Pãli. Tuy vậy chỉ một số người đọc và hiểu được mà thôi? nhât là Kinh tạng Pãli5 nên sự nghiên cứu vê Phật giáo rât hạn chê. Ngày nay, chúng tôi giới thiệu ra quảng đại quần chúng những tư liệu này5 với hy vọng những tư liệu này sẽ làm sống dậy một cao trào nghiên cứu giáo lý nguyên thủy. Chúng tôi tin tưởng rằng giáo lý nguyên thủy được tìm hiểu nhiều chừng nào thời càng giúp Phật tử chúng ta xích lại gần nhau hơn, không còn bị chia rẽ bởi các học phái, các hệ phái? và có như vậy chúng ta mới có cơ hội thắng tri, tuệ tri, và liễu tri những lời dạy nguyên thủy của đức Phật. (Lời Giới thiệu Kinh Tương ưng bộ9 tập III, 1982)

BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PÃLI

A. Anguttara Nikãya (Kinh Tăng chỉ bộ)
AA. Anguttara Nỉkãya Atthakathã (Chú giải Kỉnh Tăng chỉ bộ)
Ap. Apadãna (Thánh nhân kỷ sự)
ApA. Apadãna Atthakathã (Chủ giải Thánh nhân kỷ sự)
Asl. Atthasãlinĩ (Chú giải Pháp tụ)
Bv. Buddhavamsa (Phật sử)
BvA. Buddhavamsa Atthakathã (Chú giải Phật sử)
CNỉd. CũIaniddesa (Tiểu nghĩa thích)
Cp. Cariyãpỉtaka (Hạnh tạng)

CpA. Carỉyãpitaka Atthakathã (Chú giải Hạnh tạng)
Cv. CũỊavagga (Tiêu phâm)
Cvs. CũỊavamsa (Tiểu sử)
D. Dĩgha Nikãya (Kinh Trường bộ)
DA. Dĩgha Nỉkãya Atthakathã (Chủ giải Kinh Trường bộ)
Dh. Dhammapada (Kỉnh Pháp cú)
DhA. Dhammapada Atthakathã (Chú giải Kinh Pháp cú)
Dhs. Dhammasanganĩ (Pháp tụ)
Dpvs. Dĩpavarnsa (Đảo sử)
Gãt. Gãtha (Thera và Therĩ)\ Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Nỉ kệ r
It. Itivuttaka (Kinh Phật thuyêt như vậy)
J. Jataka (Chuyện tiền thân của đức Phật)
Kh Khuddakapãtha (Tiêu tụng)
Kkvt. Kankhãvỉtaranĩ (Giải nghi)
Kvu. Kathãvatthu (Luận sự / Những điểm dị biệt)
XXV111

M. Majjhima Nikãya (Kinh Trung bộ)
MA. Majjhima Nỉkãya Atthakathã (Chú giải Kinh Trung bộ)
Mhbv, Mahãbodhỉvamsa (Đại sử vê cây Bô-đê ở Tích Lan)
Mhvs. Mahãvamsa (Đại sử)
Miỉn. Mỉlỉndapanha (Mi-tiên vấn đáp)
MNid Mahănỉddesa (Đại nghĩa thích)
MT. Majjhima Nikãya Tĩkã (Phụ chú giải Kinh Trung bộ)
Mv. Mahãvagga (Đại phâm)
Nd Nỉddesa (Nghĩa thích)
NdA. Niddesa Atthakathã (Chú giải Nghĩa thích)
Nettỉ. Nettipakarana (Đạo luận)
Patth, Patthãna (Luận Duyên hệ)
Pe. Petakopadesa (Chú thích kinh tạng)
Ps. Patỉsambhỉdãmagga (Vô ngại giải đạo)
PsA. Patỉsambhidãmagga Atthakathã (Chủ giải Vô ngại giải đạo)
F"g. Puggalapahnattỉ (Nhân thi thiết luận)
PugA. Puggalapannatti Atthakathã (Chú giải Nhân thỉ thiết luận)
Pv. Petavatthu (Ngạ quỷ sự) s. Samyutta Nikãya (Kinh Tương ưng bộ)
SA. Samyutta Nỉkãya Atthakathã {Chú giải Kinh Tương ưng bộ)
Sn. Suttanỉpãta (Kinh tập)
SnA, Suttanipãta Atthakathã (Chủ giải Kinh tập)
Sum. Sumangalavỉlãsỉnĩ (Chú giải Kỉnh Trường bộ)
Thag. Theragãthã (Trưởng lão Tăng kệ)

ThagA. Theragãthã Atthakathã (Chủ giải Trưởng lão Tăng kệ)
Thĩg. Therĩgãthã (Trưởng lão Nỉ kệ)
ThĩgA. Therĩgãthã Atthakathã (Chủ giải Trưởng lão Ni kệ)
Thũp. Thũpavarnsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lari)
Ud. Udăna (Cảm hứng ngữ)
UdA. Udãna Atthakathã (Chú giải Cảm hứng ngữ)
Uj. Upãsakcỳanãlankãra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)
Vbh. Vỉbhanga (Phân tích)
XXIX

VbhA, Vibhanga Atthakathã (Chú giải Phân tích)
Vin. Vinaya Pitaka (Luật tạng)
VỉnA, Vinaya Atthakathã (Chủ giải Luật tạng)
Vỉsm. Vỉsuddhỉmagga (Thanh tịnh đạo luận)
Vv. Vỉmãnavatthu (Thiên cung sự)
VvA. Vimãnavatthu Atthakathã (Chú giải Thiên cung sự)
Yam. Yamaka (Luận Song đối)
TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT
Divy, Divyăvadãna (Thiên cung sự)
Mhvu. Mahãvastu (Đại sự)
MPS. Mahãparinỉrvãnasũtra (Kỉnh Đại Bát-niết-bàn)
TÁC PHẨM TIẾNG ANH BBS. Burmese-scrỉpt Buddhasãsana Samỉti edition of the Majjhima Nikãya (Kinh Trung bộ. phiên bản tiếng Miến? NXB. Buddhasãsana Samiti) BD. Book ofDiscipline (Luật tạng) BL Buddhist India (Phật giảo Ấn Độ) BPE. Buddhist Manual ofPsychological Ethics (Cẩm nang Tâm lỷ Đạo đức Phật giáo) Cpd. Compendium ofPhilosophy (Cương yếu triết học, Tóm tắt và giải thích bộ Abhỉdhammatthasangahă) DB. Dialogues of the Buddha (Kinh Trường bộ) Expos, Expositor (Chủ giải Pháp tụ) GS. Gradual Sayings (Kinh Tăng chi bộ) KS. Kindred Sayings (Kinh Tương ưng bộ) MB. A Manual ofBuddhism (Câm nang Phật giáo) MLS. Middle Length Sayings (Kinh Trung bộ) QKM. Questions ofKing Milinda (Mi-tiên vấn đáp) PC. Points of Controversy (Những điểm dị biệt) Pss. Breth. Psalms of the Brethern (Trưởng ỉão Tăng kệ) Pss. Sỉs. Psalms of the Sisters (Trưởng lão Ni kệ) SBB. Sacred Books of the Buddhists (Thánh điển Phật giáo)

XXX

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG
ĐCĩ/Đại./T Đại Chánh tân tu Đại tạng ()
N. Nam truyền Đại tạng()
Biệt Tạp, Biệt dịch Tạp A-hàm kinh ()
Tăng. Tăng nhất A-hàm kinh ()
Tạp. Tạp A-hàm kinh ()

Trung. Trung A-hàm()

Trường. Trường A-hàm kinh ()

TỪ ĐIỂN BHSD. Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary (Từ điển Phật giáo Sanskrit lai tạo) CPD. Critical Pali Dictionary (Từ điển Biện giải Pãlí) DPPN. Dictionary ofPãlỉ Proper Names (Từ điển Danh từ riêng Pãlí) EB. Encyclopaedia ofBuddhism (Bách khoa Từ điển Phật giáo) EPD. Engỉish-Pãlỉ Dictionary (Từ điển Anh - Pãlỉ) ERE. Encyclopedia of Religion and Ethics (Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức) PED. Pãlỉ-English Dictionary (Từ điển Pãli - Anh)

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ PTS. Pali Text Society (Hội Thánh điển Pãli) JPTS. Journal ofPali Text Society (Tạp chí Hội Thánh điển Pãlí) JRAS. Journal of the Royal Asiatic Society (Tạp chỉ Hội Hoàng gia A châu) VRI. Vipassana Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán)

CÁC TỪ VIẾT TẮT Tiếng Việt s. Tiếng Sanskrit p. Tiếng Pãli H. Tiếng Hán E. Tiếng Anh TTL. trước Tây lịch TL. Tây lịch tr. trang Sđd. Sách đã dẫn NXB. Nhà Xuất bản

XXXI

HT. Hòa thượng TT. Thượng tọa ĐĐ. Đại đức NS. Ni sư sc. Sư cô TS. Tiên sĩ ThS. Thạc sĩ Tiếng Anh AD. (Anno Domini) Công nguyên BC. (Before Christ) trước Công nguyên Cf. (confer) Tham chiếu, so sánh ed. (by) biên tập (bởi) etc. (et cetera) vân vân... (v.v...) f./ ff. (following pages) trang kế tiếp/ các trang kế tiếp ibid, (ibidem) cùng trang đã dẫn/ như trên n. (note) chú thích op. cit (ppere citato) sách đã dẫn p./ pp. (page/pages) trang/ các trang tr.(by) dịch bởi trans. bản dịch V. (verse) câu kệ5 bài thơ vol./ vols. (volume/ volumes) tập9 quyển/ các tap, các quyển

DẪN LUẬN TƯƠNG ưng bộ Tương ưng bộ (Samyutta Nỉkãya) là bộ kinh thứ ba trong năm bộ Nỉkãya của Phật giáo Thượng Tọa bộ (Theravãda). Theo tác phẩm Diệu pháp yếu lược (Saddhammasangaha) của Ngài Dhammakitti Mahãsãmi, việc giữ gìn và truyên tụng Tương ưng bộ do Tôn giả Mahãkassapa và nhóm đệ tử của Ngài thực hiện.123* 1. Cấu trúc, những điểm đặc thù và vấn đề truyền bản Theo Chú giải Tương ưng bộ của Luận sư Buddhaghosa trong tác phẩm Sãratthappakãsinĩ\ "O đây, Tương ưng bộ được xác định có năm thiên: Thiên Có kệ. Thiên Nhân duyên, Thiên uẩn. Thiên Sáu xứ. Thiên Đại. số lượng kinh gôm có 7.762 bài kinh. Những bài kinh đó được kêt tập vào từng nhóm tương ưng với nhau. "2 Cũng theo Ngài Buddhaghosa, sở dĩ được gọi là "Tương ưng" (Samyutta), vì: “G6m nhiều nhóm tương đông và liên hệ với nhau, là Tương ưng bộ tôn quý, do đức Phật tự giác ngộ và giảng thuyêt, được sinh ra từ Tuệ phân tích."3 Trước hết, về hình thức trình bày. Theo truyền thống Phật giáo Theravãda, Tương ưng bộ được sắp xếp và trình bày theo hình thức năm tập hay còn gọi là năm thiên (pancavagga). Đây là cấu trúc mang tính cội nguồn vì chúng từng xuất hiện trong Chủ giải của Luận sư Buddhaghosa. Mặc dù hình thức của bộ kinh có sự thay đổi trong những ấn bản về sau, nhưng cách thức phân chia bộ kinh thành năm phần vẫn được giữ lại bằng những ghi chú cụ ứiể trong nội dung, tuân thủ theo truyền thống kết tập và san định thuở ban đầu. Ấn bản Tương ưng bộ với nguyên tác Pãli được chuyển thê

sang mâu tự La-tinh (Roman Script). do Hội Thánh điển Pãli (PTS) ấn hành từ năm 1884 đến 1898, đã tuân theo hình thức năm thiên này. Thứ hai, về số lượng kinh và sự phân chia các nhóm Tương ưng (Samyutta). Theo ghi nhận của Ngài Buddhaghosa, Tương ưng bộ có 7.762 kinh. Theo sư kiểm đếm của tác giả Léon Feer (1830-1902) trong ấn bản Pãli do PTS ấn hành thì có 2.889 kinh. Theo sự đối chiếu và tính toán của

1 Dhammakitti Mahãsãmi. Saddhammasarigaha (Diệu pháp yếu lược), tr. by Bhikkhu Indacanda, (Colombo: Sri Jayawardhanaramaya, 2003), tr. 19. 2 Sãratthappakãsỉm, Devatãsamyuttam: Tattha samyuttãgamo nãma sagãthãvaggo, nidãnavaggo, khandhakavaggo, saỊãyatanavaggo, mahãvaggoti pancavaggo hoti. Suttato - 4iSatta suttasahassani, satta suttasatam ca dvasatthi ceva suttãni, eso samyuttasangsdio.? 5 3 Sãratthappakãsỉnĩ, Ganthãrambhakathã: Samyuttavaggapatimanditassa, samyuttaãgamavarassa; Buddhanubuddhasamvannitassa, nanappabhedajananassa.

XXXIV

Bhikkhu Bodhi trong ấn bản năm 2000 thì có 2.904 kinh.4 Trong bản dịch tiếng Việt Tương ưng bộ lần này, số lượng và trật tự kinh được sắp xếp lại tương ứng với bản Pãli của VRL hay còn gọi là ân bản của kỳ kiết tập kinh điến lần thứ 6 là 2.854 kinh.5 Như vậy, phải chăng ân bản Tương ưng bộ hiện đang lưu hành đã bị sót mất nhiều kinh so với nguyên bản có từ thời Ngài Buddhaghosa? Từ sự đôi khảo từng đoạn Tương ưng bộ xuất hiện trong bản Chủ giải của Ngài Buddhaghosa, Bhikkhu Bodhi đã xác quyết rằng, ấn bản hiện đang lưu hành không bị sót mât.6 Sự sai sót vê sô lượng kinh theo Bhikkhu Bodhi có thể là do cách tính [oán, liên quan đến cách mở rộng hoặc sự tách biệt giữa các bản kinh. Cụ thể nhu, trên những bản kinh chép bằng lá cọ Ola (Palm Leaf Manuscripts), không có các dâu hiệu phân biệt giữa bản kinh này với bản kinh khác.7 Ngay như sô lượng các nhóm Tương ưng giữa các truyền bản Pãli cũng có sự khác biệt. Tương ưng bộ theo ấn bản ngôn ngữ Miến Điện (Burmese) có 56 nhóm, thê nhưng ở ấn bản ngôn ngữ Tích Lan (Sinhaỉa) chỉ có 54 nhóm. Sở dĩ có sự sai khác đó là vì trong ân bản n^ôn ngữ Tích Lan, nhóm Tương ưng Minh kiên (Abhisamayasamyuttă) là phân phụ của nhóm Tương ưng Nhân duyên (Nỉdãnasamyutta) và nhóm Tương ưng Thọ (Vedanãsamyutta) là phân phụ của nhóm Tương ưng Sáu xứ {SaỊãyatanasamyuttă)8 Thứ ba, vê vai trò và vị trí. Tương ưng bộ có một vị trí quan trọng và đặc thù trong năm bộ Nikãya. Vì lẽ, dựa trên tiêu chí tương ưng nên tập hợp được nhiêu bản kinh có cùng nội dung, tính chât và cùng môi liên he vào một nhóm. Nhờ vậy? nội dung chứa đựng trong từng nhóm Tương ưng rât phong phú và sinh động so với những bản kinh khác. Cụ thể như, khi đề cập đến hành hoạt của Vua Pasenadi nước Kosala, Tương ưng Kosala (Kosaỉasamyutía) đã đề cập những nét chính, cô đọng, liên quan đên cuộc đời của vị vua này với nhiêu bài kinh ngăn. Tương tự như vậy khi đê cập đên các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni hay chư thiên, ma quỷ... Nhờ tính tập hựỊ)đó nên bộ kinh đã cung cấp rất nhiều tư liệu rõ ràng, chi tiết, khó có thể tìm thấy trong bôn bộ Nỉkãya còn lại. Ngoài ra, Tương ưng bộ còn chuyên chở những tư liệu liên quan đến những tín niệm? quan điểm triết học cổ xưa của Ấn Độ5 xuất hiện trong các chương như Tương ưng Chư thiên (Devatãsamyutta), Tương ưng Sakka (Sakkasamyuttă), Tương ưng Thân mây

(Valãhakasamyuttd), Tương ưng Kiên (Ditthisamyutta). Tương ưng

4 The Connected Discourses of the Buddha, A Translation of the Samyutta Nikãya, tr. by Bhikkhu Bodhi (Massachusetts: Wisdom Publications, 2000), p. 23f. 5 https://www.tipitaka.org/. Phiên bản điện tử Pali Tipitaka do Vipassana Research Institute (Ấn Độ) thực hiện được chúng tôi khảo cứu và trên cơ sở đó đanh số trong bản tiếng Việt. 6 The Connected Discourses of the Buddha, A Translation of the Samyutta Nỉkãya, tr. by Bhikkhu Bodhi (Massachusetts: Wisdom Publications, 2000), p. 26. Cf. For the Saratthappakasini, the Samyutta Nỉkãya Commentary, itself provides US with a check on the contents of the collection at our disposal, and from this it is evident that there are no suttas commented on by Buddhaghosa that are missing from the Samyutta Nikãya we currently possess. 7 The Connected Discourses of the Buddha, A Translation of the Samyutta Nỉkãya^ tr. by Bhikkhu Bodhi (Massachusetts: Wisdom Publications, 2000), p. 23. 8 Ibid.lp. 54.

XXXV

Nữ nhân (Mãtugãmasamyuttă), Tương ưng Thôn trưởng (Gãmaụisamyutta). Điêu đặc biệt đáng lưu tâm trong Tương ưng Nữ nhân (Mãtugãmasamyutta). có đề cập đến những bổn phân cơ bản của người phụ nữ (Strĩdharma) trong xã hội Ấn Độ cổ đại; và trong số những bổn phận đó, có những bổn phận vốn không thuộc về quan điểm của Phật giáo. Cụ thể như bản kinh khá ngắn với tiêu đề là Một (Ekasutta - 5. IV. 246), đề cập đến mối quan hệ giữa nam và nữ, chi tiết gần tương tự với Luật Manu (The Manusmritỉ - V. 148).9 Thứ tư, về truyền bản. Tương ưng bộ trong nguyên tác Pãli có hai truyền bản quan trọng, thứ nhât là bản ngôn ngữ Miên Điện (Burmese) và thứ hai là bản ngôn ngữ Tích Lan (Sỉnhald), Theo đối khảo của học giả người Đức Oskar von Hinũber, hai truyên bản này tương đôi độc lập, vì dường như đã có một sô bài kinh được tiếp nhận từ hai nguồn khác nhau.10 Từ hai truyền bản Pãli này, PTS mà cụ thể là Léon Feer (1830-1902) đã biên tập và chuyển thể sang ngôn ngữ La-tinh. Tính đến nay5 Tương ưng bộ đã được nhiều tác giả dịch trực tiếp từ Pãli sang Anh ngữ. Bản dịch Tương ưng bộ bằng Anh ngữ đầu tiên với tên gọi: The Book of the Kindred Sayings do Rhys Davids dịch tập I (1917), tập II (1922), và F. L Woodward dịch tập III (1925), tập IV (1927), tập V (1930). Ngoài ra, Tương ưng bộ cũng được nhiêu tác giả như Bhikkhu Nãnamoli phiên dịch một số bài kinh chủ yếu, hoặc Bhikkhu Sujato đã dịch nguyên cả bộ kinh. Trong số những dịch phẩm về Anh ngữ của Tương ưng bộ. có thể nói rằng5 bản dịch Tương ưng bộ từ Pãli sang Anh ngữ với tên gọi The Connected Discourses of the Buddha: A Translation of the Samyutta Nỉkãya của Bhikkhu Bodhi do Wisdom Publications ấn hành vào năm 2000, là một trong những bản dịch được giới học giả ghi nhận và đánh giá cao. Ngoài ra, trên trang nhà ưng bộ đã được dịch sang nhiều thứ tiếng khác nhau trên thế giới như Pháp? Bức, Ý5 Na Uy, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hungary, Ba Lan, Nga, Nhật, Hoa, Thái Lan, Indonesia... và gồm cả tiếng Việt. Bản dịch tiếng Việt Tương ưng bộ do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch, dựa trên nguyên tác Pãli và ấn bản tiếng Anh của PTS. được ấn hành lần đầu tiên vào năm 1982. Sau đó, bộ kinh này đã được Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tái bản vào

những năm 1993 và 2013.

9 Sacred Books of the East, vol. 25, tr. by George Buhler (Oxford: Oxford University Press, 1886), p. 195. Cf In childhood a female must be subject to her father, in youth to her husband, when her lordjs dead to her sons; a woman must never be independent. Xem thán Tương ưng bộ (S. V. 246): “Do đầy đủ một sức mạnh, này các Tỷ-kheo, người đàn ông tiếp tục chinh phục ngươi đàn bà. Thế nào là mọt sức mạnh? Sức mạnh của người làm chủ (ỉssarỉyabaỉenă). Người đàn bà đã bị chinh phục bởi sức mạnh của người làm chủ, này các Tỷ-kheo, thời sức mạnh nhan săc không che chở được, sức mạnh tài sản khồng che chở được, sức mạnh bà con không che chở được, sức mạnh con trai không che chở được, sức mạnh giới hạnh không che chở dueyc" (HT. Thích Minh Châu dịch). 10 Oskar von Hinũber, Handbook of Pali Literature (Berlin: Walter de Gruyter, 1996), p. 36. Cf. According to s. V, p. vi, the Sinhalese and the Burmese manuscripts of Samyiitta Nikãya ahnost look like copies of two different texts.

XXXVI

2. Tóm tắt về nội dung 2.1. Thiên Có kệ (Sagãíhãvaggà) Thiên này có 11 Tương ưng, Trong đó5 Tương ưng Chư thiên (Devatãsamyutta) và Tương ưng Thiên tử (Devaputtasarnyutta) là hai Tương ưng đê cập vê từng vị thiên tử hoặc nhiều vị thiên tử đã đên thỉnh đức Phật giảng pháp, hoặc nhờ đức Phật xác chứng về kiến thức Phật pháp của họ. Có những bài kinh ngắn trong hai Tương img này (S. I. 36, 39) đề cập đến những chân lý phổ quát của xã hội, không thuần túy Phật pháp. Thứ ba, Tương ưng Kosala (Kosalasamyuttd) đề cập đến những tâm tu, suy nghĩ, hành hoạt của vị Hoàng đế có những liên hệ mật thiết đến đức Phật và Tăng đoàn. Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) là một vị vua có những nỗ lực rất lớn trong việc ứng dụng pháp Phật vào các mối quan hệ gia đình cũng như đường hướng trị nước9 an dân. Thứ tư, Tương ưng Ac ma (Mãrasamyutta) và thứ năm Tương ưng Tỷ-khno-ni (Bhikkhunĩsamyutta) cùng đề cập đến một đối tượng biểu tnmg cho năng lượng tiêu cực, đó là Ác ma. Theo Tương ưng Ac ma. ngay từ khi vừa mới giác ngộ. Ác ma đã theo đức Phật. Thậm chí có những giai đoạn Ac ma theo Ngài ròng rã đến bảy năm (S I. 124) và đã dùng nhiều phương cách phá hoại nhưng không làm đức Phật lay động. Đối với các vị Tỷ-kheo-ni trong Tương ưng Tỷ-kheo-ni. Ác ma đã dùng nhiều cách thức, từ khuyến dụ, rủ rê5 đến dọa nạt nhưng vẫn không làm cho các Tỷ-kheo-ni sợ hãi hay kinh hoàng. Thứ sáu, Tương img Phạm thiên (BrahmasamyuttaỴ Phạm thiên Sahampati xuất hiện đầu tiên sau khi đức Phật vừa mới thành đạo và cũng có mặt trong đêm đức Phật nhập Niết-bàn. Có lần, Phạm thiên đã thuyết pháp cho mẹ của một vị Tỷ-kheo, khuyên bà đừng cúng dường Phạm thiên Sahampati ở trên cao kia, tức là Ngài, mà hãy phụng kính vị Phạm thiên trước mặt, chính là Tỷ-kheo Brahmadeva đã chứng quả A-la-hán, vốn là con trai của bà (S I. 141). Thứ bảy, Tương ưng Bà-la-môn (Brãhmanasamyutta) đề cập đến những trở ngại, khó khăn trên bước đường hóa đạo của đức Phật khi gặp phải sự chống đối của giai cấp Bà-la-môn. Cũng trong Tương ưng này, đức Phật đã tái định nghĩa thế nào là sự thanh tẩy (5.1. 182), thế nào gọi là khất sĩ (S. I. 182), thế nào gọi là cày ruộng (S. I. 172), thế nào gọi là người hiền lành (S I. 154)... Trong số những Bà-la-môn chống đối đó? có

nhiều người sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, đã tỏ ngộ? phát nguyện xuất gia và chứng đắc Thánh quả. Thứ tám, Tương ưng Trưởng lão Vangĩsa (Vangisasamyuttd) đề cập đến khả năng thi phú của vị Tỷ-kheo cùng tên rất mực tài hoa. Tuy tài hoa là vậy nhưng Tỷ-kheo Vangĩsa vẫn bị vô số khổ đau do chưa hàng phục được vọng tâm. Từ khi gặp đức Phật và nỗ lực tu tập, Vaôgĩsa đã chuyển hóa tâm mình, chứng đắc Thánh quả và dùng khả năng riêng có để ca ngợi đức Phật và các vị Thánh Tăng bằng những vần kệ đi vào lòng người.

XXXV11

Thứ chín, Tương ưng Rừng (Vanasamyuttd) và thứ mười là Tương ưng Dạ-xoa (Yakkhasamyuttă) đề cập đến hai loại chúng sanh bậc cao là chư thiên (devatã) sống trong rừng và các loài dạ-xoa (yakkhă) trong sự liên hệ với chúng Tỷ-kheo nói chung. Cụ thể nhu, có vị Tỷ-kheo thích ngửi hương sen nên thường đên bên bờ hô đê ngửi hoa sen. Khi ây, có vị thiên trú ở rừng, ở cây đã khuyên Tỷ-kheo này bằng cách chỉ ra rằng, ngửi hương cũng là hình thức của trộm cắp (S. I. 204). Tương tự như vậy5 dạ-xoa Sĩvaka đã trấn an cư sĩ cấp Cô Độc khi vị này lần đầu tiên đến Trúc Lâm để diện kiến đức Phật và chúng Tăng (S I. 210). Bên cạnh đó? còn có những dạ-xoa bạo ác, không những hù dọa các vị Thánh đệ tử mà còn nhiều lần sách nhiễu đức Thế Tôn (S. I. 218). Tương ưng thứ mười một lả Tương ưng Sakka (Sakkasamyutta). Tương ưng này đề cập đến cuộc chiến dai dẳng giữa chư thiên và a-tu-la. Trong cuộc chiến này5 có khi chư thiên thắng và ngược lại, tuy nhiên điều đáng ghi nhận là phẩm hạnh của chư thiên luôn được đề cao. Ngay như Thiên chủ Sakka, trong khi lui binh trốn chạy kẻ thù nhimg vẫn sợ xe của mình cán phải tổ chim non nên bảo người đánh xe né tránh (S, I. 224). Thậm chí đối với kẻ thù, Thiên chủ Sakka cũng không hề có sự gian trá (S I. 225).
2.2. Thiên Nhân duyên (Nidãnavagga) Thiên này có 10 Tương ưng với khởi đầu là Tương ưng Nhân duyên (Nỉdãnasamyutta). Tương ưng Nhân duyên trình bày các phương diện, các khía cạnh đặc thù của 12 nhân duyên. Bên cạnh việc trình bày về lý thuyết Duyên khởi (S. II. 25), Tương ưng này cũng đề cập đến những nội dung quan trọng như bốn loại thức ăn (5. II. 11-12), mười lực (S. II. 27), bốn vô sở úy (S. II. 28), cùng các khái niệm quan trọng về tâm, ý? thức (5. II. 94-95). Liên quan đến quan điểm của Phật giáo về vấn đề ăn uống? Tương ưng này cũng đưa ra ví dụ về việc ăn thịt đứa con rất sống động (5. II. 97). Thứ hai, Tương ưng Minh kiến (Ằbhỉsamayasamyuttd) chỉ cho sự thấy biết rõ ràng và đầy đủ về giáo pháp (dhammãbhỉsamayă). có ý nghĩa to lớn như là chứng đắc Pháp nhãn (5. II. 133), và một khi thành tựu minh kiến sẽ đoạn tận khổ đau. Những ẩn dụ như đất trên móng tay và quả đất (5. II. 133), hòn sỏi và ngọn núi (S II. 139)... là những so sánh sinh động nhằm làm sáng tỏ ý nghĩa sâu rộng của minh kiến. Thứ ba, Tương ưng Giới (Dhãtusamyutta) đề cập đến cảnh giới5 phạm vi, yếu tố9 tính chất, chủng loại của nhiều sự vật, hiện tượng và kể cả con người cùng những thuộc tính của chúng. Đơn cử: "Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chủng sanh cùng hòa hợp. cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ỷ chí cùng hòa hợp. cùng đi với chủng sanh liệt ỷ chí, Chúng sanh thiện ỷ chí cùng hòa hợp. cùng đi với chủng sanh thiện ỷ chr (S II. 154). Thứ tư, Tương ưng Vô thỉ (Anamataggasamyuttd) đê cập đên sự luân hôi không có đầu mối của chúng sanh (S. II. 178). Trong mênh mang luân hồi đó5

XXXV111

khó có thể tìm thấy một ai chưa từng là người thân thuộc của mỗi chúng sanh (S. II. 189-90). Ngay như ngọn núi Vepulla (Tỳ-phú-la) ở Rajagaha (Vương Xá) này, ngoài tên gọi như đã biết thì còn có sáu tên gọi khác ở trong quá khứ xa xưa(£ll. 190)7 Thứ năm? Tương ưng Kassapa (Kassapasamyuttà) và thứ bảy là Tương ưng Rãhula (Rãhuỉasamyuíta) đề cập về công hạnh riêng biệt của hai vị Thánh Tăng này. Với Kassapa, vị Thánh Tăng luôn biết đủ và kham khổ trong tứ sự cần dùng (S II. 194). Đặc biệt, đức Phật đã từng ban y phấn tảo cho Tôn giả Kassapa và Ton giả đã vô cùng quý trọng đặc ân này (S. II. 217). Với Tôn giả Rãhula, việc cần cầu học hỏi chính là mong mỏi thường trực của Tôn giả. Nhờ nhận thức và thực tập: "Cdi này không phải của tôi. cái này không phải là tôi. cái này không phải tự ngã của tôĩ\ nên Tôn giả Rãhula đã thành tựu quả vị giải thoát (5. II. 253). • . Thứ sáu, Tương ưng Lợi đắc, cung kỉnh (Lãbhasakkãrasarnyuttd) trình bày những đớn dau, khổ lụy do bị chi phối bởi lợi dắc, cung kính, danh vọng (S II. 225). Ẩn dụ trùng ăn phân là một an dụ có khả năng chấn động tâm thức (S. II. 228). Theo lời đức Phật5 có kẻ không hề nói láo dù bị mua chuộc từ một đồng Nikkha cho đến một trăm đồng Nikkha, nhưng sẽ nói láo khi bị lợi đắc5 cung kính, danh vọng chi phối. Hình ảnh cây chuối, cây tre, cây lau, con lừa sau khi sanh sản đều bị diệt vong là những ví dụ sinh động chỉ cho những chúng sanh bị cột trói bởi lợi đăc5 cung kính và danh vọng (S II. 241). Những ví dụ này cũng có mặt trong Luật tạng Pãli9 chương bảy, Cullavagga. Thứ tám, Tương ưng Lakkhana (Lakkhanasamyutta) thuật lại những bài pháp thoại của Tôn giả Mahãmoggallãna (Đại Mục-kiên-liên) với Tôn giả Lakkhana. Nội dung chính của những bài kinh này liên quan đến cảnh giới khô đau của loài ngạ quỷ và Tôn giả Mahãmog^allãna đã chỉ ra do nguyên nhân gì phải thọ nhận khổ đau như vậy. Theo thồng kê, có tất cả 21 loài khổ quỷ do Tôn giả Mahãmoggallãna trông thây và đã kê lại với Tôn giả Lakkhana. Thứ chín, Tương ưng Thí dụ (Opammasamyutta) đề cập đến những ví dụ sinh động như ngôi nhà có nóc nhọn với hạnh không phóng dật (S II. 262). Tương ưng này cũng ghi nhận về câu chuyện cái chốt trống Ảnaka và sự pha trộn những yếu tố ngoại lai vào giáo pháp Phật (S II. 266). Thậm chí hình ảnh con dã can còn được dùng làm ví dụ để chỉ cho vị Tỷ-kheo mê ngủ (S II. 271). Đức Phật dạy rằng: "Đây là sự chết, này các Tỷ-kheo. trong giới luật của bậc Thánh, tức là sự từ bỏ học giới và hoàn tụố' (5. II. 270). Thứ mười, Tương ưng Tỷ-kheo (Bhikkhusamyuttă) là Tương ưng cuối cùng trong Thiên Nhân duyên (Nidãnavagga). Ở Tương ưng này5 một vài hành trạng của các vị đệ tử như Kolita (Mahãmoggallãna), upatissa (Sãriputta), Nanda... đã được đề cập với nhiều chi tiết đặc thù. Đơn cử như: "Đối với Tôn giả Sãrỉputta. dầu cho bậc Đạo sư có biến hoại, trạng huống có đổi khác, cũng không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não" (S. II. 274).

XXXIX

2.3. Thiên vẩn (Khandhavagga) Thiên này có 13 Tương ưng, khởi đâu là Tương ưng Uân (Khandhasamyutta), là một trong những Tương ưng dài nhất của Tương ưng bộ. Tương ưng Uân chủ yếu đề cập đến năm uẩn và những liên hệ xung quanh năm uẩn này. Theo đức Phật, thân ngũ uẩn là gánh nặng (5. III. 25), là bất toàn, là khổ não: "Ai mang

cái thân này. lại tự cho là không bệnh, dầu chỉ trong một giây phút, người ấy phải là người ngu" (S III. 1). “Nãn thủ uân này lây dục làm căn bảrỉ' (S III. 100). Vì vậy, không có gì tốt đẹp khi cố níu kéo? chấp giữ thân năm uẩn này: "Ai chấp trước, này Tỷ-kheo, người ấy bị ma trói buộc, ai khàng chấp trước, người ẩy được giải thoát khỏiẢc^ (S. ỈII.73). Thứ hai, Tương ưng Rãdha (Rãdhasamyuttă). Trong Tương ưng này, đức Phật đã dùng nhiều phương cách, nhiêu ví dụ đê dạy cho Tôn giả Rãdha đi từ chánh quán cho đến Niết-bàn (S III. 188). Tương ưng này nêu dẫn định nghĩa về chúng sanh (S III. 189) cũng như về sợi dây tái sanh (bhavanetti) (S. III. 190). Các pháp như vô thường, khổ, vô ngã... cũng được đức Phật tuần tự giảng cho Tôn giả Rãdha. Thứ ba, Tươn& ưng Kiến (Ditthisamyutta) đề cập đến các loại kiến chấp của ngoại đạo. Điều đặc biệt nhất trong Tương ưng này là đã nêu dẫn quan điêm triêt học vê bảy thân (sattime kãyã) của Pakudha Kaccãyana (Bà-phù-đà Ca-chiên-diên)? vị giáo chủ của một trong sáu trường phái triết học ở thời đức Phật (5. III. 211)/ Thứ tư. Tương ưng Nhập (Okkantasamyuttă). Nhập ở đây mang nghĩa là đi vào, được sanh vào. Ở gây, những ai có lòng tin, có tín giải, biết chác rằng sáu căn đều vô thường, biến hoại thì "Vị ấy được gọi ỉà tùy tín hành, đã nhập chánh tánh, đã nhập chân nhân địa. đã vượt phàm phu địa. Vị ấy không có thể làm những hành động gì, do làm hành động ây phải sanh vào địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ; một vị không có thê mệnh chung mà không chửng quả Dự lưu" (S III. 225). Các kinh trong Tương ưng này chỉ là sự mở rộng vê sáu trân, sáu thức, sáu xúc, sáu thọ... Thứ năm, Tương ưng Sanh (Uppãdasamyuttă). Sanh (uppãdă) nghĩa là sự sanh, sự trú. sự thành, sự xuất hiện... được trình bày theo nguyên tắc duyên sanh. Cụ thê như: “Này các Tỷ-kheo, sự sanh, sự trú. sự thành, sựxuât hiện của mắt là sự sanh của khổ, sự trú của bệnh hoạn, sự xuất hiện của già chết” (S III. 228). Sự sanh khởi của các căn còn lại cũng tương tự như vậy. Thứ sáu, Tương ưng Phiền não (Kiỉesasamyuttẩị. Tương ưng này định danh tùy phiền não và các phương diện khác của tùy phiên não (S. III. 232). Thứ bảy5 Tương ưng Sãriputta (Sãriputtasamyutta) mô tả quá trình tuần tự nhập và xuất chín định thứ đệ5 từ Sơ thiên cho đến Diệt thọ tưởng định của Tôn giả Sãriputta (S. III. 235-238). Cũng trong Tương ưng này, nữ du sĩ Sũcimukhĩ đã cật vân Tôn giả Sãriputta về mười cách ăn và được Tôn giả giải thích đầy đủ (S. ÌÌL 238).

xl

Bốn Tương ưng như Tương ưng Loài rồng (Nãgasamyutta), Tương ưng Kim Sỉ điểu (Supannasamyutta), Tương ưng Càn-thát-bà (Gandhabbakãyasamyuttă) và Tương ưng Thần mây (Valăhakasarnyuttă) trình bày về những cách sinh ra, sự khác biệt giữa các chúng sanh đặc thù này, cũng như do nhân duyên gì để sạnh về các loài ấy. Trong những Tương ưng này, bên cạnh lời dạy của đức Phật còn chuyên chở những thông tin thuộc tín niệm văn hóa5 triêt học của xã hội An Độ cổ đại. Thứ mười hai, Tương ưng Vacchagotta (Vacchagottasamyuttd) nêu dẫn các kiến chấp về thế giới và con người của du sĩ ngoại đạo Vàcchagotta với những câu hỏi như: "Thế giới là thường cỏn" hay "Thế giới là không thường cỏn"; “Thế giới hữu bỉêri" hay "Thế giới vô biên"; "Sinh mạng và thân thế là mộf' hay "Sinh mạng và thân thế là khdc”; “Nhu Lai có tồn tại sau khi chếr hay "Như Lai không tôn tại sau khi chêf \ "Nhu Lai cỏ tôn tại và không có tôn tại sau khỉ chef hay "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khỉ chếc (S. III. 257). Thật

ra, Tương ưng Vacchagotta có nhiều điểm tương đồng với Tương ưng Không thuyết (Åbyăkatasamẏuttă) ở Thiên Sáu xứ {SaỊãyatanavaggà). Tương ưng cuối cùng của Thiên uẩn là Tương ưng Thiền ựhãnasamyuíta) . Trong Tương ưng này đã khéo phân biệt giữa thiền định và thiền chứng (samãdhỉmũlakasamãpattĩ) thông qua bốn hạng người tu tập (S. III. 265). Đồng thòi, Tương ưng Thiền cũng chỉ rõ thế nào là thiện xảo về chỉ trú trong thiền định (samãdhỉmũlakathỉtí). thiện xảo về xuất khởi trong thiền định (samãdhimũlakavutthãnă). thiện xảo vê sự thuân thục trong thiên định (samãdhimũlakakallỉtd), 2.4. Thiên Sáu xứ (SaỊãyatanavagga) Thiên này có io Tương ưng với Tương ưng đầu tiên là Tương ưng Sáu xứ (SaỊãyatanasamyuttd). Đây là Tương ưng dài thứ hai trong Tương ưng bộ. Nội dung của Tương ưng này đề cập đến tính chất vô thường, khổ, vô ngã trong mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Đức Phật nói rằng: "Ai ưa thích mắt. này các Tỷ-kheo, người ấy ưa thích khổ. Ai ưa thích khổ. Ta nói người ấy không thoát khỏi khổ" (S. IV. 13). “Do duyên mắt và các sắc khởi lên nhãn thứđ' (S. IV. 67). Chính vì vậy5 cần phải hộ trì các căn5 tiết độ trong ăn uống và chú tâm cảnh giác? ngay trong hiện tại sống được an lạc, hoan hỷ và tạo nguyên nhân bắt đầu đoạn tận các lậu hoặc (S. IV. 175). Hình ảnh khúc gỗ trôi sông, nếu như không tấp vào bờ này hay bờ kia, không bị mục nát5 không bị phi nhân nhặt lấy... tất sẽ trôi ra biển lớn. Cũng vậỵ5 vị Tỷ-kheo không bị dính mắc bởi sáu nội xứ và sáu ngoại xứ, tâm không chap thủ... sẽ xuôi về Niết-bàn (S. IV. 179). Thứ hai, Tương ưng Thọ (Vedanãsamyuttă) đề cập đến ba thọ? gồm lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ. "Ba thọ này. do xúc sanh, lấy xúc làm căn bản. lấy xủc làm nhân duyên, lấy xúc làm trợ duyên" (S. IV. 215). Đức Phật khẳng định rằng: "Phàm cái gì được cảm thọ. cái ấy nằm trong đau khổ" (5. IV. 216).

xli

Thứ ba? Tương ưng Nữ nhân {Mãtugãmasamyutta) đề cập đến những đức tánh khả ý và không khả ý của người phụ nữ (S IV 238), những điểm đặc thù chỉ riêng có ở phụ nữ (5. IV. 239) và cả những tật xấu của phụ nữ như phẫn nộ5 sân hận, tật đố? xan tham, biếng nhác... Ngoài ra, Tương ưng này cũng đề cập đến những tăng trưởng tốt đẹp dành cho phụ nữ (S IV. 250). Tương ưng Nữ nhân đã chuyên chở một vài chi tiết không phải lời Phật dạy mà là những quan niệm, những định kiên của xã hội An Độ cô đại đôi với phụ nữ. Thứ tu, Tương ưng Jambukhadaka (Jambukhadakasamyutta) và thứ năm5 Tương ưng Sãmandaka (Sãmaụdakasamẏutta) ghi lại những lời dạy của Tôn giả Sãriputta với du sĩ ngoại đạo Jambukhadaka và Sãmandaka về những vấn đề như Niết-bàn và con đường dẫn đến Niết-bàn (S. IV. 251); thế nào là vị A-la-hán và con đường dẫn đến quả vị A-la-hán (S IV. 251); phương cách điều hòa hơi thở và đạt đến điều hòa hơi thở tối thượng (S. IV. 254); thế nào là thọ (S. IV. 255); thế nào là lậu hoặc, vô minh, khát ái, bộc lưu, chấp thủ (5. IV. 256-58)... đã được Tôn giả Sãriputta giảng giải thỏa đáng. Thứ sáu, Tương ưng Moggallăna (Moggalỉãnasamyutta) đề cập đến tứ thiền và tứ vô sắc định do Tôn giả Mahãmoggallãna giảng thuyết cho chúng Tỷ-kheo (S IV. 262-68). Ngoài ra5 Tương ưng này cũng ghi nhận sự kiện Tôn giả Mahãmoggallãna lên cõi trời Tãvatimsa (Tam Thập Tam thiên) thuyết pháp cho chư thiên (5. IV. 269-80). "— Thứ bảy, Tương ưng Cỉtta (Cỉttasamyuttd). Citta (Tâm) là tên riêng của một vị cư sĩ tại gia của đức Phật, có nhiều điều đặc dị, phi phàm. Vị cư sĩ này có những nét tương đồng

với cư sĩ Duy-ma-cật trong kinh văn Hán tạng. Trước hết, sau khi đảnh lễ chư Tăng, cư sĩ Citta đã thuyết pháp cho chúng Tỷ-kheo (S IV. 281). Có trường hợp, cư sĩ Citta đã giải thích bài kệ cho Trưởng lão Kãmabhu (S IV. 291). Trong trường hợp khác? cư sĩ Citta đã luận biện với các vị Nigantha (§. IV. 297). Ở dây, sở dĩ có khả năng như thế vì cư sĩ Citta đã chứng đắc Tứ thiền (5. IV. 300). Ngay cả trong lúc lâm chung, vị cư sĩ này còn an ủi ngược lại những người thăm bệnh mà trong số đó có cả chư thiên ở rừng, ở cây và khiến cho tất cả thính chúng được giải thoát (S IV. 302). Tương ưng này cũng ghi nhận về năng lực thuyết giảng và sức mạnh thần thông của hai vị Tỷ-kheo trẻ mới tu. Vị thứ nhất tên là Isidatta có khả năng thuyết pháp cho các vị Tỷ-kheo trưởng lão (5. IV. 285) và yị thứ hai là Tỷ-kheo Mahaka đã thực hành than thông, khiển mưa rơi xuống để cúng dường sự mát mẻ đến các bậc Trưởng lão (S IV. 288). Thứ tám, Tương ưng Thôn trưởnệ (Gãman isamyuttă). Trong Tương ưng này, đức Phật hóa giải những định kiên sai lâm cho các vị thôn trưởng vê các quan niệm như tàn bạo và hiên lành (S IV. 305). Người làm kẻ khác loạn tâm, đam mê chơi bời sẽ bị đọa vào địa ngục Hý Tiếu (Pahãsa) (S IV. 306). Đặc biệt, Tương ưng này nêu rõ sự khác biệt giữa cầu siêu theo quan điểm của Bà-la-môn và cầu siêu theo quan điểm của Phật giáo (S. IV. 311).

xlii

Thứ chín, Tương ưng Vô vi (Asarìkhaíasamyuíta) định nghĩa thế nào là vô vi và con đường dẫn đến vô vi (5. IV. 360). Tương ưng này cũng liệt kê những tên khác nhau chỉ cho vô lậu (S. IV. 370). Tương ưng thứ mười của Thiên Sáu xứ là Tương ưng Không thuyết (A byãkatasamyuttă). Tương ưng này đề cập đến những câu hỏi mà không được Như Lai trả lời vì chúng không thiết thực với đương cơ của người hỏi (S IV. 388). Điểm đặc thù trong Tương ưng này ghi nhận về trường hợp Tỷ-kheo-ni Khema thuyết pháp cho Vua Pasenadi (S IV. 374). Vị trí của bài kinh này nên được xếp vào trong Tương ưng Kosala hoặc Tương ưng Tỷ-kheo-ni thì thích hợp hơn 2.5. Thiên Đại (Mahãvagga) Thiên Đại (Mahãvagệă) có 12 Tương ưng với Tương ưng Đạo (Maggasamyuttă) là Tương ưng đầu tiên, ơ Tương ưng này, đức Phật giải thích một nửa Phạm hạnh và toàn bộ Phạm hạnh cho Tôn giả Ãnanda (S V 1). Những bài kùih kế tiếp, đức Phật trình bày, giải thích những phương diện khác nhau của Thánh đạo tám ngành, từ chánh kiến cho đến chánh định. "Cái gì là giá chổng đỡ cho tâm? Chính là Thảnh đạo tám ngành" (S V 20). Thứ hai, Tương ưng Giác chi (Bojjhangasamyutta). "Cho đến như thế nào. bạch Thê Tôn. được gọi là giác chi? ” "Vì chúng đưa đên giác ngộ. này các Tỷ-kheof do vậy nên chủng được gọi là giác chr (S. V. 72). Nêu hành giả tu tập thuần thục theo bảy giác chi thì có thể đoạn trừ bệnh tật (S V. 79-81). Vì sao vậy, vì bảy giác chi có khả năng đoạn trừ những câu uê trong tâm cũng như muốn có vàng tinh luyện thì phải trừ sạch những cấu uế của vàng (S V. 92). Như vậy: "Này các Tỷ-kheo, với mục đích thắng tri, liễu tri. đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử. bảy giác chỉ cần phải tu tập" (S V. 139). Thứ ba, Tương ưng Niệm xứ (Satipatthanasamyutta). Tương ưng này đề cập đến pháp tu bốn niệm xứ gồm thân, thọ, tâm, pháp. Pháp môn bôn niệm xứ được đức Phật khăng định răng: "C6 con đường độc nhất này. này các Tỷ-kheo. khiên cho các loài hữu tình được thanh tịnh, vượt qua được sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chảnh lỷ, chứng ngộ Niết-bàrf' (S. V 141). Bốn niệm xứ cũng là nội dung tu tập được đức Phật

huấn thị trong kỳ an cư cuối cùng tại làng Beluva thuộc thành Ẹesãli (S V. 152). Theo đức Phật? bốn niệm xứ được tu tập là điều kiện cơ bản để Chánh pháp được tồn tại lâu dài (S. V. 172). Thứ tư, Tương ưng Căn (Indriẹasamyuttă). "Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thê nào là nămì Tín căn. tân căn. niệm căn. định căn. tuệ căn. Này các Tỷ-kheo những pháp này là năm cărỉ" (S. V. 193). Hành giả khi tu tập5 cần quán tín căn trong bốn chánh tín, tấn căn trong bốn chánh cần, niệm căn trong bốn niệm xứ, định căn trong bốn thiền5 tuệ căn trong bốn Thánh đế (S V. 196). Giữa căn và lực có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. "Cái gì là tỉn căn. này các Tỷ-kheo, cải ấy là tỉn lực. Cái gì là tín lực, cái ấy là tín căn... Cái gì là tuệ căn. cái ấy là tuệ lực. Cải gì là tuệ lực. cải ấy là tuệ can"' (S V. 219).

xliii

Thứ năm, Tương ưng Chánh cần (Sammappadhãnasamyuttă)? gồm có bốn: “O đây. này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đôi với các ác, bât thiện pháp chưa sanh, khởi lên ỷ muôn không cho sanh khởi, tỉnh cân. tỉnh tân. quyêt tâm. cô găng. Đối với các ác. bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ỷ muốn đoạn tận, tinh cần. tinh tấn. quyết tâm, cố gắn^. Đối với các thiên pháp chưa sanh, khởi lên ỷ muốn làm cho sanh khởi, tỉnh cần^ tinh tấn, quyết tâm, cổ gắng, Đổi với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ỷ muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăngệ trưởng, làm cho quảng đại. tu tập, làm cho viên mãn. tỉnh cân. tinh tân. quyêt tâm, cô găng. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bôn chánh cân Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bốn chánh cần. làm cho sung mãn bốn chánh cârỉ' (S V. 224). Như vậy: "Đê thăng tri, liêu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử. bốn chánh cần này cần phải tu tQp" (S V. 247). Thứ sáu, Tương ưng Lực (Balasamyutta). “C6 năm lực này, này các Tỷ- kheo. Thế nào là nămt Tín lực, tấn lực. niệm lực. định lực, tuệ lực. Những pháp này, này các Ty-kneo, la năm lực (S V. 249). Nhờ tu tập nam lực này đen mức thuần thục sẽ hướng hành giả xuôi về Niết-bàn. Thứ bảy? Tương ưng Như ỷ túc (Jddhipadasamyutta). "Ở đây. này các Tỷ- kheo, Tỷ-kheo tu tập như ỷ túc câu hữu với dục định tỉnh cần hành; tu tập như ý túc câu hữu với tinh tấn định tỉnh cần hành\ tu tập như ỷ túc câu hữu với tảm định tinh cần hành\ tu tập như ỷ túc câu hữu với tư duy định tỉnh cần hành. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn như ỷ túc. được tu tập. được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này đên bờ bên kid" (S V. 254). "Và do tu tập, do làm cho sung mãn bổn như ỷ túc này, Như Lai được gọi là bậcA-la-hán Chánh Đẳng GiảS V. 257). Thứ tám, Tương ưng Anuruddha (Anuruddhasamẹutta). Tương ưng này đề cập đến tư duy, sự thực hành và giảng thuyết của Tôn giả Anuruddha đối với bốn niệm xứ. Thậm chí gặp lúc bệnh tật, nhờ quán bốn niệm xứ nên khổ thọ về thân có khởi lên cũng không ảnh hưởng đến tâm (S V. 302). Thứ chín, Tương ưng Thiên (Jhanasamyutta). Tương ưng này đê cập vê tứ thiên và những ví dụ liên quan nhăm làm sáng tỏ tứ thiên. Nhờ tu tập thuân thục và thành tựu tứ thiền nên năm thượng phần kiết sử được thắng tri, liễu tri? đoạn diệt9 đoạn tận (S V. 309). Thứ mười, Tương ưng Hơi thở vô, hơi thở ra (Ẅnãpãnasamyutta). Đây là pháp thiên tập với nhiêu diệu dụng vì "ngay trong hiện tại có thê chứng đăc Chảnh trí. nếu còn dư y thì chứng quả Bat laC (S V. 313). Duyên khởi pháp hành này bắt nguồn từ nhiều vị Tỷ-kheo sau khi tu pháp quán bất tịnh? đã nảy sinh sự chán ghét thân mình

cùng cực nên có 30 vị Tỷ-kheo đã tự sát trong một ngày (S V. 320). Từ thực tế đó9 đức Phật đã dạy pháp hành này với sự khẳng định chắc chắn: "Này các Tỷ-kheo, định niệm hơi thở vô. hơi thở ra này được tu tập. được làm cho sung mãn là tịch tịnh, thù diệu, thuần nhất, lạc trủ, làm cho các ác. bất thiện pháp đã sanh biến mất. tịnh chỉ lập tức" (S. V. 320). Không

xliv

những vậy, trong một trường hợp khác, đức Phật tái khẳng định: "Này các Tỷ- kheo, ai muôn nói một cách chơn chánh, đây là Thánh trú. đây là Phạm trú. đây là Như Lai trú. người ấy nói một cách chơn chánh, phải nói định niệm hơi thở vô. hơi thở ra là Thánh trú. là Phạm trủ^ là Như Lai trữ" (S. V. 325). Thứ mười một, Tương ưng Dự lưu (Sotãpattisamyutta). Khi một hành giả thành tựu niềm tịnh tín bất động đối với Phật, Pháp, Tăng và giới, hành giả đó thành tựu quả vị Dự lưu (S. V. 342). Dự lưu là Thánh vị đầu tiên trong bốn Thánh quả. Đạt được quả vị này, hành giả có thể tự tuyên bố về mình: "Ta đã đoạn tận địa ngục, ta đã đoạn tận loài bàng sanh, ta đã đoạn tận cõi ngạ quỷ, ta đã đoạn tận ác xứ, ác thủ, đọa xứ. Ta là bậc Dự Lưu. không còn bị thổi đọa. quyết chắc chứng quả giác ngộ" (S. V. 358). Cũng trong Tương ưng này, đức Phật đưa ra định nghĩa thế nào là người cư sĩ: "Ai quy y Phật, này Mahãnãma. quỵ y Pháp, quy y chúng Tăng. Cho đến như vậy. này Mahãnăma, là người cư V. 395). Thứ mười hai là Tương ưng Sự thật (Saccasarnyuttă). Tương ưng này lược thuyết, quảng thuyết các phương diện khác nhau của bốn chân lý cao thượng, bao gôm cả bài pháp quan trọng đâu tiên gọi là Kỉnh Chuyên pháp luân (Dhammacakkappavattanasuttd) (S. V. 420). 3. Kết luận Để giữ gìn sự toàn vẹn kho tàng Chánh pháp, các bậc Thánh đệ tử của đức Phật đã vận dụng nhiều phương cách khác nhau. Một trong những phương cách tối ưu nhằm bổ trợ cho sự ghi nhớ9 đó là việc sắp xếp các kinh theo các chủ dề, sự vật, hiện tượng, con người... chung một mối liên hệ với một trật tự nhất định. Nhờ vậy, người tu học sẽ dễ dàng lưu giữ nhiều vấn đề do tính liên hệ gợi mở của chúng, vì đây là một trong những quy luật cơ bản của tư duy. Việc tổ chức, sắp xếp những bài kinh có những thuộc tính giống nhau vào thành từng nhóm như trong Tương ưng bộ là việc làm có khoa học mà Phật giáo đã thực hiện từ rất sớm. Nhờ tính chất đặc thù đó nên đã có những nội dung liên hệ đến giáo pháp? đến đức Phật được ghi nhận đầy đủ và trình bày hết sức phong phú5 khó có thể tìm thấy trong bốn bộ Nikãya còn lại. Không những vậy, Tương ưng bộ này còn giữ gìn được những tư liệu cổ xưa liên quan đến phong tục tập quán và quan điêm triết học trong xã hội An Độ cô đại. Qua đó gián tiêp khăng định răng, có những tư liệu? những lời dạy của đức Phật mang tính cổ xưa hoặc gần với nguyên thủy đã có mặt trong Tương ưng bộ này. Bên cạnh đó, sự tương đồng về những bài kệ giữa Tương ưng bộ và Kỉnh Tập cũng như hai tác phẩm thuộc Luật tạng Pãli là Mahãvagga và Cullavagga. đã góp phần bổ sung tính chân thực và tương đồng về phương diện văn bản. Dịch phẩm Tương ưng bộ của cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu đã trải qua ba lân tái bản. Trong ân bản lân này, bộ kinh được bô sung một sô

_____ xlv

tiêu đề tương ứng với nguyên tác Pali, một số phụ chú5 trích dẫn tham chiếu Pãli9 Hán văn, Anh văn và một vài nhuận sắc cần thiết, do các thành viên của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam được phân công thực hiện. Chúng tôi tin tưởng rằng, đây là một dịch phẩm tiếng Việt Tương img bộ khá hoàn thiện tính đến thời điểm hiện nay.

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, ngày 19-9-2019
Cẩn chí
TT.TS. THÍCH MINH THÀNH
(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)

MỤC LỤC LỜI CHỨNG MINH..... vii LỜI GIỚI THIỆU..... ix LỜINÓIĐẦU..... XV TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU.....xxi BẢNG VIẾT TẮT..... xxvii DẪN LUẬN KINH TƯƠNG ƯNG BỘ..... xxxiii

I. THIÊN CÓ KỆ 1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN.....3 PHẨM CÂY LAU .....3 PHẨM VƯỜN HOAN HỶ.....9 PHẨM KIẾM..... 17 PHẨM QUẦN TIÊN.....22 PHẨM THIÊU CHÁY ..... 38 PHẨM GIÀ..... 46 PHẨM THẮNG.....49 PHẨM ĐOẠN..... 52 2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ.....59 PHẨM THỨ NHẤT .....59 PHẨM CẤP CÔ ĐỘC..... 67 PHẨM CÁC NGOẠI ĐẠO.....74 3. TƯƠNG ƯNG KOSALA..... 89 PHẨM THỨ NHẤT..... 89 PHẨM THỨ HAI..... 100 PHẨM THỨ BA..... 113 4. TƯƠNG ƯNG ÁC MA..... 123 PHẨM THỨ NHẤT ..... 123 PHÂM THỨ HAI ..... 131 PHẨM THỨ BA..... 140 5. TƯƠNG ƯNG TỶ-KHEO-NI..... 153 6. TƯƠNG ƯNG PHẠM THIÊN..... 163 PHẨM THỨ NHẤT..... 163 PHẨM THỨ HAI..... 181

7. TƯƠNG ƯNG BÀ-LA-MÔN..... 187 PHẨM A-LA-HÁN..... 187 PHẨM Cư Sĩ.....202 8. TƯƠNG ƯNG TÔN GIẢ VANGĨSA.....217 9. TƯƠNG ƯNG RỪNG..... 231 10. TƯƠNG ƯNG DẠ-XOA.....243 11. TƯƠNG ƯNG SAKKA..... 257 PHẨM THỨ NHẤT..... 257 PHÀM THỨ HAI..... 272 PHẨM THỨ BA..... 283

II. THIÊN NHÃN DUYÊN 12. TƯƠNG ƯNG NHÂN DUYÊN..... 289 PHẨM PHẬT-ĐÀ..... 289 PHẨM ĐỒ ĂN..... 297 PHẨM MƯỜI Lực..... 309 PHẨM KAẸĂRA - VỊ SÁT-ĐẾ-LỴ..... 322 PHẨM GIA CHỦ..... 338 PHẨM KHỔ..... 347 PHẨM ĐẠI..... 357 PHÂM SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN..... 381 PHẨM TRUNG LƯỢC..... 383 13. TƯƠNG ƯNG MINH KIẾN..... .385 14. TƯƠNG ƯNG GIỚI ..... 391 PHẨM SAI BIỆT..... 391 PHẨM THỨ HAI..... 399 PHẨM NGHIỆP ĐẠO ..... 411 PHẨM THỨ Tư...*.....414 15. TƯƠNG ƯNG VÔ THỈ.....421 PHẨM THỨ NHẤT .....421 PHẨM THỨ HAI..... 428 16. TƯƠNG ƯNG KASSAPA.....435 17. TƯƠNG ƯNG LỢI ĐẮC, CUNG KÍNH.....457 PHẨM THỨ NHẤT..... 457 PHẨM THỨ HAI..... 463 PHẨM THỨ BA.....465 PHẨM THỨ Tư.....469 18. TƯƠNG ƯNG RÃHULA .....473 PHẨM THỨ NHẤT.....473 PHẨM THỨ HAI..... 478

19. TƯƠNG ƯNG LAKKHANA.....481 PHẨM THỨ NHẤT.....481 PHẨM THỨ HAI.....485 20. TƯƠNG ƯNG THÍ

DỤ .....489 21. TƯƠNG ƯNG TỶ-KHEO 497

IIL THIÊN UẨN 22. TƯƠNG ƯNG UẨN..... 511 NĂM MƯƠI KINH ĐÀU ..... 511 PHẨM NAKULAPITU..... 511 PHẨM VÔ THƯỜNG..... 526 PHẨM GÁNH NẶNG..... 530 PHẨM KHÔNG PHẢI CỦA CÁC ÔNG..... 537 PHẨM Tự MÌNH LÀM HÒN ĐẢO..... 544 NĂM MƯƠI KINH GIỮA..... 552 PHẨM THAM LUYẾN..... 552 PHẨM A-LA-HÁN ..... 567 PHẨM NHỮNG GÌ Được ĂN..... 574 PHẨM TRƯỞNG LÃO..... 591 PHẨM HOA..... 615 NĂM MƯƠI KINH CUỐI ..... 630 PHẨM BIÊN..... 630 PHẨM THUYẾT PHÁP..... 634 PHẨM VÔ MINH ..... 641 PHẨM THAN ĐỎ..... 645 PHẨM KIẾN..... 647 23. TƯƠNG ƯNG RÃDHA..... 653 PHẨM THỨ NHẤT..... 653 PHẨM THỬ HAI..... 658 PHẨM Sơ VẮN..... 660 PHẨM THÂN CẬN ..... 662 24. TƯƠNG ƯNG KIẾN..... 665 PHẨM Dự LƯU..... 665 PHẨM TRÙNG THUYẾT THỨ HAI..... 673 PHẨM TRÙNG THUYẾT THỨ BA..... 676 PHẨM TRÙNG THUYẾT THỨ Tư..... 678 25. TƯƠNG ƯNG NHẬP ..... 681 26. TƯƠNG ƯNG SANH ..... 683 27. TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO..... 685 28. TƯƠNG ƯNG SÃRIPUTTA..... 687

29. TƯƠNG ƯNG LOÀI RỒNG .....691 30. TƯƠNG ƯNG KIM sí ĐIỂU.....695 31. TƯƠNG ƯNG CÀN-THÁT-BÀ..... 699 32. TƯƠNG ƯNG THẦN MÂY.....703 33. TƯƠNG ƯNG VACCHAGOTTA..... 707 34. TƯƠNG ƯNG THIỀN.....711

IV. THIÊN SÁU XỨ 35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ..... 721 NĂM MƯƠI KINH THỨ NHẤT .....721 PHẨM VÔ THƯỜNG..... 721 PHẨM SONG ĐÔI..... 726 PHẨM TẤT CẢ..... 731 PHẨM SANH PHÁP..... 739 PHẨM TẤT CẢ VÔ THƯỜNG..... 740 NĂM MƯƠI KINH THỨ HAI ..... 741 PHẨM VÔ MINH..... 741 PHẨM MIGAJALA ..... 745 PHẨM BỆNH..... 753 PHẨM CHANNA..... 759 PHẨM TỪ BỎ.....770 NĂM MƯƠI KINH THỨ BA ..... 784 PHẨM AN ỔN, KHỎI CÁC KHỔ ÁCH..... 784 PHẨM THẾ GIỚI DỤC CÔNG ĐỨC ..... 790 PHẨM GIA CHỦ ..... 802 PHẨM DEVADAHA ..... 813 PHẨM MỚI VÀ CŨ..... 819 NẢM MƯƠI KINH THỨ TƯ..... 825 PHẨM HỶ ĐƯỢC ĐOẠN TẬN..... 825 PHẨM SÁU MƯƠI LƯỢC THUYẾT..... 829 PHẨM BIỂN..... ..... 836 PHẨM RẮN ĐỘC..... 845 36. TƯƠNG ƯNG THỌ ..... 865 PHẨM CÓ KỆ..... :..... 865 PHẨM SỐNG MỘT MÌNH ..... 874 PHẨM MỘT TRĂM LẺ TÁM PHÁP MÔN..... 882 37. TƯƠNG ƯNG NỮ NHÂN..... 889 PHẨM TRUNG LƯỢC THỨ NHẤT..... 889 PHẨM TRUNG LƯỢC THỨ HAI..... 892 PHÂM SỨC MẠNH..... 893

38. TƯƠNG ƯNG JAMBUKHADAKA..... 897 39. TƯƠNG ƯNG SÃMANỌAKA.....903 40. TƯƠNG ƯNG MOGGALLÃNA..... 905 41. TƯƠNG ƯNG CITTA..... 915 42. TƯƠNG ƯNG THÔN TRƯỞNG..... 933 43. TƯƠNG ƯNG VÔ VI.....965 PHẨM THỨ NHẤT..... 965 PHẨM THỨ HAI..... 968 44. TƯƠNG ƯNG KHÔNG THUYẾT.....975

V. THIÊN ĐẠI 45. TƯƠNG ƯNG ĐẠO.....997 PHẨM VÔ MINH..... 997 PHẨM TRÚ..... 1005 PHẨM TÀ TÁNH..... 1010 PHẨM HẠNH..... 1014 PHẨM NGOẠI ĐẠO Lược THUYẾT..... 1016 PHẨM MẶT TRỜI LƯỢC THUYẾT..... 1018 PHẨM MỘT PHÁP LƯỢC THUYẾT..... 1020 PHẨM MỘT PHÁP LƯỢC THUYẾT THỨ HAI ..... 1022 PHẨM SÔNG HẰNG Lược THUYẾT..... 1024 PHẨM SÔNG HẰNG Lược THUYẾT THỨ HAI..... 1026 PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT Lược THUYẾT ..... 1030 PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH..... 1033 PHẨM TẦM CẦU..... 1040 PHẨM BỘC LƯU..... 1043 46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI ..... 1047 PHẨM NÚI..... 1047 PHẨM BỆNH..... 1057 PHẨM UDÃYI..... 1061 PHÂM TRIỀN CÁI..... 1067 PHẨM CHUYỂN LUÂN ..... 1073 PHẨM TỐNG NHIẾP GIÁC CHI ..... 1077 PHẨM HƠI THỞ VÔ, HƠI THỞ RA..... 1094 PHẨM ĐOẠN DIỆT..... 1096 PHẨM SÔNG HẰNG Lược THUYẾT..... 1098 PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT ..... 1098 PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH..... 1099 PHẨM TẦM CẦU..... 1099

PHẨM BỘC LƯU..... 1099 PHẨM SÔNG HẢNG TÁI Lược THUYẾT..... 1100 PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT ..... 1100 PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH..... 1101 PHẨM TẦM CÀU..... 1101 PHẨM BỘC LƯU..... 1101 47. TƯƠNG ƯNG NIỆM xứ ..... 1103 PHẤM AMBAPÃLI..... 1103 PHẨM NÃLANDĂ ..... 1115 PHẨM GIÓI TRÚ..... 1125 PHẨM CHƯA TỪNG Được NGHE..... 1130 PHẨM BẤT TỬ..... 1134 PHẨM SÔNG HẰNG Lược THUYẾT..... 1138 PHÀM KHÔNG PHÓNG DẬT

..... 1139 PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH..... 1139 PHẨM TẦM CẦU..... 1139 PHÀM BỘC LƯU..... 1140 48. TƯƠNG ƯNG CĂN..... 1141 PHẨM THANH TỊNH..... 1141 PHÀM CÓ PHẦN YẾU HƠN..... 1146 PHẨM SÁU CĂN..... 1149 PHẨM LẠC CĂN ..... 1153 PHẨM GIÀ..... 1158 PHẨM HANG LỢN ..... 1165 PHẨM GIÁC PHẦN ..... 1171 PHẨM SÔNG HẰNG Lược THUYẾT..... 1173 PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT..... 1174 PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH..... 1174 PHẨM TÀM CẦU..... 1174 PHẨM BỘC LƯU..... 1175 PHẨM SÔNG HẢNG Lược THUYẾT..... 1175 PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT..... 1176 PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH..... 1176 PHẨM TẦM CẦU..... 1176 PHẨM BỘC LƯU..... 1176 49. TƯƠNG ƯNG CHÁNH CẦN..... 1179 PHẨM SÔNG HÀNG Lược THUYẾT ..... 1179 PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT ..... 1180 PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH..... 1180 PHẨM TẦM CẦU..... 1181 PHẨM BỘC LƯU..... 1181

50. TƯƠNG ƯNG Lực..... 1183 PHẨM SÔNG HẰNG Lược THUYẾT ..... 1183 PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT ..... 1184 PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH..... 1184 PHẨM TẦM CẦU..... 1184 PHẨM BỘC LƯU..... 1184 PHẨM SÔNG HẰNG Lược THUYẾT ..... 1185 PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT ..... 1186 PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH..... 1186 PHẨM TẦM CẦU..... 1186 PHÂM BỘC LƯU..... 1186 51. TƯƠNG ƯNG NHƯ Ý TÚC..... 1189 PHẨM CĂPẢLA..... 1189 PHÀM LẦU RUNG CHUYÊN..... 1195 PHẨM VIÊN BI

SẮT..... 1206 PHẨM SÔNG HẰNG Lược THUYẾT ..... 1210 PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT ..... 1210 PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH..... 1210 PHẨM TẦM CẦU..... 1211 PHẨM BỘC LƯU..... 1211 52. TƯƠNG ƯNG ANURUDDHA..... 1213 PHẨM ĐỘC Cư..... 1213 PHẨM THỨ HAI ..... 1219 53. TƯƠNG ƯNG THIỀN ..... 1223 PHẨM SÔNG HẰNG Lược THUYẾT ..... 1223 PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT..... 1224 PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH..... 1224 PHẨM TẦM CẦU..... 1224 PHẨM BỘC LƯU..... 1224 54. TƯƠNG ƯNG HƠI THỞ VÔ, HƠI THỞ RA..... 1227 PHẨM MỘT PHÁP..... 1227 PHẨM THỨ HAI..... 1237 55. TƯƠNG ƯNG Dự LƯU..... 1243 PHẨM VELUDVÃRA..... 1243 PHẨM VƯỜN VUA ..... 1256 PHẨM SARANÃNI ..... 1261 PHẨM PHƯỚC ĐỨC SUNG MÃN ..... 1274 PHẨM PHƯỚC ĐỨC SUNG MÃN CÓ KỆ..... 1280 PHẨM TRÍ TUỆ..... 1284 PHẨM ĐẠI TRÍ TUỆ 1289

56. TƯƠNG ƯNG sự THẬT..... 1291 PHẨM ĐỊNH..... *..... 1291 PHẨM CHUYỂN PHÁP LUÂN..... 1296 PHẨM KOTIGÃMA..... 1303 PHẨM RÙNG SĨSAPÃ ..... 1308 PHẨM Vực THẲM..... 1314 PHẨM CHỨNG ĐẠT ..... 1321 PHẨM LÚA GẠO SỐNG Lược THUYẾT THỨ NHẤT..... 1325 PHẨM LÚA GẠO SỐNG Lược THUYẾT THỨ HAI..... 1328 PHẨM LÚA GẠO SỐNG Lược THUYẾT THỨ BA..... 1330 PHẨM CHÚNG SANH NHIỀU HƠN..... 1332 PHẨM NĂM SANH THÚ 1334

PHỤ LỤC1..... 1339 PHỤ LỤC 2..... 1345 SÁCH DẪN..... 1349

I. THIÊN CÓ KỆ

(SAGẴTHÂK4GGA)

1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN (DEVATẴSAMYUTTA)

L PHẨM CÂY LAU (NALAVAGGA)

L KINH BỘC LƯU (Oghataranasutta) (S. I. 1) 1. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Rồi một vị thiên, khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến The Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị thiên ấy bạch Thế Tôn: Thưa Tôn giả,1 làm sao Ngài vượt khỏi bộc lim? -Này Hiền giả? không đứng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bộc lưu. Thưa Tôn giả, làm sao không đứng lại, không bước tới5 Ngài vượt khỏi bộc lưu? —Này Hiền giả5 khi Ta đứng lại, thời Ta chìm xuống. Này Hiền giả, khi Ta bước tới, thời Ta trôi giạt. Do vậy, này Hiên giả, không đứng lại, không bước tói, Ta vượt khỏi bộc lưu. [Vị thiên:] Từ lâu, tôi mới thây, Bà-la-môn2 tịch tịnh, Không đứng, không bước tới, Vượt chấp trước ở đời. Vị thiên ấy nói như vậy và bậc Đạo sư chấp nhận. Vị thiên ấy biết được: "Thế Tôn đã chấp nhận ta.” Vị ấy đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ.

II. KINH GIẢI THOÁT (Nimokkhasutta) (5.1. 2) 2. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rôi một vị thiên, khi đêm đã gân tàn, với dung săc thù thăng chói sáng toàn

1 Mãrỉsa. Ngài Buddhaghosa dùng từ này theo nghĩa nỉddukkha, tức là người không còn sầu muộn. Đây cũng là cách gọi nhau thân thiện giữa chư thiên. 2 Brãhmana: Một vị đã đoạn trừ hết phiền não.

vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, vị ấy đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị thiên ấy bạch Thế Tôn: Thưa Tôn giả, Ngài có biêt giải thoát, thoát ly, viên ly cho các chúng sanh không? Này Hiền giả, Ta có biết giải thoát, thoát ly, viễn ly cho các chúng sanh.

Thưa Tôn giả, như thê nào Ngài biêt giải thoát, thoát ly, viên ly cho các chúng sanh?
Hỷ, tái sanh đoạn tận?
Tưởng, thức được trừ diệt,
Các thọ diệt, tịch tịnh.
Như vậy này Hiền giả,
Ta biết sự giải thoát,
Thoát ly và viễn ly,
Cho các loại chúng sanh.

III. KINH ĐƯA ĐÉN ĐOẠN TẬN (Upantyasutta)3 (SI. 2)

3 Nhân duyên ở Sãvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này

J — rri1 A trước The Ton:
Mạng sống bị dắt dẫn,

Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công dức,
Đưa đến chơn an lạc.
[Thế Tôn:]
Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ mọi thế lợi,
Tâm hướng cầu tịch tịnh.

IV. KINH THỜI GIAN TRÔI QUA (Accentisutta)4 (S. I. 3)

4. Nhân duyên ở Sãvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thê Tôn:

3 Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.1000. 0262b03); Biệt Tạp.(r02. 0100.138. 0427b06). 4 Tham chiếu: Biệt Tạp. 0.02. 0100.139. 0427b24).

1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN 5

Thời gian [lặng] trôi qua,
Đêm [ngày] luôn di động?
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Đưa đến [chơn] an lạc.
[Thế Tôn:]
Thời gian [lặng] trôi qua,
Đêm [ngày] luôn di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiêp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ mọi thế lợi5
Tâm hướng cầu tịch tịnh.

V. KINH BAO NHIÊU CÁI CẮT ĐOẠN (Katìchindasutta) (5.1. 3)

5. Nhân duyên ở Sãvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này í FT^i Ạ rr\ trước The Ton:

Phải cắt đoạn bao nhiêu,
Phải từ bỏ bao nhiêu,
Tu tập thêm bao nhiêu,
Vượt qua bao trói buộc?
Để được có danh xưng,
Tỷ-kheo vượt bộc lưu?
[Thế Tôn:]
Phải cắt đoạn đến năm9
Phải từ bỏ đến năm,
Tu tập thêm năm pháp,5
Vượt qua năm trói buộc,6
Để được có danh xưng,
Tỷ-kheo vượt bộc lưu.

VI. KINH TỈNH GIÁC ựăgarasutta) (SI. 4)

6. Nhân duyên ở Sãvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước The Tôn:

5 Năm pháp trong trường hợp này chỉ cho 5 lực (tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực). 6 Năm trói buộc là nói đến 5 ha phần kiết sử (thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục tham, sân) hoặc 5 thượng phần kiết sử (sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh).

6 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ I. THIÊN CÓ KỆ

CÓ bao pháp mê ngủ/
Khi pháp khác tỉnh giác?
Có bao pháp tỉnh giác,
Khi pháp khác mê ngủ?
Có bao nhiêu việc làm,
Đưa ta đến trần cấu?
Có bao nhiêu việc làm,
Khiến ta được thanh tịnh?
[Thế Tôn:]
Có năm pháp mê ngủ,
Khi pháp khác tỉnh giác.
Có năm pháp tỉnh giác,
Khi pháp khác mê ngủ.
Chính có năm việc làm,
Đưa ta đến trần cấu.
Chính có năm việc làm,
Khiến ta được thanh tịnh.

VII. KINH KHÔNG LIỄU TRI (Appatividitasutta) (S. L 4)

7. Nhân duyên ở Sãvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Những ai với các pháp,
Không liễu tri thấu suốt,
Bị hướng dân lâm lạc,
Vòng quanh các dị giáo.
Họ mê ngủ triền miên5
Họ không có tỉnh giác,
Nay thật đã đến thời,
Họ cần phải thức tỉnh.
[Thế Tôn:]
Những ai với các pháp,
Khéo liễu tri sáng suốt,
Không bị dẫn lầm lạc,
Vòng quanh các dị giáo.
Họ chứng Chánh đẳng giác,
Họ liễu tri viên mãn,
Trên đường không thăng băng,
Họ bước thật thăng băng.*
7 Đoạn câu hỏi này nói đến 5 triền cái và 5 lực, chúng khiến cho hành giả mê ngủ hay tỉnh thức, ô nhiễm hay thanh tịnh.

1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN 7

VIII. KINH MÊ LOẠN (Susammutthasuttaf (S. I. 4)
8. Nhân duyên ở Sãvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này
J r nni Ả rT^/V trước The Tôn:
Những ai đối các pháp,
Quá đắm say mê loạn,
Bị hướng dân lâm lạc?
Vòng quanh các dị giáo.
Họ mê ngủ triền miên,
Họ không có tỉnh giác,
Nay thật đã đến thòi,
Họ cần phải thức tỉnh.
[Thế Tôn:]
Những ai đối các pháp,
Không đắm say mê loạn,
Không bị dẫn lầm lạc,
Vòng quanh các dị giáo.
Họ chứng Chánh đẳng giác.
Họ liễu tri viên mãn5

Trên đường không thăng bằng,
Họ bước thật thăng bằng.
IX. KINH MONG MUỐN KIÊU MẠN (Mãnakãmasuttaỷ (S I. 5)
9. Nhân duyên ở Sãvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước The Tôn:
Đối vị ưa kiêu mạn,8910
Ở đây không điều phục5
Không trí tuệ sáng suốt5
Không định tĩnh nhiếp tâm,
Độc thân trú rừng núi5
Sống với tâm phóng dật9
Vị ấy không vượt khỏi,
Sự chi phối ma lực.
[Thế Tôn:]
Từ bỏ mọi kiêu mạn,
Tâm tư khéo nhiếp định5
Với tâm khéo tư sát,
Giải thoát mọi phiền trược,
8 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.570. 0154Ồ05); Biệt Tạp.(7.02.0100.165. 0435c05). 9 Tham chiếu: Tạp. à 02. 0099.996. 0261al3); Tạp.(7.02. 0100.133. 0426a24) 10 Mãna thường được dịch là sự kiêu mạn, còn ám chỉ cho tâm ảo tưởng hay tự phụ. Tâm con người thường rơi vào lỗi kiêu mạn này.

ĐỘC thân trú rừng núi,
Với tâm không phóng dật,
Vị ấy vượt thoát khỏi,
Sự chi phối ma lực.
X. KINH RỪNG NÚI (Arannasutta)n (S L 5)
10. Nhân duyên ở Sãvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Thường sống trong rừng núi,
Bậc Thánh sống Phạm hạnh,
Mỗi ngày ăn một bữa,
Sao sắc họ thù diệu?
[Thế Tôn:]
Không than việc đã qua,
Không mong việc sắp tới,
Sống ngay với hiện tại,
Do vậy sắc thù diệu.11
12
Do mong việc sắp tới5

Do than việc đã qua,
Nên kẻ ngu héo mòn?
Như lau xanh rời cành.
11 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.995. 0260c24); Biệt Tạp.(T.02. 0100.132. 0426a06). 12 Sau khi ăn xong, các vị ấy tu thiền, chứng được nhất tâm, nhiếp phục mọi động ni§m, tư tưởng trở nên rõ ràng và định tĩnh. Nhơ tâm các vị ấy an tịnh nhẹ nhàng, máu ứu thông, thân thể được thanh lọc, và nhờ vậy, da trở nên sáng chói, thù diệu.

1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN « 9

IL PHẨM VƯỜN HOAN HỶ (NANDANAK4GGA)

I. KINH VƯỜN HOAN HỶ (Nandanasuttà)13 (S I. 5)

11. Như vầy tôi nghe.
Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi (Xá-vệ)5 Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Tại dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:
-Này các Tỷ-kheo!
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!
Cac Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau:
Thuở xưa, này các Tỷ-kheo? có vị thiên thuộc cõi trời Ba Mươi Ba, với chúng thiên nữ vây quanh, du hí ở vườn Hoan Hỷ,14 thọ hưởng năm thiên dục công đức. Bấy giờ? vị thiên ấy nói lên bài kệ này:
Chúng không biết đến lạc,
Nếu không thấy Hoan Hỷ,
Chỗ trú cả trời, người,
Cõi Ba Mươi Ba lừng danh.
Được nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo? một vị thiên khác đáp vị thiên ấy với bài kệ:
Kẻ ngu, sao không biêt,
Vị ứng Cúng đã nói:
“Mqì hành là vô thường,
Tự tánh phải sanh diệt,
Sau khi sanh chúng diet,
Nhiếp chúng là an lac?9

II. KINH VUI THÍCH (Nandatìsuttà)15 (S I. 6)

12. Nhân duyên ở Sãvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thê Tôn:
Cha đối con vui thích,
Chủ với bò vui thích,
13 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.576. 0153c05); Biệt Tạp.(7.02. 0100.161. 0435a06); Tăng. (T.02. 0125.31.9. 0672b03). 14 Nandanã: Vườn Hoan Hỷ ở Tam Thập Tam thiên, nơi Thiên chủ Sakka ngự trị. Chư thiên sống lâu ở đây, khi mạng chung tan biến như không khí, hay như ngọn đèn bị thổi tắt. 15 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1004. 0263al4); Bịet Tạp.(7.02. 0100.142. 0428al6).

Người sanh y1617
18 vui thích,
Không sanh y không vui.
[Thế Tôn:]
Cha đối con sầu muộn,
Chủ với bò sâu muộn,
Người sanh y sầu muộn,
Không sanh y không sầu.
III. KINH KHÔNG AI BẢNG CON (Natthiputtasamasuttay1 (S. I. 6)
13. Nhân duyên ở Sãvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này 1 r. A rT^ /V trước The Tôn:
Thương ai bằng thương con,
Của nào bằng bò nhà,
Sáng nào bằng mặt trời,
Nước nào hơn biển cả.
[Thế Tôn:]
Thương ai bằng thương mình,
Của nào bằng lúa gạo,
Sáng nào bằng trí tuệ5
Nước nào hơn mưa rào.
IV. KINH SÁT-ĐÉ-LỴ (Khattiyasutta)ÌS (5.1. 6)
14. [Vị thiên:]
Giữa các loài hai chân,
Sát-lỵ là tối thắng.
Giữa các loài bốn chân,
Bò đực là tối thắng.
Trong các hàng thê thiếp,
Quý nữ là tối thắng.
Trong các hàng con trai,
Trưởng nam là tối thắng.
[Thế Tôn:]
Giữa các loài hai chân,
Chánh giác là tối thắng.
Giữa các loài bốn chân,
Thuần chủng19 là tối thắng.
16 Upadhỉ nghĩa là yếu tố căn bản dẫn dắt đi tái sanh. 17 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1006. 0263bl3); Biệt Tạp.(T.02. 0100.232. 0458c03). 18 Tham chiếu: Tạp. Ể (T.02. 0099.1007. 0263b27); Biér Tạp.(T.02 0100 233 0458cl6). 19 Ậịãnĩyọ. Nghĩa đen là sự

hiểu biết, người thông thái. Ngài Buddhaghosạ giải thích là người biết rõ nguồn gốc cac pháp. Ớ đây, thuật ngữ nay chỉ cho con vật thông min thuần chủng như con ngựa của Vua Kutakanna.

1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN 11

Trong các hàng thê thiếp,
Nhu thuận là toi thắng.
Trong các hàng con trai,
Tôn kính là tối thắng.
V KINH TIẾNG ĐỘNG RỪNG SÂU (Sanamãnasutta)2() (5.1. 7)
15. [Vị thiên:]
Nay là thời giữa trưa,
Loài chim nghỉ yên lặng,
Vang động20 21 tiếng rừng sâu?
Ta run, ta khiếp sợ.
[Thế Tôn:]
Nay là thời giữa trưa,
Loài chim nghỉ yên lặng,
Vang động tiếng rừng sâu,
Ta vui5 Ta thích thú.
VI. KINH NGỦ GỤC, BIẾNG NHÁC (Niddãtandĩsutta)2223
(5.1. 7)
16. [Vị thiên:]
Ngủ gục, nhác, ngáp dài,
Không vui, ăn quá độ5
Ở đây, đối chúng sanh,
Thánh đạo không hiển lộ.
[Thế Tôn:]
Ngủ gục5 nhác, ngáp dài,
Không vui, ăn quá độ5
Với tinh tấn, đoạn chúng,
Thánh đạo được thanh tịnh.
VII. KINH KHÓ LÀM (Dukkarasuttăỹ3 (5. L 7)
17. [Vị thiên:]
Khó làm5 khó kham nhẫn,
Thiếu trí hành Sa-môn5
Chỗ kẻ ngu thối đọa?
Chỗ ấy đẩy chướng ngại.
Bao ngày hành Sa-môn9
Nêu tâm không chê ngự,

20 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1335. 0368b22); Biệt Tạp.(T.02. 0100.355. 0490b03).
21 Saụate'. Tiếng ồn ào của rừng, như gió thổi qua lá cây hay các cây cọ xát vào nhau.
22 Tham chiếu: Tạp.(r.O2. 0099.598. 016026); B Tạp.(rỏ2. 0100.175. 0437cl8). 23
Bản tiếng Anh của PTS: Hard to Fulfil (or the Tortoise), nghĩa là Khó làm (hay Con rủd).
Tham chiếu: Tạp. (T02.0099.600.0160b27); Biệt Tạp. 002. 0100.174.0437b29).

12 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

Mỗi bước phải sa đọa9
Nô lệ cho suy tư.
[Thế Tôn:]
Như rùa rút chân căng,
Trong mai rùa của mình.
Vị Tỷ-kheo cũng vậy,
Thâu nhiếp mọi suy tư,
Không tham dính24 vật gi,
Không làm hại người nào,
Hoàn toàn thật tịch tịnh?
Không chỉ trích một ai.
VIII. KINH TÀM (Hirĩsutta) (S I. 7)
18. [Vị thiên:]
Người được tàm chế ngự?
Tìm được ai ở đời?
Ai biết ngăn chỉ trích,
Như ngựa hiên bóng roi?
[Thế Tôn:]
Người được tàm chê ngự5
Song thường thường chánh niệm,
Vị ấy đạt kêt quả,
Khổ đau được đoạn tận,
Bước những bước thăng bằng,
Trên đường không thăng bằng.
IX. KINH AM TRANH (KuỊikãsutta) (5.1. 8)
19. [Vị thiên:]
Ngài không có am tranh,
Ngài không có tô âm,
Ngài không có dây giăng,
Ngài thoát khỏi hệ phược.
[Thế Tôn:]
Ta không3 có am ? ĩ tranh,
Ta không có tô âm5

Ta không có dây giăng,
Ta thoát khỏi hệ phược.
[Vị thiên:]
Con nói am là gì?
Nói tổ ấm là gì?
24 Không dựa vào dục vọng, tà kiến.

Nói dây giăng là gì? Nói hệ phược là gì? [Thế Tôn:], Ông nói am là mẹ5 Nói tổ ấm là vợ, Nói dây giăng là con, Nói hệ phược là ái. [Vị thiên:] Lành thay, Ngài không am! Lành thay, không tổ ấm! Lành thay, không dây giăng! Lành thay, Ngài thoát phược! X. KINH SAMIDDHI (Samiddhisutta)25 (S I. 8) 20. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Rặjagaha (Vương Xá), tại Tapodãrãma (tinh xá suối nước nóng). Tôn giả Samiddhi, khi đêm đã gần tàn, thức dậy và đi đến suối nước nóng để tắm rửa. Sau khi tắm rửa, ra khỏi suối nước nóng, Tôn giả đứng, đắp một tấm y để phơi tay chân cho khô. Rồi một vị thiên, khi đêm đã gần tàn5 với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng suối nước nóng, đi đến Tôn giả Samiddhi; sau khi đến5 đứng giữa hư không, vị ấy nói lên bài kệ với Tôn giả Samiddhi: Không hưởng, ông khất thực, Nay khất thực, không hưởng, Hãy hưởng rồi khất thực, Chớ uổng phí thời gian! [Samiddhi:] Thời ÔÍ1Ệ? ta không biết, Thời ta an không hiện. Không hưởng, ta khất thực, Không uổng thời gian ta. Rồi vị thiên ấy đứng xuống đất và thưa với Tôn giả Samiddhi: —Này Tỷ-kheo5 ông còn trẻ tuổi, niên thiêu, tóc còn đen nhánh, trong độ tuổi thanh xuân mà đã xuất gia. Trong thời trẻ tuổi, ông không thọ hưởng các dục lạc. Này Tỷ-kheo, hãy thọ hưởng các dục lạc của người đời, chớ có bỏ hiện tại mà chạy theo những gì bị thời gian chi phối! Này Hiền giả, ta không bỏ hiện tại và chạy theo những gì bị thời gian chi phôi. Và này Hiên giả, chính ta bỏ những gì bị thời gian chi phôi đê chạy theo

25 Tham chiếu: Tạp.(T.02.0099.1078.0281c03); Biệt Tạp.(7.02.0100.17.0379a23).

hiện tại. Nàỵ Hiền giả, Thế Tôn đã nói, các dục bị thời gian chi phối, nhiều khổ đau, nhiều sầu não (bahupãyãsã). nguy hiểm ở đấy càng nhiều hơn. Còn pháp này thuộc về hiện tại, không bị thời gian chi phối,2627 đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người trí mới tự mình giác hiêu. Và này Tỷ-kheo, như thế nào mà Thế Tôn đã nói các dục bị thời gian chi phôi, nhiêu khô đau, nhiêu sâu não, nguy hiêm ở đây càng nhiêu hơn? Như thê nào thuộc về hiện tại, l pháp không bị thời gian chi phôi, đên đê mà thây, có khả năng hướng thượng, chỉ người trí mới tự mình giác hiêu? Này Hiền giả, tôi là người mới xuất gia,27 mới đến đây không bao lâu. Tôi không thể giải thích rộng rãi cho ông Pháp và Luật này. Nhưng Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác nay ở Vương Xá, tại tinh xá Tapodărăma; hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời cho ông như thế nào, hãy như vậy thọ trì. - Này Tỷ-kheo9 không dễ gì cho chúng tôi được đến gặp bậc Thế Tôn ây5 một bậc được các chư thiên khác có đại uy lực đoanh vây. Này Tỷ-kheo, nếu Ngài đi đến bậc Thế Tôn ấy và hỏi ý nghĩa này5 chúng tôi có thể

đến để nghe pháp. Thưa vâng, Hiền giả. Ton giả Samiddhi vang đáp vị thiên ấy5 đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Ton rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Samiddhi bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn, sau khi đêm đã gàn tàn, con thức dậy và đi đến suối nước nóng để tắm rửa. Sau khi tắm rửa, ra khỏi suối nước nóng, con đứng, đắp một tấm y để phơi tay chan cho khô. Bạch Thê Tôn, rồi một vị thiên, sau khi đêm vừa mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng suối nước nóng đi đến con; sau khi đến5 đứng giữa hư không, vị ấy nói lên bài kệ này: Không hưởng, ông khất thực, Nay khất thực, không hưởng, Hãy hưởng rồi khất thực, Chớ uổng phí thời gian! Khi nghe nói vậy5 bạch Thế Tôn5 con trả lời với vị thiên ấy bằng bài kệ: Thời ônẹ, ta không biết, Thời ta an không hiện, Không hưởng, ta khất thực, Không uổng thời gian ta. Bạch Thế Tôn, rồi vị thiên ấy đứng xuống đất và thưa với con: "Này Tỷ-kheo, 6ng còn trẻ tuôi, niên thiêu, tóc còn đen nhánh, trong độ tuôi thanh xuân mà đã xuất gia. Trong thời trẻ tuổi, ông không thọ hưởng các dục lạc. Này Tỷ-kheo5 hãy

26 Akãỉika: Vượt thời gian. Ngài Buddhaghosa lý giải rằng Thánh đạo đưa đến kết quả lập tức, không phải chờ thời gian. 27 Tân Tỷ-kheo: Từ l đến 5 hạ; Trung tọa Tỷ-kheo: Từ 5 đến 9 hạ; Thượng tọa Tỷ-kheo: Từ io đến 20 hạ.

thọ hưởng các dục lạc của người đời, chớ có bỏ hiện tại mà chạy theo những gì bị thời gian chi ph6i!" Khi được nghe nói vậy5 bạch Thế Tôn, con nói với vị thiên ấy: 'Này Hiền giả, ta không bỏ hiện tại và chạy theo những gì bị thời gian chi phối. Và này Hiền giả, chính ta bỏ những gì bị thời gian chi phối để chạy theo hiện tại. Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói, các dục bị thời gian chi phối5 nhiều khổ đau, nhiều sầu não9 nguy hiểm ở đấỵ càng nhiêu hơn. Còn pháp này thuộc về hiện tại, không bị thời gian chi phôi, đên đê mà thây, có khả năng hướng thượng, chỉ người trí mới tự mình giác hiOu." Khi được nghe nói vậỵ? bạch Thế Tôn, vị thiên ấy nói với con: "Và này Tỷ- kheo? như thế nào mà Thế Tôn đã nói các dục bị thời gian chi phối, nhiều khổ đau. nhiều sầu não. nguy hiểm ở đấy càng nhiều hơn? Như thế nào thuộc về hiện tại là pháp này, không bị thời gian chi phôi9 đên đê mà thây, có khả năng hướng thượng, chỉ người trí mới tự mình giác hiOu?" Khi được nghe nói vậy5 bạch Thế Tôn, con nói với vị thiên ấy: "Này Hiền giả, tôi là người mới xuất gia, mới đến đây không bao lâu. Tôi không thể giải thích rộng rãi cho ông Pháp và Luật này. Nhưng Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nay ở Rặjagaha? tại tinh xá Tapodãrãma; hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời cho ông như thế nào, hãy như vậy thọ tri." Khi được nghe nói vậy? bạch Thế Ton? vị thiên ấy nói vơi con: "Này Tỷ- kheo, không dễ gì cho chúng tôi được đến gặp bậc Thế Tôn ấy, một bậc được các chư thiên khác có đại uy lực đoanh vây. Này Tỷ-kheo? nêu Ngài đi đên bậc Thế Tôn ấy và hỏi ý nghĩa này, chúng tôi có the đến để nghe pháp.” Bạch Thế Tôn, nếu vị thiên ấy nói sự that, thời vị ấy ở dây, không xa bao nhiêu. Khi được nghe nói vậy9 vị thiên ấy nói với Tôn giả Samiddhi như sau: Hãy hỏi di, Tỷ-kheo! Hãy hỏi di, Tỷ-kheo! Tôi đã đến rồi.

Rôi Thê Tôn nói lên bài kệ với vị thiên ây:
Chúng sanh được hiểu biết,

Những điều được nói lên,
Và chấp trước thái độ,
Trên những điều được nói.
Nếu họ không liễu tri,
Những điều được nói lên5
Họ đi đến trói buộc5
Do thần chết chi phối.
Nếu họ liễu tri được,
Những điều được nói lên,
Họ không có tưởng tri,
Những điều được nói ra.
Đối với vị như vậy9
Lỗi làm nhất định không.
16 « KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

Nếu như ông có biết?
Hãy nói lên, dạ-xoa.
Bạch Thế Tôn, con không hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi những điều Thế Ton nói lên một cách vắn tắt. Lành thay, nếu Thế Tôn nói lên cho con để con có thể hiểu một cách rộng rãi những điều Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt!
[Thế Tôn:]
Bằng, thắng hay thua Ta,
Nghĩ vậy đấu tranh khởi.
Cả ba không dao động,
Bằng, thắng không khởi lên.
Nếu như ông có biết,
Hãy nói lên, dạ-xoa.
Bạch Thế Tôn? con không hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi những điều Thế Ton nói lên một cách vắn tắt. Lành thay, nếu Thế Tôn nói lên cho con để con có thể hiểu một cách rộng rãi những điều Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt!
[Thế Tôn:]
Hãy từ bỏ tính toán,28
Không chạy theo hư tưởng,
Từ bỏ mọi tham ái?
Đối danh sắc ở đời,
Vị ấy đoạn triền phược,
Không lo âu, không ái.
Chư thiên và loài người,
Đời này hay đời sau, ở cảnh giới chư thiên,
Hay tại mọi trú xứ,

Tìm cầu nhưng không gặp, vết tích của vị ấy.
Nếu ông biết người ấy,
Hãy nói lên, dạ-xoa!
Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa rộng rãi như sau:
Khắp thế giới chớ làm,
Điều ác thân, miệng, ý,
Từ bỏ mọi ái dục?
Chánh niệm? tâm tỉnh giác,
9
Không khô hạnh ép xác, Vô bổ? không lợi ích.

28 Theo Chú giải, Sankhã chỉ cho vị A-la-hán đã đoạn tận các tâm bất thiện tham, sân, si.

1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN 17

HL PHẨM KIẾM (SATTIVAGGA)

I. KINH KIẾM {Sattisuttă) (S I. 13)
21. Nhân duyên ở Sãvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
[Vị thiên:]
Như kiếm đã chạm da,
Như lửa cháy trên đâu9
Tỷ-kheo hãy chánh niệm,
Xuất gia bỏ ái dục.
[Thế Tôn:]
Như kiếm đã chạm da,
Như lửa cháy trên đầu,
Tỷ-kheo hãy chánh niệm,
Xuất gia bỏ thân kiến.
II. KINH XÚC CHẠM (Phusatisutta) (S I. 13)
22. [Vị thiên:]
Không xúc,29 không có chạm,
Có xúc, [thời] có chạm,
Nên hại người không hại,
Tức có xúc, có chạm.
[Thế Tôn:]
Ai hại người không hại?
Người tịnh, không ô nhiễm,
Kẻ ngu hái quả ác,
Như ngược gió tung bụi.
III. KINH TRIỀN PHƯỢC ựaỊãsutta) (5.1. 13)

23. [Vị thiên:]
Nội triền và ngoại triền,
Chúng sanh bị triền phược,
Con hỏi Gotama,
Ai thoát khỏi triền này?
29 Trong kinh này, xúc có hai nghĩa: Chủ động và thụ động, xúc chạm và bị xúc chạm, hành nghiệp và quả báo của nghiệp. Xem Pss. Breth. 783.

18 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ I. THIÊN CÓ KỆ

[Thế Tôn:]
Người trú giới có trí,
Tu tập tâm và tuệ,
Nhiệt tâm và thận trong,
Tỷ-kheo ấy thoát triền.
Với ai đã từ bỏ5
Tham, sân và vô minh,
Bậc Lậu Tận, ứng Cúng,
Vị ấy thoát triền phược.
Chỗ nào danh và sắc,
Được đoạn tận, vô du,
Đoạn chướng ngại, sắc tưởng,
Chỗ ấy triền phược đoạn.
IV. KINH CHẾ NGỰ Ý (Manonivãranasutta) (S. I. 14)
24. [Vị thiên:]
Chỗ nào ý chế ngự,
Chỗ ấy đau khổ tận.
Ý chế ngự hoàn toàn,
Thoát đau khô hoàn toàn.
[Thế Tôn:]
Không nên chế ngự ý,
Hoàn toàn vê mọi mặt.
Chớ có chê ngự ý5
Nêu tự chủ đạt được.
Chỗ nào ác pháp Idiởi,
Chỗ ấy chế ngự ý.
V. KINH VỊ A-LA-HÁN (Arahantasuttăý^ (5. L 14)
25. [Vị thiên:]
Vị Tỷ-kheo La-hán5
Đã làm điều phải làm,
Các lậu được đoạn tận,

Thân này, thân tổi hạu.
Vị ấy có thể nói:
“Chính tôi vừa nói lên,,,
Vị ấy có thể nói:
"Họ nói là của t6i."
[Thế Tôn:]
Vị Tỷ-kheo La-hán,
Đã làm điều phải làm,
30 Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.581. 0154bl9); Biệt Tạp.(T.02. 0100.166. 0435cl8).

1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN 19

Các lậu được đoạn tận?
Than này, thân tổi hậu.
Vị ấy có thể nói:
"Chính tôi vừa nói 16n.''
Vị ấy có thể nói:
"Ho nói là của toi.^
Vị ầy khéo biết rõ5
Danh xưng ở thế gian,
Vì chỉ là danh xưng,
Vị ấy cũng danh xưng.
[Vị thiên:]
Vị Tỷ-kheo La-hán,
Đã làm điều phải làm,
Các lậu được đoạn tận,
Thân này, thân tổi hậu.
Có phải Tỷ-kheo ấy,
Đi gần đến kiêu mạn,
Khi vị ấy có nói:
"Chính tôi vừa nói 16n.''
Khi vị ấy có nói:
“Hẹ)nói là của t6i?”
[Thế Tôn:]
Ai đoạn tận kiêu mạn,
Không còn những buộc ràng5
Mọi hệ phược kiêu mạn,
Được hoàn toàn đoạn tận.
Vị có trí sáng suốt,
Vượt khỏi mọi hư tưởng,
Vị ẩy có thể nói:

"Chính tôi vừa nói lên.,,
Vị ấy có thể nói:
"Họ nói là của t6i."
Vị ầy khéo biết rõ?
Danh xưng ở thế gian,
Vì chỉ là danh xưng,
Vị ấy cũng danh xưng.
VL KINH ÁNH SÁNG (Pajjotasuttăýỵ (S. I. 15)
26. [Vị thiên:]
Vật gì chiếu sáng đời,
Do chúng, đời chói sáng?
31 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1310. 0360bl7)MW Tạp.(T.02. 0100.309. 0478c 16).

20 « KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

Con đến hỏi Thế Tôn,
Muốn biết lời giải đáp.
[Thế Tôn:]
Bốn vật chiếu sáng đời,
Thứ năm, đây không có.
Ngày, mặt trời sáng chói,
Đêm, mặt trăng tỏ rang,
Lửa cháy đỏ đêm ngày,
Chói sáng khắp mọi nơi.
Chánh giác sáng tối thắng
Sáng này, sáng vô thượng.
VII. KINH NƯỚC CHẢY (Sarasuttà) (S. I. 15)
27. [Vị thiên:]
Chỗ nào nước chảy ngược?
Chỗ nào nước xoáy dừng?
Chỗ nào danh và sắc?
Được đoạn diệt, không dư?
[Thế Tôn:]
Chỗ nào nước và dất,
Lửa, gió không vững trú,
Do vậy nước chảy ngược,
Chỗ ấy nước xoáỵ dừng,
Chỗ ấy danh và s3c,
Được đoạn diet, không dư,32
33
VIII. KINH GIÀU LỚN (Mahaddhanasuttà) (S I. 15)

28. [Vị thiên:]
Sát-đế-lỵ giàu lớn5
Tài sản, quốc độ lớn,
Luôn luôn ganh tỵ nhau,
Hưởng dục không biết ngán.
Giữa người sống khao khát,
Trôi theo dòng tái sanh,
Ai bỏ tật và ái,
Không khao khát giữa đời?
[Thế Tôn:]
Vị xuất gia bỏ nhà,
Bỏ con yêu, gia súc,
32 Trong kinh này chỉ cho ánh sáng của trí tuệ, của sự hăng hái, tinh tấn, của sự tín thành và của lời đức Phật dạy. * 33 Trong trường hợp này chỉ cho Vô dư y Niết-bàn.

Bỏ tham và bỏ sân?
Và từ bỏ vô minh,
Bậc Lậu Tận, La-hán,
Không khao khát giữa đời.
IX. KINH BỐN BÁNH XE (Catucakkasutta) (SI. 16)
29. [Vị thiên:]
Bốn bánh xe, chín cửa,34
Đầy uế,,he lụy tham,
Chìm đắm trong bùn nho,
Ôi? thưa bậc Đại Hùng?
Sanh thú người như vậy?
Tương lai sẽ thế nào?
[Thế Tôn:]
Cắt dây da buộc ràng,
Dục tham và tà ác,
Ái căn được đoạn tận?
35 sẽ như vạy.
Sanh thú34
X. KINH NHƯ CHÂN SƠN DƯƠNG (Enyanghasutta) (5.1. 16)
30. [Vị thiên:]
Chân như chân sơn dương,36
Vừa thon lại vừa mạnh,
Ăn uống có chừng mực,
Không tham lam, say đăm,

Như sư tử5 voi rừng,
Độc hành, không dục vọng.
Sau khi đến9 con hỏi,
Làm sao thoát khô đau?
[Thế Tôn:]
Có năm dục ở đời5
Ý căn là thứ sáu5
Ở đây, bỏ ước muốn5
Như vậy thoát khổ đau.
34 Thân với bốn uy nghi (đi, đứng, nằm, ngồi) và chín lỗ (hai mắt, hai tai, hai mũi, một miệng, chỗ đại tiện, tiểu tiện). 35 Yãtrã. Xem s. I. 33; KS. I. 44, Accharãsutta. 36 Đây là một tướng của bậc Đại nhân.

22 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ I. THIÊN CÓ KỆ

IV PHẨM QUÀN TIÊN (SATULLAPAKẴYIKAVAGGA)

L KINH VỚI NGƯỜI THIỆN (Sabbhisutta) (5. L 16)
31. Như vầy tôi nghe.
Một thòi, Thế Tôn ở Sãvatthi (Xá-vệ)5 Jetavana (Thắng Lâm)5 tại vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc).
Rồi rất nhiều quần tiên Satullapa/7 sau khi đêm đã gàn mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ
Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên5 một vị thiên nói lên bài kệ này trước Thê Tôn:
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Được tốt hơn, không xấu.
Rồi một vị thiên khác lại nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Hãy thân với người lành,
Hãy gân gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hi11,38
Được tuệ5 không gì khác.
Rồi một vị thiên khác lại nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền53738
39
Không sầu giữa sầu muộn.
37 SA. 1.43f: Ngài Buddhạghosa giải thích rằng trong một kiếp về trước, những ngượi nậy là thủy thủ của một chiếc tàu buồn. Khi ấy đang trên biển, họ gặp bão lơn, tàu sắp

chìm, tất cahọđệu hốt hoảng, kinh sợ. Trong số họ, có một ngươi ngoi yên lặng. Mọi người hỏi vị ấy: "Vi sao ông có thể bình tĩnh như vậy?,, Vị ấy đã trả lời: C4Chinh vì nghĩ đến nhưng việc thiện đã làm được trước đây,Achắc chắn sẽ hạnh phúc khi tai sinh, nên không còn phải lo lắng gì . Những người trên tàu khẩn nài VỊ ấy giúp đỡ. Vị ấy chia họ thành bảy nhóm, mỗi nhóm 100 người va bảo họ xướng lớn trong mưa bão, nguyện thọ trì Năm giới. Họ tin tưởng giới luật, sự hành trì giới luật sẽ mang lại hạnh phúc cho họ và xác chưng những việc thiện họ đã làm. Sau đó họ thác sanh vào thiên giới của Thiên chủ Đe-thích (Sakka), mỗi người sông trong một tòa lâu đài bằng^vàng/S. Ị. 9; KS. I. 15). Ngay khi được sanh vào cõi trời, họ biết rõ nhân quahanhphuc của mình nên đông đen yết kiến đức Phật va tán thán vị Thầy vĩ đại của mình. Họ được gọi là Satullapã, theo ý nghĩa là từng nhóm 100 người xướng to giới luật. 38 XemJ V.483. 39 Xem s. I. 56 (kinh 102 ở dưới); J. V. 483.

1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN 23

Rồi một vị thiên khác lại nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biet Diệu pháp người hiền,
Tỏa sáng giữa mọi người.
Rồi một vị thiên khác lại nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Hãy thân với người lành5
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Chúng sanh sanh thiện thú.
Rồi một vị thiên khác lại nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Hãy thân với người lành?
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Chúng sanh thường hưởng lạc.
Rồi một vị thiên khác bạch Thế Tôn:
Bạch Thế Tôn5 trong tất cả các vị ấy, ai đã nói lên một cách tốt đẹp?
-về vấn đề này, tất cả các ông đều nói lên một cách tốt đẹp. Tuy vậy, hãy nghe lời Ta nói:
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp n^ười hiền,
Giải thoát mọi khổ đau.
Thế Tôn thuyết giảng như vậy5 quần tiên ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.
IL KINH XAN THAM (Maccharisutta)^ (S. I. 18)
32. Một thời5 Thế Tôn trú ở Sẫvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapindika.

Rồi rất nhiều quần tiên Satullapa, sau khi đêm đã gần mãn5 với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ
Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên5 một vị thiên nói lên bài kệ này trước Thê Tôn:
Vì xan tham, phóng dật,
Như vậy không bố thí.
Ai ước mong công dức,
Có trí nên bo thí.
Rồi một vị thiên khác nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Điều kẻ xan tham sợ5
Nên không dám bố thí.
Sợ ấy đến với họ5
40 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1288. 0354c20); Biệt 7.(r02. 0100.286. 0473Ồ23).

Chính vì không bố thí.
Điều kẻ xan tham sợ?
Chính là đói và khát,
Kẻ ngu phải cảm thọ,
Đời này và đời sau.
Vậy hãy chế xan tham,
Bố thí nhiếp cấu uế,
Chúng sanh vững an trú,
Công đức trong đời sau.
Rồi một vị thiên khác nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Không chết giữa người chết?
Như thiện hữu trên đường,
San sẻ lương thực hiếm,
Thường pháp là như vậy.
Kẻ ít vui san sẻ,
Kẻ nhiều không muốn cho,
Bố thí từ kẻ khó,
Trị giá gấp ngàn lần.
Rồi một vị thiên khác nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Khó thay sự đem cho,
Khó thay làm hạnh ấy.
Kẻ ác không làm theo,
Khó theo4142pháp bậc lành!
Do vậy kẻ hiền, ác,
Sanh thú phải sai khác,

Kẻ ác sanh địa ngục,
Người lành lên cõi trời.
Rồi một vị thiên khác bạch Thế Tôn:
Bạch Thế Tôn, trong tất cả các vị ấy, vị nào đã nói một cách tốt đẹp?
-về vấn đề này, tất cả các ông đã nói một cách tốt đẹp. Tuy vậy? hãy nghe lời Ta nói:
Sở hành vẫn chơn chánh,
Dầu phải sống vụn vặt,
Dầu phải nuôi vợ con,
Với đồ ăn lượm lặt,42
Nhtrng vẫn bố thí được?
Từ vật chứa ít ỏi,
41 Durannayo = Duranvayo: Khó làm theo. 42 Chủ giải'. Những bông lúa rơi vãi trên sàn đập lúa.

1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN « 25

Từ ngàn người bố thí,
Từ trăm ngàn vật cho,
Trị giá không ngang bằng,
Kẻ bố thí như vậy.43
Rồi một vị thiên khác nói lên bài kệ này với Thế Tôn:
Vì sao họ bố thí,
Rộng lớn nhiều như vậy5
Trị giá không ngang bằng,
Kẻ nghèo, chơn bố thí?
Sao ngàn người bố thí,
Từ trăm ngàn vật cho,
Trị giá không ngang bằng,
Kẻ bố thí như vậy?
Rồi Thế Tôn nói lên bài kệ này với vị thiên ấy:
Có những người bố thí,
Một cách bất bình thường,
Sau khi chém và giết,
Mới làm vơi nỗi sầu.
Sự bố thí như vậy,
Đầy nước mắt đánh đập?
Trị giá không ngang bằng,
Kẻ nghèo, chơn bố thí.
Từ ngàn người bố thí,
Từ trăm ngàn vật cho,
Trị giá không ngang bằng,

Kẻ bố thí như vậy.

III. KINH LÀNH THAY (Sãdhusuttd) (5.1. 20)

33. Nhân duyên ở Sãvatthi.

Rồi rất nhiều quần tiên Satullapa, khi đêm đã gần mãn? với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thê Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế

Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, một vị thiên nói lên lời cảm hứng này trước Thê Tôn:

Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Vì xan tham, phóng dật,
Như vậy không bố thí.
Ai ước mong công dức,
Có trí nên bố thí.

43 Kalãm. Theo nghĩa đen là một phần, một mẩu nhỏ.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
BỐ thí trong thiếu thốn!
Kẻ ít, vui san sẻ,
Kẻ nhiêu, không muôn cho,
Bố thí từ kẻ khó5
Trị giá gấp ngàn lần.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
BỐ thí trong thiếu thốn!
Lành thay sự bố thí,
Phát xuất từ lòng tin!
Bố thí và đánh nhau,
Được nói là băng nhau.
Một số ít kẻ lành,
Thắng xa số đông người.
Ví dầu cho có ít,
Nhưng cho với lòng tin,
Do vậy được an lạc,
Vì lợi ích cho người.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:
Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bố thí trong thiếu thốn!
Lành thay sự bố thí,
Phát xuất từ lòng tin!
Lành thay sự bố thí,
Với tài sản hợp pháp!
Ai là người bố thí,
Với tài sản hợp pháp,
Do nỗ lực tinh tấn,
Nhờ vậy thâu hoạch được.
Vị ấy vượt dòng sông,44
Thần chết Dạ-ma giới5
44 Vetaranī. Chỉ cho sông địa ngục. Xem J. V. 266.

1. TƯƠNG UNG CHƯ THIÊN 27

Sau khi chết được sanh,
Chỗ trú xứ chư thiên.
Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:
Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bố thí trong thiếu thốn!
Lành thay sự bố thí,
Phát xuất từ lòng tin!
Lành thay sự bố thí,
Với tài sản hợp pháp!
Lành thay sự bố thí,
Có suy tư sáng suốt!
Bố thí có suy tu,
Bậc Thiện Thệ tán thán.
Bố thí cho những vị?
Đáng kính trọng ở đời,
Bố thí những vị ấy,
Được hưởng quả phước lớn,
Như hạt giông tôt dẹp,
Gieo vào ruộng tốt lành.
Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bố thí trong thiếu thốn!
Lành thay sự bố thí,
Phát xuất từ lòng tin!
Lành thay sự bố thí,
Với tài sản hợp pháp!
Lành thay sự bố thí,
Có suy tư sáng suốt!
Lành thay sự tự chế,
Đối với các chúng sanh!
Giữa chúng sanh hữu tình,
Ai sống không làm hại,
Sợ người khác chỉ trích,
Không làm ác, bất thiện,
Họ khen kẻ nhút nhát,
Nên chẳng phải người hùng,
28 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

Chính sợ bị chỉ trích,
Người lành không làm ác.
Rồi một vị thiên khác bạch Thế Tôn:
Bạch Thế Tôn, giữa chúng con, lời nói ai được tốt đẹp?
về vấn đề này, tất cả các ông đều nói lên một cách tốt đẹp. Tuy vậy5 hãy nghe lời của Ta:
Bố thí với lòng tin,
Được tán thán nhiều mặt,
Có pháp hơn bố thí,
Pháp ấy là Đạo pháp.
Từ xưa, từ xa xưa,
Người lành, người chơn thiện,45
Với trí tuệ sáng suốt,
Đạt đến cảnh Niết-bàn.
IV. KINH CHÚNG KHÔNG PHẢI (Nasaníisutta) (S I. 22)
34. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc).
Rồi rất nhiều quần tiên Satullapa, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ
Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, một vị thiên nói lên bài kệ này trước

Thê Tôn:
Giữa loài người chúng ta,
Có các dục vô thường,
Ai hưởng chúng ở đời5
Bị chúng trói, chúng buộc.
Phóng dật đối với chúng,
Khó thoát ly với chúng,
Người nào khó thoát ly,
Bị thần chết chinh phục.
Họa từ dục vọng sanh,
Khổ từ dục vọng khởi,
Dục vọng được nhiếp phục,
Nhờ vậy họa nhiếp phục5
Tai họa được nhiếp phục,
Nhờ vậy khổ nhiếp phục.
Vật sai biệt ở đời,
Chúng không phải các dục?
Chính tư niệm tham ái,
45 Chú giải viết như đức Phật Ca-diếp (Kassapa Buddha), đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni (Konãgamana Buddha) và chư Phật quá khứ khác.

1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN 29

Là dục vọng con người.
Vật sai biệt tồn tại,
Như vậy ở trên đời,
Do vậy bậc hiền trí,
Điều phục các dục vọng.46
Hãy từ bỏ phẫn nộ5
Hãy nhiếp phục kiêu mạn,47
Hãy vuyt qua tất cả?
Mọi kiết sử trói buộc.
Chớ có quá chấp trước,
Đối với danh sắc ấy,
Khổ không thể đến được,
Với ai không có gì.
Hãy từ bỏ tính toán,
Không chạy theo hư tưởng,
Cắt đứt mọi tham ái?
Với danh sắc ở đời5
Vị ây đoạn phiên trược?

Không lo âu, không ái.
Chư thiên và loài người,
Đời này hay đời sau5
Ở cảnh giới chư thiên,
Hay tại mọi trú xứ,
Tìm cầu nhưng không gặp, vết tích của vị ấy.
[Họ tìm nhimg không thấy,
Vị giải thoát như vậy.]
[Tôn giả Mogharaja:]
Chư thiên và loài người,
Đời này hay đời sau,
Bậc Tối thượng loài người,
Lo hạnh phúc chúng sanh,
Họ đảnh lễ vị ấy,
Nên tán thán họ không?
[Thế Tôn:]
Này Mogharaja,
Cũng nên tán thán hẹ),
Họ đảnh lễ vị ấy,
Bậc giải thoát như vậy.
46 Bài kệ này được viết trong A. III. 411. 47 Xem s. I. 25 (kinh 36 ở dưới). Xem Dh. V. 221.

30 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

Này Tỷ-kheo khất sĩ,
Neu họ biết Chánh pháp,
Đoạn trừ được nghi hoặc,
Họ trở thành giải thoát.
V. KINH UJJHANASANNIKA (Vjjhanasannisutta) (S I. 23)
35. Một thòi, Thế Tôn ở Sãvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anâthapindika (Cấp Cô Độc).
Rồi rất nhiều quần tiên Ujjhanasannika (Hiềm Trách thiên),48 sau khi đêm đã gần mãn5 với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế
Tôn; sau khi đến, các vị ấy đứng giữa hư không.
Rồi một vị thiên đứng giữa hư không, nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Những ai nói mình khác,
Với điều họ thực có?
Thời mọi vật thọ dung,
Xem như do trộm cắp,
Chẳng khác kẻ gian manh5
Dùng lừa đảo trộm cắp.

Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Không làm, nói có làm,
Kẻ trí biết rõ họ.
[Thế Tôn:]
Những ai chỉ biết nói,
Hay chỉ biết nghe thôi,
Những _ 9 người hạng r như vậy5
Không thê nào tiên bộ.
Khó nhọc thay con đường,
Giúp kẻ trí giải thoát!
Nhờ thiền định thiêu cháy9
Mọi trói buộc quần ma.
Kẻ trí không làm vậy,
Sau khi biết thế tình,
Với trí, chứng Niết-bàn,
Vượt chấp trước ở đời.
Rồi các quần tiên ấy đứng xuống đất, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch rr^i A rr^
Thê Ton:
Đây là tội lỗi của chúng con, bạch Thế Tôn. Chúng con tạo tội lỗi vì ngu
48 Theo Ngài Buddhaghosa, chư thiên này không ở một thế giới riêng. Họ được nghe Sa-môn Gotama tán thán đệ tử tu khổ hạnh hơn họ.

xuẩn, vì mê mờ, vì bất thiện. Chúng con nghĩ chúng con có thể công kích Thế
Tôn. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho chúng con, lỗi lầm này là lỗi làm để gìn giữ trong tương lai.
Rôi The Ton mim cười.
Các quần tiên ấy càng tức tối thêm và bay lên hư không.
Một vị thiên nói bài kệ này trước Thế Tôn:
Ai không chịu chấp nhận,
Tội lỗi được phát lộ,
Nội phẫn, ưa sân hận,
Hận thù càng kiên chặt.
[Thế Tôn:]
Nếu không có tội lỗi5
Ở đây không lầm lạc,
Hận thù không thể tiêu,
Do gì xem là thiện?
[Vị thiên:]

Với ai không tội lỗi?
Với ai không lầm lạc?
Ai không bị si mê?
Ai kẻ trí thường niệm?
[Thế Tôn:]
Như Lai, bậc Giác Ngộ,
Thương xót mọi hữu tình,
Nơi Ngài không tội lỗi,
Nơi Ngài không lầm lạc,
Ngài không bị si mê5
Ngài chánh trí thường niệm.
Ai không chịu chấp nhận,
Tội lỗi được phát lộ,
Nội phẫn, ưa sân hận,
Hận thù càng kiên chặt.
Ta không thích hận thù,
Ta nhận tội các ông.
VL KINH LÒNG TIN (Saddhasutta)49 (S. I. 25)
36. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi (Xá-vệ)? Jetavana (Thắng Lâm) tại vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc).
Rồi rất nhiều quần tiên Satullapakãyikã, khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana5 đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ
49 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1286. 0354bll); Biệt Tạp.(T.02. 0100.284. 0473a07).

Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, một vị thiên nói lên bài kệ này trước The Ton:
Tín là người thứ hai,
Là bạn của loài người,
Neu không trú bất tín,
Được danh dự5 xưng tán5
Sau khi bỏ thân này?
Được sanh lên thiên giới.
Rồi các vị thiên khác nói lên những bài kệ này trước Thế Tôn:
Hãy từ bỏ phẫn nộ5
Hãy nhiếp phục kiêu mạn,
Hãy vượt qua tất cả?
Mọi kiết sử trói buộc.
Chớ có quá chấp trước,
Đối với danh sắc ấy,

Tham không thể đến được,50
Với ai không có gì.
Kẻ ngu không trí tuệ5
Mới đam mê5 phóng dật5
Kẻ trí không phóng dật,
Như giữ tài vật quý.
Chớ đam mê, phóng dật?
Chớ đắm say ái dục,
Thiền tư, không phóng dật5
Đạt được tối thắng lạc.51
VII. KINH TỤ HỘI (Samayasutta)52 (S I. 26) 37. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở giữa dòng họ Sakka (Thích-ca), tại Kapilavatthu (Ca- tỳ-la-vệ)? ở Đại Lâm, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị? tất cả đều là bậc A-la-hán. Và chư thiên ở mười phương thế giới phần lớn cũng thường tụ hội để chiêm ngưỡng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo. Rồi bốn vị Tịnh Cư thiên (Suddhãvăsa)53 suy nghĩ như sau: "Thế Tôn nay ở giữa dân chúng Sakka, thành Kapilavatthu, tại Đại Lâm, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị? tất cả đều là bậc A-la-hán. Chư thiên ở mười phương thế giới phần lớn cũng thường tụ hội để chiêm ngưỡng Thế Tôn và

50 Xem s. I. 25 (kinh 36 ở trên). 51 Bài kệ này được xem là do Angulimãla nói lên. Xem M. II. 105; Thag. V. 883. 52 Tham chieu: Đại hội kỉnh (7.01. 0001.19. 0079Ồ02); Tạp. Ế(r.02. 0099.1192. 0323al2); Biệt Tạp.(^02. 0100.105. 041Ù24). 53 Thiên giới cao nhất ở sắc giới.

chúng Tỷ-kheo. Vậy chúng ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, mỗi chúng ta đọc một bài kệ dâng lên Thế Ton." Rồi chư thiên ấy, nhanh như lực sĩ duỗi cánh tay đã co lại, hay co cánh tay đã duỗi ra, biến mất từ Tịnh Cư thiên và hiện ra trước Thế Tôn. Chư thiên ấy đảnh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, một vị thiên đọc bài kệ trước Thế Tôn: Đại hội tại Đại Lâm, Chư thiên đồng tụ tạp, Chúng con đến pháp hội5 Đảnh lễ chúng Bất Thắng. Rồi một vị thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn: Tại đây chúng Tỷ-kheo, Thiền định5 tâm chánh trực, Như chủ xe nắm cương, Bậc Hiền hộ các căn. Lại một vị thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn: Như khóa gãy? chốt tháo, Trụ bị đào, tham đoạn, Sông thanh tịnh, vô câu5 Có mắt, voi khéo điều. Lại một vị thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn: Những ai quy y Phật? Sẽ không đọa ác thú, Sau khi bỏ thân người, Sẽ sanh làm chư thiên. VIII. KINH MIẾNG ĐÁ VỤN (Sakalikasutta)54 (S I. 27) 38. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Rậjagaha (Vương Xá), tại vườn nai Maddakucchi. Lúc bấy giờ, chân Thế Tôn bị miếng đá bể đâm phải. Cảm thọ Thế Tôn mãnh liệt. Thân cảm thọ khô dau, nhói đau, nhức nhôi, khôc liệt, không khoái tâm, không thích thú. Nhưng Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, nhẫn chịu, không có phiền não. Rồi Thế Tôn cho trải áo Tăng-già-lê (SanghãỊí) xếp tư lại, nằm xuống phía hông bên phải như dáng điệu con sư tử9 chân đặt trên chân, chánh niệm

tỉnh giác. Rồi bảy trăm quân tiên Satullapakãyikã, sau khi đêm đã gân mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Maddakucchi, đi đến Thế Tôn; sau khi đến5

54 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1289. 0355al9); Biệt Tạp.(T.02. 0100.287. 0473c27).

đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên? một vị thiên đọc lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn: Sa-môn Gotama thật là bậc Long Tượng! Và với tư cách bậc Long Tượng, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên? khổ dau, nhói đau, nhức nhối, khốc liệt9 không khoái tâm, không thích thú; Ngài chánh niệm tỉnh giác, nhẫn chịu, không có phiền não. Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn: Sa-môn Gotama thật là bậc Sư Tử! Và với tư cách bậc Sư Tử, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khô đau... không có phiên não. Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn: Sa-môn Gotama thật là bậc Lương Tuấn Mã! Và với tư cách bậc Lương Tuân Mã5 Ngài nhân chịu thân thọ khởi lên, khô đau... không có phiên não. Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn: Sa-môn Gotama thật là bậc Ngưu Vương! Và với tư cách bậc Ngưu Vương, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên5 khổ đau... không có phiền não. Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn: Sa-môn Gotama thật là bậc Nhẫn Nại Kiên Cường! Và với tư cách bậc Nhặn Nại Kiên Cường, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não. Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn: Sa-môn Gotama thật là bậc Khéo Điều Phục! Và với tư cách bậc Khéo Điều Phục, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên5 khổ đau... không có phiền não. Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn: Hãy xem tâm của Ngài khéo được tu tập thiền định và giải thoát, không có nổi lên5 không có chìm xuống5 mọi hành động được tác thành, không có ai kích thích. Ai có thể nghĩ mình đi ngược lại một bậc Long Tượng như vậy, một bậc Sư Tử như vậy5 một bậc Lương Tuấn Mã như vậy, một bậc Ngưu Vương như vậy? một bậc Nhẫn Nại Kiên Cường như vậy, một bậc Khéo Điều Phục như vậy, trừ phi là một người mù. Các vị Bà-la-môn, Tinh thông năm Vệ-đà,55 Dầu tu tập khổ hạnh, Cho đến hàng trăm năm, Tâm họ không có thể, Chơn chánh được giải thoát, Tự tánh quá hạ liệt, Không đến bờ bên kia.

55 Thường các vị kiết tập Nỉkãya nói đến ba tập Vệ-đà.

Bị khát ái chi phối5
Bị giới cấm trói buộc,
Dầu tu tập khổ hạnh,
Cho đến hàng trăm năm5
Tâm họ không có thể,
Chơn chánh được giải thoát,
Tự tánh quá hạ liệt,
Không đến bờ bên kia.

Ở đời không nhiếp phục,
Kiêu mạn cùng các dục,
Tâm không được an tịnh?
IGiông tu tập thiền định,
Ở trong rừng cô độc,
Nhưng tâm tư phóng dật,
Vị ấy khó vượt khỏi5
Sự chinh phục tử thần.
Nhiếp phục được kiêu mạn,
Khéo tu tập thiền định,
Tâm tư khéo an tịnh,
Giải thoát được viên mãn,
Ở trong rừng cô độc5
Tâm tư không phóng dật,
Vị ấy khéo vượt khỏi,
Sự chinh phục tử thần.

IX. KINH CON GÁI ĐÀU CỦA PAJJUNNA

(PaỊhamapạịjunnadhĩtusuttà)56 (S. I. 29)

39. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

Rồi Kokanadã, con gái của Pajjunna, sau khi đêm vừa mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Đại Lâm, đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ

Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên nữ Kokanadã, con gái của

Pajjunna, nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,
Thượng thủ các chúng sanh,
Nay an trú Đại Lâm,
Tại thành Vesãli9

56 Trong kinh viết tên cô ỉà Kokanadã. Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Pajjunna s Daughter, nghĩa là Con gái của Pajjunna. Tham chiếu: Tạp.(Ô2. 0099.1274. 0350a26); Biệt Tạp.(r.02. 0100.272 0469al7).

Hãy để con đảnh lễ,
Con gái Pajjunna,
Tên Kokanadã.
Từ trước con chỉ nghe,
Pháp do Ngài chứng ngộ?
Nhờ Pháp nhãn [vô thượng]
Ngày nay con có thê,

Biết được Chánh pháp ấy,
Do Thiện Thệ thuyết giảng,
Bậc Mâu-ni Chánh Giác.
Những ai kém trí tuệ,
Khinh bác, chống Thánh pháp?
Sẽ rơi vào địa ngục,
Mệnh danh Roruva,
Trải thời gian lâu dài,
Thọ lãnh nhiều thống khổ.
Những ai đối Thánh pháp,
Kham nhẫn, tâm tịch tịnh5
Từ bỏ thân làm người,
Viên mãn thân chư thiên.

X. KINH CON GÁI THỨ CỦA PAJJUNNA

(Dutiyapajjunnadhitusutta)51 (S I. 30)

40. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vèsãli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

Rồi Cũlakokanadã, con gái của Pajjunna, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Đại Lâm, đi đến Thế Tôn; sau khi đi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Cũlakokanadã, con gái của

Pạjjunna9 nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Con gái Pajjunna,
Tên Kokanadã,
Dung sắc như điện quang,
Nàng đã đến tại đây,
Đảnh lễ Phật và Pháp,
Nói kệ lợi ích này.
Dầu với nhiều pháp môn,
Con phân tích pháp này,

7 Trong kinh viết tên cô là Culakokanadã. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1273. 0349c23); Biệt Tạp. (.02. 0100.271. 0469a03).

1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN 37

Nhưng lược nghĩa con nói,
Theo ý con hiểu biết:
Ở đời chớ làm ác,
Cả ba thân9 khẩu, ý?
Từ bỏ mọi thứ dục,
Chánh niệm, tâm tỉnh giác,
Không khổ hạnh ép xác,

Vô bổ5 không lợi ích.

38 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

V PHẨM THIÊU CHÁY (ĂDITTAVAGGA)

L KINH THIÊU CHÁY (Ăđittasutta)^ (5. L 31)

41. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi (Xá-vệ)? Jetavana (Thắng Lâm), tai vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Rồi một vị thiên, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sac thù thắnẸ chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn roi đứng một bên. Đứng một bên5 vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước The Ton:

Trong ngôi nhà thiêu cháy,
Vật dụng đem ra ngoài,
Vật ấy có lợi ích,
Không phải vật bị thiêu.
Cũng vậy5 trong đời này,
Bị già chết thiêu cháy,58
5960
Hãy đem ra bằng thí,
Vật thí khéo đem ra.
Có thí, có lạc quả?
Không thí, không như vậy.
Kẻ trộm? vua cướp đoạt,
Lửa thiêu đốt hủy hoại.
Khi giờ cuối cùng đến,
Bỏ thân, bỏ sở hữu.
Kẻ trí hiểu biết vậy?
Thọ dụng và bố thí,
Thí xong, thọ dụng xong,
Theo lực hành động ấy,
Không bị ai chỉ trích,
Vị ấy được sanh thiên.

II. KINH CHO GÌ? (Kimdadasuttă)^ (5.1. 32)

42. [Vị thiên:]

Cho gì là cho lực?

58 Tham chiếu: Biệt Tạp,(T.02. 0100.87. 0403cl2). 59 Lửa: Chỉ cho 11 thứ lửa ở đời: Tham, sân, si, sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. 60 Tham chiếu: Tạp.(T.Q2. 0099.998. 0261bl7); Biệt Tạp.(T.02. 0100.135. 0426ỒỒ27).

1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN 39

Cho gì là cho sắc?

Cho gì là cho lạc?
Cho gì là cho mắt?
Cho gì cho tất cả?
Xin đáp điều con hỏi.
[Thế Tôn:]
Cho ăn là cho lực.
Cho mặc là cho sắc.61
Cho xe62 là cho lạc.
Cho đèn là cho mắt.
Ai cho chỗ trú xứ,
Vị ấy cho tất cả.
Ai ệiảng dạy Chánh pháp,
Vị ay cho bất tử.
III. KINH ĐỒ ĂN (Annasutta) (SL 32)
43. [Vị thiên:]
Trời, người, cả hai loài,
Đều ưa thích ăn uống?
Vị dạ-xoa tên gì,
Lại không thích ăn uống?
[Thế Tôn:]
Ai cho với lòng tin,
Với tâm tư thanh tịnh?
Được phần món ăn ấy,
Đời này và đời sau.
Vậy hãy ngừa xan tham,6364
Bố thí, nhiếp cấu uế,
Hữu tình vững an trú,
Công đức trong đời sau.
IV. KINH MỘT CẢN RẺ (Ekamũỉasutta)(y I. 32)
44. Một rễ5 hai phương diện,
Ba uế, năm môi trường,
Biển lớn, mười hai họa,
Vực xoáy,64 bậc Thánh siêu.
61 Chủ giải: Như người đẹp ăn mặc vụng về cũng ửở thành xấu, và người xấu ăn mặc đẹp có thể trở thành đẹp. 62 Chủ giải'. Đây gồm những phương tiên di động hay bất động như voi,... hay dù, giày dép, cây gậy, kiệu cáng,... vật va đường, bạc than cấu đường,... tau bè. 63 Xem s. I. 18 (kinh 32 ở trước). 64 Tanhã'. Tham ái là câu trả lời cho vấn đề sâu xa này.:'G6c rễ" của tham ái chính la vô minh. í4Hai phương dien" đó là các quan điểm cho rằng linh hồn là bất diệt hay có thời điểm phải biến mất. 4tBa uế" hay bộ ba lậu hoặc là tham, sân, si. ctNăm môi trường,, là 5 dục. 4tBiêĩi lớn,, là tham ái,

không biêt thỏa mãn. ÍUMười hai họa,, là 6 căn và 6 trần. Xem Pss. Breth. 418f.

40 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

V KINH BẬC HOÀN TOÀN (Anomasutta) (S. I. 33)
45. Bậc viên mãn toàn diện,
Thấy được nghĩa bí huyền,65
Ban phát chân trí tuệ,
Thoát ly khỏi dục tạng,
Thây được bậc Toàn Trí,
Bậc Thiện Tuệ (Trí Giác).
Vị Đại Thánh dấn bước,
Trên con đường Thánh đạo.
VI. KINH THIÊN NỮ (Ạccharãsuttd) (5.1. 33)
46. [Vị thiên:]
Thiên nữ65 66 đoàn tụ hội?
Ngạ quỷ chúng tới lui,
Rừng ấy danh rừng si,
Làm sao có lối thoát?
[Thế Tôn:]
Đường ấy tên chơn trực,
Phương ấy danh vô úy5
Cỗ xe6768 gọi vô thanh,68
Với pháp luân khéo ráp5
Tàm là tấm ván dựa,6970
Niệm là trướng màn xe,7
Ta nói vị đánh xe,
Tức là Chơn diệu pháp,
Và chính chánh tri kiến,
Mau chóng đi tiên phong.
Không kể nam hay nữ,
Đêu dùng cô xe ây?
Chính nhờ cỗ xe ấy.9
Hướng tiến đến Niết-bàn.
65 Anomanãmam. Xem Buddhist Birth stories, 85; Sn. 27, 31. Theo Ngài Buddhaghosa, đây có nghĩa là không có khuyết phạm, hoàn toàn đầy đủ tánh tốt. 66 Sự tích một vị Tỷ-kheo vì bắt chước bậc Đạo sư, tinh tấn tu tập quá mức nên bị chết thình lình khi đứng dựa vào một cây cột. Vì còn lậu hoặc, vị ấy sanh vào chư thiên Tam Thập Tam đứng dựa vào cây cột. Vị này được các thiên nữ ca múa chào đón nhưjà Thiên chủ nhưng vẫn cư tưởng mình là Tỷ-kheọ, và,khi được SOI vào gương thần mới biết sự thật. Hết sức thất vọng, vị này cùng các thiên nữ đi đến yết kiến Thế Tôn, và chi trích các thú

vui thiên giới với các bài kệ. Ngôi vươn tên Nandana (Hoan Hỷ), vị này đặt lại tên là Mohaca (Vô Minh). Xem s. I. 16 (kinh 29 ở trươc). 67 Xem ỳ IV. 291. 68 Vô thanh, vì trục xe được gắn khít khao với ống xe nên không kêu. Trong Chủ giải, Ngài Buddhaghosa giải thích con đường và cỗ xe là Bát chánh đạo. 69 Để các chiến binh khỏi rơi ra ngoài xe. Chủ giải: Đây chỉ cho tàm. Xem s. I. 7 (kinh 18 ở trước). 70 Chú giải: Như da con sư tử.

1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN 41

VII. KINH TRỒNG RỪNG (Vanaropasutta) (S I. 33)
47. [Vị thiên:]
Những ai ngày lẫn đêm?
Công đức luôn tăng trưởng,71
Trú pháp, Cụ túc gi&i,
Kẻ nào sanh thiên giới?
[Thế Tôn:]
Ai trồng vườn, trồng rừng,
Ai dựng xây cầu cống,
Đào giêng, cho nước uống.
Những ai cho nhà cửa5
Những vị ấy ngày dêm,
Công đức luôn tăng trưởng.
Trú pháp? Cụ túc giói,
Những vị ây sanh thiên.
VIII. KINH KỲ VIÊN ựetavanasutta) (5.1. 33)
48. [Vị thiên:]
Đây là rừng Kỳ Viên5
Chỗ trú xứ Thánh chúng,
Chỗ ở đấng Pháp Vương,
Khiên tâm con hoan hỷ.
[Thế Tôn:]
Nghiệp,72 minh và tâm pháp,73
Giới và tối thắng mạng.
Chính những Diệu pháp ấy,
Khiến chúng sanh thanh tịnh?
Không phải vì dòng họ5
Không phải vì tài sản.
[Vị thiên:]
Do vậy bậc hiền trí,
Thấy lợi ích chính mình,
Chánh giác sát tâm pháp,

Như vậy được thanh tịnh.
Như Ngài Xá-lợi-phất?
Tuệ, giới và tịch tịnh,
Tỷ-kheo đến bờ giác,
Ở đây là tối thượng.
71 Công đức được tăng trưởng không phải vì vật cho mà chính vì lòng từ và sự phát tâm trước khi, trong khi và sau khi cho. 72 Chỉ cho cetanā, tư tâm sở, rất quan trọng trong việc chi phối nghiệp. 73 Chỉ cho samādhi, định.

42 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

IX. KINH XAN THAM (Maccharìsutta) (5.1. 34)
49. [Vị thiên:]
Ở đời kẻ xan tham,
Keo kiết hay khước từ,74
Tạo nên những chướng ngại,
Ngăn kẻ khác bố thí,
Đời này và đời sau,
Quả báo hợ là gì?
Chúng con đến tại đây,
Chính muốn hỏi Thế Tôn,
Chúng con muốn được biết,
Thế Tôn đáp thế nào?
[Thế Tôn:]
Ở đời kẻ xan tham,
Keo kiết hay khước từ,
Tạo nên những chướng ngại,
Ngăn kẻ khác bố thí?
Bị tái sanh địa ngục,
Bàng sanh, Dạ-ma giới.
Nếu được sanh làm người,
Sanh gia đình nghèo khó5
Ỵ thực, dục, hỷ]ạc,
Họ được rất khó khăn.
Điều kẻ ngu ước vọng?
Họ không thâu hoạch được,
Quả hiện tại là vậy,
Đời sau sanh ác thú.
[Vị thiên:]
Nhờ những điều Ngài nói5
Chúng con được hiểu vậy.

Tôn giả Gotama,
Con xin hỏi câu khác.
Ở đây được thân người,
Từ tốn không xan tham,
Tin Phật và Chánh pháp,
Cùng tôn trọng chúng Tăng,
Đời này và đời sau,
Quả báo họ là gì?*
74 Khước từ với lời nói: í4Bạn đã cày, gieo hoặc gặt hái được gì? Chúng tôi không nhận được bất cứ thứ gì từ việc cho bạn. Nghỉ làm di!"

1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN 43

Chúng con đến tại đây,
Chính muốn hỏi Thế Tôn,
Chúng con muôn được biêt?
Thế Tôn đáp thế nào?
[Thế Tôn:]
Ở đây được thân người,
Từ tốn không xan tham,
Tin Phật và Chánh pháp,
Cùng tôn trọng chúng Tăng,
Họ chói sáng chư thiên,
Tại đấy họ tái sanh.
Nếu họ sanh làm người,
Họ sanh nhà phú gia,
X thực, dục, hỷ]ạc,
Họ được không khó khăn.
Như các Tự Tại thiên,
Hân hoan được thọ hưởng,
Giữa vật dụng tài sản?
Được người khác quy tụ,
Quả hiện tại là vậyặ
Đời sau sanh thiên giới.
X. KINH THỢ ĐỒ GÓM (GhaĮĩkãrasutta)15 (S I. 35)
50. [Ghatĩkãra:]
Được sanh Vô Phiền thiên,75
76
Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
Đoạn tận tham và sân,
Vượt qua đời triền phược.

[Thế Tôn:]
Vượt bùn5 họ là ai,
Khó vượt lệnh thần chết,
Sau khi bỏ thân người,
Họ thoát ách chư thiên?
[Ghatīkāra:]
Họ là upaka,
Và Palaganda,
Với Pukkusāti,
Hợp thành là ba vị.
75 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.595. 0159b04); Biệt Tạp.(T.02. 0100.189. 0442Ồ25). 76 Àvihã: Côi thứ 12 trong 16 cõi thuộc Phạm thiên giới.

Lại thêm Bhaddiya,
Với Khandadeva,
Và Bāhuraggi,
Cùng với Sihgiya,
Sau khi bỏ thân người,
Họ thoát ách chư thiên.
[Thế Tôn:]
Nguôi nói điều tốt lành,
Ve bảy Tỷ-kheo ấy.
Họ thoát ly, đoạn trừ,
Các cạm bẫy Ma vương,
Pháp họ biết của ai?
Đoạn diệt hữu kiết sử?
[Ghatīkāra:]
Không ai ngoài Thế Tôn,
Chính thật giáo lý Ngài,
Họ biết pháp của Ngài?
Đoạn được hữu kiết sử.
Chỗ nào danh và sắc?77
Được đoạn diệt, không du,
Họ học được pháp ấy,
Ở đây, từ nơi Ngài,
Nhờ vậy họ đoạn trừ,
Hữu kiết sử trói buộc.
[Thế Tôn:]
Lời nói người thâm sâu,

Khó biết, kho chứng ngộ,
Pháp ông biết của ai,
Sao ông không nói được?
[Ghatīkāra:]
Thuở xưa, con thợ gôm,
Tại VehaḷiÒga,
Và con được tên gọi,
Là Ghatīkấra.
Chính con lo nuôi dưỡng,
Cả mẹ lẫn cả cha.
Đối vơi Phật Ca-diếp,
Con đệ tử tại gia.
Con viễn ly dâm dục5
77 Xem s. I. 13 (kinh 23 ở trước).

1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN 45

Phạm hạnh, không thế vật.
Thuở xưa, con đồng hương,
Cũng là bạn của họ5
Do vậy con biết họ,
Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
Đoạn tận tham và sân,
Vượt qua đời triên phược.
[Thế Tôn:]
Vậy này Bhaggava,78
Chính như ông vừa nói,
Thuở xua, ông thợ gốm,
Tại VèhaḷiủgaÒ,
Và ông được tên gọi,
Là Ghatīkãra.
Chính ông lo nuôi dưỡng,
Cả mẹ lẫn cả cha.
Đối với Phật Ca-diếp,
Ông đệ tử tại gia.
Ông viễn ly dâm dục,
Phạm hạnh, không thế vật.
Thuở xưa, ông đồng hương,
Cũng là bạn của Ta.
Như vậy là hội ngộ?
Giữa những bạn thời xua,

Cả hai khéo tu tập,
Mang thân này tối hậu.
78 Tên của người thợ gốm ở Vương Xá. Xem M. III. 327.

VI. PHẨM GIÀ ỰARÃVAGGA)

I. KINH GIÀ ựarãsutta) (S I. 36)
51 . - Vật gì tốt đến già?
Vật gì tốt kiên trú?
Vật gì vật báu người?
Vật gì cướp khó đoạt?
Giới là tốt đến già.
Tín là tốt kiên trú.
Tuệ, vật báu loài người.
Công đức,79 cướp khó đoạt.
IL KINH KHÔNG GIÀ (Ạiarasãsutta) (S I. 36)
52. -Vật gì tốt không già?
Vật gì tốt trường cửu?
Vật gì vật báu người?
Vật gì cướp không đoạt?
—Giới là tốt không già.
Tín là tốt trường cửu.
Tuệ? vật báu loài người.
Công đức9 cướp không đoạt.
III. KINH BẠN (Mittasuttd) (S I. 36)
53. — Ai bạn kẻ đi đường?
Ai bạn người ở nhà?
Ai bạn khi cần thiết?
Ai bạn cho đời sau?
_ Bạn đường5 bạn đi đường.
Bạn ở nhà là mẹ.
Bạn bè khi cần thiết,
Mới là bạn thường xuyên.
Công đức tự mình làm,
Là bạn cho đời sau.
79 Xem Kh. VIII. 9. Tfong SA. I. 93 viết rằng công đức là tư tâm sở (punnacetana) thiện hành, nó thuộc phi vật chất nên trộm cươp không đoạt được.

IV. KINH Cơ SỞ (Vatthusuttă) (5.1. 37)

54. -Vật gì, cơ sở80 người?
Vật gì, bạn tối thượng (ở đời)?
Hữu tình gì trì mạng,
Y cứ vào địa đại?
Con là cơ sở người.
Vợ là bạn tối thượng.81
Thần mưa82 là trì mạng,
Y cứ vào địa đại.

V. KINH SANH NHÂN THỨ NHẤT (PaḶhamạịanasutta)(y L 37)

55. Cái gì sanh thành người?
Cái gì luôn rong ruổi?
Cái gì chịu luân hồi?
Cái gì người sợ hãi?
-Ái dục sanh thành người.
Chính tâm luôn rong ruổi.
Chúng sanh chịu luân hồi.
Đau khổ, người sợ hãi.

VI. KINH SANH NHÂN THỨ HAI (Dutìyạịanasutta) (5. L 37)

56. - Cái gì sanh thành người?
Cái gì luôn rong ruôi?
Cái gì chịu luân hồi?
Vì dâu, không giải thoát?
Ái dục sanh thành người.
Chính tâm luôn rong ruổi.
Chúng sanh chịu luân hồi.
Vì khổ, không giải thoát.

VII. KINH SANH NHÂN THỨ BA (Tatìyạịanasutta) (S L 38)

57. Cái gì sanh thành người?
Cái gì luôn rong ruổi?
Cái gì chịu luân hồi?
Cái gì người nương tựa?
- Ái dục sanh thành người.
Chính tâm luôn rong ruổi.

80 Vatthu, trong trường hợp này có nghĩa là nền tảng, cũng có nghĩa là chống đỡ, hỗ trợ. 81 Chủ giảải\ Có thể nói những bí mật không thể cho người khác biết. 82 Vutthim bhũtã'. Các vị thần mưa.

Chúng sanh chịu luân hồi.
Chính nghiệp, người nương tựa.

VIIL KINH PHI ĐẠO (Uppathasuttà) (5.1. 38)

58. Cái gì gọi phi đạo?
Cái gì diệt ngày đêm?
Cái gì uế Phạm hạnh?
Cái gì tắm không nước?
Tham dục gọi phi đạo.
Tuổi tác83 diệt ngày đêm.
Nữ nhân uế Phạm hạnh,
Khiến loài người hệ lụy.
Khổ hạnh và Phạm hạnh,
Là tăm không cân nước.

IX. KINH NGƯỜI BẠN (Dutìyasutta) (5.1. 38)

59. Cái gì làm người bạn?84
Cái gì giáo hóa người?
Cái gì người ái lạc,
Giải thoát mọi khổ đau?
Tín thành làm bạn người.
Trí tuệ giáo hóa người.
Người ái lạc Niết-pàn,
Giải thoát mọi khổ đau.

X. KINH NGƯỜI THI sĩ (Kavisuttà) (S. I. 39)

60. - Vật gì nhân kệ tụng?
Vật gì làm tự cú?85
Vật gì kệ y cứ?
Vật gì kệ an trú?
-Âm vận nhân kệ tụng.
Văn tự làm tự cú.
Kệ y cứ đề danh.
Kệ an trú thi nhân.

83 Vayo có nghĩa là Utuổi tác,, trong thuật ngữ thời gian. Trong thành ngữ chúng ta sử dụng trong kinh này là t4cuộc d&i". 84 Xem s. I. 22 (kinh 34 ở trước); s. I. 36 (kinh 51 và 52 ở trước). 85 Chú giải lý giải từ ngữ làm thành câu (pãdă) và câu làm thành kệ (gãthã).

1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN 49

vn. PHẨM THẮNG (ADDHAVAGGAỷ6

I. KINH DANH (Nãmasutta) (SL 39)

61. Vật gì thắng tất cả?
Vật gì không số hơn?

Và có một pháp nào,
Mọi vật đều tùy thuộc?
-Danh vượt thắng tất cả.
Danh không số nào hơn.
Chính danh là một pháp,
Mọi vật đều tùy thuộc.
II. KINH TÂM (Cittasutta) (S. I. 39)
62. — Vật gì dắt dẫn đời?
Vật gì tự não hại?
Và có một pháp nào,
Mọi vật đều tùy thuộc?
Chính tâm dắt dẫn đời.
Chính tâm tự não hại.
Chính tâm là một pháp,
Mọi vật đều tùy thuộc.
IIL KINH KHÁT ÁI (Tanhãsutta) (5.1. 39)
63. - Vật gì dắt dẫn đời?
Vật gì tự não hại?
Và có một pháp nào,
Mọi vật đều tùy thuộc?
- Chính ái dắt dẫn đời.
Chính ái tự não hại.
Chính ái là một pháp,
Mọi vật đều tùy thuộc.*
86 Chú giải viết anvavagga (không phải addhavaggà) và giải thích danh (nãma) là vượt lên (abhỉbhavatỉ) và là gọi tên (anupatati) cho tất òa mọi thứ. Không có chung sanh nào hay vật nào không co tên gọi, cho đến ừĩọt cái cây hay mọt loại khoáng sản, nếu không có tên, thời cũng gọi là vô danh (anãmako).

IV. KINH KIẾT SỬ (Samyojanasutta) (S I. 39)
64. - Vật gì trói buộc đời?
Vật gì dẫn hành87 đời?
Do đoạn trừ pháp gì9
Mới được gọi Niết-bàn?
-Chính hỷ88 trói buộc đời.
Tầm cầu dẫn hành đời.
Do đoạn trừ khát ái,
Mới được gọi Niết-bàn.
V. KINH TRIỀN PHƯỢC (Bandhanasutta) (S L 39)

65. -Vật gì triền phược đời?
Vật gì dẫn hành đời?
Do đoạn trừ pháp gi,
Mọi triền phược đoạn diệt?
_ Chính hỷ triền phược đời.
Tầm cầu dẫn hành đời.
Do đoạn trừ khát ái?
Mọi triền phược đoạn diệt.
VI. KINH BỊ ÁP ĐẢO (Attahatasutta) (SI. 40)
66. -Vật gì áp đảo đời?
Vật gì bao phủ đời?
Tên gì bắn trúng đời?
Bởi gì thường đốt nóng?
Sự chết áp đảo đời.
Già nua bao phủ đời.
Tên ái bắn trúng đời.
Bởi dục, thường đôt nóng.
VIL KINH BỊ TREO CỘT (Udditasutta) (5.1. 40)
67. - Vật gì treo cột đời?
Vật gì bao phủ đời?
Vật gì đóng kín đời?
Trên gi, đời an trú?
Khát ái treo cột đời.
Già nua bao phủ đời.
Sự chết đóng kín đời.
Trên khổ? đời an trú.
87 Theo Chú giải, vicãraụam nghĩa là chân đi của thế gian, chỉ cho cả số nhiều. 88 Nandi. Xem s. I. 1, 2 (kinh 1, 2 ở trước).

1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN 51

VIII. KINH BỊ ĐÓNG KÍN (Pihitasutta)(y I. 40)
68. - Vật gì đóng kín đời?
Trên gì? đời an trú?
Vật gì treo cột đời?
Vật gì bao phủ đời?
- Sự chết đóng kín đời.
Trên khổ? đời an trú.
Khát ái treo cột đời.
Già nua bao phủ đời.
IX. KINH ƯỚC MUỐN ựcchãsutta) (5. L 40)

69. - Vật gì trói buộc đời?
Điêu phục gì được thoát?
Vật được đoạn trừ,
Khiến mọi phược đoạn tận?
- Ước muốn trói buộc đời.
Điều phục dục được thoát.
Ước muốn được đoạn trừ,
Mọi triên phược đoạn tận.
X. KINH THẾ GIAN (Lokasutta) (5.1.41)
70. Trên gì5 thế gian sanh?
Trên gi, được giao tiếp?
Thế gian chấp trước gì?
Trên gì? đời khổ não?
 Trên sáu, thế gian sanh.89
Trên sáu, được giao tiếp.
Thế gian chấp trước sáu.
Trên sáu, đời khổ não.
89 Chỉ cho 6 căn, kể cả ý căn.

52 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

vm. PHẨM ĐOẠN (CHETVÃK4GGA)

I. KINH ĐOẠN DỨT (Chetvãsutta) (5. L 41)
71. Nhân duyên ở Sãvatthi. Đứng một bên5 vị thiên nhân ấy nói lên bài kệ r _ • rT^Ĩ Â r~r\ Ạ với The Tôn:
Đoạn vật gì được lạc?
Đoạn vật gì khổng sầu?
Có một pháp loại gì5
Ngài tán đồng đoạn dứt.
Tôn giả Gotama?
[Thế Tôn:]
Đoạn phẫn nộ được lạc.
Đoạn phẫn nộ không sầu.
Phẫn nộ với độc căn,
Với vi ngọt tối thượng^0
Pháp ấy, bậc Thánh Hiền,
Tán đồng sự đoạn dứt.
Đoạn pháp ấy không sầu5
Này Hiền giả thiên nhân.
II. KINH CỖ XE (Rathasuttã) (S. I. 41)

72. [Vị thiên:]
Cỗ xe hiện tướng gì?
Ngọn lửa hiện tướng gì?
Vương quốc hiện tướng gì?
Phụ nữ hiện tướng gì?
[Thế Tôn:]
Cờ hiện tướng cỗ xe.
Khói hiện tướng ngọn lửa.
Vua hiện tướng vương quốc.
Chồng hiện tướng nữ nhân.
IIL KINH TÀI SẢN(yỉttasuttd) (5.1. 42) 73. [Vị thiên:]

90 Trong Chủ giải, Ngài Buddhaghosa dùng minh họa ngọt tuyệt vời của mật ong." Ngài giải thích cảm giác thích thú, thỏa mãn khơi lên khi đánh trả lại ngươi đã lam hại mình. Bài kẹ này được lặp lại ba lần trong s. I. 46 (kinh 84 ở sau); s. I. 160 (kinh Ì87 ơ sau); s. I. 237 (kinh 267 ở sau).

1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN 53

-Tài sản gì ở đời?
Đối người là tối thượng?
Sự gì khéo tu trì,
Đưa đến chơn an lạc?
Vật gì ngọt tối thượng,
Trong tất cả vị ngọt?
Sống cuộc sống thế nào,
Được gọi sông tôi thượng?
[Thế Tôn:]
Lòng tin ở đời này,
Là tài sản tối thượng.
Chánh pháp khéo tu trì,
Đưa đên chơn an lạc.
Sự thật ngọt tối thượng,
Trong tât cả vị ngọt.
Sống cuộc sống trí tuệ,
Được gọi sông tôi thượng.
IV. KINH MƯA (VuỊhisutta) (S I. 42)
74. [Vị thiên:]
Vật gì được mọc lên?
Là mọc lên tối thượng?
Vật gì được rơi xuống5

Là rơi xuống tối thượng?
Vật gì thường bộ hành?
Vật gì thuyết tối thượng?
[Vị thiên khác:]
Hạt giống được mọc lên,
Là mọc lên tối thượng.
Cơn mưa được rơi xuống,
Là rơi xuống tối thượng.
Con bò thườĩiẸ bộ hành.
I
[Thế Tôn:]
Tuệ minh được mọc lên5
Là mọc lên tối thượnẹ.
Vô minh được rơi xuổng?
Là rơi xuống tối thượng.
Tăng-già thường bộ hành.
Đức Phật thuyết tối thượng.
91 Người con "thuyết tối thượng,, tức ỉà người con không nói lời hại đến cha mẹ.

54 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ I. THIÊN CÓ KỆ

V KINH KHỦNG BỐ (Bhĩtãsutta) (SI. 42)
75. [Vị thiên:]
Vì sao ở đời này,
Rất nhiều người sợ hãi,
Dâu con đường đê cập,
Dưới hình thức sai biệt?
Con hỏi Gotama,
Bậc Trí Tuệ Sáng Suốt,
Phải an trú chỗ nào5
Khỏi sợ hãi đời sau?
[Thế Tôn:]
Hãy chánh trú lời5 ý,
Thân nghiệp chớ làm ác.
Nếu an trú trong nhà,
Với tài sản dồi dào,
Hãy tín tâm? nhu hòa,
Chia tài sản, rộng rãi.
An trú bốn pháp này,
Không sợ hãi đời sau.
VI. KINH KHÔNG GIÀ (Nạiĩratisutta) (5.1. 43)

76. [Vị thiên:]
-Ai già, ai không già?
Thế nào gọi phi đạo?
Vật gì chướng ngại pháp?
Vật gì đem ngày diệt?
Vật gì uế Phạm hạnh?
Vật gì tắm không nước?
Đời bao nhiêu lỗ trống,
Trên ấy, tâm không trú?
Con đến hỏi Thế Tôn?
Mong biết câu trả lời.
[Thế Tôn:]
-Sắc hữu tình bị già,
Danh tánh lại không già.
Tham dục gọi phi đạo.
Tham ái chướng ngại pháp.
Tuổi tác đêm ngày diệt.
Nữ nhân uế Phạm hạnh,
Đắm trước trong uế này,
Là toàn thể chúng sanh.
1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN 55

Khổ hạnh và Phạm hạnh,
Là tắm không cần nước.
Sáu lỗ trống ở đời5
Trên ay, tam không trú.
Biếng nhác và ph6ng dật5 uể oải, không tự chế,
Thụy miên và hôn trầm,
Cả sáu lỗ trống này,
Cần ly khai tất cả.
VII. KINH TÔN CHỦ Ợssariyasutta) (5.1. 43)
77. [Vị thiên:]
-Vật gì chủ ở đời?
Hàng hóa gì tối thượng?
Vật gì làm rỉ sét,
Lưỡi kiếm ở trên đời?9293
Vật gì ở đời này?
Tác thành cõi địa ngục?
Ai đem di, bị chặn?
Ai đem di, được ưa?

Ai thường xuyên đi lại,
Được kẻ trí hoan hỷ?
[Thế Tôn:]
- Thế lực chủ ở đời.
Nữ nhân,93 vật tối thượng.
Phẫn nộ làm rỉ sét?
Lưỡi kiếm ở trên đời.
Kẻ trộm ở đời này?
Tác thành cõi địa ngục.94
Trộm đem đi, bị chặn,
Sa-môn đem, được ưa.95
Sa-môn thường đi lại,
Được kẻ trí hoan hỷ.
VIII. KINH DỤC (Kãmasutta) (S I. 44)
78. [Vị thiên:]
92 Xem Thag. V. 1095. Ngài Buddhaghosa nói đến lưỡi kiếm của sự quán chiếu. 93 Chủ giải: Vì người nữ giữ một vai trò quan trọng; hoặc nói cách khác, từ người nữ, các vị Bồ-tát, quốc vương mới hiện hữtL 9 Abbuda^Xcm s. i. 167 (kinh 195 ở sau); s. I. 170 (kinh 196 ở sau). 95 Chủ giải: Nói đến thẻ nhận vật thực. Trao thẻ nhận vật thực chứng minh cho công đức cúng dường của tín chủ.

Nghĩ lợi, không cho ai?
Con người từ bỏ gì?
Thiện gì nên thốt ra?
Ác gì nên ngăn chặn?
[Thế Tôn:]
Con người không cho mình.96
Không nên từ bỏ mình.97
Lời thiện, nên thốt ra.
Lời ác, nên ngăn chặn.
IX. KINH LƯƠNG THỰC (Pãtheyyasutta) (S. L 44)
79. [Vị thiên:]
Cái gì cột lương thực?
Cái gì hút tài sản?
Cái gì lôi cuốn người?
Ở đời, khó bỏ gì?
Cái gì buộc phàm nhân,
Như chim bị bẫy sập?
[Thế Tôn:]

Lòng tin cột lương thực.
Thần tài hút tài sản.
Lòng muốn lôi cuốn người, ở đời, muốn (icchã) khó bỏ.
Ham muôn buộc phàm nhân,
Như chim bị bẫy sập.
X. KINH ÁNH SÁNG (Pạijotasutta) (5.1. 44)
80. [Vị thiên:]
-Vật gì chiếu sáng đời?
Vật gì thức tỉnh đời?
Ai cộng nghiệp với người?
Cử chỉ chúng là gì?
Ai nuôi kẻ nhác5 siêng,
Như mẹ nuôi con cái?
Hữu tình gì trì mạng,
Y cứ vào địa đại?98
96 Chú giải: Chỉ cho người nô lệ. 91 Chủ giảÊTùc đối với sư tử, cọp... Hai trường hợp này không áp dụng cho vị Bồ-tát. Các tập Jataka đề cập vị Bồ-tát liên quan với cả hai trường hợp. 98 Xem s, I. 37 (kinh 54 ở trước).

1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN 57

[Thế Tôn:]
Trí tuệ chiếu sáng đời.
Chánh niệm thức tỉnh đời.
Bò cộng nghiệp với người,
Đường cày là con đường.
Mưa nuôi kẻ nhác, siêng,
Như mẹ nuôi con cái.
Mưa trì mạng chúng sanh,
Y cứ vào địa đại.
XL KINH KHÔNG TRANH LUẬN (Aranasutta) (S I. 44)
81. [Vị thiên:]
Ai không tranh luận đời?
Ai sống không hoại diệt?
Ai rõ ham muốn đời?
Ai thường xuyên tự tại?
Ai an trú như vậy?
Cha, mẹ? anh kính lễ?
Ai dầu có hạ sanh,
Được Sát-lỵ tôn kính?
[Thế Tôn:]

Sa-môn không tranh đời.
Sa-môn sống không diệt.
Sa-môn rõ dục vọng.
Sa-môn thường tự tại.
Sa-môn trú như vậy5
Cha, mẹ, anh kính lễ.
Sa-môn dầu hạ sanh,
Được Sát-lỵ tôn kính.

2. TƯƠNG ƯNG thiên Tử (DEK4PUTTASAMYUTTA)

L PHẨM THỨ NHẤT (R4THAMAK4GGA)

L KINH KASSAPA THỨ NHẤT (Pathamakassapasutta)1 (S I. 46) 82. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi (Xá-vệ)5 Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Rồi thiên tử23Kassapa (Ca-diếp)5 sau khi đêm đã gân mãn? với dung săc thù thăng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đên Thê Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Kassapa bạch Thế Tôn: Thế Tôn đề cao Tỷ-kheo và sự giáo giới vị Tỷ-kheo cho chúng con. -Vậy này Kassapa, hãy nói lên ở đây về vấn đề ấy! [Kassapa:] Hãy học điều khéo nói5 Trong hạnh nghiệp Sa-môn, Vắng lặng, ngồi một mình, Với tâm tư an tịnh. Thiên tử Kassapa nói như vậy. Bậc Đạo sư chấp nhận. Rồi thiên tử Kassapa, sau khi được biết: "Bậc Đạo sư đã chấp nhận ta", đảnh lễ Thế T6n, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi biến mất từ chỗ ấy.

II. KINH KASSAPA THỨ HAI (Dutiyakassapasuttă Ý (5.1. 46)

83. Nhân ĩduyên tại Sãvatthi. Đứng một bên, thiên tử Kassapa nói lên bài kệ này trước The Tôn:

Với tâm tư giải thoát,
Vị Tỷ-kheo tu thiền,
Và với lòng ước vọng5

1 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1318. 0361c20); Biệt Tạp.(T.02. 0100.317. 0480al2).

2 Theo Chú giải, thiên tử chỉ cho con của các bậc chư thiên hạ phẩm, sinh ra từ bên hông. Nếu không biết tên, họ được gọi là devatã; nếu biết tên, được gọi là devapiítta. 3 Tham chiếu:,(T.02. 0099.1318. 0361c20); W Tạp.(T.02. 0100.317. 0480al2).

Đạt được tâm sở nguyện.4
Sau khi biết cuộc đời,
Hưng thịnh và phế tàn,
Tâm thuần, không nương tựa,
Hưởng lợi quả như chơn.

III. KINH MÃGHA (Mãghasutta)5 (S. I. 47)

84. Nhân duyên tại Sãvatthi. Rồi thiên tử Mãgha,6 sau Idii đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Mãgha nói với
Thê Tôn bài kệ:
Đoạn vật gì được lạc?
Đoạn vật gì không sầu?
Có một pháp loại gì,
Ngài tán đông đoạn đứt,
Tôn giả Gotama?
[Thế Tôn:]
Đoạn phẫn nộ được lạc,
Đoạn phẫn nộ không sầu.
Phẫn nộ với độc căn?
Với vị ngọt tối thượng,
Pháp ấy bậc Thánh Hiền,
Tán đồng sự đoạn dứt.
Đoạn pháp ây không sâu,
Này Thiên Vatrabhũ.
IV KINH MÃGADHA (Mãgadhasutta) (S I. 47)
85. Nhân duyên tại Sâvatthi. Đứng một bên, thiên tử Mãgadha nói lên với
The Tôn bài kệ:
-Vật gì chiêu sáng đời,
Do chúng, đời chói sáng?
Con đến hỏi Thế Tôn,
Muốn nghe lời giải đáp.
Bôn vật chiêu sáng đời,
Thứ năm5 đây không có.
Ngày, mặt trời sáng chói.
Đêm, mặt trăng tỏ rạng.
4 Chú giải'. Tức là quả A-la-hán. 5 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1309. 0360Ò03); Biệt Tạp.(T.02. 0100.308. 0478c06). 6 Mãgha là một trong những tên gọi của Sakka, Thiên chủ của cõi trời thấp nhất, còn gọi cõi trời Tam Thập Tam. Vatra là một a-tu-la bị Sakka chinh phục.

2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ« 61

Lửa cháy đỏ đêm ngày,
Chói sáng khắp mọi nơi.
Chánh giác sáng tôi thăng,
Sáng này sáng vô thượng.
V. KINH DÃMALI (Damalisutta)1 (S. L 47)

86. Nhân duyên tại Sãvatthi. Thiên tử Dãmali, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thê Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Dãmali nói lên bài kệ này trước The Tôn:
Ở đây? Bà-la-môn?78
Tinh cần, không biếng nhác,
Đoạn trừ các dục vọng5
Nhờ vậy không tái sanh.
Thế Tôn bèn trả lời:
Ôi, này Dãmali,
Với vị Bà-la-môn,
Không còn gì phải làm,
Việc phải làm đã làm,
Chính là Bà-la-môn.
Chúng sanh đủ tay chân,
Không tìm được chân dứng,
Trôi giạt và chìm nổi,
Trong biển rộng, sông dài.
Tìm được chỗ chân đứng,
Khô ráo, vị ấy dứng,
Đã đến bờ bên kia,
Vị ấy không trôi giạt.
Vậy này Dãmali,
Ví dụ ấy là vậy.
Cũng vậy, Bà-la-môn,
Đoạn trừ các lậu hoặc,
Sáng suốt và kín đáo,
Tinh tấn tu thiền định.
Vị ấy đã đạt được,
Tận cùng đường sanh tử,
Đã đến bờ bên kia,
Nên không còn trôi giạt.
7 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1311.0360c03); w Tạp.(T.02. 0100.310. 0478c29). 8 Brãhmana (Bà-la-môn). Khái niệm "B-la-m6n" trong đoạn kinh trên chỉ cho vị A-la-hán.

VI. KINH KÃMADA (Kãmadasuttảỷ (S. I. 48)
87. Nhân duyên tại Sãvatthi. Đứng một bên, thiên tử Kãmada bạch Thế Tôn:
Khó làm, bạch Thế Ton,
Thế Tôn, thật khó làm!

[Thế Tôn:]
Tuy vậy Kãmada,
Họ làm việc khó làm.
Chính các vị Hữu học,
Kiên trì tu giới định,
Đã chọn đời xuất gia,
Biết đủ9 đem an lạc.
[Kãmada:]
Biết đủ? bạch Thế Tôn5
Biết đủ, thật khó được!
[Thế Tôn:]
Tuy vậy Kãmada,
Họ được điều khó được.
Những vị lòng ưa thích,
Tâm tư được điều tịnh5
Cả ngày và cả đêm5
Ý an lạc tu tập.
[Kãmada:]
Khó tịnh bạch Thế Tôn,
Tâm ấy, thật khó tịnh!
[Thế Tôn:]
Tuy vậy, Kãmada,
Họ tịnh tâm khó tịnh.
Những vị lòng ưa thích,
Các căn được tịch tịnh,
Cắt đứt lưới tử thần,
Bậc Hiền Thánh đi tới.
[Kãmada:]
Khó đi, bạch Thế Tôn,
Con đường thật lồi lõm!
[Thế Tôn:]
Tuy vậy Kãmada,
Bậc Hiền Thánh vẫn đi.
Trên con đường khó đi5*
9 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1313. 0361a01); Biệt Tạp.(T.02. 0100.312. 0479a28).

2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ 63

Và có nhiều lồi 16m,
Kẻ phàm phu vâp ngã5
Trên đường mất thăng bằng.

Con đường đối bậc Thánh,
Là con đường thăng bằng,
Bậc Thánh bước thăng băng,
Trên đường mất thăng bằng.
VII. KINH PANCALACANDA (Pancãlacandasuttà)ỉồ (S I. 48)
88. Nhân duyên tại Sãvatthi. Đứng một bên, thiên tử Pancãlacanda nói lên bài kệ này trước The Ton:
Dau giữa những chướng ngại,
Bậc Đại Trí Chánh Giác, vẫn tìm được lối thoát,
Vượt qua mọi chướng ngại.
Bậc Trí hiểu thiền định,
Biết từ bỏ, tối thắng*
Bậc Mâu-ni5 Ẩn Sĩ.
Thê Tôn lên tiêng:
Pancalacanda,
Dầu giữa những chướng ngại,
Họ tìm được lối thoát,
Họ tìm được Chánh pháp,
Đưa đến quả Niết-bàn.
Những vị đạt chánh niệm,
[Kiên trì không dao động]5
Họ là bậc chơn chánh,
Tâm điều phục, định tĩnh.
VIII. KINH TÃYANA (Tãyanasutta)n (S. I. 49)
89. Nhân duyên tại Sãvatthi. Rồi thiên tử Tãyana, trước kia là ngoại đạo su, . 'ì ., : sau khi đêm gân mãn5 với dung săc thù thăng chói sáng toàn vùng Jetavana? đi
M .r .
rr^l
[
A FT^ /V
. . .
11* . t -4- -â. 7 f\
1 1 rTTÍ A rT^ —
\ .
Ạ * _ /V J i /V J 1 đên Thê Tôn; sau khi đên9 đảnh le The Tôn roi đứng một bên. Đứng một bên5 thiên tử Tãyana nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Ôi5 này Bà-la-môn5
Tinh tấn cắt dòng nước,
Đoạn trừ và tiêu diet,

Mọi tham đắm dục vọng.10 12
11
Ẩn sĩ không đoạn dục,
10 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1305. 0358b26); Biệt Tạp.(02. 0100.304. 0477a20).
11 Tham khảo: Dh.N. 311, 312, 313, 314; Thag. V. 277. 12 V. 383.

Không chứng được nhất tâm.
Nếu làm việc nên làm,
Cần kiên trì, tinh tấn.
Xuất gia, nếu biếng nhác,
Càng tung vãi bụi trần.
Không làm hơn làm dở5
Làm dở sau khổ đau.
Đã làm nên làm tốt,
Làm tốt không khổ đau.

Như vụng năm lá cỏ5
Có thể bị đứt tay,
Sa-môn hạnh vụng tu,
Kéo đến cõi địa ngục.
Mọi sở hành biếng nhác,
Mọi hạnh tu ô nhiễm,
Nghi ngờ trong Phạm hạnh,
Không đưa đến quả lớn.
Thiên tử Tãyana nói như vậy. Sau khi nói xong, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ ấy.
Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã mãn, liền gọi các Tỷ-kheo:
Này các Tỷ-kheo? đêm nay thiên tử Tãyana, trước kia là ngoại đạo su, sau khi đêm đã gân mãn, với dung săc thù thăng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên9 thiên tử
Tãyana nói lên bài kệ này trước Ta:
Ôi? này Bà-la-môn5
Tinh tấn cắt dòng nước,
Đoạn trừ và tiêu diệt,
Mọi tham đắm dục vọng.
Ẩn sĩ không đoạn dục,
Không chứng được nhất tâm.
Nếu làm việc nên làm,
Cần kiên trì, tinh tấn.

Xuất gia nêu biêng nhác,
Càng tung vãi bụi trần.
Không làm hơn làm dở?
Làm dở sau khổ đau.
Đã làm nên làm tốt5
Làm tốt không khổ đau.
Như vụng nắm lá cỏ?
Có thể bị đứt tay,
2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ 65

Sa-môn hạnh vụng tu,
Kéo đến cõi địa ngục.
Mọi sở hành biêng nhác,
Mọi hạnh tu ô nhiễm,
Nghi ngờ trong Phạm hạnh,
Không đưa đến quả lớn.
Này các Tỷ-kheo5 thiên tử Tãyana nói như vậy. Nói vậy xong, đảnh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta và biến mất tại chỗ. Này các Tỷ-kheo5 hãy đọc bài kệ của Tãyana. Này các Tỷ-kheo, hãy học thuộc lòng bài kệ của Tãyana. Này các Tỷ-kheo, bài kệ của Tãyana có đầy đủ nghĩa lợi và chính là căn bản của
Phạm hạnh.
IX. KINH CANDIMÃ (Candimasuttaý3 (5.1. 50)
90. Nhân duyên tại Sãvatthi. Lúc bấy giờ, thiên tử Candimã (Nguyệt) bị
Rãhu, vua a-tu-la bắt. Rồi thiên tử Candimã tưởng niệm đến Thế Tôn, trong lúc ấy nói lên bài kệ này:
Đảnh lễ đấng Giác Ngộ,
Bậc Anh Hùng muôn thuở?
Ngài là bậc Giải Thoát,
Thoát ly thật viên mãn?
Còn con bị trói buộc,
Hãy cho con quy ngưỡng.
Rồi Thế Tôn5 vì thiên tử Candimã, nói lên bài kệ này cho Rãhu, vua a-tu-la:
Canda đã quy y,
Như Lai, bậc La-hán,
Rãhu, hãy thả nó,
Vì chư Phật thương đời.
Rồi Rãhu, vua a-tu-la, giải thoát cho thiên tử Candimã. Như bị hốt hoảng,
Rãhu run sợ, lông tóc dựng ngược, đi đến Vepacitti, vua a-tu-la, và đứng một bên. Và Vepacitti, vua a-tu-la, nói lên bài kệ cho Rãhu5 vua a-tu-la, đang đứng một bên:
—Vì sao, như hốt hoảng,

Rãhu thả Canda,
Ông đến? lòng run sợ?
Ông dứng, tâm kinh hoàng?
- Đầu con bể thành bảy,
Đời con không hạnh phúc,
Với lời kệ đức Phật,
Nếu không thả Canda.13
13 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.583. 0155a07); Biệt Tạp,(r.02. 0100.167. 0436a05).

X. KINH SŨRIYA (Sũriyasutta) (5.1. 51)
91. Nhân duyên tại Sãvatthi. Lúc bấy giờ, thiên tử Sũriya (Nhật) bị Rãhu5 r
J \ . • J O 7 r r _
•/ X • Z • r
>
vua a-tu-la bắt. Rồi thiên tử Sũriya tưởng niệm đến Thế Tôn, trong lúc ấy nói lên bài kệ này:
Đảnh lễ đấng Giác Ngộ,
Bậc Anh Hùng muôn thuở,
Ngài là bậc Giải Thoát,
Thoát ly thật viên mãn5
Còn con bị trói bug
Hãy cho con quy ngưỡng.
Rồi Thế Tôn? vì thiên tử Sũriya, nói lên bài kệ này cho Rãhu? vua a-tu-la:
Sũriya đã quy y,
Như Lai, bậc La-hán,
Rãhu, hãy thả nó5
Vì chư Phật thương đời.
Ông đi giữa hư không,
Chớ nuot Sũriya.
Trong thế giới tối tăm5
Đã đem lại ánh sáng,
Là mặt trời sáng chói,
Là dĩa tròn hực đỏ,
Là lò lửa cháy nóng,
Là bà con của Ta.
Này Rãhu, Ta nói:
Hãy thả Sũriya.
Rồi Rãhu? vua a-tu-la, giải thoát cho thiên tử Sũriya. Như bị hốt hoảng,

Rãhu run sợ? lông tóc dựng ngược, đi đến Vepacitti, vua a-tu-la, và đứng một bên. Và Vepacitti, vua a-tu-la, nói lên bài kệ cho Rãhu, vua a-tu-la, đang đứng một bên:

- Vì sao, như hốt hoảng,
Rãhu thả
A r
Sũriya,
Ong đên9 lòng run sợ5
Ông đứng, tâm kinh hoàng?
Đầu con bể thành bảy,
Đời con không hạnh phúc,
Với lời kệ đức Phật,
Nếu không thả Sũriya.

2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ 67

IL PHẨM CẤP CÔ ĐỘC (ANÂTHAPINDIKAVAGGA)

I. KINH CANDIMASA (Candimasasutta) (S. I. 51)

92. Nhân duyên
tại Săvatthi.

Rồi thiên tử Candimasa, sau khi đêm
A r đã gần mãn5 với dung săc thù thăng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đên Thê Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên5 thiên tử Candimasa nói lên bài kệ này trước The Tôn:

Họ sẽ đi an toàn,
Như thú vùng không muỗi5
Sau khi chứng thiền định,
Nhất tâm? niệm tỉnh giác.
[Thế Tôn:]
Họ sẽ đi bờ kia,
Như cá phá rách lưới?
Sau khi chứng thiền định,
Tự chế, vượt lỗi lầm.

IL KINH VENDU (Vendusutta) (S I. 52)

93. Đứng một bên, thiên tử Vendu nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Hạnh phúc thay những người,
Sau khi hầu Thiện Thệ,
Tuân phụng lời Ngài dạy,
Tu học không phóng dật!
Thế Tôn nói: Vendu!
Những ai thiền tu học5

Trong pháp cú Ta dạy,
Tinh cần, không phóng dật5
Đúng thời họ sẽ di,
Thoát khỏi tay tử thần.
III. KINH DĨGHALATTHI (DĩghaỉaỊỊhisutta) (S I. 52) 94. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Rặjagaha (Vương Xá), Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi thiên tử Dĩghalatthi, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Dĩghalatthi nói lên bài kệ này trước
Thê Tôn:
Với tâm tư giải thoát,
Vị Tỷ-kheo tu thiền,
Và với lòng ước vọng,
Đạt được tâm sở nguyện.
Sau khi biết cuộc đời9
Sanh khởi rồi đoạn diet,
Tâm thuần không chấp trước,
Hưởng lợi quả như chơn.14
IV. KINH NANDANA (Nandanasutta) (5.1. 52)
95. Đứng một bên, thiên tử Nandana nói bài kệ với Thế Tôn:
Con hỏi Gotama,
Bậc Đại Giác Toàn Trí,
Con hỏi đấng Thế Tôn,
Với tri kiến vô ngại.15
Người nào gọi trì giới?
Người nào gọi trí tuệ?
Người nào vượt sầu khổ?
Người nào chư thiên lạy?
[Thế Tôn:]
Ai hộ trì giới luật5
Trí tuệ, tâm tu trì5
Chú tâm, vui thiền định?
Tâm tư trú chánh niệm,
Tất cả mọi sầu khổ,
Được trừ diệt, đoạn tận.
Các lậu hoặc tận trừ,
Sống với thân tối hậu.
Vị ấy gọi trì giới,

Vị ấy gọi trí tuệ?
vị ấy vượt sầu khổ?
Vị ấy chư thiên lạy.
V. KINH CANDANA (Candanasutta) (S. I. 53) 96. Đứng một bên5 thiên tử Candana (Chiên-đàn) nói lên bài kệ với Thế Tôn:

14 Xem s. I. 46 (kinh 83 ở trước). 15 Chủ giải: Khi đức Phật phóng hào quang, không có cây, núi nào có thể ngăn che ánh sáng được.

Làm sao vượt bộc lưu,
Ngày đêm vững, kiên trì?
[Thế Tôn:]
Vị luôn luôn trì giới,
Trí tuệ? khéo định tĩnh,
Chí siêng năng dõng mãnh5
Vượt bộc lưu khó vượt.16
Vị đoạn, ly dục tưởng,
Vượt khỏi sắc triền phược,
Đoạn tận hỷ? hữu ái,1718
Không chìm xuông vực sâu.
VI. KINH VÃSUDATTA (Vãsudattasutta)^ (S I. 53)
97. Đứng một bên, thiên tử Văsudatta nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Như kiếm đã chạm da,
Như lửa cháy trên đầu,
Tỷ-kheo hãy chánh niệm,
Xuất gia, bỏ ái dục.
[Thế Tôn:]
Như kiếm đã chạm da,
Như lửa cháy trên đầu,
Tỷ-kheo hãy chánh niệm,
Xuất gia, bỏ thân kiến.
VIL KINH SUBRAHMÃ (Subrahmasuttaỳ920 (S I. 53)
98. Đứng một bên? thiên tử Subrahmã nói lên bài kệ với Thế Tôn:
Tâm này thường sợ hãi?
Ý này thường dao động,
Điều mong ước không khởi5
Điều không mong lại khởi.
Nếu không có sợ hãi,
Hãy nói điều con hỏi.

[Thế Tôn:]
Không ngoài hạnh giác chi,2°
Không ngoài hộ trì căn,21
16 Xem s. I. 165 (kinh 192 ở sau); s. I. 197 (kinh 222 ở sau). Xem Pss. Breth. 335. 17 Chỉ cho 16 sắc giới thiên, từ Phạm thiên trở lên. Dục giới bao gồm những cảnh giới thấp hơn 18 Bản tiếng Anh của PTS: Sudatta, phiên âm là Tu-đạt-đa. 19 Theo Chủ giải, thiên tòSubrạhmã hưởng thiên lạc ở thiên giới thấp nhất, khi nghiệp quả hết phải sanh vào địa ngục. Vì vậy, vị ấy buồn rầu đến yết kiến đức Phật. 20 Bojjha tapasã\ Đây có thể xem là thực hành 7 giác chi và 13 hạnh Đầu-đà. 21 Xem s. L 47 (kinh 84 ở trước).

Kh6ng ngoài bỏ tất cả,
Ta thấy các pháp ấy,
Đưa đến sự an toàn,
Cho tất cả chúng sanh.
Nói như vậy... rồi thiên tử biến mất tại chỗ ấy.
VIII. KINH KAKUDHA (Kakudhasutta) (5.1. 54)
99. Như vầy tôi nghe.
Một thời, Thế Tôn ở Sãketa, rừng Afijana, tại Vườn Nai. Rồi thiên tử
Kakudha,22 sau khi đêm đã gân mãn, với dung săc thù thăng chói sáng toàn khu
~‘ -4- * ỉ\ -ĩ- FT^i \ r_ri 1 i
LY rr^l A FT~Ĩ Ạ _ A' -X r _ /\ J i A rừng Afijana, đi đên Thê Tôn; sau khi đên? đánh le Thê Tôn roi đứng một bên.
Đứng một bên5 thiên tử Kakudha bạch Thế Tôn:
-Thưa Sa-môn5 Ngài có hoan hỷ không?
Ta được cái gì, này Hiền giả, mà Ta hoan hỷ?
Nêu vậy, thưa Sa-môn5 có phải Ngài sâu muộn?
Ta mòn mỏi cái gì? này Hiền giả? mà Ta sầu muộn?
-Vậy thời thưa Sa-môn5 Ngài không hoan hỷ và không sầu muộn?
Thật như vậy5 này Hiền giả.
—Làm sao, này Tỷ-kheo,
Ngài không có sầu muộn5
Tuy vậy Ngài cũng không
Có được sự hoan hỷ?
Làm sao, nay Ngài lại5
Ngồi cô độc một minh,
Không có được hoan hỷ5
Cũng không bị dao động?23
Thật sự5 này dạ-xoa5
Ta không có sầu muộn,

Tuy vậy ở nơi Ta,
Hoan hỷ không khởi lên.
Dầu nay Ta có ngồi,
Riêng một mình cô độc,
Ta không có hoan hỷ9
Cũng không bị dao động.
Làm sao, này Tỷ-kheo,
Ngài không có sầu muộn,

22 Vị này trước là thị giả của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Vị ấy viên tịch trong khi ngồi thiền định và được sinh lên cõi Phạm thiên. 23 Aratī nābhikīrati. Xem Pss. Breth. 261, n. 1.

2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ 71

Làm sao, ở nơi Ngài,
Hoan hỷ không khởi lên?
Làm sao, nay Ngài lại,
Ngồi cô độc một mình,
Không có được hoan hỷ9
Cũng không bị dao động?
Hoan hỷ chỉ có dến,
Với người tâm sầu muộn.
Sầu muộn chỉ có đến,
Với người tâm hoan hỷ.
Do vậy vị Tỷ-kheo?
Không hoan hỷ, sầu muộn.
Vậy nên5 này Hiền giả,
Ong phải biêt như vậy.
Đã lâu, con mới thấy,
Bà-la-môn tịch tịnh?
Vị Tỷ-kheo idiông sầu,
Cũng không có hoan hỷ,
Đã an toàn vượt khỏi,
Chỗ người đời đắm say.24

IX. KINH UTTARA (Uttarasutta) (S. I. 54)

100. Tại thành Vương Xá. Đứng một bên5 thiên tử Uttara nói lên bài kệ này trước Thê Tôn:

Mạng sông bị dăt dân,
Tuôi thọ chăng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.

Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Đưa đến chơn an lạc.
[Thế Tôn:]
Mạng sông bị dăt dân?
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
24 Xem s. I. 1 (kinh 1 ở trước).

Hãy bỏ mọi thế Iqi, Tâm hướng cầu tịch tịnh.25

X. KINH ANATHAPINDIKA (Anathapiṇḍikasutta) (S I. 55) 101. Đứng một bên, thiên tử Anãthapiṇḍika (Cấp Cô Độc)26 nói lên bài kệ này tnrac The Tôn: ụ ụ 9

Đây là rừng Kỳ Viên,
Chỗ trú xứ Thánh chúng,
Chỗ ở đấng Pháp Vương,
Khiến tâm con hoan hỷ.
Nghiệp, minh và tâm pháp.
Giới và tối thắng mạng,
Chính những Diệu pháp ấy,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Không phải vì dòng họ?
Không phải vì tài sản.
Do vậy bậc Hiền giả,
Thấy lợi ích chính minh,
Chánh giác sát tâm pháp,
Như vậy được thanh tịnh.
Như Ngài Xá-lợi-phất?
Tuệ, giới và tịch tịnh,
Tỷ-kheo đến bờ giác,
Ở đây là tối thượng.
Thiên tử Anãthapiṇḍika nói như vậy; nói vậy xong, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ ấy.
Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền gọi các Tỷ-kheo và nói:

Này các Tỷ-kheo5 đêm nay có thiên tử, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo? vị thiên tử ấy nói lên bài kệ này trước Ta:

Đây là rừng Kỳ Viên,
Chỗ trú xứ Thánh chúng,
Chỗ ở đấng Pháp Vương,
Khiến tâm con hoan hỷ.
Nghiệp, minh và tâm pháp,
Giới và tối thắng mạng,

25 Xem s. I. 2 (kinh 3 ở trước). 26 Xem s. I. 33 (kinh 46 ở trươc).

Chính những Diệu pháp ấy,
Khiến chúng sanh thanh tịnh?
Không phải vì dòng họ?
Không phải vì tài sản.
Do vậy bậc Hiền giả?
Thấy lợi ích chính mình,
Chánh giác sát tâm pháp?
Như vậy được thanh tịnh.
Như Ngài Xá-lợi-phất5
Tuệ? giới và tịch tịnh?
Tỷ-kheo đến bờ giác,
Ở đây là tối thượng.

Này các Tỷ-kheo, thiên tử ấy nói như vậy; nói vậy xong, đảnh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

Được nghe nói như vậy? Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn:

-Bạch Thế Tôn? có phải vị thiên tử ấy là Anãthapindika? Gia chủ Anãthapindika hết dạ tín thành đối với Tôn giả Sãriputta?

Lành thay! Lành thay! Này Ananda, cho đẹn những gì có thể đạt được nhờ suy diễn, này Ãnanda, ông đã đạt được. Này Ãnanda, Anãthapinậika là vị thiên tử ấy.

III. PHẨM CÁC NGOẠI ĐẠO (NANATITTHHAVAGGA)

L KINH SIVA (Sivasutta) (5.1. 56)

102. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm)? tại vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Rồi thiên tử Siva,27 sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Siva nói lên bài kệ nay trước The Ton:

Hãy thân với người lành,

Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Chỉ tốt hơn, không xấu.
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Được tuệ, không gì khác.
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp n^ười hiền,
Không sâu giữa sâu muộn.
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biêt Diệu pháp người hiên,
Chói sáng giữa quyến thuộc.
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biet Diệu pháp người hiền,
Chúng sanh sanh thiện thú.
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
27 Sỉva trong Kinh tạng có nghĩa là may mắn, hạnh phúc.

2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ 75

Biêt Diệu pháp người hiên5
Chúng sanh thường hưởng lạc.
Rồi Thế Tôn đáp lại thiên tử Siva với bài kệ:
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Giải thoát mọi khổ đau.
IL KINH KHEMA (Khemasutta)(y I. 57)
103. Đứng một bên, thiên tử Khema nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Kẻ ngu không trí tuệ528
Lấy ngã làm kẻ thù?
Tự làm các ác nghiệp,
Đưa đên quả đăng cay.
Nghiệp nào không khéo làm,
Làm xong bị nung nấu,
Với mặt đầy nước mắt,

Khóc lóc chịu quả báo.
Và nghiệp nào khéo làm,
Làm xong, không nung nấu,
Tâm vui, ý thoải mái,
Vị ấy hưởng quả báo.
[Thế Tôn:]
Biết điều lợi cho minh,
Làm trước điều phải làm,
Không tâm trạng đánh xe,
Kẻ trí lòng tinh tấn.
Như người chủ đánh xe,
Rời đại đạo thăng băng?
Leo lên đường lồi lõm?
Ưu tư nạn gãy trục.
Cũng vậy, bỏ Chánh pháp,
Người ngu theo phi pháp,
Rơi vào miệng tử thân,
Ưu tư như gãy trục.
IIL KINH SERĨ (Serĩsutta) (S. I. 57)
104. Đứng một bên, thiên tử Serĩ29 nói lên bài kệ với Thế Tôn:
28 Xem .V. 66-68.
29 Xem s. I. 32 (kinh 43 ở trước). Ngài Buddhaghosa nói Serĩ là vua của hai nước Sindhu và Sodhika, tên thành là Roruva. Trong J. III. 470, thành này được gọi là Sovĩra.

Cả hai loại trời, ngu&i, Đều ưa thích ăn uống, Có kẻ dạ-xoa nào, Lại không thích ăn uống? [Thế Tôn:] Ai cho với lòng tin, Với tâm tư thanh tịnh, Được phần món ăn ấy, Đời này và đời sau. Vậy hãy ngăn xan tham, Bố thí, nhiếp cấu uế, Chúng sanh vẫn hưởng thọ, Công đức trong đời sau. —Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu9 bạch Thế Tôn! Thế Tồn đã nói điều khéo nói như vậy: Ai cho với lòng tin, Với tâm tư thanh tịnh? Được phần món ăn ấy, Đời này và đời sau. Vậy hãy ngăn xan tham, Bố thí, nhiếp cấu uế, Chúng sanh vẫn hưởng thọ, Công đức trong đời sau. Bạch Thế Ton, thuở xưa con là vị vua tên Serĩ ưa bố thí5 là bậc thí chủ tán thán bố thí. Bạch Thế Tôn, tại bốn cửa thành, bố thí được phân phát nhân danh con cho những ai đến xin, cho các vị Bà-la-môn và Sa-môn, cho các người nghèo đói và tàn phế, cho các nhà lữ hành và hành khất. Bạch Thế Tôn, khi con đến các cung phi của con, họ thưa với con: "Đại vương thường hay bô thí, còn chúng con chưa bô thí. Lành thay nêu chúng con được nương tựa Đại vương để bố thí và làm các công dức!" Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Ta là người ưa bố thí, là thí chủ tán thán bố thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: 'Chúng ta hãy bố thí'?" Bạch Thế Tôn, con cho các cung phi cửa thành thứ nhất. Ở đây, các cung phi được bố thí, và vật bố thí của con trở lui lại cho

con. Rồi bạch Thế Tôn, các Sát-đế-lỵ (Khattiya), chư hầu của con đến con và thưa: "Dại vương đã bố thí. Các cung phi đã bố thí. Chúng con chưa bố thí. Lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bố thí và làm các công đức!59 Bạch Thế Tôn? con suy nghĩ như sau: "Ta là người ưa bố thí, là thí chủ tán thán bố thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: 'Chúng ta hãy

bố thí'?" Bạch Thế Tôn, con cho các chư hầữ Khattiya cửa thành thứ hai. Ở đây? các chư hầu Khattiya được bố thí, và vật bố thí của con trở lui lại cho con. Rồi bạch Thế Tôn? quân đội đến con và thưa: "Bại vương đã bố thí. Các cung phi đã bố thí. Các chư hầu Khattiya đã bố thí. Chúng con chưa bố thí. Lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bố thí và làm các công dức!" Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Ta là người ưa bố thí, là thí chủ tán thán bố thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: 'Chúng ta hãy bố thí,?^^ Bạch Thế Tôn5 con cho quân đội cửa thành thứ ba. Ở dây, quân đội được bô thí, và vật bô thí của con trở lui lại cho con. Rồi bạch Thế Tôn, các Bà-la-môn gia chủ đến con và thưa: uĐại vương đã bố thí. Các cung phi đã bố thí. Các chư hầu Khattiya đã bố thí. Quân đội đã bố thí. Chúng con chưa bố thí. Lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bố thí và làm các công due!95 Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Ta là người ưa bố thí, là thí chủ tán thán bố thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: 'Chúng ta hãy bố thí'?" Bạch Thế Tôn? con cho các Bà-la-môn gia chủ cửa thành thứ tư. ố đây, các Bà-la-môn gia chủ được bố thí, và vật bố thí của con trở lui lại cho con. Rồi bạch Thế Tôn, các cận thần của con đến thưa với con: "Nay Đại vương không còn vật bố thí nào để cho nữa.,, Khi nghe nói vậy? bạch Thế Tôn, con nói với các người ấy như sau: Ế6Này các ông, các thuê má thâu hoạch được từ các nước ngoài vào, một nửa hãy gửi vào trong nội thành, một nửa ngay tại chỗ ấy đem bố thí cho các vị Sa-môn5 Bà-la-môn, các người nghèo và tàn tật, các nhà lữ hành và hành khất." Như vậy, bạch Thế Tôn? con không chấm dứt trong một thời gian dài các việc làm công dức, trong một thời gian dài các việc làm thiện, những việc làm được con xem như là công đức? hay như là công đức quả, hay như là những điều kiện được sanh thiên giới. Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu5 bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vầy: Ai cho với lòng tin, Với tâm tư thanh tịnh5 Được phần món ăn ấy, Đời này và đời sau. Vậy hãy ngăn xan tham, Bố thí, nhiếp cấu uế? Chúng sanh vẫn hưởng thọ, Cồng đức trong đời sau. IV. KINH GHATĨKẢRA (GhaḶĩkãrasutta) (5.1. 60) 105. Đứng một bên, thiên tử Ghatĩkãra nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Được sanh Vô Phiền thiên,
Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
Đoạn tận tham và sân9
Siêu thoát đời ái trược.
[Thế Tôn:]

Vượt bùn, họ là ai,
Khó vượt lệnh thần chết,
Sau khi bỏ thân người,
Họ thoát ách chư thiên?
[Ghatīkāra:]
Họ là upaka,
Và Phalaganda,
Với Pukkusāti,
Hợp thành là ba vị.
Lại thêm Bhaddiya,
Với Khaṇaadeva,
Và Bāhuraggi,
Cùng với Pihgiya,
Sau khi bỏ thân người,
Họ thoát ách chư thiên.
[Thế Tôn:].
Ông nói điều tốt lành, về bảy Tỷ-kheo ấy,
Họ thoát ly, đoạn trừ,
Các cạm bẫy Ma vương.
Pháp họ biết của ai,
Đoạn được hữu kiết sử?
[Ghatīkāra:]
Không ai ngoài Thế Tôn,
Chính thật giáo lý Ngài,
Họ biêt pháp của Ngài,
Đoạn được hữu kiết sử.
Chỗ nào danh và sắc,
Được đoạn diệt không du,
Họ học được pháp ấy,
Ở đây từ nơi Ngài.
Nhờ vậy họ đoạn trừ,
Hữu kiết sử trói buộc.
[Thế Tôn:]
Lời ông nói thâm sâu5
Khó biết, khó chứng ngộ,
2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ « 79

Pháp ông biêt của ai,
Sao ông không nói được?
[Ghatīkāra:]

Thuở xưa, con thợ gốm5
Tại VehaḷiÒga,
Và con được tên gọi,
Là Ghatīkára.
Chính con lo nuôi dưỡng,
Cả mẹ lẫn cả cha,
Đối với Phật Ca-diếp,
Con đệ tử tại gia.
Con viễn ly dâm dục5
Phạm hạnh, không thế vật?
Thuở xưa, con đồng hương,
Cũng là bạn của họ,
Do vậy con biết hẹ),
Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
Đoạn tận tham và sân,
Vượt qua đời phiền trược.
[Thế Tôn:]
Vậy này Bhaggava,
Chính như ông vừa nói,
Thuở xưa, ông thợ gốm5
Tại VehaḷiÒga,
Và ông được tên gọi,
Là Ghatīkãra.
Chính ông lo nuôi dưỡng,
Cả mẹ lẫn cả cha.
Đối vơi Phật Ca-diếp,
Ông đệ tử tại gia.
Ông viễn ly dâm dục,
Phạm hạnh, khồng thế vật.
Thuở xưa, ông đồng hương,
Cũng là bạn của Ta.
Như vậy là hội ngộ3
Giữa những bạn thuở xưa,
Cả hai khéo tu tập?
Mang thân này toi hậu.
V. KINH JANTU ụantusuttã) (5.1. 61)
106. Như vầy tôi nghe.
80 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

Một thời, một số đông Tỷ-kheo trú ở Kosala (Câu-tát-la), trên sườn núi

Himalaya (Tuyết Sơn), tại một cốc nhỏ trong rừng. Họ tự cao, tự mãn9 dao động, lăm môm lăm miệng, ăn nói huyên thuyên,30 that niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tư tán loạn5 các căn không chế ngự.

Roi thiên tử Jantu, vào đêm Bô-tát, ngày răm? đi đên các Tỷ-kheo ây; sau khi đến nói lên bài kệ với các Tỷ-kheo ấy:

Các Tỷ-kheo thuở xua,
Sống thật chơn an lạc?
Họ thật là đệ tử,
Bạc Đại Giấc Cù-đàm.
Không ham tìm món ăn?
Không ham tìm chỗ trú,
Biết đời là vô thường,
Họ chấm dứt khổ đau.
Nay tự làm ác hạnh,
Như thôn trưởng trong làng,
Họ ăn5 ăn rồi nằm5
Thèm khát vật nhà người.
Con vái chào chúng Tăng,
Đảnh lễ một vài vị.
Kẻ khác sống vất vưởng,
Không chỉ đạo? hướng dẫn,
Họ giống như thân thể
Kẻ chết bị quăng bỏ.
Những ai sống phóng dật5
Vì họ con nói lên.
Những ai không phóng dật5
Chân thành, con đảnh lễ.

VI. KINH ROHITASSA (Rohitassasutta) (y I. 61)

107. Nhân duyên tại Sãvatthi. Đứng một bên, thiên tử Rohitassa bạch Thê Tôn:

Bạch Thế Tôn? tại chỗ nào không có sanh không có già, không có chết, không có diệt5 không có khởi9 làm sao, bạch Thế Tôn, với bộ hành, có thể biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới?

Này Hiền giả, tại chỗ nào không có sanh, không có già? không có chết, không có diệt, không có khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy, không thể với bộ hành biết được hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới.

30 Uddhatã, unnaḷã, capaḷã, mukharã, vḭkḭnnavãcã. Xem các vần kệ của Tôn giả Phussa trong Thag. V. 958. XemJPTS. 1913-14 (PugÁ). 217.

2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ 81

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều Idiéo nói như vầy: "Này Hiền giả? tại chỗ nào không sanh, không già, không chết5 không diệt, không khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy? không thể với bộ hành biết được hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới.,, Bạch Thế Tôn, thuở trước, con tên là Rohitassa, con của Bhoja, có thần th6ng, có thể đi giữa hư không. Bạch Thế Tôn, tốc lực con mau lẹ cho đến con có the bay, như người thợ bắn cung lão luyện, khéo tập, khéo luyện, thuần thục, thiện xảo, với một cây cung chắc mạnh không gì khó khăn, có thể bắn một mũi tên nhẹ bay vượt qua bóng tối của cây Sa-la.31 Và bạch Thế T6n, bước đi của con dài cho đến con có thể bước từ biển phía Đông qua biển phía Tây. Và ở nơi con, bạch Thế Tôn, khởi lên sự ước muốn như sau: uVới bộ hành, ta có thể đạt đến được sự tận cùng của thế giới,,, Và bạch Thế Tôn? dầu cho tốc lực của con mau đến như vậy; dầu cho con có bước dài đến như vậy; dầu cho con không có dừng để ăn? hay uống? hay nhai, hay nếm; dầu cho con không có đại tiện, tiểu tiện; dầu cho con không ngủ, không bị mệt nhọc, không trừ câu uê; dâu cho trăm năm là tuổi thọ thường tình; dầu cho trăm năm là mạng sống thường tình; tuy con đi hơn trăm năm và bị mệnh chung, con cũng không thể đạt đến sự tận cùng của thế giới. Thật là vi diệu? bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vầy: "Này Hiền giả, tại chỗ nào không sanh, khônẹ già, không chết, không diet, không khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy không có the với bộ hành biết được hay thấy được? hay đạt được sự tận cùng của thế giới. Ta nói như vậy.v Này Hiên giả, nhimg Ta cũng không nói răng không đạt được sự tận cùĩiệ của thê giới thời châm dứt cuộc khô đau. Này Hiên gia, chính trong cai than thê . tâm,3233 dàir một có tưởng, a A có thức này, Ta "tuyên bô ĩ J giói,33 nguyên thê y nhân r . ,. của thê giới, sự đoạn diệt thê giới và con đường đưa đên sự đoạn diệt của thê giới. Bộ hành không bao giờ, Đạt được thế giới tận, Không được thế giới tận, Không thể thoát khỏi khổ. Do vậy mà thật sự, Bậc Trí, Thế Gian Giải, Đạt đến thế giới tận5 Phạm hạnh được viên thành.

31 P. Tãla; s. Tãla; H.(đa-lạ),(kiên-lư),(tông-lư); E: The palmyra tree (cây cọ, cây thốt nôt). Giông cây này mọc rât nhiêu ở Ấn Độ, Tích Lan, Campuchia, miền Nam Việt Nam... Bản dịch 5 bộ Nikãya do HT. Thích Minh Châu thực hiện đêu phiên âm là Sa-la. Lưu ý, cây này khác với cây Sãlã, nới đức Phật đã nhập Niết-bàn. 32 Vyãma, bằng độ dài của một người dang rộng hai tay ra. 33 Ngài Buddhaghosa cho rằng thuật ngữ "thế gi&i" này là satta-sankhãraloka tức thế giới hiện tượng của chúng sinh hữu tình.

82 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ I. THIÊN CÓ KỆ

Với tâm tư định tĩnh,
Biết được thế giới tận5
Không ước vọng đời này,
Không ước vọng đời sau.

VII. KINH NANDA (Nandasutta)3435 (S. I. 62)

108. Đứng một bên? thiên tử Nanda nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Thời gian [lặng] trôi qua,
Đêm [ngày] luôn di động,

Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Được hưởng cảnh an lạc.
[Thế Tôn:]
Thời gian [lặng] trôi qua,
Đêm [ngày] luôn di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân5
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ lợi thế gian,
Được hưởng chơn tịch tịnh.

VIII. KINH NANDIVISÃLA (Nandivisãlasutta) (5.1. 63)

109. Đứng một bên5 thiên tử Nandivisãla nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Bốn bánh xe, chín cửa,35
Đầy uế, hệ lụy tham,
Chìm đắm trong bùn nhơ.
Ôi! Thưa bậc Đại Hùng,
Sanh thú người như vậy,
Tương lai sẽ thế nào?
[Thế Tôn:]
Cắt dây da buộc ràng?
Dục tham và tà ác,
Ái căn được đoạn tận,
Sanh thú sẽ như vậy.

34 Xem s. I. 3 (kinh 4 ở trước). 35 Xem s. I. 16 (kinh 29 ở trước).

2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ 83

IX. KINH SUSIMA (Susimasuttă)(y I. 63) 110. Nhân duyên tại Sãvatthi. Rồi Đại đức Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Đại đức Ãnanda đang ngồi một bên: Này Ãnanda, ông có hoan hỷ với Sãriputta không? Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm, lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sãriputta? Bạch Thế Tôn, Hiền trí là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, Đại tuệ là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, Quảng tuệ là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, Hỷ tuệ là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn5 Tiệp tuệ là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế T6n, Lợi tuệ là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, Quyết trạch tuệ là Tôn giả Sãriputta.36 Bạch Thế Tôn, ít dục là Tôn giả Sãriputta.

Bạch Thế Tôn, Biết đủ là Tôn giả Sãriput- ta. Bạch Thế Tôn, Viễn ly là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn? Bất cộng trú là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, Tinh cần tinh tấn là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, Biện tài là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, Nghe lời trung ngôn là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, Cáo tội trung thực là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn? Chỉ trích ác pháp là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm5 không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sãriputta? -Như vậy là phải5 này Ãnanda! Như vậy là phải, này Ãnanda! Này Ãnanda, ai là người khônẹ ngu si, không ác tâm, không si ảm, không loạn tâm, lại có thể không hoan hỷ đối với Sãriputta? Này Ãnanda, Hiền trí là Sãriputta. Này Ãnanda, Đại tuệ là Sãriputta. Này Ãnanda, Quảng tuệ là Sãriputta. Này Ãnanda, Hỷ tuệ là Sãriputta. Này Ãnanda, Tiệp tuệ là Sãriputta. Này Ananda, Lợi tuệ là Sãriputta. Này Ãnanda, Quyết trạch tuệ là Sãriputta. Này Ãnanda, ít dục là Sãriputta. Nàỵ Ãnanda, Biết đủ là Sãriputta. Này Ananda, Viên ly là Sãriputta. Này Ananda, Bât cộng trú là Sãriputta. Này Ãnanda, Tinh cần tinh tấn là Sãriputta. Này Ãnanda, Biện tài là Sãriputta. Này Ãnanda, Nghe lời trung ngôn là Sãriputta. Này Ãnanda, Cáo tội trung thực là Sãriputta. Này Ananda, Chỉ trích ác pháp là Sãriputta. Này Ãnanda, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm, lại có thể không hoan hỷ đối với Sãriputta? Rồi thiên tử Susima, trong khi được nghe lời tán thán về Tôn giả Sãriputta, vơi đại chúng thiên tử đoanh vây, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên5 thiên tử Susima bạch Thế Tôn: Như vậy là phải, bạch Thế Tôn. Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ. Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sãriputta? Bạch Thế Tôn? Hiền trí là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, Đại tuệ là Tôn giả Săriputta... Bạch Thế Tôn? Chỉ trích ác pháp là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si,

36 M. \\\,Anupada Sutta (Kỉnh Bất đoạn), M. III. 25, đoạn 93.

không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sãri^utta? Bạch Thế Tôn, con đi đến chúng thiên tử nào, con đều được nghe nhiều lan tiếng nói như vậy: "Hiền trí là Tôn giả Sãriputta... Chỉ trích ác pháp là Tôn giả Sãriputta. Ai không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sariputta?" Rồi chúng thiên tử của thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sãriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ? hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng. Ví như một hòn lưu ly bảo châu đẹp đẽ, trong suốt5 có tám mặt, khéo giũa, khéo mài5 được đặt trên một tấm màn màu vàng da cam,37 chói sáng, chiếu sáng và bừng sáng. Cũng vậy, chúng thiên tử của thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sãriputta được lớn tiếng nói lên? họ hoan hỷ? hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng. Ví như một đồ trang sức bằng vàng mịn được một người thợ vàng thiện xảo khéo đập? khéo mài? đặt trên một tấm màn màu vàng da cam, chói sáng, chiếu sáng và bừng sáng. Cũng vậy9 chúng thiên tử của thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sãriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng. Ví như trong

mùa thu, bầu trời37 38 không một áng mây, khi đêm đã gần sáng, sao mai chói sáng? chiếu sáng và bừng sáng. Cũng vậy? chúng thiên tử của thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sãriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng. Ví như trong mùa thu, bầu trời không một áng mây, mặt trời mọc lên giữa trời, đánh tan màn đêm? khắp giữa hư không chói sáng, chiếu sáng và bừng sáng. Cũng vậy, chúng thiên tử của thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sãriputta được lớn tiếng nói lên? họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng. Rồi thiên tử Susỉma nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về Sãriputta: Ngài Sãriputta, Được mọi người xác nhận, Là một bậc Hiền trí, Không phẫn hận, ít dục? Nhu thuận và điều phục, Được Đạo sư tán thán. Rồi Thế Tôn nói lên bài kệ về Sãriputta cho thiên tử Susima: về Sãriputta, Mọi người đều xác nhận9

37 Pandw. Hào quang của chư thiên tùy thời chiếu sáng rỡ với nhiều màu sắc tuyệt đẹp như màu vàng nghệ, vàng tươi, đỏ, trắng. 38 Deva, trong kinh này, Ngài Buddhaghosa giải thích là ãkãsa.

2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ 85

Là một bậc Hiền trí,
Không phẫn hận, ít dục,
Nhu thuận và điêu phqc,
Như người khéo điều phục?
Chờ đợi thời giờ đến,
Để hưởng quả thuần thục.

X. KINH CÁC NGOẠI ĐẠO SƯ (Nãnãtitthìyasãvakasutta) (S I. 65)

111. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở thành Vương Xá? tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi rất đông thiên tử5 là đệ tử của nhiều ngoại đạo sư39 như: Asama, Sahali,

Ninka, Ãkotaka, Vetambarĩ và Mãnavagãmiya, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Ton roi đứng một bên. Đứng một bên? thiên tử Asama nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về Pũrana Kassapa:

Ở đây nếu có người,
Chém giết hay hại người,
Kassapa không thấy,
Qua các hành động ấy,
Là ác nghiệp cho mình,
Hay công đức cho mình.
Ngài tuyên bố như vậy5
Làm căn bản đức tin,
Ngài thật bậc Đạo sư,
Đáng được tôn kính, lễ.

Rồi thiên tử Sahali nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về Makkhali Gosãla:

Khổ hạnh và yểm ly,
Khéo điều phục, tự chế,
Từ bỏ các lời nói,
Gây đấu tranh với người.
Thăng bằng, tránh phạm tội,
Nói những lời thực ngữ,
Ngài không bao giờ làm,
Các tội phạm như vậy.
Rồi thiên tử Ninka nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về Nigantha Nãtaputta:
Vị Tỷ-kheo yểm ly?
Sáng suốt theo tế hạnh,
Khéo theo bốn tự chế,
39 Họ tin tưởng ở nghiệp, nhờ thiện nghiệp được sanh lên thiên giới và đồng ý xuống thế gian để tán thán bậc Đạo sư của họ.

Chỉ nói điều nghe thấy,40
Không phạm điều lỗi lầm.
Rồi thiên tử Ãkotaka nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về các ngoại đạo sư:
Các ngoại đạo sư này5
Như Pakudhaka Kãtiyãna,
Cùng với Nigantha,
Kể cả Makkhali,
Và cả Pũrana,
Mỗi vị là Đạo sư5
Chúng đệ tử của minh,
Đã đạt Sa-môn quả,
Không xa bậc chân nhân.
Rồi thiên tử Vetambarĩ nói lên bài kệ này với thiên tử Ãkotaka:
Con dã can ghê tởm,
Có tru sủa thế nào,
Làm sao sánh bằng được?
Tiếng rống con sư tử.
Lõa thể nói vọng ngôn,
Lãnh đạo môn đồ chúng,
Làm các hạnh tà vạy,
Làm sao sanh thiện nhân?
Rồi Ác ma nhập vào thiên tử Vetambarĩ nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Tu khổ hạnh yểm]y,
Sống viễn ly hành xác,

Đắm say trong sắc pháp,
Hoan lạc, mê thiên giới,
Dầu họ bị tử vong,
Chắc chắn họ giảng dạy,
Hướng dẫn thật chơn chánh,
Đưa đến đời về sau.
Rồi Thế Tôn biết được chính là Ác ma, liền nói lên bài kệ cho Ác ma:
Phàm những săc pháp gì,
Đời này hay đời sau,
Với màu sắc thù diệu,
Chói sáng giữa hư không,
Tất cả những sắc ấy,
Được Ma vương tán thán,
Chúng chỉ là bẫy mồi5
Quăng ra để diệt cá.
40 Xem M II. 31.

2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ 87

Rồi thiên tử Mãnavagãmiya41 nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về Thế Tôn:
Trong tất cả ngọn núi,
Ở tại Vương Xá thành,
Ngọn núi Vipula,
Được gọi là tối thắng.
Trong dãy núi Tuyết Sơn,
Ngọn Bạch Sơn tối thắng.
Giữa các loại không hanh,
Mặt trời là tối thắng.
Giữa các loại thủy lộ?
Đại dương là tối thắng.
Trong các loài tinh tú,
Mặt trăng là tối thắng.
Giữa thiên giới, địa giới,
Phật được gọi tối thượng.
41 Chủ giải: Trước đây là thị giả của đức Phật.

3. TƯƠNG ƯNG KOSALA (KOSALASAMYUTTA)

I. PHẨM THỨ NHẤT (PATHAMAVAGGA)

L KINH TUỔI TRẺ (Daharasuttà) (5.1. 68) 112. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anãthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) nước Kosala (Kiều-tát-la) đi đến Thế Tôn; sau khi đến? nói lên

với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên? Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn: -Tôn giả Gotama có tự cho mình đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không? Thưa Đại vương, nêu có ai có thê nói một cách chơn chánh là mình đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thời người ấy phải chính là Ta. Thưa Đại vương, Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thưa Tôn giả Gotama, có những vị Sa-môn? Bà-la-môn là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội? có tiêng tôt? có danh vọng, khai Tô giáo pháiđược quần chúng tôn sùng như các ngài Pũrana Kassapa, Makkhali Gosãla, Nigantha Nãtaputta, Sanjaya Belatthiputta, Pakudha Kaccãyana, Ajita Kesakambalĩ. Khi con hỏi các vị ấy: “Ngài có tự xem là đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?95, thời họ đã trả lời? không tự xem mình đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy làm sao Tôn giả Gotama, trẻ tuổi? sanh sau đẻ muộn và chỉ mới xuất gia lại tự cho mình như vậy? Thưa Đại vương, có bốn loại trẻ nhỏ không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì đó là trẻ nhỏ. Thế nào là bốn? Thưa Đại vương, Khattiya trẻ tuôi không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì họ là trẻ. Thưa Đại vương, con rắn còn nhỏ không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì chúng là còn nhỏ. Thưa Đại vương, ngọn lửa nhỏ không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì chúng là nhỏ. Thưa Đại

1 Tỉtthakarã'. Ngoại đạo sư. Tỉttha chỉ cho chỗ sông cạn có thể lội qua, hoặc một tín ngưỡng. XemJPTS. 1913-14, p. 17, n. 5.

vương, Tỷ-kheo trẻ tuổi không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì họ là trẻ.
Thưa Đại vương, bốn loại trẻ nhỏ này không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì chúng là nhỏ.
Thế Tôn nói như vậy. Bậc Thiện Thệ nói xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm như sau:
Sanh dòng Sát-dế-ly,
Thuộc quý tộc5 danh xưng,
Chớ khinh thường là trẻ9
Chớ miệt thị là nhỏ.
Vị Sát-đế-lỵ ấy,
Đên thời lên ngôi vua,
Làm chúa tể loài người,
Trị vì cả quốc độ.
Vị ấy nếu phẫn nộ5
Dùng vương phạt gia hình.
Ai bảo tồn mạng mình,
Hãy tránh né vị ấy.
Ở làng hay là rừng,
Có thấy rắn bò qua,
Chớ khinh thương rắn nhỏ,

Chớ miệt thị rắn nhỏ5
Cao thấp hình sai biệt.
Rắn sống đầy nhiệt khí,2
Bị tấn công, nó cắn,
Kẻ ngu cả nam nữ.
Ai bảo tồn mạng minh,
Hãy tránh né loài rắn.
Lửa cháy đầy khát vọng,
Lửa đốt thiêu, đốt cháy,
Chớ khinh thường lửa nhỏ,
Chớ miệt thị lửa nhỏ.
Lửa được đồ bén cháy,
Liền cháy to, cháy lớn,
Bị tấn công, lửa đốt?
Kẻ ngu cả nam nữ.
Ai bảo tồn mạng minh,
Hãy tránh né lửa cháy.
2 Tejasi, tejasã\ Sức nóng của ngọn lửa, tạm dịch là nhiệt khí.

3. TƯƠNG ƯNG KOSALA 91

Khu rừng bị lửa đốt, Lửa đốt thiêu, đốt cháy, Sau nhiều đêm và ngày, Rễ mầm lại mọc lên. Còn Tỷ-kheo trì giới, Nồng cháy với nhiệt tinh, Nhưng không con không cái, Không của cải truyền thừa5 Không con, không thừa tự, Như thân cây Sa-la. Do vậy người Hiền trí, Tự thấy hạnh phúc mình, Đối với rắn và lửa, Danh xtrng Sát-đế-lỵ5 Vị Tỷ-kheo trì giới, Với bốn vị kể trên, Hãy biết cách cư xử, Chơn chánh và tốt đẹp. Khi nghe nói vậy, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho nẹười bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có the thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bach Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tăng. Mong Thê Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đên mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng. II. KINH NGƯỜI (Purisasutta) (5.1. 70) 113. Nhân duyên tại Sãvatthi. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, đi đến Thế Tôn; sau khi đảnh lễ Thế Tôn rồi nẸồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thê Tôn: Có bao nhiêu loại pháp, bạch Thế Tôn5 khi khởi lên trong nội tâm của một người, sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy? Thưa Đại vươn có ba loại pháp khi khởi lên trong nội tâm của một người, sẽ đưa lại bất lọi, khẫ não và bất an cho người ấy. The nào là ba? Tham pháp, thưa Đại vương, khi khởi lên trong nội tâm của một người, sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy. Sân pháp, thưa Đại vương, khi khởi lên trong nội tâm của một người, sẽ đưa lại bất lọi, khổ não và bất an cho người ấy. Si pháp, thưa Đại vương, khi khởi lên trong nội tâm của một người, sẽ

đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy. Ba pháp ấy, thưa Đại vương, khi khởi lên trong nội tâm của một người, sẽ đưa lại bât lợi, khổ não và bất an cho người ấy.

92 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ I. THIÊN CÓ KỆ

rrii A rri /\ i_ _ Ạ Thê Tôn nói như vậy... Tham, sân, si [ba pháp], Là ác tâm cho người, Chúng di hại tự ngã? Chúng tác thành tự ngã5 Như vỏ và lõi cây,3 Tự tác thành trái cây. III. KINH GIÀ CHẾT ựarãmaraọasutta)45(S. 1.71) 114. Nhân duyên tại Sãvatthi. Ngồi một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, có cái gì sanh mà không già và không chết không? Thưa Đại vương, không có cái gì sanh mà không già và không chết. Thưa Đại vương, dầu cho những vị Sát-đế-lỵ là những bậc đại phú, phú hào, có tiền của lớn, có tài sản lớn5 có nhiều vàng và bạc5 có nhiều vật dụng tiện nghi, có nhiều tiền của, ngũ cốc; các vị ấy có sanh cũng không thoát khỏi già và chết. Thưa Đại vương, dầu cho những vị Bà-la-môn là những bậc đại phú; dầu cho những gia chủ là những bậc đại phú, phú hào, có tiền của lớn5 có tài sản lớn, có nhiều vàng bạc5 có nhiều vật dụng tiện nghi, có nhiều tiền của, ngũ cốc; các vị ấy có sanh cũng không thoát khỏi già và chết. Thưa Đại vương, cho đến các vị Tỷ-kheo9 những bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống/ đã đạt được mục đích tối hậu? đã đoạn được hữu kiết sử, đã được giải thoát nhờ chánh trí; cho đến thân này của các vị ấy cũng phải bị hủy hoại9 cũng phải bị từ bỏ. Xe vua6 dầu mỹ diệu, Rồi cũng phải hư hoại. Thân the này cũng vậy, Rồi cũng phải già yếu. Chỉ chân pháp không già, Bậc Chân, Trí nói vậy. IV. KINH THÂN ÁI (Piyasutta) (5.1. 71) 115. Nhân duyên tại Sãvatthi. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn: Bạch Thê Tôn, ở đây9 khi con đang ngôi yên tịnh một mình, tư tưởng này

3 Taca và sãra'. vỏ cây và lõi cây.

4 Bản tiếng Anh của PTS: The King, nghĩa là Vua.

5 Chủ giải: Năm uẩn, mười phiền não, các dục được các vị A-la-hán xem là phiền não.

6XemZ)/z. V. I5l.

3. TƯƠNG ƯNG KOSALA « 93

khởi lên nơi co uĐối với những ai, tự ngã là thân ái? Đối với những ai, tự ngã là kẻ thù?" Và rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Những ai sống với thân làm ác? sống với miệng nói ác, sống với ý nghĩ ác; đôi với người ây, tự ngã là kẻ thù. Dâu họ có nói: 'Tự ngã là thân ái của chúng tôi\ nhimg tự ngã đối với họ là kẻ thù. Vì sao vậy? Những gì kẻ thù làm cho kẻ thù? tự ngã của họ cũng làm cho tự ngã của họ như vậy. Do vậy, đối với họ5 tự ngã là kẻ thù. Những ai sống với thân làm thiện, sống với miệng nói thiện, sống với ý nghĩ thiện, đối với họ? tự ngã là thân ái. Dầu cho họ có nói: 6Tự ngã là kẻ thù của chúng tôi\ nhưng tự ngã đối với họ là thân ái. Vì sao vậy? Những gì kẻ thân ái làm cho kẻ thân ái, tự ngã của họ cũng làm cho tự ngã của họ như vậy. Do vậy? đối với họ, tự ngã là kẻ thân ái.n Như vậy là phải5 thưa Đại vương! Như vậy là phai, thưa Đại vương! Thưa Đại vương, những ai sống với thân làm ác... Do vậy, đối với họ, tự ngã là kẻ thù. Thưa Đại vương, những ai sông với thân làm thiện... Do vậy? đôi với họ, tự

ngã là kẻ thân ái. Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ thuyết xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Nếu những ai biết được? Tự ngã là thân ái5 Họ sẽ không liên hệ9 Với các điều ác hạnh. Kẻ làm điều ác hạnh, Khó được chơn hạnh phúc? Bị thần chết7 cầm tù, Từ bỏ thân làm người. Kẻ có nghiệp như vậy, Cái gì là của mình? Lấy cái gì đem đi? Cái gì theo dõi họ, Như bóng theo dõi hình?8 Ở đây kẻ bị chết, Làm các nghiệp công đức, Làm các nghiệp ác đức, Lấy cả hai đem đi. Cả hai là của họ, Như bóng theo dõi hình, Cả hai theo dõi họ.

7 Antaka'. Người làm cho chấm dứt, chỉ cho tử thần hay Mãra. Xem Pss. Sis. 59, 62. 8 Xem V. 2. '

Do vậy hãy làm lành, Tích lũy cho đời sau. Công đức cho đời sau, Là hậu cứ cho người.9 V. KINH Tự BẢO Hộ (Attarakkhitasuttd) (5.1. 72) 116. Nhân duyên tại Sãvatthi. Ngồi một bên? Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con đang ngồi yên tịnh một mình, tư tưởng này khởi lên nơi con: "Đối với những ai5 tự ngã được bảo vệ? Đối với những ai, tự ngã không được bảo ve?" Và rồi5 bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: Những ai thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, đôi với những người ây tự ngã không được bảo vệ. Dầu cho họ được tượng binh bảo vệ5 hay được mã binh bảo vệ? hay được xa binh bảo vệ5 hay được bộ binh bảo vệ; đôi với những người ây, tự ngã không được bảo vệ. Vì cớ sao? Vì sự bảo vệ như vậy là bảo vệ ở ngoài, không phải sự bảo vệ bên trong. Cho nên, đối với những người ấy, tự ngã không được bảo vệ. Và những ai thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, đối với những người ấy tự ngã được bảo vệ. Dầu cho họ không được tượng binh bảo vệ? hay không được mã binh bảo vệ5 hay không được xa binh bảo vệ, hay không được bộ binh bảo vệ; đối với những người ây, tự ngã được bảo vệ. Vì cớ sao? Vì sự bảo vệ như vậy là sự bảo vệ bên trong, không phải sự bảo vệ ở ngoài. Cho nên5 đối với những người ấy, tự ngã được bảo vệ.
Như vậy là phải, thưa Đại vương! Như vậy là phải, thưa Đại vương! Thưa Đại vương, những ai sống với thân làm ác... đối với những người ấy tự ngã không được bảo vệ. Vì cớ sao? Vì sự bảo vệ như vậy là bảo vệ ở ngoài, không phải sự bảo vệ bên trong. Cho nên5 đối với những người ấy, tự ngã không được bảo vẹ. Thưa Đại vương, những ai sống với thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, đối với những người ấy tự ngã được bảo vệ. Dầu cho họ không được tượng binh bảo vệ9 hay không được mã binh bảo vệ? hay không được xa binh bảo vệ5 hay không được bộ binh bảo vệ; đôi với những người ây, tự ngã được bảo vệ. Vì cớ sao? Vì sự bảo vệ như vậy là sự bảo vệ bên trong, không phải sự bảo vệ ở ngoài. Cho nên, đôi với những người ây, tự ngã được bảo vệ. Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Lành thay bảo vệ thân! Lành thay bảo vệ lời! Lành thay bảo vệ ý! Lành thay tổng bảo vệ!

9 Xem s. I. 91 (kinh 131 ở sau); s. I. 93 (kinh 133 ở sau).

Kẻ liêm sỉ bảo vệ? Tổng quát và cùng khắp, Vị ấy có tên gọi, Là vị được bảo vệ. VL KINH THIỂU SỐ (Appakasutta) (5. L 73) 117. Nhân duyên tại Sãvatthi. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn5 trong khi con đang ngồi yên tịnh một minh, tư tưởng này khởi lên nơi con: "ít thay là những người trong đời này, sau khi được tài sản quý báu, dồi dào lại có thế không bị lôi cuốn, không bị chìm đắm, không bị say mê trong các dục và không có những hành vi không tốt đẹp đối với người khác. Trái lại, thật là nhiều thay những người trong đời này, sau khi được tài sản quý báu, dồi dào, có thể bị lôi cuốn, bị chìm dắm, bị say mê trong các dục và có những hành vi không tốt đẹp đối với người khác.” -Thật sự là vậy5 thưa Đại vương! Thật sự là vậy, thưa Đại vương! ít thay là những người trong đời này, sau khi được tài sản quý báu, dồi dào, lại có thể không bị lôi cuốn, không bị chìm đắm, không bị say mê trong các dục và không có những hành vi không tốt đẹp đối với người khác. Trái lại, thật là nhiều thay những người trong đời này, sau khi được tài sản quý báu, dồi dào5 có thể bị lôi cuốn, bị chìm dắm, bị say mê trong các dục và có những hành vi không tốt đẹp đối với người khác. Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ thuyết xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Loài người bị đắm say, Trong tài sản, trong dục. Họ tham lam, điên dại, Trong các dục ở đời? Không ý thức rõ ràng? Đã quá độ say mê, Chẳng khác gì con nai, Không thấy đặt bẫy sập. về sau họ khổ đau? Chịu quả báo ác nghiệp. VII. KINH XỬ KIỆN (Addakaranasutta) (S. L 74) 118. Nhân duyên tại Sãvatthi. Ngồi xuống một bên? Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn: Ở đây5 bạch Thế Tôn, con ngồi trong pháp đường10 [để xử kiện]? con thấy chính các vị Sát-đê-lỵ đại phú; các Bà-la-môn đại phú; các gia chủ đại phú, phú

10 Atthakarana. Chú giải giải thích atta, nghĩa là việc tố tụng, hoặc cái đài để người đứng xem xử kiện.

hào, CÓ tiền của lớn% có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc? có nhiều vật dụng tiện nghi, có nhiều tiền của, ngũ cốc; vì nhân các dục, vì duyên các dục5 vì nhân duyên các dục, đã dụng^ nói lời vọng ngôn. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Nay ta đã chán ngay xử kiện. Nay hãy để cho vị hiền diện11 được có danh tiếng nhờ tài xử kiện.,, Thưa Đại vương, các vị Sát-đê-lỵ đại phú; các vị Bà-la-môn đại phú; các vị gia chủ đại phú? phú hào có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều vật dụng tiện nghi, có nhiều tiền của? ngũ cốc; vì nhân các dục5 vì duyên các dục, vì nhân duyên các dục? đã dụng ý nói lên lời vọng ngôn. Do vậy, họ sẽ gánh chịu bất lợi, đau khổ trong một thời gian dài. Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ thuyết xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Loài người bị đắm say, Trong tài sản, trong dục. Họ tham lam, điên dại, Trong các dục ở đời, Không ý thức rõ ràng, Đã quá độ say mê, Chẳng khác gì con cá, Không thấy đặt bẫy lưới. Vê sau họ khô đau? Chịu quả báo ác nghiệp. VIII. KINH MALLIKÃ (Maỉlikãsutta) (S I. 75) 119. Nhân duyên tại Sãvatthi. Lúc bây giờ5 Vua Pasenadi nước Kosala có mặt với Hoàng hậu Mallikã (Mạt-lỵ)5 trên lầu thượng. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala nói với Hoàng hậu Mallikã: -Này Mallikã, có ai khác thân ái với Hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu? Thưa Đại vương, không có ai khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của

thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương? Này Mallikã, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala bước xuống lầu và đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi lên lầu thượng với Hoàng hậu Mallikã và con nói với Hoàng hậu Mallikã: "Này Mallikã, có ai khác thân ái với Hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hau?"

11 p. Bhadramukha, H.nghĩa đen là vị có khuôn mặt, tướng mạo hiền thiên, nghĩa bóng là yị có uy đức. Quần chúng kính phục và tiến cử vị có uy đức ấy làm người lãnh đạo, nẵm can cân cong băng, xư kiện. SA. I. 140 viết sênãpatỉ, nghĩa là viên tướng lĩĩứi, tổng chỉ huy.

Khi nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, Hoàng hậu Mallikã trả lời với con: "Thua Đại vương, không có ai khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhimg thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?^, Nghe nói vậy, bạch Thế Tôn? con trả lời cho Hoàng hậu Mallikã: 6CNày Mallikã, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta." Rồi Thế T6n, sau khi biết rõ ý nghĩa này, trong lúc ấy liền nói lên bài kệ này: Tâm ta đi cùng khăp, Tất cả mọi phương trời, Cũng không tìm thấy được, Ai thân hơn tự ngã. Tự ngã đối mọi người, Quá thân ái như vậy, Vậy ai yêu tự ngã, Chớ hại tự ngã người. IX. KINH TẾ ĐÀN (ĩanúiasutta)1213 (S I. 75) 120. Nhân duyên tại Sãvatthi. Lúc bấy giờ? Vua Pasenadi nước Kosala tổ chức một đại tế đàn. Năm trăm con bò đực, năm trăm con bò con đực, năm trăm con bò con cái, năm trăm con dê và năm trăm con cừu được dắt đến trụ tế lễ để làm lễ tế đàn. Và có những người nô tỳ, hay những người phục dịch, hay những người lao công, bị hình phạt thúc dẩy, bị sợ hãi thúc dẩy, với nước mắt đầy mặt? than khóc và làm các công việc chuẩn bị [cho lễ tế đàn]. Rồi rất nhiều Tỷ-kheo5 vào buổi sáng, đắp y, cầm bát9 đi vào Sãvatthi để khất thực. Khất thực xong, sau bữa ăn? trên đường trở về? đi đến Thế Tôn; sau khi đên? đảnh lê The Tôn rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Ở dây, bạch Thế Tôn, Vua Pasenadi nước Kosala tổ chức một đại lễ tế đàn. Năm trăm con bò đực, năm trăm con bò con đực5 năm trăm con bò con cái5 năm trăm con dê? năm trăm con cừu được dăt đên trụ tê lê đê làm lê tê đàn. Và có những người nô tỳ? hay những người phục dịch, hay những người lao công? bị hình phạt thúc đẩy, bị sợ hãi thúc đây, với nước măt đày mặt? than khóc và làm các công việc chuẩn bị cho lễ tế đàn. Rồi Thế Tôn5 sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên bài kệ: Lễ cúng ngựa, cúng người, Quăng cọc, rượu chiến thắng,13 Không chốt cửa, đại lễ5 Chúng không phải quả lớn.

12 Tham chiếu: Tạp B (T.02. 0099.1234. 0338a22); Biệt Tạp.(7.02. 0100.61. 0394c26). 13 Lễ Cíuống rượu chiến£hắng", xem QKM. II. 16, n. 3. Le <4Quăng CQC" được giải thích là làm lễ xây dựng điện thờ nơi cọc gỗ quăng rơi xuông. Lễ t4Không chốt cửa^, nói lên ý mọi người tín cẩn lẫn nhau.

Chỗ nào có giết hại,
Dê, cừu và trâu bò?
Lễ tế đàn như vậy,
Bậc Đại Thánh không đi.
Tế đàn không rộn rang,
Cúng dường được thường hằng,
Không có sự giết hại?
Dê? cừu và trâu bí),
Lễ tế đàn như vậy,
Bậc Đại Thánh sẽ đi.
Bậc trí tế như vậy?
Tế đàn vậy, quả lớn.
Ai tế lễ như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu,
Là tế đàn vĩ dại,
Được chư thiên hoan hỷ.

X. KINH TRIỀN PHƯỢC (Bandhanasutta) (5.1. 76)

121. Lúc bấy giờ, Vua Pasenadi nước Kosala đang bắt trói một số đônệ người; một sô người bị trói băng dây thừng, một sô người bị gông cùm, một sô người bị dây xích lại. Rồi một số đong Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, cầm bát, đi vào Sãvatthi để khất thực. Đi khất thực xong, sau bữa ăn? trên đường trở về? họ đi đến Thế Tôn;
sau khi đen, đảnh lê Thế Tôn rôi ngôi xuông một bên. Ngồi xuống một bên5 các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:
Ở dây, bạch Thế Tôn? Vua Pasenadi nước Kosala bắt trói một số đônẹ người; một số người bị trói bằng dây thừng, một số người bị gông cùm, một so người bị dây xích lại.
Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên bài kệ:
Bậc có trí nói rang,
Trói vậy không vững chắc,
Trói bằng sắt, dây gai,
Kềm kẹp bằng gỗ mộc.
Đam mê các dục lạc,
Với châu báu, trang sức,
Và tâm tư tưởng vọng?
Hướng vê con, vê vợ.
Bậc có trí nói rằng,
Trói vậy thật vững chắc,
Dầu trói buộc trì xuống,

Tế nhị và khó thoát.
Các vị chơn xuất gia,
Cắt đứt chúng làm đôi,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi dục lạc.
100 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

IL PHẨM THỨ HAI(PUTIỴAVAGGA)

I. KINH BẢY VỊ BỆN TÓC (SattạiaỊilasutta) (S. I. 77) 122. Một thời, Thế Tôn ở tại Sãvatthi, Pubbãrãma (Đông Viên), tại lâu đài Migãramãtu14 (Lộc Tử Mầu giảng đường). Lúc bấy giờ, Thế Tôn vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh độc cư đứng dậy? và đến ngồi tại mái hiên phía cửa ngoài. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ? bảy vị bện tóc, bảy vị Nigantha,15 bảy vị lõa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ với thân đầy lông, với móng tay dài, lớn như cây lau, mang các dụng cụ khất sĩ16 đang đi ngang qua, cách Thế Tôn không xa bao nhiêu. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào phía một bên vai, quỳ xuống trên đầu gối tay mặt, chắp tay hướng về bảy vị bện tóc? bảy vị Nigantha, bảy vị lõa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ ấy và nói lên ba lần tên của mình: "Thua chư Tôn, con là Vua Pasenadi nước Kosala.” Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, khi bảy vị bện tóc, bảy vị Nigantha, bảy vị lõa thể, bảy vị mặc một ỵ và bảy vị du sĩ ấy đã đi qua không lâu liền đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn? có phải những Tôn giả ấy là những vị A-la-hán trên đời này, hay là những vị hướng đến A-la-hán đạo? Thưa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ5 trong khi còn sống thọ hưởng các dục9 bị con cái trói buộc, quen dùng các loại Chiên-đàn ở xứ Kãsi? trang sức với vòng hoa, hương thơm? dầu sáp, sử dụng vàng và bạc, thời Đại vương thật khó biết được các vị ấy là bậc A-la-hán hay là bậc hướng đến A-la-hán đạo. Thưa Đại vương, chính phải cộng trú mới biêt được giới đức của một người, và phải trong một thời gian dài không thể khác được? phải có tác V, không phải không tác ý? phải có trí tuệ9 không phải thiếu trí tuệ. Thưa Đại vương, chính phải cùng chung một nghề mới biết được sự thanh tịnh của một người, phải trong một thời gian dài không thể khác được? phải có tác ý? không phải không tác ý, phải có trí tuệ? không phải thiếu trí tuệ.

14 Chỉ cho Visãkhã, vị đại tín chủ của Tăng đoàn. 15 Các Nigantha chỉ mặc y phục trắng, một tấm y dài, miếng vải thắt lưng dài hơn đến đầu gối hoặc dài hơn, = 16 Đồ châm lửa, bình nước, kim và bình bát. Xem DB. I. 125.

3. TƯƠNG ƯNG KOSALA 101

Thưa Đại vương, chính trong thời gian bất hạnh mới biết được sự trung kiên của một người, phải trong một thời gian dài không thể khác được, phải có tác V, không phải không tác ý5 phải có trí tuệ, không phải thiếu trí tuệ. Thưa Đại vương, chính phải đàm đạo mới biết được trí tuệ của một người, và phải trong một thời gian dài không thể khác được, phải có tác ý9 không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải thiếu trí

tuệ. Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn đã khéo nói như sau: “Thua Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ... không phải thiếu trí tue.” Bạch Thế Tôn, có những người trinh thám này của con? những người trinh sát? sau khi đi trinh sát một nước, họ đến gặp con. Trước hết, họ thu thập tin tức rồi con mới công bố. Bạch Thê Tôn, ở đây? những người ây sau khi tây sạch bụi và nhớp, sau khi tắm rửa và xoa dầu, sau khi chải sạch râu tóc5 mặc đồ vải trắng, họ được hầu hạ săn sóc và cho thọ hưởng năm dục công đức. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy mới nói lên bài kệ: Không phải do sắc tướng, Biết rõ được con người, Không phải nhìn thoáng qua, Đặt được lòng tin cậy. Dưới bộ áo đạo đức5 Với hình tướng tự chê, Những kẻ sống buông th Sông phây phây đời này. Như bông tai bằng đất? Giả dạng bong tai thật, Như nửa tiền bằng đồng, Được sơn phết lớp vàng. Một số sống che đậy, Ẩn kín dưới bề ngoài? Nội thân thật bất tịnh5 Mặt ngoài giả mỹ diệu. II. KINH NĂM VUA (Pancarậịasutta) (5.1. 79) 123. Nhân duyên tại Sãvatthi. Một thời, năm vị vua, với Vua Pasenadi nước Kosala là thượng thủ, đang thọ hưởng, được cung cấp và được đoanh vây với năm dục công đức.17 Câu chuyện sau đây được khởi lên giữa các vị ấy: "Dục nào tối thuợiíE?”

17 Kama, trong trường hợp này không phải chỉ cho đối tượng của các căn mà chỉ cho các cảm thọ liên hệ đến các căn và người vui thích các cảm thọ ấy. Xem Cpd. 81, n. 2.

Ở đây? có người nói: “Sắc là dục tối thyợng”, có người nói: "Tiếng là dục tối thuợng", có người nói: "Hương là dục tối thượng,\ có người nói: "Vị là dục tối thuợng”có người nói: "Xúc là dục tối thượng.^ Và các vua ấy không thể thuyết phục nhau về vấn đề này. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala nói với các vua ấy: Chư Tôn gi chúng ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến hãy hỏi Thế Tôn ý nghĩa này. Thi Tôn trả lời chúng ta như thế nào5 chúng ta sẽ như vậy thọ trì. Thưa vâng, Tôn giả. Các vua ấy vâng đáp Vua Pasenadi nước Kosala. Rồi năm vua ấy, với Vua Pasenadi nước Kosala là thượng thủ5 đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn và nẸồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn: -Ở đây, bạch Thế Tôn? năm vua chúng con đang thọ hưởng, được cung cấp, được đoanh vây với năm dục công đức. Câu chuyện sau đây được khởi lên giữa chúng con: "Dục nào là tối thượng?^, Có người nói: "Sắc là dục tối thuợng", có người nói: "Tiếng là dục tối thượng5\ có người nói: "Hương là dục tối thượng,\ có người nói: là dục tối thuợng", có người nói: "Xúc là dục tối thượng?5 Bạch Thế Tôn, dục nào là tối thượng? Thưa Đại vương, tùy theo cùng độ ưa thích mà Ta nói răng dục ây là tôi thượng trong năm dục công đức. Và thưa Đại vương, các sắc ấy đối với một số người, được ưa thích; các săc ây đôi với một sô người, không được ưa thích. Thưa Đại vương, nếu một ai ưa thích đối với các sắc pháp, tâm viên ý mãn; không có muốn các sắc pháp nào khác hơn, các sắc pháp nào tốt đẹp hơn các sắc pháp ấy; thời đối với vị này, các sắc pháp ấy là tối thượng, các sắc pháp ấy là vô thượng. Thưa Đại vương, các tiêng ây... các hương ây... các vị ây... Thưa Đại vương, các xúc ấy đối với một số người, được ưa thích; các xúc ấy đối với một số người, không được ưa thích. Thưa Đại vương, nếu một ai ưa thích đối với xúc pháp9 tâm viên ý mãn; không có ý muôn

các xúc pháp nào khác hơn, các xúc pháp nào tốt hơn các xúc pháp ấy; thời đối với vị này, các xúc pháp ấy là tối thượng, các xúc pháp ấy là vô thượng. Lúc bấy giờ, có cư sĩ Candanangalika đang ngồi trong hội chúng ấy. Rồi cư sĩ Candanaồgalika từ chỗ ngồi đứng dậy? đắp thượng y lên một bên vai, chắp tay hướng vê Thê Tôn và bạch The Tôn: Bạch Thế Tôn, một tư tưởng khởi lên nơi con. Bạch Thiện The, một tư tưởng khởi lên nơi con. Thê Tôn nói: -Này Candanaồgalika, hãy nói lên tư tưởng ấy. Rồi cư sĩ Candanaốgalika, trước mặt Thế T6n, tán thán với một bài kệ thích nghi:

Giống như hoa sen đỏ,
Nực thơm mùi hương dịu,
Sáng sớm tinh sương nở5
Với hương hoa ứ đọng.
Hãy xem Aốgĩrasa,
Chói hào quang chiếu diệu,
Như mặt trời sáng chói?
Giữa hư không bao la.
Rồi năm vị vua ấy đắp năm áo lên trên mình cư sĩ Candanaồgalika.
Nhung cư sĩ Candanaồgalika đắp năm áo ấy lên trên thân Thế Tôn.
III. KINH ĐẠI THỰC (Donapãkasutta) (5.1. 81) 124. Nhân duyên tại Sãvatthi. Lúc bấy giờ5 Vua Pasenadi nước Kosala thường ăn bữa ăn thịnh soạn. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala sau khi ăn xong, no đủ5 thỏa thích, đi đến r _ • . ~ . ' Thê Tôn; sau khi đên5 đảnh lê Thê Tôn và ngôi xuông một bên. Rồi Thế Tôn, sau khi biết Vua Pasenadi nước Kosala đã ăn xong, no đủ? thỏa thích, ngay lúc ấy nói lên bài kệ: Con người thường chánh niệm, Được ăn5 biết phải chăng, Chừng mực5 ít thọ khổ, Già chậm, tuổi thọ dài. Lúc bây giờ5 thanh niên Bà-la-môn Sudassana đứng sau limg Vua Pasenadi nước Kosala. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala gọi thanh niên Sudassana: - Này Sudassana, hãy đi đến và học thuộc lòng bài kệ từ Thế Tôn và trong khi dọn ăn cho ta hãy đọc lên bài kệ ấy. Ta sẽ luôn cấp thường nhật cho ông một trăm đồng tiền. _ Thưa vâng, Đại vương. Thanh niên Sudassana vâng đáp Vua Pasenadi nước Kosala, học thuộc lòng bài kệ này từ Thế Tôn, và trong khi dọn cơm cho Vua Pasenadi nước Kosala, đọc lên bài kệ này: Con người thường chánh niệm, Được ăn? biết phải chăng, Chừng mực, ít thọ khổ, Già chậm, tuổi thọ dài. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala tuần tự hạn chế, cho đến chỉ ăn nhiều nhất là một nãỊika.18

18 Cái ống, cái thố đựng thức ăn.

Vua Pasenadi sau một thời gian, thân thể được khỏe mạnh, tự tay thoa bóp chân tay và nói lên lời cảm hứng sau đây: "Oi, thật sự Thế Tôn đã thương tưởng nghĩ đến lợi ích cho ta, cả hai đời hiện tại và vị lai!" IV. KINH NÓI VÈ CHIẾN TRANH THỨ NHẤT (PaỊhamasangữmasutta) (S. L 83) 125. Nhân duyên tại Sãvatthi. VuaẠịãtasattu, con bà Videhi nước Magadha, triệu tập bốn loại binh chủng gây chiến với Vua Pasenadi nước

Kosala và tiến đánh Kãsi. Vua Pasenadi nước Kosala được nghe: "Vua Ajatasattu, con bà Videhi nước Magadha, triệu tập bôn loại binh chủng gây chiên với Vua Pasenadi nước Kosala và tiến đánh Kasi." Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, dàn trận ở Kãsi chống Vua Ạjãtasattu? con bà Videhi nước Magadha. Rồi Vua Ạjãtasattu? con bà Videhi nước Magadha, tấn công Vua Pasenadi nước Kosala. Trong cuộc chiên ây, VuaẠjãtasattu? con bà Videhi nước Magadha, chiến thắng Vua Pasenadi nước Kosala. Bị chiến bại, Vua Pasenadi nước Kosala lui về tại kinh đô Sãvatthi. Rồi một số Tỷ-kheo9 vào buổi sáng, đắp y, cầm bát, đi vào Sãvatthi để khất thực. Đi khât thực ở Sãvatthi xong, sau bữa ăn, trên đường trở vê? họ đi đên Thê Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một ben, các Ty-kheo ây bạch The Tôn: Ở đây? bạch Thế Tôn, Vua Ạiãtasattu, con bà Videhi nước Magadha, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với Vua Pasenadi nước Kosala, tiến đánh Kãsi. Bạch Thế Tôn, Vua Pasenadi nước Kosala được nghe: "Vua Ajãtasattu? con bà Videhi nước Magadha, triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với Vua Pasenadi nước Kosala, tiến đánh Ksi." Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, dàn trận ở Kãsi chống Vua Ajatasattu, con bà Videhi nước Magadha. Bạch Thế Tôn, rồi Vua Ajatasattu, con bà Videhi nước Magadha và Vua Pasenadi nước Kosala xáp chiến nhau. Trong cuộc chiến ấy, Vua Ajatasattu, con bà Videhi nước Magadha, chiến thăng Vua Pasenadi nước Kosala. Bạch Thê Tôn, bị chiên bại, Vua Pasenadi nước Kosala rút lui về kinh đô của mình là Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo? Vua Ạjãtasattu5 con bà Videhi nước Magadha, là ác hữu, là ác bạn lữ, là ác giao du. Và này các Tỷ-kheo? Vua Pasenadi nước Kosala là thiện hữu, là thiện bạn lữ, là thiện giao du. Và này Tỷ-kheo5 hôm nay, trong đêm này, Vua Pasenadi nước Kosala trải một đêm đau khổ của người bại trận. Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ thuyết xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Thắng trận sanh thù oán, Bại trận nếm khổ đau9

Ai bỏ thắng, bỏ bại, Tịch tịnh, hưởng an lạc. V KINH NÓI VÈ CHIẾN TRANH THỨ HAI (Dutìyasangãmasutta) (5.1. 84) 126. Rồi Vua Aj tasattu, con bà Videhi nước Magadha, triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiên với Vua Pasenadi nước Kosala và tiên đánh Kãsi (lân thứ hai). Vua Pasenadi nước Kosala được nghe: "Vua Ajtasattu, con bà Videhi nước Magadha, sau khi triệu tập bón loại binh chủng, gây chiến với Vua Pasenadi nước Kosala và tiến đánh Kẫsiy Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, dàn trận ở Kãsi chống Vua Ajatasattu, con bà Videhi nước Magadha. Rồi Vua Ạiãtasattu, con bà Videhi nước Magadha và Vua Pasenadi nước Kosala xáp chiên với nhau. Trong cuộc chiên ây, Vua Pasenadi nước Kosala chiến thắng Vua Ajatasattu, con bà Videhi nước Magadha, và bắt sống vua ấy. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala suy nghĩ như sau: "Tuy Vua Ajatasattu, con bà Videhi nước Magadha làm hại ta, dầu ta không làm hại ai, nhưng vua ấy là cháu trai của ta. Vậy ta hãy tịch thu toàn bộ tượng binh, toàn bộ mã binh, toàn bộ xa binh, toàn bộ bộ binh của Vua Ajatasattu, con bà Videhi nước Magadha, và chỉ tha cho vua ấy mạng s6ng." Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, sau khi tịch thu toàn bộ tượng binh... và chỉ tha cho vua ấy mạng sống. Rồi một số lớn vị Tỷ-kheo? vào buổi sáng, đắp y, mang y bát và đi vào Sã- vatthi để khất thực.

Khất thực ở Sãvatthi xong, sau bữa ăn9 trên đường trở về, họ đi đến The Tôn; sau khi đến, đảnh lễ The Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: - Ở đây, bạch Thế Tôn, Vua Ajãtasattu? con bà Videhi nước Magadha, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với Vua Pasenadi nước Kosala và tiến đánh Kãsi. Bạch Thế Tôn, Vua Pasenadi nước Kosala được nghe: "Vua Ajãtasattu, con bà Videhi nước Magadha, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với Vua Pasenadi nước Kosala và tiên đánh Ksi." Rôi bạch Thê Ton, Vua Pasenadi nước Kosala, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, dàn trận chống Vua Ajatasattu, con bà Videhi nước Magadha. Bạch Thế Tôn, Vua Ajatasattu, con bà Videhi nước Magadha, và Vua Pasenadi nước Kosala xáp chiến với nhau. Trong cuộc chiến ấy, Vua Pasenadi nước Kosala chiến thắng VuaAjãtasattu, con bà Videhi nước Magadha, và bắt sông vua ây. Rôi Vua Pasenadi nước Kosala suy nghĩ như sau: "Tuy Vua Ajãtasattu? con bà Videhi nước Magadha làm hại ta, dầu ta không làm hại ai, nhưng vua ấy là cháu trai của ta. Vậy ta hãy tịch thu toàn bộ tượng binh, toàn bộ mã binh, toàn bộ xa binh, toàn bộ bộ binh của Vua

Ajatasattu, con bà Videhi nước Magadha, và chỉ tha cho vua ấy mạng song?9

Bạch Thế Tôn, rồi Vua Pasenadi nước Kosala, sau khi tịch thu toàn bộ tượng binh, toàn bộ mã binh, toàn bộ xa binh, toàn bộ bộ binh của Vua Ajatasattu, con bà Videhi nước Magadha, tha cho vua ấy mạng sống.

Rồi Thế T6n, sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên bài kệ:

Vì nghĩ đến tư lợi,
Nên mới cướp hại nguôi,
Khi người khác cướp hại,
Bị hại lại hại người.
Người ngu nghĩ như vậy,
Khi ác chưa chín muồi.
Khi ác đã chín muồi,
Người ngu chịu khổ đau.
Sát người, bị người sát,
Thắng người, bị người thắng,
Mắng người, người mắng lại,
Não người, người não lại?
Do nghiệp được diễn tiến,
Bị hại lại hại người.

VI. KINH MALLIKÃ (MallikãsuttaỸ9 (S. I. 86)

127. Nhân duyên tai Sãvatthi. Vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thế Tôn;
sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.
Rồi một người đi đến Vua Pasenadi nước Kosala và báo tin kề bên tai Vua

Pasenadi nước Kosala: "Thua Đại vương, Hoàng hậu Mallikã đã sinh hạ được một người con gái.”

Khi nghe nói vậy, Vua Pasenadi nước Kosala không được hoan hỷ.

Rồi Thế Tôn5 sau khi biết Vua Pasenadi nước Kosala không được hoan hỷ5 ngay lúc ấy nói lên bài kệ:

Này Nhân chủ? ở đời5
Có một số thiếu nữ,
Có thể tốt đẹp hơn,
So sánh với con trai,
Có trí tuệ5 giới dức,
Khiến nhạc mẫu thán phục.
Rồi sinh được con trai,
Là anh hùng, quốc chủ,
Người con trai như vậy5

19 Bản tiếng Anh của PTS: The Daughter, nghĩa là Người con gái.

Của người vợ hiền đức, Thật xứng là Đạo sư? Giáo giới cho toàn quốc.

VII. KINH KHÔNG PHÓNG DẬT (Appamãdasuttd) (S. I. 86) 128. Nhân duyên tại Sãvatthi. Ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn? có một pháp nào có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai lợi ích: Lợi ích đời này và lợi ích đời sau? Thưa Đại vương, có một pháp có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai lợi ích: Lợi ích đời này và lợi ích đời sau. -Bạch Thế T6n, pháp ấy là gi, có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai lợi ích: Lợi ích đời này và lợi ích đời sau? Bất phóng dật? thưa Đại vương, là một pháp có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai lợi ích: Lợi ích đời này và lợi ích đời sau. Thưa Đại vương, cũng như con voi, trong tất cả loài hữu tình có chân, tóm thâu tất cả đặc tướng của chân trong bàn chân của nó;20 và bàn chân của voi được xem là đệ nhất về phương diện to lớn trong tất cả loại chân. Cũng vậy, thưa Đại vương, bất phóng dật là một pháp có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai lợi ích: Lợi ích đời này và lợi ích đời sau. Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Ai ước nguyện tuổi thọ, Không bệnh, có diệu sắc5 Được sanh lên thiên giới, Sanh nơi nhà quý tộc, Phải liên tục tăng thượng, Tinh tấn không dừng nghỉ. Người hiền trí tán thán, Hạnh lành không phóng dật5 Đối với những người trí, Làm các hạnh công đức. Người trí không phóng dật5 Được cả hai lợi ích. Lợi ích nào đời này, Lợi ích nào đời sau. Người kiên trì thành tựu, Được gọi bậc hiền trí.

20 Một ví dụ thường được dùng chỉ cho trí tuệ. Xem M. I. 184.

VIII. KINH THIỆN HỮU (Kalyãnamittasutta)21 (5.1. 87) 129. Nhân duyên tại Sãvatthi. Ngôi xuông một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn?

trong khi con ngồi yên tĩnh một minh, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Pháp được Thế Tôn khéo giảng. Và pháp ấy giảng cho thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du; không phải cho ác hữu, ác bạn lữ, ác giao du." Như vậy là phải, thưa Đại vương. Thưa Đại vương, pháp được Ta khéo giảng. Và pháp ấy giảng cho thiện hữu5 thiện bạn lữ, thiện giao du; không phải cho ác hữu, ác bạn lữ, ác giao du. Một thời, thưa Đại vương, Ta ở giữa dòng họ Sakka (Thích-ca), tại một thị trấn của các vị Sakka. Rồi thưa Đại vương, Tỷ-kheo Ãnanda đến chỗ Ta; sau khi đến? đảnh lễ Ta và ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, thưa Đại vương, Tỷ-kheo Ananda bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, phân nửa đời sống Phạm hạnh này thuộc về thiện hữu5 thiện bạn lữ, thiện giao du.” Khi được nghe nói vậy, thưa Đại vương, Ta nói với Tỷ-kheo Ãnanda: "Này Ãnanda, không phải vậy. Này Ananda, không phải vậy. Thật sự5 này Ãnanda, toàn phần đời sống Phạm hạnh này thuộc về thiện hữu9 thiện bạn lữ, thiện giao du. Này Ãnanda, đối với vị Tỷ-kheo là thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du, chúng ta hy vọng rằng vị ấy sẽ tu trì Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành. Và Ãnanda, thế nào là Tỷ-kheo thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành? Ở đây, này Ãnanda, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, y cứ viễn ly, y cứ ly tham, y cứ đoạn diet, y cứ xả ly; tu tập chánh tư duy... tu tập chánh ngữ... tu tập chánh nghiệp... tu tập chánh mạng... tu tập chánh tinh tấn... tu tập chánh niệm... tu tập chánh định? y cứ viễn ly, y cứ ly tham, y cứ đoạn diet, y cứ xả ly. Như vậy, này Ãnanda, là vị Tỷ-kheo thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành. Và chính theo pháp môn này5 này Ananda, ông cần phải hiểu như thế nào toàn phân đời sông Phạm hạnh này là thuộc vê thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du? Này Ãnanda, chính vì Ta y cứ5 làm bạn với thiện hữu, nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị bệnh được giải thoát khỏi bệnh; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chêt; các chúng sanh bị sâu5 bi, khô5 ưu, não được giải thoát khỏi sâu5 bi, khô? ưu, não. Và chính theo pháp môn này, này Ananda, ông cân phải

21 Bản tiếng Anh của PTS: Diligence, nghĩa là Tỉnh cần.

hiểu như thế là toàn phần đời sống Phạm hạnh này thuộc về thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du." Do vậy, này Đại vương, cần phải học như sau: “T6i sẽ là thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du.” Như vậy? này Đại vương, Đại vương cần phải học. Này Đại vương, đê Đại vương có thể trở thành thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du, Đại vương cần phải y cứ, an trú vào một pháp, tức là không phóng dật trong các thiện pháp. Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, thời các nữ cung nhân sẽ suy nghĩ: "Bại vương an trú không phóng dật5 y cứ không phóng dật; vậy chúng ta hãy an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật. Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật5 y cứ không phóng dật, các vị Sát-đế-lỵ chư hầu sẽ suy nghĩ: í6Đại vương an trú không phóng dật5 y cứ không phóng dật; vậy chúng ta hãy an trú không phóng dật9 y cứ không phóng dật. Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú

không phóng dật, y cứ không phóng dật, thời các binh chủng sẽ suy nghĩ: "Đại vương an trú không phóng dật5 y cứ không phóng dật; vậy chúng ta hãy an trú không phóng dật5 y cứ khong phóng d*." Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật? y cứ không phóng dật, các dân chúng ở thị trấn và quôc độ sẽ suy nghĩ: íaĐại vương an trú không phóng dật5 y cứ không phóng dật; vậy chúng ta hãy an trú không phóng dật5 y : kh6ng píi6ng dat.” Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật? y cứ không phóng dật5 thời tự ngã được che chở? hộ trì; nội cung được che chở? hộ trì; kho tàng được che chở, hộ trì. Người ước mong tài sản5 Phải liên tục tăng thượng. Người hiền trí tán thán, Hạnh lành không phóng dật. Đối với những người lành, Làm các hạnh công đức. Người hiền không phóng dật, Được cả hai lợi ích, Lợi ích trong đời này, Lợi ích cả đời sau. Kẻ anh hùng được gọi Là bậc chơn hiền trí, Nêu biêt năm chụp lây Hạnh phúc cho chính mình.

110 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ I. THIÊN CÓ KỆ

IX. KINH KHÔNG CÓ CON THỨ NHẤT (Pathamaaputtakasutta) (S I. 89) 130. Nhân duyên tại Sãvatthi. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, vào buổi trưa22 đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Ton và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Vua Pasenadi nước Kosala đang ngồi một bên: Thưa Đại vương, Đại vương đi từ đâu đến trong giữa trưa như thế này? Ở đay, bạch Thế Tôn, có triệu phú gia chủ ở Sãvatthi bị mệnh chung, và con đến để xem tài sản của vị không có con ấy được chở vào nội thành. Bạch Thế Tôn, có đến tám triệu đông tiên vàng, không nói đên tiên băng bạc. Bạch Thê Tôn, tuy vậy, đô ăn của triệu phú gia chủ ây lại chỉ gôm có cháo tâm chua23 ngày hôm qua để lại. Còn vải mặc chỉ mang vải gai may thành ba tấm. Còn xe thì đi xe nhỏ, cũ kỹ và hư nát, có gắn tán che bằng lá. Thật như vậy9 thưa Đại vương! Thật như vậy, thưa Đại vương! Một kẻ không phải chân nhân (asappuriso), thưa Đại vương, dâu cho có được tài sản lớn cũng không đem lại an lạc cho mình; không đem lại an lạc cho cha mẹ; không đem lại an lạc cho vợ con; không đem lại an lạc cho các người phục vụ, cho các người làm công; không đem lại an lạc cho bạn bè thân hữu; đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn9 không thiết trí các sự cúng dường hướng thượng, có khả năng đưa lên thượng giới, đưa đên lạc quả, hướng đên thiên giới. Các tài sản của người ấy nếu không thọ dụnệ chơn chánh, thời vua chúa sẽ cướp đoạt, hay trộm căp cướp đoạt, hay bị lửa đôt5 hay bị nước cuôn trôi, hay bị con cháu thừa tự thù nghịch cướp đoạt. Sự việc là như vậy, thưa Đại vương, các tài sản nếu không thọ dụng chơn chánh, sẽ đưa đến tổn giảm, không đưa đến thọ hưởng. Ví như, thưa Đại vương, một hồ nước tại chỗ vắng người, với nước trong suôt, với nước mát lạnh, với nước dịu ngọt, VỚI nước tinh khiet, với bờ ben tot đẹp và khả ái nhưng không có người đến gánh nước5 hay uống nước, hay tắm, hay sử dụng hồ nước ấy vào bất cứ công việc gì. Như vậy5 thưa Đại vuơng, nước ấy không được thọ dụng chơn chánh sẽ đưa đên tôn giảm, không đưa đên thọ hưởng. Cũng vậy, thưa Đại vương, một kẻ không phải chân nhân5 dầu cho có được tài sản lớn cũng khônệ đem lại an lạc cho mình... Sự việc là như vậy5 thưa Đại vương, các tài sản nểu không thọ dụng chơn chánh, sẽ đưa đến tổn giảm, không đưa đến thọ hưởng. Và bậc chân nhân5 thưa Đại vương, có được tài sản lớn, đem lại an lạc cho mình; đem lại an lạc cho cha mẹ; đem lại an lạc cho vợ con; đem lại an lạc cho người

phục vụ, cho người làm công; đem lại an lạc cho bạn bè thân hữu; đối với các vị Sa-môn? Bà-la-môn, thiết trí các sự cúng dường hướng thượng, có khả năng đưa lên thượng giới, đưa đến lạc quả, hướng đến thiên giới. Các tài sản của người ấy được thọ dụng chơn chánh, thời vua chúa không cướp đoạt, hay trộm cắp không cướp đoạt, hay không bị lửa đốt, hay không bị nước cuốn trôi? hay không bị con cháu thừa tự thù nghịch cướp đoạt. Sự việc là như vậy, thưa

22 Divã dỉvassa. Xem J. II. 1; Vin. III. 241. 23 Kanajaka. Xem J. I. 228; Vin. III. 9.

Đại vương, các tài sản nếu thọ dụng chơn chánh, sẽ đưa đến thọ hưởng, không đưa đến tổn giảm. Ví như, thưa Đại vương, một hồ nước không xa làng mạc hay thị trấn, với nước trong suốt, với nước mát lạnh5 với nước dịu ngọt, với nước tinh khiết, với bờ bến tốt đẹp và khả ái. Và có người đến gánh nước, hay uống nước5 hay tắm, hay sử dụng hô nước ây vào bât cứ công việc gì. Như vậy5 thưa Đại vương, nước ấy được thọ dụng chơn chánh, sẽ đưa đến thọ hưởng, không đưa đến tổn giảm. Cũng vậy, thưa Đại vương, một bậc chân nhân khi được tài sản lớn, đem lại . an lạc • , cho mình... Sự* việc * là nhưr vậy M* 5 các tài sản được sử dụng chơn chánh. —

sẽ đưa đên thọ hưởng, không đưa đên tôn giảm. Như nước trong tươi mát, Nằm tại chỗ không người, Không người uống, người dùng, Đi đến chỗ tổn giảm. Cũng vậy là tài sản5 Kẻ hạ liệt có được5 Không tự mình thọ hưởng, Lại không cho một ai. Kẻ trí tuệ sáng suốt, Tài sản thâu hoạch được, Biết thọ dụng5 phục vụ, Với bà con, đoàn thể, Trở thành như Ngmi vương, Nuôi dưỡng và ệiúp đỡ, Vô tội khi bị chet9 Được sanh lên thiên giới. X. KINH KHÔNG CÓ CON THỨ HAI (Dutiyaaputtakasutta) (S. 1.91) 131. Rôi Vua Pasenadi nước Kosala, giữa trưa, đi đên Thê Tôn; sau khi đên, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Vua Pasenadi nước Kosala đang ngồi một bên: —Thưa Đại vương, Đại vương đi đâu lại giữa trưa như thế này? Ở dây, bạch Thế Tôn? có triệu phú gia chủ ở Sãvatthi bị mệnh chung. Và con đên đê xem tài sản của vị không có con ây được chở vào nội thành. Bạch Thế Tôn, có đến tám triệu đồng tiền vàng5 không nói đến tiền bằng bac. Bạch Thế Tôn, tuy vậy, đô ăn của vị triệu phú gia chủ ây lại chỉ gồm có cháo tấm chua ngày hôm qua để lại. Còn vải mặc chỉ mang vải gai may thành ba tấm. Còn xe thì đi xe nhỏ5 cũ kỹ và hư nát, có gắn tán che bằng lá. Thật như vậy, thưa Đại vương! Thật như vậy? thưa Đại vương! Thưa Đại vương, vị triệu phú gia chủ ây thuở xưa, đã bô thí đô ăn khất thực cho một vị Bích-chi Phật tên là Tagarasikhĩ. yị ấy nói: "Hãy bố thí cho vi Sam6n!" xong, vị ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, rồi bỏ đi. Nhimg về sau, vị ấy hối tiếc, nói rằng:

“T6t hơn, các ngươi phục dịch hay làm cong ăn đô ăn khât thực này.^, Và hơn nữa? vị ấy đoạt mạng sống người con độc nhât của người anh, vì tài sản của người ây. Thưa Đại vương, vì người triệu phú gia chủ ấy có bố thí đồ ăn khất thực cho vị Độc Giác Phật tên là Tagarasikhĩ, do kết quả hành động ấy, vị ấy được sanh bảy lần lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Do kết quả dư hưởng còn lại5 vị ấy được làm nhà triệu phú bảy lần ở

Sãvatthi này. Thưa Đại vương, vì người triệu phú gia chủ ây sau khi bô thí vê, lại hôi tiêc nói rằng: "Tốt hơn, các nguỳi phục dịch hay làm côn̤ ăn đồ ăn khất thực này.” Do kết quả của hành động ấy, tâm của vị ấy hướng vê các món ăn không được tốt đẹp5 tâm của vị ấy hướng về các đồ mặc không được tốt đẹp9 tâm của vị ấy hướng về các xe cộ không được tôt đẹp? tâm của vị ây hướng vê sự thọ hưởng năm dục công đức không được tốt đẹp. Thưa Đại vương, vì triệu phú gia chủ ây đoạt mạng sông người con độc nhât của người anh, vì tài sản của người ấy; do kết quả hành động của vị ấy, vị ấy bị nung nâu ở địa ngục nhiêu năm, nhiêu trăm năm, nhiêu trăm ngàn năm. Do kêt quả dư hưởng còn lại, gia tài không con bảy lân phải nhập vào công khố của vua. Thưa Đại vương, đối với triệu phú gia chủ này, các công đức cũ bị đoạn diệt và công đức mới chưa được chứa cât thêm. Và nay, thưa Đại vương, triệu phú gia chủ đang bị nung nấu trong địa ngục Mahãroruva. Bạch Thế Tôn, như vậy triệu phú gia chủ đã sanh vào địa ngục Mahãroruva? Thưa Đại vương, như vậy triệu phú gia chủ đã sanh vào địa ngục Mahãroruva. Lúa? tài sản, vàng bạc, Hay mọi vật sở hữu, Nô tỳ và lao công, Các mạng sống tùy thuộc, Vị ấy phải ra đi, Không đem theo được ai, Tất cả phải bỏ lại, Khi ra đi một mình. Chỉ có các hành động, về thân, miệng và ý, Mới thật thuộc vị ấy, Mang theo khi ra di, Nghiệp ấy theo vị ấy, Như bóng không rời hình. Do vậy hãy làm lành, Tích lũy cho đời sau, Công đức eho đời sau, Làm hậu cứ cho người.24

24 Xem s. I. 96 (kinh 133 ở sau).

3. TƯƠNG ƯNG KOSALA « 113

ni. PHẨM THỨ BA (TATIY4VAGGA)

I. KINH NGƯỜI (Puggalasutta) (S. I. 93) 132. Nhân duyên tại Sãvatthi. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Ton rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Vua Pasenadi nước Kosala đang ngồi một bên: Thưa Đại vương, có bốn loại người này có mặt, hiện diện ở đời. Thế nào là bốn? sống trong bóng tối hướng đến bóng tối5 sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng, sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối, sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng.25 Thưa Đại vương, thế nào là người sống trong bóng tối hướng đến bóng tối? Ở đây, thưa Đại vương, có một số người sanh trong gia đình hạ tiện như gia đình người Chiên-đà-la? hay gia đình người đan rổ? hay gia đình người làm bẫy sập, hay gia đình người làm xe, hay gia đình người đổ rác.26 Người ấy nghèo đói, ăn uong thiếu thốn, sanh kế khó khăn, khó kiếm đồ ăn5 mặc; và người ấy xấu xí, khó nhìn, còm lưng, nhiều bệnh, mù lòa? quẹo tay, bại chân, hay nửa thân tê liệt. Người ấy không nhận được đồ ăn, đồ uống, vải mặc5 xe cộ, vòng hoa5 hương liệu, phấn sáp; không nhận được chỗ nằm, chỗ ở? đèn đuốc. Người ấy thân làm ác? miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác? sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú9 đọa xứ, địa ngục. Thưa Đại vương, ví như một người đi từ tối tăm này đến tối tăm khác, hay đi từ hăc ám này đên hăc ám khác, hay từ vêt máu đỏ này đên vêt máu đỏ khác, thưa Đại vương, Ta nói người ấy với ví dụ như vậy. Thưa Đại vương, như vậy là người sống trong bóng tối hướng đến bóng tối.27 Và thưa Đại vương, thế nào là người sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng? Ở đây, thưa Đại vương, có một số người sanh trong gia đình hạ tiện như gia đình người

Chiên-đà-la? hay gia đình người đan rổ5 hay gia đình nệười làm bẫy sập? hay gia đình người làm xe, hay gia đình người đô rác. Người ây nghèo đói, ăn uống thiếu thốn, sanh kế khó khăn? khó kiếm đồ ăn5 mặc; và người ấy xấu xí, khó nhìn, còm lưng, nhiều bệnh, mù lòa? quẹo tay, bại chân hay nửa thân tê liệt. Người ấy không nhận được đồ ăn5 đồ uống, vải mặc, xe cộ5 vòng hoa, hương liệu? phấn sáp; không nhận được chỗ nằm, chỗ ở, đèn đuốc. Người ấy thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Do thân làm thiện, miệng nói

25 Xem 4 II. 85. 26 Rathakãra: Người làm xe, làm da. Pukkusa: Người đổ rác, đổ bông. 27 Xem 4 II. 85 về bốn loại người này.

thiện, ý nghĩ thiện, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Thưa Đại vương, ví như một người từ đất leo lên kiệu, hay từ kiệu leo lên lưng ngựa, hay từ lưng ngựa leo lên thân voi, hay từ thân voi leo lên lầu, thưa Đại vương, Ta nói người ấy với ví dụ như vậy. Thưa Đại vương, như vậy là người sông trong bóng tôi hướng đên ánh sáng. Và thưa Đại vương, thế nào là người sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối? Ở đây5 thưa Đại vương, có một số người sanh ra trong gia đình cao quý như trong gia đình Sát-đế-lỵ đại phú5 hay trong gia đình Bà-la-môn đại phú, hay trong gia đình gia chủ đại phú, phú hào. Người ấy có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiêu vàng và bạc? có nhiều vật dụng tiện nghi5 nhiêu tiền của, nệũ cốc;28 và người ây đẹp trai, dễ nhìn, dê thương, với màu da tuyệt đẹp5 mỹ miêu.29 Người ấy lại nhận được đồ ăn5 đồ uống, áo mặc, xe cộ5 vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, chỗ nằm, chỗ trú, đèn đuốc. Người ấy với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do thân làm ác5 miệng nói ác, ý nghĩ ác9 sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ví nhu, thưa Đại vương, một người từ lầu leo xuống thân voi, hay từ thân voi leo xuống lưng ngựa, hay từ lưng ngựa leo xuống chiếc kiệu, hay từ chiếc kiệu leo xuống đất, hay từ đất leo xuông lòng đât tôi tăm. thưa Đại vương, Ta nói người ây với ví dụ như vậy. Thưa Đại vương, như vậy là người sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối. Và thưa Đại vương, thế nào là người sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng? Ở đây, thưa Đại vương, có người sanh ra trong gia đình cao quý như trong gia đình Sát-đế-lỵ đại phú9 hay trong gia đình Bà-la-môn đại phú5 hay trong gia đình gia chủ đại phú, phú hào. Người ấy có tiền của lớn? có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều vật dụng tiện nghi, có nhiều tiền của5 ngũ cốc; và người ấy đẹp trai, dễ nhìn, dễ thương, với màu da tuyệt đẹp? mỹ miều. Người ấy lại nhận được đồ ăn5 đồ uống, vải mặc5 xe cộ9 vòng hoa, hương liệu? phấn sáp, chỗ nằm, chỗ trú, đèn đuốc. Người ấy thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Do thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, người ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Ví như, thưa Đại vương, một người từ chiêc kiệu này bước qua chiêc kiệu khác5 hay từ lưng ngựa này bước qua lưng ngựa khác, hay từ thân voi này bước qua thân voi khác, hay từ lầu này bước qua lầu khác, thưa Đại vương, Ta nói người ấy với ví dụ như vậy. Thưa Đại vương, như vậy là người sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng. Thưa Đại vương, những người như vậy có mặt, hiện diện trong

đời. Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Đại vương, người nghèo đói, Bất tín và xan tham,

28 Xem s. I. 71 (kinh 114 ở trước). 29 Chủ giải: Trái với màu da như cột nhà cháy.

Keo kiết, ác tư duy,
Tà kiến, thiếu lễ nghĩa,
Nhiếc mắng và mạ lỵ
Sa-môn9 Bà-la-môn,
Cùng các khất sĩ khác.
Không cho, làm phiền nhiễu,
Ngăn chặn sự bố thí
Cơm nước cho người xin.
Đại vương, người như vậy,
Khi thân hoại mạng chung,
Sanh địa ngục hãi hùng.
Ôi5 Nhân chủ, người vậy,
Được gọi sanh bóng tối5
Và hướng đến bóng tối.
Đại vương, người nghèo đói?
Có tín, không xan tham,
Bố thí, thiện tư duy,
Có chí, tâm không loạn,
Đứng dậy và chào đón
Sa-môn5 Bà-la-môn5
Cùng các khất sĩ khác.
Tu học hạnh thăng bằng,
Không ngăn sự bố thí,
Cơm nước cho người xin.
Đại vương, người như vậy,
Khi thân hoại mạng chung,
Được sanh lên thiên giới.
Oi, Nhân chủ5 người vậy,
Được gọi sanh bóng tối9
Nhưng hướng đến ánh sáng.
Đại vương, người hào phú?
Bất tín và xan tham,
Keo kiêt, ác tư duy,
Tà kiến? không lễ nghĩa,

Nhiếc mắng và mạ lỵ
Sa-môn5 Bà-la-môn,
Cùng các khất sĩ khác.
Không cho? làm phiền nhiễu,
Ngăn chặn sự bố thí,
Cơm nước cho người xin.
116 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

Đại vương, người như vậy?
Khi thân hoại mạng chung,
Phải sanh vào địa ngục.
Ôi, Nhân chủ? người vậy5
Được gọi sanh ánh sáng,
Và hướng đên bóng tôi.
Đại vương, người hào phú,
Có tín, không xan tham,
Bố thí, thiện tư duy,
Có chí, tâm không loạn,
Đứng dậy và chào đón
Sa-môn, Bà-la-môn,
Cùng các khất sĩ khác.
Tu học hạnh hòa bình,
Không ngăn sự bố thí,
Cơm nước cho người xin.
Đại vương, người như vậy,
Khi thân hoại mạng chung,
Được sanh lên thiên giới.
Oi, Nhân chủ, người vậy5
Được gọi sanh ánh sáng,
Và hướng đến ánh sáng.
II. KINH TỔ MẪU (Ayyikãsutta) (S I. 96) 133. Nhân duyên tại Sãvatthi. Thế Tôn nói với Vua Pasenadi nước Kosala đang ngồi một bên: -Đại vương đi từ đâu lại giữa trưa như thế này? Bạch Thế Tôn? Tổ mẫu của con mệnh chung, già nua, tuổi tác đã đến tuôi trưởng thượng, đã đạt đên tuôi thọ5 đã mệnh chung khi được một trăm hai mươi tuổi. _ 7 _ _ / ___ ? ~

Bạch Thê Tôn, con rât ái luyen và quý men 10 mâu. Bạch Thê Tôn, nêu con được cho một voi báu5 hay để Tổ mẫu con khỏi chết, con sẽ cho voi báu để Tổ mẫu con khỏi chết. Bạch Thế Tôn, nếu con được cho một ngựa báu, hay để Tổ mẫu con khỏi chết, con sẽ cho ngựa báu để Tổ mẫu con khỏi chết. Bạch Thế Tôn5 nếu con được cho một thôn làng tốt đẹp, hay để Tổ mẫu con khỏi chết, con sẽ cho thôn làng tốt đẹp để Tổ mẫu con khỏi

chết. Bạch Thế Tôn? nếu con CÓ thê được cho một quôc độ? hay đê Tô mâu con khỏi chêt5 con sẽ cho quôc độ để Tổ mẫu con khỏi chết. -Tât cả chúng sanh, thưa Đại vương, đêu phải chêt, đêu kêt thúc trong sự chêt, đêu không vượt qua sự chêt.

Thật là vi diệu? bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã khéo nói: "Tất cả chúng sanh đều phải chết, đều kết thúc trong sự chết, đều không vượt qua sự chết." Như vậy là phải, thưa Đại vương! Như vậy là phải, thưa Đại vương! Tất cả chúng sanh đều phải chết, đều kết thúc trong sự chết, đều không vượt qua sự chết. Ví như, thưa Đại vương, tất cả đồ ệốm do người thợ gốm làm ra, chưa nung chín hay đã nung chín, tất cả đồ gốm ây đều phải bể, đều kết thúc trong sự bể, đều không vượt qua sự bể. Cũng vậy5 thưa Đại vương, tất cả chúng sanh đều phải chết, đều kết thúc trong sự chét, đều không vượt qua sự chết. Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Mọi chúng sanh sẽ chết, Mạng sống, chết kết thúc, Tùy nghiệp, họ sẽ di, Nhận lãnh quả thiện ác? Ac nghiệp, đọa địa ngục, Thiện nghiệp, lên thiên giới. Do vậy hãy làm lành, Tích lũy cho đời sau5 Công đức cho đời sau, Làm hậu cứ cho người.30 III. KINH THẾ GIAN (Lokasutta) (S. I. 98) 134. Nhân duyên tại Sãvatthi. Ngôi xuông một bên? Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn? có bao nhiêu pháp ở đời? khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau khổ, bất an trú? Thưa Đại vương, có ba pháp ở đời, khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau khổ? bất an trú. Thế nào là ba? Thưa Đại vương, tham là pháp ở đời? khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau khổ? bất an trú. Thưa Đại vương, sân là pháp ở đời, khi khởi lên đưa lại bất lợi? đau khổ, bất an trú. Thưa Đại vương, si là pháp ở đời5 khi khởi lên đưa lại bất lọi, đau khổ? bất an trú. Thưa Đại vương, ba pháp này ở đời, khi khởi lên đem lại bất lợi5 đau khổ, bất an trú. Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Tham, sân? si, [ba pháp] Là ác tâm cho người,

30 Xem s. I. 91 (kinh 131 ở trước).

Chúng di hại tự ngã, Chúng tác thành tự ngã5 Như vỏ và lõi cây/1 Tự tác thành trái cây. IV KINH CUNG THUẬT ựssattasutta) (S. I. 98) 135. Nhân duyên tại Sãvatthi. Ngôi xuông một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:31 32 - Chỗ nào, bạch Thế Tôn, bố thí cần phải đem cho? Thưa Đại vương, tại chỗ nào mà tâm được hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, chỗ nào cho được quả lớn? Thưa Đại vương, câu: "Ch6 nào bô thí cân phải đem cho", khác với câu: uChỗ nào cho được quả lớn.,, Thưa Đại vương, cho người trì giới được quả báo lớn. Cho người không giữ giới không được như vậy. về vấn đề này5 thưa Đại vương, Ta sẽ hỏi Đại vương, Đại vương thấy thích hợp như thế nào, hãy trả lời câu hỏi ấy như vậy. Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thê nào, ở dây, Đại vương đang lâm chiến, và cuộc giao tranh đang bày binh bố trận. Rồi một thanh niên Sát-đế-lỵ đến, không có học tập5 không có huấn luyện, không có thực tập, không có phục vụ, rụt rè5 sợ hãi5 run sợ hay bỏ chạy. Đại vương có giữ lại người ấy không, và một người như vậy có lợi ích gì cho Đại vương không? Bạch Thế T6n, con không giữ lại người ấy và một

người như vậy không có lợi ích gì cho con cả. Rồi một thanh niên Bà-la-môn, không có học tập... Rồi một thanh niên Vessa (thương gia) đên... Rôi một thanh niên Sudda (Thủ-đà) đên5 không có học tập... và một người như vậy không có lợi ích gì cho con cả.
-Thưa Đại vương. Đại vương nghĩ thê nào, ở đây5 Đại vương đang lâm chiến, và cuộc giao tranh đang bày binh bố trận. Rồi một thanh niên Sát-đế-lỵ đến, có học tập5 có huấn luyện, có thực tập, có phục vụ, không rụt rè5 không sợ hãi5 không run sợ5 không bỏ chạy. Đại vương có giữ lại người ấy không, và một người như vậy có lợi ích gì cho Đại vương không? Bạch Thế Tôn, con giữ lại người ấy. Và một người như vậy có lợi ích cho con. Rồi một thanh niên Bà-la-môn đến5 có học tập... Rồi một thanh niên Vessa đến... Rồi một thanh niên Sudda đến... và một người như vậy có ích lợi gì cho Đại vương không?

31 Xem s. I. 70 (kinh 113 ở trước). 32 Chủ giải giải thích cuộc hội đàm này giữa công chúng với sự hiện diện của rất nhiều ngoại đạo sư. Những vị này cho rằng họ vượt trội hơn tât cả, danh tiếng của họ còn lớn hơn danh tiếng cua đức Phật. Ho khuyên khích mọi người hãy cúng dường cho họ và các đệ tử của họ. Vua Pasenadi đã thỉnh đức Phật đên đê làm rõ.

Bạch Thế Tôn, con ủng hộ người ấy và một người như vậy có lợi ích cho con.
-Cũng vậy? thưa Đại vương, dầu cho một người có xuất gia từ một gia đình nào, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình, vị ấy đoạn trừ năm chi và hội đủ năm chi. Bố thí cho một người như vậy có quả báo lớn.
Thế nào là năm chi được đoạn trừ? Tham dục được đoạn trừ, sân được đoạn trừ, hôn trầm thụy miên được đoạn trừ, trạo hối được đoạn trừ, nghi được đoạn trừ. Năm chi này được đoạn trừ.
Thế nào là năm chi được hội đủ? Vô học Giới uẩn được hội đủ5 Vô học
Định uẩn được hội đủ, Vô học Tuệ uẩn được hội đủ? Vô học Giải thoát uẩn được hội đủ5 Vô học Giải thoát tri kiến uẩn được hội đủ. Năm chi này được hội đủ.
Chính một người như vậy? năm chi được đoạn trừ, năm chi được hội đủ. Bố thí cho người như vậy được quả báo lớn.
Thế Tôn nói như vậy... rồi bậc Đạo sư lại nói thêm:
Vị vua đang lâm chiên,
Sẽ giữ lại thanh niên?
Cung thuật được thiện xảo,
Dõng mãnh đầy khí lực.
Nhà vua không tuyển chọn5
Theo tiêu chuẩn thọ sanh.
Cũng vậy9 người có trí,
Kính lễ bậc hạ sanh,
Bậc này sống Thánh hạnh,
Nhẫn nhục và hiền hòa.33

Hãy làm cốc thoải mái,
Dựng nhà cho Đa văn5
Rừng khô534 làm bể nước,
Hiểm trở, mở đường đi.
Với tâm tư thanh tịnh,
Hãy cho kẻ trực tâm3
Cho đồ ăn, đồ uống,
Cho vải mặc, trú xá.
Như mây giông gầm thét9
Chớp sáng trăm đầu mây,

33 SA. I. 166: Khantỉsoraccantỉ ettha khantĩtỉ ạdhivãsanakhantỉ^ soraccantỉ arahattam. Ngài Buddhaghosa giải thích khantisoracca là 4tNhẫn nhục và hiền h6a". Trong trường hợp này, í4nhẫn nhvc" có nghĩa là nhẫn nại, chịu đựng và "hiền hba" là tâm hiền thiện của bậc Thìh, bậc A-ia-hán. Xem D. III. 213;.I. 94. 34 Papanca vỉvane. SA. I. 166: Vìvaneti arannatthane, nỉrudake aranne, được giải thích là khu rừng không có nước.

Nước mưa ào ào xuống, Tràn đầy đất thấp cao. Cũng vậy, bậc thiện tín, Đa văn, dọn đồ ăn, Thỏa mãn kẻ khất sĩ. Kẻ trí tâm hoan hỷ, Phân phát vật ăn uống, Nói: “Cho, hãy đem cho!" Như vậy la, gầm, thét, Mưa móc như thần mưa. Các công đức to lớn, Do bố thí mang lại, Đem mưa ân, mưa móc, Trên những người bố thí. V. KINH VÍ DỤ HÒN NÚI (Pabbatũpamasutta) (5.1. 100) 136. Nhân duyên tại Sãvatthi. Thế Tôn nói với Vua Pasenadi nước Kosala đang ngồi một bên: Thưa Đại vương, Đại vương đi từ đâu lại giữa trưa thế này? Bạch Thế Tôn, con rất bận rộn với những sự việc của các vua chúa. Các vua chúa Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, say đăm kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn quốc độ, và chinh phục cả vùng đất đai rộng lớn. -Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào, ở đây? nếu có người đến với Đại vương từ phương Đông, một người thân tín, đáng tin cậy, người ấy đến Đại vương và thưa: "Tâu Đại vương, mong Đại vương được biết, con từ phương Đông lại và có thây tại đây một ngọn núi cao như hư không, đang di chuyển và chà đạp, đè bẹp tất cả loại hữu tình. Tâu Đại vương, Đại vương hãy làm những gì cầĩí phải làm?5 Rồi một người thứ hai đến từ phương Tây... Rồi một người thứ ba đến từ phươnệ Bắc... Rồi một người thứ tư đến từ phương Nam, thân tín, đáng tin cây, người ay đến Đại vương và thưa: 6íTâu Đại vương, mong Đại vương được biet, con từ phương Nam lại và có thấy tại đây một ngọn núi cao như hư không, đang di chuyển và chà đạp, đè bẹp lên tất cả loại hữu tình. Tâu Đại vương, Đại vương hãy làm những gì cân phải làm." Như vậy? thưa Đại vương, một khủng bố lớn khởi lên cho Đại vương, sự diệt tận nhân loại thật khủng khiếp, được tái sanh làm người thật khó khăn, thời Đại vương có thê làm được những gì? Như vậy? bạch Thế Tôn, một khủng bố lớn khởi lên, sự diệt tận nhân loại thật khủng khiếp, được tái sanh làm người thật khó khăn, thời con có thể làm được những gi, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh làm các hạnh lành, làm các công đức?

Thưa Đại vương, Ta nói cho Đại vương biết, Ta cáo cho Đại vương hay. Thưa Đại vương, già và chết đang tiến đến chinh phục Đại vương. Khi Đại vương bị già chét chinh phục, Đại vương có thể làm được gì? Bạch Thế Tôn; khi con bị già và chết chinh phục, thời con có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành? làm các công đức? Bạch Thế Tôn, những sự việc như các vua chúa Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, say đắm, kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục5 đạt được sự an toàn quốc độ và chinh phục cả vùng đất đai rộng lớn cùng các trận chiến với tượng binh. Bạch Thế Tôn, các trận chiến với tượng binh không đem lại một hướng đi (gatĩ), một điểm tựa cho các vua chúa ấy, một khi bị già chết chinh phục. Bạch Thế Tôn, những sự việc như các vua chúa Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, say đắm, kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn quốc độ và sống chinh phục cả một vùng đất đai rộng lớn cùng các trận chiến với mã binh... với xa binh... với bộ binh. Bạch Thế Tôn, các trận chiến với bộ binh không đem lại một hướng di, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy, một khi bị già chết chinh phục. Bạch Thế Tôn, trong vương cung này có những Đại thần tinh luyện về thần chú. Các vị này có thể với thần chú, phá tan quân địch tới tấn công. Nhưng bạch Thế Tôn, các trận chiến chú thuật Idiông đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua ấy, một khi bị già chết chinh phục. Bạch Thế Tôn, trong vương cung này có nhiều số vàng được chứa cất trong những nhà hầm hay những lầu thượng, và với số vàng ấy chúng con có thể phá tan quân địch tấn công tài chánh. Nhưng bạch Thê Tôn? các trận chiến tài chánh không đem lại một hướng di, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy, một khi bị già chết chinh phục. Và bạch Thế Tôn, khi con bị già chết chinh phục, thời con có thể làm được gì? ngoại trừ sống đúng pháp, song chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức? Như vậy là phải, thưa Đại vương. Như vậy là phải, thưa Đại vương. Khi Đại vương bị già chết chinh phục, Đại vương có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức? Thế Tôn nói như vậy... và bậc Đạo sư nói thêm: Như núi đá rộng lớn? Dựng đứng lên hư không, Tiến tới tràn xung quanh, Áp đè cả bốn phía. Cũng vậy? già và chết Di chuyển đến hữu tình,

Giai cấp Sát-dế-ly,
Bà-la-môn, Phệ-xá,
Thủ-đà, Chiên-đà-la?
Người đổ rác, đổ phân5
Không một ai thoát khỏi,
Tất cả bị chinh phục.
Ở đây không tượng binh,
Không xa binh, bộ binh,
Không trận chiến chú thuật,
Không trận chiên tài sản,

Có thể giúp chiến thắng,
Chông với già, với chêt.
Do vậy người hiền trí,
Thấy rõ phần tự lợi5
Người trí đặt tin tưởng,
Vào Phật9 Pháp và Tăng.
Ai với thân, khẩu, ý,
Hành trì đúng Chánh pháp,
Đời này được tán thán,
Đời sau hưởng phước trời.35

35 Chủ giải giải thích Vua Pasenadi đi yết kiến đức Phật, bị bọn cướp mai phục ở rừng Andha. Vua biết được cho băt tên cướp và bêu thây ở bên đựộng. Vì vua có hành động này nên đức Phạt không đặt thẳng vấn đề mà chỉ khuyên vua một cách gián tiếp.

4.TƯ0WGƯNGÁCMA (MÃRASAMYUTTA)

L PHẨM THỨ NHẤT (R4THAMAK4GGA)

L KINH KHỔ HẠNH (Tapokammasutta)12(S I. 103)

137. Như vầy tôi nghe.

Một thòi, Thế Tôn ở Uruvelã bên bờ sông Neranjara, dưới gốc cây Ajapala Nigrodha, khi Ngài vừa giác ngộ.

Rồi Thế Tôn, trong khi thiền tịnh độc cu, tư tưởng sau đây được khởi lên:

"Thật sự Ta được giải thoát khỏi khổ hạnh ấy. Tốt lành thay, thật sự Ta được giải thoát khỏi khổ hạnh không liên hệ đến lợi ích ấy! Tốt lành thay, Ta kiên trì5 chánh niệm, chứng đạt B&dề!"

Rồi Ác ma, với tâm tư của mình biết được tâm tư của Thế Tôn, liền đi đến r rT^l rm /\ 1 r 1 •

...

-1- • . . f

1 /V i 5*1^ FT11 r-1-ĩ /\

Thê Tôn; sau khi đen nói lên bài kệ này với The Tôn:

Từ bỏ pháp khổ hạnh,
Giúp thanh niên trong sạch,
Không tịnh, nghĩ mình tịnh5
Đi ngược thanh tịnh đạo.

Rồi Thế Tôn biết được: "Đây là Ác ma", lin nói lên bài kệ với Ác ma:

Biết được pháp khổ hạnh,
Được xem là bất tử,2
Pháp ấy không lợi ích,
Không đem lợi ích nào,
Như chèo và bánh lái,

Chiếc thuyền trên đất cạn.3
Giới, Định và Trí tuệ9
Con đường hướng Chánh giác,
Ta tu tập hạnh ấy,
Đạt được tối thắng tịnh.
1 Bản tiếng Anh của PTS: Penance and Works, nghĩa là Khổ hạnh và nghiệp. 2 Chủ giải viết là Amaram thế cho Aparam. Tu khổ hạnh để được bất tử. 3 Ngài Buddhaghosa viết là Dhammani, dịch là khu rừng không có nước. Phiyãritta: Chèo và bánh lái.

Này kẻ Tử ma kia,4 Ông bị bại trận rồi. Rồi Ác ma biết được: “Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ? thất vọng, liền biến mat tại chỗ ấy. II. KINH VOI CHÚA XUẤT HIỆN (Hatthirajavannasutta)56(S. I. 103) 138. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở tại Uruvelã, bên bờ sông Neranjara, dưới cây Ajapala Nigrodha, khi Ngài vừa giác ngộ. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, trong bóng đêm tối5 và trời đang mưa từng hột một. Rồi Ác ma muốn khiến Thế Tôn sợ hãi, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, liền biến hình thành con voi chúa to lớn và đi đến Thế Tôn. Và đầu con voi ví như hòn đá đen lớn,6 ngà của nó ví như bạc trắng tinh, vòi của nó ví như đầu cái cày lớn. Thế Tôn biết được: “Dây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma: Ông luân hồi dài dài5 Hình thức tịnh, bất tịnh. , \ / Thôi vừa rôi? Ac ma, Ông đã bị bại trận. ,Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng? liền biến mất tại chỗ ấy.

III. KINH TỊNH (Subhasutta)(y I. 104)
139. Như vầy tôi nghe.
Một thời, Thế Tôn ở tại Uruvelã, bên bờ sông Nerafijara, dưới cây Ajapala
Nigrodha, khi Ngài vừa giác ngộ. Lúc bấy giờ? Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, trong bóng đêm tối, và trời đang mưa từng hột một.
Rồi Ác ma muốn khiến Thế Tôn sợ hãi, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, liền đi aen The Ton.
Sau khi đến, hiện lên những hình tướng cao, thấp, tịnh, bất tịnh, không xa
FT11 rr\ -ị
A i • /-V
Thê Tôn bao nhiêu.
Rồi Thế Tôn biết được: “Bây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:
Ông luân hồi dài dài,
Hình thức tịnh, bất tịnh.
. . ị
Thôi vừa rôi? Ac ma,
Ông đã bị bại trận.
4Xem5.1. 71 (kinh 115Ởtrước). 5 Bản tiếng Anh của PTS: The Wonder Elephant, nghĩa là Con voi kỳ diệu. 6 Aritthaka'. Một loại đá màu xám xanh hay nâu.

Những vị thân, khẩu, ý?
Khéo hộ trì chế ngu,
Này kẻ Ác ma kia,
Những vị ấy như vậy?
Không bị ông chi phối,
Không phải đệ tử ông.
Rồi Ác ma biết được: “Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ?
thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.
IV. KINH BẪY SẬP THỨ NHẤT (PaḶhamamārapāsasuttà) (S. L 105)
140. Như vầy tôi nghe.
Một thời, Thế Tôn ở tại Bārānasī (Ba-la-nại)? Isipatana (chư thiên đọa xứ),
LỘC Uyển. Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:
Này các Tỷ-kheo!
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.
r r r
Các vị Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau:
Này các Tỷ-kheo, chính nhờ như lý tác ý, chính nhờ như lý chánh tinh cần, Ta chứng đạt Vô thượng giải thoát, Ta chứng ngộ Vô thượng giải thoát.
Vậy này các Tỷ-kheo, các ông cũng phải với như lý tác ý, như lý chánh tinh cần, chứng đạt Vô thượng giải thoát, chứng ngộ Vô thượng giải thoát.
Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thế Tôn:
Ngài còn bị trói buộc,
Trong bẫy sập của ma5
Bởi những dây dục lạc,7
Cả thiên giới, nhân giới.
Ngài đang bị cột chặt,
Trong triền phược của ma,
Này vị Sa-môn kia,
Ngài chưa thoát khỏi ta.
[Thế Tôn:]
Ta đã được giải thoát,
Khỏi bẫy sập của ma,
Thoát khỏi dây dục lạc5
Cả thiên giới, nhân giới.
Ta đã được giải thoát,
Khỏi triền phược của ma,
Này kẻ tử ma kia,
Ông đã bị bại trận.

7 SA. I. 172: Kãmagunasankhãtã (cái gọi là dục lạc).

Rồi Ác ma biết được: “Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mat tại chỗ ấy. V. KINH BẪY SẬP THỨ HAI (Dutìyamãrapãsasutta) (5. L 105) 141. Một thời, Thế Tôn trú ở Bãrãnasĩ (Ba-la-nại), tại Isipatana (chư thiên đọa xứ), Lộc Uyển. Ở dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: -Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo, Ta đã được giải thoát khỏi tất cả bẫy sập ở thiên giới và nhân giới. Này các Tỷ-kheo? các ông cũng được giải thoát khỏi tất cả bẫy sập ở thiên giới và nhân giới. Này các Tỷ-kheo, hãy du hành vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Chớ có đi hai người một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn5 có nghĩa! Hãy tuyên thuyết Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh! Có các chúng sanh, sanh ra ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe pháp sẽ đi đến hoại diệt. Họ sẽ trở thành những vị thâm hiểu Chánh pháp.8 Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ đi đến Ưruvelã, thị trấn Senãnigama để thuyết pháp. Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thế Tôn: Ngài còn bị trói buộc, Trong bẫy sập của ma, Bởi những dây dục lạc, Cả thiên giới, nhân giới. Ngài đang bị cột chặt, Trong triền phược của ma, Này vị Sa-môn kia, Ngài chưa thoát khỏi ta. [Thế Tôn:] Ta đã được giải thoát, Khỏi bẫy sập của ma, Thoát khỏi dây dục lạc5 Cả thiên giới, nhân giới. Ta đã được giải thoát, Khỏi triền phược của ma, Này kẻ Tử ma kia, Ông đã bị bại trận. Rồi Ác ma biết được: “Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta”, buồn khổ5 thất vọng5 liền biến mất tại chỗ ấy.

8 Xem II. 32.

VI. KINH CON RẮN (Sappasutta) (5.1. 106) 142. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Rajagaha, VeẸuvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ5 Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, trong bóng đêm tối5 và trời đang mưa từng hột một. Rôi Ac ma muôn khiên Thê Tôn sợ hãi, hoảng sợ5 lông tóc dựng ngược, bèn biến thành con đại xà vương và đi đến Thế Tôn. Thân của nó to lớn ví như một chiếc thuyền đẽo ra từ một thân cây. Cái mang của nó ví như cái khay đan của người nấu rượu. Mắt của nó ví như cái đĩa bằng đồng của nước Kosala.9 Lưỡi của nó le ra từ miệng ví như mũi tên chớp sáng lòe khi trời mưa gió sấm sét. Tiếng hơi thở vô, hơi thở ra của nó ví như bệ thổi của người thợ rèn. Rồi Thế Tôn biết: "Dây là Ác ma”liền nói lên bài kệ này với Ác ma: Quý thay bậc Mâu-ni, Sống trong nhà không tịch, Biết chế ngự tự ngã, Tại đây vị ây trú, sống từ bỏ tất cả, Với hạnh tu tương xứng. Nhiều loại thú bộ hành, Nhiều sự vật khủng khiếp, Nhiều ruồi, muỗi, độc xà, Không mảy may rung động5 Sợi lông bậc Mâu-ni, Sống trong nhà không tịch. Dầu trời nứt, đất động, Dầu muôn loài khủng bố, Dầu bị giáo, dao, tên, Quang ném vào ngực Ngài, Chư Phật không tạo nên5 Những căn cứ sanh y.10 Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta”, buồn khổ5 thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

VII. KINH THỤY MIÊN (Supaṭisuttă) (5.1. 107) 143. Một thời, Thế Tôn ở Rajagaha, VeḶuvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Thế Tôn, sau khi đã đi kinh hành ngoài trời một phần lớn của đêm? khi

9 Chủ giải: Như cái đĩa của Vua Pasenadi dùng. 10 Ngài Buddhaghosa giải thích sanh y là năm uẩn.

đêm đã gân mãn, Ngài rửa chân, bước vào tinh xá và năm xuông phía hông bên phải theo thế nằm của con sư tử, hai chân gác lên nhau, 11 chánh niệm tỉnh giác và nghĩ đến lúc thức dậy.
Roi Ac ma đi đen Thê Ton; sau khi đên5 nói lên bài kệ với Thê Tôn:
Sao Ngài còn năm ngiỉ,
Sao Ngài vẫn nằm ngủ,
Sao Ngài ngủ như vậy?
Như kẻ chết nằm co?11 12
Nghĩ rằng nhà trống không,
Nên Ngài ngủ như vậy,
Sao Ngài ngủ như vậy,
Khi mặt trời đã mọc?
[Thế Tôn:]
Khi không còn tham ái,
Với lưới triền, nọc độc,
Người vậy được giải thoát,
Không bị dẫn nơi nào.
Ác ma! Bậc Giác Ngộ,
Mọi sanh y diệt tận,
Vị ấy nếu có ngủ?
Các ông làm được gì?
Rồi Ác ma biết được... liền biến mất tại chỗ ấy.
VIII. KINH HOAN HỶ (Nandatisutía) (5.1. 107)
144. Như vầy tôi nghe.
Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapindika.
Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:
Cha sung sướng vì con,
Người chăn sướng vì bò,
Người sướng vì sanh y,
Không sanh y không sướng.
[Thế Tôn:]
Cha sầu vì con cái,
Người chăn sầu vì bò,

Người sầu vì sanh y,
Không sanh y không sâu.
Rồi Ác ma biết được: “Thế Tôn đã biết ta5 Thiện Thệ đã biết ta”, buồn khổ, thất vọng, liền biến mat tại chỗ ấy.
11 Xem s. I. 27 (kinh 38 ở trước). 12 SA. I. 175 viết là dubbhago, nghĩa là người bị không may như chết hay bất tỉnh.

IX. KINH TUỔI THỌ THỨ NHẤT (PaḶhamaãyusutta) (5.1. 108) 145. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Rặjagaha, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo, ngắn ngủi thay là tuổi thọ loài người ở đời này, rồi phải ra đi trong tương lai! Hãy làm điều lành! Hãy sống Phạm hạnh! Không có gì sanh ra lại không bị tử voiiẹ! Này các Tỷ-kheo, người sống lâu chỉ có một trăm năm, hoặc ít hơn, hoặc nhiêu hơn. Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thế Tôn: Loài người thọ mạng dài? Người lành chớ âu lo, Bú sữa no, hãy s6ng, Tử vong đâu có đến. [Thế Tôn:] Loài người thọ mạng ngăn? Người lành phải âu lo, Như cháy đàu,13 hãy sống, Tử vong rồi phải đến. Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta”, buồn khổ, thất vọng, liền biến mat tại chỗ ấy. X. KINH TUỔI THỌ THỨ HAI (Dutìyaãyusutta) (5.1. 108) 146. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Rãjagaha? tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Tại day, The Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo, ngắn ngủi thay là tuổi thọ loài người ở đời này, rồi phải ra đi trong tương lai! Hãy làm điều lành! Hãy sống Phạm hạnh! Không có gì sanh ra lại không bị tử vong! Này các Tỷ-kheo5 người sống lâu chỉ có một trăm năm? hoặc ít hơn, hoặc nhiều hơn. Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến? nói lên bài kệ này với Thế Tôn: Ngày đêm không trôi qua, Thọ mạng không châm dứt, Thọ mạng người xoay vần, Như vành theo trục xe.

13 Xem s. I. 13 (kinh 21 ở trước).

[Thế Tôn:]
Ngày đêm có trôi qua,
Thọ mạng có chấm dứt,
Mạng người phải khô cạn,
Như suối nhỏ đầu non.
Rồi Ác ma biết được: “Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ?
thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

IL PHẨM THỨ HAI (DUTIYAVAGGA)

I. KINH HÒN ĐÁ (Pãsãnasutta) (5.1. 109) 147. Một thòi, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), trên Gijjhakuta (núi Linh Thứu). Lúc bấy giờ5 Thế Tôn ngồi giữa trời, trong bóng

đêm tối5 và trời mưa từng hột một. Rồi Ác ma muốn làm Thế Tôn sợ hai, hoảng sợ5 lông tóc dựng ngược, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 cho nổ tung những tảng đá lớn không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi Thế Tôn biết được: "Đây là Ác ma", liền nói bài kệ với Ác ma: Dầu ông làm chấn động, Toàn bộ núi Linh Thứu, Cũng không làm rung động, Bậc Giác Ngộ, Giải Thoát. Rồi Ác ma biết được: “Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta”, buồn khổ5 that vọng, liên biên mât tại chô ây. II. KINH CON SƯ TỬ (Kinnusĩhasutta) (5.1. 106) 148. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, Jetavana5 tại vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn xung quanh có đại chúng đoanh vây? đang thuyết pháp. Rồi Ác ma suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này xung quanh có đại chúng đoanh vây, đang thuyêt pháp. Vậy ta hãy đi đên Sa-môn Gotama và làm mờ măt đại chúng ấy.” Roi Ac ma di den The Ton; sau khi đen, nói len bài kệ nay với The Ton: Sao Ngài lại rống lên5 Rống như loài sư tử, Vô úy không sợ hãi, Trước hội chúng đông đảo? Nay Ngài có địch thủ? Chớ nghĩ Ngài thắng trận! [Thế Tôn:] Bậc Đại Hùng rống lên, Vô úy trước đại chúng,

Như Lai chứng mười lực?14 Vượt tham ái ở đời.15 Rồi Ác ma biết được: a4Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta”, buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

III. KINH PHIẾN ĐÁ (Sakalikasutta) (5.1. 110) 149. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Rậjagaha (Vương Xá)? tại vườn nai Maddakucchi. Lúc bấy giờ? chân Thế Tôn bị miểng đá gây thương tích.16 Thế Tôn cảm xúc khốc liệt5 toàn thân đau đớn, nhói đau, đau nhức mãnh liệt5 không thích thú, không vừa ý. Và Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, nhẫn chịu không để tâm tư buồn nản. Rồi Thế Tôn gấp y Tăng-già-lê lại làm bốn, nằm nghiêng bên phải theo thế nằm của con sư tử, chân này gác lên chân kia, chánh niệm? tỉnh giác. Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến? nói lên bài kệ này với Thế Tôn: Sao Ngài uể oải nằm, Hay tìm thơ, tìm vận? Phải chăng việc sai biệt, Không chờ đợi Ngài làm?17 Phải một mình cô độc? Trên ghê giường năm? ngôi? Với gương mặt ngái ngủ, Sao Ngài ngủ như vậy? [Thế Tôn:] :

Ta không uể oải nằm?
Không tìm tho, tìm vận?
Mục đích Ta đã đạt,
Đâu có sâu muộn gì!
Ta nằm ngồi một mình,
Trên ghế giường vắng lặng,
Yên tĩnh Ta nằm nghỉ,
Tâm từ thương chúng sanh.
Những kẻ ngực bị đâm5
Hôn hên, tim don dap, vẫn tìm được giấc ngủ,
Dầu bị thương tích nặng.
Sao Ta lại không ngủ,
Khi không bị thương tích.

14 Mười lực được đề cập trong M. L 69f; 4 V. 33f.
15 Xem s. I. 1 (kinh 1 ở trước).
16 Xem s. I. 27 (kinh 38 ở trước).
17 Xem 4 III. 59, 62.
4. TƯƠNG ƯNG ÁC MA 133

Khi thức không âu lo,
Khi ngủ chẳng sợ hãi?
Ngày đêm không khởi lên
Phiền não bận lòng Ta.
Ta không thấy tai hại
Một chỗ nào trên dòi,
Do vậy Ta nằm nghỉ,
Tâm từ thương chúng sanh.
Rồi Ác ma biết được: uThế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ?
thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.
IV. KINH THÍCH HỢP (Patìrũpasutta) (S. I. 111) 150. Một thời, Thế Ton trú ở Kosala, tại một làng Bà-la-môn tên là Ekasãlã. Lúc bấy giờ? Thế Tôn xung quanh có đại chúng cư sĩ đoanh vây, đang thuyết pháp. Rồi Ác ma suy nghĩ: uSa-môn Gotama này, xung quanh có đại chúng cư sĩ đoanh vây, đang thuyết pháp. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và làm mờ mắt đại chúng này." Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến? nói lên bài kệ với Thế Tôn: Thật không chút thích hợp, Để Ngài giảng dạy người, Giữa người thuận, kẻ nghịch, Chớ dính vào việc ấy.18 [Thế Tôn:] Với lòng từ, thương tưởng, Bậc Giác Ngộ dạy người, Giữa người thuận, kẻ nghịch, Như Lai chơn giải thoát. Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

V KINH Ý (Mãnasasutta) (5.1. 111)
151. Như vầy tôi nghe.
Một thời5 Thế Tôn trú ở Sãvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapindika.
Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thế Tôn:
Mọi hành tung của ý?
Là bẫy sập trên không,
Chính với bẫy sập ấy,
Ta trói buộc lấy Ngài,
18 SA. I. 177 viết ỉaggi, nghĩa ỉà không rơi vào giữa thuận hay nghịch, giữa tham đắm hay ác cảm.

Này vị Sa-môn kia, Ngài chưa thoát khỏi ta. [Thế Tôn:] Sắc, thanh, vị, hương, xúc5 Làm tâm ý ưa thích, Ta không ưa muốn chúng, Ta vượt thoát ngoài chúng. Này kẻ tử ma kia, Ông đã bị bại trận. Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ? that vọng? liên biên mât tại chô ây. VI. KINH BÌNH BÁT (Pattasutta) (5.1. 112) 152.

Nhân duyên tại Sãvatthi. Lúc bấy giờ9 Thế Tôn đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về năm thủ uẩn; khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỷ-kheo ây hêt sức chú tâm, hêt sức chú ý? tập trung mọi tâm tư? lăng tai nghe pháp.19 Rồi Ác ma suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này đang thuyết pháp cho các Tỷkheo vê năm thủ uân; khích lệ? làm cho phân khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỷ-kheo ây hêt sức chú tâm? hêt sức chú ý? tập trung mọi tâm tư, lăng tai nghe pháp. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và làm mờ măt các Tỷ-kheo Lúc bấy giờ, có nhiều bình bát được đặt ra ngoài trời để phơi cho khô. Rồi Ác ma biến hình thành con bò đực và đi đến các bình bát ấy. Rồi một Tỷ-kheo nói với một Tỷ-kheo khác: Này Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo5 con bò đực này sẽ làm bể các bình bát. Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy: Này Tỷ-kheo? nó không phải con bò đực. Nó chính là Ac ma muôn đên làm mờ mắt các ông. Và Thế Tôn biết được: "Bây là Ác ma", liền nói lên bài kệ cho Ác ma: sắc? thọ, tưởng, hành, thức, Cái ấy không phải tôi, Cái ấy không của tôi, Như vậy đây ly tham, Ly tham vậy5 tâm an, Mọi kiết sử siêu thoát, Dầu tìm mọi xứ sở5 Ma quân không gặp được.20

19 Xem D. II. 204; 4 II. 116. 20 Xem M. I. 140.

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy. VII. KINH SÁU XÚC XỨ (Chaphassãyatanasutta)2ỉ (5. L 112) 153. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli (Tỳ-xá-ly), Đại Lâm, chỗ Trùng Các giảng đường. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về sáu xúc xứ; khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các vị Tỷ-kheo ấy hết sức chú tâm? hết sức chú ý? tập trung mọi tâm tư? lắng tai nghe pháp. Rồi Ác ma suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này đang thuyết pháp cho các Tỷkheo về sáu xúc xứ; khích lệ5 làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỷ-kheo ấy hết sức chú tâm. hết sức chú ý? tập trung mọi tâm tư. lắng tai nghe pháp. Vậy ta hãy đi đên Sa-môn Gotama và làm mờ măt các Tỷ-kheo ây." Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, Ác ma hét lên một tiếng to lớn, khủng khiếp, dễ sợ? như đất bị nứt vỡ. Rồi một Tỷ-kheo nói với một Tỷ-kheo khác: Này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, hình như quả đất này bị nứt vỡ. Khi nghe nói vậy5 Thế Tôn nói với Tỷ-kheo ấy: Này Tỷ-kheo, không phải đất nứt vỡ. Đó là Ác ma đi đến để làm mờ mắt các ông. Rồi Thế Tôn biết được: "Đây là Ác ma", liền nói bài kệ cho Ác ma: Sắc, thanh, vị và hương, Cùng toàn bộ xúc, pháp, Là thế vật rùng rợn, Làm mê loạn ở đời. Đệ tử bậc Chánh Giác, Chánh niệm, vượt khỏi chúng5 Vượt thế lực Ác ma, Như mặt trời sáng chói. Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ? thất vọng5 liền biến mất tại chỗ ấy.

VIII. KINH ĐOÀN THỰC (Pindasuttd) (S I. 113) 154. Một thời, Thế Tôn trú ở Magadha, tại làng Bà-la-môn tên là Pancasãlã. Lúc bấy giờ? tại làng Bà-la-môn tên là Pancasãlã, lễ trao đổi tặng vật giữa nam nữ thanh niên đang được diễn ra. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng? đắp y, cầm y bát đi vào làng Bà-la-môn Pancasâlã để khất thực.*

21 Bản tiếng Anh của PTS: The Sphere of Sense, nghĩa là Xứ (cảnh giới của căn).

LÚC bấy giờ, các Bà-la-môn gia chủ ở PaAcasãlã bị Ác ma xâm nhập (anvãviḮḥã) và quyết định: uChớ để Sa-môn Gotama nhận được đồ ăn khất thực!" Rồi Thế Tôn đi vào làng Bà-la-môn tên Paôcasãlã để khất thực với bình bát rửa sạch như thế nào? cũng đã trở về cùng với bình bát được rửa sạch như vậy. Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói với Thế Tôn: Này Sa-môn5 Ngài có nhận được đồ ăn khất thực không? Này Ác ma, có phải ông làm cho Ta không nhận được đồ ăn khất thực? Vâng, bạch Thế Tôn? Thế Tôn hãy đi vào làng Bà-la-môn Paíicasãlã một lần thứ hai nữa.22 Và tôi sẽ làm để Thế Tôn nhận được đồ ăn khất thực. [Thế Tôn:] Ác ma làm điều ác? Để tấn công Như Lai, Này Ác ma, vì sao, Ông có thể nghĩ rằng, Điều ác ông hại Ta, Sẽ không có kết quả? Chúng ta sống sung sướng, Những người không có gi, Như chư thiên Quang Âm, Có hào quang sáng ch6i, Lấy hỷ làm đồ ăn. ,Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

IX. KINH NGƯỜI NÔNG PHU (Kassakasutta) (S. I. 114) 155. Nhân duyên tại Sãvatthi. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về vấn đề liên hệ đến Niết-bàn; khích lệ? làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỷ-kheo ấy hết sức chú tâm? hết sức chú ý? tập trung mọi tâm tu, lắng tai nghe pháp. Rồi Ác ma suy nghi: "Sam0n Gotama này đang thuyết pháp cho các vị Tỷ-kheo về các vấn đe liên hệ đến Niết-bàn; khích lệ? làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỷ-kheo ấy hết sức chú tâm, hết sức chú ý5 tập trung mọi tâm tư5 lắng tai nghe pháp. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama để làm mờ mắt các Tỷ-kheo ấy." Rồi Ác ma biến hình thành một người nông phu, mang trên vai một cái cày lớn, tay câm một cây gậy đâm bò. đâu bù tóc rôi5 mặc đô vải gai, chân lâm bùn nho, đi đến Thế Tôn; sau khi đến? nói với Thế Tôn: - Này Sa-môn5 Ngài có thấy con bò đực không?

22 Một âm mưu để nhục mạ đức Phật và đức Phật biết nên Ngài không đi.

 Nhưng này Ác ma5 con bò đực đối với ông là gì? Này Sa-môn5 mắt là của ta. sắc là của ta, thức xứ do mắt xúc chạm là của ta. Này Sa-môn, Ngài có thể đi đâu để thoát khỏi ta? Này Sa-môn, tai là của ta, tiếng là của ta... Này Sa-môn, mũi là của ta, hương là của ta... Này Sa-môn, lưỡi là của ta, vị là của ta... Này Sa-môn, thân là của ta, xúc là của ta... Này Sa-môn? ý là của ta, pháp là của ta, thức xứ do ý xúc chạm là của ta. Này Sa-môn? Ngài có thể đi đâu để thoát khỏi ta? Này Ác ma, mắt là của ông? sắc là của ông, thức xứ do mắt xúc chạm là của ông. Và này Ác ma, chỗ nào không có mắt, không có sắc, không có thức xứ xúc chạm, thời chỗ ấy không có hành xứ của ông, này Ác ma. Này Ác ma, tai là của ông, tiếng là của ông, thức xứ do tai xúc chạm là của ông. Và này Ác ma, chỗ nào không có tai, không có tiếng, không có thức xứ do tai xúc chạm, thời chỗ ấy không có hành xứ của ông, này Ác ma. Này Ác ma, mũi là của ông, hương là của ông5 thức xứ do mũi xúc chạm là của ông. Và này Ác ma, chỗ nào không có mũi, không có hương, không có thức xứ do mũi xúc chạm, thời chỗ ấy không có hành xứ của ông? này Ác ma. Này Ác ma5 lưỡi là của ông, vị là của ông9 thức xứ do lưỡi xúc chạm là của ông. Này Ác ma, chỗ nào không có lưỡi, không có vị? không có thức xứ do lưỡi xúc chạm, thời chỗ ấy không có hành xứ của ông, này Ác ma. Này Ác ma, thân là của ông, xúc là

của ông5 thức xứ do thân xúc chạm là của ông. Và này Ác ma, chỗ nào không có thân, không có xúc? không có thức xứ do thân xúc chạm, thời chỗ ấy không có hành xứ của ông, này Ác ma. Này Ác ma, ý là của ông9 pháp là của ông9 thức xứ do ý xúc chạm là của ông. Và này Ác ma, chỗ nào kh6ng có ý? không có pháp, không có thức xứ do ý xúc chạm, thời này Ác ma, chỗ ấy không có hành xứ của ông, này Ác ma. [Ác ma:] Sự vật được Ngài nói: 66Cái này là của t6i." Và những người đã nói: "Cái này là của tôi.59 Neu ở đây có ý, Đối với sự vật ấy, Như vậy này Sa-môn, Ngài không thoát khỏi ta. [Thế Tôn:] Sự vật được ông nói: “Cái này không của tôi.99 Và những người đã nói:

"Chúng không phải là t6i."
Này Ac ma, như vậy,
Ông có biết được chĩig,
Cho đến ông không thay,
Con đường của Ta đi.
Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta”, buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.
X. KINH THỐNG TRỊ (Rajjasutta) (5. L 116) 156. Một thòi, Thế Tôn ở Kosala, dưới chân Tuyết Sơn, tại một am thất nhỏ trong rừng. Trong khi Thế Tôn thiền tịnh độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên: "C6 thể chăng cai trị mà không giết hại, không đê người giêt hại; không chinh phục, không khiến người chinh phục; không sầu muộn, không khiến người sầu muộn một cách đúng phap?” Rồi Ác ma, biết được tâm tư Thế Tôn như vậy, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đen, nói với The Tôn: Bạch Thế Tôn5 Thế Tôn hãy cai trị. Thiện Thệ hãy cai trị không giết hại5 không khiến người giết hại; không chinh phục, không khiến người chinh phục; không sầu muộn, không khiên người sâu muộn một cách đúng pháp. Này Ác ma, ông thấy gì mà ông nói với Ta như vậy: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy cai trị. Thiện Thệ hãy cai trị không giết hại, không khiến người giết hại; không chinh phục, không khiên người chinh phục; không sâu muộn5 không khiến người sầu muộn một cách đúng pháp?" Bạch Thế Tôn5 bốn như ý túc đã được Thế Tôn tu tập; làm cho sung mãn? thành thạo, th6ng suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng. Và bạch The Tôn, nếu Thế Tôn muon Tuyết Sơn, vua các loài núi, trở thành vàng, Thế Tôn có thể quyết định như vậy, và ngọn núi có thê trở thành vàng. [The Tôn:] Dầu cho cả ngọn núi5 Trở thành toàn vàng ròng5 Cho đến hóa gấp đôi5 Cũng không thỏa mãn được, Tham vọnẹ của một người. Biết vậy đe hành trì5 Ai thấy rõ đau khổ5 Và nguyên nhân đau khổ, Làm sao người như vậy? Có khuynh hướng ái dục? Sau khi biết sanh y,23

23 XcmKS. I. 9, n. 6.

Là ràng buộc ở đời?
Người biết vậy nên học,
Giải trừ mọi buộc ràng.

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ?
that vọng, liên biên mât tại chô ây.
140 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

in. PHẨM THỨ BA (Z477E4E4GG4)

I. KINH ĐA SỐ (Sambahulasutta) (S I. 117) 157. Như vầy tôi nghe. Một thời5 Thế Tôn ở giữa các vị Sakka, tại Silãvatĩ. Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo sống không xa Thế Tôn? không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Rồi Ác ma biến hình thành một Bà-la-môn, với búi tóc lớn, mặc áo bằng da con linh dương, già yếu5 lưng còm như xà nhà5 hơi thở hổn hển,24 tay cầm gậy bằng gỗ Udumbara, đi đến các Tỷ-kheo ấy; sau khi dến, nói với các Tỷ-kheo: -Chư Đại đức xuất gia quá trẻ? niên thiếu, tóc còn đen nhánh,25 trong tuổi thanh xuân, trong thời trẻ tuôi của tuôi đời, không thọ hưởng các dục. Chư Đại đức hãy thọ hưởng các ái dục của con người, chớ có bỏ hiện tại và chạy theo những gì bị thời gian chi phối. Này Bà-la-môn, chúng tôi không bỏ hiện tại và chạy theo những gì bị thời gian chi phối. Và này Bà-la-môn, chúng tôi bỏ những gì bị thời gian chi phối và chạy theo hiện tại. Này Bà-la-môn5 Thế Tôn đã nói các dục bị thời gian chi phối, nhiều khổ đau? nhiều phiền não5 tai họa ở đấy càng nhiều hơn. Còn pháp này thuộc về hiện tại, không bị thời gian chi phôi, đến đê mà thấy, có khả năng hướng thượng, và chỉ người trí mới tự mình giác hiêu. Khi nghe nói vậy, Ác ma cúi đầu524 26 le lưỡi,27 trên trán hiện ra ba đường 25 nhăn, quay lưng chống gậy bỏ đi. Rôi các Tỷ-kheo ây đi đen The Tôn; sau khi đen đảnh lê Thê Tôn, ngôi xuống một bên. Ngồi xuống một bên? các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Ở dây, bạch Thế Ton, chúng con sống không xa Thế Tôn, không phóng dật5 nhiệt tâm9 tinh cần. Rồi bạch Thế Tôn, một người Bà-la-môn? với búi tóc 1mặc áo bằng da con linh dương, già yếu, lưng còm như xà nhà, hơi thở hổn hển, tay cầm gậy bằng gỗ Udumbara, đi đến chúng con; sau khi đến, nói với chúng con như sau: "Chu Đại đức xuất gia quá trẻ, niên thiếu, tóc còn đen nhánh, trong tuổi thanh xuân, trong thời trẻ tuổi của tuổi đời9 không thọ hưởng các dục. Chư Đại đức hãy thọ hưởng các ái dục của con người, chớ có bỏ hiện tại để chạy theo những gì bị thời gian chi ph6i."

24 J. I. 160 viết là ngáy.
25 Xem s. I. 8 (kinh 20 ở trước).
26 SẢ. I. 182 viết Ác ma cúi gằm mặt, cằm đụng vào ngực.
27 Le lưỡi lên trên, xuống dưới, le lưỡi qua cả hai bên.
4. TƯƠNG ƯNG ÁC MA 141

Khi nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, chúng con nói với Bà-la-môn ấy: "Này Bà-la-môn, chúng tôi không bỏ hiện tại và chạy theo những gì bị thời gian chi phối. Và này Bà-la-môn, chúng tôi bỏ những gì bị thời gian chi phối và chạy theo hiện tại. Này Bà-la-môn? Thế Tôn đã nói các dục bị thời gian chi phối, nhiều khổ đau5 nhiều phiền não, tai họa ở đấy càng nhiều hơn. Còn pháp này thuộc về hiện tại, không bị thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng và chỉ người trí mới tự mình giác hiểu." Khi nghe nói vậy? người Bà-la-môn ấy cúi đầu5 le lưỡi, trên trán hiện ra ba

đường nhăn, chống gậy rồi ra đi. Này các Tỷ-kheo, người ấy không phải là Bà-la-môn? chính là Ác ma đi đến để làm mờ mắt các ông. Rồi Thế Tôn biết được ý nghĩa này, ngay khi ấy nói lên bài kệ: Ai thấy rõ khổ đau? Và nguyên nhân đau khổ, Làm sao người như vậy, Có khuynh hướng các dục? Sau khi biết sanh y, Là ràng buộc ở đời, Người biết vậy nên học, Giải trừ mọi buộc ràng. II. KINH SAMIDDHI (Samiddhisutta) (S L 119) 158. Một thời, Thế Tôn ở giữa các vị Sakka, tại Silãvatĩ. Lúc bấy giờ, Tôn giả Samiddhi sống không xa Thế Tôn? không phóng dật? nhiệt tâm, tinh cần. Rồi Tôn giả Samiddhi, trong khi thiền tịnh độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Thật lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi bậc Đạo sư của ta là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác! Thật lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi ta được xuất gia trong Pháp và Luật khéo giảng! Thật lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi những vị đồng Phạm hạnh với ta là những bậc trì giới và hành trì thiện phSp!" Rồi Ác ma, với tâm tư của mình biết được tâm tư của Tôn giả Samiddhi, liền đi đến Tôn giả Samiddhi. Sau khi dến, không xa Tôn giả Samiddhi, Ác ma hét lên tiếng hét to lớn, rùng rợn, khiến người ta nghĩ như là quả đất vỡ tung.28 Rồi Tôn giả Samiddhi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Samiddhi bạch Thế Tôn: Bạch Thế Ton? con sống không xa Thế Tôn? không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Bạch Thế Tôn, trong khi con thiền tịnh độc cu, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Thật lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi bậc Đạo sư của ta là

28 Xem s. I. 112 (kinh 153 ở trước).

bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác! Thật lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi ta được xuất gia trong Pháp và Luật khéo giảng! Thật lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi các vị đồng Phạm hạnh với ta là những bậc trì giới và hành trì thiện pháp!" Khi ấy, bạch Thế Tôn, không xa con, một tiếng hét to lớn, rùng rợn khởi lên, khiến người ta nghĩ như là quả đất vỡ tung. Này Samiddhi, không phải quả đất vỡ tung đâu. Đó là Ác ma đã đến để làm mờ mắt ông. Này Samiddhi, ông hãy đến tại chỗ ấy và sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Samiddhi vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy5 đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi ra đi. Lần thứ hai5 Tôn giả Samiddhi tại chỗ ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm5 tinh cần. Lần thứ hai? trong khi Tôn giả Samiddhi thiền tịnh độc cu, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Thật lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi bậc Đạo sư của ta là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác! Thật lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi... và hành trì thiện pháp!" Lần thứ hai, Ác ma biết được tư tưởng của Tôn giả Samiddhi... khiến người ta nghĩ như là quả đất vỡ tung. Rồi Tôn giả Samiddhi, sau khi biết: "Bây là Ác ma9\ liền nói lên bài kệ với Ác ma: Ta với lòng tín ngưỡng, Bỏ gia đình, xuất gia, Niệm tuệ ta tăng trưởng, Tâm tư ta thiền định. Dầu ông tạo sắc gi, Không làm ta sợ hãi. Rồi Ác ma biết được: "Tỷ-kheo Samiddhi đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy. III. KINH GODHIKA (Godhikasutta) (5.1. 120) 159. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Răjagaha5 VeỊuvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Godhika trú ở sườn núi Isigili, tại KãỊasilã. Rồi Tôn giả Godhika sống không

phóng dật, nhiệt tam? tinh cần, chứng được Nhất thời tâm giải thoát. Rồi Tôn giả Godhika lại thối thất Nhất thời tâm giải thoát ấy. Lần thứ hai, Tôn giả Godhika sống không phóng dật? nhiệt tâm, tinh cần và chưng được Nhất thời tâm giải thoát. Và làn thứ hai, Tôn giả Godhika lại thối thất Nhất thời tâm giải thoát ấy. Lần thứ ba, Tôn giả Godhika sống... tâm giải thoát ấy.

Lân thứ tư, Tôn giả Godhika sông... tâm giải thoát ây.

Lần thứ năm, Tôn giả Godhika sống... tâm giải thoát ấy.

Lần thứ sáu,9 Tôn giả Godhika sốĩiệ không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, chứng được Nhất thời tâm giải thoát. Lần thứ sáu, Tôn giả Godhika cũng thối thất Nhất thời tâm giải thoát ấy.

Lần thứ bảy? Tôn giả Godhika sống không phóng dật5 nhiệt tâm, tinh cần, chứng được Nhất thời tâm giải thoát.

Rồi Tôn giả Godhika suy nghĩ: "Cho đến lần thứ sáu, ta bị thối thất Nhất thời tâm giải thoát. Vậy nay ta hãy đem lại con dao.,3°

Rồi Ác ma biết được tâm tư của Tôn giả Godhika, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đên? nói lên bài kệ với Thê Tôn:

Ôi, bậc Đại Anh Hùng!
Ôi? bậc Đại Trí Tuệ!
Ngài chói sáng hào quang,
Thần lực và danh xưng.
Ngài vượt qua tất cả
Mọi sân hận, hãi hùng?
Con chân thành đảnh lễ?
Dưới chân bậc Pháp Nhãn.
Ôi, bậc Đại Anh Hùng!
Bậc Chinh Phục Tử Thần!
Đẹ tử Ngài muốn chết,
Đang suy nghĩ đến chết,
Ôi5 bậc Chói Hào Quang!
Hãy ngăn chặn vị ấy.
Làm sao, bạch Thế Tôn,
Vị đệ tử của Ngài,
Hoan hỷ trong giáo lý,
Lại không chứng Hữu học?
Còn muốn đoạt mạng sống.
Ôi5 danh vọng thế gian!

Lúc bấy giờ? Tôn giả Godhika đã đem lại và sử dụng con dao.

Rồi Thế Tôn được biết: "Đây là Ác ma9\ liền nói lên bài kệ với Ác ma:

Như vậy là sở hành,
Của bậc Đại Anh Hùng,
Không còn nuôi ước vọng,
Tạo thêm dòng sinh mạng,
29 Chủ giải: Vì sao vị ấy thối thất 6 lần? Vì bệnh nội thương. 30 Ý chỉ cho việc tự tử, quyên sinh. Xem Pss. Breth. 214.

144 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ I. THIÊN CÓ KỆ

Đoạn tận ái5 ái căn,
Godhika nhập diệt.31
Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:
Này các Tỷ-kheo? chúng ta hãy đi đên sườn núi Isigili, KãỊasilã, tại chô thiện nam tử Godhika đã đem lại và sử dụng con dao.
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.
_ Ị
Cac vị Ty-kheo ay vang dap The Ton.
Rồi Thế Ton cùnệ với một số đông Tỷ-kheo đi đến sườn núi Isigili, KãỊasilă, và Thế Tôn thấy từ đăng xa, Tôn giả Godhika đang nằm trên giường, với hai vai mở rộng [bị thương hay co quắp lại].
Lúc bấy giờ, một làn Idiói đen đi về phía Đông, đi về phía Tây, đi về phía
Bắc, đi về phía Nam, đi về phía trên? đi về phía dưới.
Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:
Này các Tỷ-kheo9 các ông có thấy làn khói đen ấy đi về phía Đông? đi về phía Tây5 đi về phía Bắc, đi về phía Nam, đi về phía Trên, đi về phía Dưới không?
- Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy như vậy.
Này các Tỷ-kheo? đó là Ác ma đang đi theo dõi thức của thiện nam tử
Godhika: "Thức của thiện nam tử Godhika được an trú ở dâu?" Và này các Tỷkheo, thiện nam tử Godhika đã nhập diệt, với thức không an trú ở đâu cả.
Rồi Ác ma tay cầm thất huyền cầm màu vàng, đi đến Thế Tôn; sau khi đến nói lên bài kệ:
Trên, dưới và bề ngang,
Bốn phương, các phương giữa,
Ta tìm nhưng không gặp,
Godhika đi đâu.
[Thế Tôn:]
Vị Anh hùng kiên chí ,
Thường thiền lạc, thiền tư,
Ngày đêm đầy nhiệt tinh,
Nhưng sự sông không tham,
Chiến thắng quân thần chết,

Tái sanh không đi đến,
Chinh phục ái, ái căn,
Godhika nhập diệt.
Còn kẻ bị sầu muộn,
Từ nách rơi huyền cầm,
Dạ-xoa bị thất vọng,
Liền biến mất tại chỗ.
31 Xem SA. 15 (kinh 29 ở trước).

4. TƯƠNG ƯNG ÁC MA 145

IV. KINH BẢY NĂM ĐI THEO (Sattavassãnubandhasuttd) (S I. 122)
160. Như vầy tôi nghe.
Một thời, Thế Tôn trú ở Uruvelã,32 trên bờ sông Neranjara, dưới cây
Ajapala Nigrodha.
Lúc bấy giờ? Ác ma đi theo Thế Tôn trong suốt bảy năm,33 với hy vọng tìm cho được lỗi lầm? nhưng tìm không được.
Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi dến, nói lên bài kệ với Thế Tôn:
Với tâm tư sầu muộn,
Ngài thiền tư trong rừng,
Vì tài sản hao mòn5
Hay vì thèm tài sản?
Có thể tại xóm làng,
Ngài đã gây tội phạm?
Sao Ngài không làm than,
Với bà con xóm giềng?
Sao Ngài không có thể,
Làm bạn với một ai?
[Thế Tôn:]
Mọi sầu căn nhổ sạch,
Không tội phạm, Ta thiền,
Không sầu muộn, Ta thiền.
Mọi hữu ái5 đoạn tận5
Vô lậu? Ta thiền định, r
Này bà con phóng dật!
[Ac ma:]
Sự vật được Ngài nói:
“Cái này là của t6i."
Và những người đã nói:
uCái này chính là t6i."
Nếu ở đây móng ý?

Đối với sự vật ấy,
Như vậy này Sa-môn5
Ngài không thoát khỏi ta.
[Thế Tôn:]
Sự vật được ông nói:
“Cái này không của t6i."
Và những người đã nói:
"Hq không phải 12 t6i."
32 Xem s. I. 103 (kinh 138 ở trước). 33 Chú giải: Sáu năm trước khi thành đạo và một năm sau thành đạo.

Hãy hiểu biết như vậy, Này kẻ Ác ma kia! Cho đến ông không thấy, Con đường của Ta đi. [Ác ma:] Nếu Ngài chứng ngộ được, Đường an toàn bất tử, Ngài hãy đi một minh, Sao lại dạy người khác? [Thế Tôn:] Người đi đến bờ kia, Họ hỏi nước bất tử, Được hỏi? Ta trả lời, Cảnh giới Vô dư y. Bạch Thế Ton? ví như một hồ nước không xa làng hay thị trấn, tại đấy có một con cua.3 Rồi bạch Thế Tôn, nhiều người con trai hay người con gái, từ làng hay thị trấn ấy đi ra, đi đến hồ nước ấy. Sau khi đến, họ kéo con cua ấy lên khỏi nước và đặt nó trên đất liền. Bạch Thế T6n, khi nào con cua ấy thò ra cái càng nào, những người con trai hay những người con gái ấy, lấy gậy hay lấy miểng sành chặt dứt, bẻ gãy hay đập nát cái càng ấy. Như vậy5 bạch Thế Tôn, con cua ấy, với mọi càng bị chặt dứt, bẻ gãy, đập nát, không thể bò xuống hồ nước ấy nữa. Ví như lúc trước có những lộn xộn, mâu thuẫn, xuyên tạc gì đã được Thế Tôn chặt đứt, bẻ gãy9 đập nát. Và nay, bạch Thế Tôn, với hy vọng tìm cho được lỗi lầm^ con Wiong thể đến gần Thế Tôn được. Rồi Ác ma, trước mặt Thế Tôn5 trong nỗi niềm thất vọng? nói lên bài kệ này: Như quạ liệng hư không, Thấy đá như miếng mỡ? Tưởng rằng sẽ tìm được, Miếng gì mềm và ngon. Kh6ng tìm được gì ngon, Liền từ đó bay đi, Như quạ mổ hòn đá? Thất vọng ta bỏ đi, Giã từ Gotama. V. KINH CON GÁI CỦA MA VƯƠNG (Mãradhĩtusutta)34 35 (5.1. 124) 161. Rồi Ác ma, sau khi nói lên những bài kệ ấy trước mặt Thế Tôn, từ chỗ ấy bỏ đi, rồi ngồi kiết-già trên dất, khônệ xa Thế Tôn? im lặng, hổ ngươi, thụt vai, cúi đầu, sững sờ5 câm miệng, lây chiếc gậy cào trên đất.

34 Xem MA. 234. 35 Bản tiếng Anh của PTS: The Daughters, nghĩa là Những người con gái.

Rồi các ma nữ Khát Ái, Bất Lạc và Tham Dục đi đến Ác ma; sau khi đến?
nói lên bài kệ này với Ác ma:
Cha thân yêu, sao cha
Lại thất vọng như vậy?
Vì ai, vì người nào,
Khiến cha phải sầu muộn?

Chúng con với ái dục,
Sử dụng như bẫy mồi?
Sẽ buộc chặt họ lại?
Như buộc chặt voi rừng,
Và dẫn họ đến cha,
Khiến họ quy phục cha.
[Ác ma:]
Bậc La-hán, Thiện The,
Bậc Chánh Giác ở đời5
Không dễ dùng ái dục,
Khéo nhiếp phục vị ấy.
Vị ấy đã vượt qua,
Lãnh vực của Ác ma,
Do vậy ta sâur não?
\ • .
Buôn phiên đên cực độ. Rồi các ma nữ Khát Ái, Bất Lạc và Tham Dục đi đến Thế Tôn; sau khi đến? nói với The Tôn: Thưa Sa-môn? chúng con xin hầu hạ dưới chân Ngài. Nhưng Thế Tôn không chú ý đến, vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y. Rồi các ma nữ Khát Ai, Bất Lạc và Tham Dục đi qua phía một bên và suy nghĩ như sau: "S& thích của con người cao thấp khác nhau. Vậy chúng ta hãy biến hình thành một trăm thiếu nữ.,, Rồi các ma nữ Khát Ái, Bất Lạc và Tham Dục, sau khi biến hình thành từng trăm thiếu nữ, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn: Thưa Sa-môn, chúng con xin hầu hạ dưới chân Ngài. Nhưng Thế Tôn không chú ý đến, vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y. Rồi các ma nữ Khát Ái, Bất Lạc và Tham Dục đi qua phía một bên và suy nghĩ như sau: USở thích của con người cao thấp khác nhau. Vậy chúng ta hãy biến hình thành từng trăm thiếu phụ chưa sanh COĨ1." Rồi các ma nữ Khát Ai, Bất Lạc và Tham Dục, sau khi biến thành từng trăm thiếu phụ chưa sanh con, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 nói với Thế Tôn: Thưa Sa-môn? chúng con xin hâu hạ dưới chân Ngài.

Nhưng Thế Tôn không chú ý đến? vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y. Rồi các ma nữ Khát Ái... Vậy chúng ta hãy biến hình thành từng trăm, từng trăm thiếu phụ đã sanh một con. Rồi các ma nữ Khát Ái... sau khi biến hình thành từng trăm; từng trăm thiếu phụ đã sanh một con, đi đến Thế Tôn; sau khi dến, nói với Thế Tôn: Thưa Sa-môn? chúng con xin hầu hạ dưới chân Ngài. Nhrnig Thế Tôn không chú ý dến, vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y. Rồi các ma nữ Khát Ái... Vậy chúng ta hãy biến hình thành từng trăm5 từng trăm thiếu phụ đã sanh hai con. Rồi các ma nữ Khát Ai... sau khi biến hình thành từng trăm, từng trăm thiếu phụ đã sanh hai con, đi đến Thế Tôn... vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y. Rồi các ma nữ Khát Ái... Vậy chúng ta hãy biến hình thành từng trăm9 từng trăm thiếu phụ trung niên. Rồi

các ma nữ Khát Ái... sau khi biến hình thành từng trăm? từng trăm thiếu phụ trung niên, đi đến Thế Tôn... vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y. Rồi các ma nữ Khát Ái... Vậy chúng ta hãy biến hình thành từng trăm, từng trăm phụ nữ lớn tuổi. Rồi các ma nữ Khát Ái... sau khi biến hình thành từng trăm, từng trăm phụ nữ lớn tuổi, đi đến Thế Tôn... vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y. Rồi các ma nữ Khát Ái, Bất Lạc và Tham Dục đi qua một bên và nói như sau: Cha chúng ta nói rất đúng sự thật: Bậc La-háïi, Thiện Thệ, Bậc Chánh Giác ở đời, Không dễ dùng ái dục, Khéo nhiếp phục vị ấy. Vị ấy đã vượt qua, Quyền lực của Ác ma, Do vậy ta sầu não, Buồn phiền đến cực độ. Nếu chúng ta tấn công với phương tiện này, một Sa-môn hay Bà-la-môn nào chưa ly ái dục, người ấy sẽ bể tim, hay miệng hộc máu nóng5 hay bị loạn tâm, hay bị cuồng ý. Ví như một cây lau xanh bị gặt hái sẽ héo hắt, khô cằn? tiều tụy; cũng vậy5 người ấy sẽ héo hắt, khô cằn? tiều tụy. Rồi các ma nữ Khát Ai, Bất Lạc và Tham Dục đi đến Thế Tôn; sau khi đi đến5 liền đứng một bên. Đứng một bên, ma nữ Khát Ái nói lên bài kệ36 với Thế Tôn:

36 Xem s. I. 122 (kinh 160 ở trước).

.

Với tâm tư sâu mu!!
Ngài thiền tư trong rừng,
Vì tài sản hao mòn?
Hay VI thèm tài sản?
Có thể tại xóm làng?
Ngài đã gây tội phạm?
Sao Ngài không làm thân
Với bà con xóm giềng?
Sao Ngài không có thể
Làm bạn với một ai?
[Thế Tôn:]
Với mục đích đạt thành,
Với thân tâm an tịnh,
Ta chiến thắng quân binh,
Hình sắc lạc5 khả ái.
Ta độc tọa thiền tư,
Chứng ngộ chơn an lạc,
Do vậy giữa chúng sanh,
Ta không bạn một ai.
Làm bạn với một ai5
Đối với Ta không cần.
Rồi ma nữ Bất Lạc nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Làm sao vị Tỷ-kheo,
Sống giữa nhiều chướng ngại,
Đã vượt năm bộc lưu,
Lại gắng vượt thứ sáu?37
Làm sao thiền tư được,
Giữa rất nhiều dục tưởng,
Được giữ ngoài vị ây,
Không bắt vị ấy được?
[Thế Tôn:]
Với thân được khinh an,
Với tâm khéo giải thoát,
Không còn các sở hành,38
Chánh niệm, không tham trước,
Biết rõ được Chánh pháp,
Không tầm, tu thiền định.
37 Buddhaghosa giải thích là sự nguy hiểm do 5 căn và ý căn, hay do 5 hạ phần kiết sử và 5 thượng phần kiết sử. 38 Asankharãna'. Không làm các hành động về thân, miệng, ý thuộc thế tục.

Không phẫn nộ9 vọng niệm?
Không thụy miên9 giải dãi,
Như vậy vị Tỷ-kheo?
Sống giữa nhiều chướng ngại,
Đã vượt năm bộc lưu,
Lại gắng vượt thứ sáu.
Như vậy tu thiền tư,
Giữa rất nhiều dục tưởng,
Được giữ ngoài vị ấy,
Không bắt vị ấy được.
Rồi ma nữ Tham Dục nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:
Đoạn tận được khát ái,
Sống giữa các chúng đoàn5
Phân lớn các chúng sanh,
Chắc chắn sẽ sống vậy.
Vị không tham trước này?
Sống từ bỏ đám đông,
Đoạn tận, dẫn quần sanh,
Thoát khỏi Ma vương quôc.
[Thế Tôn:]

Thật vậy5 chư Đại Hùng,
Thật vậy, chư Như Lai,
Với Chơn vi diệu pháp,
Hướng dẫn mọi quần sanh.
Được Chánh pháp hướng dẫn,
Dầu có ganh tức gì,
Không thể không biết vậy.
Rôi các ma nữ Khát Ai, Bât Lạc và Tham Dục đi đên Ac ma.
Và Ác ma thấy các ma nữ Khát Ai, Bất Lạc và Tham Dục từ xa đi lại. Thấy vậy5 Ác ma liền nói lên bài kệ:
Các ngươi thật kẻ ngu,
Lấy cành sen phá đả,
Lấy móng tay đào núi,
Lấy răng nhai sắt thép.
Các ngươi thật giống người,
Lấy đầu húc đá tảng,
Cố gắng tìm chân đứng,
Trong vực thẳm thâm sâu.
Các ngươi thật giống người,
Lấy ngực đâm lao nhọn.
4. TƯƠNG ƯNG ÁC MA 151

Thất vọng, các người dến,
Giã từ Gotama.
Trong áo xiêm lòe loẹt,
Con gái ma, chúng đến,
Khát Ái và Bất Lạc,
Cùng với nàng Tham Dục.
Bậc Đạo sư quét
Ỳ sạch,
Các con gái Ac ma,
Như thần gió quét sạch,
Các cây lá rơi rụng.
5. TƯƠNG ƯNG TỶ-KHEO-NI (BHIKKHUNISAMYUTTA)

I. KINH ÃLAVIKÃ (ẴĮavikãsutta) (5.1. 128) 162. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapindika. Tỷ-kheo-ni AĮavikã, vào buôi sáng, đăp y, câm y bát5 đi vào Săvatthi đê khất thực. Khất thực ở Sãvatthi xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, Tỷ-kheo-ni đi đến rừng Andha để tìm sự yên tĩnh viễn ly. Ac ma muôn làm Tỷ-kheo-ni AĮavikã run sợ5 hoảng sợ? lông tóc dựng ngược, muốn nàng từ bỏ yên tĩnh viễn ly, nên đi đến Tỷ-kheo-ni ÃĮavikã và nói lên bài kệ: Đời không có xuât ly, Sống

viễn ly làm gì? Hãy trọn hưởng dục lạc5 Chớ hối hận về sau! Tỷ-kheo-ni ĂỊavikã suy nghĩ: “Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người?59 Tỷ-kheo-ni ĂỊavikã suy nghĩ: “Chính Ác ma muốn làm ta run sợ, hoảng sợ? lông tóc dựng ngược, muốn làm ta từ bỏ yên tĩnh viễn ly nên đã nói lên bài kẹ đó/9 Tỷ-kheo-ni ĂỊavikã biết được: "Bấy là Ác ma”liền nói lên bài kệ: Ở đời có xuất ly, I Nhờ trí tuệ, ta chứng. Này bà con phóng dật,1 2 Biết sao được pháp ấy?3 Ai dục như kiêm thương, Đài chém đâu các uân. Điều ông gọi dục lạc, Ta gọi la bat lạc. Rồi Ác ma biết được: uTỷ-kheo-ni ĂỊavikã đã biết ta9\ buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

1 SA. I. 189: Nỉssarananti nỉbbãnam (Niết-bàn). 2 Xem s. I. 122 (kinh 160 ở trước).' 3 Padam\ Con đường và đích đến.

IL KINH SOMÃ (Somãsutta) (S. I. 129) 163. Nhân duyên tại Sãvatthi. Rồi Tỷ-kheo-ni Somã, vào buổi sáng5 đắp y, cầm y bát, đi vào Sãvatthi để khất thực. Khất thực ở Sãvatthi xong, sau bữa ăn? trên đường trở về? Tỷ-kheo-ni đi đến rừng Andha để nghỉ ban ngày. Sau khi đi sâu vào rừng, nàng ngồi dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày. Ác ma muốn làm Tỷ-kheo-ni Somã run sợ5 hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn nàng từ bỏ thiền định, liền đi đến Tỷ-kheo-ni Somã; sau khi đến, nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Somã: Địa vị4 khó chứng đạt5 Chỉ Thánh nhân chứng dạt, Trí nữ nhân hai ngón, Sao hy vọng chứng đạt? Tỷ-kheo-ni Somã suy nghĩ: "Ai đã nói bài kệ này? Người hay không phải ngườìr ' Tỷ-kheo-ni Somã suy nghĩ: 66Đây là Ac ma muôn làm cho ta run sợ? hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn ta từ bỏ thiền định nên đã nói lên bài kệ âỏy Tỷ-kheo-ni Somã biết được: C6Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma: Nữ tánh chướng ngại gì, Khi tâm khéo thiền định, Khi trí tuệ triển khai, Chánh quán pháp vi diệu? Ai tự mình tìm hỏi: "Ta, nữ nhân, nam nhân, Hay ta là ai khác?' Xứng nói chuyện Ác ma, Ác ma thật cân xứng. Rồi Ác ma biết được: ccTỷ-kheo-ni Somã đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

IIL KINH KISÃGOTAMĨ (Kisãgotamĩsuttà)5 (5. L 129) 164. Nhân duyên tại Sãvatthi. Tỷ-kheo-ni Kisãgotamĩ56vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sãvatthi để khất thực. Khất thực ở Sãvatthi xong, sau bữa ăn5 trên đường trở vê, Tỷ-kheo-ni Kisãgotamĩ đi đên rừng Andha đê nghỉ ban ngày; sau khi đi sâu vào rừng Andha, đến ngồi dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày. Ác ma muốn làm cho Tỷ-kheo-ni Kisãậotamĩ run sợ, hoảng sợ5 lông tóc dựng ngược, muốn khiến nàng từ bỏ thiền định, liền đi đến Tỷ-kheo-ni Kisăgotamĩ; sau khi đi đến, liền nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Kisãgotamĩ:

4 Thãnam chỉ cho địa vị và cơ hội. Ngài Buddhaghosa giải thích là quả A-la-hán. 5 Bản tiếng Anh của PTS viết Gotamĩ. 6 Kisãgotamĩ, cô được đặt tên này vì lúc nhỏ cô rất ốm và thiếu máu.

Sao nàng như mất con, Một mình, mặt ứa lệ. Hay một mình vào rừng, Để tìm đàn ông nào? Tỷ-kheo-ni Kisãgotamĩ suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người?59 Tỷ-kheo-ni Kisãgotamĩ suy nghĩ: "Đây là Ác ma muốn làm ta run sợ, hoảng

sợ? lông tóc dựng ngược, muốn khiến ta từ bỏ thiền định nên đã nói lên bài kẹ đồ?9 Tỷ-kheo-ni Kisãgotamĩ biết được: "Dây là Ác ma”liền nói lên bài kệ với Ác ma: Con hại đã qua rồi, Đàn ông đã chấm dứt, Ta không sầu, không khóc, Ta sợ gì các ông? Khắp nơi hỷ? ái đoạn, Khối mê ám nát tan, Chiến thắng quân thần chết, Vô lậu, ta an trú. Rồi Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Kisãgotamĩ đã biết ta”, buồn khổ, thất vọng, liên biên mât tại chô ây. IV. KINH VUAYÃ (Vịjayãsutta) (5.1. 130) 165. Nhân duyên tại Sãvatthi. Tỷ-kheo-ni Vijayã? vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sãvatthi để khất thực. Khất thực ở Sãvatthi xong, sau bữa ăn? trên đường trở vê, Tỷ-kheo-ni Vijay ã đi đên rừng Andha đê nghỉ ban ngày; sau khi đi sâu vào rừng Andha, đên ngôi xuông dưới một gôc cây đê nghỉ ban ngày. Ác ma muốn làm cho Tỷ-kheo-ni Vijay ã sợ hãi? hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến nàng từ bỏ thiền định, liền đi đến Tỷ-kheo-ni Vijaya; sau khi đến? nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Vijaya: Nàng vừa trẻ, vừa đẹp, Ta vừa trẻ, vừa xuân, Với cung đàn năm điệu, Nàng cùng ta vui hưởng. Tỷ-kheo-ni Vijayã suy nghĩ: “Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải ĩigu&i?" Tỷ-kheo-ni Vijay ã suy nghĩ: "Bây là Ác ma muốn làm ta run sợ5 hoảng sợ5 lông tóc dựng ngược, muôn khiên ta từ bỏ thiên định nên đã nói lên bài kệ d6.” Tỷ-kheo-ni Vijayã biết được: "Dây là Ác ma”, liền nói lên bài kệ với Ác ma:

Sắc, tiếng, vị5 hương, xúc,7
Làm cho ý đam mê9
Ta nhường lại Ác ma,
Ta đâu có cân chúng.
Với thân bất tịnh này,
Dễ hư hoại mong manh,
Ta bực phiền, tủi hổ5
Dục ái được đoạn tận.
Chúng sanh hưởng sắc giới?
Chúng vọng vô sắc giói,
Thiền chứng an tịnh ấy,78
Mọi nơi5 mê ám diệt.
Rồi Ác ma biết được: uTỷ-kheo-ni Vijay ã đã biết ta”, buồn khổ? thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.
V. KINH UPPALAVANNA (Uppalavannasutta) (5.1. 131) 166. Nhân duyên tại Sãvatthi. Rồi Tỷ-kheo-ni Uppalavannã, vào buổi sáng, đắp y... và đứng dưới gốc cây Sa-la có trổ hoa. Ác ma muốn làm cho Tỷ-kheo-ni Uppalavanna run sợ, hoảng sợ5 lông tóc dựng ngược, muốn khiến nàng từ bỏ thiền định, liền đi đến Tỷ-kheo-ni uppalavannã. Sau khi đến, Ác ma nói lên bài kệ này với Tỷ-kheo-ni uppalavannã: Này nàng Tỷ-kheo-ni5 Dưới gốc cây Sa-la, Đang nở nụ trăm hoa, Nàng đến đứng một mình, Nhan sắc nàng tuyệt đẹp9 Không ai dám sánh bằng! Tại đây nàng đã đến, Trong tư thế như vậy, Nàng ngu dại kia ơi5 Không sợ cám dỗ sao? Tỷ-kheo-ni Uppalavannã suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay là không phải ngiròi?” Tỷ-kheo-ni uppalavannã suy nệhĩ: “Bây là Ác

ma muốn làm ta run sợ9 hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến ta từ bỏ thiền định nên đã nói lên bài kẹ đồ?5

7 Xem s.ĩ. 111 (kinh 151 ở trước). 8 Santa samãpattỉ. Ngài Buddhaghosa giải thích rằng hành giả thành tựu tám tầng thiền này vẫn còn luân chuyển trong vòng sinh tử, vì chưa đạt được qua vị Vô sanh (A-la>hán).

5. TƯƠNG ƯNG TỶ-KHEO-NI 157

Tỷ-kheo-ni uppalavannã biết được: "Dây là Ác ma", liền trả lời với bài kệ:
Trăm ngàn người cám dỗ?
Có đến đây như ông,
Mảy lông ta không động,
Ta không gì sợ hãi.
Ác ma, ta không sợ,
Ta đứng đây một mình.
Ta có thể biến mất,
Hay vào bụng các ông.
Ta đứng giữa hàng mi,
Ong không thây ta được.
Với tâm khéo nhiếp phục?
Thần túc khéo tu trì,
Ta thoát mọi trói buộc,
Ta đâu có sợ ông!
Rồi Ác ma biết được: atTỷ-kheo-ni uppalavannã đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.
VI. KINH CÃLÃ (Cãlãsuttd) (S I. 132) 167. Nhân duyên tại Sãvatthi. Tỷ-kheo-ni Cãlã, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sãvatthi để khất thực. Khất thực ở Sãvatthi xong, sau bữa ăn? trên đường trở vê5 Tỷ-kheo-ni Cãlã đi đên rừng Andha đê nghỉ ban ngày; sau khi đi sâu vào rừng Andha, đến ngồi dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày. Ác ma đi đến Tỷ-kheo-ni Cãlã; sau khi dến, nói với Tỷ-kheo-ni Cãlã: Này Tỷ-kheo-ni? nàng không vui thích gì? Này Hiền giả, ta không vui thích sanh. f

[Ac-ma:]
Sao nàng không thích sanh?
Sanh ra được hưởng dục.
Ai dạy Tỷ-kheo-ni:
"Chớ có vui thích sanh"
[Cãlã:]
Sanh ra rôi phải chêt?
Đã sanh thấy khổ đau5
Kiết sử trói gia hại,
Do vậy không thích sanh.

Đức Phật thuyết giảng ph
Khiến vượt khỏi tái sanh,
Đoạn trừ mọi khổ não,

Giúp ta trú chân thật.
Chúng sanh hưởng sắc giới,
Chúng vọng vô sắc giới,
Nếu không biết đoạn diệt,
Chúng đi đến tái sanh.
Rồi Ác ma biết được: uTỷ-kheo-ni Cãlã đã biết ta", buồn khổ? thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.
VII. KINH UPACẢLÃ (Upacãỉãsutta) (5.1. 133)
168. Nhân duyên tại Sãvatthi. Rồi Tỷ-kheo-ni Upacãlã, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sãvatthi để khất thực. Khất thực xong5 sau bữa ăn, trên đường trở vê, Tỷ-kheo-ni Upacãlã đi đên rừng Andha đê nghỉ ban ngày; sau khi đi sâu vào rừng Andha, đên và ngôi xuông một gôc cây đê nghỉ ban ngày.
Rồi Ác ma muốn làm Tỷ-kheo-ni upacãlã run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muôn khiên nàng từ bỏ thiên định, liên đi đên, nói với Tỷ-kheo-ni
upacãlã:
-Này Tỷ-kheo-ni, nàng muốn tái sanh tại chỗ nào?
Ta không muốn tái sanh tại một chỗ nào cả, này ông.
[Ác-ma:]
Chư thiên Ba Mươi Ba,
Dạ-ma, Đâu-suất thiên,
Chư vị Hóa Lạc thiên,
Tha Hóa Tự Tại thiên,
Nàng hãy hướng tâm này,
Đen cảnh giới chư thiên,
Rồi nàng được tái sanh,
Hưởng an lạc cảnh ấy.
[Upacãlã:]
Chư thiên Ba Mươi Ba,
Dạ-ma, Đâu-suất thiên,
Chư vị Hóa Lạc thiên?
Tha Hoa Tự Tại thiên,
Vì ái dục trói buộc,
Lại bị ma chinh phục.
Toàn thế giới cháy đỏ,
Toàn thế giới hỏa thiêu,

Toàn thế giới bùng cháy,
Toàn thế giới rung động.
Không rung, không dao động?
5. TƯƠNG ƯNG TỶ-KHEO-NI 159

Không hệ lụy, phàm phu,
Chỗ nào ma không đến,
Chỗ ấy ta vui thích.
Rồi Ác ma biết được: uTỷ-kheo-ni upacãlã đã biết ta", buồn khổ? thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.
VIII. KINH SĨSUPACÂLÃ (Sĩsupacãlãsutta) (S I. 133)
169. Nhân duyên tại Sãvatthi. Tỷ-kheo-ni Sĩsupacãlã, vào buổi sáng5 đắp y, cầm y bát? đi vào Sãvatthi để khất thực. Khất thực ở Sãvatthi xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, Tỷ-kheo-ni Sĩsupacãlã đi đến rừng Andha để nghỉ ban ngày; sau khi đi sâu vào rừng Aĩidha, đến và ngồi xuống một gốc cây để nghỉ ban ngày.
Rồi Ác ma đi đến Tỷ-kheo-ni Sĩsupacãlã; sau khi dến, nói với Tỷ-kheo-ni Sĩsupacãlã:
 Này Tỷ-kheo-ni, nàng có thích thú tà giáo9 của ai không?
-Này ông, ta không thích thú tà giáo của ai cả.
[Ác ma:]
Vì ai nàng trọc đầu?
Hiện tướng nữ Sa-môn?
Nàng không thích tà giáo,
Vậy nàng tu cho ai,
Này kẻ ngu muội kia?
[Sĩsupacãlã:]
Những kẻ tin tà kiến,
Thuộc ngoại đạo tà giáo,
Ta không thích pháp họ,
Ta không giỏi pháp họ.
Có dòng họ Thích-ca,
Đản sanh Phật vô tỷ,
Ngài chinh phục tất cả,
Ngài đại phá chúng ma,
Tại mọi chỗ, mọi nơi,
Không ai chiến thắng Ngài.
Ngài giải thoát hoàn toàn,
Không bị gì triền phược5
Bậc Pháp Nhãn thấy khắp.
Tất cả nghiệp đoạn diệt,

Giải thoát, diệt sanh y.
9 Pãsanda có nguồn gốc chính xác từ pãsã, chỉ cho ngụy giáo như những cạm bẫy.

160 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ I. THIÊN CÓ KỆ

Thế T6n, Đạo Sư ta, Ta thích giáo pháp Ngài. Rồi Ác ma biết được: a'Tỷ-kheo-ni Sĩsupacălã đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

IX. KINH SELÃ (Selãsutta) (5.1. 134) 170. Nhân duyên tại Sãvatthi. Tỷ-kheo-ni Selã, vào buổi sáng? đắp y, cầm y bát, đi vào Sãvatthi để khất thực. Khất thực ở Sãvatthi xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, Tỷ-kheo-ni Selã đi đến rừng Andha để nghỉ ban ngày; sau khi đi sâu vào rừng Aĩidha, đến và ngồi dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày. Rồi Ác ma muốn làm Tỷ-kheo-ni Selã run sợ, hoảng sợ? lông tóc dựng Iiệược, muốn khiến nàng từ bỏ thiền định, liền đi đến Tỷ-kheo-ni Selã. Sau khi đen, Ác ma nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Selã: Bởi vì bong bóng này° Được tạo tác làm ra9 Ai là người sáng tạo,
Bong bóng như huyễn này? Từ đâu bong bóng sanh? Đi đâu bong bóng diệt? Rồi Tỷ-kheo-ni Selã suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải ngươi?99 Rồi Tỷ-kheo-ni Selã suy nghĩ: uĐây là Ác ma, muốn làm ta run sợ? hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muôn khiên ta từ bỏ thiên định nên đã nói lên bài kẹ ấy/5 , Rồi Tỷ-kheo-ni Selã được biết: uĐây là Ác ma"nên trả lời Ác ma với bài kệ: Bong bóng như huyễn này,
Không phải tự ngã làm, Sự vật bạc phước này? Không phải người khác làm. Do nhân duyên quy tụ, Sự vật được hình thành. Do nhân duyên tán ly, Sự vật bị tiêu diệt. Hột giông gieo vào ruộng? Được nảy mầm, sinh lộc? Khi nhiễm thấm cả hai, Vị đất và khí ướt.

10 SA. I. 194: Bỉmbantỉ attabhãvam sandhãya vadatỉ ("Hinh dang,? là từ sự hợp thành cá nhân người ấy). Trong trường hợp này chỉ cho 5 uẩn.

5. TƯƠNG ƯNG TỶ-KHEO-NI 161

Cũng vậy uẩn và giới,
Cùng với sáu xứ này,
Do nhân duyên quy tụ,
Chúng sẽ được hình thành.
Do nhân duyên tán ly,
Chúng bị hoại, tiêu diệt.
Rồi Ác ma biết được: 66Tỷ-kheo-ni Selã đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy
X. KINH VAJIRA (Viựừãsutta) (5.1. 134) 171. Nhân duyên tại Sãvatthi. Tỷ-kheo-ni Vạjirã9 vào buôi sáng, đăp y, câm y bát, đi vào Sãvatthi để khất thực. Khất thực xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, Tỷ-kheo-ni Vạjirã đi đến rừng Andha để nghỉ ban ngày; sau khi đi sâu vào rừng Andha, đến và ngồi dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày. Rôi Ac ma muôn làm Tỷ-kheo-ni Vajira run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến nàng từ bỏ thiền định, liền đi dến, nói lên bài kệ với Tỷkheo-ni Vạjirã: Do ai, hữu tình này, Được sanh, được tạo tác? Người tạo hữu tình này, Hiện nay ở tại đâu? Từ đâu hữu

tình sanh? Đi đâu hữu tình diệt? Rồi Tỷ-kheo-ni Vajirã suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người?^, Rôi Tỷ-kheo-ni Vajirã lại suy nghĩ: "Chính là Ac ma muôn làm ta run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến ta từ bỏ thiền định nên đã nói lên bài kệ này." Rồi Tỷ-kheo-ni Vajirã biết được: "Đây là Ác ma", liền trả lời Ác ma với bài kệ: Sao ông lại nói hoài, Đến hai chữ chúng sanh? Phải chăng, này Ác ma, Ong rơi vào tà kiên? Đây quy tụ các hành, Chúng sanh được hình thành. Như bộ phận quy tụ, Tên xe được nói lên. Cũng vậy, uân quy tụ, Thông tục gọi chúng sanh.

Chỉ có khổ được sanh,
Khổ tồn tại? khổ diệt,
Ngoài khổ, không gì sanh,
Ngoài khổ, không gì diệt.
Rồi Ác ma biết được: 66Tỷ-kheo-ni Vajirã đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

6. TƯƠNG ƯNG PHẠM THIÊN (BRAHMASAMYUTTA)

L PHẨM THỨ NHẤT (PATHAMAVAGGA)

L KINH PHẠM THIÊN THỈNH CẦU {Brahmãyãcanasuttă) 1 (S. I. 136) 172. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Uruvelã,234trên bờ sông Nerafijara, dưới gốc cây Ajapala Nigrodha, khi Ngài mới thành đạo. Rồi Thế Tôn, trong khi thiền tịnh độc cu,3 tư tưởng sau đây được khởi lên: “Pháp này do Ta chứng được thật là sâu kín, khó thấy? khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận5 vi diệu, chỉ người có trí mới cảm nhận. Còn quần chúng này ưa ái dục? khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dqc, ham thích ái dục5 thì thật khó thấy định lý này, tức là Y tánh duyên khởi pháp. Thật khó thấy định lý này, tức là tat cả hành là tịch tịnh, tất cả sanh y được từ bỏ? ái tận, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, như vậy thật mệt mỏi cho Ta,4 như vậy thật bực phiền cho Ta." Rồi những bài kệ vi diệu này? từ trước chưa từng được nghe, được Thế Tôn nói lên: Pháp Ta chứng khó khăn, Sao nay Ta nói lên? Tham, sân chi phối ai, Khó chứng ngộ pháp này. Pháp này đi ngược dòng, Vi diệu và thâm sau, Khó thấy, rất vi tế. Những ai ưa ái dục, Bị vô minh bao phiỉ, Rất khó thấy pháp này.

1 Bản tiếng Anh của PTS: The Entreaty, nghĩa là Thỉnh cầu. 2 Xem s. I. 103 (kinh 137 ở trước). Kinh này giống với đoạn câu chuyện Phạm thiên trong Vỉn. I. 84f; gân giông với một đoạn trong kinh D. II. 29f. 3 Ngài Buddhaghosa nói tuần thứ 8 sau khi đức Phật thành đạo. 4 Đây có thể chỉ cho thân, vì đối với đức Phật, tâm không còn bị chán nản, mệt mỏi.

Thế Tôn với suy tư như vậy? tâm hướng về thụ động không muốn thuyết pháp. Rồi Phạm thiên Sahampati biết được tâm tư Thế Tôn nhờ tâm tư của mình, liền suy nghĩ: "Thật sự thê giới bị tiêu diệt, thật sự thế giới bị diệt vong, nếu tâm Như Lai, bậc

A-la-hán Chánh Đẳng Giác hướng về thụ động5 không muốn thuyết pháp!^ Rồi Phạm thiên Sahampati, như lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi thẳng; cũng vậy, vị ấy biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Thế Tôn. Rồi Phạm thiên Sahampati đắp thượng y một bên vai, quỳ đầu gối bên phải trên mặt đất? chăp tay hướng vê Thê Tôn va bạch The Tôn: - Bạch Thế T6ĩi, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ? hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít nhiễm bụi trần sẽ bị nguy hại, nếu không được nghe Chánh pháp. Nếu được nghe, những vị này có thê thâm hiểu Chánh pháp. Phạm thiên Sahampati nói lên như vậy. Nói xong như vậy, vị ấy lại nói thêm như sau: Tại xứ Magadha, Thuở trước có hiện ra? Tà pháp không thanh tịnh, Do uế tâm sussy diễn.5 Mở cửa bất tử này, Để họ được nghe pháp, Do bậc Thánh vô uế, Đã chơn chánh giác ngộ. Như đứng trên tảng đá5 Tại đỉnh một núi cao, Đưa mắt nhìn xung quanh, Quần chúng dưới chân mình. Cũng vậy5 Ngài Thiện Thệ, Leo lên lầu Chánh pháp, Biến Nhãn không sầu muộn, Nhìn xuống đám quần sanh, Bị ưu tư sầu khổ, Bị sanh già áp bức. Anh Hùng, hãy đứng lên5 Bậc ChiếnThắng Chiến Trường, Vị Trưởng Đoàn Lữ IQiách, Đấng Thoát Ly Nợ Nần,

5 Theo Ngài Buddhaghosa, đây chỉ cho 6 ngoại đạo sư.

Thế Tôn hãy thuyết pháp, r r Bộ hành khăp thê gian, Có người nhờ được nghe, Sẽ thâm hiểu diệu nghĩa. Rồi Thế Tôn biết được lời thỉnh cầu của Phạm thiên, vì lòng thương xót đối với chúng sanh, nhìn đời với Phật nhãn. Thế Tôn trong khi nhìn đời với Phật nhãn thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời; có hạng lợi căn5 độn căn; có hạng tánh thuận, tánh nghịch; có hạng dễ dạy, khó dạy; một số thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiêm của những hành động lôi lâm. Ví như trong hô sen xanh, sen hông hay sen trăng. Có một sô hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước5 lớn lên dưới nước, không vượt lên khỏi mặt nước, được nuôi dưỡng dưới nước. Có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, sống vươn lên tới mặt nước. Có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, vươn lên khỏi mặt nước5 không bị làm vấy bẩn. Cũng vậy, Thế Tôn trong khi với Phật nhãn nhìn quanh thế giới, thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời5 nhiều nhiễm bụi đời; có hạng lợi căn, độn căn; có hạng tánh thuận, tánh nghịch; có hạng dễ dạy, khó dạy; một số thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của các hành động lỗi lầm. Thấy vậy, Ngài trả lời cho Phạm thiên Sahampati với những bài kệ: Hãy rộng mở cho họ? A

Cửa trường sanh bât tử!
Hỡi những ai có tai,
Hãy giải thoát tà tín,
Ý thức sự nguy hại!
Ta sẽ có thuyết giảng
Pháp tốt đẹp vi diệu,
Giữa nhân loại, chúng sanh,

Ôi Phạm thiên Sahampati!

Rồi Phạm thiên Sahampati biết được: "Ta đã tạo ra cơ hội cho Thế Tôn thuyết pháp", nên đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ ấy.

II. KINH CUNG KÍNH (Gãravasuttd) (5.1. 139)

173. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Uruvelã, trên bờ sông NerafỊjarã? dưới gốc cây

Ajapala Nigrodha, khi Ngài mới thành đạo.

Và Thế Tôn, trong khi thiền tịnh độc cu, tư tưởng sau đây được khởi lên:6

6 Chủ giải: Chỉ cho tuần thứ năm. Xem s. I. 136 (kinh 172 ở trước).

"That là khó khăn, sống không có cung kính, không có vâng lời! Vậy Ta hãy cung kính, tôn trọng và sống y chỉ vào một Sa-môn hay B-la-m6n." Rồi Thế Tôn suy nghĩ: 6íVới mục đích làm cho đầy đủ Giới uẩn chưa được đầy đủ, Ta hãy cung kính5 tôn trọng và sống y chỉ vào một Sa-môn hay Bà-la- môn khác! Nhưng Ta không thấy một chỗ nào trong thế giới chư Thiên, Ác ma và Phạm thiên, giữa các Sa-môn và Bà-la-môn, giữa loài trời hay loài người, có một vị• Sa-môn hayJ Bà-la-môn nào khác,7 với Giới uẩn cụ• túc,y tốt đẹp • JT hơn Ta mà __ 9 f Ta có thê cung kính, tôn trọng và sông y chỉ. Với mục đích làm cho đây đủ Định uân chưa được đây dủ, Ta hãy cung kính, tôn trọng và sống y chỉ vào một Sa-môn hay Bà-la-môn khác... Với mục đích làm cho đầy đủ Tuệ uẩn chưa được đầy đủ... Với mục đích làm cho đây đủ Giải thoát uân chưa được đây đủ... Với mục đích làm cho đầy đủ Giải thoát tri kiến uẩn chưa được đầy đủ, Ta hãy cung kính, tôn trọng và sống y chỉ vào một Sa-môn hay Bà-la-môn khác! Nhưng Ta không thấy một chỗ nào trong thế giới chư Thiên, Ác ma và Phạm thiên, giữa quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn? giữa loài trời hay loài người, có một vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác, với Giải thoát tri kiên uân tôt đẹp hơn Ta mà Ta có thê cung kính, tôn trọng và sông y chỉ. Với pháp này, Ta đã được chánh đẳng giác, Ta hãy cung kính, tôn trọng và sống y chỉ pháp nSy!" Rồi Phạm thiên Sahampati, với tâm tư của mình biết được tâm tư của Thế Tôn5 như một lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, vị ấy biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Thế Tôn. Rồi Phạm thiên Sahamapati đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tổn và bạch Thế Ton: -Như vậy là phải? bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, trong thời quá khứ, các vị A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác, chư Thế Tôn ây cung kính, tôn trọng và sông y chỉ vào [Chánh] pháp. Bạch Thê Tôn; trong thời vị lai, các vị ấy sẽ thành A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác, chư Thế Tôn ấy sẽ cung kính, tôn trọng và sẽ sống y chỉ vào [Chánh] pháp. Bạch Thế Tôn, mong rằng trong thời hiện tại, Thế Tôn? bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác cũng cung kính, tôn trọng và sống y chỉ vào [Chánh] pháp. Phạm thiên Sahampati nói như vậy; sau khi nói như vậy, lại nói thêm như sau: Chư Phật thời quá khứ, Chư Phật thời vị lai, Và đức Phật hiện tại, Đoạn sâu muộn nhiêu người. Tất cả các vị ấy, Đã, đang và sẽ sông,

Cung kính và tôn trọng,
Pháp chơn chánh vi diệu.
Pháp nhĩ là như vậy,
Đối với chư Phật-đà.
Do vậy muốn lợi ích,
Ước vọng làm đại nhân.
Hãy cung kính, tôn trọng
Pháp chơn chánh vi diệu.
Hãy ghi nhớ giáo pháp
Chư Phật Chanh Đẳng Giác!

III. KINH BRAHMADEVA (Brahmadevasutta) (S I. 141) 174. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anãthapindika. LÚC bây giờ5 con một nữ Bà-la-môn, tên là Brahmadeva đã xuất gia, từ bỏ gia dinh, song không gia đình với Thế Tôn. Rồi Tôn giả Brahmadeva sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm5 tinh cần, không bao lâu chứng được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chính là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh. Vị ấy nẹay trong hiện tại, với thắng trí tự mình chứng đắc, chứng đạt và an trú. Vị ấy biet rõ: "Sanh đã tận? Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm5 không còn trở lại đời này nữa." Và Tôn giả Brahmadeva trở thành một vị A-la-hán. Rôi Tôn giả Brahmadeva, vào buôi sáng, đăp y, câm y bát, đi vào Sãvatthi đê khất thực. Trong khi bộ hành thứ lớp khất thực ở Sãvatthi, Tôn giả Brahmadeva đi đến nhà người mẹ của mình. Lúc bấy giờ? nữ Bà-la-môn, mẹ Tôn giả Brahmadeva, thường làm lễ cúng dường Phạm thiên. Rồi Phạm thiên Sahampati suy nghĩ: "Nữ Bà-la-môn, mẹ Tôn giả Brahmadeva này thường làm lễ cúng dường Phạm thiên. Vậy ta hãy đến bà ấy và làm cho bà chấn dOng." Rồi Phạm thiên Sahampati, như một lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Phạm thiên biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trong nhà mẹ Tôn giả Brahmadeva. Rồi Phạm thiên Sahampati đứng giữa hư không, nói lên bài kệ này với nữ Bà-la-môn, mẹ Tôn giả Brahmadeva: Ôi! Nữ Bà-la-môn? Phạm thiên giới rất xa, Chính bà thường cúng dường, Cho chính Phạm thiên ấy.

Món cúng dường như vậy,
Không món ăn Phạm thiên.
Người bập bẹ làm gì,
Chưa biết Phạm thiên đạo?7
Này nữ Bà-la-môn,
Brahmadeva này,
Là con trai của bà5
Ngài đoạn mọi sanh y,
Chứng pháp siêu thiên giới,
Khất sĩ, không sở hữu,

Không nuôi dưỡng một ai.
Vị ấy nay đã đến,
Nhà bà để khất thực5
Xứng đáng được cúng dường,
Thâm hiểu các Thánh điển,
Các căn khéo tu tập,
Nhơn, thiên xứng cúng dường.
Vất ngoài mọi tà ác?
Thoát ly mọi nhiễm ô5
Ngài đi, tìm độ thực?
Lắng dịu mọi ưu phiền, về sau, Ngài không c6, về trước, Ngài cũng không.
Vắng lặng5 không mù quáng,
Không phiền, không đắm say.
Ngài bỏ rơi gậy gộc?
Đối kẻ yếu, người mạnh.
Mong Ngài được thọ hưởng,
Món thượng vị bà dâng.
Không bị ác quân phá9
Tâm tư thuần lắng dịu.
Như voi thuần, Ngài đi5
Thoát ly mọi ái dục.
Vị Tỷ-kheo trì giới,
Tâm tư khéo giải thoát,
Hãy mời Ngài thọ hưởng,
Thượng vị bà cúng dường.
7 Theo Chủ giải, các vị Phạm thiên sống5được nhờ Hoan Hỷ thiền (Sappītikcỳjhānenă) và con đường chứng được thế giới của họ là Thiện thiên (Kusalajjhānāní). Xem s. I. 113 (kinh 154 ở trước).

6. TƯƠNG ƯNG PHẠM THIÊN e 169

Bà hãy dâng cúng dường,
Lên Ngài, bà tin tưởng,
Với lòng tin bất động,
Xứng đáng bà cúng dường.
Hãy làm điều phước đức,
Dành an lạc đời sau.
Này nữ Bà-la-môn5
Nay bà đã thấy Ngài.
Bậc Thánh nhân ẩn sĩ,
Bậc vượt khỏi bộc lưu.8

Bà hãy dâng cúng dường
Lên Ngài, bà tin tưởng,
Với lòng tin bất động,
Xứng đáng bà cúng dường.
Bà đã làm công đức,
Dành an lạc đời sau.
Này nữ Bà-la-môn,
Nay bà đã thấy Ngài,
Bậc Thánh nhân ẩn sĩ,
Bậc vượt khỏi bộc lira.

IV. KINH PHẠM THIÊN BAKA (Bakabrahmasuttà) (5. L 142)

175. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapindika.

Lúc bấy giờ, Phạm thiên Baka9 khởi lên ác tà kiến như sau: "Đây là thường.

Đây là thường hằng. Đây là thường trú. Đây là viên mãn. Đây là bất động. Đây là không sanh, không già? không chết, không diệt5 không khởi. Và ngoài đây ra, không có một pháp giải thoát nào khac.99

Rồi Thế Tôn? với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Phạm thiên Baka.

Như lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại? hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy,

Ngài biến mất ở Jetavana (Thắng Lâm) và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy.

Phạm thiên Baka thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy liền bạch Thế Tôn:

Hãy đến đây, Tôn giả! Đón chào mừng Tôn giả! Thưa Tôn giả, đã từ lâu

Tôn giả tạo ra cơ hội này, tức là đến đây. Thưa Tôn giả5 đây là thường. Đây là thường hằng. Đây là thường trú. Đây là viên mãn. Đây là bất động. Đây là không sanh, không già9 không chết, không diệt, không khởi. Và ngoài đây ra, không có một pháp giải thoát nào khác hơn.

8 Xem s. I. 1 (kinh 1 ở trước). 9 Xem MA. 328.

Được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Phạm thiên Baka:

—Ông thật là VO minh, này Phạm thiên Baka! Ông thật là vô minh, này

Phạm thiên Baka! Ở dây, cái vô thường lại nói là thường. Cái không thường hằng lại nói là thường hằng. Cái không thường trú lại nói là thường trú. Cái không viên mãn lại nói là viên mãn. Cái không bất động lại nói là bất động. Và ở đây có sanh, có già, có chết, có diệt, có khởi; lại nói ở đây không sanh, không già? không chết, không diệt, không khởi. Và có pháp giải thoát khác nữa, lại nói là không có pháp giải thoát nào khác.

[Baka:]

Này Ngài Gotama,
Bảy hai công đức nghiệp,
Chúng ta ngự thế giới,

Chinh phục sanh và già,
Đây đời sống cuối cùng,
Thâm hiểu Thánh Vệ-đà5
Đạt được Phạm thiên vị?
Nhiều người lễ bái10 ta.
[Thế Tôn:]
Ngăn thay đời sông này,
Thọ mạng đâu có dài,
Chỉ có ông5 Baka,
Nghĩ rằng thọ mạng dài.
Ta biết thọ mạng ông?
Này Brahmã như vậy,
Khoảng trăm ngàn năm dư.11
[Baka:]
Nếu Ngài là Thế Tôn,
Thấy được sự bất tận,
Ngài vượt qua, chinh phục,
Sanh già và sầu muộn,
Giới hạnh thuở xưa ấy5
Nào ích gì cho con,
Hãy nói lên cho con,
Để con biết rõ ràng.
[Thế Tôn:]
Có khá đông, nhiều người,
Khát nước và nhiệt não,
Quá khứ ông cho uống,

10 Asmãbhịiappantỉ: Chắp tay hướng về chúng tôi, tán thán và mong được như chúng tôi. 11 Nỉrabbuda'. Một con sô rất lớn.

Và cứu độ nhiêu người.
Chính giới ây? hạnh ây
Của ông trong thời xưa,
Như kẻ ngủ được thức,
Ta có nhớ như vậy.
Tại bờ sông Sơn Dương,
Khi quần chúng bị bắt,
Ông giải thoát cho họ,
Ông dắt trốn kẻ tù.
Chính giới ấy, hạnh ấy,

Của ông trong thời xưa?
Như kẻ ngủ được thức,
Ta có nhớ như vậy.
Khi giữa dòng sông Hằng,
Có thuyền bị công hãm,
Bởi loại rắn bạo ngược,
Muốn nuốt sống loài người,
Với sức mạnh thần lực,
Ông chinh phục, giải cứu.
Chính giới ấy, hạnh ấy,
Của ông trong thời xưa5
Như kẻ ngủ được thức,
Ta có nhớ như vậy.
Ta với tên Kappa,
Một thời đệ tử ông5
Ta được ông xác nhận,
Bậc thông minh r trí tuệ.
r
Chính giới ấy5 hạnh ấy,
Của ông trong thời xưa?
Như kẻ ngủ được thức,
Ta có nhớ như vậy.
[Baka:]
Chắc chắn Ngài được biết,
Thọ sanh con như vậy,
Ngài cũng biết người khác,
Vì Ngài, bậc Giác Ngộ.
Như vậy oai đức Ngài,
Chói sáng là như vậy5
Hào quang Ngài sáng chói,
An trú Phạm thiên giới.
172 « KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

V KINH MỘT VỊ PHẠM THIÊN KHÁC (Anũatarabrahmasuttà) 12 (S I. 144) 176. Nhân duyên tại Sãvatthi. Lúc bấy giờ, một Phạm thiên khác có khởi lên một ác tà kiến như sau: “Kh6ng một Sa-môn hay Bà-la-môn nào có thể đến ở dây.” Rồi Thế Tôn5 với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Phạm thiên ấy. Như lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại5 hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Ngài biên mât ở Jetavana và hiện ra trong Phạm thiên giới ây. Rồi Thế Tôn ngồi kiết-già giữa hư không, trên đầu Phạm thiên ấy, toàn thân phun lửa. Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna13 khởi lên ý nghĩ: "Nay Thế Tôn

đang trú ở dâu?" Mahãmoggallãna, với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy Thế Tôn đang ngồi kiết-già giữa hư không, trên đầu Phạm thiên ấy5 toàn thân phun lửa. Thấy vậy? như lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy5 Ngài biến mất ở Jetavana và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy. Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna ngồi kiết-già giữa hư không về phía Đông, r _ r_ trên đâu vị Phạm thiên ây5 phía dưới Thê Tôn, toàn thân phun lửa. Rồi Tôn giả Mahãkassapa (Đại Ca-diếp) khởi lên ý nghĩ: "Nay Thế Tôn đang trú ở dâu?" Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Mahãkassapa thấy Thế Tôn đang ngôi kiêt-già giữa hư không, trên đâu Phạm thiên ây, toàn thân phun lửa. Thấy vậy5 như lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại? hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Ngài biến mất ở Jetavana, hiện ra ở Phạm thiên giới ấy. Rồi Tôn giả Mahãkassapa ngồi kiết-già giữa hư không về phía Nam, trên đầu vị Phạm thiên ây, phía dưới Thê Tôn, toàn thân phun lửa. Rồi Mahãkappina (Đại Kiếp-tân-na) khởi lên ý nghi: "Nay Thế Tôn đang trú ở đâu?" Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Mahãkappina thấy Thế Tôn đang ngôi kiêt-già giữa hư không? trên đâu Phạm thiên ây9 toàn thân phun lửa. Thây vậy, như lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại? hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Ngài biến mất ở Jetavana và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy. Rồi Tôn giả Mahãkappina ngồi kiết-già giữa hư không về phía Tây, trên đầu vị Phạm thiên ấy, phía dưới Thế Tôn? toàn thân phun lửa. Rồi Tôn giảAnuruddha (A-na-luật-đà) khởi lên ý nghĩ: "Nay Thế Tôn đang trú ở dâu?" Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Tôn giả Anuruddha thấy Thế Tôn đang ngồi kiết-già giữa hư không, trên đầu Phạm thiên ấy, toàn thân phun lửa. Thấy vậy, như lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang

12 Bản tiếng Anh của PTS: Another False Opinion, nghĩa là Tà kiến khác. 13 Bốn vị đệ tử thượng thặng, về thần lực - Mahãmoggallãna, khổ hạnh - Mahãkassapa, thuyết pháp - Mahãkappina và Thiên nhãn Anuruddha.

duỗi ra; cũng vậy, Ngài biến mất ở Jetavana và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy. Rồi
Tôn giả Anuraddha ngôi kiêt-già giữa hư không vê phía Băc? trên đâu vị Phạm thiên ấy, phía dưới Thế Tôn, toàn thân phun lửa.
Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna nói lên bài kệ với Phạm thiên ấy:
Này Hiền giả, hôm nay,
Người còn giữ tà kiên
Như tà kiến của ông,
Đã gìn giữ thời xưa.
Ong có thây hào quang
Siêu việt Phạm thiên giới?
[Phạm thiên:]
Này thân hữu, nay t6i,
Không còn giữ tà kiến,
Như tà kiến của tôi,

Đã gìn giữ thời xưa.
Tôi có thây hào quang,
Siêu việt Phạm thiên giới,
Làm sao tôi chấp nhận:
“T6i là thường, là hằng!^,
Rồi Thế Tôn, sau khi làm cho Phạm thiên ấy dao động, như một lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Ngài biến mất tại Phạm thiên giới ấy và hiện ra ở Jetavana.
Rồi Phạm thiên ấy gọi một Phạm thiên chúng:
Này Tôn giả, hãy đi đến Tôn giả Mahãmoggallãna; sau khi đến, thưa với Tôn giả Mahãmoggallãna: uThưa Tôn giả Moggallãna, bậc Thế Tôn ấy có những vị đệ tử nào khác, cũng có thần lực, cũng có uy đức như các Tôn giả
Moggallãna, Kassapa, Kappina và Anuruddha?,,
Thưa vâng, Tôn giả.
Phạm thiên chúng ấy vâng đáp Phạm thiên ấy và đi đến Tôn giả
Mahãmoggallãna.
Sau khi đến, vị ấy thưa với Tôn giả Mahãmoggallãna:
- Thưa Tôn giả Moggallãna, bậc Thế Tôn ấy có những đệ tử nào khác, cũng có thần lực, cũng có uy đức như các Tôn giả Moggallãna, Kassapa, Kappina,
Anuruddha?
Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna nói lên bài kệ với Phạm thiên chúng ấy:
Chứng Ba minh thần lực,
Khéo đọc hiểu tâm người,
Bậc Lậu Tận? La-hán9
Đệ tử Phật rất nhiều.
174 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

Rồi Phạm thiên chúng ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Mahãmoggallãna nói, đi đến Đại Phạm thiên; sau khi đến, nói với vị Đại Phạm thiên ấy: Thưa Tôn giả5 Tôn giả Mahãmoggallãna nói như sau: Chứng Ba minh thần lực, Khéo đọc hiểu tâm người, Bậc Lậu Tận, La-hán, Đe tử Phật rất nhiều. Phạm thiên chúng ấy nói như vậy. Vị Đại Phạm thiên kia hoan hỷ tín thọ lời nói của Phạm thiên chúng ấy. VI. KINH PHẠM THIÊN GIỚI (Brahmalokasutta)14 (5. L 146) 177. Nhân duyên tại Sãvatthi. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thiền tịnh độc cư vào buổi trưa. Rồi hai Bích-chi Phạm thiên Subrahmã và Suddhãvãsa đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, họ đứng mỗi người dựa vào một cột cửa. Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmã nói với Bích-chi Phạm thiên Suddhãvãsa: Này Tôn giả, nay không phải thời để hầu thăm Thế Tôn, Thế Tôn đang thiền tịnh vào buổi trưa. Và có một Phạm thiên giới phồn vinh và thịnh vượng, tại đấy có Phạm thiên an trú, sống phóng dật. Này Tôn giả, hãy đi đến Phạm thiên giới ấy; sau khi dến, hãy làm cho Phạm thiên ấy dao động. -Thưa vâng, thân hữu. Bích-chi Phạm thiên Suddhãvãsa vâng đáp Bích-chi Phạm thiên Subrahmã. Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmã và Bích-chi

Phạm thiên Suddhãvãsa, như một lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy5 các vị này biến mất trước mặt Thế Tôn và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy. Phạm thiên này thây các Phạm thiên kia từ xa đi đên? thây vậy, liên nói với các vị Phạm thiên kia: Này chư Tôn giả, chư Tôn giả từ đâu đến? Này Tôn giả, chúng tôi đến, sau khi được diện kiến Thế Tôn5 bậc A-la- hán Chánh Đẳng Giác. Này Tôn giả5 Tôn giả nên đi đến hầu thăm Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Khi nghe nói vậy, Phạm thiên này không để ý đến lời nói ấy, tự mình biến hình thành một ngàn thân, rồi nói với Bích-chi Phạm thiên Subrahmã: -Này Tôn giả, Tôn giả có thấy thần lực5 uy đức của ta như vậy không? Này Tôn giả, ta có thấy thần lực, uy đức của Tôn giả như vậy. Này Tôn giả5 thần lực và uy đức của ta như vậy5 thời ta còn phải đi hầu thăm một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác để làm gì?

14 Bản tiếng Anh của PTS: Infatuation, nghĩa là Phổng dật.

Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmã tự thân biến hình thành hai ngàn thân rồi nói với Phạm thiên kia:

Này Tôn giả, Tôn giả có thấy thần lực, uy đức của ta như vậy không?

Này Tôn giả, tôi có thấy thần lực, uy đức của Tôn giả như vậy.

Này Tôn giả, Thế Tôn có đại thần lực và đại uy dức, thắng hơn ông và ta nữa. Này Tôn giả? Tôn giả hãy đi đến hầu thăm The Tôn, bậc A-la-hán Chánh
Đẳng Chánh Giác.

Rồi Phạm thiên kia nói lên bài kệ với Bích-chi Phạm thiên Subrahmã:

Ba hàng Kim Sí điểu,15
Và bốn hàng thiên nga,
Năm hàng trăm hổ cái
Rực rỡ và sáng chói,
Cung điện này chiếu diệu,
Bừng sáng cả Bắc phương.

[Bích-chi Phạm thiên Subrahmã:]

Dâu cho cung điện ông,
Rực rỡ và chói sáng,
Chiếu diệu
• cả vòm
trời,
Bừng sáng cả Băc phương.
Bậc Thiện Thệ sang suot,
Thấy nguy hiểm trong sắc,
Luôn luôn phải biến hoại,
Nên không ái lạc sắc.

Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmã và Bích-chi Phạm thiên Suddhãvãsa, sau khi làm vị Phạm thiên ây dao động, liên biên mât tại chô ây.

Và vị Phạm thiên ấy, sau một thời gian, đi đến hầu thăm Thế Tôn, bậc A-lahán Chánh Đẳng Chánh Giác.

VII. KINH KOKÃLIKA (Kokãlikasuttă) (S I. 148) 178. Nhân duyên tại Sãvatthi. Lúc bấy giờ, Thế Tôn thiền tịnh độc cư vào buổi trưa. Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmã và Bích-chi Phạm thiên Suddhãvãsa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, mỗi người đứng dựa vào một cột cửa. Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmã, vì Tỷ-kheo Kokãlika nói lên bài kệ trước mặt Thế Tôn: Ai là người có trí, Biết nhận xét phân tích, Lại muốn đem ước lượng, Bậc siêu vượt ước lượng?

15 Kim Sí điểu (Supcựựid), một loại Thần điểu (GaruỊa, Garudă).

Ta nghĩ kẻ phàm phu, Bị hạn chế bao vây, Làm sao ước lượng được, Bậc siêu vượt ước lượng? VIII. KINH KATAMODAKA TISSA (Katamodakatìssasuttd) (5.1. 148) 179. Nhân duyên tại Sãvatthi. Lúc bấy giờ5 Thế Tôn đang thiền tịnh độc cư vào buổi trưa. Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmã và Bích-chi Phạm thiên Suddhãvãsa đi đến Thế Tôn; sau khi đến? mỗi người đứng dựa vào một cột cửa. Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmã vì Tỷ-kheo Katamodaka Tissa nói lên bai ke nay trước mat The Ton: Ai là người CO tri, Biết nhận xét phân tích, Lại muốn đem ước lượng, Bậc siêu vượt ước lượng? Ta nghĩ người vô trí, Bị hạn chế bao vây, Làm sao ước lượng được, Bậc siêu vượt ước lượng? IX. KINH PHẠM THIÊN TURŨ (Turũbrahmasuttay6 (S I. 149) 180. Nhân duyên tại Sãvatthi. Lúc bấy giờ? Tỷ-kheo Kokãlika bị bệnh, đau đớn? bị trọng bệnh. Rồi Bích-chi Phạm thiên Turũ khi đêm đã gần mãn5 với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Tỷ-kheo Kokãlika. Sau khi đến, vị ấy đứng trên hư không, và nói với Tỷ-kheo Kokãlika: Này Kokãlika, hãy đặt tin tưởng vào Sãriputta và Moggallãna. Sãriputta và Moggallãna có giới hạnh tốt! Ông là ai, này Hiền giả?

Ta là Bích-chi Phạm thiên Turũ.

Này Hiền giả, phải chăng ông đã được Thế Tôn nói là đã chứng ạuả Bất lai. Vậy ông đến ở đời này làm gì? Ông có thấy lỗi lầm của ông như the nào?

[Turũ:]

Phàm con người đã sanh,

Sanh với búa trong miệng,

Kẻ ngu khi nói bậy,

Tự chặt đứt lấy thân.

16 Còn được gọi ỉà Bà-la-môn Tudu. Bản tiếng Anh của PTS, SuttaCentral.net, DPPN đều viết Brahma Tudu.

Ai khen kẻ làm bậy,

Ai chê người làm hay,

Tự nhen nhúm bất hạnh5
Do chính miệng của mình.
Chính do bất hạnh ấy,
Nên không được an lạc.
Nhỏ thay bất hạnh này,
Trong canh bạc rủi may,
Bị tan hoang tài sản,
Trong giờ phút đỏ đen!
Lớn hơn, sự bất hạnh,
Hơn mọi bất hạnh khác?
Do tự mình gây nên5
Cho tự ngã của mình.
Ai đối xử ác ý,
Với chư Phật, Thiện The,
Phải trải qua thời gian,
Trăm ngàn, nhiều hơn nữa?
Ba mươi sáu và năm?
Trải thời gian thật dài.
Ai với lời và ý?
Phỉ báng bậc Hiền Thanh,
Dùng ác tâm chống (tói,
Sẽ sa đọa địa ngục.

X. KINH KOKÃLIKA (Kokălikasuttà) (5. L 149)

181. Nhân duyên tại Sãvatthi. Rồi Tỷ-kheo Kokãlika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Ton, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷkheo Kokãlika bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, Sãriputta và Moggallãna là hạng ác dục. Họ bị ác dục chi phối.

Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Kokãlika:

Này Kokãlika, chớ có nói như vậy! Này Kokãlika, chớ có nói như vậy! Này Kokãlika, hãy đặt tin tưởng vào Sãriputta và Moggallãna. Sãriputta và Moggallãna có giới hạnh tốt!17

Lần thứ hai, Tỷ-kheo Kokãlika bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn5 dầu Thế Tôn đáng tin tưởng, rất đáng tin cậy nhưng Sãriputta và Moggallãna là hạng ác dục. Họ bị ác dục chi phối.

11 SA. I. 215: Pesalãtipiyasĩlã, có nghĩa là từ ái trong giới hạnh.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Kokãlika: Này Kokãlika, chớ có nói như vậy! Này Kokãlika, chớ có nói như vậy! Này Kokãlika, hãy đặt tin tưởng vào Sãriputta và Moggallăna. Sãriputta và Moggallãna có giới hạnh tốt! Lần thứ ba, Tỷ-kheo Kokãlika

bạch Thế Tôn: -... Họ bị ác dục chi phối. Lần thứ ba, Thế Tôn bảo Tỷ-kheo Kokãlika: -... Sãriputta và Moggallãna có giới hạnh tốt! Rồi Tỷ-kheo Kokãlika từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi ra đi. Tỷ-kheo Kokãlika ra đi không được bao lâu, toàn thân mọc lên những mụt nhọt lớn bằng hột cải. Từ hột cải? chúng lớn lên bằng hột đậu xanh. Từ hột đậu xanh, chúng lớn lên bằng hột đậu lớn. Từ hột đậu lớn, chúng lớn len bằng hột Kolatthi (hột cây Jujube, cây táo). Từ hột Kolatthi, chúng lớn lên bằng hột Kolama. Từ hột Kolama, chúng lớn lên bằng hột Ãmala. Từ quả Ãmala, chúng lớn lên bằng quả BeỊuva chưa chín. Từ quả BeỊuva chưa chín, chúng lớn lên bằng quả Billa. Từ hình lớn bằng quả Billa, chúng nứt vỡ ra9 chảy máu và mủ. Rồi Tỷ-kheo Kokãlika do bệnh này bị mệnh chung. Bị mệnh chung, Tỷ" kheo Kokãlika sanh trong địa ngục Sen Hồng, với tâm hận thù đối với Tôn giả Sãriputta và Moggallãna. Rồi Phạm thiên Sahampati, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Đứng một bên, Phạm thiên Sahampati bạch Thế Tôn: Bạch Thế T6n, Tỷ-kheo Kokãlika đã mệnh chung. Bạch Thế Tôn, sau khi mệnh chung, Tỷ-kheo Kokãlika phải sanh vào địa ngục Sen Hồng, với tâm hận thù đối với Tôn giả Sãriputta và Moggallãna. Phạm thiên Sahampati nói như yậy. Sau khi nói xong, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ ấy. Rồi Thế Tôn? sau khi đêm ấy đã qua, liền bảo các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo5 hồi hôm, Phạm thiên Sahampati, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Ta; sau khi dến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokãlika đã mệnh chung. Và bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokãlika sau khi mệnh chung đã sanh vào địa ngục Sen Hông, với tâm hận thù đôi với Tôn giả Sãriputta và Moggallana.99 Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói xong, đảnh lễ Ta, thân bên hữu hướng về Ta, rồi biến mất tại chỗ ấy. Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, bao nhiêu lâu là tuổi thọ trong địa ngục Sen Hồng?

Thật dài, này Tỷ-kheo? là tuổi thọ trong địa ngục Sen Hồng. Không dễ gì tính được là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm? bao nhiêu ngàn năm? bao nhiêu trăm ngàn năm. - Bạch Thế Tôn, có thể tính được chăng bằng một ví dụ? The Ton dap: Có thể được, này Tỷ-kheo. Này Tỷ-kheo, ví như có một bao hột đậu mè, nặng hai mươi khãrika,18 theo đo lường ở nước Kosala. Ví dụ sau một trăm năm9 một người lấy ra một lần một hột mè. Này Tỷ-kheo, còn mau hơn là bao hột mè, nặng hai mươi khãrika ấy, theo đo lường của nước Kosala, đi đến tiêu hao, đi đến hao hụt do phương tiện ấy, so sánh [với tuổi thọ] ở địa ngục Abhuda. Này Tỷ-kheo5 hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Abhuda bằng một tuổi thọ ở địa ngục Nirabbuda. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Nirabbuda bằng một tuổi thọ ở địa ngục Ababa. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Ababa băng một tuôi thọ ở địa ngục Atata. Này Tỷ-kheo5 hai mươi tuôi thọ ở địa ngục Atata băng một tuôi thọ ở địa ngục Ahaha. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuôi thọ ở địa ngục Ahaha băng một tuôi thọ ở địa ngục Kumuda. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuôi thọ ở địa ngục Kumuda băng một tuôi thọ ở địa ngục Sogandhika. Này Tỷ-kheo5 hai mươi

tuôi thọ ở địa ngục Sogandhika bằng một tuổi thọ ở địa ngục Sen Xanh (Uppala). Này Tỷ-kheo? hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Uppala bằng một tuổi thọ ở địa ngục Sen Trắng (Pundarīka). Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Sen Trắng bằng một tuổi thọ ở địa ngục Sen Hồng. Này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Kokālika sanh tại địa ngục Sen Hồng, với tâm hận thù đối với tôn giả Sāriputta và Moggallāna. Thế Tôn giảng như vậy. Sau khi Thiện Thệ giảng xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Phàm con người đã sanh, Sanh với búa trong miệng, Kẻ ngu khi nói bậy, Tự chặt đứt lấy thân. Ai khen kẻ làm bậy, Ai chê người làm hay, Tự nhen nhúm bất hạnh, Do nơi miệng của mình. Chính do bất hạnh ấy, Nên không được an lạc. Nhỏ thay bất hạnh này, Trong canh bạc rủi may,

18 Theo Chủ giải, đây là một đơn vị đo lường. Kosala từ 1 patha trở lên, gấp 4 lần sự đo lường Magadha, 20 khārika = 1 khăn, hay sức chở của xe đay đậu mè.

Bị tan hoang tài sản,
Trong giờ phút đỏ đen!
Lớn hơn, sự bất hạnh,
Hơn mọi bất hạnh khác,
Do tự mình gây nên?
Cho tự ngã của mình.
Ai đôi xử ác ý,
Với chư Phật, Thiện Thệ,
Phải trải qua thời gian,
Trăm ngàn5 nhiều hơn nữa,
Ba mươi sáu và năm,
Trải thời gian thật dài.
Ai với lời và ý,
Phỉ báng bậc Hiền Thánh,
Dùng ác tâm chống đối,
Sẽ sa đọa địa ngục.

IL PHẨM THỨ HAI (DUTIY4VAGGA)

I. KINH SANANKUMĀRA (Sanankumārasutta) (S. I. 153) 182. Như vầy tôi nghe. Một thời? Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), trên bờ sông Sappinī. Rồi Phạm thiên Sanaôkumāra (Thường Hình Đồng tử), khi đêm đã gần mãn9 với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng bờ sông Sappinī, đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn? roi đứng một bên. Đứng một bên, Phạm thiên Sanaôkumāra nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn: Sát-đế-lỵ tối thắng, Giữa người tin giai cấp. Vị đầy đủ trí, đức? Tối thắng giữa nhơn, thiên.19 Phạm thiên Sanankumāra nói như vậy và bậc Đạo sư chấp nhận. Rồi Phạm thiên Sanaôkumāra biết được: "Thế Tôn đã chấp nhận ta", đảnh lê The Ton, thân bên hữu hướng vê Ngài và biên mat tại cho ây. II. KINH DEVADATTA

(Devadattasutta) (5.1. 153) 183. Một thời, Thế Tôn ở Rãjagaha5 trên núi Linh Thứu, khi Devadatta bỏ đi không bao lâu.20 Rôi Phạm thiên Sahampati, khi đêm đã gân mãn? với dung săc thù thănệ chói sáng toàn vùng núi Linh Thứu, đi đến Thế Tôn; sau khi đen, đảnh lễ The Tôn và đứng một bên. Đứng một bên, Phạm thiên Sahampati nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn về Devadatta: Cây chuối bị trái giết, Cũng vậy cây tre, lau. Danh vọng giết kẻ ác, Như thai giết con la.21 III. KINH ANDHAKAVINDA (Andhakavindasutta) (S I. 154) 184. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Magadha, tại Andhakavinda. Lúc bây giờ, Thê Tôn ngôi ở ngoài trời, trong bóng đêm? trong khi trời mưa từng hột một.

19 XemD III. 93; M. I. 358. 20 Devadatta đưa 500 Tỷ-kheo đi cùng đến Gayãsĩsa. Xem Vìn. III. 256. 21 Assatarĩ. Xem s. II. 241; 4 II. 73.

Rồi Phạm thiên Sahampati, khi đêm đã gần mãn? với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Andhakavinda, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế
Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Phạm thiên Sahampati nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:
Hãy ở chỗ núi non,
Xa vắng các xóm làng!
Hãy sống đời giải thoát,
Từ bỏ các kiết sử!
Nếu tại đấy không đạt
Điều ông ưa, ông thích,
Hãy sông giữa chúng Tăng,
Hộ trì, giữ chánh niệm,
Và bộ hành khất thực,
Nhà này đến nhà khác,
Các căn được hộ trì,
Thận trọng, giữ chánh niệm!
Hãy ở chỗ núi non,
Xa vắng các xóm làng,
Thoát ly mọi sợ hãi,
Vô úy, sống giải thoát!
Những chỗ có rắn độc,
Có điện chớp, sấm vang,
Trong đêm đen tối mịt,
Vị Tỷ-kheo lặng ngồi,
Không run? không hoảng sợ?
Lông tóc không dựng ngược,
Chính mắt con thấy vậy?

Không phải chỉ nghe đồn.
Chính trong một Phạm hạnh,
Ngàn người thoát tử thần,
Hơn năm trăm Hữu học,
Mười, mười làn một trăm,
Tất cả chúng Dự lưu,
Khỏi sanh loại bàng sanh.
Còn các vị còn lại?
Theo con đều hưởng phước,22
Con đếm không kể xiết,
Sợ rơi vào vọng ngữ.

22 Những vị này tuy chưa đạt được quả vị Nhập hru nhưng nhờ thân cận với các vị đã đạt được quả vị Nhập liru nên cũng có công đức.

IV. KINHARUNAVATl (Arunavaffsutta) (5.1. 155) 185. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthĩ... Ở đấy, Thế Tôn gọi các vị Tỷ-kheo: -Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng? bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: Thuở xua, này các Tỷ-kheo, có vị vua tên là Arunavã. Này các Tỷ-kheo, kinh đô Vua Arunavã này tên là Arunavatĩ. Này các Tỷ-kheo5 gần kinh đô Arunavatĩ, Thế Tôn Sikhĩ,23 bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác an trú. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhĩ9 bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác có hai vị đệ tử xuất chúng, thượng túc, tên là Abhibhũ và Sambhava. Rồi này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác gọi Tỷ-kheo Abhibhũ: “Này Bà-la-môn, chúng ta hãy đi đến một Phạm thiên giới cho đến thời dùng bữa n." “Thua vâng, bạch Thế Tôn/9 Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo Abhibhũ vâng đáp Thế Tôn Sikhí, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác. Rồi này các Tỷ-kheo? Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác và Tỷ-kheo Abhibhũ, như lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duôi ra; cũng vậy5 hai vị biên mât ở kinh đô Arunavatĩ và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy. Rồi này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhĩ9 bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác bảo Tỷ-kheo Abhibhũ: "Này Bà-la-môn? hãy nói bài pháp cho Phạm thiên này5 cho Phạm Phụ thiên và cho Phạm Chúng thiên.^, “Thua vâng, bạch Thế Ton/9 Tỷ-kheo Abhibhũ vâng đáp Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tuyên thuyết bài pháp cho Phạm thiên ấy, cho Phạm Phụ thiên và cho Phạm Chúng thiên, khích lệ, làm cho họ phấn khởi, làm cho họ hoan hỷ. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên5 Phạm Phụ thiên và Phạm Chúng thiên cảm thấy xúc phạm, bực bội, tức tối và nói rằng: "Thật là chưa từng thấy, thật là kỳ lạ! Làm sao một đệ tử lại thuyết pháp trước mặt bậc Đạo su?” Rồi này các Tỷ-kheo5 Thế Tôn Sikhí, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác bảo Tỷ-kheo Abhibhũ: "Này Bà-la-môn? Phạm thiên, Phạm Phụ thiên, và Phạm Chúng thiên ây cảm thây xúc phạm? bực bội, tức tôi, nói răng: 'Thật là chưa

23 Đức Phật thứ hai trong bảy đức Phật.

từng thấy, thật là kỳ lạ! Làm sao một đệ tử lại thuyết pháp trước mặt bậc Đạo su?' Vậy này Bà-la-môn? hãy làm cho Phạm thiên, Phạm Phụ thiên và Phạm Chúng thiên càng dao động bội phần hơn nữa.” "Thua vâng, bạch Thế T6n." Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo Abhibhũ vâng đáp Thế Ton Sikhĩ, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, hiện thân thuyết pháp, tàng thân thuyết pháp, hiện nửa thân dưới không hiện nửa thân trên thuyêt pháp, hiện nửa thân trên không hiện nửa thân giữa thuyết pháp. Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Phạm thiên, Phạm Phụ thiên và Phạm Chúng thiên, tâm khởi lên hy hữu, kỳ diệu nói rằng: "Thật là hy hữu, thật là kỳ diệu, đại thần lực và đại uy lực của vị Sa-môn!55 Rồi Tỵ-kheo Abhibhũ bạch Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác: uBach Thế Tôn5 con xác nhận đã nói lời này ậiữa chúng Tỷ-kheo: 'Này chư Hiền giả? đứng ở Phạm thiên giới, tôi có thể khiến cho ngàn thế giới nghe được tiếng của tôi.9,9 6'Này Bà-la-môn, nay là thời cho sự việc ấy. Này Bà-la-môn? nay là thời cho sự việc ấy. Này Bà-la-môn? ông hãy đứng ở Phạm thiên giới và làm cho ngàn thế giới nghe được tiếng nói của 6ng!” "Thua vâng, bạch Thế T6ĩi" Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo Abhibhũ vâng đáp Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác? đứng ở Phạm thiên giới và nói lên bài kệ này: Hãy đứng dậy, lên đường, Hãy dấn thân Phật giáo, Hãy đánh bại Ma quân, Như voi phá chòi lá! Ai trong Pháp, Luật này? An trú, không phóng dật5 Đoạn tận vòng sông chết, Sẽ chấm dứt khổ đau. Này các Tỷ-kheo9 rồi Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và Tỷ-kheo Abhibhũ, sau khi làm cho Phạm thiên, Phạm Phụ thiên và Phạm Chúng thiên dao động, như lực sĩ... biến mất ở Phạm thiên giới ấy và hiện ra ở Arunavatĩ. Rồi này các Tỷ-kheo? Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác gọi các vị Tỷ-kheo: “Này các Tỷ-kheo, các ông có nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhũ đứng tại Phạm thiên giới nói lên kh6ng?" “Bạch Thế Tôn, chúng con có nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhũ đứng tại Phạm thiên giới đã nói lOn.” "Này các Tỷ-kheo, như thế nào các ông nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhũ đứng tại Phạm thiên giới đã nói lên?99

"Bạch Thế Tôn, chúng con nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhũ đứng tại Phạm thiên giới đã nói lên như sau: Hãy đứng dậy? lên đường, Hãy dấn thân Phật giáo, Hãy đánh bại Ma quân, Như voi phá chòi lá! Ai trong Pháp, Luật này? An trú, không phóng dật, Đoạn tận vòng sông chết5 Sẽ chấm dứt khổ đau. Như vậy, bạch Thế Tôn? chúng con đã nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhũ đứng tại Phạm thiên giới đã nói lên?9 "Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo! Lành thay, này các Tỷ-kheo! Các ông đã được nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhũ đứng tại Phạm thiên giới đã nói len.99 Thế Tôn đã nói như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

V. KINH BÁT-NIẾT-BÀN (Parinibbãnasutta) (5.1. 157) 186. Một thời, Thế Tôn ở Kusinãrã, tại Ưpavattana, trong rừng cây Sa-la, giữa dân chúng Mali giữa hai cây Sa-la trong khi Ngài nhập Niết-bàn. Ă rr^l Ă r~r\ r • _ * r~r\ 7 i 1 Roi Thê Tôn nói với các vị Ty-kheo: —Này các Tỷ-kheo, nay Ta khuyên các ông, hãy tinh tấn, chớ phóng dật! Các pháp hữu vi là vô thường. Đây là những lời cuối cùng của Như Lai. Rồi Thế Tôn vào định Sơ thiền. Ra Sơ thiền, Ngài vào Thiền thứ hai. Ra Thiền thứ hai, Ngài vào Thiền thứ ba. Ra Thiền thứ ba, Ngài vào Thiền thứ tư. Ra Thiền thứ tư, Ngài vào Không vô

biên xứ. Ra Không vô biên xứ, Ngài vào Thức vô biên xứ. Ra Thức vô biên xứ, Ngài vào Vô sở hữu xứ. Ra Vô sở hữu xứ, Ngài vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Ra Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài vào Diệt thọ tưởng định. Ra Diệt thọ tưởng định, Ngài vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Ra Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài vào Vô sở hữu xứ. Ra Vô sở hữu xứ, Ngài vào Thức vô biên xứ. Ra Thức vô biên xứ, Ngài vào Không vô biên xứ. Ra Không vô biên xứ, Ngài vào Thiền thứ tư. Ra Thiền thứ tu, Ngài vào Thiền thứ ba. Ra Thiền thứ ba, Ngài vào Thiền thứ hai. Ra Thiền thứ hai, Ngài vào Sơ thiền. Ra Sơ tìiền, Ngài vào Thiền thứ hai. Ra Thiền thứ hai, Ngài vào Thiền thứ ba. Ra Thiền thứ ba, Ngài vào Thiền thứ tư. Ra Thiền thứ tư, Thế Tôn liền nhập diệt.24 Khi Thế Tôn diệt độ9 nhân sự diệt độ này, Phạm thiên Brahmã nói lên bài kệ:

24Xem D. 16, Mahãparỉmbbãna Sutta (Kinh Đại Bắt-nỉết-bàn). Điểm sai khác là không nói đến quả đất rung động, và trong kinh này, Ngài Ânanda nói trước Ngài Anuruddha.

Mọi sinh vật ở đời,
Từ bỏ thân năm uẩn,
Bậc Đạo Sư cũng vậy?
Đấng Tuyệt Luân trên đời,
Như Lai, đấng Hùng Lực,25
Bậc Giác Ngộ nhập diệt.
Khi Thế Tôn diệt độ? nhân sự diệt độ này, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ:
Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Tịnh chỉ chúng, an lạc.
Khi Thế Tôn diệt độ? nhân sự diệt độ này5 Tôn giả Ãnanda nói lên bài kệ:
Thật kinh khủng bàng hoàng,
Thật lông tóc dựng ngược,
Bậc Thắng Tướng đầy đủ?
Bậc Giác Ngộ nhập diệt!
Khi Thế Tôn diệt độ, nhân sự diệt độ này, Tôn giảAnuruddha (A-nậu-lâu-đa) nói lên bài kệ:
Không thở ra, thở vào,
Tâm trú vào chánh định5
Không tham ái, tịch tịnh5
Bậc Biến Nhãn diệt độ.
Với tâm an, bất động,
Ngài cảm thọ lâm chung,
Như đèn sáng chợt tắt,
Tâm giải thoát Niết-bàn.

25 Xem s. I. 113 (kinh 154 ở trước).

7. TƯƠNG ƯNG BÀ-LA-MÔN (BRẪHMANASAMYUTTA)

L PHẨMA-LA-HÁN (ARAHANTAVAGGA)

L KINH DHANANJANI (DhanaŨỊãnĩsutta) (5.1. 160) 187. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá)5 VeỊuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. LÚC bây giờ, nữ Bà-la-môn Dhanarũ, vợ một người Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhãradvậja, có lòng tín thành đoi với Phật, Pháp và Tăng. Rồi nữ Bà-la-môn Dhananjam, trong khi bưng cơm cho Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja, hứng khởi thốt lên ba lần lời cảm hứng: "Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác!,, “Dảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác!^, “Bảnh lễ Thế Tôn? bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác!” Được nghe nói vậy, Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhãradvãja nói với nữ Bà-la-môn Dhananjam: Như vậy, trong mọi thời, mọi dịp, kẻ hạ tiện này nói lời tán thán vị Sa>môn trọc đầu ấy. Này kẻ hạ tiện kia, ta sẽ luận phá bậc Đạo sư của ngươi. -Thưa Bà-la-môn5 tôi thấy trong thế giới chư Thiên, Ma giới hay Phạm thiên giới, trong chúng Sa-môn hay Bà-la-môn5 giữa chư thiên hay loài người, không một ai có thể luận phá Thế T6n, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác. Vậy này Bà-la-môn5 ông hãy đi. Sau khi di, ông sẽ biết. Rồi Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhãradvãja phẫn nộ, không hoan hỷ5 đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhãradvậja nói lên bài kệ1 với rTĩl Ẩ rr\ /X Thê Tôn: Đoạn vật gì được lạc? Đoạn vật gì không sầu? Có một pháp loại gì,

1 Các bài kệ này được nói đến ở trên, s. I. 41 (kinh 71 ở trước); s. I. 47 (kinh 84 ở trước).

Ngài tán đồng đoạn dứt, Tôn giả Gotama? [Thế Tôn:] Đoạn phẫn nộ5 được lạc Đoạn phẫn nộ? không sầu, Phẫn nộ với độc căn, Với vị ngọt tối thượng, Pháp ay9 bậc Hiền Thánh, Tán đồng sự đoạn dứt. Đoạn pháp ấy, không sầu, Này Bà-la-môn kia. Được nghe nói vậy5 Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhãradvặja bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tôi đê những ai có măt có thê thây săc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama cho con được xuất gia với Tôn giả, xin cho con được thọ Đại giới! Và Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhãradvậja được xuất gia với Thế Tôn, được thọ Đại giới. Thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Bhãradvậja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình, đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh? ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú. Vị ây biêt: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời sống này nữa.,, Và Bhãradvặja trở thành một vị A-la-hán nữa. II. KINH PHỈ BÁNG

(Akkosasutta) (SL I6l) 188. Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), VeỊuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Bà-la-môn Akkosaka Bhãradvậja được nghe Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhãradvãja đã xuất gia với Thế Tôn, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Ông phẫn nộ, không hoan hỷ, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói những lời nói không tốt dẹp, ác ngữ5 phỉ báng và nhiếc mắng Thế Tôn. Được nghe nói vậy9 Thế Tôn nói với Bà-la-môn Akkosaka Bhãradvặja: Này Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào? Các thân hữu, bà con huyết thống, các khách có đên viêng thăm ông không?

7. TƯƠNG ƯNG BÀ-LA-MÔN 189

Thưa Tôn giả Gotama, thỉnh thoảng, các thân hữu, bà con huyết thống, các khách có đến viếng thăm tôi. Này Bà-la-môn? ông nghĩ thế nào? Ông có sửa soạn cho họ các món ăn loại cứng, loại mềm và các loại đồ nếm không? -Thưa Tôn giả Gotama, thỉnh thoảng tôi sửa soạn cho họ các món ăn loại cứng, loại mềm và các loại đồ nếm. r r y Nhimg này Bà-la-môn, nêu họ không thâu nhận, thời các món ăn ây vê ai? -Thưa Tôn giả Gotama, nếu họ không thâu nhận, thời các món ăn ấy về lại chúng tôi. Cũng vậy5 này Bà-la-môn, nêu ông phỉ báng chúng tôi là người không phỉ báng, nhiêc mắng chúng tôi là người không nhiếc mắng, gây lộn với chúng tôi là người không gây lộn, chúng tôi không thâu nhận sự việc ấy từ ông? thời này Bà-la-môn, sự việc ấy về lại ông. Này Bà-la-môn, sự việc ấy chỉ về lại ông. Này Bà-la-môn5 ai phỉ báng lại khi bị phỉ báng, nhiếc mắng lại khi bị nhiếc mắng, gây lộn lại khi bị gây lộn5 thời như vậy, này Bà-la-môn, người ấy được xem là đã hưởng thọ5 đã san sẻ với ông. Còn chúng tôi không cùng hưởng thọ sự việc ấy với ông, không cùng san sẻ sự việc ấy với ông9 thời này Bà-la-môn, sự việc ấy về lại ông! Này Bà-la-môn, sự việc ấy về lại ông! [Thế Tôn:] Với vị không phẫn nộ, Phẫn nộ từ đâu đến? Sống chế ngự9 Chánh mạng, Giải thoát nhờ Chánh trí, Vị ấy sống như vậy, Đời sống được tịch tịnh. Những ai phẫn nộ lại5 Kẻ đã phẫn nộ mình, Do việc phẫn nộ ấy, Ác hại nặng nề hơn. Ai không phẫn nộ lại, Kẻ đã phẫn nộ mình, Người ấy đủ thắng trận9 Một trận rất khó thắng. Vị ấy tìm lọi ích, Cho cả mình và người, Và kẻ đã phẫn nộ? Tự hiểu? lắng nguôi dần. Bậc Y sư cả hai, Chữa mình, chữa cho người.

190 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ I. THIÊN CÓ KỆ

Quần chúng nghĩ là ngu, Vì không hiểu Chánh pháp. Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Akkosaka Bhãradvãja bạch Thế Tôn: -Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama cho con được xuất gia tu học với Tôn giả Gotama và được thọ Đại giới. Bà-la-môn Akkosaka Bhãradvậja được xuất gia với Tôn giả Gotama và được thọ Đại giới. Được thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Akkosaka Bhãradvậja sống một mình, viễn ly? không phóng dật5 nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình hướng đến5 đó là Vô thượng cứu

cánh của Phạm hạnh, ngay trong hiện tại5 tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời sống này nữa.59 Và Tôn giả Akkosaka Bhãradvãja trở thành một vị A-la-hán nữa. III. KINH ASURINDAKA (g) (S I. 163) 189. Một thòi, Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá)5 VeỊuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Bà-la-môn Asurindaka Bhãradvậia nghe như sau: 66Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhãradvậja đã xuất gia với Thế Tôn, từ bỏ gia đình, sống không gia dinh." Phẫn nộ, không hoan hy, vị ấy đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 có những lời không tốt đẹp, ác ngữ, phỉ báng và nhiếc mắng Thế Tôn. Được nghe nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng. Rồi Bà-la-môn Asurindaka Bhãradvặja nói với Thế Tôn: Này Sa-môn, ông đã bị chinh phục! Này Sa-môn9 ông đã bị chinh phục! [Thế Tôn:] Kẻ ngu nghĩ mình thắng, Khi nói lời ác ngữ, Ai biết chịu kham nhẫn, Kẻ ấy thật thắng trận. Những ai phẫn nộ lại, Kẻ đã phẫn nộ mình,

Do việc phẫn nộ ấy, Ac hại nặng nê hơn. Ai không phẫn nộ lại, Kẻ đã phẫn nộ mình5 Người ấy đủ thắng trận, Một trận rất khó thắng. Vị ấy tìm lợi ích, Cho cả mình và người, Và kẻ đã phẫn nộ? Tự hiểu, lắng nguội dần. Bậc Y sư cả hai, Chữa mình, chữa cho người, Quần chúng nghĩ là ngu, Vì không hiểu Chánh pháp. Được nghe nói vậy5 Bà-la-môn Asurindaka Bhãradvãja bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín. chỉ đường cho kẻ lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiêu phương tiện trình bày, giải thích. Con xin quy y Thế Tôn Gotama, ạuy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama cho con được xuất gia tu học với Tôn giả Gotama, được thọ Đại giới. Bà-la-môn Asurindaka Bhãradvặja được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ Đại giới. Được thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giảAsurindaka Bhãradvậia sống một minh, viễn ly, không phóng dật5 nhiệt tâm, tinh cân, không bao lâu đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm9 không còn trở lại đời sống này nữa." Và Tôn giả Bhãradvặja trở thành một vị A-la-hán nữa. IV. KINH BILANGIKA (Bilangikasutta) (S I. 164) 190. Một thòi, Thế Tôn ở Rặjagaha? VeỊuvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Bà-la-môn Bilangika Bhãradvặja được nghe: "Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhãradvậja đã xuất gia với Sa-môn Gotama, từ bỏ gia đình, sống không gia dinh." Phẫn nộ, không hoan hỷ5 vị ấy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, giữ yên lặng, đứng một bên.

Rồi Thế Tôn, với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Bà-la-môn Bilangika Bhãradvặja5 liền nói lên bài kệ cho Bà-la-môn Bilaủgika Bhãradvậja: Ai hại người hiền thiện, Thanh tịnh5 không cấu nhiễm, Ác hạnh được chín muồi5 Phản lại hại người ngu, Chẳng khác gì ngược gió, Lại tung vãi bụi trần. Được nghe nói vậy, Bà-la-môn Bilaủgika

Bhãradvặja bạch Thế Tôn: -Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy? Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo. Xin cho con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ Đại giới. Bà-la-môn Bilaồgika Bhãradvặja được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ Đại giới. Được thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Bilangika Bhãradvãja sống một minh, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến5 đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, ngay trong hiện tại với thăng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời sống này n&.” Và Tôn giả Bhãradvặja trở thành một vị A-la-hán nữa. V. KINH BẤT HẠI (Ahimsakasutta) (S. I. 164) 191. Nhân duyên tại Sãvatthi. Rồi Bà-la-môn Ahimsaka Bhãradvặja đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liên ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên5 Bà-la-môn Ahimsaka Bhãradvãja bạch Thê Tôn: Con là Ahiựisaka, thưa Tôn giả Gotama. Con là Ahimsaka, thưa Tôn giả Gotama. [Thế Tôn:] Danh phải tương xứng người, Người phải là bất hại. Ai với thân, miệng5 ý9 Không làm hại một ai, Ai không hại người khác, Người ấy thật bất hại.

7. TƯƠNG ƯNG BÀ-LA-MÔN 193

Khi được nghe vậy, Bà-la-môn Ahimsaka Bhãradvậja bạch Thế Tôn: —Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy5 Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày5 giải thích. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo. Xin cho con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ Đại giới. Bà-la-môn Ahimsaka Bhãradvậja được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ Đại giới. Được thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Ahimsaka Bhãradvậja sống một minh, viễn ly, không phóng dật? nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh; ngay trong hiện tại với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời sống này nữa.^, Và Tôn giả Ahimsaka Bhãradvặja trở thành một vị A-la-hán nữa. VI. KINH JATA ựaỊãsuttay L 165 192. Nhân duyên tại Sãvatthi. Rồi Bà-la-môn Jatã Bhãradvậja đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liên ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Bà-la-môn Jata Bhãradvãja nói lên bài kệ với Thế Tôn: Nội triên và ngoại triên5 Chúng sanh bị triền phược, Con hỏi Gotama, Ai thoát triền phược này? [Thế Tôn:] Người có trí, trú giới, Tu tập tâm và tuệ5 Nhiệt tâm và thận

trọng, Tỷ-kheo ấy thoát triền. Với ai đã từ bỏ, Tham sân và vô minh, Bậc ứng Cúng lậu tận, Vị ấy thoát triền phược. Chỗ nào danh và sắc Được _ đoạn tận5 vô dư, Đoạn chướng ngại săc tưởng, Chỗ ấy triền phược đoạn.

194 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

Khi được nghe nói vậy, Bà4a-môn Jatã Bhãradvậja bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Và Tôn giả Bhãradvậja trở thành một vị A-la-hán nữa. VII. KINH SUDDHIKA (Suddhikasutta) (S I. 165) 193. Nhân duyên tại Sãvatthi. Rồi Bà-la-môn Suddhika Bhãradvậịa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Suddhika Bhãradvậja nói lên bài kệ này trước Thế Tôn: Không Bà-la-môn nào, Dầu giữ giới, khổ hạnh, Có thể được thanh tịnh, Dầu ở thế giới nào. Chỉ vị Minh Hạnh Túc, Mới có thể thanh tịnh. Không một quần chúng nào Ngoài vị hành như vậy. [Thế Tôn:] Dầu lẩm bẩm nhiều chú, Nhưng không vì thọ sanh, Được gọi Bà-la-môn9 Nội ô nhiễm bất tịnh, Y cứ trên lừa đảo. Người thuộc Sát-đế-lỵ? Bà-la-môn? Phệ-xá? Thủ-đà? Chiên-đà-la? Kẻ đổ phẩn, đổ rác, Tinh cần và tinh tấn, Thường dõng mãnh tấn tu,2 Đạt được Tịnh tối thắng, Ba-la-môn nên biết! Khi được nghe vậy5 Bà-la-môn Suddhika Bhãradvãja bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy? Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo. Xin cho con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ Đại giới.

2 Xem s. I. 53 (kinh 96 ở trước).

7. TƯƠNG ƯNG BÀ-LA-MÔN 195

Bà-la-môn Suddhika Bhãradvậja được xuất gia với Tôn giả Gotama? được thọ Đại giới. Được thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Suddhika Bhãradvậja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến9 đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh5 ngay trong hiện tại với thắng trí tự mình chứng ngộ? chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm5 không còn trở lại đời sống này nífa.” Và Tôn giả Bhãradvậja trở thành một vị A-la-hán nữa. VIII. KINH NGƯỜI THỜ LỬA (Aggikasutta) (5.1. 166) 194. Một thời, Thê Tôn ở Rặjagaha9 VèỊuvana, tại chô nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, một món ăn gồm gạo và sữa đông được sửa soạn cho Bà-lamôn Aggika Bhãradvậja để vị này sắp đặt: "T6i sẽ tế lửa, tôi sẽ làm lễ cúng dường íĩa.” Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Rậiagaha để khất thực. Trong khi đi khất thực thứ lớp ở Rặjagaha? Thế Tôn đi đến trú xứ của Bà-lamôn Aggika Bhãradvậja; sau khi đến, Thế Tôn đứng một bên. Bà-la-môn Aggika Bhãradvặja thấy Thế Tôn đi khất thực đến5 thấy vậy, liền nói lên bài kệ với The Tôn: Vị đầy đủ Ba minh, Thiện sanh và nghe nhiều, Minh hạnh được

trọn vẹn, Hãy thọ món ăn này! [Thế Tôn:] Dầu lẩm bẩm nhiều chú, Nhimg không vì thọ sanh, Được gọi Bà-la-môn, Nội ô nhiễm bất tịnh, Y cứ trên lừa đảo. Người biết được tiền kiếp, Thấy thiên giới, ác thú? Đoạn diệt được tái sanh, Thắng trí, bậc Mâu-ni? Đầy đủ Ba minh này, Ba minh, Bà-la-môn5 Minh hạnh được đầy đủ? Hãy thọ món ăn này. Mong Tôn giả thọ lãnh món ăn này! Tôn giả Gotama thật là bậc Bà-la-môn!

196 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ I. THIÊN CÓ KỆ

[Thế Tôn:] Ta không có hưởng thọ/ Vì tụng hát kệ chú5 Thường pháp không phải vậy, Đối vị có tri kiến. Chư Phật đã loại bỏ? Tụng hắt các kẹ chú, Chân thật niệm Chánh pháp? Sở hành là như vậy. Bậc Đại sĩ vẹn toàn, cùng dường phải khác biệt9 Đoạn tận các lậu hoặc, Dao động được lắng dịu. Với những bậc như vậy, Ăn uống phải cúng dường, Thật chính là phước điền, Cho những ai càu phước. Được nghe như vậy5 Bà-la-môn Aggika Bhãradvãja bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Và Tôn giả Aggika Bhãradvãja trở thành một vị A-la-hán nữa. IX. KINH SUNDARIKA (Sundaríkasutta) (S I. 167) 195. Một thời, Thế Tôn ở giữa dân tộc Kosala, trên bờ sông Sundarikã. Lúc bấy giờ? Bà-la-môn Sundarika Bhãradvặja tế lửa trên bờ sông Sundarikã, làm lễ cúng dường lửa. Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhãradvãja sau khi tế lửa? làm lễ cúng dường lửa xong, từ chỗ ngồi đứng dậy5 nhìn xung quanh tất cả bốn phương và nghĩ: “Ai có thê hưởng thọ món ăn cúng tê còn lại này?” Bà-la-môn Sundarika Bhãradvặja thấy Thế Tôn đang ngồi dưới gốc cây, đầu được bao trùm, thấy vậy5 tay trái cầm món ăn cúng tế còn lại, tay phải cầm bình nước34 đi đến Thế Tôn. Và Thế Tôn nghe tiếng chân của Bà-la-môn Sundarika Bhãradvậja liền tháo đồ trùm ở đầu. Và Bà-la-môn Sundarika Bhãradvậịa nghĩ: uĐầu vị này trọc, vị này là người trọc du", nghĩ vậy? muốn trở lui. Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhãradvậịa lại suy nghĩ: "Trọc đầu ở đây, một số Bà-la-môn cũng như vậy. Vậy ta hãy đến và hỏi vấn đề thọ sanh.”

3 Xem s. I. 167 (kinh 195 ở sau). 4 Kamandalu'. Bình nước có vòi dài của người tu sĩ để uống nước mà không chạm vào môi.

7. TƯƠNG ƯNG BÀ-LA-MÔN 197

Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhãradvãja đi đến Thế Tôn; sau khi dến, nói với rgni _ Á r-ri Thê Tôn:
Thọ sanh là gi, Tôn giả?
[Thế Tôn:]
Chớ hỏi về thọ sanh,
Hãy hỏi về sở hành.
Tùy theo mọi thứ củi,
Nệọn lửa được sanh khởi.
Dau tìiuộc nhà hạ tiện,
Bậc Ẩn sĩ tinh cẩn/
Được xem như thượng sanh.567
Biết tàm quý? trừ ác,

Điều thuận bởi chân lý9
Thuần thục trong hành tri,
Thông đạt các Thánh kinh,7
Phạm hạnh được viên thành.
Tế vật đã đem iại?
Hãy cầu khẩn vị ấy,
Lễ tế làm đúng thời,
Vị ấy xứng cúng dường.
[Sundarika:]
Vật cúng này của con,
Thật sự khéo cúng dường,
Nay con đã thấy được,
Bậc sáng suốt như Ngài.
Con không thấy một ai,
Có thể sánh được Ngài,
Không có người nào khác9
Thọ hưởng vật cúng này.
Tôn giả Gotama,
Hãy thọ hưởng vật cúng.
Ngài thật Bà-la-môn?
Là bậc đáng tôn trọng.
[Thế Tôn:]
Ta không có hưởng thọ,
Vì tụng hát kệ chú,
Thường pháp không phải vậy?
Đối vị có tri kiến.

5 Dhỉtimã, được giải thích là tinh tấn. 6 Ậìãnĩya, áp dụng cho voi, bò hay ngựa được huấn luyện thuần thục. 7 Vedantagũ'. Người thông thạo các tập Vệ-đà một cách rốt ráo.

Chư Phật đã loại bỏ5 Tụng hát các kệ chú, Chân thật niệm Chánh pháp, Sở hành là như vậy. Bậc Đại sĩ vẹn toàn, Cúng dường phải khác biệt. Đoạn tận các lậu hoặc5 Trạo hối được lắng dịu, Với những bậc như vậy5 Cơm nước phải cúng dường, Thật chính là phước điền, Cho những ai cầu phước. -Vậy thưa Tôn giả Gotama, con phải cho ai vật cúng còn lại này? Này Bà-la-môn, trong toàn thế giới chư Thiên, Ma giới, Phạm thiên giới, trong chúng Sa-môn và Bà-la-môn5 trong thế giới chư thiên và loài người, Ta không thấy một ai ăn vật cúng còn lại này có thể tiêu hóa được, ngoại trừ Như Lai hay đệ tử Như Lai. Này Bà-la-môn5 vậy này Bà-la-môn5 hãy quăng vật cúng còn lại này tại chỗ không có cỏ xanh, hay nhận chìm xuống nước, nơi không có loài hữu tình. Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhãradvặja nhận chìm vật cúng còn lại ấy vào trong nước, nơi

không có loài hữu tình. Vật cúng ấy khi được quăng vào trong nước liền xì lên? sôi lên, phun hơi và phun khói lên. Ví như lưỡi cày đốt nóng cả ngày, khi bỏ vào trong nước, bèn xì lên, sôi lên, phun hơi và phun khói lên; cũng vậy5 vật cúng còn lại ấy khi được quăng vào trong nước bèn xì lên, sôi lên, phun hơi và phun khói lên. Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhãradvặja hoảng hốt, lông tóc dựng ngược, đi đen The Ton; sau khi đen lien đứng một ben. The Ton nói lên bài kệ cho Ba-lamôn Sundarika Bharadvaja đang đứng một bên: Này Bà-la-môn kia, Chớ có nghĩ gì tịnh! Sự sắp đặt củi lửa, Như vậy chỉ bề ngoài. Bậc Thiện nhân dạy rằng, Người ấy không thanh tịnh? Với những ai chỉ muốn Thanh tịnh mặt bên ngoài. Này Bà-la-môn kia, Ta từ bỏ củi lửa, Ta chỉ nhen nhúm lên, Ngọn lửa từ nội tâm9

Ngọn lửa thường hằng cháy,
Thường nòng cháy nhiệt tình.
Ta là bậc La-hán,
Ta sống đời Phạm hạnh.
Này Bà-la-môn kia,
Người mang ách kiêu mạn5
Phẫn nộ là khói hương,
Vọng ngôn là tro tàn5
Lưỡi là chiếc muỗng tế,
Tâm là chỗ tế tự,
Tự ngã là ngọn lửa.
Còn người khéo điều phục5
Chánh pháp là ao hồ5
Giới là bến nước tắm,
Không câu uê? trong sạch,
Được thiện nhân tán thán;
Là chỗ bạc có trí,
Thường tăm, trừ uê tạp.
Khi thân thể trong sạch,
Họ qua bờ bên kia.
Chánh pháp là chân lý589
Tự chế là Phạm hạnh5
Chính con đường Trung dạo,9
Giúp đạt tối thắng vị9
Đảnh lễ bậc Trực Tâm,
Ta gọi Tùy pháp hành.
Khi được nghe nói vậy5 Bà-la-môn Sundarika Bhãradvặja bạch Thế Tôn:
Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!...

Và Tôn giả Bhãradvãja trở thành một vị A-la-hán nữa.

X. KINH BAHUDHĨTI (Bahudhĩtarasutta) (S. I. 170)

196. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Lúc bây giờ, một Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhãradvãja bị mât mười bôn con bò đực.

Rồi Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhãradvặja trong khi đi tìm những con bò đực ấy, đi đến khu rừng kia; sau khi đến5 thấy Thế Tôn ngồi kiết-già trong khu rừng ấy, lưng giữ thẳng và để chánh niệm trước mặt.

8 Trong trường hợp này, í4chân iy" có nghĩa là lời nói chân thật. 9 Theo Ngài Buddhaghosa, Trung đạo không chỉ có nghĩa là con đường tránh xa dục lạc và khổ hạnh, mà còn chỉ cho con đường tránh xa thường kiến và đoạn kiến. Xem DB. I. 27, 46.

Ẩ _ ___ A _ *1 _ __ A __ • 4. A Ấ rri A___ _____ 1 • 4- A _ 1 A_ A _ __

Thây vậy, Ba-la-mon đi đen The Tôn; sau khi đên? nói lên bài kệ này với

Thê Tôn:

Với vị Sa-môn này?
Không có mười bốn bò,
Không thấy đã sáu hôm5
Do vậy được an lạc.
Với vị Sa-môn này,
Không có ruộng mè hu,
Một hai lá cây mè?
Do vậy được an lạc.
Với vị Sa-môn này,
Không kho trống, không chuột,
Chạy chơi và múa nhảy,
Do vậy được an lạc.
Với vị Sa-môn này,
Không tấm nệm bảy tháng,
Tràn đầy những chí rận,
Do vậy được an lạc.
Với vị Sa-môn này?
Không bảy gái quả phu,
Hoặc một con, hai con,
Do vậy được an lạc.
Với vị Sa-môn này,
Không vợ den, mặt rỗ5
Lấy chân thúc đánh thức,
Do vậy được an lạc.
Với vị Sa-môn này,

Không kẻ nợ buổi sáng,
Mắng nhiếc: "Hãy trả di!”
Do vậy được an lạc.
[Thế Tôn:]
Bà-la-môn, với Ta9
Không có mười bốn bò?
Kh6ng thấy đã sáu hôm,10
Do vậy Ta an lạc.
Bà-la-môn, với Ta,
Không có ruộng mè hu,
10 Xem y L 170.

Một hai lá cây mè? Do vậy Ta an lạc. Bà-la-môn, với Ta, Không kho trống, không chuột, Chạy chơi và múa nhảy, Do vậy Ta an lạc. Bà-la-môn, với Ta, Không tấm nệm bảy tháng, Tràn đầy những chí rận, Do vậy Ta an lạc. Bà-la-môn, với Ta, Không bảy gái quả phụ5 Hoặc một con, hai con, Do vậy Ta an lạc. Bà-la-môn, với Ta, Không vợ đen, mặt rỗ5 Lấy chân thúc đánh thức, Do vậy Ta an lạc. Bà-la-môn5 với Ta, Không kẻ nợ buổi sáng, Mắng nhiếc: "Hãy trả di!" Do vậy Ta an lạc. Được nghe nói vậy5 Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhãradvặja bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay con xin quy y Thê Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong cho con được xuất gia với Tôn giả Gotama, cho con được thọ Đại giới. Rồi Bà-la-môn Bhãradvãja được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ Đại giới. Thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Bhãradvặja ở một mình, viễn ly, không phóng dật? nhiệt tâm, tinh cần. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến? đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, ngay trong hiện tại5 tự mình với thăng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ây biêt: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” Và Tôn giả Bhãradvậja trở thành một vị A-la-hán nữa.

IL PHẨM Cư Sĩ ụjPÃSAKAVAGGA)

I. KINH KASIBHÃRADVÃJA (Kasibhãradvãịasuttă) (5.1. 172) 197. Như vầy tôi nghe. Một thòi, Thế Tôn ở giữa dân chúng Magadha, trên Nam Son, tại làng Bà-la-môn tên EkanãỊã. Lúc bấy giờ là thời gian gieo mạ, và Bà-la-môn Kasibhăradvặja sắp đặt sẵn sàng khoảng năm trăm cái cày. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến nông trường của Bà-la-môn Kasibhãradvặịa. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kasibhãradvặịa đang phân phát đồ ăn. Thế Tôn đi đến chỗ phân phát đồ ăn, rồi đứng một bên.

Bà-la-môn Kasibharadvaja thấy Thế Tôn đang đứng một bên để khất thực, thấy vậy, bèn nói với The Tôn: Này Sa-môn, tôi cày và gieo mạ; sau khi cày và gieo mạ, tôi ăn. Này Samôn, ông hãy cày và gieo mạ; sau khi cày và gieo mạ, ông ăn. Này Bà-la-môn, Ta cũng có cày và gieo mạ; sau khi cày và gieo mạ? Ta ăn. Nhưng chúng tôi không thấy cái ách, cái cày, cái lưỡi cày, cái gậy dâm, hay các con bò đực của Tôn giả Gotama. Tuy vậy, Tôn giả Gotama lại nói như sau: "Này Bà-la-môn5 Ta cũng có cày và gieo mạ; sau khi cày và gieo mạ5 Ta an/9 Rồi Bà-la-môn Kasibhãradvãja nói lên bài kệ với Thế Tôn: Ông nói là nông phu, Ta không thấy ông cày. Người nông phu được hỏi5 Hãy lên tiếng trả lời5 Sao chúng tôi biết được, Ông thật sự có cày? [Thế Tôn:] Lòng tin là hạt giống, Trì giới là mưa móc, Trí tuệ đối với Ta, Là cày và ách mang, Tàm chính là cán cày, Ý căn là dây cột,

Chánh niệm đối với Ta,
Là lưỡi cày, gậy đâm.
Than hành được hộ trì,
Khẩu hành được hộ trì,
Đối với các món ăn,
Bụng Ta dùng vừa phải.
Ta nhổ lên tà vạy,
Với chơn lý sự thật,
Hoan hỷ trong Niết-bàn5
Là giải thoát của Ta.
Tinh tấn đối với Ta,
Là khả năng mang ách,
Đưa Ta tiến dần đến,
An ổn khỏi ách nạn,
Đi đến, không trở lui?
Chỗ Ta đi, không sầu.
Như vậy cày ruộng này,
Đưa đến quả bất tử,
Sau khi cày cày này,
Mọi đau khổ được thoát.
 Hãy ăn? Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama thật là người nông phu! Tôn giả Gotama cày, sự cày đưa đến quả bất tử.
[Thế Tôn:]
Ta không có hưởng thọ,11
Vì tụng hát kệ chú,
Thường pháp không phải vậy,
Đối vị có tri kiến.

Chư Phật đã loại bỏ?
Tụng hát các kệ chú,
Chơn thật đối với pháp,
Sở hành là như vậy.
Bậc Đại sĩ vẹn toàn,
Cúng dường phải khác biệt,
Đoạn tận các lậu hoặc,
Trạo hối được lắng dịu,
Với những bậc như vậy,
Cơm nước phải cúng dường.
Thật chính là phước điền,
Cho những ai cầu phước.
11 Xem s. I. 166f.

Được nghe nói vậy, Bà-la-môn Kasibhãradvãja bạch Thế Tôn:
Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!
Tôn giả Gotama như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối cho người có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong
Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.
IL KINH UDAYA (Udayasutta) (5.1. 173)
198. Nhân duyên tại Sãvatthi. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ của Bà-la-môn Ưdaya.
Bà-la-môn Udaya lấy cơm đổ đầy bình bát của Thế Tôn.
Lần thứ hai, Thế Tôn, vào buổi sáng5 đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ của
Bà-la-môn Udaya...
Lần thứ ba, Bà-la-môn Udaya lấy cơm đổ đầy bình bát của Thế Tôn và nói
_ rr^-1 A — với Thê Tôn:
- Tham lam12 là Sa-môn Gotama, đến đi đến lại nhiều lần!
[Thế Tôn:]
Nhiều lần và nhiều lần?
Chúng gieo vãi hạt giống.
Nhiều lần và nhiều lần,
Trời mưa di, mưa lại.
Nhiều lần và nhiều làn?
Người nông phu cày ruộng.

Nhiều lần và nhiều lần5
Lúa gạo đến quốc độ.
Nhiều lần và nhiều lần?
Hành khất lại xin ăn.
Nhiều lần vả nhiều lần,
Thí chủ lại bố thí.
Nhiều lần và nhiều lần,
Thí chủ sau khi cho.
Nhiều lần và nhiều lần,
Được đi đến thiên giới.
Nhiều lần và nhiều lần,
Người làm sữa vắt sữa.
Nhiều lần và nhiều lần,
12 SA. I. 257: Pakatthakoti rasagỉddho, tham vị.

BÒ con tìm bò mẹ.
Nhiều lần và nhiều lần5
Mệt sức và lao khổ.
Nhiều lần và nhiều lần,
Kẻ ngu nhập bào thai.
Nhiều lần và nhiều lần,
Lại sanh rồi lại chết.
Nhiều lần va nhiều lần,
Họ mang đến nghĩa địa.
Họ được đường giải thoát,
Không đưa đến tái sanh.
Bậc Đại Trí, Đại Tuệ,
Không sanh di, sanh lại.
Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Ưdaya bạch Thế Tôn:
-Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ? từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.
III. KINH DEVAHITA (Devahitasutta) (5.1. 173)
199. Nhân duyên tại Sãvatthi. Lúc bấy giờ9 Thế Tôn bị bệnh về phong khí và Tôn giả Upavãna13 là thị giả Thế Tôn.
Roi The Tôn gọi Tôn giả upavãna:
- Này upavãna, ông có biết làm sao cho Ta nước nóng?
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.
Tôn giả upavãna vâng âấp Thế Tôn? đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của
Bà-la-môn Devahita; sau khi dến, đứng im lặng một bên.

Bà-la-môn Devahita thấy Tôn giả upavãna đứng im lặng một bên, bèn nói lên bài kệ với Tôn giả upavãna:
Tôn giả đứng im lặng,
Trọc dầu, choàng Đại y,
Ông muốn gi, cầu gì?
Ông đến để xin gì?
[Tôn giả:]
Bậc La-hán? Thiện Thệ,
Hiện bị bệnh phong khí5
Nếu đây có nước nóng,
Hãy dâng bậc Đại Thánh!
Xứng đáng được cúng dường,
Ngài đã được cúng dường.
Xứng đáng được tôn kính,
13 XcmDB. II. 151; Pss. Breth. 350.

Ngài đã được tôn kính. Xứng đáng được cung kính, Ngài đã được cung kính. Vì Ngài, tôi muốn được5 Nước nóng để đem về. Rồi Bà-la-môn Devahita bảo một người lấy đòn gánh5 gánh nước nóng và một bình đường mật dâng cho Tôn giả upavãna. Rồi Tôn giả Upavãna đi đến Thế Tôn, dùng nước nóng tắm cho Thế Tôn, dùng đường mật pha với nước nóng dâng lên Thê Tôn dùng. Và bệnh phong khí của Thế Tôn được nhẹ bớt. Rồi Bà-la-môn Devahita đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau Iđìi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Devahita nói lên bài kệ với The Tôn: Chỗ nào người thí chủ5 Xứng đáng nen bố thí? Chỗ nào sự bố thí, Đưa đến quả báo lớn? Cúng dường phải thê nào? Cung kính phải thế nào? [Thế Tôn:] Ai biết được đời trước,1415 Thấy thiên giới, ác thú, Đoạn diệt được tái sanh, Thắng trí, bậc Mâu-ni? Nen bố thí vị ấy, Bố thí được quả lớn, Cúng dường phải như vậy, Cung kính phải như vậy. Khi được nghe nói vậy5 Bà-la-môn Devahita bạch Thế Tôn: —Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng. IV. KINH MAHẢSÃLA (Mahãsãlasutta)X5 (5.1. 176) 200. Nhân duyên tại Sãvatthi. Rồi một Bà-la-môn đại Ị)hú, dáng bộ tiều tụy, đắp y thô xấu, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu? liền ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với vị Bà-la-môn đại phú đang ngồi xuống một bên:

14 Xem s. I. 166 (kinh 194 ở trước). 15 Đại phú gia hay y choàng thô.

Này Bà-la-môn, sao dáng bộ ông tiều tụy? Sao ông đắp y thô xấu?

Thưa Tôn giả Gotama, ở đây, bốn đứa con trai của con, chúng âm mưu với vợ của chúng, trục xuất con ra khỏi nhà.

-Vậy này Bà-la-môn, hãy đọc thuộc bài kệ này, và khi nào quần chúng hội họp trong thính đường và cả các người con cùng ngồi họp5 hãy đọc lên bài kệ:

Khi chúng sanh, tôi mừng,
Tôi muốn chúng sinh thành.
Cùng vợ, chúng âm mưu,
Chống tôi và đuổi tôi,
Chẳng khác gì bầy chó,
Xua đuổi một con lợn.
Ac độc và lô mãng5
Chúng gọi tôi: "Cha thân”
Chúng thật quỷ dạ-xoa5
Đội lốt là con t6i.,
Và chúng trục xuất tôi5
Khi tôi đến tuổi già,
Như ngựa già suy nhược,
Bị tân xuất chuông ăn.
Nay cha già bọn trẻ,
Phải ăn xin nhà người.
Thà cho tôi cái gậy5
Hơn lũ con bất hiếu.
Với gậy, chặn bò dữ,
Chặn được loại chó dữ5
Chỗ tối, dò an toàn?
Chỗ sâu9 tìm nơi đứng,
Với sức mạnh chiếc gậy5
Vấp ngã, đứng dậy được.

Bà-la-môn đại phú ấy học thuộc lòng bài kệ này từ Thế Tôn. Khi quần chúng tụ hội tại thính đường và giữa các người con đang ngồi họp5 vị ấy đọc lên bài kệ:

Khi chúng sanh, tôi mừng,
Tôi muốn chúng sinh thành.
Cùng vợ5 chúng âm mưu,
Chống tôi và đuổi tôi,
Chẳng khác gì bầy chó,
Xua đuổi một con lợn.
r
Ac độc và lô mãng,
Chúng gọi tôi: "Cha thân",

Chúng thật quỷ dạ-xoa,
Đội lốt là con tôi.
Và chúng trục xuất tôi,
Khi tôi đến tuổi già5
Như ngựa già, suy nhược,
Bị tân xuất chuông ăn.
Nay cha già bọn trẻ,
Phải ăn xin nhà người.
Thà cho tôi cái gậy?
Hơn lũ con bất hiếu.
Với gậy? chặn bò dữ,
Chặn được loài chó dữ,
Chỗ tối, dò an toàn?
Chỗ sâu, tìm nơi đứng.
Với sức mạnh chiếc gậy,
Vấp ngã? đứng dậy được.

Rồi những người con Bà-la-môn đại phú ấy, dắt người cha về nha, tắm rửa và mỗi người đắp cho cha một bộ áo.

Rồi Bà-la-môn đại phú ấy cầm một bộ áo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Bà-lamôn đại phú ây bạch The Tôn:

Thưa Tôn giả Gotama, chúng con Bà-la-môn5 có dâng cúng sở phí16 cho bậc Đạo sư. Mong Tôn giả Gotama chấp nhận sở phí cho bậc Đạo sư của chúng con.

Và Thế Tôn vì lòng từ chấp nhận.

Rồi Bà-la-môn đại phú ấy bạch Thế Tôn:

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

V. KINH MÃNATTHADDHA (Mãnatthaddhasutta) (S. I. 177) 201. Nhân duyên tại Sãvatthi. Lúc bấy giờ5 Bà-la-môn tên Mãnatthaddha trú ở Sãvatthi. Vị này không cung kính mẹ? không cung kính cha, không cung kính đạo su, không cung kính huynh trưởng. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp, có đại chúng đoanh vây. Rồi Bà-la-môn Mãnatthaddha suy nghĩ như sau: "Sa-môn Gotama nay đang thuyết pháp có đại chúng đoanh vây. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama. Nếu Sa-môn Gotama nói chuyện với ta, ta cũng sẽ nói chuyện với Sa-môn Gotama. Nếu Sa-môn Gotama không nói chuyện với ta, ta cũng sẽ không nói chuyện với Sa-môn Gotama."

16 Ẵcarỉyadhanư. Phí thù lao cho người thầy.

Rồi Bà-la-môn Mãnatthaddha đi đến Thế Tôn; sau khi đến? liền đứng một bên và im lặng.

Và Thế Tôn không nói chuyện với Bà-la-môn ấy.

Bà-la-môn Mãnatthaddha suy nghĩ: uSa-môn Gotama này không biết gì hếf\ bèn muốn trở về.

Rồi Thế Tôn? với tâm tư của mình biết được tâm tư của Bà-la-môn

Mãnatthaddha, liền nói lên bài kệ với Bà-la-môn Mãnatthaddha:

Hỡi này Bà-la-môn,

Kiêu mạn không có tốt,

Ở đây không có ai?

Bà-la-môn nên biết.

Ông đến? mục đích gì,

Hãy nói lên cho biết?

Bà-la-môn Mãnatthaddha suy nghĩ: uSa-môn Gotama biết tâm tư của ta", cúi đâu đảnh le chan The Ton, lay miệng hon chan The Ton, lay tay thoa vuôt và nói lên tên của mình:

-Tôn giả Gotama, con là Mãnatthaddha. Tôn giả Gotama, con là

Mãnatthaddha.

Rồi đại chúng ấy tâm khởi lên kinh ngạc vi diệu: "Thật là vi diệu, thưa

Ngài! Thật là hy hữu, thưa Ngài! Bà-la-môn Mãnatthaddha không bao giờ cung kính mẹ, không bao giờ cung kính cha, không bao giờ cung kính đạo su, không bao giờ cung kính huynh trưởng, nay lại hạ mình tột cùng như vậy trước

Sa-môn Gotama."

Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Mãnatthaddha:

—Thôi vừa rồi Bà-la-môn. Hãy đứng dậy và ngồi lại trên ghế của ông! Lòng tín thành của ông đối với Ta từ đâu đến?

Rồi Bà-la-môn Mãnatthaddha, sau khi ngồi trên ghế của mình, nói lên bài kệ với The Ton:

Đối ai không nên kiêu?

Đôi ai nên kính trọng?

Đối ai nên tôn kính?

Cúng dường ai, tốt lành?

[Thế Tôn:]

Với mẹ và với cha,

Với anh nhiêu tuôi hơn,

Với thầy là thứ tư,

Không nên sanh kiêu mạn.

Nên kính trọng vị ấy,

Nên tôn kính vị ấy?

Cúng dường họ, tốt lành.

Các bậc A-la-hán,
Thanh lương, lậu hoặc đoạn,
Việc nên làm đã làm,
Hãy nhu thuận, diệt mạn?
Bậc Vô thượng tôn ấy,
Ông thật nên đảnh lễ!
Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Mãnatthaddha bạch Thế Tôn:
Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!...
Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.
VI. KINH PACCANĨKA (Paccanĩkasutta) (5.1. 179)
202. Nhân duyên tại Sãvatthi. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn tên là Paccanĩkasâta ở tại Sãvatthi.
Rồi Bà-la-môn Paccanĩkasãta suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi đến Sa-môn
Gotama, và Sa-môn Gotama có nói điều gi, ta sẽ nói lời phản ngược lại."
Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang đi kinh hành ngoài trời.
Rồi Bà-la-môn Paccanĩkasãta đi đến Thế Tôn; sau khi đến9 nói với Thế Tôn đang đi kinh hành:
-Này Sa-môn, hãy thuyết pháp!
[Thế Tôn:]
Không thuyết pháp với ông,
Này Paccanĩka,
Tâm ông thật O uê,
Và đầy những thù hận,
Làm sao biết tốt đẹp5
Làm sao nói tốt đẹp!
Ai nhiếp phục thù hận,
Nhiêp phục tâm chông đôi?
Từ bỏ mọi sân tâm,
Vị ấy biết tốt đẹp?
Vị ấy nói tốt đẹp.
Khi được nghe nói vậy5 Bà-la-môn Paccanĩkasãta bạch Thế Tôn:
Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.
VII. KINH ^ÍAVAKAMMĨKA (Navakammikasutta) (5.1. 179) 203. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng. Lúc bây giờ? Bà-la-môn Navakammika Bhãradvặja đang làm công việc tại khu rừng ấy.

Bà-la-môn Navakammika thấy Thế Tôn ngồi kiết-già dưới gốc cây Sa-la, 7 7 e

lưng thăng và đê niệm trước mặt

Thấy vậy, vị Bà-la-môn suy nghĩ: “Ta thích làm việc về củi gỗ tại khu rừng này. Còn Sa-môn Gotama thời thích làm việc gi?”

Rồi Bà-la-môn Navakammika đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 nói lên bài kệ f_* r I lĩ A r-1-ĩ Ạ với The Tôn:

Nay ông làm việc gì?
Trong rừng cây Sa-la,
Khiến ông sống một minh,
Vui gì ông tìm được,
Tỷ-kheo Gotama?

[Thế Tôn:] •

Ta không phải làm gì5
Trong khu rừng Sa-la.
Với Ta, rễ đã cắt,
Cả khu rừng rậm rạp.17
Như vậy Ta được thoát,
Mọi rừng rú chông gai.
Tâm Ta không bị đâm,
Một mình sông an lạc,
Đoạn trừ mọi bất mãn5
Sống thích thú hoan hỷ.

Được nghe nói vậy5 Bà-la-môn Navakammika Bhãradvặja bạch Thế Tôn:

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!...

Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VIII. KINH KATTHAHARA (KaỉỊhahãrasutta) (5. L 180)

204. Một thời, Thế Tôn sống ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ, nhiều thanh niên lượm củi? đệ tử của Bà-la-môn thuộc dòng họ

Bhãradvặja? đi đên khu rừng ây.

Sau khi đến5 họ thấy Thế Tôn ngồi kiết-già trong khu rừng ấy, lưng thẳng và để niệm trước mặt. Thấy vậy, họ liền đi đến Bà-la-môn thuộc dòng họ

Bhãradvặịa.

Sau khi đến, họ nói với Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhãradvặja:

-Tôn giả có biết không, tại một khu rừng kia, có vị Sa-môn ngồi kiết-già, lưng thẳng và để niệm trước mặt?

17 Trong trường hợp này, vỉsũkam không có nghĩa là trò múa rối như D. I. 6; chữ Sanskrit là visvank có nghĩa la phát triển rộng.

Rôi Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhãradvặja cùng với các thanh niên ây đi đên khu rừng và thấy Thế Tôn tại khu rừng ấy? đang ngồi kiếtgià, lưng thẳng và để niệm tĩyớc mặt. Thấy vậy, họ liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến? nói lên bài kệ f_ FT^i rI1 A với The Ton:

rr\ 1 1 y___ _ i1 A___
Trong khu rừng tham u;
Nhiều de sợ khủng khiếp,,
Rừng trống không, hoang vắng,
Ngài vào sâu một minh,
Thân bất động, kiên trì,
Đẹp đẽ và uy nghi.
Này Tỷ-kheo, Ngài thiền
Với tâm tư định tĩnh.
Ở đây không ca hát,
Ở đây không nói năng,
Cô độc trong rừng sâu,
Bậc Thánh nhân an trú.
Như vậy đối với con5
Thật kỳ diệu, hy hữu!
Khi Ngài sống một mình,
Hoan hỷ trong rừng vắng.
Con nghi, Ngài ước nguyện,
Đồng sanh làm thân hữu,
Với bậc Thế giới chủ, 18
Tại vô thượng tam thiên.18
19
Vậy sao bậc Tôn giả5
Khôn^ bỏ rừng hoang văng9
Tu kho hạnh ở đây,
Để đạt Phạm thiên quả?
[Thế Tôn:]
Phàm có ước vọng gì,
Hay những ái lạc gì5
Những gì kẻ phàm phu,
Thường chấp trước các giới,
Các tham ái20 khởi lên5
Từ gốc rễ vô minh,
Tất cả Ta đoạn tận,
Trừ ca gôc lân rè.

18 SA. I. 265: Lokãdhipati có nghĩa là Đại Phạm thiên. 19 Phạm thiên giới có ba chúng: Phạm Chúng thiên, Phạm Phụ thiên, Đại Phạm thiên. Xem Vbh. 424. 2QPạjappitã. Jappati nghĩa đen là lẩm bẩm, thèm muốn, khát khao; thêm vào tiếp đầu ngữ 6p' trở thành đồng nghĩa với lobha hay tanhã nghĩa là tham ái.

Nay Ta không ước nguyện,
Không tham ái, chấp trước,
Đối với tất cả pháp,
Ta thấy đều thanh tịnh.
Đạt được Chánh đẳng giác,
Và mục đích tối thượng,
Ta tu tập thiền định,
Vắng lặng, không sợ hãi.

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhãradvậja bạch Thế Tôn:

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!..
từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

IX. KINH MÃTUPOSAKA (Mãtuposakasutta)21 (5. L 181) 205. Nhân duyên tại Sãyatthi. Rồi Bà-la-môn Mãtuposaka đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, bèn ngôi xuống một bên. Ngôi xuống một bên, Bà-la-môn Mãtuposaka nói với Thế Tôn: -Thưa Tôn giả Gotama, tôi tìm món ăn thiết thực theo thường pháp. Sau khi tìm món ăn thiết thực theo thường pháp, tôi nuôi dưỡng mẹ cha. Thưa Tôn giả Gotama, tôi làm như vậy5 tôi có làm đúng trách nhiệm không? Này Bà-la-môn, ông làm như vậy là làm đúng trách nhiệm. Này Bà-la- môn5 ai tìm đô ăn thiêt thực theo thường pháp; sau khi tìm đô ăn thiêt thực theo thường pháp? lại nuôi dưỡng mẹ cha thì người ấy được nhiều công đức. Người nào theo thường pháp, Nuôi dưỡng mẹ và cha, Chính do công hạnh này5 Đối với cha, với mẹ, Nhờ vậy, bậc hiền trí, Trong đời này tán thán. Sau khi chết, được sanh, Hưởng an lạc chư thiên. Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Mãtuposaka bạch Thê Tôn: Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. X. KINH BHIKKHAKA (Bhikkhakasutta) (5. L 182) 206. Nhân duyên tại Sãvatthi. Rồi Bà-la-môn Bhikkhaka đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên

21 Mãtuposaka: Nuôi dưỡng mẹ.

những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, bèn ngồi một bên. Ngồi một bên5 Bà-lamôn Bhikkhaka bạch Thế Tôn:

Thưa Tôn giả Gotama, con là người khất thực và Tôn giả cũng là người khất thực. Vậy có sự sai khác gì giữa chúng ta?

[Thế Tôn:]
Không phải ai xin an,22
Cũng gọi là khất si,
Nếu chấp trì độc pháp,
Không còn gọi Tỷ-kheo.
Ai sống ở đời này?
Từ bỏ các phước báo,
Đoạn trừ mọi ác pháp,
Hành trì theo Phạm hạnh,
Sống đời sống chánh trí,
Vị ay xứng "Tỷ-kheo."
Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Bhikkhaka bạch Thế Tôn:
Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.
XI. KINH SÁNGẴRAVA(Sangãravasutta)(y I. 182) 207. Nhân duyên tại Sãvatthi. Lúc bấy giờ9 Bà-la-môn Saồgãrava trú ở Sãvatthi, là nhà Tịnh thủy hành, tin tưởng nhờ nước được thanh tịnh, sáng chiều theo hạnh xuống nước [để tắm cho thanh tịnh]. Rôi Tôn giả Ananda, vào buôi sáng, đăp y, câm y bát, đi vào Sãvatthi đê khất thực. Khất thực xong, sau bữa ăn? trên đường trở về? Tôn giả đi đến Thế Tôn. Sau khi đen, đảnh lê Thê Tôn, roi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên5 Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Ở đây5 bạch Thế Tôn, Bà-la-môn Saởgãrava trú ở Sãvatthi, là nhà Tịnh thủy hành, tin tưởng nhờ nước được thanh tịnh, sáng chiều theo hạnh xuống nước [để tắm cho thanh tịnh]. Lành thay, bạch Thế Tôn? nếu Thế Tôn vì lòng từ mân đi đên trú xứ của Bà-la-môn Saồgãrava. Thê Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của Bà-la-môn Sangãrava; sau khi đến? ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi Bà-la-môn Sangãrava đi đến Thế Tôn; sau khi đến? nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm than hữu, liền ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Bà-la-môn Sangãrava đang ngồi một bên:*

22 Xem Dh. V. 266, 267.

CÓ đúng sự thật chăng, này Bà-la-môn9 ông là nhà Tịnh thủy hành? tin tưởng nhờ nước được thanh tịnh, sáng chiều sống theo hạnh xuống nước [để tắm cho thanh tịnh]?
Thưa đúng vậy? Tôn giả Gotama! Này Bà-la-môn? nhằm mục đích lợi ích gì, ông là nhà Tịnh thủy hành, tin tưởng nhờ nước được thanh tịnh, sáng chiều sống theo hạnh xuống nước [để tắm cho thanh tịnh]? Ở dây, Tôn giả Gotama, ban ngày tôi làm ác nghiệp gì, buổi chiều tôi tắm để gột sạch ác nghiệp ấy; buổi tối tôi làm ác nghiệp gi, buổi sáng hôm sau tôi tắm để gột sạch ác nghiệp ấy. Tôn giả Gotama, do nhằm mục đích như vậy5 tồi là nhà Tịnh thủy hành, tin tưởng nhờ nước được thanh tịnh, sáng chiều tôi sống theo hạnh xuống nước [để tắm cho thanh tịnh]. [Thế Tôn:] Chánh pháp là ao hồ5 Giới là bên nước tăm5 Không cấu uế, trong sạch, Được thiện nhân tán thán?

Là chỗ bậc có trí, Thường tăm, trừ uê tạp, Khi thân thể trong sạch, Họ qua bờ bên kia.23 Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Saõgãrava bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

XII. KINH KHOMADUSSA (Khomadussasutta) (S I. 184) 208. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại thị trấn của dân chúng Sakka tên là Khomadussa. Rôi Thê Tôn, vào buôi sáng, đăp y, câm y bát, đi vào thị trân Khomadussa để khất thực. Lúc bấy giờ, các Bà-la-mon gia chủ ở Khomadussa đang tụ họp tại hội trường để giải quyết một vài vấn dề, và trời đang mưa nhỏ hột. Rồi Thế Tôn đi đến hội trường ấy. Các Bà-la-môn gia chủ ở Khomadussa thấy Thế Tôn từ xa đi đến. Thấy vậy, họ bèn nói: Những Sa-môn đầu trọc ấy là ai? Và họ có thể biết gì về quy tắc của hội trường?

23 Xem s. I. 167 (kinh 195 ở trước).

Rồi Thế Tôn nói lên bài kệ với các Bà-la-môn gia chủ ở Khomadussa: Không thể có hội trường, Nếu không có thiện nhân;24 Không thể có thiện nhân, Nếu không nói đúng pháp. Những ai đã đoạn trừ, Cả tham, sân và si, Nói lên lời đúng pháp? Họ mới thật thiện nhân. Khi được nghe nói vậy, các Bà-la-môn gia chủ ở Khomadussa bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem ánh sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

24 SA. I. 267: Santotỉpandỉtã sappurisã, nghĩa là thiện nhân, bậc trí.

8. TƯƠNG ƯNG TÔN GIẢ VANGĨSA (VANG1SASAMYUTTA)

I. KINH XUẤT LY (Nikkhantasutta) (S. L 185) 209. Như vầy tôi nghe. Một thời, Tôn giả Vangĩsa1 trú ở ÃỊavĩ, tại ngôi đền ở AggãỊava, cùng với Tôn giả Nigrodha Kappa,2 là vị Giáo thọ sư. Lúc bấy giờ, Tôn giả Vangĩsa là tân Tỷ-kheo? xuất gia chưa bao lâu, được ở lại để coi ngôi tinh xá.3 Rồi một số đông phụ nữ, sau khi trang điểm, đi đến khu vườn AggãỊava để xem tinh xá. Tôn giả Vangĩsa thấy các phụ nữ ấy5 tâm sanh bất mãn, bị lòng dục quấy phá. Rồi Tôn giả Vangĩsa suy nghĩ: "Thật bất lợi cho ta! Thật không lợi cho ta! Thật bất hạnh cho ta! Thật không may cho ta! Vì rằng tâm sanh bất mãn nơi ta, và ta bị lòng dục quây phá. Làm thê nào ngay hiện tại có người khác có thê đoạn trừ bất mãn nơi ta và làm khởi lên thỏa mãn cho ta? Hay là ta tự mình đoạn trừ bât mãn nơi ta và làm khởi lên thỏa mãn cho ta?" Rồi Tôn giả Vaõgĩsa sau khi tự mình đoạn trừ bất mãn và làm cho thỏa mãn khởi lên5 liền ngay trong lúc ấy, nói lên những bài kệ này: Với ta đã xuất gia, Bỏ nhà, sống không nhà, Tâm tư nay chạy loạn, Khởi lên từ đen tối. Con nhà bậc thượng lưu, Thiện xảo trong cung pháp, Ngàn người bắn tứ phía, vẫn

không bỏ chạy loạn. Nếu phụ nữ có đến, Dầu nhiều hơn, đông hơn, Sẽ không não loạn ta, Vì ta trú Chánh pháp,

1 Xem Pss. Breth. 395. 2 Xem Pss. Breth. 408. 3 Vì là năm đầu mới thọ Đại giới, không khéo léo khi dùng y, bát nên các trưởng lão để lại giữ tinh xá, dù, dép...

Chính ta từng được nghe,
Phật, Dòng Họ Mặt Trời,
Thuyết giảng Niết-bàn dạo,
Ở đây ta ưa thích.
Nếu ta trú như vậy,
Ac ma, ông có đên,
Sở hành ta là vậy5
Ông đâu thấy đường ta.
II. KINH BẤT LẠC {Aratisuttă) (SL 186) 210. Một thời, Tôn giả Vaốgĩsa trú ở ÃỊavĩ, tại ngôi đền ở AggãỊava cùng với Giáo thọ sư là Tôn giả Nigrodha Kappa. Lúc bấy giờ? Tôn giả Nigrodha Kappa sau khi khất thực, ăn xong, trên đường trở về, đi vào tinh xá và không ra khỏi tinh xá cho đến chiều hay ngày mai. Lúc bấy giờ, Tôn giả Vaủgĩsa tâm sanh bất mãn, bị lòng dục quấy phá. Rồi Tôn giả Vaồgĩsa suy nghi: "That bất lợi cho ta! Thật không lợi cho ta! Thật bất hạnh cho ta! Thật không may cho ta! Vì rằng tâm sanh bất mãn nơi ta, và ta bị lòng dục quấy phá. Làm thế nào ngay hiện tại có người khác có thể đoạn trừ bất mãn nơi ta và làm khởi lên thỏa mãn cho ta? Hay là ta tự mình đoạn trừ bất mãn nơi ta và làm khởi lên thỏa mãn cho ta?" Rồi Tôn giả Vaốgĩsa sau khi tự mình đoạn trừ bất mãn và làm thỏa mãn khởi lên, liền ngay trong lúc ấy nói lên bài kệ này: Ta4 bỏ lạc, bất lạc, Mọi tâm tư gia sự5 Không tạo một chỗ nào, Thành cơ sở tham dục. Ai thoát khỏi rừng tham, Thoát ly mọi tham dục? Ly tham không đăm trước, Xứng danh chơn Tỷ-kheo. Phàm địa giới, không giới, Cả sắc giới trong đời, Mọi vật đều biến hoại, Mọi sự đều vô thường, Ai hiểu biết5 như vậy, Sở hành sẽ chơn chánh. Chúng sanh thường chấp trước,

4 Xem s. I. 179 (kinh 203 ở trước). 5 Muttatã. Thag. viết mu(t)antã, được giải thích là sau khi hiểu.

Đối với các sanh y,
F r
Đôi vật họ thây, nghe,
Họ ngửi, nếm, xúc chạm.67
Ở dây, ai đoạn dục9
Tâm tư không nhiễm 6,
Không mắc dính chỗ này?
Vị ấy danh Mâu-ni.

Đối với sáu pháp trần,
Thuộc vọng tưởng phi pháp,
Phàm phu thường chấp trước,
Chấp thủ và tham đắm.
Tỷ-kheo không phiền não,
Không nói lời ác ngữ,
Sáng suốt, tâm thường định5
Không dối trá, thận trọng,
Thoát ly mọi tham ái.
Vị Mâu-ni chứng dạt,
Cảnh Niết-bàn tịch tịnh,
Chờ đón thời mệnh chung,
Với tâm tư vắng lặng9
Thanh thoát nhập Niết-bàn.

III. KINH NGƯỜI TỪ ÁI (Pesalasutta)1 (S L 187)

211. Một thời, Tôn giả Vaồgĩsa trú ở ÃỊavĩ, tại đềnAggãỊava, cùng với Giáo thọ sư là Tôn giả Nigrodha Kappa.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Vaủgĩsa thường hay khinh miệt các vị Tỷ-kheo có giới hạnh tốt khác vì khả năng biện tài của mình.

Rồi Tôn giả Vaồgĩsa suy nghĩ: "Thật bất lợi cho ta! Thật không lợi cho ta!

Thật bất hạnh cho ta! Thật không may cho ta! Vì rằng ta khinh miệt các vị Tỷkheo có giới hạnh tốt khác vì khả năng biện tài của ta."

Rồi Tôn giả Vangĩsa, tự hối trách mình, liền ngay khi ấy nói lên những bài kệ này:

Đệ tử Gotama,
Hãy từ bỏ kiêu mạn,
Và cũng từ bỏ luôn9
Con đường đến kiêu mạn.
Nếu hoàn toàn đắm say,
Trong con đường kiêu mạn,

6 Xem Pss. Breth. 398, n. 9. Trong trường hợp nầy.paỊighe có nghĩa là ngửi và nếm, mute có nghĩa là xúc. 7 Bản tiếng Anh của PTS: Disdaining the Kindly, nghĩa là Khỉnh thường người tốt.

Sẽ tự mình hối trách,
Trong thời gian lâu dài.
Những ai khinh khi người5
Với khinh khi, kiêu mạn,
Đi con đường kiêu mạn,
Sẽ đọa lạc địa ngục.

Những người ấy sầu khổ5
Trong thời gian lâu dài?
Do kiêu mạn dắt dẫn,
Phải sanh vào địa ngục.
Tỷ-kheo không bao giờ
Phải sầu muộn, buồn thảm.
Thắng lợi trên chánh đạo5
Sở hành được chân chánh,
Vị ấy được thọ hưởng,
Danh dự và an lạc,
Chơn thực được danh xưng,
Là bậc hưởng pháp lạc.
Do vậy ở đời này,
Không thô lậu? tinh tấn,
Đoạn trừ mọi triền cái,
Sống thanh tịnh trong sạch?
Và đoạn tận kiêu mạn,
Hoàn toàn? không dư thừa,
Chấm dứt mọi phiền não,
Với trí tuệ quang minh,
N^ài được xem là bậc
Sống tịch tịnh an lạc.
IV. KINH ÃNANDA (Ẫnandasutta) (5.1. 188)
212. Một thời, Tôn giả Ãnanda trú ở Sãvatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc).
Rồi Tôn giả Ãnanda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sãvatthi để khất thực với Tôn giả Vaồgĩsa là Sa-môn thị giả.
Lúc bấy giờ? Tôn giả Vaồgĩsa tâm sanh bất mãn, bị lòng dục quấy phá.
Rồi Tôn giả Vangĩsa nói lên bài kệ với Tôn giả Ãnanda:
Dục ái đốt cháy tôi,
Tâm tôi bi thiêu cháy.
Thật là điều tốt lành,
Đệ tử Gotama,

Vì lòng từ thương tưởng,
Nói pháp tiêu lửa hừng!
[Ãnanda:]
Chính vì điên đảo tưởng,
Tâm ông bị thiêu đốt.

Hãy bỏ chấp tịnh tướng,
Hệ lụy đến tham dục!
Nhìn các hành vô thường,
Khổ đau, không phải ngã,
Dập tắt đại tham dục5
Chớ để bị cháy hoài!
Hãy tu tâm bất tịnh,
Nhất tâm, khéo định tĩnh,
Tu tập than niệm trú,
Hành nhiều hạnh yểm ly!
Hãy tập hạnh vô tướng,
Đoạn diệt mạn tùy miên,
Nhờ quán sâu kiêu mạn,
Hạnh ông được an tịnh!
V KINH KHÉO NÓI (Subhãsitasuttà) (5.1. 188)
213. Nhân duyên tại Sãvatthi. Tại dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:
Này các Tỷ-kheo!
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!
rr^ 11 /s 4 rr^i Ạ rI1 Ạ ... F-fTi A rr\ _ 1
Cac Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau:
Đầy đủ bốn đức tánh, này các Tỷ-kheo, lời nói được xem là thiện thuyết, không phải ác thuyết, vô tội và không bị người có trí chỉ trích. Thế nào là bốn?
Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nói lời thiện thuyết, không nói lời ác thuyết; nói lời đúng pháp, không nói lời phi pháp; nói lời ái ngữ, không nói lời ác ngữ; nói lời chơn ngữ, không nói lời phi chơn. Đầy đủ bốn đức tính này? này các Tỷ-kheo, lời nói được xem là thiện thuyết, không phải ác thuyết, vô tội và không bị người có trí chỉ trích.
Thế Tôn nói như vậy. Sau khi Thiện Thệ nói như vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm:
Bậc Thiện Nhân dạy rằng:
Thứ nhất là thiện thuyết.
Thứ hai, nói đúng pháp,
Chớ nói lời phi pháp.
Thứ ba, nói ái ngữ,
Chớ nói lời ác ngữ.

Thứ tư, nói chơn thực,
Chớ nói lời phi chơn.
Rồi Tôn giả Vaồgĩsa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn:
Thế Tôn, một cảm nghĩ đến với con! Thiện Thệ, một cảm nghĩ đến với con!

Thê Tôn nói:
-Này Vaỏgĩsa, ông hãy nói lên cảm nghĩ ây!
Rồi Tôn giả Vaỏgĩsa trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ tán thán thích đáng:
Ai nói lên lời gì,
Lời ấy không khổ mình,
Lại không làm hại người,
Lời ấy là thiện thuyết.
Ai nói lời ái ngữ,
Lời nói khiến hoan hỷ?
Lời nói không ác độc,
Lời ấy là ái ngữ.
Các lời nói chơn thực,
Là lời nói bất tử,
Như vậy là thường pháp?
Từ thuở thật ngàn xưa.
Bậc Thiện Nhân được xem5
An trú trên chơn thực,
Trên nghĩa và trên pháp,
Lời đồn là như vậy.
Lời đức Phật nói lên,
Đạt an ổn Niết-bàn5
Chấm dứt mọi khổ đau,
Thật lời nói tối thượng.
VI. KINH SÃRIPUTTA (Sãriputtasutta) (S. L 189) 214. Một thời, Tôn giả Sãriputta (Xá-lợi-phất) trú ở Săvatthi, Jetavana5 tại vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ5 Tôn giả Sãriputta, với bài pháp thoại đang tuyên thuyết, khích lệ5 làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với lời nói lịch sự? thông suốt5 không có phều phào và với ý nghĩa rõ ràng, minh bạch. Và các vị Tỷ-kheo ây chú ý5 chú tâm, tập trung tâm lực, lăng tai nghe pháp. Rồi Tôn giả Vangĩsa suy nghĩ: "Tôn giả Sãriputta với bài pháp thoại đang

tuyên thuyết, khích lê5 làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với lời nói lịch sự, thông suot? không có phều phào và với ý nghĩa rõ ràng, minh bạch.
Và các vị Tỷ«kheo ấy chú ý, chú tâm, tập trung tâm lực? lăng tai nghe pháp. Vậy trước mặt Tôn giả Sãriputta, ta hãy nói lên những bài kệ tán thán thích dáng."
Rôi Tôn giả Vaốgĩsa từ chô ngôi đứng dậy, đăp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng về Tôn giả Sãriputta và nói với Tôn giả Sãriputta:
Hiền giả Sãriputta, một cảm nghĩ đến với tôi. Hiền giả Sãriputta, một cảm nghĩ đến với tôi.
Mong rằng Hiền giả Vaốgĩsa nói lên cảm nghĩ ấy!

Rồi Tôn giả Vaốgĩsa, trước mặt Tôn giả Sãriputta, nói lên những bài kệ tán thán thích đáng:

Trí tuệ thâm, trí giả,
Thiện xảo đạo5 phi đạo,
Ngài Sãriputta,8
Là bậc Đại trí tuệ.
Chính Ngài đang thuyết pháp5
Cho các vị Tỷ-kheo.
Ngài giảng cách tóm tắt,
Ngài cũng thuyết rộng rãi.
Như âm thanh vi diệu,
Của loại chim Sãli.9
Tạo ra nhiều cảm hứng,
Cho người nghe Ngài giảng.
Lời Ngài giảng tuôn trào,
Tiếng Ngài nghe ngọt lịm5
Với giọng điệu ái luyến,
Êm tai và mỹ diệu;
Chúng Tỷ-kheo lắng nghe,
Tâm phấn khởi, hoan hỷ.

VII. KINH Tự TỨ (Pavãranãsutta) (5. L 190) 215. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi, Pubbãrãma (Đông Viên), Migãramãtupãsãda (Lộc Mầu giảng đường), cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả đều chứng quả A-la-hán. Lúc bấy giờ5 Thế Tôn, nhân ngày trăng tròn Bố-tát Tự tứ, Ngài ngồi giữa trời, xung quanh chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi Thế Tôn, sau khi nhìn quanh chúng Tỷ-kheo im lặng, liền bảo các Tỷ-kheo:

8 Mẹ Ngài tên là Rũpasãrĩ, tên gia đình là Upatissa. 9 SãỊỉkã = Sãỉikã: Chim cưỡng, chim sáo.

Này các Tỷ-kheo, nay Ta mời các ông nói lên, các ông có điều gì chỉ trích Ta hay không, về thân hay về lời nói? Được nghe như vậy, Tôn giả Sãriputta từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn: - Bạch Thế Tôn, chúng con không có chỉ trích gì Thế Tôn về thân hay về lời nói. Bạch Thế Tôn5 con đường chưa sanh khởi, Thế Tôn làm cho sanh khởi; con đường chưa được rõ biết, Thế Tôn làm cho rõ biết; con đường chưa được thuyết giảng, Thế Tôn thuyết giảng. Thế Tôn biết dạo, hiểu đạo? thiện xảo về đạo. Và bạch Thế Tôn? các đệ tử nay là những vị sông hành đạo, và sẽ thành tựu [những pháp ấy] về sau. Và bạch Thế Tôn, con xin mời Thế Tôn nói lên, Thế Tôn có điều gì chỉ trích con hay không, về thân hay về lời nói? Này Sãriputta, Ta không có gì chỉ trích ông về thân hay về lời nói. Này Sãriputta, 6ng là bậc Đại trí. Này Sãriputta, ông là bậc Quảng trí. Này Sãriputta, ông là bậc Toe trí. Này

Sãriputta, ông là bậc Tiệp trí. Này Sãriputta, ông là bậc Nhuệ trí. Này Sãriputta, ông là bậc Thể nhập trí. Này Sãriputta, ví như trưởng tử, con Vua Chuyển Luân Vương, chơn chánh vận chuyển bánh xe đã được vua cha vận chuyển; cũng vậy, này Sãriputta, ông chơn chánh chuyển vận Pháp luân vô thượng đã được Ta chuyển vận. Bach The Ton, neu The Ton khong co gì chỉ trích con ve thân hay vê lời n6i, vậy bạch Thế Ton, đối với khpảng năm trăm Tỷ-kheo này, Thế Tôn có gì chỉ trích hay không, về thân hay về lời nói? Này Sãriputta, đôi với khoảng năm trăm Tỷ-kheo này? Ta không có gì chỉ trích về thân hay về lời nói. Này Sãriputta, trong khoảng năm trăm Tỷ-kheo này, sáu mươi Tỷ-kheo là bậc Tam minh, sáu mươi Tỷ-kheo là bậc chứng được Sáu thắng trí,10 sáu mươi Tỷ-kheo là bậc Câu phần giải thoát, và các vị còn lại là bậc Tuệ giải thoát. Rôi Tôn giả Vaốgĩsa từ chô ngôi đứng dậy, đăp thượng y vào một bên vai, chăp tay vái chào Thê Tôn va bạch The Tôn: Bạch Thế Tôn? một cảm nghĩ đến với con. Bạch Thiện The, một cảm nghĩ đến với con. Thê Tôn nói: -Này Vàồgĩsa, hãy nói lên cảm nghĩ ấy! Rồi Tôn giả Vangĩsa, trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ tán thán thích ứng: Nay ngày rằm thanh tịnh, Năm trăm Tỷ-kheo họp, Bậc Thánh cắt kiết phược, Vô phiền, đoạn tái sanh.

10 Xem s. I. 166 (kinh 194 ở trước); s. I. 144 (kinh 176 ở trước).

8. TƯƠNG ƯNG TÔN GIẢ VANGĨSA 225

Như Vua Chuyển Luân Vương,
Đại thần hầu xung quanh,
Du hành khắp bốn phương,
Đất này đến hải biên.
Như vậy các đệ tử,
Đã chứng được Tam minh,
Sát hại được tử thần.
Những vị này hầu hạ,
Bậc Thắng Trận Chiến Trường,
Chủ Lữ Hanhi1 Vô Thượng
Tât cả con The Tôn, Không ai là vô dụng.11 12 Xin chí thành đảnh lễ, Bậc Nhổ Tên Khát Ái! Xin tâm thành cung kính, Bậc Dòng Họ Mặt Trời! VIII. KINH MỘT NGÀN VÀ NHIỀU HƠN (Parosahassasutta) (5.1. 192) 216. Một thòi, Thế Tôn ở Sãvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) cùng đại chúng Tỷ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Lúc bấy giờ, Thế Tôn với bài pháp thoại liên hệ đến Niết-bàn, thuyết giảng cho các Tỷ-kheo9 khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và những Tỷkheo ấy chú tâm, chú ý, tập trung tất cả tâm tư, lắng tai nghe pháp. Rồi Tôn giả Vaồgĩsa suy nghĩ: "Nay Thế Tôn với bài pháp thoại liên hệ đến Niết-bàn, đang thuyết giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi? làm cho hoan hỷ. Và những Tỷ-kheo ấy chú tâm, chú ý, tập trung tất cả tâm tư, lắng tai nghe pháp. Vậy trước mặt Thế Tôn, ta hãy nói lên những bài kệ tán thán thích ứng.” Rôi Tôn giả Vaốgĩsa, từ chô ngôi đứng dậy, đăp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn: —Bạch Thế T6n, một cảm nghĩ đến với con. Bạch Thiện The, một cảm nghĩ đến với con. Thê Tôn

đáp: Này Vangĩsa, hãy nói lên cảm nghĩ ấy. Rồi Tôn giả Vaồgĩsa, trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ tán thán thích ứng:

11 Chủ giải'. Vị ấy được sinh ra trong cỗ xe Bát chánh đạo. 12 Palãpo. Theo Ngài Buddhaghosa, từ này có nghĩa "trống kh6ng" vàcũng có nghĩa là nói năng lọn xộn.

Hơn một ngàn Tỷ-kheo,
Hầu hạ bậc Thiện Thệ,
Ngài thuyết pháp vô cấu,
Niết-bàn, không sợ hãi.
Họ nghe pháp vô cấu,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo9
Bậc Chánh Giác chói sáng.
Bạch Thế Tôn, Thiện Thệ,
Ngài thật bậc Long Tượng,
Bậc Ẩn Sĩ i Jhắng,
Trong các vị Ẩn Sĩ!
Ngài trở thành mây lớn,
Mưa móc ban đệ tử.
Con từ nghỉ trưa đên?
Muốn yết kiến Đạo Sư.
Ôi bậc Đại Anh Hùng!
Con là đe tử Ngài,
Con tên Vaồgĩsa,
Đảnh lễ dưới chân Ngài.

Này Vangĩsa, những bài kệ này của ông? có phải ông suy nghĩ từ trước hay được khởi lên tại chỗ?

Bạch Thế Tôn, những bài kệ này của con không phải suy nghĩ từ trước, mà được khởi lên tại chỗ.

-Vậy này Vangĩsa, hãy cho khởi nhiêu bài kệ nữa, không suy nghĩ từ trước.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Ton giả Vaồgĩsa vang dap The Ton và nói lên những bài kệ tan than Thê
Tôn, những bài kệ chưa được suy nghĩ từ trước:

Thăng ác ma, tà đạo,
Ngài sống chướng ngại đoạn.
Hãy thấy bậc Giải Thoát,
Thoát ly mọi hệ phược,
Phân tích thành từng phần,

Hắc, bạch pháp phân minh.
Ngài nói lên con đường,
Nhiều pháp môn khác biệt,
Mục đích giúp mọi người,
Vượt qua dòng bộc lưu,
8. TƯƠNG ƯNG TÔN GIẢ VANGISA 227

Chính trên pháp bất tử, Được Ngài thường tuyên thuyết. Chúng con bậc pháp kiến, Vững trú không thối chuyển. Bậc Tạo Dựng Quang Minh, Ngài thâm nhập các pháp, Thấy được chỗ vượt qua5 Tất cả mọi kiến xứ. Sau khi biết và chứng, Ngài thuyết tối thượng xứ. Pháp như vậy khéo giảng5 Ai có thể phóng dật, Khi được biết pháp ấy, Pháp khéo giảng như vậy? Do vậy trong giáo pháp5 Đức Thê Tôn, Thiên Thệ, Luôn luôn không phóng dật, Hãy đảnh lễ, tu học. IX. KINH KONDANNA (Kondannasutta) (5.1. 193) 217. Một thời, Thế Tôn trú ở Rặjagaha (Vương Xá)? tại VeỊuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Tôn giả Anna Kondanna (Kiều-trần-như), sau một thời gian khá dài, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, miệng hôn? tay xoa bóp chân Thế Tôn và nói lên tên của mình: Bạch Thế Tôn? con là Kondanna. Bạch Thiện The, con là Kondanna. Rồi Tôn giả Vaồgĩsa suy nghĩ: "Tôn giả Anna Kondanna này? sau một thời gian khá dài, đi đến Thế Ton; sau khi đến, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn? miệng hôn, tay xoa bóp chân Thế Tôn và nói lên tên của mình: 'Bạch Thế Tôn, con là Kondanna. Bạch Thiện The, con là Kondanna/ Vậy ta hãy ở trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ thích ứng tán thán Tôn giả Anna Kondanna?9 Rồi Tôn giả Vaốgĩsa từ chỗ ngồi đứng dậy? đắp thượng y về một bên vai, chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, một cảm nghĩ đến với con. Bạch Thiện Thệ, một cảm nghĩ đến với con. The Ton đáp: -Này Vaồgĩsa, hãy nói lên cảm nghĩ ấy. Rồi Tôn giả Vangĩsa, trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ thích ứng tán thán Tôn giả Kondanna:

228 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

Sau đức Phật hiện tại, Trưởng lão được Chánh giác, Chính là Kondanna, Nhiệt tâm và tinh cần, Chứng được an lạc trú, Sống viễn ly liên tục. Thực hành lời Sư dạy? Đệ tử chứng được gi, Tất cả Ngài chứng được, Nhờ tu học tinh tấn. Đại uy lực Ba minh, Thiện xảo tâm tư người, Phật tử Kondanna, Đảnh lễ chân Đạo Sư. X. KINH MOGGALLÃNA (Moggallãnasutta) (S. I. 194) 218. Một thời, Thế Tôn trú ở Rặjagaha? trên sườn núi Isigili, tại Hắc Sơn,13 cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị5 tất cả là bậc A-la-hán. Tôn giả Mahãmoggallãna (Đại Mục-kiền-liên),14 với tâm của mình biết được tâm các vị ấy đã được giải thoát, không có sanh y. Rồi Tôn giả Vàngĩsa suy nghĩ: "Thế Tôn nay trú ở Rajagaha, trên sườn núi Isigili, tại Hắc Sơn cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vj, tất cả là bậc A-la-hán. Tôn giả Mahãmoggallãna, với tâm của mình được biết tâm các vị ấy đã được giải thoát, không có sanh y. Vậy ta hãy ở trước mặt Thế Tôn nói lên những bài kệ thích ứng tán thán Tôn giả Mahamoggallana?9 Rồi Tôn giả Vaồgĩsa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn: Bạch Thế T6n, một cảm nghĩ đến với con. Bạch Thiện Thệ, một cảm nghĩ đến với con. rT^ĩ Ạ FT1 ry. r The Tôn đáp: -Này Vaủgĩsa, hãy nói lên

cảm nghĩ ấy. Rồi Tôn giả Vaồgĩsa, trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ thích ứng tán thán Tôn giả Mahãmoggallãna: Cao trên sườn đồi núi9 Những vị chứng Ba minh, Những vị đoạn tử thần? Các đệ tử hầu hạ,

13 Xem s. I. 120 (kinh 159 ở trước). 14 về thần lực của Moggallãna, xem s. L 144 (kinh 176 ở trước); s. I. 149 (kinh 180, 181 ở trước).

Bậc Thánh Giả, Mâu-ni?
Đã vượt qua đau khổ.
Đại thần lực Mục-liên,
Quán tâm các vị ấy,
Biết họ được giải thoát,
Không còn có sanh y.
Như vậy họ hầu hạ?
Mâu-ni Gotama,
Ngài vượt qua đau khổ,
Mọi sở hành đầy đủ5
Mọi đức tánh vẹn toàn.

XI. KINH GAGGARÃ (Gaggarãsutía) (S I. 195)

219. Một thời, Thế Tôn ở Camp,15 trên bờ hồ Gaggarã với đại chúng Tỷkheo khoảng năm trăm vị, với bảy trăm nam cư sĩ, với bảy trăm nữ cư sĩ và vài ngàn chư thiên. Giữa đại chúng ấy, Thế Tôn chói sáng vượt bậc về quang sắc và danh xưng.

Rồi Tôn giả Vaốgĩsa suy nghĩ: “Nay Thế Tôn trú ở Campã, trên bờ hồ
Gaggarã với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị9 với bảy trăm nam cư si, với bảy trăm nữ cư sĩ và vài ngàn chư thiên. Giữa đại chúng ấy? Thế Tôn chói sáng vượt bậc về quang sắc và danh xưng. Vậy trước mặt Thế Tôn, ta hãy nói lên những bài kệ tán thán thích ứng.”

Rồi Tôn giả Vaồgĩsa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai5 chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch:

—Bạch Thế Tôn, một cảm nghĩ đến với con. Bạch Thiện Thệ, một cảm nghĩ đến với con.

Thê Tôn đáp:

-Này Vaồgĩsa, hãy nói lên cảm nghĩ ấy.

Rồi Tôn giả Vaốgĩsa, trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ thích ứng tán thán:

Như mặt trăng giữa trời,
Mây mù được quét sạch,
Chói sáng như mặt trời,
Thanh tịnh, không cấu uế.
Cũng vậy5 Ngài thật là
Đại Mâu-ni Hiền Thánh!
Danh xưng Ngài sáng chói,

Vượt qua mọi thế giới.
15 Campã là kinh đô xứ Anga, nay là Bhagalpur.

XII. KINH VANGĨSA (Vàngĩsasutta) (S L 196)
220. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Đọc).
Lúc bấy giờ, Tôn giả Vàốgĩsa chứng quảA-la-hán không bao lâu, thọ hưởng giải thoát lạc, ngay trong lúc ấy, nói lên những bài kệ này:
Thuở trước ta mê thơ5
Bộ hành khắp mọi nơi,
Từ làng này, thành này,
Qua làng khác, thành khác.
Ta thấy bậc Chánh Giác,
Tín thành ta sanh khởi.
Ngài thuyết pháp cho ta, về uẩn, xứ và giới.
Sau khi nghe Chánh pháp,
Ta bỏ nhà xuất gia.
Vì hạnh phúc sô đông,
Vì thấy đạo hành dạo,16
Cho Tỷ-kheo Tăng Ni,
Bậc Mâu-ni giác ngộ.
Ngài đã chấp nhận con,
Được thành đạo với Ngài.
Con chứng đạt Ba minh,
Hành trì theo Phật dạy.
Con biết được đời trước,
Chứng Thiên nhãn thanh tịnh,
Ba minh, thần thông lực,
Chứng đạt Tha tâm thông.
16 Niyặmas,ataddasã được giải thích là chứng được và thấy được. Niyãma là con đường, phương pháp đưa đến giải thoát. Xem PC. 177, n. 1.

9. TƯƠNG ƯNG RỪNG (VANASAMYUTTA)

I. KINH VIỄN LY (Vỉvekasutta) (5.1. 197) 221. Như vầy tôi nghe. Một thời, một Tỷ-kheo trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng. Lúc bấy giờ? Tỷ-kheo ấy, trong lúc đi nghỉ ban ngày, khởi lên những tư tưởng ác, bất thiện, liên hệ đến gia đình. Rồi một vị thiên trú ở khu rừng ấy? thương xót Tỷ-kheo ấy, muốn hạnh phúc, muôn cảnh giác, liên đi đên Tỷ-kheo ây. Sau khi đến9 vị thiên ấy nói lên những bài kệ với vị Tỷ-kheo này: Ông ước muốn viễn ly, Đã sống trong rừng núi5 Nay tâm ông vọng động, Rong ruổi theo ngoại giới. Ông đối mặt với ông, r

Hãy chê ngự lòng dục.
Nhờ vậy? ông hạnh phúc,
Thoát ly được tham ái.
Hãy từ bỏ bất mãn?
Sống an trú chánh niệm?
Ông thành người hiền thiện,
Được chúng tôi tán thán.1
Trừ bụi trần2 địa ngục,
Thật rất khó vượt qua,
Ông chớ vận chuyển theo,
Các bụi trần dục vọng.
Như chim, thân dính bụi,
Rung thân khiến bụi roi,
Cũng vậy vị Tỷ-kheo,

1 Chủ giải viết sãrayãmase, được hiểu theo nghĩa 4tđối với vị có chánh niệm và người có trí, chúng ta tùy hy" hoặc nghĩa ÍCgiới luật của người hiên thiện, thời chúng ta tán thanh". 2 Pãtãla. Xem s. I. 32 (kinh 44 ở trước); s. I. 124 (kinh 161 ở trước). Raja\ Bụi, sự nhơ bẩn.

Tinh cần, trú chánh niệm,
Vùng vẫy khiến rơi rớt,
Những bụi đời dính thân.
Tỷ-kheo ấy được vị thiên cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

II. KINH SĂN SÓC (UpaỊIhãnasuttd) (5.1. 197)

222. Một thòi, một Tỷ-kheo trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.
Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy đang ngủ ban ngày.
Rồi một vị thiên trú ở khu rừng ấy, thương xót Tỷ-kheo ấy, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác, liền đi đến Tỷ-kheo ấy.
Sau khi dến, vị ấy nói lên những bài kệ cho Tỷ-kheo ấy:
Tỷ-kheo, hãy thức dậy,
Sao ông hãy còn năm?
Ông được lọd h gì,
Trong giấc ngủ của ông?
Kẻ bệnh? kẻ trúng tên,
Bị đánh3 sao ngủ được?
Vì lòng tin, xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Tín ấy cần phát triển5
Chớ để ngủ chinh phục.

[Vị Tỷ-kheo:]
Các dục là vô thường,
Chỉ kẻ ngu say đắm.
Đã giải thoát triền phược,
Không còn bị ái trước,
Hạnh xuất gia như vậy?
Sao để dục nhiệt não?
Đã nhiếp phục dục ái,
Vượt thoát lưới vô minh,
Với Chánh trí thanh tịnh,
Hạnh xuất gia như vậy?
Sao để dục nhiệt não?
Với minh phá vô minh5
Đoạn diệt các lậu hoặc,
Không sầu, không ưu não,
Hạnh xuất gia như vậy,
Sao để dục nhiệt não?
3 Ruppati: Bị chọc tức, bị phá phách, đánh phá đồ vật.

9. TƯƠNG ƯNG RỪNG 233

Tinh tấn và nhiệt tâm,
Thường dõng mãnh cầu tiến,
Hướng vọng đến Niết-bàn,
Hạnh xuất gia như vậy,
Sao để dục nhiệt não?
III. KINH KASSAPAGOTTA (Kassapagoitasutta)4 (S. I. 198)
223. Một thời, Tôn giả Kassapagotta trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.
Lúc bấy giờ5 Tôn giả Kassapagotta, trong khi nghỉ ban ngày, khuyên dạy một người thợ săn.5
Một vị thiên trú ở khu rừng ây, thương xót Tỷ-kheo ây, muôn hạnh phúc, muốn cảnh giác, liền đi đến Tỷ-kheo ấy.
Sau khi đến, vị ấy nói lên những bài kệ với Tôn giả Kassapagotta:
Trên sườn núi cheo leo,
Người thợ săn đang trèo,
Là hạng người thiếu trí,
Không sáng suốt, ngu si.
Tỷ-kheo có khuyên dạy,
Thật uổng phí thời gian,
Ta nghĩ làm như vậy?
Tự tỏ thiếu trí tuệ.

Có nghe cũng không hiêu9
Có nhìn cũng không thấy,
Dâu cho có thuyêt pháp,
Kẻ ngu không thấy đích.
Tôn giả Kassapa,
Nếu ông có cầm tay
Cho đến mười bó đuốc,
Người ấy không thấy được5
Các sắc pháp đối diện,
Vì người ấy không mắt.
Tôn giả Kassapagotta được vị thiên ấy cảnh giác? tâm hết sức xúc động.
IV. KINH ĐA SỐ (Sambahulasuttà)6 (S I. 199)
224. Một thời, nhiều Tỷ-kheo trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.
4 Bản tiếng Anh của PTS: Kassapa of the Kassapas (or The Trapper), nghĩa là Kassapa thuộc dòng họ Kassapa (hay Thợ sãrỉ). 5 Cheta: Người thợ săn đặt bẫy. Người thợ săn đang đuổi con nai thời Kassapa can thiệp, phản đối lối sống độc ác này. 6 Bản tiếng Anh của PTS: Many of Them (or On Tour), nghĩa là Đa sổ (hay Du hành).

r r \

Các Tỷ-kheo ây an cư mùa mưa xong, sau ba tháng, băt đâu đi du hành.
Một vị thiên trú ở khu rừng ây, không thây các Tỷ-kheo ây, liên than van, ưu buôn, ngay lúc ây nói lên bài kệ này:
Hôm nay tâm của ta,
Cảm thay không vui vẻ5
Khi thấy nhiều chỗ ngồi,
Trống không, khônệ có người.
Những bậc Đa văn ây,
Thuyet pháp thật mỹ diệu,
Đệ tử Gotama,
Hiện nay đang ở đâu?
Khi nghe nói vậy? một vị thiên khác đáp lại bằng bài kệ cho vị thiên ấy:
Họ đi Magadha,
Họ đi Kosala,
Và một số vị ấy,
Đi đến đất Vajjĩ.
Như nai thoát bẫy sập9
Chạy nhảy khắp bốn phương,
Tỷ-kheo không nhà cửa,
Sống giải thoát như vậy.

V. KINH ÃNANDA (Ẫnandasutta) (S. I. 199)

225. Một thời, Tôn giả Ãnanda trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Ãnanda sống quá bận rộn bởi nhiều liên hệ với cư sĩ.7

Rồi một vị thiên trú ở khu rừng ấy thương xót Tôn giả Ãnanda, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác? liền đi đến Tôn giả Ãnanda. Sau khi đến5 vị ấy nói lên bài kệ với Tôn giả Ãnanda:

Ông đã quyết lựa chọn5
Đời sống dưới gốc cây,
Tâm ông quyết nhập một
Với mục đích Niết-bàn.
Cù-đàm9 hãy thiền tư,
Và sống chớ phóng dật!
Đối với ông, ích gì5
Tạp thoại vô vị ấy?

Tôn giả Ãnanda được vị thiên ấy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

VI. KINHANURUDDHA (Anuruddhasuttà) (S I. 200)

226. Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

7 Sự việc xảy ra sau khi đức Phật nhập Niết-bàn và trước khi Tôn giả Ãnanda chứng đắc quả vị A-la- hári. Các cư sĩ đến hỏi Tôn giả về việc đức Phật nhập Niết-bàn khien Tôn giả trở nên quá bặn rộn.

9. TƯƠNG ƯNG RỪNG 235

Rồi một thiên nữ ở chúng Tãvatimsa tên là Jãlinĩ? đời trước là vợ của Tôn giả Anuruddha, đi đến Tôn giả Anuruddha.

Sau khi đến5 vị ấy nói lên bài kệ với Tôn giả Anuruddha:

Hãy hướng tâm tư ông?
Vào đời trước của ông,
Giữa Tam Thập Tam thiên,
Mọi ái dục thành tựu,
Và ông được chói sáng,
Giữa thiên nữ đoanh vây.
[Anuruddha:]
Bất hạnh thay thiên nữ,
Họ kiên trú thân kiến.
Cũng bất hạnh, họ sanh,
Bị thiên nữ chinh phục.
[Jãlinĩ:]
Họ chưa biết hạnh phúc,
Chưa thấy Nandana,
Trú xứ các thiên nam,

Danh xưng giới Tam Thập.
[Anuruddha:]
Kẻ ngu, bà không biết,
Lời nói bậc La-hán,
Mọi hành là vô thường,
Phải chịu luật sanh diệt,
Chúng sanh rồi chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.
Hiện nay đối với ta,
Không còn chỗ trú xứ,
Trên cảnh giới chư thiên.
Ôi này Jălinĩ!
Đường sanh tử đứt đoạn,
Nay tái sanh không còn.
VII. KINH NÃGADATTA (Nãgadattasutta) (SI. 200)
227. Một thời, Tôn giả Nãgadatta trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.
Lúc bấy giờ, Tôn giả Nãgadatta đi vào làng quá sớm và trở về quá chiều.
Rồi một vị thiên trú ở khu rừng ấy, thương xót Tôn giả Nãgadatta, muốn lợi ích, muốn cảnh giác, liền đi đến Tôn giả Nãgadatta.
Sau khi đến, vị ấy nói lên những bài kệ với Tôn giả Nãgadatta:

Nãgadatta này,
Đi vào làng quá sớm,
Và khi từ làng về,
Thường đi về quá muộn.
Ông sống quá liên he,
Với các hàng cư si,
Bị vấn vương quá nhiều,
Những cảm thọ khổ lạc.
Ta sợ kẻ bạt mạng,
Nãgadatta này,
Lại bị trói, bi bug
Trong gia đình thế sự.
Chớ để mình rơi vào5
Cường lực của tử thần5
Làm sao tránh né được5
Khỏi Ác ma chi phối!
Tôn giả Nãgadatta được vị thiên ấy cảnh giác? tâm hết sức xúc động.
VIII. KINH GIA PHỤ (Kulagharanĩsuttdỷ (S. I. 201)

228. Một thời? một Tỷ-kheo trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.
Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy sống thân mật quá đáng8 9 đối với một gia đình.
Rồi một vị thiên trú ở khu ròng ấy, vì thương xót Tỷ-kheo ấy? muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác vị ấy, biến hình thành gia phụ của gia đình ấy và đi đến
Tỷ-kheo ấy.
Sau khi đến, vị ấy nói lên bài kệ với Tỷ-kheo ấy:
Trên bờ sông, cửa chợ,10
Tại trạm nghỉ lộ trình,
Dân chúng thường tập hợp,
Tranh luận liền khởi lên.
Giữa ta và giữa ông,
Có gì là sai khác?
[Vị Tỷ-kheo:]
Nhiêu tiêng qua tiêng lại,
Bậc khổ hạnh kham nhẫn.
Chớ cảm thây bực phiên,
Chớ phát sinh nhiễm trước!
8 Bản tiếng Anh của PTS: The Housewife (or Engrossed), nghĩa là Gia phụ (hay Say đắm). 9 SA. I. 294: AjjhogāḷIhappattotì ogãhappatto (gia đình này quá hoan hỷ với cử chỉ uy nghi của vị Tỷ- kheo nên quan tâm và mơi vị này đến nhà). 10 Santhãne, chỉ cho chỗ nghỉ ngơi (yỉssamãnatịhanè) gần cổng thành, chỗ các hàng quán được bày biện.

9. TƯƠNG ƯNG RÙNG 237

Ai bị tiếng rối loạn,
Như nai trong rừng rú,
Được gọi là khinh tâm,
Khó tu hành thành tựu.
IX. KINH VAJJIPUTTA (Vajjiputtasutta) (5.1. 201)
229. Một thời, một Tỷ-kheo Vajjiputtaka trú ở Vesãli, tại một khu rừng.
Lúc bấy giờ, một cuộc lễ được tổ chức suốt đêm ở Vesãli.
Tỷ-kheo ấy được nghe tiếng nhạc khí, tiếng cồng,... đánh lên, tiếng ồn ào khởi lên, liền than thở? nói lên ngay lúc ấy bài kệ này:
Chúng ta sống một mình,
Trong khu rừng cô độc?
Như khúc gỗ lột v6,ii
Lăn lóc trong rừng sâu.
Trong đêm tối hân hoan,
Như hiện tại đêm nay,
Ai sống đời bất hạnh,
Như chúng ta hiện sống?

Rồi một vị thiên trú ở khu rừng ấy, có lòng thương xót Tỷ-kheo ấy, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác liền đi đến Tỷ-kheo ấy.

Sau khi đến9 vị ấy nói lên bài kệ:

Ông sống chỉ một mình,
Trong khu rừng cô độc,
Như khúc gỗ lột vỏ,
Lăn lóc trong rừng sâu.
Rất nhiều người thèm muôn,
Đời sống như ông vậy5
Như kẻ đọa địa ngục,
Thèm muốn sanh thiên giới.

Rồi Tỷ-kheo ấy được vị thiên ấy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

X. KINH TỤNG ĐỌC (Saịjhãyasutta)n (S I. 202) 230. Một thời, một Tỷ-kheo sống giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng. Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy trước kia siêng năng tụng kinh rất nhiều, sau một thời gian, trở thành thụ động, im lặng, an phận. Rồi một vị thiên trú ở khu rừng ấy, không được nghe pháp từ Tỷ-kheo ấy, liền đi đến vị ấy.

11 Chủ giải: Không có áo quần trang sức nên như một khúc gỗ bị quăng bỏ. 12 Bản tiếng Anh của PTS: Diligence (or Doctrine), nghĩa là Tỉnh cần (hay Pháp).

Sau khi đến, vị thiên ấy nói lên bài kệ cho Tỷ-kheo ấy:

Này Tỷ-kheo, sao ông
Sống chung các Tỷ-kheo,
Lại không chịu tụng đọc
Các kinh điển5 pháp cú?
Ai nghe thuyết Chánh pháp,
Tâm sanh được tịnh tín,
Và ngay đời hiện tại5
Được mọi người tán thán.

[Vị Tỷ-kheo:]

Trước kia đối pháp cú,
Ta tha thiết tìm hiểu,
Cho đến khi chứng được,
Quả vị bậc Ly dục.
Từ khi chứng ly dục,
Mọi thấy, nghe, xúc cảm,
Nhờ trí tuệ hiểu biết,
Đều được bỏ một bên.
Chính các bậc Hiền thiện,
Giảng dạy là như vậy.

XI. KINH TƯ DUY BẤT CHÁNH (Akusaỉavitakkasutta) (S I. 203)

231. Một thời, một Tỷ-kheo trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy khi đang nghỉ ban ngày, khởi lên những tư duy ác, bất thiện như dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy.

Rôi vị thiên trú ở khu rừng ây9 vì lòng thương xót Tỷ-kheo ây5 muôn lợi ích, muốn cảnh giác, liền đi đến T'-kheo ấy.

Sau khi đến, vị thiên ấy nói lên những bài kệ cho Tỷ-kheo:

Ông tác ý bất chánh,
Nên say đắm tư duy,
Hãy từ bỏ bất chánh,
Hãy tư duy chơn chánh.
Nương tựa Phật, Pháp, Tăng,
Giữ giới, không thối chuyển,
A ĩ r
Ong chăc chăn chứng đạt,
Hân hoan và hỷ lạc.
Với hân hoan sung mãn?
Ông chấm dứt khổ đau.

Rôi Tỷ-kheo ây được vị thiên ây cảnh giác, tâm hêt sức xúc động.

9. TƯƠNG ƯNG RỪNG 239

XII. KINH GIỮA TRƯA (Majjhanhikasuttd)^ (S I. 203)

232. Một thời, một Tỷ-kheo trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Rồi một vị thiên trú ở khu rừng ấy đi đến Tỷ-kheo ấy.

Sau khi đến5 nói lên bài kệ này trước mặt Tỷ-kheo ấy:13

14

Nay chính giờ giữa trưa,
Chim chóc đậu im lặng9
Rừng lớn vang tiếng động,
Khiến ta run, hoảng sợ.

[Vị Tỷ-kheo:]

Nay chính giờ giữa trưa,
Chim chóc đậu im lặng,
Rừng lớn vang tiếng động,
Hoan hỷ đên với ta.

XIII. KINH KHÔNG CHẾ NGự CÁC CĂN (Pãkatindrìyasuttă)15 (S I. 203)

233. Một thòi, rất nhiều Tỷ-kheo trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng nọ? công cao, ngạo mạn9 ôn ào? lăm miệng, phát ngôn bừa bãi, that niệm? không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn không chế ngự.

Rồi một vị thiên trú ở khu rừng ấy, vì lòng thương xót các Tỷ-kheo? muốn hạnh phiic, muốn cảnh giác, liền đi đến các Tỷ-kheo.

Sau khi đến, vị thiên ấy nói lên những bài kệ với các Tỷ-kheo:

Xưa sống thật an lạc,
Chúng đệ tử Cù-đàm?
Không tham tìm món ăn,
Không tham tìm chỗ trú,
Biết đời là vô thường,
Họ châm dứt khô đau.
Nay tự làm ác hạnh,
Như thôn trưởng trong làng5
Họ ăn, ăn rồi nằm,
Thèm khát vật nhà người.
Con vái chào chúng Tăng,
Đảnh lễ một vài vị,
Vất vưởng, không hướng dẫn,
Họ sống như ngạ quỷ.

13 Bản tiếng Anh của PTS: Noontide (or Resounding), nghĩa là Giữa trưa (hay tiếng động). 14 Xem s. I. 7 (kinh 15 ở trước). , 15 Bản tiếng Anh của PTS: Uncontrolled (or Very Many Brethren), nghĩa là Không chế ngự (hay Nhiều Tỷ-kheo).

Những ai sống phóng dật9
Vì họ, con nói lên;
Những ai không phóng dật,
Chân thành con đảnh lễ.

Các Tỷ-kheo ấy được vị thiên ấy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

XIV KINH KẺ TRỘM HƯƠNG (Gandhatthenasutta)i6 (5. L 204)

234. Một thời, một Tỷ-kheo trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy sau khi khất thực, ăn xong, trên con đường trở về, đi xuống hồ nước và ngửi bông sen hồng.

Rồi một vị thiên trú ở khu rừng ấy, thương xót Tỷ-kheo, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác, liền đi đến Tỷ-kheo.

Sau khi đến, vị thiên ấy liền nói lên những bài kệ với Tỷ-kheo:

Hoa này từ nước sanh,
Không cho ông ngửi trộm,
Như vậy một loại trộm,
Ta gọi ông trộm hương,
Này thân hữu của ta.

[Vị Tỷ-kheo:]

Không lấy đi, không bẻ,
Đứng xa ta ngửi hoa,
Vậy do hình tướng gì?
Được gọi là utrộm hương?,,
Ai đào rễ củ sen,
Ăn dùng các loại sen,
Do các hành động ấy,
Sao không gọi trộm hương?
[Vị thiên:]
Người ti tiện độc ác,17
Như vải nhớp vú em,
Với hạng người như vậy,
Lời ta không liên hệ.
Nhưng chính thật cho ông?
Chính lời ta tương ưng.
Với người không cấu uế,
Thường hướng cầu thanh tịnh.
Với kẻ ác nhìn thấy,
16 Bản tiếng Anh của PTS: The Red Lotus Blossom or White Lotus, nghĩa là Sen hồng hay sen trắng. 17 Ẫkỉnnaludda: Theo Phụ chú giải, đây có nghĩa là thô cứng (ãkinna) và độc ác (ỉuddà).

9. TƯƠNG ƯNG RỪNG 241

Nhỏ như đầu sợi lông,
Vị ấy xem thật lớn,
Như đầu mây18 trên trời.
[Vị Tỷ-kheo:]
Thật sự này dạxoa,
Ông biết ta, thương ta,
Hãy nói lại với ta,
Khi thấy ta như vậy!
[Vị thiên:]
Ta không tùy thuộc ông,
Ông cũng không làm bậy,
Này Tỷ-kheo nên biết,
Ông có thể sanh thiên.
Vị Tỷ-kheo ấy được vị thiên ấy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.
18 Theo Chủ giải, abbhãmattamva có nghĩa là như đầu ngọn mây ịyalãhakakũtamattam vỉyà).

10. TƯƠNG ƯNG DẠ-XOA {YAKKHASAMYUTTA)

I. KINH INDAKA ụndakasutta) (5.1. 206)

235. Một thời, Thế Tôn trú ở Rặjagaha (Vương Xá), núi Inda, tại trú xứ của dạ-xoa Indaka.

Rồi dạ-xoa Indaka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Chư Phật, Ngài dạy rằng:
Săc không phải sinh mạng,
Vậy sao sinh mạng này,
Lại có trong thân này?
Từ đâu xương thịt đến,
Trong thân thể hiện tại?
Làm sao sinh mạng này,
Gá dính trong thai tạng?
[Thế Tôn:]
Trước tiên kalala,
Rồi từ kalala,
Abbuda có mặt;
Rồi từ abbuda,
Pesĩ (thịt mềm) được sanh ra.
Pesĩ sanh ghana (thịt cứng),
Rồi đến pasãkha (chi tiết),
Tóc, lông và các móng,
Tiếp tục được sanh ra.
Những gì người mẹ ăn?
Đô ăn? đô uông nào,
Con người trong bụng mẹ?
Ở đấy, lấy nuôi dưỡng.

II. KINH SAKKA (Sakkanãmasutta) (S. I. 206)

236. Một thời, Thế Tôn trú ở Rặjagaha (Vương Xá), trên Gijjhakuta (núi Linh Thứu)*

Rồi dạ-xoa tên Sakka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những bài kệ với Thế Tôn/

Thật không tốt lành gi,
Một Sa-môn như Ngài,
Đã đoạn mọi triền phược,
Đã sống chơn giải thoát,
Lại tiếp tục giảng dạy,
Những kẻ khác tu học.

[Thế Tôn:]
Này dạ-xoa Sakka,
Dầu vì lý do gi,
Loài người song chung nhau,
Không một lý do nào,
Xứng đáng bậc trí tuệ.
Với lòng từ lân mẫn,
Nếu với tâm tín thành,
Giảng dạy những người khác.
Do vậy không hệ lụy?
Vì lòng từ lân mẫn.

III. KINH SỦCILOMA (Sũcilomasuttà) (S. I. 207)

237. Một thời, Thế Tôn ở Gay trên hòn đá Tankita, tại trú xứ của dạ-xoa Sũciloma.

Lúc bấy giờ, dạ-xoa Khara và dạ-xoa Sũciloma1 đi ngang qua, không xa The Tôn bao nhiêu.

Rồi dạ-xoa Khara nói với dạ-xoa Sũciloma:

Đây là một Sa-môn.

Đây không phải Sa-môn. Đây là Sa-môn giả, hay ít nhất cho đến khi ta biêt được Sa-môn hay Sa-môn giả.

Rồi dạ-xoa Sũciloma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, liền nghiêng thân về phía rrĩi rr^ The Ton.

Thế Tôn liền tránh né thân của mình.

Dạ-xoa Sũciloma nói với Thế Tôn:

Có phải Sa-môn sợ ta?

Này Hiền gi,Ta không sợ ông. Nhưng xúc chạm với ông là điều tồi tệ (pãpaka).

Này Sa-môn5 ta sẽ hỏi ông một câu. Nếu ông không trả lời ta được, ta sẽ làm tâm ông điên loạn; hay ta làm ông bể tim; hay nắm lấy chân, ta sẽ quăng ông qua bờ bên kia sông Hằng.

Này Hiền giả, ở thế giới chư Thiên, Ma giới hay Phạm thiên giới, với

1 Theo Chủ giải, dạ-xoa Sũciloma có lông như mũi kim, lông dựng ngược và há miệng rất dễ sợ, còn dạ-xoa Khara có vẩy như vảy cá sấu.

chúnệ Sa-môn? Bà-la-môn, với chư thiên và loài người, Ta không thấy một ai có thê làm tâm Ta điên loạn; hay làm bể tim Ta; hay nắm lấy chân Ta, quăng Ta qua bờ bên kia sông Hăng. Tuy vậy, này Hiên gi,hãy hỏi đi như ông muôn.

[Dạ-xoa:]
Tham dục và sân hận?
Do nhân gì sanh khởi?

Bất mãn và thỏa mãn,
Sợ hãi từ đâu sanh?
Tư đâu được khởi lên,
Các tư tưởng, tư duy,
Như quạ được bầy trẻ,2
Thả bay rồi kéo lại?
[Thế Tôn:]
Tham dục và sân hận,
Do nhân này sanh khởi.
Bất mãn và thỏa mãn5
Sợ hãi từ đây sanh.
Từ đây được khởi lên5
Các tư tưởng, tư duy,
Như quạ được bầy trẻ,
Thả bay rồi kéo lại.
Chính do tham ái sanh,
Chính do tự ngã sanh,
Như cây Nigrodha (cây Bàng),
Rễ từ thân cây sanh.
Phàm phu bám ác dục?
Như dây leo khắp rừng.
Những ai hiểu biết được,
Do nhân ấy sanh khởi?
Họ diệt trừ nhân ấy.
Hãy nghe, này dạ-xoa,
Họ vượt bộc lưu này,
Bộc lưu thật khó vượt,
Từ trước chưa vượt qua,
Không còn phải tái sanh.
IV. KINH MANIBHADDA (Manibhaddasutta) (5.1. 208)
238. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Magadha, tại điện thờ
Manimãlaka, tại một trú xứ của dạ-xoa Manibhadda.
2 Ngài Buddhaghosa giải thích ví dụ này như sau: Mấy đứa tré cột một đầu dây vào chân con quạ, một đâu dây cột vào ngón tay của chúng, khi con quạ bay lên thì chúng kéo giật lại; cũng vậy, tâm bât thiện do tự tam chúng ta khởi lên, lại cũng được tâm thức của chúng ta điều phục lại.

Rồi dạ-xoa Manibhadda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Lành thay, thường chánh niệm!
Nhờ niệm, lạc tăng trưởng,
Có niệm, mai đẹp hơn,
Hận thù được giải thoát.
[Thế Tôn:]
Lành thay, thường chánh niệm!
Nhờ niệm, lạc tăng trưởng,
Có niệm, mai đẹp hơn,
Hận thù chưa giải thoát.
Với ai trọn n^ày đêm?
Tâm ý lạc, bat hại,
Từ tâm mọi hữu tình,
Vị ấy không thù hận.
V KINH SÃNU (Sãnusuttã) (5. L 209)
239. Một thòi, Thế Tôn trú ở Săvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapindika.
Lúc bấy giờ, Sãnu5 con trai một nữ cư si, bị dạ-xoa ám ảnh.
Nữ cư sĩ ấy than khóc, ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:
Ngày mười bốn? mười lăm?
Và mùng tám nửa tháng,
Cả ngày lễ đặc biệt,
Khéo tu tám trai giới,
Tuân trì lễ Bố-tát,
Những ai sống Phạm hạnh,
Dạ-xoa không ám ảnh.
Và chính ta được nghe,
Vị La-hán nói vậy.
Nay ta thấy Sãnu,
Bị dạ-xoa ám ảnh.
[Dạ-xoa trong thân Sãnu:]
Ngày mười bốn? mười lăm,
Và mùng tám nửa tháng,
Cả ngày lễ đặc biệt,
Khéo tu tám trai giới?
Tuân trì lễ Bố-tát?
Những ai sống Phạm hạnh,
Dạ-xoa không ám ảnh.
Điều này người được nghe,
La-hán nói là đúng.

Ngươi nói với Sănu,
Có trí và sáng suốt,
Đây là lời dạ-xoa:
Chớ có làm điêu ác,
Công khai hay bí mật;
Nếu người làm điều ác,
Sẽ làm hay đang làm,
Ông không thoát khổ đau,
Dầu có đứng lên chạy,
Chạy một mạch, chạy dài.
[Sãnu được khỏi ám ảnh:]
Này mẹ, người ta khóc?
Là khóc cho người chết,
Hay khóc cho người sống?
Nhưng không được thấy mặt.
Này mẹ9 người thấy con5
Hiện có mặt, đang sống?
Vậy sao mẹ khóc con?
Này người mẹ thân yêu?
[Bà mẹ:]
Người ta khóc cho COĨ1,
Là khóc khi con chết,
Hay khóc khi con sống,
Nhimg không được thấy mặt.
Ai đã bỏ dục vọng,
Lại trở lui đời này,
Này con, người ta khóc,
Là khóc cho người ấy,
Vì người ấy được xem,
Còn sống cũng như chết.
Nay con được kéo ra?
Khỏi than hừng đỏ rực,
Con còn muốn rơi vào,
Đông than hông ây chăng?
Nay con được thoát ra,
Khỏi địa ngục đau khổ,
Con còn muốn rơi vào,
Cõi địa ngục ấy chăng?
Hãy rong ruổi đời con,

Ta chúc con hạnh phúc;
248 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

Hãy sống như thế nào,
Không làm ai bực phiền!
Đồ vật thoát lửa cháy,
Con muốn đốt lại chăng?
VI. KINH PIYANKARA (Piyankarasuttà) (S. I. 209)
240. Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sãvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapindika.
Lúc bấy giờ, Tôn giảAnuruddha thức dậy khi đêm vừa mới sáng, đang tụng đọc pháp cú.
Một nữ dạ-xoa, mẹ của Piyaồkara, dỗ cho con nín như sau:
Này Piyaồkara,
Chớ có sanh tiếng động!
Vị Tỷ-kheo đang tụng,
Những lời về pháp cú.
Nếu chúng ta biết được,
Học được pháp cú này,
Rồi như pháp hành trì,
Chúng ta được lợi ích.
Không sát hại sanh vật?
Không cố ý nói láo?
Tự học tập giới luật?
Chúng ta thoát ngạ quỷ.
VII. KINH PUNABBASU (Punabbasusuttà) (5. L 209)
24L Một th&i, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapinậika.
Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho chúng Tỵ-kheo về vấn đề liên hệ đến Niết-bàn, tuyên thuyết, khích le, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỷ-kheo ấy chú tâm, chú ý? tập trung mọi tâm tu, lóng tai nghe pháp.
Rồi một nữ dạ-xoa, mẹ Punabbasu, dỗ các con nín như sau:
Hãy gìn giữ im lặng,
Này Uttarika!
Hãy gìn giữ im lặng,
Này Punabbasu!
Để mẹ được nghe pháp,
Đạo Su, Tối Thượng Phật.
Thế Tôn giảng Niết-bàn,
Thoát ly mọi triên phược,
Mẹ đối với pháp ấy,

Thật cực kỳ ái lạc.
10. TƯƠNG ƯNG DẠ-XOA 249

Đời ái lạc con mình,
Đời ái lạc chồng mình,
Nhưng đối với đạo pháp,
Mẹ ái lạc nhiều hơn.
Con hay chồng dầu thân,
Không cứu ta thoát khổ,
Không như nghe Diệu pháp,
Chúng sanh được thoát khổ.
Trong đau khổ đời sau,
Dính liền già và chết,
Chánh pháp Ngài giác ngộ,
Giải thoát khỏi già chết.
Mẹ muốn nghe pháp ấy,
Hãy nín đi con ơi!
Này Punabbasu.
[Punabbasu:]
Thưa mẹ, con không nói,
Uttarã nín lặng.
Mẹ hãy lắng nghe pháp,
Nghe pháp được an lạc,
Vì không biết Diệu pháp,
Chúng ta trôi sanh tử.
Giữa nhân, thiên mù quáng,
Ngài đem cho ánh sáng,
Giác ngộ? thân tối hậu,
Bậc Pháp Nhãn thuyết pháp.
[Bà mẹ:]
Hữu trí thay, con ta!
Con ta sanh ẫm ngực.
Nay con ta ái lạc,
Tịnh pháp Vô Thượng Phật.
Này Punabbasu,
Hãy sống chơn an lạc!
Nay ta được sống lại,
Thay được chơn Thánh đế.
Này con Uttarã,
Hẫy nghe theo lời ta!

VIII. KINH SUDATTA (Sudattasutta) (S L 210)

242. Một thời, Thế Tôn ở Rặjagaha (Vương Xá)9 tại rừng Sĩta.

LÚC bấy giờ, cư sĩ Anãthapindika (Cấp Cô Độc) đã đến Rậjagaha để làm một vài công việc.

Cư sĩ Anãthapindika được nghe đức Phật đã ra đời và muốn đến yết kiến

Thê Tôn.

Rồi cư sĩ Anãthapindika suy nghĩ: uNay không phải thời để yết kiến Thế

Tôn. Ngày mai mới phải thời ta đến yết kiến Thế T6n.” Như vậy với ý nghĩ đi yêt kiên đức Phật, ông Anãthapindika năm ngủ. Trong đêm, ông ây thức dậy ba lân, tưởng răng trời đã sáng.

Rồi cư sĩ Anãthapindika đi đến cửa nghĩa địa (sĩvathikă), và có những phi nhân mở cửa.

Và khi ông ra khỏi thành phố5 ánh sáng biến mất và bóng tối hiện ra. ông

SỢ hãi, hoảng hot, lông tóc dựng ngược và muôn đi trở vê.

Rồi dạ-xoa Sĩvaka ẩn hình, lên tiếng như sau:

Trăm voi và trăm ngựa,

Trăm xe do ngựa kéo,

Cả trăm ngàn thiếu nữ,

Được trang sức bông tai,

Không bằng phần mười sáu,

Một bước đi tới này.

Cư si, hãy tiến tới!

Cư si, hãy tiến tới!

Tiến tới, tốt đẹp hơn,

Chớ có lui, thối bước!

Rồi với Anãthapindika, bóng tối biến mất, ánh sáng hiện ra, và sợ hãi5 hoảng hôt, lông tóc dựng ngược đã khởi lên được dịu hăn xuông.

Lần thứ hai... (như trên)...

Lần thứ ba, với Anãthapindika, ánh sáng biến mất, bóng tối hiện ra? và sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược khởi lên. Và Anãthapindika muốn trở lui.

Lần thứ ba, dạ-xoa Sĩvaka ẩn hình lên tiếng như sau:

Trăm voi và trăm ngựa,

Trăm xe do ngựa kéo,

Cả trăm ngàn thiếu nữ?

Được trang sức bông tai,

Không bằng phần mười sáu,

Một bước đi tới này.

Cư sĩ, hãy tiến tới!

Cư sĩ, hãy tiến tới!
Tiến tới, tốt đẹp hơn,
Chớ có lui, thối bước!
10. TƯƠNG ƯNG DẠ-XOA 251

Rôi với Anãthapindika, bóng tôi biên mât? ánh sáng hiện ra và sợ hẫi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược đã khởi lên được dịu bớt.
Rồi Anãthapindika đi đến rừng Sĩta, đi đến Thế Tôn.
Lúc bấy giờ, Thế Tôn thức dậy vào lúc đêm vừa mãn và đang đi kinh hành ngoài trời.
Thế Tôn thấy Anãthapindika từ xa đi đến; khi thấy vậy, từ chỗ kinh hành đi xuông và ngôi trên chô đã soạn săn. Sau khi ngôi5 Thê Tôn nói với cư sĩ
Anãthapindika:
- Hãy đến đây, Sudatta!
Rồi cư sĩ Anãthapindika nghĩ: “Thế Tôn kêu tên ta”rồi cúi đầu đảnh lễ chân Thê Tôn và bạch The Tôn:
Bạch Thế Tôn, Thế Tôn ngủ có an lạc chăng?
[Thế Tôn:]
Bà-la-môn tịch tịnh,
Luôn luôn ngủ an lạc,
Không đèo bồng dục vọng,
Thanh lương, không sanh y,
Mọi ái trước đoạn diet,
Tâm khổ não điều phục,
Tịch tịnh, ngủ an lạc,
Tâm tư đạt hòa bình.
IX. KINH SUKKẢ THỨ NHẤT (PaḶhamasukkãsutta) (5. L 212)
243. Một thời, Thế Tôn trú ở Rậjagaha (Vương Xá), tại VeḶuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc.
Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo-ni Sukkã có đại chúng đoanh vây, đang thuyết pháp.
Rồi một dạ-xoa có lòng tịnh tín đối với Tỷ-kheo-ni Sukkă? đi từ đường xe này đến đường xe khác, đi từ ngã tư này đến ngã tư khác ở RặḶagaha, và ngay lúc ấy nói lên những bài kệ này:
Này người Vương Xá thành,
Các người đã làm gi,
Mà nay lại nằm dài,
Như say vì rượu ngọt,
Không hầu hạ Sukkã,
Đang thuyết pháp bất tử.
Pháp ấy không trở lui,3
Cam lồ không limg vơi.3 4

3 Chú giải: Vì quá đầy đủ nên không phải đi trở lui để uống lại. 4 Chú giải: Cam lồ tự tạo ra, không cần dùng vật ở ngoài.

Ta nghĩ người trí tuệ,
Uống nước [cam 10] ây,
Chẳng khác một đám mưa,
Đối với kẻ lữ hành.

X. KINH SUKKÃ THỨ HAI Ụữutỉyasukkãsuttd) (5.1. 212)

244. Một thời, Thế Tôn ở Rajagaha, tại VeỊuvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ? một người cư sĩ đang cúng dường đồ ăn cho Tỷ-kheo-ni Sukkã.

Rồi một dạ-xoa khởi lòng tịnh tín đối với Tỷ-kheo-ni Sukkã, liền đi từ đường xe này đến đường xe khác, đi từ ngã ba này đến ngã ba khác ở Rậịagaha, và ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

Cư sĩ có trí này,
Chắc hưởng nhiều công đức,
Đã cúng dường món ăn?
Dâng cúng lên Sukkã,
Một vị đã giải thoát,
Tất cả mọi triền phược.

XI. KINH CĨRÃ(arăsuttd) (S I. 213)

245. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rặjagaha (Vương Xá), tại VèỊuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, một cư sĩ dâng y cúng dường Tỷ-kheo-ni Cĩrã.

Rồi một dạ-xoa khởi lòng tịnh tín đối với Tỷ-kheo-ni Cĩrã, liền đi từ đường xe này đến đường xe khác, từ ngã ba này đến ngã ba khác tại thành Vương Xả, ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

Cư sĩ có trí này,
Chắc hưởng nhiều công đức,
Đã cúng dường tấm y,
Dâng cúng lên Cĩrã?
Một vị đã giải thoát,
Tất cả mọi khổ ách.

XIL KINH ÃẸAVIKA (ẴỊavakasuttà) (S I. 213)

246. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở ÃỊavĩ, tại trú xứ của dạ-xoa ÃỊavaka.

Rồi dạ-xoa ÃỊavaka đến chỗ Thế Tôn? sau khi đến liền nói với Thế Tôn:

Này Sa-môn, hãy đi ra!

Lành thay, Hiền giả!

rin-| Ắ rri _ Z •___\ 4. • __

Thê Tôn nói và đi ra.
Này Sa-môn, hãy đi vào!
Lành thay, Hiên giả!
Thê Tôn nói và đi vào.
Lân thứ hai, dạ-xoa AỊavaka nói với Thê Tôn:
Này Sa-môn, hãy đi ra!
Lành thay, Hiền giả!
Thê Tôn nói và đi ra.
Này Sa-môn, hãy đi vào!
Lành thay, Hiền giả!
Thế Tôn nói và đi vào.
Lần thứ ba, dạ-xoa ÃỊavaka nói với Thế Tôn:
Này Sa-môn, hãy đi ra!
Lành thay, Hiền giả!
Thê Tôn nói và đi ra.
Này Sa-môn, hãy đi vào!
Lành thay, Hiền giả!
Thê Tồn nói và đi vào.
Lần thứ tư, dạ-xoa ÃỊavaka nói với Thế Tôn:
Này Sa-môn9 hãy đi ra!
Này Hiền giả, Ta không đi ra! Hãy làm gì ông nghĩ là phải làm!
—Này Sa-môn, ta sẽ hỏi ông một câu hỏi. Neu ông không trả lời ta được, ta sẽ làm tâm ông điên loạn; hay ta làm ông bể tim; hay nắm lấy chân, ta sẽ quăng ông qua bờ bên kia sông Hằng.
Này Hiền giả, Ta không thấy một ai ở thế giới chư Thiên, Ma giới hay
Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người có thể làm tâm Ta điên loạn; hay làm bể tim Ta; hay nắm lấy chân, quăng Ta qua bờ bên kia sông Hằng. Tuy vậy, này Hiên giả, hãy hỏi đi như ông muốn.
[Dạ-xoa:]
Cái gì đối người dòi,
Là tài sản tối thượng?
Cái gì khéo hành trì,
Đem lại chơn an lạc?
Cái gì giữa các vị,
Là vị ngọt tối thượng?
Phải sống như thế nào?
Được gọi sống tối thượng?

[Thế Tôn:]
Lòng tin đối người đời,
Là tài sản tối thượng.
Chánh pháp khéo hành tri,
Đem lại chơn an lạc.
Chân ly giữa các vị,
Là vị ngọt tối thượng.
Phải sống với trí tuệ5
Được gọi sông tôi thượng.
[Dạ-xoa:]
Làm sao vượt bộc lưu?
Làm sao vượt biển lớn?
9
Làm sao siêu khô não?
Làm sao được thanh tịnh?
[Thế Tôn:]
Với tín, vượt bộc lưu.
Không phóng dật, vượt biên.
Tinh tấn, siêu khổ não.
Với trí, được thanh tịnh.
[Dạ-xoa:]
Làm sao được trí tuệ?
Làm sao được tài sản?
Làm sao đạt danh ximg?
Làm sao kết bạn hữu?
Đời này qua đời khác,
Làm sao không sầu khổ?
[Thế Tôn:]
Ai tin tưởng Chánh pháp
Của bậc A-la-hán,
Pháp ấy khiến đạt được,
Niết-bàn (chơn an lạc),
Khéo học5 không phóng dật,
Minh nhãn khéo phân biệt,
Nhờ hành trì như vậy?
Vị ấy được trí tuệ.
Làm gì khéo thích hợp,
Gánh vác các trách nhiệm,

Phấn chấn, thích hoạt động,
Như vậy được tài sản.
Chơn thật đạt danh Xưng.
10. TƯƠNG UNG DẠ-XOA 255

Bố thí kết bạn hữu,
Đời này qua đời khác,
Như vậy không sầu khổ.
Tín nam gia chủ nào,
Tìm cầu bốn pháp này,
Chơn thực và chế ngự,
Kiên trì và xả thí,
Vị ấy sau khi chết,
Không còn phải sầu khổ,
Đời này qua đời khác5
Sau chết, không sầu khổ.
Ta muốn ông đến hỏi,
Sa-môn5 Bà-la-môn,
Có những pháp nào khác,
Tốt hơn bốn pháp này:
Chơn thực và chế ngự5
Xả thí và kham nhẫn.
[Dạ-xoa:]
Làm sao nay ta hỏi,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Khi nay ta được biết,
Nguyên nhân của đời sau.
Phật đến ĀỊavĩ,
Thạt lợi ích cho ta.
Nay ta được biêt rõ,
Cho gì được quả lớn,
Nên ta sẽ bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đảnh lễ Phật Chánh Giác,
Cùng đảnh lễ Chánh pháp5
Các vị chứng Pháp tánh.
11. TƯƠNG ƯNG SAKKA (SAKKASAMYUTTA)

PHẨM THỨ NHÁT (PATHAMAVAGGA)

I. KINH SUVĨRA (Suvũasutta) (S. I. 215) 247. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapinộika. Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, các asura (a-tu-la) tấn công chư thiên. Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Suvĩra: "Này Suvĩra thân yêu, các asura ấy tấn công chư thiên. Này Suvĩra thân yêu? hãy đi nghênh đánh các asura." “Thua vâng, Tôn gi Này các Tỷ-kheo, thiên tử Suvĩra vâng đáp Thiên chủ Sakka, nhưng phóng dật, không chịu làm gì. Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Suvĩra: "Này Suvĩra thân yêu9 các asura ấy tấn công chư thiên. Này Suvĩra thân yêu, hãy đi nghênh đánh các asura." “Thưa vâng, Tôn giả.” Này các Tỷ-kheo? thiên tử Suvĩra vâng đáp Thiên chủ Sakka, nhưng phóng dật, không chịu làm gì. Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Suvĩra: "Này Suvĩra thân yêu, các asura ấy tấn công chư thiên. Này Suvĩra thân yêu, hãy đi nghênh đánh các asura." “Thua vâng, Tôn giH." Này các Tỷ-kheo? thiên tử Suvĩra vâng đáp Thiên chủ Sakka, nhimg phóng dật, không chịu làm gì.

258 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ I. THIÊN CÓ KỆ

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ với thiên tử Suvĩra:
Không nỗ lực, tinh cần, vẫn đạt được an lạc9
Suvĩra hãy đi,
Giúp ta đạt pháp ấy.
[Suvĩra:]
Kẻ nhác, không nỗ lực,
Và không làm việc gì,
Mọi ước vọng thành đạt,
Hướng tối thượng là gì?
[Sakka:]
Kẻ nhác, không nỗ lực?
Chứng được tối hậu lạc.
Suvĩra hãy di,
Giúp ta đạt pháp ấy.
[Suvĩra:]
Này Thiên chủ Sakka,
Không làm, chứng lạc ấy,
Không sầu, không nhiệt não,
Hướng tối thượng là gì?
[Sakka:]
Nếu không có làm gi,
Thời không có tái sanh,
Đường ây hướng Niêt-bàn5
Suvĩra, hãy đi,

Giúp ta đạt pháp ấy!

Này các Tỷ-kheo? Thiên chủ Sakka ây, sông nhờ quả công đức của mình, trị vì và cai trị chư thiên ở cối Tam Thập Tam, sẽ là người tán thán nỗ lực và tinh tấn. Ở đây, này các Tỷ-kheo, các ông làm cho sáng chói vị ấy khi các ông xuất gia trong Pháp, Luật khéo thuyêt như vậy; nô lực, tinh cân, tinh tân đê đạt được những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ.

II. KINH SUSĨMA (Susĩmasutta) (5. L 217)

248. Trú ở Sãvatthi.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

Này các Tỷ-kheo!

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỷ-kheo ay vâng đáp The Ton. The Ton nói như sau:

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa các a-tu-la tấn công chư thiên. Rồi này các Tỷ-kheo? Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Susĩma:

"Này Susĩma thân yêu, các a-tu-la ấy tấn công chư thiên. Này Susĩma thân yêu, hãy đi nghênh đánh các atu-la."

“Thua vâng, Tôn gi"

Này các Tỷ-kheo5 thiên tử Susĩma vâng đáp Thiên chủ Sakka, nhưng phóng dật, không chịu làm gì.

Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Susĩma... nhxmg phóng dật5 không chịu làm gì.

Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Susĩma... nhưng phóng dật? không chịu làm gì.

Rồi này các Tỷ-kheo? Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ với thiên tử Susĩma:

Không nỗ lực tinh cần, vẫn đạt được an lạc,
Susĩma hãy di,
Giúp ta đạt pháp ấy.

[Susĩma:]

Kẻ nhác không nỗ lực,
Và không làm được gi,
Mọi dục (kãmà) đều thành dạt,
Hướng tối thượng là gì?

[Sakka:]

Kẻ nhác khônẹ nỗ lực,
Chứng được tối hậu lạc,
Susĩma hãy di,
Giúp ta đạt pháp ấy.

[Susĩma:]

Này Thiên chủ Sakka,

Không làm, chứng lạc ấy,
Không sầu, không nhiệt não,
Hướng tối thượng là gì?
[Sakka:]
Nếu không có làm gi,
Thời không có tái sanh,
Đường ấy hướng Niết-bàn,
Susĩma, hãy di,
Giúp ta đạt quả ấy.
Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka ấy, sống nhờ quả công đức của mình, trị vì và cai trị chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, sẽ là người tán thán nỗ lực và tinh

tấn. Ở dây, này các Tỷ-kheo, các ông làm cho sáng chói vị ấy khi các ông xuất gia trong Pháp, Luật khéo thuyết như vậy; nỗ lực9 tinh cần, tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng những gì chưa chứng, để ngộ những gì chưa ngộ.

III. KINH DHAJAGGA (Dhajaggasuttay (S. L218) 249. Ở Sãvatthi. Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Thuở xua, này các Tỷ-kheo, một cuộc chiên dữ dội khởi lên giữa chư thiên và các asura. Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi chư thiên ở cõi Tam Thập Tam: “Này thân hữu, khi các ông lâm chiên, nêu sợ hãi, hoảng hôt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên; lúc ấy? các ông hãy nhìn nơi đầu ngọn cờ của ta. Khi các ông nhìn lên đầu ngọn cờ của ta, thời sợ hi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược sẽ bị tiêu diệt. Nếu các ông không ngó lên đầu ngọn cờ của ta, thời hãy ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pạjãpati. Khi các ông ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajapati, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên cũng sẽ bị tiêu diệt. Nếu các ông không ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pạjãpati9 hãy ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuna. Khi các ông ngó lên đâu ngọn cờ của Thiên vương Varuna, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên cũng sẽ bị tiêu diệt. Nêu các ông không ngó lên đâu ngọn cờ của Thiên vương Varuna, hãy ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương ĩsãna.123Khi các ông ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương ĩsãna, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên cũng sẽ bị tiêu diệt.^, Này các Tỷ-kheo? khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên chủ Sakka, hay khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajapati, hay khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuna, hay khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên vương ĩsãna, thời sợ hãi, hoảnệ hốt hay lông tóc dựng ngược được khởi lên có thể sẽ biến diệt và sẽ không biền diệt. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo? vì Thiên chủ Sakka chưa đoạn diệt tham, chưa đoạn diệt sân, chưa đoạn diệt si, còn nhát gan, hoảng hốt, hoảng sợ? hoảng chạy? Và này các Tỷ-kheo? Ta nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, khi các ông đi vào

1 Bản tiếng Anh của PTS: The Top of the Banner, ĩighia ièiĐầu ngọn cờ. 2 Ba vị Thiên vương Pajapati, Varuna, Isãna được đề cập đến trong z>.13, Tevjja Sutta (Kỉnh Tam

minh). 3 Xem s. I. 98 (kinh 135 ở trước).

rừng, đi đến gốc cây hay đi đến nhà trống, nếu run sợ, hoảng hốt, hay lông tóc dựng ngược có khởi lên? trong khi ấy hãy niệm nhớ đến Ta: 'Ngài là Thế Tôn, ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ5 Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế T6n."' Này các Tỷ-kheo, khi các ông niệm nhớ đến Ta, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên sẽ bị tiêu diệt. Neu các ông khôĩiậ niệm nhớ đến Ta, hãy niệm nhớ đến Pháp: 'Bây là Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, do người trí tự mình giác hiểu." Này các Tỷ-kheo, khi các ông niệm nhớ đến Pháp? thời sợ hãi? hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên sẽ bị tiêu diệt. Nếu các ông không niệm nhớ đến Pháp, hãy niệm nhớ đến chilng Tăng: uChúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Thiện hạnh; chúng Tăng đệ tử The Tôn là bậc Trực hạnh; chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Chánh hạnh; chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Như pháp hạnh, tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng đệ tử này của Thế Tôn đáng được kính lễ? đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở trên d&i." Này các Tỷ-kheo, khi các ông niệm nhớ đên chúng Tăng? thời sợ hãi, hoảng hốt? hay lông tóc dựng ngược có khởi lên sẽ bị tiêu diệt. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã ly tham, ly sân9 ly si, không nhát gan, không hoảng hốt, không hoảng sợ, không hoảng chạy. Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói vậy xong, bậc Đạo Sư nói tiếp: Này các vị Tỷ-kheo? Trong rừng hay gốc cây, Hay tại căn nhà trống, Hãy niệm bậc Chánh Giác, Các ông có sợ hãi, Sợ hãi sẽ tiêu diệt. Neu không tư niệm Phật? Tối thượng chủ ở đời, Và cũng là bậc vương, Trong thế giới loài người, Vậy hãy tư niệm Pháp, Hướng thượng, khéo tuyên thuyết. Nếu không tư niệm Pháp, Hướng thượng, khéo tuyên thuyết, Vậy hãy tư niệm Tăng? Là phước điền vô thượng.

Vậy này các Tỷ-kheo9 Như vậy tư niệm Phật, Tư niệm Pháp và Tăng, Sợ hãi hay hoảng hốt, Hay lông tóc dựng ngược, Không bao giờ khởi lên. IV KINH VEPACITTI (Vepaciítisuttd)4 (S I. 220) 250. Nhân duyên tại Sãvatthi. Thế Tôn thuyết như sau:
Thuở xưa, này các Tỷ-kheo. cuộc chiên xảy ra giữa chư thiên và các a-tu-la rất là khốc liệt. Này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các a-tu-la gọi các a-tu-la: "Này các thân hữu, trong cuộc chiến đanệ khởi lên giữa chư thiên và các loài a-tu-la rất là khốc liệt9 nếu các a-tu-la thăng và chư thiên bại; hãy trói Thiên chủ Sakka [hai] tay, [hai] chân và thứ năm là cổ9 rồi dắt vị ấy đến trước mặt ta, trong thành của các a-tu-la." Còn Thiên chủ Sakka gọi chư thiên ở cõi Tam Thập Tam: "Này các thân hữu, trong trận chiến giữa chư thiên và các loài a-tu-la rất là khốc liệt, nếu chư thiên thắng và các loài a-tu-la bại, hãy trói Vèpacitti, vua các a-tu-la [nai] tay, [hai] chân và thứ năm là cô5 rôi dăt vị ây lên trước mặt ta, trong giảng đường Sudhamma (Thiện Pháp)." Nhưng này các Tỷ-kheo? trong trận chiên ây9 chư thiên thăng và các loài a-tu-la bại. Rồi này các Tỷ-kheo? chư thiên ở cõi Tam Thập Tam trói a-tu-la vương Vepacitti [hai] tay, [hai] chân và thứ năm là cổ, rồi dẫn đến trước mặt Thiên chủ Sakka, trong giảng đường Sudhamma. Tại dây,

này các Tỷ-kheo, khi Thiên chủ Sakka đi vào và đi ra khỏi giảng đường Sudhamma, vua các a-tu-la, Vepacitti bị trói [hai] tay, [hai] chân và thứ năm là cổ, nhiếc mắng, mạ lỵ Thiên chủ Sakka với những lời thô ác, độc ngữ. Rồi này các Tỷ-kheo, người đánh xe Mãtali nói lên những bài kệ với Thiên chủ Sakka. Này Thiên chủ Sakka, Có phải là ông SỢT, Hay vì ông yếu hèn5 Nên mới phải kham nhẫn, Khi ông nghe ác ngữ, Từ Vepacitti? [Sakka:] Không phải vì sợ hãi?

4 Bản tiếng Anh của PTS: Vepacỉttỉ (or Forbearance), nghĩa là Vepacỉttỉ (hay Kham nhẫn).

11. TƯỢNG ƯNG SAKKA e 263

Không phải vì yếu hèn?
Mà ta phải kham nhẫn,
Với Vepacitti.
Sao kẻ trí như ta,
Lại liên hệ người ngu?
[Mãtali:]
Kẻ ngu càng nổi khùng,
Nếu không người đối trị.
Vậy với hình phạt nặng,
Kẻ trí trị người ngu.
[Sakka:]
Như vậy theo ta nghĩ,
Chỉ đối trị người ngu,
Biết kẻ khác phẫn nộ,
Giữ niệm tâm an tịnh.
[Mãtali:]
Hỡi này Vãsava,
Sự kham nhẫn như vậy,
Ta thấy là lỗi lầm,
Khi kẻ ngu nghĩ rằng:
"Vi sợ ta, nó nhan^
Kẻ ngu càng hăng tiết,5
Như bò thấy người chạy,
Càng hung hăng đuổi dài.
[Sakka:]
Hãy để nó suy nghi,
Như ý nó mong muốn,
Nghĩ rằng ta kham nhẫn,
Vì ta sợ hãi nó.
Trong tư lợi56 tối thượng,

Không gì hơn kham nhẫn.
Người đầy đủ sức mạnh,
Chịu nhẫn người yếu kém,
Nhẫn ấy gọi tối thượng,
Thường nhẫn kẻ yếu hèn.
Không mạnh cho là mạnh?
Ấy sức mạnh kẻ ngu.
Người mạnh hộ trì pháp,
Không nói lời phản ứng.
5 Ajjhãruhati\ Nổi lên, leo lên. 6 Sadattha'. Lợi ích của chính mình.

Người giận, mình giận lại, Ác hại nặng nề hơn.7 Người giận9 mình không giận, Được thắng trận khó thắng. Sống lợi ích cả hai, Lợi mình và lợi người, Biết kẻ khác tức giận? Giữ niệm, tâm an tịnh. Là y sĩ cả hai, Chữa mình và chữa người. Quần chúng nghĩ là ngu, Vì không giỏi Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka ây đã tự nuôi sông với quả công đức của mình, đã ngự trị và cai trị chư thiên Tam Thập Tam thiên, sẽ nói lời tán thán nhẫn nhục và nhu hòa. Ở đây? này các Tỷ-kheo, các ông hãy làm chói sáng Pháp, Luật này bằng cách khi xuất gia trong Pháp và Luật khéo giảng này, hãy thực hành kham nhẫn và nhu hòa. V. KINH THẮNG LỢI NHỜ THIỆN NGỮ (Subhãsitaịayasutta) (5.1. 222) 251. Nhân duyên tại Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, một trận chiến kịch liệt xảy ra giữa chư thiên và các a-tu-la (asura), Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các a-tu-la9 nói với Thiên chủ Sakka: “N2y Thiên chủ, hãy để ai khéo nói, người ấy thng.” 6aNày Vepacitti, hãy để ai khéo nói? người ấy thắng.^, Rồi này các Tỷ-kheo, chư thiên và các a-tu-la sắp lập ra một hội đồng và nói: "Hội đồng này sẽ phán xét ai khéo nói5 ai không khéo nói.^, Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các a-tu-la, nói với Thiên chủ Sakka: "Này Thiên chủ, hãy nói lên bài kệ.95 Khi nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo5 Thiên chủ Sakka nói với Vepacitti, vua các a-tu-la: 66Này Vepacitti, ở đây? ông là vị lớn tuôi hơn. Này Vèpacitti, hãy nói lên bài ke." Khi nghe nói vậy9 này các Tỷ-kheo, vua các a-tu-la, Vèpacitti, nói lên bài kệ này: Kẻ ngu càng nổi khùng, Nếu không người đối trị?

7 Xem s. I. 161 (kinh 188 ở trước); s. I. 163 (kinh 189 ở trước).

Vậy với hình phạt nặng,
Kẻ trí trị người ngu.
Này các Tỷ-kheo, các a-tu-la tán thán bài kệ của Vèpacitti, vua các a-tu-la, còn chư thiên thời im lặng.
Rồi này các Tỷ-kheo? Vèpacitti, vua các a-tu-la? nói với Thiên chủ Sakka:
“Này Thiên chủ, hãy nói lên bài ke."
Khi nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo? Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ này:

Như vậy theo ta nghi,
Chỉ chế ngự người ngu,
Biết kẻ khác phẫn nộ5
Giữ niệm, tâm an tịnh.
Này các Tỷ-kheo, chư thiên tán thán bài kệ của Thiên chủ Sakka, còn các a-tu-la thời im lặng.
Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói với Vèpacitti, vua các a-tu-la:
“Này Vèpacitti, hãy nói lên bài kệ.59
[Vepacitti:]
Hỡi này Vãsava,
Sự kham nhẫn như vậy,
Ta thấy là lầm lỗi?
Khi kẻ ngu nghĩ rằng:
"Vi sợ ta, nó nhẫn.^,
Kẻ ngu càng hăng tiết,
Như bò thấy người chạy,
Càng hung hăng đuổi dài.
Này các Tỷ-kheo? các a-tu-la tán thán bài kệ của Vepacitti, vua các a-tu-la5 còn chư thiên thời im lặng.
Rồi Vepacitti, vua các a-tu-la9 nói với Thiên chủ Sakka:
"Này Thiên chủ, hãy nói lên bài kệy
Khi nghe nói vậy9 này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ này:
Hãy để nó suy nghĩ,
Như ý nó mong muốn,
Nghĩ rằng ta kham nhẫn,
Vì ta sợ hãi nó.
Trong tư lợi tối thượng,
Không gì hơn kham nhẫn.
Người đầy đủ sức mạnh,
Chịu nhẫn người yếu kém,
Nhẫn ấy gọi tối thượng,
Thường nhẫn kẻ yếu hèn.

Không mạnh cho là mạnh,
Ấy sức mạnh kẻ ngu.
Người mạnh hộ trì pháp,
Không nói lời phản ứng,
Người giận, mình giận lại,
Ac hại nặng nề hơn.

Người giận, mình không giận,
Được thắng trận khó thắng.
Sống lợi ích cả hai,
Lợi mình và lợi người,
Biết kẻ khác tức giận,
Giữ niệm, tâm an tịnh.
Là y sĩ cả hai, y mình và chữa người.
Chữa
Quân chúng nghĩ là ngu,
Vì không giỏi Chánh pháp.
Này các Tỷ-kheo, chư thiên tán thán bài kệ của Thiên chủ Sakka, còn các a-tu-la thời im lặng.
Rồi này các Tỷ-kheo5 hội đồng chư thiên và a-tu-la nói như sau:
"Những bài kệ của Vepacitti, vua các a-tu-la, nói lên là những lời bạo lực, những lời đao kiêm, đưa đên đâu tranh, bât hòa? gây hân.
Còn những bài kệ của Thiên chủ Sakka nói lên là những lời không thuộc bạo lực? những lời không thuộc đao kiếm, không đưa đến đấu tranh, không đưa đến bất hòa, không đưa đến gây hấn. Thắng lợi đã về Thiên chủ Sakka, nhờ khéo n6i."
Như vậy? này các Tỷ-kheo? thắng lợi về Thiên chủ Sakka nhờ khéo nói.
VI. KINH TỔ CHIM (Kuỉãvakasutta) (S. I. 224)
252. Ở Sãvatthi.
Thuở xua, này các Tỷ-kheo? giữa chư thiên và các a-tu-la xảy ra cuộc chiến rất ác liệt.
Này các Tỷ-kheo, trong cuộc chiên ây, các a-tu-la thăng trận, còn chư thiên bại trận.
Này các Tỷ-kheo5 chư thiên bại trận thời lui về phương Bắc, còn các a-tu-la đuổi theo họ.
Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ với người đánh xe
Mãtali:
Hỡi này Mãtali?
Hãy giữ cho gọng xe,
Tránh khỏi các tổ chim,

Giữa các cây bông gòn. Thà trao mạng sống ta, Cho các a-tu-la, Còn hơn khiến các chim, Trở thành không tổ ấm! "Thua vâng, Tôn giả.” Này các Tỷ-kheo, người đánh xe Mãtali vâng đáp Thiên chủ Sakka, liền đánh xe trở lui, cô xe có ngàn con tuân mã kéo. Rồi này các Tỷ-kheo, các a-tu-la suy nghĩ: "Nay cỗ xe có ngàn con tuấn mã kéo của Thiên chủ Sakka đã trở lui. Lần thứ hai, chư thiên sẽ tiến đánh các a-tu-la?89 Nghĩ vậy, họ sợ hãi lui vào trong thành phố a-tu-la. Như vậy, này các Tỷ-kheOj Thiên chủ Sakka lại thắng trận, nhờ theo Chánh pháp. VII. KINH KHÔNG GIAN TRÁ (Nadubbhiyasutta) (S I. 225)
253. Ở Sãvatthi. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka trong khi thiền tịnh độc cu, khởi lên ý nghĩ sau đây: "Dầu ai là kẻ thù của ta, đối với hẹ), ta không có gian trá.,^

Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua của các a-tu-la, với tâm của mình biết tâm của Thiên chủ Sakka, liền đi đến Thiên chủ Sakka. Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka thấy Vepacitti, vua các a-tu-la, từ xa đi đến; thấy vậy, liền nói với Vepacitti, vua các a-tu-la: “Hy đứng lại, này Vèpacitti, ông đã bị bắt.” "Này thân hữu, tâm của ông trước như thế nào, chớ có bỏ tâm ấy!" uNày Vepacitti, ông có thể thề:8 'Ta không bao giờ gian trá.5 [Vepacitti:] Ác báo do vọng ngôn, Ác báo do báng Thánh,9 Ác báo do phản bạn,10 Ác báo do vong ân.11 Này Siýampati, Ai gian trá với ông, Người ấy sẽ thọ lãnh, Các ác báo như vậy.

8 Sapassu. SA. I. 345 viết: “Ta không có gian trá, thề với ngươi như thế".

9 Xem s. I. 149 (kinh 181 ở trước). '

10 Xem Mahãkapỉ Jataka (số 407).

11 Ví dụ như trường hợp của Devadatta.

VIII. KINH VUA A-TU-LA VEROC ANA

(VerocanaasurindasuttdÝ2 (5.1. 225)

254. Ở Sãvatthi, tại Jetavana. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang nghỉ trưa và ngồi thiền tịnh.

Rồi Thiên chủ Sakka và A-tu-la vương Vèrocana đi đến Thế Tôn; sau khi đến liền đứng, mỗi người dựa vào một cột cửa.

Rồi A-tu-la vương Vèrocana nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Mọi nệười phải tinh tấn5
Cho đên đích thành tựu.
Khi mục đích thành tựu,
Thời chiếu diệu chói sáng.
Chính Vèrocana,
Đã nói lời như vậy.
[Sakka:]
Mọi người phải tinh tấn,
Cho đến đích thành tựu.
Khi mục đích thành tựu,
Thời chiếu diệu chói sáng.
Không gì tốt đẹp hơn,
So sánh với kham nhẫn.
[Verocana:]
Tất cả loại chúng sanh,
Tự có mục đích minh,
Tại chỗ này, chỗ kia,
Tùy theo sự thích ứng.
Món ăn khéo chế biến,
Làm thỏa mãn mọi loài.

Khi mục đích thành tựu,
Thời chiếu diệu chói sáng.
Chính Verocana,
Đã nói lời như vậy.
[Sakka:]
Tất cả loại chúng sanh,
Tự có mục đích minh,
Tại chỗ này, chỗ kia,
Tùy theo sự thích ứng.
Món ăn khéo chế biến,
Làm thỏa mãn mọi loài.*
12 Bản tiếng Anh của PTS: Verocana, Lord ofAsuras (or Aims), nghĩa là Verocana - Vua của các a-tu-la (hay Cảc mục đích).

11. TƯƠNG ƯNG SAKKA 269

Khi mục đích thành tựu,
Thời chiếu diệu chói sáng.
Không gì tốt đẹp hơn,
So sánh với kham nhẫn.
IX. KINH CÁC ẨN SĨ Ở RỪNG (ẠranHữyatanaisisuttd) 13 (S. I. 226)
255. Ở Sãvatthi.
Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có nhiêu ân sĩ trì giới, tánh hiên thiện, sông cùng nhau trong những chòi lá trong rừng.
Rồi này các Tỷ-kheo? Thiên chủ Sakka và Vèpacitti, vua các a-tu-la, đi đến các vị ân sĩ trì giới, tánh hiên thiện ây.
Rồi này các Tỷ-kheo? Vepacitti, vua các a-tu-la? sau khi mang giày ống (hia), cầm đao kiếm, có lọng che, đi vào am thất bằng cửa chính, không hữu nhiễu mà đi ngang qua mặt các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy.
Này các Tỷ-kheo, còn Thiên chủ Sakka thời cởi giày ống, giao kiếm cho người khác, xếp lọng, đi vào am thất bằng cửa phu, đứng phía sau các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy, chắp tay vái chào.
Này các Tỷ-kheo, các vị ẩn sĩ trì giới? tánh hiền thiện ấy nói lên bài kệ với
Thiên chủ Sakka:
Mùi hương các ẩn sĩ,
Đã lâu ngày tu hành,
Xuất phát từ thân họ,
Được gió thổi mang di,
Từ đó thổi đến người.
Ôi! Vị có ngàn mắt,
Mùi hương các ẩn sĩ,

Không được cho thanh tịnh,
Này vị vua chư thiên.
[Sakka:]
Mùi hương các ẩn sĩ,
Đã lâu ngày tu hành,
Xuất phát từ thân họ9
Hãy được gió manjg di,
Như vòng hoa nhiều loại,
Được trang sức trên đầu.
Chư Tôn giả, chúng tôi
Ước mong được hương ấy,
Không gì ở nơi đây5
13 Bản tiếng Anh của PTS: Forest Seers (or Perfume), nghĩa là Các ẩn sĩ ở rừng (hay Hương thơm).

Làm chư thiên ghê tởm.14
X. KINH CÁC ẨN SĨ Ở BỜ BIỂN (Samuddakasutta)15 (S L 227)
256. Ở Sãvatthi.
Thuở xua, này các Tỷ-kheo? có nhiều vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện, sống cùng nhau ở trong những chòi lá trên bờ biên.
Lúc bấy giờ5 này các Tỷ-kheo5 một trận chiến xảy ra giữa chư thiên và các a-tu-ỉa rất ác liệt.
Này các Tỷ-kheo5 các vị ân sĩ trì giới9 tánh hiên thiện ây suy nghĩ như sau:
"Chu thiên sống như pháp, các a-tu-la sông phi pháp. Chúng ta có thê nguy hiểm từ phía a-tu-la. Vậy chúng ta hãy đi đến A-tu-la vương Sambara và xin được bảo đảm vô liy."
Này các T-kheo, các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy, như lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất trong các chòi lá trên bờ biển và hiện ra trước mặt A-tu-la vương Sambara.
Này các Tỷ-kheo, các vị ẩn sĩ trì giói, tánh hiền thiện ấy nói lên bài kệ với
A-tu-la vương Sambara:
Các ẩn sĩ chúng tôi5
Đen với Sambara,
Để xin Ngài bảo đảm5
Thí cho sự vô úy.
Hãy làm như Ngài muốn,
Hãy thí cho chúng tôi,
Những người đang sợ hãi,
Được khỏi phải sợ hãi!

[Sambara:]
Ẩn sĩ như các ông5
Không thể có vô úy.
Đã phục vụ Sakka,
Vị trí không tốt lành,
Các ông xin vô úy,
Ta cho sự sợ hãi.
[Các ẩn sĩ:]
Chúng tôi xin vô úy,
Ông lại cho sợ hãi,
Ta nhận vậy từ ông,
Trọn đời? ông sợ hãi!
14 Giới hương được giải thích trong Dh. V. 54; mùi hương loài người khiến chư thiên ghê tởm. Xem DB. II. 355. 15 Bản tiếng Anh của PTS: Seers of the Seaside (or Sambarǎ), nghĩa là Các ẩn sĩ ở bờ biển (hay Sambarà).

Tùy hột giống đã gieo, Ông gặt quả như vậy. Làm thiện được quả thiện, Làm ác bị quả ác. Giống đã gieo và trồng, Ông sẽ hưởng kết quả. Này các Tỷ-kheo, các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy, sau khi thốt lời chú nguyện chống A-tu-la vương Sambara, như lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra9 liền biến mất trước mặt A-tu-la vương Sambara và hiện ra trong các chòi lá trên bờ biển. Nay các Tỷ-kheo, A-tu-lã vương Sambara bị các ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy chú nguyện như vậy, trong đêm ấy thức dậy hoảng hốt ba lần.

n. PHẨM THỨ HAI (DUTIY4K4GGA)

I. KINH THIỆN HẠNH (Vatapadasutta)16 (S. I. 228) 257. Tại Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn làm người,17 vị này chấp trì và thực hành bảy thiện hạnh. Nhờ chấp trì bảy thiện hạnh này, Sakka được địa vị Sakka. Bảy thiện hạnh là gì? Cho đến trọn đời5 tôi hiếu dưỡng cha mẹ. Cho đến trọn đời, tôi kính trọng bậc trưởng thượng. Cho đến trọn đời5 tôi nói lời nhu hòa. Cho đến trọn đời, tôi không nói lời hai lưỡi. Cho đến trọn đời, với tâm ly cấu uế và xan tham, tôi sống trong gia đình với tâm bố thí, với tay sạch sẽ, hoan hỷ thí xả9 nhiệt tình đáp ứng các yêu cầu, sung sướng phân phôi vật bô thí. Cho đên trọn đời, tôi nói lời chân thực. Cho đến trọn đời, tôi không phẫn nộ; nếu tôi có phẫn nộ5 tôi sẽ mau chóng dẹp trừ phẫn nộ ấy. Này các Tỷ"kheo? thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn làm người, vị này chấp trì và thực hành bảy thiện hạnh. Nhờ chấp trì bảy thiện hạnh này5 Sakka được địa vị Sakka. Ai hiếu dưỡng cha mẹ5 Kính trọng bậc trưởng thượng, Nói những lời nhu hòa, Từ bỏ lời hai lưỡi5 Chế ngự lòng xan tham, Là con người chân thực, Nhiếp phục được phẫn nộ. Với con người như vậy, Chư thiên Tam Thập Tam, Gọi là bậc Chân nhân. IL KINH THIÊN

CHỦ SAKKA (Sakkanãmasutta) (S. L 229) 258. Ở Sãvatthi, tại Jetavana. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, thuở xua, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy là một thanh niên Bà-la-môn tên là Magha, do vậy được gọi là Maghavã.

16 Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: The nghĩa là Chư thiên. Ngoài ra, kinh này trong bản tiếng Anh của PTS còn viết The Rules, nghĩa là cấm giới. 17 Xem s. I. 216 (kinh 247 ở trước); Kulãvaka Jataka (số 31).

11. TƯƠNG ƯNG SAKKA 273

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí từ thành này qua thành khác, do vậy được tên là Purindada. Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí một cách trọn vẹn (sakkaccani), do vậy được tên là Sakka. Này các Tỷ-kheo. thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí trú xứ, do vậy được tên là Vãsava. Này các Tỷ-kheo, thuở xưa. khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy có thê trong một thời gian rât ngăn suy nghĩ đên ngàn sự việc, do vậy được tên là Sahassakkha (Ngàn Con Mắt). Này các Tỷ-kheo? Sakka trở thành người chông của một thiêu nữ a-tu-la tên là Sujã5 do vậy được tên là Sujampati. Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka thống lãnh và trị vì Tam Thập Tam thiên, do vậy được gọi là Thiên chủ. Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị này chấp trì và thực hành bảy thiện hạnh. Nhờ chấp trì bảy thiện hạnh này, Sakka được địa vị Sakka. Thế nào là bảy thiện hạnh? Cho đến trọn dời, tôi hiếu dưỡng cha mẹ. Cho đến trọn đời, tôi kính trọng bậc trưởng thượng. Cho đến trọn đời, tôi nói lời nhu hòa. Cho đến trọn đời, tôi không nói lời hai lưỡi. Cho đên trọn dời, với tâm ly câu uê và xan tham, tôi sông trong gia đình với tâm bố thí, với tay sạch sẽ, hoan hỷ thí xả9 nhiệt tình đáp ứng các yêu cầu, sung sướng phân phối vật bố thí. Cho đên trọn đời? tôi nói lời chân thật. Cho đến trọn đời, tôi không phẫn nộ; nếu tôi có phẫn nộ, tôi sẽ mau chóng dẹp trừ phẫn nộ ấy. Này các Tỷ-kheo? thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị này chấp trì và thực hành bảy thiện hạnh. Nhờ chấp trì bảy thiện hạnh này, Sakka được địa vị Sakka. Ai hiếu dưỡng cha mẹ? Kính trọng bậc trưởng thượng, Nói những lời nhu hòa, Từ bỏ lời hai lưỡi, Chế ngự lòng xan tham, Là con người chân thực, Nhiêp phục được phân nộ. Với con người như vậy, Chư thiên Tam Thập Tam, Gọi là bậc Chân nhân. III. KINH MAHÃLI (Mahãlisutta) (S. I. 230) 259. Như vầy tôi nghe.

274 * KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

Một thời, Thế Tôn ở Vesãli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường. Rồi Mahãli, người Licchavi, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Mahãli, người Licchavi bạch The Ton: Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thấy Thiên chủ Sakka không? Này Mahãli, Ta có thấy Thiên chủ Sakka. Bạch Thế Tôn? có thể vị ấy tương tự giống Sakka. Bạch Thế Tôn, thật khó thấy Thiên chủ Sakka. Này Mahãli, Ta biết Sakka và các pháp tác thành Sakka. Chính do chấp trì các pháp ấy, Sakka được địa vị Sakka. Và Ta biết các pháp ấy. Này Mahãli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy là một thanh niên Bà-la-môn tên là Magha, do vậy được gọi là Maghavã. Này Mahãli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí

từ thành này qua thành khác5 do vậy được gọi là Purindada. Này Mahãli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí một cách trọn vẹn? do vậy được gọi là Sakka. Này Mahãli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí trú xứ9 do vậy được gọi là Vãsava. Này Mahãli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy có thể trong một thời gian rất ngắn, suy nghĩ đến ngàn sự việc, do vậy được gọi là Sahassakkha (Ngàn Con Mắt). Này Mahãli, Sakka trở thành người chông của một thiêu nữ a-tu-la là Sujã? do vậy được gọi là Sujampati. Này Mahãli, Thiên chủ Sakka thống lãnh và trị vì Tam Thập Tam thiên, do vậy được gọi là Thiên chủ. Này Mahãli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị này chấp trì và thực hành bảy thiện hạnh. Nhờ chấp trì bảy thiện hạnh, Sakka được địa vị Sakka. Thế nào là bảy thiện hạnh? Cho đến trọn đời, tôi hiếu dưỡng cha mẹ. Cho đến trọn đời, tôi kính trọng bậc trưởng thượng. Cho đến trọn đời, tôi nói lời nhu hòa. Cho đến trọn đời, tôi không nói lời hai lưỡi. Cho đến trọn dời, với tâm ly cấu uế và xan tham, tôi sống trong gia đình với tâm bố thí, với tay sạch sẽ, hoan hỷ thí X,nhiệt tình đáp ứng các yêu câu, sung sướng phân phôi vật bô thí. Cho đên trọn đời, tôi nói lời chân thật. Cho đến trọn đời, tôi không phẫn nộ; nếu tôi có phẫn nộ, tôi sẽ mau chóng dẹp trừ phẫn nộ ấy. Này Mahãli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị này chấp trì và thực hành bảy thiện hạnh. Nhờ chấp trì bảy thiện hạnh này, Sakka được địa vị Sakka.

11. TƯƠNG ƯNG SAKKA » 275

Ai hiếu dưỡng cha mẹ? Kính trọng bậc trưởng thượng, Nói những lời nhu hòa, Từ bỏ lời hai lưỡi, Chế ngự lòng xan tham, Là con người chân thực, Nhiếp phục được phẫn nộ. Với con người như vậy, Chư thiên Tam Thập Tam, Gọi là bậc Chân nhân. IV KINH NGƯỜI NGHÈO (Daḷiddasuttaḥ) (5.1. 231) 260. Một thời, Thế Tôn ở Rậjagaha (Vương Xá)5 VeḷuvanaḥMaṇḍakakalandakanivàpo (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: -Này các Tỷ-kheo! Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ay vâng đáp The Ton. The Ton nói như sau: Thuở xua, này các Tỷ-kheo, có một người ở tại thành Vương Xá này; người ấy nghèo khó, bần cùng,18 khốn khổ. Người ây châp trì lòng tin trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyêt, chấp trì giới, chấp trì văn, chấp trì thí, chẫp trì tuệ. Người ấy do chấp trì lòng tin trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, chấp trì giới, chấp trì văn, chấp trì thí, chấp trì tuệ nên sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh thiện thú9 thiên giới, cõi đời này, và cộng trú với chư thiên Tam Thập Tam thiên. Vị ây chói sáng hơn chư thiên khác vê dung sắc và danh tiếng. Ở dây, nàỵ các vị Tỷ-kheo? chư thiên ở Tam Thập Tam thiên bực tức5 chán ghét, phẫn uat: "Thật là kỳ lạ! Thật là chưa từng có! Thiên tử này thuở xưa làm người, nghèo khó5 bần cùng, khốn khổ. Người ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này, và cộng trú với chư thiên ở Tam Thập Tam thiên. Vị ấy chói sáng hơn chư thiên khác về dung sắc và danh tiếng.^, Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi chư thiên ở Tam Thập Tam thiên: “Này chư thân hữu, chớ có bực tức với vị thiên tử này. Này chư thân hữu, vị thiên tử này trước kia làm người, chấp trì lòng tin trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, chấp trì giới, chấp trì văn, chấp trì thí, chap trì tuệ. Người ấy do chấp trì lòng tin trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, chấp trì giới, chấp trì văn, chẫp trì thí, chẫp trì tuệ nên sau khi thân hoại mạng

18 Ngài Buddhaghosa giải thích kapana là người được người khác thương hại.

chung, vị ấy được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này, và cộng trú với chư thiên ở Tam Thập Tam thiên. Vị ấy chói sáng hơn chư thiên khác về dung sắc và danh tiếng."
Rồi này các Tỷ-kheo? Thiên chủ Sakka, để làm hòa dịu chư thiên ở Tam
Thập Tam thiên, ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:
Ai tín thành Như Lai,
Bất động, khéo an trú;
Ai giữ giới thuần thiện,
Được bậc Thánh tán thán;
Ai tín thành chúng Tăng?
Chơn trực và chánh kiến,
Được gọi: "Không phải nghèo5\
Đời sống không hư vọng.
Do vậy người có trí,
Phải nhớ lời Phật dạy,
Tín thành và trì giới,
Tri kiến đúng Chánh pháp.19
V. KINH KHẢ ÁI, KHẢ LẠC (Rãmaneyyakasutta) (5. L 232)
261. Ở Sãvatthi, tại Jetavana. Rồi Thiên chủ Sakka đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên? Thiên chủ Sakka bạch
The Ton:
Bạch Thế Tôn, địa cảnh nào khả ái, khả lạc?
[The Tôn:]
Các cảnh vườn mỹ diệu,20
Các khu rừng mỹ diệu,
Các ao sen khéo xây,
Được loài người khả ái?
Thật sự chỉ đáng giá,
Chỉ một phần mười sáu.
Tại làng hay tại rừng,
Chỗ đất thấp hay cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Địa cảnh ấy khả ái.
VI. KINH TỔ CHỨC LỄ TẾ ĐÀN (Yaịamãnasutta) (5.1. 232)
262. Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), trên Gijjhakuta (núi
Linh Thứu)*
19 Trong Chủ giải, Ngài Buddhaghosa giải thích pasãda (niềm tin) là c6, niền tin đối với Phật, Pháp, Tăng. Dhammadassana (thây pháp) trong kinh này có nghĩa là hiêu rõ Bôn

Thánh đê. Xem A. II. 57. 20 Cetyã trong nghĩa sai khác, dị biệt, có nhiều màu sắc.

11. TƯƠNG ƯNG SAKKA 277

Rồi Thiên chủ Sakka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Loài người lễ tế dàn,
Chúng sanh mong công đức.
Ai làm các công đức9
Đưa đến sự tái sanh,
Chỗ nào sự bố thí,
Được quả báo thật lớn?

[Thế Tôn:]

Ai thành tựu bôn Đạo,
Ai chứng đắc bốn Quả,21
Tăng chúng ấy chơn trực,
Giới, Định? Tuệ đầy đủ.
Loài người lễ tế dàn,
Chúng sanh mong công đức.
Ai làm các công dức,
Đưa đến sự tái sanh,
Bố thí cho chúng Tăng,
Được quả báo thật lớn.22

VII. KINH ĐẢNH LỄ ĐỨC PHẬT (Buddhavandanãsutta)23 (5.1. 233)

263. Ở Sãvatthi, tại Jetavana. Lúc bấy giờ5 Thế Tôn đang nghỉ trưa thiền tịnh. Rồi Thiên chủ Sakka và Phạm thiên Sahampati24 đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 mỗi người đứng dựa vào một cột cửa.

Rồi Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Đứng lên bậc Anh Hùng,
Bậc Chiến Thắng Chiến Trường,
Đã đặt gánh r nặng xuông, e
Không măc nợ một ai.
Bộ hành khắp thế giói,
Tâm Ngài khéo giải thoát,
Chẳng khác gì mặt trăng,
Trong đêm rằm chói sáng.

Phạm thiên Sahampati:

Này Thiên chủ, kính lễ Như Lai không phải như vậy. Và này Thiên chủ9 kính lễ Như Lai phải như thế này:

21 Xem s. I. 98 (kinh 135 ở trước); KS. I. 281, n. 2. 22 Xem 5.1. 75 (kinh 120 ở trước); s. I. 100 (kinh 136 ở trước). 23 Bản tiếng Anh của PTS: Worship, nghĩa là Đảnh lễ. 24 Xem s.

L 136 (kinh 172 ở trước).

278 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

Đứng lên bậc Anh Hùng,
Bậc Chiến Thắng Chiến Trường,
Lãnh đạo đoàn lữ hành,
Không mắc nợ một ai.
Bộ hành khắp thế giới?
Thế Tôn hãy thuyết pháp9
Có những người sẽ hiểu.
VIII. KINH ĐẢNH LỄ HÀNG CƯ sĩ (GahaḷḤhavandanũsutta)25 (S I. 234)
264. Tại Sãvatthi. Ở đây... Thế Tôn nói:
Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói với người đánh xe Mãtali:
"Này Mãtali thân5 hãy thắng ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe.
Chúng ta hãy đi đên vườn cảnh đê ngăm cnh."
"Thua vâng, Tôn giả."
Này các Tỷ-kheo, người đánh xe Mãtali vâng đáp Thiên chủ Sakka. Sau khi thắng một ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe, vị ấy liền báo với Thiên chủ Sakka:
"Thua Ngài, ngàn con ngựa khéo huấn luyện đã thắng vào cỗ xe. Nay Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thòd."
Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka từ cung điện Vejayanta đi xuống, chắp tay và đảnh lễ các phương hướng.
Rồi này các Tỷ-kheo, người đánh xe Mãtali nói lên những bài kệ với Thiên chủ Sakka.
Bậc Tam minh lễ Ngài,
Tất cả Sát-đế-lỵ,
Ở trên cõi đất này,
Cũng đều đảnh lễ Ngài,
Kể cả Bốn Thiên Vương,
Bậc danh ximg Tam Thập.
Dạ-xoa ấy tên gì5
Vị mà Ngài đảnh lễ5
Này Thiên chủ Sakka?
[Sakka:]
Bậc Tam minh lễ ta,
Tấtcả Sát-đế-lỵ, ở trên cõi đất này?
Cũng đều đảnh lễ ta,
25 Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (265, 266) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Sakka 's Worshipping, nghĩa là Thiên chủ Sakka đảnh lễ.

11. TƯƠNG ƯNG SAKKA 279

Kể cả Bốn Thiên Vương9
Bậc danh xưng Tam Thập.
Nhưng ta chỉ đảnh lễ,
Bậc thành tựu giới luật,
Lâu ngày tu thiền định,
Chơn chánh hạnh xuất gia,
Thành đạt và chứng được,
Cứu cánh chơn Phạm hạnh.
Ngoài ra các gia chủ,
Làm công đức, giữ giới5
Nuôi dưỡng vợ đúng pháp,
Các cư sĩ như vậy,
Ta cũng sẽ đảnh lễ9
Hỡi này Mãtali!
[Mãtali:]
Phải, tôi cũng được nghe5 ở đời bậc Tối thượng,
Sakka? Ngài đảnh lễ. c
Những vị Ngài đảnh lễ,

Tôi cũng đêu đảnh lê,
Ôi này Vãsava!
[Thế Tôn:]
Maghavã nói vậy?
Vua Sujampati,
Đảnh lễ các phương xong,
Lên xe, dẫn đi đầu.
IX. KINH ĐẢNH LỄ BẬC ĐẠO SƯ (Satthãravandanãsutta) (S I. 235)
265. Ở Sãvatthi, tại Jetavana.
Thuở xua, này các Tỷ-kheo? Thiên chủ Sakka nói với người đánh xe Mãtali:
"Này Mãtali thân, hãy thăng ngàn con ngựa khéo huân luyện vào cô xe.
Chúng ta hãy đi đến vườn cảnh để ngắm cnh.”
"Thua vâng, Tôn giả."
Này các Tỷ-kheo, người đánh xe Mãtali vâng đáp Thiên chủ Sakka. Sau khi thắng một ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe, vị ấy liền báo với Sakka:
"Thua Ngài, ngàn con ngựa khéo huấn luyện đã được thắng vào cỗ xe. Nay Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời.^,
Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka, từ cung điện Vejayanta đi xuống, chắp tay kính lễ Thế Tôn.

Rồi Mãtali, người đánh xe nói lên những bài kệ với Thiên chủ Sakka:
Thiên, nhân kính lễ Ngài,
Hỡi nàyVãsava!
Dạ-xoa ấy tên gi,
Vị mà Ngài đảnh lễ?
Này Thiên chủ Sakka?
[Sakka:]
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác?
Đời này với chư thiên,
Bậc Đạo Sư tối thượng,
Vị ấy ta đảnh lễ,
Hỡi này Mãtali!
Những vị đã đoạn trừ,
Tham, sân và vô minh,
Bậc Lậu Tận, La-hán,
Vị ấy ta đảnh lễ.
Bậc Điều Phục Tham Sân,
Vượt khỏi màn vô minh,
Hoan hỷ đoạn tái sanh,
Các bậc thuộc Hữu học?
Không phóng dật5 tu học,
Vị ấy ta đảnh lễ,
Hỡi này Mãtali!
[Mãtali:]
Phải, tôi cũng được nghe,
Ở đời bậc Tối Thượng,
Sakka, Ngài đảnh lễ. c
Những vị Ngài đảnh lễ,
Tôi cũng đêu đảnh lê, ôi này Vãsava!
[Thế Tôn:]
Maghavã nói vậy,
Vua Sujampati,
Đảnh lễ Thế Tôn xong,
Lên xe, dân đi đâu.

X. KINH ĐẢNH LẺ CHÚNG TĂNG (Sanghavandanãsutta) (5.1. 235)

266. Ở Sãvatthi, tại Jetavana. Ở đây... Thế Tôn nói như sau:

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo? Thiên chủ Sakka nói với người đánh xe Mãtali:

“Này Mãtali thân, hãy thắng ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe.
Chúng ta hãy đi đến vườn cảnh để ngắm cảnh?5
"Thưa vang, Tôn gi"
Này các Tỷ-kheo, người đánh xe Mãtali vâng đáp Thiên chủ Sakka. Sau khi thắng một ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe, vị ấy liền báo với Thiên chủ Sakka:
"Thưa Ngài? ngàn con ngựa khéo huân luyện đã được thăng vào cô xe. Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời."
Này các Tỷ-kheo? Thiên chủ Sakka từ cung điện Vejayanta đi xuống, chắp tay đảnh lễ chúng Tỷ-kheo.
Này các Tỷ-kheo, rồi người đánh xe Mãtali nói lên bài kệ với Thiên chủ Sakka:
Họ phải đảnh lễ Ngài,
Những người thân bất tịnh,
Chìm sâu trong thi thể5
Bị đói khát giày ví),
Có gì Ngài ưa thích,
Đối những vị xuất gia?
Hãy nói cho được biết,
Sở hành các ẩn sĩ5
Nhờ vậy chúng tôi nghe,
Được tiêng nói của Ngài,
Hỡi này Vãsava!
[Sakka:]
Hỡi này Mãtali!
Đối những vị xuất gia,
Điều khiến ta ua thích,
Khi họ từ làng về,
Họ đi không tham vọng5
Vựa lúa không cất chứa,
Không ghè5 không nồi niêu.
Những gì họ tìm kiếm,
Có người khác sẵn sàng.
Do vậy họ nuôi sống,
Theo cung cách tốt đẹp.
Họ là bậc hiền trí?
Khuyên nhủ lời tốt đẹp9
Hay họ giữ im lặng,
Trong tư thế trầm ữnh.
Chư thiên chiến tu-la5

Loài người cũng gây chiến,
Hỡi này Mãtali!
Không chiên giữa gây chiên,
Trầm tĩnh giữa đao gậy, m
Không chập giữa chập trước,
Vậy ta kính lễ họ,
Hỡi này Mãtali!
[Mãtali:]
Phải, tôi cũng được nghe,
Ở đời bậc Tối thượng,
Sakka, Ngài đảnh lễ..
Những vị Ngài đảnh lễ9
Tôi cũng đêu đảnh lê, ôi này Vãsava!
[Thế Tôn:]
Maghavã nói vậy5
Vua Sujampati,
Đảnh lễ Tăng chúng xong,
Lên xe, dân đi đâu.

in. PHẨM THỨ BA (T4TIY4K4GGA)

L KINH ĐOẠN DỨT (Chetvãsutta)26(y I. 237) 267. Ở Sãvatthi, tại Jetavana. Rồi Thiên chủ Sakka đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên chủ Sakka nói len bài kệ với Thê Tôn: Đoạn vật gì được lạc? Đoạn vạt gì không sầu? Có một loại pháp gì5 Ngài tán đồng đoạn dứt, Tôn giả Gotama? [Thế Tôn:] Đoạn phẫn nộ được lạc. Đoạn phẫn nộ không sầu. Phẫn nộ với độc căn5 Với vị ngọt tối thượng, Pháp ấy, bậc Hiền Thánh, Tán đồng sự đoạn dứt. Đoạn pháp ấy, không sầu5 Hỡi này Vâsava! II. KINH XẤU XÍ (Dubbanniyasutta) (S. I. 237) 268. Ở Sãvatthi, tại Jetavana. Tại đây... Thế Tôn nói như sau: Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có một dạ-xoa xấu xí, thấp lùn9 bụng to (okotimaka) đến ngoi trên chỗ ngồi của Thiên chủ Sakka. Ở đây, này các Tỷ-kheo, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên bực tức, chán ghét, phẫn uất: 'Thật kỳ lạ thay! Thật là chưa từng có! Tên dạ-xoa xấu xí, thấp lùn? bụng to lại đến ngoi trên chỗ ngồi của Thiên chủ Sakka.” Này các Tỷ-kheo, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên càng bực tức, chán ghét, phẫn uất bao nhiêu, thời dạ-xoa ấy càng đẹp hơn, càng dễ nhìn, càng dễ thương bấy nhiêu. Rồi này các -kheo, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên đi đến Thiên chủ Sakka; sau khi đến5 nói với Thiên chủ Sakka:

26 B n tiếng Anh của PTS: What Must We Slay? nghĩa là Chủng ta phải đoạn dứt thứ gì? Kinh này được đề cập đến 4 lần. Xem s. I. 41 (kinh 71 ở trước); s. I. 47 (kinh 84 ở trước); s. I. 160 (kinh 187 ở trước).

"d đây5 này Tôn giả, có một dạ-xoa xấu xí, thấp lùn, bụng to đến ngồi trên chỗ ngồi của Ngài. Ở đây? này Tôn giả, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên bực tức, chán ghét? phẫn uất: 'Thật kỳ lạ thay! Thật là chưa từng có! Dạ-xoa này xấu xí, thấp lùn, bụng to lại đến ngôi trên chỗ ngôi của Thiên chủ Sakka/ Nhưng này Tôn giả, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên cang bực tức, chán ghét, phẫn uất bao nhiêu, thời dạ-xoa xấu xí, thấp lùn, bụng to ấy càng tốt đẹp5 càng dễ nhìn và càng dễ thương bấy nhiêu. Thưa Tôn giả, có phải dạ-xoa ấy sẽ trở thành dạ-xoa nuôi dưỡng bằng phẫn n?" Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka đi đến dạ-xoa nuôi dưỡng bằng phẫn nộ ấy; sau khi đến, đắp thượng y vào một bên vai, đầu gối phải quỳ trên đất, chắp tay vái dạ-xoa nuôi dưỡng bằng phẫn nộ và nói lên tên của mình ba làn: "Thua Tôn giả? tôi là Thiên chủ Sakka. Thưa Tôn giả, tôi là Thiên chủ Sakka. Thưa Tôn giả, tôi là Thiên chủ Sakka."27 Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka càng nói lên tên của mình bao nhiêu, thời dạ-xoa ấy càng trở thành xấu xí, thấp lùn5 bụn^ to bấy nhiêu; và sau khi trở thành càng xẩu xí, càng thấp lùn, bụng to hơn, vị ay biến mất tại chỗ ấy. Này các Tỷ-kheo? Thiên chủ Sakka, sau khi ngồi xuống trên chỗ ngồi của mình5 làm cho hòa dịu chư thiên ở Tam Thập Tam thiên, ngay lúc ấy, nói lên những bài kệ này: Tam ta không dễ dàng5 Để cho bị thất trận, Không dễ bị lôi kéo, Trong xoáy nước phẫn nộ. Người biết đã từ lâu, Ta không còn phẫn nộ, Phẫn nộ không chân đứng, Một chỗ nào trong ta. Ta không nói ác ngữ, Vì phẫn nộ giận hờn, Và không có khen tặng, Những đức tánh của ta,28 Thấy được lợi ích mình, Ta tự thân chế ngự.

III. KINH ẢO THUẬT CỦA SAMBARA (Sambarimãyãsutta) (S I. 238) 269. Tại Sãvatthi... Thế Tôn nói như sau: -Này các Tỷ-kheo, thuở xưa A-tu-la vương Vepacitti bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.*

27 Xem s. I. 77 (kinh 122 ở trước). 28 Câu này có thể có hai nghĩa: Chớ có nói lên lời tán thán đức tánh của tôi và tôi không làm trái với lòng tin cua tôi.

11. TƯƠNG ƯNG SAKKA 285

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka đi đến A-tu-la vương Vepacitti để hỏi thăm tình trạng bệnh hoạn.
Này các Tỷ-kheo? A-tu-la vương Vepacitti từ đằng xa trông thấy Thiên chủ
Sakka đi đến; thấy vậy5 liền nói với Thiên chủ Sakka:
"Này Thiên chủ? hãy chữa bệnh cho t6i."
"Này Vepacitti, hãy nói tôi biết ảo thuật của Sambara."
"Này Tôn giả5 hãy chờ tôi hỏi ý kiến các a-tu-la.59
Rồi này các Tỷ-kheo, A-tu-la vương Vepacitti hỏi ý kiến các a-tu-la:
"Chu Tôn giả, tôi có nên nói cho Thiên chủ Sakka ảo thuật của Sambara khong?"
"Thua Tôn giả5 Ngài không nên nói cho Thiên chủ Sakka ảo thuật của
Sambara."
Rồi này các Tỷ-kheo, A-tu-la vương Vepacitti nói lên bài kệ này với Thiên chủ Sakka:
Ông thuộc dòng Magha,

Là Sakka? Thiên chủ,
Là chồng của Sujã5
Ảo thuật dắt dẫn đến,
Vực sâu của địa ngục,
Tại đây Sambara,
Đã sống một trăm năm.

IV. KINH PHẠM TỘI (Accayasutta)29 (S. I. 239) 270. Ở Sãvatthi... Lúc bấy giờ, hai Tỷ-kheo cãi lộn nhau. Ở đây, một Tỷ-kheo phạm tội, Tỷ- kheo ấy phát lộ tội phạm là tội phạm trước mặt Tỷ-kheo kia. Tỷ-kheo kia không chấp nhận. Rôi nhiêu Tỷ-kheo đi đên Thê Tôn; sau khi đen, đảnh le The Tôn rôi ngôi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn, có hai Tỷ-kheo cãi lộn nhau. Một Tỷ-kheo phạm tội. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo ấy phát lộ tội phạm là tội phạm trước mặt Tỷ-kheo kia. Tỷ-kheo kia không chấp nhận. -Này các Tỷ-kheo5 hai Tỷ-kheo này là ngu si: Một vị không thấy phạm tội là phạm tội, một vị không chấp nhận phát lộ tội phạm đúng pháp. Này các Tỷ- kheo, hai vị Tỷ-kheo này là ngu si. Này các Tỷ-kheo, hai Tỷ-kheo này là sáng suốt: Một vị thấy phạm tội là phạm tội, một vị chấp nhận phát lộ tội phạm đúng pháp. Này các Tỷ-kheo5 hai vị Tỷ-kheo này là sáng suốt.

29 Bản tiếng Anh của PTS: Gentleness at Offence, nghĩa là Tha thứ lỗi lầm.

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka, để làm hòa dịu chư thiên ở
Tam Thập Tam thiên tại hội trường Sudhamma, ngay trong lúc ấy, nối lên bài kệ này:
Hãy nhiếp phục phẫn nộ,
Giữ tình bạn không phai.
Không đáng mắng, chớ mắng.
Không nên nói hai lưỡi.
Phẫn nộ đối người ác5
Như núi đè bẹp người.

V. KINH KHÔNG PHẪN Nộ (AkkodhasuttaÝ^ (S. I. 240)

27L Như vầy tôi nghe.
Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapindika (Cấp
Cô Độc).
o đây, The Ton gọi các Tỷ"kheo... The Ton nói như sau:
Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka, để làm hòa dịu chư Thiên ở Tam Thập Tam thiên tại hội trường Sudhamma, ngay trong lúc ấy, nói lên bài kệ này:
Chớ để lòng phẫn nộ,
Nhiếp phục chi phối người!
Chớ để lòng sân hận5
Đối trị với sân hận!
Không phẫn nộ, vô hại,

Bậc Thánh thường an trú.
Phẫn nộ đối người ác,
Như núi đè bẹp người.
30 Bản tiếng Anh của PTS: Mildness (and Kindness), nghĩa là Hòa nhã (và Tử tế).

II. THIÊN NHÂN DUYÊN

(NIDẪNAVAGGA)

12. TƯƠNG ƯNG NHÂN DUYÊN (NIDÃNASAMYUTTA)

L PHẨM PHẬT-ĐÀ (BUDDHAK4GGA)

I. KINH DUYÊN KHỞI (PaIiccasamuppãdasutta)1 (S. II. 1)
1. Như vầy tôi nghe.
Một thòi, Thế Tôn ở Sãvatthi (Xá-vệ)9 tại Jetavana (Thắng Lâm), trong vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc).
Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:
-Này các Tỷ-kheo!
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.
r _ rrn 9 1 1 __ r
À_____ J. z
rri A _

FT11_ A FT1 _ r \ _ 1____ _____
Cac Ty-kheo ây vang dap The Ton. The Ton nói như sau:
Này các Tỷ-kheo9 Ta sẽ thuyết cho các ông về lý Duyên khởi. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.
Thưa vâng, bạch Thế Tôn.
Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo? thế nào là lý Duyên khởi? Này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già5 chêt, sâu, bi, khô? ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Này các Tỷ-kheo5 như vậy gọi là tập khởi. Nhimg do ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt; do hành diệt nên thức diệt; do thức diệt nên danh săc diệt; do danh săc diệt nên sáu xứ diệt; do sáu xứ diệt nên xúc diệt; do xúc diệt nên thọ diệt; do thọ diệt nên ái diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là đoạn diệt. Thế Tôn nói như vậy5 các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

1 Bản tiếng Anh của PTS: The Teaching, nghĩa là Giảo giới. Tham chiếu: Tdng.(02. 0125.49.5. 0797bl4).

IL KINH PHÂN BIỆT (Vỉbhangasutta)2 (5. II. 2) 2. Trú ở Sãvatthi (Xá-vệ)... Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết và phân tích3 cho các ông về lý Duyên khởi. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ^kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lý Duyên khởi? Này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh săc; danh săc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chêt5 sâu, bi, khô, ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là già chết? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác bị già yếu, suy nhược, hủ bại, tóc bạc? da nhăn, tuổi thọ tàn lụi? các căn chín muôi; đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này ha= thuộc bộ loại chúng sanh khác bị một diet, hủy hoại, tiêu mất, tử vong,4 các uẩn hư hoại9 thân thể hoại diệt, vứt bỏ; đây gqi là chết. Như vậy, đây là già? đây là chết. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là già chet. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sanh? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác bị sanh, xuất sanh, giáng sanh, đản sanh, sự xuất hiện các uẩn, sự thành tựu các xứ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sanh. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là hữu? Này các Tỷ-kheo, có ba hữu này: Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là hữu. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là thủ? Này các Tỷ-kheo5 có bốn thủ này: Dục thiỉ, kiến thủ, giới cấm thiỉ, ngã luận thủ. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là thủ. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là ái? Này các Tỷ-kheo, có sáu ái thân này: Sắc ái, thanh ái? hương ái, vị ái5 xúc ái9 pháp ái. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ái. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thọ? Này các Tỷ-kheo? có sáu thọ thân này: Thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thọ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xúc? Này các Tỷ-kheo? có sáu xúc thân này: Nhãn xúc, nhĩ xúc9 tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là xúc. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sáu xứ? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sáu xứ.

2 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.298. 0085all). 3 Vỉbhạiỉssãinỉ. Vỉbhạjỉ\ Phân chia, phân phái. Tăng đọàn của đức Phật về sau phân chia thành Phần Biệt bộ (Vibhajjavadins') hay Phân Tích bộ. Tham chiêu: M. II. 197, Subha Sutter, PC. xxxviii, xlf. 4 Maccu maranam. Chủ giải giải thích maccu là chết, có liên hệ đến tái sanh, nhưng không theo quan điểm Đoạn kiến.

Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là danh sắc? Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý; đây gọi là danh. Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo ra, đây gQÌ là sắc. Như vậy, đây là danh, đây là sắc. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là danh sắc. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là thức? Này các Tỷ-kheo, có sáu thức thân này: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Này các Tỷ- kheo, đây gọi là thức. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là hành? Này các Tỷ-kheo5 có ba hành này: Thân hành, khẩu hành, ý hành. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là

hành. Này các Tỷ-kheo5 thế nào là VO minh? Này các Tỷ-kheo, không rõ biết khổ5 không rõ biết khổ tập5 không rõ biết khổ diệt, không rõ biết con đường đưa đến khổ diệt. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô minh. Như vậy, này các Tỷ-kheo9 vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Nhimg do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt; do hành diệt nên thức diệt; do thức diệt nên danh sắc diệt; do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt; do sáu xứ diệt nên xúc diệt; do xúc diệt nên thọ diệt; do thọ diệt nên ái diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều diệt. Như vậy là ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn của toàn bộ khổ uẩn này. III. KINH CON ĐƯỜNG (PaḶipadãsutta) (S II. 4) 3. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo? Ta sẽ thuyết giảng cho các ông vê tà đạo và chánh đạo. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Và này các Tỷ-kheo? thế nào là tà đạo? Này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là tà đạo. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh đạo? Do ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt; do hành diệt nên thức diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là chánh đạo.

IV KINH VIPASSĨ(yìpassĩsuttd)5 (S II. 5) 4. Trú ở Sãvatthi... —Này các Tỷ-kheo? Thế Tôn Vipassĩ (Tỳ-bà-thi)? bậc A4a-hán Chánh Đẳng Giác, trước khi Ngài giác ngộ9 chưa chứng Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát đã

5 Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.366. OlOlaló).

khởi lên tư tưởng sau đây: "Thật sự thê giới này bị giam hãm trong khô não5 bị sanh, bị già5 bị chêt, bị đoạn diệt và bị tái sanh. Và từ nơi đau khô này, không biết xuất ly, thoát khỏi già và chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến xuất ly, thoát khỏi già và chết” Rôi này các Tỷ-kheo, Bô-tát Vipassĩ suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, già chết có mặt? Do duyên gì, già chết sanh kh&i?" Sau khi như lý tư duy, này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do sanh có mặt, già chết có mặt. Do duyên sanh, già chết sanh kh&i.” Rồi này các Tỷ-kheo? Bồ-tát Vipassĩ lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì có mặt? sanh có mặt? Do duyên gi, sanh sanh kh&i?" Sau khi như lý tư duy, này các Tỷ-kheo9 Bồ-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do hữu có mặt nên sanh có mặt. Do duyên hữu, sanh sanh kh&i." Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassĩ lại suy nghi như sau: “Do cái gì có mặt? hữu có mặt? Do duyên gì? hữu sanh kh&i?" R01 này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ? phát sinh minh kiến như sau: “Do thủ có mặt nên hữu có mặt. Do duyên thủ? hữu sanh khởi.,, Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassĩ lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì có mặt, thủ có mặt? Do duyên gì, thủ sanh kh&i?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ5 phát sinh minh kiến như sau: "Do ái có mặt nên thủ có mặt.

Do duyên ái? thủ sanh khởi.,, Rồi này các Tỷ-kheo? Bồ-tát Vipassĩ lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, ái có măt? Do duyên gì? ái sanh kh&i?" Rồi này các Tỷ-kheo5 sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do thọ có mặt nên ái có mặt. Do duyên thọ, ái sanh kh&i." Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassĩ lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, thọ có mặt? Do duyên gi, thọ sanh kh&i?" Rôi này các Tỷ-kheo? sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ? phát sinh minh kiến như sau: “Do xúc có mặt nên thọ có mặt. Do duyên xúc, thọ sanh kh&i." Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassĩ lại suy nghi như sau: "Do cái gì có mặt, xúc có mặt? Do duyên gi, xúc sanh kh&i?" Roi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ5 phát sinh minh kiến như sau: "Do sáu xứ có mặt nên xúc có mặt. Do duyên sáu xứ? xúc sanh khởi?5 Rồi này các Tỷ-kheo? Bồ-tát Vipassĩ lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, sáu xứ có mặt? Do duyên gi, sáu xứ sanh kh&i?" Rôi này các Ty.kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do danh sắc có mặt nên sáu xứ có mặt. Do duyên danh săc, sáu xứ sanh khởi.,, Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassĩ lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt? danh sắc có mặt? Do duyên gi, danh săc sanh kh&i?” Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bô-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ5 phát sinh minh kiên như sau: “Do thức có mặt nên danh săc có mặt. Do duyên thức, danh săc sanh khởi.59 Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassĩ lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có

mặt, thức có mặt? Do duyên gì5 thức sanh kh&i?" Rồi này các Tỷ-kheo5 sau khi như lý tư duy, Bô-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiên như sau: “Do hành có mặt nên thức có mặt. Do duyên hành, thức sanh kh&i." Rồi này các Tỷ-kheo5 Bồ-tát Vipassĩ lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì có mặt? hành có mặt? Do duyên gì? hành sanh kh&i?” Rồi này các Tỷ-kheo? sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ? phát sinh minh kiến như sau: "Do vô minh có mặt nên hành có mặt. Do duyên vô minh, hành sanh kh&i." Như vậy5 vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ải duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. "Tập khởi, tập khởr\ này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, với Bồ-tát Vipassĩ, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên? minh khởi lên, quang khởi lên. Và này các Tỷ-kheo9 Bồ-tát Vipassĩ lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nên già chết không có mặt? Do cái gì diệt nên già chết diet?” Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ5 phát sinh minh kiến như sau: "Do sanh không có mặt nên già chết không có mặt. Do sanh diệt nên già chết diet." Rồi này các Tỷ-kheo5 Bồ-tát Vipassĩ lại suy nghĩ như sau: :Cái gì không có mặt nên sanh không có mặt? Do cái gì diệt nên sanh diet?” Rồi này các Tỷ- kheo? sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do hữu không có mặt nên sanh không có mặt. Do hữu diệt nên sanh diet." Rồi này các Tỷ-kheo? Bồ-tát Vipassĩ lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nên hữu không có mặt? Do cái gì diệt nên hữu diệt?^, Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ? phát sinh minh kiến như sau: “Do thủ không có mặt nên hữu không có mặt. Do thủ diệt nên hữu diệt." Rồi này các Tỷ-kheo? Bồ-tát Vipassĩ lại suy

nghĩ như sau: “Cái gì không có mặt nên thủ không có mặt? Do cái gì diệt nên thủ diet?” Rồi này các Tỷ-kheo5 sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do ái không có mặt nên thủ không có mặt. Do ái diệt nên thủ diet.” Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassĩ lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nên ái không có mặt? Do cái gì diệt nên ái diet?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do thọ không có mặt nên ái không có mặt. Do thọ diệt nên ái diet." Rồi này các Tỷ-kheo? Bồ-tát Vipassĩ lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nên thọ không có mặt? Do cái gì diệt nên thọ diet?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy5 Bồ-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ5 phát sinh minh kiến như sau: "Do xúc không có mặt nên thọ không có mặt. Do xúc diệt nên thọ diet." Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassĩ lại suy nghĩ như sau: “Cái gì không có

mặt nên xúc không có mặt? Do cái gì diệt nên xúc diet?” Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do sáu xứ không có mặt nên xúc không có mặt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt.55 Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassĩ lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không CÓ mặt nên sáu xứ không có mặt? Do cái gì diệt nên sáu xứ diet?” Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do danh sắc khồng có mặt nên sáu xứ không có mặt. Do danh săc diệt nên sáu xứ diệt.,, Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassĩ lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì không có mặt nên danh sắc không có mặt? Do cái gì diệt nên danh săc diet?” Rôi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do thức không có mặt nên danh sắc không có mặt. Do thức diệt nên danh sắc diet.” Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassĩ lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt nên thức không có mặt? Do cái gì diệt nên thức diet?" Rồi này các Tỷ- kheo9 sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do hành không có mặt nên thức không có mặt. Do hành diệt nên thức diet." Rồi này các Tỷ-kheo5 Bồ-tát Vipassĩ lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt nên hành không có mặt? Do cái gì diệt nên hành diet?” Rồi này các Tỷ- kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassĩ nhờ trí tuệ5 phát sinh minh kiến như sau: "Do vô minh không có mặt nên hành không có mặt. Do vô minh diệt nên hành diet." Như vậy? do vô minh diệt nên hành diệt; do hành diệt nên thức diệt; do thức diệt nên danh sắc diệt; do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt; do sáu xứ diệt nên xúc diệt; do xúc diệt nên thọ diệt; do thọ diệt nên ái diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu? bi, khổ? ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. "Đoạn diệt, đoạn diet", này các Tỷ-kheo? đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, với Bồ-tát Vipassĩ, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên9 quang khởi lên. V KINH SIKHĨ (Sikhĩsuttă) (5. II. 9) 5. Này các Tỷ-kheo, với Thế Tôn Sikhĩ (Thi-khí), bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... (như trên). VI. KINH VESSABHŨ (Vessabhũsutta) (S. II. 9) 6. Rồi này các Tỷ-kheo? với Thế Tôn Vessabhũ (Tỳ-xá-phù)? bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... (như trên).

VII. KINH KAKUSANDHA (Kakusandhasutta) (5. II. 9) 7. Rồi này các Tỷ-kheo? với Thế Tôn Kakusandha (Câu-liru-tôíi), bậc A-la- hán Chánh Đăng Giác...(như trên).

VIII. KINH KONÃGAMANA (Konãgamanasutta) (5. II. 9) 8. Rồi này các Tỷ-kheo, với Thế Tôn Konãgamana (Câu-na-hàm)? bậc A-la- hán Chánh Đẳng Giác... (như trên).

IX. KINH KASSAPA (Kassapasutta) (5. II. 9) 9. Rồi này các Tỷ-kheo, với Thế Tôn Kassapa (Ca-diếp), bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... (như trên).

X. KINH GOTAMA (Gotamasutta)67(5. II. 9) 10. Thuở xua, này các Tỷ-kheo5 trước khi Ta giác ngộ5 chưa chứng Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát5 tư tưởng sau đây được khởi lên: "That sự thế giới này bị giam hãm trong khổ não? bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt và bị tái sanh. Và từ nơi đau khô này, không biêt xuât ly, thoát khỏi già và chêt; từ nơi đau khô này, không biết khi nào được biết đến xuất ly5 thoát khỏi già và chết." Rồi này các Tỷ-kheo? Ta lại suy nghĩ như sau: "Cái gì có mặt5 già chết có mặt? Do duyên gi, già chết sanh khởi?y Rồi này các Tỷ-kheo? sau khi như lý tư duy,7 nhờ trí tuệ, Ta phát sinh minh kiến như sau: "Do sanh có mặt5 già chết có mặt. Do duyên sanh, già chết sanh khởi.55 Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: uCái gì có mặt, sanh mới có mặt... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... hành... Do duyên gì hành sanh kh&i?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ5 Ta phát sinh minh kiến như sau: “Do vô minh có mặt nên hành có mặt. Do duyên vô minh nên hành sanh khởi?5 Như vậy9 vô minh duyên hành, hành duyên thức... (như trên)... hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. "Tập khỏi, tập khỏi", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính nơi Ta, nhãn khởi lên, trí khởi lên? tuệ khởi lên9 minh khởi lên5 quang khởi lên. Rồi này các Tỷ-kheo? Ta lại suy nghĩ như sau: "Cái ỆÌ không có mặt nên già chết không có mặt? Do cái gì diệt nên già chết diet?" Roi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy5 nhờ trí tuệ? Ta phát sinh minh kiên như sau: "Do sanh không có mặt nên già chết không có mặt. Do sanh diệt nên già chết diet." Rồi này các Tỷ-kheo5 Ta lại suy nghĩ như sau: “Cái gì không có mặt nên sanh không có mặt... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... hành... Do cái gì diệt nên hành diệt?,,

6 Bản tiếng Anh của PTS: Gotama the Great Seer of the Sakyas, nghĩa là Gotama - bậc Trí tuệ vĩ đại của dòng họ Thích-ca. 7 Yoniso, yoni: Có nghĩa là trung tâm, lỗ rún. Chủ giải giải thích là phương tiện. Yonỉso có nghĩa chú ý vào phương tiện, nguyên nhân.

Rồi này các Tỷ-kheo9 sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ, Ta phát sinh minh kiến như sau: "Do vô minh không có mặt nên hành không có mặt. Do vô minh diệt nên hành diệt?9 Như vậy9 do vô minh diệt nên hành diệt; do hành diệt nên thức diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. uĐoạn diệt, đoạn diet", này các Tỷ-kheo5 đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính nơi Ta, nhãn khởi lên, trí khởi lên5 tuệ khởi lên9 minh khởi lên, quang khởi lên.

II. PHẨM ĐỒ ĂN (ẴHẢRAVAGGA)

I. KINH CÁC LOẠI ĐỒ ĂN (Ẵhãrasuttdỷ (5. II. 11) 11. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi (Xá-ve), tại Jetavana (Thắng Lâm)? trong vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Này các Tỷ-kheo? có bốn loại đồ ăn8 9 này khiến cho các loại sanh vật hay các loại chúng sanh được tồn tại, hay khiến cho các loại sắp sanh thành được thọ sanh. Thế nào là bốn? [Một là] đoàn thực1011hoặc thô hoặc tế, hai là xúc thực, ba là tư niệm thực,11 bốn là thức thực.12 Này các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này khiến cho các loại sanh vật hay các loại chúng sanh được tồn tại, hay khiến cho các loại sắp sanh thành được thọ sanh. Và này các Tỷ-kheo5 bốn loại đồ ăn này do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Bốn loại đồ ăn này do ái làm nhân, do ái tập khởi5 do ái tác sanh, do ái làm cho hiện hữu. Ái này, này các Tỷ-kheo, do cái làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Ai do thọ làm nhân, do thọ tập khởi, do thọ tác sanh, do thọ làm cho hiện hữu. Thọ này, này các Tỷ-kheo9 do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Thọ do xúc làm nhân, do xúc tập khởi, do xúc tác sanh, do xúc làm cho hiện hữu. Xúc này? này các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Xúc do sáu xứ làm nhân, do sáu xứ tập khởi? do sáu xứ tác sanh, do sáu xứ làm cho hiện hữu. Sáu xứ này, này các Tỷ-kheo5 do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Sáu xứ do danh sắc làm nhân? do danh sắc tập khởi, do danh sắc tác sanh, do danh sắc làm cho hiện hữu. Danh sắc này, này các Tỷ-kheo? do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi5 do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Danh sắc do thức làm nhân, do thức tập khởi? do thức tác sanh, do thức làm cho hiện hữu.

8 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.371. 0101c25); Tăng.^ (T.02. 0125.29.3-4. 0656a29-0656c09) 9 Ẵhãrã. Ẵhar là đem đến, mang tới. Chủ giải giải thích Ẵhãrã là paccayã, vì các paccayã đem quả đến. A. V. 136 viết có 10 món ăn. 10 Chủ giải giải tlúch không có ý nghĩa gì trong thứ tự các món ăn. 11 Theo Chủ giải, manosancetanã, chỉ cho món ăn bồi dưỡng cho dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. 12 Vìnụãna ãhãrã: Thức thực. Theo Chủ giải, cutỉcỉtta (tử tâm) là tâm cuối cùng của đời sống, hành động đưa đên patỉsandhỉcỉtta (kiêt sanh thức), là quả cho giai đoạn đâu tiên mọi đời sông mới.

Thức này, này các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Thức do hành làm nhan, do hành tập khởi, do hành tác sanh, do hành làm cho hiện hữu. Các hành này, này các Tỷ-kheo5 do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Các hành này do vô minh làm nhân, do vô minh tập khởi, do vô minh tác sanh, do vô minh làm cho hiện hữu. Như vậy, này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành, hành duyên thức... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Nhưng do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn5 các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt... (như trên). Như vậy là toàn

bộ khổ uẩn này đoạn diệt. II. KINH MOẸĨYAPĨLAGGỈJ^A(MoIiyaphaggunasuttay 3 (5. II. 12) 12. Trú tại Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, có bôn loại đô ăn này khiên cho các loại sanh vật hay các loại chúng sanh được tồn tại, hay khiên cho các loại sắp sanh thành được thọ sanh. Thế nào là bốn? [Một là] đoàn thực hoặc thô hoặc tế, hai là xúc thực, ba là tư niệm thực5 bôn là thức thực. Này các Tỷ-kheo5 bôn loại đô ăn này khiên cho các loại sanh vật hay các loại chúng sanh được tồn tại, hay khiến cho các loại sắp sanh thành được thọ sanh. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả MoIiyaphagguna bạch Thế Tôn: - Bạch Thế T6n, ai ăn thức thực? Thê Tôn đáp: Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "C6 ai n.” Nếu Ta nói: "C6 kẻ n", thời câu hỏi: "C6 ai n?” là câu hỏi thích hợp. Nhung Ta không nói như vậy. Và vì Ta không nói như vậy nên nếu có ai hỏi Ta: "Bạch Thế Tôn, thức thực là cho ai?", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ớ đây5 câu trả lời thích hợp là như sau: "Thức thực là duyên cho sự sanh thành, cho sự tái sanh trong tương lai. Khi cái ấy hiện hữu, có mặt, thời sáu xứ có mặt. Do duyên sáu xứ, xúc có mặt." Bạch Thế Tôn? ai cảm xúc? Thê Tôn đáp: Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: “C6 kẻ cảm XIÌC." Nếu Ta nói: "C6 kẻ cảm xilc”thời câu hỏi: "Ai cảm xúc?55 là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Và vì Ta không nói như vậy nên nêu có ai hỏi Ta: "Bạch Thế Tôn5 do duyên gi, xúc sanh khởi?,\ thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở dây, câu trả lời thích hợp là như sau: "Do duyên sáu xứ5 xúc sanh khởi. Do duyên xúc, thọ sanh khởi.,, - Bạch Thế Tôn, ai cảm thọ? The Ton đáp:13

13 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.372. 0102al2).

Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "C6 người cảm thẹ)." Nếu Ta có nói: “C6 người cảm thq”, thời câu hỏi “Ai cảm thQ?” là câu hỏi thích hợp. Nhimg Ta không nói như vậy. Và vì Ta không nói như vậy nên nếu có ai hỏi Ta “Bạch Thế Tôn5 do duyên gì5 thọ sanh khởi?9\ thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây9 câu trả lời thích hợp là như sau: "Do duyên xúc, thọ sanh khởi. Do duyên thọ5 ái sanh khởi.^, Bạch Thế Tôn, ai khát ải? Thế Tôn đáp: Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: “C6 kẻ khát ái.” Nếu Ta nói: "C6 kẻ khát ái", thời câu hởi "Ai khát ái?" là câu hỏi thích hợp. Nhxmg Ta không nói như vậy. Và vì Ta không nói như vậy nên nếu có ai hỏi Ta: "Bạch Thế Tôn, do duyên gi, ái sanh kh&i?'\ thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây, câu trả lời thích hợp là như sau: "Do duyên thọ, ái sanh khởi. Do duyên ái, thủ sanh kh&i." —Bạch Thế Tôn? ai chấp thủ? Thê Tôn đáp: —Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "C6 kẻ chấp thủ?5 Nếu Ta nói: "C6 kẻ chấp thiỉ"thời câu hỏi "Ai chấp thủ?^, là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Và vì Ta không nói như vậy nên nếu có ai hỏi Ta: "Bạch The Ton, do duyên gì, thủ sanh khỏi?”thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây, câu trả lời thích hợp là như sau: "Do duyên ái, thủ sanh khởi. Do duyên thủ5 hữu sanh kh&i.” ... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Nhưng này Phagguna, do ly tham, đoạn diệt một cách hoàn toàn sáu xúc xứ nên xúc diệt; do xúc diệt nên thọ diệt; do thọ diệt nên ái diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nến già, chết, sầu, bi, khổ? ưu, não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. III. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN (Samanabrãhmanasutta)^ (5. II. 14) 13. Trú ở

Sãvatthi... -Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết rõ già chết, không biết rõ già chết tập khởi, không biết rõ gia chết đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt; không biết rõ sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức...; không biết rõ các hành, không biết rõ các hành tập khởi, không biết rõ các hành đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến các hành đoạn diệt; thời này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la- môn ấy không được Ta chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn5 hay là Bà-la- môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại5 cũng không có thể với thắng trí tự mình chứng ngộ5 chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh. Và này các Tỷ-kheo? những Sa-môn hay Bà-la-môn nào biêt rõ già chêt,

14 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.353. 0099ỒO2).

biết rõ già chết tập khởi, biết rõ già chết đoạn diet, biết rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt;... biết rõ sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức...; biết rõ các hành, biết rõ các hành tập khởi, biết rõ các hành đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến các hành đoạn diệt; thời này các Tỷ-kheo, các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được Ta chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn5 hay là Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại, có thể với thắng trí tự mình chứng ngộ5 chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh. ĨV. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI (Dutiyasamanabrahmanasutta) (S II. 15) 14. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo? những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết rõ những pháp này, không biết rõ những pháp này tập khởi5 không biết rõ những pháp này đoạn diệt, không biêt rõ con đường đưa đên những pháp này đoạn diệt. Những pháp gì họ không được biết rõ? Những pháp gì họ không được biết rõ tập khởi? Những pháp gì họ không được biết rõ đoạn diệt? Những pháp gì họ không được biết rõ con đường đưa đến đoạn diệt? Họ không biết rõ già chết; họ không biết rõ già chết tập khởi; họ không biết rõ già chết đoạn diệt; họ không biêt rõ con đường đưa đên già chêt đoạn diệt. Họ không biết rõ sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... đanh sắc... thức... Họ không biết rõ các hành... Họ không biết rõ các pháp này; họ không biết rõ những pháp này tập khởi; họ không biết rõ những pháp này đoạn diệt; họ không biết rõ con đường đưa đến những pháp này đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không được Ta chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn. Những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại5 cũng không có thể với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh. Và này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết rõ được những pháp này, biết rõ được những pháp này tập khỏi, biết rõ được những pháp này đoạn diet, biết rõ được con đường đưa đến những pháp này đoạn diệt. Họ biết rõ pháp gì? Họ biết rõ những phảp gì tập khởi? Họ biết rõ những pháp gì đoạn diệt? Họ biết rõ con đường đưa đến những pháp gì đoạn diệt? Họ biết rõ già chết; họ biết rõ già chết tập khởi; họ biết rõ già chết đoạn diệt; họ biết rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt. Họ biết rõ sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... Họ biết rõ các

hành; họ biết rõ các hành tập khởi; họ biết rõ các hành đoạn diệt; họ biết rõ con đường đưa đến các hành đoạn diệt. Họ biết rõ những pháp này; họ biết rõ những pháp này tập khởi; họ biet rõ những pháp này đoạn diệt; họ Diet rõ con đường đưa đên những pháp này đoạn diệt.

12. TƯƠNG ƯNG NHÂN DUYÊN « 301

Này các Tỷ-kheo? những Sa-môn hay Bà-la-môn ây được Ta châp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại có thể với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh. V. KINH KACCÃNAGOTTA (Kaccãnagottasuttay5 (5. II. 16) 15. Trú ở Sãvatthi (Xá-vệ). Rồi Tôn ẹiả Kaccãna^otta ^Ca-chiên-diên thi) đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ The Tôn rồi ngoi xuồng một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kaccãnagotta bạch Thế Tôn: “Chánh kiến5 chánh kiến", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế T6n, cho đến như thế nào là chánh kiến? Này Kaccãna, thế giới này phần lớn y chỉ vào hai cực đoan này: Có và không có.15 16 Này Kaccãna, ai với chánh trí tuệ thấy như chơn thế giới tập khởi, vị ấy không chấp nhận thế giới là không có. Này Kaccãna, ai với chánh trí tuệ thấy như chơn thế giới đoạn diệt, vị ấy không chấp nhận thế giới là có. Này Kaccãna, chấp thủ phương tiện và bị thiên kiến trói buộc, phần lớn thế giới này là vậy. Và ai với tâm không trú trước, không chấp thủ phương tiện ấy; không chấp thủ thiên chấp tùy miên ấy; không có chấp trước, không trú trước, vị ấy không có nghĩ: "Đây là tự nệẫ của tôi.,, Khi kho sanh thời xem là sanh, khi khổ diệt thời xem là diệt; vị ây không có nghi ngờ, không có phân vân, không duyên vào ai khác, trí ở đây là của vị ấy. Cho đến như vậy, này Kaccãna, là chánh kiến. "Tất cả là c6”này Kaccãna, là cực đoan thứ nhất. “Tất cả là không c6”là cực đoan thứ hai. Xa lìa hai cực đoan ấy, này Kaccãna, Như Lai thuyết pháp theo Trung đạo. Vo minh duyên hành. Hành duyên thức... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Nhimg do ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. VI. KINH VỊ THUYẾT PHÁP (Dhammakathikasutta)11 (S II. 17) 16. Tại Sãvatthi... Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngôi xuông một bên, Tỷ-kheo ây bạch Thê Tôn: —"Vi thuyết pháp, vị thuyết pháp”, bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thế Tôn? cho đến như thế nào là vị thuyết pháp?

15 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.301. 0085cl7); Tạp.(T.02. 0099.262. 0066b06). 16 Chủ giải giải thích những ai thấy có sự đoạn diệt của sự vật thì chấp đoạn, những ai thấy được có sự tập khơi của sự vật thì chấp thườiig. G Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.363-365. 0100c04-0101a06).

302 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ II. THIÊN NHÂN DUYÊN

-Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về yểm ly, ly tham, đoạn diệt già chết, như vậy là đủ để được gợi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo thực hành về yểm ly, ly tham, đoạn diệt già chết, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành các pháp và tùy pháp. Nếu

Tỷ-kheo giải thoát, không còn chấp thủ mọi yểm ly, ly tham, đoạn diệt già chết, như vậy là đủ đê được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niêt-bàn ngay trong đời sống hiện tại. Nêu Tỷ-kheo thuyêt pháp vê sự yem ly, ly tham, đoạn diệt sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... hành... (như trên). Neu Tỷ- kheo thuyết pháp về yểm ly, ly tham, đoạn diệt vô minh, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo thực hành về yểm ly5 ly tham, đoạn diệt vô minh, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành các pháp và tùy pháp. Nếu Tỷ-kheo giải thoát, không còn chấp thủ mọi yểm ly, ly tham, đoạn diệt vô minh, như vậy là đủ đê được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niêt-bàn ngay trong đời sống hiện tại. VIL KINH LÕA THÊ KASSAPA (Acelakassapasuttà)^ (5. II. 18) 17. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), VeỊuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Thế Tôn? vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Rặjagaha để khất thực. Lõa thể Kassapa thấy Thế Tôn từ xa đi đến. Sau khi thấy, lõa thể Kassapa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu5 liền đứng một bên. Đứng một bên? lõa thể Kassapa bạch Thế Tôn: Chúng tôi muốn hỏi Tôn giả Gotama về một vấn đề. Nếu Tôn giả Gotama cho phép, chúng tôi sẽ hỏi câu hỏi. Này Kassapa, nay không phải thời để hỏi. Chúng ta đã vào trong làng. Lần thứ hai? lõa thể Kassapa bạch Thế Tôn: Chúng tôi muốn hỏi Tôn giả Gotama về một vấn đề. Nếu Tôn giả Gotama cho phép, chúng tôi sẽ hỏi câu hỏi. Này Kassapa, nay không phải thời để hỏi. Chúng ta đã vào trong làng. Lân thứ ba, lõa thê Kassapa... (như trên). Chúng ta đã vào trong làng. Khi được nghe nói vậy5 lõa thể Kassapa bạch Thế Tôn: -Nhưng không phải chúng tôi muốn hỏi Tôn giả Gotama nhiều chuyện. -Vậy hãy hỏi đi5 này Kassapa, như ông muốn.

18 Bản tiếng Anh của PTS: The Unclothed (Ascetic), nghĩa là Lõa thể (Đạo sĩ). Tham chiếu: Tạp. ([.02. 0099.302. 0086a04); Phật vị A-chi-ỉa Ca-diếp tự hóa tắc khổ kỉnh (7.14.0499. 0768b 19).

12. TƯƠNG ƯNG NHÂN DUYÊN e 303

Thưa Tôn giả Gotama, có phải khổ do tự mình làm ra? The Tôn đáp: Không phải vậy? này Kassapa. Thưa Tôn giả Gotama, có phải khổ do người khác làm ra? Thê Tôn đáp: Không phải vậy, này Kassapa. Thưa Tôn giả Gotama, cỏ phải khô do mình làm ra và do người khác làm ra? Thê Tôn đáp: —Không phải vậy, này Kassapa. -Thưa Tôn giả Gotama, có phải khổ không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra? khổ do tự nhiên sanh? Thê Tôn đáp: Không phải vậy, này Kassapa. Thưa Tôn giả Gotama, có phải khổ không có? —Này Kassapa, không phải khô không có. Khô c6, này Kassapa. Như vậy, Tôn giả Gotama không biết, không thấy khổ? -Này Kassapa, không phải Ta không biết, không thấy khổ. Này Kassapa, Ta biết khổ. Này Kassapa, Ta thấy khổ. Được hỏi: "T6n giả Gotama, khổ có phải tự mình làm ra?" Ngài trả lời: "Không phải vậy, này Kassapa.” Được hỏi: "Tôn giả Gotama, khổ có phải do người khác làm ra?” Ngài trả lời: "Không phải vậy5 này Kassapa.” Được hỏi: "T6n giả Gotama, khổ có phải do tự mình làm ra và do người khác làm ra?" Ngài trả lời: "Không phải vậy, này Kassapa." Được hỏi: "T6n giả Gotama, có phải khổ không do tự mình làm ra và không do người

khác làm ra9 khổ do tự nhiên sanh?” Ngài trả lời: "Không phải vậy5 này Kassapa." Được hỏi: "Tôn giả Gotama, có phải khổ không c6?" Ngài trả lời: uKhông phải khổ khônệ cố. Khổ c6, này Kassapa." Được hỏi: “Nhu vậy5 Tôn giả Gotama không biêt, không thấy kh6?” Ngài trả lời: "Này Kassapa, không phải Ta không biết, không thấy kho. Này Kassapa, Ta biết khổ. Nàỵ Kassapa, Ta thấy kho?9 Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy nói lên cho con về kho; bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết cho con về khổ! Một người làm và chính người làm ấy cảm thọ [kết quả]. Này Kassapa, như ông gọi ban đầu: "Khổ do tự mình làm ra”, như vậy có nghĩa là thường kiến. Một người khác làm và một người khác cảm thọ. Này Kassapa, như vậy đối với người bị cảm thọ? được xảy ra như: "Khô do người khác làm ra”như vậy có nghĩa là đoạn kiên. Này Kassapa, từ bỏ hai cực đoan ây, Như Lai thuyêt pháp theo Trung đạo. Vô minh duyên hành, hành duyên thức... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập

khởi. Nhưng do ly tham và đoạn diệt hoàn toàn vô minh nên các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Khi được nghe nói vậy5 lõa thể Kassapa bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thế thấy sắc; cũng vậy? Chánh pháp đã được The Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Và nay con xin quy y Thế Tôn9 quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, con xin xuất gia với Thế Tôn? con xin thọ Đại giới. Này Kassapa, ai trước kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ Đại giới trong Pháp và Luật này, phải sống bốn tháng biệt trú; sau khi sống bốn tháng biệt trú, nếu chúng Tăng đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ Đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhimg Ta nhận thấy cá tánh con người sai biệt nhau. Bạch Thế Tôn? nếu ai trước kia là nẹoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ Đại giới trong Pháp và Luật này, phải sổng bốn tháng biệt trú; sau khi sống bốn tháng biệt trú, chúng Tăng nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ Đại giói, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm; sau khi sống biệt trú bốn năm nếu chúng Tăng đồng ý? mong chúng Tăng cho con xuất gia5 cho con thọ Đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Và lõa thể Kassapa được xuất gia với Thế Tôn và được thọ Đại giới. Thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Kassapa ở một mình, an tịnh, không phóng dật? sống nhiệt tâm, tinh cần. Và không bao lâu vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia chơn chánh đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh ngay trong đời sống hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị này chứng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.^,1920 Và Tôn giả Kassapa trở thành một vị A-la-hán nữa. VIII. KINH TIMBARUKA (Tỉmbarukasutt^ (S. II. 22) 18. Trú ở Sãvatthi. Rồi du sĩ Timbaruka đi đến Thế Tôn; sau khi đến? nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 du sĩ Timbaruka bạch Thế Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, có phải lạc, khổ tự mình làm ra? The Ton dap: Không phải vậy, này Timbaruka.

19 Chủ giải ệiải thích về sau không có danh sắc tương tự nữa. 20 Tham chiêu: Tạp.(T.02. 0099.303. 0086ỒỒ24).

Thưa Tôn giả Gotama, vậy có phải lạc? khổ do người khác làm ra? The Ton đáp: Không phải vậy, này Timbaruka. Thưa Tôn giả Gotama, vậy có phải lạc, khô do tự mình làm ra và do người khác làm ra? The Tôn đáp: Không phải vậy, này Timbaruka. Thưa Tôn giả Gotama, có phải lạc5 khổ không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, vậy có phải lạc, khổ do tự nhiên sanh? Thê Tôn đáp: Không phải vậy, này Timbaruka. Thưa Tôn giả Gotama, vậy có phải không có lạc, khổ? -Này Timbaruka, không phải không có lạc? khổ. Này Timbaruka, có lạc? khổ. Nếu vậy, Tôn giả Gotama không biết, không thấy lạc, khổ? -Này Timbanika, không phải Ta không biết, không thấy lạc, khổ. Này Timbaruka, Ta biết lạc, khổ. Này Timbaruka, Ta thấy lạc, khổ. Được hỏi: "Thua Tôn giả Gotama, có phải lạc5 khô do tự mình làm ra?" Ngài trả lời: "Không phải vậy, này Timbaruka.,, Được hỏi: "Thua Tôn giả Gotama, có phải lạc, khổ do người khác làm ra?" Ngài trả lời: "Không phải vậy5 này Timbaruka. Được hỏi: Thưa Ton giả Gotama, có phải lạc, khô do tự mình làm ra và do người khác làm ra?" Ngài đáp: uKhông phải vậy? này Timbaruka." Được hỏi: "Thua Tôn giả Gotama, có phải lạc, khổ không phải do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, có phải lạc, khổ do tự nhiên sanh?" Ngài đáp: "Kh6ng phải vậy, này Timbaruka.,, Được hỏi: "Thua Tôn giả Gotama, có phải lạc5 kho không c6?" Ngài đáp: uNày Timbaruka, không phải không có lạc, khổ, này Timbanika, có lạc5 khổ?9 Được hỏi: "Nhu vậy, Tôn giả Gotama không biết, không thấy lạc, kho?59 Ngài đáp: "Này Timbaruka, không phải Ta không biết, không ứiấy lạc, khổ. Này Timbaruka, Ta biết lạc, khổ. Này Timbaruka, Ta thấy lạc, khổ." Vậy Tôn giả Gotama hãy nói lên cho con về lạc, khổ. Vậy Tôn giả Gotama hãy thuyết cho con về lạc, khổ! —"Sịt cảm thọ và người cảm thọ là cùng một nguòi."2i Này Timbaruka, như ông nói ban đầu: "Lạc, khổ do tự mình làm ra", Ta nói không phải vậy. "Cảm thọ và người cảm thọ là khác nhau", này Timbaruka, như vậy đối với người bị cảm thọ: "Lạc, khổ do người khác làm ra", Ta nói không phải vậy. Này Timbaruka, từ bỏ hai cực đoan ây5 Như Lai thuyêt pháp theo Trung đạo. Vô minh duyên hành, hành duyên thức... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Do ly tham, đoạn diệt hoàn toàn vô minh nên các hành21

21 Sỡ vedanã, so vedayati: Cảm thọ và người cảm thọ. SA. II. 36 giải thích so vedỉyatỉ là cảm thọ như là kết quả, còn sã vedanã là cảm thọ như la nhân.

diệt. Do các hành diệt nên thức diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Khi được nghe nói vậy, du sĩ Timbaruka bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama!...(như trên). Và nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp5 quy y chúng Tỷ-kheo. Xin Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

IX. KINH BẬC HIỀN VÀ KẺ NGU (Bãỉapanặitasutta)22 (S II. 23) 19. Trú tại Sâvatthi... Đối với kẻ ngu, này các Tỷ-kheo5 bị vô minh che đậy5 bị tham ái hệ phược, thân này được khởi lên như sau: Chỉ có thân này và danh sắc ở ngoài. Như vậy là bộ hai này. Duyên bộ hai này có xúc, có sáu xứ. Do cảm xúc bởi chúng, hoặc một trong hai, người ngu cảm thọ lạc, khổ. Đối với bậc Hiền, này các Tỷ-kheo5 bị vô minh che đậy5 bị tham ái hệ phược, thân này được khởi lên như sau: Chỉ có thân này và danh sắc ở ngoài. Như vậy là bộ hai này. Duyên bộ hai này có xúc, có sáu xứ. Do cảm xúc bởi chúng, hoặc một trong hai, người Hiền cảm thọ lạc, khổ. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có gì phân biệt, có gì sai khác, có gì dị biệt giữa bậc Hiền và kẻ ngu? Bạch Thế Tôn, đối với chung con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản5 lấy Thế Tôn làm lãnh đạo? lấy Thế Tôn làm chỗ y chỉ. Bạch Thế T6n, lành thay? nếu Thế Tôn nói lên cho chúng con ý nghĩa lời nói này. Sau khi nghe Thế Tôn giảng, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. -Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói. Thưa vâng, bạch Thế Tôn. _ _ tin 9 • f t A A U1. £ _ r _____ _____ ; A rri A _ FT^i f A ___ r~ri A _ f • _ 1 Các vị Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: Này các Tỷ-kheo, bị vô minh che đậy và bị tham ái hệ phược, thân này của người ngu được sanh khởi. Vô minh ấy, người ngu không đoạn tận; tham ái ấy, người ngu không tận trừ. Vì sao? Này các Tỷ-kheo5 người ngu không sống Phạm hạnh, không chơn chánh đoạn trừ khổ đau. Do vậy5 người ngu khi thân hoại mạng chung, đi đến một thân khác.23 Do đi đến một thân khác, người ấy không giải thoát khỏi sanh, gi chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng: "Người ấy không thoát khỏi đau kho.,, Và này các Tỷ-kheo, bị vô minh che đậy5 bị tham ái hệ phược, thân người hiền trí được sanh khởi. Vô minh ấy, người hiền trí đoạn tận; tham ái ấy, người hiền trí tận trừ. Vì sao? Này các Tỷ-kheo? người hiền trí sống Phạm hạnh5 vì chơn chánh đoạn trừ khổ đau. Do vậy, người hiền trí khi thân hoại

22 Bản tiếng Anh của PTS: The Wise Man (Compared) with the Fool, nghĩa là Bậc Trí (so sảnh) với kẻ ngu. Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.294. 0083c23). 23 Chủ giải giải thích như là một người đi đến một thân tái sanh khác.

mạng chung không đi đến một thân khác. Do không đi đến một thân khác, vị ấy giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ5 ưu, não. Ta nói rằng: uVị ấy thoát khỏi đau khổ/9 Này các Tỷ-kheo5 đây là sự phân biệt, đây là sự sai khác? đây là sự dị biệt giữa bậc hiền trí và người ngu.

X. KINH DUYÊN (Paccayasutta)24 (5. II. 25) 20. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông lý Duyên khởi và các pháp Duyên sanh. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng. -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. r_ - ____ • p IT1 9 _ _ 1 _1_ _ _ Ạ_____ _ / • 4-2 _ r-r-11 FTH A rri A _ 1____ __ Các vị Tỷ-kheo ây vang đáp The Ton. The Tôn nói như sau: -Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là lý Duyên khởi? Do duyên sanh, này các Tỷ-kheo? già chết khởi lên. Dầu cho Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, an trú là giới tánh ấy, pháp trú tánh ấy5 pháp quyết định tánh ấy, y duyên tánh ấy.25 Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng đạt định lý ấy. Sau khi hoàn toàn chứng ngộ? hoàn toàn chứng dạt, Như Lai tuyên bố5 tuyên thuyết, tường thuyết, khai

hiển, khai thị, phân biệt5 minh hiển minh thị. Do duyên sanh, này các Tỷ-kheo, nên có già chết; do duyên hữu5 này các Tỷ-kheo5 nên có sanh; do duyên thủ, này các Tỷ-kheo, nên có hữu; do duyên ái, này các Tỷ-kheo? nên có thủ; do duyên thọ5 này các Tỷ-kheo, nên có ái; do duyên xúc, này các Tỷ-kheo5 nên có thọ; do duyên sáu xứ, này các Tỷ-kheo5 nên có xúc; do duyên danh sắc, này các Tỷ-kheo, nên có sáu xứ; do duyên thức, này các Tỷ-kheo, nên có danh sắc; do duyên các hành, này các Tỷ-kheo, nên có thức; do duyên vô minh, này các Tỷ-kheo, nên có hành. Dâu cho Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, an trú là giới tánh ây? pháp trú tánh ây, pháp quyêt định tánh ây9 y duyên tánh ấy. Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng đạt tánh ấy. Sau khi hoàn toàn chứng ngộ9 hoàn toàn chứng dạt, Như Lai tuyên bố? tuyên thuyết, tường thuyết, khai hiển, khai thị5 phân biệt, minh hiển minh thị. Do duyên vô minh, này các Tỷ-kheo5 có các hành. Như vậy5 này các Tỷ- kheo, ở đây là như tánh, bất hư vọng tánh? bất dị như tánh, y duyên tánh ấy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là lý Duyên khởi. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là pháp Duyên sanh? Già chết, này các Tỷ- kheo5 là vô thường, hữu vi, duyên sanh, biến hoại tánh, biến diệt tánh, ly tham tánh, đoạn diệt tánh.

24 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.292. 0084Ồ12). 25 Bốn danh từ này được Chủ giải giải thích như sau: ^Thỉtãvasã dhãtũtf\ lý Dụyên sanh này lụôn như vậy, không có sanh, gia, chết nao ma không có nhân duyên. Hai đoạn kế tiếp, Thế Tôn chỉ dạy về duyên. Do duyên nên các pháp khởi len ton tại, do vạy nên gọi là pháp tru tanh ay. Cac duyên quyêt định hay an trú các pháp, do vậy được gọi là pháp quyết định tanh. Các duyên của sanh... là các duyên đạc biệt, và các duyên đặc biệt được gọi là y duyên tánh.

Sanh, này các Tỷ-kheo, là vô thường, hữu vi, duyên sanh, biến hoại tánh, biến diệt tánh, ly tham tánh, đoạn diệt tánh. Hữu, này các Tỷ-kheo? là vô thường, hữu vi, duyên sanh, biến hoại tánh, biến diệt tánh, ly tham tánh, đoạn diệt tánh. Thủ, này các Tỷ-kheo... Ái5 này các Tỷ-kheo... Thọ, này các Tỷ-kheo... Xúc5 này các Tỷ-kheo... Sáu xứ, này các Tỷ-kheo... Danh sắc, này các Tỷ- kheo... Thức, này các Tỷ-kheo... Các hành5 này các Tỷ-kheo... Vô minh, này các Tỷ-kheo, là vô thường, hữu vi, duyên sanh, biến hoại tánh, biến diệt tánh, ly tham tánh, đoạn diệt tánh. Những pháp này, này các Tỷ- kheo, được gọi là pháp Duyên sanh. Do Vnày các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử khéo thấy như chơn với chánh trí tuệ lý Duyên khởi này và các pháp Duyên sanh này, nên chắc chắn vị ấy không chạy theo quá khứ [với những câu hỏi]: "Ta có mặt trong quá khứ? Ta không có mặt trong quá khứ? Ta là gì trong quá khứ? Ta có mặt như thế nào trong quá khứ? Hay trước ta đã là gi, và trong quá khứ ta là gi?" Hay không chạy theo tương lai [với những câu hỏi]: "Ta có mặt trong tương lai? Ta không có mặt trong tương lai? Ta sẽ làm gì trong tương lai? Ta có mặt như thế nào trong tương lai? Hay trước ta là gì, và trong tương lai ta sẽ là gi?" Hay nay các vị ấy sẽ khởi lên những nghi ngờ về tự mình trong hiện tại như sau: "Ta hiện có mặt? Ta hiện không có mặt? Ta hiện là gì? Ta hiện có mặt như thế nào?" Sự kiện như vậy không xảy ra. Vì sao? Vì rằng vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đã khéo thấy như chơn với chánh trí tuệ lý Duyên khởi này cùng với

các pháp Duyên sanh này.

12. TƯƠNG ƯNG NHÂN DUYÊN « 309

IIL PHẨM MƯỜI Lực (DASABALAK4GGA)

I. KINH MƯỜI Lực (Dasabaỉasutta)2627 (S II. 27) 21. Trú ở Sãvatthi... -Này các Tỷ-kheo, Như Lai đầy đủ mười lực, đầy đủ bốn vô sở úy? tự nhận vị trí Ngim vương,27 rống tiếng rống con sư tử giữa hội chúng, chuyển pháp luân28 và nói rằng: "Bây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là tho, đây là thọ tập kh&i, đây là thọ đoạn diệt. Đây là tưởng, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng đoạn diệt. Đây là hành, đây là hành tập khởi, đây là hành đoạn diệt. Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt.99 Như vậy? do cái này có mặt, cái kia có mặt. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này diet, cái kia diệt. Nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Do ly tham, đoạn diệt hoàn toàn vô minh nên hành diệt; do hành diệt nên thức diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

II. KINH MƯỜI Lực THỨ HAI (Dutiyadasabalasutta)29 (S II. 28) 22. Trú tại Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo9 Như Lai đây đủ mười lực? bôn vô sở úy... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt... Như vậy. này các Tỷ-kheo5 pháp được Ta khéo thuyết, hiển thị, khai thị, hiển lộ5 các buộc ràng30 được cắt đoạn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, với pháp được Ta khéo thuyết, hiển thị? khai th] hiển lộ9 các buộc ràng được cắt đoạn, thật là đủ cho thiện nam tử do lòng tin xuất gia có thê bắt đâu tinh tân [hành trì và nguyện]. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, với pháp được Ta khéo thuyết, hiển thị, khai thị, hiển l, các buộc ràng được cắt đoạn. Chắc chắn dầu chỉ còn lại da, gân và xương trên thân; dầu thịt, máu trở thành khô cạn; mong răng tinh tân lực sẽ được kiên trì đê chứng đăc những gì

26 Mười lực và 4 vô sở úy được giải thích rõ ràng trong s. L 109; M. L 69. Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0l25.46.3.0776al8). ~ ' - 27 Chủ giải'. Vị trí tối thượng, tối tôn, vị trí chư Phật quá khứ. 28 Thường viết là Dhammacakka. Trong kinh này và trong M. I. 69 được viết là Brahmacakka. 29 Tham ăiiếu: Tạp.(T.02. 0099.348. 0098aĩ3). ' 30 Chỉnnapiỉotỉka'. Có quần áo cắt may sẵn. Xem J. I. 220.

310 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ II. THIÊN NHÂN DUYÊN

chưa chứng dắc, nhờ trượng phu lực5 nhờ trượng phu tinh tấn, nhờ trượng phu cần dõng.31 Khổ thay, này các Tỷ-kheo9 là người sống biếng nhác, dính đầy các pháp ác, bất thiện và mục đích lớn bị suy giảm! An lạc thay, này các Tỷ-kheo, là người sống tinh cần5 tinh tấn, viễn ly các ác, bất thiện pháp và mục đích lớn được viên mãn! Này các Tỷ-kheo5 không phải với cái hạ liệt có thê đạt được cái cao thượng. Này các Tỷ-kheo, phải với cái cao thượng mới đạt được cái cao thượng. Đáng được tán thán, này các Tỷ-kheo, là Phạm hạnh này với sự có mặt của bậc Đạo sư. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy tinh tấn lên để chứng đạt những gì chưa chứng dạt, để chứng đắc những gì chưa chứng dắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Có vậy, sự xuất gia này của chúng ta sẽ không phải trông không? mà có kết quả, có thành tích (saudrayã). Và những vật dụng

chúng ta thọ dụng như y phục, = • đô ăn khât . thực, * sàng tọa, . thuôc trị * bệnh, • , dâu . cho những thứ này là khiêm tôn (yokãro), đôi với chúng ta sẽ có quả lớn5 có lợi ích lớn. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. Này các Tỷ-kheo, thấy được tự lợi là vừa đủ để tinh tấn, không phóng dật. Hay này các Tỷ-kheo, khi thấy lợi tha là vừa đủ để tinh tấn, không phóng dật. Hay này các Tỷ-kheo, thấy lợi cả hai, là vừa đủ để tinh tấn, không phóng dật. IIL KINH DUYÊN (Upanisasutía) (5. II. 29) 23. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo5 đối với người biết; này các Tỷ-kheo? đối với người thấy; Ta nói các lậu hoặc được đoạn diệt, không phải đối với người không biết, không phải đối với người không thấy. Và này các Tỷ-kheo5 như thế nào đối với người biết, đối với người thấy, các lậu hoặc được đoạn diệt? Đây là sắc, đây là sắc tập khởi? đây là sắc đoạn diệt; đây là thọ... đây là tưởng... đây là hành... đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đôi với người biêt; như vậy, đôi với người thấy, các lậu hoặc được đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo5 trong đoạn diệt ây, trí vê đoạn diet, Ta nói răng trí ây có duyên, không phải không có duyên. Và này các Tỷ-kheo, duyên của trí về đoạn diệt là gì? Giải thoát là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo5 Ta nói rằng giải thoát có duyên, không phải không có duyên. Và này các Tỷ-kheo, duyên của giải thoát là gì? Ly tham là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng ly tham có duyên, không phải không có duyên.

31 Xem y II. 275 (kinh 237 ở sau); M. I. 481; 4 I. 50.

12. TƯƠNG ƯNG NHÂN DUYÊN $ 311

Và này các Tỷ-kheo5 duyên của ly tham là gì? Yểm ly là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng yểm ly có duyên, không phải không có duyên. Và này các Tỷ-kheo5 duyên của yêm ly là gì? Tri kiên như chơn là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo5 Ta nói răng tri kiên như chơn có duyên5 không phải không có duyên. Và này các Tỷ-kheo5 duyên của tri kiến như chơn là gì? Định là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo5 Ta nói rằng định có duyên, không phải không có duyên. Và này các Tỷ-kheo, duyên củạ định là gì? Lạc là câu trả lời. Này các Tỷ- kheo, Ta nói rằng lạc có duyên, không phải không có duyên. Này các Tỷ-kheo, duyên của lạc là gì? Khinh an là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng khinh an có duyên, không phải không có duyên. Và này các Tỵ-kheo9 duyên của khinh an là gì? Hỷ là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo5 Ta nói rằng hỷ có duyên, không phải không có duyên. Và này các Tỵ-kheo? duyên của hỷ là gì? Hân hoan32 là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo? Ta nói răng hân hoan có duyên, không phải không có duyên. Và này các Tỷ-kheo? duyên của hân hoan là gì? Lòng tin là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng lòng tin có duyên, không phải không có duyên. Và này các Tỵ-kheo, duyên của lòng tin là gì? Khổ là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo9 Ta nói răng khô có duyên, không phải không có duyên. Và này các Tỷ-kheo, duyên của khổ là gì? Sanh là câu trả lời. Này các Tỷ- kheo, Ta nói răng sanh có duyên, không phải không có duyên. Và này các Tỵ-kheo? duyên của sanh là gì? Hữu là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo5 Ta nói răng hữu có duyên, không phải không có duyên. Và này các Tỷ-kheo, duyên của hữu là gì? Thủ là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo5 Ta nói rằng thủ có duyên, không phải không có duyên. Và này các Tỷ-kheo? duyên của thủ là gì? Ái là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo5 Ta nói rằng ái có duyên5 không

phải không có duyên. Và này các Tỷ-kheo5 duyên của ái là gì? Thọ là câu trả lời... (như trên)... Xúc là câu trả lời... Sáu xứ là câu trả lời... Danh sắc là câu trả lời... Thức là câu trả lời... Hành là câu trả lời. Và này các Tỷ-kheo, Ta nói răng hành có duyên, không phải không có duyên. Và này các Tỷ-kheo? duyên của hành là gì? Vô minh là câu trả lời. Như vậy, này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ

32 Theo Chú giải, pamojja nghĩa là hân hoan (nhẹ nhàng hơn pītī).

duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên khổ; khổ duyên tín; tín duyên hân hoan; hân hoan duyên hỷ; hỷ duyên khinh an; khinh an duyên lạc; lạc duyên định; định duyên tri kiến như chơn; tri kiến như chơn duyên yểm ly; yểm ly duyên ly tham; ly tham duyên giải thoát; giải thoát duyên trí về đoạn diết. Ví như? này các Tỷ-kheo, trên đỉnh núi, trời mưa nặng hạt và nước chảy theo triền thấp, tràn đầy hang núi5 khe núi, thung lũnệ. Khi các hang núi, khe núi? thung lũng được tràn đầy thời ao nhỏ được tràn đay; ao nhỏ được tràn đầy thời ao lớn được tràn đầy; ao lớn được tràn đầy thời sông nhỏ được tràn đầy; sông nhỏ được tràn đầy thời sông lớn được tràn đầy; sông lớn được tràn đấy thời biển lớn, đại dương được tràn đầy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh săc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên khổ; khổ duyên tín; tín duyên hân hoan; hân hoan duyên hỷ; hỷ duyên khinh an; khinh an duyên lạc; lạc duyên định; định duyên tri kiến như chơn; tri kiến như chơn duyên yểm ly; yểm ly duyên ly tham; ly tham duyên giải thoát; giải thoát duyên trí về đoạn diết.

IV. KINH NGOẠI ĐẠO SƯ (Aniiatitthiyasutta) (S II. 32) 24. Trú ở Rājagaha (Vương Xá)? tại Veḷuvana (Trúc Lâm). Tôn giả Sāriputta, vào buôi sáng? đăp y, câm y bát, đi vào Vương Xá đê khất thực. Rồi Tôn giả Sāriputta suy nghĩ: “That là quá sớm để vào Vương Xá khất thực. Ta hãy đi đến vườn của các du sĩ ngoại đạo." Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến vườn của các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với những du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, Tôn giả liền ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với Tôn giả Sāriputta đang ngồi xuống một bên: Này Hiền giả Sāriputta, có một số Sa-môn5 Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm. Này Hiền giả Sāriputta, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do người khác làm. Này Hiền giả Sāriputta, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm. Này Hiền giả Sāriputta, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh. Ở đây5 này Hiền giả Sāriputta, Sa-môn Gotama thuyết như thế nào, tuyên bố như thế nào? Và chúng tôi trả lời như thế nào để đáp đúng lời Sa-môn Gotama tuyên bố, chúng tôi không xuyên tạc Sa-môn Gotama không đúng sự thực, pháp chúng tôi trả lời là thuận pháp9 và không một vị đồng pháp nào muốn cật vân có thể tìm được lý do để chỉ trích?

Chư Hiền giả, Thế Tôn đã nói khổ do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là đáp đúng lời Thế Tôn tuyên bố, không xuyên tạc Thế Tôn không đúng sự thật, pháỊ) được trả lời là thuận pháp, và không một vị đồng pháp nào muốn cật vấn có thể tìm được lý do để chỉ trích. ở đay, này chư Hiền, những Salmon, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bo khổ do tự mình làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do người khác làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những Sa-môn5 Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh; khổ ấy chính do duyên xúc. ỏ đay, này chư Hiền, những Sa-môn5 Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đen xúc; sự kiện như vậỵ không xảy ra. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bô khổ do người khác làm, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bô khổ do tự mình làm và do người khác làm, họ chắc chắn có the tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy khônẹ xảy ra. Và những Sa-môn5 Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố kho không do tự mình làm và không do người khác làm? khổ do tự nhiên sanh, họ chăc chăn có thê tự cảm thọ không cân đên xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. Tôn giả Ãnanda nghe câu chuyện giữa Tôn giả Sãriputta với các du sĩ ngoại đạo ấy. Rồi Tôn giả Ãnanda đi khất thực ở Vương Xá xong, sau bữa ăn? trên con đường trở về5 đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda đem tất cả câu chuyện xảy ra giữa Tôn giả Săriputta và các du sĩ ngoại đạo trình bày lên Thế Tôn. Lành thay, lành thay, này Ãnanda! Sãriputta trả lời như vậy là trả lời một cách chơn chánh. Này Ãnanda, Ta nói rằng khổ do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là đáp đúng lời Ta tuyên bố, không xuyên tạc Ta không đúng sự thật, và không một vị đồng pháp nào muốn cật vấn có thể tìm được lý do để chỉ trích. Ở đây, này Ãnanda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những Sa-môn? Bà-la-môn nào... (như trên). Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm, và không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh; khổ ấy chính do duyên xúc. Ở đây, này Ãnanda, những Sa-môn9 Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khô do tự mình làm, họ chăc chăn có thê tự cảm thọ không càn đên xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào... (như trên).

Những Sa-môn9 Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh, họ chắc chắn có thê tự cảm thọ không cân đên xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. Này Ananda, một thời, Ta trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi này Ananda, vào buổi sáng5

Ta đắp y, cầm y bát, đi vào Vương Xá để khất thực. Rồi này Ananda, Ta suy nghĩ như sau: "Thật là quá sớm đi vào Vương Xá để khất thực. Vậy Ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo?5 Rồi này Ãnanda, Ta đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến? Ta nói lên với những du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, Ta ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với Ta đang ngồi một bên: Này Hiên giả Gotama, có một sô Sa-môn5 Bà-la-môn chủ trương vê nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm. Này Hiền giả Gotama, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do người khác làm. Này Hiền giả Gotama? lại có một số Sa-môn5 Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm. Này Hiền giả Gotama, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm và không do người khác làm, khô do tự nhiên sanh. Ở đây5 Tôn giả Gotama thuyết như thế nào? Chúng tôi trả lời như thế nào để đáp đúng lời Tôn giả Gotama tuyên bố? chúng tôi không xuyên tạc Tôn giả Gotama không đúng sự that, pháp chúng tôi trả lời là thuận pháp, và không một vị đồng pháp nào muốn cật vấn có thể tìm được lý do để chỉ trích? Khi được nghe nói vậy, này Ãnanda, Ta nói với các du sĩ ngoại đạo ấy: -Này chư Hiền, Ta đã nói khổ do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là đáp đúng lời Ta tuyên bố, không xuyên tạc Ta không đúng sự thật, pháp được trả lời là thuận pháp, và không một vị đồng pháp nào muốn cạt vẩn có thể tìm được lý do để chỉ trích. Ở đây5 chư Hiền giả? những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những Sa-môn9 Bà-la-môn nào... (như trên). Những Sa-môn? Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm và không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh; khổ ấy chính do duyên xúc. Ở đây5 chư Hiền giả, những Sa-môn? Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm5 họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. Những Sa-môn5 Bà-la-môn... (như trên). Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra.

12. TƯƠNG ƯNG NHÂN DUYÊN 315

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Làm sao tất cả nghĩa được nói chỉ trong một câu? Bạch Thế Tôn, nếu nghĩa này được nói rộng ra5 nghĩa này sẽ sâu thăm và có vẻ được xem là sâu thăm.33 -Vậy này Ãnanda, ông hãy trình bày nghĩa ấy ở đây. Bạch Thế Tôn, nếu họ hỏi con: "Này Hiền giả Ãnanda, già chết lấy gì làm nhan5 lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy5 bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như sau: "Già chết, thưa các Tôn giả, lấy sanh làm nhân, lấy sanh tập khởi, lấy sanh tác sanh, lấy sanh làm hiện hữu." Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn? con trả lời như vậy. Bạch Thế Tôn, nếu họ hỏi con: "Này Hiền giả Ãnanda, sanh lấy gì làm nhan5 lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?' Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn5 con sẽ trả lời như sau: Sanh, thưa các Tôn giả, lấy hữu làm nhân, lấy hữu tập khởi, lấy hữu tác sanh, lấy hữu làm hiện hữu." Được hỏi vậy5 bạch Thế Tôn5 con trả lời như vậy. Bạch Thế Tôn, nếu họ hỏi con: "Này Hiền giả Ãnanda, hữu lấy

gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh5 lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn9 con sẽ trả lời như sau: "Hữu, thưa các Tôn giả, lấy thủ làm nhân, lấy thủ tập khởi, lấy thủ tác sanh, lấy thủ làm hiện hữu." Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy. Bạch Thế Tôn5 nếu họ hỏi con: "Này Hiền giả Ãnanda, thủ lấy gi làm nhân... ái lấy gì làm nhân... thọ lấy gì làm nhan... (như trOn)... Bạch The Tôn, nếu họ hỏi con: "Này Hiền giả Ananda, xúc lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?,, Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như sau: "Xúc, thưa các Hiền giả5 lấy sáu xứ làm nhân, lấy sáu xứ tập khởi, lấy sáu xứ tác sanh, lấy sáu xứ làm hiện hữu. Thưa các Hiền giả, do sự ly tham, đoạn diệt hoàn toàn các xúc xứ, xúc được đoạn diệt; do xúc diet, thọ diệt; do thọ diệt, ái diệt; do ái diệt, thủ diệt; do thủ diệt, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.,, Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

V. KINH BHŨMUA (Bhũmịịasutta)34 (S. II. 37) 25. Trú ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Bhumija, vào buổi chiều, từ chỗ độc cư thiền tịnh đứng đậy5 đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sãriputta những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuông một bên, Tôn giả Bhumija thưa Tôn giả Sãriputta: —Hiền giả Sãriputta, có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc, khổ do tự mình làm. Hiền giả Sãriputta, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc, khổ do người khác làm. Hiền

33.Xem y II. 92 (kinh 60 ở sau); D. II. 50. 34 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.343. 0093ỒỒ25).

giả Sãriputta5 lại có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc, khổ do tự mình làm và do người khác làm. Hiền giả Sãriputta, lại có những Sa-môn5 Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc, khổ không do tự mình làm, không do người khác làm; lạc, khổ do tự nhiên sanh. ,Ở đây, này Hiền giả Sãriputta, Thế Tôn thuyết như thế nào, tuyên bố như thế nào? Và chúng tôi trả lời như thế nào để đáp đúng lời Thế Tôn tuyên bố? chúng tôi không xuyên tạc Thế Tôn không đúng sự thật, pháp chúng tôi trả lời là thuận pháp, và không một vị đồng pháp nào muốn cật vấn có thể tìm được lý do để chi trích? Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói lạc, khổ do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là đáp đúng lời Thế Tôn tuyên bố, không xuyên tạc Thế Tôn không đúng sự thật, pháp được trả lời là thuận pháp, và không một vị đồng pháp nào muốn cật vấn có thể tìm được lý do để chỉ trích. Ỏ dây, này Hiền giả, những Sa-môn5 Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc5 khổ do tự mình làm; lạc, khổ ấy chính do duyên xúc. Những Sa- môn5 Bà-la-môn nào... (như trên). Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc, khổ không do tự mình làm, không do người khác làm; lạc, khổ do tự nhiên sanh; lạc, khổ ấy chính do duyên xúc. Ó dây, này Hiền giả, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc, khổ do tự mình làm, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cân đen xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. Những Sa-môn? Bà-la-môn nào... (như trên). Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc, khổ không do tự mình làm, không do người khác làm; lạc, khổ do tự nhiên sanh, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ

không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. Tôn giả Ānanda được nghe chuyện này giữa Tôn giả Sāriputta với Tôn giả Bhumija. Roi Tôn giả Ananda đi đen The Tôn; sau khi đen, đảnh lê Thê Tôn roi ngôi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda đem tất cả câu chuyện xảy ra giữa Tôn giả Sāriputta với Tôn giả Bhumija bạch lên Thế Tôn. -Lành thay, lành thay! Này Ānanda, Sāriputta trả lời như vậy là trả lời một cách chơn chánh. Này Ānanda, Ta nói rằng khổ là do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là đáp đúng lời Ta tuyên bố? không xuyên tạc Ta không đúng sự that, pháp được trả lời là thuận pháp và không một vị đồng pháp nào muốn cật vấn Ta có thê tìm được lý do đê chỉ trích. Ở dây, này Ānanda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc9 khổ do tự mình làm; lạc, khổ ấy chính do duyên xúc. Những Sa- môn, Bà-la-môn nào... (như trên). Những Sa-môn5 Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc, khổ không do tự mình làm, không do người khác làm; lạc, khổ do tự nhiên sanh; lạc, khổ ấy chính do duyên xúc. Ở đây, này Ānanda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp,

tuyên bố lạc, khổ do tự mình làm, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đên xúc; sự kiện ấy không xảy ra. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào... (như trên). Những Sa-môn5 Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc, khổ không do tự mình làm, không do người khác làm; lạc, khổ do tự nhiên sanh, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện ấy không xảy ra. Này Ānanda, chỗ nào có thân, do nhân thân tư niệm, thời nội thân khởi lên lạc, khổ. Chỗ nào có lời nói, này Ānanda, do nhân khẩu tư niệm, thời nội thân khởi lên lạc, khổ. Chỗ nào có ý, này Ānanda, do nhân ý tư niệm, thời nội thân khởi lên lạc, khổ. Và do duyên vô minh, hoặc tự mình, này Ānanda, làm các thân hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ. Hoặc do người khác, này Ānanda, làm các thân hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ. Hoặc với ý thức rõ ràng, này Ānanda, làm các thân hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ. Hoặc không với ý thức rõ ràng, này Ānanda, làm các thân hành; do duyên ấy5 nội thân khởi lên lạc, khổ. Hoặc tự minh, này Ănanda, làm các khẩu hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ. Hoặc do người khác, này Ānanda, làm các khẩu hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ. Hoặc với ý thức rõ ràng, này Ananda,...(như trên). Hoặc không với ý thức rõ ràng, này Ānanda, làm các khẩu hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ. Hoặc tự mình, này Ānanda, làm các ý hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ. Hoặc do người khác, này Ananda, làm các ý hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ. Hoặc với ý thức rõ ràng, này Ānanda,... (như trên). Hoặc không với ý thức rõ ràng, này Ānanda, làm các ý hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ. Này Ānanda, những pháp này đều bị vô minh chi phối. Này Ānanda, với ly tham, đoạn diệt hoàn toàn vô minh; thân ấy không c6, do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ; khẩu ấy không có, do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ; ý ấy không c6, do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc? khổ. Chúng không phải là đồng ruộng... chúng không phải là căn cứ... chúng không phải là xứ35... chúng không phải là luận sự, do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ.

VI. KINH UPAVÃNA (Upavãnasutta) (5. IL 41) 26. Trú ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả upavãna (Ưu-ba-ma-na) đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên9 Tôn giả ưpavãna bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, có những Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố khổ do tự mình làm. Bạch Thế Tôn5 lại có những Sa-môn5 Bà-la-môn tuyên bố khổ do người khác làm. Bạch Thế Tôn? lại có những Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm. Bạch Thế Tôn, lại có những Sa-môn, Bà-la-

35 Chủ giải giải thích 3 danh từ này là đồng ruộng để phát triển, là căn cứ để xây dựng, là căn cứ vào một nguyên nhân.

môn tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh. Ở đây5 bạch Thế Tôn? Thế Tôn thuyết như thế nào5 tuyên bố như thế nào? Và chúng con trả lời như thế nào để đáp đúng lời Thế Tôn tuyên bố, chúng con không xuyên tạc Thế Tôn không đúng sự thật, pháp chúng con trả lời là thuận pháp, và không một vị đồng pháp nào muốn cật van có thể tìm được lý do để chỉ trích? Này Upavãna, Ta đã nói khổ do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là đáp đúng lời Ta tuyên bố, không xuyên tạc Ta không đúng sự thật? pháp được trả lời là thuận pháp, và không một vị đồng pháp nào muốn cật vấn có thể tìm được lý do để chỉ trích. Ở dây, này Upavãna, những Sa-môn, Bà-la-môn nào tuyên bố khổ do tự mình làm ra; khổ ấy chính do duyên xúc. Những Sa-môn5 Bà-la-môn nào... (như trên). Những Sa-môn, Bà-la-môn nào tuyên bố khổ không do mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh; khổ ấy chính do duyên xúc. Ở đây. này Upavãna. những Sa-môn. Bà-la-môn nào tuyên bố khổ do tự mình làm, họ chăc chăn có thê tự cảm thọ không cân đên xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào... (như trên). Những Sa-môn5 Bà-la-môn nào tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, khô do tự nhiên sanh, họ chăc chăn có thê tự cảm thọ không cân đên xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. VII. KINH DUYÊN (Paccayasutta) (S. II. 42) 27. Trú ở Sãvatthi... -Này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành, hành duyên thức... (như trên). Như vậy là tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo? thế nào là già chết? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác bị già yếu, suy nhược, hủ bại5 tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ tàn lụi5 các căn chín muồi; đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác5 thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác bị một diệt9 hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn hư hoại, thân thể hoại diệt, vứt bỏ; đây gọi là chết. Như vậy, đây là già, đây là chết. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là già chết. Do sanh khởi, già chết khởi; do sanh diệt, già chết diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến già chết đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ9 chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sanh?... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu?... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thủ?... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ái?...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thọ?... Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là xúc?... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sáu xứ?... Và này các Tỷ-kheo? thế nào là danh sắc?... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thức?... (như trên).3637 Và này các Tỷ-kheo, thể nào là hành? Này các Tỷ-kheo5 có ba hành này: Thân hành, khẩu hành, ý hành. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là hành. Do vô minh khởi, hành khởi; do vô minh diệt, hành diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến sự đoạn diệt các hành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, do vị Thánh đệ tử biết duyên như vậy; duyên tập khởi như vậy5 duyên đoạn diệt như vậy, biết rõ con đường đưa đến đoạn diệt như vậy; này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là đạt tri kiến, đạt kiến, đã đạt đên Diệu pháp này5 thây được Diệu pháp này, đã đây đủ Hữu học trí, đã đầy đủ Hữu học minh, đã nhập được Pháp lưu, là bậc Thánh minh đạt tuệ5 đã đứng gõ vào cửa bất tử.

VIII. KINH VỊ TỶ-KHEO (Bhikkhusuttăỷ1 (5. II. 43) 28. Trú ở Sãvatthi... Tại đây... Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-khéo hiểu rõ già chết, hiểu rõ già chết tập khởi, hiêu rõ già chêt đoạn diệt, hiêu rõ con đường đưa đên già chêt; hiêu rõ D 7 7 D 7 Ọ

sanh...hiêu rõ hữu... hiêu rõ thủ... hiêu rõ ái... hiêu rõ thọ... hiêu rõ xúc... hiêu rõ sáu xứ... hiểu rõ danh sắc... hiểu rõ thức... hiểu rõ hành, hiểu rõ hành tập khởi5 hiêu rõ hành đoạn diet, hiêu rõ con đường đưa đên già chêt đoạn diệt như vậy. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là già chết? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúnệ sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay bộ loại chúng sanh khác bị già yếu, suy nhược, hủ bại, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ tàn lụi5 các căn chín muồi; đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay bộ loại chúng sanh khác bị một diet, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn hư hoại, thân thể hoại diệt, vứt bỏ; đây gọi là chết. Như vậy5 đây là già5 đây là chết. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là già chết. Do sanh khởi, già chết khởi; do sanh diệt, già chết diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến già chết đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sanh... (như trên). Này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu... Này các Tỷ-kheo, thế nào là thủ... Này các Tỷ-kheo, thế nào là ái... là thọ... là xúc... là sáu xứ... là danh sắc... là thức...? Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hành? Có ba hành? này các Tỷ-kheo: Thân hành, khẩu hành, ý hành. Ba hành này, này các Tỷ-kheo, được gọi là hành.

36 Xem s. IL 1. 37 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.355. 0099c04).

Do VÔ minh khởi nên hành khởi, do vô minh diệt nên hành diệt. Đây chính là Thánh đạo tám ngành đưa đến hành đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo5 do Tỵ-kheo biết rõ già chết như vậy, biết rõ già chết tập khởi như vậy5 biết rõ già chết đoạn diệt như vậy5 biết rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt như vậy. Do biết rõ sanh như vậy... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... Do biết rõ hành như vậy? biết rõ hành tập khởi như vậy5 biết rõ hành đoạn diệt như vậy, biết rõ con đường đưa đến hành đoạn diệt như vậy. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy được gọi là đạt tri kiến, đạt kiến, đã đạt đến Diệu pháp này, thấy được Diệu pháp này, đã đầy

đủ Hữu học trí, đã đầy đủ Hữu học minh, đã nhập được Pháp lưu, là bậc Thánh minh đạt tuệ, đã đứng gõ vào cửa bất tử. IX. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN (Samaụabrữhmaụasuttà)3S (S II. 46) 29. Trú ở Sãvatthi... Tại đây... Ỏ đây, này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không hiểu rõ già chết, không hiểu rõ già chết tập ỏi, không hiểu rõ già chết đoạn diệt, không hiểu rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt; không hiểu rõ sanh... (như trên)... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... không hiểu rõ hành, không hiêu r6, hành tập khởi, không hiêu rõ hành đoạn diet, không hiêu rõ con đường đưa đến hành đoạn diệt. Những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, đối với Ta không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn. Và những Tôn giả ấy cũng không thể ngay trong đời sống hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh. Và này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào hiểu rõ già chết, hiêu rõ già chêt tập khởi? hiêu rõ già chêt đoạn diệt, hiêu rõ con đường đưa đên già chết đoạn diệt; hiểu rõ sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... hiểu rõ hành, hiểu rõ hành tập khởi, hiểu rõ hành đoạn diệt, hiểu rõ con đường đưa đến hành đoạn diệt. Những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, đối với Ta được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn. Và những Tôn giả ấy ngay trong đời sống hiện tại9 tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh. X. KINH sA.MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI (Dutiyasamanabrãhmanasuttd) (5. II. 47) 30. Trú ở Sãvatthi... Tại đây...38

38 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.354. 0099bl9).

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết già chết, không biết già chết tập khởi? không biết già chết đoạn diệt, không biết con đường đưa đến già chết đoạn diệt, họ chắc chắn vượt qua già chết và an trú; sự kiện như vậy không xảy ra. Không biết sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... Kh6ng biết hành, khônệ biết hành tập khởi, không biết hành đoạn diet, không biết con đường đưa đên hành đoạn diệt, họ chắc chắn vượt qua các hành và an trú; sự kiện như vậy không xảy ra. Và này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết già chết5 biết già chết tập khởi, biết già chết đoạn diệt, biêt con đường đưa đến già chết đoạn diệt, họ chắc chắn vượt qua già chết và an trú; sự kiện như vậy có xảy ra. Biết sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... biết hành; biết hành tập khởi; biết hành đoạn diệt; biết con đường đưa đến hành đoạn diệt; họ chắc chắn vượt qua các hành và an trú; sự kiện như vậy có xảy ra.

IV PHẨM KALẢRA- VỊ SÁ1^ĐỂ-LỴ (KALẴRAKHATTIY4VAGGA)

L KINH SANH (Bhũtasutta)3940
(S. IL 47)
41

31. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi. Rồi Thế Tôn gọi Tôn giả Sãriputta:

Này Sãriputta, trong Pãrãyana^ đoạn "Các câu hỏi của Ajita", có bài:

Thuần thục pháp hữu vi,
Ở đây nhiều Hữu học?
Trí tuệ những vị ấy,
Trong uy nghi của họ9
Hãy đáp lời ta hỏi,
Nói lên5 này thân hữu!

Này Sãriputta, lời nói tóm tắt này, ý nghĩa cần phải được nhận hiểu một cách rộng rãi như thê nào?

Được nghe nói vậy, Tôn giả Sãriputta giữ im lặng. 41

Lần thứ hai, Thế Tôn gọi Tôn giả Sãriputta... (như trên). Lần thứ hai, Tôn giả Sãriputta giữ im lặng.

Lần thứ ba, Thế Tôn gọi Tôn giả Sãriputta:

Này Sãriputta, trong Pãrãyana. đoạn "Các câu hỏi của Ajita”có bài:

Thuân thục pháp hữu vi,
Ở đây nhiều Hữu học,
Trí tuệ những vị ấy,
Trong uy nghi của họ9
Hãy đáp lời ta hỏi5
Nói lên9 này thân hữu!

Này Sãriputta, lời nói tóm tăt này, ý nghĩa cân phải được nhận hiêu một cách rộng rãi như thê nào?

Lần thứ ba, Tôn giả Sãriputta giữ im lặng.

-Này Sãriputta, ông có thấy "cái này được sinh thành” Này Sãriputta, ông có thấy “cái này được sinh thành"?

39 Tham chiếu: Tạp.(r.O2. 0099.345. 0095bl0). 40 Xem phần cuối trong Kỉnh tập (Nipãta Suttă). 41 Chủ giải giải thích sự phân vân của Tôn giả Sãriputta không phải do vấn đề được hỏi mà chính vì chưa hiểu ý đức Đạo sư muốn dạy về uẩn, xứ, giới hay lý Duyên khởi. Khi đức Phật gợi ý yới chữ bhũta (sinh vật, hữu tình), Tôn giả Sãriputta dùng chữ sambhava đế trả lời. Sam có nghĩa là tiêp tục hay sự tăng cường. Xem M. I. 260.

—“Cái này được sinh thành”, bạch Thế Tôn, vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ "cái này được sinh thành"; sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ, vị ấy lại thực hành sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với cái được sinh thành. Vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đồ ăn; sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đồ ăn, vị ấy lại thực hành sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt sự tục sanh do một loại đồ ăn. Vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ do sự đoạn diệt của một loại đồ ăn, cái được sinh thành ấy phải bị đoạn diệt; sau khi vị ấy thấy như chơn với chánh trí

tuệ do sự đoạn diệt của một loại đồ ăn5 cái được sinh thành ấy phải bị đoạn diệt, vị ây thực hành sự yêm ly, ly tham, đoạn diệt đôi với sự vật phải bị đoạn diẹt. Như vậy, bạch Thề Ton, la bạc Hữu học. Và bạch Thế Tôn, như thế nào là thuần thục pháp hữu vi? Bạch Thế Tôn, vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ “cái này được sinh thành"; sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ "cái này được sinh thành,,; do sự yểm ly5 ly tham, đoạn diệt đối với cái được sinh thành, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ. Vị ây thây như chơn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đô ăn; sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đò ăn; do sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sự tục sanh do một loại đồ ăn9 vị ấy được giải thoát, không có chẩp thủ. Vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ do sự đoạn diệt của một loại đồ ăn, cái được sinh thành ây phải bị đoạn diệt; sau khi vị ây thây như chơn với chánh trí tuệ do sự đoạn diệt của một loại đồ ăn, cái được sinh thành ấy phải bị đoạn diệt; do sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sự vật phải bị đoạn diệt, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ (anupãdã). Như vậy, bạch Thế Tôn? là thuần thục pháp hữu vi. Như vậy, bạch Thế Tôn, như đã được nói trong Pãrãyana. đoạn "Các câu hỏi của Ajita5\ có bài: Thuần thục pháp hữu vi, Ở đây nhiều Hữu học, Trí tuệ những vị ấy, Trong uy nghi của họ5 Hãy đáp lời ta hỏi, Nói lên, này thân hữu! Bạch Thế Tôn, lời nói tóm tắt ĩiày, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Lành thay! Lành thay! "Cái này được sinh thành”, này Sãriputta, vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ “cái này được sinh thành” sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ, vị ấy lại thực hành sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với cái được sinh thành. Vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đồ ăn; sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đồ ăn5 vị ấy lại thực hành sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sự tục sanh do một loại đồ ăn.

Vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ do sự đoạn diệt của một loại đồ ăn5 cái được sinh thành ấy phải bị đoạn diệt; sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ do sự đoạn diệt của một loại đồ ăn, cái được sinh thành ấy phải bị đoạn diệt, vị ấy thực hành sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sự vật phải bị đoạn diệt. Như vậy, này Sãriputta, là bậc Hữu học. Và này Sãriputta, như thế nào là thuần thục pháp hữu vi? Này Sãriputta, vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ “cái này được sinh thành” sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ "cái này được sinh thành”, do sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với cái được sinh thành, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ. Vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đô ăn; sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đồ ăn; do sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sự tục sanh do một loại đồ ăn5 vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ. Vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ do sự đoạn diệt một loại đồ ăĩi, cái được sinh thành ấy phải bị đoạn diệt; sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ do sự đoạn diệt một loại đồ ăn, cái được sinh thành ấy phải bị đoạn diệt; do sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sự vật phải bị đoạn diet, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ. Như vậy, này Sãriputta, là thuần thục pháp hữu vi. Như vậy? này Sãriputta, như đã được nói trong Pãrãyana, đoạn “cc câu hỏi ciỉa Ajita”có bài: Thuần thục pháp hữu vi, Ở đây nhiều Hữu học5 Trí tuệ những vị ấy, Trong uy nghi của họ? Hãy đáp lời ta hỏi? Nói lên, này thân hữu! Này Sãriputta, lời nói

tóm tắt này cần hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

II. KINH KALÃRA (KaḶãrasutta) (S II. 50) 32. Trú ở Sãvatthi. Rồi Tỷ-kheo KaḶăra Khattiya (dòng Sát-đế-lỵ) đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến5 nói lên với Tôn giả Sãriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu? liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo KaḶãra Khattiya nói với Tôn giả Sãriputta: Này Hiền giả Sãriputta, Tỷ-kheo MoḶiyaphagęuna đã từ bỏ học tập và hoàn tục. Vậy vị Tôn giả ây đã không tìm được sự an ôn trong Pháp và Luật này. Vậy Tôn giả Sãriputta đã đạt được sự an ổn trong Pháp và Luật này? —Này Hiền giả, tôi không có nghi ngờ gì. Này Hiền giả, còn đối với tương lai? -Tôi không có băn khoăn, này Hiền giả.

Rồi Tỷ-kheo KaḶãra Khattiya từ chỗ ngồi đứng day, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tỷ-kheo KaḶãra Khattiya bạch Thế Tôn: Con được biết, bạch Thế Tôn, Tôn giả Sãriputta tuyên bố được chánh trí như sau: “Ta biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.^, Rồi Thế Tôn gọi một Tỷ-kheo: Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, gọi Sãriputta: "Hiền giả Sãriputta, bậc Đạo sư gọi Hiên giả." Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến5 nói với Tôn giả Sãriputta: "Bậc Đạo sư cho gọi Hiền gi Thưa vâng, Hiền giả. Ton giả Sãriputta vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh le The Ton roi ngoi xuong một ben. Thế Tôn nói với Tôn giả Sãriputta đang ngồi một bên: Này Sãriputta, có đúng sự thật chăng là ông có tuyên bố đã chứng được chánh trí: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa,9? Bạch Thế Ton, không phải với những câu ấy, với những chữ ấy, ý nghĩa ấy được con nói đến như vậy. -Vậy với pháp môn nào, này Sãriputta, thiện nam tử nói đến sự chứng đắc trí, lời tuyên bố cần phải được xem đúng như lời tuyên bố? -Bạch Thế Tôn, chính con đã nói như sau: "Bạch Thế Ton, không phải với những câu ấy, với những chữ ấy, ý nghĩa ấy được con nói đến như vậy.^, Nếu họ có hỏi ông. này Sãriputta: "Ong biết như thế nào. này Sãriputta, Ông thây như thê nào mà ông tuyên bô trí đã được chứng đăc: 'Ta biêt sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.5,9 Được hỏi vậy, này Sãriputta, ông trả lời như thế nào? Nếu họ có hỏi con5 bạch Thế Tôn: "Hiền giả biết như thế nào, nàỵ Hiền giả Sãriputta, Hiền giả thấy như thế nào mà tuyên bố trí đã được chứng đắc: 'Ta biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa,?,, Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau: "Vi rằng, này Hiền giả5 trong [danh từ] tận diệt, ta hiểu được là sự tận diệt của nhân5 chính do nhân ây 'sanh' sanh khởi. Sau khi hiêu được nghĩa tận diệt trong [danh từ] tận diệt, ta mới biết: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.'" Được hỏi như vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy. Này Sãriputta, nếu ông được hỏi: "Này Hiền giả Sãriputta, sanh lấy gì làm

nhân? lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi như vậy, này Sãriputta, ông trả lời như thê nào? -Bạch Thế Tôn? nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sãriputta, sanh lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi5 lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?' Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau: "Sanh lấy hữu làm nhân, lấy hữu tập khỏi, lấy hữu tác sanh, lấy hữu làm hiện hữu." Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn? con trả lời như vậy. Này Sãriputta, nêu ông được hỏi: "Này Hiên giả Sãriputta, hữu lây gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, này Sãriputta, ông trả lời như thế nào? Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sãriputta, hữu lấy gì làm nhan, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện huu?59 Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau: "Hữu lấy thủ làm nhân, lấy thủ tập khởi, lấy thủ tác sanh, lấy thủ làm hiện hữu." Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy. Này Sãriputta, nếu ông được hỏi: “Này Hiền giả Sãriputta, thủ lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh? lấy gì làm hiện hữu?»... (nhu trên). Và này Sãriputta, nêu ông được hỏi: "Này Hiên giả Sãriputta, ái lây gì làm nhân? lây gì tập khởi, lây gì tác sanh, lây gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy5 này Sãriputta, ông trả lời như thế nào? Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sãriputta, ái lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi5 lấy gì tác sanh? lấy gì hiện hữu?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn? con sẽ trả lời như sau: "Này Hiền giả, ái lấy thọ làm nhân, lấy thọ tập khởi, lấy thọ tác sanh, lấy thọ làm hiện hữu." Được hỏi vậy? bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy. Này Sãriputta, nếu ông được hỏi: “Làm sao, này Hiền giả Sãriputta, Hiền giả biết như thế nào? Hiền giả thấy như thế nào, cảm thọ diệu lạc ấy (nandĩ) không tồn tại?" Được hỏi vậy? này Sãriputta, ông trả lời như thế nào? Bạch Thế T6n, nếu con được hỏi: “Này Hiền giả Sãriputta, Hiền giả biết như thê nào, Hiên giả thây như thê nào, cảm thọ diệu lạc không tôn tai?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau: "Này Hiền giả9 có ba cảm thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Này Hiền giả, ba cảm thọ này vô thường, khi biết được cái gì vô thường là khô, thời cảm thọ diệu lạc ây không tôn tại." Được hỏi vậy9 bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy. Lành thay, lành thay, này Sãriputta! Pháp môn [phương tiện] này, này Sãriputta, có thể trả lời tóm tắt như sau: “Cái gì được cảm thọ, cái ấy nằm trong đau khổ.59 Này Sãriputta, nếu ông được hỏi: "Hiền giả được giải thoát như thế nào5 này Hiên giả Sãriputta, mà Hiên giả tuyên bô trí đã được chứng đăc: 'Ta biêt sanh

đã tận9 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa'?" Được hỏi vậy, này Sãriputta, ông trả lời như thế nào? Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: uHiền giả được giải thoát như thế nào, này Hiền giả Sãriputta, mà Hiền giả tuyên bố trí đã được chứng đắc: 'Ta biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa,?,^ Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau: “Do tự giải thoát,42 chư Hiền giả, do đoạn diệt tất cả chấp thủ, ta sống an trú chánh niệm như vậy. Nhờ sống an trú chánh niệm như vậy? các lậu hoặc không còn tiếp tục rỉ chảy5 và ta không chấp nhận tự nga.4359 Được hỏi vậy? bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy. Lành thay, lành thay, này Săriputta! Pháp môn [phương tiện] này, này Sãriputta5 có thể trả lời tóm tắt như sau: "Những cái gì được vị Sa-môn gọi là

lậu hoặc, ta không còn nghi ngờ gì nữa5 chúng đã được ta diệt tận. Ta không còn phân vân gì nữa.,^ Nói vậy xong, bậc Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh xá. Rồi Tôn giả Sãriputta, sau khi Thế Tồn đi chẳng lao lâu, liền bảo các Tỷ-kheo: Này chư Hiền giả5 Thế Tôn hỏi ta câu hỏi thứ nhất mà ta chưa được biết trước, lúc ấy trí ta còn chậm chạp. Nhưng này chư Hiền giả5 khi Thế Tôn tùy hỷ [trả lời] câu hỏi thứ nhất của ta, ta suy nghĩ như sau: "Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp mon [phương tiện] sai khác, thời ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy cho đến trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn [phương tiện] sai khác. Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa trọn đêm với những văn cú sai khác, với những pháp môn [phương tiện] sai khác, thời ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy cho đến trọn đêm với những văn cú sai khác5 với những pháp môn [phương tiện] sai khác. Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa trọn đêm và trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn [phương tiện] sai khác, thời ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy cho đến trọn đêm và trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn [phương tiện] sai khác. Neu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn hai đêm, hai ngày... ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy trọn hai đêm? hai ngày... Neu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn ba đêm5 ba ngày... ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy trọn ba đêm5 ba ngày...

42 SA. II. 63: Ajjhattam vỉmokkhãti ajjhattavimokkhena (Sự giải thoát tự thân chính là sự giải thoát từ bên trong). 43 Đây là hình thức chơi chữ trong Vin. II. 13: “Nhu vậy, này các Tỷ-kheo, các bậc Thánh nói lên trí tuệ của mình. Các vị ấy tuyên bố sự kiện (attha), nhưng không mang tự ngã (attã) vào.,^

Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn bốn đêm5 bốn ngày... ta có thể trả lời Thê Tôn vê ý nghĩa ây trọn bôn đêm5 bôn ngày... Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn năm đêm, năm ngày...ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa này trọn năm đêm, năm ngày... N&u Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn sáu đêm5 sáu ngày... ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa này trọn sáu đêm, sáu ngày... Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn bảy đêm9 bảy ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn [phương tiện] sai khác? ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa này trọn bảy đêm5 bảy ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn [phương tiện] sai khac.99 BLồi Tỷ-kheo KaỊãra Khattiya từ chỗ ngồi đứng dậy? đi đến Thế Tôn; sau khi đên? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên? Tỷ-kheo KaỊãra Khattiya bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn? Ton giả Sãriputta đã rống lên tiếng rống con sư tử như sau: "Nàỵ chư Hiền giả, Thế Tôn hỏi ta câu hỏi thứ nhất, mà ta chưa được biết trước, lúc ấy trí ta còn chậm chạp. Nhưng này chư Hiền ẹiả? khi Thế Tôn tùỵ hỷ [trả lời] câu hỏi thứ nhất của ta, ta suy nghĩ như sau: 6Neu Thế Tôn hỏi ta ve ý nghĩa nàỵ trọn ngày với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác, ta có thê trả lời Thê Tôn vê ý nghĩa ây cho đên trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn sai khác. Nấu Thế Tôn hỏi ta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm... cho đên trọn đêm và trọn ngày... cho đên trọn hai... trọn ba... trọn bốn... trọn năm... trọn sáu... trọn bảy đêm5 bảy ngày... với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác."' Này các Tỷ-kheo, pháp giới ấỵ (dhammadhãtiì)

được Sãriputta khéo thành đạt. Do khéo thành đạt pháp giới ây? nếu Ta hỏi Sãriputta về ý nghĩa này trọn ngày với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác, thời Sãriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn ngày với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác. Nếu Ta hỏi Sãriputta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác, thời Sãriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác. Nếu Ta hỏi Sãriputta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm và trọn ngày... Sãriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm và trọn ngày... Nấu Ta hỏi Sãriputta về ý nghĩa này cho đến trọn cả hai đêm và hai ngày... Sãriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn cả hai đêm, hai ngày... Nếu Ta hỏi Sãriputta về ý nghĩa này cho đến trọn cả ba đêm, ba ngày... Sãriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến cả ba đêm, ba ngày... Nếu Ta hỏi Sãriputta về ý nghĩa này cho đến trọn bốn đêm, bốn ngày... Sãriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn bốn đêm9 bốn ngày... Neu la hỏi Sãriputta về ý nghĩa này cho đến trọn năm đêm? năm ngày... Sãriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn năm đêm, năm ngày... Neu Ta hỏi Sãrinutta về ý nghĩa này cho đến trọn sáu đêm? sáu ngày... Sãriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho

đên ựọn sáu đêm, sáu ngày... Nêu Ta hỏi Săriputta vê ý nghĩa này trọn bảy đêm5 bảy ngày với những văn cú sai khác5 với những pháp môn sai khác, Sãriputta có thê trả lời Ta về ý nghĩa này cho đên ựọn bảy đêm, bảy ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn sai khác. III. KINH những Cản bản của trí (Nanavatthusuttaf(y II. 56) 33. Ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về bốn mươi bốn căn bản của trí cho các ông. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói. Thưa vâng, bạch Thế Tôn. r FT-17] 1 Ấ a. r rrni Ấ rp A rpi Á rp A r- 1 Các Ty-kheo ay vang đáp The Ton. The Ton nói như sau: -Và này các Tỷ-kheo? thế nào là bốn mươi bốn căn bản của trí? Già chết trí, già chết tập trí, già chết diệt trí, trí về con đường đưa đến già chết diệt. Sanh trí, sanh tập trí, sanh diệt trí, trí về con đường đưa đến sanh diệt. Hữu trí, hữu tập trí5 hữu diệt trí, trí về con đường đưa đến hữu diệt. Thủ trí, thủ tập trí, thủ diệt trí, trí về con đường đưa đến thủ diệt. Ai trí, ái tập trí, ái diệt trí, trí vê con đường đưa đên ái diệt. Thọ trí, thọ tập trí, thọ diệt trí, trí về con đường đưa đến thọ diệt. Xúc trí, xúc tập trí, xúc diệt trí, trí vê con đường đưa đên xúc diệt. Sáu xứ trí, sáu xứ tập trí, sáu xứ diệt trí, trí vê con đường đưa đên sáu xứ diệt. Danh sắc trí, danh sắc tập trí, danh sắc diệt trí, trí về con đường đưa đến danh sắc diệt. Thức trí, thức tập trí, thức diệt trí, trí về con đường đưa đến thức diệt. Hành trí, hành tập trí, hành diệt trí, trí về con đường đưa đến hành diệt. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là bôn mươi bôn căn bản của trí. r r ỵ

Này các Tỷ-kheo? thê nào là già chêt? Cái gì thuộc vê chúng sanh này hay chúnẹ sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay bộ loại chúng sanh khác, bị gia yêu, suy nhược, nu bại, tóc bạc, da nnan, tuoi thọ tan lụi, cac can chin muoi; đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay bộ loại chúng sanh khác, bị một diệt, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn hư hoại9 thân thể hoại diệt,

vứt bỏ; đây gọi là chết. Như vậy, đây là già; đây là chết. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là già chết. Do sanh tập khởi nên già chết tập khởi. Do sanh diệt nên già chết diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến già chết diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử biết già chết như vậy,44 45 biết g chết tập

44 Tham chiếu: Tạp.(702. 0099.356. 0099c 19). 45 Xem s. II 43 (kinh 28 ở trước)

khởi như vậy, biết già chết diệt như vậy? biết con đường đưa đến già chết diệt như vậy. Đây là pháp trí của vị ấy. Vị ấy với pháp này được thấy, được biết, được quả tức thời, được đạt đến, được thể nhập (pariyogãḷhena), hướng dẫn thái độ của mình đối với quá khứ vâ txrơng lai. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ đã hiểu rõ (abhyãnissantí) già chết, đã hiểu rõ già chết tập khởi, đã hiểu rõ già chết diệt, đã hiểu rõ con đường đưa đên già chêt diệt, tât cả những vị ây đêu hiêu biêt như vậy, như vậy, như hiện nay Ta vậy. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai sẽ hiêu rõ già chêt5 sẽ hiểu rõ già chết tập khởi, sẽ hiểu rõ già chết diệt, sẽ hiểu rõ con đường đưa đến già chêt diet, tât cả những vị ây sẽ hiêu biêt như vậy5 như vậy5 như hiện nay Ta vậy. Đây tức là tùy trí46 của vị ấy. Này các Tỷ-kheo, vì rằng vị Thánh đệ tử được thanh tịnh và thuần tịnh hai loại trí: Pháp trí và tùy trí; này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là Thánh đệ tử đạt tri kiến (ditthisampanno), đạt kiến, đã đi đến Diệu pháp này, đã thấy Diệu pháp này, đã đầy đủ Hữu học trí, đã đầy đủ Hữu học minh, đã nhập được Pháp lưu5 là bậc Thánh minh đạt tuệ (nibbedhikapanno). đã đứng gõ vào cửa bât tử. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sanh?... Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hữu?... Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là thủ?... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ái?... Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là thọ?... Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là xúc?... Và này các Tỷ-kheo, thê nào là sáu xứ?... Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là danh sắc?... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thức?... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành? Có ba hành, này các Tỷ-kheo: Thân hành, khẩu hành, ý hành. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là hành. Do vô minh tập khởi, hành tập khởi; do vô minh diệt, hành diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành, con đường đưa đến hành diệt, tức là chánh tri kiển... chánh định. Vì rằng, này các Tỷ-kheo? vị Thánh đệ tử biết hành như vậy, biết hành tập khởi như vậy5 biết hành diệt như vậy, biết con đường đưa đến hành diệt như vậy, đây là pháp trí của vị ây. Vị ây với pháp này được thây, được biêt5 được quả tức thời, được đạt đên5 được thê nhập5 hướng dẫn thái độ của mình đối với quá khứ và tương lai.

46 Anvaye nanam'. Tùy hành trí hay Loại trí. Chủ giải giải thích rằng luôn huân tập sự quán chiếu thuần thục đạt đến trạng thai tĩnh tại, cúng còn gọi là lĩí phin tỉnh (paccavekkhana fianam).

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ đã hiểu rõ các hành, đã hiễu rõ hành tập khởi5 đã hiêu rõ hành diệt, đã hiêu rõ con đường đưa đên hành diệt, tât cả những vị ây đêu hiêu biêt như vậy? như vậy5 như hiện nay Ta vậy. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai sẽ hiểu rõ các hành, sẽ hiểu rõ hành tập khởi, sẽ hiểu rõ

hành diệt, sẽ hiểu rõ con đường đưa đến hành diệt, tất cả những vị ấy sẽ hiểu biết như vậy, như vậy? như hiện nay Ta vậy. Đây tức là tùy trí của vị ấy. Này các Tỷ-kheo5 vì rằng vị Thánh đệ tử được thanh tịnh, thuần tịnh hai loại trí: Pháp trí và tùy trí, này các Tỷ-kheo9 vị ây được gọi là vị Thánh đệ tử đạt tri kiến, đat kiến, đã đi đến Diệu pháp này, thấy Diệu pháp này, đầy đủ Hữu học trí, đã đầy đủ Hữu học minh, đã nhập được Pháp lira, là bậc Thánh minh đạt tuệ, đã đứng gõ vào cửa bất tử. IV KINH NHỮNG CĂN BẢN CỦA TRÍ THỨ HAI (Dutiyanãnavatíhusuttdý1 (S. II. 59) 34. Trú ở Sãvatthi... -Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông bảy mươi bảy căn bản của trí. Hãy nghe và khéo tư niệm, Ta sẽ nói. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. r . . _ - f Các Ty-kheo ay vâng đáp The Tôn. Thê Ton nói như sau: -Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là bảy mươi bảy căn bản của trí? Trí biêt răng già chêt do duyên sanh; trí biêt răng không có sanh thời kh6ng có già chết. Trí biết rằng trong quá khứ già chết cũng do duyên sanh; trí biết răng không có sanh thời kh6ng có già chêt. Trí biêt răng trong tương lai già chêt cũng do duyên sanh; trí biêt răn Ẹ không có sanh thời sẽ không có già chêt. Phàm khi nào có trí về trú pháp, chỗ ấy cũng có trí tận pháp, hoại pháp, ly tham pháp, diệt pháp. Trí biết rằng sanh do duyên hữu... Trí biết rằng hữu do duyên thủ... Trí biết rằng thủ do duyên ái... Trí biết rằng ái do duyên thọ... Trí biết rằng thọ do duyên xúc... Trí biết rằng xúc do duyên sáu xứ... Trí biết rằng sáu xứ do duyên danh sắc... Trí biết rằng danh sắc do duyên thức... Trí biết rằng thức do duyên hành... Trí biết rằng hành do duyên vô minh; trí biết rằng không có vô minh thời không có hành. Trí biêt răng trong quá khứ hành cũng do duyên vô minh; trí

47 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.357. 0099c27).

biết rằng không có vô minh thời không có hành. Trí biết rằng trong tương lai hành cũng sẽ do duyên vô minh] trí biêt răng không có vô minh thời sẽ không có hành. Phàm khi nào có trí về trú pháp, thời cũng có trí về tận pháp? hoại pháp, ly tham pháp, diệt pháp. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là bảy mươi bảy căn bản của trí. V. KINH DO DUYÊN VÔ MINH (Avyjapaccayasuttays (5. II. 60) 35. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, do duyên vô minh có hành; do duyên hành có thức... Như vậy là tập khởi của toàn bộ khô uẩn này. Bạch Thế Tôn? thế nào là già chết? Và già chết này là của ai? r"TV|_ Ạ rr^ A 4. r _ Thê Tôn đáp: Câu hỏi không thích hợp. Này Tỷ-kheo, ai mà nói: "Thế nào là già chết, và già chết này là của ai?" Hay này Tỷ-kheo5 ai mà nói: "Già chết là khác và người già chết là khác." Hai câu này nghĩa là một, chỉ có văn sai khác. Này Tỷ- kheo5 chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là m0f\ chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo5 chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là khác", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo, từ bỏ hai cực đoan này, Như Lai thuyêt pháp theo Trung đạo [và nói]: "Do duyên sanh nên có già chêt?5 Bạch Thế Tôn? thế nào là sanh, và sanh này là của ai? The Ton đáp: Câu hỏi không thích hợp. Này Tỷ-kheo5 ai mà nói: "Thế nào là sanh, và sanh này là của ai?" Hay này Tỷ-kheo, ai mà nói: “Sanh là khác và người sanh là khác?9 Hai câu này có nghĩa là một, chỉ có văn sai khác. Này Tỷ-kheo, chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là mộf\ chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này

Tỷ-kheo, chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là khc", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo5 từ bỏ hai cực đoan này, Như Lai thuyết pháp theo Trung đạo [và nói]: “Do duyên hữu nên có sanh.” Bạch Thế Tôn? thế nào là hữu, và hữu này của ai? Thê Tôn nói: Câu hỏi không thích hợp. Này Tỷ-kheo, ai mà nói: “Thế nào là hữu, và hữu này của ai?" Hay này Tỷ-kheo5 ai mà nói: "Hữu khác và người có hữu này khác." Hai câu này nghĩa là một? chỉ có văn sai khác. Này Tỷ-kheo, chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là mộf\ chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo, chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là khAc", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo, từ bỏ hai cực đoan này, Như Lai thuyết pháp theo Trung đạo [và nói]: “Do duyên thủ nên có hữu.” Bạch Thế Tôn, thế nào là thủ và thủ này của ai?... (như trên)... -... "Do duyên ái nên có thiỉ."‥ "Do duyên thọ nên có ái"... "Do duyên

48 Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.297. 0084cll).

12. TƯƠNG ƯNG NHÂN DUYÊN 333

XÚC nên có thọ.,,,..< "Do duyên sáu xứ nên có XÚC”... "Do duyên danh sắc nên có sáu xứ.”... "Do duyên thức nên có danh sắc."... “Do duyên hành nên có thức?9 Bạch Thế Tôn, thế nào là các hành, và các hành này là của ai? Thê Tôn đáp: —Câu hỏi không thích hợp. Này Tỷ-kheo5 ai mà nói: "Thế nào là các hành, và các hành này là của ai?” Hay này Tỷ-kheo? ai mà nói: "Các hành là khác và người có các hành này là khác.” Hai câu này nghĩa là một? chỉ có văn sai khác. Này Tỷ-kheo5 chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là mộf\ chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo9 chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là khSc”chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo? từ bỏ hai cực đoan này, Như Lai thuyết pháp theo Trung đạo [và nói]: "Do duyên vô minh nên có các hành.59 Này Tỷ-kheo, do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, các tạp luận (hý luận), dị thuyêt, xuyên tạc liên hệ ây hay bất cứ loại nào [sẽ được đoạn tận...]. Như câu hỏi: "Thế nào là ệià chết và già chết này là của ai?”, hay: "già chết là khác và người có già chet là khác", hay: uSinh mạng và thân thể là một^5 hay: "Sinh mạng và thân thể là khc", tất cả đều được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ5 làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể hiện hữu, khiến cho tương lai không thể sanh khởi. Này Tỷ-kheo5 do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, các tạp luận5 dị thuyết, xuyên tạc liên hệ ấy hay bất cứ loại nào [sẽ được đoạn tận...]. Như câu hỏi: "Thế nào là sanh và sanh này là của ai?"? hay: "Sanh là khác và người có sanh là khác,\ hay: "Sinh mạng và thân thể là mộf\ hay: “Sinh mạng và thân thể là khác”, tất cả đều được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la? làm cho không thể hiện hữu, khiến trong tương lai không thể sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, các tạp luận, dị thuyết, xuyên tạc liên hệ ấy hay bất cứ loại nào [sẽ được đoạn tận...]. Thế nào là hữu... Thế nào là thủ... The nao la ai... Thế nào là thọ... Thế nào là xúc... Thế nào là sáu xứ... Thế nào là danh sắc... Thế nào là thức... Này các Tỷ-kheo, do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, các tạp luận5 dị thuyết, xuyên tạc liên hệ ấy hay bất cứ loại nào [sẽ được đoạn tận...]. Như câu hỏi: "Thế nào là các hành và các hành này là của ai?", hay: uCác hành là khác và người có các hành này là khhc”, hay: "Sinh mạng và thân thể là mộf\

hay: "Sinh mạng và thân thể là khác", tất cả đều được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể hiện hữu, khiến cho trong tương lai không thê sanh khởi. VI. KINH DO DUYÊN VÔ MINH THỨ HAI (Dutìyaavụjũpaccayasutta)49 (5. II. 63) 36. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, do duyên vô minh nên có các hành. Do duyên hành nên có thức... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khô uẩn này. Này các Tỷ-kheo, ai mà nói: “Thế nào là già chết và già chết này của i?" Hay này các Tỷ-kheo5 ai mà nỏi: "Già chết là khác và người có già chết là khác.,^ Hai câu này đồng nghĩa, chỉ có văn sai khác. Này các Tỷ-kheo, chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là mộf\ chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này các Tỷ-kheo5 chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng là khác, thân thể là khác”, chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này các Tỷ-kheo? từ bỏ hai cực đoan ấy Như Lai thuyết pháp theo Trung đạo, nói rằng: “Do duyên sanh có già chết." Thế nào là sanh?... Thế nào là hữu?... Thế nào là thủ?... Thế nào là ái?... Thế nào là thọ?... Thế nào là xúc?... Thế nào là sáu xứ?... Thế nào là danh sắc?... Thế nào là thức?... Này các Tỷ-kheo, ai mà nói: "Thê nào là các hành và các hành này là của ai?" Hay này các Tỷ-kheo, ai mà nói: "Các hành là khác và người có các hành này khác.^, Hai câu này đồng nghĩa, chỉ có văn sai khác. Này các Tỷ-kheo, chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là mộf\ chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này các Tỷ-kheo, chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là khác”, chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này các Tỷ-kheo9 từ bỏ hai cực đoan ấy, Như Lai thuyêt pháp theo Trung đạo, nói răng: "Do duyên vô minh có các hành." Do sự đoạn diệt, ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn9 các tạp luận, dị thuyết, xuyên tạc liên hệ ấy hay bất cứ loại nào... Thế nào là già chết?... Thế nào là sanh?... Thế nào là hữu?... Thế nào là thủ?...

49 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.297. 0084cll).

Thế nào là ái?... Thế nào là thọ?... Thế nào là xúc?... Thế nào là sáu xứ?... Thế nào là danh sắc?... Thế nào là thức?... "Thế nào là các hàiĩh và cảc hành này là của ai?", hay: "Các hành là khác và người có các hành là khác', hay: "Sinh mạng và thân thể là mộf\ hay: "Sinh mạng và thân thể là khc", tất cả những loại liên hệ này được đoạn tận, cắt đứt từ goc rễ9 làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể hiện hữu, khiến cho trong tương lai không thể sanh khởi. VII. KINH KHÔNG PHẢI CỦA ÔNG (Natumhasutta)5ồ (5. IL 64) 37. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, thân thể này không phải của các ông, không phải của người khác. Thân này, này các Tỷ-kheo, phải được xem là do hành động, do sắp đặt5 do sự cố ý5 do sự cảm thọ trong quá khứ. Ở đây, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử đa văn khéo léo5 chơn chánh suy nghiệm định lý Duyên khởi như sau: "Cái này có mặt, cái kia có mặt; do cái này sanh khởi? cái kia sanh khởi. Cái này không có mặt5 cái kia không có mặt; do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là do duyên vô minh có các hành; do duyên hành có thức... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, các hành diệt; do các hành diệt nên thức diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.,, VIII. KINH TƯ TÂM SỞ (Cetanãsutta)50 51 (5. II. 65) 38. Nhân duyên tại Sãvatthi... —Này

các Tỷ-kheo5 cái chúng ta tư niệm, tư lường, có ngâm ý (anusetí), thời cái ây trở thành sở duyên cho thức an trú.52 Khi nào sở duyên có mặt thời thức có an trú. Do thức ấy an trú, tăng trưởng nên trong tương lai tái hữu sanh khởi. Do sanh khởi tái hữu có mặt trong tương lai nên sanh, già? chết, sầu, bi, khổ? ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo5 nếu chúng ta không có tư niệm5 không có tư lường nhưng nếu có ngầm ý9 cái ấy trở thành sở duyên cho thức an trú. Khi nào sở duyên có mặt thời thức có an trú. Do thức ấy an trú, tăng trưởng nên trong

50 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.358. 0100al2); Tạp.(7.02. 0099.295. 0084a24). 51 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.360. 0100b02). 52 Ngài Buddhaghosa xem thức (yinnana) ở đây là nghiệp thức (kammavinnãna).

tương lai tái hữu sanh khởi. Do sanh khởi tái hữu có mặt trong tương lai nên sanh, già, chêt, sâu, bi, khô, ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ kho uẩn này. Này các Tỷ-kheo5 nếu chúng ta không có tư niệm, không có tư lường, không có ngầm ý, thời không có sở duyên cho thức an trú. Khi nào sở duyên không có mặt thời thức không an trú. Do thức ấy không an trú và không tăng trưởng nên trong tương lai tái hữu không sanh khởi. Do sanh khởi tái hữu không có mặt trong tương lai nên sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. IX. KINH TƯ TÂM SỞ THỨ HAI (Dutiyacetanãsutta) (S. II. 66) 39. Trú ở Sãvatthi... —Này các Tỷ-kheo? cái gì chúng ta tư niệm, chúng ta tư lường, chúng ta có ngầm ý5 cái ấy trở thành sở duyên cho thức an trú. Do sở duyên có mặt nên thức có an trú. Do thức ấy an trú và tăng trưởng nên có sự hạ sanh danh sắc. Do duyên danh sắc nên có sáu xứ. Do duyên sáu xứ nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ... ái... thủ... hữu... sanh, già, chết, sầu, bi, khổ5 ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo, nếu chúng ta không có tư niệm, không có tư lường nhưng có ngầm ý5 thời cái ấy trở thành sở duyên cho thức an trú. Do sở duyên có mặt nên thức có an trú. Do thức ấy an trú và tăng trưởng nên có sự hạ sanh danh sắc. Do duyên danh sắc nên có sáu xứ... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo? nếu chúng ta không có tư niệm, không có tư lường, không có ngầm ý, thời không có sở duyên cho thức an trú. Do sở duyên không có mặt nên thức không an trú. Do thức ấy không an trú và không tăng trưởng nên danh sắc không hạ sanh. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. X. KINH TƯ TÂM SỞ THỨ BA (Tatìyacetanãsutta)53 (5. II. 66) 40. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, cái gì chúng ta tư niệm, cái gì chúng ta tư lường, cái gì chúng ta có ngầm ý5 cái ấy trở thành sở duyên cho thức an trú. Do sở duyên có mặt nên thức an trú. Do thức ấy an trú và tăng trưởng nên có thiên hướng về. Do có thiên hướng về nên có sự đi đến tái sanh. Do có sự đi đến tái sanh nên có từ bỏ và sanh khởi. Do có từ bỏ và sanh khởi nên trong tương lai sanh, già, chết, sầu, bi, khổ? ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo, nếu chúng ta không có tư niệm, không có tư lường, nhimg chỉ có ngầm ý5 thời cái ấy là sở duyên cho thức an trú. Do sự có mặt của sở duyên nên thức an trú. Do thức ấy an trú và tăng trưởng nên có thiên hướng về.

53 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.360. 0l00b02).

12. TƯƠNG ƯNG NHÂN DUYÊN 337

Do có thiên hướng về nên có sự đi đến tái sanh. Do có sự đi đến tái sanh nên có từ bỏ và sanh khởi. Do có từ bỏ và sanh khởi nên trong tương lai sanh, già? chết, sầu, bi, khổ? ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo, nếu chúng ta không có tư niệm, không có tư lường, không có ngầm y, thời không có sở duyên cho thức an trú. Do sở duyên không có mặt nên thức không có an trú. Do thức ấy không an trú, không tăng trưởng nên không có thiên hướng về. Do không có thiên hướng về nên không có đi đến tái sanh. Do không có sự đi đến tái sanh nên không có từ bỏ và sanh khởi. Do không có từ bỏ và sanh khởi nên trong tương lai sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

338 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ II. THIÊN NHÂN DUYÊN

V PHẨM GIA CHỦ (GAHAPATIVĂGGA)

L KINH NĂM SỢ HÃI HẬN THÙ (Pancaverabhayasutta)54 (S II. 68) 41. Trú ở Sãvatthi. Rồi gia chủ Anathapindika (Cấp Cô Độc) đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anãthapindika đang ngồi xuống một bên: Khi nào9 này gia chủ, vị Thánh đệ tử nhiếp phục được năm sợ hãi hận thù; khi nào được đầy đủ bốn Dự lưu chi; khi nào Thánh lý55 nhờ trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập; khi ấy, vị ấy nếu muon5 có thể tự mình tuyên bố cho mình: “Ta là người đoạn diệt được địa ngục; đoạn diệt được bàng sanh; đoạn diệt được ngạ quỷ; đoạn diệt được cõi dữ, ác thú5 đọa xứ. Ta là bậc Dự Lưu, ta không còn bị đọa lạc5 ta đã được quyết định5 Chánh đẳng giác là mục tiêu tối hậu [của ta]?9 Thê nào là năm sợ hãi hận thù được nhiếp phục? Này gia chủ, sợ hãi hận thù do người sát sinh, vì duyên sát sinh đưa đến trong hiện tại, sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ5 tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt sát sanh, như vậy sợ hãi hận thù được nhiếp phục. Này gia chủ, sợ hãi hận thù do người lấy của không cho, vì duyên lấy của không cho đưa đến trong hiện tại, sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ5 tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt lấy của không cho, như vậy sợ hãi hận thù được nhiếp phục. Này gia chủ, sợ hãi hận thù do người sông tà hạnh trong các dục, vì duyên Sống tà hạnh trong các dục đưa đến trong hiện tại, sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt sống tà hạnh trong các dục9 như vậy sợ hãi hận thù được nhiếp phục. Này gia chủ, sợ hãi hận thù do người nói láo, vì duyên nói láo đưa đến trong hiện tại, sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ? tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt nói láo5 như vậy sợ hãi hận thù được nhiếp phục. Này gia chủ, sợ hãi hận thù do người đăm say rượu men rượu nâu, vì duyên

54 Pafica bhayãnỉ verãnỉ. Vera là thù nghịch, vốn xuất phát từ chữ Vĩra là anh hùng. Kinh này giống kinh trong A. V 152.

55 Nãya. Chữ này thường đi theo chữ dhamma và kusala có nghĩa là sự thật, đồng nghĩa với kaỈỴãnadhammatã, kusaladhammatã (thiện tánh). Ngài Buddhaghosa giải

thích lý Duyên khởi và Bát chánh đạo đêu sử dụng thuật ngữ nãya.

đăm say rượu men rượu nâu đưa đên trong hiện tại, sợ hãi hận thù đưa đên trong tương lai, kê cả tâm khô5 tâm ưu người ây cảm thọ. Đôi với vị đoạn tuyệt đăm say rượu men rượu nấu, như vậy sợ hãi hận thù được nhiếp phục. Năm sự sợ hãi hận thù này được nhiếp phục. - Thế nào là bốn Dự lưu chi được đầy đủ? Ở dây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật: “Dây là Như Lai, ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thề Gian Giải5 Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư5 Phật, Thế Tôn?5 Vị ấy đầy đủ lòng tin bất động đối với Pháp: Bây là Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, do người trí tự mình giác hiểu." Vị ấy đầy đủ lòng tin bất động đối với chiing Tăng: "Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Thiện hạnh, chúng Tăng đệ tử The Tôn là bậc Irực hạnh, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Chánh hạnh, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Như pháp hạnh; tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn đáng được tôn kính, đáng được hiến dâng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở trên đờiy Vị ây đây đủ các giới đức được bậc Thánh quý mên9 không bị bê vụn5 không bị hủy hoại, không có tỳ vết, không có vết nho, đưa đến tự do,56 được người trí tán thán, không bị nhiễm trước, đưa đến thiền định, bốn Dự lưu chi này được đầy đủ. Thế nào là Thánh lý nhờ trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập? Ở đây, này gia chủ9 vị Thánh đệ tử khéo chánh tư duy định lý Duyên khởi như sau: "Do cái này có mặt, cái kia có mặt; do cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này sanh, cái kia sanh; do cái này diet, cái kia diệt.,^ ... do duyên vô minh có hành; do duyên hành có thức... (như trên). Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt; do hành diệt nên thức diệt... (như trên). Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. Đây là Thánh lý nhờ trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập. Này gia chủ, khi nào vị Thánh đệ tử nhiếp phục được năm sợ hãi hận thù này; khi nào đày đủ bốn Dự lưu chi này; khi nào Thánh lý này nhờ trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập; khi ấy, vị ấy nếu muốn, có thể tự mình tuyên bố cho mình: "Ta là người đoạn diệt được địa ngục; đoạn diệt được bàng sanh; đoạn diệt được ngạ quỷ; đoạn diệt được cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự Lưu, ta không còn bị đọa lạc5 ta đã được quyết định, Chánh đẳng giác là mục tiêu tối hậu [của ta]"

56 Bhujissa. Xem DB. II. 85.

II. KINH NĂM SỢ HÃI HÂN THÙ THỨ HAI (Dutiyapancaverabhayasutía) (S. II. 70) 42. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, khi nào vị Thánh đệ tử nhiếp phục được năm sợ hãi hận thù; đầy đủ bốn Dự lưu chi và khi nào Thánh lý nhờ trí tuệ được khéo thấy5 được khéo thâm nhập; khi ấy, vị ấy nếu muốn, có thể tự mình tuyên bố cho mình: "Ta là người đoạn diệt được địa ngục; đoạn diệt được bàng sanh; đoạn diệt được ngạ quỷ; đoạn diệt được cõi dữ? ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự lưu, ta không còn bị đọa lạc, ta đã

được quyết định, Chánh đẳng giác là mục tiêu tối hậu cua ta." Thế nào là năm sợ hãi hận thù được nhiếp phục? Này các Tỷ-kheo, sự sợ hãi hận thù do người sát sanh... Này các Tỷ-kheo, sự sợ hãi hận thù do người lấy của không cho... Này các Tỷ-kheo? sự sợ hãi hận thù do người sông tà hạnh trong các dục... Này các Tỷ-kheo, sự sợ hãi hận thù do người nói láo... Này các Tỷ-kheo9 sự sợ hãi hận thù do người đắm say rượu men rượu nấu... Năm sự sợ hãi hận thù này được nhiếp phục. Thế nào là bốn Dự lưu chi được đầy đủ? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đầy đủ lòng tin bất động đối với Phật... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... đầy đủ các giới đức được bậc Thánh quý mến... Bốn Dự lưu chi này được đầy đủ. Thế nào là Thánh lý nhờ trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử khéo chánh tư duy định lý Duyên khởi như sau:... Đây là Thánh lý nhờ trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập. Này các Tỷ-kheo? khi nào vị Thánh đệ tử nhiếp phục được năm sợ hãi hận thù; được đầy đủ bốn Dự lưu chi; Thánh lý nhờ trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập; khi ấy, vị ấy nếu muốn? có thể tự mình tuyên bố cho mình: "Ta là người đoạn diệt được địa ngục; đoạn điệt được bàng sanh; đoạn diệt được ngạ quỷ; đoạn diệt được cõi dữ5 ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự Lưu, ta không còn bị đọa lạc, ta đã được quyết định? Chánh đẳng giác là mục tiêu tối hậu của ta."

III. KINH KHỔ (Dukkhasutta) (5. II. 71) 43. Trú tại Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ giảng sự tập khởi và sự đoạn diệt của khổ. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. r r-p 9 1 1 Ắ A a- F rpi Ấ rp F-pi Ẩ qp /\ r • *1 Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê T6n. Thê Tôn nói như sau:

-Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ tập khởi? Do duyên con mắt và các sắc nên nhãn thức khởi lên, do ba cái tụ hội nên xúc khỏi, do duyên xúc nên có thọ9 do duyên thọ nên có ái. Này các Tỷ-kheo, đây là khổ tập khởi. Do duyên tai và các tiếng... Do duyên mũi và các hương... Do duyên lưỡi và các vị... Do duyên thân và các xúc... Do duyên ý và các pháp nên ý thức khởi lên, do ba cái tụ hội nên có xúc, do duyên xúc nên có thọ5 do duyên thọ nên có ái. Này các Tỷ-kheo, đây là khổ tập khởi. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là khổ đoạn diệt? Do duyên con mắt và các sắc nên nhãn thức khởi lên, do ba cái tụ hội nên có xúc? do duyên xúc nên có thọ, do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt; do thủ diệt nen hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ? ưu, não đều đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo, đây là khổ đoạn diệt. Do duyên lỗ tai và các tiếng nên nhĩ thức sanh khởi... Do duyên mũi và các hương nên tỷ thức sanh khởi... Do duyên lưỡi và các vị nên thiệt thức sanh khởi... Do duyên thân và các xúc nên thân thức sanh khởi... Do duyên ý và các pháp nên ý thức sanh khởi, do ba cái tụ hội nên có xúc, do duyên xúc nên có thọ5 do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ? ưu, não đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo, đây là khổ đoạn diệt. IV KINH THÉ GIỚI (Lokasuíta) (5. II. 73) 44. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ giảng vê sự tập khởi

và sự đoạn diệt của thê giới. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Cac Ty-kneo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: -Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thế giới tập khởi? Do duyên con măt và các săc nên nhãn thức khởi lên; do ba cái tụ hội nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái; do duyên ái nên có thủ; do duyên thủ nên có hữu; do duyên hữu nên có sanh; do duyên sanh nên có già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Này các Tỷ-kheo? đây là thế giới tập khởi.

Do duyên lô tai và các tiêng... Do duyên lỗ mũi và các hương... Do duyên lưỡi và các vị... Do duyên thân và các xúc... Do duyên ý và các pháp nên ý thức khởi lên; do ba cái tụ hội nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ... do duyên sanh nên già, chết, sầu, bi, khổ5 ưu, não sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, đây là sự tập khởi của thế giới. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là thế giới đoạn diệt? Do duyên con mắt và các sắc nên nhãn thức khởi lên, do ba cái tụ hội nên có xúc, do duyên xúc nên có thọ, do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt... Đây là sự đoạn diệt toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo5 đây là thế giới đoạn diệt. Do duyên lỗ tai và các tiếng... Do duyên lỗ mũi và các hương... Do duyên lưỡi và các vị... Do duyên thân và các xúc... Do duyên ý và các pháp nên ý thức sanh khởi, do ba cái tụ hội nên có xúc9 do duyên xúc nên có thọ5 do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt... Đây là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo, đây là thế giới đoạn diệt.

V. KINH NÃTIKA (Nãtikasutta) (5. II. 74) 45. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Nãtika, trong căn nhà gạch. Rồi Thế Tôn, trong khi độc cư thiền tịnh, tuyên thuyết pháp môn này: - Do duyên con mắt và các sắc nên nhãn thức sanh khởi; do ba cái tụ hội nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái; do duyên ái nên có thủ... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do duyên lỗ tai và các tiếng... Do duyên lỗ mũi và các hương... Do duyên lưỡi và các vị... Do duyên thân và các xúc... Do duyên ý và các pháp nên ý thức khởi lên; do ba cái tụ hội nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái; do duyên ái nên có thủ... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do duyên con mắt và các sắc nên nhãn thức sanh khởi; do ba cái tụ hội nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn

diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt.. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khô uân này. Do duyên lỗ tai và các tiếng... Do duyên lỗ mũi và các hương... Dọ duyên lưỡi và các vị... Do duyên thân và các xúc... Do duyên ý và các pháp nên ý thức sanh khởi; do ba cái tụ hội nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. Lúc bấy giờ5 một vị Tỷ-kheo đang đứng nghe trộm Thế Tôn. Thế Tôn thấy vị Tỷ-kheo đang đứng nghe trộm. Sau khi thấy, Thế Tôn nói với vị Tỷ-kheo ấy: Này Tỷ-kheo5 ông có nghe

pháp môn này không? Thưa có, bạch Thế Tôn. Này Tỷ-kheo, ông hãy học pháp môn này. Này Tỷ-kheo, ông hãy học thuộc lòng pháp môn này. Này Tỷ-kheo, pháp môn này liên hệ đến mục đích và căn bản Phạm hạnh. VI. KINH VỊ BÀ-LA-MÔN KHÁC (Annatarabrãhmanasutta)51 (5. II. 75) 46. Trú tại Sãvatthi. Rồi một vị Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, bèn ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên9 vị Bà- la^mon ây bạch The Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, có phải người hành động là người cảm thọ?57 58 Này Bà-la-môn, người hành động là người cảm thọ, ấy là một cực đoan. Thưa Tôn giả Gotama, có phải người hành động khác, người cảm thọ khác? Người hành động khác và người cảm thọ khác, ấy là cực đoan thứ hai. Này Bà-la-môn, từ bỏ hai cực đoan ấy, Thế Tôn thuyết pháp theo Trung đạo. Do duyên vô minh nên có hành; do duyên hành nên có thức; do duyên thức nên có danh sắc... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do sự ly tham5 đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt; do hành diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khô uân này. Khi được nghe nói vậy? vị Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn: Thật là vi diệu, thưa Tôn giả Gotama! Thật là vi diệu5 thưa Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

57 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.300. 0085c03). 58 Xem s. II. 22 (kinh 18 ở trước); s. II. 37 (kinh 25 ở trước).

VII. KINH JANUSSONI (Janussonisutta)59 (5. II. 76) 47. Trú ở Săvatthi. Rồi Bà-la-môn Janussoni đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm... Ngồi xuống một bên, Bà- la-môn Janussoni bạch Thê Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều có?60 Này Bà-la-môn, tất cả đều c6, ấy là một cực đoan. Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều không có? Này Bà-la-môn? tất cả đều không c6, ấy là cực đoan thứ hai. Này Bà-la- môn, từ bỏ hai cực đoan ấy, Như Lai thuyết pháp theo Trung đạo. Do duyên vô minh nên có hành; do duyên hành nên có thức... (như trên). Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh ấy một cách hoàn toàn nên hành diệt; do hành diệt nên thức diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. Khi được nghe nói vậy? Bà-la-môn Janussoni bạch Thế Tôn: Thật là vi diệu, thưa Tôn giả Gotama! Thật là vi diệu, thưa Tôn giả Gotama!... VIII. KINH PHÁI THUẬN THẾ (Lokãyatìkasutta) (5. II. 77) 48. Trú ở Sãvatthi. Rồi một Bà-la-môn thuộc phái Thuận Thế đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên? vị Bà-la-môn thuộc phái Thuận Thế bạch Thế Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều có? Này Bà-la-môn9 tất cả đều có, là chấp kiến thứ nhất của thế gian. Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều không có? -Tât cả đêu không c6, này Bà-la-môn, là châp kiên thứ hai của thê gian. Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều là một? -Tất cả đều là một? này Bà-la-môn, là chấp kiến thứ ba của thế gian. Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều là nhiều? -Tất cả đều là nhiều, này Bà-la-môn, là chấp kiến thứ tư của thế gian. Này Bà-la-môn, từ bỏ các cực đoan ấy, Như Lai thuyết pháp theo con đường Trung đạo. Do duyên vô minh nên có hành; do duyên hành nên có thức... Như vậy là sự

tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt; do hành diệt nên thức diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. Khi nghe nói vậy, vị Bà-la-môn thuộc phái Thuận Thế bạch Thế Tôn: Thật là vi diệu? thưa Tôn giả Gotama!... Con xin trọn đời quy ngưỡng.

59 Vị này thường hay đàm luận với Thế Tôn; ông rất giàu có và học rộng, trú ở Manasãkata, Kosala. 60 Xem s. II. 16 (kính 15 ở trước); D. I. 166-72.

12. TƯƠNG ƯNG NHÂN DUYÊN 345

IX. KINH THÁNH ĐỆ TỬ (Ariyasãvakasutta)61 (S. II. 77) 49. Trú ở Sãvatthi... —Này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không có suy nghĩ như sau: “Do cái gì có mặt, cái gì hiện hữu?62 Do cái gì sanh khởi, cái gì sanh khởi? Do cái gì có mặt, các hành hiện hữu? Do cái gì có mặt, thức hiện hữu? Do cái gì có mặt, danh sắc hiện hữu? Do cái gì có mặt? sáu xứ hiện hữu? Do cái gì có mặt, xúc hiện hữu? Do cái gì có mặt, thọ hiện hữu? Do cái gì có mặt, ái hiện hữu? Do cái gì có mặt, thủ hiện hữu? Do cái gì có mặt, hữu hiện hữu? Do cái gì có mặt, sanh hiện hữu? Do cái gì có mặt, già chết hiện hữu?^, Này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không duyên theo người khác, ở đây có trí như sau: "Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh khởi, cái kia sanh khởi. Do duyên vô minh nên có hành. Do duyên hành nên có thức. Do duyên thức nên có danh sắc... Do duyên sanh nên có già chết. Vị ấy hiểu biết như vậy. Như vậy là sự sanh khởi của thế giới này." Này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không có suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt, cái gì không hiện hữu? Do cái gì diet, cái gì diệt? Do cái gì không có mặt, hành không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, thức không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, danh sắc không hiện hữu? Do cái gì không có mặt5 sáu xứ không hiện hữu? Do cái gì không có mặt5 xúc không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, thọ không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, ái không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, thủ không hiện hữu? Do cái gì không có mặt5 hữu không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, sanh không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, già chết không hiện hữu?,, Này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không duyên theo người khác, ở đây có trí như sau: "Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu. Do cái này diet, cái kia diệt. Do vô minh không có mặt, các hành không hiện hữu. Do các hành không có mặt5 thức không hiện hữu. Do thức không có mặt, danh sắc không hiện hữu. Do danh sắc không có mặt, sáu xứ không hiện hữu. Do sáu xứ không có mặt, xúc không hiện hữu. Do xúc không có mặt5 thọ không hiện hữu. Do thọ không có mặt, ái không hiện hữu. Do ái không có mặt, thủ không hiện hữu. Do thủ không có mặt9 hữu không hiện hữu. Do hữu không có mặt, sanh không hiện hữu. Do sanh không có mặt, già chết không hiện hữu.^, Vị ấy hiếu biết như vậy. Như vậy là sự đoạn diệt của thế giới này. Và này các Tỷ-kheo, vì rằng vị Thánh đệ tử như thật biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của thế giới như vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử này được gọi là kiến đạt... (như trên)... đã đứng gõ vào cửa bất tử.63

61 Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.350. 0098ỒỒ22). 62 Các câu: "Do cái gì có mặt, các hành hiện hữu?,, "Do cái gì có mặt, thức hiện hữu?" chỉ có trong bản Miến Điện. 63 Xem s. II. 42 (kinh 27 ở trước); s. II. 43 (kinh 28 ở trước); s. II. 56 (kinh 33 ở trước).

X. KINH THÁNH ĐỆ TỬ THỨ HAI (Dutìyaariyasãvakasutta) (5. II. 79) 50. Trú tại Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không có suy nghĩ như sau: "C6 phải, do cái gì có mặt, cái gì hiện hữu? Do cái gì sanh khởi5 cái gì sanh khởi? Do cái gì có mặt, các hành hiện hữu? Do cái gì có mặt, thức hiện hữu? Do cái gì có mặt, danh sắc hiện hữu? Do cái gì có mặt, sáu xứ hiện hữu? Do cái gì có mặt, xúc hiện hữu? Do cái gì có mặt, thọ hiện hữu? Do cái gì có mặt, ái hiện hữu? Do cái gì có mặt, thủ hiện hữu? Do cái gì có mặt, hữu hiện hữu? Do cái gì có mặt, sanh hiện hữu? Do cái gì có mặt, già chết hiện hữu?,, Rồi này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không duyên một ai khác, ở đây có trí như sau: “Do cái này có mặt5 cái kia hiện hữu. Do cái này sanh khởi, cái kia sanh khởi. Do vô minh có mặt, hành hiện hữu. Do hành có mặt9 thức hiện hữu. Do thức có mặt, danh sắc hiện hữu. Do danh sắc có mặt, sáu xứ hiện hữu. Do sáu xứ có mặt, xúc hiện hữu. Do xúc có mặt, thọ hiện hữu. Do thọ có mặt, ái hiện hữu. Do ái có mặt, thủ hiện hữu. Do thủ có mặt, hữu hiện hữu. Do hữu có mặt, sanh hiện hữu. Do sanh có mặt, già chết hiện hữu." Vị ấy hiểu biết như vậy. Như vậy là sự sanh khởi của thế giới này. Này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không suy nghĩ như sau: "C6 phải, do cái gì không có mặt5 cái gì không hiện hữu? Do cái gì diệt, cái gì diệt? Do cái gì không có mặt, các hành không hiện hữu? Do cái gì không có mặt9 thức không hiện hữu... (như trên). Do cái gì không có mặt, già chết không hiện hữu?" Này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không duyên một ai khác, ở đây có trí như sau: “Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu. Do cái này diệt, cái kia diệt. Do vô minh không có mặt, các hành không hiện hữu. Do các hành không có mặt, thức không hiện hữu. Do thức không có mặt, danh sắc không hiện hữu. Do danh sắc không có mặt, sáu xứ không hiện hữu. Do sáu xứ không có mặt5 xúc không hiện hữu... (như trên). Do sanh không có mặt, già chết không hiện hữu,,, Vị ấy hiểu biết như vậy. Như vậy là sự đoạn diệt của thế giới này. Vì rằng, này các Tỷ-kheo? vị Thánh đệ tử như thật biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của thế giới này như vậy5 này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử ấy được ệọi là kiến đạt. Vị ấy thấy Diệu pháp này9 vị ấy đầy đủ trí của bậc Hữu học5 vị ay đầy đủ minh của bậc Hữu học, đã nhập được Pháp lưu, là bậc Thánh minh đạt tuệ, là vị đã đứng gõ vào cửa bất tử.

VI. PHẨM KHỔ (DUKKHAVAGGAf

I. KINH Tư LƯỜNG (Parivĩmamsanasutta)64 65 (S. II. 80) 51. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Ở dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. ' í> 11 _ \ .. À ỉ . 'r FT-ii _ . \f FT^ \ rr^í "ĩ Cac Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo9 các Tỷ-kheo tư lường, phải tư lường như thế nào để chơn chánh diệt khô một cách trọn vẹn? Bạch Thế Tôn? đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy The Tôn làm lãnh đạo5 lấy Thế Tôn làm điếm tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn! Neu Thế Tôn nói lên ý nghĩa của lời nói này, sau khi nghe Thế Tôn thuyết giảng, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói. -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. rr^ 9 i -Ễ ỉ _ d . = . \f rry \ . FTTi r \

rr^ Ạ - _ F * i Cac Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: -Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đang tư lường, tư lường như sau: "Sự đau khổ nhiều loại và đa dạng này khởi lên trên đời như già và chết; sự đau khổ này lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi5 lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu? Do cái gì có mặt, già chết hiện hữu? Do cái gì không có mặt, già chết không hiện hữu?^, Tư lường như vậy, vị ấy biết như sau: "Sụ* đau khổ nhiều loại và đa dạng này khởi lên trên đời như già và chết; sự đau khổ này lấy sanh làm nhân, lấy sanh làm tập khởi, lấy sanh làm tác sanh, lấy sanh làm hiện hữu. Do sanh có mặt, già chét hiện hữu; do sanh không có mặt? già chết không hiện hữu.,, Và vị ấy biết già chết, biết già chết tap khởi, biết già chết đoạn diệt, và vị ấy biết con đường thích ứng đưa đến già chết đoạn diệt. Do thực hành như vậy? vị ấy trở thành vị tùy pháp hành.66 Này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là vị Tỷ-kheo đã thực hành một cách trọn vẹn để chơn chánh đoạn tận khổ đau và đoạn diệt già chết.

64 Bản tiếng Anh của PTS: The Tree Suttas, nghĩa là Các kỉnh nói về cây. 65 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.292. 0082cl8). 66 Anudhammacãrĩ. Xem s. II. 18 (kinh 16 ở trước).

Tư lường như vậy? vị ấy biết như sau: "Sanh lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi5 lây gì làm tác sanh5 lây gì làm hiện hữu. Do cái gì có mặt, sanh hiện hữu? Do cái gì không có mặt, sanh không hiện hữu?^, Tư lường như vậy9 vị ấy biết như sau: "Sanh lấy hữu làm tập khởi, lây hữu làm tác sanh, lay hữu làm hiện hữu. Do hữu có mặt, sanh hiện hữu; do hữu không có mặt, sanh không hiện hữu?5 Và vị ây biêt sanh, biêt sanh tập khởi5 biêt sanh đoạn diệt, và vị ây biêt con đường thích ứng đưa đên sanh đoạn diệt. Do thực hành như vậy, vị ây trở thành vị Tùy pháp hành. Này các Tỷ-kheo5 vị ấy được gọi là vị Tỷ-kheo đã thực hành một cách trọn vẹn đê chơn chánh đoạn tận khô đau và đoạn diệt sanh. Tư lường thêm nữa, vị ấy tư lường như sau: "Còn hữu này, do cái gì làm nhân? Còn thủ này. do cái gì làm nhân? Còn ái này, do cái gì làm nhân? Còn thọ này, do cái gì làm nhân? Còn xúc này... Còn sáu xứ này... Còn danh săc này... Còn thức này... Còn các hành này, do cái gì làm nhân, cái gì tập khởi, cái gì tác sanh, cái gì làm hiện hữu? Do cái gì có mặt, các hành hiện hữu? Do cái gì không có mặt, các hành không hiện hữu?,, Tư lường như vậy, vị ấy biết như sau: "Các hành lấy vô minh làm nhân, lấy vô minh làm tập khởi, lấy vô minh làm tác sanh, lây vô minh làm hiện hữu. Do vô minh có mặt, các hành hiện hữu; do vô minh không có mặt, các hành không hiện hữu.,, Và vị ấy biết các hành, biết các hành tập khởi, biết các hành đoạn diệt, và vị ấy biết con đường thích ứng đưa đến các hành đoạn diệt. Do thực hành như vậy, vị ấy trở thành vị tùy pháp hành. Này các Tỷ-kheo? vị ấy được gQÌ là vị Tỷ-kheo đã thực hành một cách trọn vẹn để chơn chánh đoạn tận khô đau và đoạn diệt các hành. Này các Tỷ-kheo5 nếu người nào bị vô minh chi phối, dự tính làm phước hành, thức [của người ấy] đi đến phước. Nếu người ấy dự tính làm phi phước hành, thức [của người ây] đi đên phi phước. Nêu người ây dự tính làm bât động hành,* thức LIcua người D ây «/ đi đen bât động. •

Này các Tỷ-kheo, khi nào vị Tỷ-kheo đoạn tận vô minh, minh được sanh khởi. Vị ây do vô minh đoạn tận? minh sanh khởi5 không dự tính làm phước hành, không dự tính

làm phi phước hành, không dự tính làm bất động hành. Không có dự tính, không có dụng ý, vị ây không châp thủ một sự gì ở đời. Không chấp thủ, vị ấy không sợ hãi. Không sợ hãi5 vị ấy hoàn toàn tịch tịnh. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” Nêu vị ây cảm giác lạc thọ, vị ây biêt lạc thọ ây vô thường, vị ây biêt không nên tham dắm, vị ấy biết không nên hoan hỷ. Nếu vị ấy cảm ệiác khổ thọ, vị ấy biết khổ thọ vô thường, vị ấy biết không nên tham đăm, vị ay biết không nên hoan hỷ. Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ5 vị ấy biết thọ ấy vô thường, vị ấy biết không nên tham đắm9 vị ấy biết không nên hoan hỷ. Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ5 thọ ấy được cảm giác với niệm thoát ly. Nếu vị

ấy cảm giác khổ thọ, thọ ấy được cảm giác với niệm thoát ly. Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, thọ ấy được cảm giác với niệm thoát ly (yisamyutta). Khi vị ây cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, vị ây biêt: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thW Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng.^, Vị ấy biết: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở dây, tất cả những cảm thọ không làm cho có hỷ lạc5 sẽ trở thành vắng lạnh, cái thân được bỏ qua một ben." Này các Tỷ-kheo? ví như một người từ trong lò nung của nẹười thợ gốm lấy ra một cái ghè nóng và đặt trên một khoảng đât băng phăng đê sức nóng ở đấy được nguội dần, và các miếng sành vụn được gạt bỏ một bên; cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 khi cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân.” Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng." Vị ây biêt: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây, tât cả những cảm thọ không làm cho có hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lạnh, cái thân được bỏ qua một bên.^, Này các Tỷ-kheo5 các ông nghĩ thế nào? Vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ các lậu hoặc có dự tính làm các phước hành, hay có dự tính làm các phi phước hành, hay có dự tính làm các bât động hành? —Thưa không, bạch Thế Tôn. Hay nêu các hành không có mặt một cách trọn vẹn, do các hành đoạn diệt, thời thức có hiện hành không? -Thưa không, bạch Thế Tôn. Hay nêu thức không có mặt một cách trọn vẹn, do thức đoạn diệt, thời danh sắc có hiện hành không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. -Hay nếu danh sắc không có mặt một cách trọn vẹn, do danh sắc đoạn diệt, thời sáu xứ có hiện hành không? -Thưa không, bạch Thế Tôn. Hay nếu sáu xứ không có mặt một cách trọn vẹn, do sáu xứ đoạn diệt, thời xúc có hiện hành không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. —Hay nếu xúc không có mặt một cách trọn vẹn, do xúc đoạn diệt, thời thọ có hiện hành không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. —Hay nếu thọ không có mặt một cách trọn vẹn? do thọ đoạn diệt, thời ái có hiện hành không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. -Hay nếu ái không có mặt một cách trọn vẹn, do ái đoạn diệt, thời thủ có hiện hành không?

-Thưa không, bạch Thế Tôn. Hay nếu thủ không cỏ mặt một cách trọn vẹn5 do thủ đoạn diệt, thời hữu có hiện hành không? -Thưa không, bạch Thế Tôn. Hay nếu hữu không có mặt một cách trọn vẹn5 do hữu đoạn diệt, thời sanh có hiện hành không? -

Thưa không9 bạch Thế Tôn. Hay nếu sanh không có mặt một cách trọn vẹn5 do sanh đoạn diệt, thời già chết có hiện hành không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. -Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo! Phải là như vậy^ này các Tỷ-kheo? không thể khác vậy! Hãy tin ở Ta, này các Tỷ-kheo? hãy quyết định, chớ có nghi ngờ, chớ có phân vân! Đây là khổ được đoạn tận. II. KINH THỦ (Upãdãnasutta)61 (5. II. 84) 52. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ (upãdãniyadhammaẹ ải được tăng trưởng; do duyên ái nên thủ có mặt; do duyên thủ nên hữu có mặt; do duyên hữu nên sanh có mặt; do duyên sanh nên già, chêt, sâu9 bi, khô? ưu, não sanh khởi. Như vậy là toàn bộ khô uân này tập khởi. Này các Tỷ-kheo? ví như một đông lửa lớn làm băng mười xe củi, hay hai mươi xe củi5 hay ba mươi xe củi? hay bốn mươi xe củi đang cháy đỏ; tại đây5 có người thỉnh thoảng ném cỏ khô vào, và ném củi khô vào. Này các Tỷ-kheo5 như vậy đống lửa lớn ấy được nuôi dưỡng, được tiếp tế5 có thể cháy đỏ trong một thời gian dài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ5 ái được tăng trưởng; do duyên ái nên thủ sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp được chấp thủ5 ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chêt, sâu, bi, khô5 ưu, não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, ví như một đông lửa lớn làm băng mười xe củi5 hay hai mươi xe củi, hay ba mươi xe củi? hay bốn mươi xe củi đang cháy đỏ; tại dấy, không có người thỉnh thoảng ném cỏ khô vào, hay phân khô, hay củi khô vào. Như vây, này các Tỷ-kheo, đông lửa lớn ây do [nhiên liệu] được tiêp tê trước cháy hêt, do [nhiên liệu] khác không được đem thêm, không được nuôi dưỡng, sẽ bị tắt.67

67 Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.286. 0080b08).

Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, ai sông thây sự nguy hiêm trong các pháp được chấp thủ, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

III. KINH KIẾT SỬ (Samyojanasutta)^ (5. II. 86) 53. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo5 ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, ái được tăng trưởng; do duyên ái nên thủ có mặt; do duyên thủ nên hữu có mặt; do duyên hữu nên sanh cỏ mặt; do duyên sanh nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu5 não sanh khởi. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Ví như, này các Tỷ-kheo. do duyên dầu và duyên tim, ngọn đèn dầu được cháy đỏ; tại đây5 có người thỉnh thoảng rót dầu thêm và khơi tim lên. Này các Tỷ-kheo5 ngọn đèn dâu ây được nuôi dưỡng như vậy? được tiêp tê như vậy5 có thể cháy đỏ trong một thời gian dài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sông thây vị ngọt trong các pháp kiêt sử, ái được tăng trưởng; do duyên ái nên thủ sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Này các Tỷ-kheo, ai sông thây sự nguy hiêm trong các pháp kiêt sử, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu5 bi, khổ5 ưu, não được đoạn diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? do duyên dầu và do duyên tim,

ngọn đèn dầu được cháy đỏ; tại đây5 không có người thỉnh thoảng rót thêm dầu vào và không khơi tim lên. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 ngọn đèn ấy do [nhiên liệu] được tiếp tế trước cháy hết và do [nhiên liệu] khác không được đem thêm, không được nuôi dưỡng, sẽ bị tắt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp kiết sử, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. IV. KINH KIẾT SỬ THỨ HAI (Dutiyasamyojanasutta) (5. II. 87) 54. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, ví như duyên dầu và duyên tim, ngọn đèn dầu được cháy đỏ; tại đấy, có người thỉnh thoảng rót thêm dầu và khơi tim lên. Này các Tỷ-kheo, ngọn đèn dầu ấy được nuôi dưỡng như vậy5 được tiếp tế như vậy, có thể cháy đỏ trong một thời gian dài. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, ái được tăng trưởng; do duyên ái9 thủ sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Này các Tỷ-kheo, ví như duyên dầu và duyên tim, ngọn đèn dầu được cháy

68 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.285. 0079c27).

đỏ; tại đây, không có người thỉnh thoảng rót thêm dâu và khơi tim lên. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ngọn đèn dâu ây do [nhiên liệu] được tiêp tê trước cháy hêt9 do [nhiên liệu] khác không được đem thêm, không được nuôi dưỡng, sẽ bị tắt. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, ai sông thây sự nguy hiêm trong các pháp kiêt sử, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. V KINH CÂY LỚN (Mahãrukkhasutta)69 (5. II. 87) 55. Trú tại Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ9 ái được tăng trưởng; do duyên ái5 thủ sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây lớn, các rễ của cây ấy đâm sâu xuống dưới và đâm ngang, tất cả rễ ấy đều đem lên (abhỉharantĩ) nhựa sống cho cây ây. Này các Tỷ-kheo5 cây lớn ây được nuôi dưỡng như vậy, được tiêp tế như vậy, có thể đứng vững trong một thời gian dài. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ5 ái được tăng trưởng; do duyên ái, thủ sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Này các Tỷ-kheo? ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp được chấp thủ, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt... (như trên). Như vậy la toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo5 ví như một cây lớn, có một người đến5 cầm cái cuốc và cái giỏ. Người ây chặt đứt rê của cây ây. Sau khi chặt đứt rê? người ây đào cái mương. Sau khi đào cái mương, ĩiệười ấy nhổ các rễ lớn cho đến các rễ con, các rê phụ. Rôi n^ười ấy chặt cây ây thành từng khúc. Sau khi chat cây thành từng khúc, người ây bửa. Sau khi bửa, người ây chẻ thành từng miếng nhỏ. Sau khi chẻ thành từng miếng nhỏ? người ấy phơi giữa gió và nắng. Sau khi người ấy phơi giữa gió và nắng, người ấy lấy lửa đốt. Sau khi lấy lửa đốt, người ấy vun thành đống tro. Sau khi vun thành đống tro5 người ấy sàng tro ấy giữa gió lớn hay đổ tro ấy vào dòngệ nước mạnh cho nước cuốn đi. Như vậy? này các Tỷ-kheo5 cây lớn ấy, rễ bị cat đứt, bị bứng gốc khỏi mặt đất, làm cho không thể tái sanh, trong tương lai không thể sống lại được. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? ai sống thấy được sự nguy hiểm trong các pháp chấp thủ? ái được đoạn diệt;

do ái diệt nên thủ diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. VI. KINH CÂY LỚN THỨ HAI (Dutiyamahãrukkhasuttà) (5. II. 88) 56. Trú tại Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, ví như có một cây lớn? các rễ của cây ấy đâm sâu

69 Tham chiếu: Tạp.(r.O2. 0099.284. 0079Ồ23).

xuống dưới và đâm ngang, tất cả rễ ấy đều đem lên nhựa sống cho cây ấy. Này các Tỷ-kheo, cây lớn ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy? có thể đứng vững trong một thời gian dài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sông thây vị ngọt trong các pháp được chập thủ? ái được tăng trưởng; do duyên ái nên thủ sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Này các Tỷ-kheo5 ví như một cây lớn, có người đến, cầm cái cuốc và cái giỏ. Người ấy chặt đứt rễ của cây ấy. Sau khi chặt đứt rễ, người ấy đào cái mương. Sau khi đào cái mương, người ấy nhô các rễ lớn... (như trên)... hay đổ tro vào dòng nước mạnh cho nước cuốn đi. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cây lớn ấy, rễ bị cắt đứt, làm thành như úiân cây Sa-la? làm cho cây ấy không thể tái sanh, trong tương lai không thể sống lại được. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp được chấp thủ, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt*

VII. KINH CÂY NON (Tarunarukkhasutía)10 (5. II. 89) 57. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo? ai sông thây vị ngọt trong các pháp kiêt sử, ái được tănẹ trưởng; do duyên ái, thủ được sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khô uẩn này tập khởi. Này các Tỷ-kheo, ví như một cây non, có người thỉnh thoảng vun xới các rễ (palisajjeyya\ thỉnh thoảng bỏ thêm phân, thỉnh thoảng tưới thêm nước. Này các Tỷ-kheo. cây non ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế70 71 như vậy, có thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? ai sông thây vị ngọt trong các pháp kiêt sử, ái được tăng trưởng; do duyên ái, thủ sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Này các Tỷ-kheo5 ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp kiết sử, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, ví như một cây non, có người đến, cầm cái cuốc và cái giỏ. Người ây chặt đứt rê của cây ây. Sau khi chặt đứt rê? người ây đào cái mương. Sau khi đào cái mương, người ấy nhổ các rễ lớn cho đến các rễ con và rễ phụ. Rồi người ấy chặt cây ấy thành từng khúc. Sau khi chặt thành từng khúc, người ấy bửa. Sau khi bửa, người ấy chẻ thành từng miếng nhỏ. Sau khi chẻ thành từng miếng nhỏ9 người ấy phơi giữa gió và nắng. Sau khi phơi giữa gió và nắng, người ấy lấy lửa đốt. Sau khi lây lửa đốt, người ấy vun thành đống tro. Sau khi vun thành đống tro, người ấy sàng tro ấy giữa gió lớn hay đổ tro ấy

70 Tham chiếu: Tạp.(T.Q2. 0099.283. 0079a25). 71 Tadupãdãna'. Vừa có nghĩa là chấp thủ, vừa có nghĩa là đồ ăn.

, , Ấ J.* "V Ti A , r A M

vào dòng nước mạnh cho nước cuôn đi. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 cây non ây5 rễ bị cắt đứt, làm thành như thân cây Sa-la? làm cho không thể tái sanh, trong tương lai không thể sống lại được. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo, ai sông thây sự nguy hiêm trong các pháp kiêt sử, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. VIII. KINH DANH SẮC (Nãmarũpasutta) (5. II. 90) 58. Trú ở Sãvatthi... —Này các Tỷ-kheo? ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, danh sắc được sanh khởi; do duyên danh săc, sáu xứ sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Này các Tỷ-kheo, ví như một cây lớn, các rê của cây ây đâm thăng xuông dưới và đâm ngang ra, tất cả rễ ấy đều đem lên nhựa sống cho cây ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 cây lớn ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy? có thê được đứng vững trong một thời gian dài. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo5 ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, danh săc được sanh khởi... (như trên)... Này các Tỷ-kheo5 ai sống thấy sự tai hại trong các pháp kiết sử, danh sắc không có sanh khởi; do danh săc diệt nên sáu xứ diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo5 ví như một cây lớn, có một người đến, cầm cái cuốc và cái giỏ... (như trên)... trong tương lai không thể sống lại được. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai SÔĨ1Ẹ thây sự tai hại trong các pháp kiêt sử, danh sắc không có sanh khởi; do danh săc diệt nên sáu xứ diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. IX. KINH THỨC (Vỉnnãnasutta) (S. II. 91) 59. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, ai sông thây vị ngọt trong các pháp kiêt sử5 thức được sanh khởi; do duyên thức nên danh sắc sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Này các Tỷ-kheo, ví như một cây lớn, rễ của các cây ấy... (như trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo9 ai sông thây vi ngọt trong các pháp kiêt sử, thức được sanh khởi; do duyên thức nên danh sắc sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Này các Tỷ-kheo5 ai sống thấy sự tai hại trong các pháp kiết sử5 thức khôĩiẸ sanh khơi; do thức diệt nên danh sac diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khô uẩn này đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo? ví như một cây lớn, có người đến, cầm cái cuốc và cái giỏ... (như trên)... trong tương lai không thể sống lại được.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 ai sông thây sự tai hại trong các pháp kiêt sử, thức không có sanh khởi; do thức diệt nên danh sắc diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

X. KINH NHÂN (Nidãnasutta) (5. II. 92) 60. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Kuru,72 tại một thị trấn của dân chúng Kuru tên là Kammãsadhamma. Rồi Tôn giả Ảnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế T6n, sâu xa thay là định lý Duyên khởi này, và sâu xa thật là định nghĩa này! Nhưng đối với con định lý ấy có vẻ rõ ràng, minh bạch. -Chớ có nói vậy, này Ãnanda! Chớ có nói vậy? này Ãnanda! Sâu xa thay, này Ãnanda, là định lý Duyên khởi này, và sâu xa thật là định nghĩa này. Này Ảnanda, chính vì không hiểu rõ pháp này, không giác ngộ, không chứng nhập [pháp này] mà chúng sanh nay bị

rối ren như cuộn chỉ; bị phủ đầy bởi bệnh cằn cỗi, như cỏ munja, như cây lau; không thoát khỏi sự luân hồi trong cõi dữ, ác thú5 đọa xứ. Này Ãnanda, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ, ái được tăng trưởng; do duyên ái? hữu có mặt; do duyên hữu, sanh có mặt; do duyên sanh, già, chết, sâu, bi, khô9 ưu, não sanh khởi. Như vậy là toàn khô uân này tập khởi. Này Ãnanda, ví như một cây lớn? các rễ của cây ấy đâm xuống và đâm ngang, tất cả rễ ấy đều đem lên nhựa sống cho cây ấy. Này Ãnanda, cây lớn ấy được nuôi dưỡng như vậy? được tiếp tế như vậy, có thể đứng vững trong một thời gian dài. Cũng vậy, này Ananda, ai sông thây vị ngọt trong các pháp được chập thủ, ái được tăng trưởng; do duyên ái, thủ có mặt; do duyên thủ, hữu có mặt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Này Ananda, ai sống thấy sự tai hại trong các pháp chấp thủ, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Này Ananda, ví như một cây lớn, rôi có người đi đên9 câm cái cuôc và cái giỏ. Người ấy chặt đứt rễ cây ấy. Sau khi chặt đứt rễ9 người ấy đào một cái mương. Sau khi đào cái mương, người ấy nhổ lên các rễ lớn cho đến các rễ con, rễ phụ. Người ấy chặt cây ấy ra từng khúc. Sau khi chặt ra từng khúc, người ấy bửa. Sau khi bửa, người ấy chẻ ra từng miếng nhỏ. Sau khi chẻ ra từng miếng nhỏ, người ấy phơi giữa gió và nắng. Sau khi phơi giữa gió và nắng, người ấy lấy lửa đốt. Sau khi lấy lửa đốt, người ấy vun lại thành đống tro. Sau khi vun

72 Nước này gần Delhi, kinh đô là Indraprastha. Có một số kinh quan trọng liên quan đến địa danh này.

lại thành đống tro, người ấy sàng tro trong gió lớn hay đổ vào dòng nước chảy mạnh để nước cuốn đi. Như vậy, này Ãnanda, cây lớn ấy, rễ bị chặt dứt, làm thành như cây Sa-la, không thê nào tái sanh, không thê sanh khởi lại trong tương lai. Cũng vậy, này Ãnanda, ai sống thấy tai hại trong các pháp được chấp thủ? ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sâu, bi, khô, ưu, não đêu diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

vn. PHẨM ĐẠI (MAHẴVAGGA)

L KINH HẠNG NGƯỜI ÍT NGHE (Assuíavãsuttà)13 (S.IL 94) 61. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Săvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapindika... Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu có thể nhàm chán5 viễn ly, giải thoát thân do bốn đại tạo thành này. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo5 vì họ thấy được cái thân do bốn đại tạo thành này được tăng, được giảm5 được thủ5 được xả. Do vậy, ở đây5 kẻ vô văn phàm phu có thể nhàm chán, viễn ly, giải thoát. Và này các Tỷ-kheo? cái gọi là tâm? là ý, là thức, ở đây, kẻ vô văn phàm phu không đủ đê có thê nhàm chán5 không đủ đê có thê viên ly, không đủ đê có thê giải thoát. Vì sao? Đã lâu ngày, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu đắm trước, xem là của tôi? chấp thủ: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i." Do vậy, ở đây, kẻ vô văn phàm phu không đủ đê có thê nhàm chán, không đủ để có thể viễn ly, không đủ để có thể giải thoát. Này các Tỷ-kheo, thật tốt hơn cho kẻ

vô văn phàm phu đi đến với thân do bốn đại tạo thành này, xem như là tự ngã, hơn là đối với tâm. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, thân do bốn đại tạo thành này được thấy đứng vững một năm, đứng vững hai năm, đứng vững ba năm, đứng vững bốn năm9 đứng vững năm năm? đứng vững mười năm, đứng vững hai mươi năm? đứng vững ba mươi năm? đứng vững bốn mươi năm? đứng vững năm mươi năm? đứng vững một trăm năm, đứng vững nhiều hơn nữa. Còn cái gọi là tâm này, là ý này, là thức này, này các Tỷ-kheo, cả đêm và ngày, khởi lên là khác, diệt đi là khác. Này các Tỷ-kheo, ví như một con khỉ trong khi đi lại trong rừng núi, năm lấy một nhành cây, bỏ nhành cây ấy xuống, nó nắm giữ một nhành khác. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, cái gọi là tâm, là ý? là thức này cả đêm và ngày, khởi lên là khác, diệt đi là khác. Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử khéo chơn chánh tư duy lý Duyên khởi: "Do cái này có mặt5 cái kia có mặt; do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt; do cái này diet, cái kia diet." Ví

73 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.289. 008ÍCƠ4); Tăng.(02. 0125.9.3-4. 0562c02-10).

như do duyên vô minh, các hành sanh khởi; do duyên hành, thức sanh khởi... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Do ly tham hoàn toàn, đoạn diệt vô minh nên hành diệt; do hành diệt nên thức diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Thấy vậy9 này các Tỷ-kheo9 vị đa văn Thánh đệ tử, nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ5 nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối với thức; do nhàm chán nên viễn ly; do viễn ly nên giải thoát; trong sự giải thoát, trí khởi lên biết được: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” II. KINH HẠNG NGƯỜI ÍT NGHE THỨ HAI (Dutiyaassutavãsuttăý4 (5. II. 95) 62. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu có thể nhàm chán, có thể viễn ly, có thể giải thoát đối với cái thân do bốn đại tạo thành này. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì họ thấy thân do bốn đại tạo thành này được tăng, được giảm, được thủ9 được xả. Do vậy, ở đây, kẻ vô văn phàm phu có thể nhàm chán, viễn ly, giải thoát. Và này các Tỷ-kheo9 cái gọi là tâm? là ý5 là thức, ở dây, kẻ vô văn phàm phu không đủ để có thể nhàm chán, không đủ để có thể viễn ly, không đủ để có thể giải thoát. Vì sao? Đã lâu ngày, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu đắm trước, xem là của tôi5 chấp thủ: "Cái này là của tôi? cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i." Do vậy9 ở đây5 này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không đủ để có thể nhàm chán, không đủ để có thể viễn ly, không đủ để có thể giải thoát. Này các Tỷ-kheo5 thật tốt hơn cho kẻ vô văn phàm phu đi đến với thân do bốn đại tạo thành này, xem như là tự ngã, hơn là đối với tâm. Vì sao? Này các Tỷ-kheo5 thân do bôn đại tạo thành này được thây đứng vững một năm5 đứng vững hai năm, đứng vững ba năm, đứng vững bốn năm, đứng vững năm năm, đứng vững mười năm? đứng vững hai mươi năm, đứng vững ba mươi năm, đứng vững bốn mươi năm5 đứng vững năm mươi năm9 đứng vững một trăm năm9 đứng vững nhiều hơn nữa. Còn cái gọi là tâm này, là ý này? là thức này, này các Tỷ-kheo, cả đêm và ngày, khởi lên là khác, diệt đi là khác. Ở đây? này các Tỷ-kheo? vị đa văn Thánh đệ tử khéo chơn chánh tư duy lý Duyên khởi:

"Do cái này có mặt, cái kia có mặt; do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt; do cái này diệt, cái kia diet.” Này các Tỷ-kheo9 do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ, nên lạc thọ sanh

74 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.290. 0082a01).

khởi. Do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ ấy diệt nên lạc thọ được khởi lên do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ ấy diệt, lạc thọ ấy được chấm dứt. Này các Tỷ-kheo5 do duyên xúc đưa đến cảm giác khổ thọ nên khổ thọ sanh khởi. Do duyên xúc đưa đến cảm giác khổ thọ ấy diệt, nên khổ thọ được khởi lên do duyên xúc đưa đến cảm giác khổ thọ ấy diệt, khổ thọ ấy chấm dứt. Này các Tỷ-kheo, do duyên xúc đưa đên cảm giác bât khô bât lạc thọ nên bất khổ bất lạc thọ sanh khởi. Do duyên xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ ấy diet, nên bất khổ bất lạc thọ được khởi lên do duyên xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ ấy diet, bất khổ bất lạc thọ ấy chấm dứt. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 do hai khúc cây cọ xát hòa hợp nên sức nóng được sanh, lửa được khởi lên. Do hai khúc cây ấy xa lìa tách biệt5 nên sức nóng ấy đoạn diet, sức nóng ấy chấm dứt. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ nên lạc thọ sanh khởi. Do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ ấy diệt, nên lạc thọ được khởi lên do duyên xúc đưa đên cảm giác lạc thọ ây diệt, lạc thọ ây châm dứt. Do duyên xúc đưa đến cảm giác khổ thọ... Do duyên xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ nên bất khổ bất lạc thọ sanh khởi. Do duyên xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ ấy diệt, nên bất khô bât lạc thọ ây được khởi lên do duyên xúc đưa đên cảm giác bât khô bât lạc thọ ấy diệt, bất khổ bất lạc thọ ấy chấm dứt. Thấy vậy9 này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với xúc, nhàm chán đối với thọ5 nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với hành, nhàm chán đối với thức; do nhàm chán nên viễn ly; do viễn ly nên giải thoát; trong sự giải thoát trí khởi lên, biết rằng: "Ta đã giải thoát.,, Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận9 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời nàynữa.” III. KINH VÍ DỤ THỊT ĐỨA CON (Puttamamsupamasutta)75 (5. II. 97) 63. Ở Sãvatthi... - Này các Tỷ-kheo? có bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại, hay sự chấp thủ tái sanh cho các loài hữu tình hay các loài chúng sanh. Thế nào là bốn? Đoàn thực hoặc thô5 hoặc tế là thứ nhất; thứ hai là xúc thực; thứ ba là tư niệm thực; thứ tư là thức thực. Này các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại, hay sự chấp thủ tái sanh cho các loài hữu tình hay các loài chúng sanh. Và này các Tỷ-kheo, đoàn thực cân phải được nhận thây như thê nào? Ví như, này các Tỷ-kheo? hai vợ chồng đem theo một ít lương thực đi qua một quãng đường hoang dã với một đứa con khả ái, thương mến.

75 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.373. 0102b 18).

Rồi này các Tỷ-kheo, trong khi hai vợ chồng ấy đang đi trên con đường hoang vu5 số lương thực ít ỏi ấy đi đến hao hụt, khánh tận; và một vùng hoang vu còn lại chưa được họ vượt qua. Rồi này các Tỷ-kheo, hai vợ chồng người ấy suy nghĩ: UĐỒ lương thực ít ỏi của chúng ta đã bị hao hpt, khánh tận; còn lại vùng hoang vu này chưa được vượt qua.

Vậy chúng ta hãy giết đứa con một khả ái? dễ thương này, làm thành thịt khô và thịt ướp, ăn thịt đứa con và vượt qua vùng hoang vu còn lại này, chớ để tất cả ba chúng ta đều bị chết hại.^, Rồi hai vợ chồng ấy giết đứa con một khả ái, dễ thương ấy; làm thịt khô và thịt ướp; ăn thịt người con và vượt qua vùng hoang vu còn lại ấy. Họ vừa ăn thịt con, vừa đập ngực [than khóc]: "Đứa con một ở đâu? Đứa con một ở dâu?" Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thê nào? Họ ăn món ăn có phải đê vui chơi? Hay họ ăn món ăn để tham đắm? Hay họ ăn món ăn để trang sức? Hay họ ăn món ăn để béo tốt?76 Thưa không phải vậy, bạch Thế Tôn. Có phải họ ăn các món ăn chỉ với mục đích vượt qua vùng hoang vu? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? Ta nói đoàn thực cần phải được nhận thấy như vậy. Này các Tỷ-kheo, khi đoàn thực được hiểu biết, thời lòng tham đối với năm dục trưởng dưỡng được hiểu biết. Khi lòng tham đối với năm dục trưởng dưỡng được hieu biết, thời không còn kiết sử. Do kiết sử này, một vị Thánh đệ tử bị trói buộc để phải sanh lại đời này. Và này các Tỷ-kheo, xúc thực cân phải được nhận thây như thê nào? Này các Tỷ-kheo, ví như một con bò cái bị lở da, nếu nó đứng dựa vào tường, thời các sanh vật sống ở tường cắn nó. Nấu nó đứng dựa vào cây, thời các sanh vật sống ở cây cắn nó. Nếu nó đứng ở trong nước, thời các sanh vật sống ở tronệ nước cắn nó. Nếu nó đứng giữa hư không, thời các sanh vật giữa hư không căn nó. Này các Tỷ-kheo5 con bò cái ấy đứng dựa vào chỗ nào5 thời các sanh vật trong các chỗ ay cắn nó. Như vậy? này các Tỷ-kheo5 Ta nói xúc thực cần phải được nhận thấy. Này các Tỷ-kheo, khi xúc thực được hiêu biêt, thời ba cảm thọ được hiêu biết. Khi ba cảm thọ được hiểu biết, thời Ta nói rằng vị Thánh đệ tử không có gì cần phải làm thêm nữa. Và này các Tỷ-kheo5 tư niệm thực cần phải được nhận thấy như thế nào? Này các Tỷ-kheo? ví như một hố than hừng5 sâu hơn một thân người, chứa đầy than cháy đỏ rực, hừng cháy không có khói. Rồi một người đi đến, muốn sông, không muôn chêt; muôn lạc5 chán ghét khô. Rôi hai người lực sĩ đi đên, nắm chặt hai cánh tay người ấy, kéo người ấy đến hố than hừng ấy. Này các

76 về bốn danh từ này, xem Expos. 511; Vism. 31f.

Tỷ-kheo, người ây quyêt chí muôn lánh xa, tinh cân muôn lánh xa, phát nguyện muốn lánh xa [hố than hừng ấy]. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, người ấy chỉ nghi như sau: "Nếu ta rơi vào hố than hừng này, do nhân duyên ấy, ta đi đến chết, hay đi đến khổ gần như chết." Như vậy? này các Tỷ-kheo? Ta nói rằng tư niệm thực cần phải được nhận thấy. Này các Tỷ-kheo? khi tư niệm thực được hiêu biêt5 thời ba ái được hiêu biêt. Khi ba ái được hiểu biết, Ta nói rằng vị Thánh đệ tử không có gì cần phải làm thêm nữa. Và này các Tỷ-kheo, thức thực cần phải được nhận thấy như thế nào? Ví nhu, này các Tỷ-kheo, người ta bắt một người ăn trộm? một người phạm tội, dẫn đến vua và thưa: "Thua Đại vương, người này là một người ăn trộm, một người phạm tội. Hãy trừng phạt người ây nêu như Ngài mu6ii." Vị vua nói như sau về người ấy: "Các ông hãy đi và đánh người này với một trăm hèo (sattí) vào buôi sáng." Và họ đánh người ây với một trăm hèo vào buôi sáng. Rồi vị vua vào buổi trưa nói: "Này các ông, người ấy như thế nào?^ "Thua Đại vương, người ây vân còn s6ng." Rôi vua nói vê người ây: "Này các ông? các ông hãy

đi và đánh người này một trăm hèo vào buổi trưa.” Và họ đánh người ấy một trăm hèo vào buổi trưa. Rồi vị vua vào buổi chiều nói: "Này các ông, người ấy như thế nào?" “Thua Đại vương, người ây vân còn s6ng.” Rôi vua nói vê người ây: “Này các ông, các ông hãy đi và đánh người này một trăm hèo vào buổi chiU." Này các Tỷ-kheo5 các ông nghĩ thế nào? Người ấy trong ngày bị đánh đến ba trăm hèo? do nhân duyên ấy có cảm thọ khổ ưu không? -Bạch Thế Tôn, chỉ bị đánh một hèo, do nhân duyên ấy có cảm thọ khổ ưu, còn nói gì bị đánh đến ba trăm hèo! Như vậy, này các Tỷ-kheo? Ta nói thức thực cần phải được nhận thấy. Này các Tỷ-kheo, khi thức thực được hiểu rõ5 thời danh sắc được hiểu rõ. Khi danh sắc được hiểu rõ9 thời Ta nói rằng vị Thánh đệ tử không có gì cần phải làm thêm nữa. IV KINH CÓ THAM (Atthirãgasuttà)11(y II. 101) 64. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo? có bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại, hay sự chấp thủ tái sanh của các loài hữu tình hay các loài chúng sanh. Thế nào là bốn? Đoàn thực hoặc thô, hoặc tế [là thứ nhất]; xúc thực là thứ hai; tư niệm thực là thứ ba; thức thực là thứ tư.*

77 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.374-378. 0102c28-0103b24).

Này các Tỷ-kheo5 bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại, hay sự chấp thủ tái sanh cho các loài hữu tình hay các loài chúng sanh. Này các Tỷ-kheo5 nếu đối với đoàn thực, có tham, có hỷ, có ái, thời có thức được an trú, tăng trưởng.78 Chỗ nào thức được an trú, tăng trưởng, chỗ ấy có danh sắc sanh. Chỗ nào có danh sắc sanh, chỗ ấy có các hành tăng trưởng. Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy hữu được tái sanh trong tương lai. Chỗ nào hữu được tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sầu, có khổ5 có não. Này các Tỷ-kheo? nếu đối với xúc thực... Này các Tỷ-kheo, nếu đối với tư niệm thực... Này các Tỷ-kheo? nếu đối với thức thực, có tham, có hỷ5 có ái, thời có thức được an trú, tăng trưởng. Chỗ nào có thức được an trú, tăng trưởng' chỗ ấy có danh sắc sanh. Chỗ nào có danh sắc sanh, chỗ ấy có các hành tăng trưởng. Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy hữu được tái sanh trong tương lai. Chỗ nào hữu được tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sầu, có khổ, có não. Ví như, này các Tỷ-kheo5 một người thợ nhuộm hay một người thợ vẽ5 nếu có thuốc nhuộm hay sơn màu nghệ, màu xanh, hay màu đỏ; có một tấm bảng khéo đánh bóng, một bức tường hay tấm vải thời có thể phác họa hình người đàn bà hay người đàn ông có đầy đủ chân tay. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, nếu đối với đoàn thực, có tham, có hỷ9 có ái, thời có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy có danh sắc sanh. Chỗ nào có danh sắc sanh, chỗ ấy có các hành tăng trưởng. Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sầu5 có khổ? có não. Này các Tỷ-kheo, nếu đối với xúc thực... Này các Tỷ-kheo5 nếu đối với tư niệm thực... Này các Tỷ-kheo? nếu đối với thức thực, có tham, có hỷ, có ái, thời có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy có danh sắc sanh. Chỗ nào có danh

sắc sanh, chỗ ấy có các hành tăng trưởng. Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh' già chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sầu, có khố9 có não. Này các Tỷ-kheo, nếu đối với đoàn thực không có tham, không có hỷ, không có ái5 thời không có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào không có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy không có danh sắc sanh. Chỗ nào không có danh sắc sanh, chỗ ấy không có các hành tăng trưởng. Chỗ nào không có các hành tăng trưởng, chỗ ấy không có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào không có hữu tái

78 Xem s. II. 65 (kinh 38 ở trước).

sanh trong tương lai, chỗ ấy không có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào kh6ng có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói rằng chỗ ấy không có sầu, không có khổ, không có não. Này các Tỷ-kheo5 nếu đối với xúc thực... Này các Tỷ-kheo5 nêu đôi với tư niệm thực Này các Tỷ-kheo5 nếu đối với thức thực, không có tham, không có hỷ, không có ái, thời không có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào không có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy không có danh sắc sanh. Chỗ nào không có danh sắc sanh, chỗ ấy không có các hành tăng trưởng. Chỗ nào không có các hành tăng trưởng, chỗ ấy không có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào không có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy không có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào không có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói rằng chỗ ấy không có sầu, không có khổ5 không có não. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một ngôi nhà có mái hay một dãy hành lang có mái; có cửa sô phía Băc, phía Nam, hay phía Đông. Khi mặt trời mọc lên, ánh sáng ngang qua cửa sổ chiếu vào, thời chiếu vào chỗ nào? Bạch Thế Tôn, chiếu vào tường phía Tây. Này các Tỷ-kheo, nếu không có tường phía Tây, thời chiếu vào chỗ nào? Bạch Thế Tôn5 chiếu trên đất. Này các Tỷ-kheo? nếu không có đất, thời chiếu vào chỗ nào? Bạch Thế Tôn, chiếu trên nước. Này các Tỷ-kheo5 nếu không có nước? thời chiếu vào chỗ nào? Bạch Thế Tôn, không có chiếu ở đâu cả. -Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? nếu đối với đoàn thực không có tham, không có hỷ, không có ái... Này các Tỷ-kheo? nếu đối với xúc thực... Này các Tỷ-kheo, nếu đối với tư niệm thực... Này các Tỷ-kheo, nếu đối với thức thực? không có tham5 không có hy, không có ái, thời không có thức an trú. Chỗ nào không có thức an trú, chỗ ấy không có danh sắc sanh. Chỗ nào không có danh sắc sanh, chỗ ấy không có các hành tăng trưởng. Chô nào không có các hành tăng trưởng, chô ây không có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào không có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy không có sanh5 già chết trong tương lai. Chỗ nào không có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói rằng chỗ ấy không có sầu, không có khổ5 không có não. V. KINH THÀNH ẤP (Nagarasutta)19 (5. II. 104) 65. Trú ở Sãvatthi... Thuở xua, này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ? chưa chứng Chánh

79 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.287. 0080b24); Tăng.(T02. 0125.38.4. 0718al3).

7 __\ e đăng giác, còn là Bô-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Thật sự thê giới này bị giam hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diet, và bị tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết xuất ly khỏi già và chết; từ nơi đau khổ này5 không biết khi nào được biết đến xuất ly khỏi già và chết.” Rồi này các Tỷ-kheo5 Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, già chết hiện hữu? Do duyên cái gi, già chết sanh khỏi?” Rồi này các Tỷ-kheo5 sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ5 phát sinh minh kiến như sau: "Do sanh có mặt nên già c het hiện hữu. Do duyên sanh nên già chết sanh khởi.^, Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, sanh hiện hữu, hữu hiện hữu, thủ hiện hữu, ái hiện hữu, thọ hiện hữu5 xúc hiện hữu, sáu xứ hiện hữu, danh sắc hiện hữu? Do duyên cái gì, danh sắc sanh kh&i?" Rồi này các Tỷ-kheo5 sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do thức có mặt nên danh sắc hiện hữu. Do duyên thức nên danh sắc sanh kh&i." Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, thức hiện hữu? Do duyên cái gì5 thức sanh khỏi?” Rồi này các Tỷ-kheo9 sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do danh sắc có mặt nên thức hiện hữu. Do duyên danh sắc nên thức sanh kh&i." Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Thức này trở lui, không đi xa hơn danh sắc. Xa đến như vậy? chúng ta bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt, bị tái sanh. Nghĩa là do duyên danh sắc, thức sanh khởi; do duyên thức, danh sắc sanh khởi. Do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi; do duyên sáu xứ5 xúc sanh kh&i...” Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. "Tập khởi, tập kh&i.” Này các Tỷ-kheo5 đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, nhãn khởi iên5 trí khởi lên, tuệ khởi lên5 minh khởi lên, quang khơi lên. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt, già chết không hiện hữu? Do cái gì diệt, già chết diet?” Rồi này các Tỷ-kheo9 sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ5 phát sinh minh kiến như sau: "Do sanh không có mặt nên già chết không hiện hữu. Do sanh diệt nên già chết diet." Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt, sanh không hiện hữu, hữu không hiện hữu, thủ không hiện hữu, ái không hiện hữu, thọ không hiện hữu, xúc không hiện hữu, sáu xứ không hiện hữu, danh sắc không hiện hữu? Do cái gì diệt, danh sắc diet?” Rồi này các Tỷ-kheo5 sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do thức không có mặt, danh sắc không hiện hữu. Do thức diệt nên danh sắc diet."

12. TƯƠNG ƯNG NHÂN DUYÊN 365

Rồi này các Tỷ-kheo? Ta lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì không có mặt, thức không hiện hữu? Do cái gì diệt nên thức diet?” Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiên như sau: "Do danh săc không có mặt? thức không hiện hữu. Do danh săc diệt nên thức diet.” Rồi này các Tỷ-kheo? Ta lại suy nghĩ như sau: “Ta đã chứng đắc con đường này đưa đến giác ngộ? tức là do danh sắc diệt nên thức diệt; do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt; do sáu xứ diệt nên xúc diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diet.” "Đoạn diệt, đoạn diet." Này các Tỷ-kheo? đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một người khi đi qua một khu rừng, một chặng núi5 thấy được một con đường cũ, một đạo lộ cũ do những người xưa đã từng đi qua. Người ấy đi theo con đường ấy, trong khi đi theo con đường

ấy, người ấy thấy được một cổ thành, một cố đô do người xưa ở với đầy đủ vườn tược, đầy đủ rừng cây, đầy đủ hồ ao với thành lũy đẹp đẽ. Rồi này các Tỷ-kheo5 người ấy báo cáo với vua hay vị đại thần của vua: "Các ngài hãy biết, trong khi đi ngang một khu rừng, một chặng núi, tôi thấy được một con đường cũ, một đạo lộ cũ do những người xưa đã từng đi qua. Tôi đã đi theo con đường ấy và thấy được một cổ thành, một cố đô do người xưa ở với đầy đủ vườn tược, đầy đủ rừng cây, đầy đủ hồ ao với thành lũy đẹp đẽ. Thưa các ngài, hãy xây dựng lại ngôi thành ấy." Rồi này các Tỷ-kheo5 vị vua hay vị đại thần cho xây dựng lại ngôi thành ấy. Và ngôi thành ấy, sau một thời gian, lớn lên và trở thành một thành phố phồn vinh, thịnh vượng, đông đúc? tràn đầy người ở.80 Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy một con đường cũ, một đạo lộ cũ do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là con đường cũ, đạo lộ cũ ấy do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua? Đây chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Con đường ấy, này các Tỷ-kheo, là con đường cũ, đạo lộ cũ do các bậc Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua. Ta đã đi theo con đường ấy. Đi theo con đường ấy, Ta thấy rõ già chết; Ta thấy rõ già chet tập khởi; Ta thây rõ già chêt đoạn diệt; Ta thây rõ con đường đưa đên già chết đoạn diệt. Ta đã đi theo con đường ây. Đi theo con đường ây, Ta thây rõ sanh... Ta thây rõ hữu... Ta thấy rõ thủ... Ta thấy rõ ái... Ta thấy rõ thọ... Ta thấy rõ xúc... Ta thấy rõ sáu xứ... Ta thấy rõ danh sắc... Ta thấy rõ thức... Ta đi theo con đường ây. Đi theo con đường ây, Ta thây rõ các hành; Ta thây

80 DB. I. 277 đề cập đến NãỊandã. Đoạn này nêu rõ đức Phật hiện tại nối tiếp truyền thống từ trước.

rõ các hành tập khởi; Ta thấy rõ các hành đoạn diệt; Ta thấy rõ con đường đưa đến các hành đoạn diệt. Cái được Ta biết rõ5 Ta đã tuyên bố cho các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ được biết. Này các Tỷ-kheo, tức là Phạm hạnh này, phồn vinh, thịnh vượng, quảng dại, chúng đa, người nhiều và được chư thiên, loài người khéo léo trình bày. VI. KINH XÚC CHẠM, BIẾT RÕ (Sammasasuttdỷỵ (5. II. 107) 66. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Kuru, tại thị trấn của dân chúng Kuru tên là Kammãsadhamma. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: -Này các Tỷ-kheo! - Bạch Thế Tôn. ĩ_ TT, 7 ^ Ạ Ạ _ _ — rTĩl _ Ạ FT1 A _ Af rr, A — 1_ “ Cac Ty-kheo ay vang đáp The Ton. The Ton nói như sau: Này các Tỷ-kheo? các ông có nắm giữ với nội xúc hay không? Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: - Bạch Thế T6n, con có nắm giữ với nội xúc. Này các Tỷ-kheo, nhưng ông năm giữ nội xúc như thê nào? Tỷ-kheo ấy trả lời. Với câu trả lời, Tỷ-kheo ấy không làm tâm Thế Tôn thỏa mãn. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ảnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn? nay đã đến thời. Bạch Thiện The, nay đã đến thời Thế Tôn nói về nội xúc. Sau khi nghe, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. -Vậy này Ãnanda, hẫy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi nắm giữ nội xúc, nắm giữ nội xúc như sau: “Sự đau khổ đa loại, đa dạng này khởi lên ở đời với già chết; sự đau khổ này lấy cái gì làm nhân, lấy cái gì làm tập khởi,

lấy cái gì làm tác sanh, lấy cái gì làm hiện hữu? Cái gì có mặt, già chết hiện hữu? Cái gì không có mặt, già chết không hiện hữu?" Vị ấy nắm giữ nội xúc, biết như sau: :Sq đau khổ đa loại, đa dạng này khởi lên ở đời với già chết. Sự đau khổ này lấy sanh y81 82 làm nhân, lấy sanh y làm tập khởi, lấy sanh y làm tác sanh, lấy sanh y làm hiện hữu. Do sanh y có mặt, già chết hiện hữu. Do sanh y không có mặt, già chết không hiện hữu." Vị ấy biết già chết. Vị ấy biết già chết tập khởi. Vị ấy biết già chết

81 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.291. 0082a28). 82 Upadhi: Sanh y, nghĩa là nơi căn bản, chỗ nương tựa. Theo Chú giải, upadhi ở đây có nghĩa là năm uẩn.

đoạn diệt. Vị ấy biết con đường thích ứng đưa đến già chết đoạn diệt. Và nhờ thực hành như vậy, vị ấy trở thành một vị tùy pháp hành. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là Tỷ-kheo đã thực hành để diệt tận khổ đau, để đoạn diệt già chết một cách hoàn toàn. Vị ây lại năm giữ thêm nội xúc và năm giữ như sau: "Sanh y này lây gi làm nhân5 lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm tác sanh, lấy gì làm hiện hữu? Cái gì có mặt, sanh y hiện hữu? Cái gì không có mặt5 sanh y không hiện hữu?" Vị ấy nắm giữ nội xúc, biết được như sau: "Sanh y lấy ái làm nhân, lấy ái làm tập khởi5 lấy ái làm tác sanh, lấy ái làm hiện hữu. Do ái có mặt, sanh ỵ hiện hữu. Do ái không có mặt? sanh y không hiện hữu." Vị ây biêt sanh ỵ, biêt sanh y tập khởi, biêt sanh y đoạn diệt, và biết con đường thích ứng đưa đên sanh y đoạn diệt. Do thực hành như vậy9 vị ấy được gọi là vị tùy pháp hành. Nàỵ các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo đẫ chơn chánh thực hành để tận diệt đau khổ và đoạn diệt sanh y một cách hoàn toàn. Vị ây lại năm giữ thêm nội xúc và năm giữ như sau: "Nhưng ái này, khởi lên tại chỗ nào được khởi lên, an trú tại chỗ nào được an trú?,^ Vị ấy nắm giữ nội xúc, biết được như sau: “Tất cả những gì ở đời khả ái, hấp dẫn khởi lên; tại chỗ ấy, ái được sanh khởi; tại chỗ ấy, ái được an trú. Và cái gì ở đời khả ái, hấp dẫn? Con mắt ở đời là khả ái, hấp dẫn khởi lên; tại chỗ ấy, ái được sanh khởi; tại chỗ ấy, ái được an trú. Lỗ tai ở đời là khả ái, hấp dẫn... Lỗ mũi ở đời là khả ái5 hấp dẫn... Lưỡi ở đời là khả ái, hấp dẫn?. Thân ở đời là khả ái, hấp dẫn... Ý ở đời là khả ái, hấp dẫn khởi lên; tại chỗ ấy, ái được sanh khởi; tại chỗ ấy, ái được an trú." Này các Tỷ-kheo, những ai trong quá khứ là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì ở đời khả ái, hâp dân là thường còn; thây là lạc; thây là tự ngã; thây là vô bệnh; thấy là an ổn; những người ấy làm ái tăng trưởng. Những ai làm ái tăng trưởng, những người ấy làm sanh y tăng trưởng. Những ai làm sanh y tăng trưởng, những người ấy làm đau khổ tăng trưởng. Những ai làm đau khổ tăng trưởng, những người ấy không thể giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu5 bi, khổ5 ưu, não. Ta nói rằng họ không thể giải thoát khỏi đau khổ. Này các Tỷ-kheo5 những ai trong tương lai là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì ở đời khả ái5 hấp dẫn là thường còn; thấy là lạc; thấy là tự ngã; thấy là vô bệnh; thấy là an ổn; những người ấy sẽ làm ái tăng trưởng. Những ai làm ái tăng trưởng, những người ây sẽ làm sanh y tăng trưởng. Những ai làm sanh y tăng trưởng, những người ấy sẽ làm đau khổ tăng trưởng. Những ai làm đau khổ tăng trưởng, những người ấy không thể giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ5 ưu, não. Ta nói họ không có thể giải thoát khỏi đau khổ. Này các Tỷ-kheo, những ai trong hiện tại là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy

những gì ở đời khả ái, hấp dẫn là thường còn; thấy là lạc; thấy là tự ngã; thấy là vô bệnh; thấy là an ổn; những người ấy làm ái tăng trưởng. Những ai làm ái tăng trưởng, những người ấy làm sanh y tăng trưởng. Những ai làm sanh y tăng trưởng, những người ấy làm đau khổ tăng trưởng. Những ai làm đau khổ tănệ trưởng, những người ây không thể giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi5 kho, ưu, não. Ta nói rằng họ không thể giải thoát khỏi đau khổ. Này các Tỷ-kheo, ví như một bình băng đông đựn^ nước uông có săc, có hương, có vị và nước uống ấy có pha thuôc độc. Rôi một người đi đến? bị nóng bức bách, bị nóng áp đảo, mệt mỏi? run rẩy, khát nước và có những người nói với người ấy như sau: "Này bạn, bình đong đựng nước uống này, có sắc, có hương, có vj, và bình nước uống ấy có pha thuốc độc. Nếu bạn muôn? hãy uông. Trong khi uông? bạn sẽ được thích thú vê săc, vê hương, vê vị. Sau khi uống, do nhân duyên ấy, bạn có thể đi đến chết, hay đau khổ gần như chết." Người kia có thể uống bình nước bằng đồng ấy một cách hấp tấp không suy nghĩ5 không từ bỏ. Người kia do nhân duyên ấy, có thể đi đến chêt hay đau khổ gần như chết. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, những ai trong quá khứ là Sa-môn hay Bà-la- môn5 phàm vật gì khả ái hấp dẫn ở đời... ... những ai trong tương lai... Này các Tỷ-kheo? những ai trong hiện tại là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì ở đời khả ái? hấp dẫn là thường còn; thấy là lạc; thấy là tự ngã; thấy là vô bệnh; thấy là an ổn; những người ấy làm ái tăng trưởng. Những ai làm ái tăng trưởng, những người ấy làm sanh y tăng trưởng. Những ai làm sanh y tăng trưởng, những người ấy làm đau khổ tăng trưởng. Những ai làm đau khô tầnệ trưởng, những người ây không the giải thoát khỏi sanh, già? chết, sầu, bi, khô, ưu, não. Ta nói rằng họ không thể giải thoát khỏi đau khổ. Và này các Tỷ-kheo, những ai trong quá khứ là Sa-mon hay Bà-la-môn thấy những gì khả ái5 hấp dẫn ở đời là vô thường; thấy là khổ; thấy là vô ngã; thấy là bệnh; thấy là đáng sợ hãi; những người ây từ bỏ ái. Những ai từ bỏ ái, những người ấy từ bỏ sanh y. Những ai từ bỏ sanh y, những người ấy từ bỏ đau khổ. Những ai từ bỏ đau khổ, những người ấy đã được giải thoát khỏi sanh, già5 chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói răng họ đã giải thoát ìdiỏi đau khổ. Và này các Tỷ-kheo, những ai trong tương lai là Sa-môn hay Bà-la-môn thay những gì khả ái5 hấp dẫn ở đời là vô thường; thấy là khổ; thấy là vô ngã; thấy là bệnh; thấy là đáng sợ hãi; những người ấy sẽ từ bỏ ái. Những ai từ bỏ ái5 những người ây từ bỏ sanh y... Ta nói răng họ có thê giải thoát khỏi đau khô.

12. TƯƠNG ƯNG NHÂN DUYÊN e 369

Còn những ai, này các Tỷ-kheo? trong hiện tại là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì khả ái5 hấp dẫn ở đời là vô thường; thấy là khổ; thay là vô ngã; thấy là bệnh; thấy là đáng sợ hãi; họ từ bỏ ái. Những ai từ bỏ ải, những người ấy từ bỏ sanh y. Những ai từ bỏ sanh y, những người ấy từ bỏ đau khô. Những ai từ bỏ đau khổ5 những người ấy sẽ giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu9 bi, khố, ưu, não. Ta nói rằng họ sẽ giải thoát khỏi đau khổ. Ví như, này các Tỷ-kheo, một bình nước bằng đồng đựng nước uống có sắc? có hương, có vị, nhmig bị pha thuốc độc. Rồi có người đi đến? bị nóng bức bách, bị nóng áp đảo9 mệt mỏi5 run rẩy, khát nước. Có những người nói với người ấy: "Này bạn, bình

nước bằng đông này có sắc, có hương, có vj, nhimg bình nước uống ấy bị pha thuốc độc. Nếu bạn muốn? hãy uống. Trong khi uống, bạn sẽ thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống5 do nhân duyên ấy bạn có thể đi đến chết, hay đau khổ gần như chết." Và này các Tỷ-kheo5 người ấy có thể suy nghĩ như sau: “d đây5 ta có thể nhiếp phục khát nước này với u6ng rượu, hay nhiếp phục với ăn sữa đông (sanh tô), hay nhiếp phục với ngậm mu6i, hay nhiếp phục với cháo chua. Nhưng ta không thể uống thứ này, nó khiến ta phải bất hạnh, đau khổ lâu dài.” Người ấy sau khi suy nghĩ, không uống và từ bỏ thứ nước uống ấy. Do nhân duyên này, người ấy không đi đến chết, hay sự đau khổ gần như chêt. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 những ai trong thời quá khứ là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì khả ái? hấp dẫn ở đời là vô thường; thấy là đau khổ; thấy là vô ngã; thấy là bệnh; thấy là đáng sợ hãi; họ đoạn trừ ái. Những ai đoạn trừ ái, những người ây đoạn trừ sanh y. Những ai đoạn trừ sanh y, những người ấy đoạn trừ đau khô. Những ai đoạn trừ đau khổ? những người ấy được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ? ưu, não. Ta nói họ được giải thoát khỏi đau khổ. Này các Tỷ-kheo, những ai trong tương lai... Những ai trong thời hiện tại là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì khả ái, hấp dẫn ở đời là vô thường; thấy là khổ; thấy là vô ngã; thấy là bệnh; thấy là đáng sợ hãi; họ từ bỏ ái. Những ai từ bỏ ái, những người ấy từ bỏ sanh y. Những ai từ bỏ sanh y, những người ấy từ bỏ đau khổ. Những ai từ bỏ đau khổ, những người ấy được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ? ưu, não. Ta nói rằng họ được giải thoát khỏi đau khổ. VII. KINH BÓ LAU (NaḶakalãpĩsuttay3 (5. II. 112) 67. Một thòi, Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Mahãkotthita trú ở Bãrãnasĩ (Ba-la-nại), tại Isipatana (chư thiên đọa xứ), ở Migadãya (Vườn Nai).

83 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.288. 0081a09).

370 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ II. THIÊN NHÂN DUYÊN

Rồi Tôn giả Mahãkotthita, vào buổi chiều từ chỗ thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sãriputta những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, bèn ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahãkotthita nói với Tôn giả Sãriputta: Này Hiên giả Sãriputta, già chêt do tự mình tạo ra; già chêt do người khác tạo ra; già chết do tự mình và do người khác tạo ra; hay già chết không do tự mình tạo ra, không do người khác tạo ra, do tự nhiên sanh? Này Hiền giả Kotthita, già chết không do tự mình tạo ra; già chết không do người khác tạo ra; già chết không do tự mình tạo ra và người khác tạo ra; già chết cũng không phải không do tự mình tạo ra? không do người khác tạo ra5 do tự nhiên sanh. Già chết do duyên sanh. Này Hiền giả Sãriputta, có phải sanh do tự mình làm ra; sanh do người khác làm ra; sanh do tự mình làm ra và do người khác làm ra; hay sanh không do tự mình làm ra9 không do người khác làm ra, do tự nhiên sanh? Này Hiền giả Kotthita, sanh không do tự mình làm ra; sanh không do người khác làm ra; sanh không do tự mình làm ra và người khác làm ra; sanh cũng không phải không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, do tự nhiên sanh. Sanh do duyên hữu. Này Hiên giả Sãriputta, hữu có phải do tự mình làm ra... thủ có phải do tự mình làm ra... ái có phải do tự mình làm ra... thọ có phải do tự mình làm ra... xúc có phải do tự

mình làm ra... sáu xứ có phải do tự mình làm ra...? ... danh sắc có phải do tự mình làm ra; danh sắc có phải do người khác làm ra; danh săc có phải do tự mình làm ra và do người khác làm ra; hay danh săc có phải không do tự mình làm ra9 không do người khác làm ra5 do tự nhiên sanh? Này Hiền giả Kotthita, danh sắc không phải do tự mình làm ra; danh sắc không phải do người khác làm ra; danh săc không phải do tự mình làm ra và do người khác làm ra; hay danh sắc cũng không phải không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, do tự nhiên sanh. Danh sắc do duyên thức. Này Hiền giả Sãriputta, có phải thức do tự mình làm ra; thức do người khác làm ra; thức do tự mình làm ra và do người khác làm ra; hay có phải thức không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra? do tự nhiên sanh? Này Hiền giả Kotthita, thức không do tự mình làm ra; thức không do người khác làm ra; thức không do tự mình làm ra và không do người khác làm ra; hay thức cũng không phải không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, do tự nhiên sanh. Thức do duyên danh săc. Nay chúng tôi hiểu lời nói của Hiền giả Sãriputta như sau: "Này Hiền giả Kotthita, danh săc không do tự mình làm ra; danh săc không do người khác làm ra; danh sắc không do tự mình làm ra và do người khác làm ra; danh sắc cũng không phải không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, do tự nhiên sanh. Danh sắc do duyên thức.^,

12. TƯƠNG ƯNG NHÂN DUYÊN e 371

Và nay chúng tôi hiểu lời nói của Hiền giả Sãriputta như sau: "Này Hiền giả Kotthita, thức không do tự mình làm ra; không do người khác làm ra; không do tự mình làm ra và người khác làm ra; cũng không phải không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, đo tự nhiên sanh. Thức do duyên danh sắc." Này Hiền giả Sãriputta, cần phải hiểu như thế nào ý nghĩa lời nói này? - Vậy này Hiên giả5 tôi sẽ nêu một ví dụ. Nhờ có ví dụ, người có trí hiêu được ý nghĩa lời nói. Ví như hai bó lau dựa vào nhau mà đứng; CŨĨ1Ẹ vậy? này Hiền giả, do duyên danh săc5 thức sanh khởi; do duyên thức, danh săc sanh khởi; do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi; do duyên sáu xứ, xúc sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Này Hiền giả5 nếu một bó lau được kéo qua [một bên]? bó lau kia liền rơi xuống. Nếu bó lau kia được kéo qua [một bên]? bó lau này liền rơi xuống. Cũng vậy, này Hiền giả, do danh sắc diệt nên thức diệt; do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt; do sáu xứ diệt nên xúc diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Thật vi diệu thay, Hiền ệiả Sãriputta! Thật hy hữu thay, Hiền giả Sãriputta! Lời nói khéo nói này của Hiên giả Sãriputta và lời nói với ba mươi sáu sự này của Hiền giả Sãriputta, chúng tôi xin tùy hỷ. Này Hiền giả, nếu một Tỷ-kheo thuyết pháp để nhàm chán, ly tham, đoạn diệt già chết, thời đủ để được gọi là vị Tỷ-kheo thuyết pháp. Này Hiền giả, nếu một Tỷ-kheo thực hành để nhàm chán, ly tham, đoạn diệt già chết, thời đủ để được gọi là tùy pháp hành. Này Hiền giả, nếu một Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt vô minh, được giải thoát, không có chấp thủ, thời đủ để được gọi vị Tỷ-kheo đã đạt được Hiện tại Niết-bàn.

VIII. KINH KOSAMBI (Kosambisutta)^ (S. II. 115) 68. Một thời, Tôn giả Musĩla, Tôn giả Savittha, Tôn giả Nãrada, Tôn giả Ãnanda trú ở Kosambi, vườn Ghosita. Rồi Tôn giả

Savittha nói với Tôn giả Musīla: Này Hiền giả Musīla, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thẩm lự hành tướng (ãkãraparivitakkã), ngoài thẩm định và chấp nhận quan điểm (ditthinijjhanakkhanti), Tôn giả Musīla tự mình có trí biết được: "Do duyên sanh nên già chết sanh khởi?59 Này Hiền giả Savittha, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài tham lự hành tướng, ngoài thẩm định và chấp nhận quan điểm, tôi có biết được, tôi có thấy được: "Do duyên sanh nên già chết sanh kh&i." Này Hiền giả Musīla, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thâm lự hành tướng, ngoài thâm định và châp nhận quan điểm, Tôn giả Musīla tự mình có trí biết được: "Do duyên hữu nên sanh sanh kh&i?"

84 Tham khảo: Tạp.(r.02. 0099.351. 0098c01).

... "Do duyên thủ nên hữu sanh kh&i?".. "Do duyên ái nên thủ sanh khởi?,\.. “Do duyên thọ nên ái sanh kh&i?"... "Do duyên xúc nên thọ sanh Idiởi?”...“Do duyên sáu xứ nên xúc sanh khỏi?"... "Do duyên danh sắc nên sáu xứ sanh kh&i?".. "Do duyên thức nên danh sắc sanh kh&i?".. "Do duyên hành nên thức sanh khởi?55... uDo duyên vô minh, các hành sanh kh&i?” Này Hiền giả Savittha, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thâm lự hành tướng, ngoài thẩm định và chấp nhận quan điêm, tôi biết được, tôi thấy được: “Do duyên vô minh nên các hành sanh kh&i.” Này Hiền giả Musīla, ngoài lònệ tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thấm lự hành tướng, ngoài sự tham định và chấp nhận quan điễm? Tôn giả Musīla tự mình có trí biet như sau: "Do sanh diệt nên già chet diet?" Này Hiền giả Savittha, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thâm lự hành tướng, ngoài thẩm định và chấp nhân quan điểm, tôi có biết như sau, tôi có thấy như sau: "Do sanh diệt nên già chết diet.” Này Hiền giả Musīla, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thâm lự hành tướng, ngoài thâm định và châp nhận quan điểm, Tôn giả Musīla tự mình có trí biết như sau: “Do hữu diệt nên sanh diet?" . "Do thủ diệt nên hữu diet?”..."Do ái diệt nên thủ diet?9\.. "Do thọ diệt nên ái diet?'... "Bo xúc diệt nến thọ diet?”... "Do sáu xứ diẹt nên xúc di/t?”... “Do danh sắc diệt nên sáu xứ diet?"... "bo thức diệt nên danh sắc diệt?9\.. “Do hành diệt nên thưc diet?”..."Do vô minh diệt nên hành diet?" Này Hiên giả Savittha, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyên thuyêt, ngoài thâm lự hành tướng, ngoài thẩm định và chấp nhận quan điểm, tôi có biết như sau, tôi có thấy như sau: "Do vô minh diệt nên hành diet." Này Hiên giả Musīla, ngoài lòng tin5 ngoài ưa thích, ngoài truyên thuyêt, ngoài thẩm lự hành tướng, ngoài thẩm định và chấp nhận quan điểm, Tôn giả Musīla tự mình có trí biết như sau: “Do hữu diệt là Niết-bàn?95 Này Hiền giả Savittha, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thâm lự hành tướng, ngoài thâm định và châp nhận quan điêm5 tôi có biêt như sau, tôi có thấy như sau: "Do hữu diệt là Niết-bàn.,, Như vậy, Tôn giả Musīla là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc? Khi nghe nói vậy? Tôn giả Musīla giữ im lặng. Rồi Tôn giả Nãrada nói với Tôn giả Savittha: Này Hiền giả Savittha, lành thay nếu tôi được hỏi câu này. Hãy hỏi tôi câu hỏi này5 và tôi sẽ trả lời cho Hiền giả câu hỏi này. Tôn giả Nãrada hãy lấy câu hỏi này. Tôi sẽ hỏi Tôn giả Nãrada câu hỏi này, và Tôn giả

Nãrada hãy trả lời cho tôi câu hỏi này. (Như trên...) Này Hiền giả Savittha, ngoài lòng tin... tôi có biết như sau, tôi có thấy như sau: "Do hữu diệt là Niết-bàn.”

Như vậy5 Tôn giả Nãrada là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc. Này Hiền giả, “do hữu diệt là Niết-bàn,55 tôi khéo thấy như chơn nhờ chánh trí tuệ. Nhưng tôi không phải là vị A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc. Ví như trên một con đường hoang vắng có một giếng nước. Tại đấy không có dây? không có gàu nước. Rồi có người đi đến, bị nóng bức bách, bị nóng áp đảo, mệt mỏi? run rẩy, khát nước. Người ấy ngó xuống giếng và biết được: “Giếng này có nước9\ nhưng đứng chju, thân thể không chạm nước. Cũng vậy, này Hiền giả? "do hữu diệt là Niết-bàn9\ tôi khéo thấy như chơn nhờ chánh trí tuệ, nhưng tôi không phải là vị A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc. Khi được nghe nói vậy5 Tôn giả Ãnanda nói với Tôn giả Savittha: Này Hiền giả Savittha, nói như vậy thời Hiền giả nói gì về Tôn giả Nãrada? Này Hiền giả Ãnanda, nói như vậy5 tôi không nói gì về Tôn giả Nãrada ngoài sự tốt lành? ngoài sự tốt đẹp. IX. KINH NƯỚC THỦY TRIỀU DÂNG (Upayantìsutta) (5. II. 118) 69. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, trong vườn ông Anãthapiṇḍika. Tại đây... Này các Tỷ-kheo? khi nào biển lớn dâng lên thời các sông lớn dâng lên. Khi nào các sông lớn dâng lên thời các sông nhỏ dâng lên. Khi nào các sôṇệ nhỏ dâng lên thời các hồ lớn dâng lên. Khi nào các hồ lớn dâng lên thời các ho nhỏ dâng lên. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo, khi nào vô minh dâng lên thời các hành dâng lên. Khi nào các hành dâng lên thơi thức dâng lên. Khi nào thức dâng lên thời danh săc dâng lên. Khi nào danh săc dâng lên thời sáu xứ dâng lên. Khi nào sáu xứ dâng lên thời xúc dâng lên. Khi nào xúc dâng lên thời thọ dâng lên. Khi nào thọ dâng lên thời ái dâng lên. Khi nào ái dâng lên thời thủ dâng lên. Khi nào thủ dâng lên thời hữu dâng len. Khi nào hữu dâng lên thời sanh dâng lên. Khi nào sanh dâng lên thời già chết dâng lên. Này các Tỷ-kheo, biển lớn không dâng lên thời sông lớn không dâng lên. Sông lớn kh6ng dâng lên thời sông nhỏ không dâng lên. Sông nhỏ không dâng lên thời hồ lớn không dâng lên. Hồ lớn không dâng lên thời hồ nhỏ không dâng lên. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? vô minh không dâng lên thời các hành không dâng lên. Các hanh không dâng lên thời thức không dâng lên. Thức không dâng lên thời danh sắc không dâng lên. Danh sắc không dâng lên thời sáu xứ không dâng lên. Sáu xứ không dâng lên thời xúc không dâng lên. Xúc không dâng lên thời thọ không dâng lên. Thọ không dâng lên thời ái không dâng lên. Ái không dâng lên thời thủ không dâng lên. Thủ không dâng lên thời hữu không dâng lên. Hữu không dâng lên thời sanh không dâng lên. Sanh không dâng lên thời già chết không dâng lên.

X. KINH SỈỈSĩMA(Susimasuttay5 (5. II. 119) 70. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá), VeḶuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Thế Tôn được cung kính, được tôn trọng, được kính lễ9 được cúng dường, được tôn sùng và Ngài nhận được các vật dụng cúng dường như y áo, ẩm thực5 sàng tọa và dược phẩm trị bệnh. Chúng Tỷ-kheo cũng được cung kính, được tôn trọng, được kính lễ, được cúng dường, được tôn sùng và cũng nhận được các vật cúng dường như y áo, ẩm

thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh. Nhưng các du sĩ ngoại đạo không được cung kính, không được tôn trọng, không được kính lễ, không được cúng dường, không được tôn sùng và cũng không nhận được các vật dụng cúng dường như y áo? ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh. Lúc bấy giờ, du sĩ Susima trú ở Rặjagaha cùng với hội chúng du sĩ. Rồi hội chúng của du sĩ Susima nói với du sĩ Susima: Thưa Hiền giả Susima, ngài hãy đi đến và sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Sa-môn Gotama. Sau khi ngài học Chánh pháp xong hãy nói lại cho chúng tôi. Sau khi chúng tôi học pháp ấy, chúng tôi sẽ nói lại với các gia chủ. Như vậy? chúng tôi sẽ được cung kính, được tôn trọng, được kính lễ, được cúng dường, được tôn sùng và chúng tôi sẽ nhận được các vật dụng cúng dường như y áo, ẩm thực? sàng tọa và dược phẩm trị bệnh. y

Thưa vâng, các Hiên giả. Du sĩ Susima nghe theo hội chúng của mình, liền đi đến Tôn giả Ảnanda; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Tôn giả Ãnanda; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngôi xuông một bên, du sĩ Susima nói với Tôn giả Ananda: Này Hiên giả Ananda, tôi muôn sông Phạm hạnh trong Pháp và Luật này. Rồi Tôn giả Ãnanda đưa du sĩ Susima đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch r r-r-11 A rrr The Ton: -Bạch Thế Ton, du sĩ Susima này nói như sau: "Này Hiền giả Ãnanda, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này.^, -Vậy Ãnanda, hãy cho Susima xuất gia. Và du sĩ Susima được xuất gia dưới sự chỉ đạo của Thế Tôn và được thọ Đại giới. Lúc bấy giờ, nhiều vị Tỷ-kheo ở trước mặt Thế Tôn đã tuyên bố chánh trí

85 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.347. 0096Ồ25).

như sau: "Chúng tôi biết rõ rằng: ° Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.M, Tôn giả Susima được nghe nhiều Tỷ-kheo trước mặt Thế Tôn đã tuyên bố chánh trí như sau: "Chúng tôi biết rõ rằng: 'Sanh đã tận9 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.5,9 Rồi Tôn giả Susima đi đến các Tỷ-kheo; sau khi đến5 nói lên với những Tỷ-kheo ấy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên9 Tôn giả Susima nói với các Tỷ-kheo ay: Cố đúng sự thật chăng, chư Tôn giả ở trước mặt Thế Tôn đã tuyên bố chánh trí như sau: "Chúng con biết rõ rằng: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa?"' Thưa có vậy9 này Hiền giả. Nhimg, chư Tôn giả biết như vậy? thấy như vậy chắc chứng được nhiều loại thần thông khác nhau: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên, ngang qua đất liền như ở trong nước? đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực? đại oai thần như vậy; có thể sử dụng thân một cách tự tại cho đến cõi Phạm thiên? Thưa không phải vậy, này Hiền giả. -Vậy có phải chư Tôn giả biêt như vậy, thây như vậy9 chứng được Thiên nhĩ thông thuân tịnh siêu nhân, có thê

nghe hai loại tiêng: Chư thiên và loài người, xa và gần? Thưa không phải vậy9 này Hiền giả. -Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy5 với tâm của mình biết được tâm của các chúng sanh khác, các loài người khác: Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm khônệ tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân? tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không si biết là tâm không si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết không phải là đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiền định biết là tâm thiền định, tâm không thiền định biết là tâm không thiền định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát? Thưa không phải vậy, này Hiền giả. -Vậy có phải chư Tôn giả biêt như vậy, thây như vậy, nhớ được nhiêu đời quá khứ như một đời, hai đời5 ba đời, bốn đời? năm đời5 mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời? bốn mươi dời, năm mươi đời, một trăm đời? hai trăm đời5 một ngàn đời, một trăm ngàn đời; nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và

thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: uTại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thức ăn như thế này, thọ lạc khổ như thế này, tuổi thọ như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta CÓ tên như thê này, dòng họ như thê này, tuôi thọ đên mức như thê này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở dây.” Như vậy, chư Tôn giả nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết? Thưa không phải vậy, này Hiền giả. -Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy? thấy như vậy? với Thiên nhãn thuần tịnh siêu ïihân, thây sự sông và chêt của chúng sanh. Chư Tôn giả biêt rõ răng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ5 kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, làm những ác hạnh về lời nói, những ác hạnh về ý; phỉ báng các bậc Thánh; theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ? địa ngục. Còn những chúng sanh kia làm những thiện hạnh về thân5 làm những thiện hạnh về lời nói, làm những thiện hạnh về ý; không phỉ báng các bậc Thánh; theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này. Như vậy? với Thiên nhãn thuân tịnh siêu nhân, các vị thây sự sông chêt của chúng sanh. Các vị biêt rõ rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ? Thưa không phải vậy? này Hiền giả. -Vậy có phải chư Tôn giả biêt như vậy? thây như vậy5 sau khi vượt khỏi săc giới? thân cảm xúc vô sắc giói, an trú vào tịch tịnh giải thoát? Thưa không phải vậy, này Hiên giả. Hay ở đây? có phải chư Tôn giả vừa trả lời như vậy? vừa không chứng được các pháp này? Này Hiền giả, không có chứng được gì. Như thế nào? Thưa Hiền giả Susima, chúng tôi chứng được Tuệ giải thoát. -Tôi không biết được ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt này của chư Tôn giả. Lành thay nếu được chư Ton giả nói lên cho tôi, để tôi có thể hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt này của chư Tôn giả! -Này Hiền giả Susima, dù cho

ông có biết hay ông không biết, chúng tôi chứng được Tuệ giải thoát. Rồi Tôn giả Susima từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Susima trình bày lên Thế Tôn tất cả câu chuyện với các Tỷ-kheo ấy. Này Susima, trước hêt là trí vê pháp trú, sau là trí vê Niêt-bàn.

Bạch Thế Tôn, con kh6ng hiểu được ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt này của Thế Tôn. Bạch The Tôn, lành thay nếu Thế Tôn nói lên cho con, để con có thê hiêu ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói văn tăt này của Thế Tôn! Này Susima, dù cho ông có biết hay ông không có biết, trước hết là trí về pháp trú, sau là trí về Niết-bàn. Này Susima, ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ? chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi chúng ta quán cái ấy là: "Cái này là của tôi? cái này là tôi? cái này là tự ngã của t6i"? Thưa không, bạch Thế Tôn. Thọ là thường hay vô thường? -Vô thường, bạch Thế Tôn. Tưởng là thường hay vô thường? -Vô thường, bạch Thế Tôn. -Các hành là thường hay vô thường? -Vô thường, bạch Thế Tôn. -Thức là thường hay vô thường? -Vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? -Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ? chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu chúng ta quán cái ấy là: “Cái này là của tôi, cái này là tôi? cái này là tự ngã của tôi55? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Do vậy9 này Susima, cái gì thuộc sắc pháp quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thăng; hoặc xa hay gần, tất cả sắc pháp cần phải được quán như chơn với chánh trí tuệ như sau: uCái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i." Cái gì thuộc thọ quá khứ, vị lai hay hiện tại... Cái gì thuộc tưởng quá khứ, vị lai hay hiện tại... Cái gì thuộc hành quá khứ, vị lai hay hiện tại... Cái gì thuộc thức quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả thức cần phải quán như chơn với chánh trí tuệ như sau: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i." Này Susima, thấy như vậy, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc,

nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đôi với thức. Do nhàm chán, vị ây ly tham; do ly tham, vị ây giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã giải thoát.” vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm? không còn trở lại đời này nữa." Này Susima, ông có thây chăng: "Do duyên sanh, già chêt sanh khởi59? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. —“Do duyên thủ, hữu sanh kh&i”, này Susima, ông có thấy chăng? - Thưa có, bạch Thế Tôn. Này Susima, ông có thấy chăng: “Do duyên ái5 thủ sanh kh&i” - Thưa có, bạch Thế Tôn. -“Do duyên thọ9 ái sanh khởi. Do duyên xúc, thọ sanh khởi. Do duyên sáu xứ, xúc sanh khởi. Do duyên danh sắc5 sáu xứ sanh khởi. Do duyên thức, danh sắc sanh khởi. Do duyên hành5 thức sanh khởi. Do duyên vô minh, hành sanh khởi.„ Này Susima, ông có thấy chăng? Thưa c6, bạch Thế Tôn. "Do sanh diet, già chết diet",

này Susima, ông cố thấy chăng? -Thưa c6, bạch Thế Tôn. "Do hữu diệt, nên sanh diet", này Susima, ông có thấy chăng? Thưa có, bạch Thế Tôn. “Do thủ diệt nên hữu diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do hành diệt nên thức diệt. Do vô minh diệt nên hành diet, Này Susima, ông có thấy chăng? Thưa có, bạch Thế Tôn. Nhưng này, biêt như vậy, thây như vậy, ông có chứng được các thân thông nhiêu loại sai khác: Một thân hiện ra nhiêu thân, nhiêu thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực? đại oai thân như vậy; có thê sử dụng thân một cách tự tại cho đên cối Phạm thiên? -Thưa không, bạch Thế Tôn. Này Susima, có phải biêt như vậy9 thây như vậy? với Thiên nhĩ thuân tịnh siêu nhan, ông có thể nghe hai loại tiếng: Tiếng chư thiên và tiếng loài người, tiếng xa và tiếng gần? Thưa không, bạch Thế Tôn. Này Susima, có phải biết như vậy, thấy như vậy, với tâm của mình biết

được tâm của chúng sanh sai khác, của loài người sai khác. Với tâm có tham, ông biết được tâm có tham... với tâm không giải thoát, ông biết được là tâm không giải thoát; với tâm giải thoát, ông biết được là tâm giải thoát? Thưa không, bạch Thế Tôn. Này Susima, có phải biết như vậy, thấy như vậy, ông có thể nhớ được nhiêu đời quá khứ sai khác như một đời... (như trên). Ong có thê nhớ được nhiều đời quá khứ sai khác cùng với các nét đại cương và các chi tiết? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Này Susima, nhưng biêt như vậy, thây như vậy, với Thiên nhãn thuân tịnh siêu nhân, ông có thê thây các chúng sanh chêt đi sanh lại... Ong có thê biêt các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ? Thưa không, bạch Thế Tôn. Này Susima, nhimg biết như vậy, thấy như vậy, có phải sau khi vượt khỏi các sắc pháp, với thân cảm thọ vô sắc pháp, ông an trú với tịch tịnh giải thoát? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Nay ở dây, này Susima, với câu trả lời như vậy, với những pháp này không chứng được, này Susima, có phải ông không làm được điều này? Ạ • nn A _ _ • 7 c____ 4 _ • J. A_ _ 0-2 1- 1 Ạ nni- rri _ rrii_ A rin A Roi Tôn giả Susima cúi đâu đảnh le chân The Tôn và bạch Thê Tôn: Một tội lỗi con đã vi phạm, bạch Thế Tôn, vì ngu đần? vì si mê? vì bất thiện. Con đã xuất gia như một người ăn trộm pháp trong Pháp và Luật khéo giảng này. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận con tội lỗi này là một tội lỗi để con ngăn ngừa trong tương lai! Này Susima, thật sự ông đã phạm tội? vì ngu đần, vì si mê? vì bất thiện. Ông đã xuất gia như người ăn trộm pháp trong Pháp và Luật khéo giảng này. Ví như, này Susima, người ta bắt được một người ăn trộm, một người phạm tội, dắt đến cho vua và thưa: "Thua Đại vương, đây là người ăn trộm, người phạm tội. Đại vương hãy gia phạt người ấy theo hình phạt nào như Đại vương muốn.,, Vua ấy nói như sau: “Các ông hãy đem người này, lấy dây thật chắc trói cánh tay người này thật chặt về phía sau, cạo đầu người ấy, dắt người ấy đi xung quanh trên một xe nhỏ với một cái trống, đi từ đường này tới đường khác? từ ngã ba này đến ngã ba khác, dắt người ấy ra khỏi cửa

thành phía Nam, và hãy chặt đâu người ây tại thành phía Nam.,, Những người kia vâng theo lời vua dạy, lấy dây thật chắc trói cánh tay người ấy thật chặt về phía sau, cạo trọc đầu, dắt người ấy đi xung quanh trên một xe nhỏ với một cái trống, đi từ đường này tới đường khác, từ ngã ba này tới ngã ba khác, dắt người ấy ra khỏi cửa thành phía Nam, và chặt đầu người ấy tại thành phía Nam. Này Susima, ông nghĩ thê nào? Người ây do nhân duyên như vậy, có cảm thọ kho ưu hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn. - Này Susima, dù cho người ấy do nhân duyên như vậy? cảm thọ khổ ưu, hay không cảm thọ khổ ưu; thời sự xuất gia với tư cách ăn trộm pháp trong Pháp và Luật khéo thuyết này5 do nhân duyên ấy, phải rơi vào và chịu đựng kho báo còn kịch liệt hơn và quả báo còn đau đớn hơn. Này Susima, ông thấy phạm tội là phạm tội và như pháp phát lộ? nên chúng ta chấp nhận tội ấy cho ông. Này Susima, như vậy Luật của bậc Thánh được tăng trưởng, khi thấy được phạm tội là phạm tội và như pháp phát lộ để ngăn giữ trong tương lai.

vni. PHẨM SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN (SAMANABRAHMANAVAGGA)

I. KINH GIÀ CHẾT ụarãmaranasuttdỷ6 (S II. 129) 71. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, ở vườn ông Anãthapinặika. Ở day, The Tôn... Này các Tỷ-kheo. những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết già chết, không biết ệià chết tập khởi5 không biêt già chết đoạn diet, không biết con đường đưa đên già chết đoạn diệt; này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, đối với Ta, giữa các Sa-môn không được chấp nhận là Sa-môn, hay ^iữa các Bà-la-môn không được chấp nhận là Bà-la-môn. Và những Tôn giả ay không tự mình với thắng trí đạt được? chứng được và an trú ngay trong hiện tại mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh. Và này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết già chết... (như trên)... biêt con đường đưa đên già chêt đoạn diệt; này các Tỷ-kheo? những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, đối với Ta, giữa các Sa-môn được chập nhận là Sa-môn9 hay giữa các Bà-la-môn được chập nhận là Bà-la-môn. Và những Tôn giả ây tự mình với thăng trí đạt được, chứng được và an trú ngay trong hiện tại mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh. II-XI. NHÓM 10 KINH, BẮT ĐÀU BẰNG KINH SANH ựãtìsuttãdidasaka) (S. II. 130) 72. Trú ở Sãvatthi... (2) Họ không biết sanh... (3) Họ không biết hữu... (4) Họ không biết thủ... (5) Họ không biết ái... (6) Họ không biết thọ... (7) Họ không biết xúc... (8) Họ không biết sáu xứ... (9) Họ không biết danh sắc... (10) Họ không biết thức...

86 Trong bản tiếng Anh của PTS, nhóm 11 đoạn kinh này (II-XI), không có tiêu đề. Tham chiếu: Tạp. (rỐ2. 0099.3^4. 0099bl9).

(11) Họ không biết hành, họ không biết hành tập khởi, họ không biết hành đoạn diệt, họ không biết con đường đưa đên hành đoạn diệt... tự mình với thắng trí đạt được, chứng được và an trú ngay trong hiện tại mục đích Sa-môn hạnh và mục đích

Bà-la-môn hạnh.

12. TƯƠNG ƯNG NHÂN DUYÊN 383

IX. PHẨM TRUNG Lược (ẠNTARAPEYYÂLA)

I. KINH ĐẠO Sư (Satthusutta) (S. II. 130) 73. Trú tại Sãvatthi... Này các Tỷ-kheOj đối với ai không như thật biết và thấy già chết, người ấy cần phải tìrrl đến bậc Đạo sư để có như thật trí đối yới già chết. Đối với ai không như thật biết và thấy già chết tập khởi, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo sư để có như thật trí đối với già chết tập khởi. Đổi với ai không như thật biết và thấy già chết đoạn diet, người ấy càn phải tìm đến bậc Đạo sư để có như thật trí đối với già chết đoạn diệt. Đối với ai không như thật biết và thấy con đường đưa đến già chết đoạn diệt, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo sư để có như thật trí đối với con đường đưa đến già chết đoạn diệt.

II-XL NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH ĐẠO SƯ THỨ HAI (Dutìyasatthusuttãdidasakà) (S II. 132) (2) Này các Tỷ-kheo, đối với ai không như thật biết và thấy sanh... (3) Này các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy hữu... (4) Này các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy thủ... (5) Này các Tỹ-kheo... không như thật biết và thấy ái... (6) Này các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy thọ... (7) Này các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy xúc... (8) Này các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy sáu xứ... (9) Này các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy danh sắc... (10) Này các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy thức... (11) Này các Tỷ-kheo5 đối với ai không như thật biết và thấy hành, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo sư để có như thật trí đối với các hành. Đối với ai không như thật biêt và thây các hành tập khởi, người ây cân phải tìm đên bậc Đạo sư để có như thật trí đối với các hành tập khởi. Đối với ai không như thật biết và thấy các hành đoạn diệt, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo sư để có như thật trí đối với các hành đoạn diệt. Đối với ai không như thật biết và thấy con đường đưa đến các hành đoạn diet, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo sư để có như thật trí đôi với con đường đưa đên các hành đoạn diệt.

384 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ II. THIÊN NHÂN DUYÊN

II-XII. NHÓM 11 KINH NHƯ TRÊN BẮT ĐÀU BẢNG KINH HỌC TẬP (Sikkhãsuttãdìpeyyãlaekãdasakaỷ1 (S II. 132) (2) ... Này các Tỷ-kheo, đối với ai không như thật biết và thấy già chết, người ây cân phải học tập đê có như thật trí đôi với già chêt... (như trên). (3) ... Này các Tỷ-kheo; đối với ai không như thật biết và thấy già chết, 88 để có như thật trí đối với già chết... (như trên). người ấy cần phải tu tập87 (4) ... cần phải thực hành dục89... (như trên). (5) ... cần phải nỗ lực... (như trên). (6) ... cần phải bất thối chuyển... (như trên). (7) ... cần phải nhiệt tâm... (như trên). (8) ... cần phải tinh tấn... (như trên). (9) ... cần phải kiên trì... (như trên). (10) ... cần phải chánh niệm... (như trên). (11) ... cần phải chánh tri... (như trên). (12) ... cần phải không phóng dật... (như trên).

87 Tham chiếu: Tạp. 0.02. 0099.365. OlOlaOÓ). 88 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.366. OlOlaló). 89 Theo Chủ giải, dục ở đây có nghĩa là mong muốn làm điều thiện.

13. TƯƠNG ƯNG minh kiến {ABHISAMAYASAMYUTTA}

I. KINH ĐẦU MÓNG TAY (Nakhasikhãsutta) (S. II. 133) 74. Như vây tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapindika. Rồi Thế Tôn lấy lên một ít bụi trên đầu móng tay rồi gọi các Tỷ-kheo: Các ông nẹhĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì nhiều hơn, một ít bụi này Ta lấy lên trên đau ngón tay hay là quả đất lớn này? Chính cái này? bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là quả đất lớn nàỵ. ít hơn là ít bụi được Thế Tôn lấy lên trên đầu ngón tay; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần? không phải trăm ngàn lần có thể sánh bằng? khi so sánh quả đất lớn với ít bụi được The Tôn lấy lên trên đầu ngón tay. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị Thánh đệ tử đã chứng được Kiến cụ túc, đối với người đã chứng được minh kiến, cái này là nhiều hơn, tức là khổ đã được đoạn tận, đã được diệt tận. Khổ còn lại chừng chút ít; không phải một trăm lân, không phải một ngàn lân, không phải một trăm ngàn lân có thê sánh bằng, khi so sánh với khổ uẩn trước đã được đoạn tận, đã được diệt tận, tức nhiều nhất là bảy lần.1 Như vậy? lợi ích lớn thay, này các Tỷ-kheo, là pháp minh kiến (dhammãbhisamaya, pháp hiện quán); như vậy, lợi ích lớn thay là chứng đắc Pháp nhãn. II. KINH HỒ SEN (Pokkharanĩsutta)2 (5. II. 133) 75. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo5 ví như một hồ sen năm mươi do-tuần bề dài, năm mươi do-tuần bề rộng và năm mươi do-tuần bề sâu? nước đầy tràn khiến con quạ có thể uống được. Từ nơi hồ sen ấy, một người lấy nước lên với đầu ngọn cỏ. Các ông nghĩ thế nào? Này các Tỷ-kheo5 cái nào nhiều hơn, nước được lấy lên trên đầu ngọn cỏ hay nước của hồ sen? Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là nước của hồ sen. ít hơn là nước được lấy lên trên đầu ngọn cỏ; không phải một trăm lần, không phải

1 Sattakkhatturnparamatã. Xem s. V. 458; A. I. 233f; PC. 77, 268. 2 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.891. 0224b 11).

một ngàn lần? không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh nước của hò sen với nước được lấy lên trên đầu ngọn cỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với bậc Thánh đệ tử đã chứng được Kiến cụ túc, đối với người đã chứng được minh kiến? cái này là nhiều hơn, tức là khổ đã được đoạn tận, đã được diệt tận. Khổ còn lại chừng chút ít; không phải một trăm làn, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bàng, khi so sánh với khổ uẩn trước đã được đoạn tận, đã được diệt tận, tức nhiều nhất là bảy lần. Như vậy? lợi ích lớn thay, này các Tỷ-kheo? là pháp minh kiến; như vậy, lợi ích lớn thay là chứng đắc Pháp nhãn. III. KINH NƯỚC SÔNG HỢP DÒNG (Sambhejjaudakasutta) (S II. 134) 76. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo9 ví như các con s6ĩig lớn này, cùng nhau đồng chảy, cùng nhau hợp dòng như sông Gaõgã (sông Hăng), sông Yamunã, sông Aciravatĩ, sông Sarabhũ, sông Mahĩ. Từ các chỗ hợp dòng ấy, một người lấy lên hai hay ba giọt nước. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, hai hay ba giọt nước được lấy lên hay là nước ở chỗ hợp dòng? Chính cái này, bạch Thê Tôn, là nhiêu hơn, tức là nước hợp dòng. It hơn là hai hay ba giọt nước được lấy lên; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh nước ở chỗ hợp dòng với hai hay ba giọt nước được lấy lên. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo... (như trên)... chứng đắc Pháp

nhãn.

IV KINH NƯỚC SÔNG HỢP DÒNG THỨ HAI ịỊỉutìyasambhẹịịaudakasuttà) (S. II. 135) 77. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo5 ví như các con sông lớn này, cùng nhau đồng chảy, cùng nhau hợp dòng như sông Gaõgã, sông Yamunã, sông Aciravatĩ, sông Sarabhũ, sông Mahĩ; nước các con sông ấy đi đến đoạn tận, diệt tận, chỉ trừ hai hay ba giọt nước. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ~kheo? cái gì nhiều hơn, nước sông hợp dòng đi đến đoạn tận, diệt tận? hay là hai hay ba giọt nước còn lại? Chính cái này, bạch Thê Tôn? là nhiêu hơn, tức là nước sông hợp dòng đi đến đoạn tận, diệt tận. ít hơn là hai hay ba giọt nước còn lại; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh nước sông hợp dòng đi đến đoạn tận, diệt tận với hai hay ba giọt nước còn lại. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo... chứng đắc Pháp nhãn.

V. KINH QUẢ ĐẤT (Pathavĩsutta) (5. II. 135) 78. Trú ở Sãvatthi...

Ví nhu, này các Tỷ-kheo, có người đặt bảy cục đất tròn to bằng hột táo trên quả đất lớn. Này các Tỷ-kheo5 các ông nghĩ thế nào, cái nào là nhiều hơn, bảy cục đất tròn to bằng hột táo được đặt [trên quả đất] hay là quả đất lớn? Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là quả đất lớn. ít hơn là bảy cục đất tròn to bằng hột táo được đặt [trên quả đất]; khônệ phải một trăm lần, không phải một ngàn, không phải một trăm ngàn lần có thê sánh bằng, khi so sánh quả đất lớn với bảy cục đât tròn được đặt [trên quả đất]. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... chứng đắc Pháp nhãn.

VI. KINH QUẢ ĐẤT THỨ HAI (Dutìyapathavĩsutta) (5. II. 136) 79. Trú ở Sãvatthi... Ví nhu, này các Tỷ-kheo? quả đất lớn đi đến đoạn tận, diệt tận, trừ bảy cục đất tròn lớn bằng hột táo. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? Cái nào là nhiều hơn, quả đất lớn đi đến đoạn tận, diệt tận hay là bảy cục đất tròn lớn bằng hột táo còn lại? Chính cái này, bạch Thế Ton, là nhiều hơn9 tức là quả đất lớn đi đến đoạn tận5 diệt tận. ít hơn là bảy cục đất tròn lớn bằng hột táo còn lại; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh quả đất lớn đi đến đoạn tận? diệt tận với bảy cục đất tròn lớn bằng hột táo còn lại. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... chứng đắc Pháp nhãn.

VII. KINH BIỂN (Samuddasutta) (S. II. 136) 80. Trú ở Sãvatthi... Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một người từ biên lớn lây lên hai hay ba giọt nước. Các ông Ĩiệhĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, hai hay ba giọt nước được lẩy lên hay là nước biển lớn? Chính cái này, bạch Thế Tôn, là

khi so sánh nước của biển lớn đi đến đoạn tận, diệt tận với hai hay ba giọt nước còn lại. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo... chứng đắc Pháp nhãn.

IX. KINH VÍ DỤ VỚI NÚI (Pabbatasuttà) (S II. 137) 82. Trú ở Sãvatthi... Ví như, này các Tỷ-kheo; có người đặt bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải trên vua núi Tuyết. Các ông nghĩ

thế nào, này các Tỷ-kheo? cái nào là nhiều hơn, bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải được đặt [trên núi] hay là vua núi Tuyết? Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là vua núi Tuyết. ít hỹn là bảy hòn sỏi lớn bằnẹ hột cải được đặt [trên núi]; không phải một trăm làn, không phải một ngàn lan, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng? khi so sánh vua núi Tuyết với bảy hòn sỏi lớn băng hột cải được đặt [trên núi]. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... chứng đắc Pháp nhãn.

X. KINH VÍ DỤ VỚI NÚI THỨ HAI (Dutiyapabbatasutta) (5. II. 138) 83. Trú ở Sãvatthi... Ví như, này các Tỷ-kheo5 vua núi Tuyêt đi đên đoạn tận, diệt tận? chỉ còn lại bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, vua núi Tuyết đi đến đoạn tận? diệt tận hay là bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải được còn lại? Chính cái này5 bach Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là vua núi Tuyết đi đến đoạn tận? diệt tận này. ít hơn là bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải còn lại này; không phải một trăm lần? không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh vua núi Tuyết đi đến đoạn tận, diệt tận với bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải còn lại. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 đối với vị Thánh đệ tử đã chứng được Kiến cụ túc, đối với người đã chứng được minh kiến, cái này nhiều hơn, tức là khổ đã được đoạn tận, diệt tận. Kho còn lại chừng chút ít; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi SO sánh với khổ uẩn trước đã được đoạn tận5 diệt tận tức nhiều nhất là bảy lần. Như vậy? lợi ích lớn thay, này các Tỷ-kheo, là pháp minh kiến; như vậy, lợi ích lớn thay là chứng đắc Pháp nhãn. XL KINH VÍ DỤ VỚI NÚI THỨ BA (Tatiyapabbatasutta)(y II. 138) 84. Trú ở Sãvatthi... Ví như, này các Tỷ-kheo5 các ông đặt bảy hòn sỏi lớn bằng hột đậu trên vua núi Sineru (Tu-di). Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo5 cái nào là nhiều hơn, bảy hòn sỏi lớn bằng hột đậu được đặt [trên núi] hay là vua núi Sineru? Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là vua núi Sineru. ít hơn là bảy hòn sỏi lớn bằng hột đậu được đặt [trên núi]; không phải một trăm lần?

13. TƯƠNG

14. TƯƠNG ƯNG GIỚI (DHẪTUSAMYUTTA)

L PHẨM SAI BIỆT (NẴNATTĂVAGGA)

PHẦN MỘT: NĂM KINH NỘI GIỚI1

I. KINH GIỚI SAI BIỆT (Dhãtunãnattasutta)2 (5. II. 140) 85. Trú ở Sãvatthi.. —Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông giới sai biệt. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng. Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Cac Ty-kheo ay vang đáp Thê Ton. The Ton nói như sau: Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là giới sai biệt? Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới9 vị giới5 thiệt thức giới; thân giới, xúc giới5 thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. Này các Tỷ-kheo9 đây gọi là giới sai biệt. II. KINH XÚC SAI BIỆT (Phassanãnattasutta)3 (5. II. 140) 86. Trú ở Sâvatthi... Này các Tỷ-kheo9 do duyên giới sai biệt5 xúc sai biệt sanh khởi. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Nhãn gioi, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, này các Tỷ-kheo? đây gọi là giới sai biệt. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là

do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi? Này các Tỷ-kheo, do duyên nhãn giới5 nhãn xúc sanh khởi. Do duyên nhĩ giới, nhĩ xúc sanh khởi; do duyên tỷ giới, tỷ xúc sanh khởi; do duyên thiệt giới5

1 Bản tiếng Anh của PTS xếp 5 kinh từ 85-89 trong nhóm 1 (a) Five (Discourses on) Internal Element. nghĩa ìả Nam kỉnh Nội giới. 2 Bản tiếng Anh của PTS: Element, nghĩa là Giới. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.451. 0115c27). 3 Bản tiếng Anh của PTS: Touching, nghĩa ìảXúc. Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.452. 0116a05); Tạp. (T.02. 0099.453. 0116a22).

thiệt xúc sanh khởi; do duyên thân giới, thân xúc sanh khởi; do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt? xúc sai biệt sanh khởi. III. KINH KHÔNG PHẢI xúc SAI BIỆT (Nophassanãnattasuttà)4 (5. II. 141) 87. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt. Và này các Tỷ-kheo? như thế nào do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi? Này các Tỷ-kheo? do duyên nhãn giới, nhãn xúc sanh khởi; không phải do duyên nhãn xúc, nhãn giới sanh khởi. Do duyên nhĩ giới, nhĩ xúc sanh khởi; không phải do duyên nhĩ xúc? nhĩ giới sanh khởi. Do duyên tỷ giới, tỷ xúc sanh khởi; không phải do duyên tỷ xúc, tỷ giới sanh khởi. Do duyên thiệt giới, thiệt xúc sanh khởi; không phải do duyên thiệt xúc, thiệt giới sanh khởi. Do duyên thân giới, thân xúc sanh khởi; không phải do duyên thân xúc, thân giới sanh khởi. Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi; không phải do duyên ý xúc, ý giới sanh khởi. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi. IV. KINH THỌ SAI BIỆT (Vedanãnãnattasuttă)5 (S II. 141) 88. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Nhãn giới, nhĩ giới? tỷ giới, thiệt giới5 thân giới, ý giới, này các Tỷ-kheo? đây gọi là giới sai biệt. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt? thọ sai biệt sanh khởi? Này các Tỷ-kheo? do duyên nhãn giới, nhãn xúc sanh khởi; do duyên nhãn xúc, thọ do nhãn xúc sanh sanh khởi. Do duyên nhĩ giới, nhĩ xúc sanh khởi; do duyên nhĩ xúc? thọ do nhĩ xúc sanh sanh khởi. Do duyên tỷ giới, tỷ xúc sanh khởi; do duyên tỷ xúc9 thọ do tỷ xúc sanh sanh khởi. Do duyên thiệt giới, thiệt xúc sanh khởi; do duyên thiệt xúc, thọ do thiệt xúc sanh sanh khởi. Do duyên

4 Bản tiếng Anh của PTS: And Not ỉn This Way, nghĩa là Và không phải như vậy. 5 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Feeling, nghĩa là Thọ.

thân giới? thân xúc sanh khởi; do duyên thân xúc, thọ do thân xúc sanh sanh khởi. Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi; do duyên ý xúc5 thọ do ý xúc sanh sanh khởi. Như vậy?

này các Tỷ-kheo? do duyên giới sai biệt? xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt5 thọ sai biệt sanh khởi. V KINH THỌ SAI BIỆT THỨ HAI (Dutìyavedanãnãnattasutta) (S. II. 142) 89. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo? do duyên giới sai biệt5 xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi? Này các Tỷ-kheo, do duyên nhãn giới, nhãn xúc sanh khởi; do duyên nhãn xúc9 thọ do nhãn xúc sanh sanh khởi. Không phải do duyên thọ do nhãn xúc sanh, nhãn xúc sanh khởi; không phải do duyên nhãn xúc5 nhãn giới sanh khởi... Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi; do duyên ý xúc, thọ do ý xúc sanh sanh khởi. Không phải do duyên thọ do ý xúc sanh, ý xúc sanh khởi; không phải do duyên ý xúc, ý giới sanh khởi. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt? thọ sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt? xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

PHÀN HAI: NĂM KINH NGOẠI GIỚI67 8

6 Bản tiếng Anh àcủa PTS xếp 5 kinh từ 90-94 trong nhóm 1 (b). Five (Discourses on) ExternEaaí(IInFFéaFFFÀÕFFÀÑe€ yEVăọăă0ăCởyxVăytVậăọăă0ăCởủừà

Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. VIII. KINH KHÔNG PHẢI TẦM CÀU SAI BIỆT (Nopariyesanãnãnattasuttaỷ (S. II. 144) 92. Trú ở Săvatthi... Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt? tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt? nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt5 dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt5 tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt5 giới sai biệt sanh khởi. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là giới sai biệt? sắc giới, thanh giới5 hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; do duyên tưởng sai biệt5 tư duy sai biệt sanh khởi; do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; do duyên nhiệt tình sai biệt5 tầm cầu sai biệt sanh khởi? Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; không phải do duyên nhiệt tình sai biệt,

dục sai biệt sanh khởi; không phải do duyên dục sai biệt5 tư duy sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tư duy sai biệt5 tưởng sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi? Này các Tỷ-kheo5 do duyên sắc giới, sắc tưởng sanh khởi; do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi; do duyên sắc tư duy, sắc dục sanh khởi; do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi; do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi. Kh6ng phải do duyên săc tâm câu, săc nhiệt tình sanh khởi; không phải do duyên săc nhiệt tình, săc dục sanh khởi; không phải do duyên săc dục, săc tư duy sanh khởi; không phải do duyên sắc tư duy, sắc tưởng sanh khởi; không phải do duyên sắc tưởng, sắc giới sanh khởi. Do duyên thanh giới... Do duyên hương giới... Do duyên vị giới... Do duyên xúc giới... Do duyên pháp giới,

14.

phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; không phải do dục sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi; không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tư duy sai biệt5 tưởng sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tưởng sai biệt? giới sai biệt sanh khởi.

n. PHẨM THỨ HAI (DUTIY4VAGGA)

L KINH BẢY GIỚI (Sattadhãtusuttà)n (5. II. 149) 95. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo5 có bảy giới này. Thế nào là bảy? Quang giới, Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới, Diệt thọ tưởng giới. Này các Tỹ-kheo, có bảy giới này. Khi được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, Quang giới, Tịnh giới, Không vô biên xứ giới? Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới và Diệt thọ tưởng giới, bạch Thế Tôn, những giới này do duyên cái gì được hiển lộ? Này cá Tỷ-kheo, Quang giới này, do duyên u ám, giới này được hiển lộ. Này các Tỷ-kheo, Tịnh giới này, do duyên bât tịnh5 giới này được hiên lộ. Này các Tỷ-kheo, Không vô biên xử giới này, do duyên sắc, giới này được hiển lộ. Này các Tỷ-kheo5 Thức vô biên xứ giới này, do duyên Không vô biên xứ5 giới này được hiển lộ. Này các Tỷ-kheo? Vô sở hữu xứ giới này, do duyên Thức vô biên xứ, giới này được hiển lộ. Này các Tỷ-kheo? Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới này, do duyên Vô sở hữu xứ, giới này được hiển lộ. Này các Tỷ-kheo, Diệt thọ tưởng giới này, do duyên diệt, giới này được hiển lộ. —Bạch Thế Tôn, Quang giới, Tịnh giới, Không vô biên xứ giói, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới? Phi tưởnệ phi phi tưởng xứ giới, và Diệt thọ tưởng giới, bạch Thế T6n, bảy giới này thiền chứng (samãpattí) như thế nào? —Này các Tỷ-kheo, Quang giới, Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới5 Vô sở hữu xứ giới, những giới này lấy tưởng thiền chứng (sannãsamãpattĩ) được chứng đắc. Này các Tỷ-kheo? Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới này lấy hành hữu dư thiền chứng được chứng đắc.

11 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.456. 011ÓC12). Bản tiếng Anh của PTS: These Seven, nghĩa là Bảy pháp.

Này các Tỷ-kheo, Diệt thọ tưởng giới này lấy diệt đẳng nhập được chứng đắc. II. KINH CÓ NHÂN

ly dục (chanda) sanh khởi; do duyên xuất ly dục, xuất ly nhiệt não sanh khởi; do duyên xuất ly nhiệt não. xuất ly tầm cầu sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do tâm câu xuât ly tâm câu, vị đa văn Thánh đệ tử thực hành chánh hạnh theo ba xứ: Thân, ngữ? ý. Này các Tỷ-kheo, do duyên vô sân giới9 vô sân tưởng sanh khởi; do duyên vô sân tưởng, vô sân tư duy sanh khởi... vô sân dục... vô sân nhiệt tình... vô sân tầm cầu sanh khởi. Này các Ty.kheo, do tầm cầu vô sân tầm cầu? vị đa văn Thánh đệ tử thực hành chánh hạnh theo ba xứ: Thân, ngữ, ý. Này các Tỷ-kheo. do duyên

vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị; Ta nói rằng liệt là sự thọ sanh (uppattí) của vị ây. Này Kaccãna, do duyên trung giới, trung tưởng, trung kiến, trung tàm, trung tư,Ạ trung hy vọng, r trung ước rnguyện, trung nhân, ỉ \ trung ngữ sanh \ khởi; trung N r là điêu vị ây nói, vị ây thuyêt, vị ây trình bày, vị ây đê xướng, vị ây hiên th] vị ây phân biệt, vị ấy tuyên thị; Ta nói rằng trung là sự thọ sanh của vị ấy. Này Kaccãna, do duyên thắng giới, thắng tưởng, thắng kiến, thắng tầm, thắng tư, thắng hy vọng, thắng ước nguyện, thắng nhân, thắng ngữ sanh khởi; thắng là điều vị ấy nói, vị ây thuyêt, vị ây trình bày5 vị ây đê xướng, vị ây hiên thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị; Ta nói răng thăng là sự thọ sanh của vị ấy.

IV. KINH LIỆT Ý CHÍ (Hĩnãdhimuttikasutta)15 (S II. 154) 98. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp9 cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. Này các Tỷ-kheo? tùy thuộc theo giới hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. V. KINH ĐI CÙNG NHAU (Cankamasutta)i6(y II. 155) 99. Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), tại Gijjhakuta (núi Linh Thứu). Lúc bây giờ, Tôn giả Sãriputta cùng với một sô đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu. Tôn giả Mahãmoggallãna cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu. Tôn giả Mahãkassapa cùng với một sô đông Tỷ-kheo đang

đi kinh hành? không xa Thế Tôn bao nhiêu.

15 Adhìmutti: Ý chí, thắng giải, xu hướng. Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.445. 0115a05).
16 Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.447. 0115a24); Tăng.(7.02. 0125.49.3. 0795b20).

Tôn giả Anuruddha cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu. Tôn giả Punna Mantãniputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu. Tôn giả upãli cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu. Tôn giả Ảnanda cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu. Devadatta cùng với một sổ đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: - Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Sãriputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành? Thưa c6, bạch Thế Tôn. Này các Tỷ-kheo? tất cả Tỷ-kheo ấy là bậc Đại Trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, cảc ông cỏ thấy Moggallãna cùng với một số đông Tỷkheo đang đi kinh hành? - Thưa có, bạch Thể Tôn. Này các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy là bậc Đại Thần thông. Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Kassapa cùng với một số đông Tỷ"kheo đang đi kinh hành? -Thưa có, bạch Thế Tôn. Này các Tỷ-kheo? tất cả Tỷ-kheo ấy chủ trương hạnh Đầu-đà. Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Anuruddha cùng với một số đông Tỷkheo đang đi kinh hành? - Thưa có, bạch Thế Tôn. Này các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy là bậc có Thiên nhãn. Này các Tỷ-kheo? các ông có thấy Punna Mantãniputta cùng với một số

Này các

với máu. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 tùy thuộc theo giói, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Các chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ... Này các Tỷ-kheo5 tùy thuộc theo giới thời vị lai... Này các Tỷ-kheo? tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Các chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Này các Tỷ-kheo? tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. Này các Tỷ-kheo5 tùy thuộc theo giới thời vị lai... Này các Tỷ-kheo5 tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. Ví như, này các Tỷ-kheo, sữa cùng hòa hợp, cùng đi với sữa; dầu cùng hòa hợp, cùng đi với dầu; thục tô cùng hòa hợp, cùng đi với thục tô; mật ong cùng hòa hợp, cùng đi với mật ong; mật mía cùng hòa hợp, cùng đi với mật mía. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới? các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ...

Này các Tỷ-kheo5 tùy thuộc theo giới thời vị lai... Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Liên lạc, dục tình sanh, Liên lạc, không được đoạn, Như leo tấm ván nhỏ, Bị chìm giữa sóng lớn. Cũng vậy, đến kẻ nhác, Kẻ sống thiện cũng chìm. Do vậy hãy tránh xa, Kẻ nhác, không tinh tấn.

r • ĩ Kẻ bât tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bât tín. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ. ... thời quá khứ... thời vị lai...thời hiện tại... Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới... Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ. ... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại... Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới... Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ thất niệm... với kẻ thất

Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp5 cùng đi với kẻ có trí tuệ. ... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại... X. KINH BẮT ĐÀU BẰNG KẺ KHÔNG BIÉT sợ TỘI LÔI (Anottappamũlakasuttà)21 (5. II. 163)

21 Bản tiếng Anh cua PTS: The Three Based on 'The Indiscreet", nghĩa là Ba trường hợp liên hệ kẻ không bỉêt sợ tội lồi. 22 Bản tiếng Anh của PTS: The Two

Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ. ... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại... XII. KINH BẮT ĐÀU BẰNG KẺ BIẾNG NHÁC (Kusĩtamũlakasutta)23 (S. II. 165) 106. Trú ở Sãvatthi... —Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới5 các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ biếng nhác cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ. ... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

23 Bản tiếng Anh của PTS: The Lazy, nghĩa là Kẻ biếng nhác.

in. PHẨMNGHIỆPĐẠO (KAMMAR4THAK4GGA)

L KINH KHÔNG TỊCH TỊNH (Asamãhitasuttd) (S. II. 166) 107. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giói, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biêt thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ tội

lỗi. Kẻ không tịch tịnh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không tịch tịnh. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ. Kẻ có tín cùng hòa hựp, cùng đi với kẻ có tín. Kẻ biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biêt thẹn. Kẻ biêt sợ tội lôi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết sợ tội lỗi. Kẻ tịch tịnh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tịch tịnh. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ. II. KINH ÁC GIỚI (Dussĩlasutta) (S. II. 166) 108. Trú ở Sâvatthi... -Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giói, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ bât tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bât tín. Kẻ không biêt thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biêt sợ tội lôi. Kẻ ác giới cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác giới. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ. Kẻ có tín cùnẸ hòa hợp, cùng đi với kẻ có tín. Kẻ biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biêt thẹn. Kẻ biêt sợ tội lôi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biêt sợ tội lỗi. Kẻ trì giới cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ trì giới. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ. III. KINH NĂM HỌC PHÁP (Pancasikkhãpadasutta) (S II. 167) 109. Trú ở Sãvatthi... -Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo cùng hòa hợp,

Kẻ từ bỏ nói láo cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói láo. Kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi. Kẻ từ bỏ ác ngữ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ ác ngữ. Kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm. Kẻ từ bỏ tham tâm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ tham tâm. Kẻ từ bỏ sân tâm cùng hòa hợp, cùnệ đi với kẻ từ bỏ sân tâm. Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiên. VI. KINH TÁM CHI (Affhangikasutta) (S II. 168) 112. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo? tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà kiến. Kẻ tà tư duy... Kẻ tà ngữ... Kẻ tà nghiệp... Kẻ tà mạng... Kẻ tà tinh tấn... Kẻ tà niệm... Kẻ tà định cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà định. Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến. Kẻ chánh tư duy... Kẻ chánh ngữ... Kẻ chánh nghiệp... Kẻ chánh mạng... Kẻ chánh tinh tấn... Kẻ chánh niệm... Kẻ chánh định cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh định. VII. KINH MƯỜI CHI (Dasangasutta) (5. II. 168) 113. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà kiến. Kẻ tà tư duy... Kẻ tà ngữ... Kẻ tà nghiệp... Kẻ tà mạng... Kẻ tà tinh tấn... Kẻ tà niệm... Kẻ tà định... Kẻ tà trí... Kẻ tà giải thoát cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà giải thoát. Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp5 cùng đi với kẻ chánh kiến. Kẻ chánh tư duy... Kẻ chánh ngữ... Kẻ chánh nghiệp... Kẻ chánh mạng... Kẻ chánh tinh tấn... Kẻ chánh niệm... Kẻ chánh định... Kẻ chánh trí... Kẻ chánh giải thoát cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có chánh giải thoát.

IV PHẨM THỨ Tư (CATUTTHAK4GGA)

L KINH BỐN GIỚI (Catudhãtusutta)24 (5. II. 169) 114. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, Jetavana, tại vưởn ông Anãthapindika. - Này các Tỷ-kheo5 có bốn giới này. Thế nào là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa gióí, phong giới. Này các Tỷ-kheo, đây là bôn giới này. II. KINH TRƯỚC KHI CHỨNG QUẢ CHÁNH ĐẲNG GIÁC (Pubbesambodhasutta)25 (5. II. 169) 115. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa thành Chánh đẳng giác, khi Ta còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Cái gì là vị ngọt5 cái gì là nguy hiêm, cái gì là sự xuât ly của địa giới? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của thủy giới? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của hỏa giới? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của phong gi&i?" Này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Lạc gi? hỷ gi khởi lên do duyên địa giới là vị ngọt của địa giới. Cái gì vô thường, khô? biên hoại của địa giới là nguy hiêm của địa giới. Sự nhiếp phục dục và tham (chandarãgă), sự đoạn tận dục và tham là sự xuât ly của địa gi&i." "Lạc gi, hỷ gì khởi lên do duyên thủy gi&i..." "Lạc gì5 hỷ gì khởi lên do duyên hỏa giói..." uLạc gi, hỷ gì khởi lên do duyên phong giới là vị ngọt của phong giới. Cái gì vô thường, khổ9 biến hoại của phong giới là nguy hiểm của phong giới. Sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của phong giới.,, Này các Tỷ-kheo5 cho đến khi nào đối với bốn giới này Ta chưa như thật thắng tri (abbhannãsimỴ như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo5 Ta chưa chứng ngộ5 chưa chứng tri Vô thượng Chánh đẳng giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn5 Bà-la-môn5 với chư thiên và loài người. Này các Tỷ-kheo? cho đến khi nào đối với bốn giới này, Ta như thật thắng

24 Bản tiếng Anh của PTS: The Four, nghĩa là Bốn. 25 Bản tiếng Anh của PTS: Before, nghĩa là Trước.

tri, như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo5 Ta đã chứng ngộ, đã chửng tri Vô thượng Chánh đẳng giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn5 Bà-la-môn, với chư thiên và loài người. Tri và kiến đã khởi lên ở nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời sống này là tối hậu? nay không còn tái sanh nữa.?, III. KINH TA ĐÃ ĐI (Acarimsuttd) (S. II. 171) 116. Trủ ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của địa giới. Ta đã tìm được vị ngọt của địa giới; với trí tuệ, Ta đã khéo thây vị ngọt ây. Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm nguy hiểm của địa giới. Ta đã tìm được nguy hiểm của địa giới; với trí tuệ5 Ta đã khéo thấy nguy hiểm ấy. Này các Tỷ-kheo5 Ta đã đi tìm sự xuất ly của địa giới. Ta đã tìm được sự xuất ly của địa giới; với trí tuệ, Ta đã khéo thấy sự xuất ly ấy. Này các Tỷ-kheo9 Ta đã đi tìm vị ngọt của thủy giới... Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của hỏa giới... Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của phong giới. Ta đã tìm được vị ngọt của phong giới; với trí tuệ5 Ta đã khéo thấy vị ngọt ấy. Nảy các Tỷ-kheo5 Ta đã đi tìm nguy hiểm của phong giới. Ta đã tìm được sự nguy hiêm của phong giới; với trí tuệ? Ta đã khéo thây nguy hiêm ây. Này các Tỷ-kheo5 Ta đã đi tìm sự xuất ly của phong giới. Ta đã tìm được sự xuât ly của phong giới; với trí tuệ5 Ta đã khéo

thây sự xuất ly ây. Này các Tỷ-kheo5 cho đên khi nào đôi với bôn giới này, Ta chưa như thật thắng tri, như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, Ta chưa chứng ngộ, chưa chứng tri Vô thượng Chánh đẳng giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn5 Bà-la-môn5 với chư

T

trong khổ, không chìm đắm trong lạc; thời các chúng sanh có thể không tham đắm phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, phong giới là lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khổ; do vậy9 chúng sanh tham đắm phong giới. Này các Tỷ-kheo? nêu địa :giới thuân lạc, đây những lạc, chìm đăm trong lạc, không chìm đắm trong khổ; thời các chúng sanh có thể không nhàm chán địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo? địa giới là khổ, đầy những khổ5 chìm đắm trong khổ? không chìm đắm trong lạc; do vậy, chúng sanh nhàm chán địa giới. Này các Tỷ-kheo? nếu thủy giới... Này các Tỷ-kheo, nếu hỏa giới... Này các Tỷ- kheo, nêu phong giới thuân lạc, đây những lạc5 chìm đăm trong lạc, không chìm đắm trong khổ; thời các chúng sanh có thể không nhàm chán phong gi&i Và vì rằng, này các Tỵ-kheo? phong giới là khổ, đầy những khổ5 chìm đăm trong khổ? không chìm đắm trong lạc; do vậy? chúng sanh nhàm chán phong giới. VI. KINH HOAN HỶ (Abhinandasutta) (S. II. 174) 119. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ địa giới, người ấy hoan hỷ khổ. Ai hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy không giải thoát khỏi khổ. Này các Tỷ-kheo9 ai hoan hỷ thủy giới... Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ hỏa giới... Này các Tỷ-kheo5 ai hoan hỷ phong gi&i, người ấy hoan hỷ khổ. Ai hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy không giải thoát khỏi khổ. Này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ địa giới5 người ấy không hoan hỷ khổ. Ai không hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy giải thoát khỏi khổ. Này các Tỷ-kheo5 ai không hoan hỷ thủy giới... Này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ hỏa giới... NSy các Tỷ-kheo5 ai không hoan hỷ phong giới? người ây không hoan hỷ khổ. Ai không hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy giải thoát khỏi khổ.

VII. KINH SANH KHỞI (Uppãdasutta) (S II. 175) 120. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, sự sanh khởi, sự an trú, sự tái sanh, sự tái hiện hữu của địa giới là sự sanh khởi của khổ? sự an trú của tham, sự tái hiện hữu của già chết. Này các Tỷ-kheo... của thủy giới... Này các Tỷ-kheo... của hỏa giới... Này các Tỷ-kheo5 sự sanh khởi5 sự an trú, sự tái sanh, sự tái hiện hữu của phong giới là sự sanh khởi của kh6, sự an trú của tham, sự tái hiện hữu của già chết.

Này các Tỷ-kheo, sự đoạn diet, sự tịnh chi, sự tiêu diệt của địa giới là sự đoạn diệt của khổ? sự tịnh chỉ của tham, sự tiêu diệt của già chết. Này các Tỷ-kheo... của thủy giới... Này các Tỷ-kheo... của hỏa giới... Này các Tỷ-kheo, sự đoạn diệt, sự tịnh chỉ, sự tiêu diệt của phong giới là sự đoạn diệt của khổ, sự tịnh chỉ của tham, sự tiêu diệt của già chết. VIII. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN (Samanabrãhmanasutta) (5. II. 175) 121. Trú ở

Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, có bốn giới này. Thế nào là bốn? Địa giới9 thủy giới5 hỏa giới, phong giới. Này các Tỷ-kheo? các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với bốn giới này không như thật quán tri (pạ/ãnãtí) vị ngọt, nguy hiểm và sự xuất ly; này các Tỷ-kheo? đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy5 giữa những Sa-môn5 không được chấp nhận là Sa-môn; hay giữa những Bà-la-môn, không được chấp nhận là Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ây, ngay trong hiện tại, cũng không tự mình với thắng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh. Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với bốn giới này như thật quán tri vị ngọt? nguy hiểm và sự xuất ly; này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn5 được chấp nhận là Sa-môn; hay giữa những Bà-la-môn5 được chấp nhận là Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ây, ngay trong hiện tại5 tự mình với thăng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh. IX. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI (Dutiyasamanabrãhmanasutta) (S. II. 176) 122. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo9 có bốn giới này. Thế nào là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới. Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, đối với bốn giới này, không như thật quán tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly; này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy... mục đích của Bà-la-môn hạnh. Này các Tỷ-kheo? những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, đối với bốn giới này, như thật quán tri... mục đích của Bà-la-môn hạnh. X. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ BA (Tatiyasamanabrahmanasutta) (5. IL 176) 123. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán tri địa

giới, không quán tri địa giới tập khởi? không quán tri địa giới đoạn diệt5 không quán tri con đường đưa đến địa giới đoạn diệt... Này các Tỷ-kheo... không quán tri thủy giới... Này các Tỷ-kheo... không quán tri hỏa giới... Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán tri phong giới? không quán tri phong giới tập khởi, không quán tri phong giới đoạn diệt, không quán tri con đường đưa đến phong giới đoạn diệt; này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những vị Sa-môn, không được chấp nhận là Sa-môn; hay giữa những vị Bà-la-môn, không được chấp nhận là Bà-la-môn. Và những vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, không thể tự mình với thắng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh. Này các Tỷ-kheo5 những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán tri địa giới, quán tri địa giới tập khởi, quán tri địa giới đoạn diệt, quán tri con đường đưa đến địa giới đoạn diệt... quán tri thủy giới... quán tri hỏa giói... Này các Tỷ-kheo5 những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán tri phong giới, quán tri phong giới tập khởi, quán tri phong giới đoạn diệt, quán tri con đường đưa đến phong giói đoạn diệt; này các Tỷ-kheo5 đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ây9 giữa các vị Sa-môn5 được châp nhận là Sa-môn; hay ^iữa các vị Bà-la-môn5 được châp nhận là Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ây, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

15. TƯƠNG ƯNG vô THỈ (ANAMATAGGASAMYUTTA)

L PHẨM THỨ NHÁT (R4THAMAK4GGA)

I. KINH CỎ VÀ CỦI (Tinakaffhasuttay (S. II. 178) 124. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapindika. rr\ _ • A Ạ r _ A FTP _ _ _ • _ 2 _ rrĩ_9_ 1_T_ _ Tại đây, The Tôn gọi các Tỷ-kheo: -Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: 2 là luân hồi (samsãra), này các Tỷ-kheo? khởi điểm (pubbã kotí) Vô thỉ1 không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc. Ví như5 này các Tỷ-kheo? có người chặt các nhành cỏ, khúc cây, nhành cây, nhành lá trong cõi Diêm-phù-đề này; chất chúng thành một đống; làm chúng thành những que đặt theo hình các ô vuông;3 cầm từng que đặt xuống và nói: “Dây là mẹ tôi, đây là mẹ của mẹ t6i” và không thể cùng tận5 này các Tỷ-kheo? là các bà mẹ, mẹ của người ấy. Nhimg nhành cỏ? khúc cây, nhành cây, nhành lá trong cõi Diêm-phù-đề này có thể đi đến đoạn tận? đoạn diệt. Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này? này các Tỷ-kheo? khởi điểm không thể nêu rõ đôi với lưu chuyên luân hôi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc. Cũng vậy, đã lâu ngày, này các Tỷ-kheo5 các ông chịu đựng khô, chịu đựng thống khổ? chịu đựng tai họa và các mộ phần ngày một lớn lên. Cho đên như vậy? này các Tỷ-kheo, là vừa đủ đê các ông nhàm chán, là vừa đủ để các ông từ bỏ? là vừa đủ để các ông giải thoát đối với tất cả các hành.4

1 Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.940. 0241bl5); w Tạp.(Z02. 0100.333. 0486c07).

2 Anamatagga. Ana là không; mata là nghĩ đến; agga là bắt đầu. Sự bắt đầu không thể nghĩ đến. 3 Caturangulam caturangularn ghatikam: Trò chơi đặt những khúc que thành từng ô vuông. Xem DB. I. 10. 4 Sabbasankhãra'. Trong tất cả các hành; chỉ cho các pháp do duyên sanh.

II. KINH QUẢ ĐẤT (Pathavĩsutta)5 (5. II. 179) 125. Trú ở Sãvatthi... -Vô thỉ là luân hồi? này các Tỷ-kheo? khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, có người từ quả đất lớn này làm thành những cục đất tròn, lớn bằng hạt táo, cầm từng cục đất đặt xuống và nói: "Bây là cha tôi5 đây là cha của cha t6i"; và không thể cùng tận? này các Tỷ-kheo, là các người cha, cha của người ấy. Nhưng quả đất lớn này có thể đi đến đoạn tận5 đoạn diệt. Yì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo5 khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lira chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc. Cũng vậy, đã lâu ngày, này các Tỷ-kheo? các ông chịu đựng khổ, chịu đựng thông khô, chịu đựng tai họa và các mộ phân ngày càng lớn lên. Cho đến như vậy5 này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa đủ đê các ông từ bỏ, là vừa đủ đê các ông giải thoát đôi với tât cả các hành. III. KINH NƯỚC MẮT (Assususutta)6 (5. II. 179) 126. Trú ở Sãvatthi... -Vô thỉ là luân hồi? này các Tỷ-kheo5 khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn? Dòng

nước mắt tuôn chảy do các ông than van, khóc lóc khi phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình

5 Tham chiếu: Tạp.(£.02. 0099.941. 0241Ồ24); Biệt Tạp.(T.02. 0100.334. 0486c 19). 6 Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.331. 0486al8); Tạp.(T.02. 0099 938. 0240c25); Tầng. (r.02. 125.51.1. 0814a27).

15. TƯƠNG ƯNG VÔ THỈ 423

Trong một thời gian dài, này các Tỷ-kheo, các ông chịu đựng mẹ chết... ... các ông chịu đựng cha chêt... ... các ông chịu đựng anh chết... ... các ông chịu đựng chị chết... ... các ông chịu đựng con trai chết... ... các ông chịu đựng con gái chết... ... các ông chịu đựng tai họa về bà con... ... các ông chịu đựng tai họa vê tiên của... Trong một thời gian dài, này các Tỷ-kheo? các ông chịu đựng tai họa của bệnh tật. Cái này là nhiều hơn9 là dòng nước mắt tuôn chảy do các ông than van, khóc lóc khi phải hội ngộ với những gì mình không ưa? phải biệt ly với những gì mình thích, khi các ông phải chịu đựng tai họa5 bệnh tật9 chớ không phải nước trong bôn biên. Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... bị tham ái trói buộc. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa 9 • 9] . . L r

đủ đê các ông từ bỏ9 là vừa đủ đê các ông giải thoát đôi với tât cả các hành. IV. KINH SỮA (Khữasuttay (S II. 180) 127. Trú ở Sãvatthi... Vô thỉ là luân hồi? này các Tỷ-kheo? khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyên luân hôi của các chúng sanh bị vô minh che đậy5 bị tham ái trói buộc. Các ông nghĩ thế nào? này các Tỷ-kheo5 cái gì là nhiều hơn, sữa mẹ mà các ông đã uống trong khi các ông lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài, hay là nước trong bôn biên? Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng cái này là nhiều hơn, tức là sữa mẹ mà chúng con đã uống trong khi chúng con lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài, chớ không phải nước trong bốn biển. Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo! Lành thay, này các Tỷ-kheo, các ông đã hiểu như vậy pháp do Ta dạy! Cái này là nhiều hơn, này các Tỷ-kheo, tức là sữa mẹ mà các ông đã uống trong khi các ông lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài5 chớ không phải nước trong bốn biển. Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa đủ để các ông từ bỏ, là vừa đủ để các ông giải thoát đối với tất cả các hành.*

7 Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.939. 024lal8); Biệt Tạp.(T.Q2. 0100.332. 0486b24).

424 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ II. THIÊN NHÂN DUYÊN

V. KINH NÚI (Pabbatasuttdỷ (S. II. 181) 128. Trú ở Sãvatthi... ỴX X • /\ J FT1 9 1 1 • J. Á r-pi Ẩ rp I 1 - Ấ J-9 1 rpi Á rp /\ Ă • Ă • Roi một Tỷ-kheo đi đen Thê Tôn; sau khi đen, đảnh le The Tôn rôi ngôi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Một kiếp, bạch Thế Tôn, dài như thế nào? Thật dài, này Tỷ-kheo? là một kiếp. Thật không dễ gì có thể đếm là một vài năm? một vài trăm năm9 một vài ngàn năm hay một vài trăm ngàn năm. Bạch Thế Tôn? Thế Tôn có thể cho một ví dụ được không? Có thể được? này Tỷ-kheo. Ví như? này Tỷ-kheo? có một ngọn núi Sela to lớn, một do-tuần bề dài, một do-tuần bề rộng? một do-tuần bề cao, không có khe hở? không

có lỗ hổng? một tảng đá thuần đặc. Rồi một người đến? cứ sau một trăm năm lại lau hòn đá ấy một lần với tấm vải Kãsi. Này Tỷ-kheo5 hòn núi đá lớn ấy được làm như vậy, có thể đi đến đoạn tận? đoạn diệt mau hơn là một kiếp. Dài như vậy? này các Tỷ-kheo9 là một kiếp. Với những kiếp dài như vậy, Tỷ-kheo, hơn một kiếp đã qua, hơn một trăm kiếp đã qua, hơn một ngàn)đã qua, hơn một trăm ngàn kiếp đã qua. Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa đủ để các ông từ bỏ, là vừa đủ để các ông giải thoát đối với tất cả các hành.

VI. KINH HỘT CẢI ỤSãsapasuttăỷ (S II. 182) 129. Trú ở Sãvatthi. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thê Tôn: Một kiếp, bạch Thế Tôn, dài như thế nào? Thật dài, này Tỷ-kheo? là một kiếp. Thật không dễ gì để có thể đếm là một vài năm? một vài trăm năm, một vài ngàn năm5 hay một vài trăm ngàn năm. Bạch Thế Tôn? Thế Tôn có thể cho một ví dụ được không? rmi . rry r * The Ton nói: Có thể được, này các Tỷ-kheo. Ví như, này Tỷ-kheo? có một thành bằng sắt? dài một do-tuần5 rộng một do-tuần9 cao một do-tuần? chứa đầy hột cải cao như chóp khăn đầu.8 910 Một người từ nơi chỗ ấy, sau mỗi trăm năm lấy ra một hột cải. Này Tỷ-kheo, đống hột cải ấy được làm như vậy? có thể đi đến đoạn tận5 đoạn diệt mau hơn là một kiếp.

8 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.949. 0242c01); Biệt Tạp.(r02. 0100.342. 0487c21); Tăng. (T.02. 0125.52.4. 0825C07). 9 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.948. 0242b 16); Biệt Tạp.(T.02. 0100.341. 0487c06); Tăng. (7.02.0125.52.3.0825bl6). : 10 CũỊỉkãbaddham'. Đầu búi, có khăn quấn thành bó trên đầu.

15. TƯƠNG ƯNG VÔ THỈ 425

Dài như vậy? này Tỷ-kheo, là một kiếp. Với những kiếp dài như vậy, hơn một kiếp đã qua, hơn một trăm kiếp đã qua, hơn một ngàn kiếp đã qua, hơn một trăm ngàn kiểp đã qua. Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này Tỷ-kheo... là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa đủ để các ông từ bỏ? là vừa đủ để các ông giải thoát đối với tất cả các hành. VII. KINH CÁC ĐỆ TỬ (Sãvakasutta)n (5. II. 182) 130. Trú ở Sãvatthi. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một ben9 các Tỷ-kheo ây bạch The Ton: Có bao nhiêu kiếp, bạch Thế Tôn, đã đi qua, đã vượt qua? Rất nhiều, này các Tỷ-kheo? là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua. Thật không dễ gì để có thể đếm chúng được là một vài kiếp, một vài trăm kiếp? một vài ngàn kiếp, hay một vài trăm ngàn kiếp. Bạch Thế T6n, Thế Tôn có thể cho một ví dụ được không? Á rry A _ Thê Tôn nói: Có thể được5 này các Tỷ-kheo. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có bốnyị đệ tử, tuổi thọ một trăm tuổi, sống đến một trăm năm. Cứ mỗi ngày họ nhớ đến trăm ngàn kiếp, 12 này các Tỷ-kheo? các kiếp được họ nhớ đến là vậy. Bốn đệ tử ấy tuổi thọ một trăm tuôi5 sông đên một trăm năm? sau một trăm năm đi đên mệnh chung. Nhiều như vậy. này các Tỷ-kheo, là những kiếp đã đi qua. đã vượt qua. Thật không dê gì đê có thê đêm chúng được là một vài kiêp, một vài trăm kiêp, một vài ngàn kiếp, hay một vài trăm ngàn kiếp. Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa đủ để các ông từ bỏ5 là vừa đủ để các ông giải thoát đối với tất cả các hành. VIII. KINH SÔNG HẰNG (Gangãsutta)11 12 13 (S. II. 183) 131. Trú ở Rặjagaha (Vương Xá), VèỊuvana (Trúc Lâm).

Rồi một Bà-la- môn đi đến Thê Tôn... Ngôi xuông một ben, Ba-la-mon ây bạch Thê Tôn: Có bao nhiêu kiếp, bạch Thế Tôn, đã đi qua, đã vượt qua? Rất nhiều, này Bà-la-môn, là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua. Thật không dễ gì để có thể đếm chúng được là một vài kiếp, một vài trăm kiếp, một vài ngàn kiếp, hay một vài trăm ngàn kiếp. -Tôn giả Gotama có thể cho một ví dụ được không? Thê Tôn nói: Có thể được, này Bà-la-môn. Ví nhu, này Bà-la-môn, sông Hằng này từ

11 Tham chiếu: Tạp.(r.O2. 0099.950. 0242cl3); Biệt Tạp.(7.02. 0100.343. 0488a07). 12 SA. II. 158: Mỗi ngày, họ nhớ đến 400.000 kiếp. 13 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.946. 0242a08); Biệt Tạp,(T.Q2. 0100.339. 0487b02).

n. PHẨM THỨ HAI (DUTIY4K4GGA)

I. KINH KHỐN CÙNG (Duggatasuttd)^ (5. II. 186) 134. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Cac Ty-kheo ay vâng dap The Tôn. The Ton nói như sau: -Vô thỉ là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc. Này các Tỷ-kheo, khi các ông thây sự khôn cùng, bât hạnh, các ông phải đi đến kết luận: "Chúng ta chịu đựng như vậy trong thời gian dài này." Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

II. KINH AN LẠC (Sukhitasuttd)^ (5. II. 186) 135. Trú ở Sãvatthi... -Vô thỉ là luân hồi, này các Tỷ-kheo... Này các Tỷ-kheo? khi các ông thây an lạc, may man, các ông phải đi đên kêt luận: "Chúng ta chịu đựng như vậy trong thời gian dài này." Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. IIL KINH KHOẢNG BA MƯƠI (Timsamattasutta)*18 19 (5. II. 187) 136. Trú ở Vương Xá? tại Trúc Lâm. Ba mươi vị Tỷ-kheo xứ Pãvã, tất cả sông ở rừng, tât cả đi khât thực, tât cả mang y phân tảo, tât cả mang ba y, tât cả đang còn kiết sử, cùng đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Ba mươi vị Tỷ-kheo xứ Pãvã này, tất cả sống ở rừng, tất cả đi khất thực? tất cả mang y phấn tảo5 tất cả mang ba y, tất cả đang còn kiết sử. Vậy Ta hãy thuyết pháp cho họ như thế nào để ngay tại chỗ ngồi này, tâm của họ được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thiỉ."

I Duggata. Chủ giải giải thích là nghèo đói. Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.943. 024lcl2); Biệt Tạp. (T.02. 0100.336. 0487al0). 18 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.942. 024ÍCO4); Biệt Tạp.(02. 0100.335. 0486c29). 19 Tham chiếu: Tạp. Ể (T.02. 0099.937. 0240bl2); Biệt Tạp.(7.02. 0100 330. 0485c05); Tăng. (T.02. 0125.51.2. 0814bll).

IV KINH MẸ (Mãtusuttd)2Q (S II. 189) 137. Trú ở Sãvatthi... -Vô thỉ là luân hồi, này các Tỷ-kheo... Này các Tỷ-kheo5 thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm mẹ. Vì sao? Vo thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để được giải thoát đối với tất cả các hành.

V KINH CHA (Pitusuttd) (5. II. 189) 138. Trú ở Sãvatthi... Vô thỉ là luân hồi, này các Tỷ-kheo... Này các Tỷ-kheo? thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một làn đã làm cha...

VL KINH ANH (Bhãtusutta) (S. II. 189) 139. Trú tại Sãvatthi... —Này các Tỷ-kheo? thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm anh...

VII. KINH CHỊ (Bhagỉnisuttă) (S. II. 189) 140. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm chị...

VIII. KINH CON TRAI (Puttasuttă) (5. II. 190) 141. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này5 lại không một lần đã làm con trai...

IX. KINH CON GÁI (Dhĩtusutta)20 21 (S II. 190) 142. Trú ở Sãvatthi... -Vô thỉ là luân hồi5 này các Tỷ-kheo5 khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc. Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm con gái. Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo? khởi điểm không thể nêu

20 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.945. 0241 c27); w Tạp.(T.02. 0100.338. 0487a23); Tạp. (T.02. 0099.952. 0243a06); Biệt Tạp.(T.02.01Ó0. 345. 0488a26). 1 Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.945. 0241c27); Biệt Tạp.(r02. 0100.338. 0487a23); Tạp. (T.02. 0099.952. 0243a06); Biệt Tạp.(T.02. 0100345. 0488a26).

rõ đôi với sự Ixru chuyên luân hôi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc. Như vậy, trong thời gian này, này các Tỷ-kheo5 các ông chịu đựng khổ5 chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, mộ phân càng ngày càng lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa

16. TƯƠNG ƯNG KASSAPA (KASSAPASAMYUTTA)

I. KINH TRI TÚC (SantuỊỊhasutta) (S. II. 194) 144. Trú ở Sãvatthi... Tri túc, này các Tỷ-kheo5 là Kassapa1 này, với bất cứ loại y nào, và tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại y nào; không vì y mà làm điêu bât chánh, bât xứng. Nếu không được y, vị này không có dao động. Và nếu được y, vị này dùng y không tham lam, không say dắm, không phạm tội5 thấy nguy hại5 quán xuất ly với trí tuệ. Tri túc, này các Tỷ-kheo? là Kassapa này, với bất cứ đồ ăn khất thực nào, và tán thán hạnh tri túc với bất cứ đồ ăn khất thực nào; không vì đồ ăn khất thực mà làm điêu bât chánh, bât xứng. Nêu không được đô ăn khât thực, vị này không có dao động. Và nếu được đồ ăn khất thực, vị này dùng đồ ăn khất thực ây không tham lam, không say đăm? không phạm tội, thây nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ. Tri túc, này các Tỷ-kheo, là Kassapa này, với bất cứ loại sàng tọa nào, và tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại sàng tọa nào; không vì sàng tọa mà làm điều bât chánh, bât xứng. Nêu không được sàng tọa, vị này không có dao động. Và nếu được

sàng tọa, vị này dùng sàng tọa ấy không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ. Tri túc, này các Tỷ-kheo, là Kassapa này, với bất cứ thuốc men trị bệnh nào, và vị này tán thán hạnh tri túc với bat cứ loại thuốc men trị bệnh nào; không vì duyên với thuốc men trị bệnh mà làm điều bât chánh, bất xứng. Nếu không được thuốc men trị bệnh9 vị này không có dao động. Và nếu được thuốc men trị bệnh, vị này dùng thuốc men trị bệnh ấy không tham lam, không say dắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuât ly với trí tuệ. Do vậy. này các Tỷ-kheo, hãy học tập như sau: "Chúng tôi sẽ tri túc với bất cứ loại y nào, và chúng tôi sẽ là người tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại y nào. Và không vì y, chúng tôi sẽ làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được y, chúng tôi sẽ không dao động. Và nếu được y, chúng tôi sẽ dùng y ấy không tham lam, không say dắm, khônẹ phạm tội? thấy sự nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ. Chúng tôi sẽ tn túc với bat cứ loại đồ ăn khất thực nào... với bất cứ loại sàng tọa nào... với bất cứ loại thuốc men trị bệnh nào, và chúng tôi sẽ

I Đây là Tồn giả Đại Ca-diếp, vị Khổ hạnh đệ nhất. Xem DB. IL I83f; A. I. 123; Vin. III. 370f.

Và này Hiền giả? như thế nào là không biết sợ? Ở dây, này Hiền giả5 vị Tỷ-kheo suy nghi: "Các ác, bất thiện pháp kh6ng khởi lên nơi ta. Nếu chúng khởi lên? có thể đưa đến bất lọi", vị ấy không biet sợ. "Các ác, bất thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng không bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lẹri", vị ấy không biết sợ. a'Các thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng không khởi lên, có thể đưa đến bất lọi", vị ấy không biết sợ. "Các thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng bị đoạn diet, có thể đưa đến bất lọd", vị ấy không biết sợ. Như vậy, này Hiên giả? là không biêt sợ. Như vậy5 này Hiền giả, không có nhiệt tâm? không biết sợ thì khôn^ thể có giác ngộ, không thể có Niết-bàn, không thể có chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách. Và này Hiền giả? thế nào là nhiệt tâm? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo suy nghi: "Các ác, bất thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng khởi lên? có the đưa đến bất lọi”, vị ấy khởi nhiệt tâm, “Các ác, bất thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng không bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lọi", vị ấy khởi nhiệt tâm. ĔÍCác thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng không khởi lên? có thể đưa đến bất lọi", vị ấy khởi nhiet tâm. "Các thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng bị đoạn diet, có the đưa đến bất lọi”, vị ấy khởi nhiệt tâm. Như vậy, này Hiền giả? là có nhiệt tâm. Và này Hiền giả5 như thế nào là có biết sợ? Ở dây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo suy nghi: uCác ác, bất thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nấu chúng khởi lên, có thế đưa đến bất lọi", vị ấy có biết sợ. “Các ác9 bất thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng không bị đoạn diet, có thể đưa đến bất lọi", vị ấy có biết sợ. uCác thiện pháp khôn^ khởi lên nơi ta. Nếu chúng không khởi lên5 có thể đưa đến bất lợi9\ vị ay có biết sợ. "Các thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lọi”, vị ấy có biết sợ. Như vậy? này Hiền giả5 là có biết sợ. Như vậy, này Hiên giả, có nhiệt tâm? có biêt sợ thì có thê có giác ngộ, có thể có Niết-bàn, có thể đưa đến chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách. III. KINH VÍ DỤ MẶT TRẤNG (Candũpamasuttay (S II. 197) 146. Trú ở Sãvatthi... -Hãy giống như mặt trăng, này các Tỷ-kheo, khi đi đến các gia đình5 thân

phải dè dặt, tâm phải dè dặt, luôn luôn là người mới giữa các gia đình, chớ có đường đột xông xáo (appagabbha)\ Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 một người nhìn một cái giếng cũ, hay sườn núi4*

4 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1136. 0299c06); Biệt Tạp.(7.02. 0100.111. 0414al8); Phật thuyết Nguyệt dụ kỉnh (r.02. 0121. 0544b 12).

dốc? hay thác nước5 thân phải dè dặt5 tâm phải dè dặt. Cũng vậy, này các Tỷ- kheo? hãy giông như mặt trăng khi đi đên các gia đình, thân phải dè dặt, tâm phải dè dặt, luôn luôn là người mới giữa các gia dinh, không có đường đột xông xáo. Kassapa, này các Tỷ-kheo, giống như mặt trăng, khi đi đến các gia đình, thân dè dặt và tâm dè dặt5 luôn luôn là người mới giữa các gia đình, không có đường đột xông xáo. Các ông nghĩ thê nào, này các Tỷ-kheo? như thê nào một Tỷ-kheo xứng đáng đi đến các gia đình? Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh dạo, lấy Thế Tôn làm chỗ sở y. Lành thay5 bạch Thế T6n, Thế Tôn hãy nói lên ý nghĩa của lời nói này! Sau khi nghe Thế Tôn? các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. Rồi Thế Tôn vẫy bàn tay giữa hư không: Ví nhu, này các Tỷ-kheo? bàn tay này giữa hư không, không bị dính vào, không bị năm lây9 không bị trói buộc. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 là vị Tỷ-kheo đi đên các gia đình, tâm không bị dính vào, không bị năm lấy, không bị trói buộc, nghĩ rằng: "Những ai muốn được lọi, hãy được lợi! Những ai muốn công đức, hãy làm các công dú*c!" Như mình hoan hỷ5 thỏa mãn khi mình được lợi; hãy hoan hỷ, thỏa mãn khi người khác được lợi! Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như vậy xứng đáng đi đên các gia đình. Này các Tỷ-kheo, Kassapa khi đi đến các gia đình, đối với các gia dinh, tâm không bị dính vào, không bị nắm lấy, khônệ bị trói buộc, nghĩ rằng: “Những ai muôn được Iqi, hãy được lợi! Những ai muôn công dức, hãy làm các công duc!^ Như mình hoan hỷ? thỏa mãn khi mình được lợi; hãy hoan hỷ, thỏa mãn khi người khác được lợi! Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo như vậy xứng đáng đi đến các gia đình. Các ông nghĩ như thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thế nào thuyết pháp không thanh tịnh? Tỷ-kheo như thê nào thuyêt pháp được thanh tịnh? Bạch Thế Tôn, đối yới chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ y chỉ. Lành thay, bạch Thế T6n, Thê Tôn hãy nói lên ý nghĩa của lời nói này! Sau khi nghe Thê Tôn? các Tỷ- kheo sẽ thọ trì. Vậy này các Tỷ-kheo5 hãy nghe và khéo tác ý5 Ta sẽ nói. -Thưa vâng, bạch

Và này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo nào với tâm như thế này thuyết pháp cho các người khác: "Pháp được Thế Ton khéo giảng, pháp ấy liên hệ đến hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có

hãy cho ta, chớ có không cho. Mong họ cho ta nhiều, chớ có cho ít. Mong họ cho ta đồ tốt? chớ có cho đồ xấu. Mong họ cho ta mau, chớ có cho chậm. Mong họ kính trọng ta, chớ có không kính trọng5?,5 Này các Tỷ-kheo5 nếu Tỷ-kheo nào với tâm như vậy, khi đi

đến các gia đình, nếu không được cho, Tỷ-kheo không vì vậy mà bị bực phiền, không do nhân duyên ây mà cảm thọ khô ưu. Họ cho ít, không cho nhiêu... họ cho đô xâu, không cho đồ tốt... cho chậm, không cho mau... bất kính, không có kính trọng, Tỷ-kheo không vì vậy mà bị bực phiền, không do nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy xứng đáng đi đến các gia đình. Này các Tỷ-kheo5 Kassapa với tâm như vậy đi đến các gia đình [nghĩ rằng]: "Đối với các gia đình người khác? làm sao có thể mong: 'Mong họ hãy cho ta, chớ có không cho. Mong họ cho ta nhiều, chớ có cho ít. Mong họ cho ta đồ tốt, chớ có cho đồ xấu. Mong họ cho ta mau, chớ có cho chậm. Mong họ kính trọng ta, chớ có bất kính'?" Này các Tỷ-kheo, Kassapa với tâm như vậy đi đến các gia dinh, nếu không được cho, Kassapa không vì vậy mà bị bực phiền, không vì nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho ít, không cho nhiều, Kassapa không vì vậy mà bị bực phiên, không vì nhân duyên ây mà cảm thọ khô ưu. Họ cho đô xâu, không cho đô tôt9 Kassapa không vì vậy mà bị bực phiên, không vì nhân duyên ây mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho chậm, không cho mau, Kassapa không vì vậy mà bị bực phiền, không do nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ bất kính5 không có kính trọng, Kassapa không vì vậy mà bị bực phiền9 không do nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Với Kassapa, này các Tỷ-kheo? Ta sẽ giáo giới các ông, hay với ai giống như Kassapa. Và được giáo giới? các ông hãy như vậy thọ trì. V KINH TRỞ VỀ GIÀ ụinnasutía)6 (5. II. 202) 148. Như vầy tôi nghe... tại Rajagaha, VeỊuvana. Rồi Tôn giả Mahãkassapa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Mahãkassapa đang ngồi một bên: Này Kassapa, ông đã già rồi. Đã cũ nát là những vải gai thô phấn tảo này của ông đáng được quăng bỏ. Vậy này Kassapa, hãy mang những y áo do các gia chủ Cling, thọ dụng các món ăn được mời và ở gần bên Ta. Bạch Thế T6n, con là người đã lâu ngày sống ở rừng và tán thán hạnh ở rừng, con là người đi khất thực và tán thán hạnh khất thực? con là người mang y phấn tảo và tán thán hạnh mang y phấn tảo5 con là người mang ba y và tán thán hạnh mang ba y, con là người thiểu dục và tán thán hạnh thiểu dục5 con là người tri túc và tán thán hạnh tri túc, con là người sống viễn ly và tán thán hạnh

6 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1141. 0301c07); Biệt Tạp.(T.02. 0100.116. 0416b08); Tăng. (T.02. 0125.12.6. 0570a23); Tăng.(r.02. 0125.4Ì.5. 0746a21).

viễn ly, con là người sống không giao thiệp và tán thán hạnh không giao thiệp, con là người tinh cần và tán thán hạnh tinh cần. Này Kassapa, ông thấy có lợi ích gì mà ông đã lâu ngày sống ở rừng và tán thán hạnh sống ở rừng... đi khất thực... mang y phấn tảo... mang bay... thiểu dục... tri túc... sống viễn ly... sống không giao thiệp... tinh cần và tán thán hạnh tinh cần? Bạch Thế Tôn, con thấy có hai lợi ích nên đã lâu ngày con sống ở rừng và tán thán hạnh ở rừng... con đi khất thực... con mang y phân tảo... con mang ba y... con thiểu dục... con tri túc... con sống viễn ly... con

(appadakkhinaggãhỉnoỴ Bạch Thế Tôn, ở đây, con thấy Tỷ-kheo Bhanda, đệ tử của Ãnanda, và Tỷ-kheo Abhinjika, đệ tử của Anuruddha, hai vị ấy nói với nhau: "Hãy dến, này Tỷ-kheo, ai sẽ nói nhiều hon, ai là người sẽ nói tốt đẹp hơn, ai là người sẽ nói dài hon?" Rồi Thế Tôn gọi một Tỷ-kheo: Hãy đến, này Tỷ-kheo! Hãy nhân danh Ta nói với Tỷ-kheo Bhanda, đệ tử của Ãnanda và Tỷ-kheo Abhinjika, đệ tử của Anuruddha: "Bậc Đạo sư gọi chư Tôn giả Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn? đi đến các Tỷ-kheo kia; sau khi đến? nói với họ: Bậc Đạo sư gọi chư Tôn giả. Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo kia vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh ê The Ton roi ngoi xuong mot ben. The Ton nói với các Ty-kheo ây đang ngôi một bên: Có thật chăng, này các Tỷ-kheo, các ông nói với nhau như sau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo5 ai là người sẽ nói nhiều hơn, ai là người sẽ nói tốt đẹp hơn, ai là người sẽ nói dài hơn"? -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Này các Tỷ-kheo, các ông có biết là Ta đã thuyết pháp như vầy: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo9 hãy cùng nhau nói như sau: 'Hãy đến5 này Tỷ-kheo5 ai là người sẽ nói nhiều hơn, ai là người sẽ nói tốt đẹp hơn, ai là người sẽ nói dài hơn,,^ chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn. —Này các Tỷ-kheo, nêu các ông được biêt là Ta không có giảng như vậy5 thời vì sao, này các người ngu kia, do biết cái gi, thấy cái gi, các ông đã xuất gia trong Pháp và Luật khéo giảng này, các ông lại nói với nhau: "Hãy đến5 này Tỷ-kheo? ai sẽ là người nói nhiều hơn, ai sẽ là người nói tốt đẹp hơn, ai sẽ là người nói dài hơn,, như vậy? Rồi các Tỷ-kheo ấy cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, chúng con đã phạm tội ngu đần như vậy9 si mê như vậy, bất thiện như vậy; vì rằng, chúng con đã xuất gia trong Pháp và Luật khéo nói như vậy, chúng con lại nói với nhau: "Hy đến, này Tỷ-kheo5 ai sẽ là người nói nhiều hơn, ai sẽ là người nói tốt đẹp hơn, ai sẽ là người nói dài hơn?,^ Bạch Thế T6n, mong Thế Tôn chấp nhận tội lỗi ấy của chúng con là tội lỗi, để chúng con ngăn ngừa trong tương lai. Thật sự, này các Tỷ-kheo5 các ông đã phạm tội ngu đần như vậy? si mê như vậy, bất thiện như vậy; vì rằng, các ông đã xuất gia trong Pháp và Luật

khéo nói này, các ông đã nói với nhau: "Hãy dến, này Tỷ-kheo5 ai sẽ là người nói nhiều hơn, ai sẽ là người nói tốt đẹp hơn, ai sẽ là người nói dài hơn?,^ Và vì rằng, này các Tỷ-kheo5 các ông đã thấy tội lỗi là tội lỗi5 như pháp sám hối, Ta chấp nhận tội lỗi ấy cho các ông. Này các Tỷ-kheo, như vậy Luật của bậc Thánh được tăng trưởng, khi nào có người sau khi thấy tội lỗi là tội lỗi, như pháp

Ví như mặt trăng, bạch Thế Tôn, trong thời kỳ sáng trời, dầu là đêm hay \ A ĩiệày, hình săc tăng trưởng dân, hình tròn tăng trưởng dân? ánh sáng tăng trưởng dân, dường quỹ đạo nó đi tăng trưởng dần. Cũng vậy? bạch Thế Tôn5 với ai có lòng tin đôi với thiện pháp, có biết thẹn... có biết sợ tội lỗi... có tinh tấn... có trí tuệ đối với thiện pháp; với vị ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng đôi với thiện pháp, không phải là sự tôn giảm. Người có lòng tin, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn

giảm. Njgười có biết thẹn, bạch Thế Tôn? tức có nghĩa là không tổn giảm. Người có biêt sợ tội lỗi5 bạch Thế Tôn, tức có nghia là không tổn giảm. Người tinh cần, bạch Thế T6n, tức có nghĩa là không tổn giảm. Người không phẫn nộ, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm. Người không sân hận, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là khônệ tổn giảm. Những Tỷ-kheo có giáo giới, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm. -Lành thay, lành thay, này Kassapa! Với ai, này Kassapa, không có lòng tin đối với thiện pháp... không có biết thẹn... không có biết sợ tội lỗi... không có tinh tấn... không có trí tuệ đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tổn giảm trong thiện pháp, không phải là sự tăng trưởng. Ví như mặt trănệ, này Kassapa? trong thời kỳ tôi trời5 dâu là đêm hay ngày, hình sắc tổn giảm dân, hình tròn tổn giảm dần, ánh sáng tổn giảm dần, đường quỹ đạo nó đi tổn giảm dần. Cũng vậy, này Kassapa, với ai không có lòng tin đối với thiện pháp, kh6ng có biết thẹn... không có biết sợ tội lỗi... không có tinh tân... không có trí tuệ đôi với thiện pháp; với người ây, dâu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tổn giảm đối với thiện pháp5 không phải là sự tăng trưởng. Người không có lòng tin, này Kassapa, tức có nghĩa là tổn giảm. Người không biết thẹn... Người không biết sợ tội lỗi... Người biếng nhác... Người ác trí tuệ... Người phẫn nộ... Người sân hận? này Kassapa, tức có nghĩa là tổn giảm. Tỷ-kheo không có giáo giới, này Kassapa, tức có nghĩa là tổn giảm. Với ai, này Kassapa, có lòng tin đối với thiện pháp... có biết thẹn... có biết sợ tội lỗi... có tinh tấn., có trí tuệ đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng đối với thiện pháp, không phải là sự tổn giảm. Ví như mặt trăng, này Kassapa, trong thời kỳ sáng trời, dầu là đêm hay ngày, hình sắc tăng trưởng dàn, hình tròn tăng trưởng dần5 ánh sáng tăng trưởng dân, đường quỹ đạo nó đi tăng trưởng dân. Cũng vậy, này Kassapa, ai có lòng tin ầối với thiện pháp5 có biết thẹn... có biết sợ tội lỗi... có tinh tấn... có trí tuệ là sự tăng trưởng đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng đôi với thiện pháp, không phải là sự tôn giảm. Người có lòng tin, này Kassapa, tức có nghĩa là không tổn giảm. Người biết thẹn... Người biết sợ tội lỗi... Người tinh tấn... Người có trí tuệ... Người không phẫn nộ... Người không sân hận9 này Kassapa, tức có nghĩa là không tổn giảm. Tỷ-kheo có giáo giới, này Kassapa, tức có nghĩa là không tổn giảm.

16. TƯƠNG ƯNG KASSAPA 445

VIII. KINH GIÁO GIỚI THỨ BA (Tatìyaovãdasutta)n (S II. 208) 151. Trú ở Rậịagaha (Vương Xá)5 tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Tôn giảMahãkassapa đi đến Thế Tôn... Thế Tôn nói với Tôn giả Mahãkassapa đang ngồi một bên: Hãy giáo giới Tỷ-kheo, này Kassapa! Hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ- kheo, này Kassapa! Ta hay ông, này Kassapa, phải giáo giới các Tỷ-kheo! Ông hay Ta, này Kassapa, hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo! Bạch Thế Tôn? khó nói là chúng Tỷ-kheo hiện tại. Họ ở trong tình trạng khó nói với họ. Họ không kham nhẫn. Họ không kính trọng lời giáo giới. Này Kassapa, thuở xưa5 các trưởng lão Tỷ-kheo là những vị ở rừng và tán thán hạnh ở rừng, là những vị đi khất thực và tán thán hạnh khất thực? là những vị mang y phấn tảo và tán thán hạnh mang y phấn tảo, là những vị mang ba y và tán thán hạnh mang ba y9 là những vị thiểu dục và tán thán hạnh thiểu dục5

thiệp và không tán thán hạnh không giao thiệp, không tinh cần và không tán thán hạnh tinh cần. Ở đây, Tỷ-kheo nào được nhiều người biết, có danh tiếng, nhận được các loại y áo, ẩm thực, sàng tọa? dược phẩm trị bệnh, Tỷ-kheo ấy được các vị trưởng lão Tỷ-kheo [trên] mời ngồi và nói: "Hãy đến Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, vị Tỷ-kheo này! Thật là muốn sống Phạm hạnh, vị Tỷ-kheo này! Hãy đến5 này Tỷ-kheo5 hãy ngồi chỗ ngồi này!" Ở dây, này Kassapa, các tân Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Tỷ-kheo nào được nhiều người biết, có danh tiếng, nhận được các loại y áo, ẩm thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh? Tỷ-kheo ấy được các trưởng lão Tỷ-kheo [trên] mời ngồi và nói: 'Hãy đến Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện^ vị Tỷ-kheo này! Thật là muốn sống Phạm hanh, vị Tỷ-kheo này! Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy ngôi chỗ ngồi này!9,5 Các vị ây thực hành đúng như vậy; và như vậy? các vị ấy không được hạnh phúc, bị khổ đau trong thời gian dài. Này Kassapa, ai nói một cách chơn chánh như sau: "Người sống Phạm hạnh phải chịu đựng những hiêm nạn của Phạm hạnh. Người sống Phạm hạnh phải bị bức não bởi những áp bức của Phạm hạnh." Nói như vậy, này Kassapa, là nói một cách chơn chánh. Người sông Phạm hạnh phải chịu đựng những hiêm nạn của Phạm hạnh. Người sông Phạm hạnh phải bị bức não bởi những áp bức của Phạm hạnh. IX. KINH THIỀN VÀ THẮNG TRÍ (Jhãnãbhinnasutta)n (S. II. 210) 152. Trú ở Sãvatthi... Tùy theo mong muôn, này các Tỷ-kheo, Ta ly dục, ly bât thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiên thứ nhât5 một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ. Tùy theo mong muôn5 này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng ly dục, ly bât thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiên thứ nhât, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tam có tư. Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo5 Kassapa cũng diệt tàm và tứ, chứng đạt và an trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tư, nội tĩnh nhất tâm. Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo5 Ta ly hỷ trú xả5 chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Tùy theo mong muốn5 này các Tỷ-kheo5 Kassapa cũng ly hỷ trú xả5 chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.

12 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1142. 0302a01); Biệt Tạp.(7.02. 0100.117. 0416c07).

r 2 Tùy theo mong muôn? này các Tỷ-kheo, Ta xả lạc xả khô, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tùy theo mong muôn, này các Tỷ-kheo? Kassapa cũng xả lạc xả khô, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tùy theo mong muốn5 này các Tỷ-kheo? Ta vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên,\ chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, nghĩ

rằng: "Hu không là vô biên„5 chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Tùy theo mong muôn, này các Tỷ-kheo? Ta vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên,\ chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ. Tùy theo mong muôn, này các Tỷ-kheo5 Kassapa cũng vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên5\ chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ. Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo? Ta vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gi", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gi", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo5 Ta vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Tùy theo mong muôn, này các Tỷ-kheo? Kassapa cũng vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo? Ta vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định. Tùy theo mong muôn5 này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định.13 Tùy theo mong muốn5 này các Tỷ-kheo5 Ta chứng đạt các loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách5 qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ5 trồi lên, đi nganẹ qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước khồng chìm như trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực5 đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo5 Kassapa cũng chứng đạt được các loại than thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện

13 Sau khi nói đến 4 thiền ở sắc giới, 4 thiền ở vô sắc giới, tiếp theo nói đến 6 thắng trí.

hình, biến hình? đi ngang qua vách? qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ5 trồi lên? đi ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngôi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Tùy theo mong muốn5 này các Tỷ-kheo, Ta với Thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng: Chư thiên và loài người, xa và gần. Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng với Thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng: Chư thiên và loài người, xa và gần. Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người; với tâm của minh, Ta có thể biết như sau: “Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không si biết là tâm không si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm không chuyên chú biết là tâm không chuyên chú; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo? Kassapa cũng nhớ đến nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời? ba đời? bốn đời9 năm đời, mười đời9 hai mươi đời, ba mươi đời? bốn mươi đời5 năm mươi đời, một trăm đời? hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời; nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Kassapa nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này? dòng họ như thế này? giai cấp như thế này, thức ăn như thế này, thọ lạc khổ như thế này9 tuổi thọ như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ; tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở dây." Như vậy? Kassapa nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Tùy theo mong muốn5 này các Ty.kheo, Ta với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt? kẻ cao sang; người đẹp đẽ? kẻ thô xâu; người may măn? kẻ bât hạnh đêu do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh ấy làm những ác hạnh về thân, lời, ý; phỉ báng các bậc Thánh; theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân5 lời và ý; không phỉ báng các bậc Thánh; theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này. Như vậy5 với Thiên nhãn thuân tịnh siêu nhân, Ta thây sự sông chêt của chúng sanh. Ta biết rõ chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ? kẻ thô xấu; người may mắn5 kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh... đều do hạnh nghiệp của họ. Và Ta, này các Tỷ-kheo5 với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí Ta chứng ngộ Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, chứng đạt và an trú. Này các Tỷ-kheo5 Kassapa cũng với sự đoạn tận các lậu hoặc9 ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, chứng đạt và an trú. X. KINH TRÚ XỨ (Upassayasuttay4 (5. II. 214) 153. Như vầy tôi nghe. Một thòi, Tôn giả Mahãkassapa trú ở Sãvatthi (Xá-vệ)? Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Rôi Tôn giả Ananda, vào buôi sáng, đăp y, câm y bát, đi đên Tôn giả Mahãkassapa. Tôn giả Ãnanda thưa với Tôn giả Mahãkassapa:14 15

14 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1143. 0302ỒỒ2); Biệt "(T.02. 0100.118. 0417a23). 15 Chú giải viết đức Phật đã nhập diệt và Tôn giả Kasappa thay thế lãnh đạo Tăng đoàn.

Thưa Tôn giả Kassapa, chúng ta hãy đi đến trú xứ của các Tỷ-kheo-ni.

Hãy di, này Hiền giả Ãnanda. Hiền giả là người có nhiều công việc, có nhiều trách nhiệm phải làm. Lần thứ hai, Tôn giả Ãnanda thưa với Tôn giả Mahãkassapa: Hãy đi5 thưa Tôn giả Kassapa, chúng ta đi đến trú xứ của các Tỷ-kheo-ni.

Hãy đi, này Hiền giả Ảnanda. Hiền giả là người có nhiều công việc9 có nhiều trách nhiệm phải làm. Lần thứ ba, Tôn giả Ãnanda thưa với Tôn giả Mahãkassapa: Hãy di, thưa Tôn giả Kassapa, chúng ta hãy đi đến trú xứ của các Tỷ- kheo-ni. Rồi Tôn giả

Mahãkassapa, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát cùng với Tôn giả Ănanda, là Sa-môn tùy tùng, đi đến một trú xứ của Tỷ-kheo-ni; sau khi đi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi nhiều Tỷ-kheo-ni đi đến Tôn giả Mahãkassapa; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahãkassapa, rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Mahãkassapa với pháp thoại giảng cho các vị Tỷ-kheo-ni đang ngồi một bên ấy, khích le, làm cho phân khởi, làm cho hoan hỷ. Rồi Tôn giả Mahãkassapa, sau khi với pháp thoại giảng cho các Tỷ-kheo-ni ây5 khích lệ9 làm cho phân khởi, làm cho hoan hỷ, từ chô ngôi đứng dậy rôi ra đi. Rồi Tỷ-kheo-ni Thullatissã không hoan hỷ9 nói lên những lời không hoan hỷ: “Làm sao Tôn giả Mahãkassapa trước mặt bậc Thánh thông tuệ Ãnanda lại nghĩ đến thuyết pháp, ví như một người bán kim lại nghĩ có thể bán kim cho người làm kim? Cũng vậy, Tôn giả Mahãkassapa, trước mặt bậc Thánh thông tuẹ Ãnanda lại nghĩ đến thuyết phap?9 Tôn giả Mahãkassapa nghe được lời nói này của Tỷ-kheo-ni Thullatissã. Rồi Tôn giả Mahãkassapa nói với Tôn giả Ãnanda: Thế nào, Hiền giả Ananda, ta là người bán kim, Hiền giả là người làm kim; hay ta là người làm kim, Hiền giả là người bán kim? Hãy kham nhẫn, thưa Tôn giả Kassapa, ngu si là đàn bà! Hãy dến, Hiền giả Ãnanda, chớ để cho chúng Tăng truy cứu thêm về Hiền giả.16 Hiến giả Ãnanda, Hiền giả nghĩ thế nào? Có phải trước mặt Thế Tôn và ^iữa chúng Tăng5 Hiền giả được Thế Tôn đề cập như sau: "Thy theo mong muốn5 này các Tỷ-kheo, Ta ly dục5 ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Tùy theo mong muốn, nàỵ các Tỷ-kheo? Ảnanda cũng ly dục, ly bât thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiên thứ nhât? một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ?"

16 Đừng để chúng Tăng nghi ngờ giữa Tôn giả Ãnanda với các Tỷ-kheo-ni có sự liên hệ.

Thưa Tôn giả, không phải vậy. Này Hiền giả5 có phải trước mặt Thế Tôn và giữa chúng Tỷ-kheo, ta được The Tôn đề cập như sau: "Thy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta ly dục5 ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Tùy theo mong muốn, nàỵ các Tỷ-kheo5 Kassapa cũng ly dục? ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ?” (Chín thứ đệ định và năm trí như trên). Hiền giả nghĩ thế nào? Này Hiền giả Ãnanda, có phải trước mặt Thế Tôn và giữa chúng Tỷ-kheo5 Hiền giả được Thế Tôn đề cập như sau: acVà Ta, này các Tỷ-kheo, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí Ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, Ảnanda cũng vậy, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát?” Thưa Tôn giả, không phải vậy. Chính ta, này Hiền giả, trước mặt Thế Tôn và giữa chúng Tỷ-kheo5 được Thế Tôn đề cập như sau: "Này các Tỷ-kheo, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí Ta chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậ

toàn viên mãn, hoàn toàn thanh tịnh? trắng bạch như vỏ ốc! Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc5 đắp áo cà-sa5 xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia dinh.” Rôi này Hiên giả, sau một thời gian ta lây vải căt làm áo Tăng-già-lê? và theo thông lệ các vị ứng Cúng ở dời, cạo bỏ râu t6c, đắp áo cà-sa5 xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Xuất gia như vậy, ta đang đi trên đường, thấy Thế Tôn ngồi tại ngôi đền Bahuputta giữa Rặiagaha và NãỊandã. Thấy vậy? ta suy nghĩ như sau: "Oi, thật thế chăng, ta có thể thấy bậc Đạo su, tức là có thế thấy bậc Thế Tôn? Oi, thật thế chăng, ta có thể thấy bậc Thiện Thệ, tức là có thế thấy bậc Thế Tôn? Ôi5 thật thế chăng, ta có thể thấy bậc Chánh Đẳng Giác, tức là có thế thấy bậc Thế T6n?" Và này Hiền giả, ngay tại chỗ ấy, ta cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch FTĨÍ Ả rr^ Thê Tôn: Bạch Thế Tôn? Đạo sư của con là Thế Tôn, con là đệ tử.

Khi nghe nói vậy5 này Hiền giả, Thế Tôn nói với ta: Này Kassapa, những ai với tâm trọn vẹn đầy đủ, không biết một đệ tử mà nói rằng tôi biết, không thấy mà nói rằng tôi thấy, đầu người ấy sẽ vỡ tan. Còn Ta, này Kassapa, Ta biết thời Ta nói Ta biết, Ta thấy thời Ta nói Ta thấy. Do vậy, này Kassapa, ông phải học tập như sau: "Một tâm quý thật sắc sảo sẽ phải được thiết lập giữa các vị trưởng lão, niên thiếu và trung niên.,, Này Kassapa, ông phải học tập như vậy. Do vậy? này Kassapa, ông phải học tập như sau: "Phàm pháp gì tôi nghe liên hệ đến thiện, sau khi đặc biệt chú ý9 tác y, tập trung tất cả tâm [lực]5 tất cả pháp ấy tôi đều lóng tai nghe.” Này Kassapa, ông phải học tập như vậy. Do vậy5 này Kassapa, ông phải học tập như sau: 'Thàm niệm gì thuộc vê thân hành, câu hữu với hỷ5 ta sẽ không từ bỏ niệm ấy." Này Kassapa, ông phải học tập như vậy. Rồi này Hiền giả, Thế Tôn sau khi giáo giới ta với lời giáo giới ấy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Trong bảy ngày, này Hiên giả, đang còn phiên não? ta ăn món ăn của quôc độ;19 đến ngày thứ tám, chánh trí khởi lên. Rồi này Hiền giả? Thế Tôn từ trên đường bước xuống và đi đến một gốc cây. Rồi này Hiền giả, ta xếp tư tấm y Tăng-già-lê làm bằng vải cắt, rồi bạch FTĨ1 rr^ A The Ton: Bạch Thế Tôn9 Thế Tôn hãy ngồi xuống ở đây, để con được hạnh phúc an lạc lâu dài. Này Hiền giả, Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, này Hiền giả, Thế Tôn nói với ta:

19 Xem M. III. \27;Dh. V. 308.

Thật là mêm dju, này Kassapa, là tâm y Tăng-già-lê này làm băng vải căt của ông! Bạch Thế Tôn, mong rằng Thế Tôn nhận lấy tấm y làm bằng vải cắt này từ nơi con, vì lòng từ mẫn đối với con. Này Kassapa, ông có dùng tâm y phân tảo làm băng vải gai thô9 đáng được quăng bỏ của Ta không? Con sẽ dùng, bạch Thế Tôn, tấm y phấn tảo làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ của Thế Tôn. Như vậy? này Hiền giả, ta cúng cho Thế Ton tấm y Tăng-già-lê làm bằng vải cắt; còn ta thời dùng tấm y phấn tảo của Thế Tôn, làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ. Và này Hiền giả5 nếu ai có nói về ta một cách chơn chánh, thời ta là con ruột Thế Tôn5 sanh ra từ miệng, do pháp sanh, do pháp hóa sanh, thừa tự Chánh pháp và đã nhận được tấm y phấn tảo làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ. Này Hiền giả9 tùy theo mong muốn, ta ly dục? ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm

có tứ. Và này Hiền giả5 tùy theo mong muốn, ta... (chín thứ đệ định và năm thắng trí)... Và này Hiên giả5 do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, ta tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này Hiền giả9 ai nghĩ rằng có thể che đậy sáu thắng trí của ta được, thời không khác gì nghĩ răng? có thê lây một lá cây Sa-la mà che đậy một con voi lớn đến bảy hay tám khuỷu tay rưỡi bề cao. Nhimg Tỷ-kheo-ni Thullatissã đã từ bỏ đời sống Phạm hạnh.

XII. KINH SAU KHI CHẾT (Parammaranasutta)20(y II. 222) 155. Một thời, Tôn giả Mahãkassapa và Tôn giả Sãriputta tru ở Bãrãnasĩ (Ba-la-nại), tại Isipatana (chư thiên đọa xứ)5 ở Migadãya (Lộc Uyển). Rồi Tôn giả Sãriputta, vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahãkassapa; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm, liên ngôi xuông một bên. Ngôi xuống một bên5 Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả Mahãkassapa: Này Hiên giả Kassapa, có phải Như Lai có tôn tại sau khi chêt không? -Này Hiền gi Thế Tôn không có tuyên bố: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết.,, Như vậy5 này Hiền giả, có phải Như Lai không tồn tại sau khi chết?

Cũng vậy5 này Hiền giả, Thế Tôn không có tuyên bố: "Nhu Lai không tồn tại sau khi chết.,,

20 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.905. 0226al3); Biệt Tạp.(T.02. 0100.120. 0419a03).

Như vậy5 này Hiền giả, có phải Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết? y Này Hiền giả5

Ví như, này Kassapa, vàng [thật] không biến mất khi nào vàng giả chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào vàng giả hiện ra ở đời? thời vàng [thật] biến mất. Cũng vậy, này Kassapa, Diệu pháp không biến mất, khi nào Tượng pháp chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào Tượng pháp hiện ra ở đời, thời Diệu pháp biến mất. Này Kassapa, địa giới không làm Diệu pháp biên mât5 thủy giới... hỏa giới... phong giới không làm Diệu pháp biến mất. Ở dây, khi nào các người ngu (moghapurỉsã) có mặt, chính họ làm Diệu pháp biến mất. Ví nhu, này Kassapa, chiếc thuyền bị chìm vì chở quá nặng. Không phải vì vậy? này Kassapa, Diệu pháp bị biến mất. Này Kassapa, có năm thối pháp khiến cho Diệu pháp bị hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm? Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni? nam cư si, nữ cư sĩ sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo sư; sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp; sông không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng; sông không tôn kính, không tùy thuận học giới; sống không tôn kính, không tùy thuận đối với thiền định. Này Kassapa, chính những thối pháp này đưa đến sự hỗn loạn, sự biến mất của Diệu pháp. Và có năm pháp này, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của Diệu pháp. Thế nào là năm? Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ5 nữ cư sĩ sống kính trọng, tùy thuận bậc Đạo sư; sông kính trọng, tùy thuận Chánh pháp; sông kính trọng, tùy thuận chúng Tăng; sông kính trọng? tùy thuận học giới; sông kính trọng, tùy thuận thiền định.

Chính năm pháp này, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của Diệu pháp.

17. TƯƠNG ƯNG LỢI ĐẮC, CUNG KÍNH (LÃBHASAKKARASAMYUTTA)

L PHẨM THỨ NHẤT (R4THAMAVAGGA)

I. KINH KHỔ LỤY (Dãrunasuttd) (5. II. 225) 157. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi... tại vườn ông Anãthapindika. Roi The Ton gọi cac Ty-kheo... The Ton nói như sau: Khổ lụy (dãrunoỴ này các Tỷ-kheo, là các lợi đắc, cung kính, danh vọng. Thật là đắng cay, ác độc; là chướng ngại pháp cho sự chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách! Do vậy5 này các Tỷ-kheo5 cần phải học tập như sau: "Đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng đã đên, chúng ta hãy từ bỏ chúng. Đôi với lợi dăc, cung kính, danh vọng chưa đến? chúng ta không để chúng xâm chiếm tâm và an trú." Như vậy, này các Tỷ-kheo9 các ông cân phải học tập. II. KINH LƯỠI CÂU (BaỊisasutta) (5. II. 226) 158. Tại Sãvatthi... Khổ lụy5 này các Tỷ-kheo5 là các lợi đắc, cung kính, danh vọng. Thật là đắng cay, ác độc; là chướng ngại pháp cho sự chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách! Ví như, này các Tỷ-kheo, một người câu cá quăng một lưỡi câu ngắn có mồi thịt vào trong một hồ nước sâu, và một con cá có mắt thấy mồi thịt, nuốt lưỡi câu ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo? con cá đã nuốt lưỡi câu ấy bị rơi vào bất hạnh, bị rơi vào tai họa5 bị người câu cá muốn làm gì thì làm. Người câu cá, này các Tỷ-kheo, chỉ cho ma; lưỡi câu, này các Tỷ-kheo, chỉ cho lợi đắc9 cung kính, danh vọng. Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, thọ hưởng? ái luyến lợi đắc, cung kính5 danh vọng đã đến? Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là Tỷ-kheo đã nuốt lưỡi câu của [Ác] ma, bị rơi vào bất hạnh, bị rơi vào tai họa? bị Ác ma muốn làm gì thì làm. Như vậy5 khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đăc? cung kính, danh vọng. Thật

là đắng cay, ác độc; là chướng ngại pháp cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách! Do vậy? này ỷọụắáđdắắd] ọỷọnxừdỷd ;ỷshuás!uÊấâvbấvb9úàịỢ^G

Như vậy9 này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.
IV. KINH LÔNG DÀI (Dĩghalomikasutta) (5. IL 228)
160. Tại Sãvatthi...
Khổ lụy, này các Tỷ-kheo5 là lợi đắc, cung kính, danh vọng...
Ví như, này các Tỷ-kheo? một con dê cái lông dài, đi vào một khóm cây gai góc. Chỗ này chỗ kia, nó bị mắc dính vào; chỗ này chỗ kia5 nó bị mắc vướng vào; chỗ này chỗ kia, nó bị trói buộc vào; chỗ này chỗ kia, nó bị rơi vào bất hạnh, tai họa. Cũng như vậy, này cáe Tỷ-kheo, ở dây, có Tỷ-kheo bị lợi dắc, cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát5 đi vào làng hay thị trân đê khât thực. Chô nàý chô kia, vị ây bị măc dính vào; chô này chỗ kia, vị ấy bị mắc vướng vào; chỗ này chỗ kia, vị ấy bị trói cột vào; chỗ này chỗ kia, vị ấy bị rơi vào bất hạnh, tai họa. Như vậy, khổ lụy5 này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng... Như vậy, này các Tỷ-kheo?

các ông cần phải học tập.

V. KINH TRÙNG PHẨN (MĩỊhakasutta)2 (S. II. 228) 161. Tại Sãvatthi... Khổ lụy5 này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 một con trùng phân ăn phân, đây những phân5 tràn ngập những phân, và trước mặt có một đống phân lớn. NÓ khinh miệt các con trùng phân khác và nói: "Ta ăn phân5 đây những phân, tràn ngập những phân; và trảdêừúdêỷụậựựscuÊấâvbấvb9údàịỢ^Gd!!à9úxừdợậợỷảảdêừ

460 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ II. THIÊN NHÂN DUYÊN

VI. KINH SÉT ĐÁNH (Asanisuttă) (5. II. 229) 162. Tại Sãvatthi... -Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi dắc, cung kính5 danh vọng... Như thế nào, này các Tỷ-kheo, bị sét đánh3 [được ví như] một người Hữu học với tâm nhiệt thành khi bị các lợi dắc, cung kính, danh vọng chạm đến? Này các Tỷ-kheo? sét đánh chỉ cho lợi đăc, cung kính, danh vọng chạm đên. Như vậy, khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đăc, cung kính, danh vọng... Như vậy5 này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

VII. KINH TRỦNG Độc (Diddhasuttă) (5. II. 229) 163. Tại Sãvatthi... _ e ĩ —Khô lụy5 này các Tỷ-kheo, là lợi đăc5 cung kính, danh vọng... Như thế nào, này các Tỷ-kheo, bị mũi tên độc bắn trúng [được ví như] một người Hữu học với tâm trí nhiệt thành, khi bị các lợi dắc, cung kính, danh vọng chạm đến? Mũi tên9 này các Tỷ-kheo, chỉ cho các lợi đăc? cung kính, danh vọng... Như vậy? khô lụy5 này các Tỷ-kheo, là lợi đăc5 cung kính, danh vọng... Như vậy5 này các Tỷ-kheo? các ông cần phải học tập.

VIII. KINH CON DÃ CAN (Singalasutta)4 (S. II. 230) 164. Tại Sãvatthi... Khổ lụy9 này các Tỷ-kheo, là lợi dắc, cung kính, danh vọng...

Các ông có nghe chăng, này các Tỷ-kheo5 trong đêm, khi trời gân sáng, có con dã can đang tru lớn tiếng? Thưa có5 bạch Thế Tôn.

Đó là con dã can già5 này các Tỷ-kheo5 bị mắc bệnh ghẻ lở5 không thoải mái trong những chỗ hoang vắng, không thoải mái dưới những gốc cây5 không thoải mái tại những chỗ lộ thiên; chỗ nào nó di, chỗ nào nó dứng, chỗ nào nó ngôi, chô nào nó năm, tại các chô ây, nó cảm thây bât hạnh, tai họa. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo bị lợi đắc; cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, không thoải mái trong những chỗ hoang vắng, không thoải mái dưới những gốc cây? không thoải mái tại những chỗ lộ thiên; chỗ nào vị ấy đi, chỗ nào vị ấy đứng, chỗ nào vị ấy ngồi? chỗ nào vị ấy nằm, tại các chỗ ấy, vị ấy cảm thấy bất hạnh, tai họa. Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng... Như vậy, này các Tỷ-kheo? các ông cần phải học tập.

3 Chủ giải giải thích sét đánh chỉ hại một đời, còn cung kính danh vọng hại nhiều đời. 4 Tham chiêu: Tạp.(T.02. 0099 1264. 0346a26).

462 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ II. THIÊN NHÂN DUYÊN

Sống hạnh không phóng dật5

Tâm thường nhập thiền tư.
Với tâm tưởng tế nhị5
Chánh quán các sở kiến,
Không còn lạc chấp thủ,
Được gọi bậc Chân nhân.
17. TƯƠNG UNG LỢI ĐẤC, CUNG KÍNH 463

II. PHẢM THỨ HAI (DUTIY4VAGGA)

I. KINH BÌNH BÁT (VÀNG) (Suvannapatisutta)6 (5. II. 233) 167. Tại Sãvatthi... —Khô lụy5 này các Tỷ-kheo, là lợi đăc5 cung kính, danh vọng... Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 với tâm của Ta, Ta biết có người có tâm như sau: "Dầu cho vì một bình bát vàng đựng đầy phấn bạc, vị này cũng không cố ý nói lo." Trong một thời gian khác, Ta lại thây người ây bị lợi đăc? cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, đã cố ý nói láo. Như vậy? khổ lụy, này các Tỷ-kheo5 là lợi dắc, cung kính, danh vọng... Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 các ông cần phải học tập.

II. KINH BÌNH BÁT (BẠC) (Rũpiyapãtìsutta) (5. II. 233) 168. Tại Sãvatthi... Khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đăc9 cung kính, danh vọng... Ở đây5 này các T-kheo, với tâm của Ta, Ta biết có người có tâm như sau: "Dầu cho vì một bình bát bạc đựng đầy phấn vàng, vị này cũng không có cố ý nói láo.” Trong một thời gian khác, Ta lại thây người ây bị lợi đăc5 cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, đã cố ý nói láo. Như vậy5 khổ lụy? này các Tỷ-kheo? là lợi đắc, cung kính, danh vọng... Như vậy5 này các Tỷ-kheo? các ông cần phải học tập. III-X. NHÓM 8 KINH BẤT ĐẦU BẢNG KINH ĐỒNG TIỀN VÀNG (Suvannanikkhasuttadiatthaka) (5. II. 234) 169. Tại Sãvatthi... Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta biết có người có tâm như sau:

Ế4Dầu cho vì một đồng tiền vàng Nikkha...
"Dầu cho vì một trăm đồng tiền vàng Nikkha...
"Dâu cho vì một đông tiên vàng ròng Nikkha...
"Dầu cho vì một trăm đồng tiền vàng ròng Nikkha...
A r \
"Dâu cho vì quả đât đây những vàng...
6 Tham chiếu: Tdng.(r02. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04).

464 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ II. THIÊN NHÂN DUYÊN

“Dầu cho vì mọi lợi ích vật chất... "Dầu cho vì mạng sống... "Dâu cho vì mỹ nhân địa phương, vị ây cũng không cô ý nói lao." Trong một thời gian khác, Ta lại thấy người ấy bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị chinh phục, đã cố ý nói láo. Như vậy, khô lụy, này các Tỷ-kheo? là lợi đăc9 cung kính, danh vọng... Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cân phải học tập.

17. TƯƠNG ƯNG LỢI ĐẮC, CUNG KÍNH 465

IIL PHẨM THỨ BA (TATIZ4E4GGA)

I. KINH PHỤ NỮ (Mãtugãmasuttă) (5. II. 234) 170. Tại Sãvatthi... Khô lụy? này các Tỷ-kheo, là lợi đăc5 cung kính, danh vọng...

Với ai, này các Tỷ-kheo, tâm bị lợi đăc9 cung kính, danh vọng chinh phục và ngự trị, thời không một nữ nhân nào? với tâm của mình chinh phục và ngự trị tâm của người ấy. Như vậy9 khổ lụy5 này các Tỷ-kheo? là lợi dắc, cung kính, danh vọng... Như vậy, này các Tỷ-kheo? các ông cần phải học tập. II. KINH MỸ NHÂN (Kalyănĩsutta) (5. II. 235) 171. Tại Sãvatthi... Khổ lụy [kinh khiếp], này các Tỷ-kheo, là lợi đắc? cung kính, danh vọng...

Với ai, này các Tỷ-kheo, tâm bị lợi đăc? cung kính, danh vọng chinh phục và ngự trị? thời không một mỹ nhân bản xứ nào, với tâm của mình chinh phục và ngự trị tâm của người ấy. Như vậy? khổ lụy5 này các Tỷ-kheo, là lợi dắc, cung kính, danh vọng... Như vậy, này các Tỷ-kheo5 các ông cần phải học tập.

IIL KINH CON TRAI MỘT (Ekaputtakasuttà) (5. II. 235) 172. Tại Sãvatthi... Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi dắc, cung kính, danh vọng...

Một tín nữ5 này các Tỷ-kheo, chơn chánh khuyên dạy đứa con độc nhất, đáng yêu, đáng mến? sẽ khuyên dạy như sau: "Này con thân yêu5 hãy giống như gia chủ Citta, hãy giống như Hatthaka ở ÃĮavaka!,, Các vị ấy, này các Tỷ-kheo? là cân lường, là mẫu mực cho các đệ tử cư sĩ của Ta, tức là gia chủ Citta và Hatthaka ở ÃĮavaka. "Này con thân yêu5 nếu con xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; này con thân yêu, hãy giống như Sãriputta và Moggalãna!59 Các vị ấy, này các Tỷ-kheo, là cân lường, là mẫu mực cho các đệ tử Tỷ- kheo của Ta, tức là Sãriputta và Moggalãna. "Này con thân yêu9 chớ để cho lợi đắc, cung kính, danh vọng chạm đến người kẻ Hữu học với tâm đầy nhiệt tinh!”

Này các Tỷ-kheo? nếu một Tỷ4cheo Hữu học với tâm đầy nhiệt tình bị lợi dắc, cung kính, danh vọng chạm đến5 như vậy là chướng ngại cho vị ấy. Như vậy5 khô lụy? này các Tỷ-kheo5 là lợi đăc? cung kính, danh vọng... Như vậy5 này các Tỷ-kheo9 các ông cần phải học tập.

IV. KINH CON GÁI MỘT (Ekadhĩtusutta)1 (5. II. 236) 173. Tại Sãvatthi... Khổ lụy5 này các Tỷ-kheo, là lợi dắc, cung kính, danh vọng...

Một tín nữ, nàỵ các Tỷ-kheo5 chơn chánh khuyên dạy đứa con gái độc nhất, đáng yêu, đáng mên5 sẽ khuyên dạy như sau: “Này con thân yêu5 hãy giông như nữ cư sĩ Khujjuttara và VeĮukandakiyã, mẹ của Nanda!" Các vị ấy, này các Tỷ-kheo, là cân lường, là mẫu mực cho các đệ tử nữ cư sĩ của Ta, tức là nữ cư sĩ Khụjjuttarã và VeĮukandakiyã. "Này con thân yêu9 nếu con xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; này con thân yêu? hãy giống như Tỷ-kheo-ni Khemã và uppalavappa!" Các vị ấy, này các Tỷ-kheo, là cân lường, là mẫu mực cho các đệ tử Tỷ- kheo-ni của Ta, tức là Tỷ-kheo-ni Khemã và uppalavannã. "Này con thân yêu, chớ đê cho lợi đăc5 cung kính, danh vọng chạm đên người kẻ Hữu học với tâm đầy nhiệt tinh!” Này các Tỷ-kheo5 nếu

một Tỷ-kheo-ni Hữu học? với tâm đầy nhiệt tình bị lợi dắc, cung kính, danh vọng chạm dến, như vậy là chướng ngại cho vị ấy. Như vậy? khổ lụy5 này các Tỷ-kheo, là lợi dắc, cung kính, danh vọng... Như vậy, này các Tỷ-kheo5 các ông cân phải học tập. V. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN (Samanabrãhmanasutta) (5. II. 236) 174. Tại Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật biết vị ngọt? sự nguy hiểm, sự xuất ly của lợi đắc, cung kính, danh vọng; các vị Sa- môn hay Bà-la-môn ấy đối với Ta, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn5 hay Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ây5 ngay trong đời sông hiện tại5 không có thê tự mình với thăng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh. Và này các Tỷ-kheo9 những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật biết vị ngọt5 sự nguy hiểm, sự xuất ly của lợi dắc, cung kính, danh vọng; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy đối với Ta, được chấp nhận là vị Sa-môn giữa các Sa-môn, hay Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy5 ngay trong đời sống hiện tại, có thể tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.

7 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.9.1. 0562al4).

VL KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI (Dutìyasamanabrãhmanasuttd) (SII. 237) 175. Tại Sãvatthi... Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật biết sự tập khởi, đoạn diệt, vị ngọt5 sự nguy hiểm và sự xuất ly của lợi đắc, cung kính, danh vọng; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy đối với Ta, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn5 không được châp nhận là Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại, cũng không tự mình với thăng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh và mục đích của Bà-la-môn hạnh. Và những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật biết sự tập khởi, đoạn diet, vị ngọt... của lợi đắc, cung kính, danh vọng; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy đối với Ta, được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn, hay Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại9 có thê tự mình với thăng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh. VII. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ BA (Tatiyasamanabrãhmanasuttẩ) (S. II. 237) 176. Tại Sãvatthi... Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo5 không biết sự tập khởi của lợi đắc, cung kính, danh vọng; không biết sự đoạn diệt của lợi đắc, cung kính, danh vọng; không biết con đường đưa đến sự đoạn diệt của lợi dắc, cung kính, danh vọng; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, đối với Ta, không được chấp nhận... và mục đích của Bà-la-môn hạnh. Và những Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết được sự tập khởi của lợi đắc, cung kính, danh vọng... và mục đích của Bà-la-môn hạnh. VIII. KINH DA {Chavisuttdỷ (5. II. 237) 177. Tại Sãvatthi... Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi dắc, cung kính, danh vọng...

Lợi dắc, cung kính, danh vọng, này các Tỷkheo, cắt đứt da ngoài. Sau khi r * J ỉ e r V r căt đứt da ngoài, chúng căt đứt da trong. Sau khi căt đứt da trong, chúng căt đứt thịt. Sau khi cắt đứt thịt, chúng cắt đứt dây gân. Sau khi cắt đứt dây gân, chúng cắt đứt

xương. Sau khi cắt đứt xương, chúng chạm tới tủy và đứng lại. Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo5 là lợi dắc, cung kính, danh vọng... Như vậy9 này các Tỷ-kheo5 các ông cần phải học tập. IX. KINH DÂY (Rajjusutta) (S. II. 238) 178. Tại Sãvatthi...

8 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.12.9. 0570c26).

Khô lụy5 này các Tỷ-kheo9 là lợi đăc, cung kính5 danh vọng... Lợi dắc, cung kính, danh vọng, này các Tỷ-kheo, cắt đứt da ngoài. Sau khi cắt đứt da ngoài, chúng cắt đứt da trong. Sau khi căt đứt da trong, chúng cắt đứt thịt. Sau khi cắt đứt thịt, chúng cắt đứt dây gân. Sau khi cắt đứt dây gân, chúng cắt đứt xương. Sau khi cắt đứt xương, chúng chạm tới tủy và đứng lại. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một lực sĩ lấy dây ngựa cứng chắc? quấn xung quanh cổ chân và siết chặt lại. Dây ấy cắt đứt da ngoài, cắt đứt da trong. Sau khi căt đứt da trong, chúng căt đứt thịt. Sau khi căt đứt thịt? chúng căt đứt dây gân. Sau khi cắt đứt dây gân, chúng cắt đứt xương. Sau khi cắt đứt xương, chúng chạm tới tủy và đứng lại. Cũng như vậy5 này các Tỷ-kheo, lợi dắc, cung kính, danh vọng cắt đứt da ngoài. Sau khi cắt đứt da ngoài, chúng cắt đứt da trong. Sau khi cắt đứt da trong, chúng căt đứt thịt. Sau khi căt đứt thịt9 chúng căt đứt dây gân. Sau khi căt đứt dây gân, chúng cắt đứt xương. Sau khi cắt đứt xương, chúng chạm tới tủy và đứng lại. Như vậy? khổ lụy5 này các Tỷ-kheo5 là lợi dắc, cung kính, danh vọng... Như vậy5 này các Tỷ-kheo? các ông cần phải học tập.

X. KINH TỶ-KHEO (Bhikkhusuttd) (S. II. 238) 179. Tại Sãvatthi... Vị Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, là bậc ứng Cúng, đã đoạn tận các lậu hoặc5 Ta nói, lợi đắc5 cung kính5 danh vọng vẫn là pháp chướng ngại cho vị Tỷ-kheo ấy. Khi nghe nói vậy? Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế T6n, với vị Tỷ-kheo lậu hoặc được đoạn tận nào? các lợi đắc, cung kính, danh vọng là chướng ngại pháp? -Này Ãnanda, đối với vị đã chứng Bất động tâm giải thoát, Ta không nói rằng5 các lợi dắc, cung kính, danh vọng trở thành một chướng ngại pháp cho vị ay. Và này Ananda, đối với những ai sống không phóng dật9 nhiệt tâm, tinh cần; những người chứng được hiện tại lạc trú; đối với những người ấy5 Ta nói rằng? lợi (tóc, cung kính, danh vọng là chướng ngại pháp. Như vậy, khổ lụy5 này Ãnanda, là lợi đắc, cung kính, danh vọng. Thật là đắng cay, ác độc; là chướng ngại pháp cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các H1Ổ ach! Do vậy, này Ananda, cần phải học tập như sau: "Đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng đã đến? chúng ta hãy từ bỏ chúng. Và

W PHẨM THỨ TU (CATUTTHAK4GGA)

I. KINH CẮT (Bhindisutta) (S. II. 239) 180. Tại Sãvatthi... Khổ lụy? này các Tỷ-kheo? là lợi đắc? cung kính, danh vọng...

Bị lợi đắc5 cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, Devadatta phá hoại Tăng chúng. Như vậy? khô lụy, này các Tỷ-kheo? là lợi đăc9 cung kính, danh vọng... Như vậy? này các Tỷ-kheo5 các ông cần phải học tập. n. KINH CĂN BẢN THIỆN

(Kusalamũlasuttdỷ (S II. 240) 181. Tại Sãvatthi... Khổ lụy? này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, này các Tỷ-kheo? thiện căn của Devadatta bị cắt đứt. Như vậy, khô lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đăc, cung kính, danh vọng... Như vậy5 này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. III. KINH THIỆN PHÁP (Kusaỉadhammasutta)ỉồ (5. II. 240) 182. Tại Sãvatthi.. Khổ lụy5 này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng... Bị lợi đắc. cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, này các Tỷ-kheo, thiện pháp của Devadatta bị căt đứt. Như vậy? khô lụy? này các Tỷ-kheo, là lợi đăc, cung kính, danh vọng... Như vậy? này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. IV. KINH PHÁP THANH TỊNH (Sukkadhammasutta)n (5. II. 240) 183. Tại Sãvatthi... Khô lụy? này các Tỷ-kheo? là lợi đăc? cung kính, danh vọng... Bị lợi dắc, cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, này các Tỷ-kheo, bạch pháp của Devadatta bị căt đứt.

9 Bản tiếng Anh của PTS: The Root, nghĩa là Gốc rễ, căn bản. 10 Bản tiếng Anh của PTS: Conditions, nghĩa là Pháp. 11 Bản tiếng Anh của PTS: Bright (Conditions), nghĩa là (Pháp) Trắng.

Như vậy, khô lụy, này các Tỷ-kheo5 là lợi đăc9 cung kính, danh vọng... Như vậy5 này các Tỷ-kheo, các ông cân phải học tập. V KINH DIỆT VONG KHÔNG BAO LÂU (Acirapakkantasuttă)n (5. II. 241) 184. Một thời, Thế Tôn ở Rặjagaha (Vương Xá)5 tại Gijjhakuta (núi Linh Thứu), sau khi Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) bỏ đi không bao lâu. Rồi Thế Tôn, nhân vì Devadatta, bảo các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo5 lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên? đưa đến tự hại cho Devadatta; lợi dắc, cung kính, danh vọng khởi lên5 đưa đến diệt vong cho Devadatta. Ví như cây chuôi, này các Tỷ-kheo, sanh quả đưa đên tự hại; sanh quả đưa đên diệt vong. Cũng như vậy, này các Tỷ-kheo9 lợi đăc5 cung kính, danh vọng khởi lên5 đưa đến tự hại cho Devadatta; lợi dắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến diệt vong cho Devadatta. Ví như cây tre, này các Tỷ-kheo, sanh quả đưa đến tự hại; sanh quả đưa đến diệt vong. Cũng như vậy, này các Tỷ-kheo, lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến tự hại cho Devadatta; lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên5 đưa đến diệt vong cho Devadatta. Ví như cây lau, này các Tỷ-kheo, sanh quả đưa đến tự hại; sanh quả đưa đến diệt vong. Cũng như vậy, này các Tỷ-kheo? lợi dắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến tự hại cho Devadatta; lợi đắc cung kính, danh vọng khởi lên9 đưa đến diệt vong cho Devadatta. Ví như con lừa có thai đưa đến tự hại, có thai đưa đến diệt vong. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến tự hại cho Devadatta; lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên5 đưa đến diệt vong cho Devadatta. Như vậy, khổ lụy? này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng... Như vậy? này các Tỷ-kheo5 các ông cần phải học tập. Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói vậy xong, bậc Đạo Sư nói như sau: Như cây chuối sanh quả, Sanh quả đem tự hại; Cũng vậy? quả cây tre; Cũng ữvbd!ásnuláíợáụáábấvb9údàịỢ^Gd!!à9úxừdợắợựảảdêừúdêấvỷỷ;ụ;ddắ vậy5 quả cây lau; Cũng vậy5 với kẻ ngu, Cung kính đem tự hại; Như con lừa

VI. KINH NĂM TRĂM CÔ XE (Pancarathasatasutta)13 (5. II. 242) 185. Một thòi, Thế Tôn ở Rậjagaha (Vương Xá), VeỊuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bây giờ9 Hoàng tử Ajatasattu (A-xà-thê) sáng chiêu đi đên hâu Devadatta với năm trăm cỗ xe và đem đến cúng dường các món ăn trong năm trăm mâm bàn. Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn5 rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên? các Tỷ-kheo ấy bạch với Thế Tôn: Bạch Thế Tôn? Hoàng tử Ajatasattu sáng chiều đi đến hầu Devadatta với năm trăm cỗ xe và đem đến cúng dường các món ăn trong năm trăm mâm bàn. Này các Tỷ-kheo, chớ có thèm lợi đắc, cung kính, danh vọng của Devadatta! Chừng nào, này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Ạjãtasattu sáng chiều còn đi đến hầu Devadatta với năm trăm cỗ xe và đem đến cúng dường các món ăn trong năm trăm mâm bàn; thời này các Tỷ-kheo, đôi với Devadatta, chỉ có chờ đợi sự tổn giảm trong thiện pháp, không có sự tăng trưởng. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, đem bóp nát lá gan trước lỗ mũi một con chó dữ; như vậy. con chó ấy lại càng dữ tợn bội phần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? chừng nào Hoàng tử Ajatasattu sáng chiều còn đi đến hầu Devadatta với năm trăm cỗ xe và còn cúng dường các món ăn trong năm trăm mâm bàn; thời này các Tỷ-kheo, đối với Devadatta, chỉ có chờ đợi sự tổn giảm trong thiện pháp, không có sự tăng trưởng. e r Như vậy, khô lụy, này các Tỷ-kheo5 là lợi đăc5 cung kính, danh vọng... Như vậy? này các Tỷ-kheo, các ông cân phải học tập. VII. KINH MẸ (Mãtusutta)(y II. 242) 186. Tại Sãvatthi... -Khổ lụy, này các Tỷ-kheo5 là lợi đắc5 cung kính, danh vọng. Thật là đắng cay, ác độc; là chướng ngại pháp cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các kho ách!, Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta biết được tâm của một người như sau: “Dầu cho vì bà mẹ đáng kính5 cũng không cố ý n6i láo." Nhưng trong một thời gian khác, Ta thấy người ấy bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiêm, đã cô ý nói láo. Như vậy, khổ lụy5 này các Tỷ-kheo? là lợi dắc, cung kính, danh vọng. Thật là đắng cay, ác độc; là chướng ngại pháp cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách! Như vậy5 này các Tỷ-kheo? các ông cần phải học tap: "Đối với lợi dắc, cung kính, danh vọng đã đên, chúng ta hãy từ bỏ chúng. Đôi với lợi dắc, cung kính, danh vọng chưa đến, chúng ta không để chúng xâm chiếm tâm và an trú."

13 Bản tiếng Anh của PTS: The Car, nghĩa ỉâXe. Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1064. 0276b20); Biệt Tạp.(7.02. 0100.1.12. 0347b09); Tăng.(T.02. 0125.23.6. 0613cl8).

Như vậy5 này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. VIII. NHÓM 6 KINH BẮT ĐẦU BẢNG KINH CHA (Pitusuttãdichakkd) (S. II. 244) 187. Tại Sãvatthi... Khô lụy, này các Tỷ-kheo9 là lợi đăc5 cung kính, danh vọng. Thật là đăng cay, ác độc; là chướng ngại pháp cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các kho ách! Ở dây, này các Tỷ-kheo? với tâm của Ta, Ta biết được tâm của một người như sau: uDầu cho vì người cha đáng kính... ” "Dầu cho vì người anh ...” 66Dầu cho vì người chị... ” "Dầu cho vì con trai... ” uDầu cho vì con gái... ” "Dâu cho vì người vợ? cũng không cô ý nói láo.^ Nhưng trong một thời gian khác, Ta thấy người ấy bị lợi đắc9 cung kính, danh vọng chi phối và tâm

bị xâm chiếm, đã cố ý nói láo. Như vậy? khổ lụy? này các Tỷ-kheo5 là lợi đắc? cung kính, danh vọng. Thật là đắng cay, ác độc; là chướng ngại pháp cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách! Do vậy, này các Tỷ-kheo5 cần phải học tập như sau: "Đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng đã đến5 chúng ta hãy từ bỏ chúng. Đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng chưa đến5 chúng ta không để chúng xâm chiếm tâm và an trú.” Như vậy, này các Tỷ-kheo? các ông cần phải học tập.

18. TƯƠNG ƯNG RÃHULA (RẪHULASAMYUTTA)

LPHẨM THỨ NHẤT (PATHAMAVAGGA)

I. KINH MẮT (Cakkhusutta) (S. II. 244)

188. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Thắng Lâm), vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc).

Rồi Tôn giả Rãhula đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rãhula bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bach Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con để sau khi nghe, con có thể sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Này Rãhula, ông nghĩ thế nào5 mắt là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

Là khổ? bạch Thế Tôn.

Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu xem cái ấy:

“Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i"?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Tai là thường hay vô thường?

Là vô thường, bạch Thế Tôn.

Mũi là thường hay vô thường?

Là vô thường, bạch Thế Tôn.

Lưỡi là thường hay vô thường?

Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-Thân là thường hay vô thường?

Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-Ý là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

Là khổ? bạch Thế Tôn.

—Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu xem cái ấy: "Cái này là của tôi9 cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i” - Thưa không, bạch Thế Tôn. - Thấy như vậy? này Rãhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán mắt, nhàm chán tai,

nhàm chán mũi, nhàm chán lưỡi, nhàm chán thân, nhàm chán ý. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham,, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." II. KINH SẮC (Rũpasutta) (5. II. 245) 189. Tại Sãvatthi... Này Rãhula, ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thế Tôn. ... thanh... hương... vị... xúc... -Này Rãhula, ông nghĩ thế nào, pháp là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Thấy như vậy? này Rãhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán sắc, nhàm chán thanh, nhàm chán hương, nhàm chán vị, nhàm chán xúc, nhàm chán pháp. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.,^ III. KINH THỨC(yìnnãnasutíd) (5. II. 246) 190. Tại Sãvatthi... -Này Rãhula, ông nghĩ thế nào? nhãn thức là thường hay vô thường? -Là vô thường, bạch Thế Tôn. ... nhĩ thức... tỷ thức... thiệt thức... thân thức... -Này Rãhula, ông nghĩ thế nào, ý thức là thường hay vô thường? -Là vô thường, bạch Thế Tôn. -Thấy như vậy, này Rãhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán nhãn thức, nhàm chán nhĩ thức, nhàm chán tỷ thức, nhàm chán thiệt thức, nhàm chán thân thức, nhàm chán ý thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát.” Vị ấy biết: "Sanh đã tận? Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." IV. KINH XÚC (Samphassasutta) (S II. 246) 191. Tại Sãvatthi...

-Này Rãhula, ông nghĩ thế nào, nhãn xúc là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. -Này Rãhula, ông nghĩ thế nào, nhĩ xúc... tỷ xúc... thiệt xúc... thân xúc... ý xúc là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Thấy như vậy5 này Rãhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán nhãn xúc, nhàm chán nhĩ xúc, nhàm chán tỷ xúc, nhàm chán thiệt xúc5 nhàm chán thân xúc, nhàm chán ý xúc. Do nhàm chán, vị ây ly tham; do ly tham, vị ây giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát.99 Vị ấy biết: “Sanh đã tận? Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." V KINH THỌ (Vedanãsuttă) (5. II. 247) 192. Tại Sãvatthi... Này Rãhula, ông nghĩ thế nào, thọ do nhãn xúc sanh là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Thọ do nhĩ xúc sanh... thọ do tỷ xúc sanh... thọ do thiệt xúc sanh... thọ do thân xúc sanh... thọ do ý xúc sanh là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Thây như vậy, này Rãhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiêu, nhàm chán thọ do nhãn xúc sanh, nhàm chán thọ do nhĩ xúc sanh, nhàm chán thọ do tỷ xúc sanh, nhàm chán thọ do thiệt xúc sanh, nhàm chán thọ do thân xúc sanh, nhàm chán thọ do ý xúc sanh. Do nhàm chán, vị ây ly tham; do ly tham, vị ây giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm9 không còn trở lại đời này nữa.” VL KINH TƯỞNG (Sannãsuttà) (5. II. 247) 193. Tại Sãvatthi... Này Rãhula, ông nghĩ thê nào, săc tưởng là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Thanh tưởng... hương tưởng... vị tưởng... xúc tưởng... pháp tưởng là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Thấy như vậy, này Rãhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán sắc

tưởng, nhàm chán thanh tưởng, nhàm chán hương tưởng, nhàm chán vị tưởng, nhàm chán xúc tưởng, nhàm chán pháp tưởng. Do nhàm chán? vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải

thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoat?9 Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nfta?5 VII. KINH Tư (Sancetanãsuttà) (S II. 247) 194. Tại Sãvatthi... Này Rãhula? ông nghĩ thế nào, sắc tư là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. -Thanh tư... hương tư... vị tư... xúc tư... pháp tư là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Thây vậy, này Rãhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiêu, nhàm chán săc tư, nhàm chán thanh tư, nhàm chán hương tư, nhàm chán vị tư, nhàm chán xúc tư, nhàm chán pháp tư. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát.Vị ấy biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." VIII. KINH ÁI (Tanhãsutta) (5. II. 248) 195. Tại Sãvatthi... Này Rãhula, ông nghĩ thê nào, săc ái là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Thanh ái... hương ái... vị ái... xúc ái... pháp ái là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Thấy như vậy? này Rãhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán sắc ái, nhàm chán thanh ái, nhàm chán hương ái, nhàm chán vị ái, nhàm chán xúc ái9 nhàm chán pháp ái. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận? Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.,, IX. KINH GIỚI (Dhãtusutta) (S II. 248) 196. Tại Sãvatthi... Này Rãhula, ông nghĩ thế nào, địa giới là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Thủy giới... hỏa giới... phong giới... không giới... thức giới là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Thấy vậy, này Rãhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán địa giới, nhàm chán thủy giới9 nhàm chán hỏa giới, nhàm chán phong giới, nhàm chán không giới, nhàm chán thức giới.

Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát.99 Vị ấy biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.^, X. KINH UẨN (Khandhasutta) (S. II. 249) 197. Tại Sãvatthi... -Này Rãhula, ông nghĩ thê nào, săc là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. -Thọ... tưởng... hành... thức là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Thấy vậy, này Rãhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán sắc? nhàm chán thọ, nhàm chán tưởng, nhàm chán các hành, nhàm chán thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát.99 Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.^,

n. PHẨM THỨ HAI (DUTIY4VĂGGA)

I. KINH MẮT (Cakkhusutta) (S II. 249)
198. Như vầy tôi nghe.
Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi (Xá-vệ). Rồi Tôn giả Rãhula, đi đến Thế
/\ 1 1 • 4* 7 ' i '.
i A _
FT^i .. _ rri A J 1 _ rr^ĩ A rr\ f * r_~
Ton; sau khi đên9 đảnh le The Ton, roi ngôi xuong một ben. The Ton nói với
Tôn giả Rãhula đang ngồi xuống một bên:
Này Rãhula, ông nghĩ thê nào, con măt là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

Là khổ, bạch Thế Tôn.

Cái gì vô thường, khổ9 chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi nhìn cái ấy

như sau: "Cái này là của tôi, cái này là tôi5 cái này là tự ngã của t6i”
- Thưa không, bạch Thế Tôn.
Tai... mũi... lưỡi... thân... ý là thường hay vô thường?

Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ? bạch Thế Tôn.

Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại9 có hợp lý chăng khi nhìn cái ấy

như sau: “Cái này là của tôi, cái này là tôi9 cái này là tự ngã của t6i"? - Thưa không, bạch Thế Tôn. -Thấy như vậy, này Rãhula, bậc Thánh đệ tử có trí nhàm chán mắt, nhàm chán tai, nhàm chán mũi, nhàm chán lưỡi, nhàm chán thân, nhàm chán ý. Do nhàm chán, vị ây ly tham; do ly tham, vị ây giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát.” Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.,, II-X. NHÓM 9 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH SẮC (Rũpãdisuttanavaka) (S. II. 251) 199. Tại Sãvatthi... Này Rãhula, ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

Là vô thường, bạch Thế Tôn.

Cái gì vô thường là khổ hay lạc?...

... Thanh... hương... vị... xúc... pháp...

... Nhãn thức... nhĩ thức... tỷ thức... thiệt thức... thân thức... ý thức... ... Nhãn xúc... nhĩ xúc... tỷ xúc... thiệt xúc... thân xúc... ý xúc... ... Thọ do nhãn xúc sanh... thọ do nhĩ xúc sanh... thọ do tỷ xúc sanh... thọ do thiệt xúc sanh... thọ do thân xúc sanh... thọ do ý xúc sanh... ... Sắc tưởng... thanh tưởng... hương tưởng... vị tưởng... xúc tưởng... pháp tưởng... ... Sắc tư... thanh tư... hương tư... vị tư... xúc tư... pháp tư... ... Sắc ái... thanh ái... hương

ái... vị ái... xúc ái... pháp ái... ... Địa giới... thủy giới... hỏa giới... phong giới... không giới... thức giới... ... Sắc... thọ... tưởng... hành... thức là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Thấy vậy5 này Rãhula, bậc Thánh đệ tử có trí... không còn trở lại đời này nữa. XI. KINH TÙY MIÊN (Anusayasutta)1 (S. II. 252) 200. Tại Sãvatthi. Rồi Tôn giả Rãhula đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Rãhula bạch Thê Tôn: —Bạch Thế Tôn, do biết thế nào, do thấy thế nào mà trong thân thể có thức này và trong tất cá tướng ở ngoài,2 không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên?3 Này Rãhula5 phàm sắc nào thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, vị ấy thấy như thật tất cả các sắc với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi? cái này không phải tự ngã của tôi.,, Phàm thọ nào... Phàm tưởng nào... Phàm hành nào... Phàm thức nào thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, vị ấy thấy như thật tất cả các thức với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của t6i" Này Rãhula, do biêt như vậy, do thây như vậy mà trong thân thê có thức này và trong tất cả tướng ở ngoài không có ngã kiến, không có ngã sở kiến, không có ngã mạn tùy miên.4 XII. KINH VIỄN LY (Apagatasutta)5 (5. II. 253) 201. Nhân duyên tại Sâvatthi. Rồi Tôn giả Rãhula đi đến Thế Tôn; sau khi 1 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.23. 0005all); Tạp. 0.02. 0099.198. 0050c07). 2 Chủ giải viết một thân khác có thức hay không có thức. 3 Xem M. III. 18, 32; s. III. 80, 136. 4 Xem s. II. 18; KS. II 14 (kinh 17 ở trước); s. II. 27; KS. II. 23 (kinh 21 ở trước). 5 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.24. 0005b05); Tạp.(T.02. 0099.199. 0050c27).

480 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ II. THIÊN NHÂN DUYÊN

4. Ấ _ 4- 2 __ 1 A FT^1_ A FT1 - _Ă • ____ Ă •_____ Ẩ _ _ ____ A. _ T _ Ă • _____Ấ _ ___ 1 rjn A *9

đen, đảnh lê Thê Tôn roi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một ben, Tôn giả Rãhula bạch Thế Tôn: - Bạch Thế Ton, do biết như thế nào, thấy như thế nào mà trong thân thể có thức này và trong tất cả tướng ở ngoài, tâm đã viễn ly được ngã kiển, ngã sở kiến, ngã mạn, siêu việt mọi ngã mạn,6 được tịch tịnh, giải thoát? Này Rãhula, phàm sắc gì thuộc quá khứ, hiện tại9 vị lai; hoặc nội hay

ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, vị ấy thấy như thật tất cả các sắc với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi? cái này không phải là tôi? cái này không phải tự ngã của t6i.” Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ. Này Rãhula, phàm thọ gì... phàm tưởng gì... phàm hành gì... phàm thức gì thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần9 vị ấy thấy như thật tất cả các thức với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i.” Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ. Này Răhula, do biết như vậy9 thấy như vậy mà trong thân thể có thức này và trong tất cả tướng ở ngoài, tâm đã viễn ly được ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt khỏi các ngã mạn, được tịch tịnh,, giải thoát.

6 Nghĩa là sự quyết định các giá trị, so sánh ngã với các ngã khác.

19. TƯƠNG ƯNG LAKKHANA (LAKKHANASAMYUTTA)

I. PHẨM THỨ NHẤT (PATHAMAVAGGA)

I. KINH Bộ XƯƠNG (Afthisutta)1 (S. II. 254) 202. Như vầy tôi nghe. Một thòi, Thế Tôn trú ở Rặjagaha (Vương Xá)? VèỊuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Lakkhana2 và Tôn giả Mahãmoggallãna trú ở Gijjhakuta (núi Linh Thứu). Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát? đi đến Tôn giả Lakkhana; sau khi đến9 nói với Tôn giả Lakkhana: Chúng ta hãy cùng di, này Hiền giả Lakkhana. Chúng ta hãy đi vào Rajagaha đe khất thực. Thưa vâng, Hiền giả. Tôn giả Lakkhana vâng đáp Tôn giả Mahãmoggallãna. Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna khi đi từ Gijjhakuta bước xuống, đi ngang qua một chỗ5 liền mỉm cười. Rồi Tôn giả Lakkhana nói với Tôn giả Mahãmoggallãna: Này Hiền giả Moggallãna, do nhân gì, do duyên gi, Hiền giả lại mỉm cười? —Này Hiền giả Lakkhana, không phải thời là câu hỏi ấy. Trước mặt Thế Tôn, hãy hỏi tôi câu hỏi ây. Rồi Tôn giả Lakkhana và Tôn giả Mahãmoggallãna sau khi đi khất thực ở Rặjagaha xong, sau bữa ăn? trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Lakkhana nói với Tôn giả Mahãmoggallãna: —Ở dây, Tôn giả Mahãmoggallãna khi từ Gijjhakuta bước xuống, đi ngang qua một chỗ, liền mỉm cười. Này Hiền giả Moggallãna, do nhân gì, do duyên gì, Hiền giả lại mỉm cười?

1 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.508. 0135a08).

2 Đây là một Thượng tọa trong 1.000 vị bện tóc được đức Phật tế độ khi 3 anh em Kassapa nghe đức Phật thuyết pháp.

Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakuta bước xuống, tôi thấy một bộ xương (atthikasankhalika) đang đi giữa hư không. Các con kên kên9 các con quạ, các con chim ưng đuổi theo nó5 cắn mổ xương sườn nó, cắn xé nó5 và nó kêu lên những tiếng kêu đau đớn. Này Hiền giả? tôi suy nghĩ như sau: "Thật kỳ lạ thay! Thật kỳ lạ thay! Một kẻ có tên như vậy lại trở thành một chủng sanh như vậy. Một kẻ có tên như vậy • trở thành một lại ••dạ-xoa như vậy. Một kẻ có tên như vậy • trở thành một •ụ lại tự •• ngã như vay." Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Sông với như thực nhãn, này các Tỷ-kheo, là các đệ tử. Thật sông với như thực trí, này các Tỷ-kheo, là các đệ tử. Vì rằng một đệ tử sẽ biết, hay sẽ thấy, hay sẽ chứng thực như vậy. Xưa kia, này các Tỷ-kheo, Ta đã thây chúng sanh ây nhưng Ta không có nói. Nếu Ta có nói, các người khác cũng không tin Ta. Và những ai không tin Ta, những người ây sẽ bị bât hạnh, đau khô lâu dài. Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một đồ tể giết trâu bò (go^hãtakă) ở Rậjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thục, sau khi bị nung nâu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm? nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuân thục còn lại, người đó cảm thọ một tự ngã như vậy. II. KINH ĐỐNG THỊT (Pesisutta)3 (5. II. 256) 203. Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakuta bước xuống9 tôi thấy một đống thịt đang đi giữa hư không. Các con kên kên, các con quạ, các con chim ưng đuổi theo nó, cắn mổ

nó, căn xé nó, và nó kêu lên tiếng kêu đau đớn... Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo? là một đồ tể giết trâu bò... III. KINH KHẤT THỰC (Pindasutta)4 (S. II. 256) 204. Ở đây5 này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakuta bước xuống, tôi thấy một miếng thịt đang đi giữa hư không... đau đớn... Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo9 là một kẻ săn chim ở Rậjagaha... IV. KINH KHÔNG CÓ DA (Nicchavisutta)5 (5. II. 256) 205. Ở dây, này Hiền giả... tôi thấy một bị da... cắn mổ nó, cắn xé nó, và nó kêu lên những tiếng kêu đau đớn... Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một người đồ tể giết dê ở tại Rajagaha này...

3 Bản tiếng Anh của PTS: Cattle-butcher, nghĩa là Đồ tể giết trâu bò. Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.509. 0135bl2). Goghãtaka'. Đồ tể. 4 Pỉnda còn có nghĩa là một miếng hay vắt (thực phẩm đặt bát cho vị khất thực). Bản tiếng Anh của PTS: Morsel and Fowler, nghĩa là Miếng thịt và kẻ bắt chim. Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.519. 0137a07); Tạp.(7.02. 0099.510. 0135bl7); Tạp.(02. 0099.518. 0136c26). 5 Bản tiếng Anh của PTS: The Flayed Sheep-butcher, nghĩa là Người giết dê bị ỉột da. Tham chiếu: Tạp. (r.O2. 0099.517. 0136C16).

V KINH NGƯỜI GIẾT HEO VỚI ĐAO KIẾM (Asilomasutta)6789(S. II. 257) 206. Ở đây, này Hiền giả? khi tôi từ Gijjhakuta bước xuống, tôi thấy một người với lông bằng đao kiếm đang đi giữa hư không. Các đao kiếm ấy tiếp tục đứng dựng lên và rơi xuông trên thân người ây, và người ây kêu lên những tiếng kêu đau đớn... Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một người giết heo ở tại Rậjagaha này... VI. KINH CÂY LAO (Sattisutta)1 (5. IL 257) 207. Ở dây, này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakuta bước xuống, tôi thấy một người với lông bằng các cây lao đang đi giữa hư không. Những cây lao ấy tiếp tục đứng dựng lên và rơi xuông trên thân người ây, và người ây kêu lên những tiếng kêu đau đớn... -Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo5 là một người thợ săn thú ở tại Rặjagaha này... VII. NGƯỜI LÔNG MŨI TÊN (Usulomasuttăỷ (S. II. 257) 208. Ở đây5 này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakuta bước xuống, tôi thấy một người với lông bằng các mũi tên đang đi giữa hư không. Những mũi tên ấy tiếp tục đứng dựng lên và rơi xuống trên thân người ấy, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn... Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo? là một người tra tấn ở tại Rậịagaha này... VIII. KINH LÔNG TÓC BẰNG KIM ỤSũcilomasuttaỷ (S. II. 257) 209. — Ở đây; này Hiền giả5 khi tôi từ Gijjhakuta bước xuống, tôi thấy một người với lông bằng những cây kim đang đi giữa hư không... -Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một người điều phục các loài thú10 ở tại Rặjagaha này... IX. KINH LÔNG TÓC BẰNG KIM THỨ HAI (Dutiyasũcilomasutta)11 (5. II. 257) 210. -Ở đây, thưa Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakuta bước xuống, tôi thấy một người với lông bằng những cây kim đang đi giữa hư không. Các cây kim ấy đâm vào đầu và ra khỏi miệng người ấy. Chúng đâm vào miệng và ra khỏi ngực người ấy. Chúng đâm vào ngực và ra khỏi bụng người ây. Chúng đâm vào bụng và ra khỏi băp vê của người ây. Chúng đâm vào băp

6 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.511. 0136a20). 7 Bản tiếng Anh của PTS: Javelin-deer-hunter, nghĩa là Người săn nai với cầy lao. Tham chiếu: Tạp. (r.02. 0099.513. 0136ỒO7). 8 Bản tiếng Anh của PTS: Arrow-judge, nghĩa là Người tra tấn với

mũi tên. 9 Sũcỉloma chỉ cho một loại phi nhân có tóc, lông bằng cây kim. Bản tiếng Anh của PTS: Sharp-point- driver, nghĩa là Người đảnh xe với cây kim. Tham chiêu: Tạp.(T.02. 0099.514. 0136Ồ18). 10 Chủ giải viết là sũta thay cho sũcako, nghĩa là người huấn luyện ngựa. 11 Bản tiếng Anh của PTS: The Spy, nghĩa là Người do thảm.

vế và ra khỏi cổ chân của người ấy. Chúng đâm vào cổ chân và ra khỏi bàn chân của người ây. Và người ây kêu lên những tiêng kêu đau đớn... Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo? là một gián điệp12 ở tại Rậjagaha này... X. KINH HÒN DÁI TO NHƯ CÁI BÌNH (Kumbhanậasutta)13 (5. II. 258) 211. - Ở dây, này các Tỷ-kheo? khi tôi từ Gijjhakuta bước xuống, tôi thấy một người với hòn dái lớn đang đi giữa hư không. Khi đang đi, người ấy mang hòn dái trên vai mà đi. Khi ngồi? người ấy ngồi trên hòn dái ấy. Và các con chim kên kên? chim quạ9 chim ưng đuổi theo người ấy để cắn mổ, cắn xé, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn... Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo? là một phán quan ở Rặjagaha này...

12 SA. II. 221: Sũcakotỉpesunnakãrako, người nói hai lưỡi. 13 Xem DA. III. 964. Chủ giải: Người ăn hối lộ, tham nhũng nên có quả báo chỗ kín bị đau. Bản tiếng Anh của PTS: The Corrupt Judge, nghĩa là Phản quan tham nhũng.

II. PHẢM THỨ HAI (DUTIYAVĂGGA)

I. KINH NGẬP QUA ĐÀU (Sasĩsakasutta)^ (S. II. 259) 212. Như vầy tôi nghe. Một thòi, Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá), VeỊuvana (Trúc Lâm)... -Ở dây, này Hiền giả. khi tôi từ Gijjhakuta bước xuống, tôi thấy một người với đầu chìm trong hố phân... Chúng sanh ây, này các Tỷ-kheo, là một ngưòd thông dâm ở tại Rặjagaha này... II. KINH KẺ ẢN PHÂN (Gũthakhãdasutta)14 15 (5. II. 259) 213. - Ở dây, này Hiền giả, khi toi từ Gijjhakuta bước xuống, tôi thấy một người chìm trong hố phân, ăn phân bằng hai tay... Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo? là một Bà-la-môn tại Rajagaha này. Khi bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa đang giảng dạy5 người ấy mời chúng Tỷ-kheo dùng cơm. Rồi người ấy lấy một cái gáo đựng đây phân và nói: "Ôi, mong các Tôn giả ăn cho tận kỳ thỏa thích và mang V!" III. KINH NGƯỜI PHỤ NỮ BỊ LỘT DA (Nicchavitthisutta)1617 (5. II. 259) 214. - Ở dây, này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakuta bước xuống, tôi thấy một phụ nữ bị lột da đang đi giữa hư không. Các con chim kên kên, các con quạ, các con chim ưng đuổi theo để cắn mổ? rứt xé người ấy, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn... Người phụ nữ ấy, này các Tỷ-kheo? là một người gian phụ ở Rajagaha này... IV KINH NGƯỜI PHỤ NỮ CÓ NƯỚC DA VÀNG VỌT (Manguỉitthisuttaỵ1 (S ìl. 260) 215. — Ở đây, này Hiền giả? khi tôi từ Gijjhakuta bước xuống, tôi thấy một người phụ nữ hôi hám, xấu xí đang đi giữa hư không. Các con chim kên kên? các con quạ, các con chim ưng đuổi theo để cắn mổ, íứt xé người ấy, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn...

14 Tham chiếu: Mại sắc kinh (T.02. 0099.523. 0137bl2). Bản tiếng Ạnh của PTS: The Adulterer Sunk in the Pit, nghĩa là Kẻ thông dâm bị chìm trong hố. Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.523. 0137bl2). 15 Bản tiếng Anh của PTS: The Dung-eatỉng Wicked

Brahmin, nghĩa là Bà-la-môn tà ác ăn phân. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.525. 0137c 19). 16 Bản tiêng Anh của PTS: The Flayed Adulteress, nghĩa là Gian phụ bị lột da. Tham chiếu: Tạp. (7.02. 0099.522. 0137b04). 17 BẬn tiếng Anh của PTS: Ugly Woman, Fortune-teller, nghĩa là Người phụ nữ xấu xí bói toán. Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.520. 0137a07).

Người phụ nữ ấy, này các Tỷ-kheo5 là một người bói toán18 ở chính Rậjagaha này... V. KINH NGƯỜI ĐÀN BÀ TUNG RẢI (Okilinĩsutta)19 (5. II. 260) 216. - Ở đay, này Hiền giả, khi toi từ Gijjhakuta bước xuống, tôi thấy một người đàn bà cằn cỗi5 khô héo, dính đầy than mồ hóng, đang đi giữa hư không... người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn... -Người đàn bà ấy, này các Tỷ-kheo5 là đệ nhất phu nhân của vua xứ Kaliốga. Bà ta vì ghen tức nên đã đổ lò than hồng lên trên một vương nữ khác20... VI. KINH THÂN NGƯỜI KHÔNG CÓ ĐẦU (Asĩsakasutta)2i (5. II. 260) 217. - Ở đây, này Hiền giả? khi tôi từ Gijjhakuta bước xuống, tôi thấy một cái thân không đâu đi giữa hư không. Con măt và miệng thời ở trên ngực. Các con chim kên kên, các con quạ? các con chim ưng đuổi theo để cắn mổ, rứt xé người ấy5 và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn... Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một người ăn cướp tên là Hãrika ở tại Rặịagaha... VII. KINH ÁC TỶ-KHEO (Pãpabhikkhusutta)22 (S. II. 260) 218. - Ở dây, này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakuta bước xuống, tôi thấy một Tỷ-kheo đi giữa hư không. Y Tăng-già-lê (Thượng y) của vị ây bị cháy đỏ? cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái bát cũng bị cháy đỏ5 cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái nịt cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Thân cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Và vị ấy thốt lên những tiếng kêu đau đớn... -Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo5 là một ác Tỷ-kheo trong thời bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa đang thuyết pháp... Vin. KINH ÁC TỶ-KHEO-NI (Pãpabhikkhunĩsutta)23 (S. II. 261) .. 219.. tôi thấy một Tỷ-kheo-ni đi giữa hư không. Y Tăng-già-lê của vị ấy bị cháy đỏ... ... là một ác Tỷ-kheo-ni...

18 Chủ giải: Nhận hương hoa lừa dối người, nói với người này người kia: í4Ngươi sẽ trở nên giàu c6", nay ngữời ấy trở thành hôi hám. 19 Xem Vin. IIL 107, 273. Bản tiếng Anh của PTS: The Dried-up Woman, Scatterer of Coals over One of Her Fellows, nghĩa là Người đàn bà khô gầy rải than đỏ lên một người đàn bà khác. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.524. 0137c09). 20 Đây là một vũ nữ xoa bóp làm hài lòng vua. 21 Bản tiếng Anh của PTS: The Headless Man, the Bandit, nghĩa là Kẻ trộm cướp đứt đầu. Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.517. 013ÓC16). 22 Bản tiếng Anh của PTS: The Almsman, nghĩa là Tỷ-kheo. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.530. 0138bl7). 23 Bản tiếng Anh của PTS: The Almswoman, nghĩa là Tỷ-kheo-nỉ. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.530. 0138bl7).

IX. KINH ÁC HỌC PHÁP NỮ (Pãpasikkhamãnasutta)24 (5. II. 261) 220.. .. tôi thấy một Học nữ đỉ giữa hư không. Y Tăng-già-lê của vị ấy bị cháy... ... là một ác Học nữ... X. KINH ÁC SA-DI (Pãpasãmanerasutta)25(y II. 261) 221.. .. tôi thấy một Sa-di đi giữa hư không... Y Tăng-già-lê của vị ấy bị cháy... là một ác Sa-di... XI. KINH ÁC SA-DI-NI

(Pãpasãmanerĩsutta)26 (5. II. 261) 222. Ở đây5 này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakuta bước xuống, tôi thấy một Sa-di-ni đi giữa hư không. Y Tăng-già-lê (Sanghãtí) của vị này bị cháy đỏ5 cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Bình bát cũng bị cháy đỏ? cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái nịt cũng bị cháy đỏ? cháy đỏ rực, cháy đỏ n^ọn. Thân cũng bị cháy đỏ5 cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Vị ấy thốt lên những tiêng kêu đau đớn. Này Hiền giả? tôi suy nghĩ như sau: "Thật kỳ lạ thay, thật ít có thay! Một kẻ có tên như vậy lại trở thành một chúng sanh như vậy. Một kẻ có tên như vậy trở thành một dạ-xoa như vậy. Một kẻ có tên như vậy lại trở thành một tự ngã như V0' Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Sông với như thực nhãn5 này các Tỷ-kheo5 là các đệ tử. Sông với như thực trí, này các Tỷ-kheo, là các đệ tử. Vì rằng, một đệ tử sẽ biết, hay sẽ thấy, hay sẽ chứng thực như vậy. Xưa kia, này các Tỷ-kheo5 Ta cũng thây Sa-di-ni ây, nhimg Ta không có nói. Nếu Ta có nói9 các người khác cũng không tin Ta. Và những ai không tin Ta, những người ấy sẽ bị bất hạnh, đau khổ lâu dài. Vị Sa-di-ni ấy, này các Tỷ-kheo5 là một ác Sa-di-ni trong thời bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa thuyết pháp. Do nghiệp của người đó thuần thục, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm5 nhiều trăm năm5 nhiều ngàn năm5 nhiều trăm ngàn năm, và với quả thuần thục còn lại, người đó cảm thọ một tự ngã như vậy.

24 Bản tiếng Anh của PTS: The Sỉster-ỉn-traỉnỉng, nghĩa là Học nữ. 25 Bản tiếng Anh của PTS: The Novice, nghĩa là Sa-dỉ. 26 Bản tiếng Anh của PTS: The Woman-novice, nghĩa là Sa-dỉ-nỉ.

20. TƯƠNG ƯNG THÍ DỤ (OPAMMASAMYUTTA)

I. KINH CHÓP MÁI (Kũtasutta) (S II. 263) 223. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi (Xá-vệ)5 Jetavana (Kỳ-đà Lâm)5 tại vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn nói như sau: Ví như, này các Tỷ-kheo, một ngôi nhà có nóc nhọn cao (kũtãgãra). phàm có những cây kèo xa nào, tất cả chúng đều đi đến góc nhọn, đều quy tựa vào góc nhọn, đều châu đầu vào góc nhọn, tất cả chúng đều đâm đầu vào một gốc. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo. phàm có những bât thiện pháp nào, tât cả chúng đêu . lây r vô minh làm X • cội rê, đêu A Ẩ làm điêm tựa, đêu châu đâu vào vô lây vô minh minh, tât cả chúng đêu đâm đâu vào một gôc. Do vậy5 này các Tỷ-kheo? các ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ sống không phóng dật.,, Như vậy, này các Tỷ-kheo? các ông cần phải học tập.

II. KINH ĐÀU MÓNG TAY (NakhasikhasuttaỊ (5. II. 263) 224. Trú ở Sãvatthi. Rồi Thế Tôn lấy một ít đất trên đầu móng tay và nói với các Tỷ-kheo: -Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Cái gì nhiều hơn, chút đất này Ta lấy trên đầu móng tay, hay quả đất lớn này? Cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là quả đất lớn này và ít hơn là chút đât mà Thê Tôn lây trên đâu móng tay. Không thê đi đên ước tính, không thê đi đên so sánh, không thê đi đên một vi phân, khi so sánh quả đât lớn với chút đât ma The Ton lây trên đâu móng tay. —Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 rất ít là chúng sanh được tái sanh làm người. Còn rất nhiều là những chúng sanh phải tái sanh ra ngoài loài người. Do vậy? này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ sống không phóng dật.,, Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

1 Tham Chieu: 7(zp.(T.02. 0099.442. 0144a21); Tạp.(7.02. 0099.1256. 0235a01); Tạp A-hàm kỉnh (7.02.0101.22. 0498al5).

490 « KINH TƯƠNG ƯNG Bộ II. THIÊN NHÂN DUYÊN

III. KINH GIA ĐÌNH (Kuỉasutta)2 (S II. 263) 225. Trú ở Sãvatthi... —Ví như, này các Tỷ-kheo, những gia đình nào có nhiều phụ nữ và ít đàn ông, thời những gia đình ấy rất dễ bị các đạo tặc, trộm ghè34não hại. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào không tu tập từ tâm giải thoát, không làm chó sung mãn, thời vị ấy dễ bị phi nhân não hại. Ví nhu, này cảc Tỷ-kheo, những gia đình nào có ít phụ nữ và nhiều đàn ôngị thời gia đình ấy khó bị các đạo tặc, trộm ghè não hại. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo nào tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mn, thời vị ấy rất khó bị phi nhân não hại. Do vậy, này các Tỷ-kheo? các ông cần phải học tập như sau: "Chiing tôi sẽ tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo5 thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng." Như vậy9 này các Tỷ-kheo, các ông cân phải học tập. IV. KINH CÁI NỒI (Okkhãsuttaỹ (5. IL 264) 226. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, ai vào buôi sáng bô thí một trăm cái nôi, ai vào buôi trưa bố thí một trăm cái nồi, hay ai vào buổi chiều bố thí một trăm cái nồi; và ai buổi sáng chỉ trong thời gian bóp vú sữa con bò một lần5 [trong nháy mắt]5 tu tập từ tâm giải thoát hay ai buôi trưa chỉ trong thời gian bóp vú sữa con bò một lân [trong nháy mat], tu tập từ tâm giải thoát; hay ai buôi chiều chỉ trong thời gian bóp vú sữa con bò một lần [trong nháy mắt], tu tập từ tâm giải thoát; sự việc này đối với sự việc trước, quả có lớn hơn. Do vậy, này các Tỷ-kheo5 các ông cân phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suôt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng.” Như vậy5 này các Tỷ-kheo, các ông cân phải học tập. V. KINH CÂY LAO (Sattisutta)67(S II. 265) 227. Trú ở Sãvatthi... Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một cây lao có lưỡi sắc bén, rồi một người đến và nói: "Với tay hay với năm tay, tôi sẽ bẻ gập đôi lưỡi săc bén của cây lao này, tôi sẽ đánh phía cạnh cho nó quặp dài lại5 tôi sẽ uốn cong nó lại.”7

2 Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.1254. 0344c06). 3 SA. II. 224: Những người ăn trộm giấu đèn trong cái ghè khi đột nhập vào nhà. 4 Tham chiếu: Tạp. B (7.02.0099.1253.0344Ồ25). ' 5 SA. II. 224: Gadduhanamattantỉ goduhanamattam. Gadduhanamatta có nghĩa là khoảng thời gian vắt sữa bò. 6 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1255. 0344c 17). 7 Patỉleníssãmỉpatikottissamipatỉvattessãmĩ. SA. IL 224: Ba cách làm là gấp đôi lưỡi kiếm, gấp đôi lưỡi kiếm theo chiều dọc và cuộn tròn lại.

Này các Tỷ-kheo5 các ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể với tay hay nắm tay bẻ gập đôi lưỡi săc bén của cây lao này, đánh phía cạnh cho nó quặp dài lại? uôn cong nó lại không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Vì sao? Bạch Thế Tôn, không dễ gì với tay hay nắm tay bẻ gập đôi lưỡi sắc bén của cây lao này, đánh phía cạnh cho nó quặp dài lại5 uốn cong nó lại mà không khiến chó người ấy mệt nhọc và bị não hại. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? khi một ai [yị Tỷ-kheo] tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suôt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng, thời một phi nhân nào nghĩ rằng, có

thể đánh ngã một tâm như vậy, kẻ phi nhân ấy ở đây sẽ mệt nhọc và bị não hại. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn5 thành thạo, thông suôt9 điêu luyện, thiện xảo^ vững vàng.^ Như vậy, này các Tỷ-kheo5 các ông cần phải học tập. VI. KINH NGƯỜI BẮN CUNG (Dhanuggahasuttăỷ (5. II. 265) 228. Trú ở Săvatthi... Ví nhu, này các Tỷ-kheo, bốn người bắn cung dõng mãnh5 lão luyện, thuần tay, thiện xảo về cung thuật đứng tại bốn phương. Rồi một người đến và nói rằng: "Ta sẽ nắm bắt và đem lại những mũi tên được bắn đi bốn phương trước khi chúng rơi xuống đất, do bốn người bắn cung này bắn di, những người dõng mãnh, lão luyện, thuân tay, thiện xảo về cung thuật.„ -Này các Tỷ-kheo5 các ông nghĩ thế nào? Như vậy có vừa đủ chăng để gọi người nhanh nhẹn ấy đầy đủ với sự nhanh nhẹn tôi thượng? -Bạch Thế T6n, nếu chỉ từ một n^ười bắn cung dõng mãnh, lão luyện, thuân tay, thiện xảo vê cung thuật có thê năm băt và đem lại một mũi tên được bắn di, như vậy là vừa đủ đễ gọi người nhanh nhẹn ấy đầy đủ với sự nhanh nhẹn tối thượng, còn nói gì từ bốn người bắn tên, dõng mãnh, lão luyện, thuần tay, thiện xảo vê cung thuật! -Và như vậy9 này các Tỷ-kheo, là sự nhanh nhẹn của người ấy; và như vậy, sự nhanh nhẹn của mặt trăng, mặt trời còn nhanh hơn sự nhanh nhẹn trước. Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự nhanh nhẹn của người ấy, và như vậy là sự nhanh nhẹn của mặt trăng, mặt trời; và như vậy là sự nhanh nhẹn của các chư thiên chạy trước mặt trăng, mặt trời. Còn nhanh nhẹn hơn là sự biên diệt của thọ hành89 [thọ mạng của các sự vật]. Do vậy5 này các Tỷ-kheo, các ông cân phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ sống không phóng dật/5

8 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1257. 0345al2). , 9 SA. II. 227 viết ãyusankhãrãtL nghĩa là 44thọ hành„? những thứ vật chất của cuộc sống, những thứ vô hình trôi qua quá nhanh cho bât kỳ tính toán nào.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. VIL KINH CÁI CHỐT TRỐNG (Ảnisutta)^ (5. II. 266) 229. Trú ở Sãvatthi... Thuở xưa, này các Tỷ-kheo? dân chúng Dasãrahã có một cái trống tên là Ãnaka.10 1112 Khi cái trống Ãnaka bắt đầu nứt ra, dân chúng Dasãrahã đóng vào một cái chốt khác. Cho đến một thời gian, này các Tỷ-kheo5 cả cái thùng ván của trống Ãnaka biến mất và chỉ còn lại những cái chốt tụ tập lại. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? là những Tỷ-kheo sẽ thành trong tương lai. Những bài kinh nào do Như Lai thuyêt, thâm sâu9 nghĩa lý thâm diệu, xuât thế gian, liên hệ đến tánh không, họ sẽ không nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng; họ sẽ không lón^ tai; họ sẽ không an trú chánh tri tam; và họ sẽ không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải thấu đáo. Còn những bài kinh nào do các thi sĩ làm, những bài thơ với những danh từ hoa mỹ? với những câu văn hoa mỹ? thuộc ngoại điển, do các đệ tử thuyết giảng, họ sẽ nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng; họ sẽ lóng tai; họ sẽ an trú chánh tri tâm; và họ sẽ nghĩ rằng, các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải học thấu đáo. Như vậy5 này các Tỷ-kheo? các kinh do Như Lai thuyết, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến tánh không, sẽ đi đến tiêu diệt. Do vậy, này các Tỷ-kheo5 các ông cân phải học tập như sau: "Những bài kinh nào do Như Lai thuyết

giảng, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến tánh không, chúng tôi sẽ nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng; chúng tôi sẽ lóng tai; chúng tôi sẽ an trú chánh tri tâm; và chúng tôi sẽ nghĩ rằng, các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải học thấu âảo^ Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. VIII. KINH CỎ RƠM (Kaỉingarasutta)n (5. II. 267) 230. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Vesăli (Tỳ-xá-ly), Mahãvana (Đại Lâm)? Kũtãgãrasãlã (Trùng Các giảng đường). Ở dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! Thưa vâng, bạch Thế Tôn. r _ . . ĩ _ Các vị Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Ton nói như sau: Sống trên các gối rơm, này các Tỷ-kheo, là lối sống hiện nay của dân chúng Licchavi, không phóng dật, nhiệt tâm trong nhiệm vụ. Ajãtasattu? con bà

10 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1258. 0345b01). 11 Ânaka: Đồ vật được dùng để hiệu triệu mọi người vân tập. Xem J. II. 70; IV. 171, 256. 12 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1252. 0344b06).

Videhi, vua nước Magadha, không có được cơ hội? không có được đối tượng [để xâm lăng]. Trong tương lai? này các Tỷ-kheo, dân chúng Licchavi trở thành nhu nhược, tay chân mềm mỏng. Họ nằm trên những đồ nằm mềm mại. Họ ngủ cho đến mặt trời mọc trên những gối bông. Ajatasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha sẽ nắm được cơ hội5 sẽ nắm được đối tượng [để xâm lăng]. Sống trên các gối rơm, này các Tỷ-kheo, là nếp sống hiện nay của các Tỷ- kheo, khônệ phóng dật, nhiệt tâm trong các nỗ lực. Ác ma không có cơ hội, không có đôi tượng [đê xâm lăng]. Trong tương lai, này các Tỷ-kheo5 các Tỷ-kheo sẽ trở thành nhu nhược, tay chân mềm mỏng. Họ nằm trên những đồ nằm mềm mại. Họ ngủ cho đến mặt trời mọc trên những gối bông. Ác ma sẽ nắm được cơ hội, sẽ nắm được đối tượng [để xâm lăng]. Do vậy, này các Tỷ-kheo5 các ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ sống trên những gối rơm, không phóng dật, nhiệt tâm trong nỗ Iịtc.” Như vậy5 này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

IX. KINH VOI (Nãgasutta)13 (S II. 268) 231. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi, tại Jetavana, trong vườn ông Anãthapindika. Lúc bây giờ? một vị tân Tỷ-kheo đi đên các gia đình quá nhiêu thì giờ. Các Tỷ"kheo nói với Tỷ-kheo ấy: -Tôn giả chớ có đi đên các gia đình quá nhiêu thì giờ. Được nghe nói vậy, vị Tỷ-kheo ấy nói: Những Tỷ-kheo trưởng lão này nghĩ rằng5 họ có thể đi đến các gia đình. Sao không phải ta? Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Ton... rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ây bạch The Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn, có người tân Tỷ-kheo đi đến các gia đình quá nhiều thì giờ. Các Tỷ-kheo nói với Tỷ-kheo ấy: "Tôn giả chớ có đi đến các gia đình quá nhiều thì giỒL” Được các Tỷ-kheo nói vậy, Tỷ-kheo ấy nói: "Những trưởng lão Tỷ-kheo này nghĩ rằng, họ có thể đi đến các gia đình. Sao không phải ta?" Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, gần một hồ nước lớn, tại một khu rừng, các con voi sống ở đấy. Chúng lặn xuống hồ, lấy vòi nhổ lên các củ và rễ sen, rửa chúng thật sạch? làm cho chúng sạch bùn rồi ăn chúng. Nhờ vậy? các con voi ấy được dung sắc và sức mạnh, và không vì nhân duyên ấy những con voi đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết. z e r Được huân luyện theo các con voi lớn ây5 này các Tỷ-kheo, các con voi

13 Tham chiếu: Tạp.(T.Q2. 0099.1083. 0284a05); Biệt Tạp.(T.02. 0100.22. 038ƠCÍ9).

trẻ và nhỏ lặn xuống hồ9 lấy vòi nhổ lên các củ và rễ sen, không rửa chúng thật sạch, không làm cho chúng sạch bùn rồi ăn chúng. Do vậy, các con voi ấy không được dung sắc và sức mạnh, và vì nhân duyên ấy những con voi ấy đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết. Cũng vậy, này các Tỷ-kheOj ở đây, các trưởng lão Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát5 đi vào làng hay thị trấn để khất thực. Tại dấy, họ thuyết pháp. Các gia chủ hoan hỷ làm bôn phận của mình với các vị ây. Các Tỷ-kheo ây thọ dụng các lợi đắc, không tham trước, không say đăm, không phạm tội, thây sự nguy hiểm, hiểu sự xuất ly với trí tuệ. Nhờ vậy, các Tỷ-kheo ấy được dung sắc và sức mạnh, và không vì nhân duyên ây họ đi đến chêt hay đi đến đau khô gần như chết. Nhưng này các Tỷ-kheo, được huấn luyện theo các trưởng lão Tỷ-kheo, các tân Tỷ-kheo, vào buôi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào làng hay thị trấn để khất thực. Tại đấy, các vị thuyết pháp. Cảc gia chủ hoan hỷ làm bổn phận của mình. Các Tỷ-kheo ấỹ thọ dụng các lợi dắc, thám trước, say dắm, phạm tộỉ, không thấy sự nguy hiểm, không hiểu sự xuất ly với trí tuệ. Do vậy5 các Tỷ-kheo ấy không được dung sắc và sức mạnh, và vì nhân duyên ấy họ đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ thọ dụng các lợi (tóc, không tham trước, không say đắm, không phạm tội, thấy sự nguy hiểm, hiểu rõ sự xuất ly với trí tuệy Như vậy, này các Tỷ-kheo, cảc ông cần phải học tập. X. KINH CON MÈO (BiỊãrasuttd)^ (S II. 270) 232. Trú ở Sãvatthi. Lúc bấy giờ9 có Tỷ-kheo thường dùng quá nhiều thì giờ giữa các gia đình. Các Tỷ-kheo nói với vị ấy: "Tôn giả chớ có dùng quá nhiều thì giờ giữa các gia đình.^, Tỷ-kheo ấy được các Tỷ-kheo nói vậy, tâm không hoãn hỷ. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... và bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn, có Tỷ-kheo thường dùng quá nhiều thì giờ giữa các gia đình. Các Tỷ-kheo nói vơi vị ấy: "T6n giả chớ có dùng quá nhiều thì giờ giữa các gia dinh." Tỷ-kheo ấy được các Tỷ-kheo nói vậy, tâm không hoan hỷ. Thuở xua, này các Tỷ-kheo5 có con mèo đứng rình con chuột bên cạnh một đống rác tại một ống cống và nghĩ rằng: “Nếu có một con chuột nhắt nào đi kiếm ăn chạy ra9 ta sẽ bắt lấy và ăn thjt." Rồi này các Tỷ-kheo, có con chuột nhắt vì kiếm ăn chạy ra. Và con mèo ấy băt lấy nó, mau chóng hành động (sarìkharitvã) và nuốt nó. Nhưng con chuột nhăt ây căn ruột5 căn phủ tạng con mèo. Do nhân duyên ây, con mèo đi đến chêt hay đi đến đau khổ gần như chết.*

14 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1260. 0345c07).

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo^ ở đây, một số Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào làng hay thị trấn để khất thực, thân không phòng hộ, lời nói không phòng hộ5 tâm không phòng hộ, niệm không an trú, các căn không chế ngự.

đáo. Sau khi các vị ấy thấy các phụ nữ mặc không đứng đắn, hay mặc khôn^ kín đáo9 tham dục não hại tâm. Các vị ây bị tham dục não hại tâm, đi đến chêt hay đi đến đau khổ gần như chết.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Phòng hộ thân, phòng hộ lời nói5 phòng hộ tâm, an trú chánh niệm, chế ngự các căn5 chúng tôi sẽ đi vào làng hay thị trấn để khất thỊTC." Như vậy9 này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

XI. KINH CON DÃ CAN (Singãỉasuttay5 (S II. 271) 233. Trú ở Sãvatthi... Các ông có nghe chăng, này các Tỷ-kheo, trong ban đêm khi trời gân sáng, con dã can (chó rừng) đang tru lớn tiếng? Thưa có, bạch Thế Tôn. Đó là con dã can già, này các Tỷ-kheo? bị mắc bệnh ghẻ lở. Chỗ nào nó muốn di, chỗ nào nó muốn đứng, chỗ nào nó muốn ngồi, chỗ nào nó muốn nằm9 gió lạnh buốt thổi lên trên nó. Lành thay, này các Tỷ-kheo5 nếu ở đây có người nào, tự cho là Thích tử, lại có thể cảm thọ được một trạng huống tự ngã như vậy!1516 Do vậy? này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ không phong &t." Như vậy? này các Tỷ-kheo5 các ông cần phải học tập. XII. KINH CON DÃ CAN THỨ HAI (Dutìyasingãlasutta) (5. II. 272) 234. Trú ở Sãvatthi... Các ông có nghe chng, này các Tỷ-kheo5 trong ban đêm khi trời gần sáng, có con dã can tru lớn tiếng? -Thưa c6, bạch Thế Tôn. Rât có thê, này các Tỷ-kheo? trong con dã can già ây có nhiêu biêt ơn, có nhiều cảm tạ, hơn là ở đây trong một người tự xưng là Thích tử về biết ơn và về cảm tạ.

15 Tham chiếu: Tạp.(“02. 0099.1262. 0346a08). 16 SẢ. II. 231: Đây nói về Devadatta, trong đời sau không được tâm an lạc như con dã can này.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ biết ơn, cảm tạ. Dầu có chút ít gì làm cho chúng tôi, chúng tôi cũng không để cho mất di." Như vậy, này các Tỷ-kheo? các ông cần phải học tập.17

17 Chủ giải kể câu chuyện con dã can biết ơn. Con rắn được người nông dân cứu thoát lại tấn công người cứu noj còn con dã can cắn cái búa mang về cho người nông dân.

21. TƯƠNG ƯNG TỶ-KHEO (BHIKKHUSAMYUTTA)

I. KINH KOLITA (KoUtasutta)12(S. II. 273) 235. Như vầy tôi nghe. Một thòi, Thế Tôn ở Sãvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapinậika. Tại dây, Tôn giả Mahãmoggallãna (Đại Mục-kiên-liên) gọi các Tỷ-kheo: -Này các Hiền giả Tỷ-kheo. —Thưa vâng, Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahãmoggallãna. Tôn giả Mahãmoggallãna nói: Ở đây, này Hiền giả, trong khi tôi độc trú tĩnh cư, tâm tưởng tư duy như sau được khởi lên: "Thánh im lặng được gọi là Thánh im lặng. Thế nào là Thánh im]ặng?“ Rồi này các Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: UỞ đây, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.,, Như vậy gọi là Thánh im lặng. Rồi này các Hiền giả, tôi diệt tầm và tứ5 chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Này các Hiền giả, khi tôi an trú với sự an trú như vậy, các tưởng câu hữu với tầm, các tác ý hiện khởi và hiện hành. Rồi này các Hiền giả, Thế Tôn bằng thần thông đến với tôi và nói: "Moggallna, Moggallãna, chớ có phóng dật! Này Bà-la-môn9 đối với Thánh im lặng, hãy an trú tâm vào Thánh im lặng, hãy chú nhất tâm vào Thánh im lặng, hãy chú định tâm vào Thánh im lặng.,, Rồi này các Hiền giả, sau một thời gian, tôi diệt tầm và

tứ, chứng và trú vào Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Này các Hiền giả, nếu ai nói một cách chơn chánh, sẽ nói như sau: "Được bậc Đạo sư hỗ trợ, vị đệ tử chứng đạt đại thắng trí." Người ấy nói một cách chơn chánh, sẽ nói về tôi: uĐược bậc Đạo sư hỗ trợ? vị đệ tử chứng đạt đại thắng trí.”2

1 Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.501. 0132al3). 2 Theo Chủ giải, đức Phật hướng dẫn phương thức thiền định cho Tôn giả Moggallãna trong một tuần, nhờ đó Tôn giả đã chứng đắc tất cả 6 thần thông.

IL KINH UPATISSA (Upatissasutta) (S IL 274) 236. Trú ở Sãvatthi. Tại đấy, Tôn giả Sãriputta gọi các Tỷ-kheo: Này các Hiền giả Tỷ-kheo. Thưa vâng, Hiền giả. Các vị Tỷ^kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sãriputta. Tôn giả Sãriputta nói: Ở đây9 này các Hiền giả, trong khi tôi độc trú tĩnh cu, tâm tưởng tư duy như sau được khởi lên: "C6 cái gì trong đời khi bị biến hoại, trạng huống đổi khác, có thể khởi lên nơi ta sầu, bi, khổ5 ưu, no?” Rồi này các Hiền giả? tôi suy nghĩ: "Không co cái gì trong đời khi bị biến hoại, trạng huống đổi khác, có thể khởi lên nơi ta sầu5 bi, khổ5 ưu, não.n Khi được nghe nói vậy9 Tôn giả Ãnanda nói với Tôn giả Sãriputta: -Bậc Đạo sư, này Hiền giả Sãriputta, có cái gì trong đời khi bị biến hoại, trạng huông đôi khác, có thê khởi lên nơi Hiên giả sâu, bi, khô, ưu, não? Bậc Đạo su, này Hiền giả Ananda, không có cái gì trong đời khi bị biến hoại? trạng huống đổi khác, có thể khởi lên nơi ta sầu, bi, khổ, ưu, não. Nhưng ta có thể suy nghĩ: "Mong rằng bac Đại Thế Lực, bậc Đạo Sư có đại thần thông, có đại uy lực chớ có biến diệt! Nếu bậc Thế Tôn ấy an trú lâu dài, thời như vậy thật là hạnh phúc cho quân sanh, thật là an lạc cho quân sanh, vì lòng từ mẫn cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc? vì an lạc cho chư thiên và loài nguôi." -Như vậy? đối với Tôn giả Sãriputta, ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, tùy miên được khéo đoạn trừ đã lâu ngày. Do vậy, đối với Tôn giả Sãriputta, dầu cho bậc Đạo sư có biến hoại, trạng huông có đôi khác, cũng không khởi lên sâu, bi, khô5 ưu, não. III. KINH CÁI GHÈ (GhatasuttdÝ (S II. 275) 237. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi (Xá-vệ)5 Jetavana (Kỳ-đà Lâm)? tại vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bây giờ, Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Mahãmoggallãna cùng ở Rậjagaha (Vương Xá), VeỊuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc, chung một tinh xá. Rồi Tôn giả Sãriputta, từ chỗ độc cư thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahãmoggallãna; sau khi dến, nói lên với Tôn giả Mahãmoggallãna những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, bèn ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên? Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả Mahãmoggallãna: Này Hiền giả Moggallãna, các căn của Hiền giả thật là tịch tịnh; sắc mặt

3 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.503. 0132c08).

thật là thanh tjnh, trong sáng! Có phải hôm nay Tôn giả Mahãmoggallãna an trú với sự an trú tịnh lạc? Thưa Hiền giả, hôm nay tôi an trú với sự an trú thô thiển.4 Tôi có

được một cuộc pháp thoại. -Vớiai, Tôn giả Mahãmoggallãna có được một cuộc đàm luận về Chánh pháp? Thưa Hiền giả, tôi có một cuộc pháp thoại với Thế Tôn. Ở xa, thưa Hiền giả? là Thế Tôn. Hiện nay Thế Tôn ở Sãvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapiṇḍika. Có phải Tôn giả Mahãmoggallãna đi đến Thế Tôn bằng thần thông, hay Thế Tôn đi đến Tôn giả Mahãmoggallãna bằng thần thông? Thưa Hiền giả, tôi không đi đến Thế Tôn bằnẹ thần thông. Và Thế Tôn cũng không đi đến tôi bằng thần thông. Tôi như the nào, thời Thế Tôn được Thiên nhãn thanh tịnh, cả Thiên nhĩ như vậy. Thế Tôn như thế nào, thời tôi được Thiên nhãn thanh tịnh, cả Thiên nhĩ như vậy. Như thế nào là cuộc pháp thoại giữa Tôn giả Mahãmoggallãna với Thể Tôn? Ở đay? thưa Hiền giả5 tôi bạch với Thế Ton: "Bạc Thế Tôn, ở đây, tinh cần, tinh tấn (ãraddhavĩriyo). được gọi là tinh cần, tinh tấn. Như thế nào, bạch Thế T6n, là tinh cần, tinh tấn?" Khi được nghe nói vậy, thưa Hiền giả, Thế Tôn nói với tôi: “d đây, này Moggallãna, Tỷ-kheo sống tinh cần5 tinh tấn: 'Dầu cho da, dây gân và xương có khô héo, dầu thịt và máu có héo tàn trên thân tôi; cái gì có thể lấy sức lực của người, tinh tân của người, nô lực của người có thê đạt được; nêu chưa đạt được, thời tinh tấn sẽ không bao giờ dừng nghỉ/ Như vậy, này Moggallãna, là sự tinh cần, tinh tấn.” Như vậy? này Hiền giả, là cuộc pháp thoại giữa Thế Tôn và tôi. Ví như, này Hiền giả? một đống hòn sạn nhỏ đem đặt dài theo Hy-mã-lạp sơn, vua các loài núi. Cũng vậy, là chúng tôi được đem đặt dài theo Tôn giả Mahãmoggallãna. Mong rằng Tôn giả Mahãmoggallãna, bậc Đại thần thông, Đại uy lực5 nếu muốn hãy sống cho đến một kiếp. Ví như, này Hiền giả? một nắm muối nhỏ được đem đặt dài theo một ghè muối lớn. Cũng vậy, là chúng tôi được đem đặt dài theo Tôn giả Sãriputta. Tôn giả Sãriputta được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện xưng tán, tán thán, tán dương: Như vị Xá-lợi-phất9 về trí tuệ, giới luật, Và cả về tịch tịnh, Ông là bậc Đệ nhất,

4 Chủ giải\ Thể theo nghĩa thuộc sắc pháp, thuộc vật chất, so sánh với tâm pháp. Ngài Moggallãna tu tập Thiên nhãn và Thiên nhĩ thuộc thô pháp.

Tỷ-kheo đạt bỉ ngạn? Cũng là bậc Tối thượng. Như vậy? hai bậc Long tượng ây (Nãga) cùng nhau hoan hỷ5 tán thán trong câu chuyện khéo nói? khéo thuyết. IV KINH TÂN TỶ-KHEO (Navasutta)5 (S. IL 277) 238. Trú ở Sãvatthi. Lúc bấy giờ, một tân Tỷ-kheo sau khi đi khất thực, ăn xong, trên đường trở về5 đi vào tinh xá, rảnh rỗi, im lặng5 phân vân [không biết làm gi], không phụ việc với các Tỷ-kheo trong thời gian may y. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngôi xuống một bên, các Tỷ-kheo ây bạch Thê Tôn: - Ở đây, bạch Thế Tôn, có một tân Tỷ-kheo sau khi đi khất thực, ăn xong, trên đường trở về, đi vào tinh xá? rảnh rỗi, im lặng, phân vân [không biết làm gì]? không phụ việc với các Tỷ-kheo trong thời gian may y. Rồi Thế Tôn gọi một Tỷ-kheo: Hãy đến, này Tỷ-kheo9 nhan danh Ta, hãy gọi Tỷ-kheo ấy và nói: “Này Hiền giả, bậc Đạo sư cho gọi Hiền gi” Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn5 đi đến Tỷ-kheo kia; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo ấy: Thưa Hiền giả, bậc Đạo sư cho gọi Hiền giả. - Thưa vâng, này Hiền giả. Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tỷ-kheo kia5 đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống

một bên. Thế Tôn nói với Tỷ-kheo đang ngồi xuống một bên: Có thật chăng, này Tỷ-kheo, sau khi đi khất thực, ăn xong, trên đường trở về, sau khi vào tinh xá, ông rảnh rỗi5 im lặng, phân vân [không biết làm gì], không phụ việc với các Tỷ-kheo trong thời gian may y? Bạch Thê Tôn, con làm việc của con. Rồi Thế Tôn, với tâm của mình biết tâm Tỷ-kheo ấy, liền gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo? các ông chớ có bực phiền với Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này chứng được không có khó khăn (nikãmalãbhĩ). chứng được không có mệt nhọc, chứng được không có phiên phức bôn thiên thuộc tăng thượng tâm (ãbhicetasikãnam), hiện tại lạc trú. Vị ấy còn ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh mà vì mục đích này, con các lương gia chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

5 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1070. 0277c 19); Biệt Tạp.(7.02. 0100.9.0376al5).

Thế Tôn thuyết như vậy. Sau khi bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo
Sư lại nói thêm:
Kẻ sống buông thả này9
Kẻ ít nghị lực này?
Không thể đạt Niết-bàn?
Giải thoát mọi khổ đau.
Vị Tỷ-kheo trẻ này,
Là một n^ười tối thượng,
Chiến thăng ma quân678xong,
Thọ trì thân tối hậu.
V. KINH SUJATA (Sỉỹãtasuttay (5. II. 278) 239. Trú ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Siỳãta đi đến Thế Tôn. Thế Tôn thấy Tôn giả Sujata từ đằng xa đi đến; thấy vậy, liền gọi các Tỷ-kheo: -Cả hai phương diện, này các Tỷ-kheo5 thiện nam tử này thật sự chói sáng. Vị ấy đẹp trai, ưa nhìn? khả ái9 đầy đủ với nhan sắc tối thượng. Vị ấy còn ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh mà vì mục đích này, con các lương gia chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình. Thế Tôn nói như vậy... bậc Đạo Sư lại nói thêm: Tỷ-kheo này sáng ch6i, Với tâm tư chánh trực, Ly kiết sử, ly ách, Không chấp, không sanh lại5 Chiến thắng ma quân xong, Thọ trì thân tối hậu.

VI. KINH LAKUNDAKA BHADDIYA (Lakundakabhaddiyasuttdỷ (S. II. 279) 240. Trú ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Lakundaka Bhaddiya đi đến Thế Tôn. Thế Tôn thấy Tôn giả Lakundaka Bhaddiya từ xa đi đến; sau khi thấy? liền gọi các Tỷ-kheo: Các ông có thấy không, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kia đang đi đến, xấu xí, khó nhìn5 còm lưng, bị các Tỷ-kheo khinh miệt? - Thưa có, bạch Thế Tôn. Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, có đại thần thông, có đại uy lực. Thật không dễ gì đạt được sự chứng đắc mà trước kia vị Tỷ-kheo ấy chưa chứng đắc; và cả

6 Nghĩa đen là Ác ma và con vật Ác ma cưỡi. Xem Dh. V. 175. 7 Tham chiếu: Tạp,(7.02. 0099.1062. 0276a09); Biệt Tạp.(T.02. 0100.1. 0374a07). 8 Tham chiếu: Tạp. é (T.02. 0099.1063. 0276a22); Biệt .(T.02. 0100.2. 0374al9).

đến mục đích mà con một lương gia chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình. Tức vị ây còn ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, mà vì mục đích này5 con các lương gia chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thế Tôn thuyết như vậy. Sau khi bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Thiên nga, cò? chim, công, Vòi và nai có chấm, Tất cả sợ sư tử, Dầu thân không đồng đều. Cũng vậy, giữa loài người, Nếu kẻ có trí tuệ, ở đấy vị ấy lớn, Không như thân kẻ ngu. VII. KINH VISĀKHA(yỉsākhasuttăỷ (5. II. 280) 241. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Vesāli (Tỳ-xá-ly), tại Mahãvana (Đại Lâm)? chỗ Trùng Các giảng đường. Lúc bây giờ, Tôn giả Visākha, thuộc dòng họ Pafícãla? trong giảng đường đang thuyêt pháp thoại cho các Tỷ-kheo, khích lệ5 làm chophOn khởi, làm cho hoan hỷ với những lời lễ độ, thân hữu, không phun nước miếng, giải thích nghĩa lý thích hợp, không chấp trước. Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến giảng đường; sau khi đến5 ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, trong hội trường, ai đã thuyết giảng pháp thoại cho các Tỷ-kheo, khích lệ5 làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với những lời lễ độ, thân hữu, không phun nước miếng, giải thích nghĩa lý thích hợp, không chấp trước? -Bạch Thế Tôn? Tôn giả Visākha thuộc dòng họ Pancăla, trong hội trường, thuyết giảng pháp thoại cho các Tỷ-kheo, khích lệ? làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với những lời lễ độ5 thân hữu, không phun nước miếng, giải thích nghĩa lý thích hợp, không chấp trước. Rồi Thế Tôn cho gọi Tôn giả Visākha, thuộc dòng họ Pancãla và nói: - Lành thay, lành thay, Visākha! Lành thay, này Visākha! Ông thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo5 khích lệ? làm cho phấn khởi? làm cho hoan hỷ... không chấp trước. Thế Tôn thuyết như vậy. Sau khi bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

9 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1069. 0277Ồ28); Biệt Tạp.(T.02. 0100.8. 0375cl3).

Họ biết bậc Hiền triết, Khi vị này lẫn lộn? Với các kẻ ngu si, Dầu vị này không nói. Và họ biết vị ấy, Khi vị này nói len, Nói lên lời thuyết giảng, Liên hệ đến bất tử. Hãy đê vị ây nói, Làm sáng chói Chánh pháp. Hãy để vị nêu cao, Lá cờ các bậc Thánh, Lá cờ bậc Hiền Thánh, Là những lời khéo nói; Lá cờ bậc Hiền Thánh, Chính là lời Chánh pháp. VIII. KINH NANDA (Nandasuttã)w (5. II. 281) 242. Trú ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Nanda, con của Di mẫu của Thế Tôn? đắp những y khéo ủi, khéo là9 bôi vẽ mắt, cầm bát sáng chói đi đến Thế Tôn; sau khi đên? đảnh le The Ton roi ngôi xuong một ben. The Ton nói với Tôn giả Nanda đang ngồi xuống một bên: Như vậy là không xứng đáng cho ông, này Nanda, là con một lương gia, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại mang những y khéo ủi, khéo là, bôi vẽ con mắt và mang bát sáng chói. Như

vậy là xứng đáng cho ông, này Nanda? là con một lương gia, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đinh, sống không gia dinh, tức là sông trong rừng, sông đi khất thực, sông mặc áo phân tảo, và sống không mong đợi các dục vọng. Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Ta mong được nhìn thây, Nanda sống trong rừng, Mặc áo phấn tảo y, Sống với những đồ ăn, Biết là đã vứt bỏ? Không mong chờ dục vọng. Rồi Tôn giả Nanda, sau một thời gian, trở thành một vị sống trong rừng, ăn đồ ăn khất thực, mang y phấn tảo, không mong đợi các dục vọng.

10 Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.1067. 0277al0); Biệt Tạp.(02. 0100.5. 0374c29); Tăng. (r.02. 0125.18.6. 059U08).

IX. KINH TỈSSA (Tissasutta)n (S. II. 281) 243. Trú ở Sãvatthi. Tôn giả Tissa, cháu của Phụ vương của Thế T6n, đi đến Thê Tôn? đảnh lê Thê Tôn roi ngôi xuông một bên, khô đau? sâu muộn, nước mat tuôn chảy. Rôi The Tôn nói với Tôn giả Tissa: Này Tissa, vì sao ông ngồi khổ đau, sầu muộn, nước mắt tuôn chảy? Vì rằng, bạch Thế Tôn, các vị Tỷ-kheo nhất loạt mắng nhiếc và nhạo báng con. Vì rằng, này Tissa, ông nói tất cả và không kham nhẫn người khác nói.

Như vậy không xứng đánẹ cho ông? này Tissa, là con một lương gia? vì lòng tin xuất gia5 từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại nói tất cả và không kham nhẫn người khác nói. Như vậy là xứng đáng cho ông5 này Tissa, là con một lương gia, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia dinh, tức là đã nói và kham nhẫn người khác nói. Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Sao ông lại phẫn nộ? Chớ có nên phẫn nộ, Không phẫn nộ, Tissa, Thật tốt đẹp cho ông! Hãy nhiếp phục phẫn nộ5 Kiêu mạn và xan tham! Hỡi Tissa, hãy sống, Sống đời sống Phạm hạnh!

X. KINH THERANÃMAKA (Theranãmakasutta)11 i2 (5. II. 282) 244. Một thời, Thế Tôn trú ở Rậjagaha (Vương Xá)9 VèỊuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo tên là Theranãmaka (Tên Trưởng Lão) sống độc trú và tán thán hạnh sống độc trú. Vị ấy đi vào làng khất thực một mình, đi về một minh, ngồi vắng lặng một mình, đi kinh hành một mình. Rồi các Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, các Tỷ-kheo ây bạch Thê Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn, có Tỷ-kheo tên là Theranãmaka sống độc trú và tán thán hạnh sống độc trú... đi kinh hành một mình. Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo: - Này Tỷ-kheo, hãy đến5 hãy nhân danh Ta gọi Tỷ-kheo Theranâmaka: "Này Hiền giả Thera, bậc Đạo sư gọi Hiền gi - Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

11 Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.1068. 0277ỒO6); Biệt Tạp.(7.02. 0100.7. 0375b21). 12 Tham chiếu: Tạp. Ể (7.02. 0099.1071. 0278al2); Biệt Tạp.(r.02. 0100.10. 0376b04).

Tỵ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn rồi đi đến Tỷ-kheo Thera. Sau khi đến, Tỷkheo ấy nói với Tỷ-kheo Thera: Này Hiền giả Thera, bậc Đạo sư gọi Hiền giả. Thưa vâng, Hiền giả. Tôn giả Thera vân^ đáp Tỷ-kheo ấy và đi đến Thế Tôn. Sau khi đến? vị ấy đảnh lễ Thế

Tôn và ngoi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Thera đang ngồi một bên: Có thật chăng, này Thera, ông sống độc trú và tán thán hạnh sống độc trú? - Thưa c6, bạch Thế Tôn. - Như thế nào, này Thera, ông sống độc trú và tán thán hạnh sống độc trú? Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi vào làng khất thực một mình, con đi về một mình, con ngồi vắng lặng một mình, con đi kinh hành một mình. Như vậy? bạch Thế Tôn, con sống độc trú và tán thán hạnh sống độc trú. - Đấy là sống độc trú, này Thera, Ta không nói đấy không phải vậy. Này Thera, có một cách làm viên mãn độc trú với các chi tiết. Hãy nghe và suy nghiệm ky, Ta sẽ nói. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Này Thera, thế nào là độc trú được làm viên mãn với các chi tiết? Ở đây, này Thera, cái gì đã qua được đoạn tận; cái gì sắp đến được từ bỏ; đối với những tự ngã, lợi đắc hiện tại, dục tham được khéo nhiếp phục. Như vậy? này Thera, là độc trú được làm viên mãn với các chi tiêt. Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Ai chiến thắn^ tất cả? Ai hiểu biết tat cả5 Ai là bậc thiện trí, Mọi pháp không ô nhiễm. Ai từ bỏ tất cả? Ái tận được giải thoát. Ta nói chính người ấy, Thật là vị độc trú. XI. KINH MAHÃKAPPINA (Mahãkappinasutta) (S II. 284) 245. Trú ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Mahãkappina đi đến Thế Tôn. Thế Tôn thấy Tôn giả Mahãkappina từ đàng xa đi đến. Sau khi thấy, Thế Tôn liền gọi các Tỷ-kheo: Các ông có thấy không, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo kia đi đến9 da bạc trắng, ốm yếu, với cái mũi cao? Thưa c6, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, có đại thần thông, có đại uy lực. Thật không dễ gì đạt được sự chứng đắc mà trước kia vị Tỷ-kheo ấy chưa chứng đắc. Vị ấy còn ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, mà vì mục đích này, con các lương gia chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Sát-lỵ là tối thượng, Giữa mọi loài chúng sanh, Với những ai nương tựa, Vào vấn đề giai cấp. Bậc Minh Hạnh Cụ Túc, Tối thượng giữa trời, người. Ngày, mặt trời chói sáng, Đêm, mặt trăng chói sáng. Trong tấm áo chiến bào, Sát-lỵ được chói sáng. Trong thiền định, thiền tri, Bà-là-môn chói sáng. Nhưng suốt cả đêm ngày, Phật chói sáng hào quang.13 XII. KINH THÂN HỮU (Sahãyakasutta) (S. II. 285) 246. Trú ở Sãyatthi. Rồi hai Tỷ-kheo thân hữu, đệ tử của Tôn giả Mahãkappina, đi đến Thế Tôn. ,
_ . ... -[. f f . X

Thê Ton thay hai Ty-kheo ay từ đàng xa đi đên. Thây vậy, The Ton liên gọi các Tỷ-kheo: -Các ông có thấy không, này các Tỷ-kheo, hai Tỷ-kheo thân hữu ấy đang đi tới, cả hai là đệ tử của Tôn giả Mahãkappina? -Thưa có, bạch Thế Tôn. Hai Tỷ-kheo ấy có đại thần thông, có đại uy lực. Thật không dễ gì đạt được sự chứng đắc mà trước kia những Tỷ-kheo ấy chưa chứng đắc. Các vị ấy còn ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, mà vì mục đích này, con các lương gia chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Tỷ-kheồ thân hữu này, Lâu ngày cùng chung sống,

13XemZ)/?. V. 387.

21. TƯƠNG ƯNG TỶ-KHEO 507

Chung sống trong Diệu pháp,
Diệu pháp, Phật thuyết giảng.
Tôn giả Kappina,
Ỷ .
Khéo léo huân luyện họ,
Trong Chánh pháp vi diệu,
Do bậc Thánh thuyết giảng,
Chiên thăng ma quân xong,
Thọ trì thân tối hậu.
III. THIÊN UẨN

(KHANDHAVAGGA)

22. TƯƠNG ƯNG UẨN (KHANDHASAMYUTTA)

NĂM MƯƠI KINH ĐẦU123

L PHẨM NAKULAPITU (NAKULAPITUVAGGA)

I. KINH NAKULAPITU (Nakulapitusuttăỹ (S III. 1) 1. Như vầy tôi nghe. Một thòi, Thế Tôn sống giữa dân chúng Bhaggã, tại núi Cá sấu,3 rừng BhesakaỊã,4 Vườn Nai. Rồi gia chủ Nakulapitã đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuông một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Nakulapitã bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, con đã già; tuổi lớn, trưởng lão5 cao niên,5 đã đạt đến tuổi thọ, thân bệnh hoạn, luôn luôn ốm đau. Bạch Thế Tôn, con không được thường thấy Thế Tôn và các vị Tỷ-kheo đáng kính. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy giáo giới cho con! Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy giảng dạy cho con! Nhờ vậy9 con được hạnh phúc, an lạc lâu dài. -Thật sự là vậy, này gia chủ. Thật sự là vậy9 này gia chủ. Thân của gia chủ, này gia chủ, là bệnh hoạn, ôm đau?6 bị nhiêm ô che đậy.7 Ai mang cái thân này, này gia chủ, lại tự cho là không bệnh, dâu chỉ trong một giây phút, người ấy phải là người ngu. Do vậy5 này gia chủ, gia chủ cần phải học tập như sau: “Dầu cho thân tôi có bệnh5 tâm sẽ không bị benh?9 Như vậy, này gia chủ, gia chủ cần phải học tập. Rồi gia chủ Nakulapitã sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài; đi đến Tôn giả

1 Trong bản tiếng Anh của PTS, Tương ưng uẩn được trình bày theo 3 phần: The First Fifty Suttas (50 kinh đâu), The Middle Fifty (50 kỉnh giữa), The Last Fifty (50 kỉnh CUOI). 2 Đây là cách gọi của người Ân Độ. Nakulapitu nghĩã là cha của gia chủ Nakula. Nakulapitã là tên gọi cho người con trai. Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.107. 0033a06); Tăng.(7.02. 0125.13.4. 0573a01). 3 Chủ giải'. Sở dĩ được gọi như vậy vì khi thành được xây có nghe tiếng cá sấu kêu. 4 Đặt theo tên một nữ dạ-xoa. Xem KS. I. 262. 5 SA. II. 249: Addhagatotỉ tỉyaddhagato, nghĩa là đã đi đến giai đoạn thứ ba và giai đoạn cuối cuộc đời. 6 Ándabhũta: Sanh ra từ trứng. Chủ giải giải thích ốm yếu như thể được sanh ra từ trứng.

7 Pariyonaddha. Xem M. I. 25. Đồng nghĩa với saríchanna, bị cây lá bao phủ, như cây ở trong rừng.

Sãriputta, sau khi đến5 đảnh lễ Tôn giả Sãriputta rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Sãriputta nói với gia chủ Nakulapitã đang ngồi một bên: Này gia chủ, tịch tịnh là các căn của gia chủ; thanh tịnh và trong sáng là sắc diện của gia chủ. Có phải hôm nay gia chủ đối diện với Thế Tôn, được nghe pháp thoại? Làm sao không thể như vậy được, thưa Tôn giả? Hôm nay, thưa Tôn giả, con được rưới với nước bất tử, nhờ Thế Tôn giảng cho pháp thoại. Như thế nào, này gia chủ9 gia chủ được rưới với nước bất tử, nhờ Thế Tôn giảng cho pháp thoại? Ở đây, thưa Tôn giả? con đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, thưa Tôn giả, con bạch Thê Tôn: uBạch Thế Tôn, con đã già, tuổi lớn, trưởng, 1,cao niên, đã đạt đến tuổi thọ, thân bệnh hoạn, luôn luôn ốm đau. Bạch Thế Ton, con không được thường thẩy Thế Tôn và các Tỷ-kheo đáng kính. Bạch Thế Tôn? mong Thế Tôn hãy giáo giới cho con! Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy giảng dạy cho con! Nhờ vậy, con được hạnh phúc, an lạc lâu dài." Được nghe nói vậy5 thưa Tôn giả5 Thế Tôn nói với con: "That sự là vậy5 này gia chủ. Thật sự là vậy5 này gia chủ. Thân của gia chủ? này gia chủ, là bệnh hoạn, ốm đau, bị nhiễm ô che đậy. Ai mang cái thân này? này gia chủ, lại tự cho là không bệnh, dầu chỉ trong một giây phút, người ấy phải là người ngu. Do vậy5 này gia chủ, gia chủ cần phải học tập như sau: 'Dầu thân tôi có bệnh, tâm sẽ không bị bệnh.9,9 Như vậy? thưa Tôn giả? con được rưới (abhỉsittò) với nước bất tử (ạmatenă), nhờ Thế Tôn giảng cho pháp thoại. , Nhưng này gia chủ, gia chủ có hỏi thêm Thế Tôn như sau: “Cho đến như thế nào, bạch Thê Tôn, là thân bị bệnh và tâm cũng bị bệnh? Cho đến như thế nào, là thân bị bệnh, nhưng tâm không bị bệnh?" Thưa Tôn giả? con có thể đi đến thật xa để nghe tận mặt Tôn giả Sãriputta giải thích ý nghĩa của lời nói này. Lành thay, nếu được Tôn giả Sãriputta giải thích ý nghĩa của lời nói này! -Vậy này gia chủ, hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, ta sẽ nói. Thưa vâng, Tôn giả. Gia chủ Nakulapitã vâng đáp Tôn giả Sãriputta. Tôn giả Sãriputta nói như sau: Thế nào? này gia chủ, là thân bị bệnh và tâm bệnh? Ở đây, này gia chủ, có kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Vị ấy bị ám ảnh: "Sc là ta, sắc

là của ta.” Do bị ám ảnh: “sắc là ta, sắc là của ta” khi sắc biến hoại, đổi khác; nên do săc biên hoại, đôi khác, vị ây khởi lên sâu, bi, khô? ưu, não. Vị ấy quán thọ như là tự ngã? hay tự ngã như là có thọ, hay thọ ở trong tự ngã5 hay tự ngã ở trong thọ. Vị ấy bị ám ảnh: uThọ là ta, thọ là của ta.” Do bị ám ảnh: 66Thọ là ta5 thọ là của ta" khi thọ biến hoại, đổi khác; nên do thọ biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ? ưu, não. Vị ấy quán tưởng như là tự ngã? hay tự ngã như là có tưởng, hay tưởng ở trong tự ngã? hay tự ngã ở trong tưởng. Vị ấy bị ám ảnh: uTưởng là ta5 tưởng là của ta.” Do bị ám ảnh:

"Tưởng là ta, tưởnậ là của ta" khi tưởng biến hoại, đổi khác; nên do tưởng biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Vị ấy quán hành như là tự ngã, hay tự ngã như là có hành, hay hành ở trong tự ngã? hay tự ngã ở trong hành. Vị ấy bị ám ảnh: “Hành là ta, hành là của ta.” Do bị ám ảnh: “Hành là ta, hành là của ta” khi hành biến hoại, đổi khác; nên do hành biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu? bi, khổ5 ưu, não. Vị ấy quán thức như là tự ngã? hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã? hay tự ngã ở trong thức. Vị ấy bị ám ảnh: uThức là ta, thức là của ta.” Do bị ám ảnh: "[hức là ta, thức là của ta' khi thức biến hoại5 đổi khác; nên do thức biến hoại? đổi khác, vị ấy khởi lên sầu? bi, khổ, ưu, não. Như vậy9 này gia chiỉ, là thân bị bệnh và tâm bị bệnh. Thế nào, này gia chủ, là thân bị bệnh nhimg tâm không bị bệnh? Ở đây? này gia chủ, vị đa văn Thánh đệ tử hiểu rõ các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh; hiểu rõ các bậc Chân nhân? thuân thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân; không quán sắc như là tự ngã9 hay tự ngã như là có săc, hay săc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. yị ấy không bị ám ảnh: usắc là ta, sắc là của ta.” Do vị ấy không bị ám ảnh: “Sắc là ta, sắc là của ta” khi sắc biến hoại, đổi khác; nên không do sắc biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Không quán thọ như là tự ng hay tự ngã như là có thọ5 hay thọ ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thọ. Vị ây không bị ám ảnh: "Thọ là ta9 thọ là của ta.” Do vị ấy không bị ám ảnh: uThọ là ta, thọ là của ta" khi thọ biến hoại? đổi khác; nên không do thọ biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu? bi, khổ5 ưu, não. Không quán tưởng như là tự ngã, hay tự ngã như là có tưởng, hay tưởng ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong tưởng. Vị ấy không bị ám ảnh: "Tưởng là ta, tưởng là của ta.” Do vị ấy không bị ám ảnh: "Tưởng là ta, tưởng là của ta" khi tưởng biến hoại, đổi khác; nên không do tưởng biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Không quán hành như là tự ngã, hay tự ngã như là có hành, hay hành ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong hành. Vị ấy không bị ám ảnh: "Hành là ta, hành là của tg." Do vị ấy không bị ám ảnh:Hành là ta? hành là của ta" khi hành biến hoại, đổi khác; nên không do hành biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu? bi, khổ, ưu, não.

Không quán thức như là tự ng hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị ấy không bị ám ảnh: "Thức là ta, thức là của ta Do vị ấy không bị ám ảnh: :Thức là ta5 thức là của ta" khi thức biến hoại, đổi khác; nên không do thức biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Như vậy, này gia chủ, là thân có bệnh nhtmg tâm không có bệnh. Tôn giả Sãriputta thuyết như vậy, gia chủ Nakulapitã hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sãriputta thuyết.

II. KINH DEVADAHA (Devadahasuttdỷ (5. III. 5) 2. Như vầy tôi nghe. Một thời? Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại một thị trấn của dân chúng Sakka tên là Devadaha. Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo du hành ở phía Tây đi đến Thế Tôn; sau khi đên, đảnh lê Thê Tôn rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Chúng con muôn xin Thê Tôn cho phép chúng con đi đên quôc độ phương Tây. Chúng con muốn trú ở quốc độ phương Tây. —Này các Tỷ-kheo5 các Tỷ-kheo đã xin phép Sãriputta chưa? Bạch Thế Tôn, chúng con chưa xin phép Tôn giả Sãriputta. Này các

Tỷ-kheo, vậy hãy xin phép Sãriputta. Sãriputta, này các Tỷ-kheo5 là bậc hiền trí, là người đỡ đầu (anuggãhako) các vị Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. 7 ĩ 1 Ẫ I , r I li Ặ rf-i A

Cac Ty-kheo ay vang dap The Ton. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sãriputta đang ngồi dưới cây ba đậu,8 9 không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy? đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài lui ra; rồi đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến, các vị ấy nói lên với Tôn giả Sãriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Sãriputta: Chúng tôi muốn, thưa Hiền giả Sãriputta, đi đến quốc độ phương Tây. Chúng tôi muốn trú ở quốc độ phương Tây. Bậc Đạo sư đã cho phép chúng tôi. -Này các Hiền giả, có những người đặt câu hỏi10 với vị Tỷ-kheo thường đi

8 Devadaha. Xem J. I. 52. Quê hương của mẫu thân đức Phật. Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.108. 0033Ồ28); Tăng.(7.02. 0125.41.4. 0745Ồ26). 9 EỊagalãgumba: Một loại cây lớn lên nhờ tưới nước, tên tiếng Anh là cây Cassia Tora. 10 Pucchỉtãr. Xem Sn. 140 có trường hợp tương tự.

các quốc độ khác nhau: Các Sát-đế-lỵ hiền trí, 11 các Bà-la-môn hiền trí, 12 các 14 này chư Hiền giả? các bậc hiền trí với gia chủ hiền trí,13 các Sa-môn hiền trí;11 13 12 óc ưa quán sát [sẽ hỏi]: "Bậc Đạo sư của Tôn giả nói gì, tuyên bố gì? Pháp có được chư Tôn giả khéo nghe, khéo nắm giữ? khéo tác ý5 khéo thọ trì, khéo thâm nhập với trí tuệ không?^ Đe trả lời, các Tôn giả có thể lặp lại các ý kiến của Thế Tôn5 không có xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật; có the trả lời tùy pháp, đúng với Chánh pháp và không để một vị đồng pháp nào nói lời đúng pháp,1516 có thể có lý do để quở trách. 16 Chúng toi có thể đi đến thật xa, thưa Tôn giả, để nghe tận mặt Tôn giả Sãriputta nói về ý nghĩa của lời nói này. Lành thay, nếu được Tôn giả Sãriputta giải thích ý nghĩa của lời nói này! Vậy này các Hiên giả, hãy lăng nghe và khéo tác ý? tôi sẽ nói. -Thưa vâng, Tôn giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sãriputta. Tôn giả Sãriputta nói như sau: Này các Hiên giả, có những người đặt câu hỏi với vị Tỷ-kheo thường đi các quốc độ khác nhau: Các Sát-đế-lỵ hiền trí... các Sa-môn hiền trí; này các Hiền giả? các bậc Hiền trí với óc ưa quán sát [có thể hỏi]: uBậc Đạo sư của Tôn giả nói gi, tuyên bố gì?^ Được hỏi vậy5 này các Hiền giả? các Hiền giả phải trả lời: uNày các Hiền giả5 bậc Đạo sư của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham." Được trả lời như vậy9 này các Hiền giả, có thể có người hỏi thêm câu hỏi như sau: Các vị Sát-đế-lỵ hiền trí... các Sa-môn hiền trí; này các Hiền giả, các bậc Hiền trí với óc ưa quán sát [có thể hỏi]: "E)6i với cái gì, bậc Đạo sư của các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tha?" Được hỏi như vậy5 này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời như sau: "Đối với sắc, này các Hiền giả9 bậc Đạo sư của chúng tôi nói về sự điều phục dục và tham. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với hành... Đối với thức, này các Hiền giả5 bậc Đạo sư của chúng tôi nói về sự điều phục dục và tham." Được trả lời như vậy5 này các Hiên giả, có thê có nẹười hỏi thêm như sau: Các Sát-đế-lỵ hiền trí... các Sa-môn hiền trí; này các Hien giả5 các bậc Hiền trí với óc ưa quán sát [có

thể hỏi]: "Nhưng thấy sự nguy hiểm gi, bậc Đạo sư của các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... bậc Đạo sư của các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với thức?" Được hỏi như vậy? này các Hiền giả, các ông cần phải trả lời như sau: "Này các Hiền giả, đối với sắc, ai chưa viễn ly tham, chưa viễn ly

11 Chủ giải'. Như Vua Bimbisãra

12 Chủ giải: Như Caỏkĩ và Tãrukkha.

13 Như Citta và Sudatta. Xem 4 I. 24-6.

14 Như Sabhiya. Xem s. II. 153; IV. 401; Sn. 90-102.

15 Chủ giải viết là vãdãnupãto, nghĩa là đi theo con đường của bậc Đạo sư.

16 Xem s. II. 33, có một đoạn tương tự.

dục, chưa viễn ly ái, chưa viễn ly khát, chưa viễn ly nhiệt não? chưa viễn ly khát ái; khi sắc ấy biển hoại, đổi khác, sẽ khởi lên sầu? bi, khổ, ưu, não. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với hành... Đối với thức, ai chưa viễn ly tham, chưa viễn ly dqc, chưa viễn ly ái, chưa viễn ly khát, chưa viễn ly nhiệt não, chưa viễn ly khát ái; khi thức ấy biến hoại, đổi khác, sẽ khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Này các Hiền giả9 do thấy sự nguy hiểm này đối với sắc mà bậc Đạo sư của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... bậc Đạo sư của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham đối v&i thức.” Được trả lời như vậy? này các Hiền giả, có thể có n^ười hỏi thêm như sau: Các Sát-đế-lỵ hiền trí... các Sa-môn hiền trí; này các Hien giả, các bậc Hiền trí với óc ưa quán sát [có thể hỏi]: "Nhưng thấy sự lợi ích gi, bậc Đạo sư của các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đôi với hành... bậc Đạo sư của các Tôn giả nói đên sự điêu phục dục và tham đối với thức?” Được hỏi như vậy5 này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời như sau: “Này các Hiền giả, đối với sắc, ai đã viễn ly tham, đã viễn ly dục? đã viễn ly ái, đã viễn ly khát, đã viễn ly nhiệt não? đã viễn ly khát ái; khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, sẽ khôĩiệ khởi lên sầu, bi, khổ? ưu, não. Đối với thọ... đoi với tưởng... đối với hành... đối với thức, này các Hiền giả? ai đã viễn ly tham, đã viễn ly dục, đã viễn ly ái, đã viễn ly khát, đã viễn ly nhiệt não? đã viễn ly khát ái; khi thức ấy biến hoại, đổi khác? sẽ không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Do thấy sự lợi ích này, này các Hiền giả, bậc Đạo sư của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... bậc Đạo sư của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham đối với thức.59 Và này các Hiền giả5 đạt được và an trú trong các bất thiện pháp, và ngay trong đời sống hiện tại? sống được an lạc, không bị chướng ngại, không bị ưu não5 không bị nhiệt não? sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh thiện thú. Đây không phải là sự đoạn tận các bất thiện pháp, được Thế Tôn tán thán. Nhưng này các Hiền giả? vì rằng đạt được và an trú trong các bất thiện pháp5 và ngay trong đời sống hiện tại, sống bị đau khổ? bị chướng ngại, bị ưu não? bị nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chIg, sẽ phải sanh ác thú. Do vậy5 đây là sự đoạn tận các bất thiện phđược Thế Tôn tán thán. Và này các Hiên giả, đạt được và an trú trong các thiện pháp, và ngay trong đời sống hiện

tại, sống đau khổ? bị chướng ngại, bị ưu não, bị nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh ác thú. Đây không phải là sự thành tựu các thiện pháp, được Thế Tôn tán thán. Nhưng này các Hiên giả„ vì răng đạt được và an trú trong các thiện pháp? và ngay trong đời sống hiện tại9 sống được an lạc, không bị chướng ngại, không bị ưu não5 không bị nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh thiện thú. Do vậy? đây là sự thành tựu các thiện pháp, được Thế Tộn tán thán. Tôn giả Sâriputta thuyết như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sãriputta nói.

22. TƯƠNG ƯNG UẨN « 517

IIL KINH HẢLIDDIKÃNI (HãlỉddìkãnỉsuttdỶ1 (5. III. 9) 3. Như vầy tôi nghe. Một thời, Tôn giả Mahãkaccãna (Đại Ca-chiên-diên) sống giữa các dân chúng Avantĩ, tại Kuraraghara, bên bờ một vực núi. Rồi gia chủ Hãliddikãni đi đến Tôn giả Mahãkaccãna; sau khi đi đến? đảnh lê Tôn giả Mahãkaccãna, rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên? gia chủ Hãliddikăni nói với Tôn giả Mahãkaccãna: —Thưa Tôn giả, Thế Tôn đã nói trong phẩm thứ tám, trong tập: "Các câu hỏi của Magandiya,9518 như sau: Bậc Thánh bỏ gia đình? Du hành không trú xứ, Đối với dân trong làng, Không tác thành hệ lụy. Tuyệt không các dục vọng, Không ước vọng hão huyền, Chấm dứt mọi tranh luận, Bất cứ với một ai. Với lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, thưa Tôn giả, ý nghĩa cần phải hiểu một cách rộng rãi như thế nào? -Sắc gi&i, này gia chủ, là nhà của thức; thức bị lòng tham sắc giới trói buộc, này gia chủ, được gọi là du hành có gia đình. Thọ giới, này gia chủ? là nhà của thức; thức bị lòng tham thọ giới trói buộc, này gia chủ5 được gọi là du hành có gia đình. Tưởng giới, này gia chủ? là nhà của thức; thức bị lòng tham tưởng giới trói buộc, này gia chủ9 được gọi là du hành có gia đình. Hành giới, này gia chủ5 là nhà của thức; thức bị lòng tham hành giới trói buộc? này gia chủ, được gọi là du hành có gia đình. [Thức giới5 này gia chủ5 là nhà của thức; thức bị lòng tham thức giới trói buộc, này gia chủ5 được gọi là du hành có gia đình]. Như vậy5 này gia chủ5 là du hành có gia đình.19 Và này gia chủ? thế nào là du hành không gia đình? Đối với sắc giới, này gia chủ, cái gọi là dục, là tham5 là hỷ? là khát ái, những gì thuộc chấp thủ, tâm trú trước, thiên chấp tùy miên;20 Như Lai đoạn tận chúng, cắt đứt tận gốc rễ9 làm cho như thân cây Sa-la? làm cho không tái sanh, không thể 21 Do vậy? Như Lai được gọi là du hành không gia đình. sanh khởi trong tương lai.17 20 19 18 Đối với thọ giới? này gia chủ... Đôi với tưởng giới, này gia chủ...

17 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.551. 0144a28).

18 Tham khảo Chu giải; M. II. 510; Sn. 164.

19 Tham khảo Dh. V. 34; Thag. V. 36.

20 Xem s. II. 17.

21 Xem s. II. 88.

Đối với hành giới, này gia chủ... Đối với thức gi&i, này gia chủ, cái gọi là dục, là tham, là hỷ5 là khát ái, những gì thuộc chap thủ, tâm trú trước, thiên chấp tùy miên; Như Lai đoạn tận chúng, cắt đứt tận gốc rễ5 làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không tái

sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy9 Như Lai được gọi là du hành không gia đình. Như vậy, này gia chủ5 là du hành không gia đình. Như thế nào, này gia chỉ, là du hành có trú xứ?22 Bị trói buộc bởi an trú chấp trước (niketavisãra) vào sắc tướng, này gia chủ, gọi là du hành có trú xứ... vào thanh tướng... vào hương tướng... vào vị tướng... vào xúc tướng. Bị trói buộc bởi an trú chấp trước vào pháp tướng, này gia chủ, gọi là du hành có trú xứ. Như vậy5 này gia chủ5 là du hành có trú xứ. Như thế nào là du hành không trú xứ? Sự trói buộc bởi an trú, chấp trước vào sắc tướng, này gia chủ, đối với Như Lai đã được đoạn tận? cắt đứt tận gốc rê, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là du hành không trú xứ. Sự trói buộc bởi an trú, chấp trước vào thanh tướng... vào hương tướng... vào vị tướng... vào xúc tướng... Q vào _ pháp IT Jr J Dgia chủ.7 đối với Như Lai đã được tướng, này • đoạn tận, cắt ••77

đứt tận gôc rê, làm cho như thân cây Sa-la5 làm cho không tái sanh, không thê sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là du hành không trú xứ. Như vậy5 này gia chủ, là du hành không trú xứ. Như thế nào5 này gia chủ, là tác thành hệ lụy trong làng?23 Ở đây, này gia chủ. có người sông thân mật với gia chủ5 cùng vui, cùng buồn. Giữa những người sung sướng, vị ây sung sướng. Giữa những người buôn khô? vị ây buôn khổ. Khi có công việc phải làm khởi lên? tự liên hệ mình vào các công việc ấy. Như vậy, này gia chủ, là tác thành hệ lụy trong làng. Và như thế nào, này gia chủ, là không tác thành hệ lụy trong làng? Ở dây, này gia chủ, vị Tỷ-kheo không sống quá thân mật với gia chủ5 không cùng vui5 không cùng buồn; không vui sướng giữa những người sung sướng, không buồn khổ giữa những người buồn khổ; khi có công việc phải làm khởi lên, không tự mình liên hệ vào các công việc ấy. Như vậy, này gia chủ5 là không tác thành hệ lụy trong làng. Như thế nào, này gia chủ, là không tuyệt không các dục vọng? Ở đây, này gia chủ, có người không ly tham đôi với các dục vọng, không ly dục, không ly ái, không ly khát, không ly nhiệt não5 không ly khát ái. Như vậy? này gia chủ, là không tuyệt không các dục vọng. Như thế nào, nàỵ gia chủ5 là tuyệt không các dục vọng? Ở đây, này gia chủ, có người ly tham đôi với các dục9 ly dục, ly ái, ly khát, ly nhiệt não? ly khát ái. Như vậy? này gia chủ, là tuyệt không các dục vọng.

22 Nỉketasãrĩ. Nỉketa liên hệ đến ketu là dấu hiệu, là cây cờ, người theo một biểu tượng, tín đồ. 23 Xem s. I. 63; II. 202, đề cập bổn phận của vị Tỷ-kheo.

Như thế nào, này gia chủ? là hy vọng hão huyền? Ở đây, này gia chủ, có người suy nghĩ như sau: "Mong răng có săc như vậy trong tương lai. Mong rằng có thọ như vậy trong tương lai. Mong răng có tưởng như vậy trong tương lai. Mong răng có hành như vậy trong tương lai. Mong răng có thức như vậy trong tương lai." Như vậy, này gia chủ, là hy vọng hão huyền. Như thế nào, này gia chiỉ, là không hy vọng hão huyền? Ở đây? này gia chiỉ, có người không có suy nghĩ như sau: "Mong răng có săc như vậy trong tương lai. Mong rằng có thọ như vậy trong tương lai. Mong rằng có tưởng như vậy trong tương lai. Mong răng có hành như vậy trong tương lai. Mong răng có thức như vậy trong tương lai." Như vậy, này gia chủ, là không hy vọng hão huyền. Như thế nào, này

gia chủ, là tranh luận với người? Ở dây, này gia chủ, có người nói như sau: uOng không biết Pháp và Luật này. Ta biết Pháp và Luật này. Sao ông có thể biết Pháp và Luật này? Ông đã phạm vào tà kiến.24 Ta mới thật đúng chánh kiến. Những điều đáng nói trước, ông lại nói sau. Những điều đáng nói sau, ông lại nói trước. Lời nói của ta mới tương ưng (sahỉtam). Lời nói của ông không tương ưng. Chủ kiến của ồnệ đã bị bài bác. Câu nói của ông đã bị thách đo; hãy đến mà giải vây lời nói ay. Ông đã bị thuyết bại, nếu có thể được? hãy gắng thoát ra khỏi lối bí.” Như vậy, này gia chủ5 là tranh luận với người. Như thế nào5 này gia chủ, là không tranh luận với người? Ở đây, này gia chủ, vị Tỷ-kheo không nói lời nói như sau: "Ông không biết Pháp và Luật này... hãy gắng thoát ra khỏi lối bí." Như vậy9 này gia chủ, là không tranh luận với người. Như vậy5 này gia chủ? Thế Tôn đã nói trong phẩm thứ tám, trong tập: "Các câu hỏi của Mãgandiya^ như sau: Bậc Thánh bỏ gia đình, Du hành không trú xứ, Đối với dân trong làng, Không tác thành hệ lụy. Tuyệt không các dục vọng, Không ước vọng hão huyền, Chấm dứt mọi tranh luận, Bất cứ với một ai. Với lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, này gia chủ? ý nghĩa cần phải hiểu một cách rộng rãi như vậy. IV KINH HẢLIDDIKẢNI THỨ HAI (Dutìyahãliddikãnisutta)25 (5. III. 12) 4. Như vầy tôi nghe. Một thời, Tôn giả Mahãkaccãna sống giữa dân chúng Avantĩ, tại Kuraraghara, bên bờ một vực núi.

24 Xem s. I. 160; IV. 323; V. 419; D. I. 8; III. 117. 25 Tham chiếu: Tạp.(r.O2. 0099.552. 0144c20).

Rồi gia chủ Hãliddikãni đi đến Tôn giả Mahãkaccãna; sau khi đi dến, đảnh lê Tôn giả Mahãkaccãna, rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, gia chủ Hãliddikãni nói với Tôn giả Mahãkaccãna: Thế Tôn đã nói trong tập: 6ẾCác câu hỏi của Sakka"2627 như vầy: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào được giải thoát với sự đoạn tận khát ái? những vị ấy đã hoàn toàn đạt được toàn thiện; đã hoàn toàn đạt được an ổn khỏi các khổ ách; đã hoàn toàn hành Phạm hạnh; đã hoàn toàn đạt được mục đích; là bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người.^, Với lời nói vắn tắt này của Thế T6n, thưa Tôn giả, ý nghĩa cần phải hiểu một cách rộng rãi như thế nào? Đối với sắc giới, này gia chiỉ, cái gọi là dục? là tham, là hy, là khát ái; những gì thuộc chấp thủ, tâm trú trước, thiên chấp tùy miên; sự đoạn tận chúng, ly tham, đoạn diet, từ bỏ? từ khước chúng một cách hoàn toàn, như vậy gọi là tâm khéo giải thoát. Đối với thọ giới, này gia chủ... Đối với tưởng giới5 này gia chủ... Đối với hành giới? này gia chủ... Đối với thức giới, này gia chủ, cái gọi là dục, là tham, là hỷ? là khát ái; những gì thuộc chấp thủ5 tâm trú trước, thiên chấp tùy miên; sự đoạn tận chúng, ly tham, đoạn diệt, từ bỏ? từ khước chúng một cách hoàn toàn, như vậy gọi là tâm khéo giải thoát. Như vậy, này gia chủ9 là ý nghĩa đã được Thế Tôn nói đến trong tập: "Các câu hỏi của Sakka” như sau: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào được giải thoát với sự đoạn tận khát ái, những vị ấy đã hoàn toàn đạt được toàn thiện; đã hoàn toàn đạt được an ổn khỏi các khổ ách; đã hoàn toàn hành Phạm hạnh; đã hoàn toàn đạt được mục đích; là bậc Tôi thượng giữa chư thiên và loài người.,, V. KINH THIỀN ĐỊNH (Samãdhisutta)21 (5. IIL 13) 5. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, trong vườn ông Anãthapindika. Tại đây, Thê

Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng5 bạch Thế Tôn. r_ FT^_7_ 1 1 _ A A. _ _ J. / _ Ạ rpi _ FT11_ A FTA _ _ / • 1 Cac Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: —Này các Tỷ-kheo? hãy tu tập thiền định. Vị Tỷ-kheo có thiền định5 này các Tỷ-kheo5 hiểu biết một cách như thật. Hiểu biết gì một cách như thật? sắc tập khởi và đoạn diệt5 thọ tập khởi và

26 XemD. II. 282; 4 V. 326. 27 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.59. 0015b 10); Tạp.(T.02. 0099.60. 0015ỒỒ22); Tạp.(7.02. 0099.65. 0017a23).

đoạn diet, tưởng tập khởi và đoạn diet, hành tập khởi và đoạn diệt, thức tập khởi và đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc tập khởi? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là tưởng tập khởi? Thế nào là hành tập khởi? Thế nào là thức tập khởi? Ở đây, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo hoan hỷ? hoan nghênh,28 đắm trước rồi an trú. Hoan hỷ? hoan nghênh, đắm trước và an trú gì? Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú sắc. Do vị ấy hoan hỷ9 hoan nghênh, đắm trước rồi an trú sắc, hỷ đối với sắc khởi lên. Do duyên hỷ đối với s,thủ đối với sắc khởi lên. Do duyên thủ đối với sắc, hữu khởi lên. Do duyên hữu, sanh khởi lên. Do duyên sanh; già chết, sầu, bi, khổ? ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú thọ... rồi an trú tưởng... rồi an trứ hành... rồi an trú thức. Do vị ấy hoan hỷ9 hoan nghênh, đắm trước rồi an trú thức5 hỷ đối với thức khởi lên. Do duyên hỷ đối với thức, thủ đối với thức khởi lên. Do duyên thủ đối với thức, hữu khởi lên. Do duyên hữu, sanh khởi lên. Do duyên sanh; già chết, sầu, bi, khổ? ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo5 đây là sắc tập khởi, đây là thọ tập khởi? đây là tưởng tập khởi? đây là hành tập khởi, đây là thức tập khởi. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là sắc đoạn diệt? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là tưởng đoạn diệt? Thế nào là hành đoạn diệt? Thế nào là thức đoạn diệt? ở đây, này các Tỷ-kheo5 vị ấy không hoan hỷ? không hoan nghênh, không đắm trước và an trú. Không hoan hỷ5 không hoan nghênh, không đăm trước và an trú gì? Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú sắc. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú sắc, hỷ đối với sắc đoạn diệt. Do hỷ đối với sắc đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. Không hoan hỷ5 không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thọ. Do vị ấy không hoan hỷ5 không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thọ, hỷ đối với thọ đoạn diệt. Do hỷ đối với thọ đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. Không hoan hỷ5 không hoan nghênh, không đắm trước và an trú tưởng... không đắm trước và an trú hành. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú hành? hỷ đối với hành đoạn diệt. Do hỷ đối với hành đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

28 SA. II. 262: Abhỉvadatĩtỉ tãyq abhỉnandanãya "aho piyamf ittham kantạm manãpa^ nti vađatỉ (Abhivadqti có nghĩa là 4ituyên bố,,; đối với sự hoan hỷ này, vị ấy nói lớn: UỒ, thật khả ái, khả ý, khả lạc, hap dan?,).

Không hoan hỷ? không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thức. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thức, hỷ đối với thức đoạn diệt. Do hỷ đối với thức đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo, đây là sắc đoạn diệt, đây là thọ đoạn diệt, đây là tưởng đoạn diet, đây là hành đoạn diệt, đây là thức đoạn diệt. VI. KINH TĨNH MẶC (Patisaỉlãnasutta)29 (5. III. 15) 6. Nhân duyên tại Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo5 hãy trú tâm5 dán tâm vào tĩnh mặc.3031 Này các Tỷ"kheo? vị Tỷ"kheo có tĩnh mặc, hiêu biêt một cách như thật. Hiểu biết gì một cách như thật? sắc tập khởi và đoạn diet, thọ tập khởi và đoạn diet, tưởng tập khởi và đoạn diet, hành tập khởi và đoạn diệt, thức tập khởi và đoạn diệt ...(như kinh trên). VII. KINH CHẤP THỦ VÀ Ưu NÃO ạjpãdãparìtassanãsuttăỷ�Ỵ (5. III. 15) 7. Nhân duyên tại Săvatthi. -Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ giảng cho các ông về sự chấp thủ và ưu não, sự không chấp thủ và không ưu não. Hãy lắng nghe và khéo tác ý5 Ta sẽ giảng. -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các vị Ty-kheo ay vang đáp The Ton. The Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo5 thế nào là chấp thủ và ưu não? Ở đây9 này các Tỷ-kheo5 kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân5 không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; người ây quán săc như là tự ngã, hay tự nẹã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã? hay tự ngã ở trong sắc. Đối với vị ấy, sac ấy biến hoại và đổi khác. Đoi với vị ấy, khi sắc ấy biến hoại và đổi khác, thức tùy chuyển32 theo sự biến hoại của sắc. Các pháp ưu não sanh khởi do thức tùy chuyên theo sự biên hoại của săc sau khi xâm chiêm tâm và an trú.33 Do tâm bị xâm chiêm nên khủng bô (uttãsa). chướng ngại, khát vọng được sanh khởi và ưu não. Vị ấy quán thọ như là tự ngã5 hay tự ngã như là có thọ5 hay thọ trong tự nệã5 hay tự ngã trong thọ. Đối với vị ấy, thọ ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ẩy9 khi thọ ấy biến hoại và đổi khác, thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thọ. Các

29 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.65. 0017a23). 30 Patisallãna'. Sự dừng nghỉ; chỉ cho sự tĩnh mặc trong tu thiền. 31 SA. II. 262: Upãdăparỉtassanantỉ Qahanena uppannam parỉtassanam (4iựu não do chấp thh" nghĩa là sự ưu não khởi lên do sự bám víu, cố chấp). Xem M. I. 136. Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.43. 001ÒC19); Tạp.(T02. 0099.66. 0017b 16). 32 Anuparỉvatữ. Tâm luôn suy nghĩ về các vấn đề nhỏ nhặt. 33 Parỉyãdãya titthanti: Xâm chiếm, an trú. Xem s. II. 235.

pháp ưu não sanh khởi do thức tùy chuyên theo sự biên hoại của thọ sau khi xâm chiêm tâm và an trú. Do tâm bị xâm chiếm nên khủng bố5 chướng ngại, khát vọng được sanh khởi và ưu não. Vị ấy quán tưởng như là tự ngã... vị ấy quán hành như là tự ngã5 hay tự ngã như là có hành, hay hành trong tự ngã? hay tự ngã trong hành. Đối với vị ấy, hành ây biên hoại và đổi khác. Đôi với vị ây, khi hành ấy biên hoại và đổi khác, thức tùy chuyển theo sự biến hoại của hành. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của hành sanh khởi sau khi xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm bị xâm

chiếm nên khủng bố5 chướng ngại, khát vọng được sanh khởi và ưu não. Vị ấy quán thức như là tự ngã? hay tự ngã như là có thức, hay thức trong tự ngã? hay tự ngã trong thức. Đối với vị ấy, thức ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi thức ấy biến hoại và đổi khác, thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thức. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thức sanh khởi sau khi xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm bị xâm chiếm nên khủng bố? chướng ngại, khát vọng được sanh khởi và ưu não. Như vậy9 này các Tỷ-kheo, là chấp thủ và ưu não. Và này các Tỷ-kheo, như thê nào là không châp thủ và không ưu não? Ở đây? này các Tỷ-kheo5 vị đa văn Thánh đệ tử thấy rõ các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, khéo tu tập pháp các bậc Thánh; thấy rõ các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, khéo tu tập pháp các bậc Chân nhân; không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã9 hay tự n^ã ở trong sắc. Đối với vị ấy, sắc ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy? khi săc ây biên hoại và đôi khác, thức không tùy chuyên theo sự biến hoại của sắc. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của sắc không sanh khởi, không xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm không bị xâm chiếm nên không có khủng bố5 không có chướng ngại, không có khát vọng khởi lên và ưu não. ... không quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ, hay thọ ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thọ. Đối với vị ấy? thọ ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi thọ ấy biến hoại và đổi khác, thức không tùy chuyển theo sự biến hoại của thọ. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thọ không sanh khởi, không xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm không bị xâm chiếm nên không có khủng bố? không có chướng ngại, không có khát vọng khởi lên và ưu não. ... không quán tưởng như là tự ngã... ... không quán hành như là tự ngã... ... không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã5 hay tự ngã ở trong thức. Đối với vị ấy, thức ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi thức ấy biến hoại và đổi khác, thức không tùy chuyển theo sự biến hoại của thức. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến

hoại của thức không sanh khởi, không xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm không bị xâm chiếm nên không có khủng bố, không có chướng ngại9 không có khát vọng khởi lên và ưu não. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là sự không chấp thủ? không ưu não. VIII. KINH CHẤP THỦ VÀ Ưu NÃO THỨ HAI (Dutiyaupãdãparítassansutta)34 (5. III. 18) 8. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về sự chấp thủ và ưu não? sự không chấp thủ và không ưu não. Hãy lắng nghe và khéo tác ý5 Ta sẽ giảng. Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các vị Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: Này các Tỷ-kheo? thế nào là chấp thủ và ưu não? Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu (Ịuán sắc: "Bây là của tôi, đây là tôi9 đây là tự ngã của tôi.95 sắc ấy của vị này biên hoại, đổi khác. Vị này, khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, khởi lên sầu? bi, khổ, ưu, não. ... quán thọ... quán tưởng... quán hành... quán thức: “Bây là của tôi, đây là tôi5 đay là tự ngã của t6i.” Thức ấy của vị này biến hoại9 đổi khác. Vị này, khi thức ấy biến hoại5 đổi khác, khởi lên sầu? bi, khổ, ưu, não. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là chấp thủ và ưu não. Này các Tỷ-kheo, như thế nào là không chấp thủ và không ưu não? Ở đây, này các Tỷ-kheo? vị đa văn Thánh đệ tử quán sắc: a'Đây không phải của tôi? đây không phải là

tôi? đây không phải là tự ngã của t6i.” sắc ấy của vị này biến hoại, đổi khác. Vị này, khi sắc biến hoại5 đổi khác, không khởi lên sầu, bi, khổ? ưu, não. ... quán thọ: "Bây không phải của t6i.. ... quán tưởng: uĐây không phải của tôi../5 ... quán hành: "Đây không phải của tôi...95 ... quán thức: “Bây không phải của tôi, đây không phải là tôi? đây không phải tự ngã của tôi." Thức ấy của vị này biến hoại? đổi khác. Vị này, khi thức ấy biến hoại9 đổi khác, không khởi lên sầu, bi, khổ? ưu, não. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không chấp thủ và không ưu não. IX. KINH BA THỜI LÀ VÔ THƯỜNG (Kãiattayaaniccasuttà)35(y IIL 19) 9. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo? sắc là vô thường, trong quá khứ, trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo? vị đa văn Thánh đệ tử đối với sắc quá

34 Tham khảo: Tạp.(7.02. 0099.44. 0011al3). 35 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.8. 0001c22); Tạp.(T.02. 0099.79. 0020al0).

khứ không tiếc nuối (anapekkho); đối với sắc vị lai không hoan hỷ; đối với sắc hiện tại hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, thọ là vô thường... Này các Tỷ-kheo? tưởng là vô thường... Này các Tỷ-kheo? hành là vô thường, trong quá khứ5 trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo5 bậc đa văn Thánh đệ tử đối với hành quá khứ không tiếc nuối; đối với hành vị lai không hoan hỷ; đối với hành hiện tại hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo? thức là vô thường, trong quá khứ, trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy? này các Tỷ-kheo? bậc đa văn Thánh đệ tử đối với thức quá khứ không tiếc nuối; đối với thức vị lai không hoan hỷ; đối với thức hiện tại hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt. X. KINH BA THỜI LÀ KHỔ (Kãlattayadukkhasutta) (5. III. 19) 10. Nhân duyên ở Sãvatthi. sắc? này các Tỷ-kheo? là khổ? trong quá khứ, trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy? này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử đối với sắc quá khứ không tiếc nuối; đối với sắc vị lai không hoan hỷ; đối với sắc hiện tại hướng đến yểm ly, ly tham5 đoạn diệt. Thọ? này các Tỷ-kheo, là khổ... Tưởng, này các Tỷ-kheo? là khổ... Hành, này các Tỷ-kheo? là khổ... Thức, này các Tỷ-kheo? là khổ, trong quá khứ, trong vị lai. còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử đối với thức quá khứ không tiếc nuối; đối với thức vị lai không hoan hỷ; đối với thức hiện tại hướng đen yêm ly, ly tham, đoạn diệt. XI. KINH BA THỜI LÀ VÔ NGÃ (Kãlattayaanattasuttà) (5. III. 19) 11. Nhân duyên ở Sãvatthi. Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, trong quá khứ, trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử đối với sắc quá khứ không tiêc nuôi; đôi với săc vị lai không hoan hỷ; đôi với săc hiện tại hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt. Thọ? này các Tỷ-kheo, là vô ngã... Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô ngã... Hành, này các Tỷ-kheo? là vô ngã... Thức, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, trong quá khứ5 trong vị lai? còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy9 này các Tỷ-kheo? vị đa văn Thánh đệ tử đối với thức quá khứ không tiếc nuối; đối với thức vị lai không hoan hỷ; đối với thức hiện tại hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt.

n. PHẨM vô THƯỜNG (ANICCAVĂGGA)

I. KINH VÔ THƯỜNG (Aniccasuttăý6 (S III. 21) 12. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi. Tại đấy... Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, hành là vô thường, thức là vô thường. Thấy vậy5 này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc, yểm ly đôi với thọ5 yểm ly đôi với tưởng, yêm ly đôi với hành, yêm ly đôi với thức. Do yểm ly, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát.Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.”37 II. KINH KHỔ (Dukkhasutta) (5. III. 21) 13. Nhân duyên ở Sãvatthi. - Này các Tỷ-kheo5 sắc là khổ5 thọ là khổ5 tưởng là khổ, hành là khổ, thức là khổ. Thấy vậy? này các Tỷ-kheo? vị đa văn Thánh đệ tử yểm lẹ đối với sắc, yểm ly đối với thọ, yểm ly đối với tưởng, yểm ly đối với hành, yểm ly đối với thức. Do yểm ly, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được gi*i thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm5 không còn trở lại đời này nữa.” III. KINH VÔ NGÃ (Anattasutta) (5. III. 21) 14. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã5 thức là vô ngã. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc, yểm ly đôi với thọ, yêm ly đôi với tưởng, yêm ly đôi với hành, yêm ly đôi với thức. Do yểm ly, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta được giải thot."Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.9936 37

36 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1. OOOlaOÓ). 37 Nãparam ỉtthattãyã tỉpcỳãnãtỉ. Xem s. II. 20. Ngài Buddhaghosa trong DA. 226 giải thích: "Sau khi sự liến tục của 5 uẩn hiện tại đã chấm dứt sự sống của chúng, thì cũng sẽ không có sự liên tục của 5 uẩn trong tương lai cho ta."

IV. KINH CÁI GÌ VÔ THƯỜNG (Ẹadaniccasuttdỷ^ (5. III. 22) 15. Nhân duyên ở Sãvatthi. —Sắc, này các Tỷ-kheo5 là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cân phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.,, Thọ, này các Tỷ-kheo9 là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi? cái này không phải tự ngã của tôi?5 Tưởng, này các Tỷ-kheo5 là vô thường... Hành, này các Tỷ-kheo, là vô thường... Thức, này các Tỷ-kheo5 là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i." Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử yểm Ịẹ đối vơi sắc, yểm ly đối với thọ, ẹểm ly đối với tưởng, yểm ly đối với hành, yểm ly đối với thức. Do yểm ly, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta được giải thoát.,, Vị ấy biết: “Sanh đã tận? Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." V. KINH CÁI GÌ KHỔ (Yàmdukkhasutta)38 39 (S III. 22) 16. Nhân duyên ở

Sãvatthi. Sắc, này các Tỷ-kheo, là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi? cái này không phải tự ngã của t6i." Thọ, này các Tỷ-kheo, là khổ... Tưởng, này các Tỷ-kheo5 là khổ... Hành, này các Tỷ-kheo, là khổ... Thức, này các Tỷ-kheo, là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của t6i." Thấy vậy5 này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc, yểm ly đối với thọ9 yểm ly đôi với tưởng, yêm ly đôi với hành, yêm ly đôi với thức. Do yểm ly, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta được giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." VI. KINH CÁI GÌ VÔ NGÃ (Ẹadanattãsuttd) (5. III. 22) 17. Nhân duyên ở Sãvatthi.

38 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.9. 0002a02). 39 Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.10. 0002al2).

Săc, này các Tỷ-kheo? là vô ngã. Cái gì vô ngã cân phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i." Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô ngã... Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô ngã... Hành, này các Tỷ-kheo, là vô ngã... Thức, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: uCái này không phải của tôi? cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của t6i.” Thấy vậy5 này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc... “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.^, VIL KINH CÓ NHÂN LÀ VÔ THƯỜNG (Sahetuaniccasutta)4ồ (5. IIL 23) 18. Nhân duyên ở Sãvatthi. - Sắc, này các Tỷ-kheo? là vô thường. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho sắc sanh khởi5 cái ấy cũng vô thườnạ. sắc đã được cái vô thường làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu có thê thường được? Thọ, này các Tỷ-kheo5 là vô thường. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho thọ sanh khởi, cái ấy cũng vô thường. Thọ đã được cái vô thường làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo? từ đâu có thể thường được? Tưởng, này các Tỷ-kheo9 là vô thường... Hành, này các Tỷ-kheo? là vô thường... Thức, này các Tỷ-kheo? là vô thường. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho thức sanh khởi, cái ây cũng vô thường. Thức đã được cái vô thường làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu có thể thường được? Thấy vậy9 này các Tỷ-kheo? vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc... "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." VIII. KINH CÓ NHÂN LÀ KHỔ (Sahetudukkhasutta)40 41 (S. III. 23) 19. Nhân duyên ở Sãvatthi. Sắc, này các Tỷ-kheo? là khổ. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho sắc sanh khởi, cái ấy cũng kho. sắc đã được cái khổ làm cho sanh kh&i, này các Tỷ-kheo, từ đâu có thể lạc được? Thọ, này các Tỷ-kheo, là khổ... Tưởng, này các Tỷ-kheo5 là khổ... Hành, này các Tỷ-kheo, là khổ...

40 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.12. 0002Ồ04). 41 Như chú thích trên.

Thức, này các Tỷ-kheo, là khổ. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho thức sanh khởi, cái ấy cũng khổ. Thức đã được cái khổ làm cho sanh khởi, này các Tỷ- kheo, từ đâu có thể lạc được? Thấy vậy, này các Tỷ-kheo? vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc... “Sanh đã tận? Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.55 IX. KINH CÓ NHÂN LÀ VÔ NGÃ (Sahetuanattasutta) (5. III. 23) 20. Nhân duyên ở Sãvatthi. sắc? này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho sắc sanh khởi? cái ấy cũng vô ngã. sắc đã được cái vô ngã làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo? từ đâu là ngã được? Thọ... Tưởng... Hành, này các Tỷ-kheo, là vô ngã... Thức, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho thức sanh khởi? cái ấy cũng vô ngã. Thức đã được cái vô ngã làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo? từ đâu là ngã được? Thấy vậy9 này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc... "Sanh đã tận? Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm? không còn trở lại đời này nữa?5 X. KINH ÃNANDA (Ãnandasuttd) (S. III. 24) 21. Ở tại Sãvatthi... trong vườn ông Anãthapiṇḍika. —Lúc bấy giờ; Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Ẩ rin _ Thê Tôn: "Đoạn diệt, đoạn diet”, bạch Thế Tôn, chúng con được nghe nói đến. Do đoạn diệt những pháp nào, bạch Thế Tôn, được gọi là đoạn diệt? -Sắc, này Ananda, là vô thường, hữu vi, do nhân duyên sanh khởi? chịu sự đoạn tận? chịu sự hoại diet, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt. Sự đoạn diệt của sắc được gọi là đoạn diệt. Thọ? này Ãnanda, là vô thường, hữu vi, do nhân duyên sanh khởi, chịu sự đoạn tận, chịu sự hoại diệt, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt. Sự đoạn diệt của thọ được gọi là đoạn diệt. Tưởng, này Ãnanda, là vô thường... Hành, này Ãnanda, là vô thường... Thức, này Ananda, là vô thường, hữu vi, do nhân duyên sanh khởi5 chịu sự đoạn tận, chịu sự hoại diệt, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt. Sự đoạn diệt của thức được gọi là đoạn diệt. Sự đoạn diệt của những pháp này5 này Ãnanda, được gọi là đoạn diệt.

ni. PHẨM GÁNH NẶNG (BHẴRAK4GGA)

L KINH GÁNH NẶNG (Bhãrasutta)42 (5. III. 25) 22. Ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về gánh nặng, kẻ mang gánh nặng, mang gánh nặng lên? đặt gánh nặng xuống. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng. Này các Tỷ-kheo9 thế nào là gánh nặng? Năm thủ uẩn là câu trả lời. Thế nào là năm? sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là gánh nặng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là kẻ mang gánh nặng? Người là câu trả lời. Vị Tôn giả này có tên như thế này, dòng họ như thế này. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kẻ mang gánh nặng. Và này các Tỷ-kheo. thế nào là mang gánh nặng lên? Chính là tham ái này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, đi tìm hỷ lạc chỗ này chỗ kia: Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là mang gánh nặng lên. Này các Tỷ-kheo5 thế nào là đặt gánh nặng xuống? Đây là sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn9 sự từ bỏ5 sự xả ly, sự giải thoát, sự không chấp thủ. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là đặt gánh nặng xuống. Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Năm uẩn là gánh ïiặng, Kẻ gánh nặng là người, Mang lấy gánh nặng lên, Chính là khổ ở

đời? Còn đặt gánh nặng xuông, Tức là lạc [không khổ]. Đặt gánh nặng xuống xong, Không mang thêm gánh khác. Nếu nhổ khát ái lên9 Tận cùng đến gốc rễ? Không còn đói và khát,43 Được giải thoát tịnh lạc.44

42 Tham chiếu: Tạp,(T.02. 0099.73. 0019al5); Tăng.(7.02. 0125.25.4. 063ÍC11). 43 Nicchãta: Đã được đoạn trừ. 44 Parỉnỉbbuta'. Hoàn tất vòng hiện hữu.

II. KINH LIỄU TRI (Parinnasutta)45 (5. III. 26) 23. Nhân duyên ở Sãvatthi. Và này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ thuyết những pháp cần phải liễu tri, phải được liễu tri. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải liễu tri? sắc5 này các Tỷ- kheo5 là pháp cân phải liễu tri; thọ là pháp cân phải liêu tri; tưởng là pháp cân phải liễu tri; hành là pháp cần phải liễu tri; thức là pháp cần phải liễu tri. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là những pháp càn phải liễu tri. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là liễu tri? Này các Tỷ-kheo, sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si, này các Tỷ-kheo? được gọi là liễu tri. III. KINH THẮNG TRI (Abhijanasutta)4647 (S. III. 27) 24. Nhân duyên tại Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, do không thắng tri sắc, không liễu tri, không ly tham5 không từ bỏ5 nên không có thể đoạn tận khổ. Này các Tỷ-kheo5 do không thắng tri thọ... Này các Tỷ-kheo5 do không thắng tri tưởng... không thắng tri hành... Này các Tỷ-kheo, do không thắng tri thức, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ? nên không có thể đoạn tận khổ. Này các Tỷ-kheo? do thắng tri sắc, liễu tri5 ly tham, từ bỏ, nên có thể đoạn tận kho. Này các Tỷ-kheo9 do thăng tri thọ... thăng tri tưởng... thăng tri hành... Này các Tỷ-kheo9 do thắng tri thức, liễu tri, ly tham, từ bỏ, nên có thể đoạn tận kho. IV KINH DỤC THAM (Chandarãgasutta)41 (S. III. 27) 25. Nhân duyên ở Sãvatthi. Dục và tham (chandarãgă) đối với sắc, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó. Như vậy? săc ây sẽ được đoạn trừ, nhô tận gôc rê5 làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Dục và tham đối với thọ, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó. Như vậy5 thọ ấy sẽ được đoạn trừ, nhổ tận gốc rễ5 làm cho như thân cây Sa-la? làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Dục và tham đối với tưởng... Dục và tham đối với hành...

45 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.72. 00l9a04). Trong Vỉsm. 606, Ngài Buddhaghosa trình bày có 3 loại 4tliễu tri" thuộc thế gian: Đã biết được, suy tâm và đoạn diệt. 46 Tham chiếu: Tạp.(b.02. 0099.3. 000la28); Tạp. à (7.02. 0099.5. OOOlbló); Tạp. 0.02. 0099.7. OOOlcll). 47 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.77. 00l9c25).

Dục và tham đối với thức, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó. Như vậy, thức ấy sẽ được đoạn trừ, nhổ tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la? làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. V. KINH VỊ NGỌT (Assãdasuttd)^ (S III. 27) 26. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo9 trước khi Ta giác ngộ? chưa chứng Chánh đẳng giác, còn là Bô-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiêm? cái gì là sự xuất ly của săc? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gi la sự xuất ly của thọ? Cái gì là vị ngọt? cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của tưởng? Cái gì là

vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm? cái gì là sự xuất ly của hành? Cái gì là vị ngọt5 cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của thức?" Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Do duyên sắc5 lạc hỷ sanh; cái ấy gọi là vị ngọt của sắc. Sự vô thường, đau khổ, chịu sự biến hoại của sắc; cái ấy gọi là sự nguy hiểm của sắc. Sự nhiếp phục dục và tham đối với sắc, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là sự xuất ly cua sắc.95 "Do duyên thọ, lạc hỷ sanh..." "Do duyên tưởng, lạc hỷ sanh...99 "Do duyên hành, lạc hỷ sanh; cái ây gọi là vị ngọt của hành. Sự vô thường, đau khổ, chịu sự biến hoại của hành; cái ấy gọi là sự nguy hiểm của hành. Sự nhiếp phục dục và tham đối với hành, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là sự xuất ly của hành." í6Do duyên thức, lạc hỷ sanh; cái ấy gọi là vị ngọt của thức. Sự vô thường, đau khổ? chịu sự biến hoại của thức; cái ấy gọi là sự nguy hiểm của thức. Sự nhiếp phục dục và tham đối với thức, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là sự xuất ly của thức." Nàỵ các Tỷ-kheo, cho đên khi nào đôi với năm thủ uân này, Ta chưa như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly. Thời này các Tỷ-kheo5 Ta không tuyên bố rằng Ta đã giác n^ộ Vô thượng Chánh đẳng giác đối với thế giới Thiên, Ma, Phạm thiên; với quần chúng Sa-môn, Bà- la-môn; với chư thiên và loài người. Nhimg này các Tỷ-kheo, khi nào đối với năm thủ uẩn này, Ta như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nệuy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly. Thời nàỵ các Tỵ-kheo, Ta tuyên bố rang Ta đã giác nệộ Vô thượng Chánh đẳng giác đoi với thê giới Thiên, Ma, Phạm thiên; với quân chúng Sa-môn, Bà-la-môn; với chư thiên và loài người. Và tri kiến như sau khởi lên nơi Ta:

48 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.14. 0002cll).

"Tâm Ta giải thoát, bất động. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa.^, VI. KINH VỊ NGỌT THỨ HAI (Dutìyaassãdasutta) (S. III. 29) 27. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo? Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của sắc. Vị ngọt của sắc là gì9 Ta đã chứng đắc. Vị ngọt của sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo? Ta đã đi tìm câu sự nguy hiêm của săc. Sự nguy hiêm của sắc là gi, Ta đã chứng đắc. Sự nguy hiểm của sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm câu sự xuất ly của săc. Sự xuất ly của săc là gì, Ta đã chứng đăc. Sự xuất ly của săc như thê nào, Ta đã khéo thây với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo? Ta đẫ đi tìm cầu vị ngọt của thọ... Này các Tỷ-kheo? Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của tưởng... Này các Tỷ-kheo? Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của hành... Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của thức. Vị ngọt của thức là gi, Ta đã chứng đắc. Vị ngọt của thức như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo? Ta đã đi tìm cầu sự nguy hiểm của thức. Nguy hiểm của thức là gì, Ta đã chứng đăc. Nguy hiêm của thức như thê nào, Ta đã khéo thây với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo? Ta đã đi tìm cầu sự xuất ly của thức. Xuất ly của thức là _ r A _ « «Y , Y gì, Ta đã chứng đắc. Xuất ly của thức như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nàỵ các Ty.kheo, cho đến khi nào đối với năm thủ uẩn này, Ta chưa như thật biết vị ngọt là vị ngọt? nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly. Thời này các Tỷ-kheo? Ta không tuyên bố rằng Ta đã giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác đối với thế giới Thiên, Ma, Phạm thiên; với quần chúng Sa-môn, Bà-la- môn; chư thiên và loài người. Và tri kiến như sau

khởi lên nơi Ta: "Tâm Ta giải thoát, bất động. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa." VII. KINH VỊ NGỌT THỨ BA (TatiyaassãdasuttaỴ9 (5. III. 29) 28. Nhân duyên ở Sãvatthi. —Này các Tỷ-kheo5 nêu không có vị ngọt của săc, thời các loài hữu tình không có tham đắm đối với sắc. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có vị ngọt của sắc cho nên các loài hữu tình có tham đắm đối với sắc. Này Tỷ-kheo, nếu không có sự nguy hiểm của sắc, thời các loài hữu tình không có yêm ly đôi với săc. Và vì răng, này các Tỷ-kheo, có sự nguy hiêm của sắc cho nên các loài hữu tình có yểm ly đối với sắc.49

49 Tham chiếu: Tạp.(ro2. 0099.13. 0002Ồ15).

Này các Tỷ-kheo, nêu không có sự xuât ly đôi với săc, thời các loài hữu tình không có xuất ly đối với sắc. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự xuất ly của sắc cho nên các loài hữu tình có xuất ly đối với sắc. Này các Tỷ-kheo5 nếu không có vị ngọt của thọ... Này các Tỷ-kheo, nêu không có vị ngọt của tưởng... Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của hành... Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của thức, thời các loài hữu tình không có tham đắm đối với thức. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo9 có vị ngọt của thức cho nên các loài hữu tình có tham đắm đối với thức. Này các Tỷ-kheo, nêu không có sự nguy hiêm của thức, thời các loài hữu tình không có yểm ly đối với thức. Và vì rằng5 này các Tỷ-kheo5 có sự nguy hiểm đối với thức cho nên các loài hữu tình có yểm ly đối với thức. Này các Tỷ-kheo, nêu không có sự xuât ly đôi với thức, thời các loài hữu tình không có xuất ly đối với thức. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo5 có sự xuất ly đối với thức cho nên các loài hữu tình có xuất ly đối với thức. Này các Tỷ-kheo9 khi nào các loài hữu tình đối với năm thủ uẩn này không như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm5 xuất ly là xuất ly. Thời các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo5 với thế giới Thiên, Ma, Phạm thiên; với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn; với chư thiên và loài người, không thể sống xuất ly, thoát sự liên he, giải thoát với tâm tự tại. Và này các Tỷ-kheo9 khi nào các loài hữu tình đôi với năm thủ uân này, như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly. Thời các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo, với thế giới Thiên, Ma, Phạm thiên; với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn; với chư thiên và loài người, có thể sống xuất ly, thoát sự liên hệ, giải thoát với tâm tự tại. VIII. KINH HOAN HỶ (Abhinandanasutta)5ồ (5. III. 31) 29. Nhân duyên ở Sãvatthi. -Này các Tỷ-kheo5 ai hoan hỷ sắc, người ấy hoan hỷ khổ. Ai hoan hỷ khổ? Ta nói người ấy không giải thoát khỏi khổ. Này các Tỷ-kheo? ai hoan hỷ thọ... Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ tưởng... Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ hành... Này các Tỷ-kheo5 ai hoan hỷ thức, người ấy hoan hỷ khổ. Ai hoan hỷ khổ5 Ta nói người ấy không giải thoát khỏi khổ. Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ săc5 người ây không hoan hỷ khô. Ai không hoan hỷ khổ? Ta nói người ấy giải thoát khỏi khổ.

50 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.3. 000U28); Tạp.(T.02. 0099.5. OOOlbló); Tạp.(T.02. 0099.7. OOOlcllỹ

Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ thọ... Và này các Tỷ-kheo5 ai không hoan hỷ tưởng... Và này các Tỷ-kheo? ai không hoan hỷ hành... Và này các Tỷ-kheo? ai không hoan hỷ thức, người ấy không hoan hỷ khổ. Ai không hoan hỷ khổ5 Ta nói người ấy giải thoát khỏi khổ.

IX. KINH SANH KHỞI (Uppãdasutta)51 (5. III. 31) 30. Nhân duyên ở Sãvatthi. —Này các Tỷ-kheo, cái gọi là sắc sanh, trú, khởi, hiện hữu; cái ấy là khổ sanh, bệnh tật trú, già chết hiện hữu. Này các Tỷ-kheo5 cái gọi là thọ sanh, trú, khởi, hiện hữu... tưởng sanh, trú, khởi, hiện hữu... hành sanh, trú, khởi, hiện hữu... Này các Tỷ-kheo, cái gọi là thức sanh, trú5 khởi, hiện hữu; cái ấy gọi là khổ sanh, bệnh tật trú, già chết hiện hữu. Này các Tỷ-kheo, cái gọi là sắc đoạn diet, an chi, biến mất; cái ấy gọi là khổ đoạn diệt, bệnh tật an chí, già chết biến mất. Này các Tỷ-kheo5 cái gọi là thọ đoạn diệt... tưởng đoạn diệt... hành đoạn diệt... Này các Tỷ-kheo? cái gọi là thức đoạn diệt, an chỉ, biến mất; cái ấy là khổ đoạn diệt, bệnh tật an chí, già chêt biên mât. X. KINH CỘI GỐC CỦA ĐAU KHỔ (Aghamũlasutta)52 (5. III. 32) 31. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về đau khổ và cội gốc của đau khổ. Hãy lắng nghe... Này các Tỷ-kheo? thế nào là đau khổ? sắc, này các Tỷ-kheo5 là đau khổ; thọ là đau khổ; tưởng là đau khổ; hành là đau khổ; thức là đau khổ. Đây, này các Tỷ-kheo5 gọi là đau khổ. Này các Tỷ-kheo, thế nào là cội gốc của đau khổ? Chính là khát ái này hướng tới tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia: Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. XI. KINH HOẠI PHÁP (Pabhangusutta)53 (S. III. 32) 32. Nhân duyên ở Sãvatthi. Và này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ thuyêt vê hoại pháp và bât hoại pháp. Hãy lắng nghe... Và này các Tỷ-kheo, cái gì là hoại pháp? Cái gì là bất hoại pháp?

51 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.78. 0020a03). 52 Agha. SA. II. 265: Aghanti dukkham, nghĩa là khổ. Xem thêm chú thích trong KS. II. 116. 53 Xem s. V. 92. Tham chiếu: Tạp. B (7.02. 0099.51. 0012ỒỒ25).

Sắc, này các Tỷ-kheo5 là hoại pháp. Sự đoạn diệt của sắc ấy5 sự an chí, biến mất là bất hoại pháp. Thọ? này các Tỷ-kheo, là hoại pháp... Tưởng, này các Tỷ-kheo, là hoại pháp... Hành, này các Tỷ-kheo? là hoại pháp... Thức, này các Tỷ-kheo, là hoại pháp. Sự đoạn diệt của thức ấy, sự an chi, biến mất là bất hoại pháp.

IV PHẢM KHÔNG PHẢI CỦA CÁC ÔNG (NATUMHÃKAMVAGGA)

I. KINH KHÔNG PHẢI CỦA CÁC ÔNG (NatumhãkarỊisutta)^ (S. III. 33) 33. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các 6ng, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các ông? _ Săc, này các Tỷ-kheo, không phải của các ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Thọ, này các Tỷ-kheo, không phải của các ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Tưởng, này các Tỷ-kheo... Hành, này các Tỷ-kheo... Thức, này các Tỷ-kheo, không phải của các ông? hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, có người mang lại

cỏ? củi, cành cây, lá của Jetavana này; và đốt chúng hay tùy theo duyên sử dụng chúng. Các ông có nghĩ rằng: "Người [ấy] mang chúng t6i, hay đốt, hay tùy theo duyên sử dụng chúng tôi,5? Thưa không, bạch Thế Tôn. Vì sao như vậy? Vì cái ấy không phải chúng con, bạch Thế Tôn5 cái ấy không phải thuộc tự ngã của chúng con. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, sắc không phải của các ông5 hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc? an lạc cho các ông. Thọ không phải của các ông... Tưởng không phải của các ông... Hành không phải của các ông... Thức không phải của các ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc9 an lạc cho các ông. II. KINH KHÔNG PHẢI CỦA CÁC ÔNG THỨ HAI (Putiyanatumhãkamsuttdỷ5 (S. III. 34) 34. Nhân duyên ở Sãvatthi. Cái gì không phải của các ông, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông.

54 Tham chiếu: Tạp.(7L02. 0099.274. 0073a02); Tạp.(T.02. 0099.269. 0070ỒỒ1). 55 Tham chiếu: Tạp. Ể (7.02. 0099.269. 0070b01).

Này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các ông? Sắc, này các Tỷ-kheo, không phải của các ông5 hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Thọ? này các Tỷ-kheo5 không phải của các ông... Tưởng, này các Tỷ-kheo... Hành, này các Tỷ-kheo... Thức, này các Tỷ-kheo, không phải của các ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc? an lạc cho các ông. III. KINH VỊ TỶ-KHEO (Annatarabhikkhusutta) (S. III. 35) 35. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rôi một vị Tỷ-kheo đi đên Thê Tôn; sau khi đên, đảnh lê Thê Tôn, rôi ngôi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Ton hãy thuyết pháp vắn tắt cho con! Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, tịnh cu, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Này Tỷ-kheo, cái gì người ta thiên chấp (anusetí), người ta sẽ được xưng danh (sankham gacchatí) tùy theo thiên chấp tùy miên ấy. Cái gì người ta không thiên chấp tùy miên, người ta sẽ không được xưng danh tùy theo thiên chấp tùy miên ấy. Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Như thê nào. này Tỷ-kheo. ông hiêu ý nghĩa một cách rộng rãi điêu Ta nói một cách vắn tắt? , , , Bạch Thế Tôn, nếu thiên chấp sắc, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp thọ5 do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp tưởng, do thiên chấp ấy được xưng danh. Neu thiên chấp hành, do thiên chấp ấy được xrnig danh. Nếu thiên chấp thức, do thiên chấp ấy được xưng danh. Bạch Thế Tôn? nếu không thiên chấp sắc, không do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Nếu không thiên chấp hành... Neu không thiên chấp thức, không do thiên chấp ấy được xưng danh. Bạch Thê Tôn, với lời nói văn tăt này của Thê Tôn, con hiêu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. - Lành thay5 lành thay, Tỷ-kheo! Lành thay, với lời nói vắn tắt này của Ta, ỗnệ đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy! Nếu thiên chấp sắc, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp thọ... Nếu thiên chấp tưởng... Nếu thiên chấp hành... Nếu thiên chấp thức, do thiên chấp ấy được xưng danh. Này Tỷ>kheo? nếu không thiên chấp sắc, không do thiên chấp ấy được xưng danh. Neu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Nếu không thiên châp hành... Nêu không thiên

chấp thức, không do thiên chấp ấy được xưng danh. Với lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo5 ông cần phải hiểu một cách rộng rãi như vậy.

22. TƯƠNG ƯNG UẨN 539

Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn thuyết, từ chỗ ngồi đứng dậy, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi Tỷ-kheo ấy sống một mình, tịnh cu, không phóng dật5 nhiệt tâm, tinh cần5 không bao lâu chứng được mục đích mà con nhà lương gia chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến; đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh. Vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Và vị Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa. IV KINH VỊ TỶ-KHEO THỨ HAI (Dutiyaannatarabhikkhusutta) (5. III. 37) 36. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch FTli A rT*l A Thê Tồn: Lành thay, bạch Thế T6n, nếu Thế Tôn thuyết pháp một cách vắn tắt cho con! Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp9 con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm? tinh cần. Này Tỷ-kheo, cái gì người ta thiên chấp, với cái ây, người ta được đo lường; cái gì người ta được đo lường, với cái ấy, người ta được xưng danh. Cái gì người ta không thiên chấp, với cái ấy, người ta không được đo lường; cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xưng danh. —Con đã hiểu5 bạch Thế Tôn. Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, ông đã hiểu một cách rộng rãi như thế nào? -Nêu thiên chấp săc, bạch Thê Tôn? với săc9 người ta được đo lường; với cái gì người ta được đo lường, với cái ấy, người ta được xưng danh. Nếu thiên chấp thọ... Nếu thiên chấp tưởng... Nếu thiên chấp hành... Nếu thiên chấp thức, với thức, người ta được đo lường; với cái gì người ta được đo lường, với cái ấy, người ta được ximg danh. Nếu không thiên chấp sắc, bạch Thế Tôn? với sắc, người ta không được đo lường; với cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xưng danh. Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Neu không thiên chấp hành... Neu không thiên chấp thức, với thức, người ta không được đo lường; với cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xưng danh. Với lời nói vắn tắt này của Thế Tôn5 bạch Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. -Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời nói vắn : •ỉ . tăt này của Ta, ông đã hiêu một cách rộng rãi như vậy. Nêu thiên chấp săc, này Tỷ-kheo, với sắc, người ta được đo lường; với cái gì được đo lường, với cái ấy,

540 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ III. THIÊN UẨN

người ta được xưng danh. Nếu thiên chấp thọ... Nếu thiên chấp tưởng... Nấu thiên chấp hành... Nếu thiên chấp thức? với thức, người ta được đo lường; với cái gì người ta được đo lường, với cái ấy, người ta được xưng danh. Nếu không thiên chấp sắc? này Tỷ-kheo, với sắc5 người ta không được đo lường; với cái gì nạrời ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xưng danh. Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Nếu không thiên chấp hành... Nếu không thiên chấp thức, với thức, người ta không được đo lường; với cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta

không được xưng danh. Với lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Rồi Tỷ-kheo ấy? sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn thuyết, từ chỗ ngồi đứng dậy? thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi Tỷ-kheo ấy sống một mình, tịnh cu, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng được mục đích mà con nhà lương gia chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình? sống không gia đình hướng đến; đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh. Vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.,, Và vị Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

V. KINH ÃNANDA (Ânandasutta) (5. III. 37) 37. Nhân duyên ở Sãvatthi... Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda đang ngồi một bên: Này Ãnanda, nếu có nẹười hỏi ông: “Này Hiền giả Ãnanda, những pháp nào, sự sanh khởi đã được thây rõ; sự diệt mất đượe thấy rõ; trong khi tồn tại? sự biến đổi được thấy r6?" Nếu được hỏi vậy, này Ãnanda, ông trả lời như thế nào? -Bạch Thế T6n, nếu có người hỏi con: "Này Hiền giả Ananda, những pháp nào5 sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rỗT' Được hỏi vậy? bạch Thế Tôn? con sẽ trả lời như sau: "Trong sắc5 này Hiền ệìầ, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại5 sự biên đổi được thây rõ. Trong thọ... Trong tưởng... Trong hành... Trong thức, này Hiền giả, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như vậy. -Lành thay, lành thay, này Ananda! Này Ananda, trong săc, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại? sự biến đổi được thấy rõ; Trong thọ... Trong tưởng... Trong hành... Trong thức, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Này Ãnanda, trong những pháp này, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Được hỏi như vậy, này Ananda, ông phải trả lời như vậy.

VI. KINH ÃNANDATHỨHAI (Dutìyaãnandasutta) (S III. 38) 38. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này Ananda, nếu ông được hỏi như sau: “Trong những pháp nào5 này Hiền giả Ãnanda, sự sanh khởi đã được thấy rõ; sự diệt mất đã được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ? Trong những pháp nào, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ; sự diệt mất sẽ được thấy rõ; trong khi tôn tại, sự biến đổi sẽ được thây rõ? Trong những pháp nào, sự sanh khởi được thây rõ; sự diệt mât được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ?95 Được hỏi như vậy? này Ãnanda, ông trả lời như thế nào? -Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi như sau: "Trong những pháp nào, này Hiền giả Ãnanda, sự sanh khởi đã được thấy rõ; sự diệt mất đã được thấy rõ; trong khi tồn tại? sự biến đổi đã được thấy rõ? Trong những pháp nào, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ; sự diệt mất sẽ được thây rõ; trong khi tôn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ? Trong những pháp nào, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy r6?” Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn? con sẽ trả lời như sau: "Đối với sắc quá khứ, này Hiền giả? đã đoạn diệt, đã biến hoại, đối với sắc ấy, sự sanh khởi đã

được thấy rõ; sự diệt mất đâ được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biên đôi đã được thây rõ. Đôi với thọ quá khứ, đã đoạn diệt, đã biên hoại, sự sanh khởi của thọ ấy được thấy rõ; sự diệt mất đã được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biên đôi đã được thây rõ. Đôi với tưởng... Đôi với hành... Đôi với thức quá khứ, đã đoạn diệt, đã biên hoại, sự sanh khởi của thức ây đã được thây rõ; sự diệt mất đã được thấy rõ; trong khi tồn tại? sự biến đổi đã được thấy rõ. Trong những pháp này, này Hiền giả, sự sanh khởi đã được thấy rõ? sự diệt mất đã được thây rõ; trong khi tôn tại, sự biên đôi đã được thây rõ. Đối với sắc chưa sanh, này Hiền giả? chưa hiện hữu, trong sắc ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ; sự diệt mất sẽ được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với thọ chưa sanh, chưa hiện hữu, trong thọ ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ; sự diệt mất sẽ được thấy rõ; trong khi tồn tại? sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với tưởng... Đối với hành... Đối với thức chưa sanh, chưa hiện hữu, sự sanh khởi sẽ được thây rõ; sự diệt mât sẽ được thây rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Trong những pháp này, này Hiền giả, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ; sự diệt mất sẽ được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với sắc đã sanh? này Hiền giả, đã hiện hữu, trong sắc ấy, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Đối với thọ đã sanh, đã hiện hữu... Đối với tưởng đã sanh, đã hiện hữu... Đoi với hành đã sanh, đã hiện hữu... Đối với thức đã sanh, đã hiện hữu, trong thức ấy, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Tronệ những pháp này? này Hiền gisự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thay rõ; trong khi ton tại, sự biến đổi được thấy

Nếu con được hỏi như vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như vậy. Lành thay, lành thay, này Ãnanda! Này Ãnanda, đối với sắc thuộc quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại, đối với sắc ấy, sự sanh khởi đã được thấy rõ; sự diệt mất đã được thấy rõ; trong khi tồn tại5 sự biến đổi đã được thấy rõ. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với hành... Đối với thức thuộc quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại5 trong thức ấy5 sự sanh khởi đã được thấy rõ; sự diệt mất đã được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Trong các pháp này, này Ãnanda, sự sanh khởi đã được thấy rõ; sự diệt mất đã được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Đối với sắc chưa sanh, này Ảnanda, chưa hiện hữu, trong sắc ấy5 sự sanh khởi sẽ được thấy rõ; sự diệt mất sẽ được thấy rõ; trong khi tồn tại5 sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với hành... Đối với thức chưa sanh, chưa hiện hữu, trong thức ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ; sự diệt mât sẽ được thây rõ; trong khi tôn tại, sự biên đôi sẽ được thây rõ. Đôi với những pháp này, này Ãnanda,7 sự D J sanh khởi sẽ được . J rõ;7 sự• diệt thấy • mất sẽ được •

thây rõ; trong khi tôn tại, sự biên đôi sẽ được thây rõ. Đối với sắc đã sanh, này Ãnanda, đã hiện hữu, đối với sắc ấy, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với hành... Đối với thức đã sanh, đã hiện hữu, đối với thức ấy, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại5 sự biến đổi được thấy rõ. Trong những pháp này, sự

sanh khởi được thây rõ; sự diệt mât được thây rõ; trong khi tôn tại, sự biên đôi được thây rõ. Được hỏi như vậy, này Ãnanda, ông cần phải trả lời như vậy.

VIL KINH TÙY PHÁP (Anudhammasutta) (5. III. 40) 39. Nhân duyên ở Sãvatthi. Đối với vị Tỷ-kheo thực hành pháp và tùy pháp, tùy pháp này có mặt: Đối với sắc, vị ấy sống nhiều yểm ly; đối với thọ, vị ấy sống nhiều yểm ly; đối với tưởng, vị ấy sống nhiều yểm ly; đối với hành, vị ấy sống nhiều yểm ly; đối với thức, vị ấy sống nhiều yểm ly. Ai sống nhiều yểm ly đối với sắc, đối với thọ? đối với tưởng, đối với hành, đối với thức; vị ấy liễu tri sắc, liễu tri thọ, liễu tri tưởng, liễu tri hành, liễu tri thức. Do liễu tri sắc, liễu tri thọ5 liễu tri tưởng, liễu tri hành, liễu tri thức; vị ấy được giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ5 giải thoát khỏi tưởng, giải thoát khỏi hành, giải thoát khỏi thức, giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói vị ấy giải thoát khỏi đau khổ. VIII. KINH TÙY PHÁP THỨ HAI (Dutiyaanudhammasutta) (5. III. 41) 40. Nhân duyên ở Sãvatthi. Đôi với vị Tỷ-kheo thực hành pháp và tùy pháp, tùy pháp này có mặt: Vị ấy sống tùy quán vô thường trong săc... Ta nói vị ây giải thoát khỏi đau khổ.

IX. KINH TÙY PHÁP THỨ BA (Tatiyaanudhammasutta) (S. IIL 41) 41. Nhân duyên ở Sãvatthi. Đối với vị Tỷ-kheo thực hành pháp và tùy pháp, tùy pháp này có mặt: Vị ấy sống tùy quán khổ trong sắc... Ta nói vị ấy giải thoát khỏi đau khổ. X. KINH TÙY PHÁP THỨ TƯ (Catutthaanudhammasutta) (S. III. 41) 42. Nhân duyên ở Sãvatthi. Đối với vị Tỷ-kheo thực hành pháp và tùy pháp, tùy pháp này có mặt: Vị ấy sống tùy quán vô ngã trong sắc... trong thọ... trong tưởng... trong hành; vị ấy sống tùy quán vô ngã trong thức. Ai sống tùy quán vô ngã trong sắc, trong thọ, trong tưởng, trong hành, trong thức; vị ấy liễu tri sắc5 liễu tri thọ, liễu tri tưởng, liễu tri hành, liễu tri thức. Do vị ây liêu tri săc5 liêu tri thọ5 liêu tri tưởng, liêu tri hành? liêu tri thức; vị ây giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, giải thoát khỏi tưởng, giải thoát khỏi hành, giải thoát khỏi thức, giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi5 khổ, ưu, não. Ta nói vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.

V PHẨM Tự MÌNH LÀM HÒN ĐẢO (ATTADlPAVAGGA)

I. KINH Tự MÌNH LÀM HÒN ĐẢO (Attadĩpasutta)56 (5. III. 42) 43. Nhân duyên ở Sãvatthi. Hãy sống tự mình làm hòn đảo cho chính mình, này các Tỷ-kheo? hãy nương tựa nơi chính minh, không nương tựa một ai khác. Hãy lấy pháp làm hòn đảo? hãy lấy pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác. Với những ai sống tự mình làm hòn đảo cho chính mình, này các Tỷ-kheo? nương tựa nơi chính mình, không nương tựa một ai khác. Lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác, hãy như lý quán sát:57 "Sầu, bi, khổ, ưu, não do nguồn gốc gì sanh? Do cái gì làm cho hiện hữu?,^ Và này các Tỷ-kheo, sâu5 bi, khô, ưu, não do nguôn gôc gì sanh? Do cái gì làm cho hiện hữu? Ở dây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán (samanupassatí) sắc như là tự

ngã, hay tự ngã như là có sắc? hay sắc ở trong tự ngã5 hay tự ngã ở trong sắc. sắc của vị ấy biến hoại và đổi khác. Khi sắc của vị ấy biến hoại và đổi khác thì sầu, bi, khổ5 ưu, não sẽ khởi lên. Vị ấy quán thọ như là tự ngã... Vị ấy quán tưởng như là tự ngã... Vị ấy quán hành như là tự ngã... Vị ấy quán thức như là tự ngã? hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã? hay tự ngã ở trong thức. Thức này của vị ấy biến hoại và đổi khác. Khi thức của vị ấy biến hoại và đổi khác thì sầu, bi, khổ, ưu5 não sẽ khởi lên. Này các Tỷ-kheo, biêt săc là vô thường, biên hoại, ly tham, đoạn diệt; vị ây thấy tất cả sắc xưa và nay là vô thuờng, khổ, chịu sự biến hoại; do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy9 sâu, bi, khô9 ưu, não được đoạn tận; do chúng được

56 Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.36. 0008a21). Attađĩpa: Tự mình làm hòn đảo hay tự mình thắp đuốc lên mà đi. Attasaraụa'. Chỗ che chở, mục tiêu, nơi nương tựa. 57 Yonỉ upaparỉkkhỉtabbã. Yoni\ Nguồn gốc. Thường viết yoniso như trong yonỉso manasỉkãra, như lý quán sát. SA. II. 269: Yonĩtỉ kãranam. Xem KS. I. 131.

đoạn tận? vị ấy không bị ưu, não; do không bị ưu, não? vị ấy sống an lạc; do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là vị đã lắng dịu (tadanganibbuto) mọi tướng phần [nhất hướng Niết-bàn]. Này các Tỷ-kheo9 biết thọ là vô thường, biến hoại, ly tham, đoạn diệt; vị ấy thấy tất cả thọ xưa và nay làyô thuờng, khô, chịu sự biến hoại; do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, sầu, bi, khô? ưu, não được đoan tận; do chúng được đoạn tận? vị ấy không bị ưu, não; do không bị ưu, não? vị ấy sống an lạc; do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là vị đã lắng dịu mọi tướng phần. Này các Tỷ-kheo, biết tưởng là vô thường... Này các Tỷ-kheo? biết hành là vô thường... Này các Tỷ-kheo, biết thức là vô thường, biến hoại, ly tham, đoạn diệt; vị ấy thấy tất cả thức xưa và nay là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại; do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy? sầu, bi, khổ, ưu, não được đoạn tận^ do chúng được đoạn tận? vị ấy không bị ưu, não; do không bị ưu, não9 vị ấy sống an lạc; do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là vị đã lắng dịu mọi tướng phần. II. KINH CON ĐƯỜNG (Patipadãsutta)^ (S. III. 44) 44. Nhân duyên ở Sãvatthi.
Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về con đường đưa đến thân kiến tập khởi và con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là con đường đưa đến thân kiến tập khởi? Ở đây? này các Tỷ-kheo? kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân5 không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự nga, hay tự ngã như là có sắc? hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. ... quán thọ... quán tưởng... quán hành... quán thức như là tự ngã5 hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến thân kiến tập khởi. Con đường đưa đến thân kiến tập khởi có nghĩa là sự quán sát đưa đến khổ tập khởi. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử thấy rõ các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh; thấy rõ các bậc Chân nhân, thuân thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân; không quán sắc như là tự

ngã5 hay không quán tự ngã như là có sắc? hay không quán sắc ở trong tự ngã? hay không quán tự ngã ở trong sắc. ... không quán thọ... không quán tưởng... không quán hành... không quán thức như là tự ngã, hay không quán tự ngã như là có thức, hay không quán thức ở trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong thức.*

58 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.69. 0018a26).

Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt. Con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt có nghĩa là sự quán sát đưa đến khổ đoạn diệt. IIL KINH VÔ THƯỜNG (Aniccasutta)59 (5. III. 44) 45. Nhân duyên ở Sãvatthi. sắc9 này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã? cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi9 cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của t6i.” Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy9 tâm ly tham, được giải thoát,60 không có chấp thủ các lậu hoặc.61 Thọ? này các Tỷ-kheo5 là vô thường... Tưởng, này các Tỷ-kheo5 là vô thường... Hành, này các Tỷ-kheo, là vô thường... Thức, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì là vô ngã? cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i.” Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy? tâm ly tham, được giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo5 nêu vị Tỷ-kheo đôi với săc giới5 có tâm ly tham, giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc; đối với thọ giới... đối với tưởng giới... đôi với hành giới... đôi với thức giới, có tâm ly tham, giải thoát, không có châp thủ các lậu hoặc; do giải thoát, vị ấy an trú; do an trú, vị ấy tri túc; do tri túc, vị ấy không ưu, não; do không ưu, não, vị ấy tự mình tịch tịnh. Vị ấy biết: "Sanh đã tận? Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." IV. KINH VÔ THƯỜNG THỨ HAI (Dutiyaaniccasutta)62 (S III. 45) 46. Nhân duyên ở Sãvatthi. Sắc, này các Tỷ-kheo5 là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: “Cái này không phải của tôi? cái này không phải là tôi? cái này không phải tự ngã của t6i." Thọ? này các Tỷ-kheo5 là vô thường... Tưởng, này các Tỷ-kheo? là vô thường... Hành5 này các Tỷ-kheo, là vô thường... Thức, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: “Cái này không phải của tôi? cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i."

59 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.84. 0021c05). 60 Vị ấy ly tham khi chứng được Đạo và giải thoát khi chứng được Quả. Xem s. II. 48. 61 SA. II. 269: Anupãdãya ãsavehĩti anuppãdanỉrodhena nỉruddhehỉ ãsavehỉ agahetvã iti vỉmuccati. Anupãdãya ãsavehĩtỉ (4íNhờ việc không chấp thủ các lậu hoặc" nghĩa là nhờ sự đoạn diệt các lậu hoặc chưa sanh khởi, vị ấy ìdiông bám víu, rang buộc và như vậy được giải thoát). 62 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.85. 0021C15).

Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy không có các tùy kiến về quá khứ; do không có các tùy kiến về quá khứ nên không có các tùy kiến về tương lai; do không có các tùy kiên vê txrơng lai, kiên trì châp thủ không có; do không có kiên trì chấp thủ, đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... đối với thức, tâm ly tham, giải thoát, không chấp thủ các lậu hoặc; do giải thoát, vị ấy an trú; do an trú, vị ấy tri túc; do tri túc, vị ấy không ưu, não; do không ưu, não5 vị ây tự mình được tịch tịnh một cách viên mãn. Vị ây biêt: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” V. KINH QUÁN KIẾN (Samanupassanãsutta)63 (5. III. 46) 47. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo? những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán tự ngã dưới nhiều hình thức sai khác, quán cả năm thủ uẩn hay quán một trong năm thủ uẩn. Thế nào là năm? Này các Tỷ-kheo? ở đây kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân5 không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có săc9 hay săc ở trong tự ngã5 hay tự ngã ở trong săc; quán thọ... quán tưởng... quán hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã5 hay tự ngã ở trong thức. Nếu quán như vậy5 thời đi đến chap kiến: “T6i là.” Này các Tỷ-kheo5 khi đi đến chấp kiến: "Tôi là”, thời năm căn nhập vào [hiện hữu], tức là nhãn căn? nhĩ căn, tỷ căn5 thiệt căn? thân căn. Này các Tỷ-kheo5 có ý? có các pháp, có vô minh giới. Cảm xúc bởi cảm thọ? [cảm thọ này] sanh do xúc chạm với vô minh, kẻ vô văn phàm phu đi đến chấp kiến: "T6i là"; đi đến chấp kiến: "Cái này là t6i”; đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ w đi dến chấp kiến "Tôi sẽ không là”; đi đến chấp kiến: uTôi sẽ hiện hữu với sắc”; đi đến chấp kiến: uTôi sẽ hiện hữu với vô sắc”; đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với tưởng”; đi đến chấp kiến: "T6i sẽ hiện hữu với không tưởng”; đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với phi tưởng phi phi tưởng.” Như vậy5 này các Tỷ-kheo, do năm căn an trú ở đây? nhưng đối với vị đa văn Thánh đệ tử, vô minh được đoạn trừ và minh khởi lên. Do vô minh được đoạn trừ, do minh sanh khởi, không đi đến chấp kiến: "T6i là"; không đi đến chấp kiến: "Cái này là t6i”; không đi đến chấp kiến: "T6i sẽ hiện hữu”;... "Tôi sẽ không hiện hữu". "T6i sẽ hiện hữu với sắc”;... "Tôi sẽ hiện hữu với vô sắc”;... "Toi sẽ hiện hữu với tưởng”... "Tôi sẽ hiện hữu với vô tưởng”; không đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với phi tưởng phi phi tưởng."

63 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.45. OOllbOl); Tạp.(T.02. 0099.63. 00l6bl3).

VI. KINH CÁC UẨN (Khandhasutta)64 (S. III. 47) 48. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng năm uân và năm thủ uân? hãy lăng nghe. Này các Tỷ-kheo, thế nào là năm uẩn? Này các Tỷ-kheo? phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai5 hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần5 đây gọi là sắc uẩn. Này các Tỷ-kheo, phàm có thọ gì... phàm có tưởng gì... phàm có hành gì... Này các Tỷ-kheo? phàm có thức gì thuộc quá khứ, vị lai? hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, đây gọi là thức uẩn. Những cái này5 này các Tỷ-kheo9 được gọi là năm uẩn. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là năm thủ uẩn? Này

các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, có lậu hoặc, được chấp thủ, đây gọi là sắc thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, phàm có thọ gì... phàm có tưởng gì... phàm có hành gì... Này các Tỷ-kheo, phàm có thức gì thuộc quá khứ? vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, có lậu hoặc, được chấp thủ9 đây gọi là thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là năm thủ uẩn.

VII. KINH SONA (Sonasutta)65 (S III. 48) 49. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá), VèỊuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Sona, con một vị gia chủ, đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Ton, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Sona, con một vị gia chủ5 đang ngồi một bên: Này Sona, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán sắc vô thường, khổ, biến hoại là: uTa tốt đẹp hơn", hay quán: "Ta bằng nhau", hay quán: "Ta hạ liệt hơn", những vị ấy đâu phải là những ai khác, nếu không phải là những người không thấy như thật. ... quán thọ vô thường, khổ9 biến hoại... quán tưởng vô thường, khổ, biến hoại... quán hành vô thường, khổ? biến hoại... quán thức vô thường, khổ? biến hoại là: uTa tốt đẹp hơn", hay quán: "Ta bằng nhau", hay quán: "Ta hạ liệt hơn", những vị ấy đâu phải là những ai khác, nếu không phải là những người không thấy như thật. Này Sona5 những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán sắc vô thường,

64 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.55. 00l3bl3). 65 Tham chiếu: Tạp,(T.02. 0099.30. 0006a24).

khổ, biến hoại là: "Ta tốt đẹp hơn", hay không quán: "Ta bằng nhau9\ hay không quán: "Ta hạ liệt hơn", những vị ấy đâu phải là những ai khác, nếu không phải là những vị thấy như thật. Này Sona? những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán thọ... không quán tưởng... không quán hành... Này Sona? những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán thức vô thường, khổ, biến hoại là: "Ta tốt đẹp hơn"hay không quán: "Ta bằng nh"hay không quán: "Ta hạ liệt hơn", những vị ấy đâu phải là những ai khác9 nếu không phải là những vị thấy như thật. Ông nghĩ thế nào? này Sona? sắc là thường hay vô thường? -Vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ5 bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại9 có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: uCái này là của tôi5 cái này là tôi? cái này là tự ngã của t6i" Thưa không, bạch Thế Tôn. Thọ là thường hay vô thường?... Tưởng là thường hay vô thường?... Hành là thường hay vô thường?... Thức là thường hay vô thường? -Vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ? chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i" - Thưa không, bạch Thế Tôn. Do vậy, này Sona, phàm sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tê; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của t6i" Phàm thọ gì... phàm tưởng gì... phàm hành gì... Phàm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả thức cần

phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi9 cái này không phải tự ngã của t6i" Nêu thây vậy5 này Sona, vị đa văn Thánh đệ tử yêm ly đôi với săc, yêm ly đôi với thọ, yêm ly đôi với tưởng, yêm ly đôi với hành, yêm ly đôi với thức. Do yểm ly, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên

chánh trí: "Ta đã giải thoát.” Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm5 không còn trở lại đời này nữa.,, VIII. KINH SONA THỨ HAI (Dutiyasonasutta)66(y III. 50) 50. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương xa), VeỊuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Sona, con một vị gia chủ, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Ton rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Sona, con một vị gia chủ, đang ngồi một bên: Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Sona? không biêt rõ (nappaịãnantí) sắc, không biết rõ sắc tập khởi, không biết rõ sắc đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt; không biết rõ thọ... không biết rõ tưởng... không biêt rõ hành... khôn§ biêt rõ thức, không biet rõ thức tập khởi, không biêt rõ thức đoạn diet, không biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt; những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này Sona, không những không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn5 khônạ được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; những vị ấy trong đời sông hiện tại, cũng không tự mình với thăng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh. V • z J Sa-môn Còn. những r hay Bà-la-môn nào,y này Sona : r 5r biêt rõ săc5 biêt • a rõ săc tập khởi, biêt rõ săc đoạn diệt, biêt rõ con đường đưa đên săc đoạn diệt; biêt rõ thọ... biết rõ tưởnệ... biết rõ hành... biết rõ thức, biết rõ thức tập khởi, biết rõ thức đoạn diệt, biểt rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt; những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này Sona, không những được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn? được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; những vị ấy, ngay trong đời sống hiện tại, còn tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh. IX. KINH HỶ ĐƯỢC ĐOẠN TẬN (Nandikkhayasutta) (5. IIL 51) 51. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo9 khi một Tỷ-kheo thấy sắc vô thường là vô thường, đấy là chánh tri kiến của vị ấy. Thấy chơn chánh như vậy, vị ấy yểm ly. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận? hỷ được đoạn tận. Do hỷ? tham đoạn tận? tâm được giải thoát. Vị ây được gọi là vị đã khéo giải thoát. Này các Tỷ-kheo? khi một Tỷ-kheo thấy thọ vô thường là vô thường... tưởng vô thường... hành vô thường... Này các Tỷ-kheo, khi vị Tỷ-kheo thấy thức vô thường la vô thường, đấy là chánh tri kiến của vị ấy. Thấy chơn chánh như vậy, vị ấy yểm ly. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận? nên hỷ được đoạn tận. Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát. Vị ây được gọi là vị đã khéo giải thoát.

66 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.31. 0006c04).

X. KINH HỶ ĐƯỢC ĐOẠN TẬN THỨ HAI (Dutìyanandikkhayasutta) (S. III. 52) 52. Nhân duyên ở Sãvatthi. Hãy như lý tác ý sắc, này các Tỷ-kheo? hãy như thật quán (samanupassatĩ) sắc là vô thường. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào như lý tác ý sắc, như thật quán sắc là vô thường, vị ấy yểm ly đối với sắc. Do hỷ đoạn tận? tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, hỷ được đoạn tận. Do hỷ5 tham đoạn tận5 tâm được giải thoát. Vị ấy được gọi là vị đã khéo giải thoát. Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo nào như lý tác ý thọ... tác ý tưởng... tác ý hành... Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo nào như lý tác ý thức, như thật quán thức là vô thường, vị ấy yểm ly đối với thức. Do hỷ đoạn tận5 tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận? hỷ được đoạn tận. Do hỷ? tham đoạn tận, tâm được giải thoát. Vị ấy được gọi là đã khéo giải thoát.

552 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ III. THIÊN UẦN

NĂM MƯƠI KINH GIỮA

VI. PHẨM THAM LUYẾN (UR4Y4VAGGA)

I. KINH THAM LUYẾN (Ụpayasuttà)61 (S III. 53) 53. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, tham luyến là không giải thoát, không tham luyến được giải thoát. Do tham luyến sắc, này các Tỷ-kheo? thức có chân đứng được an trú. Với sắc là sở duyên, với sắc là trú xứ, [thức] hướng tìm hỷ? đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh. Hay do tham luyến hành5 này các Tỷ-kheo? thức có chân đứng được an trú. Với hành là sở duyên, với hành là trú xứ, [thức] hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh. Này các Tỷ-kheo? ai nói như sau: uNgoài săc5 ngoài thọ9 ngoài tưởng, ngoài hành, tôi sẽ chỉ rõ sự đến hay di, sự diệt hay sanh, sự tăng trưởng, sự tăng thịnh hay sự lớn mạnh của thức", sự việc như vậy không xảy ra. Này các Tỷ-kheo9 nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với sắc giới5 do tham được đoạn tận? sở duyên được cắt đứt, chỗ y chỉ của thức không có hiện hữu. Này các Tỷ-kheo5 nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với thọ giới... đối với tưởng gi6i...đối với hành giới... Này các Tỷ-kheo? nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đôi với thức giới, do tham được đoạn tận? sở duyên được cắt dứt, chỗ y chỉ của thức không có hiện hữu. Không có chỗ y chỉ ấy, thức không tăng thịnh, không có hành động? được giải thoát; do giải thoát nên được kiên trú; do kiên trú nên được tri túc; do tri túc nên không có ưu, não; do không có ưu, não nên tự mình cảm thấy tịch tịnh hoàn toàn. Vị ấy biết: "Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.^, II. KINH CHỦNG TỬ (Byasuttà)^ (S. III. 54) 54. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, có năm loại chủng tử này. Thế nào là năm? Chủng tử từ rễ5 chủng tử từ thân, chủng tử từ đọt5 chủng tử từ quả9 và chủng tử từ chủng tử là thứ năm. Và này các Tỷ-kheo? nếu năm loại chủng tử này không bị hư hoại, không bị hư thối5 không bị gió và nhiệt phá hoại, có lõi cứng, khéo gieo, nhưng không có

67 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.40. 0009a27). 68 Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.39. 0008c26).

22. TƯƠNG ƯNG UẦN 553

đất và không có nước; thời này các Tỷ-kheo, năm loại chủng tử này có thể tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh được không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Và này các Tỷ-kheo,

nếu năm loại chủng tử này không bị hư hoại, không bị hư thối, không bị gió và nhiệt phá hoại, có lõi cứng, khéo gieo, có đất và có nước; thời này các Tỷ-kheo, năm loại chủng tử này có thể tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh được không? - Thưa được, bạch Thế Tôn. Này các Tỷ-kheo5 ví như địa giới, bốn thức trú cần phải được xem như vậy. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, thủy giới, hỷ tham cần phải được xem như vậy. Ví nhu, này các Ty.kheo, năm loại chủng tử, thức cùng các món ăn cần phải được xem như vậy. , Do tham luyến sắc, này các Tỷ-kheo, thức có chân đứng được an trú. Với sắc là sở duyên, với sắc là trú xứ, [thức] hướng tìm hỷ5 đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh. Do tham luyến thọ... Do tham luyến tưởng... Do tham luyến hành, này các Tỷ-kheo5 thức có chân đứng được an trú. Với hành là sở duyên, với hành là trú xứ5 [thức] hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh. Này các Tỷ-kheo? ai nói như sau: uNgoài sắc, ngoài thọ, ngoài tưởng, ngoài hành5 tôi sẽ chỉ rõ sự đến hay di, sự diệt hay sanh, sự tăng trưởng, tăng thịnh hay sự lớn mạnh của thức"sự việc như vậy không xảy ra. Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷykheo đoạn tận tham đối với sắc giới, do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt dứt, chỗ y chỉ của thức không có hiện hữu. Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với thọ giới... đối với tưởng giới... đối với hành giới... đối với thức giới, do tham được đoạn tận? sở duyên được cắt dứt, chỗ y chỉ của thức không có hiện hữu. Không có chỗ y chỉ như vậy5 thức không tăng thịnh, không có hành động, được giải thoát; do giải thoát nên được kiên trú; do kiên trú nên được tri túc; do tri túc nên không có ưu5 não; do không có ưu, não nên tự mình cảm thấy tịch tịnh hoàn toàn. Vị ấy biết: "Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." III. KINH LỜI CẢM HỨNG (Udānasuttà)69 (5. III. 55) 55. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ở dấy, Thế Tôn nói lên lời cảm hứng như sau: Nếu trước, ta không c6, Thời nay, không có ta. Không tạo nhân sẽ c6, Tương lai sẽ không ta.

69 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.64. 0016c04).

Tỷ-kheo quyết tâm vậy5 Hạ phần kiết sử đoạn. Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: Như thế nào, bạch Thế Tôn: Nêu trước, ta không c6, Thời nay, không có ta. Không tạo nhân sẽ có5 Tương lai sẽ không ta. Tỷ-kheo quyết tâm vậy, Hạ phần kiết sử đoạn? Ở đay5 này Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân5 không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã? hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã? hay tự ngã ở trong sắc; quán thọ... quán tưởng... quán hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã5 hay tự ngã ở trong thức. Vị ây không như thật biêt rõ (pạiãnãtí) săc vô thường là săc vô thường, không như thật biết rõ thọ vô thường là thọ vô thường, không như thật biết rõ tưởng vô thường là tưởng vô thường, không như thật biết rõ hành vô thường là hành vô thường, không như thật biết rõ thức vô thường là thức vô thường. Kh6ng như thật biết rõ sắc khổ là sắc khổ, không như thật biết rõ thọ khổ... tưởng khổ... hành khổ... không như thật biết rõ thức khổ là thức khổ. Không như thật biết rõ sắc vô ngã là sắc vô ngã, không như thật biết rõ thọ vô

ngã... tưởng vô ngã... hành vô ngã... không như thật biết rõ thức vô ngã là thức vô ngã. Không như thật biết rõ sắc hữu vi là sắc hữu vi, không như thật biết rõ thọ hữu vi... tưởng hữu vi... hành hữu vi... không như thật biết rõ thức hữu vi là thức hữu vi. Không như thật biết rõ sắc sẽ biến diệt... thọ sẽ biến diệt... tưởng sẽ biết diệt... hành sẽ biến diệt... không như thật biết rõ thức sẽ biến diệt. Còn bậc đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo5 thấy rõ các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh; thấy rõ các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân; không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã5 hay tự ngã ở trong sắc; không quán thọ... không quán tưởng... không quán hành... không quán thức như là tự ngã? hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã5 hay tự ngã ở trong thức. Vị ây như thật thây rõ săc vô thường là săc vô thường, thọ vô thường... tưởng vô thường... hành vô thường... thức vô thường là thức vô thường.

Vị ấy như thật thấy rõ sắc khổ là sắc khổ? thọ khổ... tưởng khổ... hành khổ... như thật thấy rõ thức khổ là thức khổ. Vị ấy như thật thấy rõ sắc vô ngã là sắc vô ngã, thọ vô ngã... tưởng vô ngã... hành vô ngã... thức vô ngã là thức vô ngã. Vị ấy như thật thấy rõ sắc hữu vi là sắc hữu vi, thọ hữu vi... tưởng hữu vi... hành hữu vi... thức hữu vi là thức hữu vi. Vị ấy như thật thấy rõ sắc sẽ biến diệt là sắc sẽ biến diet, thọ sẽ biến diệt... tưởng sẽ biến diệt... hành sẽ biến diệt... thức sẽ biến diệt là thức sẽ biến diệt. Do sắc biến diệt, thọ biến diệt, tưởng biến diệt, hành biến diệt, thức biến diệt, vị Tỷ-kheo nói lên lời cảm hứng: Nếu trước, ta không có, Thời nay, không có ta. Không tạo nhân sẽ c6, Tương lai sẽ không ta. Tỷ-kheo quyết tâm vậy? Hạ phân kiêt sử đoạn. Dầu cho quyết tâm như vậy5 bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo có thể cắt đứt hạ phần kiết sử. Nhung bạch Thế Tôn, biết như thế nào, thấy như thế nào5 các lậu hoặc được đoạn tận lập tức? Ở dây, này Tỷ-kheo5 kẻ vô văn phàm phu hoảng sợ tại chỗ không có gì đáng hoảng sợ; kẻ vô văn phàm phu hoảng sợ như sau: Nếu trước, ta không có, Thời nay, không có ta. Không tạo nhân sẽ c6, Tương lai sẽ không ta. Và vị đa văn Thánh đệ tử, này Tỷ-kheo, không hoảng sợ tại chỗ không có gì đáng hoảng sợ; vị đa văn Thánh đệ tử không có hoảng sợ như sau: Nếu trước5 ta không có, Thời nay, không có ta. Không tạo nhân sẽ có, Tương lai sẽ không ta. Này Tỷ-kheo5 do tham luyến sắc, thức có chân đứng được an trú. Với sắc là sở duyên, với sắc là trú xứ, [thức] hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh. Do tham luyến thọ... do tham luyến tưởng... do tham luyến hành... do tham luyến thức, này Tỷ-kheo9 thức có chân đứng được an trú. Với hành là sở duyên, với hành là trú xứ, [thức] hướng tìm hỷ5 đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh. Này Tỷ-kheo5 ai nói như sau: "Ngoài sắc, ngoài thọ, ngoài tưởng, ngoài

hành, tôi sẽ chỉ rõ sự đến hay đi, sự diệt hay sanh, sự tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh của thiic", sự việc như vậy không xảy ra. Này Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với sắc giới, do tham được đoạn tận9 sở duyên được cắt đứt, chỗ y chỉ của thức không hiện hữu. Này Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với thọ giới... Này

Tỷ-kheo? nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với tưởng giới... Này Tỷ-kheo? nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với hành giới... Này Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với thức giới, do tham được đoạn tận5 sở duyên được cắt dứt, chỗ y chỉ của thức không hiện hữu. Không có chỗ y chỉ như vậy? thức không tăng thịnh, không có hành động, được giải thoát; do giải thoát nên được kiên trú; do kiên trú nên được tri túc; do tri túc nên không có ưu, não; do không có ưu, não nên tự mình cảm thấy tịch tịnh hoàn toàn. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." IV. KINH THỦ CHUYÊN (Upãdãnaparípavattasuttà)lồ (S III. 58) 56. Nhân duyên ở Sãvatthi. -Này các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, khi nào Ta chưa như thật thắng tri năm thủ uẩn này theo bốn chuyến, thì cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với thế giới Thiên, Ma, Phạm thiên; với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn; với chư thiên và loài người; Ta không xác chứng rằng Ta đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhưng này các Tỷ-kheo, khi nào Ta đã như thật thắng tri năm thủ uẩn này theo bốn chuyển, thì cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo? đối với thế giới Thiên, Ma, Phạm thiên; với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn; với chư thiên và loài người; Ta xác chứng rằng Ta đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Và thế nào là bốn chuyển? Ta đã thắng tri sắc, Ta đã thắng tri sắc tập khởi, Ta đã thắng tri sắc đoạn diệt, Ta đã thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt. Ta đã thắng tri thọ... tưởng... hành... Ta đã thắn^ tri thức, Ta đã thắng tri thức tập khỏi, Ta đã thắng tri thức đoạn diệt, Ta đã thăng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc? Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo thành. Này các Tỷ-kheo, đấy được gọi là sắc. Do các thức ăn tập khởi nên sắc tập khởi9 do các thức ăn đoạn diệt nên sắc đoạn diệt. Và con đường đưa đến sắc đoạn diệt là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo? các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào do thắng tri sắc như

70 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.41. 0009ỒO7).

vậy? do thắng tri sắc tập khởi như vậy, do thắng tri sắc đoạn diệt như vậy, do thăng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt như vậy5 họ hướng về thực hiện yểm ly, ly tham, đoạn diệt sắc; những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này. Và này các Tỷ-kheo5 những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri sắc là như vậy, do thắng tri sắc tập khởi như vậy, do thắng tri sắc đoạn diệt như vậy, do thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt là như vậy, do yểm ly, ly tham, đoạn diệt sắc, họ được giải thoát, không có chấp thủ; họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là thọ? Này các Tỷ-kheo, có sáu thọ thân này: Thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi, do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt.

Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ5 chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo? những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy5 thắng tri thọ tậj)khởi là như vậy, thăng tri thọ đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yểm ly, ly tham, đoạn diệt thọ; những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này. Và này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy? thắng tri thọ tập khởi là như vậy? thăng tri thọ đoạn diệt là như vậy5 thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy, do yểm ly, ly tham, đoạn diệt thọ, họ được giải thoát, không có chấp thủ; họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là tưởng? Này các Tỷ-kheo, có sáu tưởng thân này: Sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là tưởng. Do xúc tập khởi nên tưởng tập khởi, do xúc đoạn diệt nên tưởng đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến tưởng đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là hành? Có sáu tư thân này: sắc tư9 thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Này các Tỷ-kheo9 đây gọi là hành. Do xúc tập khởi nên hành tập khởi, do xúc đoạn diệt nên hành đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn? chánh niệm5 chánh định. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri hành là như

vậy5 thăng tri hành tập khởi là như vậy, thăng tri hành đoạn diệt là như vậy5 thăng tri con đường đưa đến hành đoạn diệt là như vậy? họ hướng về thực hiện yểm ly, ly tham, đoạn diệt hành; những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này. Và này các Tỷ-kheo5 những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thăng tri hành là như vậy9 thắng tri hành tập khởi là như vậy9 thắng tri hành đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến hành đoạn diệt là như vậy, do yểm ly5 ly tham, đoạn diệt hành5 họ giải thoát, không có chấp thủ; họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thức? Này các Tỷ-kheo, có sáu thức thân này: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Này các Tỷ- kheo? đây gọi là thức. Do danh sắc tập khởi nên thức tập khởi5 do danh sắc đoạn diệt nên thức đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến thức đoạn diệt, tức là chảnh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm5 chánh định. Này các Tỷ-kheo5 những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy5 thắng tri thức tập khởi là như vậy5 thắng tri thức đoạn diệt là như vậy? thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yểm ly, ly tham, đoạn diệt thức; những thực hiện ấy5 họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện9 những vị ấy có chân đứng

trong Pháp và Luật này. Và này cảc Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy? thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy5 do yểm ly, ly tham, đoạn diệt thức, họ được giải thoát, không có chấp thủ; họ được khéo giải thoát. Những ai khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ. V. KINH BẢY XỨ (SattaỊỊhãnasutta)11 (5. III. 61) 57. Nhân duyên ở Sãvatthi. -Vị Tỷ-kheo thiện xảo trong bảy xứ, này các Ty.kheo, quán sát theo ba cách, được gọi là một vị toàn vẹn trong Pháp và Luật này9 đã thành tựu viên mãn, một bậc Tối thượng nhân. Này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo thiện xảo trong bảy xứ? Ở đay, này các Tỷ-kheo, yị Tỷ-kheo biết rõ (pajãnãtỉ) sắc? biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diet, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt; biết rõ vị ngọt của sắc, biết rõ sự nguy hiểm của sắc, biết rõ sự xuất ly của sắc. ... biết rõ thọ... biết rõ tưởng... biết rõ hành... biết rõ thức, biết rõ thức tập

71 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.42. 0010a04); Phật thuyết Thất xứ tam quản kỉnh (T.02. 0101.27. 0498c 19); Phật thuyết Thất xứ tam quản kỉnh (r.02. 0150. 0875b08- Ò876al6).

khởi, biêt rõ thức đoạn diệt, biêt rõ con đường đưa đên thức đoạn diệt; biêt rõ vị ngọt của thức, biết rõ sự nguy hiểm của thức, biết rõ sự xuất ly của thức. Này các Tỷ-kheo, thê nào là săc? Bôn đại chủng và săc do bôn đại chủng tạo thành. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sắc. Do các món ăn tập khởi nên sắc tập khởi, do các món ăn đoạn diệt nên sắc đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến sắc đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Duyên săc khởi lên lạc hỷ gì; đây là vị ngọt của săc. Sự vô thường, khô5 chịu sự biến hoại của sắc; đây là sự nguy hiểm của sắc. Sự nhiếp phục dục tham đối với sắc, sự đoạn tận dục tham đối với sắc; đây là sự xuất ly của sắc. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nàơ thắng tri sắc là như vậy5 thắng tri sắc tập khởi là như vậy9 thăng tri săc đoạn diệt là như vậy5 thắng tri con đường đưa đên săc đoạn diệt là như vậy; thăng tri vị ngọt của săc là như vậy, thăng tri sự nguy hiêm của săc là như vậy, thăng tri sự xuât ly của săc là như vậy; họ hướng về thực hiện yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri sắc là như vậy5 thăng tri săc tập khởi là như vậy, thăng tri săc đoạn diệt là như vậy; thăng tri vị ngọt của sắc là như vậy5 thắng tri sự nguy hiểm của sắc là như vậy5 thắng tri sự xuất ly của sắc là như vậy; do yểm ly, ly tham, đoạn diệt sắc, họ được giải thoát, không có chấp thủ; họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là thọ? Này các Tỷ-kheo, có sáu thọ thân này: Thọ do nhãn xúc sanh... thọ do ý xúc sanh. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi5 do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đên thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiên, chánh tư

duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm? chánh định. Do duyên thọ khởi lên lạc hỷ gì; đây là vị ngọt của thọ. Cảm thọ vô thường, khổ5 vô ngã; đây gọi là sự nguy hiểm của thọ. Sự nhiếp phục dục tham5 sự đoạn tận dục tham đối với thọ; đây gọi là sự xuất ly của thọ. Này các Tỷ-kheo5 các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy, thắng tri thọ tập khởi là như vậy? thắng tri thọ đoạn diệt là như vậy5 thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy; thắng tri vị ngọt của thọ là như vậy? thắng tri sự nguy hiểm của thọ là như vậy? thắng tri sự xuất ly của thọ là như vậy; họ hướng vê thực hiện yêm ly, ly tham, đoạn diệt đôi với thọ; những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện5 những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thăng tri thọ là như vậy... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tưởng? Này các Tỷ-kheo? có sáu tưởng thân này: Sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là tưởng. Do xúc tập khởi nên tưởng tập khởi, do xúc đoạn diệt nên tưởng đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến tưởng đoạn diệt... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành? Này các Tỷ-kheo, có sáu tư thân: sắc tư... pháp tư. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là hành. Do xúc tập khởi nên hành tập khởi, do xúc đoạn diệt nên hành đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đếm hành đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Do duyên hành khởi lên lạc hỷ gì; đây là vị ngọt của hành. Hành vô thường5 khổ, vô ngã; đây là sự nguy hiểm của hành. Sự nhiếp phục dục tham, sự đoạn tận dục tham đối với hành; đây là sự xuất ly của hành. Này các Tỷ-kheo? những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri hành là như vậy? thắng tri hành tập khởi là như vậy, thắng tri hành đoạn diệt là như vậy5 thắng tri con đường đưa đến hành đoạn diệt là như vậy... họ hướng về thực hiện yểm ly5 ly tham, đoạn diệt đối với hành; những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này... Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là thức? Này các Tỷ-kheo, có sáu thức thân này: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Này các Tỷ- kheo, đây gọi là thức. Do danh sắc tập khởi nên thức tập khởi, do danh sắc đoạn diệt nên thức đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến thức đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ9 chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Do duyên thức khởi lên lạc hỷ gì; đây là vị ngọt của thức. Thức vô thường, khổ? vô ngã; đây là sự nguy hiểm của thức. Sự nhiếp phục dục tham, sự đoạn tận dục tham đối với thức; đây là sự xuất ly của thức. Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thăng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy5 thắng tri thức đoạn diệt là như vậy? thắng tri con đường đưa đen thức đoạn diệt là như vậy; thắng tri vị ngọt của thức là như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của thức là như vậy, thắng tri sự xuất ly của thức là như vậy; họ hướng về thực hiện yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với thức; những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo

thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy? thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy; thắng tri vị ngọt của thức là

như vậy? thắng tri sự nguy hiểm của thức là như vậy, thắng tri sự xuất ly của thức là như vậy; do yểm ly9 ly tham, đoạn diệt thức, họ được giải thoát, không chấp thủ; họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ. Này các Tỷ-kheo, như vậy là vị Tỷ-kheo thiện xảo trong bảy xứ. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là vị Tỷ-kheo quán sát theo ba cách? Ở đây9 này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo quán sát theo giới? quán sát theo xứ, quán sát theo duyên khởi. Như vậy, này các Tỷ-kheo? đó là vị Tỷ-kheo quán sát theo ba cách. Này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo thiện xảo trong bảy xứ, quán sát theo ba cách, được ệọi là một vị toàn vẹn trong Pháp và Luật này, đã thành tựu viên mãn? một bậc Toỉ thượng nhân.

VI. KINH CHÁNH ĐẲNG GIÁC (Sammãsambuddhasutta) (5. III. 65) 58. Nhân duyên ở Sãvatthi. Như Lai, này các Tỷ-kheo? là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, do yểm ly, ly tham, đoạn diet, không có chấp thủ sắc, được gọi là bậc Giải Thoát, Chánh Đẳng Giác. Còn vị Tỷ-kheo5 này các Tỵ-kheo, được giải thoát nhờ trí tuệ? do yểm ly, ly tham, đoạn diệt, không có chấp thủ sắc, được gọi là bậc Giải thoát, giải thoát nhờ trí tuệ. Như Lai, này các Tỷ-kheo? là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, do yểm ly, ly tham, đoạn diet, không có chấp thủ thọ? được gọi là bậc Giải Thoát, Chánh Đẳng Giác. Còn vị Tỷ-kheo, này các Tỵ-kheo? được giải thoát nhờ trí tuệ? do yểm ly, ly tham, đoạn diệt, không có chấp thủ thọ? được gọi là bậc Giải thoát, giải thoát nhờ trí tuệ. Như Lai, này các Tỷ-kheo5 là bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác, do yêm ly, ly tham, đoạn diet, không có chấp thủ tưởng... không có chấp thủ hành... không có chấp thủ thức, được gọi là bậc Giải Thoát, Chánh Đẳng Giác. Còn vị Tỷ-kheo5 này các Tỷ-kheo. được giải thoát nhờ trí tuệ. do yểm ly, ly tham, đoạn diệt, không CÓ chấp thủ thức, được gọi là bậc Giải thoát, giải thoát nhờ trí tuệ. Ở đây5 này các Tỷ-kheo9 thế nào là sự sai biệt, thế nào là sự đặc thù5 thế nào là sự sai khác giữa bậc Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và vị Tỷ-kheo được giải thoát nhờ trí tuệ? Bạch Thế Tôn? đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản5 lấy Thế Tôn làm chỉ đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ y chỉ. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu được Thế Tôn nói lên ý nghĩa của lời này! Sau khi nghe Thế Tôn9 các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. -Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói. -Thưa vâng5 bạch Thế Tôn. Các vị Ty-kheo ay vâng dap The Ton. The Ton nói như sau:

Như Lai, này các Tỷ-kheo? là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, làm cho khởi lên con đường [trước kia] chưa khởi, là bậc đem lại con đường [trước kia] chưa được đem lại, là bậc tuyên thuyết con đường [trước kia] chưa được tuyên thuyết, bậc tri đạo, bậc ngộ đạo? bậc thuần thục về đạo. Còn nay, này các Tỷ- kheo, các vị đệ tử là những vị sông

theo đạo, tiêp tục thành tựu [đạo]. Này các Tỷ-kheo9 đây là sự sai biệt, sự đặc thù, sự sai khác giữa bậc Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và vị Tỷ-kheo được giải thoát nhờ trí tuệ.

VII. KINH VÔ NGÃ TƯỚNG (Anattaỉakkhaọasutta)12 (5. III. 66) 59. Một thời, Thế Tôn ở Bãrãnasĩ (Ba-la-nại)5 tại Isipatana (chư thiên đọa xứ)9 Lộc Uyển. Ở dây, Thế Tôn nói với nhóm năm vị Tỷ-kheo:72 73 Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. r7 9 lí. r _ A . _ f _ F IÌÍ . A r rr\ L . A FT-i Ạ f * T Cac Ty-kneo ây vang dap The Ton. The Ton nói như sau: Sắc? này các Tỷ-kheo? là vô ngã. Này các Tỷ-kheo? nếu sắc là ngã? thời sắc không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được các sắc như sau: "Mong rằng sắc của r *e 7 r tôi là như thê này! Mong răng săc của tôi chăng phải như thê này!" Và này các Tỷ-kheo, vì săc là vô ngã? do vậy, săc đi đên bệnh hoạn và không thể có được các sắc: "Mong rằng sắc của tôi như thế này! Mong rằng sắc của tôi chăng phải như thê này!" Thọ, này các Tỷ-kheo5 là vô ngã. Này các Tỷ-kheo5 nếu thọ là ngã5 thời thọ không thê đi đên bệnh hoạn và có thê được các thọ như sau: "Mong răng thọ của tôi như thế này! Mong rằng thọ của tôi chẳng phải như thế này!" Và này các Tỷ-kheo, vì thọ là vô ngã? do vậy, thọ đi đến bệnh hoạn và không thê7 có được :. các thọ: r "Mong răng thọ của tôi như thê này! Mong răng thọ của tôi chăng phải như thê này!" Tưởng là vô ngã... Hành là vô ngã? này các Tỷ-kheo5 nếu hành là ngã9 thời hành không thể đi đên bệnh hoạn và có thê được hành như sau: "Mong răng hành của tôi như thê này! Mong răng hành của tôi chăng phải như thê này!" Và này các Tỷ-kheo? vì hành là vô ngã, do vậy? hành đi đến bệnh hoạn và không thể có được hành: "Mong rằng hành của tôi như thế này! Mong rằng hành của tôi chẳng phải như thế này!" Thức là vô ngã? này các Tỷ-kheo? nếu thức là ngã5 thời thức không thể đi

72 Bản tiếng Anh của PTS: The Five, nghĩa là Năm [uẩn]. Xem Vin. I. I. Tham chiếu: Tạp.(rp2. 0099.B. 0007022); Tạp.(T.02. 0099.34. 0007c13); Phật thuyết Ngũ uẩn giai không kính (7.02. 0102. 0499c05). 73 Năm vị Tỷ-kheo này là Annata-Kondanna, Vappa, Bhaddiya, Mahãnãma, Assạjĩ.

đến bệnh hoạn và có thể có được thức như sau: "Mong rằng thức của tôi như thê này! Mong răng thức của tôi chăng phải như thê này!" Và này các Tỷ-kheo, vì thức là vô ngã, do vậy, thức đi đến bệnh hoạn và không thể có được thức: "Mong rằng thức của tôi như thế này! Mong rằng thức của tôi chẳng phải như thế nay!" Này các Tỷ-kheo5 các ông nghĩ thế nào? sắc là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thế Tôn. -Cái gì vô thường là khổ hay lạc? -Là khổ? bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi5 cái này là tự ngã của t6i"? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường lả khổ hay lạc? - Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ? chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: “c này là của tôi? cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi,,7 - Thưa không, bạch Thế Tôn. Do vậy? này các Tỷ-kheo9 phàm sắc gì thuộc quá khứ, vj lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tê; hoặc liệt hay thăng; hoặc xa hay gần, tất cả sắc cần phải

như thật quán với chánh trí tuệ như sau: uCái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi? cái này không phải tự ngã của tôi.99 Phàm thọ gì... Phàm tưởng gì... Phàm hành gì... Phàm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần5 tất cả thức cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i.” Thấy vậy9 này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc, yểm ly đôi với thọ, yêm ly đôi với tưởng, yêm ly đôi với hành, yêm ly đôi với thức. Do yểm ly, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Thế Tôn thuyết như vậy? nhóm năm vị Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi lời dạy này được nói lên? tâm của nhóm năm vị Tỷ-kheo được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

VIII. KINH MAHÃLI (Mahãlisutta)14 (S. III. 68) 60. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Vèsãli, trong Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường. Rồi Mahãli, người Licchavi, đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên5 Mahãli, người Licchavi, bạch The Ton: Purãna Kassapa7475 (Phú-lan-na Ca-diếp), bạch Thế Tôn? thuyết như sau: "Không nhân, không duyên là sự nhiễm ô của chúng sanh; không nhân, không duyên, chúng sanh bị nhiễm ô. Không nhân, không duyên là sự thanh tịnh của chúng sanh; khônệ nhân, không duyên, chúng sanh được thanh tjnh.” ơ đây, bạch Thế Tôn, The Tôn thuyết như thế nào? Này Mahãli, có nhân, có duyên là sự nhiễm ô của chúng sanh; này Mahãli, có nhân9 có duyên, chúng sanh bị nhiễm ô. Này Mahãli, có nhân, có duyên là sự thanh tịnh của chúng sanh; có nhân, có duyên, chúng sanh được thanh tịnh. Nhưng bạch Thế Tôn? do nhân gi, do duyên gì là sự nhiễm ô của chúng sanh? Do có nhân gi, do có duyên gì chúng sanh bị nhiễm ô? Này Mahãli, nếu sắc nhất hướng khổ5 rơi trên khổ, nhập cuộc với khổ9 không nhập cuộc với lạc, thời chúng sanh không tham đắm đoi với sắc. Và vì rằng, này Mahãli? sắc là lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khô? cho nên chúng sanh tham đăm đôi với săc. Do tham đăm nên bị triên phược, do bị triền phược nên bị nhiễm ô. Này Mahãli, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô của chúng sanh. Do có nhân như vậy? do có duyên như vậy, chúng sanh sẽ bị nhiễm ô. Và này Mahãli, nếu thọ nhất hướng khổ? rơi trên khổ? nhập cuộc với khổ? không nhập cuộc với lạc, thời chúng sanh không tham đắm đối với thọ. Và vì rằng, này Mahãli, thọ là lạc, rơi trên lạc5 nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ? cho nên chúng sanh tham đắm đối với thọ. Do tham đắm nên bị triền phược, do bị triền phược nên bị nhiễm ô. Này Mahãli, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy5 chúng sanh sẽ bị nhiễm ô. Và này Mahãli, nếu tưởng nhất hướng khổ... nếu hành nhất hướng khổ... Và này Mahãli, nếu thức nhất hướng khổ9 rơi trên khổ9 nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, thời chúng sanh không tham đắm đối với thức. Và vì rằng, này Mahãli, thức là lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, cho nên chúng sanh tham đắm đối với thức. Do tham đắm nên bị triền phược5 do bị triền phược nên bị nhiễm ô. Này Mahãli, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô

của chúng sanh. Do có nhân như vậy? do có duyên như vậy5 chúng sanh sẽ bị nhiễm ô.

74 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.81. 0020Ồ28). 75 Thuyết này của Makkhali Gosãla, không phải của Purãna Kassapa. Xem D. I. 53.

Bạch Thế T6n, thế nào là nhân, thế nào là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh? Do có nhân như thế nào? có duyên như thế nào, chúng sanh được thanh tịnh? Này Mahãli? nếu sắc nhất hướng lạc5 rơi trên lạc, nhập cuộcyới lạc? không nhập cuộc với khổ, thời chúng sanh không nhàm chán đối với sắc. Và vì rằng, này Mahãli, sắc là khổ? rơi trên khổ? nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, cho nên chúng sanh mới yểm ly đối với sắc. Do yểm ly nên ly tham, do ly tham nên giải thoát. Này Mahãli, đây là nhân, đây là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh. Do có nhân như vậy? do có duyên như vậy, chúng sanh được thanh tịnh. Này Mahãli, nếu thọ nhất hướng lạc... Này Mahãli, nếu tưởng nhất hướng lạc... Này Mahãli, nếu hành nhất hướng lạc... Này Mahãli, nếu thức nhất hướng lạc, rơi trên lạc5 nhập cuộc với lạc5 không nhập cuộc với khổ9 thời chúng sanh không nhàm chán đối với thức. Và vì rằng, này Mahãli, thức là khổ. rơi trên khổ, nhập cuộc với khổ. không nhập cuộc với lạc, do vậy chúng sanh mới yêm ly đôi với thức. Do yêm ly nên ly tham; do ly tham nên giải thoát. Này Mahãli, đây là nhân, đây là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy? chúng sanh được thanh tịnh. IX. KINH LỬA CHÁY (Ẫdittasutta) (5. IIL 71) 61. Nhân duyên ở Sãvatthi. - Sắc, này các Tỷ-kheo5 đang bốc cháy, thọ đang bốc cháy, tưởng đang bốc cháy, hành đang bốc cháy? thức đang bốc cháy. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo? bậc đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán nên ly tham; do ly tham nên giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: “Ta đã được giải tho^t.” Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." X. KINH NGÔN Lộ (Niruttìpathasuttd)(y III. 71) 62. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo? có ba loại này, ngôn lộ? danh ngôn lộ? thi thiết lộ; không có lẫn lộn? trước không lẫn lộn, nay không lẫn lộn5 tương lai không lẫn lộn? không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách. Thê nào là ba? Này các Tỷ-kheo, phàm sắc gì đã qua, đã đoạn diet, đã biến hoại; sắc ấy được xác nhận là "đã c6", được xưng danh là "đã c6", được thi thiết là acđã c6" Sắc ấy không được xác nhận là "hiện c6”, không được xác nhận là "sẽ c6”. Phàm thọ gì đã qua, đã đoạn diet, đã biến hoại; thọ ấy được xác nhận là "đã

c6", được xưng danh là "đã c6", được thi thiết là "đã c6" Thọ ấy không được xác nhận là "hiện c6”, không được xác nhận là "sẽ c6". Phàm tưởng gì đã qua... Phàm hành gì đã qua... Phàm thức gì đã qua, đã đoạn diệt, đã biên hoại; thức ây được xác nhận là "đã c6”được xưng danh là Cíđã c6”được thi thiết là ccđã c6”. Thức ấy không được xác nhận là "hiện c6", không được xác nhận là "sẽ c6" Phàm sắc gì chưa sanh, chưa hiện hữu; sắc ấy được xác nhận là usẽ c6", được xưng danh là usẽ c6”được thi thiết là 66sẽ

c6", sắc ấy không được xác nhận là "hiện c6", không được xác nhận là "đã c6". Phàm thọ gì chưa sanh, chưa hiện hữu; thọ ấy được xác nhận là "sẽ c6", được xưng danh là "sẽ c6"được thi thiết là "sẽ c6". Thọ ấy không được xác nhận là "hiện c6", thọ ấy không được xác nhận là "đã c6" Phàm tưởng gì... Phàm hành gì... Phàm thức gì chưa sanh, chưa hiện hữu; thức ây được xác nhận là "sẽ c6", được ximg danh là usẽ 96", được thi thiết là "sẽ c6". Thức ấy không được xác nhận là uhiện c6", thức ấy không được xác nhận là 66đã c6". Này các Tỷ-kheo, phàm săc gì đã sanh, đã hiện hữu; săc ây được xác nhận là "hiện c6", được xưng danh là "hiện c6", được thi thiết là achiện c6". sắc ấy không được xác nhận là "đã có,\ không được xác nhận là "sẽ c6" Phàm thọ gì đã sanh, đã hiện hữu; thọ ấy được xác nhận là "hiện c6", được ximg danh là uhiện c6", được thi thiết là "hiện c6" Thọ ấy không được xác nhận là "đã c6", không được xác nhận là 6Csẽ c6" Phàm tưởng gì... Phàm hành gì... Phàm thức gì đã sanh, đã hiện hữu; thức ấy được xác nhận là "hiện c6", được ximg danh là "hiện co", được thi thiết là "hiện c6". Thức ấy không được xác nhận là "đã c6", thức ấy không được xác nhận là "sẽ c6". Này các Tỷ-kheo5 có ba loại này, ngôn lộ5 danh ngôn lộ9 thi thiết lộ; không có lẫn lộn, trước không lẫn lộn5 nay không lẫn lộn9 tương lai không lẫn lộn5 không bị các Sa-môn? Bà-la-môn có trí quở trách. Hơn nữa, dân chúng ở Ukkalã,76 những vị thuyết pháp trong thời an cư mùa mưa/7 các vị vô nhân luận, các vị VO tác luận, các vị vô hữu luận, những vị ây cũng không có nghĩ rằng ngôn lộ5 danh ngôn lộ? thi thiết lộ này đáng bị quở trách, đáng bị khinh miệt. Vì sao? Vì rằng, họ sợ quở trách, công kích, phẫn nộ? chỉ trích.*77

76Xem4II.31;Km 141. 77 Xem M. III. 78.

22. TƯƠNG ƯNG UẨN 567

vn. PHẨM A-LA-HÁN (ARAHANTAVAGGA)

I. KINH CHẤP TRƯỚC (Upãdiyamãnasutta)^ (5. III. 73) 63. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi (Xá-vệ)? tại Jetavana (Kỳ^đà Lâm), vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi r y r r r xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp tóm tắt cho con! Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, tịnh cu, không phóng dật5 nhiệt tâm, tinh cần. - Ai chấp trước, này Tỷ-kheo? người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Như thế nào5 này Tỷ-kheo, ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời Ta nói một cách vắn tắt? -Ai châp trước săc, bạch Thê Tôn, người ây bị Ma trói buộc; ai không châp trước, người ây được giải thoát khỏi Ac ma. Ai châp trước thọ, người ây bị Ma trói buộc; ai không châp trước, người ây được giải thoát khỏi Ac ma. Ai châp trước tưởng... Ai châp trước hành... Ai châp trước thức„ người ây bị Ma trói buộc; ai không châp trước, người ây được giải thoát khỏi Ac ma. Bạch Thê Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy? ông hiêu một cách rộng rãi ý nghĩa lời nói văn tăt này của Ta. Ai châp trước sắc, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc; ai không chấp trước, người ấy được giải

thoát khỏi Ác ma. Ai chấp trước thọ... Ai chấp trước tưởng... Ai chấp trước hành... Ai chấp trước thức, người ấy bị Ma trói buộc; ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Này Tỷ-kheo, lời nói vắn tắt này của Ta cần phải hiêu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn? thân bên hữu hướng về Ngài và ra đi.

78 SA. II. 281: Upādīyamānotỉ tarihãmãnadỉtthỉvasena ganhamãno ("Chấp trước^, là sự nắm giữ do sự tác động của tham ái, mạn, kiến). Tham chiểu: Tạp.(T.02. 0099.15. 0003a06).

Rồi Tỷ-kheo ấy sống một mình, tịnh cu, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần? không bao lâu đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sông không gia đình mong câu, chính là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh. Vị ấy, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú. Vị ấy chứng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm5 không còn trở lại đời này nữa." Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa. II. KINH SUY TƯỞNG (Mannamữnasutta) (S III. 74) 64. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... Ngồi xuống một bên? Tỷ- kheo ấy bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn5 lành thay, Thế Tôn hãy thuyết pháp tóm tắt cho con... nhiệt tâm, tinh cần. -Ai suy tưởng, này Tỷ-kheo5 người ấy bị Ma trói buộc. Ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Như thế nào? này Tỷ-kheo5 ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời Ta nói một cách vắn tắt? - Ai suy tưởng sắc, bạch Thế Tôn, người ấy bị Ma trói buộc; ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai suy tưởng thọ... tưởng... hành... Ai suy tưởng thức, người ấy bị Ma trói buộc; ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy? ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời nói vắn tắt này của Ta. Này Tỷ-kheo, ai suy tưởng sắc, người ấy bị Ma trói buộc; ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai suy tưởng thọ... tưởng... hành... Ai suy tưởng thức5 người ấy bị Ma trói buộc; ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Này Tỷ-kheo? lời nói vắn tắt này của Ta cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy... Vị Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa. III. KINH HOAN HỶ (Abhinandamãnasutta) (S. III. 75) 65. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... Ngồi xuống một bên, Tỷ- kheo ấy bạch Thế Tôn: -Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp tóm tắt cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Ai hoan hỷ9 này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không hoan hỷ, • 99 r 117* A người ây được giải thoát khỏi Ac ma.

Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện The, con đã hiểu. Như thế nào, này Tỷ-kheo, ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời Ta nói một cách vắn tắt? Ai hoan hỷ săc? bạch

Thê Tôn? người ây bị Ma trói buộc; ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai hoan hỷ thọ... tưởng... hành... Ai hoan hỷ thức, người ấy bị Ma trói buộc; ai không hoan hy, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Lành thay5 lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy, ông đã hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời Ta nói một cách vắn tắt. Ai hoan hỷ sắc, này Tỷ-kheo? người ấy bị Ma trói buộc; ai không hoan hỷ? người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai hoan hỷ thọ... tưởng... hành... Ai hoan hỷ thức, người ấy bị Ma trói buộc; ai không hoan hỷ? người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Này Tỷ-kheo5 lời nói vắn tắt này của Ta, cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy... Vị Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa. IV. KINH VÔ THƯỜNG (Aniccasuttà)19 (S. III. 76) 66. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... Ngồi xuống một bên, Tỷ- kheo ấy bạch Thế Tôn: y Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con...con sẽ sống một mình, tịnh cu, không phóng dật? nhiệt tâm, tinh cần. Cái gì vô thường, này Tỷ-kheo? ở dây, ông phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thế Tôn? con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo9 ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào? Sắc là vô thường, bạch Thế Tôn? ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là vô thường, ở dây, con phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy, lời Ta nói một cách vắn tắt? ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. sắc là vô thường, này Tỷ-kheo? ở dây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ là vô thường... Tưởng là vô thường... Hành là vô thuỳng... Thức là vô thường, ở dây, ong cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo5 ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.79

79 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1. 0001a07).

570 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ III. THIÊN UẨN

V KINH KHỔ (Dukkhasutta) (5. III. 77) 67. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... Ngồi xuống một bên, Tỷ- kheo ấy bạch Thế Tôn: y Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư5 không phóng dật, nhiệt tâm5 tinh cần. Cái gì khô5 này các Tỷ-kheo, ở dây, ông cân phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thế Tôn, con đã hiểu* Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. —Lời Ta nói một cách vắn tắt? này Tỷ-kheo? ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào? Sắc là khổ? bạch Thế Tôn, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là khổ? ở dây, con phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn? con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời Ta nói một cách vắn tắt, ong đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. sắc là khổ9 này Tỷ- kheo, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là khổ, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.., Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa. VI. KINH VÔ NGÃ

(Anattasuttã)^ (5. III. 77) 68. Nhân duyên ở Săvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... Ngồi xuống một bên, Tỷ- kheo ấy bạch Thế Tôn: y Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Cái gì vô ngã5 này Tỷ-kheo, ở đây, ông cân phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thế T6n, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo, ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào? Sắc là vô ngã, bạch Thế Tôn? ở dây, con cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là vô ngã5 ở đây, con cần phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời Ta nói một cách vắn tắt, ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. sắc là vô ngã? này Tỷ- kheo, ở đây5 ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là vô ngã, ở dây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo? ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

80 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.17. 0003Ồ28).

Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa. VII. KINH KHÔNG ĐÁNG THUỘC Tự NGÃ (Anattaniyasuttà)^ (5. III. 78) 69. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... Ngồi xuống một bên, Tỷ- kheo ấy bạch Thế Tôn: Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con... Cái gì không đáng thuộc tự ngã, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Con đã hiểu, bạch Thế Tôn. Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ. Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo? ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào? Săc không đáng thuộc tự ngã, bạch Thê Tôn? ở đây, con cân phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Hành... Thức không đáng thuộc tự ngã, ở đây, con cần phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thế Tôn, lời dạy vắn tắt này của Thế Tôn5 con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Lành thay, lành thay5 này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời nói vắn tắt này của Ta, ông đã hiểu một cách rộng rãi. sắc không đáng thuộc tự ngã, này Tỷ-kheo? ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ.. Tưởng... Hành... Thức không đáng thuộc tự ngã5 ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Ta? này Tỷ-kheo? ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa. VIII. KINH CHỖ TRÚ CỦA sự Ô NHIỄM (Rajanĩyasanthitasuttăỷ2 (S. III. 79) 70. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... Ngồi xuống một bên5 Tỷ- kheo ấy bạch Thế Tôn: Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con... Cái gì làm chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, này Tỷ-kheo? ở đây5 ông cần phải đoạn trừ lòng dục. -Con đã hiểu, bạch Thế Tôn. Con đã hiểu? bạch Thiện Thệ. Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo, ông hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào? Sắc làm chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, bạch Thế Tôn5 ở dây, con cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Hành... Thức làm chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, ở đây5 con cần phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn? con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.8182

81 Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.18. 0003c28). 82 Bản tiếng Anh của PTS: Lustful, nghĩa là Đầy dục vọng. Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.19. 0004a28).

Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo. Lời Ta nói một cách vắn tắt, ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. sắc là chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, này Tỷ-kheo, ở dây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, này Tỷ-kheo? ở đây? ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tăt này của Ta, này Tỷ-kheo? ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa. IX. KINH RÃDHA (Rãdhasuttaỷ3 (5. III. 79) 71. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Rãdha đi đến Thế Tôn, sau khi đến... bạch Thế Tôn: Biết như thế nào, bạch Thế Tôn5 thấy như thế nào, đối với thân thể có thức này9 và đôi với tât cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: 66Ngã kiên, ngã sở kiên, ngã mạn tùy miên,5? Này Rãdha, phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gàn5 tất cả sắc cần được thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i." Phàm có thọ... Phàm có tưởng... Phàm có hành... Phàm có thức gì quá khứ thuộc vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả thức cần được thấy như thật với chánh trí tuệ là: 66Cái này không phải của tôi? cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i." Này Rãdha, do biết vậy, do thấy vậy5 đối với thân có ứiức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên.,, ... Tôn giả Rãdha trở thành một vị A-la-hán nữa. X. KINH SURÃDHA (Surãdhasutta) (5. III. 80) 72. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Surãdha bạch Thế Tôn: Biết như thế nào, bạch Thế Tôn? thấy như thế nào? đối với thân thể có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn", vượt ngoài mọi phân biệt, thuần tịnh, khéo giải thoát? —Này Surãdha, phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại... hoặc xa hay gần? sau khi như thật thấy với chánh trí tuệ tất cả các sắc là: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i", [vị ây] được giải thoát, không có chập thủ.83

83 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.6. 0001c03).

Phàm có thọ gì... có tưởng gì... có hành gì... Phàm có thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần5 sau khi như thật thấy với chánh trí tuệ tất cả các thức là: "Cái này khônệ phải của tôi, cái này không phải là tôi? cái này không phải tự ngã của tôi9\ [vị ây] được giải thoát, không có chấp thủ. Này Surãdha, do biết vậy, do thấy vậy, đối với thân có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tirởng: uNgã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn,9? vượt ngoài mọi phân biệt? thuần tịnh, khéo giải thoát. Rồi Tôn giả Surãdha... trở thành một vị A-la-hán nữa.

vrn. PHẨM NHỮNG GÌ Được ĂN (KHAJJANIY4K4GGA)

I. KINH VỊ NGỌT (Assãdasutta) (S. III. 81) 73. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc. Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ vị ngọt5 sự nguy hiểm và sự xuất ly của thọ... của tưởng... của hành. Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ vị ngọt5 sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức. Và này các Tỷ-kheo5 bậc đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc... của thọ... của tưởng... của hành... của thức. IL KINH TẬP KHỞI (Samudayasutta) (S. III. 82) 74. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo5 kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ sự tập khởi5 sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc. Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diet, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thọ... của tưởng... của hành. Này các Tỷ-kheo9 kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt5 sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức. Này các Tỷ-kheo, bậc đa yăn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diet, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc. Này các Tỷ-kheo? bậc đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngQt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thọ... của tưởng... của hành. Này các Tỷ-kheo5 bậc đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi5 sự đoạn diệt, vị ngọt? sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức. III. KINH TẬP KHỞI THỨ HAI (Dutìyasamudayasutta) (5. III. 82) 75. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo? bậc đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt? sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc. Này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thọ... của tưởng... của hành.

Này các Tỷ-kheo, bậc đa yăn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi9 sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức. IV. KINH BẬC A-LA-HÁN (Arahantasutta) (S III. 83) 76. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i" Này các Tỷ-kheo, thọ... tưởng... hành là vô thường... Này các Tỷ-kheo5 thức là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi? cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.95 Nàỵ các Tỷ-kheo5 do thấy vậy, bậc đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... đối với thức. Do nhàm chán nên ly tham, do ly tham nên được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát.,, Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.M Này các Tỷ-kheo, cho đến hữu tình cư (sattãvãsã), cho đến tột đảnh của hữu (jbhavaggam), những bậc ấy là tối thượng, những bậc ấy là tối thắng ở trong đời, tức là các bậc A-la-hán. Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: An lạc, bậc La-hán,

Họ không có khát ái, Ngã mạn khéo chặt dứt, Lưới si bị phá rách. Họ đạt được bất động, Tâm viễn ly ô trược, Không nhiêm trước thê gian, Bậc Phạm thiên vô lậu. Họ biên tri năm uân, Do hành bảy Chánh pháp.84 Bậc Chân nhân tán thán, Con đích tôn chư Phật. Đầy đủ bảy món báu,85 Ba học đều thành tựu, Bậc Đại Hùng du hành, Đoạn tận mọi sợ hãi.

84 Chủ giải viết saddhã, hỉri, ottappa, saccam, vỉrỉyam, satỉ, pannã. 85 Chủ giải viết 7 giác chi.

Đầy đủ mười uy lực,86 Bậc Long Tượng thiền định. Họ tối thắng ở đời, Khát ái được đoạn tận. Thành tựu vô học tri, Thân này thân tối hậu, Cứu cánh87 của Phạm hạnh, Đạt được không nhờ ai.8889 Đối các tưởng, không động, Giải thoát khỏi tái sanh, Đạt được điều phục dja, Họ chiến thắng ở đời. Thượng, hạ cùng tả, hữu,89 Họ không có hỷ lạc, Họ rống sư tử rống, Phật vô thượng ở đời. V. KINH BẬC A-LA-HÁN THỨ HAI (Dutìyaarahantasutta) (S III. 84) 77. Nhân duyên ở Sãvatthi. Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ là: uCái này không phải của t6i, cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của t6i" Thọ... Tưởng... Hành... Thức là vô thường... Này các Tỷ-kheo, do thấy vậy5 bậc đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... đối với thức. Do nhàm chán nên ly tham, do ly tham nên được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành? những việc nên làm đã làm? không còn trở lại đời này nữa.,, Này các Tỷ-kheo, cho đến hữu tình cư, cho đến tột đảnh của hữu, những bậc ấy là toi thượng, những bậc ấy là tối thắng ở trong đời5 tức là các bậc A-la-hán. VI. KINH SƯ TỬ (Sĩhasutta) (5. III. 85) 78. Nhân duyên ở Săvatthi. Này các Tỷ-kheo, con sư tử, vua các loài thú, vào buổi chiều, đi ra khỏi hang. Sau khi ra khỏi hang, nó duỗi thân mình và chân. Sau khi duỗi thân mình và chân, nó nhìn xung quanh bốn phương. Sau khi nhìn xung quanh bốn

86 Dasabalãni'. 10 Như Lai lực. Xem M. I. 69. 87 Chủ giải viết sâro chỉ cho Arahattaphalam. 88 Aparapaccayã'. Không lệ thuộc vào người khác. 89 SA. II. 283 viết uddham, nghĩa là từ bàn chân đến đỉnh đầu hay chỉ chọ quá khứ, hoặc thiên giới. Apãcĩnam chỉ cho mặt đất, tương lai hay các địa ngục. Tỉrỉyam, tả hữu, bê ngang, chỉ cho hiện tại, ở giữa hay nhân giới.

phương, nó rống lên tiếng rống sư tử ba lần. Sau khi rống lên tiếng rống sư tử ba lần, nó đi tìm mồi. Này các Tỷ-kheo, các loài thú thuộc loài bàng sanh, nghe tiếng rống của con sư tử, vua các loài thú, phần lớn chúng trở nên sợ hãi, run sợ, khiếp đảm. Các loài ở hang tìm vào hang. Các loài ở nước tìm xuống nước. Các loài ở rừng tìm vào rừng. Các loài chim bay lên hư không. Này các Tỷ-kheo, các loài voi chúa ở tại làng, thị trấn hay thành phố, bị trói bởi các cây đa cứng chắc, bứt dứt, giật đứt những sợi dây ấy5 khiếp đảm cuồng chạy, tung cả phân và nước tiêu. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là đại thần

thong lực của con sư tử, vua các loài thú, đối với loài bàng sanh, như vậy là đại thế lực? như vậy là đại uy lực. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi Như Lai xuất hiện ở đời, bậc ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải? Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư; Phật, Thế Tôn; Như Lai thuyết pháp: Đây là sắc; đây là sắc tập khởi; đây là sắc đoạn diệt; đây là con đường đưa đển sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là hành... Đay là thức; đây là thức tập khởi; đây là thức đoạn diệt; đây là con đường đưa đến thức đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo? có những chư thiên nào, tuổi thọ dài, có mỹ sắc, hưởng lạc nhiều, đã sống lâu trong các lâu đài to lớn. Các chư thiên này, sau khi nghe Như Lai thuyết pháp, phần lớn họ90 trở nên sợ hãi? run sợ? khiếp đảm. [Họ nghĩ:] "Chúng ta là vô thường, này chư Tôn giả, nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường còn. Chúng ta là khônệ thường hăng, này chư Tôn giả9 nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường hăng. Chúng ta không thường trú, này chư Tôn giả? nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường trú. Này chư Tôn giả, chúng ta là vô thường, không thường hằng, không thường trú, bị thâu nhiếp trong một thân nay?9 Như vậy9 này các Tỷ-kheo, là đại thần thông lực của Như Lai đối với chư thiên và thế giới chư thiên, như vậy là đại thế lực9 như vậy là đại uy lực. Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Bậc Thiện Thệ thuyết giảng như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Khi Phật với thượng trí, Chuyển bánh xe Chánh pháp, Cho thiên giới5 nhân giới, Bậc Đạo Sư vô tỷ. Sự đoạn diệt tự thân, Sự hiện hữu tự thân, Và đường Thánh tám ngành, Đưa đến khổ diệt tận. Chư thiên được trường thọ,

90 Chủ giải giải thích trừ chư thiên trong thế giới này là những vị đệ tử chứng quả A-la-hán.

Có mỹ sắc danh xưng, Sanh khiếp đảm5 sợ hãi5 Như thú thấy sư tử. Vì chưa thoát tự thân, “Chiing ta là vô thuờng", Nghe lời bậc ứng Cúng9 Đã giải thoát như vậy. VII. KINH ĐÁNG ĐƯỢC ĂN (Khajjanĩyasuttd)9Ỵ (5. III. 86) 79. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà4a-môn nào nhớ đến đời sống ở các kiếp trước, tất cả họ đều nhớ đến năm thủ uẩn hay nhớ đến một trong những uẩn này. Thế nào là năm? Này các Tỷ-kheo, có người nhớ rằng: "Trong quá khứ, thân ta như thê ĩìày” nhớ như vậy9 vị ây nhớ đên săc. Hay có người nhớ rằng: "Trong quá khứ, ta có cảm thọ như thế này"; nhớ như vậy5 vị ấy nhớ đến thọ. Hay có người nhớ rằng: 'Trong quá khứ ta có tưởng... có hành... có thức như thế n;nhớ như vậy9 vị ấy nhớ đến thức. Này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là sắc? Bị thay đổi9 này các Tỷ-kheo5 nên gọi là sắc. Bị thay đổi bởi cái gì? Bị thay đổi bởi lạnh; bị thay đổi bởi n6ng; bị thay đôi bởi đói; bị thay đổi bởi khát; bị thay đôi bởi sự xúc chạm của ruôi, muỗi, gi6, sức nóng và ran. Bị thay đổi, này các Tỷ-kheo, nên gọi là sắc. Này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là thọ? Được cảm thọ, này các Tỷ-kheo, nên gọi là thọ. Cảm thọ gì? Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ5 cảm thọ phi khổ phi lạc. Được cảm thọ, này các Tỷ-kheo5 nên gọi là thọ. Này các Tỷ-kheo5 thế nào gọi là tưởng? Nhận rõ, này các Tỷ"kheo9 nên gọi là tưởng. Nhận rõ gì? Nhận rõ màu xanh, nhận rõ màu vàng, nhận rõ màu đỏ, nhận rõ màu trăng. Nhận rõ5 này các Tỷ-kheo, nên gọi là tưởng. Này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là hành? Làm cho hiện hành [pháp] hữu vi nên gọi

là hành. Làm cho hiện hành [pháp] hữu vi gì? Làm cho hiện hành sắc với sắc tánh, làm cho hiện hành thọ với thọ tánh, làm cho hiện hành tưởng với tưởng tánh? làm cho hiện hành hành với hành tánh, làm cho hiện hành thức với thức tánh. Làm cho hiện hành [pháp] hữu vi? này các Tỷ-kheo? nên gọi là hành. Và này các Tỵ-kheo5 thế nào gọi là thức? Rõ biết,92 này các Tỷ-kheo? nên gọi là thức. Rõ biết gi? Rõ biết chua, rõ biết dắng, rõ biết cay, rõ biết ngọt, rõ biết chất kiềm, rõ biết không phải chất kiềm, rõ biết mặn5 rõ biết không mặn. Rõ biết, này các Tỷ-kheo5 nên gọi là thức.*

91 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.46. 0011b21). Trong Udãna, các chương cũng đều lấy tiêu đề là Khajjanĩya nghĩa là bị ăn, được ăn. Trong chương này, săc được xem là người ăn và trong s. III. 109; KS. III. 93 (kmh 85 ở sau), thẩn được xem là kẻ giết. 92 SA. II. 293: Saṇiãnậtỉ, vỉịãnãtỉ, paịãnãti, ba tầng bậc của thức sai khác nhau: Ý thức biết rõ, phân tích, phân biệt và quyêt định.

Ở đây? này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Nay ta bị sắc ăn.93 Trong thời quá khứ, ta cũng bị sắc ăn như vậy? như nay ta bị sắc hiện tại ăn. Neu ta hoan hỷ đối với sắc vị lai, thời trong thời vị lai, ta sẽ bị sắc ăn? như nay ta bị sắc hiện tại ăn?9 Do suy nghĩ như vậy, vị ấy không có luyến tiếc đối với sắc quá khứ; không có hoan hỷ đối với sắc vị lai; và thực hành sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sắc hiện tại. "Ta nay bị thọ ăn. Trong thời quá khứ, ta cũng bị thọ ăn như vậy, như nay ta bị thọ hiện tại ăn. Nếu ta hoan hỷ đối với thọ vị lai, thời trong thời vị lai, ta sẽ bị thọ ăn5 như nay ta bị thọ hiện tại ăn.^, Do suy nghĩ như vậy, vị ấy không có luyến tiếc đối với thọ quá khứ; không có hoan hỷ đối với thọ vị lai; và thực hành sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với thọ hiện tại. “Ta nay bị tưởng ăn..?9 “Ta nay bị hành ăn..?5 "Ta nay bị thức ăn. Trong thời quá khứ, ta cũng bị thức ăn như vậy, như nay ta bị thức hiện tại ăn. Nếu ta hoan hỷ đối với thức vị lai? thời trong thời vị lai, ta sẽ bị thức ăn? như nay ta bị thức hiện tại n.” Do suy nghĩ như vậy9 vị ấy không có luyến tiếc đối với thức quá khứ; không có hoan hỷ đối với thức tương lai; và thực hành sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với thức hiện tại. Này các Tỷ-kheo5 các ông nghĩ thê nào, săc là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? - Là khổ9 bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i” - Thưa không, bạch Thế Tôn. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? -Vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ? bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ5 chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi5 cái này là tự ngã của t6i"? Thưa không, bạch Thế Tôn. Do vậy? này các Tỷ-kheo? đối với sắc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tê; hoặc liệt hay thăng; hoặc xa hay gân, tât cả săc cân phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi? cái này không phải là tôi? cái này không phải tự ngã của t6i."

93Kha iãmỉ. SA. II. 295: Đây không có nghĩa than làm ta đau đớn, như con lãi, con giòi làm ta đau, mà VÍ như một người mặc y phục bân, cảm thây khó chịu. Sự khó chịu ây cũng có thê được nói là "y phục ăn thịt ta vậy^. Trong s. III. 109; KS. III. 93 (kinh 85 ở

sâu), có đoạn xem thân như kể giết ngươi.

Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với hành... Đối với thức quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả thức đều phải như thật quán với chánh trí tuệ là: uCái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi9 cái này không phải tự ngã của t6i." Này các Tỷ-kheo? đây gọi là vị Thánh đệ tử giảm thiểu, không tăng trưởng; từ bỏ? không chấp thủ; xa lánh, không thân cận; phân tán, không huân tập. Giảm thiểu, không tăng trưởng cái gì? Giảm thiểu, không tăng trưởng sắc. Giảm thiểu, không tăng trưởng thọ... tưởng... hành. Giảm thiểu, không tăng trưởng thức. Từ bỏ? không chấp ứiủ cái gì? Từ bỏ? không chấp thủ sắc... thọ... tưởng... hành... Từ bỏ, không chấp thủ thức. Xa lánh, không thân cận cái gì? Xa lánh, không thân cận sắc... thọ... tưởng... hành... Xa lánh, không thân cận thức. Phân tán, không huân tập cái gì? Phân tán, không huân tập sắc... thọ... tưởng... hành... Phân tán, không huân tập thức. Thấy yậy? vị Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành...nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham nên yị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát.95 Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Tỷ-kheo không tăng trưởng, không giảm thiểu. Sau khi giảm thiểu, vị ấy trú, không từ bỏ, không chấp thủ. Sau khi từ bỏ, vị ấy trú, không xa lánh, không thân cận. Sau khi xa lánh, vị ấy trú, không phân tản, không huân tập. Sau khi phân tán, vị ấy trú, không tăng trưởng, không giảm thiểu cái gì? Sau khi giảm thiểu, vị ấy trú. không tăng trưởng, không giảm thiểu sắc. Sau khi giảm thiêu, vị ây trú, không tăng trưởng, không giảm thiêu thọ... tưởng... hành... không tăng trưởng, không giảm thiểu thức. Sau khi giảm thiểu, vị ấy trú, không từ bỏ, không chấp thủ cái gì? Sau khi từ b6, vị ấy trú, không từ bỏ, không châp thủ săc. Sau khi từ bỏ? vị ấy trú, không từ bỏ, không chấp thủ thọ... tưởng... hành... không từ bỏ? không chấp thủ thức. Sau khi từ bỏ? vị ây trú, không xa lánh, không thân cận cái gì? Sau khi xa lánh? vị ấy trú, không xa lánh5 không thân cận sắc. Sau khi xa lánh, vị ấy trú, không xa lánh, không thân cận thọ... tưởng... hành... không xa lánh, không thân cận thức. Sau khi xa lánh, vị ây trú, không phân tán, không huân tập cái gì? Sau khi phân tán, vị ấy trú, không phân tán, không huân tập sắc. Sau khi phân tán, vị

ấy trú, không phân tán? không huân tập thọ... tưởng... hành... không phân tán, không huân tập thức. Sau khi phân tán, vị ấy trú với tâm giải thoát như vậy. Này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo ấy được chư thiên với Thiên chủ, Phạm thiên chúng với Phạm thiên đảnh lễ, dầu cho ở xa: Ôi, ta đảnh lễ ông? Bậc? người như Lương Mã! 0i, ta đảnh lễ 6ng, Là bậc Tối Thắng Nhân! Ta không có chấp trước, Đối tượng ông thiền tư. VIII. KINH NGƯỜI KHẤT THựC (Piụặolyasuttà)94 (S. IIL 91) 80. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu (Ca-tỳ- la-vệ), ở Nigrodhãrãma (vườn cây Bàng). Rồi Thế Tôn? nhân một lỗi lầm,95 sau khi quở trách chúng Tỷ-kheo? vào buổi sáng9 đắp y, cầm y bát, đi vào thành Kapilavatthu để khất thực. Đi khất thực ở Kapilavatthu xong, sau bữa ăn,

trên con đường trở về? Thế Tôn đi đến Mahãvana (Đại Lâm) để nghỉ buổi trưa. Sau khi đi sâu vào Mahăvana, Ngài ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây Beluvalatthikã. Trong khi Thế Tôn độc cư thiền tịnh, tư tưởng như sau được khởi lên: "Chúng Tỷ-kheo đã được Ta làm cho vững mạnh. Nhưng ở đây có mot số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nêu họ khônạ thấy Ta, họ có thể đổi khác, biến đổi. Như con bê5 nếu không thấy bò mẹ, có the đổi khác, biến đổi. Cũng vậy, ở đây? có một số tân Tỷ-kheo xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Neu họ không thấy Ta, họ có thể đổi khác, biến đổi. Ví như những hạt giống non, nếu không có nước có thể đổi khác, biến đổi. Cũng vậy? ở dây, có một số tân Tỷ-kheo xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Ta, họ có thể đổi khác, biến đổi. Như trước đây chúng Tỷ-kheo đã được Ta giúp dỡ, cũng vậy, nay Ta hãy giúp đỡ cho chúng Tỷ-kheo!" Rồi Phạm thiên Sahampati, với tâm của mình biết được tư niệm của Thế T6n, như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại hay co lai cánh tay duỗi ra; cũng vậy, biến mất từ Phạm thiên giới, hiện ra trước mặt Thế Tôn. Rồi Phạm thiên Sahampati, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng đên Thê Tôn5 và bạch The Tôn:

94 Pindolyam, Xem Pss. Breth. 110, 415. Chú giải viết là một vị đi khất thực. Tham chiếu: Tạp. (roi 0099.272. 0071C14); Chỉ biên kỉnh (T.01. 0026.14Ỏ. 0647al5). 95 SA. II. 301: Do họ làm ồn giảng đường, như được đề cập trong Ud. 25, đức Thế Tôn nói rằng các vị tân Tỳ-kheo ồn ào ĩihư những người đánh cá đang cãi cọ và bảo Tôn giả A-nan đến nhắc nhở họ.

—Như vậy là phải, bạch Thế Tôn^ Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn làm cho vững mạnh. Nhưng ở đây có một số tân Tỷ-kheo? xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Thế Ton, họ có thể đổi khác, biến đổi. Như con bê9 nếu không thấy bò mẹ có thể đổi khác, biến đổi. Cũng vậy, ở đây5 có mot số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Neu họ không thấy Thế Tôn, họ có thể đổi khác, biến đổi. Ví như những hạt giống non, nếu không có nước, có thể đổi khác, biến đổi. Cũng vậy, ở đây, có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lau, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Thế Tôn, họ có thể đổi khác, biến đổi. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy làm cho chúng Tỷ-kheo hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giảng cho chúng Tỷ-kheo như trước đây chúng Tỷ- kheo đã được The Tôn giúp đỡ; cũng vậy? nay Thế Tôn hãy giúp đỡ cho chúng Tỷ-kheo! FT1Í Ả rr~i Ạ * i w *1 ĩ Ạ * Thê Tôn im lặng nhận lời. Rồi Phạm thiên Sahampati, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng ve Ngài, rồi biến mất tại chỗ. Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Nigrodhãrãma; sau khi đến9 ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Sau khi ngồi? Thế Tôn nghĩ rằng: "Ta hãy thị hiện thần thông một cách khiến cho các vị Tỷ-kheo ấy đến Ta từng nhóm một hay hai người với tâm có tội lỗi?9 Và các Tỷ-kheo ấy đến Thế Tôn từng nhóm một hay hai người với tâm có tội 101 sau khi đên5 đảnh lê Thê Tôn roi ngôi xuông một bên. Thê Tôn nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên: Này

các Tỷ-kheo? đây là nghề sinh sống hèn hạ nhất, tức là nghề khất thực. Đây là một lời nguyền rủa trong đời, này các Tỷ-kheo9 khi nói: "Ong, kẻ khất thực với bát trên bàn tay, ông đi chô này chô kia và đây là nghề sinh sông?9 Này các Tỷ-kheo, điều mà các thiện gia nam tử chấp nhận là những vị sống vì lý tưởng mục đích, duyên với lý tưởng mục đích; không phải vì ma cưỡng ép, không phải vì trộm cướp cưỡng ép? khôĩiệ phải vì thiếu nợ, không phải vì sợ hãi? không phải vì không có nguôn sinh sông mà với ý nghĩ: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não; bị chìm đắm trong đau khổ; bị đoanh vây bởi đau khổ. Rất có thể, sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này được tìm ra." Và như vậy9 này các Tỷ-kheo, là thiện gia nam tử xuất gia, vị ấy có tham dục đối với các dục vọng5 tham ái cuồng nhiệt, tâm tư sân hận, tư niệm ô nhiễm, thất niệm5 không tỉnh giác? không định tinh, tâm tán loạn, các căn không chế ngự. Ví như, này các Tỷ-kheo, một que củi từ chỗ hỏa táng, cả hai đầu đều cháy, ở giữa lại dính phân, không được dùng làm củi trong làng, không được dùng làm củi trong rừng. Dùng ví dụ ấy, Ta tả cho các ông5 con người ấy, đã mât cả nhà và tài sản, lại không làm viên mãn mục đích của Sa-môn hạnh.

22. TƯƠNG ƯNG UẨN 583

Này các Tỷ-kheo5 có ba bất thiện tầm này: Dục tầm, sân tầm9 hại tầm. Và này các Tỷ-kheo5 ba bât thiện tâm này được đoạn diệt không có dư tàn, đôi với vị nào tâm đã khéo an trú vào bốn niệm xứ hay tu tập vô tướng thiền định. Này các Tỷ-kheo? hãy khéo tu tập vô tướng thiền định. Này các Tỷ-kheo? vô tướng thiền định được tu tập, làm cho tăng thịnh, đưa đến quả lớn? lợi ích lớn. Này các Tỷ-kheo5 có hai kiến này: Hữu kiến và phi hữu kiến. Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "C6 cái gì ở trong đời5 ta chấp trước mà không có phạm t0i?" Và vị ây biêt: "Không có cái gì ở trong đời5 ta châp trước mà không có phạm tộiy Nếu ta chấp thủ sự chấp thủ sắc... thọ... tưởng... hành... Nếu ta chấp thủ sự chấp thủ thức, do duyên chấp thủ5 hữu trở thành của ta. Do duyên hữu, có sanh. Do sanh, có già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thê nào, săc là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ9 bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi5 cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i"? - Thưa không, bạch Thế Tôn. - Thọ... Tưởng... Hành... Thức... Do vậy, này các Tỷ-kheo9 thấy vậy... Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa. "96

IX. KINH PÃRILEYYA (Pãiiỉeyyasutta)91(y IIL 94) 81. Một thời, Thế Tôn ở Kosambĩ, tại vườn Ghosita. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm ỵ bát? đi vào Kosambĩ để khất thực. Khất thực xong, sau bữa ăn5 trên đường trở về, Ngài dọn dẹp chỗ nằm của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành.96 98 97 Rồi một Tỷ-kheo, khi Thế Tôn đi chưa bao lâu, liền đi đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đến, nói với Tôn giả Ãnanda: Này Hiền giả Ananda, Thế Tôn tự sắp xếp sàng tọa của mình, cầm y bát9 không gọi thị giả5 không tin cho chúng Tăng biêt9 một mình, không có người đi theo, ra đi du hành.

96 Xem s. III. 67; KS. III. 59 (kinh 59 ở trước). 97 Bản Tích Lan và PTS viết Pãrileyya. Tham chiếu: Tạp. B «.02. 0099.57. 0013c07). 98 Chủ giải đề cập vắn tắt câu chuyện này. DhA. I. 57-63 viết đầy đủ hơn. Xem M. I. 320; III. 152. Các đệ tử quá ồn ào nên bậc Đạo sư đi vào rừng độc cư và được voi Pãrileyya chain sóc. Sau đó, các Tỳ-kheo đến năn nỉ Tôn giả Ãnanda, mong Tôn giả vào rừng thỉnh đức Thế Tôn trở về tinh xá.

Này Hiền giả? trong khi Thế Tôn tự sắp xếp sàng tọa của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biet5 một mình, không có người đi theo, ra đi du hành; trong khi ấy, Thế Tôn ưa sống một mình; trong khi ẫy, Thế Tôn không muốn ai đi theo Ngài. Rồi Thế Tôn tuần tự du hành, đi đến Pãrileyyaka. Tại đây, Thế Tôn trú ở Pãrileyyaka, dưới gốc cây Bhaddasãla. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ãnanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên? các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Ãnanda: Đã lâu lắm, này Hiền giả Ãnanda, chúng tôi chưa được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp. Chúng tôi muốn, này Hiền giả Ãnanda, được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp. Rồi Tôn giả Ãnanda cùng với các Tỷ-kheo ấy đi đến Pãrileyyaka, dưới ệốc cây Bhaddasãla, chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuong một bên. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho các Tỷ-kheo đang ngồi một bên? giảng giải, khích lệ9 làm cho phân khỏi, làm cho hoan hỷ. LÚC bâ= giờ, một Tỷ-kheo sanh khởi suy nghĩ như sau: uBiêt như thê nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?,, Thế Tôn với tâm của mình biết được suy nghĩ của Tỷ-kheo ấy, liền nói với các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo9 pháp đã được giải thích (yicayaso), thuyết giảng. Bốn niệm^ xứ đã được giải thích, thuyết giảng. Bốn chánh cần đã được giải thích, thuyết giảng. Bốn như ý túc đã được giải thích, thuyết giảng. Năm căn đã được giải thích, thuyết giảng. Năm lực đã được giải thích, thuyet giảng. Bảy Bồ-đề phần đã được giải thích, thuyết giảng. Thánh đạo tám ngành đã được giải thích, thuyết giảng. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 pháp được Ta giải thích, thuyết giảng. Dầu cho, này các Tỷ-kheo, các pháp được Ta giải thích, thuyết ^iảng như vậy? nhimg ở đây có Tỷ-kheo khởi lên suy nghĩ sau đây: "Biết như the nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?” Này các Tỷ-kheo, biết như thế nào, thấy như thế nào5 các lậu hoặc được đoạn tận lập tức? Ở đây5 này các Tỷ-kheo? kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, khônệ thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không th rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã. Sự quán như vây là hành. Hành ây lấy gì làm nhân, lây gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo5 do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy? này các Tỷ-kheo, hành ây là vô thuờng, hữu V. do duyên sanh. Khát ái ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Thọ ây... xúc ấy là vô thường,

hữu vi, do duyên sanh. Vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy? do thấy vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức. Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, nhimg có thể quán tự ngã như là có sắc. Sự quán ấy, này các Tỷ-kheo? là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo? do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỵ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biêt vậy, thây vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức. Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, không quán tự ngã như là có sắc, nhxmẹ có thể quán sẳc ở trong tự ngã. Quán ấy5 này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lay gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy? này các Tỷ-kheo? hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức. Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã5 có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, nhưng có thể quán tự ngã ở trong sắc. Sự quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ây lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi? lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ây, hành ây sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo9 hành ây là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy? thấy vậy5 này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức. Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, có thể không quán tự ngã ở trong sắc, nhưng có thể quán thọ như là tự nẹã? và có thê quán tự ngã như là có thọ, có thể quán thọ ở trong tự ngã và có thê quán tự ngã ở trong thọ. ... có thể quán tưởng... có thể quán hành... có thể quán thức như là tự ngã9 có thể quán tự ngã như là có thức, có thê quán thức ở trong tự ngã và có thể quán tự ngã ở trong thức. Sự quán ây, này các Tỷ-kheo? là hành. Hành ây lấy gì làm nhân? lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy? này các Tỵ-kheo? hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy? thấy vậy, này các Tỷ-kheo5 các lậu hoặc được đoạn tận lập tức. Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán thọ như là tự ngã, có thể không quán tưởng... không quán hành... không quán thức như là tự

ngã, nhimg có thê có [tà] kiên như sau: "Đay là tự ngã, đây là thê giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại.” Nhưng thường kiến ấy9 này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi... Do biết như vậy5 thây như vậy, này các Tỷ-kheo5 các lậu hoặc được đoạn tận lập tức. Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, không quán thọ... không quán tưởng...

không quán hành... không quán thức là tự ngã, có thê không có [tà] kiên như sau: "Bây là tự ngã, đây là the giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hăng, thường trú, không chịu sự biên hoại.” Nhimg vị ây có thê có "Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu tà sẽ [tà] kiến như sau:99100 khồng có, thời sẽ không có của ta.” Đoạn kiến ấy, này các Tỷ-kheo5 là hành. Nhưng hành ấy, lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ây... thọ ây... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biêt vậy? thây vậy, này các Tỷ-kheo5 các lậu hoặc được đoạn tận lập tức. Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã... không quán thọ... không quán tưởng... không quán hành... không quán thức như là tự ngã... kh6ng quán tự ngã ở trong thức, không có [tà] kiên như sau: "Dây là tự ngã, đây là thê giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn5 thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoaiy Và có thể không có [tà] kiến như sau: "Nếu trước ta không c6, thời nay không có của ta. Nêu ta sẽ không c6, thời sẽ không có của ta.” Nhimg vị ấy có thê nghi hoặc, do dụ*, không đạt được cứu cánh trong Chánh pháp này. Nhưng này các Tỷ-kheo, sự nghi hoặc, do dự, không đạt được cứu cánh trong Chánh pháp này là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lây gì sanh, lây gì làm hiện hữu? Đôi với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo5 do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Thọ ấy là vô thuờng, hữu vi, do duyên sanh. Xúc ây là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Vô minh ây là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Này các Tỷ-kheo, do biết như vậy, thấy như vậy? các lậu hoặc được đoạn tận lập tức. X. KINH TRĂNG RẰM (Punnamasuttd)^ (5. III. 100) 82. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi (Xá-vệ)? Đông Viên, Lộc Mầu giảng đường, cùng với đại chúng Tỷ-kheo.

99 Xem s. III. 56; KS. III. 48 (kinh 55 ở trước). 100 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.58. 0014b 12); M. 109, Mahãpunnama Sutta (Đại kinh Mãn nguyệt), M.m. 15.

22. TƯƠNG ƯNG UẨN 587

LÚC bấy giờ, Thế Tôn nhân ngày lễ Bố-tát, ngày rằm, đêm trăng tròn, giữa trời, có chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rôi có Tỷ-kheo5 từ chô ngôi đứng dậy, đăp thượng y vào một bên vai, chăp tay hướng đen Thế Tôn và bạch Thế Tôn: A rr^ _ 1_ ? • FTTi A A _ _ AJ Ạ 4 ' fTi'i FT^ i i f Bạch The Ton, con muon hoi The Ton một van de, neu The Ton cho phep, và trả lời câu hỏi của con. Này Tỷ-kheo, hãy ngồi tại chỗ và hỏi theo ý ông muốn. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, ngồi tại chỗ ngồi của mình và bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, có phải co năm thủ uẩn này: Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn? txrởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn? Này Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn: Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. - Lành thay! Bạch Thế Tôn. Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, rồi hỏi thêm Thế Tôn một câu khác: Bạch Thế Tôn, năm thủ uẩn này lấy gì làm căn bản? Này Tỷ-kheo? năm thủ uẩn này lấy dục làm căn bản. - Lành thay! Bạch Thế

Tôn. Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy5 rồi hỏi thêm Thế Tôn một câu khác: -Bạch Thế Tôn, chấp thủ ấy là năm thủ uẩn ấy hay chấp thủ ngoài năm thủ uẩn? Này Tỷ-kheo9 chấp thủ ấy không tức là năm thủ uẩn ấy và chấp thủ cũng không phải ngoài năm thủ uẩn. Nhưng chỗ nào có tham và dục5 chỗ ấy có chấp thủ. - Lành thay! Bạch Thế Tôn. Tỷ-kheo ấy... hỏi Thế Tôn một câu hỏi khác: Có thê chăng, bạch Thê Tôn, trong năm thủ uân, có sự sai khác vê dục và tham? ĩ Ạ rr\ /\ J. r__ Thê Tôn đáp: - Có thể có5 này Tỷ-kheo. Ở đây, này Tỷ-kheo, có người nghĩ như sau: "Mong rằng trong tương lai, ta sẽ có sắc như vậy. Mong rằng trong tương lai, ta sẽ có thọ như vậy. Mong rằng trong tương lai, ta sẽ có tưởng như vậy. Mong rằng trong tương lai, ta sẽ có hành như vậy. Mong răng trong tương lai, ta sẽ có thức như vay." Như vậy, này Tỷ~kheo? có thể có sự sai khác về dục và tham trong năm thủ uẩn. Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy... hỏi thêm câu hỏi nữa: -Dưới hình thức nào, bạch Thế Tôn, có định nghĩa về uẩn Qdiandhãdhìvacanâ) của các uẩn? Phàm sắc gi, này Tỷ-kheo, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, đây gọi là sắc uẩn. Phàm thọ gì... Phàm tưởng gì... Phàm hành gì... Phàm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay ệàn, đây gọi là thức uẩn. Dưới hình thức như vậy, này Tỷ-kheo, có định nghĩa ve uẩn của các uẩn. - Lành thay! Bạch Thế Tôn. Tỷ-kheo ấy... hỏi thêm câu hỏi nữa: Bạch Thế Ton, do nhân gì, do duyên gi, được gọi là sắc uẩn? Do nhân gi, do duyên gì, được gọi là thọ uẩn? Do nhân gì, do duyên gì? được gọi là tưởng uẩn? Do nhân gì? do duyên gi, được gọi là hành uẩn? Do nhân gi, do duyên gi, được gọi là thức uẩn? Do nhân bốn đại, này Ty.kheo, do duyên bốn dại, được gọi là sắc uẩn. Do nhân xúc, do duyên xúc, được gọi là thọ uẩn. Do nhân xúc, do duyên xúc, được goi la tưởng uân. Do nhân xuc5 do duyên xúc, được gọi la hanh uan. Do nhân danh sắc, do duyên danh sắc, được gọi là thức uẩn. - Lành thay! Bạch Thế Tôn. Tỷ-kheo ấy... hỏi thêm câu khác: - Như thế nào, bạch Thế Tôn? là có thân kiến? Ở đây5 này Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã, hay quán tự ngã như là có sắc, hay quán sắc ở trong tự ngã, hay quán tự ngã ở trong sắc;... thọ... tưởng., hành... quán thức như là tự ngã, hay quán tự ngã như là có thức, hay quán thức ở trong tự ngã, hay quán tự ngã ở trong thức. Như vậy, này Tỷ- kheo? là có thân kiến. - Lành thay! Bạch Thế Tôn. Tỷ-kheo ấy... hỏi thêm câu nữa: - Như thế nào, bạch Thế Tôn, là không có thân kiến? - Ở dây, này Tỷ-kheo5 vị đa văn Thánh đệ tử thấy rõ các bậc Thá^ìh, khéo thuần thục pháp các bậc Thánh, khéo tu tập pháp các bậc Thánh; thấy rõ các bậc Chân nhân, khéo thuần thục pháp các bậc Chân nhân, khéo tu tập pháp các bậc Chân nhân; không quán sắc như là tự ngã5 hay không quán tự ngã như là có sắc, hay không quán sắc ở trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong sắc; không quán thọ... không quán tưởng... không quán hành... không quán thức như là tự ngã, hay không quán tự ngã như là có thức, hay không quán thức ở trong

tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong thức. Như vậy, này Tỷ-kheo? là không có thân kiến. - Lành thay! Bạch Thế Tôn. Tỷ-kheo ấy... hỏi thêm câu nữa: Bạch Thế Tôn, cái gì là vị ngọt, là sự nguy hiểm, là sự xuất ly của sắc?... của thọ... của tưởng... của hành? Cái gì là vị ngọt, là sự nguy hiểm, là sự xuất ly của thức? Này Tỷ-kheo, do duyên sắc, khởi lên lạc hỷ gi, đó là vị ngọt của sắc; sự vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của sắc? đó là sự nguy hiểm của sắc; sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham đối với săc? đó là sự xuất ly của sắc. Do duyên thọ... Do duyên tưởng... Do duyên hành... Do duyện thức khởi lên lạc hỷ gì5 đó là vi ngọt của thức; sự vô thường, khổ5 chịu sự biến hoại của thức, đó là sự nguy hiểm của thức; sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham đối với thức, đó là sự xuất ly của thức. - Lành thay! Bạch Thế Tôn. Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, lại hỏi Thế Tôn thêm câu nữa: Bạch Thế Tôn, do biết như thế nào, do thấy như thế nào, đối với tìiân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có [quan điểm] ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên?101 Này Tỷ-kheo? phàm sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay te; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả sắc, Tỷ-kheo như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Dây không phải của tôi5 đây không phải là tôi, đây không phải tự ngã của tôi." Phàm thọ gì... Phàm tưởng gì... Phàm hành gì... Phàm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần? tất cả thức, Tỷ-kheo như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Đây không phải của tôi, đây khonjg phải là tôi? đây không phải tự ngã của toi." Này Tỷ-kheo? do biết như vậy, thây như vậy? đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có [quan điểm] ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên. Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo khác khởi lên suy nghĩ sau đây:102 “Nếu Ngài nói sắc là vô ngã, thọ... tưởng... hành... thức là vô ngã, thời các nghiệp do vô ngã tạo ra, thời ngã nào lãnh thọ?" Rồi Thế Tôn với tâm tư của mình biết rõ suy nghĩ của Tỷ-kheo ấy, liền nói với các Tỷ-kheo: Sự kiện này xảy ra, này các Tỷ-kheo, là có kẻ ngu si, vô trí, chìm đắm trong vô minh, tâm bị khát ái chi phối? nghĩ rằng có thể vượt qua lời dạy của bậc Đạo su, nghĩ rằng: “Nếu Như Lai dạy răng sắc là vô ngã, thọ... tưởng... hành... thức là vô ngã, thời các nghiệp do vô ngã làm, các nghiệp ấy do ngã nào lãnh

101 Xem s. II. 253. 102 Xem Mill. 19.

thQ?” Này các Tỷ-kheo, các câu vấn nạn đã được Ta khéo dạy cho các ông, chỗ này chỗ kia trong các pháp ấy. Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào5 sắc là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường là khổ hay lạc? - Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ? chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng, nếu quán cái ấy là: uCái này là của tôi, cái này là tôi5 cái này là tự ngã của t6i” Thưa không, bạch Thế Tôn. Do vậy... thấy vậy... vị ấy biết: “Sanh đã tận? Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.”

IX. PHẨM TRƯỞNG LÃO (THERAVĂGGA)

I. KINH ẢNANDA (Ẵnandasuttа)^ (y III. 105) 83. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ở dây, Tôn giả Ảnanda gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng, Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ảnanda. Tôn giả Ănanda nói như sau: Chư Hiền giả, Tôn giả Punna Mantãniputta, lúc chúng ta mới tu học, đã giúp đỡ chúng ta nhiều. Vị ấy giáo giới chúng ta với lời giáo giới này: C6Này Hiền giả Ananda, do chấp thủ,103 104 khởi lên [tư tưởng]: 'Tôi là', không phải không chấp thủ. Do chấp thủ gì? khởi lên [tư tưởng]: cTôi là\ không phải không chấp thủ? Do chấp thủ sắc, khởi lên [tư tưởng]: 'Tôi là\ không phải không chấp thủ. Do chấp thủ thọ... tưởng., hành... Do chấp thủ thức, khởi lên [tư tưởng]: 'Tôi là', không phải không châp thủ. Này Hiền giả Ãnanda, ví như một người đàn bà hay người đàn ông9 hay người trẻ tuôi ưa thích trang điêm, ngăm bóng mặt của mình trong một tấm gương sạch sẽ, trong sáng hay trong một bát nước trong, thấy được do duyên chấp thủ, không phải không chấp thủ. Cũng vậy? này Hiền giả Ananda, do chấp thủ sắc, nên có [tư tưởng]: 'Tôi là', không phải không chap thủ. Do chấp thủ thọ... tưởng... hành... do chấp thủ thức, nên có [tư tưởng]: 'Tôi là\ không phải không chấp thủ. Hiền giả Ãnanda, Hiền giả nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường? Là vô thường, Hiền giả. -Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? A

Là vô thường, Hiên giả. Do thấy vậy... thấy vậy... vị ấy biết: 'Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm? không còn trở lại đời này nữa.'" Chư Hiền giả, Tôn giả Punna Mantãniputta, khi chúng ta mới tu học, đã giúp đỡ chúng ta rất nhiều. Tôn giả ấy giảng cho chúng ta lời giáo giới này. Sau khi nghe Tôn giả Punna Mantãniputta thuyết pháp5 chúng ta hoàn toàn chứng tri [Chánh] pháp.105

103 Tham chiếu: Tạp.(r.Ọ2. 0099.261. 0066a05). 104 SA. II. 308: Upãdãyă = Ẫgamma, ãrabbha, sandhãya, patỉcca. 105 Trở thành vị Dự Lưu.

II. KINH TISSA (Tissasuttd)^ (S. IIL 106) 84. Nhân duyên ở Sãvatthi. Lúc bấy giờ, Tôn giả Tissa,106 107 cháu trai Thế Tôn? nói với một số đông Tỷ-kheo: Này chư Hiền, thân ta như bị say vì vị ngọt [nặng nề và bại hoại]. Ta không thấy rõ các phương hướng. Ta không phân biệt được các pháp. Thụy miên hôn trầm xâm chiếm tâm ta và tồn tại. Ta sống Phạm hạnh không còn thoải mái, và ta nghi ngờ đối với các pháp. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến3 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Bach The Ton, Ton gia Tissa, chau trai The Ton, co nói với một sô đông Tỷ-kheo: uNày chư Hiền, thân ta như bị say vì vị ngọt108 [nặng nề và bại hoại]. Ta không thấy rõ các phương hướng. Ta không phân biệt được các pháp.109 Thụy miên hôn trầm xâm chiêm tâm ta và tồn tại. Ta sống Phạm hạnh không còn thoải mái, và ta nghi ngờ đối với các pháp." Rồi Thế Tôn gọi một Tỷ-kheo: Đến dây, này Tỷ-kheo, hãy nhân danh Ta, gọi Tỷ-kheo Tissa: "Hiền giả Tissa, bậc Đạo sư gọi Hiền giả." - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Tissa; sau khi đến5 nói với Tôn giả Tissa: Hiên giả Tissa, bậc Đạo sư gọi

Hiên giả. Thưa vâng, Hiền giả. Ton giả Tissa vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Tissa đang ngồi một bên: Có thật chăng, này Tissa, ông đã nói như sau cho một số đông Tỷ-kheo: “Này chư Hiền, thân ta như bị say vì vị ngọt... và ta nghi ngờ đối với các pháp,5? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Ông nghĩ thế nào, này Tissa? Đối với người chưa ly tham, chưa ly dục, chưa ly ái? chưa ly khát, chưa ly nhiệt não, chưa lỵ khát ái đối với sắc; thời khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không? - Thưa có5 bạch Thế Tôn. -Lành thay, lành thay, nàỵ Tissa! Như vậy là phải, này Tissa! Như người chưa ly tham đối với sắc... đôi với thọ... đối với tưởng... Như người chưa ly

106 Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.271. 0071a04). 107 về Tissa, xem s. II. 282; Pss. Breth. 43. 108 SA. II. 310: Madhurakạìãto vỉyặtỉ sanịãtagarubhãvo vỉya akammanno ("Nhu bị say” nghĩa là như trở nên nặng nề và thụ động). Câu nay chỉ cho lứiật vọng, được nói đến trong s. V 153; D. I. 99; A. III. 69. 109 SA. II. 310: Dhamma chỉ choparỉyattỉdhamma, các pháp phải học thuộc lòng. Xem D. I. 99.

tham đối với hành; thời khi hành ấy biến hoại, đổi khác, có khởi lên sầu, bi, khổ? ưu, não không? - Thưa c6, bạch Thế Tôn. Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa! Như người chưa ly tham đối với thức, chưa ly dục? chưa ly ái? chưa ly khát? chưa ly nhiệt não, chưa ly khát ái đối với thức; thời khi thức ấy biến hoại, đổi khác, có khởi lên sầu, bi5 khổ, ưu, não không? - Thưa c6, bạch Thế Tôn. Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa, đối với người chưa ly tham đối với thức. Này Tissa, ông nghĩ thế nào, đối với nguòd đã ly tham, đã ly dục, đã ly ái5 đã ly khát, đã ly nhiệt não? đã ly khát ái đoi với sắc; thời khi sắc ấy biến hoại, đổi khác? sầu, bi, khổ? ưu, não có khởi lên không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Lành thay? lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa, đối với người đã ly tham đối với sắc. Đối với người đã ly tham, đã ly dục, đã ly ái9 đã ly khát, đã ly nhiệt não? đã lỵ khát ái đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... Như người đã ly tham đoi với thức, đã ly dục, đã ly ái, đã ly khát, đã ly nhiệt não, đã ly khát ái đối với thức; thời khi thức ấy biến hoại, đổi khác, sầu, bi, khổ, ưu, não có khởi lên không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa, đối với người đã ly tham đối với thức. Này Tissa, ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thế Tôn. Do vậy... thấy vậy... vị ấy biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thạnh, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa?9 Ví như, này Tissa, có hai người. Một người không giỏi vê đường sá, một người giỏi về đường sá. Trong hai người ấy, người không giỏi về đường sá này hỏi người giỏi về đường sá kia về con đườnậ. Người ấy trả lời: uHãy đi? này bạn5 đây là con đường; hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy một thời gian, bạn sẽ thấy con đường ấy chia làm hai; ở đây, hãy bỏ con đường phía trái, và lấy con đường phía mặt9 rồi đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đườn^ ấy trong một thời gian, bạn sẽ thây một khu rừng rậm; hãy đi theo con đường ây trong một thời gian. Sau khi đi theo con

đường ấy trong một thời gian, bạn sẽ thấy một đầm nước lớn; hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong

một thời gian, bạn sẽ thấy một vực nước sâu; hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, bạn sẽ thấy một khoảnh đất bằng phăng khả " Đây là ví dụ của Ta dùng, này Tissa, để nêu rõ ý nghĩa. Vàý nghĩa như sau: Nệười không giỏi về đường sá, này Tissa, là ví cho kẻ phàm phu. Người giỏi vê đường sá, này Tissa, là ví cho Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Con đường chia làm hai, này Tissa, là ví cho trạng thái nghi hoặc. Con đường tay trái, này Tissa, là ví cho con đường tà đạo tám ngành, tức là tà tri kiến... tà định. Con đường tay mặt, này Tissa, là ví cho con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Khu rừng rậm, này Tissa, là ví cho vô minh. Các đầm nước thấp, này Tissa, là ví cho các dục. Vực nước sâu, này Tissa, là ví cho phẫn nộ? ưu não. Khoảnh đất bằng phang khả ái, này Tissa, là ví cho Niết-bàn. Hãy hoan hỷ5 này Tissa! Hãy hoan hỷ, này Tissa! Ta giáo giới [cho ông]5 Ta giúp đỡ [cho ông], Ta giảng dạy [cho ông].110 Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Tissa hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

III. KINH YAMAKA (ĩàmakasutta)111 (S. III. 109) 85. Một thòi, Tôn giả Sãriputta trú tại Sãvatthi, Jetavena, tại vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo Yamaka khởi lên ác tà kiến112 sau đây: “Nhu ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc5 sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận5 không còn gì nữa sau khi chết." Nhiều Tỷ~kheo nghe Tỷ-kheo Yamaka khởi lên ác tà kiến sau đây: "Nhu ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận5 không còn gì nữa sau khi chết.” Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Yamaka; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Yamaka những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Yamaka: Có thật chăng, này Hiên giả Yamaka, Hiên giả khởi lên ác tà kiên như sau: “Nhu ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết” —Này chư Hiền, tôi đã hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp như vầy: "Nhu ta hiểu lời Thế Tôn... sau khi ch&t.”

110 Anusãsanỉya. Chủ giải viết ãmỉsadhammãnuggahena, nghĩa là giúp đỡ vật chất và tinh thần. 111 Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.104. 0030,2). 112 Chủ giải giải thích rằng nếu Tôn giả Yamaka c6,quan điểm: tcCác uẩn sanh khởi và biến diệt có sự đoạn diệt của tái sanh,, thơi như vậy không có tà kiến.

Chớ có nói vậy, Hiền giả Yamaka! Chớ có xuyên tạc Thế Tôn! Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt lành. Thế Tôn không có nói như sau: 6aTỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn tận9 sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết." Dầu được các Tỷ-kheo ấy nói như vậy9 Tôn giả Yamaka vẫn kiên tri, kiên cố chấp nhận ác

tà kiến ấy, nói rằng: "Nhu ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết." Vì rằng các Tỷ-kheo không thể làm cho Tôn giả Yamaka từ bỏ ác tà kiến ây, các Tỷ-kheo ây từ chô ngôi đứng dậy? đi đên Tôn giả Sãriputta; sau khi đên, thưa với Tôn giả Sãriputta: Tỷ-kheo Yamaka, thưa Hiền giả Sãriputta, có khởi lên ác tà kiến như sau: “Nhu ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết." Lành thay, nếu Tôn giả Sãriputta vì lòng lân mẫn đi đến Tỷ-kheo Yamaka! Tôn giả Sãriputta im lặng nhận lời. Rồi Tôn giả Sãriputta vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Yamaka; sau khi đến5 nói lên với Tôn giả Yamaka những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả Yamaka: Có thật chăng, Hiền giả Yamaka, Hiền giả có khởi lên ác tà kiến như sau: "Nhu ta hiếu lời Thế Tôn thuyết pháp... không còn gì nữa sau khi chef? Thưa Hiền giả, tôi hiểu như vậy lời Thế Tôn thuyết pháp: "Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn tận? sẽ diệt tận? không còn gì nữa sau khi chết." Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka, sắc là thường hay vô thường? Là vô thường, này Hiền giả. -Thọ... Tưởng...Hành... Thức là thường hay vô thường? Là vô thường, này Hiền giả. Do vậy... thấy vậy... “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” Vị ấy biết rõ như vậy. Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka, Hiền giả có quán Như Lai là sắc không? Thưa không? này Hiền giả. Hiền giả có quán Như Lai là thọ... tưởng... hành... thức không? Thưa không, này Hiên giả. Hiền giả nghĩ thế nào5 Hiền giả Yamaka, Hiền giả có quán Như Lai ở trong sắc không?

Thưa không, này Hiền giả. Hiền giả có quán Như Lai ở ngoài sắc không? Thưa không, này Hiền giả. Hiền giả có quán Như Lai ở trong thọ không?... Hiền giả có quán Như Lai ở trong tưởng không?... Hiền giả có quán Như Lai ở trong hành không?... Hiền giả có quán Như Lai ở trong thức không?... Thưa không, này Hiền giả. Hiền giả có quán Như Lai ở ngoài thức không? Thưa không, này Hiền giả. Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka, Hiền giả có quán Như Lai là sắc, thọ, tưởng, hành, thức không? Thưa không, này Hiền giả. Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka, Hiền giả có quán cái không sắc? không thọ? không tưởng, không hành, không thức là Như Lai không? Thưa không, này Hiền giả. -Và ở đây, Hiền giả Yamaka, ngay trong đời sống hiện tại, cũng không thể tìm được một Như Lai thường chơn, thường trú; thời hợp lý chăng khi Hiền giả trả lời: "Nhu ta đã hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn tận? sẽ tận diệt, không còn gì nữa sau khi chết.” -Trước đay tôi vô trí nên có ác tà kiến ấy. Nay sau khi nghe Tôn giả Sãriputta thuyết pháp, ác tà kiến ấy được đoạn trừ và pháp được tôi hoàn toàn chứng tri. Hiền giả Yamaka, nếu có người hỏi Hiền giả: “Hiền giả Yamaka, vị Tỷ- kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận? sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sẽ trở thành gi?” Được hỏi như vậy, Hiền giả Yamaka, Hiền giả trả lời như thế nào? Thưa Hiền giả5 nếu có người hỏi tôi: "Này Hiền giả Yamaka, vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn

tận, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sẽ trở thành gi?” Được hỏi như vậy, này Hiền giả9 tôi sẽ trả lời: "Sắc là vô thường, này Hien giả? cái gì vô thường là khổ; cái gì khổ là đoạn diet, là tiêu diệt. Thọ... Tưởng...Hành... Thức là vô thường, này Hiền giả, cái ệi vô thường là khổ; cái gì khổ là đoạn diệt, là tiêu diet.” Được hỏi vậy? này Hiên giả, tôi sẽ trả lời như vậy. -Lành thay, lành thay, Hiên giả Yamaka! Hiên giả Yamaka, ta sẽ cho Hiên giả một ví dụ để ý nghĩa này được hiểu rõ thêm nữa. Ví nhu, này Hiền giả Yamaka, một người gia chủ hay con của người gia chủ là nhà hào phú, tiền nhiều, của nhiều, lại được bảo vệ. Rồi có người đến, muốn điều bất lợi, muốn

điều bất hạnh, muốn điều bất an, muốn đoạt mạng sống người đó. Người ấy suy nghĩ: uNgười gia chủ hay con của người gia chủ này là nhà hào phú, tiền nhiêu, của nhiêu, lại được bảo vệ. Thật không dê gì đoạt mạng sông của nó bằng sức mạnh. Vậy ta hãy tìm cách xâm nhập rồi sẽ đoạt mạng song/9 Người ây đi đến người gia chủ hay con của người gia chủ kia, và nói như sau: “Thua Tôn giả, tôi xin được hầu hạ Tôn giả.59 Người gia chủ hay con của người gia chủ kia chấp nhận cho người ấy hau hạ. Người ấy hầu hạ, dậy trước ngủ sau, sự việc nhanh nhẹn5 cử chỉ đẹp long, lời nói khả ái. Người gia chủ hay con của người gia chủ kia tin tưởng người ấy, xem n^gười ấy như thân hữu, tin tưởng người ay? xem như tâm hữu, và đặt lòng tín can vào người ấy.113 Này Hiền gia, khi người ấy đã tin tưởng rằng: "Nguôi gia chủ hay con của người gia chủ này đã tín cân ta"; khi băt gặp người đó ở một chô thanh văng? liên lây con dao săc bén, đoạt mạng sống của người đó. Hiền giả Yamaka, Hiền giả nghĩ thế nào? Khi người ấy đến với người gia chủ hay con của người gia chủ kia và nói: "Thua Tôn giả5 tôi muốn hầu hạ Tôn giả”, khi ấy, người ấy có phải là kẻ giết người không? Và dầu cho người ấy là kẻ giết người, người gia chủ hay con của người gia chủ cũng không nghĩ rằng: "Ta có một kẻ giết ngu&i.” Khi người ấy hầu ha5 dậy trước ngủ sau, sự viec nhanh nhẹn, cử chỉ đẹp lòng, lời nói khả ái, khi ấy dầu cho người ấy là kẻ giết người, người gia chủ hay con của người gia chủ cũng không nghĩ rằng: “Ta có một kẻ giết nguòd.” Thưa vâng, này Hiền giả. Cũng vậy, này Hiên giả, kẻ vô văn phàm phu không thây rõ các bậc Thánh, không thuân thục pháp các bậc Thánh? không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân5 không thuần thục pháp các bậc Chân nhân? không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã5 hay tự ngã ở trong sắc; quán thọ... quán tưởng...quán hành... quán thức như là tự ngã? hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã5 hay tự ngã ở trong thức. usắc là vô thuờng”, nậười ấy không như thật biết rõ: “sắc là vô thường.^, "Thọ là vô thường95, người ấy không như thật biết rõ: "Thọ là vô thường?9 Tưởng là vô thường, người ấy không như thật biết rõ: uTưởng là vô thường.,, "Hành là vô thường,\ người ấy không như thật biết rõ: uHành là vô thường.^, “Thức là vô thuờng", người ấy không như thật biết rõ: “Thức là vô thường.,, "Sắc là khổ5\ người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là kh6." "Thọ là khổ,5... "Tưởng là khS".. "Hành là kh6".. "Thức là khổ,5? người ấy không như thật biết rõ: "Thức là kh8." usắc là vô ngã9\ người ấy không như thật biết rõ: “sắc là vô ngẫL" "Thọ là vô ng*'.. "Tưởng là vô ng*'... "Hành là vô ngâT. "Thức là vô ng*', người ấy không như thật biết rõ: "Thức là vô ngã.99

113 Chú giải viết là ăn cơm với người ấy.

“Sắc là hữu vi", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là hữu vi." "Thọ là hữu vi”.. "Tưởng là hưu vi”..."Hành là hữu vi"..."Thức là hữu vi”, người ấy không như thật biết rõ: "Thức là hữu vi." "Sắc là kẻ giết ngu&i", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là kẻ giết người.,, "Thọ là kẻ giết người,5... "Tưởng là kẻ giết ngu&i"... "Hành là kẻ giết ngườf,... "Thức là kẻ giết ngtròi", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là kẻ giết người.,, Người ấy đến với sắc, chấp thủ, nhiếp trì: "Sắc là tự ngã của ta." Người ấy đến với thọ... với tưởng... với hành... người ấy đến với thức, chấp thủ, nhiếp trì: "Thức là tự ngã của ta." Năm thủ uẩn này được người ấy đi đến chấp thủ, sẽ đưa đến bất hạnh, đau khổ lâu dài cho người ấy. Này Hiền giả, bậc đa văn Thánh đệ tử thấy rõ các bậc Thánh... tu tập pháp các bậc Chân nhân; không quán sắc như là tự ngã9 hay tự ngã như là có sắc9 hay sắc ở trong tự ngã? hay tự ngã ở trong sắc; không quán thọ... không quán tưởng... không quán hành... không quán thức như là tự ngã5 hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. "Sắc là vô thường,\ vị ấy như thật biết rõ: “sắc là vô thường."Thọ là vô thường,\.. "Tưởng là vô thuờng"..."Hành là vô thuờng"... "Thức là vô thuờng", vị ấy như thật biết rõ: “Thức là vô thường.,, "Sắc là kh6", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là kh6"... "ThQ là kh6".. "Tưởng là kh6".. "Hành là khổ9\.. “Thức là kh6", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là khS." "Sắc là vô ngã5\ vị ấy như thật biết rõ: “sắc là vô ngâT... "Thq là vô ngẫT... "Tưởng là vô ngẫT... "Hành là vô ngã,\.. "Thức là vô ngỗT, vị ấy như thật biết rõ: “Thức là vô ngâư “Sắc là hữu vi", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là hữu vi".. "Thẹ)là hữu vi”... "Tưởng là hữu vi”... "Hành là hữu vi".. "Thức là hữu vi", vị ấy như thật biết rõ: “Thức là hữu vi.^, "Sắc là kẻ giết nguòi”, vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là kẻ giết ngu&i”... "Thọ là kẻ giết ngu&i"..."Tưởng là kẻ giết nguôi”..."Hành là kẻ giết ngườf,... "Thức là kẻ giết người,\ vị ấy như thật biết rõ: "Thức là kẻ giết người.,, Vị ấy không đến với sắc, không chấp thủ, không nhiếp trì: “sắc là tự ngã của ta.” Không đến với thọ... với tưởng... với hành... Không đến với thức, không chấp thủ5 không nhiếp trì: :Thức là tự ngã của ta.” Đối với năm thủ uẩn này, vị ấy không đi đến, không chấp thủ, sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc cho vị ấy trong một thời gian dài. Như vậy5 này Hiền giả Sãriputta, các Tôn giả ấy có được người như Hiền giả làm đồng Phạm hạnh? có lòng lân mẫn như vậy, muốn họ được hạnh phúc như vậy, bậc giáo giới như vậy5 bậc giảng dạy như vậy. Và nay, sau khi được nghe Tôn giả Sãriputta thuyết pháp, tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không còn chấp thủ.

IV KINH ANURÃDHA (Anurãdhasutta)U4 (5. III. 116) 86. Như vầy tôi nghe. Một thòi, Thế Tôn ở Vesãli5 Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường. Lúc bấy giờ, Tôn giả Anurãdha114115 ở một cái chòi trong rừng, không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi nhiều du sĩ ngoại đạo đi đến Tôn giả Anurãdha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anurãdha những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với Tôn giả Anurãdha: Này Hiền giả Anurãdha, bậc Như Lai ấy là Tối thượng nhân, Tối thắng

nhân5 đã đạt được Tối thắng quả; bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố theo bốn trường hợp: "Nhu Lai tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Được nghe nói vậy5 Tôn giả Anurãdha nói với các ngoại du sĩ đạo ấy: -Này chư Hiền, bậc Như Lai, Tối thượng nhân5 Tối thắng nhân, bậc đã đạt được Tôi thăng quả; bậc Như Lai ây được xem là đã tuyên bô ra ngoài bôn trường hợp như sau: "Nhu Lai tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chêt; Như Lai tôn tại và khônẸ tôn tại sau khi chêt; Như Lai không tôn tại và không không tồn tại sau khi chet.„ Được nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo nói với Tôn giả Anurãdha như sau: —Hoặc là vị Tỷ-kheo này mới tu học5 xuất gia khồng bao lâu; hay vị này là vị trưởng lão5 nhung ngu dôt không có học tập. Rồi các du sĩ ngoại đạo ấy sau khi chỉ trích Tôn giả Anurãdha là mới tu học5 là ngu si? liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Tôn giả Anurãdha, sau khi các du sĩ ngoại đạo ấy ra đi không bao lâu, liền suy nghĩ như sau: "Nếu du sĩ ngoại đạo ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa5 ta phải trả lời như thế nào để khi ta nói với các du sĩ ngoại đạo ấy, ta nói lên quan điểm của Thế Tôn; ta không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật; ta có thể trả lời tùy pháp, thuận với Chánh pháp; và ai là người đồng pháp5 nói lên lời thuận với quan điêm của Ngài, sẽ không tìm được lý do đê quở trách.” Rồi Tôn giả Anurãdha đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Anurãdha bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn, con ở trong một cái chòi trong rừng không xa Thế Ton bao nhiêu. Rồi bạch Thế Tôn5 nhiều du sĩ ngoại đạo đi đen con; sau khi đến... nói với con như sau: "Này Hiền giả Anurãdha, bậc Như Lai ấy là Tối thượng nhân, Tôi thăng nhân, đã đạt được Tôi thăng quả; bậc Như Lai ây được

114 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.106. 0032c02). 115 Kinh này được thuyết giảng chi tiết trong s. IV. 380-86. Tên gọi này rất nổi tiếng như được gọi cho thành phố Ànurãdhapura của Tích Lan trươc đây.

xem là đã tuyên bố theo bốn trườnẹ hợp: 'Như Lai tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.555 Được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Này chư Hiền... không không tồn tại sau khi chết.” Được nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo nói với con: "Hoặc là Tỷ-kheo này mới tu học... nhưng ngu dốt không có học tập.99 Rồi các du sĩ ngoại đạo ấy sau khi chỉ trích con là mới tu học... liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi bạch Thế Tôn, sau khi các du sĩ ngoại đạo ấy ra đi không bao lâu5 con liền suy nghĩ như sau: “Nếu các du sĩ ngoại đạo ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để khi ta nói với các du sĩ ngoại đạo ấy, ta nói lên quan điếm của Thế Tôn; ta không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật; ta có thế trả lời tùy pháp, thuận với Chánh pháp; và ai là người đồng pháp? nói lên lời thuận với quan điểm của Ngài, sẽ không tìm được lý do để quở trách.,? Ông nghĩ thế nào, này Anurãdha, sắc là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? - Là khổ? bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ9 chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: uCái này là của tôi. Cái này là tôi.

Cái này là tự ngã của t6i” Thưa không, bạch Thế Tôn. -Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khô? chịu sự biên hoại? có hợp lý chăng khi quán cái ây là: “Cái này là của tôi5 cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôf5? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Do vậy... thấy vậy... uSanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm? không còn trở lại đời này nữa." Vị ấy biết rõ như vậy. Ông nghĩ thế nào, này Anurãdha, ông có quán: usắc là Như Lai" không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Ông nghĩ thế nào? này Anurãdha, ông có quán: uThọ... Tưởng... Hành... Thức làNhưLar không? • - Thưa không, bạch Thế Tôn. -Ông nghĩ thế nào, nàyAnurãdha, ông có quán: "Nhu Lai ở trong sắc" không? Thưa không, bạch Thế Tôn. Ông có quán: "Nhu Lai ở ngoài sắc" không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn. Ông có quán: "Nhu Lai ở trong thọ... ở ngoài thọ... ở trong tưởng... ở ngoài tưởng... ở trong hành... ở ngoài hành... ở trong thức” không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. - Ông có quán: "Nhu Lai ở ngoài thức" không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Ông nghĩ thế nào, này Anurãdha, ông có quán: aasắc5 thọ? tưởng, hành, thức là Như Lai” không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Ong nghĩ thê nào5 này Anurãdha, ông có quán: "Cái phi săc5 phi thọ, phi tưởng, phi hành, phi thức là Như Lai” không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. -Vàở dây, này Anurãdha, ngay trong hiện tại không tìm được một Như Lai thường còn5 thường trú, thời có hợp lý chăng khi ông trả lời: “Này chư Hiền, vị Như Lai nào là bạc Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, đã đạt được quả Tối thắng; bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố ra ngoài bốn trường hợp như sau: 'Như Lai tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết'"? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Lành thay, lành thay, này Anurãdha! Trước kia và nay, này Anurãdha, Ta chỉ tuyên bố khổ và đoạn diệt khổ.116117

V. KINH VAKKALI (Vakkalisutta)nl (S. IIL 119) 87. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), VeIuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Vakkali118 trú tại nhà một thợ gốm?119 đang bị bệnh, đau đớn? trâm trọng. Rồi Tôn giả Vàkkali gọi những người thị giả: Đến dây, các Hiền giả! Hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 nhân danh ta cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và thưa: uBạch Thế Tôn? Tỷ-kheo Vakkali bị bệnh, đau đớn3 trầm trọng; [Vakkali] cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và thưa: 'Lành thay, bạch Thế Tôn? Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Vàkkali! 5 Thưa vâng, Hiền giả.

116 Xem M. I. 140. Trong s. IV. 385 viết là abyãkatarn, nghĩa là không trả lời, không tuyên bố. 117 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1265. 0346ỒO7); Tang.(T.Q2. 0125.26.10. 0624b29). 118 Xem4 IV. 117; Thag. V. 350-54; Vism. 129. 119 Xem M. III. 237.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Tỷ-kheo

Vakkali, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, trầm trọng. Vị ấy cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và có thưa như sau: "Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali!,^ Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn đắp cầm y bát5 đi đến Tỵ-kheo Vakkali. Ton giả Vakkali thấy Thế Tôn từ xa đi đến; thấy vậy5 liền cố gắng từ giường ngồi dậy (samadhosí). Thế Tôn nói với Tôn giả Vakkali: Thôi Vakkali, ông chớ có cố gắng từ giường ngồi dậy. Có chỗ ngồi đã soạn sẵn, Ta sẽ ngồi trên chỗ ngồi ấy. Rồi Thể Tôn ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Vakkali: Ông có kham nhẫn được không? Ông có chịu đựng được không? Có phải khổ thọ tổn giảm, không tăng trưởng? Có phải có những dấu hiệu tổn giảm, không phải tăng trưởng? —Bạch Thế Tôn5 con không thể kham nhẫn! Con không thể chịu đựng! Khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi con, không có tôn giảm. Có những dấu hiệu tăng trưởng, không có tôn giảm. - Này Vakkali, ông có gì phân vân, hối hận không? Bạch Thế Tôn, thật sự con có nhiều phân vân, có nhiều hối hận. Này Vakkali, ông có gì tự trách mình vê giới luật không? Bạch Thế T6n, con không có gì tự trách mình về giới luật. Này Vakkali, nếu ông không có gì tự trách mình về giới luật, vậy ông có gì phân vân, có gì hối hận? -Đã từ lâu, bạch Thế Tôn, con muốn đến để được thấy Thế Tôn. Nhưng thân con không đủ sức mạnh để được đến thấy Thế Tôn. Thôi vừa rồi5 này Vakkali, có gì đáng thấy đối với cái thân hôi hám này. Này Vakkali, ai thấy pháp, người ây thây Ta; ai thấy Ta, n^ười ấy thấy Pháp. Này Vakkali, đang thấy Pháp, là thấy Ta; đang thấy Ta, là thấy Pháp. Này Vakkali, ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường là khổ hay lạc? -Là khổ? bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ5 chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của t6i"? -Thưa không? bạch Thế Tôn. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khô, chịu sự biên hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ây là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi? cái này là tự ngã của t6i"? Thưa không, bạch Thế Tôn. Do vậy... thấy vậy... "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa?5 Vị ấy biết rõ như vậy. Rồi Thế Tôn, sau khi giáo giới cho Tôn giả Vakkali với bài giáo giới này, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến Gijjhakuta (núi Linh Thứu). Rồi Tôn giả Vakkali, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, liền gọi các thị giả: Hãy đên ta, này chư Hiên, hãy nhâc cái giường với ta và đi đên tảng đá đen (kãỊasilã), tại sườn núi Isigili (nơi hang của tiên nhân). Làm sao người như ta, lại nghĩ đến mệnh chung trong một căn nhà? —Thưa vâng, Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali, nhấc chiếc giường với Tôn giả Vakkali đi đến tảng đá đen, tại sườn núi Isigili. Thế Tôn, đêm ấy và ngày còn lại, trú tại Gijjhakuta. Rồi hai vị thiên, trong khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Gijjhakũta5 đi đến Thế Tôn... liền đứng một bên. Đứng một bên, một vị thiên bạch Thế Tôn: Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, đang có ý nghĩ muốn giải thoát. Vị thiên khác bạch Thế Tôn: -Vị ấy muốn giải thoát, chắc chắn được khéo giải thoát. Chư thiên ấy nói như vậy xong; sau khi nói vậy? liền đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng

về Ngài, rồi biến mất tại chỗ. Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền gọi các Tỷ-kheo: Hãy dến, này các Tỷ-kheo. Hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Vakkali như sau: "Nay Hiền giả Vakkali, hãy nghe lời nói của hai vị thiên nói với Thế Tôn. Nàỵ Hiền giả, đêm nay, hai vị thiên, sau khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Gijjhaknta, đi đến Thế Tôn; sau khi đên5 đảnh lê Thê Tôn roi đứng một bên. Đứng một bên5 này Hiên giả, một yị thiên bạch Thê Tôn: 'Bạch Thê Tôn, Tỷ-kheo Vakkali đang có ý nghĩ muốn giải thoát/ Vị thiên khác bạch Thế Tôn: 'Vi ấy muốn giải thoát, chắc chắn được khéo giải thoát/Và Hiền giả Vakkali, Thế Tôn nói với Hiền giả như sau: 'Này Vakkali, chớ có sợ! Này Vakkali, chớ có sợ! Cái chết của ông sẽ không phải là ác hạnh, sự mệnh chung không phải là ác hanh!,i, - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Vakkali; sau khi đến, thưa với Tôn giả Vakkali:

Này Hiền giả Vàkkali, hãy nghe lời nói của Thế Tôn và hai vị thiên. Rồi Tôn giả Vakkali gọi các vị thị giả: Hãy đên, này chư Hiên! Hãy nhâc tôi ra khỏi giường. Làm sao một người như tôi có thể nghĩ ngồi trên chỗ ngồi cao để nghe Thế Tôn giảng dạy? Thưa vâng, này Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vàkkali, nhấc Tôn giả Vàkkalira khỏi giường. Này Hiền giả, đêm nay5 hai vị thiên, sau khi đêm đã gần tàn... đứng một bên. Đứng một bên, này Hiền giả5 một vị thiên bạch Thế Tôn: uTỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, dang nghĩ đến tự giải thoát." Vị thiên kia bạch Thế Tôn: t6Vị ấy? bạch Thế Tôn? muon giải thoát sẽ được khéo giải thoát." Và Thế Tôn, này Hiền giả Vàkkali, nói yới Hiền giả như sau: "Chớ có sợ, này Vakkali! Chớ có sợ? này Vakkali! Cái chêt của ông không phải là ác hạnh, sự mệnh chung không phải là ác hạnh!" - Vậy này chư Hiền, hãy nhan danh tôi cúi đầu đảnh lễ chân Thế Ton và thưa: Ế6Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau dớn, trầm trọng. Vị ấy cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, và nói như sau: 'Sắc là vô thường, bạch Thế Tôn? con không có nghi ngờ gì vân đê này, bạch Thê Tôn; cái gi vô thường là khô, con không có nghi ngờ gì vấn đề này; cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại? ở đây. 7 _ con không Y có lòng J • dục5 lòng . tham, lòng V ái, con không • có Jnghi JngờSr gì vấn đê này. Thọ là vô thường, bạch Thê Tôn, con không có nghi ngờ gì vân đê này; cái gì vô thườnệ là khổ? con không có nghi ngờ gì vấn đề này; cái gì vô thường, khổ, chịu sự biên hoại, ở đây? con không có lòng due, lòng tham, lòng ái, con không có nghi ngờ gì vấn đê này. Tưởng là vô thường... Hành là vô thường... Thức là vô thường, bạch Thê Tôn, con không có nghi ngờ gì vê vân đê này; cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì vân đề này; cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây? con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này."' Thưa vâng? này Hiên giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali rồi ra đi. Tôn giả Vakkali, khi các Tỷ-kheo ấy đi không bao lâu liền đem lại con dao. Rôi các Tỷ-kheo ây đi đên The Tôn; sau khi đen, đảnh lê Thê Tôn rôi ngôi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế T6n, bị bệnh, đau đớn, trầm trọng. Vị ấy cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, và nói như sau: "Sắc là vô thường, bạch Thế Tởn, con không có nghi nệờ gì về vấn đề này; cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì về vấn đê này; cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoai9

ở dây, con không có lòng dục9 lòng tham, lòng ái, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là vô thường, bạch Thế Tôn, con không có nghi I1ỆỜ gì vê vân đê này; cái gì vô thường là khô5 con không có nghi ngờ gì về vấn đễ này; cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây, con không có lòng dục? lòng tham5 lòng ái, con không có nghi ngờ gì về vân đề này.95

22. TƯƠNG ƯNG UẨN 605

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, chúng ta hãy đi đến Isigili, chỗ tảng đá đen. Ở đấy, thiện gia nam tử đem lại con dao. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn cùng với số đông Tỷ-kheo đi đến Isigili, chỗ tảng đá đen. Và ở đàng xa, Thế Tôn thấy Tôn giả Vakkali nằm trên giường với vai co quắp lại. Lúc bấy giờ5 một đám khói đen5 một luồng ám khí đi về phía Đông, đi về phía Tay, đi về phía Bắc, đi về phía Nam, đi về phía trên, đi ve phía dưới, đi về phía bốn góc. Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo? các ông có thấy đám khói đen ấy5 luồng ám khí ấy đi về phía Đông... đi về phía bốn góc không? - Thưa có, bạch Thế Tôn. Đó là Ác ma, này các Tỷ-kheo, đang đi tìm thức của thiện nam tử Vakkali và nói: “Thức của thiện nam tử Vakkali an trú tại chỗ Ĩ1o?” Nhimg này các Tỷ-kheo? với thức không an trú tại một chỗ nào, thiện nam tử Vàkkali đã nhập Niết-bàn một cách hoàn toàn.

VL KINH ASSAJI (Assạiisutta)nồ (S. III. 124) 88. Một thời, Thế Tôn ở Rặjagaha (Vương Xá), VeỊuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giảAssạji trú ở vườn Kassapa, bị bệnh? đau đớn, trầm trọng. Rồi Tôn giả Assaji gọi những người thị giả: - Hãy đến, này chư Hiền! Hãy đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đảnh lễ Thế Tôn: 66Tỷ-kheo Assail, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn? trâm trọng, cúi đẩu đảnh lê chân Thê Ton và thưa như sau: ° Lành thay, bạch Thê Tôn! Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Assạji.^^^ Thưa vâng, Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Assail, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ The Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên? các Tỷ-kheo ấy bạch rT1L Ả FTl A _ Thê Tôn: Tỷ-kheo Assaji, bạch Thế Tôn? bị bệnh5 đau đớn? trầm trọng... "Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Assạji.^^ The Ton im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Tôn giảAssạji.

120 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1024. 0267ỒỒ5).

606 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ III. THIÊN UẨN

Tôn giả Assaji thấy Thế Tôn từ xa đi đến; thấy vậy5 liền cố gắng từ nơi giường ngồi dậy. The Tồn nói với Tôn giả Assaji: Thôi Assaji, ông chớ có cô găng từ giường ngôi dậy. Có chô ngôi đã soạn sẵn, tại chỗ ấy, Ta sẽ ngồi. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Sau khi ngồi5 Thế Tôn nói với Tôn giả Assaji: Ông có kham nhẫn được không, này Assaji? Ông có chịu đựng được không? Có phải có những dấu hiệu thuyên giảm5 không có tăng trưởng? —Bạch Thế Tôn, con không thể kham nhẫn!... Có những dấu hiệu tăng trưởng, không có thuyên giảm. Này Assaji, ông có phân vân gì, có hối hận gì không? Chắc chắn, bạch Thế Tôn5 con có nhiều phân vân, có nhiều hối hận. Này Assaji, ông có điêu gì tự trách mình vê giới luật không? Bạch Thế Tôn, con không có

điều gì tự trách mình về giới luật. Này Assaji, nếu ông không có điều gì tự trách mình về giới luật, ông có gì phân vân, có gì hối hận? - Trước đây, bạch Thế Tôn, sau khi cố gắng làm cho lắn^ xuống cơn bệnh5 con sống với thân hành, do vậy con không chứng được thiền định. Dầu cho không chứng được thiền định, con tự nghĩ: "Ta sẽ không thối thất." Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào kiên trì trong thiên định, tập trung trong thiền định, nếu họ không chứng đắc thiền định, họ sẽ nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ không thối thất." Này Assaji, ông nghĩ thê nào5 săc là thường hay vô thường? -Vô thường, bạch Thế Tôn... _ Thức là thường hay vô thường? ... Do vậy... thấy vậy... "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.,, Vị ấy biết rõ như vậy. Khi cảm giác lạc thọ? vị ấy biết rõ T vô thường,^; vị ấy biết rõ Tà không nên đắm trước59; vị ấy biết rõ T° không nên hoan hy.” Khi cảm giác khổ thọ, vị ấy biết rõ Tà vô thường,,; vị ấy biết rõ "là không nên đắm trước,^; vị ấy biết rõ Tà không nên hoan hy." Khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ5 vị ấy biết rõ Tà vô thuờng”; vị ấy biết rõ Tà không nên đắm trư&c"; vị ấy biết rõ Ta không nên hoan hy." Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ? vị ấy cảm thọ khôĩiệ có hệ lụy. Nếu vị ấy cảm giác khô thọ? vị ây cảm thọ không có hệ lụy. Nêu vị ây cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy cảm thọ không có hệ lụy. Nêu vị ây cảm giác một cảm thọ cùng tận vê than, vị ây biêt rõ: “Ta đang cảm ệiác một cảm thọ cùng tận về thân.,, Neu vị ấy cảm giác một cảm thọ cùng tận về sinh mạng, vị ấy biết rõ: "Ta đang cảm giác một cảm thọ cùng tận về sinh

m@ng." Vị ây biêt rõ răng: "Khi thân hoại mạng chung cho đên khi sinh mạng đi đến chỗ cùng tận5 ở đây, tất cả những gì vị ấy cảm thọ, tất cả những gì vị ấy hoan hy, sẽ trở thành thanh lương.,, Ví như, này Assaji, do duyên dầu, do duyên tim bấc, một cây đèn dầu được cháy đỏ. Khi dầu và tim bấc [của ngọn đèn] ấy đoạn tận5 không có mang lại nhiên liệu, ngọn đèn ấy sẽ tắt. Cũng vậy, này Assaji, Tỷ-kheo khi cảm giác một cảm thọ cùng tận vê thân, vị ây biêt rõ: "Ta đang cảm giác một cảm thọ cùng tận về th2n.” Khi cảm giác một cảm thọ cùng tận về sinh mạng, vị ấy biết rõ: "Ta đang cảm giác một cảm thọ cùng tận về sinh mạng." Vị ay biết rõ rằng: “Sau khi thân hoại mạn^ chung, cho đến khi sinh mạng đi đến chỗ cùng tận9 ở dây, tất cả những gì vị ay cảm thọ, tất cả những gì vị ấy hoan hỷ, sẽ trở thành thanh hrơng.” VII. KINH KHEMAKA (Khemakasutta)ni (S III. 126) 89. Một thời5 nhiều Tỷ-kheo trưởng lão sống ở Kosambĩ, tại vườn Ghosita. Lúc bấy giờ, Tôn giả Khemaka trú tại vườn Badarika, bị bệnh, đau đớn, trầm trọng. Rôi các Tỷ-kheo trưởng lão, vào buôi chiêu, từ chô tịnh cư đứng dậy và gọi Tôn giả Dãsaka: Hãy đến đây5 này Hiền giả Dãsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka. Sau khi đến9 hãy nói với Tỷ-kheo Khemaka: "Này Hiền giả Khemaka, các trưởng lão nói với Hiền giả như sau: 'Này Hiền giả, Hiền giả có kham nhẫn được không? Hiền giả có chịu đựng được khôn Ẹ? Có phải khổ thọ tổn giảm, không tăng trưởng? Có phải có những dâu hiệu tôn giảm, không phải tăng trưởng?'” -Thưa vâng, chư Hiền. Tôn giả Dãsaka vâng đáp các Tỷ-kheo ấy, đi đến Tôn giả Khemaka; sau khi đến5 nói với Tôn giả Khemaka: Các trưởng lão, này Hiền giả Khemaka, nói với Hiền giả như sau: "Hiền giả có kham nhẫn được không? Này Hiền giả Khemaka... không phải tăng trưởng?,, -Tôi không thể kham nhẫn, thưa Hiền giả9 tôi không thể chịu đựng... có những dấu hiệu tăng trưởng, không

phải thuyên giảm. Rồi Tôn giả Dãsaka đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến5 thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão: —Thưa chư Hiền5 Tỷ-kheo Khemaka nói như sau: "T6i không thể kham nhẫn, này Hiền giả... có những dấu hiệu tăng trưởng, không phải thuyên giảm.,, Hãy đến đây5 Hiền giả Dâsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đên? nói với Tỷ-kheo Khemaka như sau: "Này Hiên giả Khemaka, các bậc trưởng lão nói với Hiền giả như sau: 'Này Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm

121 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.103. 0029c06).

thủ uẩn, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn5 hành thủ uẩn? thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, Tôn giả Khemaka quán có cái gì là tự ngã hay ngã S&kh6ng Thưa vâng, chư Hiên. Tôn giả Dãsaka vâng đáp các Tỷ-kheo trưởng lão? đi đến Tôn giả Khemaka; sau khi đên... Các bậc trưởng lão, này Hiền giả, nói với Hiền giả như sau: "Này Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, Tôn giả Khemaka quán có cái gì là tự ngã hay ngã sở không?,, Thưa Hiền giả? Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả? tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả. Rồi Tôn giả Dãsaka đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo trường lão: Tỷ-kheo Khemaka, thưa chư Hiền, đã nói như sau: "Thua Hiền giả, Thế Tôn có nói đên năm thủ uân này, tức là săc thủ uân... thức thủ uân. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở c*." Hãy đến đây, Hiền giả Dâsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Khemaka như sau: "Các vị trưởng lão, này Hiền giả Khemaka, nói với Hiền giả như sau: 'Hiền giả Khemaka, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này5 tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, nếu Tôn giả Khemaka không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở9 thời Tôn giả Khemaka là vị A-la-hán9 các lậu hoặc đã được đoạn tan."' Thưa vâng, chư Hiên. Tôn giả Dãsaka vâng đáp các Tỷ-kheo trưởng lão? đi đến Tôn giả Khemaka... Này Hiền giả Khemaka, các bậc Tỷ-kheo trưởng lão nói với Hiền giả như sau: "Thưa Hiền giả? Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này9 tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Nếu Tôn giả Khemaka, trong năm thủ uẩn này? không quán cái nào là tự ngã hay ngã sở? thời Tôn giả Khemaka là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc." ... Thưa Hiền giả? Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở. Nhưng tôi không phải là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc. Và thưa Hiền giả? trong năm thủ uẩn này? dầu cho tôi có chứng được: "Tôi là", tuy vậy, tôi cũng không quán: "Cái này là t6i." Rồi Tôn giả Dãsaka đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão... nói với các Tỷ-kheo trưởng lão: -Tỷ-kheo Khemaka, thưa chư Hiền, đã nói như sau: "Thưa Hiền giả, Thế Ton có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, thưa Hiền giả? tôi không quán cái gì là ngã hay là ngã sở. Nhưng, tôi không

phải là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc. Và thưa Hiền gi trong năm thủ uẩn này, dầu cho tôi chứng được: “T6i là”, tuy vậy9 tôi cũng không quán: uCái này là tôi?9 Hãy đến dây, Hiền giả Dãsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến? hãy nói với Tỷ-kheo Khemaka: "Thua Hiền giả Khemaka, các Tỷ-kheo trưởng lão nói với Hiền giả như sau: Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: 'Tôi là\ cái mà Hiền giả nói: 'Tôi là\ là cái gì? Hiền giả nói: 'Tôi là sắc?' Hiền giả nói: 'Tôi là khác sắc?' Hiền giả nói: 'Tôi là thọ?9... 'Tôi là tưởng?9... 'Tôi là hành?'... Hiền giả nói: 'Tôi là thức?' Hiền giả nói: 'Tôi là khác thức?9 Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: 'Tôi là\ cái mà Hiền giả nói: 'Tôi là', là cái Thưa vâng, chư Hiên. Tôn giả Dãsaka vâng đáp các Tỷ-kheo trưởng lão, đi đến Tôn giả Khemaka... Thôi vừa rồi, Hiền giả Dãsaka chạy qua chạy lại như thế này để làm gì? Hãy đem gậy lại đây! Ta sẽ đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão! Rồi Tôn giả Khemaka chống gậy đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, nói lên với các Tỷ-kheo trưởng lão những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền nệồi xuống một bên. Các Tỷ-kheo trưởng lão nói với Tôn giả Khemaka đang ngôi một bên: Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: uTôi lâ", cái mà Hiền giả noi: "TÔI là9\ là cái gì? Hiền giả nói: “T6i la sắc?95 Hiền giả nói: “T6i là khac sắc?”...thọ... tưởng... hành...Hiền giả nói: "Tôi là thức?95 Hiền giả nói: "T6i là khác thức?” Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: “T6i la”, cái mà Hiền giả nói: “T6i là”, là cái gì? Thưa chư Hiền, tôi không nói: "T6i là sắc.” Tôi không nói: “T6i là khác sắc."... thọ... tưởng... hành... Tôi không nói: uTôi là thức.” Tôi cũng không nói: "T6i là khác thức.” Dầu rằng, này các Hiền giả9 tôi có chứng được [tư tưởng]: “T6i ”,nhưng tôi không có quán: 6CCái này là t6i.” Ví như, này chư Hiền, hương thơm của hoa sen xanh, hay hoa sen hồng, hay hoa sen trắng, nếu có người nói: "Hương thuộc về lá hay thuộc về sắc, hay thuộc vê nhụy hoa", nói như vậy có đúng không? Thưa không, này Hiền giả. -Vậy chư Hiền, trả lời như thế nào là trả lời một cách đúng đắn? Chư Hiền, hương là của hoa. Trả lời như vậy là trả lời một cách đúng đắn. Cũng vậy, này chư Hiền, tôi không nói: "Tôi là sắc." Tôi không nói: "T6i là khác sC”... thọ... tưởng... hành... Tôi không nói: "Tôi là thiic." Tôi Idiông nói: "Tôi là khác thức.^, Nhưng này chư Hiền, dầu rằng đối với năm thủ uẩn tôi được có này? tôi không có quán: "Cái này là tôi.^, Dầu cho đối với yị Thánh đệ tử, này chư Hiền, năm hạ phần kiết sử đã được đoạn tận, nhưng vị ấy còn nghĩ: 66Đối với năm thủ uẩn vẫn còn dư tàn tế nhị:

Dư tàn kiêu mạn 'tôi là\ dư tàn dục 'tôi là\ dư tàn tùy miên 6tôi là\ chưa được vị ấy đoạn trừ. Vị ấy9 sau một thời gian, sống quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn: 'Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đay là hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diet.'" Vì rằng vị ây sông quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn này, các dư tàn ngã mạn "tôi là”các dư tàn ngã dục "tôi la”các dư tàn ngã tùy miên "t6i là"mà vị ấy chưa được đoạn trừ, nay đi đến đoạn tận. Này chư Hiền, ví như một tấm vải nhớp nhúa dính bụi, những người chủ giao nó cho một người thợ giặt. Người thợ giặt sau khi nhồi nó? đập nó trong nước muối, trong nước tô đả,122123hay trong nước phân bò5 rôi giặt sạch nó trong nước trong. Dầu cho tấm vải ấy nay được sạch sẽ5 trong trắng, nhưng nó vẫn còn dư tàn mùi muối, hay mùi

tô đả5 hay mùi phân bò. Người thợ giặt giao lại tấm vải cho những người chủ. Những người chủ đem bỏ nó vào trong một cái hòm có ướp hương thơm. 123 Như vậy, cái dư tàn mùi muối5 hay mùi tô đả, hay mùi phân bò chưa được đoạn tận? nay được đoạn trừ. Cũng vậy, này chư Hiền, dầu cho vị Thánh đệ tử đã đoạn tận năm hạ phần kiêt sử, nhưng với vị ây, cái dư tàn trong năm thủ uân: Dư tàn ngã mạn "t6i là", dư tàn ngã dục "t6i ”dư tàn ngã tùy miên “t6i 1"chưa được đoạn trừ. Vị ấy sau một thời gian, sống tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn: “Dây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sac đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đay là thức đoạn diệt.,, Vì rằng vị ấy sông tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uân này nên các dư tàn trong năm thủ uẩn này, ngã mạn "tôi là”ngã dục "tôi là", ngã tùy miên "t6i là" chưa được đoạn tận, nay đi đến đoạn trừ. Khi được nói vậy5 các Tỷ-kheo trưởng lão nói với Tôn giả Khemaka: Không phải chúng tôi vì muốn phiền nhiễu Tôn giả Khemaka mà chúng tôi hỏi, nhưng vì chúng tôi nghĩ rănệ "Tôn giả Khemaka có thê giải đáp, thuyêt giảng, trình bày, xác chứng, khai triên, phân tích, hiên lộ một cách rộng rãi giáo lý của Thế Tôn?5 Và rồi Tôn giả Khemaka đã giải đáp, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai triển, phân tích, hiển lộ một cách rộng rãi giáo lý của Thế Tôn. Tôn giả Khemaka thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo trưởng lão hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Khemaka giảng. Trong khi lời dạy này được nói lên? khoảng sáu mươi Tỷ-kheo tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, kể cả Tôn giả Khemaka.

VIII. KINH CHANNA (Channasutta)124 (S. IIL 132) 90. Một thời5 nhiêu Tỷ-kheo trưởng lão trú ở Bãrãnasĩ, Isipatana, tại Lộc Uyên. 122 p. Kham; s. Ksảra\ H.;chất kiềm, chất pô-tát màu trắng dễ tan trong nước. 123 Chủ giải giải thích rằng cái hòm hương liệu chỉ cho sự hiểu biết về A-la-hán đạo, con đường đưa đến đoạn trư sạch các phiền não. 124 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.262. 0066Ồ06).

Rồi Tôn giả Channa,125 vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy5 cầm chìa khóa, đi từ tinh xá này đên tinh xá khác và nói với các Tỷ-kheo trưởng lão: Chư Tôn giả trưởng lão, hãy giáo giới cho tôi! Chư Tôn giả trưởng lão, hãy giảng dạy cho tôi! Chư Tôn giả, hãy thuyết pháp cho tôi5 để tôi có the thấy được pháp. Được nghe nói vậy, các vị Tỷ-kheo trưởng lão nói với Tôn giả Channa: Sắc, này Hiền giả Channa, là vô thường; tho là vô thường; tưởng là vô thường; hành là vô thường; thức là vô thường. Săc là vô ngã; thọ... tưởng... hành... thức là vô ngã. Tất cả các hành là vô thường, tất cả các pháp là vô ngã.126 Rồi Tôn giả Channa suy nghĩ như sau: "Ta cũng suy nghĩ như vầy: 'Sắc là vô thường; thọ... tưởng... hành... thức là vô thường, sắc là vô ngã; thọ... tưởng... hành... thức là vô ngã. Tất cả các hành là vô thường, tất cả pháp là vô ngã.9 Nhưng tâm của ta không hướng đến sự tịnh chỉ tât cả các hành? sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diet, Niêt-bàn; không có thoải mái; không có an trú; không có hướng về. Do sự tham luyến (parỉtassanã), chấp thủ khởi lên, tâm ý trở lui lại tư tưởng: 'Có phải tự ngã của ta sinh hoạt?' Như vậy? thời ta không thể thấy pháp. Ai có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể thấy php.” Rồi Tôn giả Channa suy nghĩ: "Bây là Tôn giả Ãnanda, hiện trú ở Kosambĩ, tại vườn Ghosita, được bậc Đạo sư tán thán và các bậc

đồng Phạm hạnh có trí kính trọnẸ. Tôn giả Ãnanda có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể thấy pháp. Và cho đên như vậy5 ta có lòng tin tưởng đối với Tôn giả Ãnanda. Vậy ta hãy đi đến Tôn giả Ãnanda.,, Rồi Tôn giả Channa, sau khi dọn dẹp chỗ nằm của mình, cầm y bát đi đến Kosambĩ, vườn Ghosita, chỗ Tôn giả Ãnanda ở; sau khi đến, nói với Tôn giả Ãnanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu? liên ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên5 Tôn giả Channa nói với Tôn giả Ănanda: Một thời, này Hiền giả Ãnanda, tôi ở Bãrãnasĩ, Isipatana, tại Lộc Uyển. Rôi vào buôi chiêu, này Hiên giả, tôi từ chô tịnh cư đứng dậy, câm chìa khóa, đi từ tinh xá này đến tinh xá khác, sau khi đến9 nói với các Tỷ-kheo trưởng lão: “Chu Tôn giả trưởng lão, hãy giáo giới cho tôi! Chư Tôn giả trưởng lão5 hãy giảng dạy cho tôi! Chư Tôn giả trưởng lão, hãy thuyết pháp cho tồi, để tôi có thể thấy pháp.” Được nghe nói vậy, này Hiên giả, các Tỷ-kheo trưởng lão nói với tôi: "Sc, này Hiền giả Channa, là vô thường; thọ... tưởng... hành... thức là vô thường, sắc là vô ngã; thọ... tưởng... hành... thức là vô ngã. Tất cả các hành là vô thường, tất cả các pháp là vô ngâL”

125 Channa đây có thể là Channa trong Thag. V. 69. Theo Chủ giải, đây chỉ cho Channa, người giữ ngựa của Thái tử Tat-đạt-đa, con của một nữ tỳ sinh cùng ngày vơi Thái tử và sau này cũng xuất gia trong Tăng đoàn. 126 Trong Chủ giải, câu hỏi được đặt ja: "Vi sao chỉ nói hai sự thật không nói đến ba?" Câu trả lời: “Vi nói tất ca các pháp là khổ, thì sẽ bị kết luận là Đạo và Quả cũng kho.,,

về vấn đề ấy, này Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: “Ta cũng suy nghĩ như vầy: 'Sắc là vô thường... thức là vô thường, sắc là vô ngã; thọ... tưởng... hành... thức là vô ngã. Tất cả các hành là vô thường, tất cả các pháp là vô ngẫL' Nhưng tâm của ta không hướng đến sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn; không có thoải mái; không có an trú; không có hướng về. Do sự tham luyến, chấp thủ khởi lên? tâm ý trở lui lại tư tưởng: 6CÓ phải tự ngã của ta sinh hoạt? Như vậy? thời ta không thể thấy pháp. Ai có thể thuyết pháp cho ta, để ta có thể thấy pháp?'" Rồi về vấn đề này, này Hiền giả? tôi suy nghĩ như sau: "Đây là Tôn giả Ananda, hiện trú ở Kosambĩ, tại vườn Ghosita, được bậc Đạo sư tán thán và các bậc đồng Phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Ãnanda, có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể thấy pháp. Và cho đến như vậy, ta có lòng tin tưởng đối với Tôn giả Ãnanda. Vậy ta hãy đi đến Tôn giả Ananda." Tôn giả Ananda, hãy giáo giới cho tôi! Tôn giâ Ãnanda, hãy giảng dạy cho tôi! Tôn giả Ananda, hãy thuyet pháp cho tôi, đe tôi có thể thấy pháp. Cho đến như vậy, thật sự tôi rất hoan hỷ đối với Tôn giả Channa. Tôn giả Channa đã làm cho sự việc rõ ràng. Tôn giả Channa đã phá vỡ chướng ngại.127 Hãy lóng tai, này Hiền giả Channa! Hiền giả có thể hiểu được Chánh pháp. Ngay lúc ấy, Tôn giả Channa khởi lên hoan hỷ? hân hoan thù thắng khi nghe đến: “Hiền giả có thể hiểu được Chánh ph” - Này Hiền giả Channa, tôi tận mặt nghe Thế Tôn? tận mặt nhận lãnh từ Thế Tôn lời giáo giới này cho Kaccãnagotta: "Thế giới này dựa trên hai [quan diểm], này Kaccãna, hiện hữu và không hiện hữu. Ai thấy như thật với chánh trí tuệ sự tập khởi của thế giới, thì không chấp nhận sự không hiện hữu của thế giới. Nhimg này Kaccãna, ai thấy như thật với

chánh trí tuệ sự đoạn diệt của thế gi&i, thì cũng không chấp nhận sự hiện hữu của thế giới. Thế giới này phần lớn, này Kaccãna, là chấp thủ các phương tiện và bị trói buộc bởi thành kiến. Với ai không đi đến, không chấp thủ, không an trú vào chấp thủ các phương tiện, tâm không an trú vào thiên kiến tùy miên, vị ấy không nói: 'Đây là tự ngã của tôi/ Với ai nghĩ rằng: 'Cái gì khởi lên là đau khổ? cái gì diệt là đau khổ\128 vị ấy không có phân vân, nghi hoặc. Trí ở đây không mượn nhờ người khác. Cho đến như vậy? này Kaccãna, là Chánh trí. cTất cả đều có\ này Kaccãna, là một cực đoan. 'Tất cả đều không có\ là một cực đoan. Không chấp nhận hai cực đoan ấy5 này Kaccãna, Như Lai thuyết pháp một cách Trung đạo. Do duyên vô minh nên hành khởi; do duyên hành nên thức khởi... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh không có dư tàn nên các hành diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này."

127 Ảvi akãsi khĩlam chỉndỉ. Âvi akãsi: Đã làm cho mọi việc rõ ràng. Khĩỉam chindi: Đã đoạn dứt chướng ngại [của tâm], xém s. I. 193; Sn. 187. s. I. 135.

Như vậy, này Hiền giả Ãnanda, là điều sẽ đến với các bậc Tôn giả nào có được những đồng Phạm hạnh như vậy, những vị có lòng từ mẫn, những vị muốn sự lợi ích? những vị giáo giới, những vị giảng dạy. Nghe được lời thuyết pháp này từ Tôn giả Ãnanda, tôi được an trú vững chắc trong Chánh pháp.

IX. KINH RÃHULA (RãhulasuttaỴ29 (S. III. 136) 91. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Rãhula đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rãhula bạch Thế Tôn: Biết như thế nào? bạch Thế T6ĩi, thấy như thế nào đối với thân có thức này và đôi với tât cả tướng ở ngoài, không có [tư tưởng] ngã kiên5 ngã sở kiên, ngã mạn tùy miên? Phàm sắc gi, này Rãhula, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả pháp cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ rằng: uCái này không phải của tôi? cái này không phải là tôi? cái này không phải tự ngã của t6i." Phàm thọ gì... Phàm tưởng gì... Phàm hành gì... Phàm thức gi, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần5 tất cả pháp cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ rằng: “Cái này không phải của tôi? cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của toi." Biết như vậy, này Rãhula, thấy như vậy đối với thân có thức nàỵ và đối với tất cả các tướng ở ngoài, không có [tư tưởng] ngã kiến, ngã sở kiên5 ngã mạn tùy miên. X. KINH RÃHULA THỨ HAI (Dutìyarãhuỉasutta) (S. III. 136) 92. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rãhula bạch The Ton: -Biết như thế nào9 bạch Thế Tôn, thấy như thế nào đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài không có những ý niệm về ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt ngoài kiêu mạn, tịch tịnh, khéo giải thoát? Phàm sắc gi, này Rãhula, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại... hoặc xa hay gần, tất cả pháp, sau khi như thật thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này khồng phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôr\ thì sẽ được giải thoát không có chấp thủ. Phàm thọ gì... Phàm tưởng gì... Phàm hành gì... Phàm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay

gần, tất cả pháp, sau khi như thật thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi? cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i”thì sẽ được giải thoát không có chấp thủ.

129 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.23. 0005all).

Do biêt như vậy, này Rãhula, do thây như vậy, đôi với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có những ý niệm về ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt ngoài kiêu mạn, được giải thoát không có thủ. Do biết như vậy, này Rãhula, do thấy như vậy, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có những ý niệm về ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt ngoài kiêu mạn, tịch tịnh5 khéo giải thoát.

X. PHẨM HOA (PUPPHAK4GGA)

I. KINH DÒNG SÔNG (Nadĩsutt(ì)^ (5. III. 137) 93. Nhân duyên ở Sãvatthi. - Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một con sông từ núi cao chảy xuống, từ xa chảy đến, dòng nước chảy xiết. Trên hai bờ con sông ấy, nếu cỏ lau kãsa mọc lên, chúng từ bờ rủ xuống; nếu các loại cỏ kusa mọc lên5 chúng từ bờ rủ xuống; nếu các loại lau sậy babbaja mọc lên, chúng từ bờ rủ xuống; nếu các loại cỏ bĩraụa mọc lên? chúng từ bờ rủ xuống; nếu các loại cây mọc lên, chúng từ bờ rủ xuống. Và một người bị dòng nước của con sông ây cuôn trôi, nêu nẹười ây năm lây cỏ lau kãsa, cỏ này có thê bị bựt đứt; do nhân duyên ây, người ây bị rơi vào tai ách khổ nạn. Nếu người ấy nắm lấy loại cỏ kusa, cỏ này có thể bựt đứt; do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn. Nếu người ấy nắm lấy loại lau sậy babbaja, cỏ này có thê but đứt; do nhân duyên ây, người ây bị rơi vào tai ách khô nạn. Nêu người ây năm lây loại cỏ bĩrana, cỏ này có thê bị bựt đứt; do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn. Nếu người ấy nắm lấy các loại cây5 loại cây này có thể bị bựt đứt; do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn. Cũng vậy, nàỵ các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuan thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân? không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có săc? hay săc ở trong tự ngã5 hay tự ngã ở trong săc. Khi săc ây của người ây bị bựt dứt, do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn. ... quán thọ... quán tưởng... quán hành... ... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Khi thức ấy của người ấy bị bựt dứt, do nhân duyên ây, người ấy rơi vào tai ách khổ nạn. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường? -Vô thường, bạch Thế Tôn. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? -Vô thường, bạch Thế Tôn. Do vậy... thấy vậy... “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.^, Vị ấy biết rõ như vậy.

130 Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.268. 0069cl2).

IL KINH BÔNG HOA (Pupphasuttà)131132 (S. III. 138) 94. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, Ta không tranh luận với đời? chỉ có đời tranh luận với Ta. Này các Tỷ-kheo? người nói pháp không tranh luận với bất cứ một ai ở đời. Này các Tỷ-kheo5 cái gì người có trí ở đời chấp nhận là ^không", Ta cũng nói là "kh6ng". Này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "c6", Ta cũng nói là "c6" Và này các Tỷ-kheo? cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "kh6ng", Ta cũng nói là ukhong99? Này các Tỷ-kheo, người có trí ở đời không chấp nhận sắc là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "kh6ng". ... thọ... tưởng... hành... Người có trí ở đời không chấp nhận thức là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "kh6ng". Này các Tỷ-kheo? đây là? cái gì người có trí ở đời chấp nhận là ukhông5\ Ta cũng nói là "kh6ng" Và này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "c6"Ta cũng nói là "c6' Này các Tỷ-kheo5 người có trí ở đời chấp nhận sắc là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "c6" [vậy]. ... thọ... tưởng... hành... Này các Tỷ-kheo? người có trí ở đời chấp nhận thức là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "c6" [vậy]. Này các Tỷ-kheo, đây là? cái gì người có trí ở đời chấp nhận là vô thường, không thường hằng5 không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "co" [vậy]. Ở trong đời, này các Tỷ-kheo, có thế pháp. 132 Thế pháp ấy Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, chứng tri; sau khi hoàn toàn chứng ngộ, chứng tri, Như Lai tuyên bố? thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị? phân tích, hiển lộ. Này các T-kheo, thế pháp ở trong đời là gì, thế pháp ấy được Như Lai hoàn toàn chứng ngộ5 chứng tri; sau khi hoàn toàn chứng ngộ5 chứng tri, Như Lai tuyên bố? thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ? Sắc, này các Tỷ-kheo? là thế pháp ở trong đời. Thế pháp ấy được Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, chứng tri; sau khi hoàn toàn chứng ngộ, chứng tri, Như Lai tuyên bố5 thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ.

148 Bản tiếng Anh của PTS: The Flower (or Growth), nghĩa là Bông hoa (hay Tăng trưởng). Tham chiếu: Tạp. (T.02.0099.37.0008Ồ15); Tạp,(T.02.0099.38.0008c08). 132 Lokadhamma. SA. II. 320: Lokadhammotỉ khandhapancakam (thế pháp chỉ cho 5 thủ uẩn). Chữ lujjana có nghĩa là tan vỡ, bể vụn.

Và ai, khi Như Lai tuyên bố? thuyết giảng, trình bày5 xác chứng, khai thị. phân tích, hiến lộ như vậy, [vẫn] không biết, không thấy, thì đối với người ấy, Ta xem là vô tích SỊT, là kẻ ngu si, phàm phu, mù lòa? không có mắt, không có biết, không có thấy. Thọ... Tưởng... Hành... Thức, này các Tỷ-kheo, là thế pháp ở trong đời. Thế pháp ấy được Như Lai hoàn toàii chứng ngO, chứng tri; sau khi hoàn toàn chứng ngộ, chứng tri, Như Lai tuyên bố? thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ. Và ai, khi Như Lai tuyên bố? thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị? phân tích5 hiển lộ như vậy? [vẫn] không biết, không thấy, thì đối với người ấy, Ta xem là vô tích sự, là kẻ ngu si, phàm phu, mù lòa, không có mắt, không có biết, không có thấy. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? bông sen xanh, hay bông sen hồng5 hay bông sen trắng sanh ra trong nước?

lớn lên trong nước, vươn lên khỏi nước, và đứng thẳng không bị nước nhiễm ướt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo9 Như Lai sanh ra ở trong dời, lớn lên trong đời, vươn lên khỏi đời, và sống không bị đời ô nhiễm. III. KINH BỌT NƯỚC (Phenapiṇḍūpamasuttay33 (5. III. 139) 95. Một thời, Thế Tôn ở Ayujjhaya, trên bờ sông Hằng. Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo... - Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng này chảy mang theo đống bọt nước lớn. Có người có mắt nhìn đống bọt nước ấy, nhìn chuyên chú, như lý quán sát. Do nhìn chuyên chú? như lý quán sát133 134 nó, đống bọt nước ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng.135 Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong đống bọt nước được? Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì thuộc quá khứ5 vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, vị Tỷ-kheo thây sắc, nhìn chuyên chú? như lý quán sát sắc. Do vị Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát sắc, sắc ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong sắc được? Ví như, này các Tỷ-kheo? trong mùa thu5 khi trời mưa những giọt mưa lớn, trên mặt nước, các bong bóng nước hiện ra rồi tan biến. Một người có mắt nhìn chuyên chii, như lý quán sát bong bóng nước ấy. Do người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó? bong bóng nước ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là

133 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.265. 0068Ồ29); Ngũ uẩn thỉ dụ kỉnh (7.02. 0105. 0501a04). 134 SA. II. 321: Yonỉso upaparỉkkheyyãtỉ kãranena upaparỉkkheyya ("Nhu lý quán sát" tức là quán sát theo nhân duyên). 135 Sãra: Lõi cây. Xem Pss. Sis. 167.

rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo5 lại có lõi cứng trong bong bóng nước được? Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, phàm có thọ gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tê; hoặc liệt hay thăng; hoặc xa hay gân, Tỷ- kheo nhìn chuyên chú5 như lý quán sát thọ ấy. Do Tỷ-kheo nhìn chuyên chú5 như lý quán sát nó? thọ ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo5 lại có lõi cứng trong thọ được? Ví như, này các Tỷ-kheo, trong tháng cuối mùa hạ, vào đúng giữa trưa đứng bóng, một ráng mặt trời rung động hiện lên. Một người cỏ mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó. Do người ấy nhìn chuyên chú9 như lý quán sát5 nên ráng mặt trời ấy hiện rõ ra là trống không, rỗng không, không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong ráng mặt trời được? Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 phàm có tưởng gì... Ví như, này các Tỷ-kheo, một người cần có lõi cây?136 tìm cầu lõi cây; đi tìm lõi cây, người ấy cầm cái búa sắc bén đi vào ngôi rừng. Ở đây, người ấy thấy một cụm cây chuối lớn, mọc thẳng, mới lởn, cao vút;137 người ấy chặt rễ cây ấy; sau khi chặt rễ, người ấy chặt ngọn; sau khi chặt ngọn, người ấy lột vỏ chuối ngoài (pattavattim); khi lột vỏ chuối ngoài, giác cây (pheggumpí) còn tìm không được, tìm đâu cho có được lõi cây? Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát cụm chuối ấy. Khi người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát cụm chuối ấy, cụm chuối ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cây. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cây trong cụm chuối được? Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo, phàm có hành gì thuộc quá

khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát hành ấy. Khi người ấy nhìn chuyên chú5 như lý quán sát, nên hành ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cây. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cây trong hành được? Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một ảo thuật sư hay đệ tử một ảo thuật sư, tại ngã tư đường bày trò ảo thuật (mãyam vidharnseyyă). Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát trò ảo thuật ấy. Do người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát, ảo thuật ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong ảo thuật được? Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có thức gì thuộc quá khứ, vị lai5 hiện tại... hoặc xa hay gần, Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát thức ấy. Do Tỷ-kheo

136 Xem MI. 111,233. 137 Akukkukajata. Xem s. IV. 167.

nhìn chuyên chú, như lý quán sát, thức ây hiện rõ ra là trông không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cây. Làm sao, này các Tỷ-kheo5 lại có lõi cây trong thức được?

Thấy vậy5 này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc...

đôi với thọ... đôi với tưởng... đôi với hành... nhàm chán đôi với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi

lên: “Ta đã giải thoát... không còn trở lại đời này nữa." Vị ấy biết rõ như vậy.

Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ sau khi nói như vậy5 bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Sắc ví với đống bọt5
Thọ ví bong bóng nước,
Tưởng ví ráng mặt trời,
Hành ví với cây chuối,
Thức ví với ảo thuật,
Đấng Bà Con Mặt Trời,
Đã thuyết giảng như vậy.
Nếu như vậy chuyên chú,
Như lỷ chơn quán sát,
Như lỷ nhìn [các pháp],
Hiện rõ tánh trống không.
Bắt đầu với thân này,
Bậc Đại Tuệ thuyết giảng,
Đoạn tận cả ba pháp,
Thấy sắc bị quăng bỏ.
Thân bị quăng, vô tri,
Không thọ, sức nóng, thức?
Bị quăng di, nó nằm,

Làm đồ ăn kẻ khác.
Cái thân liên tục138 này,
Ảo sư5 kẻ ngu nói,
Được gọi kẻ sát nhân,
Không tìm thấy lõi cây.
Hãy quán uẩn như vậy9
Vị Tỷ-kheo tinh cần,
Suốt cả đêm lẫn ngày,
Tỉnh giác, chánh tư niệm.
Hãy bỏ mọi kiết sử,
Làm chỗ mình nương tựa,

138 Santãna. Có lẽ đây là kinh duy nhất trong Tam tạng thuật ngữ này được dùng. Phật giáo thời kỳ sau thường sử dụng thuật ngữ này.

Sống như lửa cháy đầu? 139140 Cầu chứng cảnh bất động. IV KINH PHÂN BÒ (Gomayapindasutta)ì4ồ (S. IIL 143) 96. Nhân duyên ở Sãvatthi. Sau khi ngồi5 vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, có thể có sắc nào, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng5 vĩnh trú như vậy? Bạch Thế Tôn, có thể có thọ nào... có thể có tưởng nào... có thể có hành nào... có thể có thức nào, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy? Này Tỷ-kheo? không có sắc nào, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy. Này Tỷ-kheo, không có thọ nào... không có tưởng nào... không có hành nào... không có thức nào, thức ấy là thường còn? thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy. Rồi Thế Tôn lấy tay cầm lên một miếng phân bò và nói với Tỷ-kheo ấy: Này Tỷ-kheo, cho đến một ngã thể nhỏ như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biên hoại5 vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú. Nếu một ngã thể nhỏ như thế này? này Tỷ-kheo, là thường còn5 thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú5 thời đời sông Phạm hạnh đê chơn chánh đoạn tận khô đau không thê trình bày. Vì này Tỷ- kheo, cho đến một ngã thể nhỏ bé như thế này cũng không thường còn5 thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng5 vĩnh trú, do vậy, đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau có thể trình bày. Thuở xua, này Tỷ-kheo5 Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh. Khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn đô thị5 và đô thị Kusãvatĩ là bậc nhất. Nàỵ Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn cung điện, và cung điện Dhamma là bậc nhất. Nàỵ Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn trùng các, và trùng các Mahãviyũha là bậc nhất. Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bôn ngàn sàng tọa làm băng ngà, làm băng lõi cây, làm băng vàng, làm bằng bạc, trải bằng nệm len có lông dài, trải bằng chăn len trắng, trải bằng chăn len

thêu bông, trải nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, có lầu che phía trên và có gối chân màu đỏ cả hai đầu.

139 Ẫdỉttasĩsa. Xem Thag. V. 39. 140 XemD. II. 169. Tham chiếu: Ngưu phẩn dụ kỉnh (roi. 0026.61. 0496al5); Tạp.(T.02. 0099.264. 0067C04).

22. TƯƠNG ƯNG UẦN e 621

Này Tỷ-kheo? khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn con voi với những trang sức bằng vàng, với những cờ xí bằng vàng, bao bọc với những lưới bằng vàng? và voi chúa uposatha là bậc nhất. Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn con ngựa với những trang sức bằng vàng, với những cờ xí bằng vàng, bao bọc với những lưới bằng vàng, và ngựa chúa Valãhaka là bậc nhất. Này Tỷ-kheo5 khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh? Ta có tám mươi bốn ngàn cỗ xe, với những trang sức bằng vàng, với những cờ xí bằng vàng, bao bọc với những lưới bằng vàng, và cỗ xe Vejayanta là bậc nhất. Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn châu báu, và Ma-ni châu là bậc nhất. Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bôn ngàn phụ nữ9 và Hoàng hậu Subhaddã là bậc nhât. Nàỵ Tỷ-kheo5 khi Ta là vi vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn chư hầu Sát-đế-lỵ? và binh chủ báu là bậc nhất. N2y Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn con bò cái, với những dây thừng bằng vải đay mịn màng và chậu sữa bằng bạc. Nàỵ Tỷ-kheo? khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn koti141 áo bằng vải gai tinh tể, bằng vải lụa tinh tể, bằng vải len tinh tế, bằng vải bông tinh tế. Này các Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn dĩa bàn? và trên ấy các cơm sáng và cơm chiều được dọn lên. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 trong tám mươi bôn ngàn đô thị ây, đô thị Ta trú thời ấy là kinh đô Kusãvatĩ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong tám mươi bốn ngàn cung điện ấy, cung điện Ta trú thời ấy là cung điện Dhamma. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? trong tám mươi bốn ngàn trùng các ấy, trùng các Ta trú thời ấy là trùng các Mahãviyũha. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong tám mươi bốn ngàn sàng tọa ấy, sàng tọa Ta dùng thời ấy là sàng tọa bằng ngà, hay bằng lõi cây? hay bằng vàng? hay bằng bạc. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong tám mươi bốn ngàn con voi ấy5 con voi Ta cưỡi thời ấy là voi chúa uposatha. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? trong tám mươi bốn ngàn con ngựa ấy5 con ngựa Ta cưỡi thời ấy là ngựa chúa Vàlãhaka. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong tám mươi bốn ngàn cỗ xe ấy5 cỗ xe Ta cưỡi thời ấy là cỗ xe Vejayanta.

141 Koti: 10 triệu.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong tám mươi bốn ngàn phụ nữ ấy, phụ nữ hầu hạ Ta thời ấy là Khattiyãnĩ142 hay Velãmikã.143144 Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong tám mươi bốn ngàn áo mặc ấy, đôi áo Ta mặc thời ấy, hoặc băng vải gai tinh tê, hay băng lụa tinh tê5 hay băng len tinh tế, hay bằng vải bông tinh tế. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 trong tám mươi bôn ngàn dĩa bàn ây, một dĩa bàn Ta dùng để ăn một phần (nãḷikã) cơm, còn

dĩa bàn thứ hai, Ta dùng để ăn đồ ăn tương đương. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 tât cả các hành ây là thuộc quá khứ5 đoạn diệt, biển hoại. Như vậy? vô thường, này các Tỷ-kheo? là các hành. Như vậy5 không thường hằng, này các Tỷ-kheo5 là các hành. Như vậy, không thường trú, này các Tỷ- kheo, là các hành. Cho đến như vậy5 này các Tỷ-kheo? là vừa đủ để nhàm chán đối với tất cả hành, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát. V. KINH ĐẦU MÓNG TAY (Nakhasikhãsutta)^ (5. III. 147) 97. Nhân duyên ở Sãvatthi. Sau khi ngồi, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Bạch Thê Tôn, có thê có săc nào là thường còn, thường hăng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy? Bạch Thế Tôn, có thể có thọ nào...? Bạch Thế Tôn? có thể có tưởng nào...? Bạch Thế Tôn, có thể có hành nào...? Bạch Thế Tôn5 có thể có thức nào, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy? Này Tỷ-kheo, không có sắc nào, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy. Này Tỷ-kheo, không có thọ nào... không có tưởng nào... không có hành nào... không có thức nào, thức ấy lại thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy. Rồi Thế Tôn lấy một ít đất trong đầu móng tay và nói với Tỷ-kheo ấy: Này Tỷ-kheo, cho đên một săc nhỏ như thê này cũng không thường còn, thường hằng? thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú. Nếu một sắc nhỏ như thế này, này Tỷ-kheo, là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú; thời đời

142 Khattiyãnĩ: Một người nữ thuộc giai cấp Sát-đế-lỵ. 143 Velãmỉkã: Tên của người lãnh đạo đoàn tùy tùng gồm 84.000 thị nữ phục vụ Vua Mahăsudassana, tại kinh đô Kusãvatĩ, nước Malla. Bà cũng là người rĩư thuộc giai cấp Sát-đế-lỵ. 144 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.24.4. 0617b07).

sốnẸ Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau không thể trình bày. Nhưng vì răng, này Tỷ-kheo, cho đến một săc nhỏ như thê này cũng không thường còn? thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú; do vậy? đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau có thể trình bày. Cho đến một thọ nhỏ như thế này, này các Tỷ-kheo5 cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú. Nếu thọ nhỏ như thế này, này Tỷ-kheo, là thường còn, thường hằng, thường trú... có thể trình bày. Cho đến một tưởng... Cho đến một hành... Cho đên một thức nhỏ như thê này, này Tý-kheo, cũng không thường còn, thường hăng, thường trú, không chịu sự biên hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú. Nêu một thức nhỏ như thê này, này Tỷ-kheo? là thường còn, thường hăng5 thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú; thời đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau không thể trình bày. Nhimg vì rằng, này Tỷ-kheo5 cho đến một thức nhỏ như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại; do vậy, đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau có thể trình bày. Ong nghĩ thê nào, này Tỷ-kheo, săc là

thường hay vô thường? —Là vô thường, bạch Thế Tôn. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? —Là vô thường, bạch Thế Tôn. Do vậy... thấy vậy... "... không có trở lại đời này nữa.,, Vị ấy biết rõ như vậy.

VI. KINH THANH TỊNH (Suddhikasuttay45 (5. III. 149) 98. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: —Có một sắc nào, bạch Thế Tôn? sắc ấy là thường còn? thường hằng5 thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú không? Có một thọ... một tưởng... một hành... một thức nào, bạch Thế Tôn, thức ây là thường còn, thường hăng, thường trú, không chịu sự biên hoại? vĩnh viên thường hằng, vĩnh trú không? Không có một sắc nào, này Tỷ-kheo? sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng5 vĩnh trú. Không có một thọ... một tưởng... một hành... một thức nào, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú.*

145 Bản tiếng Anh của PTS: Puritan (or Oceanic), nghĩa là Thanh tịnh (hay Biển).

VII. KINH DÂY TRÓI BUỘC (Gaddulabaddhasutta)146 (5. III. 149) 99. Nhân duyên ở Sãvatthi. -Vô thí, này các Tỷ-kheo? là sự luân hồi này. Điểm bắt đầu không thể nêu rõ đối với chúng sanh bị vô minh che đậy? bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi. Có thể có một thời, này các Tỷ-kheo, biển lớn đi đến khô cạn, hoàn toàn đi đến khô kiệt, không có hiện hữu.hưng này các Tỷ-kheo? Ta không có tuyên bố rằng, có sự chấm dứt khổ đau đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi. Có thể có một thòi, này các Tỷ-kheo? Sineru (Tu-di), vua các núi5 đi đến băng hoại, hoại diệt, không có hiện hữu. Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không có tuyên bố rằng, có sự chấm dứt khổ đau đối với chúng sanh bị vô minh che đậy. bị khát ái trói buộc5 phải lưu chuyển, luân hồi. CÓ thê có một thòi, này các Tỷ-kheo, đại địa đi đên băng hoại, hoại diet, không có hiện hữu. Nhưng này các Tỷ-kheo9 Ta không có tuyên bố rằng, có sự chấm dứt khổ đau đối với chúng sanh bị vô minh che đậy9 bị khát ái trói buộc5 phải lưu chuyển, luân hồi. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, có con chó147 bị dây thừng trói chặt vào một cây cột hay cột trụ vững chắc, chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh cây cột ấy hay cột trụ ấy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 kẻ vô văn phàm phu... không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã... quán thọ như là tự ngã... quán tưởng như là tự ngã... quán hành như là tự ngã... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Người ấy chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc... thọ... tưởng... hành... Người ấy chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh thức. Vì rằng, người ấy chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc... thọ... tưởng... hành... người ấy chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh thức, người ấy không giải thoát khỏi sắc; không giải thoát khỏi thọ; không giải thoát khỏi tưởng; không giải thoát khỏi hành; không giải thoát khỏi thức; không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu? bi, khổ, ưu, não. Ta tuyên bố rằng: “Nguôi ấy không giải thoát khỏi khổ dau." Nhưng bậc đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo? được thấy các bậc Thánh... khéo tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã... không quán thọ... không quán tưởng... không quán hành... không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có

thức, hay thức ở trong tự ngã? hay tự ngã ở trong thức. Vị ấy không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc... thọ... tưởng... hành... không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh thức. Vì rằng, vị ấy không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc... thọ... tưởng... hành... thức, vị ấy được giải thoát khỏi sắc; được giải thoát khỏi thọ; được giải thoát khỏi tưởng; được

146 Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.266. 0069Ồ04). 147 Chủ giải: Con chó là phàm phu. Dây thừng là tà kiến. Cột trụ là tự thân.

thoát khỏi hành; được giải thoát khỏi thức; được giải thoát khỏi sanh, già, ,sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói: uVị ấy được giải thoát khỏi đau khổ." VIIL KINH DÂY TRÓI BUỘC THỨ HAI (Putiyagaddulabaddhasuttdỷ^ (S. III. 151) 100. Nhân duyên ở Sãvatthi. -Vô thí, này các Tỷ-kheo, là sự luân hồi này. Điểm bắt đầu không thể nêu rõ đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc? phải lưu chuyển, luân hồi. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? có con chó bị dây thừng trói chặt vào một cây cột hay cột trụ vững chắc. Nếu nó có đi, nó chỉ đi tới cây cột hay cột trụ ấy. Nếu nó dứng, nó chỉ đứng gần cây cột hay cột trụ ấy. Nếu nó ngồi, nó chỉ ngồi gần cây cột hay cột trụ ấy. Nếu nó nằm, nó chỉ nằm gần cây cột hay cột trụ ấy. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? kẻ vô văn phàm phu quán sắc: uCái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi55; quán thọ... quán tưởng... quán hành... quán thức: "Cái này là của tôi9 cái này là tôi? cái này là tự ngã của t6i." Nếu người ấy có đi? người ấy chỉ đi tới năm thủ uẩn này. Nếu người ấy đứng, người ấy chỉ đứng gần năm thủ uẩn này. Nếu n^ười ấy ngôi5 người ấy chỉ ngồi gần năm thủ uẩn này. Nấu người ấy nằm, người ây chỉ năm gần năm thủ uẩn này. Do vậy? này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham5 sân, si làm nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô5 này các Tỷ-kheo5 chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tjnh." Này các Tỷ-kheo5 các ông có thấy một bức họa gọi là danh họa148 149 không? Thưa c6, bạch Thế Tôn. - Này các Tỷ-kheo, bức danh họa ấy do tâm tư họa mà thành. Do vậy5 này các Tỷ-kheo5 tâm còn đa dạng hơn150 cả danh họa ấy. Do vậy, này các Tỷ-kheo5 cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si làm nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo5 chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tjnh." Này các Tỷ-kheo5 Ta không quán thấy một bộ loại nào khác151 lại đa dạng như tâm. Như các hữu tình thuộc loại bàng sanh; các hữu tình thuộc loại bàng sanh ấy5 này các Tỷ-kheo, do tâm tư duy [mà thành].152 Do vậy; này các Tỷ-kheo5 tâm ấy lại đa dạng hơn các hữu tình thuộc loại bàng sanh ấy.

148 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.267. 0069c02). 149 Xem Expos. 85: Một kiệt tác. SA. II. 328: SA. II. 328: Caranam nãma cỉttantỉ vỉcaranacỉttarn ("Tâm được gọi la đi loanh quanh,, nghĩa là tâm đi quanh quẩn, tới lui). 150 Expos. 86: Nghệ thuật hơn cả nghệ thuật. Xem Pss. Breth. 378, 419. 151 Ekanỉkãya. Expos. 32, 88. 152 Chú giải'. Đây chỉ cho ý nghiệp đưa đến tái sanh.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si làm nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô9 này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh5 chúng sanh được thanh tịnh." Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thợ nhuộm hay một họa sĩ, nếu người ấy có thuốc nhuộm, hay lạc5 hay nghe, hay màu xanh, hay màu đỏ tía, hay một tâm gỗ khéo bào, hay một bức tường, hay một tâm vải, người ây có thê vẽ hình người đàn bà hay hình người đàn ông với đây đủ tât cả chi tiêt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? kẻ vô văn phàm phu liên tục làm cho hiện hữu sắc... thọ... tưởng... hành... liên tục làm cho hiện hữu thức. Các ông nghĩ thê nào, này các Tỷ-kheo, săc là thường hay vô thường? -Vô thường, bạch Thế Tôn. —Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? -Vô thường, bạch Thế Tôn. Do vậy? này các Tỷ-kheo... thấy vậy... “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.,, Vị ấy biết rõ như vậy. IX. KINH CÁN BÚA {VãsỉịaịasuttaỸ^ (5. III. 152) 101. Nhân duyên ở Sãvatthi. Do biêt, do thây, này các Tỷ-kheo? Ta tuyên bô sự đoạn tận các lậu hoặc; không phải do không biết, do không thấy. Do biêt cái gì, thây cái gi, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận? Đây là sắc5 đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng.;. Đây là hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt. Do biết như vậy5 do thấy như vậy, này các Tỷ-kheo? các lậu hoặc được đoạn tận. Này các Tỷ-kheo5 như có Tỷ-kheo sông không chí tâm trong sự tu tập, khởi lên ước muốn như sau: "Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thỉT; tuy vậy, tâm của vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Vì sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập bốn niệm xứ. Không có tu tập bốn chánh cần. Không có tu tập bốn như ý túc. Không có tu tập năm căn. Không có tu tập năm lực. Không có tu tập bảy Bồ-đề phần. Không có tu tập Thánh đạo tám ngành. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà, không được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, khônệ được ấp nóng một cách đúng đăn, không được âp dưỡng153 154 một cách đúng đăn. Dầu cho con gà mái ấy khởi

153 Xem A. IV. 126-27; Vin. IV. 168. Bản tiếng Anh của PTS: Adze-handle (or The Ship), nghĩa là Cản bủa (hay Con ").Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.263. 0067a22). 154 Paribhãvitãni'. Được che chở nhờ đôi cánh của gà mẹ. Xem DB. I. 86; M. I. 104.

lên ý muốn: "Mong rằng những con gà con của ta, với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ? sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toSn” tuy vậy? các con gà con ấy không có thể5 với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ? sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà ấy không được con gà mái ấp nằm một cách đúng dắn, không được ấp nóng một cách đúng đắn? không được ấp dưỡng một cách đúng đắn. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo không chí tâm trong sự tu tap, dầu cho vị ấy có khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thiì”; tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp

thủ. Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập bốn niệm xứ... Không có tu tập con đường Thánh đạo tám ngành. Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo sống chí tâm trong sự tu tập, dầu cho vị ấy không khởi lên ước muốn: "Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thíT; tuy vậy, tâm vị ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc? không có chấp thủ. Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy có tu tập. Có tu tập cái gì? Có tu tập bốn niệm xứ. Có tu tập bốn chánh cần. Có tu tập bốn như ý túc. Có tu tập năm căn. Có tu tập năm lực. Có tu tập bảy giác chi. Có tu tập con đường Thánh đạo tám ngành. Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà. Các trứng ấy được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn9 ấp dưỡng một cách đúng đắn. Dâu cho con gà mái ây không khởi lên ước muốn: "Mong rằng các con gà con của ta, với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ5 sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn,,; tuy vậy, các con gà con ấy có thể với chân, móng và đỉnh đầu? hay với miệng và mỏ9 sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà được con gà mái ấy ấp nằm một cách đúng đắn? ấp nóng một cách đúng đắn5 ấp dưỡng một cách đúng đắn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy sống chí tâm tu tập. Dầu cho vị ấy không khởi lên ước muốn: "Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc5 không có chấp thiỉ"; tuy vậy, tâm của vị ấy vẫn được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy có tu tập. Tu tập cái gì? Có tu tập bốn niệm xứ... có tu tập con đường Thánh đạo tám ngành. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 một người thợ đá hay đệ tử người thợ đá, khi nhìn vào cán búa thấy dấu các ngón tay và dấu các ngón tay cái. Vị ấy không thể biết được như sau: “H6m nay, từng ấy cán búa của ta bị hao mòn5 hôm qua từng ấy5

các ngày khác từng ấy.” Nhưng vị ấy biết được cán búa bị hao mòn trên sự hao mòn của cán búa. ,Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo chí tâm trong sự tu tập không có biết như sau: uHôm nay, từng ấy lậu hoặc của ta được hao mòn, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy.” Nhimg vị ấy biết được [các lậu hoặc] được hao mòn trên sự hao mòn [các lậu hoặc]. Ví như, này các Tỷ-kheo? một chiếc thuyền đi biển có đầy đủ cột buồm và dây buồm, bị mắc cạn sáu tháng do thiếu nước trong mùa kho; các cột buồm và dây buồm bị gió và mặt trời làm hư hỏng, rôi bị nước mưa đổ xuống trong mùa mua, chúng trở thành yếu và hư nát. Cũn^ vậy, nàỵ các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chí tâm trong sự tu tap, các kiết sử rất dê bị yếu dần và hư nát. X. KINH VÔ THƯỜNG TƯỞNG (Aniccasannasuttaỹ55 (S III. 155) 102. Nhân duyên ở Sãvatthi. -Do tu tập9 làm cho sung mãn vô thường tưởng, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận, tất cả hữu tham được đoạn tận? tất cả vô minh được đoạn tận, tất cả ngã mạn được tận trừ. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người làm ruộng, vào mùa thu, dùng một cái cày lớn cắt đứt tất cả rễ mọc trong khi cày. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 do tu tap, làm cho sung mãn vô thường tưởng, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả săc tham được đoạn tận, tất cả hữu tham được đoạn tận, tất cả vô minh được đoạn tận? tất cả ngã mạn được tận trừ. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người cắt cỏ cắt đứt cây cỏ? nắm lấy đầu ngọn đập lên5 đập xuống, đập tả, đập hữu, rồi quăng một bên. Cũng vậy? này các Tỷ- kheo?

do tu tap, làm cho sung mãn vô thường tưởng, tất cả dục tham được đoạn tận... tất cả ngã mạn được tận trừ. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? khi một chùm xoài bị cắt đứt từ cành, thời các trái xoài cùng dính vào cành đều bị đứt theo. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tưởng, tất cả dục tham được đoạn tận... tất cả ngã mạn được tận trừ. Ví như, này các Tỷ-kheo9 một ngôi nhà có nóc nhọn9 phàm có rui kèo nào, tất cả đều đi đến nóc nhọn, hướng đến nóc nhọn, quy tụ về nóc nhọn, và nóc nhọn là tôi thượng hơn chúng. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, do tu tập? làm cho sung mãn vô thường tưởng... tất cả ngã mạn được tận trừ. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những rễ hương gì, hương Anusãri đen là tôi thượng. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những lõi hương gi, hương Chiên-đàn đỏ là tối thượng. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

155 Bản tiếng Anh của PTS: Impermanence (or Perception), nghĩa là Vô thường (hay Tưởng). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.270. 0070c02).

Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những hoa hương gì, hương Vassikã là tối thượng hơn những hương ây. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những tiểu vương nào, tất cả những vua ấy đều tùy thuộc Vua Chuyển Luân Vương. Vua Chuyển Luân Vương được gọi là vua tối thượng đối với họ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ. Ví nhu, này các Tỷ-kheo9 ánh sáng các loại sao gi, tất cả ánh sáng ấy không bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng. Anh sáng mặt trăng được xem là toi thượng trong các ánh sáng ấy. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ. Ví như, này các Tỷ-kheo? trong mùa thu, khi trời mở rộng và gột sạch mây, mặt trời mọc lên trên bầu trời, đuổi sạch tất cả u ám khỏi hư không, bừng sáng, chói sáng và rực sáng. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tưởng, tất cả dục tham được đoạn tận? tất cả sắc tham được đoạn tận, tất cả hữu tham được đoạn tận? tất cả vô minh được đoạn tận? tất cả ngã mạn được tận trừ. Tu tập vô thường tưởng như thế nào, này các Tỷ-kheo5 làm cho sung mãn như thế nào mà tất cả dục tham được đoạn tận... tất cả ngã mạn được tận trừ? Đây là sắc, đây là sắc tập kh&i, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt. Vô thường tưởng được tu tập như vậy5 này các Tỷ-kheo, được làm cho sung mãn như vậy, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận5 tất cả hữu tham được đoạn tận, tất cả vô minh được đoạn tận, tất cả ngã mạn được tận trừ.

NĂM MƯƠI KINH CUỐI

XI. PHẨM BIÊN (ANTAVAGGA)

I. KINH BIÊN (AntasuttaỴ56 (5. III. 157) 103. Nhân duyên ở Săvatthi. 157 này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn? Hữu thân (sakkãyă) biên, Có bốn biên,156 hữu thân tập khởi biên, hữu thân đoạn diệt biên, hữu thân đoạn diệt đạo biên. Này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân biên? Phải trả lời là năm thủ uẩn. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uấn,

thọ thủ uấn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là năm thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân tập khởi biên? Chính là khát ái này, đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia; tức là dục ái, hữu ái? phi hữu ái. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là hữu thân tập khởi biên. Này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân đoạn diệt biên? Chính là sự ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự xả ly, sự từ bỏ5 sự giải thoát, sự thoát ly chấp trước. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân đoạn diệt biên. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân đoạn diệt đạo biên? Chính là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiên, chánh tư duy, chánh ngữ5 chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tân, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân đoạn diệt đạo biên. Này các Tỷ-kheo5 đây là bốn biên. II. KINH KHỔ (Dukkhasuttă) (S. III. 158) 104. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo; Ta sẽ thuyết cho các ông về khổ, khổ tập khởi5 khổ đoạn diệt, con đường đưa đến khổ đoạn diệt. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là khổ? Phải trả lời là năm thủ uẩn. Thế nào là năm? Tức là săc thủ uân... thức thủ uân. Đây gọi là khô? này các Tỷ-kheo. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ tập khởi? Chính là khát ái này, đưa đến tái sanh... phi hữu ái. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là khổ tập khởi. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là khổ đoạn diệt? Chính là sự ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ây, sự xả ly, sự từ bỏ? sự giải thoát, sự thoát ly chấp trước. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là khô đoạn diệt.

156 Tham chiếu: Tạp. B 0.02. 0099.70. 0018al6). 157 Anta. SA. II. 333 viết kotthãsã, nghĩa là sự phân chia; không phải nghĩa cực đoan như khi nói "nhi biên,, (dveantã) trong KS. ri. 13.

Và này các Tỷ-kheo? thế nào là con đường đưa đến khổ đoạn diệt? Chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là con đường đưa đến khổ đoạn diệt. III. KINH HỮU THÂN (Sakkãyasutta)^ (S HI. 159) 105. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ giảng cho các ông về hữu thân, hữu thân tập khởi5 hữu thân đoạn diệt, con đường đưa đến hữu thân đoạn diệt. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân? Phải trả lời rằng chính là năm thủ uẩn. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn9 tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn5 thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân tập khởi? Chính là khát ái này... Này các Tỷ-kheo? đây gọi là hữu thân tập khởi. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân đoạn diệt? Chính là sự ly tham, đoạn diet, không có dư tàn khát ái ấy... sự thoát ly chấp trước. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân đoạn diệt. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến hữu thân đoạn diệt? Chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là con đường đưa đến hữu thân đoạn diệt.

IV. KINH SỞ BIẾN TRI (Parinneyyasuttay59 (S. IIL 159) 106. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo9 Ta sẽ giảng cho các ông các pháp cần phải biến tri, sự biến tri và con người đã biến tri. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là pháp cần phải biến tri? sắc9 này các Tỷ- kheo, là pháp cần phải biến tri. Thọ... Tưởng... Hành...Thức là pháp

cần phải biến tri. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các pháp cần phải biến tri. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là sự biến tri? Sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sự biến tri. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con người đã biến tri? cần phải trả lời là bậc A-la-hán. Bậc Tôn giả này, với tên như vậy5 với dòng họ như vậy. Này các Tỷ-kheo9 đây gọi là con người đã biến tri. V KINH CÁC SA-MÔN (Samanasutta) (5. III. 160) 107. Nhân duyên ở Sãvatthi. Có năm thủ uẩn, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo? không như thật

158 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.71. 0018b28); Tăng.(7.02. 0125.46.2. 0775cl9). 159 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.72. 0019a04).

biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này... như thật biết rõ... tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú. VI. KINH CÁC SA-MÔN THỨ HAI (Dutìyasamanasutta) (5. III. 160) 108. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo? có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uân, thọ thủ uân? tưởng thủ uân, hành thủ uân, thức thủ uân. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo? không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiêm, sự xuất ly của năm thủ uẩn này... như thật biết rõ... tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú.

VII. KINH BẬC Dự LƯU (Sotãpannasutta) (S IIL 160) 109. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào năm? Tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Và khi nào vị đa văn Thánh đệ tử5 này các Tỷ-kheo? như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiêm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này, vị đa văn Thánh đệ tử ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị Dự Lưu, không còn bị thối thất, đã được quyết định, hướng đến Chánh đẳng giác. VIII. KINH BẬC A-LA-HÁN (Arahantasutta) (S. III. 161) 110. Nhân duyên ở Sãvatthi. - Này các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Và khi nào vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt? sự nguy hiêm, sự xuất ly của năm thủ uẩn này, được giải thoát, không có chấp thủ. Vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo? được gọi là vị A-la-hán, các lậu hoặc được đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm? đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn tận, được giải thoát nhờ chánh trí. IX. KINH DỤC ĐƯỢC ĐOẠN TRỪ (Chandappahãnasutta) (S III. 161) 111. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với sắc, hãy đoạn trừ nó. Như vậy, sắc ấy sẽ được đoạn trừ, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la5 làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi lại trong tương lai. ...đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... Này các Tỷ-kheo? phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với thức, hãy đoạn trừ nó. Như vậy5 thức ấy sẽ được đoạn trừ, cắt đứt tận gốc rễ5 làm cho như thân cây Sa-la5 làm cho không thê tái sanh, không thể sanh khởi lại trong tương lai.

X. KINH DỤC ĐƯỢC ĐOẠN TRỪTHỨHAI (Putìyachandappahãnasuttà) (5. III. 161) 112. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào; phàm có những chấp thủ phương tiện, tâm thủ trước, thiên chấp tùy miên nào đoi với sắc... hãy đoạn trừ chúng. Như vậy5 sắc ấy sẽ được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ... Này các Tỷ-kheo5... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... Này các Tỷ-kheo? phàm có dục nào9 tham nào, hỷ nào, khát ái nào; phàm có những chấp thủ phương tiện, tâm thủ trước, thiên chấp tùy miên nào đổi với thức, hãy đoạn trừ chúng. Như vậy, thức ấy sẽ được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thê tái sanh, không thể sanh khởi lại trong tương lai.

xn. PHẨM THUYẾT PHÁP (DHAMMAKATHIKAK4GGA)

I. KINH VÔ MINH (Avijjãsuttữ)^ (5. III. 162) 113. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên5 Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: - "Vô minh, vô minh", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô minh? Cho đến như thế nào, một người là vô minh? Ở dây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu khônệ biết rõ sắc, không biêt rõ săc tập khởi5 không biêt rõ săc đoạn diệt, không biêt rõ con đường đưa đến sắc đoạn diet; không biết rõ thọ... không biết rõ tưởng... không biết rõ hành... không biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt. Này Tỷ-kheo5 đây gọi là vô minh. Và cho đến như vậy? một người là vô minh.

II. KINH MINH(yìjjãsuttă)ì6i (S. IIL 163) 114. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên9 vị Tỷ-kheo ấy bạch rr^l A FT^ /X Thê Tôn: "Minh, minh55, bạch Thế Ton, như vậy được nói đến. Bạch Thế Tôn? như thế nào là minh? Cho đến như thế nào, một người là minh? Ở đây, này Tỷ-kheo, bac đa văn Thánh đệ tử biết rõ sắc, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt. ... biêt rõ thọ... biêt rõ tưởng... biêt rõ hành... biêt rõ con đường đưa đên thức đoạn diệt. Này Tỷ-kheo, đây gọi là minh. Và cho đến như vậy? một người là minh. III. KINH VỊ THUYẾT PHÁP (Dhammakathikasutta)160 162 (S. IIL 163) 161 115. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thê Tôn: -:Vj thuyết pháp, vị thuyết pháp", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, được [gọi] là vị thuyết pháp? Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo đi vào

160 Bản tiếng Anh của PTS: Ignorance (or The Brother), nghĩa là Vô minh (hay vị Tỷ-kheo). 161 Bản tiếng Anh của PTS: Wisdom (or The Brother), nghĩa là Minh (hay vị Tỷ-kheo). 162 Tham chieu: Tạp.(7.02. 0099.26. 0005c09); Tạp. B(r.02. 0099.28. 0005c29); Tạp.(T.02. 0099.29. 0006al2).

thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp, tùy pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc, được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại. Nếu Tỷ-kheo... đối với thọ... đối với

tưởng... đối với hành... Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhàm chán5 ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp5 tùy pháp. Neu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức, được giải thoát5 không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại. IV KINH VỊ THUYẾT PHÁP THỨ HAI (Dutiyadhammakathikasuttà) (5. III. 164) 116. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: - Vj thuyết pháp, vị thuyết ph",bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn5 được gọi là vị thuyết pháp? Cho đến như thế nào, được gọi là vị thực hành pháp, tùy pháp? Cho đến như thế nào, được gọi là vị đã đạt đến Niết-bàn ngay trong hiện tại? Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đôi với săc; như vậy là vừa đủ đê được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp, tùy pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc, được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại. Nêu Tỷ-kheo... đôi với thọ... đôi với tưởng... đôi với hành... Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Neu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp, tùy pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức, được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại. V. KINH TRÓI BUỘC (Bandhanasutta)163 (5. III. 164) 117. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ở đây5 này các Tỷ-kheo9 kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh... không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là kẻ vô văn phàm phu, bị trói buộc bởi các trói buộc của săc, bị trói buộc bởi các trói buộc nội ngoại, kẻ không thây bờ5

163 Tham chiếu: Tạp.(7L02. 0099.74. 0019b02).

kẻ không thấy bờ bên kia, khi sanh bị trói buộc, khi chết bị trói buộc, khi đi từ đời này qua đời khác bị trói buộc. ... quán thọ... quán tưởng... quán hành... Ờ dây, này các Tỷ-kheo? kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh... không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã5 hay tự ngã ở trong thức. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là kẻ vô văn phàm phu, bị trói buộc bởi các trói buộc của thức, bị trói buộc bởi các trói buộc nội ngoại, kẻ không thây bờ, kẻ không thấy bờ bên kia, khi sanh bị trói buộc9 khi chết bị trói buộc, khi đi từ đời này qua đời khác bị trói buộc. Còn vị đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, thấy rõ các bậc Thánh... tu tập Ẹháp các bậc Chân nhân; không quán săc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Vị như vậy, này các Tỷ- kheo, được gọi là vị đa văn Thánh đệ tử, không bị trói buộc bởi

các trói buộc của sắc, không bị trói buộc bởi các trói buộc nội ngoại, vị đã thấy bờ9 vị đã thấy bờ bên kia. Ta nói, vị ấy được giải thoát hoàn toàn khỏi đau khổ. ... thọ... tưởng... hành... không quán thức như là tự ngã5 hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị như vậy5 này các Tỷ-kheo, được gọi là vị đa văn Thánh đệ tử, không bị trói buộc bởi sự trói buộc của thức5 không bị trói buộc bởi sự trói buộc nội ngoại, vị đã thấy bờ, đã thấy bờ bên kia. Ta nói, vị ấy đã giải thoát hoàn toàn khỏi đau khổ. VI. KINH NGƯỜI CẬT VẤN (Parìpucchitasuttd)�best (5. III. 165) 118. Nhân duyên ở Sãvatthi. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, các ông có quán sắc: uCái này là của tôi, cái này là tôi? cái này là tự ngã của t6i" - Thưa không, bạch Thế Tôn. Lành thay! Này các Tỷ-kheo? các ông cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: C6Cái này không phải của tôi9 cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i." ... thọ... tưởng... hành... ... các ông có quán thức: "Cái này là của tôi, cái này là tôi5 cái này là tự ngã của t6i"? Thưa không, bạch Thế Tôn. Lành thay! Này các Tỷ-kheo? các ông phải như thật quán thức với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi9 cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.95 Do thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy biết rõ: "... không còn trở lại đời này nữa."*

164 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.76. 0019cl2).

VII. KINH NGƯỜI CẬT VẤN THỨ HAI (Dutìyaparipucchừasuttà)165 (S III. 166) 119. Nhân duyên ở Sãvatthi. - Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, các ông có quán sắc: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của t6i" - Thưa c6, bạch Thế Tôn. Lành thay! Này các Tỷ-kheo, các ông cần phải như thật quán sắc với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của t6i." ... thọ... tưởng... hành... ... các ông có quán thức: "Cái này không phải của tôi? cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của t6i"? - Thưa c6, bạch Thế Tôn. Lành thay! Này các Tỷ-kheo? các ông cần phải như thật quán thức với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của t6i." Do thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy biết rõ: không còn trở lại đời này nữa." VIII. KINH KIẾT SỬ (SaiIiyojaniyasuttà) (5. IIL 166) 120. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông vê các pháp bị trói buộc và sự trói buộc. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là các pháp bị trói buộc? Thế nào là sự trói buộc? Sắc, này các Tỷ-kheo, là pháp bị trói buộc. Dục và tham đối với sắc là sự trói buộc của sắc. ... Thọ... Tưởng... Hành... Thức, này các Tỷ-kheo, là pháp bị trói buộc. Dục và tham đối với thức là sự trói buộc của thức. Này các Tỷ-kheo, các pháp này, được gọi là các pháp bị trói buộc. Đây là sự trói buộc. IX. KINH CHẤP THỦ (Upãdãniyasutta) (S. IIL 167) 121. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng cho các ông về các pháp bị chấp thủ và sự chap thủ. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp bị chấp thủ? Thế nào là sự chấp thủ? Sắc, này các Tỷ-kheo5 là pháp bị chấp thủ. Dục và tham đối với sắc là sự chấp thủ đối với sắc.

165 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.76. 0019cl2).

... Thọ... Tưởng... Hành... Thức, này các Tỷ-kheo, là pháp bị chấp thủ. Dục và tham đối với thức là sự chấp thủ đối với thức. Này các Tỷ-kheo, các pháp này, được gọi là các pháp bị chấp thủ. Đây là sự chấp thủ.

X KINH VỊ GIỮ GIỚI (Sĩlavantasutía)166 (S. IIL 167) 122. Một thời5 Tôn giả Sãriputta (Xá-lợi-phất) và Tôn giả Mahãkotthika trú ở Bãrãnasĩ (Ba-la-nại)? tại Isipatana (chư thiên đọa xứ)5 Lộc Uyển. Rồi Tôn giả Mahãkotthika, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Sãriputta... thưa như sau: Thưa Hiền giả Sãriputta, những pháp gì Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý? Này Hiền giả Kotthika, Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên? bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng khống, vố ngã. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này Hiền giả Kotthika, vị Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên9 bất hạnh, ốm đau5 người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã. Này Hiền giả, sự kiện này xảy ra: Tỷ-kheo giữ giới do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được quả Dự lưu. -Với Tỷ-kheo đã chứng quả Dự lưu, này Hiên giả Sãriputta, những pháp gì cần phải như lý tác ý? -Với Tỷ-kheo đã chứng quả Dự lưu, này Hiên giả Kotthika, cân phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã. Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo Dự lưu, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được quả Nhất lai. ỉ A .

Nhưng Tỷ-kheo Nhât lai, này Hiên giả Sãriputta, phải như lý tác ý các pháp gì? Tỷ-kheo Nhất lai, này Hiền giả Kotthika, phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã. Sự kiện này có thế xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo Nhất lai, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã5 có thể chứng được quả Bất lai. Nhưng Tỷ-kheo Bất lai, này Hiền giả Sãriputta, cần phải như lý tác ý những pháp gì? Tỷ-kheo Bất lai, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã. Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo

166 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.259. 0065b05).

Bât lai, do như lý tác ý năm thủ uân này là vô thường... vô ngã, có thê chứng được quả A-la-hán. Nhưng vị A-la-hári, này Hiền giả Sãriputta, cần phải như lý tác ý các pháp gì? -Vị A-la-hán, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ỵ năm thủ uẩn này là vô thường, khổ5 bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã. Với vị A-la-hán, này Hiền giả? không có gì phải làm nữa5 hay không có phải thêm gì nữa trong công việc làm. Nhtmg sự tu tập9 làm cho sung mãn những pháp này sẽ đưa đến hiện tại lạc trú và chánh niệm tỉnh giác. XI. KINH VỊ CÓ NGHE (Sutavantasuttă) (5. III. 169) 123. (Như kinh trên5 chỉ thay thế giữ gi&i" bằng "vi cớ nghe,,). XII. KINH KAPPA (Kappasuttă)^ (5. III. 169) 124. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Kappa đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kappa bạch Thế Tôn: Do biết như thế nào, do thấy như thế nào, bạch Thế Tôn? đối với thân có thức này và

đôi với tât cả tướng ở ngoài, lại không có [tư tưởng] ngã kiên5 ngã sở kiến, ngã mạn? -Phàm có sắc gi, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tê; hoặc liệt hay thăng; hoặc xa hay gân, tât cả săc ây cân phải như thật quán với chánh trí tuệ là: “Cái này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi? cái này không phải tự ngã của t6i.” Phàm có thọ gì... Phàm có tưởng gì... Phàm có hành gì... Phàm có thức gì5 này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần9 tất cả thức cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi? cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của tôi.,, Do biêt như vậy, do thây như vậy5 này Kappa, đôi với thân có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có [tư tưởng] ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn. XIII. KINH KAPPA THỨ HAI (Dutìyakappasutta) (S III. 170) 125. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kappa bạch rr-^i Ạ rr\ Thê Tôn: -Do biết như thế nào, do thấy như thế nào, bạch Thế Tôn5 đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, tâm ý không có các [tư tưởng] ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt qua kiêu mạn, tịch tịnh, khéo giải thoát? Phàm có sắc gì, này Kappa, thuộc quá khứ5 vị lai, hiện tại... tất cả sắc,

167 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.22. 0004c20).

sau khi như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi? cái này không phải tự ngã của tôi5\ được giải thoát, không có chấp thủ. Phàm có thọ gì... Phàm có tưởng gì... Phàm có hành gì... Phàm có thức gi, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả thức, sau khi như thật quán với chánh trí tuệ là: uCái này không phải của tôi, cái này khôn^ phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của tôi55, được giải thoát, không có chấp thủ. Do biết như vậy? thấy như vậy, này Kappa, đối với thân có thức này, và trong tất cả tướng ở ngoài, tâm ý không có [các tư tưởng] ngã kiến5 ngã sở kiến, ngã mạn? vượt ngoài kiêu mạn, tịch tjĩìh, khéo giải thoát.

xm. PHẨM vô MINH (AVIJJẴK4GGA)

I. KINH TẬP PHÁP (Samudayadhammasutta)168 (S. III. 170) 126. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến... Ngồi xuống một bên, Tỷ- kheo ấy bạch Thế Tôn: "V6 minh, vô minh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thê nào là vô minh? Và cho đên như thê nào được gọi là vô minh? Ở đây, này Tỷ-kheo? kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ: usắc chịu sự tập kh&i” là sắc chịu sự tập khởi; không như thật biết rõ: "Sắc chịu sự đoạn diet” là sắc chịu sự đoạn diệt; không như thật biết rõ: usắc chịu sự tập khởi và đoạn diet" là sắc chịu sự tập khởi và đoạn diệt. ... Thọ... Tưởng... Hành... ... không như thật biết rõ: "Thức chịu sự tập khởi" là thức chịu sự tập khởi; không như thật biết rõ: "Thức chịu sự đoạn diet" là thức chịu sự đoạn diệt; không như thật biết rõ: “Thức chịu sự tập khởi và đoạn diet” là thức chịu sự tập khởi và đoạn diệt. Như vậy? này Tỷ-kheo, được gọi là vô minh. Cho đến như vậy

được gọi là vô minh. Khi được nói vậy, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: - uMinh? minh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, bạch Thế Tôn? Cho đến như thế nào được gọi là minh? Ở đây, này Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ: "Sắc chịu sự tập khởi59 là sắc chịu sự tập khởi; như thật biết rõ: 6ísắc chịu sự đoạn diet" / 9 Ị" vvc. là săc chịu sự đoạn diệt; như thật biêt rõ: "Sc chịu sự tập khởi và đoạn diet" là sắc chịu sự tập khởi và đoạn diệt. ... Thọ... Tưởng... Hành... ... như thật biết rõ: "Thức chịu sự tập kh&i" là thức chịu sự tập khởi; như thật biết rõ: "Thức chịu sự đoạn diet" là thức chịu sự đoạn diệt; như thật biết rõ: "Thức chịu sự tập khởi và đoạn diet" là thức chịu sự tập khởi và đoạn diệt. Như vậy, này Tỷ-kheo? được gọi là minh. Cho đến như vậy được gọi là minh.

168 Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.256. 0064b22).

II. KINH TẬP PHÁP THỨ HAI (Dutìyasamudaỵadhammasutta) (5. III. 172) 127. Một thời5 Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Mahãkotthika trú ở Bãrãnasĩ, tại Isipatana, Lộc Uyển. Rồi Tôn giả Mahkotthika, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahãkotthika thưa với Tôn giả Sãriputta; "V6 minh, vô minh"thưa Hỉền giả Sãriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là vô minh, thưa Hiền giả Sãriputta? Cho đến như thế nào được gọi là vô minh? (Như kinh trên)... III. KINH TẬP PHÁP THỨ BA (Jatiyasamudayadhammasutta) (5. IIL 172) 128. Một thòi, Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Mahãkotthika trú ở Bãrãnasĩ (Ba-la-nại), Isipatana (chư thiên đọa xứ), tại Lộc Uyển... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahãkotthika thưa với Tôn giả Sãriputta: "Minh, minh", thưa Hiền giả Sãriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả Sãriputta? Cho đến như thế nào được gọi là minh? (Như kinh trên)... IV. KINH VỊ NGỌT (Assãdasutta) (5. III. 173) 129. Tại Bãrãnasĩ, Isipatana, Lộc Uyển... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahãkotthika thưa với Tôn giả Sãriputta: "V6 minh, vô minh", thưa Hiền giả Sãriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là vô minh, thưa Hiền giả? Và cho đến như thế nào được gọi là vô minh? Ở đây, này Hiền ẹiả5 kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ vị ngọt5 sự nguy hiêm và sự xuât ly của săc. ... thọ... tưởng... hành... không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức. Đây là vô minh, này Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là vô minh. V. KINH VỊ NGỌT THỨ HAI (Dutiyaassãdasuttà) (5. III. 173) 130. Tại Bãrãnasĩ, Isipatana, Lộc Uyển... "Minh, minh", này Hiền giả Sãriputta. được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là minh? Ở đây, này Hiền giả5 bậc đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ vị ngọt9 sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc... thọ... tưởng... hành... như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức. Đây gọi là minh, này Hiên giả. Cho đên như vậy được gọi là minh. VL KINH TẬP KHỞI (Samudayasutta) (5. III. 174) 131. Tại Bãrãnasĩ, Isipatana, Lộc Uyển...

"V6 minh, vô minh", thưa Hiền giả Sãriputta; được nói đến như vậy. Và thê nào là vô minh, thưa Hiền giả? Cho đên như thế nào được gọi là vô minh? Ở đây, này Hiền giả,

kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc. ... thọ... tưởng... hành... không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức. Như vậy, này Hiền giả, được gọi là vô minh. Cho đến như vậy được gọi là vô minh. VII. KINH TẬP KHỞI THỨ HAI (Dutìyasamudayasutía) (5. IIL 174) 132. Tại Bãrãnasĩ, Isipatana, Lộc Uyển... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahãkotthika thưa với Tôn giả Sãriputta: "Minh, minh", thưa Hiền giả Sãriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là minh? -Ở đây5 này Hiền giả, vị đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc. ... thọ... tưởng... hành... như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt5 sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức. Như vậy được gọi là minh, này Hiên giả. Cho đên như vậy được gọi là minh. VIII. KINH KOTJHIKA (KoỊỊhikasutta) (S. III. 175) 133. Tại Bãrãnasĩ, Isipatana, Migadãya. Tôn giả Sâriputta vào buôi chiêu... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả Mahãkotthika: "V6 minh, vô minh,99 này Hiền ẹiả Kotthika, được nói đến như vậy. Thế nào là vô minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào, được gọi là vô minh? - Ở đây, này Hiền ệiả, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc. ... thọ... tưởng... hành... không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức. Như vậy gọi là vô minh, này Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là vô minh. Khi được nói vậy, Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả Kotthika: "Minh, ipinh", thưa Hiền giả Kotthika, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là minh? -Ở đây, này Hiền giả5 bậc đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc. ... thọ... tưởng... hành... như thật biêt rõ vị ngọt5 sự nguy hiêm và sự xuât ly của thức. Như vậy, này Hiền giả, được gọi là minh. Cho đến như vậy được gọi là minh.

IX. KINH KOTTHIKATHỨHAI (Dutiyakotthikasuttd) (S IIL 175) 134. Tại Bãrãnasĩ, Isipatana, Migadăya... "V6 minh, vô minỊi", thưa Hiền gi Kotthika, được nói đến như vậy. Thế nào là vô minh, thưa Hiền giả? Cho đen như thế nào được gọi là vô minh? Ở dây, này Hiền giả, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc. ... thọ... tưởng... hành... Idiông như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiem và sự xuất ly của thức. Như vậy, này Hiền giả, được gọi là vô minh. Cho đến như vậy? được gọi là vô minh. Khi được nói vậy, Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả Kotthika: "Minh, minh", thưa Hiền giả Kotthika, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là minh? Ở dây, này Hiền giả? vị đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diet, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc. ... thọ... tưởng... hành... như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt5 vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức. Như vậy? này Hiền giả, được gọi là minh. Cho đến như vậy? được gọi là minh. X. KINH KOTTHIKA THỨ BA (TatìyakoỊỊhikasutta) (S. III. 176) 135. Nhân duyên như trên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả Kotthika: "V6 minh, vô minh", thưa Hiền giả Kotthika, được nói đến như vậy. Và thê nào là vô minh, thưa Hiên giả? Cho đên như thê nào được gọi là vô minh? Ở dây, này Hiền giả? kẻ vô văn phàm phu

khôĩiệ biết rõ sắc, không biết rõ sắc tập khởi, không biết rõ sắc đoạn diệt, không biêt rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt. ... thọ... tưởng... hành... không biết rõ thức, không biết rõ thức tập khởi, không biết rõ thức đoạn diet, không biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt. Như vậy? này Hiên giả, được gọi là vô minh. Cho đên như vậy, được gọi là vô minh. Khi được nói vậy? Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả Kotthika: "Minh, minh", thưa Hiền giả Kotthika, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là minh? —Ở đây? này Hiền giả, vị đa văn Thánh đệ tử biết rõ sắc, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diet, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt. ... thọ... tưởng... hành... biêt rõ thức, biêt rõ thức tập khởi, biêt rõ thức đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt. Như vậy? này Hiền giả? được gọi là minh. Cho đến như vậy được gọi là minh.

22. TƯƠNG ƯNG UẦN 645

XIV PHẨM THAN ĐỎ (KUKKULAK4GGA)

L KINH THAN ĐỎ Hực (Kukkulasuttd)^ (S. III. 177) 136. Nhân duyên ở Sãvatthi. Sắc là than đỏ5 này các Tỷ-kheo. Thọ là than đỏ. Tưởng là than đỏ. Hành là than đỏ. Thức là than đỏ. Thấy vậy? này các Tỷ-kheo5 bậc đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ? nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với hành, nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán nên ly tham, do ly tham nên giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa? II. KINH VÔ THƯỜNG (Ạniccasuttd) (5. IIL 177) 137. Nhân duyên ở Sãvatthi. Cái gì vô thường, này các Tỷ-kheo? ở đây9 các ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Này các Tỷ-kheo, cái gì là vô thường? Này các Tỷ-kheo? săc là vô thường, các ông cân phải đoạn trừ lòng dục. Này các Tỷ-kheo? thọ... tưởng... hành... Thức là vô thường, ở dây, các ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Cái gì vô thường, này các Tỷ-kheo, ở đây, các ông cân phải đoạn trừ lòng dục. III. KINH VÔ THƯỜNG THỨ HAl (Dutiyaaniccasuttà) (S. III. 178) 138. (Như kinh trên, chỉ thay thế "tham (rãgâỴ cho "dục (chandăỴ^Ỵ IV KINH VÔ THƯỜNG THỨ BA (Tatìyaaniccasutta) (5. III. 178) 139. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "dục và tham"). V-VI-VIL KINH KHỔ THỨ NHẤT, THỨ HAI, THỨ BA (Dukkhasutta^ Dutiyadukkhasutta^ Tatiyadukkhasutta) (S III. 178) 140-142. (Như các kinh trên? chỉ thay thế ukhổ,5 cho "v6 thường„). VIII-IX-X. KINH VÔ NGÃ THỨ NHẤT, THỨ HAI, THỨ BA (Anattasutta, Dutiyaanattasutta^ Tatiyaanattasuttd) (S III. 178) 143-145. (Như các kinh trên5 chỉ thay thế "v6 ngã,9 cho "kh6").

169 KukkuỊa. Xem KS. I. 268; PC. 127.

XI. KINH NHÀM CHÁN NHIỀU (Nibbidãbahuỉasutta)™ (S III. 179) 146. Nhân duyên ở Sãvatthi. Đối với vị thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, này các Tỷ-kheo5 đây là thuận pháp (anudhamma), Hãy sống nhàm chán nhiều đối với sắc... đối với thọ... đối A A e ** q r 9\ A. với tưởng... đôi với hành, hãy sông nhàm chán nhiêu đôi với thức. Ai sống nhàm chán nhiều đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đổi với hành, ai sống nhàm

chán nhiều đối với thức; thời sẽ biến tri sắc... thọ... tưởng... hành, biến tri thức. Vị nào biến tri sắc, biến tri thọ, biến tri tưởng, biến tri hành, biến tri thức; thời được giải thoát khỏi sắc, được giải thoát khỏi thọ? được giải thoát khỏi tưởng, J A giải thoát khỏi hành,: được D được J,. giải . thoát khỏi .thức, được9 giải thoát 9 khỏi sanh, già, chêt, sâu, bi, khô5 ưu, não. Ta nói vị ây được giải thoát khỏi đau khô. XII. KINH QUÁN VÔ THƯỜNG (Aniccãnupassĩsutta) (5. IIL 179) 147. Nhân duyên ở Sãvatthi. Đối với vị thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, này các Tỷ-kheo? đây là thuận pháp. Hãy sống quán vô thường đối với sắc...đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành? hãy sống quán vô thường đối với thức... Ta nói vị ấy được giải thoát khỏi đau kho.

XIII. KINH QUÁN KHỔ (Dukkhãnupassĩsuttd)m (5. III. 180) 148. Nhân duyên ở Sãvatthi. Đôi với vị thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, này các Tỷ-kheo, đây là thuận pháp. Hãy sông quán khô đôi với săc... đôi với thọ... đôi với tưởng... đôi với hành, hãy sống quán khổ đối với thức... Ta nói vị ấy được giải thoát khỏi đau khổ.

XIV KINH QUÁN VÔ NGÃ (Anattãnupassĩsuttd) (S IIL ỉ 80) 149. Nhân duyên ở Sãvatthi. Đôi với vị thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, này các Tỷ-kheo? đây là thuận pháp. Hãy sống quán vô ngã đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành, hãy sống quán vô ngã đối với thức... Ta nói vị ấy được giải thoát khỏi đau khổ.

170 Tên kinh này và 2 kinh (147,149) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: By the Clansman from Suffering, nghĩa là Đôi với vị thiện nam giải thoát khỏi khô đau. Tham chiêu: Tạp.(7.02. 0099.47. 0012a09). 171 Bản tiếng Anh của PTS thiếu kinh này.

XV PHẨM KIẾN (DITTHIVAGGA)

I. KINH NỘI (Ajjhattasutta)m (5. III. 180) 150. Nhân duyên ở Sãvatthi. Do có cái gi, này các Tỷ-kheo5 do chấp thủ cái gì, nội lạc, khổ khởi lên? Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... Này các Tỷ-kheo? do có sắc, do chấp thủ sắc, nội lạc, khổ khởi lên. Do có thọ.., tưởng... hành... Do có thức, do chấp thủ thức, nội lạc, khổ khởi lên. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường? -Vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? - Là khổ9 bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, nội lạc, khổ có thể khởi lên không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? -Vô thường, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ9 bạch Thế Tôn. -Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy5 thời nội lạc, khổ có thể sanh khởi không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Do thấy vậy... không còn trở lại đời này nữa?5 IL KINH CÁI NÀY LÀ CỦA TÔI (Etammamasutta)m (S. III. 181) 151. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo? do có cái gì, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì mà quán: "Cái này là của tôi5 cái này là tôi? cái này là tự ngã của t6i"? Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... Này các Tỷ-kheo, do có sắc, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc... do có

172 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.146. 0043b05). 173 Tham chiếu: Tạp.(7.02.0099.133.0041C14); Tạp.(T.02.0099.142.0043a20).

thức, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức nên quán: uCái này là của tôi? cái này là tôi5 cái này là tự ngã của t6i." Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? sắc là thường hay vô thường? -Vô thường, bạch Thế Tôn... Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy và quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi? cái này là tự ngã của tôi"? - Thưa không, bạch Thế Tôn. -Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? Vô thường, bạch Thế Tôn... Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy và quán cái ấy là: uCái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i" - Thưa không, bạch Thế Tôn. Do thấy vậy... vị ấy biết rõ..."...không còn trở lại đời này nữa.,,

III. KINH NGÃ (Soattãsutta)m (S III. 182) 152. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, do có cái gì5 do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gi, tà kiến này khởi lên: "Cái này là ngã9 cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"? Đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... Này các Tỷ-kheo? do có sắc? chấp thủ sắc, thiên chấp sắc nên khởi lên tà kiến như sau: uCái này là ngã9 cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ thường còn5 thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại/5 ... thọ... tưởng... hành... Do có thức, chấp thủ thức, thiên chấp thức nên khởi lên tà kiến như sau: uCái này là ngã? cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ thường còn? thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại." Các ông nghĩ thê nào, này các Tỷ-kheo? săc là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ5 bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khô. chịu sự biên hoại, có nên châp thủ cái ây và khởi lên tà kiến như sau: "Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại" -Thưa không, bạch Thế Tôn. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn?

174 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.252. 0043c09).

Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ5 bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy và khởi lên tà kiến như sau: uCái này là ngã? cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ thường còn? thường hằng, thường trú, không chịu sự biến ho@i" - Thưa không, bạch Thế Tôn. Do thấy vậy... vị ấy biết rõ... không còn trở lại đời này nữa.99 IV KINH CÓ THỂ KHÔNG PHẢI CỦA TA (Nocamesiyãsuttà) (5. III. 183) 153. Nhân duyên ở Sãvatthi. Do có cái gì? này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì tà kiến như sau sanh khởi: “Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta"? Đối với chúng con, bạch Thế Tôn? các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... Này các Tỷ-kheo, do có sắc, chấp thủ sắc? thiên chấp sắc nên tà kiến này khởi lên: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta." ... thọ... tưởng... hành... Do có thức, chấp thủ thức, thiên chấp thức nên tà kiến này khởi lên: “Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta.” Các ông nghĩ thế nào? này các Tỷ-kheo?

sắc là thường hay vô thường? -Vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? - Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy và khởi lên tà kiến như sau: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta" Thưa không, bạch Thế Tôn. -Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ? bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ? chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy và khởi tà kiến như sau: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta" - Thưa không, bạch Thế Tôn. Do thấy vậy... vị ấy biết rõ... "... không còn trở lại đời này nữa."

650 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ III. THIÊN UẨN

V KINH TÀ KIẾN (MicchãđiỊỊhisutta) (S III. 184) 154. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, do có cái gì9 do chấp thủ cái gì, do thiên chấp gì, tà kiến khởi lên? Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... Này các Tỷ-kheo, do có sắc, có chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, khởi lên tà kiến. ... thọ... tưởng... hành... do có thức? có chấp thủ thức? do thiên chấp thức5 khởi lên tà kiến. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo9 sắc là thường hay vô thường? -Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ5 bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ. chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy và khởi lên takienkhong? * Thưa không, bạch Thế Tôn. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. -Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ9 bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy và khởi lên tà kiến không? -Thưa không, bạch Thế Tôn. Do thấy vậy... vị ấy biết rõ..."...không còn trở lại đời này nữa.,,

VI. KINH THÂN KIẾN (SakkãyadiỊỊhisutta) (5. III. 185) 155. (Như kinh trên, chỉ thay thế "than kiến" cho "tà kiến"). VII. KINH NGÃ KIẾN (AttãnudiỊỊhisutta) (5. III. 185) 156. (Như kinh trên, chỉ thay thế "ngã kiến"). VIII. KINH THIÊN KIẾN (Abhỉnivesasuttă) (5. III. 186) 157. (Như kinh trên, chỉ thay thế trói buộc5 thiên chấp kiết sử" cho "ngã kiến").

IX. KINH THIÊN KIẾN THỨ HAI (Dutiyaabhinivesasutía) (5. III. 187) 158. (Như kinh trên, chỉ thêm "sự tham trước về sự trói buộc, thiên chấp các kiết sử55).

22. TƯƠNG ƯNG UẨN 651

X. KINH ÃNANDA (Ẫnandasutta) (5. III. 188) 159. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến... bạch Thế Tôn: -Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, để sau khi nghe pháp5 con sống một mình an tịnh, không phóng dật5 nhiệt tâm? tinh cần. -Ông nghĩ thế nào5 này Ảnanda, sắc là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường là khổ hay lạc? - Là khổ? bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ5 chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi? cái này là tôi5 cái này tự ngã của t6i"? - Thưa không, bạch Thế Tôn. —Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? -Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khô, chịu sự biên hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ây là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i" Thưa không, bạch Thế Tôn. Do thấy vậy...

vị ấy biết rõ..."...không còn trở lại đời này nữa."

23. TƯƠNG ƯNG RÃDHA (RẴDHASAMYUTTA)

I. PHẨM THỨ NHẤT (R4THAMAVAGGA)

L KINH MÃRA (Mãrasuttà)1 (S. III. 189) 160. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Rãdha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên? Tôn giả Rãdha bạch Thế Tôn: uMãra, Mãra9\ bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào? bạch Thế Tôn, được gọi là Mãra? Nếu có sắc, này Rãdha, thời có chết (mãră) hay có kẻ giết người (mãretã), hay có bị chết (mĩyatí). Do vậy5 này Rădha, ông hãy thấy sắc là sự chết, hãy thay lake giết người, hãy thấy là bị chết, hãy thấy là bệnh, hãy thấy là ung nhọt, hãy thấy là mũi tên, hãy thấy là bất hạnh5 hãy thấy tự tánh là bất hạnh. Những ai thấy sắc như vậy là thấy chơn chánh. Nếu có thọ... tưởng... hành... Nêu có thức, này Rãdha, thời có chêt, hay có kẻ giêt người, hay có bị chêt. Do vậy, này Rãdha, ông hãy thấy thức là sự chết, hãy thấy là kẻ giết người, hãy thấy là bị chết, hãy thấy là bệnh, hãy thấy là ung nhọt, hãy thấy là mũi tên, hãy thấy là bất hạnh, hãy thấy tự tánh là bất hạnh. Những ai thấy thức như vậy là thấy chơn chánh. Bạch Thế Tôn, chánh quán với mục đích gì? Chánh quán9 này Rãdha, với mục đích nhàm chán. Bạch Thế Tôn5 nhàm chán với mục đích gì? Nhàm chán, này Rãdha? với mục đích ly tham. Bạch Thế Tôn? ly tham với mục đích gì? Ly tham, này Rãdha, với mục đích được giải thoát. Bạch Thế Tôn5 giải thoát với mục đích gì? Giải thoát, này Rãdha, với mục đích Niêt-bàn. Bạch Thế Tôn, Niết-bàn với mục đích gì?

I Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.120. 0039Ồ25).

Này Rãdha, ông đi quá xa với câu hỏi này, không thể nắm được giới hạn của câu hỏi. Nhập vào Niêt-bàn, này Rãdha, là sự thực hành Phạm hạnh. Niết- bàn là mục tiêu cuối cùng, Niết-bàn là cứu cánh. II. KINH CHÚNG SANH (Sattasutta)23(S III. 189) 161. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rãdha bạch Thế Tôn: "Chúng sanh, chúng sanh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là chúng sanh (sattã)? Này Rãdha, dục nào (chanda). tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với sắc, triền phược ở dấy, triền miên ở đấy, do vậy gọi là chúng sanh. Dục nào, tham nào5 hỷ nào, khát ái nào đối với thọ... tưởng... hành... Dục nào? tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với thức, triền phược ở dấy, triền miên ở dấy, do vậy gọi là chúng sanh. Ví như. này Rãdha, các đứa con trai hay các đứa con gái chơi với cái nhà băng đât. Cho đên khi đôi với những nhà băng đât ây5 lòng tham chưa thoát ly, lòng dục chưa thoát ly, lòng ái chưa thoát ly, lòng khát chưa thoát ly5 lòng nhiệt tình chưa thoát ly, lòng khát ái chưa thoát ly, thời chúng còn tham dính vào, thích chơi, chất chứa, và đắm trước những nhà bằng đất ấy. Nhưng khi nào các đứa con trai hay các đứa con gái ấy đối với những nhà băng đất kia, lòng tham đã thoát ly, lòng dục đã thoát ly, lòng ái đã thoát ly, lòng khát đã thoát ly, lòng nhiệt tình đã thoát ly, lòng khát ái đã thoát ly, thời với tay và với chân, chúng phá tan, phá vỡ, phá sập5 không chơi với những căn nhà bang đất ấy. Cũng vậy này Rãdha, ông hãy phá tan, phá vỡ, phá sập5 không chơi

với sắc, chú tâm hướng đên đoạn diệt khát ái đôi với săc. Ông hãy phá tan, phá vỡ, phá sập, không chơi với thọ... tưởng... hành... Ông hãy phá tan, phá vỡ5 phá sập, không chơi với thức, chú tâm hướng đến đoạn diệt khát ái đôi với thức. Đoạn diệt khát ái, này Rãdha, là Niết-bàn. III. KINH SỢI DÂY TÁI SANH (Bhavanettisuttăỷ (S. III. 190) 162. Nhân duyên ở Sãvatthỉ. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rãdha bạch Thế Tôn: "Đoạn diệt sợi dây tái sanh, đoạn diệt sợi dây tái sanh", bạch Thế Tôn5 được nói đên như vậy. Thê nào là sợi dây tái sanh, bạch Thê Tôn? Thê nào là sự đoạn diệt sợi dây tái sanh? -Này Rãdha, phàm dục gì, tham gì5 hỷ gì, khát ái gi, phàm những chấp thủ

2 Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.122. 0040a04). 3 Tham chiếu: Tạp. ĩt (7.02. 0099.111. 0037c06).

phương tiện9 tâm kiên trú, thiên chập tùy miên gì đôi với săc, như vậy gọi là sợi dây tâi sanh. Sự đoạn diệt chúng là sự đoạn diệt sợi dây tái sanh. Phàm dục gi, tham gì? hỷ gi, khát ái gi, phàm những chấp thủ phương tiện, tâm kiên trú, thiên chập tùy miên gì đôi với thọ... với tưởng... với hành... Phàm dục gi, tham gì, hỷ gi, khát ái gi, phàm những chấp thủ phương tiện, tâm kiên trú, thiên chập tùy miên gì đôi với thức, như vậy gọi là sợi dây tái sanh. Sự đoạn diệt chúng là sự đoạn diệt sợi dây tái sanh. IV. KINH SỞ BIẾN TRI (Parínneyyasuttaỹ (5. III. 191) 163. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rôi Tôn giả Rãdha đi đên The Tôn; sau khi đên5 đảnh lê Thê Tôn rôi ngôi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Rãdha đang ngồi một bên: Này Rãdha, Ta sẽ thuyêt vê các pháp cân phải biên tri, sự biên tri, và người đã được biên tri. Hãy lăng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giá Răđha vang đáp The Ton. The Ton nói như sau: Này Rãdha, thế nào là pháp cần phải biến tri? sắc5 này Rãdha, là pháp cần phải biến tri. Thọ, này Rãdha, là pháp cần phải biến tri. Tưởng, này Rãdha, là pháp cần phải biến tri. Hành, này Rãdha, là pháp cần phải biên tri. Thức, này Rãdha, là pháp cần phải biến tri. Những pháp này, này Rãdha5 là những pháp cần phải biến tri. Và này Rãdha, thế nào là sự biến tri? Này Rãdha, sự đoạn diệt tham, sự đoạn diệt sân, sự đoạn diệt si. Như vậy, này Rãdha, gọi là sự biến tri. Và này Rãdha5 thế nào là người đã đươc biến tri? Bậc A-la-há cần phải trả lời như vậy; bậc Tôn giả với tên như thê này, với dòng họ như thê này. Như vậy? này Rãdha, là người đã được biên tri. V. KINH SA-MÔN (Samanasutta) (S III. 191) 164. Nhân duyên ở Sãvatthi. Thế Tôn nói với Tôn giả Rãdha đang ngồi một bên: Này Rãdha5 có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này Rãdha? những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này? những Sa-môn hay Bà- la-môn ấy không được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn hay không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy không thể ngay trong hiện tại? tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

4 Xem s. II. 17. Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.112. 0017c24).

Nhưng này Rãdha, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật biết rõ vị ngọt? sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này, những Sa-môn hay Bà- la-môn ấy được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn và được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại? tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh và mục đích của Bà-la-môn hạnh. VI. KINH SA-MÔN THỨ HAI (Dutìyasamanasutta) (S III. 192) 165. Nhân duyên ở Sãvatthi. Thế Tôn nói với Tôn giả Rãdha đang ngồi một bên: - Này Rãdha? có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn... (Như kinh trên, chỉ thêm "SỊT tập khởi, sự đoạn diet" vào trước uvị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn")

VII. KINH BẬC Dự LƯU (Sotãpannasutta) (S III. 192) 166. Nhân duyên ở Sãvatthi. Thế Tôn nói với Tôn giả Rãdha đang ngồi một bên: -Này Rãdha, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Này Rãdha, khi nào bậc đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này. Vị này, này Rãdha? được gọi là vị Thánh đệ tử đã chứng Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến Cứu cánh Bồ-đề.

VIII. KINH BẬC A-LA-HÁN (Arahantasutta) (5. III. 193) 167. Nhân duyên ở Sãvatthi. Thế Tôn nói với Tôn giả Rãdha đang ngồi một bên: Này Rãdha, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Này Rdha, khi nào Tỷ-kheo sau khi như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này; vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy, gọi vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu Phạm hạnh, đã làm những việc phải làm5 đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích5 đã đoạn tận hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí. IX. KINH DỤC THAM (Chandarãgasutta) (S III. 193) 168. Nhân duyên ở Sãvatthi. Thế Tôn nói với Tôn giả Rãdha đang ngồi một bên: Này Rãdha, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với sắc,

hãy từ bỏ chúng. Như vậy5 sắc sẽ được đoạn tận? cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la9 làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Này Rãdha? phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào, đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... Này Rãdha, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào? khát ái nào, đối với thức, hãy từ bỏ chúng. Như vậy? thức sẽ được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ? làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. X. KINH DỤC THAM THỨ HAI (Dutiyachandarãgasuttà) (S. III. 194) 169. (Như kinh trên, chỉ thêm vào "phàm có những chấp thủ phương tiện, tâm kiên trú, thiên chấp tùy miên^).

II. PHẨM THỨ HAI (DUTIY4E4GGA)

I. KINH MÃRA (Mãrasutta) (S. III. 195) 170. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rãđha bạch Thế Tôn: 46Mãra, Mãra9\ bạch Thế Tôn? được nói đến như

vậy. Thế nào là Mãra? bạch Thế Tôn? —Sắc, này Rãdha, là Mãra. Thọ là Mãra. Tưởng là Mãra. Hành là Mãra. Thức là Mãra. Do thấy vậy5 này Rãdha, bậc đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc? nhàm chán đối với thọ? nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với hành, nhàm chán đối thức; do nhàm chán? vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoAt." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.,, IL KINH TÁNH CHẤT CỦA MÃRA (Mãradhammasutta) (S. III. 195) 171. (Như kinh trên, chỉ thay thế "Mra" bằng "tánh chất của Mara95). IIL KINH VÔ THƯỜNG (Aniccasutta)(y III. 195) 172. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rãdha bạch Thế Tôn: 66Vô thường, vô thuờng"bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô thường? Sắc, này Rãdha? là vô thường. Thọ là vô thường. Tưởng là vô thường. Hành là vô thường. Thức là vô thường. Do thấy vậy, này Rãdha, bậc đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ? nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với hành, nhàm chán đối thức; do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận9 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm5 không còn trở lại đời này nữa.,, IV KINH VÔ THƯỜNG TÁNH (Aniccadhammasutta) (S III. 195) 173. (Như kinh trên, chỉ thay thế "v6 thường,, bằng "v6 thường tánh,,).

V. KINH KHỔ (Dukkhasụtta) (S. III. 196) 174. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên? Tôn giả Rãdha bạch Thế Tôn: "Khổ, kh8", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là khổ? - Sắc, này Rãdha, là khổ. Thọ là khổ. Tưởng là khổ. Hành là khổ. Thức là khổ. Do thấy vậy? này Rãdha, bậc đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ? nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với hành, nhàm chán đối thức; do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận? Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.,!, VI. KINH KHỔ TÁNH (Dukkhadhammasutta) (S. III. 196) 175. (Như kinh trên, chỉ thay thế "kh6" bằng "khổ lánh"). VII. KINH VÔ NGÃ (Anattasutta) (5. III. 196) 176. (Như kinh trên, chỉ thay thế "kh6" bằng "v6 ngỗT). VIII. KINH VÔ NGÃ TÁNH (Anattadhammasutta) (5. IIL 196) 177. (Như kinh trên, chỉ thay thế "kh6" bằng "v6 ng tánh"). IX. KINH TẬN PHÁP (Khayadhammasutta) (5. III. 197) 178. (Như kinh trên, chỉ thay thế "kh6" bằng aatận phap"). X. KINH DIỆT PHÁP (Vayadhammasutta) (S. III. 197) 179. (Như kinh trên, chỉ thay thế "kh6" bằng "diet pháp"). XI. KINH TẬP KHỞI PHÁP (Samudayadhammasutta) (5. III. 197) 180. (Như kinh trên, chỉ thay thế "kh8" bằng "tap kh&i pháp"). XII. KINH ĐOẠN DIỆT PHÁP (Nừodhadhammasutta) (5. III. 197) 181. (Như kinh trên, chỉ thay thế "kh6'' bằng "đoạn diệt pháp").

IIL PHẨM SƠVẤN (ẴYÃCANAVAGGA)

I-XI. NHÓM 11 KINH BẮT ĐÀU BẢNG KINH MÃRA (Mãrũdisuttaekãdasakdý (S. III. 198) 182. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rãdha bạch Thế Tôn: Lành thay, bạch Thế Ton! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, để con sau khi nghe pháp, có thể sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Cái gì là Mãra? này Rãdha, ở đây, ông cân phải đoạn trừ lòng dục? cân đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham. Và cái gì là Mãra? này Rãdha? sắc, nàỵ Rãdha, là Mãra; ở dây, ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, can đoạn trừ lòng dục và tham. Thọ là Mãra, ở dây, ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham. Tưởng... Hành... Thức là Mãra? ở dây, ông cần đoạn trừ lòng dpc, càn đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham. Cái gì là Mãra? này Rãdha, thời ở đây ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham. 183. Cái gì thuộc về Ma tánh (Mãradhammă), này Rãdha, ở dây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham... 184. Cái gì là vô thường... 185. Cái gì là vô thường tánh... 186. Cái gì là khổ... 187. Cái gì là khổ tánh... 188. Cái gì là vô ngã... 189. Cái gì là vô ngã tánh... 190. Cái gì là đoạn tận... 191. Cái gì là đoạn diệt... 192. Cái gì là tập khởi tánh, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục5 cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham. XIL KINH ĐOẠN DIỆT TÁNH (Nirodhadhammasutta) (S. III. 199) 193. Nhân duyên ở Săvatthi.

5 Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.124. 0040Ồ19).

Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Rãdha bạch Thế Tôn: Lành thay, bạch Thế Ton! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, để con sau khi nghe pháp9 có thể sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Cái gì là đoạn diệt pháp5 này Rãdha, ở dây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục, đoạn trừ lòng tham, đoạn trừ lòng dục và tham. Và cái gì là đoạn diệt pháp, này Rãdha? sắc, này Rãdha, là đoạn diệt J)háp; ở dây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục? cần phải đoạn trừ lòng tham, cân phải đoạn trừ lòng dục và tham. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là đoạn diệt pháp; ở dây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục5 cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham.

IV PHẨM THÂN CẬN (ỤPANISINNAVAGGA)

I-XI. NHÓM 11 KINH BẮT ĐẦU BẢNG KINH MÃRA (Mãrãdisuttaekãdasakă) (5. III. 200) 194. Nhân duyên ở Sãvatthi. Thế Tôn nói với Tôn giả Rãdha đang ngồi một bên: Cái gì là Mãra5 này Rãdha, ở đây5 ông cần phải đoạn trừ lòng dục5 cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham. Và cái gì là Mãra, này Rãdha? sắc, này Rãdha, là Mãra; ở dây, ông cần đoạn trừ lòng dục? cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham. Thọ là Mãra, ở đây9 ông cần đoạn trừ lòng dục, cân đoạn trừ lòng tham, cân đoạn trừ lòng dục và tham. Tưởng... Hành... Thức là Mãra5 ở đây? ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham. Cái gì là Mãra, này Radha, thời ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần

phải đoạn trừ lòng dục và tham. 195. Cái gì thuộc về Ma tánh, này Rãdha, ở đây9 ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham... 196. Cái gì là vô thường (anicca)... 197. Cái gì có vô thường tánh (aniccadhammd)... 198. Cái gì là khổ (dĩMdĭă)... 199. Cái gì có khổ tánh (dukkhadhammaỴ.. 200. Cái gì là vô ngã (ernattã)... 201. Cái gì có vô ngã tánh (anattãdhammci),.. 202. Cái gì chịu sự đoạn tận (khayadhammd),.. 203. Cái gì chịu sự biến diệt (vayadhamma)... 204. Cái gì là tập khởi pháp (samudayadhammd),.. XII. KINH ĐOẠN DIỆT TÁNH (Nừodhadhammasutta) (5. III. 200) 205. Nhân duyên ở Sãvatthi. Thế Tôn nói với Tôn giả Rãdha đang ngồi một bên: Cái gì là đoạn diệt tánh, này Rãdha? ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục5 đoạn trừ lòng tham, đoạn trừ lòng dục và tham. Và cái gì có là đoạn diệt tánh, này Rãdha? sắc, này Rãdha, là đoạn diệt tánh; ở dây, ông càn phải đoạn trừ lòng

dục9 cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là đoạn diệt tánh; ở đây5 ông cần phải đoạn trừ lòng dục? cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham. Cái gì có đoạn diệt tánh, này Rãdha, ở đây ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham.

24. TƯƠNG ƯNG KIẾN (DITTHISAMYUTTA)

I. PHẨM Dự LƯU (SOTẴPĂTTIVAGGA)

I. KINH GIÓ (Vãtasuttà)1 (S. III. 202) 206. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi, tại Jetavana. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo: Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gi, do thiên chấp cái gi, [tà] kiến này khởi lên: "Gi6 không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ" Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản? lấy Thế Tôn làm lãnh đạo5 lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Ton hãy nói cho chúng con ý nghĩa của lời dạy ấy. Sau khi nghe lời dạy của Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. Vậy này các Tỷ-kheo9 hãy nghe và suy nghiệm kỹ? Ta sẽ giảng. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: - Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc9 do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: "Gi6 không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ.” Do có thọ... có tưởng... có hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấRthiỉ thức, do thiên chấp thức5 [tà] kiến này khởi lên: "Gi6 không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ.^, Các ông nghĩ thê nào, này các Tỷ-kheo, săc là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thuờng, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thòi có thể khởi lên [tà] kien: "Gi6 không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

1 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.164. 0045a02).

-Thưa không, bạch Thế Tôn. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo5 thọ... tưởng... hành... Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, thức là thường hay vô thường? -Là vô thường, bạch Thế Tôn. -Cái gì vô thường là khổ hay lạc? - Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thuờng, khổ? chịu ự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiên: "Gi6 không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"? -Thưa không, bạch Thế Tôn. - Cái gì được thấy, được nghe, được cảm nhận [bằng mũi5 lưỡi, thân], được biết, được đạt đến, được tìm cầu, được ý tư duy; cái ấy là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thuờng, khổ5 chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiên: "Gi6 không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo5 đôi với sáu xứ này5 nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ5 nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi5 nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diet, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ. Như vậy, này các Tỷ-kheo gọi là bậc Thánh đệ tử đã chứng được Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ. II. KINH CÁI NÀY LÀ CỦA TÔI (Etammamasutta) (S. III. 203) 207. Nhân duyên ở Sãvatthi. Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gi, do thiên chấp cái gì, [tà] kiên này được khởi lên: "Cái này là của tôi5 cái này là tôi, cái này là tự ngã ciỉa t6i"? Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... Do có săc5 này các Tỷ-kheo? do châp thủ săc9 do thiên châp săc5 [tà] kiên này được khởi lên: "Cái này là của tôi5 cái này là tôi5 cái này là tự ngã của t6i" Do có thọ... tưởng... hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do châp thủ thức, do thiên châp thức, [tà] kiên này được khởi lên: "Cái này là của tôi5 cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.59 Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo9 sắc là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ5 bạch Thế Tôn. Cái gì vô thuờng, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiền này: "Cái này là của tôi5 cái này là tôi5 cái này là tự ngã của tof9? -Thưa không, bạch Thế Tôn. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? -Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thuờng, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiên này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi5 cái này là tự ngã ciỉa t6i"? Thưa không, bạch Thế Tôn. -Cái gì được thây, được nghe, được cảm nhận [băng mũi, lưỡi, than], được biêt5 được đạt đên9 được tìm câu, được ý tư duy; cái ây là thường hay vô thường? -Là vô thường, bạch Thế Tôn. -Cái gì vô thường là khổ hay lạc? - Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thuờng, khô, chịu sự biên hoại, nêu không châp thủ cái ây, thời có thể khởi lên [tà] kiên này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã ciỉa t6i"? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này5 nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ5 nghi hoặc được đoạn trừ;... đối với con đường đưa đên khô đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ. Như vậy? này các

Tỷ-kheo, gọi là bậc Thánh đệ tử đã chứng được Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ. III. KINH CÁI NÀY LÀ Tự NGÃ (Soattãsuttă) (5. III. 204) 208. Nhân duyên ở Sãvatthi. -Do có cái gi, này các Tỷ-kheo? do châp thủ cái gi, do thiên chap cái gì, [tà] kiến này khởi lên: "Cái ấy là tự ngã5 cái ấy là thế giới. Sau khi chết? cái ấy sẽ thường còn5 thường hằng5 thường trú, không chịu sự biến hoại" Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... Do có sắc, nàỵ các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: "'Cái ay là tự ngã, cái ấy là thế giới; Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn? thường hăng, thường trú, không chịu sự biên hoại.,, Do có thọ... tưởng... hành... Do có thức, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này khởi lên:

"Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn? thường hằng? thường trú, không chịu sự biến ho@i" Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường? -Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gi vô thường, khổ? chịu sự biến hoại, nếu không có chấp thủ cái ấy, thời có the khởi lên [tà] kiến này: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới; Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"? -Thưa không, bạch Thế Tôn. —Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? —Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ, bạch Thế Tôn. —Cái gì vô thuờng, khổ9 chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiên này: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn5 thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại" - Thưa không, bạch Thế Tôn. - Cái gì được thấy, được nghe, được cảm nhận [bằng mũi, lưỡi? than], được biêt, được đạt tới, được tìm câu, được ý tư duy, cái ây là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường là khổ hay lạc? -Là khổ5 bạch Thế Tôn. -Cái gi vô thường, khổ5 chịu sự biến hoại, nếu không có chấp thủ cái ấy, thơi có the khởi lên [tà] kiến này: “qái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới; Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn5 thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại" -Thưa không, bạch Thế Tôn. -Khi nào5 này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đối với sáu xứ này5 nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ5 nghi hoặc được đoạn trừ... đối với con đường đưa đên khô đoạn diet, nghi hoặc được đoạn trừ. Như vậy? này các Tỷ-kheo, được gọi là vị Thánh đệ tử chứng được Dự lưu, không còn thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ. IV KINH CÓ THẺ KHÔNG PHẢI CỦA TA (Nocamesiyãsutta) (S. III. 206) 209. Nhân duyên ở Sãvatthi. -Do cái gi, này các Tỷ-kheo5 do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gi, [tà] kiến này khởi lên: “Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta” (Như kinh trên5 chỉ khác phần tà kiến).

V. KINH KHÔNG CÓ BỐ THÍ (Natthidinnasutta)23(5. III. 207) 210. Nhân duyên ở Sãvatthi. Do có cái gì, này các Tỷ-kheo? do chấp thủ cái gì5 do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: uKhông có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự5 không có quả dị thục các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không

có cha, không có các loài hóa sanh. Ở đời, không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh? đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này và đời khác, và truyền dạy lại. Con người này do bốn đại hợp thành, khi mệnh chung, địa đại trở về trả lại cho địa giới; thủy đại trở về trả lại cho thủy giới; hỏa đại trở về trả lại cho hỏa giới; phong đại trở về trả lại cho phong giới; các căn nhập vào hư không. Bốn người gánh quan tài với người nằm trong quan tài là năm? gánh người chết mang đi [đến chỗ hỏa táng]? thốt ra những lời tán tụng, các xương trắng như màu bồ câu và những vật cúng dường trở thành tro bụi. Chỉ có người ngu mới tán dương bố thí. Lời nói của họ trống không, giả dối? khi họ thuyết có sự sống. Kẻ ngu cũng như người hiền, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn diet, tiêu mất, không còn tồn tại sau khi chết"? Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... (Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến).

VI. KINH HÀNH ĐỘNG (Karotosuttdý (5. III. 208) 211. Nhân duyên ở Sãvatthi. Do có cái gì5 này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì5 do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: "Tụ* mình làm hay khiên n^ười làm, chém giết hay khiến người chém giết? đốt nấu hay khiến người đốt nâu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp b6c, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác gì. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đống thịt, thành một chồng thịt, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hăng giet hại, tàn sát, chém giêt, khiên người chém giêt, đôt nấu, khiến người đốt nâu5 cũng khônẹ vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hăng bố thí, khiến người bố thí, tế lễ, khiến người tế lễ, cũng không vì vậy mà có phước báo, mà đưa đến phước báo. Bố thí, điều phục, tự chế, tôn trọng sự thật, không có phước đức, không đưa đến phước dức"? Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... (Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến).

2 Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.154-155. 0043c21-0044a01); Tạp.(T.02. 0099.156. 0044all). 3 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.162. 0044Ồ29).

VII. KINH NHÂN (Hetusuttà)4 (5. III. 209) 212. Nhân duyên ở Sãvatthi. -Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì5 [tà] kiến này khởi lên: "Không có nhân, không có duyên khiến cho các loài hữu tình bị nhiễm ô; bởi vô nhân, vô duyên mà các loài hữu tình bị nhiễm ô. Không có nhân, không có duyên khiên cho các loài hữu tình được thanh tịnh; bởi vô nhân, vô duyên mà các loài hữu tình được thanh tịnh. Không có lực5 không có tinh tấn, không có nhân lực, khôn^ có sự cố găng của người. Tât cả chúng sanh, tất cả hữu tình, tất cả sinh vật, tât cả sinh mạng đêu không tự tại, không lực, không tinh tấn. Họ bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi điều kiện bộ loại của họ? bởi cá tánh của họ. Họ hưởng thọ khô lạc y theo sáu loại thác sanh của hQ“ Đối với chúng con, bạch Thế Tôn5 các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... (Như kinh trên,

chỉ khác phần tà kiến). VIII. KINH ĐẠI TÀ KIẾN (MahãdiỊỊhisutta)5 (5. III. 210) 213. Nhân duyên ở Sãvatthi. Do có cái gì9 này các Tỷ-kheo5 do chấp thủ cái gi, do thiên chấp cái gì, khởi lên [tà] kiến như sau: "C6 bảy thân không bị làm ra? không làm ra? không bị sáng tạo, không sáng tạo9 không sanh sản, thườnẹ tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyến biển, không xâm hại nhau. Chiing không ảnh hưởng đên lạc hay khô với nhau, hoặc cả khô và lạc. Bảy thân ây là gì? Địa thân5 thủy thân, hỏa thân, phong thân, khổ9 lạc và thứ bảy là mạng. Bảy thân này không bị làm ra? không làm ra5 không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, khônẹ xâm hại nhau, chúng không ảnh hưởng đên lạc hay khô với nhau, hoặc cả khô và lạc. Khi một ai dùng lưỡi kiêm sắc bén chém đầu, thời không có ai tước đoạt sanh mạng của ai cả, lưỡi kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi. Có tât cả là một trăm bôn mươi vạn chủng loại thác sanh, lại có thêm sáu ngàn và có thêm sáu trăm nữa. Có năm trăm loại nghiệp và năm nghiệp [theo năm căn]9 lại có ba nghiệp [về thân9 khẩu, ý]9 lại có toàn nghiệp [thân và khẩu], và bán nghiệp [ý]5 có sáu mươi hai đạo, sáu mươi hai trung kiêp, sáu giai câp, tám nhân địa, bôn ngàn chín trăm sanh nghiệp, bôn ngàn chín trăm kẻ du hành, bôn ngàn chín trăm chô ở của loài nãga? hai ngàn căn, ba ngàn cảnh địa ngục, ba mươi sáu trân giói, bảy tưởng thai, bảy vô tưởng thai, bảy tiết thai, bảy loài thiên, bảy loài người, bảy loài quỷ5 bảy hồ nước, bảy núi hay hồ nhỏ (pavutã), bảy vực thẳm (papãta), bảy trăm vực thẳm, bảy mộng5 bảy trăm mộng, có tám trăm bôn mươi vạn đại kiêp? trong thời gian ấy, kẻ ngu và người hiền sau khi lun chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau. Không có lời nguyện: “Vói giới hạnh này, với kỷ luật này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ làm cho chín muôi những nghiệp chưa được thuần thục, hoặc

4XemZ). I. 58. Tham chiếu: Tạp.(r.O2. 0099.157-160. 0044a22-bll). 5 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.161. 0044b 16); Tạp.(T.Q2. 0099.163. 0044c 12).

trừ diệt những nghiệp đã thuần thục bởi những nhẫn thọ liên tục”, không thể có điều đó. Khổ và lạc được đo lường với những vật đo lường, bị giới hạn trong vòng luân hồi không có giảm tăng5 không có thặng dư5 thiếu thốn. Ví như một cuộn chỉ tròn như trái banh được tung ra sẽ được kéo dài đến một mức độ nào đó. Cũng như vậy5 kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ đoạn tận khổ đau?5 Đối với chúng con, bạch Thế Tôn? các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... (Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến). IX. KINH THƯỜNG KIẾN (SassatadiỊỊhisuíta) (S. IIL 213) 214. (Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến. Ở đây “tà kiến" được thay bằng “thế giới là thường còn^,). X. KINH VÔ THƯỜNG KIẾN (AsassataditỊhisutía) (S. III. 214) 215. (Như kinh trên5 chỉ khác "tà kiến” được thay bằng "thế giới là vô thường^,). XI. KINH HỮU BIÊN (Antavãsutta) (S. III. 214) 216. (Như kinh trên, chỉ khác "tà kiến,, được thay bằng “thế giới là hữu biên,,). XII. KINH VÔ BIÊN (Anantavãsutta) (5. III. 215) 217. (Như kinh trên, chỉ khác "tà kiến,, được thay bằng “thế giới là vô biên,,). XIII. KINH MẠNG VỚI THÂN LÀ MỘT (Tamjivamtamsariramsutta) (S. III. 215) 218. (Như kinh trên, chỉ khác "tà kiến" được

thay bằng "mạng với thân là một,5). XIV. KINH MẠNG VỚI THÂN LÀ KHÁC (Annamjivamannamsariramsutta) (5. III. 215) 219. (Như kinh trên, chỉ khác "tà kiến" dugc thay bằng "mạng với thân là khác")

XV. KINH NHƯ LAI CÓ TỒN TẠI (Hotitathãgatosutta) (5. III. 215) 220. (Như kinh trên, chỉ khác "tà kiến^, được thay bằng "Nhu Lai có tồn t@i"). XVI. KINH NHƯ LAI KHÔNG CÓ TỒN TẠI (Nahotitathãgatosuttă) (S. III. 215) 221. (Như kinh trên5 chỉ khác "tà kiến" được thay bằng "Nhu Lai không có tồn tại"). XVII. KINH NHƯ LAI CÓ TỒN TẠI VÀ KHÔNG CÓ TỒN TẠI (Hoticanacahotìtathãgatosutta) (5. III. 215) 222. (Như kinh trên, chỉ khác "tà kiến" được thay bằng "Nhu Lai có tồn tại và không có tồn tại").

672 e KINH TƯƠNG ƯNG Bộ III. THIÊN UẨN

XVIII. KINH NHƯ LAI KHÔNG TỒN TẠI VÀ KHÔNG KHÔNG TỒN TẠI (Nevahotìnanahotitathãgatosuttã) (S. IIL 216) 223. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo? do có cái gdo chấp thủ cái gi, do thiên chấp cái gi, [tà] kiến này khởi lên: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết" Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lốn: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".. thọ... tưởng... hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chap thức, khởi lên [tà] kiến này: "Nhu Lai không tôn tại và không không tôn tại sau khi chết?5 Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường? -Vô thường, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ5 chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến như sau: "Nhu Lai không tồn tại và không không tòn tại sau khi chết"? Thưa không, bạch Thế Tôn. Thọ... Tưởng... Hành... Thức... Cái được thấy, được nghe, được cảm nhận [bằng mũi, lưỡi và thân], được biết, được đạt tới, được tìm cầu9 được ý suy tư; cái ấy là thường hay vô thường? -Vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ5 bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thườnậ, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến như sau: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết59? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo? đối với các xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ5 nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diet, nghi hoặc được đoạn trừ; vị Thánh đệ tử như vậy được gọi là đã chứng được bậc Dự Lưu, không bị thối đọa? chắc quyết hướng đến giác ngộ.

24. TƯƠNG ƯNG KIẾN 673

II. PHẨM TRÙNG THUYẾT THỨ HAI ỤữUTIÏAGAMANAVAGGA)

I. KINH GIÓ (Vãtasutta) (S III. 217) 224. Nhân duyên ở Sãvatthi. Do có cái gì, này các Tỷ-kheo? do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gi, [tà] kiến này khởi lên: "Gi6 không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột tru99? Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc5 [tà] kiến này khởi lên: "Gi6 không thổi... Tất cả đều đứng vững như

cột trụ." Do có thọ... có tưởng... có hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này khởi lên: "Gi6 không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ.” Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? - Là khổ? bạch Thế Tôn. Cái gì vô thuờng, khổ5 chịu sự biến hoại5 nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kien: "Gi6 không thổi... Tất cả đều đứng vững như C0t trụ”? Thưa không, bạch Thế Tôn. - Như vậy, này các Tỷ-kheo, do có khổ, do chấp thủ khổ5 do thiên chấp khổ, [tà] kiến này khởi lên: "Gi6 không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ." Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ? bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khô, chịu sự biên hoại, nêu không châp thủ cái ây9 thời có thể khởi lên [tà] kiên: "Gi6 không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Như vậy? này các Tỷ-kheo9 do có khổ, do chấp thủ khổ, do thiên chấp khổ5 [tà] kiến này khởi lên: "Gi6 không thổi; sông không chảy; đàn bà mang

thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ." II-XVIL 225-240. (Tương tự đối với kinh II-XVII trong Chương III, Tương ưng kiến, phẩm I). XVIIL KINH PHI HỮU PHI VÔ (Nevahotinanahotisutta) (5. III. 218) 241. Nhân duyên ở Sãvatthi. Do có cái gì? này các Tỷ-kheo5 do châp thủ cái gì9 do thiên châp cái gì, Ịtà] kiến này khởi lên: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết” Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... Do có sắc, này các Tỷ-kheo5 do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.” Do có thọ... có tưởng... có hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên châp thức, [tà] kiên này khởi lên: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chet.^ Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo5 sắc là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. ... chịu sự biên hoại, nêu không châp thủ cái ây, thời có thê khởi lên [tà] kiến: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết” Thưa không, bạch Thế Tôn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do có khổ, do chấp thủ khổ5 do thiên chấp khổ? [tà] kiến này khởi lên: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?5 Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? —Là vô thường, bạch Thế Tôn. ... chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết” Thưa không, bạch Thế Tôn. - Như vậy9 này các Tỷ-kheo, do có khổ5 do chấp thủ khổ, do thiên chấp khổ, [tà] kiến này khởi lên: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chêt?9 XIX. KINH Tự NGÃ CÓ SẮC (Rũpĩattãsuttă) (5. III. 218) 242. (Như kinh trên9 chỉ khác phần tà kiến được thay bằng “Tụ* ngã có sắc, sau khi chết, không bệnh,9). XX. KINH Tự NGÃ KHÔNG CÓ SẮC (Arũpĩattãsuttd) (S III. 219) 243. (Như kinh trên9 được thay thế bằng “Tịt ngã không có sắc, sau khi chết, không benh'').

XXI. KINH Tự NGÃ CÓ SẮC VÀ KHÔNG SẮC (Rũpĩcaarũpĩcaattãsutta) (S III. 219) 244. (Như kinh trên5 được thay thế bằng "Tự ngã có sắc và không sắc, sau khi chết, không benh?,). XXII. KINH Tự NGÃ KHÔNG CÓ SẮC VÀ KHÔNG KHÔNG CÓ SẮC (Nevarũpĩnãrũpĩattãsutta) (S. III. 219) 245. (Như kinh trên, được thay thế bằng “Tụ* ngã không có sắc và không không có sắc? sau khi chết, không benh”) XXIII. KINH THUẦN LẠC (Ẹkantasukhĩsuttd) (5. III. 219) 246. (Như kinh trên, được thay thế bằng “Tự ngã thuần lạc, sau khi chết? không benh,9). XXIV. KINH THUẦN KHỔ (Ẹkantadukkhĩsuttà) (5. III. 220) 247. (Như kinh trên9 được thay thế bàng “Tự ngã thuần khổ, sau khi chết, không benh”) XXV. KINH THUẦN LẠC VÀ THUẦN KHỔ (Sukhadukkhĩsuttă) (S lil. 220) 248. (Như kinh trên? được thay thế bằng “Tụ* ngã thuần lạc và thuần khổ5 sau khi chết, không benh”) XXVI. KINH CHẢNG PHẢI KHỔ CHẢNG PHẢI LẠC (Adukkhamasukhĩsuttà) (5. III. 220) 249. (Như kinh trên5 được thay thế bằng "Tụ* ngã chẳng phải khổ chẳng phải lạc, sau khi chết, không bệnh^,).

III. PHẨM TRÙNG THUYẾT THỨBA (TATIIAGAMANAVAGGA)

I. KINH KHÔNG PHẢI GIÓ (Navãtasuttà) (S. III. 221) 250. Nhân duyên ở Sãvatthi. Do có cái gi, này các Tỷ-kheo? do chấp thủ cái gì? do thiên chấp cái gi, [tà] kiến này khởi lên: "Gi6 không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ"? Đối với chúng con, bạch Thế Tôn? các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... Do có sắc, này các Tỷ-kheo? do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: "Gi6 không thổi.. Tất cả đều đứng vững như cột trụ.^^ Do có thọ... có tưởng... có hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo? do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này khởi lên: "Gi6 không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ." Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thuờng, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kien: "Gi6 không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, cái gì vô thường thời cái ấy là khổ. Do có cái ấy, do chấp thủ cái ấy, mà [tà] kiến này khởi lên: "Gi6 không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ.,^ Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thế Tôn. ... chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến: "Gi6 không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ" - Thưa không, bạch Thế Tôn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì vô thường thời cái ấy là khổ. Do có cái ấy, do chấp thủ cái ấy, mà [tà] kiến này khởi lên: "Gi6 không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ."

24. TƯƠNG ƯNG KIẾN 677

II-XXV (5. III. 223)
251-274. (Như phẩm II ở trên).
XXVI. KINH PHI LẠC PHI KHỔ (Adukkhamasukhĩsuttd) (5. III. 223)

275. (Như phẩm II ở trên).

IV PHẨM TRÙNG THUYẾT THỨ Tư (CATUTTHAGAMANAE4GGA)

I. KINH KHÔNG PHẢI GIÓ (Navãtasutta) (5. III. 223) 276. Nhân duyên ở Sãvatthi. Do có cái gì9 này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì5 do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: "Gi6 không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ,9? -Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... Do có sắc, này các Ty.kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: "Gi6 không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ." Do có thọ... có tưởng... có hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này khởi lên: "Gi6 không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ.,, Các ông nghĩ thê nào, này các Tỷ-kheo5 săc là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ5 bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ? chịu sự biến hoại, thời có nên coi cái ấy là: "Đây là của tôi5 đây là tôi5 đây là tự ngã của t6i" không? Thưa không, bạch Thế Tôn. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường là khổ hay lạc? - Là khổ5 bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ9 chịu sự biến hoại, thời có nên coi cái ấy là: “Bây là của tôi9 đây là tôi5 đây là tự ngã của t6i” không? -Thưa không, bạch Thế Tôn. Như vậy? này các Tỷ-kheo5 bất kỳ sắc nào thuộc quá khứ, tương lai, hiện tại; hoặc trong hay ngoài; hoặc thô hay tế; hoặc hạ liệt hay thù thắng; hoặc xa hay gân, thời tât cả các săc ây phải được thây biêt như thật với chánh trí răng: “Bây không là của tôi5 đây không là tồi, đây không là tự ngã của tôi?5 Bất kỳ thọ... tưởng... hành... thức nào thuộc quá khứ, tương lai, hiện tại; hoặc trong

hay ngoài; hoặc thô hay tế; hoăc ha liệt hay thù thắng; hoặc xa hay gần, thời tất cả các thức ấy phải được thấy biết như thật với chánh trí ràng: "Bây không là của tôi, đây không là tôi, đây không là tự ngã của tôi." Thấy vậy... vị ấy biết rõ:"...sau đời hiện tại không còn đời sống nào khác nữa (Như phẩm III ở trên).

II-XXV (S III. 224) 277-300. (Như phẩm II ở trên). XXVI. KINH PHI LẠC PHI KHỔ (Adukkhamasukhĩsutta) (5. III. 224) 301. Nhân duyên ở Sãvatthi. Do có cái gi, này các Tỷ^kheo, do chấp thủ cái gì9 do thiên chấp cái gì5 [tà] kiến này khởi lên: "Tự ngã chẳng phải khổ chẳng phải lạc, không bệnh sau khi chết? , Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... —Do có săc9 này các Tỷ-kheo, do châp thủ săc? do thiên châp săc9 [tà] kiên này khởi lên: "Tự ngã chẳng phải khổ chẳng phải lạc, không bệnh sau khihết." Do có thọ... có tưởng... có hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này khởi lên: "Tịt ngã chẳng phải khổ chẳng phải lạc, không bệnh sau khi chết.” Các ông nghĩ thế nào5 này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? - Là khổ5 bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có nên coi cái ấy là: "Bây là của tôi, đây là tôi, đây là tự ngã của t6i" không? - Thưa không, bạch

Thế Tôn. -Thọ... tưởng... hành... thức là thường hay vô thường? -Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ9 bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khô5 chịu sự biên hoại, thời có nên coi cái ây là: "Bây là của tôi5 đây là tôi, đây là tự ngã của t6i" không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, bất kỳ sắc nào thuộc quá khứ, tương lai, hiện tại; hoặc trong hay ngoài; hoặc thô hay tế; hoặc hạ liệt hay thù thắng; hoặc xa hay gần, thời tất cả các sắc ấy phải được thấy biết như thật với chánh trí rằng: “Dây không là của tôi5 đây không là tôi5 đây không là tự ngã của tôi.99 Bất kỳ thọ... tưởng... hành... thức nào thuộc quá khứ, tương lai, hiện tại; hoặc trong hay ngoài; hoặc thô hay tế; hoặc hạ liệt hay thù thắng; hoặc xa hay gần, thời tất cả các thức ấy phải được thấy biết như thật với chánh trí rằng: "Dây không là của tôi5 đây không là tôi, đây không là tự ngã của t6i."

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc đa yăn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ5 nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với hành, nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán nên vị ấy ly tham; do ly tham nên vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận? Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, sau đời hiện tại không còn đời sống nào khác nữa."

25. TƯƠNG ƯNG NHẬP (OKKANTASAMYUTTA)

I. KINH MẮT (Cakkhusuttà) (5. III. 225) 302. Nhân duyên tại Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, mắt là vô thường, biến hoại, đổi khác. Tai là vô thường, biến hoại, đổi khác. Mũi là vô thường, biến hoại, đổi khác. Lưỡi là vô thường, biến hoại, đổi khác. Thân là vô thường, biến hoại, đổi khác. Ý là vô thường, biến hoại, đổi khác. Này các Tỷ-kheo, ai có lòng tin, có tín giải đối với những pháp này; vị ấy được gọi là Tùy tín hành, đã nhập Chánh tánh, đã nhập Chân nhân địa, đã vượt Phàm phu địa. Vị ấy không có thế làm những hành động gi, do làm hành động ấy phải sanh vào địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ; một vị không có thể mệnh chung mà không chứng quả Dự lưu. Với ai, này các Tỷ-kheo? kham nhân một ít Thiên quán, như vậy với trí tuệ và những pháp này; vị ấy được gọi là Tùy pháp hành, đã nhập Chánh tánh, đã nhập Chân nhân địa, đã vượt Phàm phu địa. Vị ẩy không có the làm những hành động gì? do làm hành động ây, phải sanh vào địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ; một vị không có thể mệnh chung mà không chứng quả Dự 11XU. Với ai5 này các Tỷ-kheo? đối với những pháp này, biết rõ như vậy, thấy như vậy, vị ấy được gọi là đã chứng quả Dự lưu, không còn bị thối đọa5 quyết chắc hướng đến giác ngộ. II. KINH SẮC (Rũpasutta) (5. III. 225) 303. (Như kinh trên, chỉ thay thế "sắc, thanh, hương, vị? xúc? pháp99 bằng unhãn9 nhĩ, tỷ, thiệt, thân, y”). III. KINH THỨC (Vinnanasutta) (5. III. 226) 304. (Như kinh trên, chỉ thay thế "sắc, thanh, hương, vị5 xúc, pháp" bằng 6Cnhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức”). IV. KINH XÚC (Samphassasutta) (S III. 226) 305. (Như kinh trên, chỉ thay thế "sắc, thanh, hương, vị, xúc? pháp" bằng unhãn xúc? nhĩ xúc? tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc"). V. KINH THỌ (Samphassạiũsuttà) (S III. 226) 306. (Như kinh trên, chỉ thay thế "sc, thanh, hương, vị, xúc? pháp” bằng

“thẹ)do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh,,). VL KINH SẮC TƯỞNG (Rũpasannãsutta)1 (S III. 227) 307. (Như kinh trên, chỉ thay thế "sắc, thanh, hương, vị, xúc5 ph"bằng “Sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng"). VII. KINH SẮC TƯ (Rũpasancetanãsutta)23(5. III. 227) 308. (Như kinh trên, chỉ thay thế "sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp" bằng "sắc tư9 thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư”) VIII. KINH SẮC ÁI (Rũpatanhãsuttă Ý (5. III. 227) 309. (Như kinh trên5 chỉ thay thê "săc, thanh, hương, vị5 xúc, pháp,9 băng "sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái5 xúc ái, pháp ái”) IX. KINH ĐỊA GIỚI ịPathavỉdhãtusutta)4 (5. III. 227) 310. (Như kinh trên, chỉ thay thê usăc5 thanh, hương, vị, xúc? pháp” băng "địa giói, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giói"). X. KINH UẨN (Khandhasutta) (S. IIL 227) 9 311. (Như kinh trên? chỉ thế "sắc, thanh, hương, vj, xúc, pháp” bằng "sắc 9 7 7 7

uân, thọ uân, tưởng uân, hành uân, thức uân")

1 Bản tiếng Anh của PTS: Perception, nghĩa là Tưởng. 2 Bản tiếng Anh của PTS: Volition, nghĩa là Tư. 3 Bản tiếng Anh của PTS: Craving, nghĩa là Ái. 4 Bản tiếng Anh của PTS: Element, nghĩa là Giới.

26. TƯỢNG ƯNG SANH (UPPẪDASAMYUTTA)

I. KINH MẮT (Cakkhusutta)Ỵ (5. III. 228) 312. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, sự sanh, sự trú, sự thành, sự xuất hiện của mắt là sự sanh của khổ9 sự trú của bệnh hoạn, sự xuất hiện của già chết. Sự sanh, sự trú, sự thành, sự xuất hiện của tai... của mũi... của lưỡi... của thân... của ý là sự sanh của khổ, sự trú của bệnh hoạn5 sự xuất hiện của già chết. Sự diệt, sự lăng dịu, sự châm dứt của săc là sự diệt của khô, sự lăng dịu của bệnh hoạn, sự chấm dứt của già chết. Sự diệt, sự lăng dịu5 sự châm dứt của tai... của mũi... của lưỡi... của thân... của ý là sự diệt của khô, sự lăng dịu của bệnh hoạn, sự châm dứt của già chết.

II. KINH SẮC (Rũpasutta) (5. III. 229) 313. (Như kinh trên, chỉ thay thê băng usăc5 thanh, hương, vị5 xúc5 pháp"). III. KINH THỨC (Vinnãnasutta) (5. III. 229) 314. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức"). IV KINH XÚC (Samphassasuttd) (5. III. 229) 315. (Như kinh trên, chỉ thế bằng unhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc? thiệt xúc, thân xúc5 ý xúc"). V. KINH THỌ (Samphassajasuttd) (5. III. 230) 316. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh”). VI. KINH TƯỞNG (Saíinãsutta) (5. III. 230) 317. (Như kinh trên, chỉ thay thê băng "sc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng”).

1 Tham chiếu: Tạp,(7.02. 0099.315. 0090c25); Tạp.(T.02. 0099.899. 0225b27).

VIL KINH Tư (Saãcetanãsutta) (S IIL 230) 318. (Như kinh trên, chỉ thay thê băng 66săc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư") VIII. KINH ÁI (Tanhãsutta) (5. III. 230) 319. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "sắc ái? thanh ái5 hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái") IX. KINH GIỚI (Dhãtusutta) (S III. 231) 320. (Như kinh trên5 chỉ thay thế bằng "địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức gi&i"). X. KINH UẨN (Khandhasutta) (S. III. 231) 321. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "sắc, thọ9 tưởng, hành5 thức uẩïi").

27. TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO (KILESASAMYUTTA)

I. KINH MẮT tCakkhusutta) (S. III. 232) 322. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo9 dục tham đối với mắt là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với tai là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với mũi là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với lưỡi là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với thân là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với ý là tùy phiền não của tâm. Này các Tỷ-kheo? khi nào vị Tỷ-kheo đối với sáu xứ này, đoạn tận được tùy phiền não, thời tâm vị ấy hướng về ly dục. Do biến mãn với ly dục, tâm vị ấy được xem là kham nhẫn, chứng tri đối với các pháp cần phải giác ngộ.

II. KINH SẮC (Rũpasutta) (5. III. 232) 323. (Như kinh trên5 chỉ thay thê băng usăc? thanh, hương, vị, xúc, phsp") IIL KINH THỨC (Vinnanasuttd) (5. III. 232) 324. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng unhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức"). IV. KINH XÚC (Samphassasutta) (5. III. 233) 325. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng unhãn xúc? nhĩ xúc, tỷ xúc? thiệt xúc, thân xúc, ý xúc"). V. KINH THỌ (Samphassạiữsutta)(y III. 233) 326. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thq do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh^,). VI. KINH TƯỞNG (Sannãsuttd) (S. III. 233) 327. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng usắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng"). VII. KINH TƯ ỤSancetanãsuttd) (5. IIL 233) 328. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "sắc tư, thanh tư, hương tư5 vị tư, xúc tư, pháp tư").

VIII. KINH ÁI (Taụhãsut 234) 329. (Như kinh trên5 ch ằng "sắc ái, thanh ái, hương ấi, vị ái? xúc ái, pháp ái"). IX. KINH GIỚI (Dhãtus I. 234) 330. (Như kinh trên, ch ằng íèđịa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới5 không giới, thức gi&i" X. KINH UẨN (Khandha L 234) 331. Nhân duyên ở Sãv Này các Tỷ-kheo, dục ới sắc uẩn là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với thọ uẩn là tùy của tâm. Dục tham đối với tưởng uẩn là tùy phiền não của tâm. Dụ với hành uẩn là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với thức uẩn n não của tâm. Này các Tỷ-kheo5 khi heo đối với năm xứ này, đoạn tận được tùy phiền não, thời tâm vị ấ ề ly dục. Do biến mãn với ly dục5 tâm vị ấy được xem là kham nhẫn, đối với các pháp cần phải giác ngộ.

28. TƯƠNG ƯNG SÃRIPUTTA (SẴRIPUTTASAMYUTTÀ)

I. KINH DO VIỄN LY SANH(yỉvekajasuttẩ)x (5. III. 235) 332. Một thời, Tôn giả Sãriputta trú ở Sãvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm)5 vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Rồi Tôn giả Sãriputta, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát9 đi vào Sãvatthi để khất

thực. Đi khất thực xong, sau bữa ăn5 trên con đường trở về? Tôn giả đi đến Andhavana để nghỉ trưa. Sau khi đi vào Andhavana, Tôn giả đến ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây. Rồi Tôn giả Sãriputta, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Jetavana, vườn ông Anâthapindika. Tôn giả Ãnanda thấy Tôn giả Sãriputta từ xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Sãriputta: -Hiền giả Sãriputta, các căn của Hiền giả lắng dịu5 sắc mặt được thanh tịnh, trong sáng. Hôm nay, Hiền giả an trú với sự an trú nào? Ở dây, này Hiền giả, ly dục, ly pháp bất thiện, tôi chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này Hiền giả, tôi không khởi len ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Thiền thứ nhaf^ hay: "Tôi đã chứng nhập Thiền thứ nhất", hay: "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ nhất.^, Như vậy? chăc chăn Hiên giả trong một thời gian dài đã khéo nhô tận gôc các tùy miên ngã kiến, ngã sở kiến5 ngã mạn. Do vậy, Tôn giả Sãriputta không khởi lên ý nghĩ: "T6i đang chứng nhập Thiền thứ nhất', hay: "T6i đã chứng nhập Thiến thứ nhất", hay: "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ nhất."

II. KINH KHÔNG TÀM (Avitakkasutta) (5. III. 235) 333. Nhân duyên ở Sãvatthi. Tôn giả Ãnanda thấy Tôn giả Sãriputta từ xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Sãriputta: —Hiên giả Sãriputta, các căn của Hiên giả lăng dịu5 săc mặt được thanh tịnh, trong sáng. Hôm nay, Hiền giả an trú với sự an trú nào? Ở đây5 này Hiền giả5 làm cho lắng dịu tầm và tứ, tôi đã chứng đạt và an trú 1 Bản tiếng Anh của PTS: Solitude, nghĩa là Viễn ly. Bản Hán: Ly (#.15. 0006.28.1. 0354a05).

Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tôi không có khởi lên ý nghĩ: "T6i đang chứng nhập Thiền thứ hai", hay: "T6i đã chứng nhập Thiền thứ hai", hay: "T6i đã ra khỏi Thiền thứ hai." Như vậy, chắc chắn Hiền giả trong một thời gian dài, đã khéo nhổ tận gốc các tùy miên ngã kiến5 ngã sở kiến, ngã mạn. Do vậy, Tôn giả Sãriputta không khởi lên ý nghĩ: "T6i đang chứng nhập Thiến thứ hai", hay: "T6i đã chứng nhập Thiền thứ hai", hay: "T6i đã ra khỏi Thiền thứ hai." III. KINH HỶ (Pĩtisuttd) (5. III. 236) 334. Nhân duyên ở Sãvatthi. Tôn giả Ãnanda thấy Tôn giả Sãriputta từ xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Sãriputta: Hiền giả Săriputta, các căn của Hiền giả lắng dịu, sắc mặt được thanh tịnh, trong sáng. Hôm nay, Hiên giả an trú với sự an trú nào? Ở đây, này Hiền giả5 ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là: "Xả niệm lạc trú", t6i chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Này Hiền giả, tôi không khởi lên ý nghĩ: "T6i đang chứng nhập Thiền thứ ba", hay: "T6i đã chứng nhập Thiền thứ ba", hay: "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ ba." Như vậy, chắc chắn Hiền giả trong một thời gian... hay: "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ ba." IV. KINH XẢ (Upekkhãsutta) (5. III. 237) 335. Nhân duyên ở Sãvatthi. Tôn giả Ananda thây Tôn giả Sãriputta từ xa đi đên... với sự an trú nào? Ở dây, này Hiền gi,xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, tôi chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này Hiền giả? tôi không khởi lên ý nghĩ: "T6i đang chứng nhập Thiền thứ tư", hay: "Tôi đã chứng nhập Thiền thứ tư", hay: "T6i đã ra khỏi Thiền thứ tư." Như vậy, chắc chắn Hiền giả... hay: "T6i đã ra khỏi Thiền thứ tư." V. KINH KHÔNG VÔ BIÊN xứ (Ẫkãsãnancãyatanasuttà) (S. III. 237) 336. Nhân duyên ở

Sãvatthi. Tôn giả Ãnanda thấy... với sự an trú nào? Ở đây, này Hiền giả, vượt lên hoàn toàn sắc tưởng, đoạn diệt hữu đối tưởng, không tác ý các dị tưởng, với ý nghĩ: "Hu không là vô biên,\ tôi chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Này Hiền giả, tôi không khởi lên ý nghĩ... hay: “T6i đã ra khỏi Không vô biên xứ." Như vậy, chắc chắn Hiền giả... "Tôi đã ra khỏi Không vô biên xứ.” VI. KINH THỨC VÔ BIÊN xứ (Vỉnnãnancãyatanasutta) (S III. 237) 337. Nhân duyên ở Sãvatthi. Tôn giả Ảnanda thấy... với sự an trú nào?

Ở đây, này Hiền giả, vượt qua hoàn toàn Không vô biên xứ, với ý nghĩ: “Thức là vô biên5\ tôi chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ... hay: "Tôi đã ra khỏi Thức vô biên xứ.”

VII. KINH VÔ SỞ HỮU XỨ (Ẫkincaíinãyatanasutta) (S III. 237) 338. Nhân duyên ở Sãvatthi. Tôn giả Ãnanda thấy... với sự an trú nào? Ở dây, này Hiền giả5 vượt qua hoàn toàn Thức vô biên xứ5 với ý nghĩ: "Không có vật gi”, tôi chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ... hay: "Tôi đã ra khỏi Vô sở hữu xứ.99

VIII. KINH PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG xứ (Nevasannữnãsannãyatanasutta) (S III. 237) 339. Nhân duyên ở Sãvatthi. Tôn giả Ãnanda thấy... với sự an trú nào? Ở đây, này Hiền gi,vượt qua hoàn toàn Vô sở hữu xứ, tôi chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ... hay: “T6i đã ra khỏi Phi tưởng phi phi tưởng xứ."

IX. KINH DIỆT TẬN ĐỊNH (Nirodhasamãpattìsutta)2 (5. III. 238) 340. Nhân duyên ở Sãvatthi. Tôn giả Ãnanda thấy... với sự an trú nào? Ở dây, này Hiền giả? vượt qua hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tôi chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định. Nhưng này Hiên giả, tôi không khởi lên ý nghĩ: "T6i đang chứng nhập Diệt thọ tưởng định9\ hay: "T6i đã chứng nhập Diệt thọ tưởng định9\ hay: "T6i đã ra khỏi Diệt thọ tưởng djnh.” Như vậy? chắc chắn Hiền giả trong một thời gian dài đã khéo nhổ tận gốc các tùy miên ngã kiến5 ngã sở kiến, ngã mạn. Do vậy, Tôn giả Sãriputta không khởi lên ý nghĩ: "T6i đang chứng nhập Diệt thọ tưởng djnh”hay: "T6i đã chứng nhập Diệt thọ tưởng djnh”, hay: "T6i đã ra khỏi Diệt thọ tưởng định." X. KINH SŨCIMUKHĨ (Sữcimukhĩsutta) (S IIL 238) 341. Một thời, Tôn giả Sãriputta trú ở Rajagaha (Vương Xá)? VeỊuvana (Trúc Lâm)? tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rôi Tôn giả Sãriputta, vào buôi sáng, đăp y, câm y bát, đi vào Rajagaha đê khât thực. Sau khi đi khất thực từng nhà một ở Rặjagaha5 Tôn giả ngồi dựa vào một bức tường, dùng đồ ăn khất thực.

2 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.499. 0131a25).

Rồi một nữ du sĩ ngoại đạo Sũcimukhĩ (Tịnh Diện) đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến, nói với Tôn giả Sãriputta: Này Sa-môn5 có phải ông ăn5 cúi mặt xuống? Này chị, tôi ăn9 không cúi mặt xuông. Vậy Sa-môn, ông ăn, ngưỡng mặt lên? Này chj, tôi ăn, không ngưỡng mặt lên. -Vậy này Sa-môn9 ông ăn5 hướng mặt về bốn phương chính? Này chị5 tôi ăn? không có hướng mặt về bốn phương chính. -Vậy này Sa-môn, ông ăn? hướng mặt về bốn phương phụ? Này chị, tôi ăn? không có hướng mặt về bốn

phương phụ. Được hỏi: "Này Sa-môn, có phải ông ăn5 cúi mặt xu6ng?”ông trả lời: uNày chị, tôi ăn, không cúi mặt xuong?5 Được hỏi: "Vậy này Sa-môn, ông ăn9 ngưỡng mặt len?9\ ông đáp: "Này chị, tôi ăn, không ngưỡng mặt 16n.” Được hỏi: "Vậy này Sa-môn, ông ăn5 hướng mặt về bốn phương chính?”ông đáp: "Này chị, tôi ăn, không hướng mặt về bốn phương chính.” Được hỏi: "Vậy Sa-môn5 ông ãn? hướng mặt vê bốn phương phụ?,\ ông đáp: “Này chị, tôi ăn5 không hướng mặt về bốn phương phu." Vậy này Sa-môn5 ông ăn5 hành động như thế nào? Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này chị, nuôi sống bằng những tà mạng như địa lý (yatthuvijja) và súc sanh minh (nghề hèn hạ); này chị, các vị ấy được gọi là các Sa-môn, Bà-la-môn ăn cúi mặt xuống. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này chị, nuôi sông băng những tà mạng như thiên văn (nakkhattavijja) và súc sanh minh (nghề hèn hạ), này chị9 các vị ấy được gọi là các Sa-môn, Bà-la-môn ăn ngưỡng mặt lên. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này chị, nuôi sống bằng những tà mạng như đưa tin tức, làm trung gian môi gi&i, này chị5 các vị ấy được gọi là các Sa-môn5 Bà-la-môn ăn hướng mặt vê bôn phương chính. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này chị5 nuôi sông băng những tà mạng như bói toán và các nghề hèn hạ, này chị9 các vị ấy được gọi là các Sa-môn9 Bà-la-môn ăn hướng mặt về bốn phương phụ. Còn ta, này chị5 ta kh6ng nuôi sông băng những tà mạng như địa lý và các nghề hèn hạ; ta không nuôi sông băng những tà mạng như thiên văn và các nghề hèn hạ; ta không nuôi sống bằng những tà mạng như đưa tin tức5 làm trung gian môi giới; ta cũng không nuôi sông băng những tà mạng như bói toán và các nghề hèn hạ. Ta tìm cầu món ăn một cách hợp pháp. Sau khi tìm món ăn một cách hợp pháp, ta dùng các món ăn ấy. Rôi nữ du sĩ ngoại đạo Sũcimukhĩ đi từ đường này qua đường khác, từ ngã tư này qua ngã tư khác ở thành Vương Xá9 và tuyên bô: "Sa-môn Thích tử dùng các món ăn một cách hợp pháp. Sa-môn Thích tử dùng các món ăn một cách không có lỗi lầm. Hãy cúng dường các món ăn cho Sa-môn Thích tử."

29. TƯƠNG ƯNG LOÀI RỒNG (NÂGASAMYUTTA)

I. KINH CHỦNG LOẠI (Suddhỉkasuttd)Ỵ (S. III. 240) 342. Nhân duyên ở Sãvatthi. -Này các Tỷ-kheo5 có bốn loại nãga (rồng, rắn) về sanh chủng. Thế nào là bốn? Loại nãga từ trứng sanh, loại nãga từ thai sanh, loại nãga từ âm ướt sanh, loại nãga hóa sanh. Này các Tỷ-kheo? đây là bôn loại nãga theo sanh chủng* II. KINH DIỆU THẮNG (Panĩtatarasutta) (5. III. 240) 343. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo5 có bốn loại nãga về sanh chủng. Thế nào là bốn? Loại nãga từ trứng sanh, loại nãga từ thai sanh, loại nãga từ ẩm ướt sanh, loại nãga hóa sanh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, loại nãga từ thai sanh, loại từ ẩm ướt sanh và loại hóa sanh thù thắng hơn loại nãga từ trứng sanh. Tại đây5 này các Tỷ-kheo, loại nãga từ ẩm ướt sanh và loại hóa sanh thù thắng hơn loại nãga từ trứng sanh và từ thai sanh. Tại đây, này các Tỷ-kheo? loại nãệa hóa sanh thù thắng hơn loại nãga từ trứng sanh, loại từ thai sanh và loại từ âm ướt sanh. Này các Tỷ-kheo5 đây là bốn loại nãga theo sanh chủng.

III. KINH UPOSATHA (Uposathasutta) (5. III. 241) 344. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapindika. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến9 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên9 Tỷ-kheo ấy bạch Thế

Tôn: Do nhân gì; do duyên gi, bạch Thế Tôn? ở đây một số năga từ trứng sanh, sống giữ hạnh Bố-tát (Uposatha) và từ bỏ thân của chúng? - Ở dây, này Tỷ-kheo5 một số nãga từ trứng sanh suy nghĩ như sau: "Trước đây chúng ta đã làm hai hạnh về thân, hai hạnh về lời nói, hai hạnh về ý,1 2 Do chúng ta làm hai hạnh về thân, hai hạnh về lời nói, hai hạnh về ý ấy, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta sanh cộng trú với các nãga do trứng sanh.

1 Bản tiếng Anh của PTS: According to scheme, nghĩa là Theo chủng loại. Bản Hán: Phẩm loại (N.15. 0006.29.1. 0362a04). Tham Ỗiảo: Tăng.(T.02. 0125.27.8. 646a07). 2 Chủ giải viết hai hạnh, nghĩa là thiện hạnh và bất thiện hạnh (kusaỉãkusalakãrỉno).

Nếu nay chúng ta làm thiện hạnh về thân, thiện hạnh về lời nói, thiện hạnh về ý, như vậy? khi thân hoại mạng chung, chúng ta có thể sanh thiện thú, thiên giới. Vậy nay chúng ta hãy làm thiện hạnh về thân, thiện hạnh về lời n6i, thiện hạnh ve y." Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo5 ở đây một số nãga do trứng sanh, sống giữ hạnh Uposatha và từ bỏ thân của chúng. IV. KINH UPOSATHA THỨ HAI (Dutiyauposathasutta) (S. III. 241) 345. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Do nhân gì, do duyên gi, bạch Thế Tôn, ở dây, một số nãga từ thai sanh sống giữ hạnh Uposatha và từ bỏ thân của chúng? (Như kinh trên)... Do nhân này? do duyên này, này Tỷ-kheo5 ở dây, một số nãga từ thai sanh sống giữ hạnh Uposatha và từ bỏ thân của chúng. V. KINH UPOSATHA THỨ BA (Tatiyauposathasutta) (5. IIL 242) 346. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng umột số nãga từ ẩm ướt sanh"). VI. KINH UPOSATHA THỨ TƯ (Catutthauposathasutta) (S III. 242) 347. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng umột số nãga hóa sanh").

VII. KINH NGHE (Sutasutta) (S. III. 243) 348. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên? Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Do nhân gì? do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở dây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các năga từ trứng sanh? Ở đây, này Tỷ-kheo, một loại [chúng sanh] làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng nghe nói như sau: "Loại nãga từ trứng sanh được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc." Chúng suy nghĩ như sau: "Oi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta có thể sanh cộng trú với các nãga từ trứng sanh!" Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các nãga từ trứng sanh. Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo? ở dây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nãga từ trứng sanh. VIII. KINH NGHE THỨ HAI (Dutìyasutasutta) (5. III. 243) 349. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "các nãga từ thai sanh").

Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên9 Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Do nhân gì, do duyên gì9 bạch Thế Tôn, ở đây5 một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nãga từ thai sanh?... Do nhân này, do duyên này,

này Tỷ-kheo? ở dây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nãga từ thai sanh. IX. KINH NGHE THỨ BA (Tatìyasutasutta) (5. III. 244) 350. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "các nãga từ ẩm ướt sanh"). Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: - Do nhân gi, do duyên gi, bạch Thế Tôn, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nãga từ ẩm ướt sanh?... Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở dây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nãga từ ẩm ướt sanh. X. KINH NGHE THỨ TƯ (Catutíhasutasutta) (5. III. 244) 351. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng “các nãga từ hóa sanh"). Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngôi xuông một bên? Tỷ-kheo ây bạch The Tôn: —Do nhân gi, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở dây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nãga từ hóa sanh?... Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở dây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nãga từ hóa sanh. XI-XX. NHÓM 10 KINH BỐ THÍ HỖ TRỢ NOÃN SANH, VV... (Andạịadãnữpakãrasuttadasaka)3 (S. III. 245) 352-361. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: - Do nhân gi, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây? một số [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nãga từ trứng sanh? - Ở dây, này Tỷ-kheo? có loại [chúng sanh] làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng nghe nói như sau: "Các nãga từ trứng sanh, thọ mạng lâu dài9 nhan sắc thù thắng, thọ hưởng nhiều 1@C.” Chúng suy nghĩ như sau: "Oi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với các nãga từ trứng sanh!” Chúng bố thí đồ ăn. Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các nãga từ trứng sanh. Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo? ở đây9 một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với

3 Tên nhóm kinh này và nhóm kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Supports by Gifts, nghĩa là Hỗ trợ bằng bố thỉ.

các nãga từ trứng sanh. Chúng bố thí đồ uống... Chúng bố thí vải mặc... Chúng bố thí xe cộ... Chúng bố thí vòng hoa... Chúng bố thí hương... Chúng bố thí hương liệu xoa bóp... Chúng bô thí ngọa cụ... Chúng bô thí nhà cửa... Chúng bô thí đèn, dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các nãga từ trứng sanh. Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở dây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nãga từ trứng sanh. XXI-L. NHÓM 30 KINH BỐ THÍ HỖ TRỢ THAI SANH, v.v... ựalãbujãdidãnũpakãrasuttattimsakd) (5. III. 245) 362-391. (Như kinh trên, câu hỏi được đặt ra với ba loại nãga còn lại và câu trả lời nói lên theo mỗi trường hợp). Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Do nhân gi, do duyên gi, bạch Thế Tôn, ở đây5 một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nãga từ thai sanh... các nãga từ ẩm ướt sanh... các năga từ hóa sanh? Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại [chúng sanh] làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói? làm hai hạnh về ý. Chúng nghe nói như sau: "Các nãga từ hóa sanh, thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, thọ hưởng nhiều lạc." Chúng suy nghĩ như

sau: "Oi, mong răng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với các năga từ hóa sanh!" Chúng bố thí đồ ăn... Chúng bố thí đồ uống... Chúng bố thí đèn, dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các nãga từ hóa sanh. Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo? ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nãga từ hóa sanh.

30. TƯƠNG ƯNG KIM sí ĐIỂU (SUR4NNASAMYUTTA)

I. KINH CHỦNG LOẠI (Suddhìkasuttay (5. III. 246) 392. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo5 có bốn loại Kim Sí điểu về sanh chủng. Thế nào là bốn? Loại Kim Sí điêu từ trứng sanh, loại Kim Sí điêu từ thai sanh, loại Kim Sí điêu từ ẩm ướt sanh, loại Kim Sí điểu hóa sanh. Này các Tỷ-kheo5 đây là bốn loại Kim Sí điểu.

IL KINH MANG ĐI (Harantìsutta) (S III. 246) 393. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại Kim Sí điểu về sanh chủng. Thế nào là bốn? Loại Kim Sí điểu từ trứng sanh... loại Kim Sí điểu hóa sanh. Này các Tỷ-kheo5 đây là bốn loại Kim Sí điểu. Tại đây? này các Tỷ-kheo5 các loại Kim Sí điểu từ trứng sanh chỉ mang đi các loại nãga từ trứng sanh, không mang đi các loại nãga từ thai sanh, từ ẩm ướt sanh và hóa sanh. Tại đây? này các Tỷ-kheo, các loại Kim Sí điêu từ thai sanh, mang đi các loại nãga từ trứng sanh và các loại nãga từ thai sanh, không mang đi các loại nãga từ ẩm ướt sanh và các loại hóa sanh. Tại dây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim Sí điểu từ ẩm ướt sanh, mang đi các loại nãga từ trứng sanh, các loại từ thai sanh và các loại từ ẩm ướt sanh, không mang đi các loại nãga hóa sanh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim Sí điêu hóa sanh, mang đi các loại nãga từ trứng sanh, từ thai sanh, từ ẩm ướt sanh và các loại hóa sanh. Như vậy? này các Tỷ-kheo, đây là bôn loại Kim Sí điêu theo sanh chủng. III. KINH LÀM HAI HẠNH (Dvayakữrĩsutta) (5. IIL 247) 394. Nhân duyên ở Sãvatthi. Một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

I Bản tiếng Anh của PTS: According to Scheme, nghĩa là Theo chủng loại. Bản Hán: Phẩm loại (N.15. 0006.30.1. 037la03). Tham điiếu: Tăng.(02. 0125.27.8 0646a07).

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Do nhân gì? do duyên gì9 bạch Thế Tôn? ở dây, một loại [chúng sanh]? sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ trứng sanh? Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại [chúng sanh] làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng được nghe như sau: uLoại Kim Sí điểu từ trứng sanh, có thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc.99 Chúng suy nghĩ như sau: uÔi? mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta có thể được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ trứng sanh!" Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ trứng sanh. Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo? ở dây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ trứng sanh. IV-VI. NHÓM 3 KINH LÀM HAI HẠNH THỨ HAI (Putiyãdidvayakãrĩsuttattikd) (S. III. 248) 395-397. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Do nhân gi, do duyên gì, bạch Thế Tôn? ở đây? một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng

chung, được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ thai sanh... các Kim Sí điểu từ ẩm ướt sanh... các Kim Sí điểu từ hóa sanh? - Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại [chúng sanh] làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời n6i, làm hai hạnh về ý. Chúng được nghe như sau: "Loại Kim Sí điêu từ hóa sanh, có thọ mạng lâu dài, nhan săc thù thăng, hưởng thọ nhiêu lạc?5 Chúng suy nghĩ như sau: "Oi, mong răng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta có thể được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ hóa sanh!" Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ hóa sanh. Do nhân này9 do duyên này? này Tỷ-kheo, ở dây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ hóa sanh. VII-XVL NHÓM 10 KINH BỐ THÍ HỖ TRỢ NOÃN SANH, vv... (AnậajadănữpakãrasuttadasakdÝ (S IIL 248) 398-407. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngôi xuông một ben, Ty-kheo ay bạch The Ton: -Do nhân gi5 do duyên gì5 bạch Thế Tôn, ở dây, một số [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ trứng sanh? -Tại đây, này Tỷ-kheo5 có loại [chúng sanh] làm hai hạnh về thân, làm hai

2 Ten nhóm kinh này và nhóm kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Supporters by Gifts, nghĩa là HỖ trợ bằng bố thí.

hạnh vê lời nói, làm hai hạnh vê ý. Chúng nghe nói như sau: uCác Kim Sí điêu từ trứng sanh được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, thọ hưởng nhiều lac.99 Chúng suy nghĩ như sau: "Oi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ trứng sanh!" Chúng bố thí đồ ăn. Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ trứng sanh. Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo5 ở dây, một loại [chúnệ sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim Sí điêu từ trứng sanh. Chúng bố thí đồ uống... Chúng bố thí vải mặc... Chúng bố thí xe cộ... Chúng bố thí vòng hoa... Chúng bố thí hương... Chúng bố thí hương liệu xoa bóp... Chúng bố thí ngọa cụ... Chúng bố thí nhà cửa... Chúng bố thí đèn? dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ trứng sanh. Do nhân này, do duyên này9 này Tỷ-kheo, ở dây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ trứng sanh. XVII-XLVI. NHÓM 30 KINH BỐ THÍ HỖ TRỢ THAI SANH, vv... (Jalãbujãdidãnũpakãrasuttatimsakd) (5. III. 249) 408-437. Nhân duyên ở Sãvatthi. 5 r 9 Tk T Ạ • Ạ _ _ A J 1 A ._ rrn 9 1 1_ _ _ L _ _ FT^I - A Ngoi xuong mot ben? Ty-kheo ay bạch The Ton: - Do nhân gì, do duyên gi, bạch Thế Tôn? ở dây, một số [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ thai sanh... các Kim Sí điểu từ ẩm ướt sanh... các Kim Sí điểu từ hóa sanh? Tại đây, này Tỷ-kheo9 có loại [chúng sanh] làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng nghe nói như sau: "Các Kim Sí điểu từ hóa sanh được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, thọ hưởng nhiều lạc?9 Chúng suy nghĩ như sau: uÔi? mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với các Kim Sí điêu từ hóa sanh!" Chúng bố thí đồ ăn... Chúng bố thí đồ uống... Chúng bố thí đèn? dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ hóa sanh. Do nhân này,

do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ hóa sanh.

31. TƯƠNG ƯNG CÀN-THÁT-BÀ (GANDHABBAKÃÏASAMYUTTA)

L KINH CHỦNG LOẠI (Suddhìkasuttdỷ (S. III. 250) 438. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về chư thiên thuộc loại gandhabba (càn-thát-bà). Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là chư thiên thuộc loại gandhabba? Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương rễ cây. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương lõi cây. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo5 trú hương giác cây. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương vỏ cây trong. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương vỏ cây ngoài. Có chư thiên, này các Tỷ"kheo5 trú hương lá cây. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo5 trú hương bông. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương trái cây. Cỗ chư thiên, này các Tỷ-kheo? trú hương vị. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương hương. Những loại này, này các Tỷ-kheo được gọi là chư thiên thuộc loại gandhabba. II. KINH THIỆN HẠNH (Sucarítasutta) (5. IIL 250) 439. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ấ J 1 rr\ 9 11 Ấ i ĩ rr-ĩi Ấ FT-^ /\ Ngôi xuong một ben, Tỷ-kheo ây bạch The Tôn: Do nhân gi, do duyên gi, bạch Thế Tôn, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại gandhabba? -Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại [chúng sanh] làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh vê lời nói5 làm thiện hạnh vê ý. Họ nghe nói như sau: "Chu* thiên thuộc loại gandhabba được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều]ạc.” Họ suy nghĩ như sau: "Oi, mong răng? sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại gandhabba!" Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại gandhabba. Do nhân này, do duyên này5 này các Tỷ-kheo, ở đây, có loại [chúng sanh],

1 Bản tiếng Anh của PTS: According to Scheme, nghĩa là Chủng loại. Bản Hán: Phẩm loại (N. 15. 0006.31.1 0376a04).

sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại gandhabba. III. KINH NGƯỜI BỐ THÍ HƯƠNG RỄ CÂY (Mũỉagandhadãtãsutta)2 (S III. 250) 440. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở dây, có loại chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên trú hương rễ cây? Ở dây, này Tỷ-kheo, có loại chúng sanh làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chu thiên thuộc loại gandhabba trú hương rễ cây. Họ được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc.99 Họ suy nghĩ như sau: "Oi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên trú hương rễ cây!” Họ bố thí hương rễ cây. Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư thiên trú hương rễ cây. Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh] được sanh cộng trú với chư thiên trú hương rễ cây. IV-XII. NHÓM 9 KINH NGƯỜI BỐ THÍ HƯƠNG LÕI CÂY, VV... (Sãragandhãdỉdãtãsuttanavaka) (5. III. 251) 441-449. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngôi xuông một bên, Ty-kneo ây bạch Thê

Tôn: - Do nhân gi, do duyên gi, bạch Thế Tôn, ở đây5 có loại chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên trú hương lõi cây... chư thiên trú hương giác cây... chư thiên trú hương vỏ cây trong... chư thiên trú hương vỏ cây ngoài... chư thiên trú hương lá cây... chư thiên trú hương bông... chư thiên trú hương trái cây... chư thiên trú hương vị... chư thiên trú hương hương? Ở đây, này Tỷ-kheo? có loại chúng sanh làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chu thiên trú hương lõi cây được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc.” Họ suy nghĩ như sau: "Oi, mong răng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên trú hương lõi cây... chư thiên trú hương giác cây... chư thiên trú hương vỏ cây trong... chư thiên trú hương vỏ cây ngoài... chư thiên trú hương lá cây... chư thiên trú hương bông... chư thiên trú hương trái cây... chư thiên trú hương vị... chư thiên trú hương hương!"

2 Tên kinh này và nhóm kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Givers, nghĩa là Người bố thỉ.

31. TƯƠNG ƯNG CÀN-THÁT-BÀ 701

Họ bố thí hương lõi cây... Họ bố thí hương giác cây... Họ bố thí hương vỏ cây trong... Họ bố thí hương vỏ cây ngoài... Họ bố thí hương lá cây... Họ bố thí hương bông... Họ bố thí hương trái cây... Họ bố thí hương vị... Họ bố thí hương hương. Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư thiên trú hương hương. Do nhân này5 do duyên này, này Tỷ-kheo, ở dây, một loại [chúng sanh] được sanh cộng trú với chư thiên trú hương hương. XIII-XXII. NHÓM 10 KINH BỐ THÍ HỖ TRỢ TRÚ HƯƠNG RỄ CÂY, v.v... (Mũlagandhadãnũpakãrasuttadasaka)3 (S. III. 252) 450-459. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngôi xuông một bên, Tỷ-kheo ây bạch The Tôn: - Do nhân gì, do duyên gi, bạch Thế Tôn, ở đây, có loại chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên trú hương rễ cây? Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại chúng sanh làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chu thiên trú hương rễ cây được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc." Họ suy nghĩ như sau: "Oi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên trú hương rễ cây!” Họ bố thí đồ ăn... Họ bố thí đồ uống... Họ bố thí vải mặc... Họ bố thí cỗ xe... Họ bố thí vòng hoa... Họ bố thí hương... Họ bố thí hương liệu xoa bóp... Họ bố thí ngọa cụ... Họ bố thí nhà cửa... Họ bố thí đèn? dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư thiên trú hương rễ cây. Do nhân này, do duyên này5 này Tỷ-kheo9 ở đây, một loại [chúng sanh] được sanh cộng trú với chư thiên trú hương rễ cây. XXIII-CXIL NHÓM 90 KINH BÓ THÍ HỖ TRỢ TRÚ HƯƠNG LÕI CAY, VV.. {Sãragandhãdidãnũpakãrasuttanavutikă) (5. III. 253) 460-549. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có loại chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên trú hương lõi cây... chư thiên trú hương giác cây... chư thiên trú hương vỏ cây trong... chư thiên trú hương vỏ cây ngoài... chư thiên trú hương lá cây... chư thiên trú hương bông... chư thiên trú hương trái cây... chư thiên trú hương vị... chư thiên trú hương hương? Ở đây5 này Tỷ-kheo, có loại chúng sanh

làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chu

3 Têr^nhómkinh này và nhóm kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Supports by Offerings, nghĩa là Hỗ trợ bằng bổ thỉ.

thiên trú hương hương được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc." Họ suy nghĩ như sau: "Oi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên trú hương hương!59 Họ bố thí hương lõi cây... Họ bố thí hương giác cây... Họ bố thí hương vỏ cây trong... Họ bố thí hương vỏ cây ngoài... Họ bố thí hương lá cây... Họ bố thí hương bông... Họ bố thí hương trái cây... Họ bố thí hương vị... Họ bố thí hương hương. Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư thiên trú hương hương. Ở dây, này Tỷ-kheo? có loại chúng sanh làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chu thiên trú hương rê cây được thọ mạng lâu dài, nhan săc thù thăng, hưởng thọ nhiêu lạc." Họ suy nghĩ như sau: "Oi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên trú hương hương!59 Họ bố thí đồ ăn... Họ bố thí đồ uống... Họ bố thí vải mặc... Họ bố thí cỗ xe... Họ bố thí vòng hoa... Họ bố thí hương... Họ bố thí hương liệu xoa bóp... Họ bô thí ngọa cụ... Họ bô thí nhà cửa... Họ bô thí đèn9 dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư thiên trú hương hương. Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở dây, một loại [chúng sanh] được sanh cộng trú với chư thiên trú hương hương.

32. TƯƠNG ƯNG THẦN MÂY (VALẪHAKASAMYUTTA)

I. KINH CHỮNG LOẠI (Suddhikasuttă)^ (5. III. 254) 550. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về chư thiên thuộc loại thần mây. Hãy lắng nghe. Này các Tỷ-kheo, thế nào là chư thiên thuộc loại thần mây? Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây lạnh. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây nóng. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây sấm. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo? thuộc loại mây gió. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây mưa. Như vậy9 này các Tỷ-kheo, họ được gọi là chư thiên thuộc loại thần mây.

II. KINH THIỆN HẠNH (Sucarítasutta) (5. III. 254) 551. Nhân duyên ở Sãvatthi. 5 r r f

Ngôi xuông một ben9 Ty-kheo ay bạch The Ton: —Do nhân gì, do duyên gi, bạch Thê Tôn, ở dây, có loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có loại [chúng sanh] làm thiện hạnh về than, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chu thiên thuộc loại thần mây được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc." Họ suy nghĩ như sau: "Oi, mong rằng5 sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây!" Sau khi thân hoại mạng chung, loại [chúng sanh] ấy được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây. Do nhân này5 do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, có loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thân mây.

1 Bản tiếng Anh của PTS: Exposition, nghĩa là Diễn giải. Bản Hán: Phẩm loại (AU5. 0006.32.1. 0381a05).

III-XII. NHÓM 10 KINH BỐ THÍ HỖ TRỢ THÀNH THẦN MÂY LẠNH, v.v... (Sĩtavalãhakadãnũpakãrasuttadasakaý 1 (S. III. 255) 552-561. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Do nhân gì9 do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây lạnh? Ở dây, này Tỷ-kheo, có loại [chúng sanh] làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói5 làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chu thiên thuộc loại thần mây lạnh được thọ mạng lâu dài5 nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc." Họ suy nghĩ như sau: "Oi, mong rằng? sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thân mây]ạnh!" Họ bố thí đồ ăn... Họ bố thí đèn5 dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây lạnh. Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo5 ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây lạnh. XIII-LII. NHÓM 40 KINH BỐ THÍ HỖ TRỢ THÀNH THẦN MÂY NÓNG, V.V... (Unhavalãhakadãnũpakãrasuttacãlĩsakă) (S III. 255) 562-601. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Do nhân gì? do duyên gi, bạch Thế Tôn? ở đây5 có loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây nóng... chư thiên thuộc loại mây sấm... chư thiên thuộc loại mây gió... chư thiên thuộc loại mây mưa? Ở dây, này Tỷ-kheo? có loại [chúng sanh] làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói. làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chu thiên thuộc loại thân mây mưa được thọ mạng lâu dài, nhan săc thù thăng, hưởng thọ nhiều lạc?5 Họ suy nghĩ như sau: "Oi, mong rằng5 sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây mua!" Họ bô thí đô ăn... Họ bô thí đèn5 dâu. Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây mưa. Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây mưa.

2 Têĩ^nhóm kinh này và nhóm kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Supporters by Offerings, nghĩa là Hỗ trợ bằng bố thỉ.

LIII. KINH THẦN MÂY LẠNH (Sĩtavalãhakasuttdỷ (S III. 256) 602. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên5 Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: - Do nhân gi, do duyên gì? bạch Thế Tôn? có khi trời lạnh? -Này Tỷ-kheo, có chư thiên được gọi là thần mây lạnh. Khi chư thiên ấy suy nghĩ: "Chiing ta hãy sống hoan hỷ với tự thân." Tùy theo tâm nguyện đó của họ mà trời lạnh. Do nhân này? do duyên này, này Tỷ-kheo? có khi trời lạnh. LIV. KINH THẦN MÂY NÓNG (Unhavalãhakasutta)34 (S. III. 256) 603. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Do nhân gì, do duyên gì5 bạch Thế Tôn, có khi trời nóng? Này Tỷ-kheo5 có chư thiên được gọi là thần mây

nóng. Khi chư thiên ấy suy nghĩ: "Chiing ta hãy sống hoan hỷ với tự thân.59 Tùy theo tâm nguyện đó của họ mà trời nóng. Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo? có khi trời nóng. LV. KINH THẦN MÂY SẤM (Abbhavalãhakasutta)5 (5. III. 256) 604. Nhân duyên ở Sãvatthi. - f - Ngôi xuông một ben, Ty-kheo ay bach The Ton: Do nhân gi, do duyên gì9 bạch Thế T6n, có khi trời sấm? Này Tỷ-kheo, có chư thiên được gọi là thần mây sấm. Khi chư thiên ấy suy nghĩ: “Chúng ta hãy sống hoan hỷ với tự thân." Tùy theo tâm nguyện đó của họ mà trời sấm. Do nhân này? do duyên này, này Tỷ-kheo, có khi trời sấm.

LVI. KINH THÀN MÂY MƯA GIÓ (Vãtavalãhakasutta)6 (5. III. 256) 605. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngoi xuong một ben, Ty-kheo ay bạch The Ton: -Do nhân gi, do duyên gì, bạch Thế Tôn? có khi trời gió? Này Tỷ-kheo? có chư thiên được gọi là thần mây gió. Khi chư thiên ấy suy nghi: "Chúng ta hãy sống hoan hỷ với tự thân?9 Tùy theo tâm nguyện đó của họ mà trời gió. Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo9 có khi trời gió.

3 Bản tiếng Anh của PTS: Cool, nghĩa là Lạnh.

4 Bản tiếng Anh của PTS: Hot, nghĩa là Nóng.

5 Bản tiếng Anh của PTS: Thurder-cỉoud, nghĩa là sấm.

6 Bản tiếng Anh của PTS: Winds, nghĩa là Gió.

LVII. KINH THẦN MÂY MƯA (Vassavaỉãhakasutta)1 (5. III. 256) 606. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ngôi xuông một bên9 Tỷ-kheo ây bạch The Tôn: Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn5 có khi trời mưa? _ Này Tỷ-kheo, có chư thiên được gọi là thần mây mưa. Khi chư thiên ấy suy nghĩ: "Chúng ta hãy sống hoan hỷ với tự thân?5 Tùy theo tâm nguyện đó của họ mà trời mưa. Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo? có khi trời mưa.

7 Bản tiếng Anh của PTS: Rain, nghĩa là Mưa.

33. TƯƠNG ƯNG VÁCCHAGOTTA (VACCHAGOTTASAMYUTTA)

I. KINH VÔ TRI ĐỐI VỚI SẮC (Rupaannanasutt^ (S III. 257) 607. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapindika. Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn: Do nhân gi, do duyên gì, này Tôn giả Gotama, một số [tà] kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường cbn", hay: "Thế giới là không thường cbn” hay: "Thế giới hữu biên,5? hay: "Thế giới vô biên” hay: “Sinh mạng và thân thể là mộf\ hay: “Sinh mạng và thân thể là khác"; hay: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết”, hay: "Nhu Lai không tồn tại sau khi chết”; hay: "Nhu Lai có tôn tại và không tôn tại sau khi chêf\ hay: "Nhu Lai không tôn tại và không không tồn tại sau khi chếf9? -Do vô tri đối với sắc5 này Vacchagotta, do vô tri đối với sắc tập khởi, do vô tri đôi với săc đoạn diệt, do vô tri đôi với con đường đưa đên săc đoạn diệt, cho nên có những [tà] kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: “Thế giới là thường còn,5... hay: "Nhu Lai không tôn tại và không không tôn tại sau khi chết.^, Do nhân này, do duyên

này, này Vacchagotta, có một sô [tà] kiên sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn,\.. hay: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." II. KINH VÔ TRI ĐỐI VỚI THỌ (Vèdanãannãnasutta) (5. III. 258) 608. (Như kinh trên? chỉ thay thế bằng “v6 tri đối với thọ,9). III. KINH VÔ TRI ĐỐI VỚI TƯỞNG (Sannãannãnasutta) (5. III. 258) 609. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "v6 tri đối với tưởng,^). IV. KINH VÔ TRI ĐỐI VỚI HÀNH (Sankhãraannănasutta) (5. III. 259) 610. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng “v6 tri đối với hành”).1*

1 Tên kinh này và 4 kinh kế tiếp (608-611) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Through Ignorance, nghĩa là Do vô tri.

V KINH VÔ TRI ĐỐI VỚI THỨC(yìnnũnaannũnasutta) (S. III. 259) 611. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng “v6 tri đối với thức"). VI-X. NHÓM 5 KINH VÈ VÔ KIÉN SẮC, VV... (Rũpaadassanãdisuttapancaka)2 (S IIL 260) 612- 616. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "v6 kiến đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức”). XI-XV NHÓM 5 KINH VÈ KHÔNG HIỆN QUÁN ĐỐI VỚI SẮC, vv... (Rũpaanabhisamayãdỉsuttapancaka)3 (S. IIL 260) 617-621. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng ÍẾkhông hiện quán năm uẩn: sắc? thọ5 tưởng, hành, thức”). XVI-XX. NHÓM 5 KINH VÈ KHÔNG LIỄU TRI ĐỐI VỚI SẮC, VV... (Rũpaananubodhãdisuttapancaka)4 (S III. 261) 622-626. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng ukhông liễu tri năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức”). XXI-XXV. NHÓM 5 KINH VÈ KHÔNG THÔNG ĐẠT ĐỐI VỚI SẮC, V.V... (Rũpaappa(ivedhãdisuttapancaka)5 (S III. 261) 627-631. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng ukhông thông đạt năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức"). XXVI-XXX. NHÓM 5 KINH VÈ KHÔNG ĐẢNG QUÁN ĐỐI VỚI SẮC, (Rũpaasaỉỉakkhanãdisuttapancaka)678(S. III. 261) 632-636. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng ukhông đẳng quán năm uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức”). XXXI-XXXV. NHÓM 5 KINH VÈ KHÔNG TÙY QUÁN ĐỐI VỚI SẤC, VV... (Rũpaanupaỉakkhanãdisuttapancaka)1 (S. III. 261) 637-641. (Như kinh trên? chỉ thay thế bằng ukhông tùy quán năm uẩn: sắc, thọ5 tưởng, hành, thức”). XXXVI-XL. NHÓM 5 KINH VÈ KHÔNG CẬN QUÁN ĐỐI VỚI SẮC, v.v... {Rũpaappaccupalakkhanữdisuttapancakàỷ (S III. 261) 642-646. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng ukhông cận quán năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức").

2 Bản tiếng Anh của PTS: By Not Seeing, nghĩa là Do vô kiến. 3 Bản tiếng Anh của PTS: By Not Comprehending, nghĩa là Do không hiện quán. 4 Bản tiếng Anh của PTS: By Not Understanding, nghĩa là Do không liễu trì. 5 Bản tiếng Anh của PTS: By Not Penetrating, nghĩa là Do không thông đạt. 6 Bản tiếng Anh của PTS: By Not Discerning, nghĩa là Do không đẳng quản. 7 Bản tiếng Anh của PTS: By Not Discriminating, nghĩa là Do không tùy quản. 8 Bản tiếng Anh của PTS: By Not Differentiating, nghĩa là Do không cận quản.

XLI-XLV NHÓM 5 KINH VÈ KHÔNG ĐẢNG SÁT ĐÓI VỚI SẮC, VV... (Rũpaasamapekkhanãdìsuttapaiỉcakảỷ (S III. 261) 647-651. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "không đẳng sát năm uẩn: sắc, thọ? tưởng, hành, thức”). XLVI-L. NHÓM 5

KINH VỀ KHÔNG CẬN SÁT ĐỐI VỚI SẮC5 VV... (Rũpaappaccupekkhanãdisuttapancakdý^ (S. III. 262) 652-656. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng ukhông cận sát năm uẩn: sắc, thọ5 tưởng, hành, thức"). LI-LIV. NHÓM 4 KINH VỀ KHÔNG HIỆN KIẾN ĐỐI VỚI SẮC, VV... (Rũpaappaccakkhakammãdisuttacatukka)9 11 (S. III. 262) 10 657-660. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng 6íkhông hiện kiến năm uẩn: sắc9 thọ? tưởng, hành95). LV. KINH KHÔNG HIỆN KIẾN ĐỐI VỚI THỨC (Vinnanaappaccakkhakammasutta) (S.IIL 263) 661. Nhân duyên ở Sãvatthi. —Do không tự tri đối với thức5 này Vaccha, do không tự tri đối với thức tập khởi, do không tự tri đối với thức đoạn diet, do không tự tri đối với con đường đưa đến thức đoạn diệt, cho nên có những [tà] kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn9\ hay: "Thế giới là khônẹ thường cbn"...hay: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi ch*t." Do nhân này, do duyên này5 này Vaccha, có một số [tà] kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn^ hay: "Thế giới là không thường cbn" hay: "Thế giới hữu biên,5? hay: "Thế giói vô biên" hay: "Sinh mạng và thân thể là mộf\ hay: "Sinh mạng và thân thể là khc"; hay: "Nhu Lai CÓ tôn tại sau khi chêf\ hay: "Nhu Lai không tôn tại sau khi chêt,\ hay: "Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", hay: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

9 Bản tiếng Anh của PTS: By Not Considering, nghĩa là Do không đẳng sảt. 10 Bản tiếng Anh của PTS: By Not Looking into, nghĩa là Do không cận sát. 11 Tên nhóm kinh này và nhóm kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Not Making Clear, nghĩa là Không hiện kiên.

34. TƯƠNG ƯNG THIỀN ỰHẪNASAMYUTTA)

I. KINH THIỀN CHỨNG TRONG THIỀN ĐỊNH (Samũdhimũỉakasamãpattisutta)1 (5. III. 263)

Ở dây, này các Tỷ-kheo? có vị tu thiền, thiện xảo về thiền định trong thiền định, nhxmg không thiện xảo về chỉ trú trong thiền định.67 8 Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu thiền, thiện xảo về chỉ trú trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thiền định trong thiền định. ở đây, này các Tỷ-kheo5 có vị tu thiền, không thiện xảo về thiền định trong thiền định, cũng không thiện xảo về chỉ trú trong thiền định. Ở dây, này các Tỷ-kheo5 có vị tu thiền, thiện xảo về thiền định trong thiền định, và cũng thiện xảo về chỉ trú trong thiền định. Tại dây, này các Tỷ-kheo. vị tu thiền, thiện xảo về thiền định trong thiền định, cũng thiện xảo vê chỉ trú trong thiên định. Trong bôn vị tu thiên ây5 vị này là vị tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, toi diệu. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 từ bò cái nên có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thục tô, từ thục tô có đề-hồ. Đề-hồ được gọi là tối tôn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị tu thiên, thiện xảo vê thiên định trong thiên định, cũng thiện xảo về chỉ trú trong thiền định. Tronẹ bốn vị tu thiền ấy, vị này là vị tối tôn? tối thắng, là vị thượng thủ? tối thượng, tôi diệu. III. KINH XUẤT KHỞI TỪ THIỀN ĐỊNH (SamãdhimũlakavuỊỊhãnasuttay (S III. 265) 664. (Như kinh trên, chỉ thay thế uthiện xảo về xuất khởi59 cho uthiện xảo về chỉ trú"). IV. KINH

THUẦN THỤC TRONG THIỀN ĐỊNH (Samãdhimũlakakallitasuttdỷ (5. III. 265) 665. (Như kinh trên, chỉ thay thế uthiện xảo về thuần thpc" cho uthiện xảo về xuất khởi"). V. KINH SỞ DUYÊN TRONG THIỀN ĐỊNH (Samãdhimữlakaãrammanasuttà)910 (S. III. 266) 666. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng uthiện xảo về sở duyOn"). VI. KINH HÀNH CẢNH TRONG THIỀN ĐỊNH (Samãdhimũlakagocarasutta)^ (S. III. 266) 667. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng uthiện xảo về hành cảnh95).

6 Samãdhỉsmỉm thỉtỉkusala'. Thiện xảọ trong yiệc trụ nơi định hạy nơi tầng thiền. Chủ giải viết không thiện xảo trong việc trụ nơi định hay nơi tầng thiền, tức là không thể trụ nơi tang thiền trong khoảng thời gian của 7 hay 8 cái chóp mắt hoặc 7 hay 8 cai búng ngón tay kều tiếng tách. 7 Bản tiếng Anh của PTS: Emerging, nghĩa là Xuất khởi. Tham khảo M. I. 302; A. III. 311. 8 Hậu chủ giải viết đây là sự điều tâm thích hợp, tránh xạ các pháp chướng ngại của định, để có thể nhập định. Bản tiếng Anh của PTS: Thorough, nghia là Thuần thục. 9 Bản tiếng Anh của PTS: Object, nghĩa là Sở duyên (Đổi tượng). 10 Chủ giải viết Hành cảnh (Gocara) bao gồm nơi thích hợp cho pháp mồn thiền định (kammatthãnagocarã) và nơi úiích hợp cho chư Tằng đi khất thực (bhỉkkhãcãragocara). Bản tiếng Anh của PTS: Range, nghĩa la Hành cảnh.

VII. KINH SỞ NGUYỆN TRONG THIỀN ĐỊNH (Samãdhimũlakaabhinỉhãrasuttà)n (S III. 267) 668. (Như kinh trên? chỉ thay thế bằng uthiện xảo về sở nguyện99). VIII. KINH HÀNH THẬN TRỌNG ĐỂ ĐẠT ĐỊNH (JSamãdhimũlakasakkaccakãrĩsuttà)n (S III. 267) 669. (Như kinh trên5 chỉ thay thế bằng "thiện xảo về thận trQng"). IX. KINH HÀNH KIÊN TRÌ ĐỂ ĐẠT ĐỊNH ỤSamãdhimũlakasãtaccakãrĩsuttd)n (5. III. 268) 670. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng aíthiện xảo về kiên tri"). X. KINH HÀNH THÍCH ỨNG ĐỂ ĐẠT ĐỊNH (Samãdhimũỉakasappãyakãrĩsuttay4 (S III. 268) 671. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về thích ứng") XI. KINH CHỈ TRÚ TRONG THIỀN CHỨNG (Samãpattimũlakathitìsutta) (5. III. 269) 672. Nhân duyên ở Sãvatthi. Có bốn hạng người tu thiền, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo? có người tu thiền, thiện xảo về thiền chứng trong thiền định5 nhimg không thiện xảo về chỉ trú trong thiền định. Ở đây, này các Tỷ-kheo? có người tu thiền, thiện xảo về chỉ trú trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thiền chứng trong thiền định. Ở đâỵ9 này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, không thiện xảo về thiền chứng trong thiên định9 cũng không thiện xảo vê chỉ trú trong thiền định. Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có người tu thiền, thiện xảo về thiền chứng trong thiền định, và cũng thiện xảo về chỉ trú trong thiền định. Tại dây, này các Tỷ-kheo5 người tu thiên, thiện xảo vê thiên chứng trong thiền định và cũng thiện xảo về chỉ trú trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ây, vị tu thiên này là tôi tôn5 tôi thăng, là vị thượng thủ? tôi thượng, tôi diệu. Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò cái nên có sữa... tối diệu. XII. KINH XUẤT KHỞI TỪ THIỀN CHỨNG (SamãpattimữỉakavutỊhãnasutta) (S III. 269) 673. (Như kinh trên, chỉ thay thế "thiện xảo về xuất kh&i" cho uthiện xảo về chỉ trú")

11 Chủ giải, Hầu chủ giải viết đây là quyết tâm tiến bộ hoặc thành tựu trong định hay trong pháp môn thiền ỷi. Bản tiếng Anh của PTS: Resolve, nghĩa là Quyết tâm. 12 Bản

tiếng Anh của PTS: Zeal, nghĩa là Nhiệt tâm. 13 Bản tiếng Anh của PTS: Persevering, nghĩa là Kiên trì. 14 Bản tiếng Anh của PTS: Profit, nghĩa là Lợi ích.

XIII. KINH THUẦN THỤC TRONG THIỀN CHỨNG (Samãpattìmũỉakakaỉlitasuttà) (5. III. 270) 674. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về thuần thuc,9). XIV. KINH SỞ DUYÊN TRONG THIỀN CHỨNG (Samãpattìmũỉakaãrammanasutta) (S III. 270) 675. (Như kinh trên5 chỉ thay thế bằng "thiện xảo về sở duy6n") XV KINH HÀNH CẢNH TRONG THIỀN CHỨNG (Samãpattimũỉakagocarasuttà) (5. III. 270) 676. (Như kinh trên5 chỉ thay thế bằng "thiện xảo về hành cảnh"). XVI. KINH SỞ NGUYỆN TRONG THIỀN CHỨNG (Samãpattimũỉakaabhinĩhãrasutta) (S. III. 271) 677. (Như kinh trên5 chỉ thay thế bằng "thiện xảo về sở nguyện^,). XVII. KINH THẬN TRỌNG TRONG THIỀN CHỨNG (Samãpattìmũỉakasakkaccasutta) (5. III. 271) 678. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về thận trẹ)ng") XVIII. KINH KIÊN TRÌ TRONG THIỀN CHÚNG (Samãpattimũlakasãtaccasutta) (5. III. 271) 679. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về kiên trì,,). XIX. KINH HÀNH THÍCH ỨNG TRONG THIỀN CHỨNG (Samãpattimũlakasappãyakãrĩsuttd) (S III. 271) 680. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về thích ứng,,). XX-XXVII. NHÓM 8 KINH CHỈ TRÚ XUẤT KHỞI (ThitimũlakavutthãnasuttãdiaỊỊhaka) (5. III. 272) 681-688. Nhân duyên ở Sãvatthi. Có bốn hạng người tu thiền, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn? Ở đây? này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về chỉ trú trong thiền định, nhưng không thiện xảo vê xuất khởi trong thiên định. Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về xuất khởi trong thiên định5 nhưng không thiện xảo vê chỉ trú trong thiên định. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, không thiện xảo về chỉ trú trong thiên định5 cũng không thiện xảo vê xuất khởi trong thiên định. Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 có người tu thiền, thiện xảo về chỉ trú trong thiền định, và cũng thiện xảo vê xuất khởi trong thiên định. Tại đây5 này các Tỷ-kheo5 vị tu thiên, thiện xảo vê chỉ trú trong thiên định

và cũng thiện xảo về xuất khởi trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, vị tu thiền này là tối tôn, tối thắng, là bậc thượng thủ? bậc tối thượng, tối diệu. (Tương tự đến kinh XXVII là KINH CHỈ TRÚ THIỆN XẢO VỀ THÍCH ỨNG, nội dung như kinh trên5 chỉ thay thế "thiện xảo về xuất khởi trong thiền djnh" bằng "thiện xảo về thuần thục trong thiền định,\.. "thiện xảo về thích ứng trong thiền định^,).

XXVIII-XXXIV. NHÓM 7 KINH XUẤT KHỞI THUẦN THỤC (VuỊỊhãnamũỉakakallitasuttãdisattaka) (5. III. 274) 689-695. (Như kinh trên, chỉ thế vào "xuất khởi55 và "thuần thục,,). Nhân duyên ở Sãvatthi. Có bốn hạng người tu thiền, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về xuất khởi trong thiên định, nhưng không thiện xảo vê thuân thục trong thiên định. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về thuần thục trong thiền định, nhưng không thiện xảo về xuất khởi trong thiền định. Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, không thiện xảo về xuất khởi trong thiền định, cũng không thiện xảo về

thuần thục trong thiền định. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền thiện xảo về xuất khởi trong thiền định, và cũng thiện xảo về thuần thục trong thiền định. Tại đây, này các Tỷ-kheo, vị tu thiền thiện xảo về xuất khởi trong thiền định và cũng thiện xảo về thuần thục trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, vị này là tối tôn? tối thắng, là bậc thượng thủ, tối thượng và tối diệu. (Tương tự đến kinh XXXIV là KINH XUẤT pỉởl - THIỆN XẢO VỀ THÍCH ỨNG, nội dung như kinh trên? chỉ thay thế "thiện xảo về thuần thục trong thiên djnh" băng "thiện xảo vê sở duyên trong thiên djnh".."thiện xảo về thích ứng trong thiền định,,).

XXXV-XL. NHÓM 6 KINH THUẦN THỤC - SỞ DUYÊN (Kallitamũỉakaãrammanasuttãdichakka) (5. III. 275) 696-701. Nhân duyên ở Sãvatthi... thiện xảo yề thuần thục trong thiền định, nhimg không thiện xảo về sở duyên trong thiền định... thiện xảo về sở duyên trong thiền định, nhimg không thiện xảo về thuần thục trong thiền định... không thiện xảo về thuần thục trong thiền định, cũng không thiện xảo về sở duyên trong thiền định... thiện xảo về thuần thục trong thiền định và cũng thiện xảo về sở duyên trong thiền định. Tại đây5 này các Tỷ-kheo, người tu thiên... tôi thượng, tôi diệu. (Tương tự đến kinh XL là KINH THUẦN THỤC - THIỆN XẢO VỀ THÍCH ỨNG, nội dung như kinh trên, chỉ thay thế "thiện xảo về sở duyên trong thiền

djnh" bằng uthiện xảo về hành cảnh trong thiền djnh".. a6thiện xảo về thích ứng trong thiền đinh59). XLI-XLV. NHÓM 5 KINH SỞ DUYÊN - HÀNH CẢNH (Ẅrammanamũlakagocarasuttãdipancakà) (S III. 275) 702-706. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "sở duyên" V "hành cnh"). Nhân duyên ở Sãvatthi... thiện xảo vê sở duyên trong thiên định, nhưng không thiện xảo về hành cảnh trong thiền định... thiện xảo về hành cảnh trong thiền định? nhưng không thiện xảo về sở duyên trong thiền định... không thiện xảo về sở duyên trong thiền định, cũng không thiện xảo về hành cảnh trong thiền định... thiện xảo về sở duyên trong thiền định và cũng thiện xảo về hành cảnh trong thiền định. Tại đây5 này các Tỷ-kheo, người tu thiên... tôi thượng, tôi diệu. (Tương tự đến kinh XLV là KINH SỞ DUYÊN - THIỆN XẢO VỀ THÍCH UNG, nội dung như kinh trên, chỉ thay thê "thiện xảo vê hành cảnh trong thiên djnh" bằng "thiện xảo về sở nguyện trong thiền định9\.. "thiện xảo về thích ứng trong thiền dậih").

XLVI-XLIX. NHÓM 4 KINH HÀNH CẢNH - SỞ NGUYỆN (Gocaramũỉakaabhinĩhãrasuttãdicatukka) (S. III. 276) 707. Nhân duyên ở Sãvatthi,.. thiện xảo về hành cảnh trong thiền định5 nhtmg không thiện xảo về sở nguyện trong thiền định... thiện xảo về sở nguyện trong thiền định, nhưng không thiện xảo về hành cảnh trong thiền định... không thiện xảo về hành cảnh trong thiền định, và cũng không thiện xảo về sở nguyện trong thiền định... thiện xảo về hành cảnh trong thiền định và cũng thiện xảo về sở nguyện trong thiền định... Ví nhu, này các Tỷ-kheo, từ bò cái nên có sữa? từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô9 từ sanh tô có thục tô9 từ thục tô có đề-hồ. Đề-hồ này được gọi là tối tôn. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo? vị tu thiền, thiện xảo về thiền chứng trong thiền định, cũng thiện xảo về thích ứng trong thiền định. Trong bốn vị tu

thiền ấy, vị này là... tối thượng, tối diệu. 708.. .. thiện xảo vê hành cảnh trong thiên định, nhimg không thiện xảo vê thận trọng trong thiền định... 709.. .. thiện xảo vê hành cảnh trong thiên định, nhimg không thiện xảo vê kiên trì trong thiền định... 710. ...thiện xảo vê hành cảnh trong thiên định, nhưng không thiện xảo vê thích ứng trong thiền định... L-LII. NHÓM 3 KINH THẬN TRỌNG SỞ NGUYỆN (AbhinThãramũlakasakkaccasuttãditikà) (5. III. 277) 711. Nhân duyên ở Sãvatthi... thiện xảo vê sở nguyện trong thiên định,

nhưng không thiện xảo về thận trọng trong thiền định... thiện xảo về thận trọng trong thiền định, nhưng không thiện xảo ve sở nguyện trong thiền định... không thiện xảo về sở nguyện trong thiền định, và cũng không thiện xảo về thận trọnẹ trong thiền định... thiện xảo về sở nguyện trong thiền định và cũng thiện xảo vê thận trọng trong thiền định. Tại đây, này các Tỷ-kheo, vị tu thiền... tối thượng, tối diệu. 712.. .. thiện xảo vê sở nguyện trong thiên định? nhimg không thiện xảo vê kiên trì trong thiền định... X 1 • 4. • 1 713. ...thiện xảo vê sở nguyện trong thiên định, nhưng không thiện xảo vê thích ứng trong thiền định... LIII-LIV. NHÓM 2 KINH HÀNH THẬN TRỌNG VÀ KIÊN TRÌ (Sakkaccamũlakasãtaccakãrĩsuttãdiduka)15 (5. III. 277) 714. Nhân duyên ở Sãvatthi... thiện xảo về thận trọng trong thiền định5 nhưng không thiện xảo về kiên trì trong thiền định... thiện xảo về kiên trì trong thiền định, nhimg không thiện xảo về thận trọng trong thiền định... không thiện xảo về thận trọng trong thiền định? và cũng không thiện xảo về kiên trì trong thiền định... thiện xảo về thận trọng trong thiền định và cũng thiện xảo về kiên trì trong thiền định. Tại đây? này các Tỷ-kheo? người tu thiền... tối thượng, tối diệu. 715.. .. thiện xảo về thận trọng trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thích ứng trong thiền định... LV. KINH HÀNH KIÊN TRÌ THÍCH ỨNG (Sãtaccamũlakasappãyakãrĩsuttd) (5. III. 277) 716. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo5 có bốn hạng người tu thiền này. Thế nào là bốn? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về kiên trì trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thích ứng trong thiền định. Ở đây, này các Tỷ-kheo? có người tu thiền, thiện xảo về thích ứng trong thiền định5 nhtrng không thiện xảo về kiên trì trong thiền định. Ở đây5 này các Tỷ-kheo? có người tu thiền, không thiện xảo về kiên trì trong thiền định và cũng không thiện xảo về thích ứng trong thiền định. Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về kiên trì trong thiền định, và cũng thiện xảo về thích ứng trong thiền định. Tại dây, này các Tỷ-kheo? người tu thiên, thiện xảo vê kiên trì trong thiên định và cũng thiện xảo về thích ứng trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, người tu thiền này là tối tôn, tối thắng, bậc thượng thủ, là tối thượng và toi diệu.

15 Trong bản tiếng Anh của PTS, mục LIII là Zeal and Perseverance, nghĩa là Nhiệt tâm và Kiên trì.

Ví như9 này các Tỷ-kheo? từ bò cái có được sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô? từ sanh tô có thục tô, từ thục tô có đề-hồ. Và đề-hồ được xem là tối tôn. Cũng vậy5 này các

Tỷ-kheo. vị tu thiên này, đối với bôn vị tu thiên ây, vị này là tối tôn5 tôi thăng5 là bậc thượng thủ, là tôi thượng và tôi diệu. Thế Tôn thuyết như vậy5 các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

IV. THIÊN SÁU XỨ

(SALÃYATANAVAGGA)

35.TỰƠNGƯNGSÁUXỨ (SALAY4TANASAMYUTTA)

PHẦN MỘT

NĂM MƯƠI KINH THỨ NHẤT

L PHẨM VÔ THƯỜNG (ANICCAVAGGA)

L KINH NỘI THÂN VÔ THƯỜNG (Ajjhattữniccasutta) (5. IV. 1) 1. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anãthapindika. Ở dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Mắt, này các Tỷ-kheo5 là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: caCái này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của tôi.59 Tai là vô thường... Mũi là vô thường... Lưỡi là vô thường... Thân là vô thường... Ý là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: 66Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi? cái này không phải tự ngã của tôi.59 Thấy vậy^ này các Tỷ-kheo5 vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với tai, nhàm chán đối với mũi, nhàm chán đối với lưỡi, nhàm chán đối với thân, nhàm chán đối với ý. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm5 không còn trở lại đời này nfta?9

II. KINH NỘI THÂN KHỔ (Ajjhattadukkhasutta) (5. IV. 2) 2.1 Mắt, này các Tỷ-kheo, là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi?5 Tai là khổ... Mũi là khổ... Lưỡi là khổ... Thân là khổ... Ý là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của tôi.,, Thấy vậy? này các Tỷ-kheo..."...không còn trở lại đời này nua/9 III. KINH NỘI THÂN VÔ NGÃ (Ajjhattanattasutta) (5. IV. 2) 3 Măt, này các Tỷ-kheo5 là vô ngã. Cái gì vô ngã cân phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i." Tai là VO ngã... Mũi la VO ngã... Lưỡi la VO ngã... Than la vô ngã... Ý là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i.” Thấy vậy..."...không còn trở lại đời này nữa.,, IV KINH NGOẠI THÂN VÔ THƯỜNG (Bãhirãniccasuttd) (S, IV. 2) 4. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường

là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: “Cái này không phải của tôi? cái này không phải là tôi9 cái này không phải tự ngã của tôi?5 Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: “cai này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của t6i." Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với các sắc, nhàm chán đối với các tiếng, nhàm chán đối với các hương, nhàm chán đối với các vị, nhàm chán đối với các xúc9 nhàm chán đối với các pháp. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: “Ta đã giải thoát." Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.^, V KINH NGOẠI THÂN KHỔ (Bãhữadukkhasutta) (5. IV. 3) 5. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần

1 Kinh này và các kinh sau đi thẳng vào nội dung chính của kinh, không có đoạn dẫn nhập: 4íNhư vậy tôi nghe... Các Tỷ-kheo ấy vâng đap Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:,,.

phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của tôi.59 Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi? cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của t6i" Thấy vậy...ta... không còn trở lại đời này nữa." VI. KINH NGOẠI THÂN VÔ NGÃ (Bãhừãnattasuttã) (S. IV. 3) 6. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của t6i." Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: “Cái này không phải của tôi9 cái này không phải là tôi9 cái này không phải tự ngã của t6i.” Thấy vậy... u... không còn trở lại đời này nữa.,, VIL KINH NỘI THÂN VÔ THƯỜNG THUỘC QUÁ KHỨ VÀ VỊ LAI (Ạijhattãniccãtĩtãnãgatasutta)23(5. IV. 4) 7. Mat, này các Tỷ-kheo5 là vô thường, kê cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [mắt] hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không J : Ạ _ Ạ • Ạ ___ w J r 1 - J...1 ___ 4- A • _ _ wX 1 1 _ • _ 4- Ạ • __ r • r VÃ tiêc nuôi đôi với măt quá khứ; không hoan hỷ đôi với măt tương lai; đôi với măt hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt. Tai là vô thường... Mũi là vô thường... Lưỡi là vô thường... Thân là vô thường... Ý là vô thường, kể cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [ý] hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với ý quá khứ; không hoan hỷ đối với ý tương lai; đối với ý hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt. VIII. KINH NỘI THÂN KHỔ THUỘC QUÁ KHỨ VÀ VỊ LAI (Ajjhattadukkhãtĩtãnãgatasuttdý (S IV. 4) 8. Mắt, này các Tỷ-kheo, là khổ, kể cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [mắt] hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với mắt quá khứ; không hoan hỷ đối với mắt tương lai; đối với mắt hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là khổ, kể cả quá khứ và vị lai5 còn nói gì đến [ý] hiện tại. Thấy vậy9 này

2 Bản tiếng Anh của PTS: Impermanent (iii) - the Personal, nghĩa là Vô thường (iii) - Trong thân. 3 Bản tiếng Anh của PTS: III (iii) - the Personal, nghĩa là Khổ (iii) - Trong thân.

các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với ý quá khứ; không hoan hỷ đối với ý tương lai; đối với ý hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt. IX. KINH NỘI THÂN VÔ NGÃ THUỘC QUÁ KHỨ VÀ VỊ LAI (Ajjhattãnattãtĩtãnãgatasuttdý (S. IV. 4) 9. Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô ngã? kể cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [mắt] hiện tại. Thấy vậy„ này các Tỷ-kheo vị đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với mắt quá khứ; không hoan hỷ đối với mắt vị lai; đối với mắt hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là vô ngã, kể cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [ý] hiện tại. Thấy vậy5 này các Tỷ-kheo? vị đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với ý quá khứ; không hoan hỷ đối với ý vị lai; đối với ý hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt. X. KINH NGOẠI THÂN VÔ THƯỜNG THUỘC QUÁ KHỨ VÀ VỊ LAI (Bữhirữniccãtĩtãnãgatasuttdý (S IV. 5) 10. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường, kể cả quá khứ và vị lai? còn nói gì đến [sắc] hiện tại. Thấy vậy? này các Tỷ-kheo? vị đa văn Thánh đệ tử không tiêc nuôi đôi với các săc quá khứ; không hoan hỷ đôi với các săc vị lai; đôi với các sắc hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt. Các tiêng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp, này các Tỷ-kheo9 là vô thường, kể cả [các pháp] quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [các pháp] hiện tại. Thấy vậy? này các Tỷ-kheo5 vị đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với các pháp quá khứ; không hoan hỷ đối với các pháp vị lai; đối với các pháp hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt. XL KINH NGOẠI THÂN KHỔ THUỘC QUÁ KHỨ VÀ VỊ LAI (Bãhiradukkhãữtãnãgatasuttdý (S IV. 5) 11. Các sắc5 này các Tỷ-kheo, là khổ? kể cả [các sắc] quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [các sắc] hiện tại. Thấy vậy? này các Tỷ-kheo? vị đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với các sắc quá khứ; không hoan hỷ đối với các sắc tương lai; đối với các sắc hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt. Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp, này các Tỷ-kheo, là khổ, kể cả [các pháp] quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [các pháp] hiện tại. Thấy vậy9 này các Tỷ-kheo5 vị đa văn Thánh đệ

4 Bản tiếng Anh của PTS: Void of the Self (iii) - the Personal, nghĩa là Vô ngã (iii) - Trong thân. 5 Bản tiếng Anh của PTS: Impermanent (iv) - the External, nghĩa là Vô thường (iv) - Ngoài thân. 6 Bản tiếng Anh của PTS: IU (iv) - the External, nghĩa là Khổ (iv) - Ngoài thân.

tử khôĩiệ tiếc nuối đối với các pháp quá khứ; không hoan hỷ đối với các pháp vị lai; đôi với cac pháp hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt. XII. KINH NGOẠI THÂN VÔ NGÃ THUỘC QUÁ KHỨVÀ VỊ LAI (Bãhirãnattãtttãnagatasuttd) 1 (S IV. 6) 12. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, kể cả [các sắc] quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [các

sắc] hiện tại. Thấy vậy5 này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với các sắc quá khứ; không hoan hỷ đối với các sắc vị lai; đối với các sắc hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt. Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, kể cả [các pháp] quá khứ và vị lai, còn nói gì đen [các pháp] hiện tại. Thấy vậy5 này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuôi đôi với các pháp quá khứ; không hoan hỷ đôi với các pháp vị lai; đối với các pháp hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.7

7 Bản tiếng Anh của PTS: Void of the Self (iv) - the External, nghĩa là Vô ngã (iv) - Ngoài thân.

n. PHẨM SONG ĐÔI (Y4MAKAK4GGA)

I. KINH TRƯỚC KHI CHỨNG CHÁNH ĐẲNG GIÁC THỨ NHẤT (PaḶhamapubbesambodhasuttdỷ (5. IV. 6) 13. Nhân duyên ở Sãvatthi. -Thuở trước, này các Tỷ-kheo, khi Ta chưa giác ngộ, chưa chứng Chánh đẳng giác, khi còn là Bồ-tát5 Ta suy nghĩ như sau: “Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của mắt? Cái gì là vị ngọt... của tai? Cái gì là vị ngọt... của mũi? Cái gì là vị ngọt... của lưỡi? Cái gì là vị ngọt... của thân? Cái gì là vị ngọt5 cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của y?” Này các Tỷ-kheo? về vấn đề này Ta suy nghĩ như sau: "Do duyên với mắt khởi lên lạc hỷ gi, đấy là vị ngọt của mắt. Mắt vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của mắt. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với mắt, đấy là xuất ly của mắt... của tai... của mũi... của lưỡi... của thân... Do duyên với ý khởi lên lạc hỷ gi, đấy là vị ngọt của ý. Ý vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của ý. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với ý5 đấy là xuất ly của Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo5 đối với sáu nội xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt

!ạ!à;ƯÁxạảảàăự69ạbđCCqqạủ9ựạủỵựâ:!âsulạ!ạ!ạ!:lắCạbđbắó:CạC!ắÁxạảảàăự69ạbb!óq qạủ9ựạủỵựâ:!bđ?ưũỵư l

nguy hiểm, cái gì là xuất ly của các sắc?... của các tiếng... của các hương... của các vị... của các xúc? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của các pháp?” về vấn đề này, này các Tỷ-kheo5 Ta suy nghĩ như sau: "Do duyên các sắc khởi lên lạc hỷ gi, đấy là vị ngọt của các sắc. Các sắc vô thường, khổ5 chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của các sắc. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với các sắc5 đấy là xuất ly của các sắc. ... các tiếng... các hương... các vị... các xúc... Do duyên các pháp khởi lên lạc hỷ gì5 đấy là vị ngọt của các pháp. Các pháp vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đay là nguy hiểm của các pháp. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với các pháp, đấy là xuất ly của các ph” Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo? đôi với sáu ngoại xứ này, Ta không như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt5 nguy hiêm là nguy hiêm, xuât ly là xuất ly, thời cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với các thế giới Thiên, Ma, Phạm thiên; đối với quần chúng gồm có Sa-môn5 Bà-la-môn; với chư thiên và loài người, Ta không xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác... Ta xác chứng Ta đã chứng Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác. Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa." III. KINH TÀM CẦU VỊ NGỌT THỨ NHẤT (Pathamaassãdapariyesanasutta)9 (5. IV. 8) 15. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sông tìm câu vị ngọt của măt; có vị ngọt nào của mắt, Ta đều thực nghiệm; vị ngọt của mắt như thế nào5 Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của mắt; có nguy hiểm nào của mắt, Ta đều thực nghiệm; nguy hiểm của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ- kheo, Ta đã sống tìm cầu xuất ly của mắt; có xuất ly nào của măt? Ta đêu thực nghiệm; xuât ly của măt như thê nào9 Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sông tìm câu vị ngọt của tai... của mũi... của lưỡi... của thân... Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của ý; có vị ngọt nào của ý? Ta đều thực nghiệm; vị ngọt của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo5 Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của ý; có nguy hiểm nào của ý5 Ta đêu thực nghiệm; nguy hiêm của ý như thê nào, Ta đã khéo thây với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo? Ta đã sống tìm cầu xuất ly của ý; có xuất ly nào của y, Ta đều thực nghiệm; xuất ly của ý như thế nào5 Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Cho đến khi nào5 này các Tỷ-kheo5 đối với sáu nội xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt? nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là sự xuất ly...

9 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: By Satisfaction, nghĩa là về vị ngọt.

Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng? nay không còn tái sanh nữa.^, IV. KINH TÀM CẦU VỊ NGỌT THỨ HAI (Putìyaassãdapariyesanasuttà) (S. IV. 9) 16. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sông tìm câu vị ngọt của các săc; có vị ngọt nào của các sắc? Ta đếu thực nghiệm; vị ngọt của các sắc như thế nào? Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của các sắc; có nguy hiểm nào của các sắc, Ta đều thực nghiệm... xuất ly của các sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo? Ta đã sống tìm cầu vị ngọt các tiếng... các hương... các vị... các xúc... Này các Tỷ-kheo? Ta đã sông tìm câu vị ngọt của các pháp; có vị ngọt nào của các pháp5 Ta đều thực nghiệm; vị ngọt của các pháp như thê nào? Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của các pháp; có nguy hiểm nào của các pháp, Ta đều thực nghiệm... xuất ly của pháp như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo5 đối với sáu ngoại xứ này? Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly... Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: “Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nua." V KINH NÉU KHÔNG CÓ VỊ NGỌT THỨ NHẤT (PaỊhamanoceassãdasuttà)iồ (5. IV. 10) 17. Nếu mắt không có vị ngọt, này các Tỷ-kheo? thời chúng sanh có thể không tham luyến mắt. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo5 mắt có vị ngọt nên chúng sanh tham luyển mắt. Nếu mắt không có nguy hiểm, này các Tỷ-kheo, thời chúng sanh có thể không nhàm chán đối với mắt. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, mắt có nguy hiểm nên chúng sanh nhàm chán đối với mắt. Nêu măt không có xuât ly, này các Tỷ-kheo5 thời chúng sanh không thê xuất ly khỏi mắt. Và

vì rằng, này các Tỷ-kheo, mắt có xuất ly nên chúng sanh có xuất ly khỏi mắt. Nếu tai không có vị ngọt... Nêu mũi không có vị ngọt... Nêu lưỡi không có vị ngọt... Nếu thân không có vị ngọt... Nếu ý không có vị ngọt, này các Tỷ-kheo, thời chúng sanh có thể không

10 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Without Satisfaction, nghĩa là Không có vị ngọt.

tham luyến đối với ý. Và vì rằng ý có vị ngọt, này các Tỷ-kheo, nên chúng sanh có tham luyến đối với ý. Nếu ý không có nguy hiểm, này các Tỷ-kheo? thời chúng sanh có thể không nhàm chán đối với ý. Và vì rằng ý có nguy hiểm, này các Tỷ-kheo, nên chúng sanh có nhàm chán đối với ý. Nếu ý không có xuất ly, này các Tỷ-kheo? thời chúng sanh không xuất ly khỏi ý. Và vì rằng ý có sự xuất ly, này các Tỷ-kheo, nên chúng sanh xuất ly khỏi ý. Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, chúng sanh đối với sáu nội xứ này không như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt? nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh ấy cùng với các thế giới [như] Thiên, Ma, Phạm thiên; cùng với chúng Sa-môn5 Bà-la-môn; với chư thiên và loài người, đã không sống với tâm được ly chấp trước, ly hệ phược, được giải thoát, không bị giới hạn. Và vì răng5 này các Tỷ-kheo? chúng sanh đôi với sáu nội xứ này đã như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo5 các chúng sanh ây cùng với các thế giới [như] Thiên, Ma, Phạm thiên; cùng với chúng Sa-môn5 Bà-la-môn; với chư thiên và loài người, đã sống với tâm được ly chấp trước, ly hệ phược5 được giải thoát, không bị giới hạn. VI. KINH NẾU KHÔNG CÓ VỊ NGỌT THỨ HAI (Dutiyanoceassãdasutta) (5. IV. 12) 18. (Như kinh trên, chỉ thay thế "sáu ngoại xứ: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp" cho "sáu nội xứ"). VII. KINH VỚI ƯA THÍCH THỨ NHẤT (PaḶhamãbhinandasuttà) (5. IV. 13) 19. Ai ưa thích mắt, này các Tỷ-kheo người ấy ưa thích khổ. Ai ưa thích khổ, Ta nói người ấy không thoát khỏi khổ. Ai ưa thích tai... mũi... lưỡi... thân... Ai ưa thích ý? nguôi ấy ưa thích khổ. Ai ưa thích khổ? Ta nói người ấy không thoát khỏi khô. Và ai không ưa thích mắt, này các Tỷ-kheo, người ấy không ưa thích khổ. Ai không ưa thích khổ, Ta nói người ấy thoát khỏi khổ. Ai không ưa thích tai... mũi... lưỡi... thân... Ai không ưa thích ý? người ấy không ưa thích khổ. Ai không ưa thích khổ, Ta nói người ấy thoát khỏi khổ. VIII. KINH VỚI ƯA THÍCH THỨ HAI (Dutiyãbhinandasutta) (S. IV. 13) 20. Ai ưa thích các sắc, này các Tỷ-kheo5 người ấy ưa thích khổ. Ai ưa thích khổ, Ta nói người ấy không thoát khỏi khổ.

Ai ưa thích các tiếng... các hương... các vị... các xúc... Ai ưa thích các pháp, người ấy ưa thích khổ. Ai ưa thích khổ, Ta nói người ấy không thoát khỏi kho. Và ai không ưa thích các sắc5 này các Tỷ-kheo, người ấy không ưa thích khổ. Ai không ưa thích khổ, Ta nói người ấy thoát khỏi khổ. Ai không ưa thích các tiếng... các hương... các vị... các xúc... Ai không ưa thích các pháp, người ấy không ưa thích khổ. Ai không ưa thích khổ, Ta nói người ấy thoát khỏi khổ. IX. KINH KHÔ SANH KHỞI THỨ NHẤT

(Pafhamadukkhuppadasutta)n (S. IV. 14) 21. Này các Tỷ-kheo, măt sanh khởi, chỉ trú, xuât sanh, xuât hiện là khô sanh khởi, bệnh tật chỉ trú, già chết xuất hiện. Này các Tỷ-kheo, tai... mũi... lưỡi... thân... ý sanh khởi, chỉ trú, xuất sanh, xuất hiện là khổ sanh khởi? bệnh tật chỉ trú, già chết xuất hiện. Và này các Tỷ-kheo, măt đoạn diệt, chỉ tức, diệt tận là khô đoạn diệt, bệnh tật chỉ tức, già chết diệt tận. Này các Tỷ-kheo5 tai... mũi... lưỡi... thân... ý đoạn diệt, chỉ tức, diệt tận là khổ đoạn diệt, bệnh tật chỉ tức, già chết diệt tận. X. KINH KHỔ SANH KHỞI THỨ HAI (Dutiyadukkhuppãdasuttă) (S. IV. 14) 22. Này các Tỷ-kheo5 các săc sanh khởi, chỉ trú, xuât sanh, xuât hiện là khô sanh khởi, bệnh tật chỉ trú, già chết xuất hiện. Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp sanh khởi, chỉ trú, xuât sanh, xuât hiện là khô sanh khỏi, bệnh tật chỉ trú, già chết xuất hiện. Và này các Tỷ-kheo? các sắc đoạn diệt, chỉ tức, diệt tận là khổ đoạn diệt, bệnh tật chỉ tức, già chết diệt tận. Các tiếng.. Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp đoạn diệt, chỉ tức, diệt tận là khổ đoạn diệt, bệnh tật chỉ tức, già chết diệt tận.

11 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: By the Uprising, nghĩa là về sự sanh khởi.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 731

III. PHẨM TẤT CẢ (SABBAVĂGGA)

I. KINH TẤT CẢ (Sabbasutta) (S. IV. 15) 23. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về tất cả. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là tất cả? Mắt và các sắc, tai và các tiếng, mũi và các hương, lưỡi và các vị? thân và các xúc5 ý và các pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo? gọi là tất cả. Nàỵ các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Sau khi từ bỏ tất cả này, ta sẽ tuyên bố [một] tât cả 0ác", thời lời nói người ấy chỉ là khoa ngôn.1213 Và khi bị hỏi5 người ây không thê chứng minh gì. Và hơn nữa, người ây có thê bị rơi vào ách nạn. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, như vậy ra ngoài giới vức (avisaya)u của người ấy. II. KINH ĐOẠN TẬN (Pahãnasutta) (S. IV. 15) 24. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về pháp đưa đến đoạn tận tât cả. Hãy lăng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp đưa đến đoạn tận tất cả? Mat, này các Tỷ-kheo, cân phải đoạn tận. Các săc cân phải đoạn tận. Nhãn thức cần phải đoạn tận. Nhãn xúc cần phải đoạn tận. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc5 khổ, hay bất khổ bat lạc; cảm thọ ấy cần phải đoạn tận. Tai... Mũi... Lưỡi cân phải đoạn tận. Các vị cân phải đoạn tận. Thiệt thức cần phải đoạn tận. Thiệt xúc cần phải đoạn tận. Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc, khô, hay bât khô bât lạc; cảm thọ ây cân phải đoạn tận. (Thân... Y...) Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là pháp đưa đến đoạn tận tất cả. III. KINH ĐOẠN TẬN NHỜ THẮNG TRI, LIỄU TRI (Abhinnãparinnãpahãnasuttă)14 (S IV. 16) 25. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về pháp đưa đến đoạn tận tất cả nhờ thắng tri (abhinnã). liễu tri (pariĩĩnã). Hãy lắng nghe. Và thê nào, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đên đoạn tận tât cả nhờ thăng tri, liễu tri? Mắt, này các Tỷ-kheo, cần phải đoạn tận nhờ thắng tri5 liễu tri. Các sắc cần

12 Vãcavatthu'. Chỉ nói suông. SA. II. 358: Vãcãya vattabbavatthumattakameva bhaveyya (Trau dồi lời nói trong mỗi sự kiện khi noi). 13 SA. II. 358: Người ấy có thể cố gắng lấy đầu đội mái nhà có nóc nhọn, hay lội qua dòng nước sâu, hay kéo mặt trăng,

mặt trời xuống. 14 Bản tiếng Anh của PTS: Abandoning (ii), nghĩa là Đoạn tận (ii).

phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Nhãn thức cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Nhãn xúc cần phải đoạn tận nhờ thắng tri? liễu tri. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khô? hay bât khô bât lạc; cảm thọ ây cân phải đoạn tận nhờ thắng tri5 liễu tri. Tai... Mũi... Lưỡi cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Các vị cần phải đoạn tận nhờ thắng tri? liễu tri. Thiệt thức cần phải đoạn tận nhờ thắng tri5 liễu tri. Thiệt xúc cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ glạc, khô, hay bât khô bât lạc; cảm thọ ây cân phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Thân... Ý cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Các pháp cần phải đoạn tận nhờ thăng tri, liêu tri. Y thức cân phải đoạn tận nhờ thăng tri, liêu tri. Y xúc cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy cần phải đoạn tận nhờ thắng tri5 liễu tri. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đến đoạn tận tất cả nhờ thắng tri, liễu tri. IV. KINH LIỄU TRI THỨ NHẤT (Pathamaaparijananasuttd) (S. IV. 17) 26. Này các Tỷ-kheo, không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ tất cả, thời không có thể đoạn tận khổ đau. Và này các Tỷ-kheo5 không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ tất cả cái gi, thời không có thể đoạn tận khổ đau? Này các Tỷ-kheo? không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ mắt, thời không có thể đoạn tận khổ đau. Không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ các sắc, thời không có thể đoạn tận khổ đau... nhãn thức... nhãn xúc... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ cảm thọ ấy, thời không có thê đoạn tận khô đau. Này các Tỷ-kheo, không thăng tri,... tai... mũi... lưỡi... thân... Không thắng tri5 không liễu tri; không ly tham, không từ bỏ ý? thời không có thể đoạn tận khổ đau. Không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ các pháp... ý thức... ý xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc, khố5 hay bất khổ bất lạc; không thắng tri, khôn^ liễu tri, không ly tham, không từ bỏ cảm thọ ây, thời không có thê đoạn tận khô khổ đau. Này các Tỷ-kheo, không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ tât cả cái ay. thời không co thê đoạn tận khô đau. Và này các Tỷ-kheo5 thắng tri5 liễu tri, ly tham, từ bỏ tất cả, thời có thể đoạn tận khổ đau. Và này các Tỷ-kheo? thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ tất cả cái gi, thời có thể đoạn tận khổ đau? Này các Tỷ-kheo5 thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ mắt, thời có thể đoạn tận khổ đau. Thắng tri, liễu tri... các sắc... nhãn thức... nhãn xúc... có thể đoạn tận

khổ đau. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc, khổ? hay bất khổ bất lạc; thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ cảm thọ ấy, thời có thể đoạn tận khổ đau. ... tai... các tiếng... nhĩ thức... nhĩ xúc... cảm thọ do duyên nhĩ xúc... ...mũi... các hương... tỷ thức... tỷ xúc... cảm thọ do duyên tỷ xúc... ... lưỡi... các vị... thiệt thức... thiệt xúc... cảm thọ do duyên thiệt xúc... ... thân... các xúc... thân thức... thân xúc... cảm thọ do duyên thân xúc... Thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ ý? thời có thể đoạn tận khổ đau... các pháp... ý thức... ý xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; thắng tri, liễu

tri, ly tham, từ bỏ cảm thọ ấy, thời có thể đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo5 thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ tất cả cái ấy, thời có thể đoạn tận khổ đau. V. KINH LIỄU TRI THỨ HAI (Putiyaaparijãnanasutta) (S IV. 18) 27. Này các Tỷ-kheo, do khôn^ thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ tất cả, thời không có thể đoạn tận khổ đau. Và này các Tỷ-kheo, không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ tất cả cái gì, thời không có thể đoạn tận khổ đau? Chính là mắt, là các sắc, là nhãn thức, là các pháp do nhãn thức nhận biết. ... tai... mũi... Chính là lưỡi, là các vị? là thiệt thức, là các pháp do thiệt thức nhận biết. Chính là thân, là các xúc, là thân thức, là các pháp do thân thức nhận biết. Và chính là V, là các pháp, là ý thức, là các pháp do ý thức nhận biết. Này các Tỷ-kheo, do không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ tat cả cái ấy, thời không có thể đoạn tận khổ đau. Và này các Tỷ-kheo? do thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ tất cả cái ấy, thời có thể đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo9 thắng tri? liễu tri, ly tham, từ bỏ tất cả cái gi, thời có thể đoạn tận khổ đau? Chính là mắt, chính là các sắc, chính là nhãn thức, chính là các pháp do nhãn thức nhận biết. Chính là tai... Chính là mũi... Chính là lưỡi, chính là các vị5 chính là thiệt thức, chính là các pháp do thiệt thức nhận biết. Chính là thân... Chính là ý, chính là các pháp, chính là ý thức, chính là các pháp do ý thức nhận biết. Này các Tỷ-kheo, do thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ tất cả cái ấy, thời có thể đoạn tận khổ đau.

VI. KINH BỊ BỐC CHÁY (Ãdittasuttd) (S. IV. 19) 28. Một thời5 Thế Tôn trú ở Gayã, tại Gayãsĩsa cùng với một ngàn Tỷ-kheo. Tại dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Y Tất cả9 này các Tỷ-kheo5 đều bị bốc cháy. Và này các Tỷ-kheo5 tất cả cái gì đều bị bốc cháy? Măt, này các Tỷ-kheo, bị bôc cháy. Các săc bị bôc cháy. Nhãn thức bị bôc cháy. Nhãn xúc bị bốc cháy. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị boc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bị bốc cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si. Ta nói rằng bị bôc cháy bởi sanh, già, chêt9 sâu? bi, khổ, ưu, não. Tai... Mũi... Lưỡi bị bốc cháy. Các vị bị bốc cháy. Thiệt thức bị bốc cháy. Thiệt xúc bị bốc cháy. Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị boc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bị bốc cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si. Ta nói rằng bị bốc cháy bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ5 ưu, não. Thân... Ý bị bốc cháy. Các pháp bị bốc cháy. Ý thức bị bốc cháy. Ý xúc bị bốc cháy. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì5 lạc, khổ5 hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị bốc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bị bốc cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si. Ta nói răng bị bôc cháy bởi sanh, già, chêt, sâu, bi, khô, ưu, não. Thấy vậy. này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đôi với các săc, nhàm chán đôi với nhãn thức, nhàm chán đôi với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì5 lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhàm chán đối với cảm thọ ấy... đối với tai... đối với mũi... đối với lưỡi... đối với thân... nhàm chán đối với ý5 nhàm chán đối với các pháp, nhàm chán đối với ý thức, nhàm chán đối với ý xúc. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì? lạc9 khô hay bât khô bât lạc; vị ây nhàm chán đôi với cảm thọ ây. Do nhàm chán nên vị ấy ly tham; do ly tham nên vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên hiếu biết rằng: "Ta đã giải tho t."Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm5 không còn trở lại đời này nữa.^, Thế Tôn

thuyết như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Và trong khi lời giải đáp này được nói lên, tâm của một ngàn Tỷ-kheo ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. VIL KINH MÙ LÒA (Addhabhũtasutta) (S. IV. 20) 29. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. __ _ ! ___ f ____ __ Tại đây5 The Tôn gọi các Tỷ-kheo: —Tất cả, này các Tỷ-kheo, là mù lòa. Và này các Tỷ-kheo, cái gì mù lòa?

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 735

Mat, này các Tỷ-kheo? là mù lòa. Các săc là mù lòa. Nhãn thức là mù lòa. Nhãn xúc là mù lòa. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì? lạc? khổ5 hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là mù lòa. Mù lòa bởi cái gì? Ta nói rằng mù lòa bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Tai... Mũi... Lưỡi là mù lòa. Các vị là mù lòa. Thiệt thức là mù lòa. Thiệt xúc là mù lòa. Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ glạc, khổ5 hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy mù lòa. Mù lòa bởi cái gì? Ta nói rằng mù lòa bởi sanh, già5 chết, sầu, bi, khổ5 ưu, não. Thân là mù lòa... Ý là mù lòa. Các pháp là mù lòa. Ý thức là mù lòa. Ý xúc là mù lòa. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc, khô hay bât khô bât lạc; cảm thọ ây là mù lòa. Mù lòa bởi cái gì? Ta nói răng mù lòa bởi sanh, già, chêt5 sâu, bi, khô5 ưu, não. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo5 vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với các sắc, nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc5 khổ9 hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhàm chán cảm thọ ấy... Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên hiểu biết rằng: "Ta đã được giải thoát.,, Vị ấy biết rõ rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." VIII. KINH THÍCH HỢP NHỔ BẬT GỐC (Samugghãtasãruppasuíta)15 (5. IV. 21) 30. Này các Tỷ-kheo? Ta sẽ thuyết cho các ông con đường thích hợp đưa r 2 - - “ rj J , . 3 .: đên nhô lên tât cả tư lường.16 Hãy lăng nghe và suy nghiệm kỹ5 Ta sẽ giảng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo không tư lường con mắt, không tư lường trên con mát, không tư luờng từ con mắt, không tư lường: "Con mắt là của ta." Vị ấy không tư lường các sac9 không tư lường trên các sắc, không tư lường từ các sắc, không tư lường: "Các sắc là của ta.” Vị ây không tư lường nhãn thức5 không tư lường trên nhãn thức, không tư lường từ nhãn thức, không tư lường: "Nhãn thức là của ta.” Vị ấy không tư lường nhãn xúc, không tư lường trên nhãn xúc5 không tư lường từ nhãn xúc? không tư lường: "Nhãn xúc là của ta." Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy của ta.”

15 Bản tiếng Anh của PTS: Proper, nghĩa là Thích hợp. 16 Sabbamannita\ Tất cả hoang tưởng. Xem KS. III. 3, 75ff; M. I. 486. Trọng Vbh. 390 có trình bày 9 hoang tưởng (mannita): Tôi là; Cái nay là tôi; Tôi sẽ không là; Tôi sẽ có sắc; Tôi sẽ không có sắc; Tôi sẽ có tưởng; Tôi sẽ không có tưởng; Tôi sẽ không có tưởng và khồng khồng có tưởng.

... tai... mũi... ... Vị ấy không tư lường lưỡi, không tư lường trên lưỡi? không tư lường từ lưỡi, không tư lường: "Lưỡi là của ta." Vị ấy không tư lường các vj, không tư lường trên các vị? không tư lường từ các vị? không tư lường: “Các vị là của ta." Vị ấy không tư lường thiệt thức, không tư lường trên thiệt thức, không tư lường từ thiệt thức, không tư lường: "Thiệt thức là của ta." Vị ấy không tư lường thiệt xúc, không tư lường trên thiệt xúc, không tư lường từ thiệt xúc, không tư lườnẹ: "Thiệt xúc là của ta.” Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc, khổ hay bat khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: "Cm thọ ấy là của ta.” ... Vị ấy khôíiệ tư lường ý, không tư lường trên ý5 không tư lường từ ý5 không tư lường: “Y là của ta.” Vị ấy không tư lường các pháp, không tư lường trên các pháp, không tư lường từ các pháp, không tư lường: "Các pháp là của ta." Vị ây không tư lường ý thức, không tư hrờng trên ý thức, không tư lường từ ý thức, không tư lường: "V thức là của ta.” Vị ây không tư lường ý xúc, không tư lường trên ý xúc, không tư lường từ ý xúc, không tư lường: UÝ xúc là của ta.” Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy là của ta." Này các Tỷ-kheo, tư lường cái gì5 tư lường trên cái gi, tư lường từ cái gì, tư lường cái gì là của ta, từ đấy cái ấy bị đổi khác. Ý tựa trên đổi khác, bám víu vào tái sanh, thế giới ưa thích tái sanh. Cho đến các uẩn, giới, xứ; này các Tỷ-kheo5 vị ấy không tư lường pháp ấy, không tư lường trên pháp ấy5 không tư lường từ pháp ấy, khôiiệ tư lường: "Pháp ấy là của ta.” Vị ay không tư lường như vậy nên không chap thủ một vật gì ở đời. Do không chấp thủ nên không ái luyến. Do không ái luyến nên tự mình được hoàn toàn tịch tịnh. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm9 không còn trở lại đời này nữa." Như vậy? này các Tỷ-kheo, là con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường. IX. KINH THÍCH HỢP ĐƯA ĐẾN NHỔ BẬT GỐC THỨ NHẤT (PaỊhamasamugghãtasappãyasutta)11 (5. IV. 23) 31. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo không tư lường con mắt, không tư lường trên con măt, không tư lường từ con măt9 khồng tư lường: "Con măt là của ta.” Vị ấy không tư lường các sắc... không tư lường nhãn thức... không tư lường17

17 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Helpful, nghĩa là Trợ giúp.

nhãn xúc... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì. lạc. khổ hay bất khổ bất lạc; vị ây không tư lường cảm thọ ây, không tư lường: "Cảm thọ ây là của ta." Này các Tỷ-kheo, phàm tư lường cái gi, tư lường trên cái gi, tư lường từ cái gì, tư lường cái gì là của ta, do vậy cái ấy đổi khác. Thế giới thích thú hiện hữu,18 vì thế giới dựa trên hiện hữu, vì rằng thế giới tham đắm hiện hữu. ... Vị ấy không tư lường lưỡi5 không tư lường trên lưỡi, không tư lường từ lưỡi? không tư lường: "Lưỡi là của ta." Vị ấy không tư lường các vị? không tư lường thiệt thức, không tư luỳng thiệt xúc. Do duyên thiệt xúc khởi lên

cảm thọ gì? lạc? khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: uCảm thọ ấy là của ta.” Này các Tỷ-kheo? phàm tư lường cái gi, tư lường trên cái gì, tư lường từ cái gi, tư lường cái gì là của ta, do vậy cái ấy đổi khác. Thế giới thích thú hiện hữu, vì thế giới dựa trên hiện hữu, vì rằng thê giới tham đắm hiện hữu. ... Vị ấy khônẹ tư lường ý? không tư lường trên ý„ không tư lường từ ý5 không tư lường: “Y là của ta." Vị ấy không tư lường các pháp, không tư lường ý thức, không tư lường ý xúc. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì? lạc? khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: uCảm thọ ấy là của ta.” Này các Tỷ-kheo, phàm tư lường cái gì, tư lường trên cái gi, tư lường từ cái gi, tư lường cái gì là của ta, do vậy cái ấy đổi khác. Thế giới thích thú hiện hữu, vì thế giới dựa trên hiện hữu5 vì rằng thể giới tham đắm hiện hữu. Này các Tỷ-kheo? xa cho đên uân, giới, xứ, vị ây không có tư lường pháp ấy, không tư lường trên pháp ấy, không tư lường từ pháp ấy, không tư lường: “Pháp ấy là của ta.” Vị ay không có tư lường như vậy nên không có chấp thủ một sự vật gì trong đời. Do không chấp thủ, nên không dao động (parỉtassatỉ)\ do không dao động, tự mình được hoàn toàn tịch tịnh (parinibbãyati). Vị ấy tuệ tri (pcỳãnãtiỵ "Sanh đã tận? Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” Này các Tỷ-kheo, đây là đạo lộ thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường. X. KINH THÍCH HỢP ĐƯA ĐÉN NHỔ BẶT GỐC THỨ HAI (Dutiyasamugghãtasappãyasutta) (S IV. 24) 32. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường? Các ông nghĩ thê nào, này các Tỷ-kheo? măt là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn.

18 Bhavasatta. SA. II. 363: Bhavesu satto laggo ỉagitopalỉbuddho ayam loko bhavamyeva abhỉnandatỉ (Thế giới này bị trói buộc, dính mắc, chương ngại trong vòng tái sanh, vui thích trong sự tái sanh). Trong trường hợp này, Satta có nghĩa là hiện có, trói buọc vào.

Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ? chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán: "Cái này là của tôi5 cái này là tôi? cái này là tự ngã của t6i” —Thưa không, bạch Thế Tôn. Các sắc... Nhãn thức... Nhãn xúc là thường hay vô thường? —Là vô thường, bạch Thế Tôn. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì5 lạc9 khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường là khổ hay lạc? -Là khổ5 bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi5 cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i” -Thưa không, bạch Thế Tôn. -... Tai... Các tiếng... Nhĩ thức... Nhĩ xúc... ... Mũi... Các hương.., Tỷ thức... Tỷ xúc... ... Thiệt... Các vị... Thiệt thức... Thiệt xúc... ... Thân... Các xúc... Thân thức... Thân xúc... ... Y... Các pháp... Y thức... Y xúc là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thể Tôn. -Cái gì vô thường là khổ hay lạc? - Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi? cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi,9?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt5 nhàm chán đối với các sắc5 nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì5 lạc5 khổ hay bất khổ bất lạc; vị ây nhàm chán đôi với cảm thọ ây... đôi với tai... đôi với mũi... đôi với lưỡi... đối với thân... nhàm chán đối với ý? nhàm chán đối với các pháp, nhàm chán đối với ý thức, nhàm chán đối với ý xúc. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhàm chán đối với cảm thọ ấy. Do nhàm chán nên vị ấy ly tham; do ly tham nên vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã giải thoHt." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, nay không còn trở lại đời này nữa." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 739

IV PHẨM SANH PHÁP ỰẴTIDHAMMAVAGGA)

IX NHÓM 10 KINH BẮT ĐÀU BẢNG KINH SANH PHÁP ựãtìdhammãdisuttadasaka) (5. IV. 26) 33. Nhân duyên ở Sãvatthi. Tại đấy... Này các Tỷ-kheo, tất cả phải bị sanh. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là tất cả phải bị sanh? Mắt, này các Tỷ-kheo, phải bị sanh. Các sắc phải bị sanh. Nhãn thức phải bị sanh. Nhãn xúc phải bị sanh. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì5 lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy phải bị sanh. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... V, này các Tỷ-kheo, phải bị sanh. Các pháp phải bị sanh. Ý thức phải bị sanh. Ý xúc phải bị sanh. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy phải bị sanh. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt... "...không còn trở lại đời này nữa.^ 34. Tất cả5 này các Tỷ-kheo, phải bị già (jarã).., 35. Tất cả5 này các Tỷ-kheo, phải bị bệnh (byãdhĩ)... 36. Tât cả, này các Tỷ-kheo, phải bị chêt (marană).., 37. Tất cả, này các Tỷ-kheo? phải bị sầu(SOẮZZ).. 38. Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị phiền não (samkỉlesa)^, 39. Tất cả5 này các Tỷ-kheo? phải bị đoạn tận (Q)... 40. Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị tiêu diệt (vaya)... 41. Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị tập khởi (samudaya),.. 42. Tất cả? này các Tỷ-kheo, phải bị đoạn diệt (nirodha)...

740 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỨ

V. PHẨM TẤT CẢ VÔ THƯỜNG (SABBAANICCA VAGGA)

I-IX. NHÓM 9 KINH BẮT ĐẦU BẢNG KINH VÔ THƯỜNG (Aniccãdisuttanavakà) (S. IV. 28) 43. Nhân duyên ở Sãvatthi. Tất cả, này các Tỷ-kheo? là vô thường (anicca)... 44. Tất cả? này các Tỷ-kheo, là khổ (dukkhă)... 45. Tất cả, này các Tỷ-kheo, là vô ngã (anaítã)... 46. Tất cả, này các Tỷ-kheo? cần phải thắng tri (abhinneyya)... 47. Tất cả, này các Tỷ-kheo? cần phải liễu tri (parinneyya)... 48. Tất cả? này các Tỷ-kheo, cần phải đoạn tận (pahãtabba)... 49. Tât cả? này các Tỷ-kheo, cân phải chứng ngộ (sacchỉkãtabbă)... 50. Tất cả, này các Tỷ-kheo, cần phải thắng tri5 liễu tri (abhinnaparinneyya)... 51. Tất cả, này các Tỷ-kheo? bị phiền lụy (ựpaddutà)... X. KINH BỊ ÁP ĐẢO (Upassafthasutta) (S IV. 29) 52. Tất cả, này các Tỷ-kheo, bị áp đảo. Và này các Tỷ"kheo? cái gì bị áp đảo? Mắt, này các Tỷ-kheo, bị áp đảo. Các sắc bị áp đảo. Nhãn thức bị áp đảo. Nhãn xúc bị áp đảo. Do

duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khô bât lạc; cảm thọ ây bị áp đảo. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý bị áp đảo. Các pháp bị áp đảo. Ý thức bị áp đảo. Ý xúc bị áp đảo. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì? lạc, khô9 hay bât khô bât lạc; cảm thọ ây bị áp đảo. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo? vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt... không còn trở lại đời này nữa."

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 741

PHẢN HAI

NĂM MVƠI kinh thứ hai

VI. PHẨM VÔ MINH (AVIJJAVAGGA)

I. KINH ĐOẠN TẬN VÔ MINH (Aviijãpahãnasuttay9 (5. IV. 30) 53. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Do biết như thế nào5 bạch Thế Tôn, do thấy như thế nào, vô minh được đoạn tận? minh được sanh khởi? Này Tỷ-kheo, do biết, do thấy mắt là vô thường, vô minh được đoạn tận? minh được sanh khởi. Do biêt? do thây các săc là vô thường, vô minh được đoạn tận? minh được sanh khởi... nhãn thức... nhãn xúc... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì5 lạc? khổ hay bất khổ bất lạc; do biết, do thấy cảm thọ ấy là vô thường, vô minh được đoạn tận9 minh được sanh khởi. ... tai... mũi... lưỡi... thân... Do biết, do thấy ý là vô thường, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi... các pháp... ý thức... ý xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ? hay bất khổ bất lạc; do biết, do thấy cảm thọ ấy là vô thường, vô minh được đoạn tận? minh được sanh khởi. Do biết như vậy, này các Tỷ-kheo9 do thấy như vậy, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi. II. KINH ĐOẠN TẬN KIẾT sử (Sainyojanapahanasutta)19 20 (S IV. 31) 54. Do biết như thế nào, bạch Thế Tôn, do thấy như thế nào, các kiết sử được đoạn tận? Này các Tỷ-kheo? do biết, do thấy mắt là vô thường, các kiết sử được đoạn tận... các sắc... nhãn thức... nhãn xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc? khổ, hay bất khổ bất lạc; do biết, do thấy cảm thọ ấy là vô thường, các kiết sử được đoạn tận.

19 Bản tiếng Anh của PTS: Ignorance, nghĩa là Vô minh. 20 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Fetters, nghĩa là Các kiết sử.

742 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỨ

Do biết như vậy, này các Tỷ-kheo, do thấy như vậy, các kiết sử được đoạn tận. III. KINH NHỔ SẠCH KIẾT sử (Samyojanasamugghãtasutta) (5. IV. 31) 55. - Do biết như thế nào, bạch Thế Tôn, do thấy như thế nào, các kiết sử được nhổ sạch? Này các Tỷ-kheo? do biết, do thấy mắt là vô ngã9 các kiết sử được nhổ sạch... các sắc... nhãn thức... nhãn xúc*.. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc9 khô hay bât khô bât lạc; do biêt5 do thây cảm thọ ây là vô ngã, các kiêt sử được nhổ sạch. Do biết như vậy? này các Tỷ-kheo, do thấy như vậy5 các kiết sử được nhổ sạch. IV. KINH ĐOẠN TẬN CÁC LẬU HOẶC (�four;savapahãnasutta)21 (5. IV. 32) 56. (Như kinh 54 ở trên, chí thay thế "các lậu hoặc^,). V. KINH NHỔ SẠCH CÁC LẬU HOẶC (�four;savasamugghãtasuttã) (S. IV. 32) 57. (Như kinh

55 ở trên, chỉ thay thế "các lậu hoặc”). VI. KINH ĐOẠN TẬN TÙY MIÊN (Anusayapahãnasutía)22 (5. IV. 32) 58. (Như kinh 56 ở trên, chỉ thay thế "tùy mi3n"). VII. KINH NHỔ SẠCH TÙY MIÊN (Anusayasamugghãtasutta) (S. IV. 32) 59. (Như kinh 57 ở trên, chỉ thay thế "tùy miên,,). VIII. KINH LIỄU TRI TẤT CẢ CHẤP THỦ (Sabbupãdãnaparínỉiãsutta)23 (5. IV. 32) 60. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về pháp đưa đến liễu tri tất cả chấp thủ. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp đưa đến liễu tri tất cả chấp thủ? Do duyên mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức. Do ba pháp này hợp lại có xúc. Do duyên xúc có thọ. Thây vậy5 này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với các sắc, nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc5 nhàm chán đối với thọ. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy được giải thoát. Nhờ giải thoát, vị ấy biết rõ: "Ta đã liễu tri chấp thủ.,, Do duyên tai và các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Do duyên mũi và các hương... Do duyên lưỡi và các vị... Do duyên thân và các xúc... Do duyên ý và các pháp, khởi lên ý thức. Do ba pháp này hợp lại có xúc. Do

21 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: The Åsavas, nghĩa là Các lậu hoặc. 22 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS: Lurking Tendency, nghĩa là Tùy miên. 23 Bản tiếng Anh của PTS: Comprehension, nghĩa là Liễu tri.

duyên xúc có thọ. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo5 vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với ý, nhàm chán đối với các pháp, nhàm chán đối với ý thức, nhàm chán đối với ý xúc, nhàm chán đối với thọ. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy được giải thoát. Nhờ giải thoát, vị ấy biết rõ: "Ta đã liễu tri chấp thiỉ." Như vậy? này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đên liêu tri tât cả châp thủ. IX. KINH CHẤM DỨT TẤT CẢ CHẤP THỦ THỨ NHẤT (PaỊhamasabbupãdãnapariyãdãnasutta)24 (S IV. 33) 61. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ. Hãy lắng nghe. Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ? Do duyên con mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức. Do ba pháp này hợp lại có xúc. Do duyên xúc có thọ. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo? vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đôi với măt, nhàm chán đôi với các săc9 nhàm chán đôi với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc? nhàm chán đối với thọ. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do lỵ tham, vị ấy được giải thoát. Nhờ giải thoát, vị ấy biết rõ: “Ta đã chấm dứt chấp thủ.^^ ... tai... mũi... lưỡi... thân... Và do duyên ý và các pháp, khởi lên ý thức. Do ba pháp này hợp lại có xúc. Do duyên xúc có thọ. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với ý? nhàm chán đối với các pháp, nhàm chán đối với ý thức, nhàm chán đôi với ý xúc, nhàm chán đôi với thọ. Do nhàm chán, vị ây ly tham; do ly tham, vị ấy được giải thoát. Nhờ giải thoát, vị ấy biết rõ: “Ta đã chấm dứt chấp thủ.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ. X. KINH CHẤM DỨT TẤT CẢ CHẤP THỦ THỨ HAI (Dutìyasabbupãdãnapariyãdãnasutta) (5. IV 34) 62. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ? Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, mắt là

thường hay vô thường? -Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ, bạch Thế Tôn. —Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i"?

24 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch^ Exhausting, nghĩa là Làm chấm dứt; bản Hán dịch: Nhứt thiêt thủ đích mao tận kỉnh (NAG. 0006.35.61-62. 0043al2- 0044a09).

- Thưa không, bạch Thế Tôn. ... sắc... nhãn thức... nhãn xúc... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì... ... tai... mũi... lưỡi... thân... ... ý... các pháp... ý thức... ý xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì? lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thế Tôn... Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, :r r • re • re : nhàm chán đôi với các săc, nhàm chán đôi với nhãn thức, nhàm chán đôi với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì9 lạc, khô hay bât khộ bât lạc; vị ây nhàm chán đôi với cảm thọ ây... đôi với tai... đôi với mũi... đôi với lưỡi... đối với thân... Vị ấy nhàm chán đối với ý? nhàm chán đối với các pháp, nhàm chán đối với ý thức? nhàm chán đôi với ý xúc. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì5 lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhàm chán đối với cảm thọ ấy. Do nhàm chán, vị ấy lỵ tham; do ly tham, vị ay được ệiấi thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: “Ta đã giải thoát.Vị ấy biet rõ: "Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Đây5 này các Tỷ-kheo5 là pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ.

VII. PHẨM MIGAJALA (MIGAJALAVAGGA)

I. KINH MIGAJALA THỨ NHẤT (PaỊhamamigạịãỉasutta)25 (5. IV. 35) 63. Nhân duyên ở Sãvatthi. Tôn ệiả Migajala đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Migajala bạch The Tôn: “s§ng một mình! sống một minh!, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là sống một mình? Và cho đến như thế nào là sống có người thứ hai? Này Migạjãla5 có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc? khả hỷ5 khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán dương và trú với lòng tham luyến sắc ấy; do vị ấy hoan hỷ5 tán dương và trú với lòng tham luyến sắc ấy nên hỷ (nandí) khởi lên. Do hỷ có mặt nên dục tham (sãrãga) có mặt. Do dục tham có mặt nên triền phược có mặt. Bị trói buộc bởi hỷ triền phược, này Migạjãla? nên Tỷ-kheo được gọi là người sống có người thứ hai. ... có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân nhận thức... Này Migạjãla? có những pháp do ý nhận thức, khả lạc? khả hỷ? khả ý5 khả ái, liên hệ đến dục9 hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ9 tán dương và trú với lòng tham luyến pháp ấy; do vị ấy hoan hỷ5 tán dương và trú với lòng tham luyến pháp ấy nên hỷ khởi lên. Do hỷ có mặt nên dục tham có mặt. Do dục tham có mặt nên triền phược có mặt. Bị trói buộc bởi hỷ triền phược? này Migạjãla5 nên Tỷ-kheo được gọi là người sống có người thứ hai. Tỷ-kheo sông như vậy, này Migajala, dâu cho đên ở các trú xứ xa văng,

các khóm rừng, các khu rừng, ít tiếng động, ít ồn ào5 khỏi hơi thở quàn chúng (vựanavãta), vắng người, thích hợp với tịnh; dầu vậy5 vẫn được gọi là sống có người thứ hai. Vì sao? Vì răng ái? người thứ hai, chưa được đoạn tận5 cho nên được gọi là sống có người thứ hai. Và này Migajala, có các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý9 khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ5 không tán dương và trú với lòng không tham luyến sắc ấy; thời do vị ấy không hoan hỷ, không tán dương và trú với lòng không tham luyến sắc ấy nên hỷ đoạn diệt; thời do hỷ

25 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS viết: By Migqiảỉa, nghĩa là Tồn giả Mỉgcỳãla.

không có mặt nên dục tham không có mặt. Do dục tham không có mặt nên triền phược không có mặt. Do không bị trói buộc bởi hỷ triền phược, này Migajala, nên Tỷ-kheo được gọi là người trú một mình. Này Migajala, có những tiếng... hương... vị... xúc... Này Migajala, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý? khả ái, liên hệ đên dục? hâp dân. Nêu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán dương và trú với tâm không tham luyến pháp ấy; thời do vị ấy không hoan hỷ? không tán dương, trú với tâm không tham luyến pháp ấy nên hỷ đoạn diệt. Do hỷ không có mặt nên dục tham không có mặt. Do dục tham không có mặt nên triền phược không có mặt. Do không bị trói buộc bởi hỷ triền phược, này Migạjãla9 nên Tỷ- kheo được gọi là người trú một mình. Tỷ-kheo sống như vậy? này Migạjãla5 dầu có ở giữa làng tràn đầy những Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo-ni, nam cư si, nữ cư sĩ, vua chúa, đại thần của vua, các ngoại đạo và các đệ tử của các ngoại dạo, vị ấy vẫn được gọi là vị sống một mình. Vì sao? Vì rằng ái, người thứ hai, được đoạn tận9 do vậy được gọi là sống một mình. II. KINH MIGAJALA THỨ HAI (Dutìyamigạịãỉasutta) (5. IV. 37) 64. Rồi Tôn giả Migạjãla đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Migajala bạch Thế Tôn: Lành thay, bạch Thế Tôn5 nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe pháp ấy con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Này Migạiãla, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ5 khả ý, khả -Y.Y ĩ ___ ĩ

ái, liên hệ đên dục5 hâp dân. Nêu Tỷ-kheo hoan hỷ9 tán dương, sông với tâm tham luyên sãc ây; do vị ây hoan hy, tán dương, sông với tâm tham luyên săc ây nên hỷ sanh. Này Migạjãla, Ta nói rằng do hỷ tập khởi nên khổ tập khởi. ... tiếng... hương... vị... xúc... Này Migajala, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý? khả ái9 liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hy, tán dương, sống với tâm tham luyên pháp ấy; do vị ấy hoan hỷ5 tán dương sông với tâm tham luyến pháp ấy nên hỷ sanh. Này Migajala, Ta nói rằng do hỷ tập khởi nên khổ tập khởi. Này Migajala, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ5 khả ý? khả ái, liên hệ đến dục? hấp dẫn. Neu Ty-kheo không hoan hỷ, không tán dương, sống với tâm không tham luyến sắc ấy; do vị ấy không hoan hỷ5 không tán dương, sống với tâm không tham luyến sắc ấy nên hỷ diệt. Này Migajala, Ta nói rằng do hoan hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diệt. ... tiếng... hương... vị... xúc... Này Migajãla5 có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý9 khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nấu Tỷ-kheo không hoan hỷ9 không tán dương, sống

với tâm không tham luyên pháp ây; do vị ây không hoan hỷ5 không tán dương, sống với tâm không tham luyến pháp ấy nên hỷ diệt. Này Migạiãla, Ta nói rằng do hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diệt. Rồi Tôn giả Migajala, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy? liền từ chỗ ngồi đứng dậy5 đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi Tôn giả Migajala sống một mình, an tịnh? không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chính là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, ngay trong hiện tại với thắng trí tự mình chứng ngộ? chứng đạt và an trú. Vị ây biêt rõ răng: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.,, Và Tôn giả Migajala trở thành một vị A-la-hán nữa. III. KINH SAMIDDHI HỎI VÈ MÃRA THỨ NHẤT (PaỊhamasamiddhimãrapanhãsutta)26 (S IV. 38) 65. Một thời, Thế Tôn trú ở Rặjagaha (Vương Xá), VèỊuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Tôn giả Samiddhi đi đến Thế Tôn... và bạch Thế Tôn: "M ra, Mãra9\ như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là Mãra? hay là danh nghĩa Mãra (mãrapannatíi)? Này Samiddhi, chỗ nào có mắt, có các sắc5 có nhãn thức, có các pháp do mắt nhận thức, tại chỗ ấy có Mãra, hay có danh nghĩa Mãra. Chỗ nào có tai... có mũi... có lưỡi... có thân... Chỗ nào có ý9 có các pháp? có ý thức, có các pháp do ý nhận thức5 chỗ ấy có Mãra, hay có danh nghĩa Mãra. Và này Samiddhi, chỗ nào không có mắt, không có các sắc, không có nhãn thức, không có các pháp do mắt nhận thức, tại chỗ ấy không có Mãra9 hay không có danh nghĩa Mãra. Chỗ nào không có tai... không có mũi... không có lưỡi... không có thân... Chỗ nào không có ý5 không có các pháp? không có ý thức, không có các pháp do ý nhận thức, tại chỗ ấy không có Mãra, hay không có danh nghĩa Mãra. IV KINH SAMIDDHI HỎI VỀ HỮU TÌNH (Samiddhisattapanhãsutta) (S. IV. 39) 66. "Hữu tình, hữu tình (sattăỴ\ bạch Thế T6n, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là hữu tình, hay danh nghĩa hữu tình?... (như kinh trên).

26 Tên kinh này và 3 kinh kế tiếp (66, 67, 68) trong bản tiếng Anh của PTS viết: Samỉddhỉ, chỉ cho Tôn giả Samỉddhỉ.

V. KINH SAMIDDHI HỎI VÈ KHỔ (Samiddhidukkhapanhãsuttd) (S. IV. 39) 67. uKhổ5 khổ9\ bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn? là khổ? hay là danh nghĩa của khổ?... (như kinh trên). VI. KINH SAMIDDHI HỎI VÈ THẾ GIỚI (Samiddhilokapanhãsuttà) (S. IV. 39) bạch Thế Tôn? như vậy được nói đến. Cho đến 68. - "Thế giới, thế giớf\2728 như thế nào, bạch Thế Tôn? là thế giới, hay là danh nghĩa thế giới? Chỗ nào, này Samiddhi, có mắt, có các sắc, có nhãn thức, có các pháp do mắt nhận thức, tại chỗ ấy có thế giới5 hay danh nghĩa thế giới... Chỗ nào có ý5 có các pháp, có ý thức, có các pháp do ý nhận thức, tại chỗ ấy có thế giới? hay có danh nghĩa thế giới. Và tại chỗ nào, này Samiddhi, không có mắt, không có các sắc, không có nhãn thức, không có các pháp do mắt nhận thức, tại chỗ ấy không có thế giới, hay không có danh nghĩa thế giới... không có ý... tại chỗ ấy? không có thế giới, hay không có danh nghĩa thế giới. VII. KINH RẮN ĐỘC VÀ UPASENA (Upasenaãsĩvisasuttà)2S (S IV. 40) 69.

Một thời, Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Upasena trú ở Rậịagaha (Vương Xá), Sĩtavana (Hàn Lâm)? tại hang Đầu Con Rắn (Sappasondikapabbhãrd). Lúc bấy giờ, một con rắn độc rơi trên thân Tôn giả upasena. Rồi Tôn giả Upasena gọi các Tỷ-kheo: Chư Hiền? hãy đến và nhấc cái giường cùng với cái thân này của tôi đưa ra ngoài, trước khi thân này ở đây bị phân tán như một nắm rơm. Được nghe nói vậy, Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả upasena: Nhưng chúng tôi không thấy thân Tôn giả Upasena đổi khác hay các căn bị biến hoại. Nhưng Tôn giả upasena nói như sau: Này chư Hiền, hãy đến và nhấc cái giường cùng với cái thân này của tôi đưa ra ngoài, trước khi thân này ở đây bị phân tán như một nắm rơm. Này Hiền giả Sãriputta, đối với ai nghĩ rằng: í6Tôi là con mắt", hay: “Con mắt là của toi?9... "Tôi là cái lưỡi59, hay: "Cái lưỡi là của t6i.". "Tôi là ýy? hay: "V là của tôr\ thời đối với các người ấy, này Hiền giả Sãriputta, thân có thể bị đổi khác, hay các căn bị biến hoại. Và này Hiền giả Sãriputta, tôi không nghĩ như sau: "Tôi là con mắt”hay: “Con mắt là của t6i."..."T6i là cái lu&i”hay: "Cái lưỡi là của tôi.59... hay: "Tôi là Ỹ\ hay: "V là của tôi5\ thời này Hiền giả Sãriputta, làm sao thân ấy của tôi lại có thể đổi khác, hay các căn có thể biến hoại.

27 Loka. SA. II. 368 viết lujjanapalujjanatthena, nghĩa là sự vỡ vụn, hoại diệt, sự vô thường. 28 Bản tiếng Anh của PTS viết: Upasena, chỉ cho Tôn giả Ưpasena.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 749

Vì răng trong một thời gian dài, Tôn giả ưpasena đã khéo nhô tận gôc ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên? cho nên Tôn giả Upasena không có những tư tưởng như: uTôi là con mắf\ hay: "Con mắt là của t6i.”.. hay: "T6i là cái lưỡi9\ hay: uLưỡi là của t6i.”.. hay: "Tôi là y”hay: Ế6Ý là của tôi.,, Rồi các Tỷ-kheo ấy nhấc cái giường cùng với Tôn giả upasena ra ngoài. Rôi thân của Tôn giả upasena, ngay tại chô ây bị phân tán như một năm rơm. VIII. KINH UPAVÃNA VÀ PHÁP THIẾT THựC HIỆN TẠI (Upavanasanditthikasutta) 29 (5. IV. 41) 70. Rồi Tôn giả Upavãna đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tôn giả upavãna bạch Thế Tôn: uPháp thiết thực hiện tại, pháp thiết thực hiện tại (sanditthika dhammăỹ\ bạch Thế Tôn? như vậy được noi đến. Cho đến như the nào5 bạch Thế Tôn, la pháp thiết thực hiện tại? có kết quả tức thời5 đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được những người có trí tự mình giác hiểu? Ở dây, này Upavãna, sau khi mắt thấy sắc? Tỷ-kheo cảm thọ sắc và cảm thọ tham sắc; và có nội tham đối với các sắc, vị ấy biết rõ: "T6i có nội tham đối với các sắc.” Cho đến chừng nào sau khi mắt thấy sắc? Tỷ-ldieo cảm thọ sắc và cảm thọ tham sắc; và có nội tham đối với các săc, vị ấy biết rõ: “T6i có nội tham đối với các sắc." Như vậy, này upavãna, là thiết thực hiện tại5 có kết quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được những người có trí tự mình giác hiểu. Lại nữa, này upavãna, Tỷ-kheo sau khi tai nghe tiêng... sau khi mũi ngửi hương... Lại nữa, này Upavãna, Tỷ-kheo sau khi lưỡi nêm vị... thân cảm xúc... Lại nữa, này Upavãna, sau khi ý nhận biết pháp, Tỷ-kheo cảm thọ pháp và cảm thọ tham pháp; và có nội tham đối với các pháp, vị ấy biết rõ: "Tôi có nội tham đối với các ph"Cho đến chừng nào sau khi ý nhận biết pháp5 Tỵ-kheo cảm thọ pháp và cảm thọ tham pháp; và có nội tham đối với các pháp, vị ấy biết rõ: "T6i có nội tham đối với các pháp.” Như vậy5 này upavãna, là thiết thực hiện tại, có kết quả tức

thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được những người có trí tự mình giác hiểu. Ở dấy, này upavãna, sau khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo cảm thọ sắc, nhưng không cảm thọ tham sắc; và không có nội tham đôi với sắc, vị ấy biết rõ: "Tôi r JLcó• nội tham đối với rsac?9 Cho đến chừng không J nào, này'upavãna, r9 sau khi mắt thây săc, Tỷ-kheo cảm thọ sac, nhimg không cảm thọ tham săc; và không có nội tham đôi với các sắc, vị ấy biết rõ: “T6i không có nội tham đối với các sắc." • • •X # r í. * o e r 7 Như vậy5 này Ưpavãna, là thiêt thực hiện tại, có kêt quả tức thời, đên đê mà thây, có khả năng hướng thượng, được những người có trí tự mình giác hiểu.

29 Vị thị giả của đức Thế Tôn, trước Tôn giả Ãnanda. Bản tiếng Anh của PTS viết: Upavãna, chỉ cho Tôn giả Ưpavãna.

Lại nữa, này upavãna, Tỷ-kheo sau khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... Lại nữa, này upavãna, sau khi ý nhận thức pháp, Tỷ-kheo cảm thọ pháp nhưng không cảm thọ tham pháp; và không có nội tham đôi với pháp, vị ấy biêt rõ: "Tôi không có nội tham đối với pháp." Cho đến chừng nào, này upavãna, Tỷ-kheo sau khi ý nhận thức pháp, cảm thọ pháp nhưng không cảm thọ tham pháp; và không có nội tham đôi với pháp, vị ây biết rõ: “T6i không có nội tham đối với pháp.” Như vậy, này upavãna, là thiết thực hiện tại, có kết quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được những người có trí tự mình giác hiểu. IX. KINH SÁU XÚC XỨ THỨ NHẤT (PaḶhamachaphassãyatanasuttà) (S. IV. 43) 71. - Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo? không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của sáu xúc xứ; vị ấy không thành tựu Phạm hạnh, còn đứng xa Pháp và Luật này. Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: Ở dây, bạch Thế Tôn, con đã thất vọng.30 Bạch Thế Tôn? con không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diet, vị ngọt? sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ. Ong nghĩ thê nào, này Tỷ-kheo, ông có quán con măt: "Cái này là của tôi5 cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i"? - Thưa không, bạch Thế Tôn. - Lành thay, này Tỷ-kheo. Ở đây, này Tỷ-kheo, do ông như thật thấy con mắt với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi? cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của t6i"; như vậy là khéo thấy. Đây là khổ được đoạn tận. ... tai... mũi... lưỡi... thân... Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo, ông có quán ý: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i"? Thưa không, bạch Thế Tôn. Lành thay, này Tỷ-kheo. Ở dây, này Tỷ-kheo, do ông như thật thấy ý với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của t6i"; như vậy là khéo thấy. Đây là khổ được đoạn tận.

X. KINH SÁU XÚC XỨ THỨ HAI (Dutìyachaphassãyatanasutta) (S IV 44) 72. Tỷ-kheo nào9 này các Tỷ-kheo5 không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt5 sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ; vị ấy không thành tựu Phạm hạnh, còn đứng xa Pháp và Luật này.

30 Anassãsỉka: Không được an ủi. SA. II. 369: Aham ettha anassasim, nattho nãma ahantỉ vadatỉ (Ở đây con đã thất niệm, tức là con đã bị lạc lối).

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 751

Được nghe nói vậy9 một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: -Ở đây, bạch Thế Tôn5 con thất vọng. Bạch Thế Tôn, con không như thật biết rõ sự tập khởi5 sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ. Ông nghĩ thế nào? này Tỷ-kheo, ông có quán con mắt: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này là tự ngã của t6i" Thưa có vậy? bạch Thê Tôn. Lành thay, này Tỷ-kheo. Ở đây, này Tỷ-kheo, do ông như thật thấy con mắt với chánh trí tuệ: í6Cái này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi9 cái này không phải tự ngã của t6i"; như vậy là khéo thấy. Như vậy xúc xứ thứ nhất này sẽ được ông đoạn tận, không còn tái sanh nữa trong tương lai. ... tai... mũi... lưỡi... thân... Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo? ông có quán ý: 66Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi5 cái này không phải là tự ngã của t6i" - Thưa có vậy? bạch Thế Tôn. Lành thay, này Tỷ-kheo. Ở dây, này Tỷ«kheo, do ông như thật thấy ý với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i"; như vậy là khéo thấy. Như vậy xúc xứ thứ sáu này sẽ được ông đoạn tận9 không còn tái sanh nữa trong tương lai. XL KINH SÁU XÚC XỨ THỨ BA (Tatiyachaphassăyatanasutta) (5. IV. 44) 73. Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo5 không như thật biết rõ sự tập khởi5 sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiêm và sự xuất ly của sáu xúc xứ; vị ây không thành tựu Phạm hạnh, còn đứng xa Pháp và Luật này. Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn5 con thất vọng. Bạch Thế T6n, con không như thật biêt rõ sự tập khởi, sự đoạn diet, vị ngọt? sự nguy hiêm và sự xuât ly của sáu xúc xứ. Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo5 mắt là thường hay vô thường? -Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? - Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ9 chịu sự biến hoại5 có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i"? - Thưa không, bạch Thế Tôn. ... tai... mũi... lưỡi... thân... Ong nghĩ thê nào, này Ty.kheo, ý là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn.

752 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỬ

Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy: uCái này là của tôi? cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i" - Thưa không, bạch Thế Tôn. Thấy vậy, này Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với tai, nhàm chán đối với mũi, nhàm chán đối với lưỡi, nhàm chán đối với thân5 nhàm chán đối với ý. Do nhàm chán nên vị ấy ly tham; do ly tham vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: “Ta đã được giải thoát.55 Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận? Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm? không còn trở lại đời này nữa."

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 753

VIIL PHẨM BỆNH (GILÃNAVAGGA)

I. KINH BỆNH THỨ NHÁT (Pathamagilãnasuttaý̧ (5. IV.

754 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỨ

Này Tỷ-kheo, nếu ông không hiểu pháp Ta dạy về mục đích thanh tịnh trì giới, thời này Tỷ-kheo5 ông hiểu pháp Ta dạy như thế nào? Bạch Thế Tôn, con hiểu pháp do Thế Tôn dạy là tham và đoạn tham. -Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Ông hiểu pháp Ta dạy là tham và đoạn tham. Với mục đích tham và đoạn tham, này Tỷ- kheo5 là pháp Ta dạy. Ong nghĩ thê nào, này Tỷ-kheo9 măt là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường là khổ hay lạc? -Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ? chịu sự biến hoại5 có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi9 cái này là tự ngã của t6i"? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Thấy vậy, này Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt... "...không còn trở lại đời này nữa.” Thể Tôn thuyết như vậy, Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Và trong khi lời dạy này được nói lên? Tỷ-kheo ây khởi lên Pháp nhãn ly trân vô cấu: “Phàm cái gì sanh khởi, tất cả đều chịu sự đoạn diet." IL KINH BỆNH THỨ HAI (Dutiyagiỉănasutta) (S IV. 47) 75. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn... (như kinh 74). Này Tỷ-kheo, nếu ông không hiểu pháp Ta dạy về mục đích thanh tịnh trì giới, thời này Tỷ-kheo? ông hiêu pháp Ta dạy như thê nào? Bạch Thế Tôn, con hiểu pháp Thế Tôn dạy là với mục đích tịch tịnh hoàn toàn, không chấp thủ. -Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Ông hiểu pháp Ta dạy là với mục đích tịch tịnh hoàn toàn, không có chấp thủ. ... (Như kinh trên). Thế Tôn thuyết như vậy, Tỷ-kheo ấy hoan h! tán thán lời Thế Tôn dạy. Và trong khi lời dạy này được nói lên, tâm Tỷ-kheo ây được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có châp thủ. III. KINH RẢDHA VÀ VÔ THƯỜNG (Rãdhaaniccasutta)32 (S IV 48) 76. Rồi Tôn giả Rãdha đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rãdha bạch Thế Tôn:

32 Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (77,78) trong bản tiếng Anh của PTS viết: Rãdha, chỉ cho Tôn giả Rãdha.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ * 755

- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe pháp của Thế Tôn, con sẽ sống một minh, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm9 tiĩih cần. Phàm cái gì vô thường, này Rãdha? ở dây, ông cần phải đoạn tận lòng dục. Và này Rãdha, cái gì là vô thường? Mắt, này Rãdha, là vô thường, ở đây, ông cân phải đoạn tận lòng dục. Các săc là vô thường... Nhãn thức là vô thường... Nhãn xúc...Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc5 khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô thường. Ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục. ... Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là vô thường, ở dây, ông cần phải đoạn tận lòng dục. Các pháp... Ý thức... Ý xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc, khổ, hay bat khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vồ thường. Ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục. Phàm cái gì là vô thường, này Rãdha? ở dây, ông cần phải đoạn tận lòng dục. IV. KINH RÃDHAVÀ KHÔ (Rãdhadukkhasutta) (S IV 49) 77. Phàm cái gì là khổ, này Rãdha, ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục. Và này Rãdha, cái gì là khổ? Mắt, này Rãdha, là khổ? ở dây, ông cần phải đoạn tận lòng dục... Các pháp... Nhãn thức... Nhãn xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc5 khổ5 hay bất khổ bất lạc;

cảm thọ ấy là khổ. Ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục. Phàm cái gì là khổ5 này Rãdha, ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục. V KINH RÃDHA VÀ VÔ NGÃ (Rãdhaanattasutta) (S. IV. 49) 78. Phàm cái gì là vô ngã? này Rãdha? ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục. Và này Rãdha, cái gì là vô ngã? Mắt, này Radha, là vô ngã; ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục. Các sắc... Nhãn thức... Nhãn xúc... Do duyên nhãn xúc... Ý là vô ngã... Các pháp... Ý thức... Ý xúc... Do duyên V xúc? khởi lên cảm thọ gì? lạc, khổ hay bất kho bất lạc; cảm thọ ấy là vô ngã. ở dây, ông cần phải đoạn tận lòng dục. Phàm cái gì là vô ngã, này Râdha, ở đây5 ông cần phải đoạn tận lòng dục. VI. KINH ĐOẠN TẬN VÔ MINH THỨ NHẤT (Pathamaavyjapahdnasutta)33 (5. IV. 49) 79. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: - Có một pháp gì, bạch Thế Tôn, [nếu] Tỷ-kheo đoạn tận pháp ấy, thời vô minh được đoạn tận và minh sanh khởi? —Có một pháp, này Tỷ-kheo5 nêu Tỷ-kheo đoạn tận pháp ây, vô minh được đoạn tận5 minh sanh khởi.

33 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Ignorance, nghĩa là Vô mình.

Một pháp ấy là gì? bạch Thế Tôn, nếu Tỷ-kheo đoạn tận pháp ấy, vô minh được đoạn tận và minh sanh khởi? -Vô minh, này Tỷ-kheo, là một pháp, nếu Tỷ-kheo đoạn tận pháp ấy, vô minh được đoạn tận, minh sanh khởi. Tỷ-kheo biết như thế nào, bạch Thế Tôn? thấy như thế nào? vô minh được đoạn tận và minh sanh khởi? Này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết mắt5 thấy mắt là vô thường, nên vô minh đoạn tận, minh sanh khởi. ... tai... mũi... lưỡi... thân... ý... Này Tỷ-kheo9 do Tỷ-kheo biết như vậy5 thấy như vậy, nên vô minh được đoạn tận? minh được sanh khởi. VII. KINH ĐOẠN TẬN VÔ MINH THỨ HAI (Dutiyaavyjapahanasutta) (S. IV. 50) 80. (Như kinh trên). Ở đây5 này Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo có nghe: "Các Ị)háp không nên thiên chấp." Này Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy nghe như sau: “Tất cả các pháp không nên thiên chấp”vị ấy thắng tri tất cả các pháp. Do liễu tri tất cả các pháp nên thấy tất cả tướng có thê thay đôi... Vị ây thây con măt có thể thay đổi... các sắc... nhãn thức... nhãn xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc5 khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy thấy cảm thọ ấy có thể thay đổi. Này Tỷ-kheo? do Tỷ-kheo biết như vậy? thấy như vậy, nên vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi. VIII. KINH NHIỀU TỶ-KHEO (Sambahulabhikkhusutta)34 (S. IV. 50) 81. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên? các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Ở đây? bạch Thế Tôn5 có những du sĩ ngoại đạo hỏi chúng con: "Do mục đích gi, này các Hiền giả? các người sống Phạm hạnh dưới Sa-môn Gotama?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn? chúng con trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy: UVÌ mục đích liễu tri đau khổ5 nảy chư Hiền, chúng toi sống Phạm hạnh dưới Thế T6n.” Được hỏi vậy và được trả lời vậy? bạch Thế Tôn, có phải chúng con đã nói lên quan điếm của Thế Tôn? Và có phải chúng con không xuyên tạc Thế Tôn với điêu không thực? Có phải chúng con trả lời thuận pháp và đúng pháp? Và ai là người đồng pháp nói đúng pháp không tìm được lý do để chỉ trích? -Thật vậy, này các Tỷ-kheo5 được hỏi vậy và được trả lời vậy5 các ông đã nói lên quan điểm của Ta. Và các ông không xuyên tạc Ta với điều không thực. Các ông trả lời

thuận pháp và đung pháp. Và không có người đồng pháp nói đúng pháp nào tìm được lý do để chỉ trích. Với mục đích liễu tri đau khổ, này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được sống dưới Ta.

34 Xem s. IV. 134; KS. IV. 87 (kinh 151 ở sau).

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 757

Này các Tỷ-kheo? nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông như sau: "Này Hiền giả5 thế nào là vì mục đích liễu tri đau khổ ấy, Phạm hạnh được sống dưới Sa- môn Gotama?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo? các ông có thể trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: uMắt, này chư Hiền, là khổ. Vì liễu tri như vậy, Phạm hạnh được sống dưới Thế Ton. Các sắc... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vì liễu tri cảm thọ ấy là khổ? nên Phạm hạnh được s6ng dưới Thế Tôn... Ý là khổ, vì liễu tri như vậy, Phạm hạnh được s§ng dưới The Tôn... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc5 khổ, hay bất khổ bất lạc; vì liễu tri cảm thọ ấy là khổ, nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn. Đây, này chư Hiền? là khổ ấy. Vì liễu tri khổ ấy, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn.^^ Được hỏi vậy? này các Tỷ-kheo, các ông có thể trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như vậy. IX. KINH CÂU HỎI VỀ THÉ GIỚI (Lokapanhãsuttdý5 (S. IV. 52) 82. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngôi xuong một ben, Tỷ-kheo ây bạch The Tôn: -"Thế giới, thế gi&i", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là thế giới? Do bị phá hủy (lujjati), này Tỷ-kheo, nên gọi là thế giới. Và này Tỷ-kheo? cái gì bị phá hủy? Mắt, này Tỷ-kheo? bị phá hủy; các sắc bị phá hủy; nhãn thức bị phá hủy; nhãn xúc bị phá hủy. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì? lạc, khô, hay bất khổ bất lạc, cảm thọ ấy bị phá hủy. ... Lưỡi... Ý bị phá hủy; các pháp bị phá hủy; ý thức bị phá hủy; ý xúc bị phá hủy. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì5 lạc? khô? hay bât khô bât lạc5 cảm thọ ây bị phá hủy. Do bị phá hủy, này Tỷ-kheo5 nên gọi là thế giới. X. KINH CÂU HỎI CỦA PHAGGUNA (Phaggunapanhãsutta) (5. IV. 52) 83. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên? Tôn giả Phagguna bạch Thế Tôn: Có con mắt nào, bạch Thế Tôn, do con mắt ấy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn5 đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các hành tung khát ái,36 đã chấm dứt luân hồi, đã vượt qua mọi khổ đau? Có tai nào... mũi... lưỡi... thân... Có ý nào, bạch Thế Tôn, do ý ấy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bAn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các hành tung khát ái9 đã chấm dứt luân hồi9 đã vượt qua mọi khổ đau? Không có con mắt nào, này Phagguna, do con mắt ấy5 có thể biết và tuyên35 36

35 Bản tiếng Anh của PTS: The World, nghĩa là Thế giới. 36 Chỉnnapapanca.SA. II. 371: Vatuma = Tanhãvatuma.

bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các hành tung [khát ái], đã chấm dứt luân hồi, đã vượt qua mọi khổ đau. Không có tai nào... Không có mũi... Kh6ng có lưỡi... Không có thân... Không có ý nào, này Phagguna, do ý ấy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng

ngại, đã đoạn các hành tung [khát ái]5 đã chấm dứt luân hồi5 đã vượt qua mọi khổ đau.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 759

IX. PHẨM CHANNA (CHANNAVAGGA)

I. KINH PHÁP BIẾN HOẠI (Paỉokadhammasutta)31 (S IV. 53) 84. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: "Thế giới, thế giới", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là thế giới? Cái gì chịu sự biến hoại (palokadhammay này Ãnanda, đây gọi là thế giới trong giới luật của bậc Thánh. Và này Ãnanda, cái gì chịu sự biến hoại? Mắt, này Ananda, chịu sự biến hoại; các sắc chịu sự biến hoại; nhãn thức chịu sự biến hoại; nhãn xúc chịu sự biến hoại. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khô? hay bât khô bât lạc, cảm thọ ây chịu sự biên hoại. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý chịu sự biến hoại; các pháp chịu sự biến hoại; ý thức chịu sự biến hoại; ý xúc chịu sự biến hoại. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ5 hay bất khổ bất lạc, cảm thọ ấy chịu sự biến hoại. Cái gì chịu sự biến hoại5 này Ãnanda, cái ấy gọi là thế giới trong giới luật của bậc Thánh. II. KINH THÉ GIỚI TRỐNG KHÔNG (Sunnatalokasuttaý^ (5. IV. 54) 85. Rồi Tôn giả Ãnanda... bạch Thế Tôn: "Trống không là thế giới, trống không là thế gi&i”bạch Thế Tôn? như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn? được gọi trống không là thế giới? Vì răng, này Ananda, thê giới là không tự ngã, và không thuộc tự ngã? nên thế giới được gọi là trống không. Và cái gì, này Ãnanda, là không tự ngã, hay không thuộc tự ngã? Mắt, này Ãnanda, là không tự ngã9 hay không thuộc tự ngã. Các sắc là không tự ngã, hay không thuộc tự ngã. Nhãn thức là không tự ngã5 hay không thuộc tự ngã. Nhãn xúc là không tự ngã, hay không thuộc tự ngã... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc, cảm thọ ấy không có tự ngã5 hay không thuộc tự ngã.37 38

37 Bản tiếng Anh của PTS: Transitory, nghĩa là Biến hoại. 38 Bản tiếng Anh của PTS: Void, nghĩa là Trống không.

760 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỨ

Và vì rằng? này Ãnanda, không có tự ngã5 hay không thuộc tự ngã nên được gọi trống không là thế giới này. III. KINH PHÁP VẮN TẮT (Samkhittadhammasutta)39 (S. IV. 55) 86. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe pháp của Thế Tôn? con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Ông nghĩ thế nào5 này Ãnanda, mắt là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường là khổ hay lạc? - Là khổ? bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ9 chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi? cái này là tự ngã của t6i” Thưa không, bạch Thế Tôn. Các sắc là thường hay vô thường? —Là vô thường, bạch Thế Tôn. ... nhãn thức... nhãn xúc... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc5 cảm thọ ấy là thường hay vô thường? —Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ9 bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ,

chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i"? - Thưa không, bạch Thế Tôn. ... tai... mũi... lưỡi... thân... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì? lạc5 khô, hay bât khô bât lạc, cảm thọ ấy là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại5 có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i” - Thưa không, bạch Thế Tôn. Thấy vậy, này Ananda, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt... nhàm chán đối với nhãn xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ g, lạc, khổ hay bât khô bât lạc, vị ây nhàm chán cảm thọ ây. Do nhàm chán, vị ây ly tham;

39 Bản tiếng Anh của PTS: In Brief, nghĩa là vắn tắt.

do ly tham, vị ây được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biêt răng: “Ta đã được giải thoat.95 Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." IV. KINH CHANNA (ChannasuttaỴồ (S IV. 57) 87. Một thời? Thế Tôn ở tại Rajagaha (Vương Xá), VeỊuvana (Trúc Lâm)? tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. LÚC bây giờ, Tôn giả Sãriputta, Tôn giả Mahãcunda và Tôn giả Channa trú ở Gijjhakuta. Lúc bấy giờ, Tôn giả Channa bị bệnh, đau đớn5 bị trọng bệnh. Rồi Tôn giả Sãriputta, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahãcunda; sau khi đến? nói với Tôn giả Mahãcunda: Này Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi đến Tôn giả Channa để hỏi thăm về bệnh hoạn. Thưa vâng, Hiền giả. Tôn giả Mahãcunda vâng đáp Tôn giả Sãriputta. Rồi Ton giả Sãriputta và Tôn giả Mahãcunda đi đến Tôn giả Channa; sau khi đến9 ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả Channa: Này Hiền giả Channa, Hiền giả có kham nhẫn được chăng? Có chịu đựng được chăng? Có phải khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có triệu chứng giảm thiểu, không phải tăng trưởng? Thưa Hiền giả Sãriputta, tôi không thể kham nhẫn, không thể chịu đựng. Mãnh liệt là các khổ thọ tôi cảm giác. Chúng lảng trưởng, không có giảm thiểu. Có triệu chứng tăng trưởng, không phải giảm thiểu. Này Hiền giả, ví như một người lực sĩ chém đầu [một người khác]40 41 với một thanh kiếm sắc. Cũng vậy9 này Hiền giả? những nẸọn gió kinh khủng thổi lên đau nhói trong đầu tôi. Thưa Hiền giả? tôi không thể kham nhẫn, không thể chịu đựng... không phải giảm thiểu. Này Hiền giả, ví như một người lực sĩ lấy mọt dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi xiết mạnh. Cũng vậy? này Hiên giả, tôi cảm thấy đau đầu một cách kinh khủng. Này Hiền giả, tôi không thể kham nhẫn, không thể chịu đựng... không phải giảm thiểu. Này Hiền giả, ví như mot người đồ tể thiện xảo hay một đệ tử người đồ tể mổ bụng với một con dao cắt thịt bò sắc bén. Cũn^ vậy, này Hiền giả, những ngọn gió kinh khủng cắt mổ bụng của tôi. Thưa Hiên giả? tôi không thể kham nhẫn, không thể chịu đựng... không phải giảm thiểu. Này Hiền giả, ví như hai người lực sĩ sau khi nắm một người yếu hơn với những cánh tay của mình, nướng người ây, đôt người ây trên một hô than hừng.

40 Ở đây, Channa là em trai của Tôn giả Sãriputta, không phải người dắt ngựa cho Thái tử Siddhattha (Tất-đạt-đa). 41 Những câu nói diễn tả sự đau đớn. Xem M. I. 243.

Cũng vậy5 này Hiền giả, một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân tôi. Này Hiền giả5 tôi không thê kham nhân, không thê chịu dựng. Mãnh liệt là các khố thọ tôi cảm giác. Chúng tăng trưởng, không có giảm thiêu. Có triệu chứng tăng trưởng, không phải giảm thiểu. Thưa Hiền giả Sãriputta, tôi sẽ đem lại con dao. Tôi không muốn sống nữa. -Tôn giả Channa, chớ có đem lại con dao! Tôn giả Channa, hãy chịu đựng! Chúng tôi muốn Tôn giả Channa chịu đựng. Nếu Tôn giả Channa không có các món ăn? không có các dược phẩm thích hợp, thời tôi sẽ tìm các dược phẩm thích hợp cho Tôn giả Channa. Nếu Tôn giả Channa không có người hầu hạ thích ứng, thời tôi sẽ hâu hạ Tôn giả Channa. Tôn giả Channa, chớ có đem lại con dao! Tôn giả Channa, hãy chịu đựng! Chúng tôi muốn Tôn giả Channa chịu đựng. -Thưa Hiền giả Sãriputta, không phải tôi không có các món ăn thích hợp, tôi có các món ăn thích hợp. Không phải tôi không có các dược phẩm thích hợp, tôi có các dược phẩm thích hợp. Không phải tôi không có những người hầu hạ thích ứng, tôi có những người hầu hạ thích ứng. Đã lâu ngày, tôi hầu hạ bậc Đạo sư với tâm thích thú5 khônệ phải không thích thú. Đây, thưa Hiên giả, là xứng đáng với người đệ tử. Vì răng đã hâu hạ bậc Đạo sư với tâm thích thú, không phải không thích thú. Không có phạm tội? nếu tôi đem lại con dao. Này Hiền giả Sãriputta, Hiên giả hãy thọ trì như vậy. —Chúng tôi sẽ hỏi Tôn giả Channa một câu, nếu Tôn giả Channa kham nhẫn được hỏi và trả lời. Hãy hỏi di, Hiền giả Sãriputta, sau khi nghe, chúng ta sẽ biết. A r

Này Hiên giả Channa, măt, nhãn thức5 những pháp do nhãn thức nhận biết, Hiền giả có quán: "Cái này là của toi? cái này là tôi9 cái này là tự ngã của t6i" ... tai... mũi... lưỡi... thân... Này Hiền giả Channa, ý, ý thức, các pháp do ý thức nhận biêt, Hiên giả có quán: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i"? Này Hiền giả Săriputta, mắt, nhãn thức, các pháp do nhãn thức nhận biết, tôi quán: "Cái này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i." Này Hiền giả Channa, trong mắt, trong nhãn thức, trong các pháp do nhãn thức nhận biêt, do thây gi, do thăng tri gì mà Hiên giả quán: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của t6i"? Thưa Hiên ẹiả Sãriputta, trong măt5 trong nhãn thức, trong các pháp do nhãn thức nhận biêt5 sau khi thây đoạn diet, sau khi thăng tri đoạn diệt, tôi quán: "Cái này không phải của tôi? cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i." ... trong tai... trong mũi... trong lưỡi... trong thân... trong ý, trong ý thức, trong các pháp do ý thức nhận biết, sau khi thấy đoạn diệt, sau khi thắng tri đoạn diệt, tôi quán: "Cái này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.,,

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ # 763

Được nghe nói vậy? Tôn giả Mahãcunda nói với Tôn giả Channa: Hiền giả Channa, Hiền giả cần phải luôn luôn chú ý đến lời dạy này của Thế Tôn: “Ai còn tham luyến,42 thời có dao động; ai không tham luyến, thời không dao động; ai không dao động, thời được khinh an; ai được khinh an, thời không thiên chấp; ai không thiên chấp (naíiy thời không có đến và đi; ai không có đến và đi, thời không có diệt và sanh; ai không có

diệt và sanh, thời không có đời này5 đời sau, không có giữa hai đời. Đây là sự đoạn tận đau khổ.,, Rồi Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Mahãcunda, sau khi giáo giới Tôn giả Channa với lời giáo giới này, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Tôn giả Channa, sau khi hai vị Tôn giả ấy đi không bao lâu5 liền đem lại con dao. Rồi Tôn giả Sãriputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sãriputta bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Tôn giả Channa đã đem lại con dao. Sanh thú của vị ấy là gì? Đời sau vị ấy sẽ như thế nào? Có phải trước mặt ông5 này Sãriputta, Tỷ-kheo Channa đã tuyên bố là không phạm tội? -Thưa c6, bạch Thế Tôn. Có một làng của dân chúng Vajjĩ tên là Pubbavijjhana. Tại dấy, có những gia đình thân hữu, có những gia đình thân thích với Tôn giả Channa, chính những gia đình ấy mới có lỗi. —Này Sãriputta, những gia đình thân hữu và những gia đình thân thích ấy của Tôn giả Channa là những gia đình có lỗi. Tuy vậy, này Sãriputta, với sự việc như vậy, Ta không nói Channa là có lỗi. Này Sãriputta, ai bỏ thân này và chấp thủ thân khác, người ấy, Ta nói là có lỗi. Nhimg Tỷ-kheo Channa thời không vậy. Tỷ-kheo Channa không có tội lỗi khi đem lại con dao. Này Sãriputta, ông cần phải thọ trì như vậy.

V. KINH PUNNA (Punnasuttaf3 (S IV. 60) 88. Rồi Tôn giả Punna đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên? Tôn giả Punna bạch Thế Tôn: Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe pháp của Thế Tôn5 con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật5 nhiệt tâm, tinh cần. Này Punna5 có những sắc do mắt nhận thức,44 khả lạc5 khả hỷ, khả ý9 khả ái. liên hệ đên dục, hâp dân. Nêu Tỷ-kheo hoan hỷ săc ây, tán dương, an trú luyên trước; do vị ây hoan hỷ săc ây5 tán dương, an trú luyên trước nên hỷ42 44 43

42 Ái (tanhã), mạn (mãnà)^ kiến (ditthi). SA. II. 371: Vị Tỷ-kheo nói: "Khi cảm giác đau khổ, bạn dao động, vì vậy, bạn không hồi phục được.,, 43 Xem M. III. 267. 44 Xem s. IV. 32; KS. IV. 16 (kinh 63 ở trước).

(nandí) sanh. Này Purina, Ta nói rằng: “Do hỷ tập khởi nên khổ tập kh&i." Này Punna, có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân nhận thức... Này Punna, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý5 khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ pháp ấy, tán dương, an trú luyến trước; do vị ấy hoan hỷ pháp ấy, tán dương, an trú luyên trước nên hỷ sanh. Này Punna? Ta nói rằng: “Do hỷ tập khởi nên khổ tập kh&i." Này Purina, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, Idiả hỷ9 khả ý9 khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không an trú luyến trước; do vị ấy không hoan hỷ sắc ấy, khôn§ tán dương, không an trú luy^ến trước nên hỷ đoạn diệt. Này Punna? Ta nói răng: “Do hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diet."‥ Này Purina, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc? khả hỷ? khả ý? khả ái? liên hệ đến dục? hấp dẫn. Nấu Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán duơng, không an trú luyến trước; do vị ấy không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không an trú luyến trước nên hỷ đoạn diệt. Này Punna, Ta nói rằng: “Do hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diet.” Này Punna5 sau khi được nghe giáo giới với lời giáo giới vắn tắt này của Ta, ông sẽ trú

tại quốc độ nào? Bạch Thế Tôn? có một quốc độ tên là Sunãparanta, tại đấy con sẽ ở.

Thô bạo, này Punna? là người xứ Sunãparanta. Độc ác, này Punna, là người xứ Sunãparanta. Nếu người xứ Sunãparanta, này Punna? chửi bới, nhiếc mắng ông5 thời này Purina, ở dây, ông nghĩ thế nào? Nếu người xứ Sunãparanta, bạch Thế Tôn? chửi bới, nhiếc mắng con, thời ở đây? con sẽ nghĩ: "Thật là hiền thiện, người xứ Sunãparanta này! Iliật là khéo hiền thiện, người xứ Sunãparanta này! Vì những người này không lấy tay đánh đập ta.” Như vậy, ở dây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Như vậy? ở dây, bạch Thiện The, con sẽ nghĩ như vậy. -Nếu người xứ Sunãparanta, này Punna? sẽ đánh đập ông bằng tay, thời ở dây, này Punna? ông sẽ nghĩ thế nào? Nếu người xứ Sunãparanta, bạch Thế Tôn, đánh đập con bằng tay, thời ở đây, con sẽ suy nghĩ: "That là hiền thiện, những người xứ Sunãparanta này! Thật là khéo hiền thiện, những người xứ Sunãparanta này! Vì những người này không đánh đập ta bằng cục đất." Ở đây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. ố dây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy. Nhưng nếu người xứ Sunăparanta, này Punna, đánh đập ông bằng cục đất, thời ở dây, này Punna, ông nghĩ thế nào? -Nấu những người xứ Sunãparanta, bạch Thế Tôn? đánh đập con bằng cục đất, thời ở đây? con sẽ suy nghĩ: "Thật là hiền thiện, những người xứ Sunãparanta này! Thật là khéo hiền thiện? những người xứ Sunãparanta này! Vì những người này không đánh đập ta bằng gay.” Ở dây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở dây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 765

Nhưng nêu những người xứ Sunãparanta, này Punna, sẽ đánh đập ông với gậy, thời ở dây, này Punna, ông nghĩ thế nào? - Nếu những người xứ Sunãparanta này? bạch Thế Tôn, sẽ đánh đập con với gậy, thời ở dây, con sẽ suy nghĩ: “That là hiền thiện, những người xứ Sunãparanta này! Thật là khéo hiền thiện, những người xứ Sunãparanta này! Vì những người này không đánh đập ta bằng kiếm.” ở dây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở dây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy. Nhimg nếu những người xứ Sunãparanta, này Purina, lại đánh đập ông bằng kiếm, thời ở đây, này Punna, ông sẽ nghĩ thê nào? Nếu những người xứ Sunãparanta, bạch Thế Tôn, đánh đập con với cây kiếm, thời ở dây, con sẽ suy nghĩ: “That là hiền thiện, những người xứ Sunãparanta này! Thật là khéo hiền thiện, những người xứ Sunãparanta này! Vì những người này không đoạn mạng ta với cây kiếm sắc ben." Ở đây? bạch Thế Tôn? con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy. Nhưng nêu những người xứ Sunãparanta, này Punna, sẽ đoạn mạng ông với lưỡi kiếm sắc bén5 thời ở đây, này Punna, ông sẽ nghĩ như thế nào? Nếu những người xứ Sunãparanta, bạch Thế Tôn, sẽ đoạn mạng con với lưỡi kiếm sắc bén, thời ở dây, con sẽ suy nghĩ: “C6 những đệ tử của Thế Tôn? khi phiên não? tủi hô và ghê tởm bởi thân và sinh mạng đã sử dụng đên con dao. Nay dầu không tìm đến ta vẫn được sử dụng con dao.” Ở đây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở dây, bạch Thiện The, con sẽ nghĩ như vậy. -Lành thay, lành thay, này Punna! Đầy đủ với sự an tịnh tự điều phục này, ông có thể sống tại quốc độ Sunãparanta. Này Punna, nay ông hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời. Rồi Tôn giả Punna hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy5 từ chỗ ngồi đứng dậy? đảnh lễ Thế Tôn, thân

phía hữu hướng vềNgài, dọn dẹp sàng tọa5 cầm y bát? rồi bộ hành đi đến xứ Sunãparanta. Ngài tuần tự bộ hành và đến xứ Sunãparanta. Tại dây, Tôn giả Punna trú tại xứ Sunãparanta. Và trong mùa mưa ấy, Tôn giả Punna độ cho khoảng năm trăm cư sĩ. Cũng trong mùa mưa ấy, Tôn giả chứng được Ba minh. Và cũng trong mùa mưa ấy Tôn giả Punna viên tịch. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, thiện nam tử Purina, sau khi được Thế Tôn giáo giới một cách văn tắt5 đã mệnh chung. Sanh thú của vị ây là gì? Đời sau của vị ấy thế nào? Bậc hiên trí, này các Tỷ-kheo, là thiện nam tử Punna. Sở hành là đúng pháp và thuận pháp. Vị ấy không làm phiền não Ta với những kiện tụng về pháp. Hoàn toàn tịch diệt, này các Tỷ-kheo, là thiện nam tử Punna.

VI. KINH BÃHIYA (Bãhiyasutta)(y IV. 63) 89. Rồi Tôn giả Bãhiya đi đến Thế Tôn... % Ạ A 1 i . FT^ /V . • ,/ —1. 7 . i 1_ rTTf ÁÀ rr^ /V Ngoi xuong một ben, Ton giả Bãhiya bạch Tne Ton: —Lành thay, bạch Thế Tôn? nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe pháp của Thế Tôn? con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. -Ông nghĩ thế nào5 này Bãhiya, mắt là thường hay vô thường? -Là vô thường, bạch Thế Tôn. -Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ5 bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán: "Cái này là của tôi5 cái này là tôi5 cái này là tự ngã của t6i"? Thưa không, bạch Thế Tôn. Các sắc là thường hay vô thường? -Là vô thường, bạch Thế Tôn. Nhãn thức... Nhãn xúc... ... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i"? —Thưa không, bạch Thế Tôn. - Thấy vay5 này Bãhiya, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với sắc9 nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì? lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhàm chán đối với cảm thọ ấy. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: “Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm9 không còn trở lại đời này nữa." Và Tôn giả Bãhiya trở thành một vị A-la-hán nữa. VII. KINH ÁI NHIỄM THỨ NHẤT (Pathamaejasutta)(y IV. 64) 90. Ái nhiễm, này các Tỷ-kheo? là bệnh tật? ái nhiễm là mụt nhọt? ái nhiễm là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai sống không ái nhiễm, không bị mũi tên làm bị thương. Do vậy9 này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước vọng gì? hãy ước sống không ái nhiễm, không bị mũi tên làm bị thương.

Chớ có nghĩ đến mắt, chớ có nghĩ đến trong mắt, chớ có nghĩ đến từ mắt, chớ có nghĩ đến: "Mắt là của t6i." Chớ có nghĩ đến các sắc, chớ có nghĩ đến trong các sắc, chớ có nghĩ đến từ các sắc, chớ có nghĩ đến: "Các sắc là của t6i.” Chớ có nghĩ đến nhãn thức, chớ có nghĩ đến trong nhãn thức, chớ có nghĩ đến từ nhãn thức, chớ có nghĩ đến: "Nhãn thức là của toi.99 Chớ có nghĩ đến nhãn XUC, chớ có nghĩ đến trong nhãn xúc5 chớ có

nghĩ đến từ nhãn xúc, chớ có nghĩ đến: "Nhãn xúc là của t6i.” Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; chớ có nghĩ đến cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến trong cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến từ cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến: "Cảm thọ ấy là t6i.” Chớ có nghĩ đến tai... Chớ có nghĩ đến mũi... Chớ có nghĩ đến lưỡi... Chớ có nghĩ đến thân... Chớ có nghĩ đên ý5 chớ có nghĩ đên trong ý9 chớ có nghĩ đên từ ý? chớ có nghĩ đến: "V là của toi?5 Chớ có nghĩ đến các pháp, chớ có nghĩ đến trong các pháp, chớ có nghĩ đến từ các pháp, chớ có nghĩ đến: “Các pháp là của t6i.” Chớ có nghĩ đến ý thức9 chớ có nghĩ đến trong ý thức, chớ có nghĩ đến từ ý thức, chớ có nghĩ đến: "V thức là của t6i." Chớ có nghĩ đến ý xúc5 chớ có nghĩ đến trong ý xúc, chớ có nghĩ đến từ ý xúc, chớ có nghĩ đến: "V xúc là của t6i." Do duyên ý xúc, khởi lên cảm thọ gì5 lạc? khổ hay bất khổ bất lạc; chớ có nghĩ đến cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến trong cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến từ cảm thọ ấy5 chớ có nghĩ đến: "Cảm thọ ấy là của t6i." Chớ có nghĩ đến tất cả5 chớ có nghĩ đến trong tất cả, chớ có nghĩ đến từ tất cả, chớ có nghĩ đến: "Tất cả là của t6i." Vị ấy do không nghĩ đến nên không chấp thủ một vật gì ở đời. Do không chấp thủ, vị ấy không có dao động (paritassatí). Do không dao động5 vị ấy tự mình tịch tịnh một cách hoàn toàn. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm5 không còn trở lại đời này nữa.^, VIII. KINH ÁI NHIỄM THỨ HAI (Dutiyaejasutta) (S. IV. 66) 91. Ái nhiễm, này các Tỷ-kheo? là bệnh tật, ái nhiễm là mụt nhọt, ái nhiễm là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo5 Như Lai sống không ái nhiễm, không bị mũi tên làm bị thương. Do vậy, này các Tỷ-kheo5 nếu có mong ước5 hãy mong ước không ái nhiễm5 không bị mũi tên làm bị thương. Chớ có nghĩ đến mắt, chớ có nghĩ đến trong mắt, chớ có nghĩ đến từ mắt, chớ có nghĩ đến: "Mắt là của ta." Chớ có nghĩ đến các sắc, chớ có nghĩ đến trong các sắc, chớ có nghĩ đến từ các sắc, chớ có nghĩ đến: "Các sắc là của ta." Chớ có nghĩ đến nhãn thức... Chớ có nghĩ đến nhãn xúc... Do duyên nhãn xúc . 7 r -fl I” r khởi lên cảm thọ gì5 lạc, khô hay bât khô bât lạc; chớ có nghĩ đên cảm thọ ây, chớ có nghĩ đến trong cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến từ cảm thọ ấy5 chớ có nghĩ đến: "Cảm thọ ấy là của ta." Nàg các Tỷ-kheo, nghĩ đến cái gì9 nghĩ đến trong cái gì, nghĩ đến từ cái gì, nghĩ đến: íaCái gì là của ta", từ đấy cái ấy đổi khác.

Vì rằng bị đổi khác, vì chấp trước tái sanh (bhavasattă), nên thế giới hoan hỷ tái sanh. ... tai... mũi... lưỡi... thân... Chớ có nghĩ đến ý5 chớ có nghĩ đến trong ý9 chớ có nghĩ đến từ ý? chớ có nghĩ đến: “V là của ta?5 Chớ có nghĩ đến các pháp, chớ có nghĩ đến trong các pháp, chớ có nghĩ đến từ các pháp, chớ có nghĩ đen: uCác pháp là của ta.” Chớ có nghĩ đến ý thức, chớ có nghĩ đên trong ý thức, chớ có nghĩ đến từ ý thức, chớ CÓ nghĩ đến: “Y thức là của ta." Chớ có nghĩ đen ý xúc5 chớ có nghĩ đên trong ý xúc, chớ có nghĩ đến từ ý xúc, chớ có nghĩ đến: UÝ xúc là của ta.” Do duyên ý xúc, khởi lên cảm thọ gì5 lạc, khô hay bât khô bât lạc; chớ có nghĩ đên cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến trong cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến từ cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến: uCảm thọ ấy là của ta." Này các Tỷ-kheo5 nghĩ đến cái gì, nghĩ đến trong cái 'nghĩ đến từ cái gì, nghĩ đến: “Cái gì là của ta”từ đấy cái ấy đổi khác. Vì răng bị đổi khác, vì chấp trước tái sanh, nên thế giới hoan hỷ tái sanh. Nàỵ các Tỷ-kheo? cho đến uẩn, giới, xứ... chớ có nghĩ đến cái ấy, chớ có nghĩ đen trong cái ấy5 chớ có nghĩ đến từ cái ấy, chớ có nghĩ đến: “Cái ấy là của ta.” Vị

ấy không nghĩ đến như vậy nên không chấp thủ một cái gì trong đời. Do không chấp thủ nên không có dao động. Do không có dao động, vị ấy tự mình tịch tịnh một cách hoàn toàn. Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận? Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." IX. KINH CẢ HAI THỨ NHẤT (Paḷhamadvayasutta) (5. IV. 68) 92. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về cả hai. Hãy lắng nghe. Này các Tỷ-kheo? thế nào là cả hai? Mắt và các sắc, tai và các tiếng, mũi và các hương, lưỡi và các vị? thân và các xúc, ý và các pháp. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là cả hai. Này các Tỷ-kheo5 ai nói như sau: "Sau khi đoạn tận hai cái này, tôi sẽ trình bày hai cái khác,9? thời người ấy chỉ nói suông, nếu hỏi? người ấy không có thể chứng minh, còn có thể rơi vào ách nạn. Vì sao? Vì rằng vấn đề ấy vượt ngoài phạm vi của người ấy. X. KINH CẢ HAI THỨ HAI (Dutìyadvayasutta) (5. IV. 69) 93. Do duyên cả hai, này các Tỷ-kheo? thức hiện hữu. Này các Tỷ-kheo, thế nào là do duyên cả hai, thức hiện hữu? Do duyên mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức. Mắt là vô thường, biến hoại, tự tánh đôi khác. Các săc là vô thường, biên hoại, tự tánh đôi khác. Như vậy, cả hai này là biến động, tiêu tan, vô thường, biến hoại5 tự tánh đổi khác. Nhãn thức là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Do nhân nào, do duyên nào, nhãn thức khởi lên; nhân ấy, duyên ấy là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Này các Tỷ-kheo, nhãn thức này khởi lên do duyên vô thường, từ đâu sẽ thành thường còn được? Này các Tỷ-kheo5 sự họp hội9 tụ tập5 hòa hợp của ba pháp này, này

các Tỷ-kheo, đây gọi là nhãn xúc. Nhãn xúc cũng vô thường, biến hoại, tự tánh 9 e 4A r đôi khác. Do nhân nào, do duyên nào, nhãn xúc khởi lên; nhân ây, duyên ây là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Này các Tỷ-kheo, nhãn xúc này khởi lên do duyên vô thường, từ đâu sẽ thành thường còn được? Do xúc nên có cảm thọ5 do xúc nên có tư lường, do xúc nên có hay biết. Ở dây, các pháp này là biến động, tiêu tan, vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Và do duyên tai và các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Và do duyên mũi và các hương, khởi lên tỷ thức... Và do duyên lưỡi và các vị, khởi lên thiệt thức... Và do duyên thân và các xúc9 khởi lên thân thức... Và do duyên ý và các pháp, khởi lên ý thức. Ý là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Các pháp là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Ở đây, cả hai cái này là biến động? tiêu tan, vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Ý thức là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Cái gì là nhân5 cái gì là duyên cho ý thức khởi lên; nhân ấy, duyên ấy là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Này các Tỷ-kheo, ý thức này khởi lên do duyên vô thường, từ đâu sẽ thành thường còn được? Này các Tỷ-kheo, sự họp hội, tụ tap, hòa hợp của ba pháp này, này các Tỷ-kheo5 đây gọi là ý xúc. Ý xúc cũng vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Do nhân nào, duyên nào khiến ý xúc sanh khởi; nhân ấy, duyên ấy là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Này các Tỷ-kheo, ý xúc khởi lên do duyên vô thường, từ đâu sẽ thường còn được? Này các Tỷ-kheo5 do xúc nên có cảm thọ? do xúc nên có tư lường, do xúc nên có hay biêt. Ở đây5 các pháp này là biến động? tiêu tan, vô thường biến hoại, tự tánh đổi khác. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên cả hai, thức hiện hữu.

X. PHẨM TỪ BỎ (SALAVAGGA)

I. KINH KHÔNG THÂU NHIẾP (AdantaaguttasuttaY5 (S IV.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ (771

Thấy sắc không khả ái,
Hãy nhiếp phục đường tham,
Đối các sắc khả ái,
Chớ khiến ý nhiễm ô:
"Đối sắc, ta không thích."
Sau khi nghe các tiếng,
Khả ái? không khả ái,
Chớ để tâm say mê,
Với các tiếng khả ái.
Hãy nhiếp phục lòng sân,
Với tiếng không khả ái,
Chớ khien ý nhiễm ô:
"Đối tiếng, ta kh6ng thích."
Sau khi ngửi các hương,
Thơm dịu, thật khả ái,
Sau khi ngửi các hương,
Bất tịnh? thật đáng ghét.
Hãy nhiếp phục lòng sân,
Đối các hương đáng ghét,
Còn đối hương khả ái,
Chớ để dục chi phối.
Nêm xong vị ngon ngọt,
Và nếm vị không ngon,
Chớ có sanh tham luyến,
Khi hưởng nếm vị ngon,
Chớ nói lời chống đoi,
Khi nếm vị không ngon.
Khi cảm thọ lạc xúc5
Chớ đăm say tham luyên?
Khi cảm thọ khổ xúc,
Chớ bị xúc động mạnh.
Đối với cả hai xúc,
Lạc, khổ đều niệm xả5
Không thích, không chống đối,
Bất cứ loại xúc nào.

Đối với các người khác,
Mê theo hý luận tưởng,
Họ mê theo hý luận,
Họ hành theo hư tưởng.
Hẩy đoạn trừ tất cả5
772 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỨ

Gia sự do ý tạo, Hãy nhiếp các hành động? Hướng đến hạnh viễn ly. Như vậy đối sáu xứ, Khi ý khéo tu tập5 Nếu có cảm xúc gi, Tâm không bị dao động. Tỷ-kheo hãy nhiếp phục, Cả hai tham sân ấy, Hãy đến bờ bên kia, Vượt buộc ràng sanh tử. II. KINH MÃLUKYAPUTTA (Mãlukyaputtasutta)46 (S IV. 73) 95. Rồi Tôn giả Mãlukyaputta đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên9 Tôn giả Mãlukyaputta bạch Thế Tôn: -Lành thay, bạch Thế Tôn? nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe pháp của Thế Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm? tinh cần. Ở đây5 này Mãlukyaputta, nay Ta nói gì với các Tỷ-kheo trẻ tuổi, khi ông là một Tỷ-kheo già yếu, niên cao, đại lão5 đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến cuối cuộc đời, lại yêu cầu Ta giáo giới một cách vắn tắt? -Bạch Thế Tôn, dầu cho con già yếu, niên cao, đại lão, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến cuối cuộc đời, mong Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con! Mong Thiện Thệ hãy thuyết pháp vắn tắt cho con! Chắc chắn con sẽ hiểu ý nghĩa lời Thế Tôn giảng. Chăc chắn con sẽ trở thành người thừa tự pháp của Thê Tôn. Ong nghĩ thê nào5 này Mãlukyaputta? Các săc do măt nhận thức? ông không thây, trước đây ông không thấy, nay ông không thấy, và ông không muốn thấy; ở đây, đối với chúng, ông có lòng dục? tham hay khát ái không? Thưa không, bạch Thế Tôn. Các tiếng do tai nhận thức, ông không nghe5 trước đây ông không nghe, nay ông không nghe, và ông không muốn nghe; ở dây, đối với chúng, ông có lòng dục, tham hay khát ái hay không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Các hương do mũi nhận thức, ông không ngửi, trước đây ông không ngửi, nay ông không ngửi, và ông không muốn ngửi; ở dây, đối với chúng, ông có lòng dục, tham hay khát ái không?

46 Bản Tích Lan, Thái Lan, Campuchia và PTS viết Mãluồkyaputta. ,Mẹ của Tôn giả là Mãlunkyã, người nước Kosala. Tôn giả xuất gia Idii đã lớn tuổi sau khi nghe đưc Thế Tôn thuyết pháp, và khồng lâu sau đắc quả A-la-hán. Xem SA. III. 20f; M. I. 426; A. II. 248f; AA. II. 582; ThagA. I. 446f; Mil. 144.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ) 773

- Thưa không, bạch Thế Tôn. Các vị do lưỡi nhận thức, ông không nêm? trước đây ông không nêm. nay Ông không nếm, và ông không muốn nếm; ở dây, đối với chúng, ông có lòng dục, tham hay khát ái không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Các xúc do thân nhận thức, ông không cảm thọ, trước đây ỗnệ không cảm thọ? nay ông không cảm thọ, và ông không muốn cảm thọ; ở dây, đôi với chúng, ông có lòng dục, tham hay khát ái không? Thưa không, bạch Thế Tôn.

Các pháp do ý thức nhận thức? ông không nhận thức, trước đây ông không nhận thức, nay ông không nhận thức, và ông không muốn nhận thức; ở đây, đối với chúng,

ông có lòng dục, tham hay khát ái không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. -Và ở đây, này Mãlukyaputta, đối với các pháp được thấy5 được nghe, được cảm nhận, được biết đến, ông sẽ chỉ thấy được với những vật thấy được, sẽ chỉ nghe được với những tiếng nghe được, sẽ chỉ cảm nhận được đối với những vật cảm nhận được, sẽ chỉ nhận biết được đối với những vật có thể nhận biết được. Vì răng, này Mãlukyaputta, đôi với các pháp được thây5 được nghe5 được cảm nhận, được biết đến, ông sẽ chỉ thấy được với những vật thấy được5 sẽ chỉ nghe được với những tiếng nghe được, sẽ chỉ cảm nhận được đối với những vật cảm nhận được, sẽ chỉ nhận biết được đối với những vật có thể nhận biết được. Cho nên? này Mãlukyaputta, ông không có yì cái ấy. Do vì, này Mãlukyaputta, ông không có vì cái ây, nên ông không có: "O nơi dây." Do Vnày Mãlukyaputta, ông không có: "d nơi dây", do vậy, này Mãlukyaputta, ông sẽ không có đời này5 đời sau, và giữa hai đời ây.47 Đây là sự châm dứt khô đau. Bạch Thế Tôn5 lời giảng vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu một cách rộng rãi như sau: Thấy sắc, niệm mê say, Tác ý đến ái tướng, Tâm tham đắm cảm thọ, Tham luyến sắc an trú. Vị ấy9 thọ tăng trưởng, Nhiều loại từ sắc sanh, Tham dục và hại tâm, Não hại tâm vị ây. Như vậy khổ tích lũy? Được gọi xa Niết-bàn.

47 Xem s. IV. 55; KS. IV. 30 (kinh 87 ở trước).

Nghe tiếng, niệm mê say
Tác ý đến ái tướng,
Tâm tham đắm cảm thọ9
Tham luyến tiếng an trú.
Vị ấy, thọ tăng trưởng,
Nhiều loại từ tiếng sanh,
Tham dục và hại tâm,
Não hại tâm vị ấy.
Như vậy khổ tích lũy,
Được gọi xa Niết-bàn.
Ngửi hương, niệm mê sa
Tác ý đến ái tướng,
Tâm tham đắm cảm thọ5
Tham luyến hương an tn
Vị ấy, thọ tăng trưởng,
Nhiều loại từ hương sanl
Tham dục và hại tâm5
Não hại tâm vị ấy.
Như vậy khổ tích lũy,
Được gọi xa Niết-bàn.
Nếm vị, niệm mê say,

Tác ý đến ai tướng,
Tâm tham đắm cảm thọ5
Tham luyến vị an trú.
Vị ấy, thọ tăng trưởng,
Nhiều loại từ vị sanh,
Tham dục và hại tâm,
Não hại tâm vị ấy.
Như vậy khổ tích lũy,
Được gọi xa Niết-bàn.
Cảm xúc, niệm mê say,
Tác ý đến ái tướng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Tham luyến xúc an trú.
Vị ấy, thọ tăng trưởng,
Nhiều loại từ xúc sanh,
Tham dục và hại tâm,
Não hại tâm vị ấy.
Như vậy khổ tích lũy,
Được gọi xa Niết-bàn.
35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 775

Biết pháp, niệm mê say,
Tác ý đến ái tướng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Tham luyến pháp an trú.
Vị ấy, thọ tăng trưởng,
Nhiều loại từ pháp sanh,
Tham dục và hại tâm,
Não hại tâm vị ấy.
Như vậy khổ tích lũy,
Được gọi xa Niết-bàn.
Vị ấy không tham sắc,
Thấy sắc5 không ái luyến,
Tâm không dính cảm tho,
Không luyến sắc an trú.
Theo sắc, vị ấy thấy,
Tùy sắc, thọ cảm giác,
Tiêu mòn5 không tích lũy,
Như vậy chánh niệm hành.
Như vậy khổ không chứa,

Được gọi gần Niết-bàn.
Vị ấy không tham tiếng,
Nghe tiếng, không ái luyến,
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến tiếng an trú.
Theo tiêng, vị ây nghe,
Tùy tiếng, thọ cảm giác.
Tiêu mòn, không tích lũy,
Như vậy chánh niệm hành.
Như vậy khổ không chứa,
Được gọi gần Niết-bàn.
Vị ấy không tham hương,
Ngửi hương, không ái luyến,
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến hương an trú.
Theo hương, vị ấy ngửi,
Tùy hương, thọ cảm giác,
Tiêu mòn, khồng tích lũy,
Như vậy chánh niệm hành.
Như vậy khổ không chứa?
Được gọi gần Niết-bàn.
776 + KINH TƯƠNG ƯNG BỘ IV. THIÊN SÁU XỨ

Vị ấy không tham vị5
Nêm vị? không ái luyên?
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến vị, an trú.
Theo vị, vị ấy nếm,
Tùy vị, thọ cảm giác,
Tiêu mòn? không tích lũy?
Như vậy chánh niệm hành.
Như vậy khổ không chứa,
Được gọi gần Niết-bàn.
Vị ấy không tham xúc,
Cảm xúc, không ái luyến,
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến xúc5 an trú.
Theo xúc, vị ấy cảm,
Tùy xúc, thọ cảm giác,
Tiêu mòn, không tích lũy,

Như vậy chánh niệm hành.
Như vậy khổ không chứa,
Được gọi gần Niết-bàn.
Vị ấy không tham pháp,
Biết pháp, không ái luyến,
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến pháp, an trú.
Theo pháp, vị ấy cảm?
Tùy pháp, thọ cảm giác,
Tiêu mòn, không tích lũy,
Như vậy chánh niệm hành.
Như vậy khổ không chứa,
Được gọi gần Niết-bàn.
Bạch Thế Tôn, lời Thế Tôn nói vắn tắt này, con hiểu một cách rộng rãi như vậy.
Lành thay, lành thay, này Mãlukyaputta! Lành thay, này Mãlukyaputta!
Lời nói vắn tắt của Ta, ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi:
r r
Thây săc, niệm mê say,
Tác ý đến ái tướng,
Tâm tham đắm cảm thọ?
Tham luyến sắc an trú.
Vị ấy, thọ tăng trưởng,
Nhiều loại từ sắc sanh.
35. TƯƠNG UNG SÁU xứ , 777

Tham dục và hại tâm,
Não hại tâm vị ây.
Như vậy khổ tích lũy,
Được gọi xa Niết-bàn.
Vị ấy không tham pháp, Biết pháp, không ái luyến, Tâm không dính cảm thọ? Không luyến pháp, an trú. Theo pháp, vị ấy cảm, Tùy pháp, thọ cảm giác, Tiêu mòn, không tích lũy, Như vậy chánh niệm hành. Như vậy khổ không chứa, Được gọi gân Niêt-bàn. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Mãlukyaputta, ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Rồi Tôn giả Mãlukyaputta, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Ton dạy? từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi ra đi. Rồi Tôn giả Mãlukyaputta sống một minh, an tịnh, không phóng dật? nhiệt tâm, tinh cân, không bao lâu chứng được mục đích mà các thiện gia nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sông không gia đình, chính là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh; ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Và Tôn giả Mãlukyaputta trở thành một vị A-la-hán nữa. III. KINH PHÁP THỐI ĐỌA

(ParihãnadhammasuttaỊs (5. IV. 78) 96. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về pháp thối đọa5 pháp bất thối đọa và sáu thắng xứ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp thối đọa? Ở đây9 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo sau khi mắt thấy sắc, các ác, bất thiện pháp, các ức niệm tư duy liên hệ đến kiêt sử được khởi lên. Nêu Tỷ-kheo đón nhận chúng (adhỉvãsetỹ). không từ bỏ? không đoạn trừ, không tiêu diệt, không khiến chúng không thể sanh khởi, thời này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: “Ta làm thối thất các thiện phap." Đây Như Lai gọi là pháp thối đọa. ... tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi ý nhận thức pháp, các ác, bất thiện pháp, các ức niệm tư duy liên hệ đến kiết sử được khởi lên. Nếu Tỷ-kheo

48 Bản tiếng Anh của PTS: Falling back, nghĩa là Thối đọa.

đón nhận chúng, không từ bỏ? không đoạn trừ, không tiêu diet, không khiến chúng không thể sanh khỏi, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ây cân phải hiểu rằng: "Ta làm thối thất các thiện pháp.” Đây Như Lai gọi là pháp thối đọa. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là pháp thôi đọa. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là pháp bất thối đọa? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo sau khi mắt thấy sắc, các ác, bất thiện pháp, các ức niệm tư duy liên hệ đến kiết sử được khởi lên. Này các Tỷ-kheo5 nếu Tỷ-kheo không có đón nhận chúng, từ bỏ5 đoạn trừ, tiêu diệt, khiến chúng không thể sanh khởi, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Ta không làm thối thất các thiện phAp." Đây Như Lai gọi là pháp bất thối đọa. ... tai nghe tiêng... mũi ngửi hương... lưỡi nêm vị... thân cảm xúc... Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi ý nhận thức pháp, các ác, bất thiện pháp, các ức niệm tư duy liên hệ đến kiết sử được khởi lên. Này các Tỷ-kheo5 nếu Tỷ-kheo không có đón nhận chúng, từ bỏ5 đoạn trừ, tiêu diệt, khiến chúng không thể sanh khởi, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Ta không làm thôi that các thiện ph” Đây Như Lai gọi là pháp bât thôi đọa. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là pháp bất thối đọa. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là sáu thắng xứ? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 một Tỷ-kheo sau khi mắt thấy sắc, các ác, bất thiện pháp, các ức niệm tư duy liên hệ đến kiết sử không khởi lên. Này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Xứ này đã được nhiếp phúc." Và Như Lai gọi đây là thắng xứ. ... tai... mũi... lưỡi... thân... Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo sau khi ý nhận thức pháp? các ác, bất thiện pháp? các ức niệm tư duy liên hệ đến kiết sử không khởi lên. Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Xứ này đã được nhiếp phỊic.” Và Như Lai gọi đây là thắng xứ. IV KINH TRÚ PHÓNG DẬT (Pamãdavihãrĩsutta) (S. IV. 79) 97. Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ thuyết cho các ông về trú phóng dật và trú r

không phóng dật. Hãy lăng nghe. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là trú phóng dật? Ai sông không nhiêp hộ nhãn căn, này các Tỷ-kheo5 thời tâm người ây bị nhiễm ô (byãsincatí) đối với các sắc do mắt nhận biết. Với người tâm bị nhiễm ô thời không có hân hoan. Do không có hân hoan nên không có hỷ. Do không có hỷ nên không có khinh an. Do không khinh an nên khổ an trú. Với người đau khổ, tâm không thể định tĩnh. Do tam không định tinh, các pháp không hiển lộ. Do các pháp không hiển lộ? người ấy

được gọi là người an trú phóng dật. ... nhĩ căn... tỷ căn... thiệt căn... thân căn...

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 779

Ai sống không nhiếp hộ ý căn5 tâm bị nhiễm ô đối với các pháp do ý nhận biết. Với người tâm bị nhiễm ô thời không có hân hoan. Do không hân hoan nên không có hỷ. Do không có hỷ nên không có khinh an. Do không có khinh an nên khô an trú. Với người đau khô, tâm không thê định tĩnh. Do tâm không định tĩnh, các pháp không hiển lộ. Do các pháp không hiển lộ? người ấy được gọi là người an trú phóng dật. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là an trú phóng dật. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là an trú không phóng dật? Ai sống nhiếp hộ nhãn căn5 tâm không bị nhiễm ô đối với các sắc do mắt nhận biết. Với người tâm không bị nhiễm ô thời hân hoan sanh. Do có hân hoan nên hỷ sanh. Do có hỷ tâm nên thân được khinh an. Do thân khinh an nên cảm lạc thọ. Với người an lạc, tâm được định tĩnh. Do tâm định tĩnh, các pháp được hiển lộ. Do các pháp được hiển lộ? người ấy được gọi là người trú không phóng dật. ... nhĩ căn... tỷ căn... thiệt căn... thân căn... Ai sống nhiếp hộ ý căn, tâm không bị nhiễm ô đối với các pháp do ý nhận biết. Với người tâm không bị nhiễm ô thời hân hoan sanh. Do có hân hoan nên hỷ sanh. Do có hỷ tâm nên thân được khinh an. Do thân khinh an nên cảm lạc thọ. Với người an lạc, tâm được định tĩnh. Do tâm định tinh, các pháp được hiển lộ. Do các pháp được hiên lộ9 người ây được gọi là người trú không phóng dật. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là trú không phóng dật. V. KINH NHIẾP Hộ (Samvarasutta) (5. IV. 80) 98. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông vê nhiêp hộ và không nhiêp hộ. Hãy lắng nghe. Và thế nào, này các Tỷ-kheo5 là không nhiếp hộ? Và này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ? khả ý, khả ái? liên hệ đên dục5 hâp dân. Nêu một Tỷ-kheo hoan hỷ săc ây, tán dương và an trú với tâm tham luyên; thời này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo ây cân phải hiêu rằng: "Ta đã làm thối thất các thiện pháp." Như Lai gọi đây là thối thất. ... có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân cảm giác... Và này các Tỷ-kheo5 có những pháp do ý nhận thức5 khả lạc, khả hỷ? khả y, khả ái9 liên hệ đên dục5 hâp dân. Nêu một Tỷ-kheo hoan hỷ pháp ây? tán dương và an trú với tâm tham luyên; thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ây cân phải hiêu rằng: "Ta đã làm thối thất các thiện phAp." Và Như Lai gọi đây là thối thất. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là không nhiếp hộ. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là nhiếp hộ? Này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ5 khả ý,

780 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỨ

khả ái? liên hệ đến dục? hấp dẫn. Nếu một Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương và an trú với tâm không tham luyến; thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằnẹ: “Ta không làm thối thất các thiện pháp.95 Và Như Lai gọi đây là không thối that. ...có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân cảm giác... Và này các Tỷ-kheo9 có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ5 khả ý? khả ái? liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương và an trú với tâm không tham luyến; này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Ta không làm thối thất các

thiện pháp.” Và Như Lai gọi đây là không thối that. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là có nhiệp hộ. VI. KINH THIỀN ĐỊNH (Samãdhisutta) (S. IV. 81) 99. Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiền định. Này các Tỷ-kheo? một Tỷ-kheo được thiền định, hiểu rõ như thật. Và hiểu rõ như thật cái gì? Như thật hiểu rõ mắt là vô thường, như thật hiểu rõ các sắc là vô thường, như thật hiểu rõ nhãn thức là vô thường, như thật hiểu rõ nhãn xúc là vô thường. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì5 lạc? khổ? hay bất khổ bất lạc; như thật hiểu rõ cảm thọ ấy là vô thường. ... tai... mũi... lưỡi... thân... Như thật hiểu rõ ý là vô thường, như thật hiểu rõ các pháp là vô thường, như thật hiểu rõ ý thức là vô thường, như thật hiểu rõ ỵ xúc là vô thường. Phàm duyên ý xúc, khởi lên cảm thọ gi, lạc, khổ? hay bất khổ bất lạc; như thật hiểu rõ cảm thọ ấy là vô thường. Này các Tỷ-kheo5 hãy tu tập thiền định. Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo được thiền định, hiểu rõ như thật. VII. KINH THIỀN TỊNH (PaỊisallãnasutta) (S. IV. 81) 100. Nàỵ các Tỷ-kheo, hãy hành trì hạnh thiền tịnh. Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thiến tịnh, hiểu rõ như thật. Và hiểu rõ gì như thật? Như thật hiểu rõ mắt là vô thường, như thật hiểu rõ các sắc là vô thường, như thật hiểu rõ nhãn thức là vô thường, như thật hiểu rõ nhãn xúc là vô thường. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc, khô? hay bât khô bât lạc; như thật hiểu rõ cảm thọ ấy là vô thường. ... tai... mũi... lưỡi... thân... ý... Này các Tỷ-kheo, hãy hành trì hạnh thiền tịnh. Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thiền tịnh, hiểu rõ như thật.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 781

VIII. KINH KHÔNG PHẢI CỦA CÁC ÔNG THỨ NHẤT (PaịhamanatumhãkaìỊisuttd) (S. IV. 82) 101. Cái gì không phải của các ông9 này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các ông? Mắt? này các Tỷ-kheo, không phải của các ông? hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Các sắc không phải của các ông? hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Nhãn thức không phải của các ông? hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Nhãn xúc không phải của các ông? hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc? an lạc cho các ông. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy không phải của các ông, hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý không phải của các ông, hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Các pháp không phải của các 6ng, hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Ý thức không phải của các ông? hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Ý xúc không phải của các ông? hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì? lạc, khổ, hay bat khổ bất lạc; cảm thọ ấy không phải của các ông? hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Ví như, này các Tỷ-kheo5 trong Thăng Lam này có người mang di, hay mang(tét, hay làm theo những gì người ấy muốn, tất cả cỏ? củi? nhánh cây hay lá, thời các ông có nghĩ như sau: 66Ngirời ấy mang chúng tôi di, hay đốt chúng tôi, hay làm gì chúng tôi theo ý người ấy muốn"? Thưa không, bạch Thế Tôn. Vì sao? Vì chúng không phải tự ngã hay không thuộc về tự ngã. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? mắt không phải của các ông, hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc cho các ông. Các sắc không phải của các ông... Nhãn thức không phải của

các ông... Nhãn xúc không phải của các ông... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì? lạc9 khô5 hay bất khô bất lạc; cảm thọ ấy không phải của các ông? hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc cho các ông. IX. KINH KHÔNG PHẢI CỦA CÁC ÔNG THỨ HAI (Dutìyanatumhãkamsutta) (S IV. 82) 102. (Như kinh trên nhtmg không có ví dụ). X. KINH UDDAKA (Udakasutta) (5. IV. 83) 103. Uddaka Rãmaputta,49 này các Tỷ-kheo? có nói như sau:

49 Xem ML 165.

Ta là bậc minh trí,50 Ta chiến thắnẸ tất cả5 Ta đào lên kho căn5 Trước kia chưa từng đào. Này các Tỷ-kheo, Uddaka Rãmaputta không phải bậc minh trí, lại tự nói: "Ta là bậc minh tqí"; không chiến thắng tất cả, lại nói: "Ta chiến thắng tất c- không đào lên khổ căn, lại nói: "Đã đào lên khổ c.n." Ở dây, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo nói một cách chân chánh, có thể nói như sau: Ta là bậc minh trí, Ta chiến thắng tất cả, Ta đào lên kho căn, Trước kia chưa từng đào. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo minh trí (yedagũ)! Này các Tỷ- kheo, khi nào một Tỷ-kheo đối với sáu xúc xứ, như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diet, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly; như vậy? này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo minh ứi. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo chiến thắng tất cả? Này các Tỷ-kheo5 khi nào Tỷ-kheo đối với sáu xúc xứ, sau khi như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt5 sự nguy hiểm và sự xuất ly, được giải thoát không có chấp thủ; như vậy? này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo chiến thắng tất cả. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã đào lên khổ căn trước kia chưa được đào? Mụt nhọt,51 này các Tỷ-kheo, là một danh từ chỉ cho cái thân do bôn đại tạo thành này, sanh ra từ cha mẹ, do cơm cháo nuôi dưỡng, tự tánh là vô thường, biến hoại, mai một, hủy hoại, hủy diệt. Gốc rễ của mụt nhọt, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với khát ái. Này các Tỷ-kheo5 khi nào Tỷ-kheo đoạn tận khát ái, chặt đứt đến gốc rễ5 làm cho như thân cây Sa-la5 làm cho không thể tái sanh, không có thể sanh khởi trong tương lai; như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đã đào lên khổ căn từ trước chưa được đào lên. Này các Tỷ-kheo, chính là Uddaka Rãmaputta đã nói lên lời nói như sau: Ta là bậc minh trí, Ta chiến thắng tất cả, Ta đào lên kho căn, Trước kia chưa từng đào. Này các Tỷ-kheo; Uddaka không phải là bậc minh trị lại tự nói: "Ta là bậc minh trí55; không chiến thắng tất cả, lại nói: "Ta chiến thắng tất c";không đào lên khổ căn? lại nói: "Đã đào lên khổ c.n."

50 SA. II. 386: Jãtu vedagũti aham ekamseneva vedagũ, vedasankhãtenạ nanena neyyesu gatq, vedam vã gato adhỉgato, panditohamasmiti ạtthọ (không nghi ngờ gì nữa, ta chắc chắn là bạc minh triết, người đã thành tựu trí tuẹ, hiểu biết mọi điểu bang trí tuệ, và như vậy ta là bậc trí). 51 SA. II. 386: GandamUlam = Duìikhamữlam (gốc rễ mụn nhọt, gốc rễ khổ đau).

Ở đây, này các Tỷ-kheo9 một Tỷ-kheo nói một cách chân chánh, có thể nói như sau:
Ta là bậc minh trí,
Ta chiến thắng tất cả,

Ta đào lên khổ căn,
Trước kia chưa từng đào.
784 e KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỨ

PHÀN BA

NĂM MƯƠI KINH THỨ BA

XI. PHẨM AN ỔN, KHỎI CÁC KHÔ ÁCH (YOGAKKHEMIVAGGA)

L KINH NGƯỜI ĐƯỢC AN ỔN, KHỎI CÁC KHỔ ÁCH (ïògakkhemisutta) (S. iv. 85) 104. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông pháp môn đưa đến an ổn, khỏi các khổ ách? pháp môn đúng pháp. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn đưa đến an ổn5 khỏi các khổ ách, pháp môn đúng pháp?52 Này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận biết khả lạc, khả hỷ? khả ỵ5 khả ái9 liên hệ đến dục, hấp dẫn. Những sắc ấy đã được Như Lai đoạn tận? cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Để đoạn tận chúng, Như Lai tuyên bố cái ách. Do vậy5 Như Lai được gọi là vị đã được an ổn5 khỏi các khổ ách. ... có những tiếng... có những hương... có những vị... có những xúc... Này các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận biết khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục? hấp dẫn. Những pháp ấy đã được Như Lai đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Để đoạn tận chúng, Như Lai tuyên bố cái ách. Do vậy? Như Lai được gọi là vị đã được an ổn, khỏi các khổ ách. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp môn đưa đên an ôn, khỏi các khô ách, là pháp môn đúng pháp. II. KINH CHẤP THỦ (Upãdãyasutta) (S. IV. 85) 105. Này các Tỷ-kheo, do có mặt cái gì5 do chấp thủ cái gì khởi lên nội lạc, nội khổ? Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

52 Yogakhemaparỉyãya, Xem KS. II. 132. Theo SA. II. 388, đây không phải là một thuật ngữ của Ấn Độ giáo, mà là chỉ cho pháp môn đưa đên sự an ôn, khỏi các khô ách: Dục, hữu, kiên, vô minh.

Này các Tỷ-kheo? do mắt có mặt, do chấp thủ mắt nên khởi lên nội lạc, nội khổ. ... tai... mũi... lưỡi... thân... do ý có mặt, do chấp thủ ý nên khởi lên nội lạc, nội khổ. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? mắt là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường là khổ hay lạc? - Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ? chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên nội khổ5 nội lạc không? Thưa không, bạch Thế Tôn. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo? vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt... nhàm chán đổi với ý. Do nhàm chán nên vị ấy ly tham; do ly tham nên vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát.55 Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” III. KINH KHỔ TẬP (Dukkhasamudayasutta)53 (S. IV. 86) 106. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về khổ tập khởi và khổ đoạn diệt. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là khổ tập khởi? Do

duyên mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái. Đây là khổ tập khởi. Do duyên tai... Do duyên mũi... Do duyên lưỡi... Do duyên thân... Do duyên ý và các pháp, khởi lên ý thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái. Này các Tỷ-kheo, đây là khô tập khởi. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ đoạn diệt? Do duyên mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ5 ưu, não diệt. Đây là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Đây là khổ chấm dứt Do duyên tai... Do duyên mũi... Do duyên lưỡi... Do duyên thân... Do duyên ý và các pháp, khởi lên ý thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên

53 Bản tiếng Anh của PTS: ///, nghĩa là Khổ.

già5 chết, sầu5 bi, ưu, não diệt. Đây là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Đây là khổ chấm dứt. Này các Tỷ-kheo, đây là khổ đoạn diệt. IV. KINH THẾ GIỚI TẬP KHỞI (Lokasamudayasutta)54 (S IV. 87) 107. Này các Tỷ-kheo9 Ta sẽ giảng về thế giới tập khởi và thế giới đoạn diệt. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thế giới tập khởi? Do duyên mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái; do duyên ái nên có thủ; do duyên thủ nên có hữu; do duyên hữu nên có sanh; do duyên sanh nên có già9 chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Đây là thế giới tập khởi. Do duyên tai... Do duyên mũi... Do duyên lưỡi... Do duyên thân... Và do duyên ý và các pháp, khởi lên ý thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái; do duyên ái nên có thủ; do duyên thủ nên có hữu; do duyên hữu nên có sanh; do duyên sanh nên có già5 chết, sầu, bi, khổ5 ưu, não sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, đây là thế giới tập khởi. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là thế giới đoạn diệt? Do duyên mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt; do thủ diet nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ9 ưu, não diệt. Như vậy? đây là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, đây là thế giới đoạn diệt. V. KINH THẮNG HƠN LÀ TÔI (Seyyohamasmisuttă) (S. IV. 88) 108. Này các Tỷ-kheo5 do có cái gdo chấp thủ cái gi, do thiên chấp cái gì nên có: “Thắng hơn là tôr\ "ngang băng là t6i", hay "thâp kém là t6i"? —Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... Này các Tỷ-kheo, do có mắt, do chấp thủ mắt9 do thiên chấp mắt nên có: "Thắng hơn là t6i”“ngang bằng là t6i hay "thấp kém là tôi.95... Do có ý? do chấp thủ ý5 do thiên châp ý nên có: "Thắng hơn là tôf\ "ngang bằng là tôr\ hay uthấp kém là tôi.,, Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, mắt là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ5 bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ5 chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy,

thời có thể có ý nghĩ: "Thắng hơn là tôi5\ "ngang bằng là tôi5\ hay “thấp kém là ” không?

54 Bản tiếng Anh của PTS: The World, nghĩa là Thế giới.

Thưa không, bạch Thế Tôn.

-Tai là thường hay vô thường...
Mũi là thường hay vô thường...
Lưỡi là thường hay vô thường...
Thân là thường hay vô thường...
Ý là thường hay vô thường?
-Là vô thường, bạch Thế Tôn.
- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?
Là khổ, bạch Thế Tôn.
Cái gì vô thường, khô5 chịu sự biên hoại, nêu không chấp thủ cái ây5 thời có thể có ý nghĩ: "Thắng hơn là tôf\ "ngang bằng là tôr\ hay “thấp kém là t6i" không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. - Thấy vậy5 này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt... nhàm chán đổi với ý. Do nhàm chán nên vị ấy ly tham; do ly tham nên vị ấy được giải thoát... "... không còn trở lại đời này nữa.^, VI. KINH KIẾT SỬ (Samyojaniyasutta) (5. IV. 89) 109. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về các pháp bị kiết sử và kiết sử. Hãy lăng nghe. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là các pháp bị kiết sử và kiết sử? Này các Tỷ-kheo, mắt là pháp bị kiết sử; ở đây, chỗ nào có dục và tham, ở đấy là kiết sử... ý là pháp bị kiết sử; ở đây, chỗ nào có dục và tham, ở đấy là kiết sử. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là các pháp bị kiết sử và kiết sử. VII. KINH CHẤP THỦ (Upãdãniyasutta) (S. IV. 89) 110. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về các pháp bị chấp thủ và chấp thủ. Hãy lăng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp bị chấp thiỉ, và thế nào là chấp thủ? Mắt, nàỵ các Tỷ-kheo5 là pháp bị chấp thủ; ở đây, chỗ nào có dục và tham, ở đấy là chấp thủ... lưỡi là pháp bị chấp thủ... ý là pháp bị chấp thủ; ở dây, chỗ nào có dục và tham, ở đấy là chấp thủ. Này các Tỷ-kheo5 đây được gọi là những pháp bị chấp thủ và chấp thủ. VIII. KINH TUỆ TRI NỘI xứ (Ajjhattìkãyatanapariịãnanasutta)55 (5. IV. 89) 111. Này các Tỷ-kheo5 do vì không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ mắt nên không thể đoạn tận kho đau.

55 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS viết: Understanding, nghĩa là Tuệ tri.

... tai... mũi... lưỡi... thân... Do vì không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ ý nên không thể đoạn tận khổ đau. Và này các Tỷ-kheo? do thắng tri, liễu tri, ly tham và từ bỏ mắt nên có thể đoạn tận khổ đau. ... tai... mũi... lưỡi... thân... Do thăng tri? liêu tri, ly tham và từ bỏ ý nên có thể đoạn tận khổ đau. IX. KINH TUỆ TRI NGOẠI xứ (Bãhừãyatanapariịãnanasuttà) (5. IV. 90) 112. Này các Tỷ-kheo, do không thắng tri,

không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ các sắc nên không thể đoạn tận khổ đau. ... các tiếng... các hương... các vị... các xúc... Do không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ các pháp nên không thể đoạn tận khổ đau. Và này các Tỷ-kheo? do thắng tri? liễu tri, ly tham5 từ bỏ các sắc nên có thể đoạn tận khổ đau. ... các tiếng... các hương... các vị... các xúc... Do thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ các pháp nên có thể đoạn tận khổ đau.

X. KINH NGHE TRỘM (Upassutisutta) (5. IV. 90) 113. Một thời, Thế Tôn trú tại Nãtika, trong ngôi nhà bằng gạch. Rồi Thế Tôn trong khi độc cư thiền tjnh, nói lên lời pháp giáo này (dhammapariyãya) . Do duyên mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái; do duyên ái nên có thủ; do duyên thủ nên có hữu; do duyên hữu nên có sanh; do duyên sanh nên có già5 chết, sầu, bi, khổ5 ưu, não sanh khởi. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này được tập khởi. Do duyên tai... Do duyên mũi... Do duyên lưỡi... Do duyễn thân... Do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái; do duyên ái nên có thủ... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này được tập khởi. Do duyên mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên có già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này được đoạn diệt. Do duyên tai... Do duyên mũi... Do duyên lưỡi... Do duyên thân... Do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt, do thủ diệt... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này được đoạn diệt.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 789

LÚC bấy giờ, một Tỵ-kheo đứng nghe trộm Thế Tôn. Thế Tôn thấy Tỷ-kheo ấy đứng nghe trộm. Thấy vậy? Thế Tôn liền nói với Tỷ-kheo ấy: Này Tỷ-kheo? ông có nghe pháp giáo này không? - Thưa có nghe, bạch Thế Tôn. Này Tỷ-kheo, hãy học pháp giáo này. Này Tỷ-kheo? hãy học thuộc lòng pháp giáo này. Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì pháp giáo này. Này Tỷ-kheo? pháp giáo này liên hệ đến mục đích5 là cứu cánh Phạm hạnh.

790 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ IV. THIÊN SÁU XỨ

XIL PHẨM THẾ GIỚI DỤC CÔNG ĐỨC (LOKAKAMAGUNAVAGGA)

I. KINH LƯỚI BẢY CỦA MA THỨ NHẤT (Pathamamãrapãsasutta) (5.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 0 791

đoanh vậy vị ây. Được giải thoát khỏi ma trói buộc, vị ây không bị Ac ma muôn làm gì vị ấy thì làm. IL KINH LƯỚI BẪY CỦA MA THỨ HAI (Dutiyamãrapãsasutta) (S IV. 92) 115. Này các Tỵ-kheo5 có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ? khả ý? khả ái, liên hệ đến dục5 hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương, tham luyên an trú; thời này các Tỷ-kheo? đây gọi là Tỷ-kheo bị trói buộc trong các sắc do mắt nhận thức, đã đi đến trú xứ của ma, đã bị ma chinh phục, bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm...

Này các Tỷ-kheo, có những vị do lưỡi nhận thức... Này các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc5 khả hỷ, khả ý9 khả ái9 liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nêu Tỷ-kheo hoan hỷ pháp ấy, tán dương, tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo? đây gọi là Tỷ-kheo bị trói buộc trong các pháp do ý nhận thức, đã đi đên trú xứ của ma, đã bị ma chinh phục9 bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm. Này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc... hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo5 đây gọi là Tỷ-kheo được giải thoát khỏi các sắc do mắt nhận thức, không đi vào trú xứ của ma, không bị ma chinh phục5 không bị Ác ma muốn làm gì thì làm... Này các Tỷ-kheo9 có những vị do lưỡi nhận thức... Này các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ5 khả ý9 khả ái, liên hệ đén dục? hấp dân. Nêu Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ây5 không tán dương, không tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo9 đây gọi là Tỷ-kheo được giải thoát khỏi các pháp do ý nhận thức, không đi vào trú xứ của ma, không bị ma chinh phục5 không bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm. IIL KINH ĐI ĐÉN TẬN CÙNG THẾ GIỚI (Lokantagamanasuttà)5^ (5. IV. 93) ,116. - Nàỵ các Tỷ-kheo5 Ta tuyên bố rằng sự tận cùng thế giới5657 không thể biết, không thể thấy, không thể đạt được bằng cách đi đến tận címgthế giới. Ta cũng không tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, sự chấm dứt đau khổ có thể làm được bằng cách không đạt đến sự tận cùng thế giới. Nói vậy xong, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tinh xá. Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu? khởi lên tư tưởng sau đây: "Này chư Hiên, Thế Tôn sau khi nói lên lời vắn tắt này, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi? từ chô ngôi đứng dậy5 đã đi vào tinh xá: 'Này các Tỷ-kheo5 Ta tuyên bố rằng sự tận cùng thế giới không thể biết, không thể thấy, không thể đạt được bằng cách đi đến tận cùng thế giới. Ta cũng không tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo5 sự chấm dứt đau khổ có thể làm được bằng

56 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Worldly Sense-pleasures, nghĩa là Dục lạc thế gian. 57 XemKS. I. 35; 4 II. 48.

cách không đạt đến sự tận cùng thế giới.5 Lời Thế Tôn tuyên bố vắn tắt này không được phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, ai có thê phân tích ý nghĩa một cách rộng I•.i?" Rồi các Tỷ-kheo ấy lại suy nghĩ như sau: "T6n giả Ãnanda được Thế Tôn tán thán, được các bậc đồng Phạm hạnh có trí kính trọng, Tôn giả Ãnanda có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi lời Thế Tôn tuyên bố vắn tắt nàỵ. Chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ảnanda; sau khi đến, hãy hỏi Tôn giả Ãnanda về ý nghĩa này." Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đến, nói với Tôn giả Ãnanda những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Ãnanda: Thưa Hiền giả Ãnanda, sau khi thuyết giảng lời vắn tắt5 không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy5 đã đi vào tinh xá: "Này các Tỷ-kheo? Ta tuyên bố rằng sự tận cùng thế giới không thể biết, không thể thấy, không thể đạt được bằng cách đi đến tận cùng thế giới. Ta cũng không tuyên bố rằng? nàỵ các Tỷ-kheo5 sự chấm dứt đau khổ có thể làm được bằng cách không đạt đen sự tận cùng thế gi&i." Thưa Hiền giả, sau khi Thế Tôn đi

không bao lâu, chúng tôi suy nghĩ như sau: "Này chư Hiền, sau khi nói lên lời tuyên bố vắn tắt này cho chúng ta, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngoi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: 'Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bo răng sự tận cùng thê giới không thê biêt, không thê thây, không thê đạt được bằng cách đi đến tận cùng thế giới. Ta cũng không tuyên bố rằng, này các Tỷ- kheo5 sự chấm dứt đau khổ có thể làm được bằng cách không đạt đến sự tận cùng thế giới.5 Lời tuyên bố vắn tắt này của Thế Tôn? ai có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng râd?" Rồi thưa Hiền giả, chúng tôi lại suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ãnanda được Thế Tôn tán thán5 được các vị đồng Phạm hạnh có trí kính trọng, Tôn giả Ãnanda có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi lời tuyên bố vắn tắt này của Thế Ton. Chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đen, hãy hỏi Tôn giả Ãnanda về ý nghĩa này." Mong Tôn giả Ãnanda hãy phân tích cho.
Này chư Hiền, ví như một người cần thiết lõi cây,58 tìm cầu lõi cây, đang đi tìm cầu lõi cây, đứng trước một cây lớn có lõi cây. Người ấy bỏ rễ, bỏ thân cây, nghĩ rằng lối cây cần phải tìm trong các nhánh cây, lá cây. Cũng vậy5 là việc chư Tôn giả làm... Chư Tôn giả đứng trước mặt Thế T6n, chư Tôn giả lại vượt qua Thế Tôn và nghĩ rằng cần phải hỏi tôi về ý liệhĩa này. Nhưng này chư Hiền, Thế Tôn biết những gì can biet, thấy những gì can thấy, bậc Có Mắt, bậc Có Trí, bậc Pháp Giả, bậc Phạm Thiên, bậc Thuyết Giả? bậc Tuyên Thuyết, bậc Dan Đến Mục Đích, bậc Đem Cho Bất Tử, bậc Pháp Chủ, bậc Như Lai. Nay đã đến thời, chư Hiền hãy đến hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích cho chư Hiền như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

58XemKS. III. 119;MI. 111, 194, 233.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 793

Thưa Hiền giả Ananda, chắc chắn Thế Tôn biết những gì cần biết, thấy những gì cần thấy, bậc Có Mắt? bậc Có Trí, bậc Pháp Gi-bậc Phạm Thiên, bậc Thuyết Giả, bậc Tuyên Thuyết, bậc Dần Đến Mục Đích, bậc Đem Cho Bất Tử? bậc Pháp Chủ, bậc Như Lai. Nay đã đến thời chúng tôi đến hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích cho chúng toi như thế nào? chúng tôi sẽ như vậy thọ trì. Nhưng Tôn giả Ãnanda được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Ãnanda có thể giải thích một cách rộng rãi lời tuyên bố vắn tắt này của Thế Tôn chưa được phân tích rộng rãi. Mong Tôn giả Ananda phân tích cho, nêu Tôn giả không cảm thây phiên phức (agarum karitvã). Vậy chư Hiền, hãy lắng nghe và suy nghiệm ky, tôi sẽ nói. Thưa vâng, Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ãnanda. Tôn giả Ãnanda nói như sau: Này chư Hiền, sau khi nói lên lời thuyết giảng một cách vắn tắt5 không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi? Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy? đã đi vào tinh xá: 6CNày các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng sự tận cùng thế giới không thể biết, không thể thấy, không thể đạt được bằng cách đi đến tận cùng thế giới. Ta cũng không tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, sự chấm dứt đau khổ có thể làm được bằng cách không đạt đến sự tận cùng thế giói.” Này chư Hiền, lời tuyên bố vắn tăt này của Thê Tôn không được phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi? tôi hiếu một cách rộng rãi như sau: Này chư Hiền? do cái gì trong thế giới, người ta tưởng đến thế giới, người ta kiêu mạn về thế giới, đây gọi là thế giới trong giới luật của bậc Thánh. Và này chư Hiền, do cái gì trong thế giới, người ta tưởng đến thế

gi&i, người ta kiêu mạn vê thê giới? Do con măt5 này chư Hiên, trong thê giới, người ta tưởng đên thế giới? người ta kiêu mạn về thế giới. Do tai, này chư Hiền... Do mũi, này chư Hiên... Do lưỡi, này chư Hiên... Do than, này chư Hiên... Do ý, này chư Hiên, trong thế giới, người ta tưởng đến thế giói, người ta kiêu mạn về thế giới. Đây gọi là thế giới trong giới luật của bậc Thánh. Này chư Hiền, sau khi nói lên lời thuyết giảng này một cách vắn tắt cho chư Hiền, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi5 Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy đã đi vào tinh xá: “Này các Tỷ-kheo? Ta tuyên bố rằng sự tận cùng thế giới không thể biết, không thể thấy, không thể đạt được bằng cách đi đến tận cùng thê giới. Ta cũng không tuyên bô răng, này các Tỷ-kheo, sự châm dứt đau khô có thể làm được bằng cách không đạt đến sự tận cùng thế gi&i." Này chư Hiền, lời tuyên bố vắn tắt này của Thế Tôn không được phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi. tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Nhưng nếu muốn, chư Tôn giả hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích như thế nào, hãy như vậy thọ trì. —Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tôn giả ấy vâng đáp Tôn giả Ananda, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ây bạch Thê Tôn: Bạch Thế Tôn, Thế Tôn sau khi nói lên lời thuyết giảng này một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi5 từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: "Này các Tỷ-kheo? Ta tuyên bố rằng... sự tận cùng thế giói.” Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn ra đi không được bao lâu, chúng con khởi lên ý nghĩ này: "Này chư Hiên, sau khi nói lên lời thuyêt giảng này một cách văn tăt5 không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi5 The Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào tinh xá: 'Này các 23-kheo, Ta tuyên bố rằng... sự tận cùng thế giới/ Lời Thế Tôn tuyên bố vắn tắt này không được phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, ai có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi?” Rồi bạch Thế Tôn? chúng con suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ãnanda được Thế Tôn tán thán, được các bạn đồng Phạm hạnh có trí kính trọng, Tôn giả Ãnanda CÓ thế phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi lời Thế Tôn tuyên bo vắn tắt này. Chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ảnanda; sau khi đến5 hãy hỏi Tôn giả Ãnanda về ý nghĩa này.” Và5 bạch Thế Tôn, chúng con đã đi đến Tôn giả Ãnanda và hỏi Tôn giả Ãnanda về ý nghĩa này. Bạch Thế Tôn, với những lý do này, với những câu này, với những chữ này, ý nghĩa được Tôn giả Ãnanda giải thích cho chúng con... Hiền trí, này các Tỷ-kheo, là Ãnanda. Đại tuệ, này các Tỷ-kheo, là Ãnanda. Này các Tỷ-kheo5 nếu các ông có hỏi Ta về ý nghĩa này, Ta cũng trả lời như vậy, như Ãnanda đã trả lời. Đây là ý nghĩa của lời nói ấy. Hãy thọ trì như vậy. IV KINH DỤC CÔNG ĐỨC (Kãmaguụasutta) (5. IV. 97) 117. Này các Tỷ-kheo, thời trước, khi Ta chưa giác ngộ, chưa thành Chánh đẳng Chánh giác5 còn là Bồ-tát9 Ta khởi lên ý nghĩ như sau: uNăm dục công đức mà tâm Ta trước kia cảm xúc5 đã thuộc quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại. Ở dây, tâm Ta đi đến cuồng nhiệt khi chúng có mặt hiện tại, và trở thành giảm thiểu khi chúng chưa đến, còn ở vị lai?5 Rồi này các Tỷ-kheo5 Ta suy nghĩ như sau: "Năm dục công đức mà tâm Ta trước kia cảm xúc, đã thuộc quá khứ, đã đoạn diệt, đã biên hoại, ơ đây, vì lợi ích cho chính Ta, hãy sông không phóng dật, gìn giữ tâm chánh niệm.,, Do vậy5 này các Tỷ-kheo, đối với năm dục công đức mà tâm các ông trước đây cảm xúc? đã thuộc quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến

hoại. Ở dây, tâm các ông đi đến cuồng nhiệt khi chúng có mặt hiện tại5 và trở thành giảm thiểu khi chúng chưa dến, còn ở vị lai. Do vậy5 này các Tỷ-kheo? đối với năm dục công đức mà tâm các ông trước đây cảm xúc5 đã thuộc quá khứ5 đã đoạn diet, đã biến hoại. Ở đây, vì lợi ích cho chính các ông5 hãy sống không phóng dật, gìn giữ tâm chánh niệm.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 795

Do vậy, này các Tỷ-kheo? các xứ cần phải được hiểu: "Chỗ nào mắt đoạn diet, sắc tưởng được ly tham; các xứ cần phải được hiểu... Chỗ nào ý được đoạn diet, pháp tưởng được ly tham, các xứ cần phải được hiểu.^, Các xứ cần phải được hiểu như vậy. Nói vậy xong, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh xá. Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi Thế Tôn ra đi chẳng bao lâu, khởi lên ý nghĩ sau đay: "Này chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời thuyết giảng này một cách vắn tắt... Ai có thể phân tích ý nghĩa lời tuyên bố một cách rộng r-i?" Rồi các Tỷ-kheo ấy lại suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ãnanda được Thế Tôn tán thán..." (Như kinh trên chỉ khác về lời tuyên bố của Thế Tôn). Vậy chự Hiên, hãy lăng nghe và suy nghiệm kỹ. Tôi sẽ nói. Thưa vâng5 Hiên giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đảp Tôn giả Ãnanda. Tôn giả Ãnanda nói như sau: -Này chư Hiền? sau khi nói lên lời thuyết giảng vắn tắt này, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi5 Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá: "Do vậy5 này các Tỷ-kheo, các xứ cần phải được hiểu: 'Chỗ nào mắt đoạn diệt, sắc tưởng được ly tham, các xứ cần phải được hiểu... Chỗ nào ý được đoạn diet, pháp tưởng được ly tham, các xứ cần phải được hiểu."' Này chư Hiền9 lời Thế Tôn nói lên vắn tắt này, không được phân tích ỵ nghĩa một cách rộnệ rãi, tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau: "Lời The Tôn nói5 này chư Hiên, là thuộc về đoạn diệt sáu xứ. Do vậy5 này chư Hiền, các xứ cần phải được hiểu: 'Chô nào măt đoạn diet, săc tưởng được ly tham, các xứ cân phải được hiêu... Chỗ nào ỵ đoạn diệt, các pháp tưởng được ly tham, các xứ cần phải được hiểu.5 Các xứ càn phải được hiểu như V0' Này chư Hiền, lời Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt này, ý nghĩa không được phân tích một cách rõ ràng, ý nghĩa ấy tôi hiểu một cách rõ ràng như vậy. Nêu muôn, chư Hiên hãy đi đen The Ton và hỏi vê ý nghĩa này. Thê Tôn giải th4h như thế nào5 chư Hiền hãy như vậy thọ trì. Thưa vâng, Hiên giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ãnanda, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến The Tôn; sau khi đen, đánh lê Thê Ton roi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một ben, các Ty-kneo ây bạch The Tôn: - Bạch Thế Tôn, lời Thế Tôn nói lên vắn tắt cho chúng con, không có phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, Thế Tôn đi vào tinh xá: "Do vậy, này các Tỷ-kheo5 các xứ cần phải được hiểu: 'Chỗ nào mắt đoạn diệt, chỗ ấy sắc tưởng được ly tham, các xứ cần phải được hiểu... Chỗ nào ý đoạn diet, chỗ ấy pháp tưởng được ly tham, các xứ phải được hiểu? Các xứ cần phải hiểu như vRy." Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, chúng con suy nghĩ như sau: "Này chư Hiền, sau khi nói lên lời thuyết giảng này cho chúng ta,

796 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỨ

nhimg không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi? Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá: 'Do vay, này các Tỷ-kheo, các xứ cần phải được hiểu: Chỗ nào mắt đoạn

diệt, chỗ ấy sắc tưởng được ly tham, các xứ cần phải được hiểu... Chỗ nào ý đoạn diệt, chỗ ấy các pháp tưởng được ly tham, các xứ cần phải được hiểu/ Các xứ cần phải hiểu như vậy? nhưng ý nghĩa không được phân tích một cách rộng rãi3 ai có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng r.i?" Bạch Thế Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: uTôn giả Ãnanda được bậc Đạo sư tán thán và được các bậc đồng Phạm hạnh có trí kính trọng. Với lời Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt này, nhimg không được phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi5 Tôn giả Ãnanda có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đên? hãy hỏi Tôn giả Ãnanda về ý nghĩa này." Rồi bạch Thế Tôn, chúng con đi đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đến? chúng con hỏi Tôn giả Ãnanda về ý nghĩa này. Bạch Thế Tôn5 Tôn giả Ãnanda với những lý do này5 với những câu này, với những chữ này, đã phân tích ý nghĩa... Hiền trí, này các Tỷ-kheo, là Ãnanda! Đại tuệ? này các Tỷ-kheo? là Ãnanda! Này các Tỷ-kheo? nếu các ông hỏi Ta về ý nghĩa này, Ta cũng sẽ trả lời như vậy? như Ãnanda đã trả lời. Đây là ý nghĩa của lời nói ây, hãy như vậy thọ trì. V KINH CÂU HỎI CỦA SAKKA (Sakkapanhasuttà)59 (S. IV. 101) 118. Một thòi, Thế Tôn ở Rậịagaha (Vương Xá)5 tại Gijjhakuta (núi Linh Thứu). Rồi Thiên chủ Sakka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên5 Thiên chủ Sakka bạch Thế Tôn: Bạch Thế Ton, do nhân gì, do duyên gì? ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại không nhập Niết-bàn? Bạch Thế Tôn, do nhân gi, do duyên gi, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại nhập được Niết-bàn? Này Thiên chủ? có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ? khả ý, khả ái. liên hệ đên dục. hâp dân. Nêu vị Tỷ-kheo hoan hỷ săc ây, tán dương, tham luyên an trú. Do vị Tỷ-kheo ây hoan hỷ săc ây, tán dương, tham luyên an trú, y cứ vào đấy5 thức khởi lên chấp thủ cái ấy. Vì có chấp thủ, này Thiên chủ, vị Tỷ-kheo ấy không nhập Niết-bàn. Này Thiên chủ9 có những tiêng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân cảm giác... Này Thiên chiỉ, có những Ị)háp do ý nhận thức, khả l@c,, khả hỷ5 khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu vị Tỷ-kheo hoan hỷ pháp ấy, tán dương, tham luyến an trú. Do vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ pháp ấy, tán dương, tham luyến an trú, y cứ vào đấy, thức khởi lên chấp thủ cái ay.60 Do có chấp thủ5 này Thiên chủ, vị Tỷ-kheo ấy không nhập Niết-bàn.

59 Bản tiếng Anh của PTS: Sakka, nghĩa là Thiên chủ cõi ười Ba Mươi Ba. 60 Saupãdana. Xem s. IV. 107; KS. IV. 66 (kinh 124 ở sau).

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ « 797

Này Thiên chủ, đây là nhân, đây là duyên, do vậy ở đây, một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại không nhập Niết-bàn. Và này Thiên chủ5 có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý? khả ái? liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu vị Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không tham luyến an trú. Do vị Tỷ-kheo ấy không hoan hỷ sắc ấy? không tán dương, không tham luyến an trú5 không y cứ vào đấy, thức khởi lên không chấp thủ cái ay. Do không chấp thủ, này Thiên chủ, vị Tỷ-kheo ấy nhập Niết-bàn. Này Thiên chủ? có những tiêng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân cảm giác... Này Thiên chủ, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ? khả ý? khả ái? liên hệ đến

dục, hấp dẫn. Nếu vị Tỷ-kheo khônệ hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không tham luyến an tru. Do vị Tỷ-kheo ay không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không tham luyến an trú, không y cứ vào đấy9 thức khởi lên không chấp thủ cái ấy. Do không chấp thủ, này Thiên chủ, vị Tỷ-kheo ấy nhập Niết-bàn. Này Thiên chủ, đây là nhân, đây là duyên, do vậy ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại nhập Niết-bàn.

VI. KINH PANCASIKHA (Pancasikhasuttd) (S. IV. 103) 119. Một thời, Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá)? tại Gijjhakuta (núi Linh Thứu) Rồi Paíicasikha, con Vua Gandhabba, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thê Tôn; rôi đứng một bên. Đứng một bên5 Paôcasikha, con Vua Gandhabba, bạch Thế Tôn: (Câu hỏi và câu đáp như kinh trên). VII. KINH VỊ ĐỒNG TRÚ VỚI TÔN GIẢ SÃRIPUTTA (Sãriputtasaddhìvihãrikasuttdýx (S IV. 103) 120. Một thời, Tôn giả Sãriputta (Xá-lợi-phất) trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Rồi một Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sãriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Sãriputta: Một Tỷ-kheo đồng trú, thưa Tôn giả Sãriputta, đã từ bỏ học pháp và hoàn tục. Này Hiền giả? như vậy xảy đến cho vị nào không hộ trì các căn, không tiết độ trong ăn uống5 không chú tâm tỉnh giác. Này Hiền giả, một Tỷ-kheo không hộ trì các căn, không tiết độ trong ăn uông? không chú tâm tỉnh giác, có

61 Bản tiếng Anh của PTS viết: Sãriputta, chỉ cho Tôn giả Xá-lợi-phất.

thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh cho đến trọn đời; sự việc này không xảy ra. Này Hiền gi một Tỷ-kheo hộ trì các căn? tiết độ trong ăn uống5 chú tâm tỉnh giác. Cho đến trọn đời5 vị ấy có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh cho đến trọn đời? sự việc như vậy có xảy ra. Và này Hiền giả, thế nào là hộ trì các căn? Này Hiền giả5 khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gi, vì đó nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bât thiện pháp khởi lên? Tỷ-kheo tự chê ngự những nguyên nhân ây5 hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nêm vị... Khi thân cảm xúc... Khi ý nhận thức các pháp, vị ây không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ txướng riêng. Những nguyên nhân gi, vì đó ý căn không được chế ngu, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên9 Tỷ-kheo tự chế ngự những nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn5 thực hành sự hộ trì ý căn. Như vậy, này Hiền gi6 là sự hộ trì các căn. Này Hiền giả, thế nào là tiết độ trong ăn uống? Ở đay, này Hiền giả, Tỷ- kheo như lý giác sát thọ dụng các món ăn5 không phải để vui đùa5 không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự mình làm đẹp minh, mà chỉ để thân này được duy trì và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh5 nghĩ rằng: "Nhu vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới5 và ta sẽ không có lỗi lầm5 sống được an ôn.^, Như vậy? này Hiên giả, là tiêt độ trong ăn uông. Và này Hiền giả, như thế nào là chú tâm tỉnh giác? Ớ đây, này Hiền giả, Tỷ- kheo ban ngày trong khi đi kinh hành và ngồi, tâm gột sạch các pháp triền cái. Ban đêm trong canh một5 trong khi vị ấy đi kinh hành và ngồi5 tâm gột sạch các

pháp triền cái. Ban đêm trong canh giữa, vị ấy nằm phía hông bên hữu, trong tư thê con sư tử, chân này đặt trên chân kia, chánh niệm tỉnh giác, tác ý tưởng đên lúc ngôi dậy. Ban đêm trong canh cuôi5 khi vị ây đi kinh hành và trong khi ngồi, tâm gột sạch khỏi các pháp triền cái. Như vậy5 này Hiền giả, là chú tâm tỉnh giác. Do vậy, này Hiên giả? cân phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ hộ trì các căn5 tiết độ trong ăn uống5 chú tâm tỉnh giác.,, Như vậy, này Hiền giả5 ông cần phải học tập. VIII. KINH GIÁO HUẤN RÃHULA (Rãhuỉovãdasutta)62 (5. IV. 105) 121. Một thòi, Thế Tôn ở trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anãthapindika. Rồi Thế Tôn trong khi độc cư thiền tịnh? các tư niệm sau đây được khởi lên: "Đã thuần thục là các pháp đưa đến giải thoát được chín muồi cho Rãhula.

62 Bản tiếng Anh của PTS viết: Rãhuỉa, nghĩa là Tôn giả La-hầu-la.

Vậy Ta hãy giảng dạy cho Rãhula những lời dạy cuối cùng đưa đến đoạn tận các lậu hoặc." Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sãvatthi để khất thực; khất thực xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về, gọi Tôn giả Rãhula: Này Rãhula, hãy cầm tọa cụ đi đến rừng Andha để nghỉ trưa. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Rãhula vâng đáp Thế Tôn, cầm lấy tọa cụ và đi sau lưng Thế Tôn. Lúc bấy giờ5 rất nhiều ngàn chư thiên đi theo Thế Tôn và nghĩ rằng "Hôm nay, Thế Tôn sẽ giảng dạy cho Rãhula những lời dạy cuối cùng đưa đến đoạn tận các lậu hoặc.99 Rôi Thê Tôn đi sâu vào rừng Andha và ngôi xuông trên chô ngôi đã soạn sẵn dưới gốc cây. Rồi Tôn giả Rãhula, sau khi đảnh lễ Thế Tôn liền ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Rãhula đang ngồi xuống một bên: Ong nghĩ thế nào, này Rãhula, mắt là thường hay vô thường?
Là vô thường, bạch Thế Tôn. —Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ5 bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy: "Cái này là của tôi? cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i"? -Thưa không, bạch Thế Tôn. - Sắc là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-Nhãn thức là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-Nhãn xúc là thường hay vô thường?
-Là vô thường, bạch Thế Tôn.
Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, tưởng gì5 hành gì, thức gì thì đó là thường hay vô thường?
- Là vô thường, bạch Thế Tôn.
-Cái gì vô thường là khổ hay lạc?
Là khổ5 bạch Thế Tôn.
—Cái gì vô thường, khô? chịu sự biên hoại; có hợp lý chăng nêu quán cái ây:
"Cái này là của tôi5 cái này là tôi, cái này là tự ngã của t6i"?
-Thưa không, bạch Thế Tôn.
-Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...
Ý là thường hay vô thường?
Là vô thường, bạch Thế Tôn.

Cái gì VÔ thường là khổ hay lạc?
Là khổ, bạch Thế Tôn.
Cái gì vô thường, khổ? chịu sự biến hoại; có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi? cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi95?
- Thưa không, bạch Thế Tôn.
Các pháp là thường hay vô thường?
Là vô thường, bạch Thế Tôn.
-Ý thức là thường hay vô thường?
- Là vô thường, bạch Thế Tôn.
-Ý xúc là thường hay vô thường?
Là vô thường, bạch Thế Tôn.
Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì5 tưởng gì, hành gi, thức gì thì đó là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ? bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại; có hợp lý chăng nếu quán cái ấy: uCái này là của tôi, cái này là tôi5 cái này là tự ngã của t6i" - Thưa không, bạch Thế Tôn. Thấy vậy? này Rãhula, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt? nhàm chán đối với các sắc, nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc; phàm duyên nhãn xúc này khởi lên cảm thọ gì? tưởng gì5 hành gì, thức gì; nhàm chán đối với pháp ấy... nhàm chán đối với tai... nhàm chán đối với mũi... nhàm chán đôi với lưỡi... nhàm chán đôi với thân... nhàm chán đôi với ý? nhàm chán đối với pháp, nhàm chán đối với ý thức, nhàm chán đối với ý xúc; do duyên ý xúc này khởi lên cảm thọ gi, tưởng gi, hành gì, thức gì; nhàm chán đối với pháp ấy. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên trí hiểu biết: "Ta đã được giải thoát.99 Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận9 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” Thế Tôn thuyết như vậy, Tôn giả Rãhula hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi lời thuyết giảng này được nói lên? tâm Tôn giả Rãhula được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Và nhiêu ngàn chư thiên khởi lên Pháp nhãn ly trần vô cấu: 'Thàm các pháp gì được sanh khởi, tất cả đều bị đoạn diet.” IX. KINH PHÁP BỊ KIẾT sử (Samyojaniyadhammasutta)63(y IV. 107) 122. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về các pháp bị kiết sử và kiết sử. Hãy lắng nghe.

63 Bản tiếng Anh của PTS: Fetter, nghĩa là Kiết sử.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ e 801

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp bị kiết sử, thế nào là kiết sử? Này các Tỷ-kheo5 có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc? khả hỷ? khả ý? khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là các pháp bị kiết sử. Ở dây, chỗ nào có dục và tham, chỗ ấy là kiết sử. Này các Tỷ-kheo, có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức...có những xúc do thân cảm giác... Này các Tỷ-kheo? có những pháp do ý nhận thức, khả lạc9 khả hỷ? khả ý? khả ái. liên hệ đến dục. hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là các pháp bị kiết sử. O dây, chỗ

nào có dục và tham, chỗ ấy là kiết sử. X. KINH PHÁP BỊ CHẤP THỦ (Upădãniyadhammasutta)64 (5. IV. 108) 123. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng về các pháp bị chấp thủ và chấp thủ. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp bị chấp thủ, thế nào là chấp thủ? Này các Tỷ-ldieo9 có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả y, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là các pháp bị chấp thủ. Ở dây, chỗ nào có dục và tham, chỗ ấy là chấp thủ. Này các Tỷ-kheo, có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân cảm giác... Này các Tỷ-kheo? có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý? khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo? đây được gọi là các pháp bị chấp thủ. Chỗ nào có dục và tham, chỗ ấy là chấp thủ.

64 Bản tiếng Anh của PTS: Grasping, nghĩa là Chấp thủ.

802 7 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỨ

XIII. PHẨM GIA CHỦ (GAHAPATIVAGGA)

I. KINH VESÃLI (Vesãlĩsuttă) (S. IV. 109) 124. Một thời, Thế Tôn ở Vesãli? Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường. Rồi gia chủ Ugga, người Vesãli, đi đến Thế Tôn... Ngôi xuông một bên? gia chủ Ugga? người Vesãli, bạch Thê Tôn: - Bạch Thế Tôn, do nhân gì? do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại không được hoàn toàn tịch tịnh (parỉnỉbbãyantí)! Bạch Thế Tôn5 do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh?65 Này gia chủ5 có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ5 khả ý5 khả ái, liên hệ đến dục? hấp dẫn... (như kinh 118). Này gia chủ, Tỷ-kheo có chấp thủ, không được hoàn toàn tịch tịnh... Này gia chủ, đây là nhân, đây là duyên, do vậy, ở đây5 một số các loài hữu tình ngay trong hiện tại không được hoàn toàn tịch tịnh. Này gia chủ, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý5 khả ái? liên hệ đến dục? hấp dẫn... (như kinh 118). Này gia chủ5 Tỷ-kheo không có chấp thủ, được hoàn toàn tịch tịnh... Này gia chủ, đây là nhân, đây là duyên, do vậy, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh. II. KINH VAJJi (Vajflsutta) (5. IV. 109) 125. Một thòi, Thế Tôn trú giữa dân chúng Vạjjĩ tại làng Hatthi. Rồi gia chủ Ugga, người làng Hatthi, đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, gia chủ Ugga, người làng Hatthi, bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, có một số loài hữu tình ngay trong hiện tại không được hoàn toàn tịch tịnh? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gi, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh?... (như kinh trên). Này gia chủ, đây là nhân, đây là duyên, do vậy9 ở đây, có một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh.

65 Xem s. IV. 98; KS. IV. 61 (kinh 118Ở trước).

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 803

III. KINH NÃLANDÃ (NãỊandãsutta) (5. IV. 110) 126. Một thòi, Thế Tôn ở tại NãỊandã, tại vườn xoài Pãvãrika. Rồi gia chủ Upãli đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, gia chủ Ưpãli bạch Thế Tôn: —Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì9 ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại không được hoàn toàn tịch tịnh? Bạch Thê Tôn, do nhân gì5 do duyên gì, ở đây5 một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh?...

(như kinh trên). Này gia chủ? đây là nhân, đây là duyên, do vậy, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh. IV KINH BHÃRADVÃJA (Bhãradvãjasutta) (5. IV. 110) 127. Một thời, Tôn giả Pindola Bharadvaja trú ở Kosambĩ, tại vườn Ghosita. Rồi Vua Udena đi đến Tôn giả Pindola Bharadvaja; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Pindola Bhãradvãja những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Udena thưa với Tôn giả Pindola Bharadvaja: —Thưa Tôn giả Bhăradvãja5 do nhân gì, do duyên gi, những Tỷ-kheo trẻ tuổi này, còn non trẻ, tóc đen nhánh, đầy đủ với tuổi trẻ hiền thiện, trong lúc tuổi còn thanh xuân lại không tham nhiễm dục vọng, thực hành Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh cho đến trọn đời? và sống toàn thời gian một cách hoàn mãn (addhãnahca ãpãdentỉỴÌ -Thưa Đại vương, Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã nói như sau: "Hãy đến5 này các Tỷ-kheo5 đối với những người như là mẹ,66 hãy an trú tâm người mẹ. Đôi với những người như là chị5 hãy an trú tâm người chị. Đối với người như là con gái, hãy an trú tâm người con gái." Thưa Đại vương, đây là nhân, đây là duyên, do vậy các Tỷ-kheo trẻ tuôi này, còn non trẻ5 tóc đen nhánh, đầy đủ với tuôi trẻ hiền thiện, trong lúc tuổi còn thanh xuân lại không tham nhiễm dục vọng? thực hành Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh cho đên trọn đời? và sông toàn thời gian một cách hoàn mãn. Tham vọng (loỉayẹ này Tôn giả Bharadvaja, là tâm. Đôi khi đối với những người như là mẹ, tham pháp khởi lên. Đôi với những người như là chị, tham pháp khởi lên. Đối với những người như là con gái5 tham pháp khởi lên. Này Tôn giả Bhãradvặja9 có một nhân khác, có một duyên khác5 do vậy các Tỷ-kheo trẻ tuôi này... một cách hoàn mãn? Thưa Đại vương, Thế Tôn? bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã nói như sau:66 67 “H.y đến, này các Tỷ-kheo5 hãy quán sát thân này dưới từ bàn chân trở lên, trên từ đảnh tóc trở xuông, bao bọc bởi da và

66 Mãtumattĩsũtỉ = Mãtupamãnãsu. SA. II. 396: Xem các phụ nữ như mẹ, như chị hay như em gái của mình. 67 Xem MA. 57, 420.

chứa đầy bất tịnh sai biệt. Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng? da, thịt5 gân, xương, tủy, thận, tim, gan5 hoành cách mô9 lá lách, phổi, màng ruột? ruột, bao tử5 phân, mật? đàm5 mủ, máu, mồ hôi5 mỡ? nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu.” Thưa Đại vương, đây là nhân, đây là duyên, do vậy các Tỷ-kheo trẻ tuôi này... sống toàn thời gian một cách hoàn mãn. Này Tôn giả Bhãradvặja? đối với những Tỷ-kheo nào9 thân có tu tập? giới có tu tập, tâm có tu tập9 tuệ có tu tập? thời như vậy thật là dễ dàng. Và này Tôn giả Bhãradvãja? đối với những Tỷ-kheo nào5 thân không có tu tập? giới không có tu tập, tâm không có tu tập, tuệ không có tu tập? thời như vậy thật là khó khăn. Đôi khi, này Tôn giả Bhãradvãja9 có người nghĩ rằng: “Chiing ta sẽ tác ý bất tịnh95, nhưng lại đi đến tịnh [tướng]. Này Tôn ệiả Bhãradvậja? có nhân nào khác, duyên nào khác, do vậy các Tỷ-kheo trẻ tuôi này... sống toàn thời gian một cách hoàn mãn? Thưa Đại vương, Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã nói như sau: uHãy đến, này các Tỷ-kheo, hãy

sống hộ trì các căn. Sau khi mắt thấy sắc,68 chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì5 vì đó nhãn căn không được chế ngu, khiến tham ái? ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; hãy thực hành chế ngự nguyên nhân ấy, hãy hộ trì nhãn căn5 thực hành hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân cảm xúc... Khi ý nhận thức các pháp, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì? vì đó ý căn không được chế ngự? khiến tham ái? ưu bi5 các ác? bất thiện pháp khởi lên; hãy thực hành chế ngự nguyên nhân ây, hãy hộ trì ý căn? thực hành hộ trì ý căn.,, Thưa Đại vương, đây là nhân, đây là duyên, do vậy những Tỷ-kheo trẻ tuổi này... sống toàn thời gian một cách hoàn mãn. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Bhãradvậja! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Bhãradvãja5 là lời khéo nói này của Thế Tôn? bậc Tri Giả, Kiến Giả? bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Chính nhân này, thưa Tôn giả Bhãradvãja5 chính duyên này, do vậy các Tỷ-kheo trẻ tuổi này, còn non trẻ, tóc đen nhánh, đầy đủ với tuổi trẻ hiền thiện, trong lúc tuổi còn thanh xuân, lại không tham nhiễm dục vọng, thực hành Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh cho đến trọn đời, sống toàn thời gian một cách hoàn mãn. Tôi cũng vậy, thưa Tôn giả Bhãradvặja? khi nào tôi vào trong nội cung với thân không phòng hộ, với lời nói không phòng hộ9 với tâm không phòng hộ? với niệm không an trú, với các căn không chế ngự; thời trong khi ấy, tham pháp chinh phục tôi. Nhưng thưa Tôn giả Bhãradvãja? trong khi tôi vào nội cung5 với thân được phòng hộ5 với lời nói được phòng hộ5 với tâm được phòng hộ? với niệm được an trú, với các căn được chế ngự; thời trong khi ấy, tham pháp không chinh phục tôi.68

68 Xem s. IV. 102; KS, IV. 63 (kinh 120 ở trước).

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 805

Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Bhãradvậja! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Bhãradvãja! Thưa Tôn giả Bhãradvãja, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những ậi bị che kín, chỉ đường cho những kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để cho những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Bhãradvậja dùng nhiều phương tiện trình bày? giải thích. Vậy nay, thưa Tôn giả Bharadvaja, con xin quy y The Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Bhãradvậja hãy nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

V KINH SONA (Sonasutta) (5. IV. 113) 128. Một thời, Thế Tôn trú ở Rậjagaha (Vương Xá), tại VèỊuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rôi Sona5 con người gia chủ Sona, đi đên Thê Tôn... Ngồi xuống một bên? Sona? con người gia chủ? bạch Thế Tôn: -Do nhân gi, do duyên gi, bạch Thế Tôn? ở đây, một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại không được hoàn toàn tịch tịnh? Do nhân gì, do duyên gi, ở dây, một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh?... (như kinh trên). -Này Sopa, đây là nhân, đây là duyên... do vậy, ở dây, một số loài hữu tình... ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh. VL KINH GĨÍOSĨTA (Ghosửasutta) (5. IV. 113) 129. Một thời, Tôn giả Ãnanda trú ở Kosambĩ, tại vườn Ghosita. Rồi gia chủ Ghosita đi đến Tôn giả Ãnanda... Ngồi xuống một bên, gia chủ Ghosita thưa với Tôn giả Ãnanda: -"Sai biệt về gi&i, sai biệt về

gi&i", thưa Tôn giả Ananda, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào? thưa Tôn giả? Thế Tôn nói đến sai biệt về giới? Này gia chủ5 khi nào nhãn giới, sắc khả ý và nhãn thức cùnệ khởi lên; do duyên lạc xúc, khởi lên lạc thọ. Này gia chủ, khi nào nhãn giới, sắc không khả ý và nhãn thức cùng khởi lên; do duyên khô xúc, khởi lên khô thọ. Này gia chủ, khi nào nhãn giới, săc trú xả và nhãn thức cùng khởi lên; do duyên bat khô bat lạc xúc, khởi lên bất khổ bất lạc thọ. Này gia chìì, khi nào nhĩ giới... Này gia chủ, khi nào tỷ giới... Này gia chủ5 khi nào thiệt giới... Này gia chủ? khi nào thân giới... Này gia chủ, khi nào ý giới, pháp khả ý và ý thức cùng khởi lên; do duyên lạc xúc5 khởi lên lạc thọ. Này gia chủ, khi nào ý giới... pháp không khả ý và ý thức cùng khởi lên; do duyên khổ xúc, khởi lên khổ thọ. Này gia chủ, khi nào ý giói, pháp trú xả và ý thức cùng khởi lên; do duyên bất khổ bất lạc xúc, khởi lên bất kho bất lạc thọ.

806 8 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ IV. THIÊN SÁU XỨ

Cho đến như vậy? này gia chiỉ, Thế Tôn đã nói đến sai biệt về giới.

VII. KINH HÃLIDDIKÃNI (Hãliddikãnisuttà) (5. IV. 115) 130. Một thời, Tôn giả Mahãkaccãna trú giữa dân chúng Avanti, tại Kuraraghara, trong một hang núi. Rồi gia chủ Hãliddikãni đi đến Tôn giả Mahãkaccãna... Ngồi xuống một bên, gia chủ Hãliddikãni thưa với Tôn giả Mahãkaccãna: -Thưa Tôn giả, Thế Tôn nói như sau: "Do duyên sai biệt về giới, khởi lên sai biệt về xúc. Do duyên sai biệt về xúc, khởi lên sai biệt về thọ/5 Như thế nào5 thưa Tôn gia, do duyên sai biệt về giới, khởi lên sai biệt về xúc; do duyên sai biệt về xúc, khởi lên sai biệt về thọ?6970 Ở dây, này gia chủ, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc khả ý, nghĩ rằng: "Bây là vậy5 đây là vậy9\ được biết rõ nhãn thức có lạc xúc. Do duyên lạc xúc, khởi lên lạc thọ. Khi mắt thấy sắc bất khả ý? nghĩ rằng: "Đây là vậy, đây là vay", được biết rõ nhãn thức có khổ xúc. Do duyên kho xúc, khởi lên khổ thọ. Khi mắt thấy sắc trú xả9 nghĩ rằng: "Bây là vậy, đây là vậy,\ được biết rõ nhãn thức có bât khô bât lạc xúc. Do duyên bât khô bât lạc xúc, khởi lên bất khố bất lạc thọ. Lại nữa, này gia chủ, khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý biết pháp khả ý5 nghĩ rằng: "Dây là vậy, đây là vay", được biết rõ ý thức có lạc xúc. Do duyên lạc xúc9 khởi lên lạc thọ. Khi ý biết pháp bất khả ý? nghĩ rằng: “Dây là vậy, đây là vay", được biết rõ ý thức có khổ xúc. Do duyên khổ xúc, khởi lên khổ thọ. Khi ý biết pháp trú xả, nghĩ rằng: "Đây la vậy, đây là vay", được biết rõ ý thức có bất kho bat lạc xúc. Do duyên bất khổ bất lạc xúc, khởi lên bất khổ bất lạc thọ. Như vậy, này gia chủ, do duyên sai biệt vê giới, khởi lên sai biệt vê xúc. Do duyên sai biệt về xúc, khởi lên sai biệt về thọ.

VIII. KINH NAKULAPITU (Nakuỉapitusutta)1Q (5. IV. 116) 131. Một thòi, Thế Tôn trú giữa dân chúng Bhaggã, tại núi Sumsumãra, rừng BhesakaỊã, Lộc Uyển. Rồi gia chủ Nakulapitã... Ngồi xuống một bên, gia chủ Nakulapitã bạch Thế Tôn: —Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gi, ở dây, có một số loài hữu tinh, ngay trong hiện tại không được hoàn toàn tịch tịnh? Bạch Thế Tôn? do nhân gì, do duyên gi, ở đây, có một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh? —Này gia chủ, có những sắc do mắt nhận thức... (như kinh 118).

69 Xem s. II. 141. 70 Xem s. III. 1 (chú thích).

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 807

Này gia chủ, đây là nhân, đây là duyên; do vậy, ở đây, một số loài hữu tinh, ngay trong hiện tại, không được hoàn toàn tịch tịnh. Này gia chủ, có những sắc do mắt nhận thức... Này gia chủ, đây là nhân, đây là duyên; do vậy, ở dây, có một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại, được hoàn toàn tịch tịnh. IX. KINH LOHICCA (Lohiccasutta) (5. IV. 116) 132. Một thời, Tôn giả Mahãkaccãna trú ở giữa dân chúng Avanti, Makkarakata, tại một chòi lá trong rừng. Rồi một số đông đệ tử của Bà-la-môn Lohicca, là những thanh niên lượm củi, đi đến chòi lá trong rừng của Tôn giả Mahãkaccãna; sau khi đến5 đi qua đi lại, đi vòng quanh chòi lá, cao tiếng, lớn tiếng, và làm đủ loại trò chơi nghịch ngợm: "Những kẻ trọc đâu, Sa-môn giả hiệu5 đê tiện, đen đủi, sanh từ nơi chân này571 lại được các kẻ nô tì khuân vác72 cung kính, tôn trọng, cúng dường, lễ bái, kính nguỡng." Rồi Tôn giả Mahãkaccãna từ trong nhà bước ra và nói với các thanh niên ấy: Này các thanh niên, chớ có làm ôn. Ta sẽ thuyết pháp cho các ông. Khi nghe nói vậy5 các thanh niên đều im lặng. Rồi Tôn giả Mahãkaccãna nói lên những bài kệ với các thanh niên ấy: Những bậc cổ nhân xưa, Tối thắng trong giới hạnh, Các bậc Bà-la-môn5 Ghi nhớ các cổ luật. Các căn được hộ trì, Được khéo léo chế ngu, Họ nhiếp phục đoạn tận5 Mọi tức giận phẫn nộ. Họ hân hoan trong pháp, Họ hân hoan trong thiền, Họ là Bà-la-mon5 Ghi nhớ các cổ luật. Còn kẻ trốn73 luật này5 Chỉ lắp bắp tụng đọc,74 Say mê trong giai cấp, Họ bước đi khập khiễng.

71 XemD. I. 103; M.L 334. 72 Bharataka. SA. II. 397: Kutimbika, những người ở nhà tranh mà mang gánh nặng. Đây là một thuật ngữ khinh thường đối với người dân hỗ trợ cho các vị tu hành ẩn dật. 73 SA. II. 397: Okkamma (hay vokkammă), nghĩa là người chạy trốn khỏi các luật lệ lâu đời. 74 SA. II. 397: Japamase chỉ cho những lời nói đi nói lại của các Bà-la-môn.

Bị phân nộ nhiêp phqc,
Dùng nhiều loại gậy gộc,75
Họ rơi vào nguy hại,
Giữa kẻ tham, bậc Thánh.76
Rỗng không là giới cấm,
Khi căn không chế ngự,
Như người được tài sản,
Trong cơn mộng nằm mơ.
Không ăn, quyết nhịn đói5
Nằm ngủ trên đất trần.
Sáng dậy? tắm sạch tội,
Tụng đọc ba Vệ-đà,
Mặc da thú thô cứng,

Bện tóc, da dính bùn?
Tụng đọc các thân chú,
Giới cấm thủ, khổ hạnh.
Giả dối và lừa đảo,
Sử dụng các gậy gộc9
Dùng nước để tắm rửa,
Dùng nước để súc miệng,
Đó là những sắc tướng,
Các hàng Bà-la-môn,
Họ làm và thực hiện5
Mong hưởng những lợi nhỏ
Nhất tâm, khéo định tĩnh,
Trong sáng, không câu uê5
Nhu thuận mọi chúng sanh,
Con đường đạt tối thượng.
Rồi các thanh niên ấy tức giận và không vui5 đi đến Bà-la-môn Lohicca; sau khi đến, thưa với Bà-la-môn Lohicca:
—Mong Tôn giả biết rằng, Sa-môn Mahãkaccãna đang một mạch chỉ trích và mạ lỵ thần chú (mante) của các Bà-la-môn.
Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Lohicca tức giận và không vui.
Rồi Bà-la-môn Lohicca suy nghĩ: "Thật không thích đáng cho ta khi ta nghe một mình các thanh niên Bà-la-môn? rồi phỉ báng và công kích Sa-môn
Mahãkaccãna. Vậy, ta hãy đi đến và hỏi vị ấy."
Rồi Bà-la-môn Lohicca cùng với các thanh niên Bà-la-môn ấy đi đến Tôn giả Mahãkaccãna; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu,
75 Puthuattadandã. Putthu ở đây có nghĩa là nhiều. Xem KS. I. 303; Dh. V. 406. 76 Xem KS. I. 411. SA. II. 398: Satanhãtanhesũti satanhanittanhesu, nghĩa là kẻ có ái và bậc không còn tham ái.

rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Lohicca nói với Tôn giả Mahãkaccãna: -Tôn giả Kaccãna, có phải có một số đông đệ tử của chúng tôi? những thanh niên Bà-la-môn lượm củi? đã đến đây? Này Bà-la-môn, một số đông đệ tử của ông, những thanh niên Bà-la-môn lượm củi, có đến tại đây. Thưa Tôn giả Kaccãna, Tôn giả có nói chuyện với những thanh niên Bà-la-môn ấy không? Này Bà-la-môn, tôi có nói chuyện với những thanh niên Bà-la-môn ấy. Như thế nào là câu chuyện giữa Tôn giả Kaccãna với những thanh niên Bà-la-môn ấy? Này Bà-la-môn, như thế này là câu chuyện giữa tôi và các thanh niên Bà-la-môn ấy: Những bậc cổ nhân xưa5 Tôi thăng trong giới hạnh, Các bậc Bà-la-môn, Ghi nhớ các cổ luật.

Nhất tâm, khéo định tĩnh, Trong sáng, không câu uê, Nhu thuận mọi chúng sanh, Con đường đạt tối thượng. Như vậy? này Bà-la-môn, là cuộc nói chuyện giữa tôi và các

thanh niên Bà-la-môn ấy. -Tôn giả Kaccãna có nói đến không hộ trì các căn. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Kaccãna, là không hộ trì các căn? Ở dây, này Bà-la-môn. có người sau khi mắt thấy sắc, có tâm hướng đến các sắc khả ái, có tâm ghét bỏ các sắc không khả ái5 sống với niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Người ấy không như thật biết rõ Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Do vậy, các ác, bất thiện pháp đã khởi lên? không có đoạn diệt, có dư tàn. ... sau khi tai nghe tiếng... sau khi mũi ngửi hương... sau khi lưỡi nếm vị... sau khi thân cảm xúc... ... sau khi ý biết các pháp, có tâm hướng đến các pháp khả ái, có tâm ghét bỏ các pháp không khả ái, sống với niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Người ấy không như thật biết rõ Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Do vậy, các ác, bất thiện pháp đã khởi lên, không có đoạn diệt, có dư tàn. Như vậy? này Bà-la-môn9 là các căn không có hộ trì. Thật là vi diệu, thưa Tôn giả Kaccãna! Thật là hy hữu, thưa Tôn giả Kaccãna! Cách thức Tôn giả Kaccãna đã định nghĩa các căn không hộ trì;

"các căn có hộ trì, các căn có hộ tri", Tôn giả Kaccãna đã nói như vậy; cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Kaccãna, là các căn có hộ trì? Ở đây5 này Bà-la-môn, Tỷ-kheo sau khi mắt thấy sắc, tâm không hướng đến các sắc khả ái, tâm không ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật biết rõ Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Do vậy, các ác, bât thiện pháp đã khởi lên, được đoạn diet, không có dư tàn. ... sau khi tai nghe tiếng... sau khi mũi ngửi hương... sau khi lưỡi nếm vị... sau khi thân cảm xúc... ... sau khi ý nhận biết các pháp, tâm không hướng đến các pháp khả ái5 tâm không ghét bỏ các pháp không khả ái, sống với niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật biết rõ Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Do vậy? các ác? bất thiện pháp đã khởi lên, được đoạn diet, không có dư tàn. Như vậy? này Bà-la-môn? là các căn được hộ trì. Thật là vi diệu5 thưa Tôn giả Kaccãna! Thật là hy hữu, thưa Tôn giả Kaccãna! Cách thức Tôn giả Kaccãna đã định nghĩa các căn được hộ trì. Thật vi diệu thay, Tôn giả Kaccãna! Thật vi diệu thay, Tôn giả Kaccãna! Thưa Tôn giả Kaccãna, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tôi để cho những ai có mắt được thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Kaccãna dùng nhiều phương tiện trình bày5 giải thích. Vậy nay, thưa Tôn giả Kaccãna, con xin quy y Thê Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Kaccãna hãy nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng. Và như Tôn giả Kaccãna đi đến viếng các gia đình cư sĩ; cũng vậy, mong Tôn giả Kaccãna hãy đến viếng các gia đình Lohicca. Tại dấy, các thanh niên và thanh nữ sẽ đảnh lễ Tôn giả Kaccãna, sẽ soạn chỗ ngồi, hay cúng dường nước cho Tôn giả Kaccãna; và như vậy? họ sẽ được hạnh phúc, an lạc trong một thời gian dài. X. KINH VERAHACCÃNI (Verahaccãnisutta) (5. IV. 121) 133. Một thời, Tôn giả Ưdãyi trú ở làng Kãmandãya, tại vườn xoài của Bà-la-môn Todeyya.77 Rồi một đệ tử thanh niên của nữ Bà-la-môn, thuộc dòng họ Verahaccãni. đi đến Tôn giả Udãyi; sau khi đến, nói với Tôn giả Udãyi những lời chào đón hỏi thăm5 sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Rồi Tôn giả Udãyi với bài pháp thoại, trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan

hỷ thanh niên Bà-la-môn ấy đang ngồi xuống một bên. Rồi thanh niên ấy, sau khi được Tôn giả Udãyi với bài pháp thoại, trình bày, khích lệ5 làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ9 liền đi đến nữ Bà-la-môn

77 Xem s.IV. 144; KS. IV. 93 (kinh 166 ở sau). Xem DB. III. 109; M. I. 396, 447; Pss. Breth. 288 (chú thích), về Todeyya, xem M. II. 202.

thuộc dòng họ Verahaccãni; sau khi đến5 nói với nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccãni: —Mong nữ Tôn giả biết cho, Sa-môn Udãyi thuyết pháp sơ thiện, trung thiện5 hậu thiện, với văn, với nghĩa và trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. -Vậy này thanh niên, hãy nhân danh ta, mời Sa-môn ưdãyi ngày mai đến dùng cơm. -Thưa vâng, Tôn giả. Thanh niên Bà-la-môn ấy vâng đáp nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Vèrahaccãni, đi đến Tôn giả Udãyi; sau khi đến thưa với Tôn giả Udãyi: -Tôn giả Udãyi, hãy nhận đạo sư phí của chúng tôi [là] bữa cơm ngày mai từ nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccãni. Tôn giả Udãyi im lặng nhận lời. Rồi Tôn giả Udãyi, sau khi đêm ấy đã mãn5 vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến nhà của nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccãni; sau khi đi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccãni tự tay dâng cúng, hầu hạ Tôn giả Udãyi với các món ăn thượng vị? loại cứng và loại mềm. Rồi nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccãni sau khi thấy Tôn giả Udãyi đã dùng cơm xong, tay đã rút khỏi bát? liên mang dép9 ngôi trên chô ngôi cao, trùm dầu, và thưa với Tôn giả Udãyi: Này Sa-môn5 hãy thuyết pháp! - Này chị5 thời ấy sẽ đến. Nói xong, Tôn giả Udãyi từ chô ngôi đứng dậy và ra đi. Lần thứ hai, thanh niên Bà-la-môn ấy đi đến Tôn giả Ưdãyi; sau khi đến5 nói lên với Tôn giả Udãyi những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Rồi Tôn giả Udãyi với lời pháp thoại trình bày, khích lệ? làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ thanh niên Bà-la-môn đang ngồi xuống một bên. Lần thứ hai, thanh niên Bà-la-môn ấy sau khi được Tôn giả Ưdãyi với pháp thoại, trình bày, khích lệ5 làm cho phấn khởi, làm cho hoan hy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccãni; sau khi đến5 nói với nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccãni: Nữ Tôn giả hãy biết, Sa-môn ưdãyi thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với văn, với nghĩa và trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Như vậy? này thanh niên Bà-la-môn5 ông nói lời tán thán Sa-môn ưdãyi. Nhung Sa-môn Udãyi khi được nói: "Này Sa-môn5 hãy thuyết pháp”sau khi trả lời: "Này chị, thời ấy sẽ dến", từ chỗ ngồi đứng dậy5 và đi về tinh xá.

Thưa nữ Tôn giả? vì rằng nữ Tôn giả đã đi dép? ngồi trên chỗ cao, trùm đầu và nói: í6Này Sa-môn9 hãy thuyết ph",các bậc Tôn giả ấy cung kính pháp? tôn trọng pháp. Vậy, này thanh niên Bà-la-môn, hãy nhân danh ta, ngày mai mời Sa-môn Udãyi đến dùng cơm. Thưa vâng, nữ Tôn giả. Thanh niên Bà-la-môn ấy vâng đáp nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Vèrahaccãni, đi đến Tôn giả Udãyi; sau khi đến, nói với Tôn giả Ưdãyi: Tôn giả Udãyi, hãy chấp nhận đạo sư phí của chúng tôi [là] bữa cơm ngày mai từ nữ

Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccãni. Tôn giả Udãyi im lặng nhận lời. Rôi Tôn giả Udãyi? sau khi đêm ây đã mãn, vào buôi sáng, đăp y, câm y bát, đi đến nhà của nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccãni; sau khi đến? ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccãni, tự tay dâng Cling, hầu hạ Tôn giả Udãyi với các món ăn thượng vị? loại cứng và loại mềm. Rồi nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccãni, sau khi thấy Tôn giả ăn xong, tay đã rút khỏi bát? liền cởi dép? ngồi trên chỗ ngồi thấp, cởi khăn trùm đầu, rồi thưa Tôn giả Udãyi: Thưa Tôn giả, do cái gì hiện hữu, các bậc A-la-hán trình bày về lạc khổ? Do cái gì không hiện hữu, các bậc A-la-hán không trình bày về lạc khổ? Này chị, do mắt hiện hữu, các bậc A-la-hán trình bày về lạc khổ; do mắt không hiện hữu, các bậc A-la-hán không trình bày về lạc khổ... Do ý hiện hữu, các bậc A-la-hán trình bày về lạc khổ; do ý không hiện hữu, các bậc A-la-hán không trình bày về lạc khổ. Khi được nghe nói vậy, nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccãni thưa với Tôn giả Udãyi: Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thưa Tôn giả5 như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Udãyi dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Và nay, thưa Tôn giả Udãyi, con xin quy y Thê Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Udãyi nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 813

XIV. PHẨM DEVADAHA (DEVADAHAVAGGA)

I. KINH DEVADAHA (Devadahasuttay 3 (S IV. 124) 134. Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại một thị trấn của dân chúng Sakka, tên là Devadaha. Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: -Này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố rằng đối với tất cả Tỷ-kheo cần phải cố gắng không phóng dat đối với sáu xúc xứ. Nhưng này các Tỷ-kheo? Ta cũng không tuyên bo rằng đối với tất cả Tỷ-kheo không can phải cố gắng không phóng dật đối với sáu xúc xứ. Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu Phạm hạnh, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, đã đoạn trừ hữu kiêt sử, đã được giải thoát nhờ chánh trí; thời này các Tỷ-kheo, đôi với những Tỷ-kheo ây, Ta tuyên bô răng, không cần phải cổ gắng không phóng dật đối với sáu xúc xứ. Vì sao? Vì các vị ấy đã hành trì không phóng dật, đến nỗi họ không thể trở thành phóng dật. Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào còn là Hữu học, sở nguyện chưa thành đạt? đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các khổ ách; thời này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo ấy, Ta tuyên bố rằng, họ cần phải cố gắng không phóng dật đối với sáu xúc xứ. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức khả ái và không khả ái. Dầu chúng xúc chạm tâm nhiều lần,78 79 chúng không chi phối được tâm và tồn tại. Do tâm không bị chi phối5 tinh cần, tinh tấn khởi lên, không có biếng nhác; niệm được an trú, không có thất thoát; thân được khinh an? không có cuồng nhiệt; tâm được định tĩnh, nhất tâm. Này các Tỷ-kheo? thấy được quả không phóng dật này, đối với những Tỷ-kheo ấy, Ta tuyên bố rằng, cần phải cố gắng không phóng dật đối với sáu xúc xứ. Này các Tỷ-kheo, có những

tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân nhận thức... Này các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức khả ái và không khả ái. Dầu chúng xúc chạm tâm nhiều lan, chúng không chi phối được tâm và tồn tại.

78 Bản tiếng Anh của PTS: The Moment on Devadaha, nghĩa là Sắt-na ở Devadaha. 79 Phussaphussa. Xem s. IL 235; KS III. 17 (chú thích); D. I. 45.

Do tâm không bị chi phối, tinh cần, tinh tấn khởi lên, không có biếng nhác; niệm được an trú, khônẹ có thất thoát; thân được khinh an, không cuồng nhiệt; tâm được định tĩnh, nhát tâm. Này các Tỷ-kheo, thấy được quả không phóng dật này, đối với những Tỷ-kheo ấy, Ta tuyên bố rằng, cần phải cố gắng không phóng dật đối với sáu xúc xứ. II. KINH SÁT-NA (KhanasuttayQ (5. IV. 125) 135. Này các Tỷ-kheo. các ông được lợi đắc. Này các Tỷ-kheo? các ông được khéo lợi đắc. Các ông đã nắm được cơ hội (khana) để sống Phạm hạnh. Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các địa ngục gọi là sáu xúc xứ địa ngục. Ở dấy, phàm mắt thấy sắc gì9 thấy sắc không khả lạc, không phải săc khả lạc; thây săc không khả hỷ? kh6ng phải sắc khả hỷ; thấy sắc không khả ý5 không phải sắc khả ý. Phàm tai nghe tiêng gì... Phàm mũi ngửi hương gì... Phàm lưỡi nêm vị gì... Phàm thân cảm xúc gì... Phàm ý nhận thức pháp gì? nhận thức pháp không khả lạc, không phải pháp khả lạc; nhận thức pháp không khả hỷ? không phải pháp khả hỷ; nhận thức pháp không khả ý5 không phải pháp khả ý. Này các Tỷ-kheo, các ông được lợi đắc. Này các Tỷ-kheo5 các ông được khéo lợi đắc. Các ông đã nắm được cơ hội để sống Phạm hạnh. Này các Tỷ-kheo? Ta đã thấy các thiên giới gọi là sáu xúc xứ thiên giới. Tại đấy, phàm mắt thấy sắc gì, thấy sắc khả lạc, không phải sắc không khả lạc; thấy sắc khả hỷ9 không phải sắc không khả hỷ; thấy sắc khả ý5 không phải sắc Iđiông khả ý. Phàm tai nghe tiếng gì... Phàm mũi ngửi hương gì... Phàm lưỡi nếm vị gì... Phàm thân cảm xúc gì... Phàm ý nhận thức pháp gì9 nhận thức pháp khả lạc, không phải pháp không khả lạc; nhận thức pháp khả hỷ, không phải pháp không khả hỷ; nhận thức pháp khả ý, không phải pháp không khả ý. Này các Tỷ-kheo9 các ông được lợi đăc. Này các Tỷ-kheo, các ông được khéo lợi đắc. Các ông đã nắm được cơ hội để sống Phạm hạnh. IIL KINH THÍCH SẮC THỨ NHẤT (PaḶhamarũpãrãmasutta)^ (5. IV. 126) 136. Này các Tỷ-kheo, chư thiên và người đời thích thú sắc, bị sắc kích thích. Khi sắc biến hoại5 ly tham, đoạn diệt, này các Tỷ-kheo5 chư thiên và người đời sống đau khổ. ... thích thú tiếng... thích thú hương... thích thú vị... thích thú xúc... Này các Tỷ-kheo, chư thiên và người đời th4h thú pháp, bị pháp kích thích. Khi pháp biến hoại, ly tham, đoạn diệt, này các Tỷ-kheo? chư thiên và người đời sống đau khổ. Này các Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, sau khi như thật biết rõ sự tập khởi5 sự đoạn diệt, vị ngọt? sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc,

80 Xem s. IV. 70; KS. IV. 40 (kinh 94 ở trước). Bản tiếng Anh của PTS: Including (the Sixfold Sense sphere), nghĩa là Thâu nhiếp (sáu xủc xứ). 81 Bản tiếng Anh của PTS: Not Including (the Sixfold Sense-spherè), nghĩa là Không thâu nhiếp (sáu xúc xứ).

không thích thú sắc, không ưa thích sắc, không bị sắc kích thích. Khi sắc biến hoại, ly tham, đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, Như Lai sống an lạc... không thích thú tiếng... không thích thú hương... không thích thú vị... không thích thú xúc...

Sau khi như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của phập, Như Lai không thích thú pháp, không ưa thích pháp9 không bị pháp kích thích. Khi pháp biến hoại, ly tham, đoạn diet, Như Lai sống an lạc.

Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:82

Sắc, thanh, hương, vị5 xúc,
Và toàn thể các pháp,
Khả lạc, hỷ, khả ý?
Như vậy chúng được gọi.
Chư thiên và người đời,
Xem chúng là khả lạc,
Chỗ nào chúng đoạn diet,
Thiên, nhân thấy đau khổ.
Bậc Thánh thấy an lạc,
Khi thân kiến đoạn diệt5
Bậc Thánh xem trái ngược,
Mọi quan điểm của đời.
Điều người gọi là lạc,
Bậc Thánh gọi là khổ?
Điều người gọi là khổ,
Thánh nhân biết là lạc.
Thấy pháp khó nhận biết,
Kẻ vô trí mê loạn5
Tối tăm đối vô minh,
Mù lòa đối không thấy.
Thiện nhân mắt rộng mở5
Thấy rõ ràng ánh sáng,
Sống gần, biết rõ ràng,
Thuần thục trong pháp lớn.
Bị tham sanh chinh phục,
Bị dòng hữu cuôn trôi,
Bị Ác ma chi phối9
Không giác ngộ pháp này.
Ngoài Thánh không có ai,
Giác ngộ con đường này?
Con đường đạt Niết-bàn5

Chánh trí thoát lậu hoặc.
82 Xem 148-49.

816KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỨ

IV KINH THÍCH SẮC THỨ HAI (Dutiyarũpãrãmasuttdỷ3 (S IV. 128) 137. Này các Tỷ-kheo? chư thiên và người đời thích thú sắc, bị sắc kích thích. Khi sắc biến hoại, ly tham, đoạn diệt, này các Tỷ-kheo? chư thiên và người đời sống đau khổ. ... thích thú tiếng... thích thú hương... thích thú vị... thích thú xúc... Này các Tỵ-kheo5 chư thiên và người đời thích thú pháp, bị pháp kích thích. Khi pháp biến hoại, ly tham, đoạn diet, này các Ty.kheo, chư thiên và người đời sống đau khổ. Này các Tỷ-kheo5 Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác? sau khi như thật biết rõ sự tập khởi? sự đoạn diet, vị ngqt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc, không thích thú sắc, không ưa thích sắc, không bị sắc kích thích. Khi sắc biến hoại, ly tham, đoạn diệt, này các Tỷ-kheo5 Như Lai sống an lạc. ... không thích thú tiếng... không thích thú hương... không thích thú vị... không thích thú xúc... Sau khi như thật biết rõ sự tập kh&i, sự đoạn diệt, vị ngọt5 sự nguy hiểm và sự xuất ly của các pháp, Như Lai không thích thú pháp, không ưa thích pháp, không bị các pháp kích thích. Khi các pháp biến hoại? ly tham, đoạn diệt, này các Tỷ-kheo? Như Lai sống an lạc. V KINH KHÔNG PHẢI CỦA CÁC ÔNG THỨ NHẤT (PaỊhamanatumhãkamsuttà) (5. IV. 128) 138. Này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các ông? hãy từ bỏ chúng. Từ bỏ chúng sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các ông? Mắt, này các Tỷ-kheo? không phải của các ông, hãy từ bỏ mắt. Từ bỏ mắt sẽ đem lại hạnh phúc? an lạc cho các ông. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...Ý? này các Tỷ-kheo? không phải của các ông, hãy từ bỏ ý. Từ bỏ ý sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Ví như, này các Tỷ-kheo? trong Jetavana này, có người mang di, hoặc đem đốt, hoặc tùy duyên làm một việc gì đôi với cỏ, củi? cành và lá, thời các ông có vì vậy mà nghĩ rằng người ấy mang các ông di, đốt các ông, hay tùy duyên làm một việc gì với các ông? Thưa không, bạch Thế Tôn.

Vì sao? Bạch Thế Tôn? vì cái ấy không phải tự ngã? không thuộc tự ngã. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo. Mắt không phải của các ông, hãy từ bỏ mắt. Từ bỏ mắt sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý5 này các Tỷ-kheo, không phải của các ông5 hãy từ bỏ ý. Từ bỏ ý, sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc cho các ông.

83 Tên kinh nay và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Leaves, nghĩa là Các lả. Bản Hán: Bất chấp trước ;<=(TV. 16. 0006.35.136. 0167a07).

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 817

VI. KINH KHÔNG PHẢI CỦA CÁC ÔNG THỨ HAI (Putiyanatumhãkamsuttd) (5. IV. 129) 139. Này các Tỷ-kheo? cái gì không phải của các ông, hãy từ bỏ chúng... (như kinh trên, chỉ thay thế bằng ucác sắc, các tiếng, các hương, các vị, các xúc, và các pháp"). VII. KINH NỘI CĂN DO NHÂN VÔ THƯỜNG (Ạijhattãniccahetusuttà)M (S. IV. 130) 140. Này các Tỷ-kheo, mắt là vô thường. Do nhân gi, do duyên gì khiến mắt khởi lên, cái ấy cũng vô thường. Này các Tỷ-kheo5 mắt do nhân vô thường khởi lên? từ đâu sẽ thường còn được? ... tai... mũi... lưỡi... thân... Này các Tỷ-kheo? ý là vô thường. Do nhân gì, do duyên

gì khiến ý khởi lên, cái ấy cũng vô thường. Này các Tỷ-kheo? ý do nhân vô thường khởi lên5 từ đâu có thể thường được? Thấy vậy? này các Tỷ-kheo9 vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt... đối với ý. Do nhàm chán, vị ấy ly tham..."...không còn trở lại đời này nữa.,, VIII. KINH NỘI CẢN DO NHÂN KHỔ (Ajjhattadukkhahetusutta) (S. IV. 131) 141. (Như kinh trên5 chỉ thay thế "kh6" cho "v6 thuờng"). IX. KINH NỘI CĂN DO NHÂN VÔ NGÃ (Ajjhattãnattahetusuttd) (5. IV. 130) 142. (Như kinh trên? chỉ thay thế "v6 ngã95 cho "v6 thường^,). X. KINH NGOẠI CẢN DO NHÂN VÔ THƯỜNG (Bãhirãniccahetusuttdỷ5 (5. IV. 130) 143. Này các Tỷ-kheo5 các săc là vô thường. Do nhân gi, do duyên gì khiên các sắc khởi lên, cái ấy cũng vô thường. Này các Tỷ-kheo5 các sắc do nhân vô thường khởi lên, từ đâu sẽ thường còn được? Này các Tỷ-kheo, các thanh... các hương... các vị... các xúc... Này các Tỷ-kheo, các pháp là vô thường. Do nhân gì? do duyên gì khiến các pháp khởi lên, cái ấy cũng vô thường. Này các Tỷ-kheo, các pháp do nhân vô thường khởi lên? từ đâu có thể thường được? Thấy vậy... Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."84 85

84 Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (141, 142) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: The Personal, by Way of Condition, nghĩa là Nội căn do nhân. 85 Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (144, 145) trong bản tiếng Anh của PTS: The External, by Way of Condition, nghĩa là Ngoại căn do nhân.

XI. KINH NGOẠI CẢN DO NHÂN KHỔ
(Bãhiradukkhahetusutta) (S. IV. 131)
144. (Như kinh 143, chỉ thay thế "kh> cho "v6 thuờng").
XII. KINH NGOẠI CĂN DO NHÂN VÔ NGÃ
(Bãhừãnattahetusuttd) (S. IV. 131)
145. (Như kinh 143, chỉ thay thế "v6 ngã,5 cho "v6 thường,,).
35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ ? 819

XV. PHẨM MỚI VÀ CŨ (NA VAPURÃNAVAGGA)

I. KINH ĐOẠN TÀN NGHIỆP (Kammanirodhasuttdỷ6 (5. IV. 132) 146. Này các Tỷ-kheo, Ta thuyêt vê các nghiệp mới và cũ, sự đoạn diệt các nghiệp, con đường đưa đến sự đoạn diệt các nghiệp. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng. Này các Tỷ-kheo5 thế nào là nghiệp cũ? Mắt, này các Tỷ-kheo, cần phải quán là nghiệp cũ,87 được tác thành, được tư niệm, được cảm thọ. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Y cân phải quán là nghiệp cũ, được tác thành, được tư niệm, được cảm thọ. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là nghiệp cũ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp mới? Này các Tỷ-kheo, hiện tại phàm làm việc gì với thân, với lời nói, hay với ý. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là nghiệp mới. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là nghiệp đoạn diệt? Sự đoạn diệt thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp, nhờ vậy cảm thấy giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là nghiệp đoạn diệt. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là con đường đưa đến nghiệp đoạn diệt? Đây là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy,

chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến nghiệp đoạn diệt. Như vậy? này các Tỷ-kheo, Ta đã giảng cho các ông nghiệp cũ, đã giảng nghiệp mới, đã giảng nghiệp đoạn diệt, đã giảng con đường đưa đến nghiệp đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, phàm những gì bậc Đạo sư cần phải làm vì hạnh phúc, vì lòng thương đệ tử, những việc ấy Ta đã làm cho các ông, vì lòng thương tưởng các ông. Này các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống. Hãy thiên tư, các Tỷ-kheo9 chớ có phóng dật, chớ có hôi hận vê sau. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.86 87 88

86 Bản tiếng Anh của PTS: Action, nghĩa là Nghiệp. 87 Chủ giải'. Con mắt không phải cũ, nhưng được hiện hữu do nghiệp quá khứ. 88 Xem M. I. 46; III. 302.

II. KINH VÔ THƯỜNG THÍCH ỨNG ĐƯA ĐẾN NIẾT-BÀN (Aniccanibbãnasappãyasuttdỷ9 (S. IV. 133) 147. Này các Tỷ-kheo? Ta sẽ giảng cho các ông con đường thích ứng với Niết-bàn. Hãy lắng nghe... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường thích ứng với Niết-bàn? Ở đây, nàỵ các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấy mắt là vô thường, thấy các sắc là vô thường, thấy nhãn thức là vô thường, thấy nhãn xúc là vô thường. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì? lạc5 khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô thường. ... tai... mũi... lưỡi... thân... ... thấy ý là vô thường, thấy các pháp là vô thường, thấy ý thức là vô thường, thấy ý xúc là vô thường. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô thường. Và này các Tỷ-kheo? đây là con đường thích ứng với Niết-bàn. III. KINH KHỔ THÍCH ỨNG ĐƯA ĐẾN NIẾT-BÀN (Dukkhanibbãnasappãyasutta) (5. IV. 134) 148. (Như kinh trên, chỉ thay thế "kh6"). IV KINH VÔ NGÃ THÍCH ỨNG ĐƯA ĐÉN NIẾT-BÀN (Anattanibbãnasappãyasuttà) (5. IV. 134) 149. (Như kinh trên, chỉ thay thế "v6 ngã,9). V KINH CON ĐƯỜNG THÍCH ỨNG ĐƯA ĐẾN NIẾT-BÀN (NibbãnasappãyapaỊipadãsutta) (S. IV. 135) 150. Này các Tỷ-kheo? Ta sẽ giảng cho các ông về con đường thích ứng với Niết-bàn. Hãy lắng nghe... Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là con đường thích ứng với Niết-bàn? Các ông nghĩ thê nào, này các Tỷ-kheo? măt là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? - Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi? cái này là tự ngã của t6i" - Thưa không, bạch Thế Tôn. Thấy vậy. này các Tỷ-kheo. vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với các sắc, nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc... Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc, vị ấy cũng nhàm chán cảm thọ ấy. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị

89 Tên kinh này và 3 kinh kế tiếp (148, 149, 150) ương bản tiếng Anh của PTS dịch: Helpful, nghĩa là Trợ giúp.

ấy được giải thoát... Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm? không còn trở lại đời này nữa." Này các Tỷ-kheo5 đây là con đường thích

ứng với Niết-bàn. VI. KINH ĐỆ TỬ NỘI TRÚ (Antevãsikasutta) (S. IV. 136) 151. Này các Tỷ-kheo5 không có các đệ tử nội trú, không có Đạo su, Phạm hạnh này được sống. Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo sống có đệ tử nội trú? có Đạo sư là sống đau khổ? không có thoải mái. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống không có đệ tử nội trú, không có Đạo sư là sống an lạc, thoải mái. Và thế nào, Tỷ-kheo sống có đệ tử nội trú, có Đạo sư là sống đau khổ, không có thoải mái? Ó đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, các ác? bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng bị trói buộc khởi lên, chúng trú ở trong vị ấy; các ác, bất thiện pháp nội trú trong vị ấy. Do vậy, vị ấy được gọi là có đệ tử nội trú. Chúng theo sát (samudãcaranti) vị ấy; các ác, bất thiện pháp theo sát vị ấy. Do vậy? vị ấy được gọi là có Đạo sư.90 ... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... Lại nữa, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo khi ý biết pháp, các ác, bất thiện pháp, các ức niệm5 ước vọng bị trói buộc khởi lên, chúng trú ở trong vị ấy; các ác, bât thiện pháp nội trú ở trong vị ây. Do vậy, vị ây được ệọi là có đệ tử nội trú. Chúng theo sát vị ấy; các ác5 bất thiện pháp theo sát vị ây. Do vậy5 vị ấy được gọi là có Đạo sư. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo sống có đệ tử nội trú, có Đạo sư là sống đau khổ, không có thoải mái. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo sống không có đệ tử nội trú, không có Đạo sư là sống an lạc, thoải mái? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, các ác5 bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng bị trói buộc không khởi lên, chúng không trú ở trong vị ấy; các ác? bất thiện pháp không nội trú trong vị ấy. Cho nên, vị ấy được gọi là không có đệ tử nội trú. Chúng không theo sát vị ây; các ác, bất thiện pháp không theo sát vị ấy. Do vậy5 vị ấy được gọi là không có Đạo sư. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi ý biết pháp, các ác5 bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng bị trói buộc không khởi lên; chúng không trú ở trong vị ấy; các ác? bất thiện pháp không nội trú ở trong vị ấy. Do vậy, vị ấy được gọi là

90 Sãcaĩiyaka. SA. II. 403 giải thích họ là đạo sư của vị ấy, bảo bọc vị ấy, dạy dỗ vị ấy rằng: t4Áp dụng cách điều trị như vậy, như vậy, làm những bổn phận như vậy, như vậy?,.

không có đệ tử nội trú. Chúng không theo sát vị ây; các ác5 bât thiện pháp không theo sát vị ấy. Do vậy, vị ấy được gọi là không có Đạo sư. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo sống không có đệ tử nội trú, không có Đạo sư. Đây, này các Tỷ-kheo? được gọi là Phạm hạnh không có đệ tử nội trú, không có Đạo sư. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sông có đệ tử nội trú, có Đạo sư là sông đau khô, không có thoải mái. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống không có đệ tử nội trú, không có Đạo sư là sống an lạc, thoải mái. VII. KINH PHẠM HẠNH VỚI MỤC ĐÍCH GÌ? (Kimatthiyabrahmacariyasutta)9192 (5. IV. 138) 152. Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông như sau: "C6 cái gi, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Này chư Hiền, vì liễu tri đau khổ nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn?5 Này các Tỷ-kheo5 nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông như sau: "Thế nào, này chư Hiền, là vì liễu tri đau khổ nên Phạm hạnh

được sống dưới Sa-môn Gotama?^, Được hỏi vậy5 này các Tỷ-kheo5 các ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Mắt, này chư Hiền, là khổ. Vì liễu tri nó nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn. Các sắc, này chư Hiền, là khổ. Vì liễu tri nó nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn. Nhãn thức, này chư Hiền, là khổ. Vì liễu tri nó nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn. Nhãn xúc là khổ. Vì liễu tri nó nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì? lạc? khổ? hay bất khổ bất ỉạc; cảm thọ ấy là khổ. Vì liễu tri cảm thọ ấy nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn... Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bât khô bât lạc; cảm thọ ây là khô. Vì liêu tri cảm thọ ây nên Phạm hạnh được sông dưới The Tôn. Đây là khổ, này chư Hiền, vì liễu tri đau khổ nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Ton." Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải trả lời như vậy cho những du sĩ ngoại đạo ấy. VIII. KINH CÓ PHÁP MÔN NÀO? (Atthinukhopariyãyasuttãỷ2 (5. IV. 139) 153. Có pháp môn nào, do pháp môn ấy, Tỷ-kheo ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài suy tư về phương pháp (ãkãraparivitakkd). ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận (ditthinijjhanakkhanti). có thể xác chứng chánh

91 Bản tiếng Anh của PTS: To What Purpose? nghĩa là Vớỉ mục đích gìl 92 Bản tiếng Anh của PTS: Is There a Method! nghĩa là Có pháp môn nào?

trí; vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa"? —Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... -Có một pháp môn, này các Tỷ-kheo5 do pháp môn ấy, Tỷ-kheo ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe9 ngoài suy tư về phương pháp, ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận, có thể xác chứng chánh trí; vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận... trạng thái này nữa." Pháp môn ấy là gì, do pháp môn ấy... "... không còn trở lại đời này nữa” ơ đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo khi măt thây săc5 hoặc nội tâm có tham, sân, si, biết rõ: "Nội tâm ta có tham, sân5 si”; hoặc nội tâm không có tham, sân9 si? biết rõ: yNội tâm ta không có tham, sân, si.” Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, hoặc nội tâm có tham, sân5 si, biết rõ: "Nội tâm ta có tham, sân5 si”; hoặc nội tâm không có tham, sân, si, biết rõ: "Nội tâm ta không có tham, sân, si." Này các Tỷ-kheo, biết rõ chúng có mặt hay không có mặt trong tâm vị ấy, có phải chúng là những pháp do lòng tin được hiểu biết, hay do ưa thích được hiểu biết, hay do lắng nghe được hiểu biết, hay do suy tư về phương pháp được hiểu biết, hay do kham nhẫn, thích thú biện luận được hiểu biết? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Có phải các pháp này, do thấy chúng với trí tuệ nên được hiểu biết? - Thưa phải, bạch Thế Tôn. Đây là pháp môn5 này các Tỷ-kheo? do pháp môn này5 Tỷ-kheo ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài suy tư về phương pháp5 ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận, có thể xác chứng với chánh trí; vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận... không còn trở lại đời này nữa." Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo khi ý biết pháp, hoặc nội tâm có tham, sân5 si, biết rõ: "Nội tâm ta có tham, sân5 si"; hoặc nội tâm không có tham, sân5 si, biết rõ: uNội tâm ta không có tham, sân5 si." Này các Tỷ-kheo, khi ý biết pháp, hoặc biết rõ nội tâm

có tham, sân9 si: "Nội tâm ta có tham, sân5 si", hoặc biết rõ nội tâm không có tham, sân, si: "Nội tâm ta không có tham, sân, si.” Này các Tỷ-kheo, sự biêt rõ chúng có mặt hay không có mặt trong tâm vị ây, có phải chúng là những pháp do lòng tin được hiểu biết, hay do ưa thích được hiểu biết, hay do lắng nghe được hiểu biết, hay do suy tư về phương pháp được hiểu biết, hay do kham nhẫn, thích thú biện luận được hiểu biết? Thưa không, bạch Thế Tôn. Có phải các pháp này, do thấy chúng với trí tuệ nên được hiểu biết? - Thưa phải, bạch Thế Tôn. Đây là pháp môn? này các Tỷ-kheo, do pháp môn này, Tỷ-kheo ngoài lòng

tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài suy tư về phương pháp, ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận, có the xác chứng với chánh trí; vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.^^ IX. KINH CÁC CĂN ĐƯỢC THÀNH Tựu ụndriyasampannasuttà)93 (5. IV. 140) 154. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: “Các căn được thành tựu, các căn được thành tựu”như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, các căn được thành tựu? Nếu Tỷ-kheo quán sanh diệt trong nhãn căn5 vị ấy nhàm chán đối với nhãn căn... trong nhĩ căn... trong tỷ căn... trong thiệt căn... trong thân căn... Nếu Tỷ- kheo quán sanh diệt trong ý căn, vị ấy nhàm chán đối với ý căn. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ rằng: "Sanh đã tận? Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm9 không còn trở lại đời này nữa." Cho đến như vậy, Tỷ-kheo thành tựu các căn. X. KINH HỎI VÈ VỊ THUYẾT PHÁP (Dhammakathikapucchasutta)94 (5. IV. 141) 155. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: :Vj thuyết pháp, vị thuyết pháp”, bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào? bạch Thế Tôn, là vị thuyết pháp? Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp đưa đến nhàm chán, ly tham, đoạn diệt mắt5 như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo thực hành sự nham chan, lv tham, đoan diệt đôi với mat, như vây là vừa đu đê đươc 201 là Tỷ-kheo thành tựu pháp và thuận pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với măt9 được giải thoát không có chấp thủ? như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo chứng được Niết-bàn ngay trong hiện tại. ... tai... mũi... lưỡi... thân... Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp đưa đến nhàm chán, ly tham, đoạn diệt ý, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với ý? như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp và thuận pháp. Nếu Tỵ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với ý, được giải thoát không có chấp thủ, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

93 Bản tiếng Anh của PTS: Faculty, nghĩa là Căn. 94 Bản tiếng Anh của PTS: Preacher, nghĩa là Vị thuyết pháp.

NĂM MƯƠI KINH THỨ Tư

XVI. PHẨM HỶ ĐƯỢC ĐOẠN TẬN (NANDIKKHAYAVAGGA)

L KINH HỶ TRONG THÂN Được ĐOẠN TÂN (Ajjhattanandikkhayasutta)95 (5. IV. 142) 156. Này các Tỷ-kheo? khi Tỷ-kheo thấy mắt vô thường là vô thường, thấy vậy là chánh tri kien. Do thấy chơn chánh, vị ấy nhàm chán. Do duyệt hỷ tiêu tận (nandikkhaya) nên tham tiêu tận; do tham tiêu tận nên duyệt hỷ tiêu tận; do duyệt hy, tham tiêu tận nên tâm được gọi là khéo giải thoát. Này các Tỷ-kheo? khi Tỷ-kheo thấy tai vô thường là vô thường... thấy mũi vô thường là vô thường... thấy lưỡi vô thường là vô thường... thấy thân vô thường là vô thường... Này các Tỷ-kheo; khi Tỷ-kheo thấy ý vô thường là vô thường, thấy vậy là chánh tri kiến. Do thấy chơn chánh, vị ấy nhàm chán. Do duyệt hỷ tiêu tận nên tham tiêu tận; do tham tiêu tận nên duyệt hỷ tiêu tận; do duyệt hỷ5 tham tiêu tận nên tâm được gọi là khéo giải thoát. II. KINH HỶ NGOÀI THÂN ĐƯỢC ĐOẠN TẬN (Bãhiranandìkkhayasuttà) (S. IV. 142) 157. (Như kinh trên, chỉ thay thê "các săc5 các tiêng, các hương, các vị5 các xúc? các pháp"). III. KINH HỶ VÔ THƯỜNG TRONG THÂN ĐƯỢC ĐOẠN TẢN (Ajjhattaaniccanandikkhayasutta) (5. IV. 142) 158. Này các Tỷ-kheo? hãy như lý tác ý mắt và như thật chánh quán con mắt là vô thường. Này các Tỷ-kheo, do như lý tác ý con mắt và như thật chánh quán con mắt là vô thường, Tỷ-kheo nhàm chán đối với con mắt. Do duyệt hỷ tiêu tận nên tham tiêu tận; do tham tiêu tận nên duyệt hỷ tiêu tận; do duyệt hỷ5 tham tiêu tận nên tâm được gọi là khéo giải thoát. Này các Tỷ-kheo, hãy như lý tác ý tai... mũi... lưỡi... thân...

95 Tên kinh này và 3 kinh kế tiếp (157,~158, 159) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: The Destruction of the Lure, nghia là Đoạn trừ sự cắm dỗ.

Này các Tỷ-kheo, hãy như lý tác ý và như thật chánh quán ý là vô thường. Này các Tỷ-kheo5 do như lý tác ý và như thật chánh quán ý là vô thường, Tỷ-kheo nhàm chán đối với ý. Do duyệt hỷ tiêu tận nên tham tiêu tận; do tham tiêu tận nên duyệt hỷ tiêu tận; do duyệt hỷ5 tham tiêu tận nên tâm được gọi là khéo giải thoát. IV. KINH HỶ VÔ THƯỜNG NGOÀI THÂN ĐƯỢC ĐOẠN TẬN (Bãhiraaniccanandikkhayasuttà) (S. IV. 143) 159. (Như kinh trên5 chỉ thay thế "các sắc, các tiếng, các hương, các vị5 các xúc và các ph"). V. KINH THIỀN ĐỊNH TRONG VƯỜN XOÀI JIVAKA ựĩvakambavanasamãdhisutta)9697 (S IV. 143) 160. Một thòi, Thế Tôn ở Rãjagaha5 tại vườn xoài Jĩvaka. Tại dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo5 hãy tu tập thiền định. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có tâm định tinh, sự vật như thật hiển hiện. Và sự vật gì như thật hiển hiện? Mắt vô thường như thật hiển hiện. Các sắc vô thường như thật hiển hiện. Nhãn thức vô thường như thật hiển hiện. Nhãn xúc vô thường như thật hiển hiện. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì9 lạc, khổ? hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy vô thường như thật hiển hiện. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý vô thường như thật hiển hiện. Các pháp vô thường như that hiển hiện. Ý thức vô thường như thật hiển hiện. Ý xúc vô thường như thật hiển hiện. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ glạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy vô thường như thật hiên hiện. Này các Tỷ-kheo9 hãy tu tập

thiền định. Tỷ-kheo có tâm định tĩnh, sự vật như thật hiển hiện. VI. KINH THIỀN TỊNH ẨN CƯ TRONG VƯỜN XOÀI JIVAKA ụĩvakambavanapaỊisalỉãnasutta) (5. IV. 144) 161. Một thòi, Thế Tôn ở Rajagaha, tại vườn xoài Jĩvaka. Tại dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo5 hãy tu tap thiền tịnh ẩn cư. Này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo có thiền tịnh5 sự vật như thật hiển hiện. Và sự vật gì như thật hiển hiện? (Như kinh trên)... VII. KINH KOTTHIKA VÀ VÔ THƯỜNG (Kotthikaaniccasutta)91 (5. IV. 145) 162. Rồi Tôn giả Mahãkotthika đi đến Thế Tôn...

96 Kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: In Jivaka s Mango Grove, nghĩa là Trong vườn xoài Jĩvaka. 97 Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (163, 164) trong bản tiếng Anh của PTS viết: Kotthika, nghĩa là Tôn giả Kotthika.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ A 827

Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Mahãkotthika bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, lành thay, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống một mình an tịnh, không phóng dật5 nhiệt tâm5 tinh cần. -Cái gì vô thường, này Kotthika, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Này Kotthika, cái gì là vô thường? Mắt là vô thường, này Kotthika, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Các sắc là vô thường, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Nhãn thức là vô thường, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Nhãn xúc là vô thường, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì5 lạc9 khổ, hay bât khô bât lạc; cảm thọ ây là vô thường, ở đây ông cân phải đoạn trừ lòng dục. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ị' X Y là vô thường, ở đây ông cân phải đoạn trừ lòng dục. Các pháp là vô thường, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Y thức là vô thường, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Ý xúc là vô thường, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ5 hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô thường, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Cái gì vô thường, này Kotthika, ở đây ông cân phải đoạn trừ lòng dục. VIII. KINH KOTTHIKAVA KHỔ (KoỊỊhikadukkhasutta)(y IV. 146) 163. (Như kinh trên, chỉ khác là nói đến "kh8”). IX. KINH KOTTHIKAVA VÔ NGÃ (KoỊỊhikaanattasutta) (5. IV. 146) 164. (Như kinh trên, chỉ khác là nói đến "v6 ng*') X. KINH ĐOẠN TẬN TÀ KIẾN (Micchãditthipahãnasutta)9S (5. IV. 147) 165. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ạ _ f _ _ _ __ _ _ _ f _____ L __ Ngôi xuong một ben5 Ty-kheo ay bạch The Ton: -Bạch Thế Tôn, do biết như thế nào, thấy như thế nào, tà kiến được đoạn trừ? Tỷ-kheo do biêt và thây măt là vô thường nên tà kiên được đoạn trừ. Do biết và thấy nhãn thức là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì5 lạc, khổ5 hay bất khổ bất lạc; do biết và thấy cảm thọ ấy là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ... Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì5 lạc, khổ? hay bất khổ bất lạc; do biết và thấy cảm thọ ấy là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ. Này các Tỷ-kheo? do biết như vậy5 do thấy như vậy nên tà kiến được đoạn trừ.*

98 Bản tiếng Anh của PTS: Wrong View, nghĩa là Tà kiến.

828 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ IV. THIÊN SÁU XỨ

KINH ĐOẠN TẬN THÂNKIẾN

(SakkãyaditỊhipahãnasuttà)" (S. IV. 147)
166. (Như kinh trên, chỉ thay thế "thân kiến" cho "tà kiến").
XII. KINH ĐOẠN TẬN NGÃ KIẾN
(AttãnudiỊỊhipahãnasũttà) ÌQQ (S. IV. 148)
167. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng ungã kiến99100
).
99 Bản tiếng Anh của PTS: The Person-pack, nghĩa là Thân kiến. 100 Bản tiếng Anh của PTS: About the Self, nghĩa là Ngã kiến.

XVII. PHẨM SÁU MƯƠI LƯỢC THUYẾT (SATTHIPEYYALAVAGGA)

I. KINH DỤC NƠI NỘI THÂN VÔ THƯỜNG (Ajjhattaaniccachandasutta)101 (5. IV. 148) 168. Này các Tỷ-kheo, cái gì vô thường, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Và này các Tỷ-kheo? cái gì là vô thường? (Như kinh 162 trên, chỉ khác "Thế Tôn nói với các Ty-kheo"). II. KINH THAM NƠI NỘI THÂN VÔ THƯỜNG (Ajjhattaaniccaragasutta) (S. IV. 149) 169. (Như kinh trên5 chỉ thay thế "tham (râgơ),9cho "dqc ĩìiem"). III. KINH DỤC THAM NƠI NỘI THÂN VÔ THƯỜNG (Ajjhattaaniccachandaragasutta) (5. IV. 149) 170. (Như kinh trên? chỉ thay thế "dục và tham" cho udục niệm,,). IV-VI. KINH DỤC NƠI KHỔ, v.v... (Dukkhachandãdisutta) (5. IV. 150) 171-173. Cái gì khổ, này các Tỷ-kheo? ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Và này các Tỷ-kheo5 cái gì là khổ? Mắt là khổ? này các Tỷ-kheo9 ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là khổ? ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Cái gì là khô, này các Tỷ-kheo, ở đây các ông cân phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. VII-IX. KINH DỤC NƠI VÔ NGÃ, VV... (Anattachandãdisutta) (S. IV. 150) 174-176. Cái gì vô ngã? này các Tỷ-kheo? ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Và này các Tỷ-kheo, cái gì là vô ngã? Măt5 này các Tỷ-kheo? là vô ngã5 ở đây các ông cân phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

101 Tên kinh này và 17 kinh kế tiếp (169-185) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: By Way of Desire, nghĩa là Do dục niệm.

Y là vô ngã5 ở đây các ông cân phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Cái gì là vô ngã5 này các Tỷ-kheo? ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. X-XII. KINH DỤC NƠI NGOẠI THÂN VÔ THƯỜNG, vv... (Bãhirãniccachandãdisutía) (5. IV. 150) 177-179. Cái gì vô thường, này các Tỷ-kheo5 ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Và này các Tỷ-kheo5 cái gì là vô thường? Các sắc là vô thường, này các Tỷ-kheo, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp là vô thường, này các Tỷ-kheo5 ở đấy các ông cần phải đoạn trừ

lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Cái gì vô thường, này các Tỷ-kheo5 ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. XIII-XV. KINH DỤC NƠI NGOẠI THÂN KHỔ, VV... (Bãhiradukkhachandãdisutta) (5. IV. 150) 180-182. Cái gì khổ, này các Tỷ-kheo? ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Và này các Tỷ-kheo, cái gì là khổ? 7 r >

Các săc, này các Tỷ-kheo, là khô5 ở đây các ông cân phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... __ 9 r y

Các pháp là khô, này các Tỷ-kheo5 ở đây các ông cân phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Cái gì khô? này các Tỷ-kheo, ở đây các ông cân phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. XVI-XVIII. KINH DỤC NƠI NGOẠI THÂN VÔ NGÃ, VV... (Bãhirãnattachandãdisutta) (5. IV. 151) 183-185. Cái gì vô ngã5 này các Tỷ-kheo5 ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Và này các Tỷ-kheo, cái gì là vô ngã? Các săc, này các Tỷ-kheo9 là vô ngã5 ở đây các ông cân phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp, này các Tỷ-kheo5 là vô ngã, ở đây các ông cân phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Cái gì là vô ngã5 này các Tỷ-kheo, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ B 831

XIX. KINH NỘI THÂN VÔ THƯỜNG THUỘC QUÁ KHỨ (Ajjhattãfítãnỉccasutta)i()2 (S. IV. 151) 186. Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô thường, thuộc quá khứ. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là vô thường, thuộc quá khứ. Thấy vậy9 này các Tỷ-kheo5 vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với tai5 nhàm chán đối với mũi, nhàm chán đối với lưỡi, nhàm chán đối với thân, nhàm chán đối với ý. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát.5, Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.^, XX. KINH NỘI THÂN VÔ THƯỜNG THUỘC VỊ LAI (Ajjhattãnãgatãniccasutta) (5. IV. 152) 187. Măt5 này các Tỷ-kheo, là vô thường, thuộc vị lai. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là vô thường, thuộc vị lai. Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa." XXL KINH NỘI THÂN VÔ THƯỜNG THUỘC HIỆN TẠI (Ajjhattapaccuppannaniccasutta) (5. IV. 152) 188. Mắt, này các Tỷ-kheo5 là vô thường, thuộc hiện tại. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là vô thường, thuộc hiện tại. Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa?9 XXII-XXIV. KINH NỘI THÂN KHỔ THUỘC QUÁ KHỨ, vv... (Ajjhattãtĩtãdidukkhasuttd) (S. IV. 152) 189-191. Mắt, này các Tỷ-kheo5 là khổ5 thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là khổ, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Thấy vậy... không còn trở lại đời này nữa.,, XXV-XXVII. KINH NỘI THÂN VÔ NGÃ THUỘC QUÁ KHỨ, VV... (Ajjhattãtĩtãdianattasutià) (S, IV. 152) 192-194. Mắt, này các Ty.kheo, là vô ngã? thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là vô ngã, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Thấy vậy..."...không còn trở lại đời này nữa?9

102 Tên kinh này và 17 kinh kế tiếp (187-203) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: By Way of the Past, nghĩa là Thuộc quả khứ.

832 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỨ

XXVIII-XXX. KINH NGOẠI THÂN VÔ THƯỜNG THUỘC QUÁ KHỨ, V.V... (Bãhirãtĩtãdianiccasuttà) (5. IV. 152) 195-197. Các sắc

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ « 833

XXXVIIL KINH NỘI THÂN VÔ THƯỜNG THUỘC VỊ LAI (Ajjhattãnãgatayadaniccasutta) (S IV. 153) 205. Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô thường, thuộc vị lai. Cái gì vô thường là khổ... (như kinh trên, chỉ khác đây Uthuộc vị lai95). XXXIX. KINH NỘI THÂN VÔ THƯỜNG THUỘC HIỆN TẠI (Ajjhattapaccuppannayadaniccasutta) (S IV. 153) 206. (Như kinh trên, chỉ khác đây Uthuộc hiện tại"). XL-XLII. KINH NÔI THÂN KHỔ THUỘC QUÁ KHỨ, VV... (Ajjhattãtĩtãdiyamdukkhasuttd) (5. IV. 154) 207-209. Mắt? này các Tỷ-kheo5 là khổ? thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Cái gì khổ, cái ấy là yô ngã. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi5 cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy? cần phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là khổ? thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Cái gì khổ? cái ấy là vô ngã. Cái gì vô ngã5 cái ấy không phải là của tôi? cái ấy không phải là tôi, cái ây không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cân phải như thật quán cái ây với chánh trí tuệ. Thấy vậy... u... không còn trở lại đời này nữa/5 XLIII-XLV. KINH NỘI THÂN VÔ NGÃ THUỘC QUÁ KHỨ, vv... (Ajjhattãtĩtãdiyadanattasutta) (5. IV. 154) 210-212. Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Cái gì vô ngã? cái ây không phải là của tôi, cái ây không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi... (như kinh trên). XLVI-XLVIIL KINH NGOẠI THÂN VÔ THƯỜNG THUỘC QUÁ KHỨ, V.V... (Bãhừãtĩtãdiyadaniccasuttd) (S. IV. 154) 213-215. Các sắc, này các Tỷ-kheo? là vô thường, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì khổ, cái ấy là vô ngã. Cái gì vô ngã9 cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi? cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cân phải như thật quán cái ây với chánh trí tuệ. Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp là vô thường, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì khổ? cái ấy là VO ngã. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy9 cần phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ. Thấy vậy... u... không còn trở lại đời này nữa."

834 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ IV. THIÊN SÁU XỨ

XLIX-LI. KINH NGOẠI THÂN KHỔ THUỘC QUÁ KHỨ, VV... (Bãhirãtĩtãdiyamdukkhasuttă) (S. IV. 155) 216-218. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là khổ, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Cái gì khổ, cái ấy là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi5 cái ây không phải là tôi5 cái ây không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cân phải như thật quán cái ây với chánh trí tuệ. Các pháp là khổ5 thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Cái gì khổ5 cái ấy là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ây không phải là tự ngã của tôi. Như

vậy5 cân phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ. Thấy vậy..."...không còn trở lại đời này nữa." LII-LIV KINH NGOẠI THÂN VÔ NGÃ THUỘC QUÁ KHỨ, VV... (Bãhirãtĩtãdiyadanattắsutta) (5. IV. 155) 219-221. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Cái gì vô ngã5 cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi5 cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp là vô ngã5 thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Cái gì vô ngã? cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy5 cân phải như thật quán cái ây với chánh trí tuệ. Thấy vậy..."...không còn trở lại đời này nữa.,, LV. KINH NỘI XỨ VÔ THƯỜNG (Ạijhattãyatanaaniccasuttà)W4 (S. IV. 155) 222. Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là vô thường. Thấy vậy... u... không còn trở lại đời này nữa.^, LVI. KINH NỘI XỨ KHỔ (Ajjhattayatanadukkhasutta) (5. IV. 155) 223. Mắt, này các Tỷ-kheo, là khổ. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là khổ. Thấy vậy... không còn trở lại đời này nữa?9 LVII. KINH NỘI XỨ VÔ NGÃ (Ajjhattayatanaanattasutta) (S. IV. 156) 224. Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là vô ngã. Thấy vậy... u... không còn trở lại đời này nữa."

104 Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (223, 224) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: The Personal, nghĩa là Trong thân.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 835

LVIII. KINH NGOẠI xứ VÔ THƯỜNG (Bãhirãyatanaaniccasuttă)ỴỒ5 (S, IV. 156) 225. Các sắc, này các Tỷ-kheo5 là vô thường. Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp là vô thường. Thấy vậy... u... không còn trở lại đời này nữa.,, LIX. KINH NGOẠI xứ KHỔ (Bãhừãyatanadukkhasutta) (5. IV. 156) 226. Các sắc, này các Tỷ-kheo5 là khổ. Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp là khổ. Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa.,, LX. KINH NGOẠI xứ VÔ NGÃ (Bãhirãyatanaanattasuttd) (5. IV. 156) 227. Các sắc, này các Tỷ-kheo? là vô ngã. Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp là vô ngã. Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa.,,

105 Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (226, 227) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: The External, nghĩa là Ngoài thân.

836 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỨ

xvin. PHẨM BIẾN (SAMUDDAVAGGA)

L KINH BIỂN THỨ NHẤT (Pathamasamuddasutta)W6 (S. IV. 157) , 228. uBiển5 biển", này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu nói như vậy. Cái ấy5 này các Tỷ-kheo, không phải là biển trong giới luật của bậc Thánh. Cái ấy [của kẻ phàm phu], này các Tỷ-kheo, là một khối nước lớn, là một dòng nước lớn. Con mắt, này các Tỷ-kheo, là biển của người, tốc độ của nó làm bằng các săc. Ai điêu phục được tôc độ làm băng các săc ây, này các Tỷ-kheo, người ấy được gọi là Bà-la-môn đã vượt khỏi biển mắt, với những làn sóng (saũmí), nước xoáy (sãvatta), các loại cá mập (sagãha), các loại la-sát (rakkhasa)^1 đến bờ bên kia và đứng trên đất liền. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý, này các Tỵ-kheo? là biển của người, tốc độ của nó làm bằng các J)háp. Ai điều phục được tốc độ làm bằng

các pháp ấy, này các Tỷ-kheo5 người ấy được gọi là Bà-la-môn đã vượt khỏi biển ý? với những làn s6ng, nước xoáy, các loại cá mập? các loại la-sát, đến bờ bên kia và đứng trên đất liên. Bậc Đạo sư nói như sau: Ai vượt qua biển này, Với cá mập, la-sát9 Với sóng biển hãi hùng, Biển rất khó vượt qua. Bậc tối thắng trí tuệ, Đã thành tựu Phạm hạnh, Được gọi: '6Đến bờ kia" Đã đạt thế giới biên. II. KINH BIỂN THỨ HAI (Dutìyasamuddasutta) (S. IV. 158) 229. "Biển, biển"này các Tỷ-kheo,, kẻ vô văn phàm phu nói như vậy. Cái ấy, này các Tỷ-kheo? không phải là biển trong giới luật của bậc Thánh. Cái ấy [của kẻ phàm phu], này các Tỷ-kheo5 là một khối nước lớn? là một dòng nước lớn. Này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hy, khả ý? khả ải9 liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo9 đây được gọi là biển trong

106 Con mắt được ví với bốn biển vì không bao giờ đầy, không bao giờ thỏa mãn. 107 Xem s. IV. 178; KS. IV. 113 (kinh 200 ở trươc); A. II. 123.

giới luật của bậc Thánh. Ở đây, thế giới này với Thiên giới, với Ma giới, với Phạm thiên giới? với chúng Sa-môn5 Bà-la-môn? với chư thiên và loài người, phần lớn108 chìm đắm (samunnd) trong ấy, bị rối ren như cuộn chi, bị bao trùm như cuộn dây, thành như sợi dây bện bằng cỏ, không thể vượt qua cõi dữ5 ác th, đọa xứ, luân hồi. Này các Tỷ-kheo, có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân nhận thức... Này các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hy? khả ái, khả ý. liên hệ đến dục. hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là biển trong giới luật của bậc Thánh, ơ đây5 thê giới này với Thiên giới, với Ma giới, với Phạm thiên giới? với chúng Sa-môn? Bà-la-môn5 với chư thiên và loài người, phần lớn chìm đắm trong ấy, bị rối ren như cuộn chỉ, bị bao trùm như cuộn dây, thành như sợi dây bện băng cỏ5 không thê vượt qua cõi dữ, ác thú5 đọa xứ? luân hôi. III. KINH VÍ DỤ NGƯỜI CÂU CÁ (BãịisỉkopamasuttaJ (5. IV. 159) 230. Ai đoạn trừ được tham, sân và vô minh, người ấy vượt qua biển khó vượt này? với các loài cá mập, các loài la-sát, với các làn sóng hãi hùng khó vượt này. Vượt trói buộc? thoát chết, Không còn có sanh y, Đoạn tận mọi khổ đau5 Không còn phải tái sanh. Sanh tử được đoạn diet, Bậc không thể so sánh? Ta nói5 vị như vậy? Đã hóa mù Thần chết.109 Ví nhu, này các Tỷ-kheo? một người câu cá trong hồ nước sâu5 quăng xuống một lưỡi câu có mắc mồi. Một con cá, với mắt nhìn vào mồi? nuốt lưỡi câu ấy. Như vậy9 này các Tỷ-kheo, con cá ấy vì nuốt lưỡi câu, đi đến bất hạnh, đi đến ách nạn, bị người câu cá muốn làm gì thì làm. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, có sáu lưỡi câu này ở trong dời, đưa đến bất hạnh cho các loài hữu tình, đưa đến tai hại cho các loài chúng sanh. Thế nào là sáu? Này các Tỷ-kheo? có những săc do măt nhận thức, khả lạc, khả hỷ? khả ý, khả ái, liên hệ đên dục? hâp dân. Nêu Tỷ-kheo hoan hỷ săc ây5 tán dương, tham luyến an trú5 thời này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo ấy được gọi là đã nuốt lưỡi câu của Ác ma, đã đi đến bất hạnh, đã đi đến ách nạn9 đã bị Ác ma muốn làm gì thì làm. Có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân nhận thức...

108 SA. III. 3: Yebhuyyenãtỉ Ịhapetvã arỉyasãvake (Yebhuyyena: Phần lớn; có nghĩa là không kể đến các vị Thánh đệ tử). C XemKS. I. 152.

838 D KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỨ

Này các Tỷ-kheo5 có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ9 khả ý5 khả ái, liên hệ đến dục5 hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ pháp ấy, tán dương, tham luyến an trú, thời này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo ấy được gọi là đã nuốt lưỡi câu của Ác ma, đã đi đến bất hạnh, đã đi đên ách nạn, đã bị Ac ma muốn làm gì thì làm. Này các Tỷ-kheo? có những săc do măt nhận thức, khả lạc, khả hỷ? khả ý5 khả ái, liên hệ đến dục? hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ các sắc ấy, không tán dương, không tham luyên an trú, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ây được gọi là khônẹ nuốt lưỡi câu của Ac ma, đã bẻ gãy lưỡi câu, đã bẻ nát lưỡi câu, không đi đên bât hạnh, không đi đên ách nạn, không bị Ac ma muôn làm gì thì làm. Này các Tỷ-kheo, có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân nhận thức... Này các Tỷ-kheo5 có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không tham luyên an trú, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là vị không nuốt lưỡi câu của Ac ma, đã bẻ gãy lưỡi câu, đã bẻ nát lưỡi câu, không đi đến bất hạnh, không đi đến ách nạn, không bị Ác ma muốn làm gì thì làm. IV KINH VÍ DỤ CÂY CÓ NHựA (Khữarukkhopamasutta)nQ (5. IV. 160) 231. — Này các Tỷ-kheo, đối với các sắc do mắt nhan thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào còn có tham, còn có sân, còn có si; tham ấy chưa đoạn tận5 sân ấy chưa đoạn tận5 si ấy chưa đoạn tận; dầu chỉ có phần nhỏ, khi các sắc do mắt nhận thức đi vào trong tầm mắt nhận thức, chúng chinh phục tâm của vị ấy, còn nói gì cả phần lớn. Vì sao? Này các Tỷ-kheo9 vì còn có tham, còn có sân? còn có si; và tham ấy chưa đoạn tận, sân ấy chưa đoạn tận5 si ấy chưa đoạn tận. Đối với các tiếng do tai nhận thức... Đối với các hương do mũi nhận thức... Đối với các vị do lưỡi nhận thức... Đôi với các xúc do thân nhận thức... Này các Tỷ-kheo, đối với các pháp do ý nhận thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo- ni nào còn có tham, còn có sân5 còn có si; tham ấy chưa đoạn tận, sân ấy chưa đoạn tận5 si ấy chưa đoạn tận; dầu chỉ có phần nhỏ5 khi các pháp do ý nhận thức đi vào trong tâm ý nhận thức, chúng chinh phục tâm của vị ây, còn nói gì cả phần lớn. Vì sao? Này các Tỷ-kheo5 vì còn có tham, còn có sân, còn có si; và tham ấy chưa đoạn tận? sân ấy chưa đoạn tận, si ấy chưa đoạn tận. Ví như, này các Ty.kheo, một cây có nhựa, hoặc cây Bồ-đề (Assattha), hoặc cây Bàng (Nigrodha), hoặc cây Sanh (Pilakkha), hoặc cây Udumbara, hoặc một loại cây còn tươi. Rồi một người với cái búa sắc bén chặt vào cây ấy. Nước nhựa cây ây có chảy ra không? Thưa có, bạch Thế Tôn.*

11° Xem MI. 429.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ E 839

-Vì sao? Vì rằng, bạch Thế Tôn, cây ấy có nhựa.

Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? đôi với các săc do măt nhận thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào còn có tham, còn có sân, còn có si; tham ây chưa đoạn tận, sân ấy chưa

đoạn tận5 si ấy chưa đoạn tận; dầu chỉ có phần nhỏ, khi các sắc do mắt nhận thức đi vào trong tầm mắt nhận thức, chúng chinh phục tâm của vị ấy, còn nói gì cả phần lớn. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì còn có tham, còn có sân, còn có si; và tham ấy chưa đoạn tận5 sân ấy chưa đoạn tận, si ấy chưa đoạn tận. Đối với các tiếng do tai nhận thức... Đối với các hương do mũi nhận thức... Đối với các vị do lưỡi nhận thức... Đôi với các xúc do thân nhận thức... Này các Tỷ-kheo, đối với các pháp do ý nhận thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo- ni nào còn có tham, còn có sân, còn có si; tham ấy chưa đoạn tận, sân ấy chưa đoạn tận5 si ấy chưa đoạn tận; dầu chỉ có phần nhỏ5 khi các pháp do ý nhận thức đi vào trong tâm ý nhận thức, chúng chinh phục tâm của vị ây5 còn nói gì cả phần lớn. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì còn có tham, còn có sân5 còn có si; và tham ấy chưa đoạn tận, sân ấy chưa đoạn tận, si ấy chưa đoạn tận. Này các Tỷ-kheo5 đôi với các săc do măt nhận thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo- ni nào không có tham, không có sân, không có si; tham ấy đã đoạn tận5 sân ấy đã đoạn tận, si ấy đã đoạn tận; dầu cho cả phần lớn, khi các sắc do mắt nhận thức đi vào trong tầm mắt nhận thức, chúng không chinh phục tâm của vị ấy, còn nói gì chỉ phân nhỏ. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì không có tham, không có sân5 không có si; và tham ấy đã đoạn tận5 sân ấy đã đoạn tận, si ấy đã đoạn tận. Đối với các tiếng do tai nhận thức... Đối với các hương do mũi nhận thức... Đối với các vị do lưỡi nhận thức... Đôi với các xúc do thân nhận thức... Này các Tỷ-kheo5 đối với các pháp do ý nhận thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào không có tham, không có sân, không có si; tham ấy đã đoạn tận, sân ấy đã đoạn tận, si ấy đã đoạn tận; dầu cho cả phần lớn, khi các pháp do ý nhận thức đi vào trong tầm ý nhận thức, chúng không chinh phục tâm của vị ấy, còn nói gì chỉ có phần nhỏ. Vì sao? Này các Tỷ-kheo? vì không có tham, không có sân, không có si; và tham ây đã đoạn tận5 sân ây đã đoạn tận, si ây đã đoạn tận. Ví như, này các Tỷ-kheo9 một cây có nhựa, cây Bồ-đề hay cây Bàng, hay cây Sanh, hay cây Udumbara đã khô héo, không có nhựa, đã quá mùa.111 Rồi một người với cây búa sắc bén chặt vào cây ấy. Nước nhựa cây ấy có chảy ra không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. -Vì sao? Vì rằng, bạch Thế Tôn, cây ấy không có nhựa. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với các sắc do mắt nhận thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào không có tham, không có sân, không có si... si ấy đã đoạn tận... Đối với các pháp do ý nhận thức, tham ấy đã đoạn tận5 sân ấy đã đoạn tận?

111 Xem s. IV. 182; KS. IV. 116 (kinh 202 ở trước).

si ấy đã đoạn tận; dầu cho cả phần lớn, khi các pháp do ý nhận thức đi vào trong tầm ý nhận thức, chúng không chinh phục tâm vị ấy, còn nói gì chỉ có phần nhỏ. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì không có tham ấy, không có sân ấy, không có si ấy; và tham ấy đã đoạn tận, sân ấy đã đoạn tận, si ấy đã đoạn tận.

V KINH KOTTHIKA (KoỊỊhikasutta) (S. IV. 163) 232. Một thời? Ton giả Sãriputta và Tôn giả Mahãkotthika trú ở Bãrãnasĩ, tại Isipatana, Lộc Uyển. Rồi Tôn giả Mahakotthika, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy? đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sãriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu roi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahãkotthika

nói với Tôn giả Sãriputta: Thưa Hiên giả? có phải con măt là kiêt sử của các săc5 hay các săc là kiêt sử của con măt?... Có phải ý là kiêt sử của các pháp hay các pháp là kiêt sử của ý? Này Hiền giả Kotthika, con mắt không phải là kiết sử của các sắc, các sắc không phải là kiết sử của con mắt; ở dây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử. ...Ý không phải là kiết sử của các pháp, các pháp không phải là kiết sử của ý; ở dây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử. Ví như, này Hiên giả, một con bò đen và một con bò trăng bị cột lại bởi sợi dây hay cái ách. Neu có người nói con bò đen là kiết sử của con bò trắng, hay con bò trắng là kiết sử của con bò đen? thời nói vậy có phải nói một cách chơn chánh không? —Thưa không. —Này Hiền giả, con bò đen không phải là kiết sử của con bò trắng. Và con bò trăng cũng không phải là kiêt sử của con bò đen. Do sợi dây hay cái ách cột lại, cái ay ở đây là kiet sử. Này Hiên giả, cũng vậy? con măt cũng không phải là kiêt sử của các săc, các săc không phải là kiêt sử của con măt; ở đây5 do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử. ...Ý không phải là kiết sử của các pháp, các pháp không phải là kiết sử của ý; ở đây5 do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử. Này Hiền giả, nếu con mắt là kiết sử của các sắc, hay các sắc là kiết sử của con mắt; thời Phạm hạnh này đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau không thể tuyên bố. Vì rang, này Hiền giả, con mắt không phải là kiết sử của các sắc, các sắc cũng không phải là kiết sử của con mắt; ở đây? do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử. Do vậy5 Phạm hạnh đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau có thể tuyên bố. ... Này Hiền giả, nếu ý là kiết sử của các pháp9 hay các pháp là kiết sử của ý5 thời Phạm hạnh này đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau không thể tuyên bô. Vì răng5 ý không phải là kiêt sử của các pháp, hay các pháp không phải là

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ F 841

kiết sử của ý; ở đây? do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử. Do vậy? Phạm hạnh đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau có thể tuyên bố. Này Hiền giả5 với pháp môn này cần phải hiểu biết như vậy. Mắt không phải là kiết sử của sắc. sắc không phải là kiết sử của mắt; ở đây? do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử. ...Ý không phải là kiết sử của các pháp, các pháp không phải là kiết sử của ý; ở dây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử. Này Hiền giả? Thế Tôn có mắt. Với con mắt, Thế Tôn thấy sắc. Tham dục không có nơi Thế Tôn. Khéo giải thoát là tâm Thế Tôn. ...Nàỵ Hiền giả, Thế Tôn có ý. Với ý5 Thế Tôn biết pháp. Tham dục không có nơi Thế Tôn. Khéo giải thoát là tâm Thế Tôn. Này Hiên giả, với pháp môn

842 1 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỨ

nếu duyên ấy một cách toàn diện dưới mọi hình thức được đoạn diệt hoàn toàn, không có dư tàn, thời nhãn thức có thê nêu rõ được không? Thưa không, Hiền giả. -Với pháp môn này, Thế Tôn đã tuyên thuyết, đã khai mở, đã nêu rõ thức này là vô ngã. CÓ phải do duyên tai và các tiêng, khởi lên nhĩ thức?... Có phải do duyên mũi và các hương, khởi lên tỷ thức?... Có phải do duyên lưỡi và các vị5 khởi lên thiệt thức?... Có phải do duyên thân và các xúc9 khởi lên thân thức?... Này Hiền giả, có phải do duyên ý và các

pháp khởi lên ý thức? Thưa phải5 Hiền giả. —Này Hiền giả5 do nhân nào, do duyên nào khởi lên ý thức, nếu nhân ấy, nếu duyên ấy một cách toàn diện dưới mọi hình thức được đoạn diệt hoàn toàn, không có dư tàn, thời ý thức có thể nêu rõ được không? Thưa không, Hiền giả. -Với pháp môn này, thưa Hiền giả, Thế Tôn đã tuyên thuyết, đã khai mở? đã nêu rõ thức này là vô ngã. Ví như, này Hiền giả, một người cần dùng lõi cây, tìm cầu lõi cây, đi tìm lõi cây5 cầm cây búa sắc bén đi vào trong rừng. Ở đấy, người này thấy một thân cây chuối lớn, thẳng, mới lớn và cao. Người ấy chặt đứt rễ cây, chặt đứt xong, người ấy chặt ngọn. Sau khi chặt ngọn5 người ấy lột vỏ ngoài ra. Người ấy ở đây không tìm được giác cây, còn nói gì lõi cây. Cũng vậy? này Hiền giả, Tỷ-kheo trong sáu xúc xứ, không quán thấy có tự ngã và thuộc tự nẹã. Do thây như vậy, vị ây không châp thủ một cái gì ở trong đời. Do không chap thủ5 vị ấy không tham luyến. Do không tham luyến, vị ấy tự mình hoàn toàn tịch tịnh (parinibbãyaíi). Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” VIII. KINH THUYẾT VÈ LỬA CHÁY (Ẵadittapariyãyasutta)U3 (S. IV. 168) 235. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về pháp môn "Lửa cháy”, pháp môn "Chánh pháp". Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn "Lửa cháy", pháp môn "Chánh phAp” Thát tốt hơn, này các Tỷ-kheo5 nếu nhãn căn bị hủy hoại với một cây kim băng săt nung đỏ5 hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Như vậy? không có châp thủ tướng riêng, không chấp thủ tướng chung đối với các sắc do mắt nhận thức, này các Tỷ-kheo, thức có thể vững trú, kiên trú, bị trói buộc bởi vị ngọt tướng chung hay bị trói buộc bởi vị ngọt tướng riêng. Trong thời gian ấy, nếu mệnh chung, thời sự kiện này có thê xảy ra: Đi thác sanh vào một trong hai sanh thú này, địa ngục hay bàng sanh. Này các Tỷ-kheo, do thấy nguy hiểm này, Ta nói như vầy: "Thật tốt hơn,

113 Xem KS. III. 62; s. IV. 19; KS. IV. 10 (kinh 28 ở trước); Vìn. I. 21.

này các Tỷ-kheo9 nêu nhĩ căn bị hủy hoại với một cái dùi băng săt nung đỏ5 hừng cháy5 rực cháy, cháy lửa ngọn. Như vậy5 không chấp thủ tướng riêng, không chấp thủ tướng chung đôi với các tiêng do tai nhận thức, này các Tỷ-kheo5 thức có thê vững trú, kiên trú, bị trói buộc bởi vị nẹọt tướng chung hay bị trói buộc bởi vị ngọt tướng riêng. Trong thời gian ấy, nêu mệnh chung, thời sự kiện này có thể xảy ra: Đi thác sanh vào một trong hai sanh thú này, địa ngục hay bàng sanh,,^ Này các Tỷ-kheo5 do thấy nguy hiểm này, Ta nói như vầy: "Thật tốt hơn, này các Tỷ-kheo. nếu tỷ căn bị phá hủy với một cái kêm săc bén, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn... nếu thiệt căn bị hủy hoại với một con dao săc bén, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn... nêu thân căn (kãyindriyam) bị hủy hoại với một lưỡi kiếm sắc bén, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn..." Này các Tỷ-kheo, do thấy nguy hiểm này, Ta nói như vầy: "Thật tốt hơn là nằm ngủ. Nằm ngủ, Ta nói rằng là trống không đối với các loài có sinh mạng. Ta nói răng là vô quả đối với các loài có sinh mạng. Ta nói răng là mù mờ (momũham) đối với các loài có sinh mạng. Vì răng [nếu ngủ]? thời không có suy nghĩ những vấn đề để có thể bị những vấn đề tư duy chinh phục5 để có thể phá hòa hợp Tăng. Này các Tỷ-kheo, thây sự trông không [của nằm ngủ] và sự nguy hiểm, Ta nói như vậy.,^ Ở đây? này các

Tỷ-kheo? vị đa văn Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Hãy dừng lại, chớ để nhãn căn bị hủy hoại với một cây kim băng săt nung đỏ, hừng cháy, rực cháy? cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: 'Dây, măt là vô thường. Các sắc là vô thường. Nhãn thức là vô thường. Nhãn xúc là vô thường. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì5 lạc thọ, khô thọ5 hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường.9 Hãy dừng lại5 chớ đê nhĩ căn bị hủy hoại với một cái dùi băng săt nung đỏ5 hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: cĐây5 tai là vô thường. Các tiếng là vô thường. Nhĩ thức là vô thường. Nhĩ xúc là vô thường. Phàm duyên nhĩ xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc thọ, khô thọ5 hay bât khô bât lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường? Hãy dừng lại5 chớ đê tỷ căn bị hủy hoại với một cái kêm săc bén5 hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: 'Đây, mũi là vô thường. Các hương là vô thường. Tỷ thức là vô thường. Tỷ xúc là vô thường. Phàm duyên tỷ xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ? khổ thọ5 hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường/ Hãy dừng lại, chớ để thiệt căn bị hủy hoại với một con dao sắc bén? hừng cháy5 rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: 'Đây, lưỡi là vô thường. Các vị là vô thường. Thiệt thức là vô thường. Thiệt xúc là yô thường. Phàm duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ5 khô thọ, hay bât khô bât lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường/ Hãy dừng lại, chớ để thân căn bị hủy hoại với một lưỡi kiếm sắc bén, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: 'Đây, thân căn là vô thường. Các xúc là vô thường. Thân thức là vô thường. Thân xúc là vô thường.

Phàm duyên ứiân xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc thọ5 khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường.9 Hãy dừng lại, chớ nằm ngủ. Ta hãy tác ý như sau: 'Đây. ý căn là vô thường. Các pháp là vô thường. Ý thức là vô thường. Ý XUC là yô thường. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì5 lạc thọ? khổ thọ9 hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường/95 Thấy vậy? này các Tỷ-kheo? vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với các sắc5 nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm ợ chán đối với , nhãn xúc. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì? lạc thọ. khô thọ, hay bât khổ bất lạc thọ; vị ấy nhàm chán đối với cảm thọ ấy... nhàm chán đối với V, nhàm chán đối với các pháp, nhàm chán đối với ý thức, nhàm chán đối với ý xúc. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ây nhàm chán đôi với cảm thọ ây. Do nhàm chán? vị ây ly tham; do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: “Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm5 không còn trở lại đời này nua/9 Này các Tỷ-kheo? đây là pháp môn “Lửa cháy”. Đây là pháp môn uChánh pháp55. IX. KINH VÍ DỤ TAY VÀ CHÂN THỨ NHẤT (Pathamahatthapãdopamasuttd) (S. IV. 171) 236. Nếu có các tay, này các Tỷ-kheo, thời có thấy lượm lên và đặt xuống. Neu có chân? thời có thấy đi tới và đi lui. Neu có tay chân, thời có thấy co lại và duỗi ra. Nếu có bụng, thời có thấy đói và khát. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? nếu có mắt và do duyên nhãn xúc? thời khởi lên nội lạc, nội khổ. ... Nếu có ý? do duyên ý xúc thời khởi lên nội lạc, nội khổ. Nếu không có các tay, này các Tỷ-kheo? thời không có thấy lượm lên và đặt xuống. Nếu không có chân, thời không có thấy đi tới và đi lui. Nếu không có tay chân5 thời không có thấy co lại và duỗi ra. Nêu không có bụng? thời không có thấy đói và khát. Cũng vậy,

này các Tỷ-kheo, nếu không có mắt và không có duyên nhãn xúc, thời không khởi lên nội lạc9 nội khổ. ... Nếu không có lưỡi và không có duyên thiệt xúc9 thời không khởi lên nội lạc, nội khổ. ... Nếu không có ý và không có duyên ý xúc? thời không khởi lên nội lạc, nội khổ. X. KINH VÍ DỤ TAY VÀ CHÂN THỨ HAI (Dutiyahatthapãdopamasutta) (5. IV. 172) 237. Nêu có các tay, này các Tỷ-kheo5 thời có lượm lên và đặt xuông. Nêu có chân, thời có đi tới và đi lui... Nêu không có ý và không có duyên ý xúc, thời không khởi lên nội lạc, nội khổ.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ H 845

XIX. PHẨM RẮN ĐỘC (ẴSĨVISAVAGGA)

L KINH VÍ DỤ RẮN Độc (Ẳsĩvisopamasutta)ỈU (5. IV. 173) 238. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, có bôn con răn độc với sức nóng tột độ5 với nọc độc mãnh liệt. Rồi có người đến? muốn sống5 không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ. Người ta nói với người ấy: 6'Này bạn? có bốn con rắn độc này, với sức nóng tột độ5 vơi nọc độc mãnh liệt. Thỉnh thoảng hãy đánh thức chúng dậy, thỉnh thoảng hãy tăm cho chúng, thỉnh thoảng hãy cho chúng ăn5 thỉnh thoảng hãy cho chúng vào huyệt [để ngủ]. Này bạn, nếu một trong bốn con rắn độc này, với sức nóng tột đô9 với nọc độc mãnh liệt5 tức giận, thời này bạn, bạn sẽ đi đến chết, hay đau khổ gần như chết. Vậy này bạn, hãy làm những gì bạn nghĩ cần phải làm.,^ Rôi này các Tỷ-kheo? người ây quá sợ hãi bôn con răn độc với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, chạy trốn chỗ này chỗ kia. Người ta nói với người ấy: “Này bạn, có năm kẻ sát nhân thù địch này, đang đi theo sau lưng bạn. Chúng nói: 'Khi nào chúng ta thấy nó, chúng ta sẽ giêt nó.5 Này bạn, hãy làm những gì bạn nghĩ là phải làm?5 Rồi này các Tỷ-kheo? người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc ấy với sức nóng tột độ5 với nọc độc mãnh liệt; quá sợ hãi năm tên sát nhân thù địch ấy5 chạy đi trôn chô này chô kia. Người ta nói với người ây: "Này bạn? có một tên thứ sáu cướp nhà, giết người với ngọn kiếm giơ lên, đang đi theo sau lưng bạn. Nó nói: 'Khi nào ta thấy nó, ta sẽ chém đầu nó? Này bạn, hãy làm những gì bạn nghĩ là phải làm.^, Rồi này các Tỷ-kheo? người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc với sức nóng tột độ? với nọc độc mãnh liệt; quá sợ hãi năm tên sát nhân thù địch; quá sợ hãi 115 giết người với ngọn kiếm giơ lên5 chạy đi trốn chỗ này tên thứ sáu cướp nhà,114 chỗ kia. Rồi người ấy thấy một ngôi làng trông không. Nhà nào người ấy đi vào, người ấy vào chô trống không, vào chô rông không, vào chô tuyệt không. Người ây sờ đên đô dùng nào, người ây sờ chô trông không, người ây sờ chô rỗng không, người ây sờ chỗ tuyệt không. Người ta nói với người ây: "Này bạn, bọn cướp phá hoại làng, sẽ đánh cướp ngôi làng trống không này. Này bạn5 hãy làm những gì bạn nghĩ là phải làm/5 Rôi này các Tỷ-kheo, người ây quá sợ hãi bôn con răn độc với sức nóng tột độ5 với nọc độc mãnh liệt; quá sợ hãi năm tên giết người thù địch; quá sợ hãi

114 Theo Mhvs. XII. 84, kinh này do Trưởng lão Majjhantika thuyết cho những người trú ở Kashmĩra và Gandhãra. Xem 4 II. 110. 115 Antaracara. Nghĩa đen là người đi vào bên trong. Trái với cora, kẻ cướp đường.

tên thứ sáu cướp nhà, giết người với ngọn kiếm giơ lên; quá sợ hãi các tên cướp làng, liền chạy đi trốn chỗ này chỗ kia. Rồi người ấy thấy một đầm nước lớn, bờ bên này đầy những sợ hãi và nguy hiêm? bờ bên kia được an ổn, không có sợ hãi? nhưng không có thuyền để vượt qua, không có cầu để đi qua đi lại. Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy suy nghĩ như sau: “Dây là một đầm nước lớn, bờ bên này đây những sợ hãi và nguy hiêm5 bờ bên kia được an ôn5 không có sợ hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua, không có cầu để đi qua đi lại. Nay ta hãy thâu góp cỏ cây? nhành lá, cột lại thành chiếc bè;116 nhờ chiếc bè này5 tinh tấn dùng tay chân, ta có thể vượt qua bờ bên kia một cách an toàn.,, Rồi này các Tỷ-kheo5 nẹười ấy thâu góp cỏ cây, nhành lá, cột lại thành chiếc bè; nhờ chiếc bè này, tinh tân dùng tay chân, người ây vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Vị Bà-la-môn vượt qua bờ bên kia, đứng trên đất liền. Ví dụ này, này các Tỷ-kheo, Ta làm để giải thích ý nghĩa. Và đây là ý nghĩa: Bốn con rắn độc với sức nóng tột độ5 với nọc độc mãnh liệt, này các Tỷ- kheo, là đồng nghĩa với bốn đại chủng: Địa đại, thủy đại5 hỏa đại và phong đại. Năm tên giết người thù địch, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với năm thủ uẩn: Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn9 tưởng thủ uẩn9 hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Tên thứ sáu cướp nhà, giết người với cây kiếm giơ lên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với dục tham. Ngôi làng trống không, này các Tỷ-kheo9 là đồng nghĩa với sáu nội xứ. Này các Tỷ-kheo? nếu một người hiền, có kinh nghiệm, có trí, tìm hiểu nó với con măt; vị ây thay nó là trông không, là rông không, là tuyệt không... Nêu tìm hiếu nó với ý; vị ấy thấy nó là trống không, là rỗng không, là tuyệt không.117 Bọn cướp phá làng, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với sáu ngoại xứ. Này các Tỷ-kheo? mắt bị tàn hại trong các sắc khả ái và không khả ái. Này các Tỷ- kheo? tai bị tàn hại trong các tiếng khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo5 mũi bị tàn hại trong các hương khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, lưỡi bị tàn hại trong các vị khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo? thân bị tàn hại trong các xúc khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo? ý bị tàn hại trong các pháp khả ái và không khả ái. Vùng nước lớn, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với bốn bộc lưu: Dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu và vô minh bộc lưu.118 Bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, này các Tỷ-kheo5 là đồng nghĩa với thân kiến,119 Bờ bên kia an ổn và không kinh hãi? này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Niết-bàn.

116 Xem MI. 134. 117 Chủ giải: Không có cái gì thuộc ngã hay ngã sở. Xem BPE. 597. 118 Catunnetam oghãnam adhỉvacanam - kãmoghassa, bhavoghassa, ditthoghassa, avijjoghassa. 119 Sakkãya. XemKS. III. 86.

Cái bè5 này các Tỷ-kheo, là đông nghĩa với Thánh đạo tám ngành. Tinh tân dùng tay và dùng chân, này các Tỷ-kheo5 là đông nghĩa với tinh tấn, tinh cần. Vị Bà-la-môn vượt qua bờ bên kia và đứng trên đất liền, này các Tỷ-kheo9 là đồng nghĩa với bậc A-la-hán. IL KINH VÍ DỤ CỖ XE (Rathopamasutta)nồ (S. IV. 175) 239. Này các Tỷ-kheo, đầy đủ được ba pháp này, một Tỷ-kheo ngay trong hiện tại5 sống nhiều an lạc, hoan hy, và tạo nguyên nhân120 bắt đầu đoạn tận 121122 123 các lậu hoặc. Thế nào là ba? Hộ trì các căn5 tiết độ trong ăn uống và chú tâm tỉnh giác. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, khi mắt thấy sắc, 122 Tỷ-kheo không nắm giữ

tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái5 ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên5 Tỷ-kheo tự chế ngự những nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn5 thực hành hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung5 không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngụ*, khiến tham ái5 ưu bi, các ác5 bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự những nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành hộ trì ý căn. Ví như, này các Tỷ-kheo5 trên đất bằng, tại chỗ ngã tư, 123 có chiếc xe đang đậu, thắng với ngựa hay, có roi ngựa đặc biệt đang sẵn sàng. Có người mã thuật sư thiện xảo, người đánh xe điều ngự các con ngựa đáng được điều ngự, leo lên xe ấy, tay trái nắm lấy dây cương, tay mặt cầm lấy roi ngựa5 có thể đánh xe ngựa đi tới đi lui như thê nào và tại chô nào theo ý mình muôn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo học hộ tri, học chế ngự, học điều ngự, học tịnh chỉ sáu căn này. Như vậy9 này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo hộ trì các căn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn không phải để vui đùa5 không phải để đam mê5 không phải để trang sức5 không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được an trú, được bảo dưỡng, khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh; vị ấy nghĩ rằng: “Nhu vậy5 ta diệt trừ các cảm thọ cũ5 không cho khởi lên các cảm thọ mới và ta sẽ không có lỗi lầm5 sống được an lạc.” Ví như, này các Tỷ-kheo5 một người bôi thuốc vào một vết thương để chữa lành vết thương ấy; ví như một người bôi dầu vào trục xe với mục đích để có thể

120 Bản tiếng Anh của PTS: Delighting in, nghĩa là Hoan hỷ trong [hiện tại].

121 Yoni: Nguồn gốc. Xem 4 II. 76.

122 Xem 5. IV. 102; KS. IV. 63 (kinh 120 ở trước).

123 Xem MI. 124; 4 III. 28.

chở đô nặng; cũng vậy, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức5 không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được an trú, được bảo dưỡng, khỏi bị thương hại? để hỗ trợ Phạm hạnh; vị ấy nghĩ rằng: “Nhu vậy5 ta diệt trừ các cảm thọ cũ5 không cho khởi lên các cảm thọ mới và ta sẽ không có lỗi lầm5 sống được an lạc.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống. Và như thế nào? này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo chú tâm tỉnh giác? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo ban ngày trong khi đi kinh hành hay ngồi, tâm trừ sạch các chướng ngại pháp. Ban đêm canh một, khi đi kinh hành hay ngồi, tâm trừ sạch các chướng ngại pháp. Ban đêm canh giữa5 vị ấy nằm phía hông bên phải, trong dáng nằm con sư tử, hai chân để trên nhau, chánh niệm tỉnh giác5 tác ý đến lúc thức dậy. Ban đêm trong canh cuối cùng, vị ấy thức dậy và trong khi đi kinh hành và ngồi, tâm trừ sạch các chướng ngại pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chú tâm tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo, đây đủ ba pháp ây? Tỷ-kheo ngay trong hiện tại5 sông nhiều an lạc, hoan hỷ5 và tạo nguyên nhân bắt đầu đoạn tận các lậu hoặc. IIL KINH VÍ DỤ CON RÙA (Kummopamasuttà) (5. IV. 177) 240.

Thuở xua, này các Tỷ-kheo, có một con rùa, vào buổi chiều, đang đi kiếm mồi dọc theo bờ sông. Một con dã can, này các Tỷ-kheo, vào buổi chiều, cũng đi tìm mồi dọc theo bờ sông. Này các Tỷ-kheo5 con rùa từ đàng xa trông thấy con dã can đang đi tìm mồi, thấy vậy liền rụt bốn chân và thứ năm là cô vào trong mai rùa của mình và nằm bất động, im lặng. Này các Tỷ-kheo9 con dã can từ đàng xa trông thấy con rùa, đi đến con rùa; sau khi dến, đứng một bên và nghĩ rằng:124 "Khi nào con rùa này thò ra phần thân nào và cổ là thứ năm? ngay tại chỗ ấy, ta sẽ nắm lấy, bẻ gãy và ăn.^, Nhưng, này các Tỷ-kheo, vì răng con rùa không thò ra một phân thân nào và cổ là thứ năm9 nên con dã can nhàm chán con rùa và bỏ đi, không nắm được cơ hội. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, Ác ma thường xuyên không gián đoạn, đứng trong tư thê rình mò các ông với ý nghĩ: "Rât có thê ta năm được cơ hội đê băt gặp từ con mắt... từ cái lưỡi... hay từ y." Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy sông hộ trì các căn. Khi măt thây săc? không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến nhãn căn không được chế ngự, khiên tham ái, ưu bi, các ác5 bât thiện pháp khởi lên, hãy tự chế ngự những nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn? thực hành hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi mùi... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận

124 Xem s. II. 270.

thức các pháp, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nẹuyên nhân gì khiên ý căn không được chế ngự? khiến tham ái5 ưu bi, các ác, bât thiện pháp khởi lên, hãy tự chế ngự những nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành hộ trì ý căn. Này các Tỷ-kheo? khi nào các ông sống hộ trì các căn5 thời Ác ma nhàm chán các ông và sẽ bỏ di, không nắm giữ được cơ hội, như con dã can đối với con rùa. Như rùa giâu thân phân Trong mai rùa của nó. Cũng vậy vị Tỷ-kheo? Thâu nhóm mọi tâm tư, Không nương tựa một ai, 125 Không hại một người nào, Hoàn toàn đạt tịch tịnh, Không nói xâu một ai. IV KINH VÍ DỤ KHÚC GỖ THỨ NHẤT (Paḷhamadãrukkhandhopamasuttd) (S. IV. 179) 241. Một thời5 Thế Tôn trú ở Kosambĩ, trên bờ sông Gaốgã. Thế Tôn thấy một khúc gỗ lớn trôi theo dòng nước sông Hằng, thấy vậy liền gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo5 các ông có thây khúc gô to lớn này đang trôi theo dòng nước sông Hằng không? - Thưa có? bạch Thế Tôn. Này các Tỷ-kheo5 nếu khúc gỗ không đâm vào bờ bên này, kh6ng đâm vào bờ bên kia, không chìm giữa dòng, không mắc cạn trên miếng đat nổi? không bị loài người nhặt lấy, không bị phi nhân nhặt lấy, không bị mắc vào xoáy nước^26 không bị mục bên trong; như vậy? này các Tỷ"kheo? khúc gỗ ấy sẽ hướng về biển, sẽ xuôi theo biên, sẽ nghiêng nhập vào biên. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo? dòng sông Hằng hướng về biển, xuôi theo biển, nghiêng trôi về biển. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, nếu các ông không đâm vào bờ bên này, khônẸ đâm vào bờ bên kia, không chìm giữa dòng, không mắc cạn trên miếng đất nôi5 không bị loài người nhặt lấy, không bị phi nhân nhặt lấy, không bị mắc vào xoáy nước, không bị mục bên trong; như vậy5 này các Tỷ-kheo, các ông sẽ hướng về Niết-b n, sẽ xuôi theo Niết-ban, sẽ nghiêng nhập vào Niết-bàn. yì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo? chánh kiến hướng về Niết-bàn, xuôi theo Niết- bàn? nghiêng nhập vào

Niêt-bàn. Khi được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: —Bạch Thế Tôn, bờ bên này là gì? Bờ bên kia là gì? Thế nào là chìm giữa dòng? Thế nào là mắc cạn trên miếng đất nổi? Thế nào là bị loài người nhặt lấy?*

125 SA. III. 30: Anissitoti tanhãdiṭṭhiṅissayehi anissito, nghĩa là không có tham và tà kiến. 126 Ẫvatta'. Nước xoáy, không phải ãvatta nghĩa là chỗ eo sông.

Thế nào là bị phi nhân nhặt lấy? Thế nào là bị mắc vào xoáy nước? Thế nào là bị mục nát bên trong? Bờ bên này5 này Tỷ-kheo, là đông nghĩa với sáu nội xứ. Bờ bên kia, này Tỷ-kheo5 là đồng nghĩa với sáu ngoại xứ. Bị chìm giữa dòng, này Tỷ-kheo, là đong nghĩa với hỷ tham. Bị mắc cạn trên miếng đất nổi, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ngã mạn. Và này Tỷ-kheo5 thế nào là bị loài người nhặt lấy? Ở dây, Tỷ-kheo sống quá liên hệ với cư si, chung vui, chung buôn5 an lạc khi họ an lạc, đau khô khi họ bị đau khổ5 tự trói buộc mình trong các công việc phải làm được khởi lên của họ. Đây gọi là Tỷ-kheo bị loài người nhặt lấy. Và thế nào, này Tỷ-kheo, là bị phi nhân nhặt lấy? Ở đây, Tỷ-kheo sống Phạm hạnh với ước nguyện được sanh cộng trú với một hạng chư thiên: "Mong răng với giới luật này, với câm giới này, với khô hạnh này, với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành thiên nhân hay một loài chư thiên!,9 Đây5 này Tỷ-kheo. được gọi là bị phi nhân nhặt lấy. Bị mắc vào xoáy nước, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với năm dục công đức. Và này Tỷ-kheo, thế nào là bi mục nát bên trong? Ở đây, này Tỷ-kheo5 có người thọ tà giới5 theo ác pháp, bất tịnh, có những hành vi đáng nghi ngờ5127 có những hành động che đậy, không phải Sa-môn nhưng hiện tướng Sa-môn5 không phải Phạm hạnh nhưng hiện tướng Phạm hạnh, nội tâm bị hủ bại, đây dục vọng, là một đống rác bẩn.128 Đây, này Tỷ-kheo, được gọi là bị mục nát bên trong. Lúc bấy giờ9 Nanda, người chăn bò5 đứng không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi người chăn bò Nanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, con không đâm vào bờ bên này, con không đâm vào bờ bên kia, con không bị chìm giữa dòng5 con không bị măc cạn trên miêng đât nôi, con không bị loài người nhặt lây, con không bị phi nhân nhặt lây, con không bị măc vào xoáy nước, con không bị mục nát bên trong. Bạch Thê Tôn, mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, được thọ Đại giới. -Này Nanda, hãy đem trả các con bò cho người chủ. Bạch Thê Tôn, chúng sẽ đi trở vê. Các bò mẹ đang trông mong gặp lại các con bê của chúng. -Tuy vậy5 này Nanda, ông hãy trả lui các con bò cho những người chủ. Rồi Nanda, người chăn bò5 sau khi trả lui các con bò cho những người chủ, đi đến Thế Tôn; sau khi dến, bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, các con bò đã được trả lui cho những người chủ. Bạch Thế Tôn, xin hãy cho con được xuất gia với Thế Tôn. Hãy cho con thọ Đại giới. Nanda, người chăn bò được xuất gia với Thế Tôn, được thọ Đại giới. Sau khi thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Nanda sông một mình, an tịnh...

127 Sankassarasamãcãra. Xem s. I. 66. 128 Kasambujata. Xem Ud. V. 5.

Tôn giả Nanda trở thành một vị A-la-hán nữa. V. KINH VÍ DỤ KHÚC GÔ THỨ HAI (Dutiyadãrukkhandhopamasuttă) (5. IV. 181) 242. Một thòi, Thế Tôn ở tại Kimbilã, trên

bờ sông Hằng. Thế Tôn thấy một khúc gỗ trôi theo dòng nước sông Hằng, thấy vậy liền gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo5 các ông có thây khúc gô lớn này bị trôi theo dòng nước sông Hằng? Thưa có5 bạch Thế Tôn. (Như kinh trên cho đến "nghiêng nhập vào Niết-bàn"). Được nghe nói vậy5 Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, bờ bên này là gì?... (như kinh trên). -Và này Kimbila, thế nào là bị mục nát bên trong? Ở dây, này Kimbila, Tỷ- kheo phạm một giới tội (ãpattí). một giới tội không thể giải trừ. Này Kimbila, đây gọi là mục nát bên trong. VI. KINH CÁCH NHIỄM DỤC LẬU (Avassutapariyãyasutta)n9 (5. IV. 182) 243. Một thời, Thế Tôn sống giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu (Ca-tỳ- la-vệ)5 trong vườn Nigrodha. Lúc bấy giờ, có một hội đường mới của những người Sakka ở Kapilavatthu được làm không bao lâu, chưa được một Sa-môn, hay Bà-la-môn, hay một người nào đến ở. Rồi một số người Sakka ở Kapilavatthu đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 các người Sakka ở Kapilavatthu bạch Thế Tôn: Ở đây5 bạch Thế Tôn, có hội đường mới của những người Sakka ở Kapilavatthu được làm không bao lâu, chưa được một Sa-môn5 hay Bà-la-môn5 hay một người nào đến ở. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy sử dụng ngôi nhà ây đâu tiên5 rôi sau các người Sakka ở Kapilavatthu sẽ sử dụng. Như vậy, sẽ đưa đến hạnh phúc và an lạc lâu dài cho những người Sakka ở Kapilivatthu. The Ton im lặng nhận lời. Những người Sakka ở Kapilavatthu, sau khi biết Thế Tôn đã nhân lời, từ chỗ ngồi đứng dậy5 đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi đi đến hội đường mới ấy. Sau khi đên? họ cho trải toàn bộ hội đường với những tấm đệm5 cho bày biện các chỗ ngồi5 cho sắp đặt ghè nước, cho treo đèn dầu, rồi đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn5 toàn bộ hội đường đã được trải đệm. Các chỗ ngồi đã được bày biện. Một ghè nước đã được đặt sẵn. Ngọn đèn dầu đã được treo lên. Nay Thê Tôn hãy làm gì The Tôn nghĩ là phải thời.

129 Bản tiếng Anh của PTS: Lustful, nghĩa là Đầy dục vọng. Bản Hán: LậuJKL(TV. 16.0006.35.202. 0238a01).

Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến hội đường mới; sau khi đến, rửa chân, đi vào hội đường và ngôi dựa vào cây cột ở giữa, mặt hướng về phía Đông. Chúng Tỷ-kheo5 sau khi rửa chân? bước vào hội đường, và ngồi dựa vào bức tường phía Tây, mặt hướng về phía Đông, với Thế Tôn trước mặt. Các người Sakka ở Kapilavatthu, sau khi rửa chân9 bước vào hội đường, ngồi dựa vào bức tường phía Đông, hướng mặt về phía Tây, với Thế Tôn phía trước mặt. Rồi Thế Tôn, phần lớn của đêm, với pháp thoại thuyết giảng, khích le5 làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các người Sakka ở Kapilavatthu. Rồi Thế Tôn giải tán họ với câu: —Này các Sakka5 đêm đã quá khuya, nay các ông hãy làm những gì các ông nghĩ là hợp thời. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các người Sakka ở Kapilavatthu vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy5 đảnh lễ Thế Tôn, thân hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi Thế Tôn, sau khi các người Sakka ở Kapilavatthu ra đi không bao lâu, liền gọi Tôn giả Mahãmoggallãna: Này Moggallãna, chúng Tỷ-kheo đã đoạn trừ được buồn ngủ. Này Moggallãna, hãy thuyết

pháp thoại cho chúng Tỷ-kheo. Ta nay bị đau lưng, Ta muốn nằm xuống. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Mahãmoggallãna vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cho xếp y Tăng-già-lê (Sanghãtĩ) gấp bốn lại, và nằm xuống phía hông bên phai, trong dáng năm con sư tử, hai chân gác trên nhau, chánh niệm tỉnh giác, tác ý đến lúc thức dậy. Ở đây, Tôn giả Mahãmoggallãna gọi các Tỷ-kheo: -Này chư Hiền. Thưa Hiền giả.

Các Tỷ-kheo vâng đáp Tôn giả Mahãmoggallãna. Tôn giả Mahãmoggallãna nói như sau: Này chư Hiên9 tôi sẽ giảng cho chư Hiên vê pháp môn nhiêm dục lậu và pháp môn không nhiễm dục lậu. Hãy lăng nghe và suy nghiệm kỹ. Tôi sẽ giảng. Thưa vâng, Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahãmoggallãna. Tôn giả Mahãmoggallãna nói như sau: -Và này chư Hiền, thế nào là nhiễm dục lậu? Ở đây5 này chư Hiền? Tỷ-kheo khi măt thây săc, thiên châp săc khả ái, ghét bỏ các săc không khả ái, sông với thân niệm không an trú? với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy. Chính ở đây, các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên không được trừ diệt, có dư tàn.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ $ 853

... Khi lưỡi nếm vị... Khi ý biết các pháp, thiên chấp pháp

Này chư Hiền, đây gọi là vị Tỷ-kheo không bị nhiễm dục lậu đối với các săc do măt nhận thức... đôi với các vị do lưỡi nhận thức... đôi với các pháp do ý nhận thức... Tỷ-kheo sống như vậy, này chư Hiền, nếu Mãra có đến vị ấy ngang qua mắt, Mãra không nắm được cơ hội9 Mãra không nắm được đối tượng... Nếu Mãra có đến vị ấy ngang qua lưỡi, Mãra không nắm được cơ hội, Mãra không nắm được đối tượng... Nếu Mãra có đến vị ấy, ngang qua ý, Mãra không nắm được cơ hội, Mâra không nắm được đối tượng. Ví như, này chư Hiền, một cái nhà có nóc nhọn hay một giảng đường có nóc nhọn xây bằng đất dày, vừa mới xoa trét,130 nếu có người từ phương Đông lại với ngọn đuốc cháy đỏ9 nệọn lửa không nắm được cơ hội, không nắm được đối tượng... từ phương Tây đen... từ phương Bắc đến... từ phương Nam đến... từ phương dưới đến... từ phương trên đến hay từ bất cứ phương nào đến với ngọn đuốc cháy đỏ, ngọn lửa không nắm được cơ hội, không nắm được đối tượng. Sống như vậy5 này chư Hiền, Tỷ-kheo chinh phục các sắc, không phải các sắc chinh phục Tỷ-kheo. Tỷ-kheo chinh phục các tiếng, không phải các tiếng chinh phục Tỷ-kheo. Tỷ-kheo chinh phục các hương, không phải các hương chinh phục Tỷ-kheo. Tỷ-kheo chinh phục các vị, không phải các vị chinh phục Tỷ-kheo. Tỷ-kheo chinh phục các xúc, không phải các xúc chinh phục Tỷ-kheo. Tỷ-kheo chinh phục các pháp, không phải các pháp chinh phục Tỷ-kheo. Này chư Hiên5 đây gọi là Tỷ-kheo chinh phục các săc, chinh phục các tiếng, chinh phục các hương, chinh phục các vị? chinh phục các xúc5 chinh phục các pháp, không phải bị chinh phục. Chính vị ấy chinh phục các ác, bất thiện pháp bị nhiễm ô, đưa đến tái sanh, đầy sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thục tương lai là già chết. Như vậy5 này chư Hiền, là không nhiễm dục lậu. Rồi Thế Tôn ngồi dậy và gọi Tôn giả Mahãmoggallãna: Lành thay, lành thay, này Moggallãna! Lành thay, này Moggallãna! Ông đã thuyêt cho các

Tỷ-kheo vê pháp môn nhiêm dục lậu và pháp môn không nhiễm dục lậu. Tôn giả Mahãmoggallãna thuyêt như vậy? bậc Đạo sư châp nhận. Các Tỷ- kheo ây hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Mahãmoggallãna thuyêt. VII. KINH KHỔ PHÁP (Dukkhadhammasuttd) (5. IV. 188) 244. Này các Tỷ-kheo? khi nào một Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi5 sự chấm dứt của tất cả khổ pháp, khi ấy, các dục được thấy. Khi vị ấy thấy dục (kãma), thời dục tham (kãmacchandd). dục ái5 dục mê? dục nhiệt não, đôi với các dục không có tùy miên nơi vị ấy. Như vậy, sở hành và sở trú của vị ấy được giác tri. Vì rằng, do sở hành như vậy. các tham ái, ưu bi. các ác, bất thiện pháp không có tồn chỉ. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỵ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi, và sự chấm dứt tất cả khổ pháp? Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn

130 Addãvalepana. Xem M. I. 85.

diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt. Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi? đây là thức đoạn diệt. Như vậy? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của tất cả khổ pháp. Và này các Tỷ-kheo9 như thế nào là Tỷ-kheo thấy được các dục? Khi các dục được thây, thời dục tham, dục ái, dục mê5 dục nhiệt não, đối với các dục không có tùy miên nơi vị ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, có một hố than sâu hơn thân người, đầy vun than hừng, không có ngọn, không có Idiói. Rồi có người đi đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét bỏ khổ. Rồi hai người lực SĨ đên5 kẹp người ây vào trong các cánh tay và kéo người ây đên hô than hừng. Nẹuời ấy vật vã thân bên này, bên kia. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, người ấy được biêt răng: “Ta sẽ rơi vào trong hô than hừng này. Do nhân này, ta sẽ đi đên chết hay đau khổ gần như chết.” Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo thấy các dục như hố than hừng và ai thấy được các due, thời dục tham, dục ái, dục mê, dục nhiệt não, đối với các dục không có tùy miên nơi vị ấy. Thế nào, này các Tỷ-kheo? là sở hành và sở trú của Tỷ-kheo được giác tri? Vì rằng, do sở hành như vậy5 các tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp không có tồn chỉ. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? một người đi vào một khu rừng đầy những gai góc, trước mặt người ấy là gai, phía Tây... phía Bắc... phía Nam... người ấy là gai, phía dưới người ấy là gai, phía trên người ấy là gai. Chỗ nào người ấy đi tới hay chỗ nào người ấy đi lui, người ấy nghĩ: "Mong sao tôi chớ có bị vướng gai." Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, đối với sự vật gì khả ái, khả lạc, sự vật ấy được gọi là gai trong giới luật của bậc Thánh. Sau khi biết vậy, này các Tỷ-kheo5 hộ trì và không hộ trì cần phải được hiểu. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là không hộ trì? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ- kheo khi mắt thấy sắc, thiên chấp các sắc khả ái, ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Chính ở nơi dây, các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên không được đoạn diệt, có dư tàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không hộ trì. ... khi lưỡi nếm vị... khi ý biết pháp, thiên chấp các pháp khả ái, ghét bỏ các pháp không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Chính ở dây, các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên không được đoạn diệt, có dư tàn. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là không hộ trì. Và này các Tỷ-kheo,

thế nào là được hộ trì? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ- kheo khi măt thây săc? không thiên chập các săc khả ái, không ghét bỏ các săc không khả ái? sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt, không có dư tàn. ... khi lưỡi nếm vị... khi ý biết pháp, không thiên chấp các pháp khả ái, không ghét bỏ các pháp không khả ái5 sống với thân niệm an trú, với tâm vô

lượnẹ. Vị ấy như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Chính ở đây? các ác, bât thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt, không có dư tàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là có hộ trì. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sở hành như vậy? sở trú như vậy, đôi lúc và đôi khi niệm bị that thoát, khởi lên các ác? bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng131 liên hệ đến kiết sử. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo? là niệm được khởi lên. Mau lẹ? vị ấy từ bỏ [trạng thái ấy], gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một người làm rơi hai hay ba giọt nước trên một nồi sắt được hơ nóng cả ngày. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo? là sự rơi xuống của các giọt nước. Mau chóng, chúng đi đến đoạn diệt, hoại diệt. Cũng vậy? này các Tỷ- kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sở hành như vậy, sở trú như vậy? đôi lúc và đôi khi niệm bị thất thoát, khởi lên các ác? bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng liên hệ đến kiết sử. Chậm chạp9 này các Tỷ-kheo, là niệm được khởi lên. Mau lẹ, vị ấy từ bỏ [trạng thái ấy], gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu. Như vậy, này các Tỷkheo, sở hành như vậy, sở trú như vậy của Tỷ-kheo được giác tri. Do sở hành, sở trú như vậy9 các tham ái? ưu bi, các ác? bât thiện pháp không có tồn chỉ. Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo ấy với sở hành như vậy9 sở trú như vậy5 nếu có quốc vương hay đại thần của vua, bạn bè, thân hữu hay bà con

131 Sarasankappa. Xem s. IV. 75; KS. IV. 45 (kinh 96 ở trước); M. I. 453.

tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức.59 Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy có sở hành như vậy, có sở trú như vậy, sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự việc như vậy không xảy ra. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì tâm của vị ấy đã lâu ngày hướng về viễn ly, xuôi về viễn ly, nghiêng nhập vào viễn ly; do vậy sự hoàn tục không xảy ra. VIII. KINH VÍ DỤ VỀ CÂY KIMSUKA (Kitftsukopamasuttay32 (S. IV. 191) 245. Rồi một Tỷ-kheo đi đến một Tỷ-kheo khác; sau khi đến5 nói với Tỷ- kheo ấy: Cho đến như thế nào, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh? Này Hiền giả, Tỷ-kheo khi nào như thật rõ biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của sáu xúc xứ; cho đến như vậy? này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh. Tỷ-kheo ấy không thỏa mãn với câu trả lời câu hỏi của Tỷ-kheo kia, liền đi đến một Tỷ-kheo khác và nói: Này Hiền giả? cho đến như thế nào, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh? Này Hiền giả, khi nào Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của năm thủ uẩn; khi ấy, này Hiền gi sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh. Tỷ-kheo ấy không thỏa mãn với câu trả lời câu hỏi của Tỷ-kheo kia, liền đi đến một Tỷ-kheo khác nữa và nói: Này Hiền giả, cho đến như thế nào, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?

Này Hiên giả, khi nào Tỷ-kheo như thật tuệ tri sự tập khởi và sự châm dứt của bốn đại chủng; khi ấy, này Hiền giả? sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh. Rồi Tỷ-kheo ấy không thỏa mãn... Này Hiền giả, khi nào Tỷ-kheo như thật rõ biết rằng, phàm pháp gì được khởi lên, tất cả pháp ấy đều phải đoạn diệt; khi ấy, này Hiên giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh. Rồi Tỷ-kheo ấy không thỏa mãn với câu trả lời câu hỏi của Tỷ-kheo kia, lien đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn? con đi đến một Tỷ-kheo và nói với Tỷ-kheo ấy: “Cho đến như thế nào5 này Hiền giả5 sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tjnh?” Khi được nghe nói vậy, Tỷ-kheo ấy nói với con: "Khi nào, này Hiền gi ,Tỷ-kheo như thật tuệ tri sự tập khởi và sự chấm dứt của sáu xúc xứ; khi ấy, này Hiền giả5 sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?5 Bạch Thế Tôn, con không thỏa mãn câu trả lời của Tỷ-kheo kia nên đi đến một Tỷ-kheo khác; sau khi dến, con nói với Tỷ-kheo ấy: "Cho đến như thế nào, này Hiền giả5 sự thấy của một Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?^, Khi được nghe nói vậy9 bạch Thế Tôn5 Tỷ-kheo ấy nói với

132 Bản tiếng Anh của PTS: The Judas Tree, nghĩa là Cây Juda.

con: “Khi nào, này Hiền giả, Tỷ-kheo như thật tuệ tri sự tập khởi và sự chấm dứt của năm thủ uẩn... như thật tuệ tri sự tập khởi và sự chấm dứt của bốn đại chủng... như thật tuệ tri rằng, phàm có pháp gì được tập khởi, tất cả pháp ấy bị đoạn diệt, cho đến như vậy? này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tjnh." Bạch Thế Tôn, con không thỏa mãn câu trả lời câu hỏi của Tỷ-kheo kia nên con đi đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn: “Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tjnh?" - Ví như, này Tỷ-kheo, một người chưa từng thấy cây Kimsuka, người ấy đi đến một người khác đã thấy cây Kimsuka và nói: "Này bạn5 cây Kimsuka là thế nSo?" Người ấy đáp như sau: "Này bạn, cây Kiĩpsuka màu đen5 như một khúc cây bị cháy." Như vậy? này Tỷ-kheo, trong thời gian ấy, cây Kimsuka đối với người ấy là giống như người kia đã thấy. Rồi, này Tỷ-kheo, người ấy không thỏa mãn với câu trả lời của người kia, liền đi đến một người khác đã thây cây Kimsuka, sau khi đên5 hỏi người ây: "Này bạn, cây Kimsuka là thê nảo?" Người kia trả lời: 66Này bạn, cây Kimsuka màu đỏ, giống như một đống thjt." Và này Tỷ-kheo, như vậy trong thời gian ấy, cây Kimsuka đối với người ấy là giống như người kia đã thấy. Rồi này Tỷ-kheo, người ấy không thỏa mãn với câu trả lời của người kia, đi đến một người khác đã thấy cây Kimsuka, sau khi đến nói với người ấy: "Này bạn, cây Kimsuka là thế nào?" Người kia trả lời: "Này bạn, cây Kimsuka bị lột vỏ? vỏ bị nứt nẻ ra như cây Keo (Sirĩsa).,, Này Tỷ-kheo5 trong thời gian ây9 cây Kimsuka đôi với người ây là giông như người kia đã thấy. Rồi, này Tỷ-kheo, người ấy không thỏa mãn với câu trả lời của người kia, liền đi đến một người khác nữa đã thấy cây Kimsuka, sau khi đến5 nói với người ấy: "Này bạn9 cây Kimsuka là thế nào?99 Người kia nói như sau: "Này bạn, cây Kimsuka có lá rậm rạp, bóng của nó dày và rậm? như cây Bàng." Như vậy, này Tỷ-kheo, trong thời gian ấy, cây Kimsuka đối với người ây là giông như người kia đã thây. Cũng vậy5 này Tỷ-kheo, tùy theo sự thây của chân nhân ấy khéo thanh tịnh, tùy thuộc theo dấy, họ đã trả lời. Ví như, này Tỷ-kheo, có ngôi

thành của vua ở biên giới được xây dựng với pháo đài kiên cố, với tường và tháp canh kiên cố và có đến sáu cửa thành. Tại dấy, có người giữ cửa thành, là bậc thông minh, có kinh nghiệm và có trí, ngăn chặn những người không quen biết, cho vào những người quen biết. Từ phương Đông, hai người sứ giả cấp tốc đi đến5 và nói với người giữ cửa thành: "Này bạn, vị chủ thành trì này ở dâu?" Người giữ cửa thành ấy nói: '"Thưa các Tôn giả, vị ấy đang ngồi giữa ngã tư đường.,, Hai người sứ giả ấy cấp tốc tuyên bố lời như thật ngữ cho vị chủ ngôi thành, rồi tiếp tục đi theo con đường họ đến. Từ phương Tây, lại hai người sứ giả cấp tốc đi đến... từ phương Bắc, lại hai người sứ giả cấp tốc đi dến, và nói với người giữ cửa thành: "Này bạn, vị chủ thành trì này ở dâu?" Người giữ cửa thành ấy nói: "Thưa các Tôn gi vị ấy đang ngồi giữa ngã tư đường.,, Rồi hai người sứ giả ấy cấp tốc tuyên bố lời như thật ngữ cho vị chủ ngôi thành, rôi tiêp tục theo con đường họ đên.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 859

Này Tỷ-kheo5 Ta nói yí dụ để giải thích ý nghĩa, và đây là ý nghĩa: Ngôi thành, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với thân do bốn đại chủng tạo thành này, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, tiêu mòn5 tiêu hao, hủy hoại, hủy diệt. Sáu cửa, này Tỷ-kheo5 là đồng nghĩa với sáu nội xứ. Người giữ cửa, này Tỷ-kheo5 là đồng nghĩa với niệm. Hai vị sứ giả cấp tốc, này Tỷ-kheo5 là đồng nghĩa với chỉ và quán. Người chủ ngôi thành là đồng nghĩa với thức. Ở giữa tại ngã tư đường là đồng nghĩa với bốn đại chủng: Địa giới, thủy giới, hỏa giới và phong giới. Lời như thật ngữ, này Tỷ-kheo5 là đồng nghĩa với Niết-bàn. Theo con đường họ đến là đồng nghĩa với con đường Thánh đạo tám ngành, như chánh tri kiến... chánh định. IX. KINH VÍ DỤ ĐÀN TỲ BÀ (Vĩnopamasutta) (5. IV. 195) 246. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào đối với các sắc do mắt nhận thức có khởi lên dục (chanda), tham, sân, si hay hận tâm; hãy ngăn chặn tâm đừng cho khởi lên như vậy. Con đường này là con đường đầy sợ hãi, đầy kinh khủng, đây gai góc, đây rừng rậm, con đường ác, con đường tà, con đường đầy trộm cướp; con đường này là con đường do phi thiện nhân dùng, không phải con đường do thiện nhân dùng. Như vậy với ý nghĩ: 6íĐây không phải con đường xứng đáng cho ta." Hãy ngăn chặn tâm đừng cho khởi lên như vậy đối với các sắc do mắt nhận thức... Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào đối với các vị do lưỡi nhận thức... đối với các pháp do ý nhận thức9 có khởi lên dục5 tham, sân5 si hay hận tâm; hãy ngăn chặn tâm đừng cho khởi lên như vậy. Con đường này là con đường đây sợ hãi, đây kinh khủng, đây gai góc5 đây rừng rậm, con đường ác, con đường tà9 con đường đầy trộm cướp; con đường này là con đường do phi thiện nhân dùng5 không phải con đường do thiện nhân dùng. Như vậy với ý nghĩ: "Đây không phải con đường xứng đáng cho ta", hãy ngăn chặn tâm đừng cho khởi lên như vậy đối với các pháp do ý nhận thức. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 lúa mì đã chín và một người giữ lúa mì phóng dật (lơ đãng). Có con bò ăn lúa mì, xâm phạm lúa mi, xâm phạm lúa mì ấy và mê say ăn một cách thỏa thích. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? kẻ vô văn phàm phu không hộ trì đối với sáu xúc xứ5 mê say thọ dụng một cách thỏa thích đối với năm dục công đức. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 lúa mì đã chín và một người giữ lúa mì không phóng dật. Có con bò ăn lúa mì, xâm phạm lúa mì ấy. Người giữ lúa mì nắm chắc cái lỗ mũi của con bò;

sau khi nắm chắc cái lỗ mũi? người ấy rị chặt trên cái trán; sau khi rị chặt trên cái trán, với cái gậy, người ấy đánh con bò một trận nên thân; sau khi lây gậy đánh cho một trận nên thân, người ây thả con bò đi. Lân thứ hai, này các Tỷ-kheo... Lân thứ ba, này các Tỷ-kheo, có con bò ăn lúa mì? xâm phạm lúa mì ây. Người giữ lúa mì nắm chặt cái mũi con bò; sau khi nắm chắc cái mũi, người ấy rị chặt trên cái trán; sau khi rị chặt trên cái trán, với cái gậy, người ấy đánh con

bò một trận nên thân; sau khi lấy gậy đánh con bò một trận nên thân, người ấy thả con bò đi. Như vậy, này các Tỵ-kheo5 con bò ăn lúa mì ấy đi vào làng, hay đi vào rừng, hay khi dứng, hay ngồi, nó không xâm phạm lúa mì ấy, vì nó nhớ đến cảm xúc cái gậy lần trước. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? khi nào Tỷ-kheo có tâm chơn trực, chánh trực đối với sáu xúc xứ, thời nội tâm được an trú, tịnh chí, nhất tâm, thiền định. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một vị vua hay đại thần của vua từ trước chưa từng được nghe tiếng đàn tỳ bà5 nay được nghe tiếng đàn tỳ bà, vị ấy nói: uNày bạn, tiếng ấy là tiếng gì? khả ái như vậy, khả lạc như vậy, mê ly như vậy, say đắm như vậy? hấp dẫn như vgy?" Họ nói với vị ấy: "Thua Tôn giả, đây là đàn tỳ bà, với tiếng khả ái như vậy? mê ly như vậy, khả lạc như vậy, say đắm như vậy, hấp dẫn như vậy.59 yị ấy nói như sau: "H-y đi và đem đàn tỳ bà ấy về cho ta." Họ đem đàn tỳ bà về cho vị ấy5 và nói như sau: "Thua Tôn giả, đàn tỳ bà này với tiếng khả ái như vậy9 khả lạc như vậy? mê ly như vậy5 say đắm như vậy? hấp dẫn như vay." Vị ấy bèn nói: uThoi vừa rồi đối với ta về đàn tỳ bà này. Hãy đem tiếng lại cho ta." Họ thưa với vị ấy: "Thua Tôn giả, cái này được gọi là đàn tỳ bà, gồm có nhiều thành phần, gồm có số lớn thành phần. Nhờ nhiều thành phần này nên đàn phát âm. Như duyên cái bầu, duyên cái da, duyên cái cán, duyên cái đầu, duyên cái dây, duyên cái cung, duyên nỗ lực thích nghi của người. Như vậy? thưa Tôn giả5 cái này gọi là đàn tỳ bà5 gồm có nhiều thành phần, gồm có số lớn thành phần. Nhờ gồm nhiều thành phần này nên đàn phát am.99 Rồi vua ấy đập đàn tỳ bà ấy ra thành mười mảnh, một trăm mảnh; sau khi đập bể đàn tỳ bà ấy ra thành mười mảnh? một trăm mảnh, vị ấy chẻ thành từng miếng nhỏ; sau khi chẻ thành từng miếng nhỏ, vị ấy lấy lửa đốt; sau khi lấy lửa đốt, vị ấy vun lại thành đống tro; sau khi vun lại thành đống tro, vị ấy đem quạt đống tro lớn ấy trước làn gió mạnh, hay để chúng trôi theo dòíiệ nước sông chảy mạnh. Rồi vị ấy nói: "That là hạ liệt5 cái gọi đàn tỳ bà này, dau cho tỳ bà là cái gì. Ở đây? đại chúng thường phóng dật? bị hướng dẫn sai lạc." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo quán sát sắc cho đến sở thú của sắc, quán sát thọ... quán sát tưởng... quán sát hành... quán sát thức cho đến sở thú của thức. Trong tất cả quán sát này, không có cái gì là "t6i", 12 "của t6i", là utôi là" cả. X. KINH VÍ DỤ SÁU SINH VẬT (Chappãnakopamasutta) (S. IV. 198) 247. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? có người thân bị thương tích, thân bị lở loét, đi vào một khu rừng đầy gai góc. cỏ và gai đâm thủng chân người ấy và cào rách thân lở loét của người ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy do nhân duyên ấy còn cảm thọ khổ ưu nhiều hơn nữa. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? ở đây có Tỷ-kheo đi vào làng hay đi vào rừng, gặp người chỉ trích Tỷ-kheo ấy, và người chỉ trích nói rằng: "T6n giả làm như vậy, sở hành như vậy là gai bất tịnh trong làng." Biết rằng vị ấy là gai, sau khi biết như vậy, cả hai [người Tỷ-kheo và người chỉ trích] cần

phải hiêu là không hộ trì và có hộ trì.

35. TƯƠNG ƯNG SÁU xứ 861

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không hộ trì? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ- kheo khi mắt thấy sắc, thiên chấp sắc khả ái, ghét bỏ sắc không khả ái? sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ay không như thật tuệ tri Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; chính ở nơi dây, các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên không được đoạn diệt, có dư tàn. ... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý nhận biết pháp, thiên chấp pháp khả ái, ghét bỏ pháp không khả ái? sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không như thật tuệ tri Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; chính ở nơi dây, các ác? bất thiện pháp ấy khởi lên không được đoạn diệt, có dư tàn. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? có người bắt được sáu sinh vật, giới loại khác nhau, chỗ tìm món ăn khác nhau, và cột chúng với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con rắn9 người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con cá sấu, người ấy cột với một sợi dây vững chăc. Sau khi bắt được con chim, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con ch6, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con dã can, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con khỉ, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi cột chúng với những sợi dây vững chắc? người ấy cột một cái gút ở chính giữa và thả chúng đi. Này các Tỷ-kheo? sáu con sinh vật ấy, với giới loại sai khác, với chỗ tìm món ăn sai khác, mỗi con sẽ lôi kéo tùy theo chỗ tìm món ăn và giới loại sai biệt của mình. Con rắn lôi kéo? nghĩ rằng: “Ta sẽ đi vào gò mối.,? Con cá sấu lôi kéo? nghĩ rằng: “Ta sẽ đi vào trong nu&c.” Con chim lôi kéo, nghĩ rằng: “Ta sẽ bay lên trời.” Con chó lôi kéo, nghĩ rằng: “Ta sẽ đi vào làng.” Con dã can lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào nghĩa địa?5 Con khỉ lôi kép, nghĩ rằng: “Ta sẽ đi vào rừng.” Này các Tỷ-kheo5 khi nào sáu con sinh vật ấy trở thành mệt mỏi, khi ấy, con sinh vật nào mạnh hơn các sinh vật còn lại, được chúng đi theo5 chúng tuân theo, chúng phục tùng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? với Tỷ-kheo thân niệm không tu tập, không làm cho sung mãn5 con măt sẽ lôi kéo vị ấy theo các sắc khả ái và ghét bỏ đối với các sắc không khả ái... ý sẽ lôi kéo vị ấy theo các pháp khả ái và ghét bỏ đối với các pháp không khả ái. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là không hộ trì. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là có hộ trì? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỵ-kheo khi mắt thấy sắc, không thiên chấp các sắc khả ái? không ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng, vị ấy như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, chính ở nơi đây, các ác, bất thiện pháp khởi lên được đoạn diệt, không có dư tàn. ... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý biết các pháp, không thiên chấp các pháp khả ái, không ệhét bỏ các pháp không khả ái5 sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng, vị ây như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, chính ở nơi dây, các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diet, không có dư tàn.

862 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỨ

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người bắt được sáu con sinh vật5 giới loại khác nhau, chỗ tìm món ăn khác nhau, và cột chúng với một sợi dây vững chắc. Sau khi băt được con răn, nệười ây cột với một sợi dây vững chăc. Sau khi băt được con cá sấu... Sau khi băt

được con chim... Sau khi băt được con chó... Sau khi bắt được con dã can... Sau khi bắt được con khi, người ấy cột với sợi dây vững chắc. Sau khi cột chúng với sợi dây vững chăc? người ây cột vào một cái cột hay cái trụ vững chắc. Rồi này các Tỷ-kheo9 sáu con sinh vật ấy, với giới loại sai khác, với chỗ tìm món ăn sai khác, mỗi con sẽ lôi kéo9 tùy theo chỗ tìm món ăn và giới loại sai biệt của mình. Con rắn lôi kéo5 nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào gò mối?9 Con cá sấu lôi kéo5 nghĩ rằng: “Ta sẽ đi vào trong nu&c." Con chim lôi kéo, nghĩ rằng: “Ta sẽ bay lên trời.” Con chó lôi kéo? nghĩ rằng: “Ta sẽ đi vào làng.” Con dã can lôi kéo? nghĩ rằng: “Ta sẽ đi đến nghĩa Con khỉ lôi kéo? nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào rừng." Này các Tỷ-kheo, khi nào sáu con sinh vật ấy trở thành mệt mỏi, chúng sẽ đứng gần bên5 ngồi gần bên, nằm gần bên cái cột ấy hay cái trụ ấy. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 khi nào Tỷ-kheo thân niệm được tu tập, được làm sung mãn, con mắt không lôi kéo vị ấy theo các sắc khả ái; đối với các sắc không khả ái, không ghét bỏ... lưỡi không lôi kéo vị ấy theo các vị khả ái; đối với vị không khả ái, không có ghét bỏ... ý không lôi kéo vị ấy theo các pháp khả ái; đối với pháp không khả ái9 không có ghét bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hộ trì. Cái cột hay cái trụ vững chăc5 này các Tỷ-kheo5 là đông nghĩa với thân niệm. Do vậy, này các Tỷ-kheo5 hãy học tập như sau: "Chúng ta sẽ tu tập thân niệm9 làm cho sung mãn5 thành thạo9 thông suốt5 điêu luyện, thiện xảo, vững vàng" Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông càn phải học tập. XL KINH BÓ LÚA (ïàvakaỉãpisutta) (5. IV. 201) 248. Ví như, này các Tỷ-kheo? một bó lúa quăng tại ngã tư đường; rồi sáu người dến, tay cầm cái đập và họ đập bó lúa ấy với sáu cái đập. Như vậy, này các Tỷ-kheo, bó lúa ây được khéo đập với sáu cái đập ây. Rôi một người thứ bảy đến? tay cầm cái đập5 và người ấy đập bó lúa ấy với cái đập thứ bảy. Như vậy? này các Tỷ-kheo? bó lúa ấy lại càng được khéo đập với cái đập thứ bảy. Cũnẹ vậy? này các Tỷ-kheo5 kẻ vô văn phàm phu bị đập trong con măt bởi những săc khả ái và không khả ái... bị đập trong lưỡi bởi những vị khả ái và không khả ái... bị đập trong ý bởi những pháp khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo9 nếu kẻ vô văn phàm phu ấy lại nghĩ đến tái sanh trong tương lai; như vậy, này các Tỷ-kheo? kẻ ngu si ấy lại càng bị khéo đập hơn nữa. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, bó lúa ấy lại bị đập với cái đập thứ bảy nữa. Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, cuộc chiến xảy ra giữa chư thiên và các A-tu-la rất là khốc liệt. Này các Tỷ-kheo? Vepacitti, Vua A-tu-la gọi các a-tu-la: "Này các thân hữu,

trong cuộc chiến đang khởi lên giữa chư thiên và loài a-tu-la rất khốc liệt5 nếu các a-tu-la thắng và chư thiên bại, hãy trói Thiên chủ Sakka hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, và dắt vua ấy đến trước mặt ta, trong thành của các a-tu-la.” Còn Thiên chủ Sakka gọi chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba: "Này các thân hữu? trong trận chiến giữa chư thiên và các loài a-tula, trận chiến rất là khốc liệt, nếu chư thiên thắng và các loài a-tu-la bại5 hãy trói Vua A-tu-la Vepacitti, hai tay, hai chân và thứ năm là cổ5 và dắt vua ấy đến trước mặt ta, trong giảng đường Sudhamma (Thiện Ph) Nhưng trận chiến ấy? chư thiên thắng và các loài a-tu-la bại. Rồi5 này các Tỷ-kheo5 chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba trói Vua A-tu-la Vepacitti, trói hai tay? hai chân và thứ năm là cổ, rồi dẫn đến trước mặt Thiên chủ Sakka trong giảng đường Sudhamma. Tại đây? này các Tỷ-kheo5 Vua A-tu-la Vepacitti bị trói hai tay, hai chân và thứ năm là cổ. Này các Tỷ-kheo5 khi ấy Vua

A-tu-la Vepacitti suy nghĩ như sau: "Chu thiên theo Chánh pháp, còn a-tu-la theo phi pháp. Nay ta đi đến thành của chư thiên,\ thời khi ấy, Vua A-tu-la tự thấy mình được cởi trói hai chân, hai tay và thứ năm là cô, và được hưởng thọ? được thưởng thức đây đủ năm dục công đức cõi trời. Và này các Tỷ-kheo5 khi Vua A-tu-la suy nghĩ như sau: "Các a-tu-la theo Chánh pháp, chư thiên theo phi pháp. Ở đây, ta sẽ đi đến thành của các a-tu-la", thời khi ấy, Vua A-tu-la tự thấy mình bị trói hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, và bị tước bỏ năm dục công đức cõi trời. Như vậy, này các Tỷ-kheo? thật tế nhị là sự trói buộc của Vepacitti, và còn tế nhị hơn là sự trói buộc của Mãra. Ai có tư tưởng (mannamãna), người ấy bị Mãra trói buộc. Ai không có tư tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. "T6i là", này các Tỷ-kheo? là một tư tưởng. "Cái này là tôf\ này các Tỷ-kheo? là một tư tưởng. "T6i sẽ là"này các Tỷ-kheo, là một tư tưởng. "Tôi sẽ không là", là một tư tưởng. "Tôi sẽ có sắc9\ là một tư tưởng. "T6i sẽ không có sắc", là một tư tưởng. "T6i sẽ có tưởng",M một tư tưởng. "T6i sẽ không có tưởng", là một tư tưởng. "T6i sẽ khồng có tưởng và không không có tưởng", la một tư tưởng. Có tư tưởng, này các Tỷ-kheo, là tham. Có tư tưởng là mụt nhọt. Có tư tưởng là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo9 các ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không có tư tưởng." Như vậy, này các Tỷ-kheo? các ông cần phải hiểu: "T6i là", này các Tỷ- kheo, là một động chuyển (iỉyita). "Cái này là tôr\ là một động chuyển. "Tôi sẽ là", là một động chuyển. "Tôi sẽ không là", 1 một động chuyển. "T6i sẽ có Sắc”1 một động chuyển. "Tôi sẽ không có sắc", là một động chuyển. "T6i sẽ có tưởng", là một động chuyển. "T6i sẽ không có tưởng”la một động chuyển. "T6i sẽ không có tưởng và không không có tưởng5\ là một động chuyển. Động chuyển, này các Tỷ-kheo, là tham. Động chuyển là mụt nhọt. Động chuyển là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo? các ông cân phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không có động chuyển.”

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải hiểu: "T6i là"? này các Tỷ-kheo, là một chấn động (phandita). uCái này là tôi55, là một chấn động. uTôi sẽ là9\ là một chấn động. uTôi sẽ không là"là một chấn động. “T6i sẽ có sắc9\ là một chấn động. "T6i sẽ không có sắc?\ là một chấn động. “T6i sẽ có tưởng", là một chấn động. uTôi sẽ không có tưởng”là một chấn động. “T6i sẽ không có tưởng và không không có tưởng”, là một chấn động. Chấn động, này các Tỷ-kheo5 là tham. Chấn động là mụt nhọt. Chấn động là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo? các ông cần phải học tập: “T6i sẽ sống với tâm không chấn dOng.” Như vậy, này các Tỷ-kheo9 các ông cần phải hiểu: “T6i là9\ này các Tỷ- kheo, là một hý luận (papancita). "Cái này là t6i”là một hý luận. uTôi sẽ là"là một hý luận. "Tôi sẽ không là”, là một hý luận. "Tôi sẽ có s*c”, là một hý luận. “T6i sẽ không có sắc9\ là một hý luận. uTôi sẽ có tưởng”, là một hý luận. "T6i sẽ không có tưởng”là một hý luận. “T6i sẽ không có tưởng và không không có tưởng”là một hý luận. Hý luận, này các Tỷ-kheo, là tham. Hý luận là mụt nhọt. Hý luận là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập: “T6i sẽ sống với tâm không có hý lum” Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải hiểu: ÍẾTôi là9\ này các Tỷ-kheo? là một ngã mạn (mãnagată). "Cái này là t6i”là một ngã mạjn. "T6i sẽ là"là một ngã mạn. “T6i sẽ không là5\ là một ngã mạn. uTôi sẽ có sắc”, là một ngã mạn. “T6i sẽ không có sắc", là một ngã

mạn. “T6i sẽ có tưởng”, là một ngã mạn. "Tôi sẽ không có tưởng”là một ngã mạn. "T6i sẽ không có tưởng và không không có tưởng", là một ngã mạn. Ngã mạn, này các Tỷ-kheo, là tham. Ngã mạn là mụt nhọt. Ngã mạn là mũi tên. Do vậy? này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập: “T6i sẽ sống với tâm trừ bỏ ngã mQn.” Như vậy, này các Tỷ-kheo5 các ông can phải học tập.

36. TƯƠNG ƯNG THỌ ịVEDANẴSAMYUTTA)

PHÀN MỘT

PHẨM CÓ KỆ (SAGẴTHÂVAGGA)

I. KINH THIỀN ĐỊNH (Samãdhisuttà) (S. IV. 204)

249. Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khô bât lạc thọ. Dây, này các Tỷ-kheo? là ba thọ.

Vị đệ tử đức Phật,
Định, tỉnh giác, chánh niệm,
Hiểu rõ ràng các thọ?
Và xuất ly các thọ.
Chỗ này chúng đoạn diệt,
Con đường đến đoạn diet,
Tỷ-kheo đoạn các thọ,
Không khát ái? tịch tịnh.

II. KINH AN LẠC (Sukhasuttà) (S IV. 204)

250. Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ? khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Đây, này các Tỷ-kheo, là ba thọ.

Lạc thọ hay khổ thọ, cùng bất Idiổ bất lạc,
Nội thọ và ngoại thọ,
Phàm có cảm thọ gì,
Biết được: uĐây là kh6”
Hư ngụy1 và biến hoại,
Thấy xúc, xúc biến diệt, ở đây5 sống ly tham.

1 Xem .143, 146.

II. KINH ĐOẠN TẬN (Pahãnasutta) (5. IV. 205) 251. Này các Tỷ-kheo5 có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này các Tỷ-kheo5 tham tùy miên đối với lạc thọ cần phải đoạn tận. Sân tùy miên đối với khổ thọ cần phải đoạn tận. Vô minh tùy miên đối với bất khổ bat lạc thọ cân phải đoạn tận. Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, đoạn tận sân tùy miên đối với khổ thọ, đoạn tận vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ; thời này các Tỷ-kheo, sự từ bỏ tham tùy miên của Tỷ-kheo được gọi là chánh kiến, ái được đoạn tận? kiết sử được hủy hoại. Với minh kiến chơn chánh đối với ngã mạn (sammã mãnãbhisamayă), vị ấy đoạn

tận khổ đau. Nếu cảm giác lạc thọ, Không tuệ tri cảm thọ, Đây gọi tham tùy miên, Không thấy rõ xuất ly. Nêu cảm giác khô thọ, Không tuệ tri cảm thọ? Đây gọi sân tùy miên, Không thấy rõ xuất ly. Với bất khổ bất lạc, Bậc Đại trí thuyết giảng,2 Neu hoan hỷ thọ ấy5 Không thoát được khổ đau. Vị Tỷ-kheo nhiệt tình9 Tỉnh giác, không cuồng trí, Đối với tất cả thọ, Bậc Hiền trí liễu tri. Vị ấy liễu tri thọ5 Hiện tại không lậu hoặc, Thân hoại, bậc Pháp trú, Đại trí vượt ước lường. IV. KINH Vực THẲM (Pãtãỉasutta) (5. IV. 206) 252. Kẻ vô văn phàm phu nói như sau: "d giữa biển lớn có vực thẳm." Nhimg ở dây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu đối với việc không có, không xảy ra, lại nói: "d giữa biển lớn có vực thẳm.,, Này các Tỷ-kheo? đồng nghĩa với các khổ thọ về thân là vực thẳm này. Kẻ vô văn phàm phu, khi cảm giác khổ thọ về thân, thời sầu muộn, than

2XemKS. III. 121.

vãn, khóc lóc, đâm ngực, đi đên bât tỉnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kẻ vô văn phàm phu không đứng lên trên vực thăm, không đạt tới chỗ chân đứng.3 Còn bậc đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo5 khi cảm giác khổ thọ về thân, khôĩiệ sầu muộn, không than vãn, không khóc 16c, không đấm ngực? không đi đen bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là bậc đa văn Thánh đệ tử đã đứng lên trên vực thẳm, đã đạt tới chỗ chân đứng. Ai không chịu đựng nổi5 Các khổ thọ khởi lên, Thân đau5 hại mạng sống, Cảm xúc khiến run rẩy. Ai than vãn, khóc lóc, Suy nhược, thiếu kiên cường, Không đứng trên vực sâu, Không đạt chỗ chân đứng. Ai có thể chịu đựng Các khổ thọ khởi lên, Thân đau, hại mạng sống, Cảm xúc không run rẩy, Vị ấy vượt vực sâu, Đạt tới chỗ chân đứng. V. KINH CẦN PHẢI QUÁN KIẾN (DaỊỊhabbasutta) (5. IV. 207) 253. Này các Tỷ-kheo5 có ba cảm thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Lạc thọ, này các Tỷ-kheo, cần phải thấy là khổ. Khổ thọ, cần phải thấy là mũi tên. Bất khổ bất lạc thọ, cần phải thấy là vô thường. Khi nào? này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo thấy được lạc thọ là khổ, thấy được khổ thọ là mũi tên, thấy được bất khổ bất lạc thọ là vô thuờng; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo có chánh kiến, ái được đoạn tận, kiết sử được hủy hoại. Với minh kiến chơn chánh đối với ngã mạn, vị ấy đoạn tận khổ đau. Ai thấy lạc là khổ, Thấy khổ là mũi tên, Với bất khổ bất lạc, Thấy thọ là vô thường, Tỷ-kheo ấy chánh kiến, Liễu tri các cảm thọ. Vị ấy liễu tri thọ5 Hiện tại không lậu hoặc, Mạng chung, bậc Pháp trú, Đại trí vượt ước lường.

3 Xem s. I. 47.

VI. KINH VỚI MŨI TÊN (Sallasuttd) (S IV. 207) 254. Này các Tỷ-kheo5 kẻ vô văn phàm phu, cảm thọ cảm giác lạc thọ5 cảm thọ cảm giác khổ thọ5 cảm thọ cảm giác bat khổ bất lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử cũng cảm thọ cảm giác lạc thọ5 cảm thọ cảm giác khổ thọ? cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ. Ở dây, này các Tỷ-kheo, thế nào là đặc thù? thế nào là thù thắng/ thế nào là sai biệt giữa bậc đa văn Thánh đệ tử và kẻ vô văn phàm phu? Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu khi cảm xúc khô thọ,

sâu muộn, than vãn, khóc I6c, đâm ngực? đi đên bât tỉnh. Vị ây cảm giác hai cảm thọ, cảm thọ về thân và cảm thọ về tâm. Ví như, này các Tỷ-kheo, có người bị người ta bắn với mũi tên9 rồi họ bắn người ấy với mũi tên thứ hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo? người ấy cảm giác cảm thọ cả hai mũi tên. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu khi cảm xúc khổ thọ, thời sầu muộn? than vãn, khóc lóc, đấm ngực? đi đến bất tỉnh. Người ấy cảm giác hai cảm thọ? cảm thọ về thân và cảm thọ về tâm. Cảm xúc bởi khổ thọ ấy? người ấy cảm thấy sân hận (paḷighă)^ Do cảm thấy sân hận đối với khổ thọ ấy, san tùy miên đối với khổ thọ được tồn chỉ tùy miên (anusetĩ), Cảm giác bởi khổ thọ? người ấy hoan hỷ dục lạc. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ- kheo, kẻ vô văn phàm phu không tìm thây một sự xuất ly khỏi khổ thọ nào khác, ngoài dục lạc. Do hoan hỷ dục lạc ấy, tham tùy miên đối với lạc thọ tồn tại. Người ấy không như thật rõ biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nạuy hiểm và sự xuất ly của các cảm thọ ấy. Do người ấy không như thật rõ biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy, hiểm và sự xuất ìy của các cảm thọ ấy, nên vô minh tùy miên đối với bất kho bất lạc thọ tồn tại. Nếu người ấy cảm thọ cảm giác lạc thọ? người ấy cảm thọ cảm giác như người bị trói buộc (sannutto). Nếu người ấy cảm thọ cảm giác khổ thọ? người ấy cảm thọ cảm giác như người bị trói buộc. Nếu người ấy cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ? người ấy cảm thọ cảm giác như người bị trói buộc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kẻ vô văn phàm phu bị trói buộc bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ? ưu, não. Ta nói rằng người ấy bị trói buộc bởi đau khổ. Và này các Tỷ-kheo? bậc đa văn Thánh đệ tử khi cảm xúc khổ thọ, thời không có sầu muộn; không có than vãn, không có khóc lóc, không có đấm ngực, không có đi đến bất tỉnh. Vị ấy chỉ cảm thọ cảm giác một cảm thọ, tức là cảm thọ về than, không phải cảm thọ về tâm. Ví như, này các Tỷ-kheo, cỏ người bị người ta bắn một mũi tên. Họ không bắn tiếp người ấy với mũi tên thứ hai. Như vậy5 này các Tỷ-kheo? người ấy cảm giác cảm thọ của một mũi tên. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử khi cảm xúc khổ thọ; vị ấy không sầu muộn, không than vãn, không khóc lóc?

4XemKS. III. 58.

36. TƯƠNG ƯNG THỌ * 869

khônẹ đấm ngực, không đi đến bất tỉnh. Vị ấy cảm giác chỉ một cảm thọ, cảm thọ ve thân, không phải cảm thọ về tâm. yị ấy không cảm thấy sân hận đối với khổ thọ ấy. Do không cảm thấy sân hận đối với khổ thọ ấy, sân tùy miên đối với khổ thọ không có tồn tại. Cảm giác bởi khổ thọ, vị ấy không hoan hỷ dục lạc. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử có tuệ tri một sự xuất ly khác đối với khô thọ5 ngoài dục lạc. Vì vi ấy không hoan hỷ dục lạc, tham tùy miên đối với dục lạc không có tồn tại. Vị ấy như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diet, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của những cảm thọ ấy. Vì rằng, vị ấy như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các cảm thọ ấy, đối với bất khổ bất lạc thọ5 vô minh tủy miên không có tồn tại. Nếu vị ấy cảm thọ lạc thọ, vị ấy cảm thọ lạc thọ như người không bị trói buộc. Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác khổ thọ. vị ấy cảm thọ cảm giác như người không bị trói buộc. Nêu vị ây cảm thọ cảm giác bât khô bât lạc thọ, vị ây cảm thọ cảm giác như người không bị trói buộc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo không bị trói buộc bởi

sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng vị ấy không bị trói buộc bởi đau khổ. Này các Tỷ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai biệt giữa bậc đa văn Thánh đệ tử và kẻ vô văn phàm phu. Bậc trí tuệ đa văn? Lạc khổ không chi phối, Giữa kẻ trí, phàm phu, Thiện sai biệt rất lớn. Bậc đa văn tầm pháp,5 Thấy đời này, đời sau, Ái pháp không phá tâm? Không ái, không sân hận. Tùy thuận hay đối nghịch, Tiêu tản, diet, không còn, Vị ấy biết con đường, Đường không cấu, không sầu, Chánh trí, đoạn tái sanh, Đến được bờ giác ngộ. VII. KINH TẬT BỆNH THỨ NHẤT (Pathamagelannasutta) (S. IV. 210) 255. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli, Đại Lâm? tại giảng đường của ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn? vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến gian phòng chữa bệnh; sau khi đến, ngồi xuống trên chô đã soạn săn. Sau khi ngôi, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

5XemẤTS. II. 36; Sn. 12.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải chánh niệm, tỉnh giác khi thời đã đến [khi mệnh chung]. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy? này các Tỷ-kheo? là Tỷ-kheo chánh niệm, sống quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác? chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.6 Như vậy? này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chánh niệm. Và như thế nào? này các Tỷ-kheo? là Tỷ-kheo tỉnh giác? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép5 bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn5 uống? nhai, nếm đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi di, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, im lặng đều tỉnh giác. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải chánh niệm, tỉnh giác khi thời đã đến. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống chánh niệm, tỉnh giác, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy5 lạc thọ khởi lên. Vị ấy tuệ tri như sau: "Lạc thọ này khởi lên nơi ta. Lạc thọ ấy có duyên, không phải không duyên. Do duyên gì? Do duyên chính thân này, nhtmg thân này là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do duyên thân khởi lên, và duyên này là vô thường, hữu vi, thời lạc thọ được khởi lên, làm sao thường trú được?^ Vị ấy trú, quán vô thường đối với thân và lạc thọ. Vị ấy trú, quán tiêu vong (vaya). Vị ấy trú, quán ly tham. Vị ấy trú, quán đoạn diệt. Vị ấy trú, quán từ bỏ. Do vị ấy trú, guán vô thường; do vị ây trú, quán tiêu vong; do vị ây trú, quán ly tham; do vị ây trú, quán đoạn diệt; do vị ấy trú, quán từ bỏ đối với thân và lạc thọ của vị ấy, nên tham tùy miên đối với thân và lạc thọ được đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo sông chánh niệm, tỉnh giác, không phónệ dật5 nhiệt tâm, tinh cần như vậy9 khổ thọ khởi lên. Vị ấy tuệ tri như sau: "Kho thọ này khởi lên nơi ta. Khổ thọ ấy có duyên, không phải không duyên. Do duyên gì? Do duyên chính thân này. Nhimg thân này là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do duyên thân khởi lên5 và duyên này là vô thường, hữu vi, thời khổ thọ được khởi lên, làm sao thường trú được?" Vị ấy trú, quán vô thường đối với thân và khổ thọ. Vị ấy trú,

quán tiêu vong. Vị ấy trú, quán ly tham. Vị ây trú, quán đoạn diệt. Vị ây trú, quán từ bỏ. Do vị ây trú, quán vô thường; do vị ấy trú, quán tiêu vong; do vị ấy trú, quán ly tham; do vị ấy trú, quán đoạn diệt; do vị ấy trú, quán từ bỏ đối với thân và khố thọ của vị ấy, nên sân tùy miên đối với thân và khổ thọ được đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo? nêu Tỷ-kheo sông chánh niệm, tỉnh giác, không phóng

6 Xem Sn. 154.

dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, bất khổ bất lạc thọ khởi lên. Vị ấy tuệ tri như sau: "Bất khổ bất lạc thọ này khởi lên nơi ta. Bất khổ bất lạc thọ ay có duyên, không phải không duyên. Do duyên gì? Do duyên chính thân này. Nhưng thân này là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do duyên thân khởi lên, và duyên này là vô thường, hữu vi, do duyên sanh? thời bất khổ bất lạc thọ được khởi lên làm sao sẽ thường trú âượcT" Vị ấy trú, quán vô thường đối với than và bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy trú, quán tiêu vong. Vị ấy trú, quán ly tham. Vị ấy trú, quán đoạn diệt. Vị ấy trú, quán từ bỏ. Do vị ẩy trú, quán vô thường; do vị ấy trú, quán tiêu vong; do vị ấy trú, quán ly tham; do vị ấy trú, quán đoạn diệt; do vị ấy trú, quán từ bỏ đối yới thân và bất khổ bất lạc thọ của vị ay, nên vô minh tùy miên đối với thân và bất khổ bất lạc thọ được đoạn diệt. Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường.,, Vị ấy tuệ tri: 'Ta không chấp trước thQ ấy yị ấy tuệ tri: =Ta không hoan hỷ thọ ấy." Nếu vị ấy cảm thọ khổ thọ... Neu vị ấy cảm thọ bất khổ bất lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường.,, Vị ấy tuệ tri: "Ta không chấp trước thọ ấy." Vị ấy tuệ tri: “Ta không hoan hỷ thọ ấy.” Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác lạc thọ? vị ấy cảm giác thọ ấy như người không bị trói buộc. Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác khổ thọ, vị ấy cảm thọ cảm giác thọ ấy như người không bị trói buộc. Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy cảm thọ cảm giác thọ ấy như người không bị trói buộc. __ r r

Khi vị ây cảm thọ một cảm thọ cùng tận đên sức chịu đựng của thân, vị ây tuệ tri: "Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của than.” Khi vị ấy cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của sinh mạng, vị ấy tuệ tri: "Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của sinh mạng.” Vị ấy tuệ tri rằng: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây? mọi cảm thọ cảm giác không có gì đáng hoan hỷ? sẽ đi đên lăng dịu.,^ Ví như, này các Tỷ-kheo5 do duyên dầu và do duyên tim bấc, một ngọn đèn dầu được cháy đỏ. Khi dầu và tim bấc khô cạn, cháy hết, không được tiếp nhiên liệu thêm? ngọn đèn ấy bị tắt. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của thân, vị ấy tuệ tri: "Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của thân." Khi vị ấy đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của sinh mạng, vị ấy tuệ tri: "Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của sinh mạng.^, Vị ấy tuệ tri rằng: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây5 mọi cảm thọ không có gì đáng hoan hy, sẽ đi đến lắng dju." VIII. KINH TẬT BỆNH THỨ HAI (Dutiyagelaniiasutta) (5. IV. 213) 256. Một thòi, Thế Tôn trú ở Vesãli, Đại Lâm, tại giảng đường của ngôi nhà có nóc nhọn. A * rmi A r~r\ /X A i 1 Roi The Tôn vào buôi chiêu... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm?... (như

kinh trên)...

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải chánh niệm5 tỉnh giác khi thời đã đến. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông. Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo sống chánh ni§m, tỉnh giác, không phóng dật? nhiệt tâm5 tinh cần như vậy, lạc thọ khởi lên. Vị ấy rõ biết như sau: uLạc thọ này khởi lên nơi ta. Lạc thọ ấy khởi lên có duyên, không phải không duyên. Do duyên gì? Do duyên xúc này. Nhung xúc này là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do duyên xúc khởi lên, và duyên này là vô thường, hữu vi, thời lạc thọ được khởi lên, làm sao có thể thường trú duợrc?",Vj ấy trú, quán vô thường đối với xúc và lạc thọ. Vị ấy trú, quán tiêu vong. Vị ấy trú, quán ly tham. Vị ấy tru, quán đoạn diệt. Vị ấy trú, quán từ bỏ. Do vị ấy trú, quán vô thường; do vị ấy trú? quán tiêu vong; do vị ấy trú, quán ly tham; do vị ây trú5 quán đoạn diệt; do vị ấy trú, quán từ bỏ đối với xúc và lạc thọ của vị ấy, nên tham tùy miên đôi với xúc và lạc thọ bị đoạn diệt. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là Uduyên xúc")."...ở dây, mọi cảm thọ không có gì đáng hoan hỷ, sẽ đi đến lắng dju." Ví như, này các Tỷ-kheo, do duyên dầu... sẽ đi đến lắng dịu (như kinh trên). IX. KINH VÔ THƯỜNG (Aniccasutta) (S. IV. 214) 257. Có ba thọ, này các Tỷ-kheo, vô thường, hữu vi, do duyên sanh, chịu sự đoạn tận, chịu sự tiêu vong, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt. Thế nào là ba? Lạc thọ? khổ thọ? bất khổ bất lạc thọ. Ba thọ này, này các Tỷ-kheo, là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, chịu sự đoạn tận, chịu sự tiêu vong, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt. X. KINH CĂN BẢN CỦA xúc (Phassamũlakasuttà) (5. IV. 215) 258. Này các Tỷ-kheo? có ba thọ này do xúc sanh? lấy xúc làm căn bản97 lấy xúc làm nhân duyên, lấy xúc làm trợ duyên. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Do xúc được cảm thọ là lạc, này các Tỷ-kheo, lạc thọ sanh. Do sự đoạn diệt của xúc ấy được cảm thọ là lạc, lạc thọ ây khởi lên do duyên xúc tương ứng được cảm thọ là lạc, lạc thọ ấy đoạn diet, được tịnh chỉ. Do xúc được cảm thọ là khô? này các Tỷ-kheo, khô thọ sanh. Do sự đoạn diệt của xúc ấy được cảm thọ là khổ, khổ thọ ấy khởi lên do duyên xúc tương ứng được cảm thọ là khổ9 khổ thọ ấy đoạn diệt, được tịnh chỉ. Do xúc được cảm thọ là bất khổ bất lạc, này các Tỷ-kheo, bất khổ bất lạc thọ sanh. Do sự đoạn diệt của xúc ây được cảm thọ là bât khô bât lạc, bât khô bất lạc ấy khởi lên do duyên xúc tương ứng được cảm thọ là bất khổ bất lạc, bất khô bât lạc thọ ây đoạn diệt, được tịnh chỉ. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, hai khúc gỗ cọ xát nhau, đem đến gần nhau,8 nên

7 Xem KS. II. 67. 8 Xem s. V. 212; Mỉỉn. 6; BPE, 45.

sức nóng sanh ra, lửa được hiện hữu. Khi hai khúc gỗ ấy bị phân ly tuyệt duyên, thời sức nóng khởi lên do duyên ấy được đoạn diệt, được tịnh chỉ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ba thọ này do xúc sanh, lấy xúc làm căn bản5 lấy xúc làm nhân duyên, lấy xúc làm trợ duyên; do duyên xúc tương ứng, các thọ tương ứng khởi lên; do sự đoạn diệt của xúc tương ứng, các thọ tương ứng khởi lên được đoạn diệt.

PHẦN HAI

PHẨM SỐNG MỘT MÌNH (RAHOGATAVAGGA)

I. KINH SỐNG MỘT MÌNH (Rahogatasutta) (5. IV. 216) 259. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn, khi con sống một mình, thiền tịnh5 tâm tư như sau được khởi lên: "The Tôn dạy có ba thọ: Lạc thọ, khổ thọ5 bất khổ bất lạc thẹ)." Ba thọ này được Thế Tôn thuyết dạy. Nhưng Thế Tôn lại nói: "Phàm cái gì được cảm thọ5 cái ấy [nằm] trong đau kh6.” Do liên hệ đến cái gì, lời nói này được Thế Tôn nói lên: "Phàm cái gì được cảm thọ5 cái ấy [nằm] trong đau kh6” Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Này Tỷ-kheo, Ta nói rằng có ba thọ này: Lạc thọ? khổ thọ5 bất khổ bất lạc thọ. Ba thọ này được Ta nói đến. Nhtmg này Tỷ-kheo9 Ta lại nói: 'Thàm cái gì được cảm thọ? cái ấy [nằm] trong đau kh6.” Chính vì liên hệ đến tánh vô thường của các hành ma lời ấy được Ta nói lên: “Phàm cái gì được cảm thọ, cái ấy [nằm] trong đau kh6." Chính vì liên hệ đến tánh đoạn tận5 tánh tiêu vong, tánh ly tham, tánh đoạn diệt, tánh biến hoại của các hành mà lời ấy được Ta nói lên: "Phàm cái gì được cảm thọ? cái ấy [nằm] trong đau kh8.” Nhưng này Tỷ-kheo5 Ta tuyên bố rằng sự đoạn diệt các hành là tuần tự: Khi chứng được Thiền thứ nhất, lời nói được đoạn diệt; khi chứng Thiền thứ hai, tầm tứ được đoạn diệt; khi chứng Thiền thứ ba, hỷ được đoạn diệt; khi chứng Thiền thứ tư, hơi thở vô, hơi thở ra được đoạn diệt; khi chứng Không vô biên xứ, sắc tưởng được đoạn diệt; khi chứng Thức vô biên xứ, Không vô biên xứ tưởng được đoạn diệt; khi chứng Vô sở hữu xứ, Thức vô biên xứ tưởng được đoạn diệt; khi chứng Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Vô sở hữu xứ tưởng được đoạn diệt; khi chứng Diệt thọ tưởng định5 tưởng và thọ được đoạn diệt. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được đoạn diệt, sân được đoạn diệt, si được đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo5 Ta tuyên bố rằng sự tịnh chỉ các hành là tuần tự:9 Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được tịnh chỉ; khi chứng Thiền thứ hai, tầm tứ được tịnh chỉ... khi chứng Diệt thọ tưởng định, tưởng và thọ được tịnh chỉ. Đối

9XemPC. 122.

với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được tịnh chi, sân được tịnh chi, si được tịnh chỉ. Này các Tỷ-kheo, có sáu khinh an này: Khi chứng Thiền thứ nhất? lời nói được khinh an; khi chứng Thiên thứ hai, tâm tứ được khinh an; khi chứng Thiền thứ ba, hỷ được khinh an; khi chứng Thiền thứ tư, hơi thở vô? hơi thở ra được khinh an;10 khi chứng Diệt thọ tưởng định, tưởng và thọ được khinh an. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được khinh an, sân được khinh an, si được khinh an. II. KINH HƯ KHÔNG THỨ NHẤT (PaḶhamaãkãsasutta) (5. IV. 218) 260. Ví như ở trên hư không có nhiêu loại gió thôi: Có gi6 từ phương Đông thổi, có gió từ phương Tây thổi, có gió từ phương Bắc thoi, có gi6 từ phương Nam thổi, có gió có bụi thối, có gió không bụi thổi, có gió lạnh thoi, có gió nóng thổi, có gió lượng nhỏ thổi, có gió lượng lớn thôi; cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, trong cái thân này, có nhiều loại thọ sai biệt khởi lên: Lạc thọ

khởi lên5 khổ thọ khởi lên, bất khổ bất lạc thọ khởi lên. Giống như giữa hư không, Gió nhiều loại thổi lên5 Từ phương Đông, phương Tây, Từ phương Bắc, phương Nam. Gió có bụi? không bụi, Có gió lạnh, gió n6ng, Có gió lớn, gió nhỏ, Gió nhiều loại thổi lên. Cũng vậy trong thân này, Khởi lên nhiều cảm thọ5 Lạc thọ và khổ thọ, Bất khổ bất lạc thọ.

Khi Tỷ-kheo nhiệt tâm9
Tỉnh giác9 không sanh y.
Do vậy bậc Hiền giả,
Liễu tri tất cả thọ.
Vị ấy liễu tri thọ,
Ngay hiện tại, vô lậu?
Thân hoại, bậc Pháp trú,
Đại trí vượt ước lường.

III. KINH HƯ KHÔNG THỨ HAI (Dutìyaãkãsasutta) (5. IV. 219)

261. (Như kinh trên? chỉ khác là không có bài kệ).

10 XemBPE. 10.

IV KINH KHÁCH XÁ (Agãrasutta)n (S IV. 219) 262. Ví như, này các Tỷ-kheo, một nhà khách, ở đấy5 từ phương Đông có người đến ở; từ phương Tây, có người đến ở; từ phương Bắc, có người đến ở; từ phương Nam? có người đến ở; những người Sát-đế-ly đến ở, những người Bà-la-môn đến ở5 những người Phệ-xá (Vèssă) đến ở? những người Thủ-đà (Suddd) đến ở; cũng vậy, này các Tỷ-kheo? trong cái thân này có nhiều loại thọ sai biệt khởi lên: Lạc thọ khởi lên, khổ thọ khởi lên5 bất khổ bất lạc thọ khơi lên. Có những lạc thọ liên hệ đến vật chất11 khởi lên? có những khổ thọ liên hệ 1213 đến vật chất khởi lên, có những bất khổ bất lạc thọ liên hệ đến vật chất khởi lên; CÓ những lạc thọ không liên hệ đên vật chat khởi len? có những khô thọ không liên hệ đến vật chất khởi lên, có những bất khổ bất lạc thọ không liên hệ đến vật chất khởi lên. V KINH ÃNANDA THỨ NHẤT (PaỊhamaãnandasuttay3 (S IV. 220) 263. Rồi Tôn giả Ảnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, thế nào là các thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là con đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nào là sự xuất ly của thọ? Có ba thọ này? này Ãnanda, lạc thọ, khổ thọ? bất khổ bất lạc thọ. Này Ãnanda, đây gọi là các thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Con đường Thánh đạo tám ngành là con đường đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định. Do duyên thọ khởi lên lạc hỷ nào9 đấy là vị ngọt của thọ. Sự vô thường, khổ? biến hoại của thọ là sự nguy hiểm của thọ. Sự nhiấỊ)phục dục và tham (chandarãgă) đối với thọ? sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của thọ. Này Ãnanda, Ta tuyên bố rằng đoạn diệt (nirodhă) các hành là tuần tự: Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được đoạn diệt; khi chứng Thiền thứ hai, tầm tứ được đoạn diệt... khi chứng Diệt thọ tưởng định, tưởng và thọ được đoạn diệt.

Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được đoạn diệt, sân được đoạn diệt, si được đoạn diệt. Này Ãnanda, Ta tuyên bố rằng tịnh chỉ (yũpasamo) các hành là tuần tự: Khi chứng Thiền thứ nhất5 lời nói được tịnh chỉ; khi chứng Thiền thứ hai, tầm tứ được tịnh chỉ... khi chứng Diệt thọ tưởng định, tưởng và thọ được tịnh chỉ. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được tịnh chi, sân được tịnh chỉ, si được tịnh chỉ. Này Ãnanda, Ta tuyên bố rằng khinh an (passaddhỉ) các hành là tuần tự:

11 Xem s.v. 51. 12 Sãmisã. Xem M. III. 217-19; MA. 279; VbhA. 268. 13 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Property, nghĩa là Vật sở hữu.

Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được khinh an; khi chứng Thiền thứ hai, tầm tứ được khinh an... khi chứng Diệt thọ tưởng định, tưởng và thọ được khinh an. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được khinh an, sân được khinh an, si được khinh an. VI. KINH ÃNANDA THỨ HAI (Dutiyaãnandasutta) (5. IV. 221) 264. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn... Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda đang ngồi một bên: Này Ãnanda, thế nào là các thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là con đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nào là sự xuất ly của thọ? Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản; lấy Thế Tôn làm chỉ đạo? lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Lành thay, bạch Thế Ton, nếu Thế Tôn nói cho ý nghĩa của lời nói này! Sau khi nghe Thế Tôn? các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. -Vậy này Ãnanda, hãy lắng nghe và khéo tác ý? Ta sẽ giảng. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ãnanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Này Ananda, có ba thọ này: Lạc thọ? khổ thọ? bất khổ bất lạc thọ. Này Ãnanda, đây gọi là các thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt... (như kinh trên). Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được khinh an, sân được khinh an, si được khinh an. VII. KINH SỐ ĐÔNG THỨ NHẤT (PaỊhamasambahuỉasuttay4 (5. IV. 221) 265. Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn? thế nào là các thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là con đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nào là sự xuất ly của thọ? -Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này: Lạc thọ? khổ thọ9 bất khổ bất lạc thọ. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là các thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Con đường Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến thọ đoạn diet, tức là chánh tri kiến... chánh định. Do duyên thọ khởi lên lạc hỷ gi, đấy là vị ngọt của thọ. Tánh vô thường, khổ? chịu sự biến hoại của thọ là sự nguy hiểm của thọ. Sự nhiếp phục dục tham, sự đoạn tận dục tham đối với thọ là sự xuất ly của thọ. Này các Tỷ-kheo? Ta tuyên bố rằng sự đoạn diệt của thọ là tuần tự: Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được đoạn diệt... Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được đoạn tận, sân được đoạn tận, si được đoạn tận.14

14 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Eigthfold, nghĩa là Tám ngành.

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng tịnh chỉ các hành là tuần tự: Khi chứng Thiên thứ nhât5 lời nói được tịnh chỉ... Đôi với Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tham được tịnh chỉ, sân được tịnh chỉ, si được tịnh chỉ. Này các Tỷ-kheo, có sáu khinh an: Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được khinh an; khi chứng Thiền thứ hai5 tầm và tứ được khinh an; khi chứng Thiền thứ ba, hỷ được khinh an; khi chứng Thiền thứ tư, hơi thở v6, hơi thở ra được khinh an; khi chứng Diệt thọ tưởng định? tưởng và thọ được khinh an. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được khinh an, sân được khinh an, si được khinh an. VIII. KINH SỐ ĐÔNG THỨ HAI (Dutiyasambahuỉasutta) (5. IV. 222) 266. Rồi một số đông các Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy đang ngồi một bên: Này các Tỷ-kheo, thế nào là các thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là con đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thê nào là sự nguy hiêm của thọ? Thê nào là sự xuât ly của thọ? Bạch Thế Tôn? đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... (Như kinh 264 ở trên). IX. KINH PANCAKANGA (Pancakangasutta)15 (S IV. 223) 267. Rồi người thợ mộc Paficakanga đi đến Tôn giả Udãyi;16 sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Udãyi rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên9 thợ mộc Pancakanga thưa với Tôn giả Udãyi: - Thưa Tôn giả Ưdãyi, Thế Tôn dạy có bao nhiêu thọ? -Có ba thọ, này Pancakanga, được Thế Tôn nói đến: Lạc th% khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Ba thọ này, này Pancakanga, được Thế Tôn nói đến. Được nghe nói vậy, thợ mộc Pancakanga thưa với Tôn giả Ưdãyi: Thưa Tôn giả Udãyi, Thế Ton không dạy ba thọ. Thế Tôn dạy chỉ có hai thọ: Lạc thọ và khổ thọ. Còn về bất khổ bat lạc thọ này, Thế Tôn dạy thuộc vào tế nhị lạc thọ. Lần thứ hai, Tôn giả Udãyi nói với thợ mộc Pancakanga: Nay Pancakanga, Thế Tôn không dạy hai thọ. Thế Tôn dạy có ba thọ: Lạc thọ, khổ thọ5 bất kho bất lạc thọ. Ba thọ này được Thế Tôn nói đến. Lần thứ hai, thợ mộc Pancakanga thưa với Tôn giả Udãyi: -Thưa Tôn giả Udâyi, Thế Tôn không dạy có ba thp. Thế Tôn dạy có hai thọ: Lạc thọ và khổ thọ. Còn bất khổ bất lạc thọ này, Thế Tôn dạy thuộc vào tế nhị lạc thọ.

15 Theo Chủ giải, 5 vật dụng của người thợ mộc là cái rìu nhỏ ịyãsỉpharasù), cái đục (nikhãdana), thước cây (dandă), cái búaA(muggara), chỉ đen hay chỉ mực (kãỊasutta). Bản tiếng Anh của PTS: Fivetools, nghĩa là Nam món đồ nghê. 16 Xem s. IV. 99; KS. IV 55 (kinh 113Ở trước); M.l. 396, 447.

Lần thứ ba, Tôn giả Udãyi nói với thợ mộc Pancakanga: - Này Pancakan^a, Thế Tôn không dạy hai thọ. Thế Tôn dạy có ba thọ: Lạc thọ? khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Ba thọ này được Thế Tôn nói đến. Lần thứ ba, thợ mộc Paficakanga thưa với Tôn giả Udãyi: Thưa Tôn gi* Udãyi5 Thế Ton không dạy có ba thọ. Thế Tôn dạy có hai thọ: Lạc thọ, kho thọ. Còn bất khổ bất lạc thọ này5 Thế Tôn dạy thuộc vào tế nhị lạc thọ. Như vậy? Tôn giả Udãyi khônẹ có thể thuyết phục được thợ mộc Pancakanga, và thợ mộc Pancakanga không thê thuyết phục được Tôn giả Udãyi. Tôn giả Ãnanda nghe được câu chuyện này giữa Tôn giả Udãyi và thợ mộc Pancakanga. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến? liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda thuật lại với

Thế Tôn tất cả câu chuyện xảy ra giữa Tôn giả Udãyi và thợ mộc Pancakanga. -Dầu thật có pháp môn (pariyãya), này Ãnanda, nhxmg thợ mộc Pancakanga không tín thọ Tỷ-kheo Udãyi. Và dâu thật có pháp môn, này Ãnanda, nhxmg Tỷ- kheo Ưdãyi không tín thọ thợ mộc Paficakanga. Có hai thọ, này Ảnanda? theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có ba thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có năm thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có sáu thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có mười tám thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có ba mươi sáu thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có một trăm lẻ tám thọ17 theo pháp môn giải thích của Ta. Như vậy, này Ãnanda? là pháp được Ta tuyên bố tùy theo pháp môn. Này Ananda, dâu cho như vậy là pháp được Ta tuyên bô tùy theo pháp môn5 này Ãnanda, những ai không chịu chấp nhận, không chịu tán đồnệ? không chịu tùy hỷ lời khéo nói, khéo thuyết với nhau; đối với những người ấy sẽ xảy đến như sau: Họ sẽ sống đấu tranh nhau, hủy báng nhau, tranh luận nhau với những khí giới miệng lưỡi. Như vậy là pháp được Ta tuyên bố tùy theo pháp môn. Này Ãnanda, dầu cho như vậy là pháp được Ta tuyên bố tùy theo pháp môn9 những ai chịu chấp nhận, chịu tán đồng, chịu tùy hỷ lời khéo nói, khéo thuyết với nhau; đối với những người ấy, sẽ xảy đến như sau: Họ sẽ sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có tranh luận nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt từ ái. Và này Ãnanda, có năm dục công đức này. Thế nào là năm? Có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý? khả ái, liên hệ đến dục5 hấp dẫn... Có những xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hy, khả ý, khả ái9 liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này Ảnanda, có năm dục công đức này. Do duyên năm dục công đức này, này Ảnanda, khởi lên lạc hỷ gi, đây gọi là dục lạc. Này Ãnanda, có thể có những người nói như sau: "Dây là lạc và hỷ tối

17 số uẩn: 36 X 3 = 108.

thượng mà chúng sanh cảm thọ dug” Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Có lạc khác với lạc ấy, này Ãnanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn. Ở đây, này Ãnanda, Tỷ-kheo ly dục? ly ác? bất thiện pháp, chứng đạt và trú Thiền thứ nhất. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ãnanda, còn vi diệu hơn, còn tốt đẹp hơn. Này Ãnanda, có thể có những người nói như sau: “Dây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thọ được.99 Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc ấy, này Ãnanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn. Và này Ãnanda, thế nào là lạc khác với lạc ấy còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn? Ở đây? này Ãnanda, Tỷ-kheo tịnh chỉ các tầm và tứ5 chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ãnanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn. Này Ãnanda, có thể có những người nói như sau: “Bây là lạc và hỷ tối thượng mà chúriẸ sanh cảm thọ được?5 Nhimg Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc ấy, này Ananda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn. Và này Ãnanda, thế nào là lạc khác với lạc ấy còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn? Ở đây5 này Ãnanda, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả? chánh niệm tỉnh ẹiác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiên thứ ba. Lạc này là lạc khác với lạc kia,

này Ãnanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn. Này Ãnanda, có thể có những người nói như sau: "Đây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thọ được.,, Nhtrng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc ấy, này Ãnanda, còn vi diệu hơn5 còn tế nhị hơn. Và này Ãnanda, thế nào là lạc khác với lạc ấy còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn? Ở đây, này Ãnanda, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng và trú Thiền thứ tu, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ãnanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn. Này Ãnanda, có thể có những người nói như sau: uĐây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thọ được.^, Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc ấy, này Ãnanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn. Và này Ananda, thế nào là lạc khác với lạc ấy còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn? Ở đây5 này Ãnanda, Tỷ-kheo vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý sai biệt tưởng, biết rằng: “Hu không là vô bien9\ chứng và trú Không vô biên xứ. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ănanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn. Này Ãnanda, có thể có những người nói như sau: "Đây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thọ dugc.” Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc ấy, này Ãnanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn... Ở đây5 này Ãnanda, Tỷ-kheo vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên,\ chứng và trú Thức yồ biên xứ. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ãnanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn.

36. TƯƠNG ƯNG THỌ 881

Này Ãnanda, có thể có những người nói như sau: “Dây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thọ đượcy Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc ấy, này Ananda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn... Ở dây, này Ãnanda, Tỷ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: 6íKhông có vật gi”chứng và trú Vô sở hữu xứ. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ãnanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn. Này Ãnanda, có thể có những người nói như sau: “Bây là lạc và hỷ tối thượng mà chúnệ sanh cảm thọ dugc." Nhimg Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì răng có lạc khác với lạc ấy, này Ảnanda, còn vi diệu hơn5 còn tế nhị hơn... Ỏ dây, này Ãnanda, Tỷ-kheo vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ãnanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn. Này Ananda, có thể có những người nói như sau: “Dây ỉà lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thọ được." Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc ấy5 này Ãnanda, còn vi diệu hơn5 còn tế nhị hơn... Ở dây, này Ãnanda, Tỷ-kheo vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ãnanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn. Sự kiện này xảy ra, này Ãnanda. Có các du sĩ ngoại đạo có thể hỏi như sau: uSa-mon Gotama nói đến Diệt thọ tưởng định? và tuyên bố là Diệt thọ tưởng định ấy thuộc về lạc. Ý nghĩa này là gì và như thế nào?" Được nghe nói vậy? này Ananda, các du sĩ ngoại đạo cần được trả lời như sau: "Này chư Hiền, Thế Tôn không tuyên bố thuộc về lạc? dựa vào lạc thọ. Nhưng chỗ nào? này chư Hiền, lạc được cảm thọ? chỗ ấy, Thế Tôn tuyên bố cảm thọ thuộc vào lạc thọ.,, X. KINH TỶ-KHEO (Bhikkhusuttd) (5. IV. 228) 268. Có hai thọ, này các Tỷ-kheo5 theo pháp môn giải thích

của Ta. Cũng có ba thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có năm thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có sáu thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có mười tám thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có ba mươi sáu thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có một trăm lẻ tám thọ theo pháp môn giải thích của Ta. ... (Như đoạn sau của kinh trên, chỉ khác trong kinh trước Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda, trong kinh này Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo).

PHÀN BA

PHẨM MỘT TRĂM LẺ TÁM PHÁP MÔN18 (A TTHASA TAPARIYẴYA VA GGA)

I. KINH SĨVAKA (Sĩvakasutta) (S. IV. 230) 269. Một thời, Thế Tôn trú ở Rậjagaha (Vương Xá), tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi du sĩ Moḷiya Sĩvaka1920 đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Moḷiya Sĩvaka thưa với Thê Tôn: —Thưa Tôn giả Gotama, có một sô Sa-môn9 Bà-la-môn thuyêt như sau, thây như sau: "Con người cảm thọ cảm giác gì9 lạc thọ, khổ thọ5 hay bất khổ bất lạc thọ; tất cả thọ ấy đều do nhân đã làm trong quá khứ.” Ở đây, Tôn giả Gotama nói như thế nào? -Này Sĩvaka, ở đây, một số cảm thọ khởi lên, phát sanh từ mật (pitta) Này Sĩvaka, hoặc là ông phải tự mình (sãmam) biết rằng: “d đây, một số cảm thọ khởi lên, phát sanh từ mat." Hay là, này Sĩvaka, thê giới chập nhận là đúng sự thật rằng: UỞ đây? một số cảm thọ khởi lên, phát sanh từ mat." Ở dây, này Sĩvaka, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào thuyết như sau, thấy như sau: "Con người cảm thọ cảm giác gì, lạc thọ, khổ thọ? bất khổ bất lạc thọ; tất cả thọ đều do nhân đã làm trong quá khứ”; nếu do họ tự mình biết, họ thật sự đi quá xa; nếu được thế giới chấp nhận là đúng sự thật, họ cũng đi quá xa. Do vậy, Ta tuyên bố rằng các Sa-môn, Bà-la-môn ấy thuộc về tà. Này Sĩvaka, ở đây? một số cảm thọ khởi lên, phát sanh từ đàm (niêm dịch) (semha)... Này Sĩvaka... khởi lên, phát sanh từ gió... Này Sĩvaka... khởi lên, phát sanh từ sự gặp gỡ, dính nhau của các loại nước trong thân thế (sannỉpãtỉkãnĩ).., Này Sĩvaka... khởi lên, phát sanh từ sự thay đổi thời tiết...

18 Xem s. IV. 14; KS. IV. 8 (kinh 22 ở trước). 19 Moḷiya có búi tóc. Xem KS. II. 9; A. III. 356; Thag. V. 14. 20 Xem Mỉln. 134 có đề cập đến kinh này.

Này Sĩvaka... khởi lên, phát sanh từ sự gặp gỡ các nghịch vận...21 Này Sĩvaka... khởi lên, phát sanh từ các công kích thình lình từ bên ngoài vào...22 Do quả dị thục của nghiệp, này Sĩvaka, ở dây, một số cảm thọ được khởi lên. Này Sĩvaka5 hoặc là ông phải tự mình biết răng: UỞ đây? một số cảm thọ khởi lên vì kết quả dị thục của nghiep." Hay là9 này Sĩvaka, thế giới chấp nhận là đúng sự thật răng: "O dây, một sô cảm thọ khởi lên vì kêt quả dị thục của nghiep." Ở đây, này Sĩvaka, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào thuyết như sau, thấy như sau: "Con người cảm thọ cảm giác gì, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ; tất cả thọ đều do nhân đã làm trong quá khứ"; nếu do họ tự mình biết, họ thật sự đi quá xa; nếu được thế giới chap nhận là đúnệ sự thật, họ cũng đi quá xa. Do vậy, Ta

tuyên bố rằng các Sa-môn, Bà-la-môn ay thuộc về tà. Khi được nghe nói vậy, du sĩ MoḶiya Sĩvaka bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn... từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng! Mật, niêm dịch và gi6, Sự gặp gỡ các loại nước, Sự thay đổi thời tiết, Sự gặp gỡ các nghịch vận, Sự công kích thình lình, Nghiệp quả là thứ tám. II. KINH MỘT TRĂM LẺ TÁM (AḶḶhasatasutta) (5. IV. 231) 270. Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ giảng cho các ông pháp môn vê pháp theo một trăm lẻ tám pháp môn. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo5 thê nào là pháp môn vê pháp theo một trăm lẻ tám pháp môn? Có hai thọ theo pháp môn thuyết giảng của Ta. Có ba thọ theo pháp môn thuyết giảng của Ta. Có năm thọ theo pháp môn thuyết giảng của Ta. Có sáu thọ theo pháp môn thuyết giảng của Ta. Có mười tám thọ theo pháp môn thuyết giảng của Ta. Có ba mươi sáu thọ theo pháp môn thuyết giảng của Ta. Có một trăm lẻ tám thọ theo pháp môn thuyết giảng của Ta. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hai thọ? Thọ về thân và thọ về tâm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hai thọ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba thọ? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là ba thọ. A 9

Và này các Tỷ-kheo? thê nào là năm thọ? Lạc căn, khô căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là năm thọ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sáu thọ? Thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ

21 Vỉsamaparỉhãrcỳãnỉ. SA. III. 82: Như khi một người vội vàng đi vào ban đêm bị rắn cắn. 22 Opakkamỉkãnỉ. SA. III. 82: Bị bắt vì như kẻ trộm hay vì tư thông vợ người.

XÚC sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sáu thọ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là mười tám thọ? Có sáu tư duy thân cận (ụpavicãra) với hỷ; có sáu tư duy thân cận với ưu; có sáu tư duy thân cận với xả. Này các Tỷ-kheo? đây ỉà mười tám thọ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba mươi sáu thọ? Sáu hỷ liên hệ đến gia dinh, sáu hỷ liên hệ đến ly dục; sáu ưu liên hệ đến gia đình, sáu ưu liên hệ đến ly dục; sáu xả liên hệ đến gia đình, sáu xả liên hệ đen ly dục. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ba mươi sáu thọ. Thế nào là một trăm lẻ tám thọ? Ba mươi sáu thọ về quá khứ, ba mươi sáu thọ về tương lai, ba mươi sáu thọ về hiện tại. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là một trăm lẻ tám thọ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp môn về pháp theo một trăm lẻ tám pháp môn. III. KINH VỊ TỶ-KHEO (AHHatarabhikkhusutta) (S. IV. 232) 271. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi một bên, Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, thế nào là thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là con đường đưa đến thọ tập khởi? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là con đường đưa đên thọ đoạn diệt? Thê nào là vị ngọt của thọ? Thê nào là sự nguy hiêm của thọ? Thế nẻo lắ sự xuất ly của thọ? Này Tỷ-kheo, có ba thọ này: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này Tỷ- kheo5 đây gọi là ba thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Khát ái là con đường đưa đến thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Con đường Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định. Do duyên thọ khởi lên lạc hỷ nào? đó là vị ngọt của thọ. Tánh vô thường, khổ5 chịu sự biến hoại của thọ là sự nguy hiểm của thọ. Sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của thọ.

IV KINH QUÁ KHỨ (Pubbasuttà)23 (S IV. 233) 272. Này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh đẳng Chánh giác, khi còn là Bồ-tát? Ta suy nghĩ như sau: "Thế nào là thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là con đường đưa đến thọ tập khởi? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là con đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nào là sự xuất ly của thQ?" Và này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "C6 ba thọ này: Lạc thọ5 khổ thọ5 bất khổ bất lạc thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Ái là con đường đưa đến thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Con đường Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến...

23 Kinh 272 và 273 trong bản tiếng Anh của PTS viết thành một kinh với tên kinh: Knowledge of the Past, nghĩa là Trí về quả khứ.

chánh định. Sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của thọ/9 V KINH TRÍ (Nãnasutta) (S IV. 234) 273. Này các Tỷ-kheo? đây là các thọ, đôi với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn khởi lên? trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên? quang khởi lên. Này các Tỷ-kheo, đây là các thọ tập khởi, đôi với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên. £ £ Này các Tỷ-kheo? đây là con đường đưa đên thọ tập khởi, đôi với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn khởi lên5 trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên. Này các Tỷ-kheo, đây là thọ đoạn diệt, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến thọ đoạn diet, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe... Này các Tỷ-kheo? đây là vị ngọt của thọ? đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe... Này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hiểm của thọ... Này các Tỷ-kheo5 đây là sự xuất ly của thọ? đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn khởi lên5 trí khởi lên5 tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên. VL KINH SỐ ĐÔNG TỶ-KHEO (Sambahulabhikkhusutta)24 (S IV. 234) 274. Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... (Như kinh số 271). Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ? khổ thọ? bất khổ bất lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của ba thọ này... ... như thật tuệ tri... tự mình với thăng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú. VII. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ NHẤT (PaḶhamasamanabrãhmanasuítà) (S IV. 235) 275. Này các Tỷ-kheo5 có ba thọ. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ? bất khổ bất lạc thọ. (Như kinh số 271).

24 Bản tiếng Anh của PTS: By a Brother, nghĩa là Bởi vị Tỷ-kheo.

VIII. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI (Dutiyasamanabrãhmanasutta)25 (S. IV. 235) 276. Này các Tỷ-kheo, có ba thọ. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. (Như kinh trên)... Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không tuệ tri thọ, không tuệ tri thọ tập khởi, không tuệ tri con đường đưa đến thọ tập kh&i,

không tuệ tri thọ đoạn diet, không tuệ tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt... ... như thật tuệ tri... tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. IX. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ BA (Tatiyasamanabrahmanasutta) (S. IV. 235) 277. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không tuệ tri thọ, không tuệ tri thọ tập khởi, không tuệ tri con đường đưa đến thọ tập khởi, không tuệ tri thọ đoạn diệt, không tuệ tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt... ... như thật tuệ tri... tự mình với thăng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. X. KINH THANH TỊNH (Suddhikasutta)26 (5. IV. 235) 278. Này các Tỷ-kheo? có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ9 khổ thọ5 bất khổ bất lạc thọ. Này các Tỷ-kheo? đây là ba thọ. XI. KINH KHÔNG LIÊN HỆ ĐẾN VẬT CHẤT (Nirãmisasutta) (S. IV. 235) 279. Này các Tỷ-kheo, có hỷ liên hệ đến vật chất, có hỷ không liên hệ đến vật chất, có hỷ không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại hỷ không liên hệ đến vật chất kia; có lạc liên hệ đên vật chất5 có lạc không liên hệ đên vật chất, có lạc không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại lạc không liên hệ đến vật chất kia; có xả liên hệ đến vật chất, có xả không liên hệ đến vật chất, có xả không liên hệ đên vật chất con hơn cả loại xả không liên hệ đên vật chát kia; có giải thoát liên hệ đến vật chất, có giải thoát không liên hệ đến vật chất, có giải thoát không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại giải thoát không liên hệ đến vật chất kia. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hỷ liên hệ đến vật chất? Này các Tỷ-kheo, có năm dục công đức này. Thế nào là năm? Có các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý9 khả ái, liên hệ đên dục5 hâp dân... Có xúc do thân nhận thức, khả lạc5 khả hỷ5 khả ý5 khả ái, liên hệ đến dục9 hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, đây là năm dục công đức này. Này các Tỷ-kheo? do duyên năm dục công đức này, khởi lên hỷ gì, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hỷ liên hệ đến vật chất. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hỷ không liên hệ đến vật chất? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo ly dục? ly bất thiện pháp9 chứng và trú Thiền thứ nhất,

25 Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (276, 277) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Recluses and Brahmins, nghĩa là Sa-môn và Bà-ỉa-môn. 26 Kinh 278 và 279 trong bản tiếng Anh của PTS viết thành một kinh với tên kinh: Purified and Free from Carnal Taint, nghĩa là Thanh tịnh và không liên hệ đến vật chất.

một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Làm tịnh chỉ tầm và tứ, chứng đạt và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ5 nội tĩnh nhất tâm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hỷ không liên hệ đến vật chất. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hỷ không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại hỷ không liên hệ đến vật chất kia? Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc5 khi quán sát tâm giải thoát khỏi tham, khi quán sát tâm giải thoát khỏi sân5 khi quán sát tâm giải thoát khỏi si5 hỷ được khởi lên. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hỷ không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại hỷ không liên hệ đến vật chất kia. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc liên hệ đến vật chất? Này các Tỷ-kheo, có năm dục công đức. Thê nào là năm? Có những săc do măt nhận thức, khả lạc, khả hỷ? khả ý, khả ái, liên hệ đến dục? hấp dẫn... Có những xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý9 khả ái? liên hệ đến dục5 hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo? đây là năm dục công đức. Này các Tỷ-kheo, do duyên năm dục côngệ đức này, khởi lên lạc hỷ

gì5 này các Tỷ-kheo? đây gọi là lạc liên hệ đến vật chat. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc không liên hệ đến vật chất? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ«kheo ly dục9 ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Tịnh chỉ các tầm và tứ, vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, vị ấy chứng đạt và trú Thiền thứ ba. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là lạc không liên hệ đến vật chất. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là lạc không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại lạc không liên hệ đến vật chất kia? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, khi quán sát tâm giải thoát khỏi tham, quán sát tâm giải thoát khỏi sân, quán sát tâm giải thoát khỏi si, lạc và hỷ khởi lên. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là lạc không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại lạc không liên hệ đến vật chất kia. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xả liên hệ đến vật chất? Này các Tỷ-kheo5 có năm dục công đức này. Thế nào là năm? Có những sắc do mắt nhận thức5 khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái5 liên hệ đến dục? hấp dẫn... Có những xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ5 khả ý5 khả ái5 liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo5 do duyên năm dục công đức này, khởi lên xả gì, này các Tỷ-kheo, đây gọi là xả liên hệ đến vật chất. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là xả khôn^ liên hệ đến vật chất? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn lạc đoạn khô, châm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là xả không liên hệ đến vật chất. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xả không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại xả không liên hệ đến vật chất kia? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, quán sát tâm giải thoát khỏi tham, quán sát tâm giải thoát khỏi

sân, quán sát tâm ệiải thoát khỏi si, xả khởi lên. Này các Tỷ-kheo? đây gQÌ là xả không liên hệ đen vật chất còn hơn cả loại xả không liên hệ đến vật chat kia. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là ệiải thoát liên hệ đến vật chất? Sự giải thoát liên hệ đến sắc là liên hệ đến vật chất. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giải thoát không liên hệ đến vật chất? Sự giải thoát liên hệ đến vô sắc là không liên hệ đến vật chất. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là sự giải thoát không liên hệ đến vật chất còn hơn cả sự giải thoát không liên hệ đến vật chất kia? Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, quán sát tâm giải thoát khỏi tham, quán sát tâm giải thoát khỏi sân, quán sát tâm giải thoát khỏi si, giải thoát khởi lên. Này các Tỷ-kheo, đây là sự giải thoát không liên hệ đến vật chất còn hơn cả sự giải thoát không liên hệ đến vật chất kia.

37.TỰƠNGƯNG NỮ NHÂN (MÃTUGÃMASAMYUTTA)

PHẦN MỘT

L PHẨM TRUNG LƯỢC THỨ NHẤT (R4THAMAPEYYALAK4GGA)

L KINH NỮ NHÂN (Mãtugãmasuttay (5. IV. 238) 280. Này các Tỷ-kheo, đầy đủ năm đức tánh này, một nữ nhân hoàn toàn không khả ý đối với người đàn ông. Thế nào là năm? Không có nhan sắc5 không có tài sản5 không có giới hạnh, lười biếng, không có khả

năng sinh con. Này các Tỷ-kheo, đầy đủ năm đức tánh này5 một nữ nhân hoàn toàn không khả ý đối với người đàn ông. Và này các Tỷ-kheo? đầy đủ năm đức tánh này, một nữ nhân hoàn toàn khả ý đối với người đàn ông. Thế nào là năm? Có nhan sắc, có tài sản? có giới hạnh, lanh lợi không biếng nhác, có khả năng sanh con. Đầy đủ năm đức tánh này5 này các Tỷ-kheo? một nữ nhân hoàn toàn khả ý đối với người đàn ông. II. KINH NAM NHÂN (Purisasuttd) (S IV. 238) 281. Này các Tỷ-kheo, I . - e đầy đủ năm r đức tánh này. một . __ • người J đàn ông hoàn toàn không khả ý đôi với nữ nhân. Thê nào là năm? Không có nhan săc, không có tài sản? không có giới hạnh, lười biếng, không có khả năng sanh con. Này các Tỷ-kheo5 đầy đủ năm đức tánh này5 một người đàn ông hoàn toàn không khả ý đối với nữ nhân. Này các Tỷ-kheo? đầy đủ năm đức tánh này? một người đàn ồng hoàn toàn khả ý đối với nữ nhân. Thế nào là năm? Có nhan sắc, có tài sản, có ệiới hạnh, lanh lợi không biếng nhác, có khả năng sanh con. Nàỵ các Tỷ-kheo, đay đủ năm đức tánh này, một người đàn ông hoàn toàn khả ý đôi với nữ nhân. III. KINH ĐAU KHỔ RIÊNG BIỆT (Ẳvenikadukkhasutta)12 (S. IV. 239) 282. Này các Tỷ-kheo? có năm đau khổ riêng biệt mà người đàn bà phải gánh chịu5 khác biệt với đàn ông. Thế nào là năm?

1 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Charming and Not charming, nghĩa là Khả ỷ và không khả ỷ. 2 Bản tiếng Anh của PTS: Special, nghĩa là Đặc biệt.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người đàn bà lúc trẻ tuổi đi đến nhà chồng, không CÓ bà con. Đây là đau khô riêng biệt thứ nhât, này các Tỷ-kheo? người đàn bà phải gánh chịu điều đó? khác biệt với đàn ông. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? người đàn bà có kinh nguyệt. Đây là đau khổ riêng biệt thứ hai, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 người đàn bà phải mang thai. Đây là sự đau khổ riêng biệt thứ ba, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo9 một người đàn bà phải sanh con. Đây là đau khô riêng biệt thứ tư, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 người đàn bà hầu hạ (paricãrikabhãvam) đàn ông. Đây là đau khổ riêng biệt thứ năm5 này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu5 khác biệt với đàn ông. Này các Tỷ-kheo, đây là năm đau khổ riêng biệt? này các Tỷ-kheo? người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông. IV KINH BA Sự VIỆC (Tĩhidhammehisutta) (S IV 240) 283. Đầy đủ ba pháp, này các Tỷ-kheo? người đàn bà phần lớn sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo? người đàn bà, vào buổi sáng? ở nhà với tâm bị xan tham ám ảnh; vào buổi trưa, ở nhà với tâm bị tật đố ám ảnh; vào buổi chiều, ở nhà với tâm bị dục tham (kãmarãga) ám ảnh. Này các Tỷ-kheo? đầy đủ ba pháp này, người đàn bà phần lớn sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ5 ác thú, đọa xứ, địa ngục. V. KINH PHẪN Nộ (Kodhanasutta) (5. IV. 240) 284. Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên? Tôn giả Anuruddha bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn? với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, con thấy người đàn bà sau khi thân hoại mạng chung, sanh

vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Bạch Thế Tôn5 nữ nhân, do đầy đủ những pháp gi, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục? —Đây đủ năm pháp, này Anuruddha, người đàn bà sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú? đọa xứ, địa ngục. Thế nào là năm? Do la bat tin, la VO tam, la VO quy, la phân no, la ac tuệ. Đầy đủ năm pháp này5 này Anuruddha, người đàn bà sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

37. TƯƠNG ƯNG Nữ NHÂN 891

VI. KINH CÓ HẬN (Upanãhĩsutta) (S. IV. 241) 285. (Như kinh trên9 chỉ thay thế "c6 han" vào pháp thứ tư). VIL KINH TẬT ĐỐ ựssukĩsutta) (5. IV. 241) 286. (Như kinh trên, chỉ thay thế "c6 tật(tó" vào pháp thứ tư). VIII. KINH XAN THAM (Maccharĩsuttdý (5. IV. 241) 287. (Như kinh trên5 chỉ thay thế "xan tham,^ vào pháp thứ tư). IX. KINH PHẠM DÂM (Atìcãrĩsutta) (5. IV. 242) 288. (Như kinh trên? chỉ thay thế "phạm dâm,, vào pháp thứ tư). X. KINH ÁC GIỚI (Dussĩlasutta) (5. IV. 242) 289. (Như kinh trên, chỉ thay thế 66ắc giới,5 vào pháp thứ tư). XI. KINH ÍT NGHE (Appassutasutta) (5. IV. 242) 290. (Như kinh trên? chỉ thay thế "ít nghe” vào pháp thứ tư). XIL KINH BIẾNG NHÁC (Kusĩtasutta) (5. IV. 242) 291. (Như kinh trên, chỉ thay thế "biếng nhác,9 vào pháp thứ tư). XIII. KINH THẤT NIỆM (MuỊIhassatìsutta) (S. IV. 242) 292. (Như kinh trên, chỉ thay thế "thất niem" vào pháp thứ tư). XIV KINH NĂM CẤM (Pancaverasutta) (S. IV. 243) 293. Đây đủ năm pháp này5 này Anuruddha, người đàn bà sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú5 đọa xứ, địa ngục. Thế nào là năm? Đó là sát sanh, là lấy của không cho, là tà hạnh trong các dục? là nói láo, là r r đăm say rượu men rượu nâu. Đầy đủ năm pháp này, này Anuruddha, người đàn bà sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ5 ác thú5 đọa xứ, địa ngục.

3 Bản tiếng Anh của PTS: Through Stinginess, nghĩa là Do xan tham.

892 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU xứ

PHÀN HAI

II. PHẨM TRUNG LƯỢC THỨ HAI (PUTIYAPEYYÃLAVAGGA)

I. KINH KHÔNG PHẪN Nộ (Akkodhanasutta) (S IV. 243) 294. Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Thế Tôn... Ngồi một bên? Tôn giả Anuruddha bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn? với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, con thấy người đàn bà sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới. Đầy đủ bao nhiêu pháp5 bạch Thế Tôn, người đàn bà sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú9 thiên giới? Đầy đủ năm pháp này, này Anuruddha, người đàn bà sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới. Thế nào là năm? Có lòng tin, có lòng tàm, có lòng quý5 không phẫn nộ5 có trí tuệ. Đây đủ năm pháp này, này Anuruddha, một người đàn bà sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú5 thiên giới. KINH KHÔNG CÓ HÂN (Anupanãhĩsutta), KINH KHÔNG TẬT ĐỐ (Anỉssukĩsuttd)^ KINH KHÔNG XAN THAM (Amaccharĩsuttaỵ KINH KHÔNG TA DÂM (Anaticãrĩsutta), KINH KHÔNG Ác GIỚI (Susĩlasutta), KINH NGHE NHIỀU (Bahussutasutta), KINH KHÔNG BIẾNG NHÁC (Ẅraddhavĩriyasutta), KINH KHÔNG THẤT NIỆM (Upafíhitassatisuttà)9 KINH NÃM

GIỚI (Paũcasĩlasuttà) (S IV. 244) 295-303. (Các đoạn này trái với đoạn 285-293 trước, như "không có hận? không tật đố? không xan tham, không tà dâm9 không ác giới, nghe nhiều, không biếng nhác, không thất niệm? giữ năm giới").

37. TƯƠNG ƯNG NỮ NHÂN 893

PHÀN BA

ni. PHẨM SỨC MẠNH (BALAVAGGAý

I. KINH KHÔNG sợ HÃI(yìsãradasuttd) (S. IV. 246) 304. Này các Tỷ-kheo, người đàn bà có năm sức mạnh này. Thế nào là năm? Sức mạnh sắc dẹp, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con, sức mạnh con trai, sức mạnh giới hạnh. Này các Tỷ-kheo5 người đàn bà có đầy đủ năm sức mạnh này. Đây đủ năm sức mạnh này, này các Tỷ-kheo? người đàn bà sông ở nhà không có sợ hãi. II. KINH ỨC CHẾ (Pasayhasuttd) (S IV. 246) 305. (Như kinh trên, chỉ khác đoạn kết luận: uĐầy đủ năm sức mạnh này5 này các Tỷ-kheo, người đàn bà sống ở nhà ức chế người ch8ng") III. KINH CHINH PHỤC (Abhibhuyyasuttà) (S. IV. 246) 306. (Như kinh trên? chỉ khác đoạn kết luận: 66Đầy đủ năm sức mạnh này, này các Tỷ-kheo? người đàn bà sống ở nhà tiếp tục (yattatĩ) chinh phục người ch8ng").

IV KINH MỘT (Ekasuttd) (5. IV. 246) y e r 307. Do đây đủ một sức mạnh này, này các Tỷ-kheo5 người đàn ông tiếp tục chinh phục người đàn bà. Thế nào là một sức mạnh? Sức mạnh của người làm chủ (issariyabală). Người đàn bà đã bị chinh Ị)hục bởi sức mạnh của người làm chủ5 này các Tỷ-kheo, thời sức mạnh nhan sắc không che chở được, sức mạnh tài sản không che chở được? sức mạnh bà con không che chở được? sức mạnh con trai không che chở được, sức mạnh giới hạnh không che chở được. V KINH Bộ PHẬN (Angasutta) (S IV. 247) 308. Này các Tỷ-kheo, người đàn bà có năm sức mạnh này: Sức mạnh nhan sắc5 sức mạnh tài sản9 sức mạnh bà con, sức mạnh con trai, sức mạnh giới hạnh. Người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, này các Tỷ-kheo, nhưng không có sức mạnh tài sản, như vậy người đàn bà ấy không đầy đủ bộ phận ay. Và này các Tỷ-kheo9 người đàn bà đẫy đủ sức mạnh nhan sắc và sức mạnh tài sản, như vậy người đàn bà đầy đủ bộ phận ấy.

4 Trong bản tiếng Anh của PTS, phẩm này không có tiêu đề.

894 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỨ

Này các Tỷ-kheo? người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc và sức mạnh tài sản nhưng không có sức mạnh bà con, như vậy người đàn bà ấy không đầy đủ bộ phận ây. Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà đây đủ sức mạnh nhan săc5 sức mạnh tài sản và sức mạnh bà con, như vậy người đàn bà ấy đày đủ bộ phận ấy. Và này các Tỷ-kheo9 người đàn bà đây đủ sức mạnh nhan săc5 sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con nhimg không có sức mạnh con trai, như vậy người đàn bà ấy không đầy đủ bộ phận ấy. Và này các Tỷ-kheo? người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con và sức mạnh con trai, như vậy người đàn bà ây đây đủ bộ phận ây. Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản? sức mạnh bà con, sức mạnh con trai nhưng không có sức mạnh giới hạnh, như vậy người đàn bà ấy không đầy đủ bộ

phận ấy. Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản9 sức mạnh con trai, sức mạnh bà con và sức mạnh giới hạnh, như vậy người đàn bà ấy đầy đủ bộ phận ấy. Này các Tỷ-kheo5 đây là năm sức mạnh của người đàn bà. VI. KINH ĐUỔI ĐI (Nãsentìsutta)5 (5. IV. 247) 309. Này các Tỷ-kheo, người đàn bà có năm sức mạnh này. Thế nào là năm? Sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con, sức mạnh con trai, sức mạnh giới hạnh. Này các Tỷ-kheo5 người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc nhưng không có sức mạnh giới hanh, thời họ đuổi người đàn bà ấy, không cho ở trong gia đình. Và này các Tỷ-kheo5 người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc và sức mạnh tài sản nhưng không có sức mạnh giới hạnh, thời họ đuổi người đàn bà ấy, không cho ở trong gia đình. Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con nhimg không có sức mạnh giới hạnh, thời họ đuổi người đàn bà ấy, không cho ở trong gia đình. Và này các Tỷ-kheo5 nêu người đàn bà đây đủ sức mạnh nhan săc, sức mạnh tài sản5 sức mạnh bà con, sức mạnh con trai nhtmg không có sức mạnh giới hạnh, thời họ đuổi người đàn bà ấy, không cho ở trong gia đình. Này các Tỷ-kheo? người đàn bà đầy đủ sức mạnh giới hạnh nhxmg không có sức mạnh nhan sắc, thời họ để người đàn bà ấy ở trong gia đình, không có đuổi đi. Và này các Tỷ-kheo5 người đàn bà có sức mạnh giới hạnh nhimg không có sức mạnh tài sản, thời họ để người đàn bà ấy ở trong gia đình, không có đuổi đi. Này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh giới hạnh nhimg không có sức mạnh bà con, thời họ để người đàn bà ấy ở trong gia đình5 không có đuổi đi. Này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh giới hạnh nhưng không có sức mạnh con trai, thời họ để người đàn bà ấy ở trong gia đình, không có đuổi đi. Này các Tỷ-kheo? đây là năm sức mạnh của người đàn bà.

5 Bản tiếng Anh của PTS: They Overthrow, nghĩa là Họ đuổi đi.

37. TƯƠNG ƯNG NỮ NHÂN 895

VII. KINH NHÂN (Hetusutta) (5. IV. 248) 310. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này của người đàn bà. Thế nào là năm? Sức mạnh nhan săc5 sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con, sức mạnh con trai, sức mạnh giới hạnh. Này các Tỷ-kheo, người đàn bà không do nhân nhan sắc, không do nhân tài sản? không do nhân bà con hay không do nhân con trai, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới. Này các Tỷ-kheo5 người đàn bà do nhân giới hạnh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới. Này các Tỷ-kheo5 đây là năm sức mạnh của người đàn bà. VIII. KINH Sự KIỆN (Thãnasutta) (S. IV. 249) 311. Này các Tỷ-kheo, có năm sự kiện này thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có thể thực hiện được. The nào là năm? "Mong rằng tôi được sanh trong một gia đình thích đáng (patirũpam)r Này các Tỷ-kheo5 đây là sự kiện thứ nhât? thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có the thực hiện được. "Mong răng sau khi được sanh vào một gia đình thích dáng, tôi được đi đến [làm vợ] một gia đình thích dáng!" Này các Tỷ- kheo, đây là sự kiện thứ hai, thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có thể thực hiện được. "Sau khi được sanh vào một gia đình thích dáng, sau khi được đi đến [làm vợ] một gia đình thích dáng, mong rằng tôi được song trong một gia đình không có người vợ địch thủ

(asapattí)r Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ ba, thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có thể thực hiện được. "Sau khi được sanh vào một gia đình thích đáng, sau khi được đi đến [làm vợ] một gia đình thích đáng, sau khi được sống trong một gia đình không có người vợ địch thủ? mong rằng tôi sẽ sanh được người con trai!" Này các Tỷ- kheo, đây là sự kiện thứ tư, thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có thể thực hiện được. “Sau khi được sanh vào một gia đình thích đáng, sau khi được đi đến [làm vợ] một gia đình thích dáng, sau khi được ở trong một gia đình không có người vợ địch thủ, sau khi sanh được người con trai, mong răng tôi chinh phục được người chôngNày các Tỷ-kheo5 đây là sự kiện thứ năm5 thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có thê thực hiện được. Này các Tỷ-kheo, năm sự kiện này? thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có thê thực hiện được. Có năm sự kiện, này các Tỵ-kheo, thật dễ cho người đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được. Thế nào là năm? "Mong rằng tôi được sanh vào một gia đình thích dáng!” Này các Tỷ-kheo5 đây là sự kiện thứ nhât, thật dê cho người đàn bà làm các công đức có thể thực hiện được. “Sau khi được sanh vào một gia đình thích đáng, mong rằng tôi được đi đên [làm vợ] một gia đình thích dáng!" Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ hai, thật dễ cho người đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được. "Sau khi được vào một gia đình thích dáng, sau khi được đi đến [làm vợ]

một gia đình thích đáng? mong răng tôi được sông trong một gia đình không có người vợ địch thủ!” Này các Tỷ-khep, đây là sự kiện thứ ba, thật dễ cho người đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được. “Sau khi được sanh vào một gia đình thích dáng, sau khi được đi đên [làm vợ] một gia đình thích dáng, sau khi được sống trong một gia đình không có người vợ địch thủ, mong rằng tôi được sanh con trai!" Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ tu, thật dê cho người đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được. uSau khi được sanh vào một gia đình thích đáng? sau khi được đi đến [làm vợ] một gia đình thích đáng, sau khi được ở trong một gia đình không có người vợ địch thủ, sau khi được sanh con trai, mong rằng tôi chinh phục được người chông!" Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ năm, thật dễ cho người đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được. Năm sự kiên này, này các Tỷ-kheo? thật dễ cho người đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được. IX. KINH NĂM GIỚI KHÔNG sợ HÃI ịPancasĩlavisãradasuttà)6 (S. IV 250) 312. Đây đủ năm pháp, này các Tỷ-kheo? người đàn bà sông ở trong nhà không sợ hãi. Thế nào là năm? Gìn giữ không đoạt sanh mạng? gìn giữ không lấy của không cho, gìn ệỉữ không có tà hạnh trong các dục, gìn giữ không có nói láo5 gìn giữ không có đăm say rượu men rượu nâu. Đầy đủ năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người đàn bà sống ở trong nhà không có sợ hãi. X. KINH TĂNG TRƯỞNG (Vaddhisuttd) (S IV. 250) 313. Được tăng trưởng với năm sự tăng trưởng, này các Tỷ-kheo, một nữ Thánh đệ tử được tăng trưởng trong Thánh tăng trưởng, nắm giữ được những lõi cây [căn bản5 tinh vi], nắm giữ được những tốt đẹp nhât về thân. Thế nào là năm? Tăng trưởng về lòng tin, tăng trưởng về giới hạnh, tăng trưởng về nghe nhiều (suíena), tăng trưởng về thí xả5 tăng trưởng về trí tuệ. Này các Tỷ-kheo? được tăng trưởng với năm sự tăng trưởng này, này các Tỷ-kheo? một nữ Thánh đệ tử được

tăng trưởng trong Thánh tăng trưởng, nắm giữ được những lõi cây [căn bản, tinh vi], nắm giữ được những điểm tốt đẹp nhất về thân. Đời này, ai tăng trưởng, Lòng tin và giới hạnh? Với trí tuệ5 thí xả5 Với nghe nhiều, cả hai; Vị nữ cư sĩ ấy, Với giới hạnh như vậy5 Nắm giữ được lõi cây, Cho tự mình ở đời.

6 Bản tiếng Anh của PTS: Confident, nghĩa là Tự tin.

38. TƯƠNG ƯNG JAMBUKHADAKA ỰAMBUKHẪDAKASAMYUTTA)

I. KINH CÂU HỎI VÈ NIẾT-BÀN (Nibbãnapanhãsuttd)1 (S. IV. 251) 314. Một thòi, Tôn giả Sãriputta trú ở giữa dân chúng Magadha (Ma-kiệt-đà)? làng Nãlaka.2 Rồi du sĩ Jambukhadaka đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sãriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Jambukhadaka nói với Tôn giả Sãriputta: "Niết-bàn, Niết-bàn", này Hiền giả Sãriputta, như vậy được nói đến. Này Hiền giả, thế nào là Niết-bàn? Này Hiền giả, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, đây gọi là Niết-bàn. Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến chứng đắc Niết-bàn? Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến chứng đắc Niết-bàn ấy. Này Hiền giả? con đường ấy là gì, đạo lộ ấy là gì đưa đến chứng đắc Niết-bàn? Này Hiền giả, đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến chứng đắc Niết-bàn ấy, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này Hiền giả? đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến chứng đắc Niết-bàn ấy. Này Hiền giả, hiền thiện (bhaddako) là con đường? hiền thiện là đạo lộ đưa đến chứng đắc Niết-bàn. Thật là vừa đủ5 này Hiền giả, để không phóng dật. II. KINH CÂU HỎI VÈ A-LA-HÁN (Arahattapanhãsutta)3 (5. IV. 252) 315. - 6CA-la-hán9 A-la-han^, này Hiền giả Sãriputta, được gọi là như vậy. Này Hiền giả, thế nào là A-la-hán? Này Hiền giả, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, đây gọi là A-la-hán.

1 Bản tiếng Anh của PTS: Nỉbbãna, nghĩa là Nỉết-bàn. 2 Làng Nãlaka ở Magadha, nơi sinh trưởng của Tôn giả Sãriputta. về sau Tôn giả về viên tịch ở đây. XemS. V. 161. 3 Bản tiếng Anh của PTS: Arahantshỉp, nghĩa là Quả vị A-la-hán.

Này Hiền giả5 có con đường nào? có đạo lộ nào đưa đến chứng đắc A-la-hán ấy? -Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến chứng đắc A-la-hán ấy. Này Hiên giả, con đường ây là gi, đạo lộ ây là gì đưa đên chứng đăc A-la-hán ấy? -Này Hiền giả5 đây là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiên... chánh định. Này Hiên giả, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đên chứng đắc A-la-hán ấy. -Này Hiền giả, hiền thiện là con đường, hiền thiện là đạo lộ đưa đến chứng đắc A-la-hán. Thật là vừa đủ? này Hiền giả, để không phóng dật. III. KINH CÂU HỎI VÈ VỊ THUYẾT PHÁP (Dhammavãdĩpanhãsutta)4 (S. IV. 252) 316. - Thưa Hiền giả, những ai là những vị thuyết thuận pháp ở đời? Những ai là những vị khéo thực hành ở đời? Những ai là những vị khéo đến ở đời? Này Hiền giả, những ai thuyết pháp để đoạn tận tham, những ai thuyết pháp để đoạn tận sân, những ai thuyết pháp để đoạn tận si; những vị ấy là những vị thuyết thuận pháp ở đời. Này Hiên giả, những ai thực hành đoạn tận

tham, thực hành đoạn tận sân, thực hành đoạn tận si; những vị ấy là những vị khéo thực hành ở đời. Những ai đoạn tận tham, căt đứt tận gôc rê, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những ai đoạn tận sân, cắt đứt tận gốc rễ5 làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những ai đoạn tận si, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la? làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những vị ấy là những vị khéo đến ở đời. -Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy? Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy. -Này Hiên giả, con đường ây là gi, đạo lộ ây là gì đưa đên đoạn tận tham, sân và si ấy? —Này Hiền giả, đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy, túc là chánh tri kiến... chánh định. Này Hiền giả5 đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy. -Này Hiền giả, hiền thiện là con đường, hiền thiện là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy. Thật là vừa đủ, này Hiền giả Sãriputta, để không phóng dật.

4 Bản tiếng Anh của PTS: Norm-Preacher, nghĩa là Vị thuyết Luật.

38. TƯƠNG ƯNG JAMBUKHADAKA 899

IV KINH TÌM CẦU GÌ? (Kimatthiyasutta)5 (S IV. 253) 317. - Với mục đích gì, này Hiền giả Sãriputta, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama? Này Hiền giả, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn với mục đích liễu tri khổ. Có con đường nào, có đạo lộ nào, này Hiền giả9 đưa đến liễu tri khổ ấy? Có con đường, có đạo lộ5 này Hiền giả, đưa đến liễu tri khổ ấy. -Con đường ấy là gì, đạo lộ ấy là gì? này Hiền giả, đưa đến liễu tri khổ ấy? —Đây là Thánh đạo tám ngành, này Hiên giả, tức là chánh tri kiên... chánh định. Đây là con đường, đây là đạo lộ, này Hiền giả9 đưa đến liễu tri khổ ấy. Này Hiền giả, hiền thiện là con đường, hiền thiện là đạo lộ đưa đến liễu tri khổ ấy. Thật là vừa đủ5 này Hiền giả, để không phóng dật. V. KINH ĐIỀU HÒA HƠI THỞ (Assũsappattasuttà) (5. IV. 254) 318. "Dạt đến điều hòa hơi thở, đạt đến điều hòa hơi thg", này Hiền giả Sãriputta, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, này Hiền giả, là đạt đến điều hòa hơi thở? —Này Hiền giả, khi nào Tỷ-kheo như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ9 cho đến như vậy là đạt được điều hòa hơi thở. Này Hiền giả, có con đường nào9 có đạo lộ nào đưa đến sự chứng đắc điều hòa hơi thở ấy? —Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến sự chứng đắc điều hòa hơi thở ây. -Này Hiền giả, con đường ấy là gi, đạo lộ ấy là gì đưa đến chứng đắc điều hòa hơi thở ấy? Này Hiền giả9 đây là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này Hiền giả, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến chứng đắc điều hòa hơi thở ấy. -Này Hiền giả, hiền thiện là con đường... VI. KINH ĐIỀU HÒA HƠI THỞ TỐI THƯỢNG (Paramassãsappattasutta) (5. IV. 254) 319. - "Đạt đến điều hòa hơi thở tối thượng, đạt đến điều hòa hơi thở tối thượng", này Hiền giả Sãriputta, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, này Hiền giả, là đạt đến điều hòa hơi thở tối thượng? Này Hiền gi Tỷ-kheo sau khi như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị

5 Bản tiếng Anh của PTS: What Is It? nghĩa là Có cải gì?

ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ, được giải thoát không có chấp thủ; cho đến như vậy, này Hiền giả? là sự chứng đắc điều hòa hơi thở tối thượng. Này Hiền giả? có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến chứng đắc điều hòa hơi thở tối thượng ấy? Này Hiền giả? có con đường, có đạo lộ đưa đến chứng đắc điều hòa hơi thở tối thượng ấy. Này Hiền giả, con đường ấy là gì... (như kinh 318 ở trên).

VII. KINH CÂU HỎI VỀ THỌ (Vedanãpanhũsuttd)678(5. IV. 255) 320. "Thọ, thQ", này Hiền giả Sãriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là thọ? Có ba thọ, này Hiền giả, lạc thọ? khổ thọ? bất khổ bất lạc thọ. Này Hiền giả, đây là những thọ này. Này Hiền giả, có con đường nào5 có đạo lộ nào đưa đến liễu tri những thọ ấy? Này Hiên gia, có con đường, có đạo lộ đưa đên liêu tri những thọ ây. -Này Hiền giả, con đường ấy là gì, đạo lộ ấy là gì đưa đến liễu tri những thọ ấy?... (như kinh trên với những thay đổi cần thiết). VIII. KINH CÂU HỎI VỀ LẬU HOẶC (�four;savapanhãsuttay (S IV. 256) 321. - a6Lậu hoặc, lậu hoặc"này Hiền giả Sãriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là lậu hoặc? Có ba lậu hoặc này, này Hiền giả5 dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Này Hiền giả, đây là ba lậu hoặc này. Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận các lậu hoặc ấy? Này Hiên giả, có con đườnệ5 có đạo lộ đưa đên đoạn tận các lậu hoặc ây... (như kinh trên với những thay đoi cần thiết). IX. KINH CÂU HỎI VỀ VÔ MINH (Avijjãpanhãsuttdỷ (S. IV. 256) 322. "V6 minh, vô minh", này Hiền giả Sãriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả? thế nào là vô minh? Này Hiền giả, không biết rõ đối với khổ5 không biết rõ đối với khổ tập khởi, không biết rõ đối với khổ đoạn diệt, không biết rõ đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, này Hiền giả9 đây gọi là vô minh. Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận vô minh ấy?

6 Bản tiếng Anh của PTS: Feeling, nghĩa là Thọ. 7 Bản tiếng Anh của PTS: Ẫsava, nghĩa là Lậu hoặc. 8 Bản tiếng Anh của PTS: Ignorance, nghĩa là Vô minh.

Này Hiền giả5 có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận vô minh ấy? ... (như kinh trên với những thay đổi cần thiết). X. KINH CÂU HỎI VỀ KHÁT ÁI (Tanhãpanhãsutta)910 (S. IV. 257) 12 11 323. "Ipiát ái, khát ái9\ này Hiền giả Sãriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả? thế nào là khát ái? Có ba ái này? này Hiền giả, dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Này Hiền giả, đây là ba khát ái này. Này Hiền giả? có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận các khát ái ấy? Này Hiền giả, có con duờng, có đạo lộ đưa đến đoạn tận các khát ái ấy... (như kinh trên với những thay đôi cần thiết). XI. KINH CÂU HỎI VỀ BỘC LƯU (Pghapanhãsuttd)^ (5. IV. 257) 324. UBỘC lưu? bộc lưu", này Hiền giả Sãriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền gia, thế nào là bộc lưu? Có bôn bộc lira này, này Hiên giả, dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiên bộc lưu, vô minh bộc lưu. Này Hiền giả, có bốn bộc lưu này. -Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận các bộc lưu ấy? Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận các bộc lưu ấy... (như kinh trên với những thay đôi cần thiết).

XIL KINH CÂU HỎI VỀ CHẤP THỦ (Upãdãnapanhãsutta)n (S IV. 258) 325. “Thiỉ, thỉT, này Hiền giả Sãriputta, được gọi là như vậy. Này Hiền giả5 thế nào là thủ? Có bốn thủ này, này Hiền giả? dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ. Này Hiền giả, đây là bốn thủ này. Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận bốn thủ ấy? Này Hiền giả? có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận bốn thủ ấy... (như kinh trên với những thay đổi cần thiết). XIII. KINH CÂU HỎI VỀ HỮU (Bhavapanhãsutta)n(y IV. 258) 326. "Hữu, hữu”, này Hiền giả Sãriputta, như vậy được nói đến. Này Hiền giả, thế nào là hữu? Có ba hữu này, này Hiền giả5 dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Này Hiền giả, đây là ba hữu này.

9 Bản tiếng Anh của PTS: Craving, nghĩa là Khát ái. 10 Bản tiếng Anh của PTS: Flood, nghĩa là Bộc lưu. 11 Bản tiếng Anh của PTS: Grasping, nghĩa là Chấp thủ. 12 Bản tiếng Anh của PTS: Becoming, nghĩa là Hữu.

Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận các hữu ấy? Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận các hữu ấy... (như kinh trên với những thay đổi cần thiết). XIV. KINH CÂU HỎI VỀ KHỔ (Dukkhapanhãsutta)u (S. IV. 259) 327. "Khổ, kh6”, này Hiền giả Sãriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả5 thế nào là khổ? Có ba khổ tánh (dukkhatã) này, này Hiền giả, khổ khổ tánh, hành khổ tánh, hoại khổ tánh. Này Hiền giả, đây là ba khổ tánh này. Này Hiên giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đên liêu tri các khô tánh ấy? Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến liễu tri các khổ tánh ấy... (như kinh trên với những thay đổi cần thiết). XV. KINH CÂU HỎI VỀ CÓ THÂN (Sakkãyapanhãsuttă)^ (5. IV. 259) 328. "C6 thân, có thân”này Hiền giả Sãriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả? thế nào là có thân? -Năm uẩn này, này Hiền giả, được Thế Tôn gọi là có thân: sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Này Hiền giả, những thủ uẩn này được Thế Tôn gọi là có thân. -Này Hiên giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đên liêu tri có thân ây? Này Hiền giả5 có con đường, có đạo lộ đưa đến liễu tri có thân ấy... (như kinh trên với những thay đổi cần thiết). XVI. KINH CÂU HỎI VỀ KHÓ LÀM (Dukkarapanhãsutta)13 15 (5. IV. 260) 14 329. Này Hiền giả Săriputta, trong Pháp, Luật này, cái gì là khó làm? —Xuât gia, này Hiên giả5 là điêu khó làm trong Pháp, Luật này. Đối với người đã xuất gia, này Hiền giả, cái gì là khó làm? -Đối với người đã xuất gia, này Hiền giả, hoan hỷ (abhỉratĩ) là điều khó làm. —Này Hiền giả, đối với người đã hoan hỷ5 cái gì là khó làm? Này Hiền giả, đối với người đã hoan hy, điều khó làm là sự thực hành đúng pháp và tùy pháp. —Có lâu không, này Hiền giả, một người đã thực hành đúng pháp và tùy pháp có thể thành vị A-la-hán? -Không lâu, này Hiền giả.

13 Bản tiếng Anh của PTS: Suffering, nghĩa là Khổ. 14 Bản tiếng Anh của PTS: The Person-pack, nghĩa là Có thân. 15 Bản tiếng Anh của PTS: Hard to Do, nghĩa là Khó làm.

39. TƯỢNG ƯNG SAMANDAKA (SAMANDAKASAMYUTTA)

I. KINH SAMANDAKA (Samandakasuttay (S. IV. 261) 330. Một thời, Tôn giả Sãriputta ở giữa dân chúng Vạjjĩ9 trên bờ sông Hằng, tại Ukkacelã. Rồi du sĩ Sãmandaka đi đến Tôn

giả Sāriputta; sau khi đến5 nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm5 sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Sāmandaka thưa với Tôn giả Sāriputta: “Niết-pàn, Niết-bàn,55 này Hiền giả Sāriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là Niết-bàn?... (như các kinh của chương IV chỉ thay thế "dạo lộ tám ngành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn")

II. KINH KHÓ LÀM (Dukkarasutta) (5. IV. 262) 331. (Như chương IV, kinh 329).

1 Bản tiếng Anh của PTS: Nỉbbāna, nghĩa là Nỉết-bàn.

40. TƯƠNG ƯNG MOGGALLĀNA (MOGGALLĀNASAMYUTTA)

I. KINH CÂU HỎI VỀ THIỀN THỨ NHẤT (PaỊhamạịhānapanhāsuttà)1 (S. IV. 262) 332. Một thòi, Tôn giả Mahāmoggallāna trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapindika. Ở dấy, Tôn giả Mahāmoggallāna gọi các Tỷ-kheo: - Này chư Hiền Tỷ-kheo! -Thưa Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahāmoggallāna. Tôn giả Mahāmoggallāna nói như sau: Ở dây, này chư Hiền, trong khi tôi độc cư thiền tịnh? tâm tưởng tư duy như sau được khởi lên nơi tôi: 'Thiền thứ nhất, Thiền thứ nhất", được gọi là như vậy. Thế nào là Thiền thứ nhất? Này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: UỞ đây, Tỷ-kheo ly đục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Đây gọi là Thiền thứ nhất.” Rồi này chư Hiền, tôi ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này chư Hiền, khi tôi trú với an trú này, các tưởng câu hữu với dục (kāma) được tác ý và hiện hành (samudācaranti). Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói: "Này Moggallāna, này Moggallāna, chớ có phóng dật Thiên thứ nhât. Này Bà-la- môn, hãy đặt tâm vào Thiền thứ nhất! Hãy nhất tâm vào Thiền thứ nhất! Hãy định tâm vào Thiền thứ nhất!” Rôi này chư Hiên, trong một thời gian khác, tôi chứng và trú Thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này chư Hiền, nếu ai nói một cách chơn chánh: đệ tử được bậc Đạo sư hỗ trợ? chứng được đại thắng trí", người ấy sẽ nói về tôi như sau: "Mahāmoggallāna là người đệ tử được bậc Đạo sư hỗ trợ, chứng được đại thắng trí.”

1 Bản tiếng Anh của PTS: Together with Thought Directed, nghĩa ỉà Với tầm.

II. KINH CÂU HỎI VỀ THIỀN THỨ HAI (DutiyajhānapaiihāsuttdÝ (S. IV. 263) 333. "Thiền thứ hai, Thiền thứ hai", được nói đến như vậy. Thế nào là Thiền thứ hai? Và này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "d đây5 Tỷ-kheo làm cho tịnh chỉ các tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Đây gọi là Thiền thứ hai." Rồi này chư Hiền, tôi làm cho tịnh chỉ các tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Này chư Hiền, khi tôi trú với an trú này, các tưởng câu hữu với tầm được tác ý và hiện hành. Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói: "Này Moggallāna, này Moggallāna, chớ có phóng dật Thiền thứ hai. Này Bà-la-môn5 hãy đặt tâm vào Thiền thứ hai! Hãy nhất tâm vào Thiền thứ hai! Hãy định tâm vào Thiền thứ hai!" Rồi này chư Hiền, trong một thời gian khác, tôi chứng và trú

Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhất tâm... (như kinh trên). III. KINH CÂU HỎI VỀ THIỀN THỨ BA (TatiyajhãnapanhãsuttaÝ (S IV. 264) 334. "Thiền thứ ba, Thiền thứ ba", như vậy được nói đến. Như thế nào là Thiền thứ ba? Rồi này chư Hiền5 tôi suy nghĩ như sau: "d dây, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả5 chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Đây gọi là Thiền thứ ba.” Rồi này chư Hiền, tôi ly hỷ trú xả5 chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc _ e \ : thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiên thứ ba. Này chư Hiền, khi tôi trú với an trú này5 các tưởng câu hữu với hỷ được tác ý và hiện hành. Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói như sau: “Này Moggallãna, này Moggallãna, chớ có phóng dật Thiên thứ ba! Này Bà-la-môn5 hãy đặt tâm vào Thiền thứ ba! Hãy nhất tâm vào Thiền thứ ba! Hãy định tâm vào Thiền thứ ba!” Rồi này chư Hiền, trong một thời gian khác, tôi ly hỷ trú xả9 chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba... (như kinh trên).*

2 Bản tiếng Anh của PTS: Without Directed Thought, nghĩa là Không tầm. 3 Bản tiếng Anh của PTS: By Happiness, nghĩa là Với lạc.

IV KINH CÂU HỎI VÈ THIỀN THỨ Tư (Catutthạihãnapanhãsutta)4 (S IV. 265) 335. "Thiền thứ tư, Thiền thứ tư”, như vậy được nói đến. Như thế nào là Thiền thứ tư? Này chư Hiền, rồi tôi suy nghĩ như sau: 66Ở dây, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc5 xả niệm thanh tịnh. Đây gọi là Thiền thứ tư.” Rồi này chư Hiền, tôi xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này chư Hiền, khi tôi trú với an trú này, các tưởng câu hữu với lạc được tác ý và hiện hành. Rồi này chư Hiền? Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói: “Này Moggallâna, này Moggallãna, chớ có phóng dật Thiền thứ tư. Này Bà-la-môn? hãy đặt tâm vào Thiền thứ tư! Hãy nhất tâm vào Thiền thứ tư! Hãy định tâm vào Thiền thứ tư!" Rồi này chư Hiền, trong một thời gian khác, tôi xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiên thứ tư, không khô không lạc, xả niệm thanh tịnh... (như kinh trên). V. KINH CÂU HỎI VÈ KHÔNG VÔ BIÊN xứ (Ẵkãsãnancãyatanapanhãsutta)5 (S IV. 266) 336. "Không vô biên xứ, Không vô biên xứ", như vậy được nói đến. Thế nào là Không vô biên xứ? Này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "d đây, Tỷ-kheo vượt qua sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt đối ngại tưởng, không tác ý sai biệt tưởng, biết rằng 'hư không là vô biên\ chứng và trú Không vô biên xứ. Đây gọi là Không vô biên xứ." Rôi này chư Hiên, đoạn tận săc tưởng một cách hoàn toàn, châm dứt đôi ngại tưởng, không tác ý sai biệt tưởng, tôi biết rằng "hu không là vô biên,\ chứng và trú Không vô biên xứ. Này chư Hiền, khi tôi trú với an trú này, các tưởng câu hữu với sắc được tác ý và hiện hành. Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói như sau: uNày Moggallãna, này Moggallãna, chớ có phóng dật Không vô biên xứ. Này Bà-la- môn? hãy đặt tâm vào Không vô biên xứ! Hãy nhất tâm vào Không vô biên xứ! Hãy định tâm vào Không vô biên xứ!" Rồi này chư Hiền, trong một thời gian khác5 vượt qua sắc tưởng một cách

hoàn toàn, chấm dứt đối ngại tưởng, không tác ý sai biệt tưởng, tôi biết rằng “hu không là vô biên,\ chứng và trú Không vô biên xứ... (như kinh trên).

4 Bản tiếng Anh của PTS: Balanced, nghĩa là Xả. 5 Bản tiếng Anh của PTS: Space, nghĩa là Hư không.

VL KINH CÂU HỎI VÈ THỨC VÔ BIÊN xứ (Vìnnãnancãyatanapanhãsuttdý (S. IV. 266) 337. “Thức vô biên xứ5 Thức vô biên xứ9\ như vậy được nói đến. Thế nào là Thức vô biên xứ? Này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "d dây, Tỷ-kheo vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: 'Thức là vô biên\ chứng và trú Thức vô biên xứ. Đây gọi là Thức vô biên xứ.” Rồi này chư Hiền, vượt qua Không vô biên xứ, tôi biết rằng: "Thức là vô biên9\ chứng và trú Thức vô biên xứ. Này chư Hiền, khi tôi trú với an trú này, các tưởng câu hữu với Không vô biên xứ được tác ý và hiện hành. Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói như sau: uNày Moggallãna, này Moggallãna, chớ có phóng dật Thức vô biên xứ. Này Bà-la- môn? hãy đặt tâm vào Thức vô biên xứ! Hãy nhất tâm vào Thức vô biên xứ! Hãy định tâm vào Thức vô biên xứ!” Rồi này chư Hiền, sau một thời gian, tôi vượt qua Không vô biên xứ? biết rằng: "Thức là vô biên9\ chứng và trú Thức vô biên xứ... (như kinh trên). VIL KINH CÂU HỎI VÈ VÔ SỞ HỮU xứ (Ẫkincannũyatanapanhãsutta) 1 (5. IV. 267) 338. "V6 sở hữu xứ, Vô sở hữu xứ”, như vậy được nói đến. Thế nào là Vô sở hữu xứ? Này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: UỞ dây, Tỷ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: 'Không có vật gì\ chứng và trú Vô sở hữu xứ. Đây gọi là Vô sở hữu xứ.” Rồi này chư Hiền, sau khi vượt qua Thức vô biên xứ, tôi biết rằng: uKhông có vật gi”chứng và trú Vô sở hữu xứ.
Này chư Hiền, khi tôi trú với an trú này? các tưởng câu hữu với Thức vô biên xứ được tác ý và hiện hành. Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói như sau: “Này Moggallãna, này Moggallãna, chớ có phóng dật Vô sở hữu xứ. Này Bà-la-môn, hãy đặt tâm vào Vô sở hữu xứ! Hãy nhất tâm vào Vô sở hữu xứ! Hãy định tâm vào Vô sở hữu xứ!99 Rồi này chư Hiền, sau một thời gian, vượt qua Thức vô biên xứ, tôi biết rằng: uKhông có vật gi”, chứng và trú Vô sở hữu xứ... (như kinh trên). VIII. KINH CÂU HỎI VỀ PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG xứ (Nevasannãnãsannãyatanapanhãsuttà)^ (S. IV. 268) 339. "Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ", như vậy được nói đến. Thế nào là Phi tưởng phi phi tưởng xứ?678

6 Bản tiếng Anh của PTS: Consciousness, nghĩa là Thức. 7 Bản tiếng Anh của PTS: Nothingness, nghĩa là Vô sở hữu xứ. 8 Bản tiếng Anh của PTS: Neither Perceiving Nor Non Perceiving, nghĩa là Phỉ tưởng phỉ phỉ tưởng.

Rồi này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: “d đây, Tỷ-kheo vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đây gọi là Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Rồi này chư Hiền, tôi vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn5 chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Này chư Hiền, khi tôi trú với an trú này, các tưởng câu hữu với Vô sở hữu xứ được tác ý và hiện hành. Rồi này chư Hiền? Thế Tôn với thần

thông đi đến tôi và nói như sau: "Này Moggallãna, này Moggallãna, chớ có phóng dật Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Này Bà-la-môn? hãy đặt tâm vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ! Hãy nhất tâm vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ! Hãy định tâm vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ!" Rồi này chư Hiền, sau một thời gian, tôi vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ... (như kinh trên). IX. KINH CÂU HỎI VỀ VÔ TƯỚNG (Anỉmittapanhãsuttảỷ (S. IV. 268) 340. "V6 tướng tâm định, vô tướng tâm định,9 (animitto cetosamãdhỉ). như vậy được nói đến. Thế nào là vô tướng tâm định? Và này chư Hiền5 tôi suy nghĩ như sau: UỞ đây, Tỷ-kheo không tác ý tất cả tướng, chứng và trú vô tướng tâm định. Đây gọi là vô tướng tâm định.55 Rôi này chư Hiên, tôi không tác ý tât cả tướng, chứng và an trú vô tướng tâm định. Này chư Hiền, khi tôi trú với an trú này9 [tôi đạt được] thức tùy thuận tướng (nimỉttãnusãrỉ vifínãnam).ÌQ Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói như sau: 4CNày Moggallãna, này Moggallãna, chớ có phóng dật vô tướng tâm định! Này Bà-la-môn, hãy đặt tâm vào vô tướng tâm định! Hãy nhất tâm vào vô tướng tâm định! Hãy định tâm vào vô tướng tâm djnh!" Rồi này chư Hiền, sau một thời gian, tôi không tác ý tất cả tướng, chứng và trú vô tướng tâm định. Này chư Hiên, nêu ai có nói một cách chơn chánh: uVị đệ tử được bậc Đạo sư hỗ trợ, chứng được đại thắng trí", người ấy sẽ nói về tôi như sau: "Moggallãna là người đệ tử được bậc Đạo sư hỗ trợ, chứng được đại thắng trí."

X. KINH SAKKA (Sakkasutta) (5. IV. 269) 341. Một thòi, Tôn giả Mahãmoggallãna trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anãthapindika. Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna, như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, như vậy biến mất ở Jetavana và hiện ra trước mặt chư thiên ở Tãvatimsa (Tam Thập Tam). Rồi Thiên chủ Sakka (Đế-thích) cùng với năm trăm thiên nhơn đi đến

9 Bản tiếng Anh của PTS: The Unconditioned, nghĩa là Vô tướng. 10 Nỉmỉttãnusãrỉ vinnãnarn: Thức còn bị tham, sân, si làm ô nhiễm. Xem SnA. II. 343.

Tôn giả Mahãmoggallãna; sau khi dến, đảnh lễ Tôn giả Mahãmoggallãna rồi đứng một bên. Tôn giả Mahãmoggallãna nói với Thiên chủ Sakka đang đứng một bên: -Lành thay, này Thiên chủ, là quy y Phật; do nhân quy y Phật5 này Thiên chủ5 ở đây5 một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú9 thiên giới. Lành thay, này Thiên chủ? là quy y Pháp; do nhân quy y Pháp, này Thiên chủ? ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới. Lành thay, này Thiên chủ, là quy y chúng Tăng; do nhân quy y chúng Tăng? này Thiên chủ, như vậy ở dây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú5 thiên giới. Lành thay, này Hiên giả Moggallãna, là quy y Phật; do nhân quy y Phật5 này Hiền giả Moggallãna, ở dây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới. Lành thay, này Hiền giả Moggallãna, là quy y Pháp... này Hiền giả Moggallãna, là quy y chúng Tăng; do nhân quy y chúng Tăng, thưa Hiền giả Moggallãna, như vậy ở đây? một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới. Thiên chủ Sakka với sáu trăm thiên nhơn... Thiên chủ

Sakka với bảy trăm thiên nhơn... Thiên chủ Sakka với tám trăm thiên nhơn... Thiên chủ Sakka với tám ngàn thiên nhơn... (như kinh trên với những thay đổi cần thiết). Rôi Thiên chủ Sakka với năm trăm thiên nhơn đi đên Tôn giả Mahãmoggallãna; sau khi đên5 đảnh lê Tôn giả Moggallăna rôi đứng một bên. Tôn giả Mahãmoggallãna nói với Thiên chủ Sakka đang đứng một bên: Lành thay, này Thiên chủ, là đầy đủ lòng tin bất động (aveccappasădă) đối với đức Phật: Đây là Thế Tôn, bậc ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu? Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Tôn; do nhân đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật, này Thiên chủ, như vậy ở đây9 một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới. Lành thay, này Thiên chủ, là lòng tin bất động đối với Pháp: Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời5 đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu; do nhân đầy đủ lòng tin bất động như vậy đối với Pháp, này Thiên chủ, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới. Lành thay, này Thiên chủ? là đầy đủ lòng tin bất động đối với chúng Tăng: Tế hạnh là chúng đệ tử của Thế Ton? Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Thanh tịnh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn; tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính,

đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chăp tay, là phước điên vô thượng ở đời; do nhân đầy đủ lòng tin bất động đối với chúng Tăng? này Thiên chủ, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới. Lành thay, này Thiên chủ, 1 đầy đủ hoàn toàn các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hủy5 không bị phá hoại, không bị lấm tấm, không bị ô nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị ô nhiễm [bởi tham và si], đưa đến thiền định; do nhân đầy đủ các giới được các bậc Thánh ái kính, này Thiên chủ, như vậy ở đây5 một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú9 thiên giới. Lành thay, thưa Hiền giả Moggallãna, là đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật: Đây là Thế Tôn5 bậc ứng Cúng? Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Tôn; do nhân đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật, thưa Hiên giả Moggallãna, như vậy ở dây, một sô chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú5 thiên giới. Lành thay, này Hiền giả Moggallãna, là đầy đủ lòng tin bất động đối với Pháp: Đây là Pháp được Thế Tôn khéo giảng... được người có trí tự mình giác hiểu; do nhân đầy đủ lòng tin bất động đối với Pháp5 thưa Hiền giả Moggallãna, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú5 thiên giới. Lành thay, thưa Hiền giả Moggallãna, là đầy đủ lòng tin bất động đối với chúng Tăng: Te hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn... là vô thượng phước điền ở đời; do nhân đầy đủ lòng tin bất động đối với chúng đệ tử của Thế Tôn, thưa Hiên giả Moggallãna, như vậy ở đây, một sô chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú9 thiên giới. Lành thay, thưa Hiên giả Moggallãna, là đây đủ các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hủy... đưa đên thiên định; do nhân đây đủ các giới được các bậc Thánh ái

kính, thưa Hiền giả Moggallãna, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới. Rồi Thiên chủ Sakka với sáu trăm thiên nhơn... Rồi Thiên chủ Sakka với bảy trăm thiên nhơn... Rồi Thiên chủ Sakka với tám trăm thiên nhơn... Rồi Thiên chủ Sakka với tám ngàn thiên nhơn đi đến Tôn giả Mahãmoggallãna; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahãmoggallãna rồi đứng một bên. Tôn giả Mahãmoggallãna nói với Thiên chủ Sakka đang đứng một bên: Lành thay, này Thiên chủ, là đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật: Đây là Thế Tôn, bậc ứng Cúng, Chánh Biến Tri... được sanh lên thiện thú, thiên giới.

Lành thay, thưa Hiên giả Moggallãna, là đây đủ lòng tin bất động đôi với đức Phật... được sanh lên thiện thú, thiên giới. Rồi Thiên chủ Sakka cùng với năm trăm thiên nhơn đi đến Tôn giả Mahãmoggallãna... Tôn giả Mahãmoggallãna nói với Thiên chủ Sakka đang đứng một bên: Lành thay, này Thiên chủ? là quy y Phật; do nhân quy y Phật, này Thiên chủ, như vậy ở dây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới. Họ có được mười pháp hơn chư thiên khác: Thiên thọ mạng, thiên dung sắc, thiên an lạc, thiên danh dự, thiên địa vị, thiên sắc? thiên thanh, thiên hương? thiên vị? thiên xúc. Lành thay, này Thiên chủ, là sự quy y Pháp; do nhân quy y Pháp, này Thiên chủ, như vậy ở dây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới. Họ có được mười pháp lợi hơn các chư thiên khác: Thiên thọ mạng... thiên xúc. Lành thay, này Thiên chủ, là quy y Tăng; do nhân quy y Tăng, này Thiên chủ, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới. Họ có được mười pháp lợi hơn các chư thiên khác: Thiên thọ mạng... thiên xúc. Lành thay, thưa Hiền giả Moggallãna, là quy y Phật... thiên xúc... (như kinh trên). Rồi Thiên chủ Sakka với sáu trăm thiên nhơn... Rồi Thiên chủ Sakka với bảy trăm thiên nhơn... Rồi Thiên chủ Sakka với tám trăm thiên nhơn... Rồi Thiên chủ Sakka với tám ngàn thiên nhơn... Rồi lliiên chủ Sakka với năm trăm thiên nhơn đi đến Tôn giả Mahãmoggallãna; sau khi đến5 đảnh lễ Tôn giả Mahãmoggallãna rồi đứng một bên. Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna nói với Thiên chủ Sakka đang đứng một bên: Lành thay, này Thiên chủ, là đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật: Đây là Thế Tôn? bậc ứng Cling, Chánh Biến Tri... Thế Tôn; do nhân đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật, như vậy ở dây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới. Họ có được mười pháp lợi hơn các chư thiên khác: Thiên thọ mạng... thiên xúc. Lành thay, này Thiên chủ, là đầy đủ lòng tin bất động đối với Pháp... lòng tin bất động đối với chúng Tăng... là đầy đủ các giới được bậc Thánh ái kính... thiên xúc. Lành thay, thưa Hiền giả Moggallãna, là đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật... thiên xúc. ' Rồi Thiên chủ Sakka với sáu trăm thiên nhơn... Rồi Thiên chủ Sakka với bảy trăm thiên nhơn... Rồi Thiên chủ Sakka với tám trăm thiên nhơn... Rồi Thiên chủ Sakka với tám ngàn thiên nhơn... thiên xúc.

XI. KINH CANDANA (Candanasuttà) (5. IV. 280)

342. Rồi Thiên tử Candana...

Rồi Thiên tử Suyãma...
Rồi Thiên tử Santusita...
Rồi Thiên chủ Sunimmita...
Rồi Thiên tử Vàsavatti... (như kinh trên).
4L TƯƠNG ƯNG CITTA (CITTASAMYUTTA)

I. KINH KIẾT SỬ (Samyojanasutta) (5. IV. 281) 343. Một thời, một số đông Tỷ-kheo trưởng lão trú ở Macchikãsanda, tại rừng Ambãtaka. Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo trưởng lão5 sau bữa ăn đi khất thực, trở về5 ngồi tụ họp tại ngôi nhà trim, và giữa những vị này, câu chuyện sau đây được khởi lên: —Này chư Hiên, kiêt sử hay các pháp bị kiêt sử; các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ, hay đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ? Ở dây, một số Tỷ-kheo trưởng lão trả lời: Này chư Hiên, kiêt sử hay các pháp bị kiêt sử; các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ. Một số khác Tỷ-kheo trưởng lão trả lời: Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; những pháp này là đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ. Lúc bấy giờ? cư sĩ Citta đi đến Miẹapathaka để làm một số công việc phải làm. Cư sĩ Citta được nghe có một sô đông Tỷ-kheo trưởng lão, sau bữa ăn đi khât thực, trở vê, ngôi tụ họp tại ngôi nhà tròn, và giữa những vị này, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Này chư Hiên, kiêt sử hay các pháp bị kiết sử; các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ, hay đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ?" Một số Tỷ-kheo trưởng lão trả lời: "Này chư Hiên, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; những pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ." Một số khác Tỷ-kheo trưởng lão trả lời: "Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiêt sử; những pháp này là đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ." Rồi cư sĩ Citta đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão ấy; sau khi đến, đảnh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuông một bên. Ngôi một bên, cư sĩ Citta thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão: Bạch chư Thượng tọa, [chúng con] được nghe có một sô đông Tỷ-kheo trưởng lão, sau bữa ăn đi khất thực, trở về, ngôi tụ họp tại ngôi nhà tròn, và giữa các vị này, khởi lên câu chuyện sau đây: "Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiêt sử; các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ, hay đông nghĩa, chỉ khác ngôn từ." Một số khác Tỷ-kheo trưởng lão trả lời: "Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; những pháp này đông nghĩa, chỉ khác ngôn từ."

CÓ vậy? này cư sĩ. Bạch chư Thượng tọa, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; các pháp này là khác nghĩa và cũng khác ngôn từ. Bạch chư Thượng tọa? con sẽ nói lên một ví dụ cho quý vị. Ở đây, một số người có trí nhờ ví dụ hiểu được ý nghĩa lời nói. Bạch chư Thượng tọa? ví như một con bò đực đen và con bò đực trắng được dính lại với nhau bởi một sợi dây hay một cái ách. Nếu có người nói: “Con bò đực đen là kiết sử của con bò đực trắng, và con bò đực trắng là kiết sử của con bò đực den”, nói như vậy có phải là nói một cách chơn chánh không? Thưa không, này cư sĩ. Này cư con bò đực đen không phải là kiết sử của con bò đực trắng, và con bò đực trắng cũng không phải là kiết sử của con bò đực đen. Do vì chúng bị dính bởi một sợi dây hay bởi một cái ch, ở đây chính cái ấy là kiết sử. Cũĩiệ vậy9 bạch chư Thượng tọa? con mắt không phải là trói buộc của các sắc, các săc không phải là trói buộc của con mắt. Và ở đây5 do duyên cả hai khởi lên dục tham gì5 dục tham ấy ở đây chính là trói buộc. Cái tai không phải là

trói buộc của các tiếng... Mũi không phải là trói buộc của các hương... Lưỡi không phải là trói buộc của các vị... Thân không phải là trói buộc của các xúc... Ý không phải là trói buộc của các pháp, các pháp cũng không phải là trói buộc của ý. Và ở dây, do duyên cả hai khởi lên dục tham gi, dục tham ấy ở đây chính là trói buộc. Lợi ích thay cho ông, này gia chủ! Khéo lợi ích thay cho ông, này cư sĩ! Vì rằng tuệ nhãn của ông tiếp tục (kamatí)1 lời dạy thâm sâu của đức Phật. II. KINH ISIDATTA THỨ NHẤT (PaỊhamaisidattasutta) (5. IV. 283) 344. Một thời, nhiều Tỷ-kheo trưởng lão trú ở Macchikãsanda, tại rừng Ambãtaka. Rồi cư sĩ Citta đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, đảnh lễ các Tỷ- kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên? cư sĩ Citta thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão: -Bạch chư Thượng tọa, mong rằng chư vị trưởng lão ngày mai nhận lời mời dùng bữa ăn của con. Các Tỷ-kheo trưởng lão im lặng nhận lời. Rồi cư sĩ Citta, sau khi biết các Tỷ-kheo trưởng lão đã nhận lời5 từ chỗ ngồi đứng dậy? đảnh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão, thân phía hữu hướng về các vị rồi ra đi. Các vị Tỷ-kheo trưởng lão, sau khi đêm ây đã mãn? vào buôi sáng, đăp y, câm y bát? đi đên trú xứ của cư sĩ Citta; sau khi đên9 ngôi xuông chô đã soạn sẵn.

I SA. III. 91: Kamatỉ = Vahatỉ, pavattati (du hành, tiếp tục, bước đi, tiến tới). Sn. 31: Dỉbbe pathe (bước đi).

41. TƯƠNG ƯNG CITTA 917

Cư sĩ Citta đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, đảnh lễ các Tỷ- kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, cư sĩ Citta thưa với Tôn giả Thera: Thưa Tôn giả Thera, Ế6giới sai biệt, giới sai biệt (dhãtunãnattaỴ^ được nói đến như vậy. Bạch Thượng tọa, cho đến như thế nào, Thế Tôn nói đến giới sai biệt? Khi được nghe nói vậy? Tôn giả Thera giữ im lặng. Lần thứ hai, cư sĩ Citta thưa với Tôn giả Thera: Thưa Tôn giả Thera, ugiới sai biệt, giới sai biệf\ được nói đến như vậy. Bạch Thượng tọa9 cho đến như thế nào, Thế Tôn nói đến giới sai biệt? Lần thứ hai, Tôn giả Thera giữ im lặng. Lần thứ ba, gia chủ Citta thưa với Tôn giả Thera: Thưa Tôn giả Thera, “giới sai biệt5 giới sai biệt5\ được nói đến như vậy. Bạch Thượng tọa, cho đến như thế nào, Thế Tôn nói đến giới sai biệt? Lần thứ ba, Tôn giả Thera giữ im lặng. Lúc bấy giờ? Tôn giả Isidatta là Tỷ-kheo tu mới nhất trong chúng Tỷ- kheo ấy. Rồi Tôn giả Isidatta thưa với Tôn giả Thera: Bạch Thượng tọa? con xin trả lời câu hỏi ấy của cư sĩ Citta. Này Isidatta, hãy trả lời câu hỏi ây của gia chủ Citta. Này gia chủ5 có phải ông hỏi: '"Giới sai biệt, giới sai biệt\ bạch Thượng tọa Thera, được nói đên như vậy. Cho đên như thê nào, bạch Thượng tọa9 Thê Tôn nói đến về giới sai biet" chăng? Thưa vâng, bạch Thượng tọa. Này gia chủ, Thế Tôn nói về giới sai biệt tánh như sau: "Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới... Ý giới, pháp giới, ý thức giới.” Cho đến như vậy? này cư si, The Ton nói ve giới sai biệt tánh. Gia chủ Citta, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Isidatta nói, tự tay làm cho thỏa mãn, tự tay cúng dường các Tỷ-kheo trưởng lão với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm. Các Tỷ-kheo trưởng lão, sau khi ăn xong, rời tay khỏi bát, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Tôn giả Thera nói với Tôn giả Isidatta: Lành thay, này Hiền giả Isidatta, câu hỏi này đã được ông trả lời. Câu hỏi này không được ta trả lời. Này Hiền giả Isidatta, trong dịp khác, nếu câu hỏi tương tự khởi lên, Hiền giả

hãy trả lời như vậy.2

2 Xem s. II. 140; IV. 113; KS. IV. 71 (kinh 129 ở trước).

III. KINH ISIDATTA THỨ HAI (Dutiyaisidattasuttd) (S. IV. 285) 345. Một thời, một số đông Tỷ-kheo trưởng lão trú ở Macchikãsanda, tại rừng Ambãtaka. Rồi gia chủ Citta đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến? đảnh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão rôi ngôi xuông một bên. Ngôi một bên5 gia chủ Citta thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão: Bạch chư Thượng tọa5 mong rằng chư vị trưởng lão ngày mai nhận lời mời dùng bữa ăn của con. Các Tỷ-kheo trưởng lão im lặng nhận lời. Rồi gia chủ Citta, sau khi biết các Tỷ-kheo trưởng lão đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy5 đảnh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão, thân phía hữu hướng về các vị ấy rồi ra đi. Các Tỷ-kheo trưởng lão ấy, sau khi đêm ấy đã mãn5 vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của gia chủ Citta; sau khi đến5 ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi gia chủ Citta đi đến Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, đảnh lễ các Tỷ- kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, gia chủ Citta bạch Tôn giả Thera: Bạch Thượng tọa Thera, có một số [tà] kiến này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn hay thế giới là không thường còn? Thế giới là hữu biên hay thế giới là vô biên? Sinh mạng và thân thể là một hay sinh mạng và thân thể là khác? Như Lai có tôn tại sau khi chêt hay Như Lai không tôn tại sau khi chêt? Như Lai có tôn tại và không tôn tại sau khi chêt hay Như Lai không tôn tại và không không tồn tại sau khi ch&t?" Lại có thêm sáu mươi hai tà kiến này được nói lên trong Kỉnh Phạm võng, Bạch Thượng tọa5 các tà kiến này do cái gì có mặt? chúng có mặt? Do cái gì không có mặt, chúng không có mặt? Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Thera im lặng. Lần thứ hai, gia chủ Citta... Lần thứ ba, gia chủ Citta bạch Tôn giả Thera: -Bạch Thượng tọa Thera, có một số [tà] kiến này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn hay thế giới là ỵÔ thường? Thế giới là hữu biên hay thế giới là vô biên? Sinh mạng và thân thể là một hay sinh mạng và thân thể là khác? Như Lai có tôn tại sau khi chêt hay Như Lai không tôn tại sau khi chêt? Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?" Lại có thêm sáu mươi hai tà kiến này được nói lên trong Kỉnh Phạm võng. Bạch Thượng tọa, các tà kiến này do cái gì có mặt, chúng có mặt? Do cái gì không có mặt, chúng không có mặt? Lần thứ ba, Tôn giả Thera giữ im lặng. Lúc bấy giờ, Tôn giả Isidatta là Tỷ-kheo mới tu nhất trong chúng Tỷ-kheo ấy.

Rồi Tôn giả Isidatta thưa với Tôn giả Thera: Bạch Thượng tọa, con xin trả lời câu hỏi ấy của gia chủ Citta. Này Isidatta, hãy trả lời câu hỏi ấy của gia chủ Citta. Này gia chủ5 có phải ông hỏi như sau: "Bạch Thượng tọa Thera, có một số [tà] kiến này khởi lên ở đời: 6Thế giới là thường còn..? Bạch Thượng tọa9 các tà kiến này do cái gì có mặt, chúng có mặt? Do cái gì không có mặt, chúng không có mặt" chăng? Thưa vâng, bạch Thượng tọa. Này gia chủ, một số [tà] kiến này khởi lên ở đời: “Thế giới là thường còn hay thế giới là không thường còn? Thế giới là hữu biên hay thế giới là vô biên? Sinh mạng và thân thể là một hay sinh mạng và thân thể là khác? Như Lai có tồn tại sau khi

chết hay Như Lai không tồn tại sau khi chết? Như Lai có tồn tại và không tôn tại sau khi chêt hay Như Lai không tôn tại và không không tôn tại sau khi chết?" Lại có thêm sáu mươi hai tà kiến này được nói lên trong Kỉnh Phạm võng. Này gia chủ, do thân kiến có mặt nên các tà kiến này có mặt5 do thân kiến không có mặt nên chúng không có mặt. Bạch Thượng tọa, như thê nào là thân kiên có mặt? Ở đây, này gia chủ, kẻ vô văn phàm phu không được thấy các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không được thấy các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân. Họ quán sắc như là tự ngã9 hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc; quán thọ như là tự ngã... tưởng... hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã5 hay tự ngã ở trong thức. Như vậy9 này gia chủ, là thân kiến có mặt. -Và như thế nào? bạch Thượng tọa5 là thân kiến không có mặt? Ở đây, này gia chủ5 vị đa văn Thánh đệ tử được thấy các bậc Thánh, thuần phục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh; được thấy các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân? tu tập pháp các bậc Chân nhân. Vị ấy không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc; không quán thọ... tưởng... hành... không quán thức như tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Như vậy, này gia chủ, là thân kiến không có mặt. - Bạch Thượng tọa, Tôn đức Isidatta từ đâu đến? Này gia chủ9 tôi từ Avanti3 đến. Bạch Thượng tọa5 tại Avanti, có một thiện nam tử tên Isidatta, một người bạn xa cách của chúng tôi5 đã xuất gia tu hành? Thưa phải, này gia chủ. 3 Avanti nằm về phía Bắc núi Vindhaya, trung tâm của học phái do Tôn giả Mahãkaccãna lãnh đạo. Xem BL 1.

Bạch Thượng tọa, hiện nay Tôn giả ấy ở đâu? Khi được nghe nói vậy? Tôn giả Isidatta im lặng. Bạch Thượng tọa, có phải Tôn đức là Isidatta chăng? Thưa phải, này gia chủ. -Vậy bạch Thượng tọa, Tôn đức Isidatta hãy thỏa thích ở tại Macchikãsanda. Khả ái là rừng Ambãtaka! Con sẽ hêt sức cô găng đê cúng dường Tôn đức Isidatta với các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Thật là lời nói chí thiện/ này gia chủ. Rồi gia chủ Citta hoan hỷ tín thọ lời nói của Tôn giả Isidatta, tự tay làm thỏa mãn? tự tay cúng dường các Tỷ-kheo trưởng lão với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm. Rồi các Tỷ-kheo trưởng lão, sau khi ăn xong, rời tay khỏi bát, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Tôn giả Thera nói với Tôn giả Isidatta: —Lành thay, này Hiền giả Isidatta, câu hỏi này đã được Hiền giả trả lời. Câu hỏi này không được ta trả lời. Này Hiền giả Isidatta, trong dịp khác, nếu câu hỏi tương tự khởi lên? Hiên giả hãy trả lời như vậy. IV. KINH THẦN THÔNG Lực MAHAKA ịMtthakapãtihãriyasuttà) (S IV. 288) 346. Một thời, một số đông các Tỷ-kheo trưởng lão trú tại Macchikãsanda, tại rừng Ambãtaka. Rồi gia chủ Citta đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, đảnh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão rôi ngôi xuông một bên. Ngôi một bên, gia chủ Citta thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão: Bạch chư Thượng tọa? mong rằng chư vị trưởng lão ngày mai nhận lời mời dùng bữa ăn của con. Các Tỷ-kheo trưởng lão im lặng nhận lời... (như kinh trên). Rồi gia chủ Citta tự tay làm cho thỏa mãn, tự tay cúng dường các Tỷ-kheo trưởng lão với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm. Các Tỷ-kheo trưởng lão sau

khi ăn xong, rời tay khỏi bát, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi gia chủ Citta, sau khi nói: "Hãy thâu lượm lại các đồ ăn dư tàn"liền đi theo sau lưng các Tỷ-kheo trưởng lão. LÚC bây giờ, trời nóng rât gay ẹăt45 và các Tỷ-kheo trưởng lão ây đi với thân như bị chảy thành nước6 vì các vị ây đã ăn bữa ăn đầy đủ.

4 Kalyãna vuccatỉ: Một cách từ chối tế nhị, thường là im lặng nhận lời. 5 SA. III. 93: Kuthỉtantỉ kudhỉtam, hetthã santattãya vãlỉkãya uparỉ ãtapena ca atỉtỉkhỉnantỉ attho (Kuthita: Nóng gay gắt; có nghĩa là trạng thái nóng bỏng, bên dươi thì cát nóng, bên trên thì ánh nắng mặt trời gay găty 6 Paveỉỉyamãnena. SA. III. 93: Patỉlỉyamãnena. Xem chú thích trong KS. I. 129.

41. TƯƠNG ƯNG CITTA 921

LÚC bấy giờ? Tôn giả Mahaka là vị mới tu nhất giữa chúng Tỷ-kheo ấy. Rồi Tôn giả Mahaka thưa với Tôn giả Thera: Lành thay, bạch Thượng tọa Thera, nếu có luồng gió mát thổi, có cơn giông nổi lên, có mưa từng hột xuống. Lành thay, này Hiên giả Mahaka, nêu có luông gió mát thôi, có cơn giông nổi lên? có mưa từng hột xuống. Rồi Tôn giả Mahaka thực hành thần thông khiến cho gió mát thổi, cơn giông nổi lên, có mưa từng hột xuống. Rồi cư sĩ Citta suy nghĩ như sau: 6íTỷ-kheo mới tu nhất trong chúng Tỷ"kheo này lại có được thần thông lực như vay." Rồi Tôn giả Mahaka, sau khi đến ngôi vườn (tinh xá)? liền nói với Tôn giả Thera: Bạch Thượng tọa Thera, như vậy là vừa rồi. Như vậy là vừa rồi? này Hiền giả Mahaka. Làm như vậy là vừa rồi, này Hiền giả Mahaka. Cúng dường như vậy là vừa rồi? này Hiền giả Mahaka. Rồi các Tỷ-kheo trưởng lão đi đến ngôi tinh xá? còn Tôn giả Mahaka đi đến tinh xá của mình. Rồi gia chủ Citta đi đến Tôn giả Mahaka; sau khi đến5 đảnh lễ Tôn giả Mahaka rôi ngôi xuông một bên. Ngôi một bên, gia chủ Citta nói Tôn giả Mahaka: Lành thay, bạch Thượng tọa, nếu Tôn đức Mahaka thị hiện cho con thấy Thượng nhân pháp thần thông. Vậy này gia chủ5 hãy trải thượng y trong hành lang và rải một bó cỏ. Thưa vâng, bạch Thượng tọa. Gia chủ Citta vâng đáp Tôn giả Mahaka, cho trải thượng y trong hành lang và rải một bó cỏ. Rồi Tôn giả Mahaka vào trong tinh xá? gài then cửa lại, thực hành thần thông lực khiến cho ngọn lửa phun ra từ lỗ ống khóa và giữa các khe cửa, đốt cháy cỏ nhimg không đốt cháy thượng y. Gia chủ Citta đập thượng y, hoảng hốt5 lông tóc dựng ngược, đứng một bên. Rồi Tôn giả Mahaka từ tinh xá đi ra và nói với gia chủ Citta: Thôi, như vậy là vừa rồi, này gia chủ. Thôi, như vậy là vừa rồi? thưa Thượng tọa Mahaka. Làm như vậy là vừa rồi, thưa Thượng tọa Mahaka. Cúng dường như vậy là vừa rồi, thưa Thượng tọa Mahaka. Bạch Thượng tọa? mong Tôn đức Mahaka hãy sống thoải mái ở tại Macchikãsanda. Khả ái là rừngAmbãtaka! Con sẽ cố gắng cúng dường cho Tôn giả Mahaka các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Thật là lời nói chí thiện, này gia chủ!

922 * KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỨ

Rồi Tôn giả Mahaka dọn dẹp sàng tọa5 cầm y bát, đi ra khỏi Macchikãsanda, và như vậy từ biệt Macchikãsanda không còn trở lui lại nữa.

V. KINH KÃMABHỦ THỨ NHẤT (PaỊhamakămabhũsutta) (5. IV. 291)

347. Một thời, Tôn giả Kãmabhũ trú ở Macchikãsanda, tại rừng Ambãtaka.
Rồi gia chủ Citta đi đến Tôn giả Kãmabhũ; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả
Kãmabhũ rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Kãmabhũ nói với gia chủ Citta đang ngồi một bên:
Này gia chủ, lời này được nói đến:
Bộ phận được tinh thuần,
Mái trân che màu trăng,
Chỉ có một bánh xe,
Cỗ xe liên tục chạy.
Hãy xem vị đang đến,
Không vi phạm lỗi lầm,
Chặt đứt được dòng nước,
Không còn bị trói buộc.
Này gia chủ, lời nói vắn tắt này, ý nghĩa phải được hiểu như thế nào một cách rộng rãi?
Bạch Thượng tọa5 có phải lời nói này được Thế Tôn nói đến?
Đúng vậy5 này gia chủ.
r
-Vậy hãy chờ một lát5 bạch Thượng tọa, con sẽ nghĩ đên ý nghĩa. Rồi cư sĩ Citta, sau khi im lặng một lát, thưa với Tôn giả Kãmabhũ: - "Bộ phận được tinh thuần,\ bạch Thượng tọa9 là đồng nghĩa với các giới luật. “Mái trần che màu trắng”bạch Thượng tọa, là đồng nghĩa với giải thoát. "Một bánh xe", bạch Thượng tọa? là đồng nghĩa với niệm. "Liên tục chạy”, bạch Thượng tọa, là đồng nghĩa với đi tới đi lui. "c6 xe", bạch Thượng tọa5 là đồng nghĩa với cái thân do bốn đại tạo thành này, do cha mẹ sanh ra, do cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, bị biến hoại, bị tiêu mòn, bị tiêu hủy? bị hủy diệt. Tham, bạch Thượng tọa5 là một lỗi lầm. Sân là một lỗi lầm. Si là một lỗi lầm. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, chúng được đoạn tận5 chặt đứt từ gốc rễ5 làm cho như thân cây Sa-la, không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc được gọi là không vi phạm lỗi lầm. đang dến", bạch Thượng tọa, là đồng nghĩa với vị A-la-hán. uDòng mróc”bạch Thượng tọa, là đồng nghĩa với khát ái, Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, khát ái ấy được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Tỷ- kheo đã đoạn tận các lậu hoặc được gọi là chặt đứt được dòng nước. Tham, bạch Thượng tọa5 là trói buộc. Sân là trói buộc. Si là trói buộc. Tỷ- kheo đoạn tận các lậu hoặc, chúng được đoạn tận, chặt đứt tận gốc rễ, làm cho

như thân cây Sa-la, không thê tái sanh, không thê sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc được gọi là không bị trói buộc. Như vậy, bạch Thượng tọa? lời nói này được Thế Tôn nói đến: Bộ phận được tinh thuân, Mái trân che màu trăng, Chỉ có một bánh xe, Cỗ xe liên tục chạy. Hãy xem vị đang dến, Không vi phạm lỗi lầm, Chặt đứt được dòng nước5 Không còn bị trói buộc. Bạch Thượng tọa, lời nói vắn

tắt này, ý nghĩa cần phải được hiểu rộng là như vậy. Lợi đắc thay cho ông5 này gia chủ! Khéo lợi đắc thay cho ông? này gia chủ! Vì rằng tuệ nhãn của ông tiếp tục lời dạy thâm sâu của đức Phật. VI. KINH KÃMABHŨ THỨ HAI (Dutiyakãmabhũsutta) (5. IV. 293) 348. Một thòi, Tôn giả Kãmabhũ trú tại Macchikãsanda, tại rừng Ambãtaka. Rồi gia chủ Citta đi đến Tôn giả Kãmabhũ; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Kãmabhũ, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, gia chủ Citta thưa Tôn giả Kãmabhũ: Bạch Thượng tọa5 có bao nhiêu hành tât cả? Này gia chủ có ba hành: Thân hành, khẩu hành và ý hành. Lành thay, bạch Thượng tọa. Gia chủ Citta hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Kãmabhũ nói5 rồi hỏi thêm Tôn giả Kãmabhũ một câu hỏi nữa: Bạch Thượng tọa, thế nào là thân hành? Thế nào là khẩu hành?\Thế nào làýhSù?

Hơi thở vô, hơi thở ra, này gia chủ9 là thân hành. Tầm và tứ là khẩu hành. Tưởng và thọ là ý hành. -Lành thay, bạch Thượng tọa. Gia chủ Citta hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Kãmabhũ nói, rồi hỏi thêm Tôn giả Kãmabhũ một câu hỏi nữa: Vì sao, bạch Thượng tọa5 thở vô thở ra là thân hành? Vì sao tầm và tứ là khẩu hành? Vì sao tưởng và thọ là ý hành? —Thở vô thở ra, này gia chủ, thuộc về thân. Các pháp này liên hệ đến thân; do vậy, thở vô thở ra là thân hành. Trước phải tầm cầu, tư sát, này gia chủ, sau mới phát lời nói; do vậy, tầm và tứ là khẩu hành. Tưởng và thọ thuộc về ý. Những pháp này liên hệ đến tâm; do vậy, tưởng và thọ là ý hành.

924 * KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỨ

Lành thay, bạch Thượng tọa. ... một câu hỏi nữa: Như thế nào, bạch Thượng tọa? là chứng Diệt thọ tưởng định? Này gia chủ? Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định không có nghĩ rằng: “T6i sẽ chứng đạt Diệt thọ tưởng định95, hay: “T6i đang chứng đạt Diệt thọ tưởng định,5? hay: “T6i đã chứng đạt Diệt thọ tưởng định.^ Do tâm vị ấy trước đã được tu tập như vậy, nên đưa đến thành tựu như thật như vậy.7 -Lành thay... ... một câu hỏi nữa: Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định, bạch Thượng tọa? những pháp nào được đoạn diệt trước, thân hành, hay khẩu hành, hay ý hành? Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định, này gia chủ9 khẩu hành được diệt trước, thứ đến thân hành, rồi đến ý hành. Lành thay... ... một câu hỏi nữa: Bạch Thượng tọa, người đã chết, đã mệnh chung, và Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định, giữa những người này có những sai khác gì? Đối với người đã chết, đã mệnh chung, này gia chủ, thân hành người ấy được đoạn diệt? được khinh an; khẩu hành được đoạn diệt, được khinh an; ý hành được đoạn diệt, được khinh an; thọ mạng được đoạn tận; sức nóng được tịnh chỉ; các căn bị hủy hoại. Còn Tỷ-kheo đã chứng đạt Diệt thọ tưởng định5 này gia chủ, thân hành được đoạn diệt, khinh an; khẩu hành được đoạn diệt, khinh an; ý hành được đoạn diet, khinh an; thọ mạng không bị đoạn tận; sức nóng không bị tịnh chỉ; các căn được trong sáng. Này gia chủ, người đã chết, đã mệnh chung và Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định, giữa những người này có những sai khác như vậy. -Lành thay... ... một câu hỏi nữa: Như thế nào5 bạch Thượng tọa, là ra khỏi Diệt thọ tưởng định? Này gia chủ, Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định không có suy nghĩ: “T6i sẽ ra khỏi Diệt thọ tưởng djnh", hay: "T6i đang ra khỏi Diệt thọ tưởng định,,? hay: “T6i đã ra khỏi Diệt thọ tưởng định/9 Do tâm vị ấy trước đã được tu tập như vậy, nên đưa đến thành tựu như

thật như vậy. Lành thay5 bạch Thượng tọa... ... một câu hỏi nữa: Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, bạch Thượng tọa5 pháp nào khởi lên trước, thân hành, khẩu hành, hay ý hành?

7 Tathattãya upanetĩ'. Thành tựu như thật, chỉ cho Niết-bàn. Xem s. V. 90; PC. 338, n. 1.

Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, này gia chủ? ý hành khởi lên trước, rồi đến thân hành, rồi đến khẩu hành. _ Lành thay, bạch Thượng tọa... ... một câu hỏi nữa: Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, bạch Thượng tọa? cảm thọ được bao nhiêu xúc? Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định cảm thọ được ba xúc: Không xúc, vô tướng xúc? vô nguyện xúc.8 Lành thay, bạch Thượng tọa. Gia chủ Citta hoan hỷ tín thọ... một câu hỏi nữa: Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, bạch Thượng tọa, tâm thiên về dâu, hướng về đâu, nghiêng về đâu? Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, này gia chủ, tâm vị ấy thiên về viễn ly, hướng về viễn ly, nghiêng về viễn ly. Lành thay, bạch Thượng tọa. Gia chủ Citta hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Kămabhũ nói rồi hỏi thêm câu hỏi nữa: Bạch Thượng tọa, có bao nhiêu pháp giúp đỡ nhiều cho sự chứng đắc Diệt thọ tưởng định? Thật sự, này gia chủ, điều gia chủ cần phải hỏi trước, gia chủ lại hỏi sau. Tuy vậy, ta sẽ trả lời cho gia chủ. Này gia chìì, có hai pháp giúp đỡ rất nhiều cho Diệt thọ tưởng định được chứng đắc. Đó là chỉ và quán.

VII. KINH GODATTA (Godattasutta) (5. IV. 295) 349. Một th&i, Tôn giả Godatta trú ở Macchikãsanda, tại rừng Ambãtaka. Rồi gia chủ Citta đi đến Tôn giả Godatta; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Godatta rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Godatta nói với gia chủ Citta đang ngồi một bên: Này gia chìỉ, Vô lượng tâm giải thoát, Vô sở hữu tâm giải thoát, Không tâm giải thoát,9 vô tướng tâm giải thoát, những pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ; hay đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ? Bạch Thượng tọa, có pháp môn? theo pháp môn ấy, các pháp này khác nghĩa, khác ngôn từ. Bạch Thượng tọa, cũng có pháp môn, theo pháp môn ấy, các pháp này đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ. Nhưng, bạch Thượng tọa, pháp môn nào, theo pháp môn ấy, các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ?

8 Sunnato phasso, animỉtto phasso, appanỉhỉto phasso. Xem BPE. 97ff. Vị ấy thanh tịnh hoàn toàn, không còn thạm, sân, si;, vượt thoát khoi ba tướng thường, lạc, ngã; và nhờ kinh nghiệm sự khổ, không còn tham muốn, duy nhất chú tâm hướng đến Niet-bàn. Chủ giai dựa vào Vìsm. 658. 9 Akincanna: Không có tư hữu hay tham ái.

Ở dây, bạch Thượng tọa5 Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ; cũng vậy. phương thứ hai; cũng vậy. phương thứ ba; cũng vậy, phương thứ tư. Như vậy5 cùng khắp thế giới, trên? dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới? vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận5 không sân. Với tâm câu hữu với bi... với tâm câu với hỷ... an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả; cũng vậy5 phương thứ hai; cũng vậy, phương thứ ba; cũng vậy5 phương thứ tư. Như vậy5 cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy

phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận9 không sân. Bạch Thượng tọa5 đây gọi là Vô lượng tâm giải thoát. Và bạch Thượng tọa9 như thế nào là Vô sở hữu tâm giải thoát? Ở đây5 Tỷ-kheo vượt lên Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Không có vật gi", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Bạch Thượng tọa5 đây gọi là Vô sở hữu tâm giải thoát. Và bạch Thưcmg tọa, thế nào là Không tâm giải thoát? Ở đây5 bạch Thượng tọa5 Tỷ-kheo đi đến rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống và suy tư: "Cái này là trống không tự ngã hay ngã sở hữu." Bạch Thượng tọa, đây gọi là Không tâm giải thoát. Và bạch Thượng tọa? thế nào là vô tướng tâm giải thoát? Ở đây, bạch Thượng tọa, Tỷ-kheo không tác ý tất cả tướng, chứng và trú vô tướng tâm định. Bạch Thượng tọa, đây gọi là vô tướng tâm giải thoát. Đây là pháp môn5 bạch Thượng tọa5 theo pháp môn ấy, các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ. Và bạch Thượng tọa5 pháp môn nào, theo pháp môn ây, các pháp này là đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ? Tham dục (răga) làm sự đo lường,10 sân làm sự đo lường, si làm sự đo lường. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, chúng bị đoạn tận5 bị cắt tận gốc rễ? bị làm như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Bạch Thượng tọa, đối với các Vô lượng tâm giải thoát,11 Bất động tâm giải thoát được xem là tối thượng. Nhưng Bất động tâm giải thoát này trống không, không có tham; trống không, không có sân; trống không, không có si. Tham dục, bạch Thượng tọa5 là một chướng ngại,12 sân là một chướng ngại, si là một chướng ngại. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc5 chúng bị đoạn tận, bị cắt tận gốc rễ9 bị làm như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Bạch Thượng tọa? đối với các Vô sở hữu tâm giải thoát, Bất động tâm giải thoát được xem là tối thượng. Nhưng Bất

10 Pamậnakarana. SA. IIỊ. 100 giải thích là cách nhận biết một người. Chỉ khi nào tham, sân, si khởi lên mới biêt bản tính người ây như thê nào. 11 SA. III. 100: Chỉ cho bốn đạo bốn quả. 12 Kỉncana = Paỉibodha: Chướng ngại. Xem Ud. II. 6.

động tâm giải thoát này trống không, không có tham; trống không, không có sân; trống không, không có si. Tham dục, bạch Thượng tọa5 tác thành tướng, sân tác thành tướng, si tác thành tướng. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, chúng bị đoạn tận5 bị cắt đứt tận gốc rễ5 bị làm như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Bạch Thượng tọa5 đối với các vô tướng tâm giải thoát, Bất động tâm giải thoát được xem là tối thượng. Nhưng Bất động tâm giải thoát này trống không, không có tham; trống không, không có sân; trống không, không có si. Đây là pháp môn5 bạch Thượng tọa5 do pháp môn ây, các pháp này là đông nghĩa, chỉ khác ngôn từ.

• • VIII. KINH NIGANTHA • NÃTAPUTTA (NiganỊhanãỊaputtasutta) (S. IV. 297) 350. Lúc bấy giờ5 Nigantha Nãtaputta13 đã đi đến Macchikãsanda với đại chúng Nigantha. Gia chủ Citta được nghe Nigantha Nãtaputta đã đi đến Macchikãsanda với đại chúng Nigantha. Rồi gia chủ Citta cùng với một số đông gia chủ khác đi đến Nigantha Nãtaputta; sau khi đến, nói lên những lời hỏi thăm xã giao, sau khi nói lên những lời hỏi thăm xã giao thân hữu liền ngồi xuống một bên. Nigantha Nãtaputta nói với gia

chủ Citta đang ngồi một bên: —Có phải, này gia chủ5 ông tin tưởng vào lời dạy này của Sa-môn Gotama: “C6 một định không tàm không tứ; có sự đoạn diệt các tầm và tứ"? —Thưa Tôn giả, ở đây toi không có đặt lòng tin14 vào Thế Tôn trong vấn đề: “C6 một thiền định không tầm không tứ; có sự đoạn diệt các tầm và tứ." Được nghe nói vậy5 Nigantha Nãtaputta nhìn quanh hội chúng của mình và nói: —Chư Tôn giả có thấy chăng? Thật chánh trực là gia chủ Citta này! Thật không hư ngụy là gia chủ Citta này! Thật không hư vọng là gia chủ Citta này! Ai nghĩ rằng tầm và tứ có thể đoạn diệt được tức là nghĩ rằng có thể trói được gió trong cái lưới. Ai nghĩ rằng tầm và tứ có thể đoạn diệt được tức là nghĩ rằng có thể dùng nắm tay của mình để chặn đứng dòng nước sông Hằng. -Tôn giả nghĩ thế nào, thưa Tôn giả? cái gì thù thắng hơn, trí hay là lòng tin? Này gia chủ, trí thù thăng hơn lòng tin. -Nếu tôi muốn, thưa Tôn giả, ly dục, ly bất thiện pháp, tôi chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Nếu tôi

13 Vị ấy là Vardhamãna, lãnh đạo giáo phái Ni-kiền tử. Xem D. I. 57. 14 Nghĩa là không phải chỉ với lòng tin. SA. III. 100: Những ai chỉ với lòng tin vào giáo pháp vẫn chưa phải là người có trí.

muốn, thưa Tôn giả, tôi làm tịnh chỉ các tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai. Nếu tôi muốn, thưa Tôn giả9 tôi đoạn tận hỷ... chứng và trú Thiền thứ ba. Nếu tôi muốn, thưa Tôn giả, tôi có thể đoạn tận lạc... chứng và trú Thiền thứ tư. Biết như vậy, thưa Tôn giả, thấy như vậy? tôi sẽ đi đến lòng tin đối với bất cứ vị Sa-môn hay vị Bà-la-môn nào ràng: "C6 thiền định không tầm không tứ; có sự đoạn diệt các tầm và tứ.” Khi nghe nói vậy? Nigantha NãỊaputta nhìn quanh hội chúng của mình và nói: Chư Tôn giả có thấy chăng? Thật không chánh trực là gia chủ Citta này! Thật hư ngụy là gia chủ Citta này! Thật hư vọng là gia chủ Citta này! Thưa Tôn giả, tôi hiểu lời nói của Tôn giả rằng: "Chu Tôn giả có thấy chăng? Thật chánh trực là gia chủ Citta này! Thật không hư ngụy là gia chủ Citta này! Thật không hư yọng là gia chủ Citta này!59 Và này, thưa Tôn giả, tôi hiểu lời nói của Tôn giả rằng: "Chu Tôn giả có thấy chăng? Thật không chánh trực là gia chủ Citta này! Thật hư ngụy là gia chủ Citta này! Thật hư vọng là gia chủ Citta này!" Thưa Tôn giả? nếu lời nói đầu tiên của Tôn giả là chơn chánh, thời lời nói sau của Tôn giả là hư ngụy. Thưa Tôn giả? nếu lời nói sau của Tôn giả là chơn chánh, thời lời nói đầu của Tôn giả là hư ngụy. Thưa Tôn giả, có mười câu hỏi hợp lý này,15 nếu Tôn giả hiểu ý nghĩa của chúng, thời Tôn giả đấm trả (paỊihareyyãsí) tôi một đấm cùng với chúng Nigantha. Một câu hỏi, một câu giải thích, một câu trả lời. Hai câu hỏi9 hai câu giải thích, hai câu trả lời. Ba câu hỏi5 ba câu giải thích, ba câu trả lời. Bốn câu hỏi5 bốn câu giải thích, bốn câu trả lời. Năm câu hỏi, năm câu giải thích, năm câu trả lới. Sáu câu hỏi? sáu câu giải thích, sáu câu trả lời. Bảy câu hỏi, bảy câu giải thích, bảy câu trả lời. Tám câu hỏi5 tám câu giải thích, tám câu trả lời. Chín câu hỏi5 chín câu giải thích, chín câu trả lời. Mười câu hỏi5 mười câu giải thích, mười câu trả lời. Rồi gia chủ Citta không hỏi Nigantha Nãtaputta mười câu hỏi hợp lý này, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

IX. KINH LÕA THỂ KASSAPA (AceỉakassapasuttaỴ6 (5. IV. 300) 351. Lúc bây giờ, lõa thê Kassapa đã đi đên Macchikãsanda, một bạn cũ của gia chủ Citta khi còn là gia chủ. Gia chủ Citta nghe lõa thể Kassapa, một bạn cũ của mình khi còn là gia chủ, đã đến Macchikãsanda. Rồi gia chủ Citta đi đến lõa thể Kassapa; sau khi đến, nói lên với lõa thể Kassapa những lời chào đón hỏi thăm? sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, gia chủ Citta nói với lõa thể Kassapa:*

15 SA. III. 100: Sahadhammỉkã = Sakãranã. Đây là 10 câu hỏi cho lóp tân học Sa-di. Xem D. I. 94. 16 Bản tiếng Anh của PTS: The Unclothed (Ascetic), nghĩa là Lõa thể (đạo sĩ).

-Tôn giả Kassapa, Tôn giả xuất gia đã bao lâu? Này gia chủ, ta đã xuất gia khoảng ba mươi năm. Thưa Tôn giả5 trong ba mươi năm ấy, Tôn giả có chứng được pháp Thượng nhân17 nào, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh nào và được lạc trú? Này gia chủ, trong suốt ba mươi năm ấy5 ta không chứng được và không được lạc trú một pháp Thượng nhân nào, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh nào, ngoại trừ sự lõa thể, sự trọc đầu? sự phủi bụi và đất cát.18 Khi nghe nói vậy, gia chủ Citta nói với lõa thể Kassapa: Thật là bất tư nghi, thật là hy hữu, Chánh pháp được thuyết trong suốt ba mươi năm ấy, không chứng được, không được lạc trú một pháp Thượng nhân nào, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh nào! Này gia chủ, đã bao lâu ông làm người cư sĩ? Thưa Tôn giả5 tôi thành người cư sĩ đã được ba mươi năm. Trong suốt ba mươi năm ấy, này gia chủ, ông có chứng được và được lạc trú pháp Thượng nhân nào, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh nào? Sao lại không vậy được, thưa Tôn giả! Nấu tôi muốn, thưa Tôn giả, tôi ly dục, ly pháp bât thiện, chứng và trú Thiên thứ nhât, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Nếu tôi muốn? thưa Tôn giả, tôi tịnh chỉ tầm và tứ... chứng yà trú Thiên thứ hai. Nêu tôi muôn, thưa Tôn giả, ly hỷ... tôi chứng và trú Thiền thứ ba. Nếu tôi muốn, thưa Tôn giđoạn tận lạc... tôi chứng và trú Thiền thứ tư. Nếu tôi mệnh chung sớm hơn Thế Tôn, thưa Tôn giả, không có gì lạ, nếu The Tôn sẽ nói về tôi như sau: uKhông có một kiết sử nào5 do bị trói buộc bởi kiết sử ấy, Citta trở lui tại thế giới này nữa.” Khi nghe nói vậy, lõa thể Kassapa nói với gia chủ Citta: —Thật là vi diệu5 thưa Tôn giả! Thật là hy hữu, thưa Tôn giả, Chánh pháp được khéo thuyết. Một gia chủ mặc áo trắng lại có thể chứng đạt được? lại có thê lạc trú pháp Thượng nhân, tri kiên thù thăng xứng đáng bậc Thánh! Thưa gia chủ, hãy cho tôi được xuất gia trong Pháp? Luật này. Hãy cho tôi thọ Đại giới. Rồi gia chủ Citta đưa lõa thể Kassapa đến một số Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến9 thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão: Bạch chư Thượng tọa9 lõa thể Kassapa này là một người bạn của chúng con khi chúng con còn là gia chủ. Chư Thượng tọa hãy cho người này xuất gia, cho thọ Đại giới. Con sẽ cô găng cúng dường các vật liệu như y, đô ăn khât thực, sàng tọa5 dược phẩm trị bệnh.

l7AUttarỉmanussadhammã. SẠ. III. 100 giải thích io điều thiện (3 điều về thân, 4 điều về lời nói, 3 điều về ý nghĩ) thiết lập nên đời sống của một người hiền thiện. 18 Pavãlanỉpphotanặyã. SA. III. 100 giải thích là một bộ lông công làm chổi quét bụi, sạn nơi chỗ đất ngôi; đây là một khô hạnh của người tu theo phái lõa thê.

Lõa thể Kassapa được xuất gia trong Pháp và Luật này, được thọ Đại giới. Được thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Kassapa sống một mình, an tịnh5 không phóng dật, nhiệt tâm5 tinh cần. Không bao lâu, vị ấy đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, tự mình chứng tri với thượng trí, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Và Tôn giả Kassapa trở thành một vị A-la-hán nữa. X. KINH THĂM NGƯỜI BỆNH (Gilānadassanasutta) (5. IV. 302) 352. Lúc bây giờ, gia chủ Citta bị bệnh, khô đau9 bị trọng bệnh. Rồi số đông chư thiên ở hoa viên, chư thiên ở rừng, chư thiên ở cây, chư thiên ở rừng các dược thảo và các cây trong rừng tụ hội lại và nói với gia chủ Citta: Này gia chủ? hãy nguyện: "Trong tương lai, ta sẽ thành Vua Chuyển Luân Thánh Vương!" Khi được nghe nói vậy5 gia chủ Citta nói với chư thiên ở hoa viên, chư thiên ở rừng, chư thiên ở cây, chư thiên ở rừng các dược thảo và các cây trong rừng: Cái ấy là vô thường, cái ấy là không thường hằng, cái ấy cần phải bỏ đi và vượt qua. Khi được nghe nói vậy, các bạn bè thân hữu, các bà con huyết thống nói với gia chủ Citta: Này thiện gia nam tử, hãy an trú chánh niệm? chớ có nói lung tung. -Tôi nói với các vị những gì khiến các vị nói với tôi: "Này thiện gia nam tử, hãy an trú chánh niệm5 chớ có nói lung tung” Này thiện nam tử, vì ông nói như sau: "Cái ây là vô thường, cái ây là không thường hằng, cái ấy cần phải bỏ đi và vượt qua." -Vì rằng, chư thiên ở hoa viên, chư thiên ở rừng, chư thiên ở cây, chư thiên trú ở rừng các dược thảo và các cây trong rừng đã nói với tôi như sau: "Này gia chủ9 hãy nguyện: 'Trong tương lai, ta sẽ thành Vua Chuyển Luân Thánh Vương\ cho nên tôi mới trả lời với họ: 'Cái ấy là vô thường, cái ấy là không thường hằng, cái ấy cần phải bỏ đi và vượt qua.'" Này thiện gia nam tử, các chư thiên ở hoa viên... các cây trong rừng đã quán thấy ý nghĩa gì mà nói với ông: "Này gia chủ, hãy nguyện: 'Trong tương lai, ta sẽ thành Vua Chuyển Luân Thánh VươngS? Các chư thiên ở hoa viên? chư thiên ở rừng, chư thiên ở cây, chư thiên trú ở rừng các dược thảo và các cây trong rừng ấy đã suy nghĩ như sau: "Gia chủ Citta này giữ giới, tánh thiện, nêu phát nguyện: 'Trong tương lai, ta sẽ thành vị Chuyển Luân Thánh Vương!5 Tâm nguyện thanh tịnh5 đúng pháp, sẽ làm cho thành công người trì giới, sẽ đem đến quả đúng pháp." Chư thiên ở hoa viên, chư thiên ở rừng, chư thiên ở cây, chư thiên ở rừng các dược thảo và các cây

trong rừng ấy, do quán thấy ý nghĩa như vậy nên đã nói như sau: "Này gia chủ5 hãy phát nguyện: 'Trong tương lai ta làm vị Chuyển Luân Thánh Vương.'" Do vậy, tôi nói với họ: "Cái ấy là vô thường, cái ấy là không thường hằng, cái ấy cần phải bỏ đi và vượt qua.” Này thiện gia nam tử, hãy giáo giới cho chúng tôi. -Vậy các ông cần phải học như sau: "Chúng tôi sẽ đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật: 'Vị ấy là Thế Tôn, bậc ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật5 Thế Tôn.5 Chúng tôi sẽ có đầy đủ lòng tin bất động đối với Pháp: 'Đây là Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có kết

quả tức thòi, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu/ Chúng tôi sẽ có đầy đủ lòng tin bất động đối với chúng Tăng: 'Thiện hạnh là chúng đệ tử của Thế Ton, Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Như lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Thanh tịnh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn; tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng được tôn kính, đáng được cung kính, đáng được kính lễ, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở đời/ Tât cả những gì có thê đem cho trong gia tộc, tât cả phải đem cúng dường, phân phát cho những vị trì giới và có thiện tánh.,, Như vậy, các ông cần phải học tập. Khi gia chủ Citta khiến cho các bạn bè thân hữu, các bà con huyết thốnẹ có tịnh tín đối với đức Phật, đối với Pháp, đối với chúng Tăng và khuyên họ bo thí5 vị ấy liền mệnh chung.

42. TƯƠNG ƯNG THÔN TRƯỞNG (GAMANISAMYUTTA)

I. KINH CANDA (Candasutta) (S. IV. 305) 353. Một thời5 Thế Tôn trú ở Sãvatthi (Xá-vệ). Rồi thôn trưởng Canda bạch Thế Tôn: - Do nhân gi, bạch Thế Tôn, do duyên gì5 ở đây có người được gọi là tàn bạo? Do nhân gi, do duyên gì9 ở đây có người được gọi là hiền lành (sũrataỴl Ở đây, này thôn trưởng, có người tham dục chưa được đoạn tận; do tham dục (rãga) chưa được đoạn tận, người ấy bị người khác làm cho phẫn nộ; do bị người khác làm phẫn nộ nên phẫn nộ hiện hành, người ấy do vậy được gọi là tàn bạo. Sân chưa được đoạn tận; do sân chưa được đoạn tận? người ấy bị người khác làm cho phẫn nộ; do bị người khác làm cho phẫn nộ nên phẫn nộ hiện hành; người ấy do vậy được gọi là tàn bạo. Si chưa được đoạn tận; do si chưa được đoạn tận5 người ấy bị người khác làm cho phẫn nộ; do bị người khác làm cho phẫn nộ nên phẫn nộ hiện hành, người ấy do vậy được gọi là tàn bạo. Này thôn trưởng, đây là nhân, đây là duyên, ở đây có người được gọi là tàn bạo. Nhưng ở đây, này thôn trưởng, có người tham dục được đoạn tận; do tham dục được đoạn tận nên người ấy không bị người khác làm cho phẫn nộ; do không bị người khác làm cho phẫn nộ nên phẫn nộ không hiện hành, người ấy do vậy được gọi là hiền lành. Sân được đoạn tận; do sân đã được đoạn tận nên người ấy không bị người khác làm cho phẫn nộ; do không bị người khác làm cho phẫn nộ nên phẫn nộ không hiện hành, người ấy do vậy được gọi là hiền lành. Si đã được đoạn tận; do si đã đoạn tận nên người ấy không bị người khác làm cho phẫn nộ; do không bị người khác làm cho phẫn nộ nên phẫn nộ không hiện hành, người ấy do vậy được gọi là hiền lành. Này thôn trưởng, đây là nhân, đây là duyên, ở đây có người được gọi là hiên lành. __ Được nghe nói vậy, thôn trưởng Canda bạch Thê Tôn: Thật là vi diệu9 bạch Thế Tôn! Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn5 như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng? đem đèn sang vào trong bóng tôi đê những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy5 Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiêu phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thê Tôn5 con nay xin quy y Phật,

Pháp và chúng Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư si, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

II. KINH TÃLAPUTA (TãlapuIasutta) (S. IV. 306) 354. Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá)9 tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Tãlaputa, vũ kịch sư (natagãmaní). đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh le The Tôn rôi ngôi xuông một bên. Ngôi một bên, vũ kịch sư Tãlaputa bạch Thê Tôn: Con được nghe, bạch Thê Tôn, các vị Đạo sư5 Tô sư thuở xưa nói vê các nhà vũ kịch, nói rằng: "Ai là nhà vũ kịch5 trên sân khấu giữa kịch trường, với các điệu bộ giả sự thật, làm quần chúng vui cười, thích thú; người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh cộng trú với chư thiên hay cười (Pahãsadevã)y Ở dây, Thế Tôn nói như thế nào? Thôi vừa rồi5 này vũ kịch sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này. Lần thứ hai, vũ kịch sư Tălaputa bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, con có nghe các vị Đạo su, Tổ sư thuở xưa nói về các nhà vũ kịch, nói rằng: "Ai là nhà vũ kịch, trên sân khấu hay giữa kịch trường, với các điệu bộ giả sự thật, làm quần chúng vui cười, thích thú; người ấy9 sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh cộng trú với chư thiên hay cuòi.” Ở đây, Thế Tôn nói như thế nào? Thôi vừa rồi5 này vũ kịch sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này. Lần thứ ba, vũ kịch sư Tãlaputa bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn? con có nghe các vị Đạo sư, các vị Tổ sư thuở xưa nói vê các nhà vũ kịch, nói răng: "Ai là nhà vũ kịch? trên sân khâu hay giữa kịch trường, với các điệu bộ giả sự thật? làm quần chúng vui cườiị thích thú; người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh cộng trú với chư thiên hay cười.,, Ở đây5 Thế Tôn nói như thế nào? Thật sự5 Ta đã không chấp nhận và nói rằng: "Thôi vừa rồi, này vũ kịch sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều nay?9 Tuy vậy, Ta sẽ trả lời cho ông. Này vũ kịch su, đối với những loài hữu tình thuở trước chưa đoạn trừ lòng tham, còn bị lòng tham trói buộc, nếu nhà vũ kịch trên sân khấu hay trong kịch trường tập trung những pháp hấp dẫn, thời khiến lòng tham của họ càng tăng thịnh. Này vũ kịch su, đối với những loại hữu tình thuở trước chưa đoạn trừ lòng sân? còn bị lòng sân trói buộc, nêu nhà vũ kịch trên sân khâu hay trong kịch trường tập trung những pháp liên hệ đến sân, thời khiến cho lòng sân của họ càng tăng thịnh. Này vũ kịch su, đối với loài hữu tình thuở trước chưa đoạn trừ lòng si, còn bị lòng si trói buộc? nếu nhà vũ kịch trên sân khấu hay trong kịch trường tập trung những pháp liên hệ đến si, thời khiến cho lòng si của họ càng tăng thịnh.

42. TƯƠNG ƯNG THÔN TRƯỞNG 935

Người ấy tự mình đắm say, phóng dật? làm người khác đắm say và phóng dật? sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh trong địa ngục Hý Tiếu (Pahãsa). Nếu người ấy có [tà] kiến như sau: "Người vũ kịch nào, trên sân khấu hay giữa kịch trường, với các điệu bộ giả sự thật, làm quần chúng vui cười, thích thú; người ấy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh cộng trú với chư thiên hay cuòi”, như vậy là tà kiên. Ai rơi vào tà kiên, này vũ kịch sư, Ta nói răng người ấy chỉ có một trong hai sanh thú: Một là địa ngục, hai là súc sanh. Khi được nghe nói vậy, vũ kịch sư Tãlaputa phát khóc và rơi nước mắt. Chính vì vậy, này vũ kịch sư, Ta đã không chấp nhận và nói: "Thôi vừa rồi, này vũ kịch sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này.,, Bạch Thế Tôn, con khóc không phải vì Thế Tôn đã nói như vậy. Nhưng, bạch Thế Tôn, vì con đã bị các Đạo sư, các Tổ sư vũ kịch thởi trước đã lâu ngày lừa dối con, dối trá con, dắt dẫn lầm lạc con rằng: "Người vũ kịch nào trên sân khấu hay giữa kịch trường, với các điệu bộ giả sự that, làm quần

chúng vui cười, thích thú; người ấy5 sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên hay cười.,, Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiêu phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thê Tôn, con nay xin quy y Phật9 Pháp và chúng Tăng. Mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, được thọ Đại giới! Vũ kịch sư Tãlaputa được xuất gia với Thế Tôn, được thọ Đại giới. Thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Tãlaputa... trở thành một vị A-la- hán nữa. III. KINH YODHÃJĨVA (Yodhãjĩvasutta) (5. IV 308) 355. Rồi chiến đấu sư Yodh^ĩva đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 chiến đấu sư bạch Thế Tôn: Con được nghe, bạch Thế Tôn, các vị Đạo sư5 Tổ sư thuở xưa nói về các chiến đấu viên, nói rằng: chiến đấu viên nào trong chiến trường, hăng say, tinh tấn; do hăng say, tinh tấn như vậy, bị người khác tàn sát, đánh bại; vị ấy9 sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên tên là Sarãjita." Ở dây, Thế Tôn nói như thế nào? -Thôi vừa rồi5 này chiến đấu sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này. Lần thứ hai... Lần thứ ba, chiến đấu sư Yodhãjĩva bạch Thế Tôn: -Bạch Thê Tôn, con được nghe các vị Đạo sư, Tô sư thuở xưa nói vê các

chiến đấu viên, nói rằng:66Vị chiến đấu viên nào trong chiến trường hăng say, tinh tấn; do hăng say, tinh tấn như vậy, bị người khác tàn sát, đánh bại, vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên tên là Sarậjita." Ở đây, Thế Tôn nói như thế nào? Thật sự9 Ta đã không chấp nhận và [nói rằng]: "Thôi vừa rồi, này chiến đấu sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này." Tuy vậy5 Ta sẽ trả lời. Này chiến đấu su, đối với chiến đấu viên nào trong chiến trường hăng say, tinh tấn5 tâm của vị ấy trước đó phải có những ý nghĩ thấp kém5 ác ý? ác nguyện như sau: "Mong rằng các loài hữu tình ấy bị giết, bị bắt, bị tàn sát, bị tàn hạiv\ hay: "Mong họ chớ có tồn tại!" Do vị ấy hăng hái, tinh tấn như vậy, nếu vị ấy bị người khác tàn sát, đánh bại, thời người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào địa ngục tên là Sarặjita. Nêu người ây có [tà] kiên như sau: uVị chiên đâu viên nào giữa chiên trường hăng say? tinh tân; do hăng say, tinh tân như vậy? bị người khác tàn sát, đánh bại, vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên tên là Sarãjita,\ như vậy là tà kiến. Ai rơi vào tà kiến này, này chiên đâu su, Ta nói răng5 người ây chỉ có một trong hai sanh thú: Một là địa ngục, hai là súc sanh. Khi được nghe nói vậy9 vị chiên đâu sư phát khóc, rơi nước măt. -Chính vì vậy? này chiến đấu sư, Ta không chấp nhận và nói: "Thôi vừa rồi, này chiến đấu sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này." Bạch Thế Tôn, con khóc không phải vì Thế Tôn đã nói như vậy. Nhưng, bạch Thê Tôn5 vì con đã bị các Đạo su, các Tô sư, các chiên đâu viên thuở trước đã lâu ngày lừa dôi con, dôi trá con, dăt dân con lâm lạc, nói răng: "Ai là chiên đâu viên giữa các chiên trường hăng say, tinh tân; do hăng say? tinh tân như vậy, bị người khác tàn sát5 đánh bại, vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên tên là Sarặjita.,, Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Từ nay cho đến mạng chung con trọn đời quy ngưỡng. IV. KINH NGƯỜI

CƯỠI VOI (Hatthãrohasuttay (5. IV. 310) 356. (Như kinh trên? chỉ khác là uvị tượng su"). V. KINH NGƯỜI CƯỠI NGỰA (Assãrohasutta)12 (S. IV. 310) 357. (Như kinh trên5 chỉ khác là mã su"). VI. KINH ASIBANDHAKAPUTTA (Asibandhakaputtasutta)3 (5. IV. 311) 358. Một thời9 Thế Tôn trú ở NãỊandã, tại vườn xoài Pãvãrika.

1 Bản tiếng Anh của PTS: Elephant, nghĩa là Voi. 2 Bản tiếng Anh của PTS: Horse, nghĩa là Ngựa. 3 Bản tiếng Anh của PTS: Westlander (or the Dead Man), nghĩa là Người ở Tây phương (hay Người đã chết).

42. TƯƠNG ƯNG THỒN TRƯỞNG » 937

Rồi thôn trưởng Asibandhakaputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn? các vị Bà-la-môn trú đất phương Tây, mang theo bình nước, đeo vòng hoa huệ (sevãla), nhờ nước được thanh tịnh. Những người thờ lửa9 khi một người đã chết, đã mạng chung, họ nhấc bổng và mang vị ấy ra ngoài (uyyãpentí), kêu tên vị ây lên, và dân vị ây vào thiên giới. Còn Thê Tôn? bạch Thế Tôn, là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, Thế Tôn có thể làm như thế nào cho toàn thể thế giới, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới? Vậy5 này thôn trưởng, ở đây? Ta sẽ hỏi ông. Nếu ông kham nhẫn hãy trả lời. Này thôn trưởng, ông nghĩ thế nào? Ở đây, một người sát sanh, lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục? nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiêm, tham lam, sân hận? theo tà kiên. Rôi một quân chúng đông đảo, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dvơng, chắp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới!99 Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, người ấy do nhân cầu khẩn của đại quần chúng ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chắp tay đi cùng khắp, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh lên thiện thú? thiên giới? Thưa không, bạch Thế Tôn. Ví nhu, này thôn trưởng, có người lấy một tảng đá lớn ném xuống một hồ nước sâu. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chắp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Hy đứng lên, tảng đá lớn! Hãy nổi lên5 tảng đá lớn! Hãy troi vào bờ, nàỵ tảng đá lớn!" Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, tảng đá lớn ấy do nhân câu khân của đại quần chúng ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chắp tay đi cùng khắp, có thể trồi lên, hay nôi lên, hay trôi dạt vào bờ không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Cũng vậy, này thôn trưởng, người nào sát sanh, lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác? nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, theo tà kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ họp lại? câu khân, tán dương, chăp tay đi cùng khăp và nói răng: “Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên gi&i!” Nhưng người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ5 ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng? Ở đây, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lây của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục5 từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân hận9 có chánh tri kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chắp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Mong người này, sau khi thân hoại

mạng chung, được sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!" Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, người ây do nhân câu khân của quân chúng đông đảo ây, hay do nhân tán dương, hay do nhân chắp tay đi cùng khắp, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú5 đọa xứ? địa ngục không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Ví như. này thôn trưởng, có người nhận chìm một ghè sữa đông (sappỉ) hay một ghè dâu vào trong một hô nước sâu rôi đập bê ệhè ây. ơ đây5 ghè ây trở thành từng miếng vụn hay từng mảnh vụn và chìm xuông nước, còn sữa đông hay dâu thời nôi lên trên. Rôi một quân chúng đông đảo, tụ họp lại, câu khân5 tán dương, chắp tay đi cùng khắp và nói: "Hãy chìm xuống? này sữa đông và dâu! Hãy chìm sâu xu6ng, này sữa đông và dâu! Hãy chìm xuông tận đáy, này sữa đông và du!" Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, sữa đông ấy, dầu ấy, có do nhân cầu khẩn của đám quần chúng đông đảo ấy, do nhân tán dương, do nhân chắp tay đi cùng khắp của quần chúng đông đảo ấy nên bị chìm xuống, hay chìm sâu xuống, hay đi xuống tận đáy không? Thưa không, bạch Thế Tôn. - Cũng vậy, này thôn trưởng, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân, theo chánh tri kiến. Rồi một quần chúng đông đảo5 tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chắp tay đi cùng khăp và nói: "Mong răng người này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú5 đọa xứ, địa ngỊic!" Nhimg người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú9 thiên giới. Khi nghe nói vậy5 thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn: —Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. VII. KINH VÍ DỤ VÈ THỬA RUỘNG (Khettữpamasuttay (5. IV. 314) 359. Một thời, Thế Tôn trú ở NãỊandã, tại vườn xoài Pãvãrika. Rồi thon trưởng Asibandhakaputta đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn: Bạch Thế T6n, có phải Thế Tôn sống vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đối với tất cả chúng sanh và loài hữu tình? -Đúng vậỵ? này thôn trưởng, Như Lai sông vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đôi với tât cả chúng sanh và loài hữu tình. Nhimg vì sao, bạch Thế Tôn, đối với một số người, Thế Tôn thuyết pháp một cách hoàn toàn trọn vẹn; đối với một số người, Thế Tôn thuyết pháp không hoàn toàn trọn vẹn như vậy?

4 Bản tiếng Anh của PTS: Teaching, nghĩa là Giảo giới.

Vậy5 này thôn trưởng, ở đây9 Ta sẽ hỏi ông? ông kham nhẫn như thế nào5 hãy trả lời như vậy. Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, ở đây5 một người cày ruộng có ba thửa ruộng5 một loại tốt5 một loại bậc trung, và một loại xấu, đất cứng, có chất muối5 đất độc. Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng? Người cày ruộng ấy muốn gieo hột giống, thời gieo ở thửa ruộng nào trước, ruộng tốt9 hay ruộng bậc trung, hay ruộng loại xấu, đất cứng, có chất muối, đất độc? —Bạch Thế Tôn, người gia chủ cày ruộng muốn gieo hột giống, gieo vào thửa ruộng tôt; sau khi gieo ở đây xong, lại gieo vào thửa ruộng loại trung; sau khi gieo ở đấy xong, vị ấy có thể gieo hay không gieo hạt giống vào thửa

ruộng loại xấu, đất cứng, có chất muối, đất độc. Vì sao? Tối thiểu cũng có thể làm món ăn cho các trâu bò. Ví như thửa ruộng tốt5 này thôn trưởng, là các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo-ni của Ta. Đối với họ9 Ta thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn9 có nghĩa. Ta nói lên cho họ biết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Vì sao? Này thôn trưởng, vì họ sống lấy Ta làm ngọn đèn, lấy Ta làm hang ẩn? lấy Ta làm chỗ che chở5 lấy Ta làm chỗ nương tựa. Ví như thửa ruộng loại trung, này thôn trưởng, là các vị nam cư si, nữ cư sĩ của Ta. Ta thuyết pháp cho họ9 sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn5 có nghĩa. Ta nói lên cho họ biết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Vì sao? Này thôn trưởng, vì họ sống lấy Ta làm ngọn đèn? lấy Ta làm hang ẩn, lấy Ta làm chỗ che chở5 lấy Ta làm chỗ nương tựa. Ví như thửa ruộng xâu, đât cứng, có chât muôi, đât độc5 này thôn trưởng, là các ngoại đạo Sa-môn5 Bà-la-môn5 du sĩ. Ta thuyết pháp cho họ9 sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày cho họ biết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Vì sao? Vì rằng, nếu họ hiểu được chỉ một câu, như vậy là họ được hạnh phúc, an lạc lâu dài. Ví như, này thôn trưởng, một người có ba bình nước, một bình nước không nứt rạn5 không chảy nước, không thấm nước; một bình nước không nứt rạn, nhưng chảy nước và thấm nước; một bình nước nứt rạn, chảy nước, thấm nước. Ong nghĩ thê nào? này thôn trưởng? Nêu có người muôn chứa nước, người ây sẽ chứa nước ở đâu trước, người ấy chứa bình nước không nứt rạn, không chảy nước5 không thấm nước? hay bình nước không nứt rạn, nhimg chảy nước và thâm nước, hay bình nước nứt rạn, chảy nước và thâm nước? Bạch Thê Tôn, người ây muôn chứa nước, người ây sẽ chứa vào bình nước không nứt rạn, không chảy nước9 không thấm nước. Sau khi chứa nước vào đây rôi5 người ây mới chứa nước vào bình nước không nứt rạn nhung chảy nước và thâm nước. Sau khi chứa nước vào đây rôi, người ây mới chứa nước hay không chứa nước vào bình nước bị nứt rạn, bị chảy nước, bị thấm nước. Vì sao? Vì ít nhất cũng có thể dùng để rửa vật dụng.

Ví dụ với bình nước không nứt rạn, không chảy nước, không thấm nước? này thôn trưởng, là các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo-ni của Ta. Ta thuyết pháp cho họ? sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày cho họ biết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Vì sao? Này thôn trưởng, vì họ sống lấy Ta làm ngọn đèn? lấy Ta làm hang ẩn5 lấy Ta làm chỗ che chở, lấy Ta làm chỗ nương tựa. Ví dụ với cái bình nước không nứt rạn nhung chảy nước và thâm nước, này thôn trưởng, là các nam cư si, nữ cư sĩ của Ta. Ta thuyết pháp cho họ5 sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn? có nghĩa, trình bày cho họ biết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Vì sao? Này thôn trưởng, vì họ lấy Ta làm ngọn đèn, lấy Ta làm hang ẩn, lấy Ta làm chỗ che chở5 lấy Ta làm chỗ nương tựa. Ví dụ với cái bình nước bị nứt rạn? bị chảy nước? bị thấm nước, này thôn trưởng, là các ngoại đạo Sa-môn5 Bà-la-môn5 du sĩ. Ta thuyết pháp cho họ9 sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày cho họ biết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Vì sao? Vì răng, nêu họ chỉ hiêu được một câu, như vậy là họ được hạnh phúc, an lạc lâu dài. Khi được nghe nói vậy? thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Từ

nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. VIII. KINH NGƯỜI THỔI TÙ VÀ (Sankhadhamasutta)5 (S IV. 317) 360. Một thời, Thế Tôn trú ở NãỊandã, tại vườn xoài Pãvãrika. Rồi thôn trưởng Asibandhakaputta, đệ tử của phái Ni-kiền tử, đi đến Thế Tôn... Thế Tôn nói với thôn trưởng Asibandhakaputta đang ngồi một bên: Này thôn trưởng, Nigantha Nãtaputta thuyêt pháp như thê nào cho chúng đệ tử? Bạch Thế Tôn? Nigantha Nãtaputta thuyết pháp cho chúng đệ tử như sau: "Ai sát hại sanh mạng, tất cả phải sanh vào đọa xứ? địa ngục. Ai lấy của khonjg cho, tat ca phải sanh vào đọa xứ9 địa ngục. Al song ta hạnh trong cac due, tat cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai nói láo5 tât cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Phàm sống tối da, tối đa như thế nào, theo chiêu hướng ấy5 sanh thú của họ sẽ như V0' Như vậy, bạch Thế T6n, Nigantha Nãtaputta thuyết pháp cho cắc đệ tử. Phàm sống tối da, tối đa như thế nào? này thôn trưởng, theo chiều hướng ấy, sanh thú của họ sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy? thời sẽ không có ai phải sanh vào đọa xứ? địa ngục như lời của Nigantha Nătaputta. Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng? Có người sát hại sanh mạng, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời nào là nhiều hơn, thời vị ấy sát hại sanh mạng, hay thời vị ấy không sát hại sanh mạng?

5 Bản tiếng Anh của PTS: The Conch, nghĩa là vỏ ốc.

Bạch Thế Tôn, có người sát hại sanh mạng, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời này là ít hơn? là thời vị ây sát hại sanh mạng; và thời kia là nhiêu hơn, thời vị ây không sát hại sanh mạng. Phàm sông tôi đa5 tôi đa như thê nào, này thôn trưởng, theo chiêu hướng ấy, sanh thú của vị ấy sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời sẽ không có ai phải sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigantha Nãtaputta. Ong nghĩ thê nào, này thôn trưởng? Có người lây của không cho? ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời nào là nhiều hơn, thời vị ấy lấy của không cho hay thời vị ấy không lấy của không cho? Bạch Thê Tôn? có người lây của không cho, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời này là ít hơn, thời vị ấy lấy của không cho; và thời kia là nhiêu hơn5 thời vị ây không lây của không cho. Phàm sông tôi đa5 tôi đa như thê nào, này thôn trưởng, theo chiêu hướng ấy, sanh thú của vị ấy sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy? thời sẽ không có ai sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigantha Nãtaputta. Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng? Có người sống theo tà hạnh trong các dục, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời nào là nhiều hơn, thời vị ấy sống theo tà hạnh trong các dục hay thời vị ấy không sống theo tà hạnh trong các dục? Bạch Thế Tôn, có người sống theo tà hạnh trong các dục, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời này là ít hơn, thời vị ấy sống theo tà hạnh trong các dục; và thời kia là nhiều hơn, thời vị ấy không sống theo tà hạnh trong các dục. Phàm sống tối da, tối đa như thế nào, này thôn trưởng, theo chiều hướng ấy, sanh thú của vị ấy sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy? thời không có ai sẽ sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigantha Nãtaputta. Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng? Có người sống nói láo, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng nói. Thời nào là nhiều hơn, thời vị ấy nói láo hay thời vị ấy không nói láo? - Bạch Thế Tôn? có người nói láo, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh

thoảng nói. Thời này là ít hơn, thời vị ấy nói láo; và thời kia là nhiều hơn, thời vị ấy không nói láo. Phàm sống tối da, tối đa như thế nào, này thôn trưởng, theo chiều hướng ấy, sanh thú của vị ấy sẽ như vậy. Neu sự thật là vậy, thời không ai sẽ sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigantha Nãtaputta. Ở đây, nàỵ thôn trưởng, có vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: "Ai sát hại sanh mạng, tât cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai lấy của không cho, tất cả phải sanh vào đọa xứ? địa ngục. Ai sống theo tà hạnh trong các dục5 tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai nói láo, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục.” Này thôn trưởng, người đệ tử đặt lòng tin txrởng vào vị Đạo sư ấy.

Vị ấy suy nghĩ: "Thầy ta nói như sau, thấy như sau: 'Ai sát hại sanh mạng tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Nay ta có sát hại một sanh mạng. Như vậy, ta phải sanh vào đọa xứ, địa ngục.,,^ Vị ấy chấp trước tà kiến ấy. Này thôn trưởng, không đoạn tận lời ấy, không đoạn tận tâm ấy5 không từ bỏ kiến ấy, vị ây chăc chăn sẽ rơi vào địa ngục như vậy. uThây ta nói như sau, thây như sau: 'Ai lấy của không cho, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục? Nay ta có lấy của khônệ cho. Như vậy? ta phải sanh vào đọa xứ, địa ngúc." Vị ấy chấp trước tà kiến ây. Nàỵ thôn trưởng, không đoạn tận lời ây5 không đoạn tận tâm ây, không từ bỏ kiến ây5 vị ấy chắc chắn rơi vào địa ngục như vậy. "Thây ta nói như sau, thấy như sau: 'Ai sống theo tà hạnh trong các dục, tất cả phải sanh vào đọa xứ5 địa ngục.5 Nay ta sống theo tà hạnh trong các dục. Như vậy5 ta phải sanh vào đọa xứ, địa ngục." Vị ấy chấp trước tà kiến ấy. Này thôn trưởng, không đoạn tận lời ây5 không đoạn tận tâm ây5 không từ bỏ kiên ây, vị ây chăc chăn rơi vào địa ngục như vậy. "Thầy ta nói như sau, thấy như sau: 'Ai nói láo5 tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục/ Nay ta nói láo, như vậy? ta phải sanh vào đọa xứ, địa ngục.,, Vị ấy chấp trước tà kiến ấy. Này thôn trưởng, không đoạn tận lời ấy, không đoạn tận tâm ây, không từ bỏ kiên ây, vị ây chăc chăn rơi vào địa ngục như vậy. Ở đây, này thôn trưởng, Như Lai sanh ra ở đời5 bậc ứng Cling, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ? Điều Ngự Trượng Phu5 Thiên Nhơn Sư, Phật5 Thế Tôn. Như Lai dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích sát sanh và nói: "Ch& có sát sanh"; chỉ trích, công kích lấy của không cho và nói: "Chớ có lấy của không cho"; chỉ trích, công kích sống theo tà hạnh trong các dục và nói: "Chớ có sống theo tà hạnh trong các due”; chí trích, công kích nói láo và nói: "Chớ có n6i láo.” Này thôn trưởng, người đệ tử đặt lòng tin tưởng vào vị Đạo sư ấy. Vị ấy suy tư như sau: "Thế Tôn dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích sát sanh và nói: 'Chớ có sát sanh/ Nay ta có sát hại như thế này, hay như thế kia. Như vậy là không nên (nasutthu), như vậy là không tốt. Và do duyên ấy, ta có thể hối hận: 6 Ác nghiệp ta làm, nay sẽ không làm nữa. 3 Người ấy do suy tư như vậy, liền từ bỏ sát sanh. Và trong tương lai, người ấy đình chỉ sát sanh. Như vậy, ác nghiệp ấy được vượt qua. "Thế Tôn dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích lấy của khônệ cho và nói: 'Chớ có lấy của không cho/ Nay ta có lấy của không cho như the này, hay như thế kia. Như vậy là không nên? như vậy là không tốt. Và do duyên ấy? ta có thể hối hận: 6Ác nghiệp ta làm5 nay sẽ không làm nữa.'" Người ấy do suy tư như vậy? liền từ bỏ lấy của không cho. Và trong tương lai, người ấy đình chỉ lấy của không cho. Như vậy5 ác nghiệp ấy được vượt qua. "Thế Tôn dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công

kích sống theo tà hạnh trong các dục../9 “Thế Tôn dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích nói láo..."

42. TƯƠNG ƯNG THÔN TRƯỞNG 943

Do đoạn tận sát sanh, người ấy trở thành người không sát sanh. Do đoạn tận lấy của không cho, người ấy trở thành người không lấy của không cho. Do đoạn tận sống theo tà hạnh trong các dục, người ấy trở thành người không sống theo tà hạnh trong các dục. Do đoạn tận nói láo, người ấy trở thành người từ bỏ nói láo. Do đoạn tận nói hai lưỡi, người ấy trở thành người từ bỏ nói hai lưỡi. Do đoạn tận nói lời độc ác, người ấy trở thành người từ bỏ nói lời độc ác. Do đoạn tận nói lời phù phiếm, người ấy trở thành người từ bỏ nói lời phù phiếm. Đoạn tận tham, không có tham lam, đoạn tận sân? không có sân tâm, đoạn tận tà kiến, người ấy trở thành người theo chánh kiến. Này thôn trưởng, vị Thánh đệ tử ấy từ bỏ tham, từ bỏ sân5 từ bỏ si, chánh niệm, tỉnh giác5 với tâm câu hữu với từ, sông biên mãn một phương; cũng vậy, phương thứ hai; cũng vậy, phương thứ ba; cũng vậy? phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận9 không sân. Ví nhu, này thôn trưởng, một người lực sĩ thổi tù và [bằng con ốc]5 với ít mệt nhọc làm cho bốn phương được biết. Cũng vậy9 này thôn trưởng, tu tập từ tâm giải thoát như vậy, làm cho tăng trưởng như vậy5 phàm nghiệp làm có hạn lượng; ở đây5 sẽ không còn dư tàn; ở dây, sẽ không còn tồn tại. Này thôn trưởng, vị Thánh đệ tử ấy, như vậy từ bỏ tham, từ bỏ sân5 từ bỏ si, chánh niệm, tỉnh giác, với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả, sống biến mãn một phương; cũng vậy5 phương thứ hai; cũng vậy, phương thứ ba; cũng vậy5 phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới5 trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Ví nhu, này thôn trưởng, một người lực sĩ thổi tù và, với ít mệt nhọc làm cho bốn phương được biết. Cũng vậy, này thôn trưởng, tu tập xả tâm giải thoát như vậy, làm cho tăng trưởng như vậy, phàm nghiệp làm có hạn lượng; ở đây5 sẽ không còn dư tàn; ở đây, sẽ không còn tồn tại. Khi được nghe nói vậy, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. IX. KINH GIA TỘC (Kulasutta) (5. IV. 322) 361. Một thời, Thế Tôn du hành ở giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo và đi đến NãỊandă. Tại đây5 Thế Tôn trú ở NãỊandã, tại vườn xoài Pãvãrika. Lúc bấy giờ, NãỊandã đang bị đói kém5 khó để lo miệng sống56 xương trắng đầy tràn5 lúa chỉ còn cọng rạ (saỉãkãvutta). Lúc bấy giờ, Nigantha Nãtaputta sống ở NãỊandã với đại chúng Nigantha.

6 Dvĩhỉtỉka. SA. III. 106 giải thích đó là một tình huống tiến thoái lưỡng nan, rằng: í4Chúng ta sẽ sống hay chúng ta sẽ không sỗng?”

944 e KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỨ

Rồi thôn trưởng Asibandhakaputta, đệ tử của Nigantha Nãtaputta, đi đến Nigantha Nãtaputta; sau khi đến, đảnh lễ Nigantha Nãtaputta rồi ngồi xuống một bên. Nigantha

Nãtaputtta nói với thôn trưởng Asibandhakaputta đang ngồi mọt bên: Hãy đên, này thôn trưởng, hãy đên cật vân Sa-môn Gotama. Như vay, tiếng đồn tốt đẹp sẽ được lan khắp về ông: í4Sa-môn Gotama, một vị có thần lực như vậy? có uy lực như vậy, đã bị thôn trưởng Asibandhakaputta cật vấn!" Thưa Tôn giả, làm thế nào con có thể cật vấn Sa-môn Gotama, một vị có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy? Hãy dến, này thôn trưởng, hãy đến Sa-môn Gotama; sau khi đến nói với Sa-môn Gotama như sau: uBạch Thế Tôn3 có phải Thế Tôn dùng nhiều phương tiện tán thán, thương kính các gia đình, tán thán bảo vệ các gia đình, tán thán lòng từ mẫn với các gia dinh?" Này thôn trưởng, được hỏi như vậy, nếu Sa-môn Gotama trả lời như sau: "Búng như vậy5 này thôn trưởng, Như Lai dùng nhiều phương tiện tán thán, thương kính các gia đình, tán thán bảo vệ các gia đình? tán thán lòng từ mẫn với các gia đình.59 Thời ông hỏi Sa-môn Gotama: í4Vậy vì sao, bạch Thế Tôn, Thế Tôn cùng đại chúng Tỷ-kheo lại du hành tại NãỊandã đói kém, khó để lo miệng sống, xương trắng đay tràn, lúa chỉ còn cọng rạ? Như vậy, Thế Tôn thực hành tàn phá các gia đình, thực hành sự bất hạnh cho các gia đình, thực hành sự tổn hại cho các gia dinh." Như vậy, này thôn trưởng, bị ông hỏi với câu hỏi có hai đầu nhọn, Sa-môn Gotama không có thể nhổ ra, cũng như không có thể nuốt xuống. Thưa vâng, Tôn giả. Thôn trưởng Asibandhakaputta vâng đáp Nigantha Nãtaputta, từ chỗ ngồi đứng dậy? đảnh lễ Nigaụtha Nãtaputta, thân phía hữu hướng về ĩiệài rồi đi đến Thế T6n; sau khi đến5 thôn trưởng đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuong một bên. Ngồi xuống một bên5 thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn: Có phải, bạch Thế T6n, Thế Tôn dùng nhiều phương tiện tán thán, thương kính các gia đình, tán thán bảo vệ các gia đình, tán thán lòng từ mẫn với các gia đình? Đúng vậy5 này thôn trưởng, Như Lai dùng nhiều phương tiện tán thán, thương kính các gia đình, tán thán bảo vệ các gia dinh, tán thán lòng từ mẫn với các gia đình. Vậy vì sao, bạch Thế Tôn5 Thế Tôn cùng đại chúng Tỷ-kheo lại du hành tại NãỊandã đoi kem, khó đê lo miệng song, xương trăng đay tràn, lúa chỉ còn cọng rạ? Như vậy5 Thế Tôn thực hành tàn phá các gia đình, thực hành sự bất hạnh cho các gia dinh, thực hành sự tổn hại cho các gia đình.

42. TƯƠNG ƯNG THÔN TRƯỞNG 945

Này thôn trưởng, Ta nhớ từ chín mươi mốt kiếp về trước, Ta không hề biết đã có làm hại một gia đình cho đến một bữa cơm nấu cúng dường. Các gia đình ấy đều rất giàu, tiền của nhiều, tài sản nhiều, vàng bạc nhiều, vật dụng nhiều, ngũ cốc nhiều. Tất cả tài sản ấy được thâu hoạch do bố thí, được thâu hoạch một cách chân thật, được thâu hoạch một cách tự chế. ,Này thôn trưởng, có tám nhân, có tám duyên làm tổn hại các gia đình. Do quốc vương, các gia đình đi đến tổn hại; hay do trộm cướp, các gia đình đi đến tổn hại; hay do lửa, các gia đình đi đến tổn hại; hay do nước, các gia đình đi đến tổn hại; hay họ tìm không được tiền của giấu cất; hay do biếng nhác, họ bỏ bê công việc; hay trong gia đình khởi lên kẻ phá hoại gia đình?7 người ấy phân tán (yikiratí), phá hoại (yidhamatí), làm tổn hại (yiddhamsetí); và vô thường là thứ tám. Này thôn trưởng, chính tám nhân, tám duyên này làm tổn hại các gia đình. Này thôn trưởng, vì rằng tám nhân này, tám duyên này có mặt5 có hiện hữu, nếu ai nói về Ta như sau: "Thế Tôn thực hành tàn phá các gia dinh, thực hành bất hạnh cho các gia đình, thực

hành tổn hại cho các gia dinh", thời này thôn ựixởng, nêu người ấy không bỏ lời nói ây, không bỏ tâm ấy, không từ bỏ kiến ấy, chăc chắn (yathãbhatam) người ấy sẽ bị ném vào địa ngục như vậy. Khi được nghe nói vậy? thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. X. KINH MANICULAKA (Maọicũỉakasutta) (5. IV. 325) 362. Một thời, Thế Tôn trú ở Rậjagaha (Vương Xá)? VeỊuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bây giờ, trong cung vua, quân thân nhà vua đang ngôi tụ họp, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Các Sa-môn thuộc dòng Thích tử được phép dùng vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử được giữ vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử được nhận lấy vàng bac.99 Lúc bấy giờ, thôn trưởng ManicũỊaka8 đang ngồi trong hội chúng ấy. Rồi thôn trưởng ManicũỊaka thưa với hội chúng ấy: "Các Tôn giả chớ có nói như vậy. Các Sa-môn Thích tử không được phép dùng vàng bạc. Các Sa- môn Thích tử không được giữ vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được nhận lấy vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử từ bỏ châu báu và vàng bạc. Họ đã ly khai vàng và bạc." Nhưng thôn trưởng ManicũỊaka không thể làm cho hội chúng ấy chấp nhận. Rồi thôn trưởng ManicũỊaka đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuông một bên. Ngôi một bên? thôn trưởng ManicũỊaka bạch Thế Tôn: Ở dây, bạch Thế Tôn? trong cung vua, một số quần thần nhà vua đang ngồi

7 Tức nói phá hoại tài sản của gia đình. 8 ManicũỊaka nghĩa đen là viện minh châu trên đầu. Đậy là tên của vị thôn trưởng ManicũỊaka.VỊ này góp phần đưa ra quyết định tổ chức kỳ Kiết tập kinh điển lần thứ 2 ở Vèsãli. Xem VÌYỈ. il. 296.

tụ họp, và câu chuyện sau đây được khởi lên: "Các Sa-môn Thích tử được phép dùng vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử được giữ vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử được nhận lấy vàng bac?9 Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với hội chúng ấy: "Các Tôn giả chớ có nói như vậy. Các Sa-môn Thích tử không được phép dùng vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được giữ vàng bạc. Các Sa- môn Thích tử không được nhận lấy vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử từ bỏ châu báu và vàng bạc. Họ đã ly khai vàng và bạc." Nhưng bạch Thế Tôn? con không thể làm cho hội chúng ấy chấp nhận. Trả lời như vậy, bạch Thế Tôn, không biết con có nói đúng lời Thế Tôn? Con không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật? Con đã trả lời thuận pháp5 đúng pháp và không một ai nói lời tương ứng đúng pháp có lý do để chỉ trích? Trả lời như vậỵ5 này thôn trưởng, ông nói đúng lời của Ta. Ông không xuyên tạc Ta với điêu không thật. Ong đã trả lời thuận pháp, đúng pháp và không một ai nói lời tương ứng đúng pháp có lý do để chỉ trích. Này thôn trưởng, các Sa-môn Thích tử không được phép dùng vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được giữ vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được nhận lây vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ châu báu và vàng bạc. Họ đã ly khai vàng và bạc. Đối với ai được dùng vàng bạc? người ấy cũng được phép dùng năm dục công đức. Đối với ai được phép dùng năm dục công dức, người ấy hoàn toàn thọ trì phi Sa-môn pháp, phi Thích tử pháp. Này thôn trưởng, Ta nói như sau: "C6 được đi tìm cầu bởi ai cần đến cỏ. Củi được đi tìm câu bởi ai cân đên củi. Cô xe được đi tìm câu bởi ai cân đên cô xe.

Người được đi tìm câu bởi ai cân đên người.,^ Nhưng này thôn trưởng, không bât cứ một lý do gì Ta nói rằng vàng, bạc được chấp nhận, được tìm cầu.

XI. KINH BHADRAKA (Bhadrakasuttăỷ (5. IV. 327) 363. Một thời5 Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Mallã, tại Ưruvelakappa, một thị trấn của dân chúng Mallã. Rồi thôn trưởng Bhadraka đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thôn trưởng Bhadraka bạch Thê Tôn: Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết cho con về sự tập khởi và sự chấm dứt của khổ! Này thôn trưởng, nếu y cứ vào thời quá khứ, Ta thuyết cho ông về sự tập khởi và sự chấm dứt của khổ5 nói rằng: "Nhu vậy đã xảy ra trong thời quá khứ", ở đây5 ông sẽ phân vân5 sẽ có nghi ngờ. Này thôn trưởng, nếu y cứ vào thời vị lai9 Ta thuyết cho ông về sự tập khởi và sự chấm dứt của khổ5 nói rằng: "Nhu vậy sẽ xảy ra trong thời tương lai", ở đây, ông sẽ có phân vân5 sẽ có nghi ngờ. Nhưng nay Ta ngồi chính ở dây, này thôn trưởng, với ông cũng ngồi ở đây, Ta

9 Bản tiếng Anh của PTS: Lucky (or Bhagandha Hatthaha), nghĩa là Hiền thiện (hay Bhagandha Hatthahd).

sẽ thuyết cho ông về sự tập khởi và sự chấm dứt của khổ. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ9 Ta sẽ nói. Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Thôn trưởng Bhadraka vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: —Ong nghĩ thê nào, này thôn trưởng, ở tại Uruvelakappa có những người, nếu họ bị giết, hay bị tù, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích thì ông có khởi lên sầu, bi, khổ5 ưu, não không? Thưa c6, bạch Thế Tôn. Ở tại Uruvelakappa có những người, nếu họ bị giết hay bị tù, hay bị thiệt hại5 hay bị chỉ trích thì con có khởi lên sầu, bi, khổ5 ưu, não. -Này thôn trưởng, ở tại Uruvelakappa này có những người, nếu họ bị giết, hay bị băt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích nhưng ông không khởi lên sâu5 bi, khổ5 ưu, não? - Thưa có, bạch Thế Tôn, ở tại Uruvelakappa có những người, nếu họ bị giết, hay bị tù, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích nhxmg con không khởi lên sầu5 bi, khổ5 ưu, não. Do nhân gì5 do duyên gì5 này thôn trưởng, đối với một số người ở tại Uruvelakappa, nếu họ bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích thì ông có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu9 não? Do nhân gi, do duyên gì, này thôn trưởng, đối với một số người ở Uruvelakappa, nếu họ bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại5 hay bị chỉ trích nhưng ông không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu? não? Đối với một số người ở tại Uruvelakappa, bạch Thế Tôn? nếu họ bị giết, hay bị băt5 hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích thì con có khởi lên sâu, bi, khô5 ưu5 não là vì con có dục và tham đôi với họ. Nhưng đôi với một sô người ở tại Uruvelakappa, bạch Thế Tôn? nếu họ bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích nhưng con không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não là vì con không có dục và tham đối với họ. Ông nói: “Con có lòng dục và tham đối với họ. Con không có lòng dục và tham đôi với họ?9 Này thôn trưởng, có phải được thây5 được biêt9 được đạt tới . 9 - A r ĩ :

tức thời, được thê nhập nhờ pháp này, ông uôn năn phương pháp (naya) theo phương pháp ây đôi với quá khứ, vị lai? Nêu có khô nào khởi lên trong quá khứ, tất cả khổ ấy

khởi lên lấy dục làm căn bản5 lấy dục làm sở nhân. Dục là căn bản của khổ. Phàm có khô nào khởi lên trong tương lai, tât cả kho ây khởi lên lây dục làm căn bản, lấy dục làm sở nhân. Dục là căn bản của khổ. —Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật là khéo nói5 lời nói này của Thế Ton: "Phàm có khổ gì khởi lên, tất cả khổ ấy khởi lên đều lấy dục làm căn bản? lấy dục làm sở nhân. Dục là căn bản của kh6." Bạch Thê Tôn, con có người con trai tên là Ciravãsi, sông xa ở đây. Khi giờ nó dậy5 bạch Thế Tôn, con cử người đi và nói: "Này ông, hãy đi và hỏi thăm

đứa trẻ Ciravasi?9 Cho đến khi người ấy trở về, bạch Thế T6n, con ở trong tình trạng bồn chồn, hồi hộp: "Không biết đứa trẻ Ciravãsi có bệnh tật gì không?95 Ong nghĩ thê nào, này thôn trưởng, nêu đứa trẻ Ciravãsi của ông bị giêt, hay bị băt? hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích, hay sinh mạng bị đôi khác thì ông có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không? Bạch Thế Tôn, nếu đứa con trai Ciravãsi của con bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích, hay sinh mạng bị đổi khác thì làm sao con không khởi lên sầu, bi, khổ? ưu, não được? -Với pháp môn này, này thôn trưởng, cần phải hiểu như sau: "Phàm có khổ nào khởi lên? tât cả khô ây đêu lây dục làm căn bản, lây dục làm sở nhân. Dục là căn bản của kh&" Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, nếu ông không thấy, không nghe mẹ của Ciravãsi, thời ông có lòng dục, hay lòng tham, hay lòng ái đối với mẹ của Ciravăsi không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Nhưng này thôn trưởng, khi ông thấy được5 này thôn trưởng, khi ông nghe được, thời ông có lòng dục9 hay lòng tham, hay lòng ái đối với mẹ của Ciravãsi không? - Thưa có, bạch Thế Tôn. Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, nếu mẹ của Ciravãsi bị giết, hay bị băt? hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích, hay sinh mạng bị đổi khác thì ông có khởi lên sầu, bi5 khổ? ưu, não không? Bạch Thế Tôn, nếu mẹ của Ciravãsi bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích, hay sinh mạng bị đổi khác thì làm sao con không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não được? Với pháp môn này, này thôn trưởng, cần phải hiểu biết như sau: "Phàm 2_ x • ỉ J £ A r r x r CÓ khô gì khởi lên5 tât cả khô ây đêu lây dục làm căn bản, lây dục làm sở nhân. Dục là căn bản của kh6.” XIL KINH RÃSIYA (Rãsiyasuttà) (5. IV. 330) 364. Mpt thời, thôn trưởng Rãsiya đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, thôn trưởng Rãsiya bạch Thế Tôn: Con có nghe răng Sa-môn Gotama chỉ trích tât cả khô hạnh, bài bác, chống báng hoàn toàn mọi người sống khổ hạnh, mọi lối sống khắc khổ. Những người nói như vậy, bạch Thế Ton, không biết có nói đúng với lời Thế Tôn9 không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, trả lời thuận pháp, đúng pháp, và không một ai nói lời tương ứng đúng pháp có lý do để chỉ trích? Này thôn trưởng, những ai đã nói như sau: caSa-môn Gotama chỉ trích tất cả khô hạnh5 bài bác, chông báng hoàn toàn mọi người sông khô hạnh, mọi lôi sống khắc khổ59; họ nói không đúng lời Ta nói, họ xuyên tạc Ta với điều không that, với điều không chơn chánh.

42. TƯƠNG ƯNG THÔN TRƯỞNG e 949

Có hai cực đoan mà người xuất gia không nên thực hành: Một là say đắm dục lạc đối với các dục vọng hạ liệt5 đê tiện, phàm phu5 không xứng Thánh hạnh, không liên hệ

đến mục đích; hai là hành hạ tự thân, khổ đau? không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Từ bỏ hai cực đoan này là con đường Trung đạo, đã được Như Lai giác ngộ? tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh? thắng trí, giác ngộ5 Niết-bàn. Thê nào là con đường Trung đạo ây, này thôn trưởng, đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ? Niết-bàn? Đây là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường Trung đạo, này thôn trưởng, được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ9 Niết-bàn. II Này thôn trưởng, có ba hạng người hưởng thọ vật dục có mặt ở trong đời. Thế nào là ba? Ở đây? này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ? không san sẻ5 không làm các công đức. Ở dây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức. Ở dây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục? tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ5 san sẻ và làm các công đức. Ở đây5 này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục? tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ? không san sẻ5 không làm các công đức. Ở dây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, không san sẻ? không làm các công đức. Ở dây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục5 tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ? san sẻ, làm các công đức. Ở đây? này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục? tìm cầu tài sản hợp

pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ9 không san sẻ, không làm các công đức. Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởnẹ thọ vật dqc, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức. Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởnẹ thọ vật dục, tìm càu tài sản hựp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm câu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ5 san sẻ, và làm các công đức. Và người ấy hưởng thọ với tâm tham trước, say đắm, phạm tội5 không thấy sự nguy hiểm, không với trí tuệ xuất ly. Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởnẹ thọ vật dục5 tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm câu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ? san sẻ và làm các công đức. Và người ấy hưởng

thọ với tâm không tham trước, không say đắm, không phạm tội5 thấy sự nguy hiểm, và với trí tuệ xuất ly.

III Ở dây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ5 không san sẻ5 không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về ba phương diện bị chỉ trích, về ba phương diện nào bị chỉ trích? Người ấy tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không vui sướng, không hoan hỷ5 về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không san sẻ, không làm các công đức5 về phương diện thứ ba này5 người ấy bị chỉ trích. Này thôn trưởng, người hưởng thọ vật dục này vê ba phương diện bị chỉ trích. Ở dây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ nhưng không san sẻ5 không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về hai phương diện bị chỉ trích, về một phương diện được tán thán, về hai phương diện gì bị chỉ trích? Người ấy tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không san sẻ, không làm các công đức5 về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích, về một phương diện gì người ấy được tán thán? Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện này, người ấy được tán thán. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về hai phương diện bị chỉ trích, về một phương diện được tán thán.

42. TƯƠNG ƯNG THÔN TRƯỞNG 951

Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui vẻ, hoan hỵ5 san sẻ và làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về một phương diện bị chỉ trích, về hai phương diện được tán thán, về một phương diện gì người ấy bị chỉ trích? Người ấy tìm càu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, về phương diện này, người ấy bị chỉ trích, về phương diện gì người ấy được tán thán? Người ấy tự mình vui vẻ, hoan hỷ, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán. Người ấy san sẻ và làm các công dức, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về một phương diện bị chỉ trích, về hai phương diện được tán thán. Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về một phương diện được tán thán, vê ba phương diện bị chỉ trích. Một phương diện gì được tán thán? Người ây tìm câu tài sản một cách hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện này, người ấy được tán thán, về ba phương diện nào người ấy bị chỉ trích? Người ấy tìm cầu tài sản một cách phi pháp và dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ, vê phương diện thứ hai

này, người ây bị chỉ trích. Người ấy không san sẻ, không làm các công đức5 về phương diện thứ ba này, người ấy bị chỉ trích. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về một phương diện được tán thán, về ba phương diện bị chỉ trích. Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục5 tìm cầu tài sản một cách hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ5 nhung không san sẻ, không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về hai phương diện được tán thán, về hai phương diện bị chỉ trích, về hai phương diện nào người ấy được tán thán? Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán. Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ5 về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán, về hai phương diện nào người ấy bị chỉ trích? Người ấy tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện thứ hai này? người ấy bị chỉ trích. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về hai phương diện được tán thán, về hai phương diện bị chỉ trích. Ở dây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục5 tìm cầu tài sản hợp

pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ và làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về ba phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích, về ba phương diện nào người ấy được tán thán? Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán. Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ? về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán. Người ấy san sẻ và làm các công đức5 về phươĩiệ diện thứ ba này, người ấy được tán thán. Thế nào là một phương diện người ây bị chỉ trích? Người ây tìm câu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, vê một phương diện này, người ấy bị chỉ trích. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về ba phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích. Ở đây, có người hưởng thọ vật dqc, này thôn trưởng, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, hoan hỷ? không san sẻ và không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về một phương diện được tán thán, về hai phương diện bị chỉ trích, về một phương diện nào người ấy được tán thán? Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện này, người ấy được tán thán, về hai phươnẹ diện nào người ây bị chỉ trích? Người ây không tự mình vui sướng, hoan hỷ, vê phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về một phương diện được tán thán, về hai phương diện bị chỉ trích. Ở đây, có người hưởng thọ vật dục, này thôn trưởng, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ9 không san sẻ,

không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về hai phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích, về hai phương diện nào người ấy được tán thán? Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán. Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán, về một phương diện nào người ấy bị chỉ trích? Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện này, người ấy bị chỉ trích. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về hai phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích. Ở dây, này thôn trưởng, có người hưởnẹ thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm câu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh5 người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ và làm các công đức. Người ấy hưởng thọ các tài sản một cách tham trước, say đắm, phạm tội, không

thây sự nguy hiêm, và với trí tuệ không xuât ly. Ngươi hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về ba phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích. Vê ba phương diện nào người ây được tán thán? Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán. Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán. Người ấy san sẻ và làm các công đức5 về phương diện thứ ba này? người ấy được tán thán, về một phương diện nào người ấy bị chỉ trích? Người ấy hưởng thọ các tài sản ấy với tâm tham trước, say dắm, phạm tội, không thấy sự nguy hiểm, và với trí tuệ không xuất ly, về phương diện này, người ấy bị chỉ trích. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về ba phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích. Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởnẹ thọ vật dục? tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm câu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ? san sẻ và làm các công đức. Người ấy hưởng thọ các tài sản ấy, không có tham trước, không có say đắm5 không có phạm tội, thấy sự nguy hiểm, và với trí tuệ xuất ly. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, vê bôn phươnệ diện được tán thán. Vê bôn phương diện nào người ấy được tán thán? Người ây tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh? về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán. Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ5 về phương diện thứ hai này5 người ấy được tán thán. Người ấy san sẻ và làm các công đức, về phương diện thứ ba này? người ấy được tán thán. Người ấy hưởng thọ tài sản ấy không có tham trước, không có say đắm, không có phạm tội5 thấy sự nguy hiểm, và với trí tuệ xuất ly? về phương diện thứ tư này, người ấy được tán thán. Người hưởng thọ vật dục này5 này thôn trưởng, về bốn phương diện được tán thán. IV Này thôn trưởng, có ba hạng người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, hiện sống Ở đời. Này thôn trưởng, có hạnệ người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, do lòng tin đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sông không gia dinh, vị ấy nghĩ rằng: "Mong rằng ta chứng được thiện pháp! Mong rằng ta chứng ngộ các pháp Thượng nhân? tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh!,9 Vị ấy tự mình hành xác, hành khổ, ĩihưng không chứng được thiện pháp nào, không chứng ngộ pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh nào. Ở đây, này thôn trưởng, có người tu khổ hạnh? sống

khắc khổ, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sông không gia đình, vị ây nghĩ rằng: "Mong rằng ta chứng được thiện pháp! Mong rằng ta chứng ngộ các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh!Người ấy tự mình hành xác, hành khổ,

chứng được thiện pháp, nhưng không chứng ngộ pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Ở dây, này thôn trưởng, có người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nghĩ rằng: "Mong rằng ta chứng được thiện pháp! Mong rằng ta chứng ngộ các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh!Người ấy tự mình hành xác, hành khổ, chứng được thiện pháp, chứng ngộ pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. V Ở dây, này thôn trưởng, có người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, tự mình hành xác, hành khô5 kh6ng chứng được thiện pháp5 không chứng ngộ pháp Thượng nhân, tri kiến thù thăng xứng đáng bậc Thánh. Người tu khổ hạnh, sống khăc khổ này5 này thôn trưởng, về ba phương diện bị chỉ trích. Thế nào là về ba phương diện người ấy bị chỉ trích? Người ấy tự mình hành xác, hành khổ, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không chứng đắc thiện pháp, về phương diện thứ hai này5 người ầy bị chỉ trích. Người ấy khônẸ chứng ngộ pháp Thượng nhân, tri kiến thù thăng xứng đáng bậc Thánh, vê phương diện thứ ba này, người ây bị chỉ trích. Người tu khô hạnh, sông khăc khô này5 này thôn trưởng, vê ba phương diện này bị chỉ trích. Ở dây, này thôn trưởng, có người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, tự mình hành xác, hành khô? chứng được thiện pháp, nhưng không chứng ngộ pháp Thượng nhân, tri kiến thù thăng xứng đáng bậc Thánh. Người tu khô hạnh, sông khăc khổ này, này thôn trưởng, về hai phương diện bị chỉ trích, về một phương diện được tán thán. Thế nào là yề hai phương diện người ấy bị chỉ trích? Người ấy tự mình hành xác, hành khổ, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không chứng ngộ pháp Thượng nhân5 tri kiến thù thắng xứng dáng bậc Thánh, về phương diện thứ hai này, người ây bị chỉ trích. Thê nào là vê một phương diện người ấy được tán thán? Người ấy chứng được thiện pháp, về phương diện này? người ây được tán thán. Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này, này thôn trưởng, về hai phương diện bị chỉ trích, về một phương diện được tán thán. Ở đây, này thôn trưởng, có người tu khổ hạnh, sống khắc khổ5 tự mình hành xác, hành khổ5 chứng được thiện pháp, và chứng ngộ pháp Thượng nhân, tri kiên thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này về một phương diện bị chí trích, về hai phương diện được tán thán, về một phương diện nào người ấy bị chỉ trích? Người ấy tự mình hành xác, hành khổ, về phương diện này, người ấy bị chỉ trích, về hai phương diện nào người ấy được tán thán? Người ây chứng được thiện pháp, vê phương diện thứ nhât này, người ây được tán thán. Người ấy chứng ngộ pháp Thượng nhan, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, về phương diện thứ hai này, người ây được tán thán.

Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này, này thôn trưởng, về một phương diện bị chỉ trích, về hai phương diện được tán thán.

VI Này thôn trưởng, có ba pháp thiết thực hiện tại, không có già lão, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu. Thế nào là ba? Phàm người tham dục (râgế7)? do nhân tham dục? nghĩ đên tự hại5 nghĩ đên hại người khác, nghĩ đến hại cả hai. Khi tham dục được đoạn tận, người ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người khác, không nghĩ đến hại cả hai. Như vậy5 những [gu* này] thiết thực hiện tại, không có già lão9 có hiệu quả tức thời, đên đê mà thây, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu. Phàm người sân hận, do nhân sân hận, nghĩ đên tự hại, nghĩ đên hại người khác, nghĩ đến hại cả hai. Khi sân hận được đoạn tận5 người ấy không nghĩ đến tự hại5 không nghĩ đến hại người khác, không nghĩ đến hại cả hai. Như vậy5 những [quả này] thiết thực hiện tại? không có già lão9 có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu. Phàm người si mê5 do nhân si mê5 nghĩ đên tự hại, nghĩ đên hại người khác5 nghĩ đến hại cả hai. Khi si mê được đoạn tận, vị ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người khác, không nghĩ đến hại cả hai. Như vậy, những [quả này] thiết thực hiện tại, không có già lão, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu. Ba pháp này, này thôn trưởng, thiết thực hiện tại, không có già lão, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu. Khi được nghe nói vậy5 thôn trưởng Rãsiya bạch Thế Tôn: Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn!... Từ nay cho đến mạng chung5 con trọn đời quy ngưỡng. XIII. KINH PÃTALIYA (Pataliyasutta)iQ (S. IV. 340) 365. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Koliya, tại thị trấn của dân chúng Koliya tên là Uttara. Rồi thôn trưởng Pătaliya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên5 thôn trưởng Pãtaliya bạch Thế Tôn: Con được nghe răng, bạch Thê Tôn5 Sa-môn Gotama biêt huyên thuật (mãyã). Bạch Thế Tôn, những ai nói rằng Sa-môn Gotama biết huyễn thuật, những người ấy, bạch Thế Tôn, có nói đúng với lời Thế Tôn hay không? Họ không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, họ trả lời đúng pháp, tùy pháp

10 Pãtaliya gãma: Tên thành phố Patna ngày nay của Ấn Độ.

(sahadhammikò)! Và những ai nói lời tương ứng đúng pháp, không có lý do gì để chỉ trích. Bạch Thế T6n, chúng con không muốn chống báng Thế Tôn (abbhakkhãíi). Những ai nói rằng, này thôn trưởng, Sa-môn Gotama biết huyễn thuật, những người ấy nói đúng lời nói của Ta. Họ không xuyên tạc Ta với điều không thật. Họ nói lời đúng pháp? tùy pháp. Và những ai nói lời tương ứng đúng pháp, không có lý do để chỉ trích. Như vậy là đúng sự that, bạch Thế Tôn tuy rằng con không tin các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy nói rằng Sa-môn Gotama biết huyễn thuật. Như vậy? bạch Thế Tôn? cuối cùng Sa-môn Gotama là người sống theo huyễn thuật. Ai nói răng: “Nhu Lai biêt huyên thuậf\ người ây có nói răng Như Lai là người sống theo huyễn thuật, nói rằng như vậy là Thế Ton, như vậy là Thiện Thệ? Vậy này thôn trưởng, về vấn đề này Ta sẽ hỏi ông. Nếu có thể kham nhẫn, ông có thể trả lời. I 1) Ong nghĩ thê nào, này thôn trưởng? Ong có biêt? này thôn trưởng, các người làm thuê của dân chúng Kosala có búi

tóc thòng xuống? Con có biết, bạch Thế Tôn? các người làm thuê của dân chúng Kosala có búi tóc thòng xuống. Ông nghĩ thế nào? này thôn trưởng? Dùng vào mục đích gì mà những người làm thuê của dân chúng Kosala có búi tóc thòng xuống? - Những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala được dùng để chế ngự các người ăn trộm và đê mang đi các tin tức cho dân chúng Kosala. Được dùíiẸ vào mục đích ấy, bạch Thế Tôn? là những người làm thuê có búi tóc thòng xuông của dân chúng Kosala. Ong nghĩ thê nào, này thôn trưởng, ông có biêt những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala là những người trì giới hay là những người ác giới? Con được biết, bạch Thế Tôn9 những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala là những người ác giới, theo ác pháp. Nếu có những người theo ác giới, theo ác pháp ở đời5 chính là những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala, không có ai khác. Này thôn trưởng, nêu có ai nói răng: "Thôn trưởng Pãtaliya biêt được những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala là người ác giới, theo ác pháp, thời thôn trưởng Pãtaliya cũng là người theo ác giới, theo ác pháp", người nói như vậy có nói một cách chơn chánh không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala là khác; còn con là khác. Tự tánh của những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala là khác; tự tánh của con là khác.

42. TƯƠNG ƯNG THÔN TRƯỞNG * 957

Này thôn trưởng, ông sẽ được tiếng như sau: "Th6n trưởng Pãtaliya biết rằng, các người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala là những người ác giới, theo ác pháp. Nhimg thôn trưởng Pãtaliya không phải là người có ác giới, theo ác pháp.95 Như vậy? tại sao Như Lai lại không được tiếng rằng Như Lai là người biết huyễn thuật, nhung Như Lai không phải là người sống theo huyễn thuật? Này thôn trưởng, Ta rõ biết huyễn thuật và quả dị thục của huyễn thuật. Và thực hành như thế nào mà một người làm huyễn thuật, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ta rõ biết như vậy. 2) Này thôn trưởng, Ta rõ biết sát sanh và quả dị thục của sát sanh. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người sát sanh, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ? địa ngục. Này thôn trưởng, Ta rõ biết lấy của không cho và quả dị thục của lấy của không cho. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người lấy của không cho? sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ? ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này thôn trưởng, Ta rõ biết sự sống theo tà hạnh trong các dục và quả dị thục của sự sống theo tà hạnh trong các dục. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người sống tà hạnh trong các dục, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này thôn trưởng, Ta rõ biết nói láo và quả dị thục của nói láo. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người nói láo, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú? đọa xứ, địa ngục. Này thôn trưởng, Ta rõ biết nói hai lưỡi và quả dị thục của nói hai lưỡi. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người nói hai lưỡi5 sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này thôn trưởng, Ta rõ biêt nói lời độc ác và quả dị thục của nói lời độc ác. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người nói lời độc ác, sau khi

thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ? ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này thôn trưởng, Ta rõ biết nói lời phù phiêm và quả dị thục của nói lời phù phiếm. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người nói lời phù phiếm, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú? đọa xứ, địa ngục. Này thôn trưởng, Ta rõ biết lòng tham dục và quả dị thục của lòng tham dục. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thê nào mà một người có lòng tham dục? sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này thôn trưởng, Ta rõ biết lòng sân hận và quả dị thục của lòng sân hận. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người có lòng sân hận, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, đọa ngục. Này thôn trưởng, Ta rõ biết tà kiến và quả dị thục của tà kiến. Và Ta cũng

rõ biết một người cố tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thii, đọa xứ, địa ngục. II Này thôn trưởng, có một số Sam6n, Bà-la-môn nào nói như sau, thấy như sau: "Ai sát hại sanh mạng; tât cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khô ưu. Ai lây của không cho; tất cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ iru. Ai sống tà hạnh trong các dục; tất cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu. Ai nói láo; tất cả5 ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu." 1) Nhưng này thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người đeo vòng hoa, đeo bông tai, khéo tắm, khéo thoa dầu sáp, râu tóc chải chuốt, được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua. về người này, họ hỏi: "Này bạn, người này đã làm gì mà được đeo vòng hoa, đeo bông tai, được khéo tắm, tóc râu chải chuốt, được nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua?" Các ông trả lời về người ấy như sau: "Này bạn, người này đã đập tan kẻ thù nghịch của vua và đoạt mạng sống của kẻ đó. Nhà vua hoan hỷ đối với người ấy, nên đã thưởng cho người ấy. Do vậy, nạười này được đeo v6ng hoa, được đeo bông tai, được khéo tắm, khéo thoa dầu sáp, râu tóc chải chuốt, được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua." 2) Nhưng này thôn trưởng, ở đây5 chúng ta thấy có người hai tay bị trói chặt ra đằng sau bởi một sợi dây thật chắc, đầu cạo trọc5 với tiếng trống chát tai, được dẫn đi từ đường này qua đường khác5 từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác5 rồi được dắt ra khỏi cửa thành phía Nam, và bị chặt đầu tại cửa thành phía Nam. về người này, họ hỏi: "Này bạn5 người này đã làm gì mà hai tay bị trói chặt ra đằng sau bởi một sợi dây thật chắc, đầu cạo trọc, với tiếng trống chát tai, được dẫn đi từ đường này qua đường khác, từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác, rồi được dắt ra khỏi cửa thành phía Nam, và bị chặt đầu tại cửa thành phía Nam?" Các ông trả lời về người ấy như sau: "Này bạn, người này là kẻ thù của vua. Người này đã đoạt mạng sống một người đàn bà hay một người đàn ông. Do vậy, người của vua bắt người này và đối xử như vậy với người này." Ong nghĩ thê nào, này thôn trưởng, ông có bao giờ thây hay nghe một người như vậy chăng? Bạch Thế Tôn, con từng thấy và nghe một người như vậy, và sẽ được nghe trong tương lai. Ở dây, này thôn trưởng, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau, thấy như sau: "Ai sát hại sanh mạng; tất cả, ngay trong hiện tại5 cảm thọ khổ ưu", họ nói đúng sự thật hay nói láo?

Bạch Thế Tôn, họ nói láo. Và những người nói lời hư ngụy5 nói láo, họ là người trì giới hay ác giới. Là người ác giới, bạch Thế Tôn. Những người ác giới, theo ác pháp là tà hạnh hay chánh hạnh? Là tà hạnh, bạch Thế Tôn. Những người tà hạnh là những người có tà kiên hay có chánh kiên? Là những người có tà kiến, bạch Thế Tôn. -Và những người có tà kiến, có hợp lý chăng khi đặt tin tưởng vào họ? Thưa không, bạch Thế Tôn. 3) - Nhưng này thôn trưởng, ở đây? chúng ta thây có người đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chăng khác vị vua. Vê người này, họ hỏi: "Người này đã làm gì mà được đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua?" Các ông trả lời về người ấy như sau: "Này bạn, người này đã đập tan kẻ thù nghịch của vua và đem về châu báu. Nhà vua hoan hỷ với người ấy nên đã thưởng người ấy. Do vậy9 người này được đeo vòng hoa, được đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chăng khác vị vua.” 4) Nhưng này thôn trưởng, ở đây9 chúng ta thấy có người hai tay bị trói chặt ra đằng sau... và bị chặt đầu tại cửa thành phía Nam. về người này, họ hỏi: "Này bạn, người này đã làm gì mà hai tay bị trói chặt ra đằng sau... tại cửa thành phía Nam?" Các ông trả lời về người ấy như sau: "Này bạn, người này đã từ làng hay từ ngôi rừng lấy những vật không cho, được gọi là ăn trộm. Do vậy, những người của nhà vua bắt người này và đôi xử như vậy với người nay?9 Ong nghĩ thê nào, này thôn trưởng, ông có bao giờ thây hay nghe một người như vậy chăng? - Bạch Thế Tôn? con từng thấy và nghe một người như vậy, và sẽ được nghe trong tương lai. —Ở đây, này thôn trưởng, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau, thấy như sau: "Ai lấy của không cho; tất cả5 ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu." Họ nói đúng sự thật hay họ nói láo?... (như trên)... Và những người có tà kiến, có hợp lý chăng khi đặt tin tưởng vào họ? -Thưa không, bạch Thế Tôn. 5) Nhưng này thôn trưởng, ở đây, chúng ta thây có người đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chăng khác vị vua. về người này, họ hỏi:

"Người này đã làm gì mà được đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua?" Các ông trả lời về người ấy như sau: “Này bạn, người này có tà hạnh với những người vợ của kẻ thù nghịch của vua. Nhà vua hoan hỷ với người ấy nên đã thưởng người ấy. Do vậy, người ấy được đeo vòng hoa, được đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua." 6) Nhưng này thôn trưởng, ở dây, chúng ta thấy có người hai tay bị trói chặt... và bị chặt đầu tại cửa thành phía Nam. về người này, họ hỏi: "Này bạn, người này đã làm gì mà hai tay bị trói chặt ra đằng sau... tại cửa thành phía Nam?" Các ông trả lời về người ấy như sau: uNày bạn, người ấy đã phạm tà hạnh với các phụ nữ và các con gái các gia đình. Do vậy, các người của nhà vua bắt người ấy và đối xử như vậy với người ấy.95 Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, ông có bao giờ thấy hay nghe một người như vậy chăng? Bạch Thế Tôn, con từng thấy và nghe một người như vậy? và sẽ được nghe trong tương lai. Ở dây, này Thôn trưởng, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau, thấy như sau: "Ai có tà hạnh trong các dục; tất cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu”, họ nói đúng sự thật hay họ nói láo?... (như trên)... Và những người có tà kiến, có hợp lý chăng khi đặt tin tưởng vào họ? Thưa không, bạch Thế Tôn. 7) Nhưng ở dây, này thôn trưởng, chúng

ta thấy có người đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua. về người ấy, họ hỏi: "Người này đã làm gì mà được đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua?" Các ông trả lời vê người ây như sau: uNày bạn? người này làm cho vua cười với lời nói láo. Nhà vua hoan hỷ với người ấy nên đã thưởng người ấy. Do vậy, người ấy được đeo vòng hoa, được đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua.” 8) Nhung này thôn trưởng, ở dây, chúng ta thấy có người hai tay bị trói chặt... và bị chặt đầu tại cửa thành phía Nam. về người này, họ hỏi: "Này bạn, người này đã làm gì mà hai tay bị trói chặt ra đằng sau... tại cửa thành phía Nam?" Các ông trả lời vê người ây như sau:

“Này bạn, người ấy do nói láo, đã phá hại tài sản của người gia chủ hay con của người gia chủ. Do vậy, các người của nhà vua bắt người ấy và đối xử như vậy với người ấy.” Này thôn trưởng, ông nghĩ thế nào, ông có bao giờ thấy hay nghe một người như vậy chăng? - Bạch Thế Tôn, con từng thấy và nghe một người như vậy, và sẽ được nghe trong tương lai. Ở đây, này thôn trưởng, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau, thấy như sau: “Ai nói láo; tất cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu”, họ nói đúng sự thật hay nói láo... (như trên)... Và những người có tà kiến, có hợp lý chăng khi đặt tin tưởng vào họ? - Thưa không, bạch Thế Tôn. III Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Con có một nạôi nhà nghỉ mát, tại đấy có những giường, có những chỗ ngồi5 có những đèn dau. Có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đến trú ngụ tại dấy, tùy theo khả năng, tùy theo sức lực, con chia se với cac vi ay. Thuở trước, bạch Thê Tôn, có bôn vị Đạo sư có quan điếm khác nhau, có [kham nhân] khác nhau, có sở thích khác nhau, đến trú ngụ tại ngôi nhà nghỉ mát ấy. 1) Một vị Đạo sư nói như sau, 11 thấy như sau: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự; không có quả dị thục các nghiệp thiện ác; không có đời này5 không có đời sau, không có mẹ, không có cha; không có các loại hóa sanh; ở đời, không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này đời khác, và truyền dạy lại." 2) Một vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: "C6 bố thí, có lễ hy sinh, có tế tự; có quả dị thục các nghiệp thiện ác; có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha5 có các loại hóa sanh; ở đời? có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này đời khác, và truyền dạy lại.95 3) Một vị Đạo sư nói như sau, 12 thấy như sau: "Tịt làm, hay khiến người làm; chém giết, hay khiến người chém giết; đốt nấu5 hay khiến người đốt nấu; gây phiền muộn9 hay khiến người gây phiền muộn; gây ảo não? hay khiến người gây ảo não; tự mình gây sợ hãi5 hay khiến người gây sợ hãi; sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào9 cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo; do duyên như vậy9 không có tội ấc, không có đi đến tội ác. Nếu lấy một bánh xe sắc bén, giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đống thịt, thành một chồng thịt; do duyên ấy, cũng không có tội ác, không đi đên tội ác. Nêu có người đi trên bờ phía Nam sông Hăng giêt hại, tàn sát, chém giêt, khiên người chém giêt, đôt nâu? khiên người

11 Chủ trương Đoạn kiến của Ajita Kesakambala. Xem D. I. 55. 12 Tà kiến của Pũrana Kassapa. Xem D. I. 55.

đốt nấu; do duyên ấy cũng không có tội ác, không đi đến tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bố thí, khiến người bố thí, tế lễ, khiến người tế lễ; do duyên ấy, không có công dức, không đi đến công dức." 4) Một vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: "Tự mình làm hay khiến người làm; chém giêt, hay tự mình chém giêt; đôt nâu, hay khiên người đốt nấu; gây phiền muộn, hay khiến người gây phiền muộn; gây ảo não, hay khiến người gây ảo não; tự mình gây sợ hãi, hay khiến người gây sợ hãi; sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc5 đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo; hành đong như vậy có tội ác, có đi đên tội ác. Nêu lây một bánh xe săc bén, giêt hại tât cả chúng sanh trên cõi đất thành một đống thit5 thành một chồng thịt* vì vậy có tội ác, có đi đến tôi ác. Nếu có người đi đến bờ phía Nam sông Hằng giết hại5 tàn sát, chém giết, khiên người chém giêt, đôt nâu, khiên người đôt nâu, có tội ác; do duyên như vậy9 có tội ác, có đi đến tội ác. Nêu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bố thí, khiến người bố thí, tế lễ, khiến người tế lễ; do duyên như vậy, có công đức, có đi đến công đức?9 5) -về vấn đề này, bạch Thế Tôn, con có phân vân9 con có nghi ngờ. Giữa những Tôn giả Sa-môn9 Bà-la-môn này5 ai là người nói sự that, ai là người nói láo? —Thôi vừa rồi, này thôn trưởng, là sự phân vân của ông. Thôi vừa rồi, là sự nghi ngờ của ông. Chính do ở điểm phân vân mà nghi ngờ khởi lên. -Bạch Thế Tôn, nhưng con có lòng tín thành như vậy đối với Thế Tôn. Thế Tôn có thể thuyết pháp cho con để sự phân vân này có thể đoạn diệt.

IV -Này thôn trưởng, có pháp thiền định.13 Ở đây, nếu ông chứng được tâm định thời ông có thể đoạn diệt sự phân vân này của ông. Và này thôn trưởng, thế nào là pháp thiền định? 1) Ở dây, này thôn trưởng, vị Thánh đệ tử sau khi đoạn tận sát sanh, vị ấy sống từ bỏ sát sanh. Sau khi đoạn tận lấy của không cho, vị ấy sống từ bỏ lấy của không cho. Sau khi đoạn tận tà hạnh trong các dục, vị ấy sống từ bỏ tà hạnh trong các dục. Sau khi đoạn tận nói láo, vị ấy sống từ bỏ nói láo. Sau khi đoạn tận nói hai lưỡi, vị ây sông từ bỏ nói hai lưỡi. Sau khi đoạn tận nói lời độc ác, vị ấy sống từ bỏ nói lời độc ác. Sau khi đoạn tận nói lời phù phiếm, vị ấy sống từ bỏ nói lời phù phiếm. Sau khi đoạn tận tham dục, vị ấy sống từ bỏ lòng tham. Sau khi đoạn tận lòng sân, vị ấy sống từ bỏ lòng sân. Sau khi từ bỏ tà kiến, vị ấy sống theo chánh kiến. Vị Thánh đệ tử ấy, này thôn trưởng, với lòng tham từ bỏ như vậy.914 với lòng sân từ bỏ như vậy, không có lòng si, tỉnh giác, chánh niệm, sống biến mãn một

13 SA. III. 110: Dhammasamãdhỉ với 10 thiện pháp. 14 Xem s. IV. 316; KS. IV. 223 (kinh 8 ở trước).

phương với tâm câu hữu với từ; cũng vậy, phương thứ hai; cũng vậy, phươnẹ thứ ba; cũng vậy5 phương thứ tư; như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bê ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ,

quảng dại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy suy tư như sau: "Vi Đạo sư nói như sau, thấy như sau: 'Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự; không có quả dị thục các nghiệp thiện ác; không có đời này, không có đời sau; không có mẹ, không có cha; không có các loại hóa sanh; ở đời không có những vị Sa-m6n, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này đời khác, và truyền dạy lại/ Nếu vị Tôn giả Đạo sư này nói đúng sự that, ta cũng không có tội lỗi gì. Vì ta không có hại một ai, kẻ yếu hay kẻ mạnh, ở đây cả hai phương diện5 ta là kẻ gieo quẻ gặp may. Thân ta được hộ tri, lòi nói được hộ trì, ý được hộ trì. Và sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh thiện thú, thiên giới." Với vị ấy, hân hoan sanh khởi; do hân hoan, hỷ sanh khởi; do hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ được cảm giác; với người cảm giác lạc thọ5 tâm được định tĩnh. Này thôn trưởng, đây là pháp thiền định. Ở đây5 nếu ông được tâm định như vậy, sự phân vân của ông được đoạn diệt. 2) Vị Thánh đệ tử ây, này thôn trưởng, với lòng tham được từ bỏ như vậy, với lòng sân được từ bỏ như vậy5 không có lòng si, sống tỉnh giác, chánh niệm, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ; cũng vậy, phương thứ hai; cũng vậy, phương thứ ba; cũng vậy, phương thứ tư; như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ5 cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Vị ấy suy tư như sau: Đạo sư nói như sau, thấy như sau: 'Có bố thí, có lễ hy sinh5 có tế tự; có quả dị thục các nghiệp thiện ác; có đời này, có đời sau; có mẹ? có cha, có các loại hóa sanh; ở đời? có những vị Sa-môn5 Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh5 đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này đời khác và truyên dạy lại/ Nêu vị Tôn giả Đạo sư này nói đúng sự that, ta cũng không có tội lỗi gì, vì ta không hại một ai, kẻ yếu hay kẻ mạnh. Ở đây, cả hai phương diện9 ta là kẻ gieo quẻ gặp may. Thân ta được hộ trì. Lời nói ta được hộ trì. Ý ta được hộ trì. Và sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh thiện thú, thiên gi&i." Với vị ấy, hân hoan sanh khởi... (như trên)... như vậy, sự phân vân của ông được đoạn diệt. 3) Vị Thánh đệ tử, này thôn trưởng, với lòng tham được từ bỏ như vậy... biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ... không hận5 không sân. Vị ấy suy tư như sau: Đạo sư nói như sau, thấy như sau: 'Tự làm hay khiến người làm... (như trên)... hành động như vậy không có tội ác gì/ Nếu vị Tôn giả Đạo sư này nói đúng sự thật, ta cũng không có tội lỗi gi." (như trên)... như vậy5 sự phân vân của ông được đoạn diệt. 4) Vị Thánh đệ tử, này thôn trưởng, với lòng tham được từ bỏ như vậy... biên mãn một phương tâm câu hữu với từ... không hận, không sân. Vị ây suy tư như sau: uVị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: 'Tự mình làm hay khiến người

r 9 Ị"

khác làm... (như trên)... do duyên ây, có tội ác, có đi đên tội ác... do nhân duyên ấy, có công dức, có đi đến công dức.” Nếu Tôn giả Đạo sư này nói đúng sự thật, ta cũng không có tội lỗi gL.." (như trên)... như vậy, sự phân vân của ông được đoạn diệt. V 1) Vị Thánh đệ tử, này thôn trưởng... (như đoạn (1) phần IV, kinh 365, chỉ khác, phần trước là "lâm câu hữu với từ”, phần này là "tâm câu hữu với bi... tâm câu hữu với hỷ... tâm câu hữu

với X'') 2) (Như đoạn (2) phần IV, kinh 365, chỉ khác phần này là "tâm câu hữu với bi... câu hữu với hỷ... câu hữu với xM'). 3) (Như đoạn (3) phần IV kinh 365, chỉ khác phần này là "tâm câu hữu với bi... câu hữu với hỷ... câu hữu với x*'). 4) (Như đoạn (4) phần IV kinh 365, chỉ khác phần này là "tâm câu hữu với bi... câu hữu với hỷ... câu hữu với xM'). Khi được nghe nói vậy, thôn trưởng Pãtaliya bạch Thế Tôn: Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn, thật là vi diệu, bạch Thế Tôn!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

43. TƯƠNG ƯNG vô VI {ASANKHA TASAMYUTTA)

PHẦN MỘT

PHẨM THỨ NHÁT (PATHAMAVAGGA)

I. KINH NIỆM THÂN (Kãyagatãsatisuttd)Ỵ (S IV. 359) 366. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về pháp vô vi và con đường đưa đến vô vi (asankhată). Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là vô vi? Này các Tỷ-kheo5 sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là vô vi. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là con đường đưa đến vô vi? Thân niệm (kãyagatãsati). này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến vô vi. Như vậy, này các Tỷ-kheo? Ta thuyêt vê vô vi; Ta thuyêt vê con đường đưa đến vô vi. Này các Tỷ-kheo, những gì một bậc Đạo sư cân phải làm cho những đệ tử, vì hạnh phúc, vì lòng từ mẫn, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với họ; tất cả, Ta đã làm đối với các ông. Này các Tỷ-kheo5 đây là những gốc cây? đây là những căn nhà trống, hãy tu tập thiền định. Chớ có phóng dật. Chớ để hối hận về sau. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông. II. KINH CHỈ QUÁN (Samathavipassanãsutta)123 (5. IV. 360) 367. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông vê vô vi và vê con đường đưa đến vô vi. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là vô vi? Này các Tỷ-kheo, sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân? sự đoạn tận si. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô vi. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi, chỉ và quán, này các Tỷ-kheo? đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên).

1 Bản tiếng Anh của PTS: Body, nghĩa là Thân. 2 Xem s IV. 129; KS. IV. 85 (kinh 146 ở trước). 3 Bản tiếng Anh của PTS: Calm, nghĩa là Chỉ.

III. KINH CÓ tAM, Có Tứ (Savitakkasavicãrasuttay (S IV. 360) 368. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là con đường đưa đến vô vi? Có định có tầm9 có tứ; có định không tầm5 có tứ; có định không tầm, không tứ. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là con đường đưa đến vô vi... (như trên).

IV KINH ĐỊNH VÀ TÁNH KHÔNG (Sunnatasamãdhisuttă)45 (5. IV. 360) 369. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là con đường đưa đến vô vi? Không định, vô tướng định, vô nguyện định. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên). V. KINH NIỆM XỨ (SatìpaỊIhãnasutta) (S IV. 360) 370. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Bốn niệm xứ, này các Tỷ-kheo9 đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên).

VI. KINH CHÁNH CẢN (Sammappadhãnasutta) (5. IV. 360) 371. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Bốn chánh cần, này các Tỷ-kheo5 đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên).

VII. KINH NHƯ Ý TÚC (Iddhipãdasuttă) (S. IV. 360) 372. Này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Bốn như ý túc, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên).

VIII. KINH CĂN (Indríyasutta) (5. IV. 361) 373. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Năm căn, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên).

IX. KINH Lực (Balasutta) (5. IV. 361) 374. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Năm lực, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên).

X. KINH GIÁC CHI (Bojjhangasutta) (5. IV. 361) 375. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên).

XI. KINH CÁC CON ĐƯỜNG (Maggangasutta) (S. IV. 361) 376. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Con đường Thánh đạo tám ngành, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi. Như vậy, này các Tỷ-kheo? Ta thuyết vê vô vi, Ta thuyết vê con đường đưa đến vô vi. Này các Tỷ-kheo, những gì một bậc Đạo sư cần phải làm cho những đệ tử,

4 Bản tiếng Anh của PTS: Directed Thought, nghĩa là Tầm. 5 Bản tiếng Anh của PTS: Void, nghĩa là Không.

vì hạnh phúc, vì lòng từ mẫn, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với họ; tất cả, Ta đã làm đối với các ông. Nàỵ các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống, hãy tu tập thiến định. Chớ có phóng dật. Chớ để hối hận về sau. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

III. SÁU ĐỊNH (1) (S IV. 363) -Và này các Tỷ-kheo, thê nào là con đường đưa đên vô vi? Định có tâm, có tứ, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên). IV. SÁU ĐỊNH (2) (5. IV. 363) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Định không tầm, chỉ có tứ; này các Tỷ-kheo? đây là con đường đưa đến vô vi... V. SÁU ĐỊNH (3) (S IV. 363) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Định không tầm, không tứ; này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... VI. SÁU ĐỊNH (4) (5. IV. 363) Và này các Tỷ-kheo? thế nào là con đường đưa đến vô vi? Không định; này các Tỷ-kheo? đây là con đường đưa đến vô vi... VIL SÁU ĐỊNH (5)(y IV. 363) -Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là con đường đưa đến vô vi? Định vô tướng; này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... VIII. SÁU ĐỊNH (6) (S IV. 363) -Và này các Tỷ-kheo, thê nào là con đường đưa đên vô vi? Định vô nguyện; này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... IX. BỐN NIỆM XỨ (1) (S IV. 364) -Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con

đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tùy quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm5 nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là con đường đưa đến vô vi... X-XIL BỐN NIỆM XỨ (2-4) (S IV. 364) -Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sông tùy quán thọ trên thọ... tùy quán tâm trên tâm... tùy quán pháp trên pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... XIII. BỐN CHÁNH CẦN (1) (S IV. 364) -Và này các Tỷ-kheo5 thế này là con đường đưa đến vô vi? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo phát sanh lòng ước muôn răng các ác, bât thiện pháp chưa sanh không cho sanh khởi, tinh cân, tinh tân, kiên tâm, trì chí. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... XIV-XVI. BỔN CHÁNH CÀN (2-4) (S. IV. 364) -Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phát sanh lòng ước muôn răng các ác, bât thiện pháp đã sanh

được đoạn tận5 tinh cần, tinh tấn, kiên tâm, trì chí... phát sanh lòng ước muốn rằng các thiện pháp chưa sanh được sanh khởi... phát sanh lòng ước muốn rằng các thiện pháp đã sanh được an trú, không tán that, được tăng trưởng, được quảng dại, được tu tập, được viên mãn, tinh cần, tinh tấn, kiên tâm, trì chí. Này các Tỷ-kheo? đây là con đường đưa đến vô vi... XVII. BỐN NHƯ Ý TÚC (1) (S. IV. 365) -Và này các Tỷ-kheo thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục thiền định, tinh cần hành. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến vô vi... XVIII-XX. BỐN NHƯ Ý TÚC (2-4) (S IV. 365) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây5 này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với tâm thiền định, tinh cần hành... câu hữu với tinh tấn thiền định... câu hữu với tư duy thiền định, tinh càn hành. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... XXL NĂM CÀN (1) (5. IV. 366) -Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo tu tập tín căn9 y cứ viễn ly, y cứ ly tham, y cứ diệt tận, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo5 đây là con đường đưa đến vô vi... XXII-XXV. NĂM CĂN (2-5)(y IV. 366) —Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 tu tập tấn căn... tu tập niệm căn... tu tập định căn... tu tập tuệ căn5 y cứ viễn ly, y cứ ly tham, y cứ diệt tận5 hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... XXVI-XXX. NĂM Lực (1-5) (5. IV. 366) -Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở dây, này các Tỷ-kheo, tu tập tín lực... tấn lực... niệm lực... định lực... tuệ lực, y cứ viễn ly5 y cứ ly tham, y cứ diệt tận, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo5 đây là con đường đưa đến vô vi... XXXI-XXXVII. BẢY GIÁC CHI (1-7) (5. IV. 367) -Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở dây, này các Tỷ-kheo, tu tập niệm giác chi... trạch pháp giác chi... tinh tấn giác chi... hỷ giác chi... khinh an giác chi... định giác chi... xả giác chi, y cứ viễn ly, y cứ ly tham, y cứ diệt tận5 hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đên vô vi... XXXVIII-XLV. TÁM CHÁNH ĐẠO (1-8) (5. IV. 367) —Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây5 này các Tỷ-kheo9 tu tập chánh tri kiến... chánh tư duy... chánh ngữ... chánh nghiệp... chánh mạng... chánh tinh tấn... chánh niệm... chánh định, y cứ viễn ly, y cứ ly

tham5 y cứ diệt tận hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

II. KINH MỤC ĐÍCH CUỐI CÙNG (Anatasutta) (S IV. 368) 378. -Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về mục đích cuối cùng và con đường k ỉ đưa đên mục đích cuôi cùng5 hãy lăng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là mục đích cuối cùng?... (Như đoạn về "V6 vi" từ Iđến XLV). III. KINH VÔ LẬU (Anãsavãdisutta) (5. IV. 370) 379. Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ thuyết về vô lậu và con đường đưa đến vô lậu5 hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vô lậu?... (Như đoạn về "V6 vi" từ I đến XLV). IV. KINH Sự THẬT (Saccasutta) (5. IV. 370) 380. Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ thuyết về sự thật và con đường đưa đến sự thật, hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là sự thật?...

V. KINH BỜ BÊN KIA (Pãrasutta) (S IV 370) 381 . Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ thuyết về bờ bên kia và con đường đưa đến bờ bên kia, hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bờ bên kia?...

VI. KINH TẾ NHỊ (Nipunasutía) (5. IV. 370) 382. Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ thuyết về bờ ben kia và con đường đưa đến bờ bên kia, hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là bờ bên kia?... (Các bài kinh sau tương tự được đánh số từ 383-408)

VII. KINH KHÓ THẤY ĐƯỢC (Sududdasasuttd) (S IV. 370)

VIII. KINH KHÔNG GIÀ (Ajajjarasutta)(y IV. 370)

IX. KINH THƯỜNG HẰNG (Dhuvasutta) (5. IV. 370)

X. KINH KHÔNG SUY YÉU (Apaỉokitasutta) (S. IV. 370)

XI. KINH KHÔNG THẤY (Anidassanasuíta) (5. IV. 370)

XII. KINH KHÔNG LÝ LUẬN (Nippapancasutta) (5. IV. 370)

XIII. KINH TỊCH TỊNH (Santasuttă) (S. IV. 370)

972 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IV. THIÊN SÁU XỨ

XIV. KINH BẤT TỬ (Amatasutta) (5. IV. 371)

XV KINH THÙ THẮNG (Panĩtasutta) (S IV. 371)

XVI. KINH AN LẠC (Sivasutta) (5. IV. 371)

XVII. KINH AN ỔN (Khemasutta) (S IV. 371)

XVIII. KINH ÁI ĐOẠN TẬN (Tanhãkkhayasutta) (S IV. 371)

XIX. KINH BẮT KHẢ Tư NGHÌ (Accharỉyasutta) (S IV 371)

XX. KINH HY HỮU (Ạbhũtasuttà) (SIV. 371)

XXI. KINH KHÔNG TAI HỌA (Anĩtìkasutta) (5. IV. 371)

XXII. KINH KHÔNG BỊ TAI HỌA (Anĩtikađhammasutta) (5. IV. 371)

XXIII. KINH NIẾT-BÀN (Nibbãnasutta) (S. IV. 371)

XXIV. KINH KHÔNG TỔN HẠI (Abyđpạijhasutta) (S. IV. 371)

XXV. KINH LY THAM(yỉrãgasuttd)(y IV. 371)

XXVI. KINH THANH TỊNH ỤSuddhisuttă) (S. IV. 371)

XXVII. KINH GIẢI THOÁT (Muttisutta) (S IV. 371)

XXVIII. KINH KHÔNG CHẤP GIỮ (Anãlayasutta) (5. IV. 371)

XXIX. KINH NGỌN ĐÈN (Dĩpasuttà) (5. IV. 371)

XXX. KINH HANG ẨN (Lenasutta) (S IV. 371)

XXXI. KINH PHÁO ĐÀI (Tãnasutta) (5. IV. 371)

XXXIL KINH QUY Y (Saranasutta) (S IV. 371)

43. TƯƠNG ƯNG VÔ VI 973

XXXIII. KINH ĐẾN BỜ BÊN KIA (Parãyanasutta) (S. IV. 372) 409. Này các Tỷ-kheo9 Ta sẽ thuyêt cho các ông vê sự đên bờ bên kia và con đường đưa đến bờ bên kia, hãy lắng nghe. Này các Tỷ-kheo, thế nào là đến bờ bên kia? Này các Tỷ-kheo, sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si; này các Tỷ-kheo? đây gọi là đến bờ bên kia. Và này các Tỷ-kheo? thê nào là con đường đưa đên bờ bên kia? Thân niệm, này các Tỷ-kheo, là con đường đưa đến bờ bên kia. Như vậy? này các Tỷ-kheo, Ta thuyết về sự đến bờ bên kia, Ta thuyết về con đường đưa đến bờ bên kia. Này các Tỷ-kheo? những gì một bậc Đạo sư cần phải làm cho những đệ tử, vì hạnh phúc, vì lòng từ mẫn, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với họ; tất cả? Ta đã làm cho các ông. Này các Tỷ-kheo? đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống, hãy tu tập thiền định, chớ có phóng dật? chớ để hối hận về sau. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông. (Như đoạn về UVÔ vi" từ I đến XLV).

44. TƯƠNG ƯNG KHÔNG THUYẾT (ABYÃKATASAMYUTTA)1

I. KINH TRƯỞNG LÃO NI KHEMÃ (Khemãsutta)2 (5. IV. 374) 410. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo-ni Khemã đang đi du hành giữa dân chúng Kosala và trú ở tại Toranavatthu, giữa Sãvatthi và Sãketa. Vua Pasenadi nước Kosala cũng đang đi từ Sãketa đến Sãvatthi và trú một đêm ở Toranavatthu, giữa Sãketa và Sãvatthi. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala gọi một người và nói: Hãy đến, này người kia. Ònệ có biết vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào ở tại Toranavatthu để hôm nay ta có the đến yết kiến vị ấy? —Thưa vâng? tâu Đại vương. Người ấy vâng đáp Vua Pasenadi nước Kosala, đi tìm khắp Toranavatthu khônẹ thay có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đê Vua Pasenadi nước Kosala có thể đen yết kiến. Rồi người ấy thấy Tỷ-kheo-ni Khemã đến trú ở Toranavatthu; sau khi thấy, người ây đi đên Vua Pasenadi nước Kosala và thưa: -TâuĐại vương, tại Toranavatthukhông có vị Sa-mônhay Bà-la-mônnào để Đại vươnệ có the yết kiến. Nhưng tâu Đại vương, có Tỷ-kheo-ni Khemã là đệ tử của The Ton, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi yề bậc nữ Ton giả ấy: "Nữ Tôn giả là bậc Hiền trí, thông

minh, có trí, nghe nhiều, lời nói đến tâm? ứng đáp lanh Iqi.” Đại vương có thể đến yết kiến vị ấy. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala đi đến Tỷ-kheo-ni Khemã; sau khi dến, đảnh lê vị ây rôi ngôi xuông một bên. Ngôi một bên, Vua Pasenadi nước Kosala thưa với Tỷ-kheo-ni Khemã: Thưa nữ Tôn giả, Như Lai có tồn tại sau khi chết không? Tâu Đại vương, Thế Tôn không trả lời: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết.” Thế là, thưa nữ Tôn giả, Như Lai không tồn tại sau khi chết? Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết.,,

1A byãkatasamyutta còn có nghĩa là Tương ưng Vô kỷ. 2 Xem Pss. Sis. 81ff.

Thế là, thưa nữ Tôn giả, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết? -Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: “Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết.” Thế là, thưa nữ Tôn giả? Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết? Tâu Đại yương5 Thế Tôn cũng không trả lời: “Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Được hỏi: "Thua nữ Tôn giả, Như Lai có tồn tại sau khi chết khong?95 Nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương, Thế Tôn không trả lời: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết.” Được hỏi: "Thế là, thưa nữ Tôn gi,có phải Như Lai không tồn tại sau khi chết không?99 Nữ Ton giả trả lời: uTau Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai không có tồn tại sau khi chết.999 Được hỏi: uThế là5 thưa nữ Tôn giả? có phải Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?” Nữ Tôn giả trả lời: :Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết.'" Được hỏi: "Thế là, thưa nữ Tôn giả, có phải Như Lai không tồn tại va không không tồn tại sau khi chết?” Nữ Tôn giả trả lời: “Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.5 99 Thưa nữ Tôn giả, do nhân gi, do duyên gì, Thế Tôn lại không trả lời? -Vậy thưa Đại vương, ở đây, tôi sẽ hỏi Đại vương. Đại vương kham nhẫn như thế nào, hãy trả lời như vậy. Đại vương nghĩ thế nào? thưa Đại vương, Đại vương có người kế toán nào, chưởng ấn nào (muddikd). toán số nào có thê đếm được cát sông Hằng có số hạt cát như vậy9 có số trăm hạt cát như vậy5 có số ngàn hạt cát như vậy? có số trăm ngàn hạt cát như vậy? Thưa không, thưa nữ Tôn giả. - Đại vương có người kế toán nào, có ïiệười chưởng ấn nào, có người toán số nào có thể đong lường được nước của biên lớn có số đấu nước3 như vậy? có sô trăm đâu nước như vậy? có sô ngàn đâu nước như vậy5 có sô trăm ngàn đâu nước như vậy? Thưa không, thưa nữ Tôn giả. Vì sao? -Thưa nữ Tôn giả, vì rằng biển lớn thâm sâu, vô lường, khó dò đến đáy. -Cũng vậy, thưa Đại vương, nêu có người muôn định nghĩa Như Lai ngang qua sắc thân (rũpa\ nhưng sắc thân ấy, Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ? làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; được giải thoát khỏi sự ước lượng của sắc thân. Thưa Đại vương, Như Lai là thâm sâu, vô lường, không thể đến tận đáy, như biển lớn.

3 ÃỊhaka\ Đơn vị đo lường. Bốn patthã thành 1 ảỉhaka; 4 ãỊhaka thành 1 dona.

Nói rằng: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết”không thể chấp nhận. Nói rằng: "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết”, cũng không thể chap nhận. Nói rằng: "Nhu Lai có tồn tại và khônệ tồn tại sau khi chết”, cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: “Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết”cũng không thể chấp nhận. Nêu có người muôn định nghĩa Như Lai ngang qua cảm thọ, nhưng cảm thọ ấy, Như Lai đã đoạn tận5 cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; được giải thoát khỏi sự ước lượng của cảm thọ. Thưa Đại vương, Như Lai là thâm sâu, vô lường, không thê đên tận đáy, như biên lớn. Nói răng: "Nhu Lai có tôn tại sau khi chếty, không thể chấp nhận... Nói rằng: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết”cũng không thể chấp nhận. Nếu có người muốn định nghĩa Như Lai qua các tưởng... qua hành... qua các thức; nhimg thức ấy, Như Lai đã đoạn tận5 căt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la? làm cho không thể tái sanh5 làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; được giải thoát khỏi sự ước lượng của thức. Thưa Đại vương, Như Lai là thâm sâu, vô lường, không thể đến tận đáy, như biển lớn. Nói rằng: “Nhu Lai có tôn tại sau khi chêf\ không thê châp nhận. Nói răng: “Nhu Lai không có tồn tại sau khi chêf\ cũng không thê châp nhận. Nói răng: “Nhu Lai có tôn tại và không co tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: 'TSÍhư Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala hoan hỷ tín thọ lời của Tỷ-kheo-ni Khemã, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Tỷ-kheo-ni Khemã, thân phía hữu hướng về nữ Tôn giả rồi ra đi. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, sau một thời gian, đi đến Thế Tôn; sau khi đên, đảnh lễ Thế Tôn rôi ngôi xuông một bên. Ngôi một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Như Lai có tồn tại sau khi chết không? Thưa Đại vương, Ta không trả lời: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết." Thế là, thưa Thế Tôn? Như Lai không có tồn tại sau khi chết? - Thưa Đại vương, Ta cũng không trả lời: "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết.” ... (như trên5 với những thay đổi cần thiết). -Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Vì rằng giữa Đạo sư với nữ đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn, có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú. Một thời, bạch Thế Tôn, con đi đến Tỷ-kheo-ni Khemã và hỏi về ý nghĩa này. Nữ Tôn giả ấy đã trả lời cho con về ý nghĩa này với những câu này, với những lời này, giống như Thế Tôn. Thật là vi diệu? bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Vì rằng giữa Đạo sư với nữ đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn

ngôn với văn ngôn, có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú. Bạch Thế Tôn, nay con phải di, con có nhiều công vụ5 nhiều việc phải làm. Thưa Đại vương, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn nói, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

II. KINH ANURÃDHA (Anurãdhasutta�best (5. IV. 380) 411. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli, tại Đại Lâm, ở Trùng Các giảng đường. Lúc bấy giờ9 Tôn giả Anurãdha đang ở một ngôi

chòi trong rừng, không xa Thê Tôn bao nhiêu. Rôi rât nhiêu du sĩ ngoại đạo đi đên Tôn giả Anurãdha; sau khi đên5 nói lên với Tôn giả Anurãdha những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên5 các du sĩ ngoại đạo ấy thưa với Tôn giả Anurãdha: —Này Hiền giả Anurãdha, Như Lai là bậc Thượng Nhan, là bậc Tối Thắng Nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thượng. Bậc Như Lai ấy đã được trình bày dưới bốn trường hợp: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tôn tại và không không tôn tại sau khi chet." —Thưa chư Hiền, Như Lai ấy là bậc Thượng Nhân, bậc Tối Thắng Nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thượng. Bậc Như Lai ấy được trình bày ngoài bốn trường hợp sau đây: “Nhu Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không có tồn tại sau khi chêt; hay Như Lai có tôn tại và không tôn tại sau khi chêt; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi cht.'' Khi được nghe nói vậy5 các du sĩ ngoại đạo ấy nói với Tôn giả Anurãdha: -Tỷ-kheo này có lẽ là mới tu, xuất gia không bao lâu; hay nếu là vị trưởng lão, thời vị này là ngu si, không có thông minh. Các du sĩ ngoại đạo ấy, sau khi chê trách (apasãdetvã) Tôn giả Anurãdha là người mới tu và ngu si, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Tôn giả Anurãdha, sau khi các du sĩ ngoại đạo ấy ra đi không bao lâu, liền suy nghi: "Neu các du sĩ ngoại đạo ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thê nào để câu trả lời của ta cho các du sĩ ngoại đạo ấy là đúng với lời Thế Tôn, ta không có xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật; ta trả lời đúnệ pháp5 thuận pháp và những ai nói lời tương ứng đúng pháp, không có cơ hội đê chỉ trích.,, Rồi Tôn giả Anurãdha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên? Tôn giả Anurãdha bạch Thế Tôn:

4Xem4 V. 320.

Ở dây, bạch Thế Tôn. con trú trong một ngôi chòi trong rừng, không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi bạch Thế Tôn, rat nhiều du sĩ ngoại đạo đi đen con; sau khi đên5 nói lên với con những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, bạch Thế Tôn? các du sĩ ngoại đạo ấy nói với con: "Này Hiền giả Anurãdha, Như Lai là bậc Thượng Nhân, là bậc Tối Thắng Nhân, là bậc đã đạt được địa vị tôi thượng. Bậc Như Lai ây đã được trình bày dưới bôn trường hợp: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."' Bạch Thế Tôn, khi được nghe nói vậy, con nói với các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Thưa chư Hiền, Như Lai là bậc Thượng Nhân, là bậc Tối Thắng Nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thắn^. Bậc Như Lai ấy được trình bày ngoài bốn trường hợp như sau: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. 5 Khi được nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với con: "Tỷ-kheo này có lẽ là mới tu, xuất gia chưa bao lâu; hay nếu là vị trưởng lão, thời vị này là ngu si, không có thông minh.^, Các du sĩ ngoại đạo ấy, sau

khi chê trách con là người mới tu và ngu si? liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Bạch Thê Tôn? khi các vị du sĩ ngoại đạo ây đi không bao lâu con suy nghĩ như sau: “Nếu các vị du sĩ ngoại đạo ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để câu trả lời của ta cho các du sĩ ngoại đạo ấy là đúng với lời Thế Tôn? ta không có xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật; ta trả lời đúng pháp5 thuận pháp và những ai nói lời tương ứng đúng pháp, không có cơ hội để chỉ trích." Ong nghĩ thê nào9 này Anurãdha, săc là thường hay vô thường? Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? - Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khô, chịu sự biên hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ây: “ci này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của t6i"? Thưa không, bạch Thế Tôn.

Thọ là thường hay vô thường?... Tưởng là thường hay vô thường?... Hành là thường hay vô thường?... Thức là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường là khổ hay lạc? Là khổ, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của t6i"? Thưa không9 bạch Thế Tôn.

Do vậy, nàyAnurãdha, phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai5 hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả sắc ây cân phải như thật quán với chánh trí tuệ răng: “Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải tự ngã của t6i." Phàm có thọ gi, quá khứ, vị lai, hiện tại... Phàm có tưởng gì... Phàm có hành gì... Phàm có thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả thức ấy cần phải như thật quán với chánh trí tuệ rằng: “Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải tự ngã của t6i." Thấy vậy, này Anurãdha, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc„ nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với hành? nhàm chán đôi với thức. Do nhàm chán nên vị ây ly tham; do ly tham nên vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải tho"Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." A / Z

Ong nghĩ thê nào, này Anurãdha, ông có quán săc là Như Lai không?

-Thưa không? bạch Thế Tôn.

Ong có quán thọ là Như Lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

Ông có quán tưởng là Như Lai không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Ong có quán hành là Như Lai không? Thưa không, bạch Thế Tôn.

Ong có quán thức là Như Lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

Ông nghĩ thế nào, này Anurãdha, ông có quán Như Lai ở trong sắc không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Ông có quán Như Lai ở ngoài sắc không?
Thưa không, bạch Thế Tôn.
Ông có quán Như Lai ở trong thọ không?
- Thưa không, bạch Thế Tôn.
Ông có quán Như Lai ở ngoài thọ không?
- Thưa không, bạch Thế Tôn.
Ông có quán Như Lai ở trong tưởng không?
- Thưa không, bạch Thế Tôn.
Ông có quán Như Lai ở ngoài tưởng không?
- Thưa không, bạch Thế Tôn.
Ong có quán Như Lai ở trong hành không?

Thưa không, bạch Thế Tôn. - Ông có quán Như Lai ở ngoài hành không? Thưa không, bạch Thế Tôn. - Ông có quán Như Lai ở trong thức không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. - Ông có quán Như Lai ở ngoài thức không? Thưa không, bạch Thế Tôn. Ông nghĩ như thế nào, này Anurãdha, ông có quán Như Lai là sắc, thọ, tưởng, hành, thức hay không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Ông có quán Như Lai là không có sắc? không có thọ, không có tưởng, không có hành, không có thức hay không? Thưa không, bạch Thế Tôn. Ở đây, này Anurãdha, ông ngay trong hiện tại không có nắm được Như Lai một cách chân thật, một cách xác chứng, thời có hợp lý chăng khi ông tuyên bố về Như Lai rằng: "Thua chư Hiền, Như Lai là bậc Thượng Nhân, là bậc Tối Thăng Nhân, là bậc đã đạt được địa vị tôi thượng. Bậc Như Lai ây được biết đến ngoài bốn trường hợp sau đây: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không có tôn tại sau khi chêt; hay Như Lai có tôn tại và không tôn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?"' Thưa không, bạch Thế Tôn.

Lành thay? lành thay! Này Anurãdha, trước đây và hiện nay, này Anurãdha, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ. III. KINH SÃRIPUTTA - KOTTHIKA THỨ NHẤT (PaḶhamasãriputtakoḶḶhikasutta)5 (S IV. 384) 412. Một thòi, Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Mahãkotthika trú ở Bãrãnasĩ, tại Isipatana, trong Vườn Nai. Rồi Tôn giả Mahakotthika, yào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến? nói lên với Tôn giả Sãriputta những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Mahãkotthika nói với Tôn giả Sãriputta: Thưa Hiền giả Sãriputta, Như Lai có tồn tại sau khi chết hay không? -Thưa Hiền giả5 Thế Tôn không trả lời: “Nhu Lai có tồn tại sau khi chết.” Thế là, thưa Hiền gi,Như Lai không tồn tại sau khi chết? —Thưa Hiền giả? Thế Tôn cũng không trả lời: “Nhu Lai không tồn tại sau khi chết."

5 Xem KS. II. 79. Bản tiếng Anh của PTS: Sãrỉputta and Kotthita (or ' Viewed'}, nghĩa là Sãrỉputta và Kotthita (hay 'Trú tru&c').

Thế là, thưa Hiền giả, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?

Thưa Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: "Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết.” Thế là, thưa Hiền giả? Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết? Thưa Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: "Nhu Lai không tồn tại và không không tôn tại sau khi ch6t." —Được hỏi: "Thưa Hiền giả, Như Lai có tồn tại sau khi chết khong?95 Hiền giả trả lời: "Thua Hiền giả5 Thế Tôn không trả lời: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết” Được hỏi: "Thua Hiền giả, thế là Như Lai không tồn tại sau khi chết?" Hiền giả trả lời: 'Thưa Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai không tồn tại sau khi chết. 5 Đ\xọc h6i: "Thế là? thưa Hiền giả, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?" Hiền giả trả lòi: "Thua Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết"' Được hỏi: "Thưa Hiền giả, thế là Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?" Hiền giả trả lời: "Thua Hiền giả? Thế Tôn cũng không trả lời: aNhư Lai không tôn tại và không không tôn tại sau khi ch8t."' Thưa Hiên giả, do nhân gi, do duyên gi, Thế Tôn lại không trả lời? -"Nhu Lai có tồn tại sau khi chết”, thưa Hiền giả, là chấp trước sắc. “Nhu Lai không có tôn tại sau khi chef là châp trước săc. "Như Lai có tôn tại và không tồn tại sau khi chết" là chấp trước sắc . "Nhu Lai không tồn tại và không không tôn tại sau khi chef là châp trước săc. "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết" là chấp trước thọ. "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chef5 là châp trước thọ. “Nhu Lai có tôn tại và không tôn tại sau khi chết" là chấp trước thọ. "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết” là chấp trước thọ. "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết" là chấp trước tưởng. “Nhu Lai không tồn tại sau khi chết" là chấp trước tưởng. “Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là chấp trước tưởng. "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chef9 là châp trước tưởng. "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết" là chấp trước hành. "Nhu Lai không tồn tại sau khi chết” là chấp trước hành. "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là chấp trước hành. “Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết" là chấp trước hành. "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết" là chấp trước thức. "Nhu Lai không tồn tại sau khi chết" là chấp trước thức. "Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chet" là châp trước thức. "Nhu Lai không tôn tại và không không tồn tại sau khi chết” là chấp trước thức. Này Hiền giả, do nhân này, do duyên này, Thế Tôn không trả lời.

44. TƯƠNG ƯNG KHÔNG THUYẾT 983

IV KINH SÃRIPUTTA - KOTTHIKA THỨ HAI (Dutìyasãriputtakotḷhikasuttà)67(S. IV. 386) 413. Một thời, Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Mahãkotthika trú ở Bãrânasĩ (Ba-la-nại), tại Isipatana, chỗ Vườn Nai... Thưa Hiền giả9 do nhân gì Thế Tôn không trả lời câu hỏi ấy? Thưa Hiền giả, do không như thật biết, như thật thẩy sắc; do không như thật biêt, như thật thây săc tập khởi; do không như thật biêt, như thật thây săc đoạn diệt; do không như thát biết, như thật thấy con đường đưa đến sắc đoạn diệt nên mới có quan điểm rằng: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tôn tại và không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.” Thưa Hiên giả, do không như thật biêt, như thật thây thọ... tưởng... hành... Do không như thật biết, như thật thấy thức; do không như

thật biết, như thật thấy thức tập khởi; do không như thật biết, như thật thay thức đoạn diệt; do không như thật biêt, như thật thây con đường đưa đến thức đoạn diệt nên mới có quan điểm rằng: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không có tồn tại sau khi chetj hay Như Lai có tôn tại và không có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Do như thật biết, nhu thật thấy sắc; do như thật biết, như thật thấy sắc tập khởi; do như thật biết; như thật thấy sắc đoạn diệt; do như thật biết, như thật thây con đường đưa đên săc đoạn diệt nên không có quan điểm rằng: “Nhu Lai có tồn tại sau khi chêt; hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.,^ ... thọ... tưởng... hành... Do như thật biết, nhu thật thấy thức; do như thật biết, như thật thấy thức tập khởi; do như thật biết; như thật thấy thức đoạn diệt; do như thật biết? như thật thấy con đường đưa đến thức đoạn diệt nên không có quan điểm rằng: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không có tôn tại sau khi chết; hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.” Thưa Hiền giả, đây là nhân, đây là duyên, đây là lý do mà Thế Tôn không trả lời vân đê ay. V. KINH SÃRIPUTTA - KOTTHIKA THỨ BA (TatìyasãriputtakotḶhikasutta)1 (5. IV. 387) 414. Một thời, Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Mahâkotthika trú ở Bãrãnasĩ (Ba-la-nại)? tại Isipatana, chỗ Vườn Nai...

6 Bản tiếng Anh của PTS: Sãrỉputta and Kotthita (ii) (or 'Arising'), nghĩa là Sãriputta và Kotthita (ii) (hay 'Tập khởi"). 7 Bản tiêng Anh của PTS: Sărỉputta and Kotthita (iii) (or 'Affection'), nghĩa là Sãrỉputta và Kotthita (iii) (hay .

Thưa Hiền giả, do nhân gì, do duyên gi, Thế Tôn không trả lời câu hỏi ấy? -Thưa Hiền giả, đối với ai chưa đoạn trừ tham đối với sắc, chưa đoạn trừ dục, chưa đoạn trừ ái, chưa đoạn trừ khát, chưa đoạn trừ nhiệt tâm, chưa đoạn trừ khát ái, thời người ấy có quan điểm: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không, không tồn tại sau khi chết." ... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... Thưa Hiền giả, đối với ai chưa đoạn trừ tham đối với thức, chưa đoạn trừ dục? chưa đoạn trừ ái, chưa đoạn trừ khát? chưa đoạn trừ nhiệt tâm, chưa đoạn trừ khát ái. thời người ấy có quan điểm: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không có tôn tại sau khi chêt; hay Như Lai có tôn tại và không tôn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.” Này Hiên giả, đôi với ai đã đoạn trừ tham đôi với săc, đã đoạn trừ dục, đã đoạn trừ ái, đã đoạn trừ khát, đã đoạn trừ nhiệt tâm, đã đoạn trừ khát ái, thời người ây sẽ không có quan điêm: "Nhu Lai có tôn tại sau khi chêt; hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." ... đôi với thọ... đôi với tưởng... đôi với hành... Này Hiên giả, đôi với ai đã đoạn trừ tham đôi với thức, đã đoạn trừ dục, đã đoạn trừ ái, đã đoạn trừ khát, đã đoạn trừ nhiệt tâm, đã đoạn trừ khát ái, thời người ấy không có quan điểm: “Nhu Lai có tồn tại sau chết; hay Như Lai

không có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tôn tại và không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.” Này Hiền đây là nhân, đây là duyên, đây là lý do mà Thế Tôn không trả lời vấn đề ây. VI. KINH SÃRIPUTTA - KOTTHIKA THỨ TƯ (Catutthasãrìputtakotthikasuttẳỷ (S. IV. 388) 415. Một thòi, Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Mahãkotthika trú ở Bãrãnasĩ, tại Isipatana, ở Vườn Nai. Rồi Tôn giả Sãriputta, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahãkotthika; sau khi đến. nói lên với Tôn giả Mahãkotthika những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả Kotthika: —Thưa Hiền giả Kotthika, Như Lai có tồn tại sau khi chết?... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết? Được hỏi vậy5 Hiền giả trả lời: “Thế Tôn không trả lời: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. 5 Do nhân gi, thưa Hiền giả, do duyên gì? Thế Tôn không trả lời vấn đề ấy?

8 Bản tiếng Anh của PTS: Sãrỉputta andKotthita (iv) (or 'Delight'), nghĩa là Sãrỉputta và Kotthita (iv) (hay 'Hoan hỷ").

Thưa Hiền giả, với ai còn ái lạc sắc? ưa thích sắc, hoan hỷ sắc, không như thật biêt? như thật thây săc đoạn diệt, thời người ây có quan diêm: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Thưa Hiền giả? với ai còn ái lạc thọ9 ưa thích thọ, hoan hỷ thọ? không như thật biết, như thật thấy thọ đoạn diệt, thời nẹười ấy có các quan điểm: “Nhu Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không ton tại và không không tồn tại sau khi chết".. tưởng... hành... Thưa Hiền giả, với ai còn ái lạc thức, ưa thích thức, hoan hỷ thức, không như thật biết, như thật thấy thức đoạn diệt, thời người ấy có các quan điểm: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Này Hiền giả? đối với ai không ái lạc sắc, không ưa thích sắc? không hoan hỷ săc? như thật biêt5 như thật thây săc đoạn diet, thời người ây không có các quan điểm: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Thưa Hiền giả5 với ai không còn ái lạc thọ... tưởng... hành... không ái lạc thức, không ưa thích thức, không hoan hỷ thức, như thật biết, như thật thấy thức đoạn diệt, thời người ấy không có các quan điểm: “Nhu Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.” Này Hiền g đây là nhân, đây là duyên, đây là lý do mà Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy. Thưa Hiền giả, có lý do nào khác, do dấy, Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy? Thưa c6, này Hiền giả. Ai còn ái lạc hữu, thưa Hiền giả? ưa thích hữu, hoan hỷ hữu, khônẹ như thật biết, không như thật thấy hữu đoạn diet, thời người ấy có các quan điểm: “Nhu Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.” Ai không còn ái lạc hữu, thưa Hiền giả, không ưa thích hữu, không hoan hỷ hữu, như thật biết, như thật thấy hữu đoạn diệt, thời người ấy không có các quan điểm: “Nhu Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Thưa Hiền giả? đây là lý do vì sao Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy. Thưa Hiền giả, có lý do nào khác, do vậy, Thế Tôn không trả lời về vấn đề

ấy? Thưa có, này Hiền giả. Ai còn ái lạc thủ, thưa Hiền giả, ưa thích thủ, hoan hỷ thủ5 khônạ như thật biết, như thật thấy thủ đoạn diệt, thời người ấy có những quan điem: "Nhu Lai có tôn tại sau khi chêt... Như Lai không tôn tại và không không tồn tại sau khi chết, Ai không còn ái lạc thủ9 thưa Hiền giả, không ưa thích thiỉ, không hoan hỷ

thủ, như thật biết, như thật thấy thủ đoạn diệt, thời người ấy không có những quan điểm: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.” Thưa Hiền giả, đây là lý do vì sao Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy. Thưa Hiền giả, có lý do nào khác, do vậy Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy? Thưa c6, này Hiền giả.

Với ai còn ái lạc ái, thưa Hiên giả, ưa thích ái, hoan hỷ ái, không như thật biết, không như thật thấy ái đoạn diệt, thời người ấy có những quan điểm: “Nhu Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, Với ai, thưa Hiền giả, không còn ái lạc ái9 không ưa thích ái? không hoan hỷ ái, như thật biết, như thật thấy ái đoạn diệt, thời người ấy không có các quan điểm: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Thưa Hien giả, đây la ly do VI sao The Ton không trả lơi ve vân đê ây. Thưa Hiền giả, có lý do nào khác, do vậy Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy? ơ đây? thưa Hiên giả Sãriputta, sao Hiên giả còn muôn hỏi thêm chi nữa. Đối với Tỷ-kheo đã được giải thoát nhờ đoạn tận ải, thời không còn gì để nêu rõ là được tăng trưởng. VII. KINH MOGGALLÃNA (Moggaỉlãnasutta)9 (S IV. 391) 416. Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Tôn giả Mahãmoggallãna; sau khi đến? nói với Tôn giả Mahãmoggallãna những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta thưa với Tôn giả Mahãmoggallãna: Thưa Tôn giả Moggallãna, thế giới là thường còn? Này Vaccha, Thế Tôn không trả lời: “Thế giới là thường c6n." -Vậy thưa Tôn giả Moggallãna, thế giới là vô thường? Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Thế giới là vô thuờng." Thưa Tôn giả Moggallãna, có phải thế giới là hữu biên? Này Vàccha, Thế Tôn không trả lời: "Thế giới là hữu biên.,, -Vậy thưa Tôn giả Moggallãna, thế giới là vô biên? Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Thế giới là vô biSn." Thưa Tôn giả Moggallãna, có phải sinh mạng và thân thể là một? Này Vaccha, Thế Tôn không trả lời: "Sinh mạng và thân thể là mộty

9 Bản tiếng Anh của PTS: Moggallõnasutta (or 'Sphere'), nghĩa là Kinh Moggallãna (hay 'Xứ"').

Thưa Tôn giả Moggallãna, vậy sinh mạng và thân thể là khác? Này Vàccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Sinh mạng và thân thể là khác." Thưa Tôn giả Moggallãna, có phải Như Lai có tồn tại sau khi chết? Này Vaccha, Thế Tôn không trả lời: “Nhu Lai có tồn tại sau khi chết.^, —Thưa Tôn giả Moggallãna, vậy Như Lai không có tồn tại sau khi chết? —Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: “Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết' -Thưa Tôn giả Moggallãna, vậy Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?

-Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: “Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết.” Thưa Ton giả Moggallãna, vậy Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chêt? -Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chet.^ Thưa Tôn giả Moggallãna, do nhân gì5 do duyên gcác vị du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như thế này, thời trả lời như thê này: "The giới là thường còn hay thế giới là vô thường; thế giới là hữu biên hay thế giới là vô biên; sinh mạng và thân thể là một hay sinh mạn^ và thân thể là khác; Như Lai có tồn tại sau khi chết, hay Như Lai không có ton tại sau khi chết, hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết, hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết” Thưa Tôn giả Moggallãna, do nhân gi, do duyên gi, Sa-môn Gotama, khi được hỏi như thế này, thời không trả lời như thế này: "Thế giới là thường còn hay thê giới là vô thường; thê giới là hữu biên hay thê giới là vô biên; sinh mạng và thân thể là một hay sinh mạng và thân thể là khác; Như Lai có tồn tại sau khi chết, hay Như Lai không có ton tại sau khi chết, hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết, hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"? —Này Vaccha, vì rằng các du sĩ ngoại đạo quán con mắt là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của t6i".. quán tai... quán mũi... quán lưỡi... quán thân... quán ý là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của t6i.” Do vậy, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy? trả lời như vây: "Thế giới là thường còn... hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.” Và Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác, này Vaccha, quán con măt là: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải tự ngã của t6i.". quán tai... quán mũi... quán lưỡi... quán thân... quán ý là: “Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải là tự ngã của t6i." Do vậy, Như Lai khi được hỏi như vậy, không có trả lời như vầy:

"Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi Chet/5 Rồi du sĩ Vacchagotta từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn; sau khi đi dến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên? Vacchagotta bạch Thế Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, thế giới là thường còn? - Này Vaccha, Ta không trả lời: "Thế giới là thường còn/5 ... (như trên)... Thưa Ton giả Gotama, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết? Này Vaccha? Ta không có trả lời: “Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.99 Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gi, do duyên gi, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, thời trả lời như vầy: “Thế ệiới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chef? Thưa Tôn giả Gotama, do nhân ệì? do duyên gì, khi Tôn giả Gotama được hỏi như vậy? lại không trả lời như vay: uThế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết” Này Vàccha, các du sĩ ngoại đạo quán con mắt là: a6Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của t6i"; quán tai... quán mũi... quán lưỡi... quán thân... quán ý là: uCái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã cỉia t6i." Do vậy5 các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy? nên trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.” Còn Như Lai, này Vaccha, bậc

A-la-hán Chánh Đẳng Giác, quán con mắt là: uCái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải là tự ngã của t6i" quán tai... quán mũi... quán lưỡi... quán thân... quán ý là: uCái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải là tự íiệã của tôi.„ Do vậy, Như Lai khi được hỏi như vậy, không trả lời như vầy: "Thễ giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Vì rằng giữa Đạo sư với nam đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn? có sự tương đồng? có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú. Thưa Tôn giả Gotama, nay con đi đến Sa-môn Mahãmoggallãna và nói về ý nghĩa này. Sa-môn Moggallăna, với những câu như thế này, với những lời như thế này đã trả lời về ý nghĩa này giống như Tôn giả Gotama. Vì rằng giữa Đạo sư với nam đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn, có sự tương đồng, có sự tương hòa9 không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú.

44. TƯƠNG ƯNG KHÔNG THUYẾT 989

VIII. KINH VACCHAGOTTA (Vacchagottasutta)ì() (S. IV. 395) 417. Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu roi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên? du sĩ Vàcchagotta bạch Thế Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, thế giới có phải là thường còn? Này Vàccha, Ta không có trả lời: "Thế giới là thường con.59

... (như trên)... Thưa Ton giả Gotama, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết? Này Vàccha? Ta không có trả lời: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chet.95 Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gi, do duyên gì, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, thời trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tôn tại và không không tôn tại sau khi chef? Do nhân gì? do duyên gi, thưa Tôn giả Gotama, khi Tôn giả Gotama được hỏi như vậy, lại không trả lời: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi Chet"? Này Vàccha, các du sĩ ngoại đạo quán sắc như là tự ngã. hay tự ngã như là có săc? hay săc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong săc. Họ quán thọ như là tự ngã... quán tưởng... quán hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Do vậy, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy? liền trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Như Lai, này Vàccha, là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, quán sắc không phải là tự ngã, hay tự nệễ không phải có sắc, hay sắc không ở trong tự ngã, hay tự ngã không ở trong săc. Như Lai quán thọ không phải tự ngã... quán tưởng... quán hành... quán thức không phải là tự ngã5 hay tự ngã không phải có thức, hay thức không ở trong tự nghay tự ngã không ở trong thức. Do vậy, Như Lai khi được hỏi như vậy? lại không trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta từ chỗ ngồi đứng dậy9 đi đến Tôn giả Mahãmoggallãna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahãmoggallãna những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Vàcchagotta nói với Tôn giả Mahãmoggallãna: Thưa Tôn

giả Moggallãna, có phải thế giới là thường còn? —Này Vaccha, Thế Tôn không trả lời: “Thế giới là thường còn.,, ... (như trên)...

10 Bản tiếng Anh của PTS: Vaccha (or "bond"), nghĩa là Vaccha (hay 'Trói buộc").

Thưa Tôn giả Moggallãna, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết? Này Vaccha, Thế Tôn không có trả lời: “Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.,, -Thưa Tôn giả Moggallãna, do nhân gi, do duyên gi, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, liền trả lời như vầy: "Thế gi&i là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chềí"? Do nhân gi, do duyên gì? thưa Tôn giả Moẹgallãna, Sa-môn Gotama khi được hỏi như vậy5 lại không trả lời như vầy: "The giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi ch&t”? Này Vaccha, các du sĩ ngoại đạo quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Họ quán thọ... quán tưởng... quán hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã5 hay tự ngã ở trong thức. Do vậy, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, liền trả lời như vầy: "Thế ạiới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Còn Như Lai, này Vàccha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, quán sắc không phải là tự ngã, hay tự ngã không phải có sắc, quán sắc không ở trong tự ngã9 hay tự ngã không ở trong sắc. Như Lai quán thọ... quán tưởng... quán hành... quán thức không phải là tự ngã, hay tự ngã không phải có thức, hay thức không ở trong tự ngã, hay tự ngã không ở trong thức. Do vậy? Như Lai khi được hỏi như vậy, không có trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.,, Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Moggallãna! Vì răng, giữa Đạo sư và nam đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn, có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú. Thưa Tôn giả Moggallãna, nay tôi đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến tôi hỏi về ý nghĩa này. Sa-môn Gotama với những câu văn5 với những lời văn đã trả lời về ý nghĩa này giống như Tôn giả Moggallãna. Thật yi diệu thay, Tôn giả Moggallãna! Thật hy hữu thay, Tôn giả Moggallãna! Vì rằng, giữa Đạo sư và nam đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn, có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú. IX. KINH LUẬN NGHỊ ĐƯỜNG (Kutũhaỉasãlãsutta) (5. IV. 398) 418. Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đon hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta thưa với The Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, những ngày về trước, những ngày về trước nữa, rất nhiều Sa-môn9 Bà-la-môn là du sĩ ngoại đạo ngồi tụ tập, tụ hội tại Luận Nghị đường, và câu chuyện sau đây được khởi lên: Pũrana Kassapa này là

vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng giáo hội, có tiêĩìậ tôt5 có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quàn chúng tôn sùng.^, Khi nói ve một đệ tử từ trần, mệnh chung, họ nói sanh xứ của vị ấy như sau: uVị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này." Nếu

đệ tử là vị thượng nhân, tối thượng nhân5 đã đạt địa vị tối thắng, khi vị này từ trần, mệnh chung, họ nói sanh xứ của vị ấy như sau: này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này.„ Makkhali Gosãla... Nigantha Nãtaputta... Safijaya Belatthiputta... Pakudha Kaccãyana... Ajita Kesakambala này là vị Hội chiỉ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt? có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng. Khi nói về một đệ tử từ trần, mệnh chung, họ nói sanh xứ của vị ấy như sau: này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này." Nếu đệ tử là vị thượng nhân, tối thượng nhân, đã đạt địa vị tối thắng, khi vị này từ trần, mệnh chung, họ nói sanh xứ của vị ấy như sau: uVị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ nay/9 Còn Sa-môn Gotama này là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng giáo hội? có tiếng tốt5 có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng. Khi nói về một đệ tử đã từ trần? đã mệnh chung, Sa-môn Gotama nói sanh xứ của vị ấy như sau: này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này." Nếu đệ tử là bậc thượng nhân, tối thắng nhân đã đạt địa vị tối thượng, khi vị này từ trần, mệnh chung, Sa-môn Gotama không có trả lời: uVị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này.^, Nhimg Ngài nói về vị ấy như sau: ấy đã chặt đứt ái, đã phá hủy các kiết phược5 nhờ chơn chánh thấy rõ kiêu mạn, đã đoạn tận khổ dau.” Thưa Tôn giả Gotama, con có khởi lên phân vân và nghi ngờ như sau: “Nhu thế nào, cần phải thấu hiểu pháp của Sa-môn Gotama?^, Này Vaccha, thôi vừa rồi sự phân vân của ông. Thôi vừa rồi sự nghi ngờ của ông. Chính do ông phân vân mà nghi ngờ được khởi lên. Ta tuyên bố sự sanh khởi, này Vàccha, đối với những ai có chấp thít, không phải đối với những ai không có chấp thủ. Ví nhu, này Vàccha, một ngọn lửa cháy đỏ khi nào có nhiên liệu (saupãdãna), không phải không có nhiên liệu. Cũng vậy? này Vaccha, Ta tuyên bố về sanh khởi đối với người có chấp thủ [sanh y]9 không phải với người không có chấp thủ. Thưa Tôn giả Gotama, trong khi có gió thổi ngọn lửa đi thật xa, thời Tôn giả Gotama tuyên bố cái gì làm nhiên liệu cho ngọn lửa này? Này Vaccha, trong khi có gió thổi ngọn lửa đi thật xa, thời Ta nói chính gió là nhiên liệu. Trong khi ấy, này Vaccha, chính gió là nhiên liệu (upãdãna). Thưa Tôn giả Gotama, trong khi một loài hữu tình quăng bỏ thân này để sanh vào một thân khác, thời Tôn giả Gotama tuyên bố cái gì làm nhiên liệu cho thân này? Này Vaccha, trong khi một loài hữu tình quăng bỏ thân này và sanh vào

một thân khác, này Vaccha, Ta tuyên bố rằng trong khi ấy chính ái (tanhã) là nhiên liệu. X. KINH ÃNANDA (Ẫnandasutta)n (5. IV. 400) 419. Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Thế Tôn; sau khi đến? nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên? du sĩ Vacchagotta thưa với Thê Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, có tự ngã không? Khi được hỏi vậy5 Thế Tôn im lặng. Thưa Tôn giả Gotama, có tự ngã không? Lần thứ hai, Tôn giả Gotama giữ im lặng. Rồi du sĩ Vàcchagotta từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Tôn giả Ãnanda, sau khi du sĩ Vacchagotta ra đi không bao lâu, liền bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn? vì sao Thế Tôn không trả lời câu hỏi của du sĩ Vacchagotta? Này Ãnanda, nếu được hỏi: “C6 tự ngã không?99, và Ta trả lời cho du sĩ Vacchagotta là: "C6 tự ngã9\ như vậy, này Ãnanda, thuộc về phái các Sa-môn9 Bà-la-môn chấp thường kiến. Và này

Ananda, nếu được hỏi: “C6 phải không có tự ngã?9\ và Ta trả lời cho du sĩ Vàcchagotta là: "Khống có tự ngã9\ như vậy9 này Ãnanda, là thuộc về phái các Sa-môn? Bà-la-môn chấp đoạn kiến. Lại nữa, này Ãnanda, nếu được hỏi: "C6 tự ngã không?„5 và Ta trả lời cho du sĩ Vacchagotta là: “C6 tự ngãT, như vậy? câu trả lời của Ta có phù hợp với trí khởi lên rằng: “Tất cả các pháp là vô ngã59 không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Lại nữa, này Ananda, nếu được hỏi: "C6 phải không có tự ng?”và Ta trả lời cho du sĩ Vacchagotta là: "Không có tự ngâT, như vậy, này Ãnanda, lại làm cho du sĩ Vacchagotta càng ngơ ngác bối rối hơn nữa: "Trước đây ta có tự ngã, nay không có tự ngã nữa.^, XI. KINH SABHIYA KACCÃNA (Sabhiyakaccãnasutta) (5. IV. 401) 420. Một thời5 Tôn giả Sabhiya Kaccãna trú ở Nãtika, tại ngôi nhà bằng gạch. Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Tôn giả Sabhiya Kaccãna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sabhiya Kaccãna những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta nói với Tôn giả Sabhiya Kaccãna như sau: Thưa Tôn giả Kaccãna, có phải Như Lai có tồn tại sau khi chết?11 *

11 Bản tiếng Anh của PTS: Ẫnanda (ớr the Existence of the Self), nghĩa là Ãnanda (hay Sự có mặt của ngã).

Này Vàccha, Thế Tôn không trả lời: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết.” Thế là? thưa Tôn giả Kaccãna, Như Lai không tồn tại sau khi chết? -Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: “Nhu Lai không tồn tại sau khi chết.' Thế là, thưa Tôn giả Kaccãna, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết? Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lòi: “Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết.” —Thế là, thưa Tôn giả Kaccãna, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết? Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: “Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.„ Thưa Tôn giả Kaccãna, vì sao khi được hỏi: "Nhu Lai có tồn tại sau khi cpết?”Tôn giả lại nói: "Này Vaccha, Thế Tôn không có trả lời: 4Như Lai có tồn tại sau khi chết" Thưa Tôn giả Kaccãna, vì sao khi được hỏi: "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết?”Tôn giả lại nói: "Này Vaccha, Thế Tôn không trả lời: 'Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết" Thưa Tôn giả Kaccãna, vì sao khi được hỏi: "Nhu Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết?”, Tôn giả lại nói: "Này Vàgcha, Thế Tôn không trả lời: 'Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết" Thưa Tôn giả Kaccãna, vì sao khi được hỏi: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?", Tôn giả lại nói: "Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: cNhư Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết'"? Thưa Tôn giả Kaccãna, do nhân gì? do duyên gi, Sa-môn Gotama lại không trả lơi vê vân đê ây? -Này Vaccha, do nhân gì, do duyên gi, mà trình bày người ây là có săc hay không có sắc, có tưởng hay khônệ có tưởng, không có tưởng hay không không có tưởng, thì khi nhân ấy, duyên ây được đoạn diệt không có dư tàn, một cách toàn diện, một cách hoàn toàn, khi ây lây cái gì đê trình bày người ây là có săc hay không có sắc, có tưởng hay không có tưởng, không có tưởng hay không không có tưởng? -Này Tôn giả Kaccãna, Tôn giả xuất gia đã bao lâu? Thưa Hiền giả, không lâu? chỉ có ba năm. Thưa Hiền giả, hãy xem, với thời gian ngắn như vậy5 lại được thấy nhiều như vậy? còn

nói gì đến các vấn đề vi diệu.

V. THIEN ĐẠI (MAHẪVAGGA)

45. TƯƠNG ƯNG ĐẠO (MAGGASAMYUTTẦ)

I. phẩm vô minh I. KINH VÔ MINH (Avijjasutto) (S. V. 1) 1. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi (Xá-vệ), tại Thắng Lâm, trong vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ? Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. cL ỵ rp 9 1 Ẫ rpi Á rp A F-pi Ẩ rp A r • 1 , Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: - Khi nào vô minh dẫn đầu, này các Tỷ-kheo5 đưa đến sự thành tựu các pháp bất thiện, thời vô tàm và vô quý nối tiếp theo. Với kẻ bị vô minh chi phối, vô trí, này các Tỷ-kheo, tà kiến sanh;1 đối với kẻ có tà kiến, tà tư duy sanh; đối với kẻ có tà tư duy, tà ngữ sanh; đối với kẻ có tà ngữ, tà nghiệp sanh; đối với kẻ có tà nghiệp, tà mạng sanh; đối với kẻ có tà mạng, tà tinh tấn sanh; đối với kẻ có tà tinh tấn, tà niệm sanh; đối với kẻ có tà niệm, tà định sanh. Khi nào minh dẫn đầu, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự thành tựu các thiện pháp, thời tàm và quý nối tiếp theo. Với kẻ được minh chi phối, có trí, này các Tỷ-kheo? chánh kiến sanh; đối với vị có chánh kiến, chánh tư duy sanh; đối với vị có chánh tư duy, chánh ngữ sanh; đối với vị có chánh ngữ, chánh nghiệp sanh; đối với vị có chánh nghiệp, chánh mạng sanh; đối với vị có chánh mạng, chánh tinh tấn sanh; đối với vị có chánh tinh tấn, chánh niệm sanh; đối với vị có chánh niệm, chánh định sanh. II. KINH MỘT NỬA (Upaddhasutta) (S. V. 2) 2. Một thời? Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại thị trấn của dân chúng Sakka tên là Sakkara. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên9 Tôn giả Ảnanda bạch Thế Tôn:

1 SA. III. 116: Pahotỉ = Upajjati, có nghĩa là sanh khởi.

r 9 -Một nửa Phạm hạnh này5 bạch Thê Tôn, là thiện bạn hữu (kalyãnamittatã), thiện bạn đảng (kalyãnasahăyatã)5 thiện thân tình (kaỉyãnasampavankatã). -Chớ có nói vậy, này Ãnanda! Chớ có nói vậy, này Ãnanda! Toàn bộ Phạm hạnh này, này Ãnanda, là thiện bạn hữu, thiện bạn đảng, thiện thân tình. Với Tỷ-kheo thiện bạn hữu, thiện bạn dảng, thiện thân tình, này Ãnanda, thời được chờ đợi Thánh đạo tám ngành được tu tap, Thánh đạo tám ngành được làm cho viên mãn. Và này Ananda, thế nào là Tỷ-kheo thiện bạn hữu, thiện bạn đảng, thiện thân tình, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho viên mãn Thánh đạo tám ngành? Ở đây? này Ãnanda? Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ. Tỷ-kheo tu tập chánh tư duy... tu tập chánh ngữ... tu tập chánh nghiệp... tu tập chánh mạng... tu tập chánh tinh tấn... tu tập chánh niệm... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đến ly tham? liên hệ đên đoạn diệt, hướng đên từ bỏ. Như vậy5 này Ananda, là Tỷ-kheo thiện bạn hữu, thiện bạn đảng5 thiện thân tình, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho viên mãn Thánh đạo tám ngành. Này Ãnanda, chính với pháp môn này, các ông cần phải hiểu thế nào toàn bộ Phạm hạnh này là thiện bạn hữu, thiện bạn đảng, thiện thân tình. Do Ta lấy thiện làm bạn hữu, này Ãnanda, nên các chúng sanh bị

sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sâu, bi, khô, ưu, não được giải thoát khỏi sầu5 bi, khổ, ưu, não. Chính với pháp môn này5 này Ãnanda, các ông cần phải hiểu thế nào toàn bộ Phạm hạnh này là thiện bạn hữu5 thiện bạn đảng, thiện thân tình. IIL KINH SẢRIPUTTA (Sãriputtasutta) (S V. 3) 3. Nhân duyên ở Sãvatthi. Roi Tôn giả Sãriputta đi đen The Tôn; sau khi đen, đảnh lê Thê Tôn rôi ngôi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Sãriputta bạch Thế Tôn: Toàn bộ Phạm hạnh này, bạch Thế Tôn5 chính là thiện bạn hữu, thiện bạn đảng? thiện thân tình. Lành thay, này Sãriputta! Lành thay, này Sãriputta! Toàn bộ Phạm hạnh này là thiện bạn hữu, thiện bạn đảng, thiện thân tình. Này Sãriputta, với Tỷ- kheo thiện bạn hữu, thiện bạn đảng, thiện thân tình, được chờ đợi rằng Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập, sẽ được làm cho viên mãn. (Như kinh trên5 chỉ thay thế bằng "Tôn giả sriputta"). IV. KINH BÀ-LA-MÔN JANUSSONI ựãnussonibrãhmanasuttấ)1 (S V. 4) 4. Nhân duyên ở Săvatthi.

2 Bản tiếng Anh của PTS: The Brahmin, nghĩa là Bà-la-môn.

Tôn giả Ãnanda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sãvatthi để khất thực. Rồi Tôn giả Ãnanda thấy Bà-la-môn Janussoni đi xe ra khỏi Sãvatthi, cỗ r ĩ X xe toàn ngựa trăng kéo. Trăng là những con ngựa kéo xe. Trăng là những đô trang sức. Trắng là cỗ xe. Trắng là những bộ phận tùy thuộc (parivãra). Trắng là những sợi dây cương. Trắng là cây gậy thúc ngựa. Trắng là cái lọng. Trắng là cái khăn đội. Trắng là những quần áo. Trắng là giày mang. Và được quạt với ĩ yr A AW _~ cái quạt trâng. Quân chúnẹ thây vậy, liên nói: "That là cô xe thù thăng!3 Thật là cỗ xe thù thắng về dung s*c!" Rồi Tôn giả Ãnanda đi khất thực ở Sãvatthi xong, sau bữa ăn? trên con đường trở vê? đi đen The Tôn; sau khi đên, đảnh lê Thê Tôn roi ngôi xuông một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Ở dây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát và đi vào Sãvatthi để khất thực. Bạch Thế Tôn, con thấy Bà-la-môn Jãnussonĩ đi xe ra khỏi Sãvatthi, cỗ xe toàn ngựa trắng kéo. Trắng là những con ngựa kéo xe... "Thật là cỗ xe thù thắng! Thật là cỗ xe thù thắng về dung sắc!" Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể nói lên cỗ xe thù thắng trong Pháp và Luật này? The Tôn nói: Có thể được, này Ãnanda. Thánh đạo tám ngành này5 này Ãnanda, là đồng nghĩa với cỗ xe thù thắng, cỗ xe pháp này. Vô thượng là sự chinh phục trong chiến trận.4 Chánh tri kiến, này Ãnanda, được tu tập, được làm cho viên mãn, cuối cùng đưa đến nhiếp phục tham, nhiếp phục sân5 nhiếp phục si. Chánh tư duy, này Ananda, được tu tập, được làm cho viên mãn5 cuôi cùng đưa đến nhiêp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si. Chánh ngữ... chánh nghiệp... chánh mạng... chánh tinh tấn... chánh niệm... chánh định, này Ãnanda, được tu tập, được làm cho viên mãn, cuối cùng đưa đến nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si. Này Ãnanda, chính với pháp môn này, các ông cần phải hiểu như thế này: “c6 xe thù thắng, cỗ xe pháp, vô thượng là sự chinh phục trong chiến trận5 là đồng nghĩa với Thánh đạo tám ngành nay?9 Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Ai được tín, trí tuệ5 Thường xuyên liên kết lại,

Lấy hổ thẹn làm cán5 r Lây ý làm ách xe, Niệm là người đánh xe. Biết hộ trì5 phòng hộ,

3 SA. III. 121: Brahma = Settha, có nẹhĩa là tuyệt vời, thù thắng. 4 SA. III. 121: Chỉ cho các kiết sử phiên não.

CỖ xe lấy giới luật? Làm vật dụng cho xe, Thiền là trục bánh xe, Tinh tấn là bánh xe, Xả là định thường hằng, Vô dục là nệm xe, Vô sân và vô hại, Viễn ly là binh khí, Nhẫn nhục là áo giáp/ An ổn khỏi khổ ch,, Làm mục đích đạt đến, Cỗ xe được chuyển vận. Pháp này tự ngã làm, Trở thành thuộc tự ngã, Là cỗ xe thù thắng, Vô thượng, không sánh bằng. Ngồi trên cỗ xe ấy, Bậc trí thoát ly đời? Chắc chắn, không sai chạy, Họ đạt được chiến thắng.5 6 V KINH VỚI MỤC ĐÍCH GÌ? (Kimatthiyasutta) (S. V. 6) 5. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi rất nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau Idii đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn, các du sĩ ngoại đạo đến hỏi chúng con: "Này chư Hiền, vì mục đích gì? Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, chúng con trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: uNày chư Hiền, với mục đích liễu tri đau khổ? Phạm hạnh được song dưới Sa-môn Gotama." Được hỏi như vậy và trả lời như vậy, bạch Thế Tôn. có phải chúng con trả lời đúng với lời nói của Thế Tôn? chúng con không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, chúng con trả lời đúng pháp và thuận pháp, những ai là vị đồng pháp, nói lời đúng pháp và thuận pháp, không có cơ hội để chỉ trích? Này các Tỷ-kheo5 các ông được hỏi như vậy và trả lời như vậy là các ông trả lời đúng với lời của Ta, các ông không xuyên tạc Ta với điều không thật, các ông trả lời đúng pháp và thuận pháp, những ai là vị đồng pháp, nói lời đúng pháp và thuận pháp, không có cơ hội để chỉ trích. Này các Tỷ-kheo, do mục đích liễu tri đau kho mà Phạm hạnh được sống dưới Ta. Này cac Tỷ-kheo, nểu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông: "Này Hiền giả, có con đường nào5 có đạo lộ

5 Bản Tích Lan viết vammasannãha, cùng nghĩa là chiếc áo choàng. 6 Tham khảo ví dụ về xe trong KS. I. 45.

nào đưa đến liễu tri đau khổ này?59 Được hỏi vậy? thời các ông hãy trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Này chư Hiền, có con đường, có đạo lộ đưa đến liễu tri đau khổ này.^, Này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường, thế nào là đạo lộ đưa đến liễu tri đau khổ? Đây là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng? chánh tinh tấn, chánh niệm? chánh định. Này các Tỷ-kheo? đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến liễu tri sự đau khổ này. Được hỏi vậy5 này các Tỷ-kheo? các ông cân phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như vậy. VI. KINH VỊ TỶ-KHEO THỨ NHẤT (PaỊhamaanữatarabhikkhusutta) (S. V. 7) 6. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi một Tỷ-kheo khác đi đến Thế Tôn... Ngồi một bên5 Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: - 'Thạm hạnh, Phạm hạnh,5? bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là Phạm hạnh? Thế nào là Cứu cánh Phạm hạnh? Này Tỷ-kheo9 con đường Thánh đạo tám ngành này là Phạm hạnh, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh

ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này Tỷ-kheo, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, đây là Cứu cánh Phạm hạnh. VII. KINH VỊ TỶ-KHEO THỨ HAI (Dutiyaannatarabhikkh usutta) (S V. 8) 7. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi một Tỷ-kheo khác đi đến Thế Tôn... Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: "Nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si", bạch Thế Tôn5 được gọi là như vậy. Đông nghĩa với gì5 bạch Thê Tôn? là nhiêp phục tham, nhiêp phục sân, nhiêp phục si? Đồng nghĩa với Niết-bàn giới là nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si, cũng được gọi là đoạn tận các lậu hoặc. Khi được nói vậy, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: —"Bất tử, bất tử9\ bạch Thế T6n, được gọi là như vậy. Thế nào là bất tử, bạch Thế Tôn? Thế nào là con đường đưa đến bất tử? Đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, này Tỷ-kheo, được gọi là bất tử. Con đường Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến bất tử, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ5 chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

VIII. KINH PHÂN TÍCH (Vỉbhangasutta) (S V. 8) 8. Nhân duyên ở Sãvatthi. —Này các Tỷ-kheo? Ta sẽ giảng và phân tích Thánh đạo tám ngành này. Hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng. Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: - Này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường Thánh đạo tám ngành? Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn5 chánh niệm, chánh định. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là chánh tri kiến? Này các Tỷ-kheo5 chính là trí về khổ, trí về khổ tập, trí về khổ diệt, trí về con đường đưa đến khổ diệt. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là chánh tri kiến. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là chánh tư duy? Này các Tỷ-kheo? chính là xuất ly tư duy, vô sân tư duy, vô hại tư duy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh tư duy. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh ngữ? Này các Tỷ-kheo, chính là từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh ngữ. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là chánh nghiệp? Này các Tỷ-kheo5 chính là từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ phi Phạm hạnh. Này các Tỷ-kheo9 đây gọi là chánh nghiệp. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh mạng? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đoạn trừ tà mạng, nuôi sống với chánh mạng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh mạng. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là chánh tinh tấn? Ở đây, này các Tỷ-kheo? với mục đích khiên cho các ác, bât thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khỏi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm; với mục đích khiến cho các ác? bât thiện pháp đã sanh được trừ diệt, khởi lên ý muôn, cô găng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay được sanh kh&i, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tan, sách tấn, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp đã sanh có thể duy trì, không có lu mờ, được tăng trưởng, được quảng đại5 được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh tinh tấn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh niệm? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ- kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm5 tỉnh giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời; Tỷ-kheo sống quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời; Tỷ-kheo sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm5 tỉnh giác, chánh niệm với

mục đích điều phục tham ưu ở đời; Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm9 tỉnh giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh niệm.

45. TƯƠNG ƯNG ĐẠO 1003

Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là chánh định? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ- kheo ly due, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ5 nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh định. IX. KINH RÂU LÚA MÌ (Sũkasutta) (S. V. 10) 9. Nhân duyên ở Sãvatthi. —Này các Tỷ-kheo, ví như sợi râu của lúa mì hay sợi râu của lúa mạch đặt hướng sai lạc5 khi bị tay hay chân đè vào, có thể đâm thủng tay hay chân, hay có thể làm đổ máu; sự tình này không xảy ra. Vì sao? Này các Tỷ-kheo? vì sợi râu bị đặt hướng sai lạc. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo có kiến bị đặt hướng sai lạc, con đường tu tập bị đặt hướng sai lạc, có thể đâm thủng vô minh, làm minh sanh khởi9 có thể chứng đạt Niết-bàn; sự tình này không xảy ra. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì kiến bị đặt hướng sai lạc. Này các Tỷ-kheo5 ví như sợi râu của lúa mì hay sợi râu của lúa mạch được đặt hướng chơn chánh, khi bị tay hay chân đè vào, có thể đâm thủng tay hay chân9 hay có thể làm đổ máu; sự tình này có xảy ra. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì sợi râu được đặt hướng chơn chánh. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo có kiến được đặt hướng chơn chánh, con đường tu tập được đặt hướng chơn chánh, có thể đâm thủng vô minh9 làm minh sanh khởi5 có thể chứng đạt Niết- bàn; sự tình này có xảy ra. Vì sao? Này các Tỷ-kheo? vì kiến được đặt hướng chơn chánh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo có kiến được đặt hướng chơn chánh, con đường tu tập được đặt hướng chơn chánh, có thể đâm thủng vô minh, làm minh sanh khởi, chứng đạt Niết-bàn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham? liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo ấy do kiến được đặt hướng chơn chánh, do con đường tu tập được đặt hướng chơn chánh, nên đâm thủng vô minh, minh được sanh khởi, chứng đạt Niết-bàn.

X. KINH NANDIYA (Nandiyasutta) (S V. 11) 10. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi du sĩ Nandiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên? du sĩ Nandiya bạch Thế Tôn:

1004 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

Thưa Tôn giả Gotama, có bao nhiêu pháp được tu tap, được làm cho viên mãn, đưa đến Niết-bàn? hướng đến đích Niết-bàn? đưa đến Cứu cánh Niết-bàn? Có tám pháp này, này Nandiya, đưa đến Niết-bàn5 hướng đến đích Niết- bàn, đưa đến Cứu cánh

Niết-bàn. Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy5 chánh ngữ? chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm? chánh định. Có tám pháp này, này^ Nandiya, được tu tập? được làm cho viên mãn, đưa đến Niết-bàn, hướng đến đích Niết-bàn, đưa đến Cứu cánh Niết-bàn. Khi được nghe nói vậy, du sĩ Nandiya bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống... từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

1006 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

Sau ba tháng, Thế Tôn từ thiền tịnh đứng dậy9 gọi các Tỷ-kheo: Với sự an trú, Ta đã trú khi Ta mới chứng Chánh đẳng Chánh giác, nhimg Ta chỉ trú một phần thôi. Như vậy, Ta rõ biết những gì được cảm thọ do duyên tà kiến, những gì được cảm thọ do duyên tả kiến được tịnh chỉ; những gì được cảm thọ do duyên chánh kiến, những gì được cảm thọ do duyên chánh kiến được tịnh chỉ... những gì được cảm thọ do duyên tà định, những gì được cảm thọ do duyên tà định được tịnh chỉ; những gì được cảm thọ do duyên chánh định, những gì được cảm thọ do duyên chánh định được tịnh chỉ; những gì được cảm thọ do duyên ước muốn (chanda), những gì được cảm thọ do duyên ước muốn được tịnh chỉ; những gì được cảm thọ do duyên tâm5 những gì được cảm thọ do duyên tâm được tịnh chỉ; những gì được cảm thọ do duyên tưởng, những gì được cảm thọ do duyên tưởng được tịnh chỉ. Khi ước muốn không tịnh chí, tầm không tịnh chỉ, tưởng không tịnh chỉ; do duyên như vậy? có được những cảm thọ. Và khi ước muôn được tịnh chí, nhưng tầm chưa được tịnh chi, tưởng chưa được tịnh chỉ; do duyên như vậy? có được những cảm thọ. Và khi ước muốn được tịnh chí, tàm được tịnh chí, nhưng tưởng chưa được tịnh chỉ; do duyên như vậy, có được những cảm thọ. Và khi ước muốn được tịnh chí, tầm được tịnh chí, tưởng được tịnh chỉ; do duyên như vậy5 có được những cảm thọ. Đối với người chưa chứng dạt, cần phải tinh tấn để chứng đạt. Trong trường hợp đã đửợc chứng đạt; do duyên như vậy, có được những cảm thọ. III. KINH HỮU HỌC (Sekkhasutta) (S V. 14) 13. Nhân duyên ở Săvatthi. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi một bên5 Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: "Hữu học5 hữu hẹ)c", bạch Thế T6n, được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thể Tôn, là bậc Hữu học? -Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ chánh kiến của bac Hữu học... đầy đủ chánh định của bậc Hữu học. Cho đến như vậy, Tỷ-kheo ấy được gọi là bậc Hữu học. IV. KINH SANH KHỞI THỨ NHẤT (PaỊhamauppãdasutta) (S. V. 14) 14. Nhân duyên ở Sãvatthi. Có tám pháp, này các Tỷ-kheo5 được tu tap, được làm cho viên mãn? chưa được sanh khởi có thể sanh khởi, nhưng chỉ khi nào Như Lai, bậc A-la-hán Chằnh Đẳng Giác xuất hiện. Thế nào là tám? Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Tám pháp này, này các Tỷ-kheo? được tu tập, được làm cho viên mãn5 chưa được sanh khởi

45. TƯƠNG ƯNG ĐẠO 1007

CÓ thể sanh khởi, nhimg chỉ khi nào Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện. V KINH SANH KHỞI THỨ HAI (Dutìyauppãdasutta) (5. V. 14) 15. Nhân duyên ở Sãvatthi. Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho viên mãn5 nếu chưa

sanh khởi có thể sanh khởi, nhưng chỉ trong giới luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là tám? Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng? chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tap, được làm cho viên mãn, nếu chưa được sanh khởi có thể sanh khởi, nhưng chỉ trong giới luật của bậc Thiện Thệ. VI. KINH THANH TỊNH THỨ NHẤT (PaḶhamaparisuddhasutta)(y V. 15) 16. Nhân duyên ở Sãvatthi. Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh, trong sáng, không cấu uế, ly các phiền não, nếu chưa sanh khởi có thể sanh khởi, nhưng chỉ khi nào Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện. Thế nào là tám? Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh, trong sáng, không có cấu uế9 ly các phiền não, nếu chưa sanh khởi có thể sanh khởi, nhưng chỉ khi nào Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện. VII. KINH THANH TỊNH THỨ HAI (Dutiyaparísuddhasutta) (5. V. 15) 17. Nhân duyên ở Sãvatthi. —Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo5 thanh tịnh, trong sáng... có thể sanh khởi, nhưng chỉ trong giới luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là tám? Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng5 chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo5 thanh tịnh5 trong sáng, không có cấu uế, ly các phiền não, nêu chưa sanh khởi có thê sanh khởi, nhưng chỉ trong giới luật của bậc Thiện Thệ. VIII. KINH VƯỜN GÀ THỨ NHẤT (PathamakukkuḶãrãmasuttà) (S V. 15) 18. Như vầy tôi nghe. Một thời5 Tôn giả Ãnanda, Tôn giả Bhadda trú tại Vườn G ở Pãtaliputta.12 Rồi Tôn giả Bhadda, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ãnanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Bhadda nói với Tôn giả Ảnanda:

12 Kinh đô xứ Magadha (Ma-kiệt-đà). Xem UdA. 416-19; BI. 203, 262.

“Phi Phạm hạnh, phi Phạm hạnh”, này Hiền giả Ananda, được nói đến như vậy. Thế nào, thưa Hiền giả, là phi Phạm hạnh? Lành thay, lành thay, Hiền giả Bhadda! Hiền thiện thay, này Hiền giả Bhadda, là đường hầm (ụmmaggă) của Hiền giả! Hiền thiện thay là lời biện tài! Tốt đẹp thay là câu hỏi! Này Hiền giả Bhadda, có phải như vầy là câu hỏi của Hiền giả: "Phi Phạm hạnh, phi Phạm hạnh, này Hiên giả Ãnanda, được nói đến như vậy. Thế nào, thưa Hiền giả, là phi Phạm hạnh95 chăng? Thưa vâng, Hiền giả. Này Hiền giả? con đường tà đạo tám ngành này là phi Phạm hạnh, tức là tà tri kiến, tà tư duy5 tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tân? tà niệm, tà định. IX. KINH VƯỜN GÀ THỨ HAI (DutìyakukkuḶãrãmasuttă) (S. V. 16) 19. Nhân duyên ở Pãtaliputta. uPhạm hạnh, Phạm hạnh9\ này Hiền giả Ananda, được nói đến như vậy. Này Hiền giả? thế nào là Phạm hạnh, thế nào là Cứu cánh Phạm hạnh? Lành thay, lành thay, này Hiền giả Bhadda! Hiền thiện thay, này Hiền giả Bhadda, là đường hầm của Hiền giả! Hiền thiện thay là lời biện tài! Tốt đẹp thay là câu hỏi! Này Hiền giả Bhadda, có phải như vầy là câu hỏi của Hiền giả: :Phạm hạnh, Phạm hạnh, này Hiền giả Ananda, như vậy được nói đến. Này Hiền giả? thế nào là Phạm hạnh, thế nào là Cứu cánh Phạm

hạnh59 chăng? Thưa vâng, Hiền giả. Này Hiền gi,con đường Thánh đạo tám ngành này là Phạm hạnh, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này Hien giả5 đoạn tận tham, đoạn tận sân5 đoạn tận si là Cứu cánh Phạm hạnh này. X. KINH VƯỜN GÀ THỨ BA (Tatìyakukkuḷãrãmasutta) (5. V. 16) 20. Nhân duyên ở Pãtaliputta. "Phạm hạnh, Phạm hạnh", thưa Hiền giả Ảnanda, như vậy được nói đến. Thưa Hiền giả, thế nào là Phạm hạnh, thế nào là người hành Phạm hạnh? Thế nào là Cứu cánh Phạm hạnh? -Lành thay, lành thay, Hiền giả Bhadda! Hiền thiện thay, này Hiền giả Bhadda, là đường hầm của Hiền giả! Hiền thiện thay là lời biện tài! Tốt đẹp thay là câu hỏi! Này Hiền giả Bhadda, có phải như vầy là câu hỏi của Hiền giả: 6Phạm hạnh, Phạm hạnh, này Hiền giả Ãnanda, như vậy được nói đến. Này Hiền giả, thê nào là Phạm hạnh5 thê nào là người hành Phạm hạnh? thế nào là Cứu cánh Phạm hạnh,5 chăng? —Thưa vâng, Hiền giả.

Này Hiền giả; con đường Thánh đạo tám ngành này là Phạm hạnh, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn? chánh niệm, chánh định. Này Hien giả, ai đầy đủ Thánh đạo tám ngành này, người ấy được gọi là người hành Phạm hạnh. Này Hiền giả? đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, đây là Cứu cánh Phạm hạnh.

in. PHẨM TÀ TÁNH (MICCHATTAVAGGA)

I. KINH TÀ TÁNH (Mỉcchattasutta) (S V. 17) 21. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ giảng cho các ông về tà tánh và chánh tánh. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là tà tánh? Tức là tà tri kiến... tà định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tà tánh. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là chánh tánh? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh tánh. II. KINH PHÁP BẤT THIỆN (Akusaỉadhammasutta) (S V. 18) 22. Nhân duyên ở Sãvatthi. Thế Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông vê bât thiện pháp và thiện pháp. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bất thiện pháp? Tức là tà tri kiến... tà định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là bất thiện pháp. Thế nào là thiện pháp? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Đây gọi là thiện pháp. III. KINH ĐẠO Lộ THỨ NHẤT (PaỊhamapatipadãsutta) (5. V. 18) 23. Nhân duyên ở Sãvatthi. Thế Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông vê tà đạo lộ và chánh đạo lộ. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà đạo lộ? Tức là tà tri kiến... tà định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tà đạo lộ. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là chánh đạo lộ? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh đạo lộ. IV. KINH ĐẠO Lộ THỨ HAI (Dutiyapatipadãsuttd) (S. V. 18) 24. Nhân duyên ở Sãvatthi. Thế Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo, với người tại gia hay với người xuất gia, Ta không tán thán tà đạo lộ.

Người tại gia hay người xuất gia, này các Tỷ-kheo5 theo tà hạnh, do vì tà hạnh và nhân tà hạnh, vị ây không phải là người phát huy (ãrãđhakă) chánh lý (hãya), pháp (dhamma) và thiện (kusala). Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là tà đạo lộ? Tức là tà tri kiến... tà định. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là tà đạo lộ. Đối với người tại gia hay người xuất gia, này các Tỷ-kheo? Ta không tán thán tà đạo lộ. Người tại gia hay người xuất gia theo tà hạnh, này các Tỷ-kheo? do vì tà hạnh và nhân tà hạnh, vị ây không phải là người phát huy chánh lý, pháp và thiện. Và này các Tỷ-kheo, với người tại gia hay với người xuất gia, Ta tán thán chánh đạo lộ. Người tại gia hay người xuất gia theo chánh hạnh, nàỵ các Tỷ-kheo? do vì chánh hạnh và nhân chánh hạnh, vị ây là người phát triên chánh lý? pháp và thiện. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh đạo lộ? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh đạo lộ. Và này các Tỷ-kheo5 với người tại gia hay người xuất gia, Ta tán thán chánh đạo lộ. Người tại gia hay người xuất gia, này các Tỷ-kheo, theo chánh hạnh, do vì chánh hạnh và nhân chánh hạnh, vị ấy trở thành người phát huy chánh lý? pháp và thiện. V KINH KHÔNG PHẢI CHÂN NHÂN THỨ NHẤT (Paịhamaasappurìsasuttà) (S V. 19) 25. Nhân duyên ở Sãvatthi. Thế Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ giảng cho các ông vê phi chân nhân và chân nhân. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là phi chân nhân? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người theo tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là phi chân nhân. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là chân nhân? Ở đây, này các Tỷ-kheo9 có người theo chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ5 chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chân nhân. VI. KINH KHÔNG PHẢI CHÂN NHÂN THỨ HAI (Dutiyaasappurísasutta) (S V. 20) 26. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ở đấy, Thế Tôn nói như sau: —Ta sẽ giảng cho các ông5 này các Tỷ-kheo5 về phi chân nhân và tệ hơn phi chân nhân. Ta sẽ giảng cho các ông5 này các Tỷ-kheo, về chân nhân và tốt hơn chân nhân. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là phi chân nhân? Ở đây, này các Tỷ-kheo? có người theo tà kiến... tà định. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là phi chân nhân. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là phi chân nhân còn tệ hơn phi chân nhân? Ở

dây, này các Tỷ-kheo? có người theo tà kiến... tà định, tà trí, tà giải thoát. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là phi chân nhân còn tệ hơn phi chân nhân. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc chân nhân? Ở dây, này các Tỷ-kheo? có người theo chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là bậc chân nhân. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc chân nhân còn tốt đẹp hơn bậc chân nhân? Ở dây, này các Tỷ-kheo? có người theo chánh tri kiến... chánh định9 chánh trí, chánh giải thoát. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là bậc chân nhân còn tốt đẹp hơn các bậc chân nhân. VII. KINH CÁI BÌNH (Kumbhasutta) (S V. 20) 27. Nhân duyên ở Sãvatthi. r -- - f Này các Tỷ-kheo5 ví như một cái bình, nêu không có cái giá chông đỡ thời dễ bị nghiêng ngả? nếu có cái giá chống đỡ thời khó bị nghiêng ngả. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo? nếu tâm không có cái giá chống đỡ thời dễ bị nghiêng ngả, nếu có cái giá chống đỡ thời khó bị nghiêng ngả. Và này các Tỷ-kheo, cái gì là giá chống đỡ cho tâm? Chính là Thánh đạo tám ngành này, tức là chánh tri kiến... chánh định. Đây gọi là cái giá chống đỡ tâm. Này các Tỷ-kheo, ví như cái bình

không có cái giá chống đỡ thời dễ bị nghiêng ngả9 nếu có cái giá chống đỡ thời khó bị nghiêng ngả. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu tâm không có cái giá chống đỡ thời dễ bị nghiêng ngả5 nếu có cái giá chống đỡ thời khó bị nghiêng ngả.

VIII. KINH ĐỊNH (Samãdhisutta) (S V. 21) 28. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi Thế Tôn nói như sau: , r ’ r Ẩ 1 r A ‘ ml ,*1 1,1 f • 9 Này các Tỷ-kheo? Ta sẽ thuyêt cho các ông vê Thánh chánh định với sở y (saupanisă), với tư lường (saparỉkkhără). Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Thánh chánh định với sở y, với tư lường? Tức là chánh tri kiến? chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm. Nhất tâm, này các Tỷ-kheo9 có bảy chi phần này làm tư lường. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là Thánh chánh định với sở y, với tư lường. IX. KINH THỌ (Vedanãsutta) (S. V. 21) 29. Nhân duyên ở Sãvatthi. Thế Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo5 có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ? khổ thọ5 phi khổ phi lạc thọ. Này các Tỷ-kheo? đây là ba thọ này.

45. TƯƠNG ƯNG ĐẠO 1013

Muốn liễu tri ba thọ này, này các Tỷ-kheo? cần phải tu tập Thánh đạo tám ngành. Thế nào là Thánh đạo tám ngành? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Muốn liễu tri ba thọ này, này các Tỷ-kheo, cần phải tu tập Thánh đạo tám ngành.

X. KINH UTTIYA (Uttìyasuttà) (5. V. 22) 30. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Uttiya13 đi đến Thế Tôn... Ngồi một bên, Tôn giả Uttiya bạch Thế Tôn: Ở dây, bạch Thế Tôn, trong khi con độc cư thiền tịnh? tư tưởng như sau được khởi lên: uNăm dục công đức được Thế Tôn nói đến. Và năm dục công đức được Thế Tôn nói đến là gi?" Lành thay, lành thay, này Uttiya! Năm dục công đức này được Ta nói đến9 này Ưttiya. Thế nào là năm? Các sấc do mắt nhận thức, khả lạc5 khả hỷ, khả ý? khả ái? liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... Các hương do mũi nhận thức... Các vị do lưỡi nhận thức... Các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả V, khả ái, liên hệ đến dục. hấp dẫn. Năm dục công đức này. này Uttiya, được Ta nói đên. Muốn đoạn tận năm dục công đức này, này Uttiya, cần phải tu tập Thánh đạo tám n^ành. Thế nào là Thánh đạo tám ngành? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Muon đoạn tận năm dục công đức này, này Uttiya, cần phải tu tập Thánh đạo tám ngành này.

13 Cũng còn gọi là Uttika, con trai của một gia đình Bà-la-môn ở Sãvatthiv Khi đến tuổi trưởng thành, ông trở thành một đạo sĩ. Trong một lần trên đường du hóa, ông diện kiến đức Thế Tôn, được nghe thuyêt pháp và xin xuất gia trong Tăng đoàn. Ong tinh tân tu tập dù có khi thân bị bệnh nặng và không lâu sau thành tựu quả vị A-la-hán. Xem Thag. V. 30; ThagA. I. 89f.

1014 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

IV PHẨM HẠNH (PATIPATTIVAGGA)

I. KINH VỀ HẠNH THỨ NHẤT (PaỊhamapaỊipattisutta) (S. V. 23) 31. Nhân duyên ở Săvatthi. Thế Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông vê tà hạnh và vê chánh hạnh. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà hạnh? Tức là tà tri

kiến... tà định. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là tà hạnh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh hạnh? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh hạnh. II. KINH VỀ HẠNH THỨ HAI (DutiyapaḶipattisutta)^ (S. V. 23) 32. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ở đây, Thế Tôn nói như sau: —Và này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về người tà hạnh và người chánh hạnh. Hãy lắng nghe. Này các Tỷ-kheo9 thế nào là người tà hạnh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người theo tà kiến... tà định. Đây gọi là người tà hạnh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chánh hạnh? Ở dây, này các Tỷ-kheo? có người theo chánh tri kiên... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là người chánh hạnh. III. KINH THỐI THẤT(yiraddhasutt(ì)Ỵ5 (S. V. 23) 33. Nhân duyên ở Sãvatthi. -Với những ai, này các Tỷ-kheo5 Thánh đạo tám ngành bị thối thất, đối với họ, bị thối thất là Thánh đạo tám ngành? con đường chơn chánh đưa đến đoạn tận khổ đau. Với những ai, này các Tỷ-kheo9 Thánh đạo tám ngành được thực hiện (ãraddhă). đối với họ5 được thực hiện là Thánh đạo tám ngành, con đường chơn chánh đưa đến đoạn tận khổ đau. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đạo tám ngành? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Đối với những ai, này các Tỷ-kheo9 Thánh đạo tám ngành*

14 Bản tiếng Anh của PTS: Conducted, nghĩa là Được hướng dẫn. 15 Vỉraddha. trái nghĩa với ãraddha còn có nghĩa là nỗ lực, chuyên cần. Tham khảo: s. V. 82; KS. V. 69 (kinh 199 ơ sau); s. V. 179; KS. V. 157 (kinh 399 ở sau); s. V. 254; KS. V. 225 (kinh 814 ở sau); s. V. 294; KS. V. 261 (kinh 899 ơ sau).

bị thối thất, đối với họ, bị thối thất là Thánh đạo tám ngành, con đường chơn chánh đưa đến đoạn tận khổ đau. Với những ai, này các Tỷ-kheo5 Thánh đạo tám ngành được thực hiện, đối với họ? được thực hiện là Thánh đạo tám ngành, con đường chơn chánh đưa đến đoạn tận khổ đau.

IV. KINH ĐẾN BỜ BÊN KIA (Pãrangamasutta) (S V. 24)

34. Nhân duyên ở Sãvatthi.

-Có tám pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tap, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này đến bờ bên kia (apãrãpãram gamanãyă). Thế nào là tám? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Tám pháp này, này các Tỷ-kheo5 được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa từ bờ bên này đến bờ bên kia.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:16

It thay là những người5
Đạt đến bờ bên kia.
Phần lớn quần chúng khác,
Chạy qua lại bờ này.
Những ai theo thuyết giảng,
Chánh pháp khéo tuyên thuyết,
Họ đến bờ bên kia,
Khéo vượt cảnh giới ma.
Đoạn tận các hắc pháp,

Bậc trí tu bạch ph
Bỏ nhà, sống không nhà,
Trong độc cư, khó lạc.
Ở đây5 muốn hưởng lạc,
Hãy bỏ mọi dục vọng,
Bậc trí tự thanh lọc,
Tự tâm khỏi phiền não.
Những ai khéo tu tập,
Chánh tâm trong giác chi,
Từ bỏ các chấp trước,
Hoan hỷ? không chấp thủ,
Lậu hoặc tận, chói sáng,
Đạt tịch tịnh ở đời.
V KINH SA-MÔN HẠNH THỨ NHẤT (Pathamasamannasutta) (S V. 25)
35. Nhân duyên ở Sãvatthi.
-Này các Tỷ-kheo? Ta sẽ giảng cho các ông về Sa-môn hạnh và quả Sa-môn hạnh. Hãy lắng nghe.
16 Xem A. V. 232; Dh. V. 85-99.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn hạnh? Chính là Thánh đạo tám ngành này5 tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Sa- môn hạnh. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là quả Sa-môn hạnh? Dự lưu quả5 Nhất lai quả, Bất lai quả, A-la-hán quả. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là quả Sa-môn hạnh.

VI. KINH SA-MÔN HẠNH THỨ HAI (Dutiyasamannasutta) (S V. 25) 36. Nhân duyên ở Sãvatthi. —Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về Sa-môn hạnh và mục đích Sa-môn hạnh. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn hạnh? Chính là Thánh đạo tám ngành này5 tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Sa- môn hạnh. Này các Tỷ-kheo? thế nào là mục đích Sa-môn hạnh? Đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là mục đích Sa-môn hạnh (sãmannattha). VII-VIIL KINH BÀ-LA-MÔN HẠNH THỨ NHẤT, THỨ HAI (Pathamabrahmaiinasutta^ Dutiyabrahmannasuttd) (5. V. 25-26) 37-38. (Như kinh 35-36, chỉ thay thế bằng ícBà-la-môn hạnh"). IX-X. KINH PHẠM HẠNH THỨ NHẤT, THỨ HAI) (PaỊhamabrahmacariyasutta^ Dutìyabrahmacariyasutta) (S. V. 26) 39-40. (Như kinh 35-36, chỉ thay thế bằng "Phạm hạnh59).

PHẨM NGOẠI ĐẠO LƯỢC THUYẾT (ANNATITTHIY4PEYYALAK4GGA)

L KINH LY THAM (Rãgavirãgasuttă) (5. V. 27) 41. Nhân duyên ở Sãvatthi. —Này các Tỷ-kheo5 nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông như sau: "Vi mục đích gì, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo5 các ông cần phải trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “Do mục đích đoạn tận tham, này chư

Hiên, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn?5 Này các Tỷ-kheo? nhưng nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông như sau: “C6 con đường nào? có đạo lộ nào, này chư Hiền, đưa đến đoạn tận tham?” Được hỏi như vậy, này các Tỷ-kheo5 các ông phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “Này chư Hiền, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận tham."

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường, thế nào là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham? Chính là Thánh đạo tám ngành này, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo? đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham. Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải trả lời như vậy cho các du sĩ ngoại đạo ấy. II-VII. NHÓM 6 KINH BẮT ĐÀU BẰNG KINH ĐOẠN TÂN KIẾT sử (Saiĩtyojanappahãnữdisuttachakka)17 (S. V. 28) 42-47. Này các Tỷ-kheo? nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông như sau: “Vi mục đích gi, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?” Được hỏi vậy? này các Tỷ-kheo? các ông cần phải trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “Do mục đích đoạn tận kiết sử, này chư Hiền? Phạm hạnh được sống dưới Thê Tôn.99... :Do mục đích nhô sạch tùy miên, này chư Hiên? Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn?5 ... a'Do mục đích liễu tri đường dài, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn.95... “Do mục đích đoạn trừ lậu hoặc, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn.95 .."Do mục đích chứng ngộ tuệ giải thoát, này chư Hiên, Phạm hạnh được sông dưới Thê T6n." ... "Do mục đích tri kiên, này chư Hiên? Phạm hạnh được sông dưới Thê T6n." VIII. KINH KHÔNG CHẤP THỦ (Anupãdãparìnibbãnasutta) (S V. 29) 48. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông như sau: "Vi mục đích gi, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?” Được hỏi vậy? này các Tỷ-kheo? các ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Vi mục đích hoàn toàn tịch tịnh5 không có chấp thủ, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thế T6n.” Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông như sau: "C6 con đường nào, này chư Hiền, có đạo lộ nào đưa đến hoàn toàn tịch tịnh5 không có chấp thủ?95 Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo5 các ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “C6 con đường, này chư Hiền? có đạo lộ đưa đến hoàn toàn tịch tịnh, không có chấp thỉi." Và này các Tỷ-kheo? thê nào là con đường, thê nào là đạo lộ đưa đên hoàn toàn tịch tịnh, không có chấp thủ? Chính Thánh đạo tám ngành này, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến hoàn toàn tịch tịnh, không có chấp thủ. Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cân phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ây như vậy.

17 Bản Pãli trình bày 6 kinh từ 42-47 chung một nhóm. Bản tiếng Anh của PTS trình bày từng kinh với tên riêng: (ii) Fetter (Kiêt sử); (iii) Tendency (Tùy miên); (iv) The Way out (Hành /ợ); (v) Destruction of the Asavas (Đoạn tận các ỉậu hoặc); (vi) Release by Knowledge (Được giải thoát nhơ Minh) (vii) Knowing (Trí).

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý này, thời được chờ đợi rằng Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý5 tu tập Thánh đạo tám ngành, và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý5 tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

II. NHIẾP PHỤC THAM

I. KINH LÀM BẠN VỚI THIỆN HỮU (Kaỉyãnamittasutta) (S V. 31) 56. Này các Tỷ-kheo, như cái đi trước và điềm tướng báo trước mặt trời mọc, tức là rạng đông; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái đi trước và điềm tướng báo trước sự sanh khởi của Thánh đạo tám ngành chính là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thời được chờ đợi rằng Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tap, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si... tu tập chánh định với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành. ILVI. NHÓM 5 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH THÀNH Tựu GIỚI HẠNH (Sĩlasampadãdisuttapancaka) (5. V. 32) 57-61. Này các Tỷ-kheo? như cái đi trước và điềm tướng báo trước mặt trời mọc? tức là rạng đông; cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, cái đi trước và điềm tướng báo trước sự sanh khởi của Thánh đạo tám ngành chính là sự thành tựu giới hạnh... chính là sự thành tựu dục... chính là sự tự thành tựu [tâm thành tựu]... chính là sự thành tựu kiến... chính là sự thành tựu không phóng dật.... VII. KINH THÀNH Tựu NHƯ LÝ TÁC Ý (ĩònisomanasikãrasampadãsutta) (S. V. 32) 62... Chính là sự thành tựu như lý tác ý. Và này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý này, thời được chờ đợi rằng Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tap, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm

cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý? tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si... tu tập chánh định với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si. Như vậy? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý5 tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

PHẨM MỘT PHÁP LƯỢC THUYẾT (ekadhammapeyyÀlavagga) Tất cả đều nhân duyên ở Sãvatthi.

I. LIÊN HỆ ĐẾN VIỄN LY21

L KINH LÀM BẠN VỚI THIỆN HỮU (Kalyãnamittasutta) (S. V. 32) 63. Nhân duyên ở Sãvatthi. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, lợi ích nhiều cho Thánh đạo tám ngành được sanh khởi. Thế nào là một pháp? Chính là làm bạn với thiện hữu. Với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, này các Tỷ-kheo5 được chờ đợi là Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tap, sẽ được làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly? liên hệ đến ly tham5 liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy? này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành. II-VL NHÓM 5 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH THÀNH Tựu GIỚI HẠNH (Sĩlasampadãdisuttapancaka) (S V 33) 64-68. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, lợi ích nhiều cho Thánh đạo tám ngành sanh khởi. Và thế nào là một pháp lợi ích nhiều cho Thánh đạo tám ngành sanh khởi? Chính là sự thành tựu giới hạnh... chính là sự thành tựu dục... chính là sự tự thành tựu [tâm thành tựu]... chính là sự thành tựu kiến... chính là sự thành tựu không phóng dật...

21 Bản Pãli trình bày liên tục phẩm này. Bản tiếng Anh của PTS phân chia phẩm The One Condition Repetition I (phâm Một pháp trùng thuyêt I) thành 2 phân: I. Based on Seclusion (Liên hệ đên viên ly); II. Restraint ofPassion (Nhiếp phục tham).

45. TƯƠNG ƯNG ĐẠO 1021

VII. KINH THÀNH Tựu NHƯ LÝ TÁC Ý (ỴonìsomanasikãrasampadãsuttdÝ2 (S V 33) 69.. .. Chính là sự thành tựu như lý tác ý. Với các Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý? được chờ đợi là Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập5 Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý? tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành? Ở đâỵ5 này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy? này các Tỷ-kheo? là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý5 tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

II. NHIẾP PHỤC THAM

L KINH LÀM BẠN VỚI THIỆN HỮU (Kalyãnamittasutta) (S. V. 34) 70. Nhân duyên ở Sãvatthi. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, lợi ích nhiều cho Thánh đạo tám ngành được sanh khởi. Thế nào là một pháp? Chính là làm bạn với thiện hữu. Với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, này các Tỷ-kheo? được chờ đợi là Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si... tu tập chánh định với cứu cánh là nhiêp phục tham, với cứu cánh là nhiêp phục

sân, với cứu cánh là nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỷ-kheọ? là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành. n-VI. NHÓM 5 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH THÀNH Tựu GIỚI HẠNH (Sĩlasampadãdisuttapancaka) (S V. 34) 71-75. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, lợi ích nhiều cho Thánh đạo tám ngành được sanh khởi. Thế nào là một pháp? Chính là sự thành tựu giới hạnh... chính là sự thành tựu dục... chính là sự tự thành tựu [tâm thành tựu]... chính là sự thành tựu kiên... chính là sự thành tựu không phóng dật... VII. KINH THÀNH Tựu NHƯ LÝ TÁC Ý (Yonisomanasikãrasampadãsutta) (S V. 34) 76.. .. Chính là thành tựu như lý tác ý.22

22 Bản tiếng Anh của PTS: Systematic, nghĩa là Như lỷ.

Với Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý? được chờ đợi là Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tap, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý5 tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

PHẨM MỘT PHÁP LƯỢC THUYẾT THỨ HAI (PUTIÙEKADHAMMAPEYYÃLAVAGGA)

Tất cả đều nhân duyên ở Sãvatthi.

I. LIÊN HỆ ĐẾN VIỄN LY23

I. KINH LÀM BẠN VỚI THIỆN HỮU (Kalyãnamittasuttà) (S. V. 35) 77. Nhân duyên ở Sãvatthi. - Ta không thấy một pháp nào khác5 này các Tỷ-kheo, do pháp ấy? Thánh đạo tám ngành chưa khởi lên được sanh khởi9 hay Thánh đạo tám ngành đã khởi lên được đi đến tu tập sung mãn. Này các Tỷ-kheo? pháp ấy tức là làm bạn với thiện hưu. Với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, này các Tỷ-kheo5 thời được chờ đợi rằng Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập? Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, như thê nào Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành? Ở đậ9 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành. II-VI. NHÓM 5 KINH BẮT ĐÀU BẰNG KINH THÀNH Tựu GIỚI HẠNH (Sĩlasampadãdisuttapancakd) (S V 36) 78-82. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo9 do pháp ấy, Thánh đạo tám ngành chưa khởi lên được sanh khởi, hay Thánh đạo tám ngành đã khởi lên được đi đến tu tập sung mãn, này các Tỷ-kheo? như sự thành tựu

23 Bản Pãli trình bày liên tục phẩm này. Bản tiếng Anh của PTS phân chia phẩm The One Condition Repetition II (Pham Một pháp trùng thuyết II) thanh 2 phần: I. Based on

Seclusion (Liên hệ đến viễn ly); II. Restraint ofPassion (Nhiếp phục tham).

giới hạnh... này các Tỷ-kheo? như sự thành tựu dục... này các Tỷ-kheo, như sự tự thành tựu... này các Tỷ-kheo? như sự thành tựu kiên... này các Tỷ-kheo, như sự thành tựu không phóng dật... VII. KINH THÀNH Tựu NHƯ LÝ TÁC Ý (ĩònisomanasikãrasampadãsuttà) (S V. 36) 83. Này các Tỷ-kheo... như sự thành tựu như lý tác ý. Với Tỷ-kheo thành tựu như ý tác ý? này các Tỷ-kheo, thời được chờ đợi rằng Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tap, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý9 tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chanh định liên hệ đến viễn ly9 liên hệ đến ly tham5 liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo9 là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý? tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

II. NHIẾP PHỤC THAM

I. KINH LÀM BẠN VỚI THIỆN HỮU (Kalyãnamittasutta) (S V. 37) 84. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo5 do pháp ấy, Thánh đạo tám ngành chưa khởi lên được sanh khởi, hay Thánh đạo tám ngành đã khởi lên được đi đến tu tập sung mãn5 này các Tỷ-kheo5 như làm bạn với thiện hữu. Với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo9 như thế nào là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si... tu tập chánh định với cứu cánh là nhiêp phục tham, với cứu cánh là nhiêp phục sân, với cứu cánh là nhiêp phục si. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành. II-VI. NHÓM 5 KINH BẮT ĐẦU BẢNG KINH THÀNH Tựu GIỚI HẠNH (Sĩlasampadãdisuttapancaka) (S V. 37) 85-89. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, Thánh đạo tám ngành chưa khởi lên được sanh khởi, hay Thánh đạo tám ngành đã khởi lên được đi đến tu tập sung mãn? này các Tỷ-kheo, như sự thành tựu giới hạnh... này các Tỷ-kheo5 như sự thành tựu dục... này các Tỷ-kheo, như sự tự thành tựu... này các Tỷ-kheo, như sự thành tựu kiên... này các Tỷ-kheo5 như sự thành tựu không phóng dật...

VII. KINH THÀNH Tựu NHƯ LÝ TÁC Ý (ĩònisomanasikãrasampadãsuttà) (S V 37) 90. Này các Tỷ-kheo... như sự thành tựu như lý tác ý. Với Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo? như thế nào là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý? tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến với cứu cánh là nhiếp

phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si... tu tập chánh định với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT (GANGẴPEYYẴLAK4GGA)

Tất cả đều nhân duyên ở Sãvatthi.

I. LIÊN HỆ ĐẾN VIỄN LY24

L KINH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG ĐÔNG THỨ NHẤT (PaỊhamapãcĩnaninnasuttà) (S V. 38) 91. Nhân duyên ở Sãvatthi. -Ví như, này các Tỷ-kheo9 sông Gaồgã (sông Hằng) thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành thiên về Niếtbàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn? Ở đâỵ5 này các Tỷ-kheo, Tỷ"kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo5 như vậy là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

24 Bản tiếng Anh của PTS ghân chia phẩm Gangã Repetition (Sồng Hằng trùng thuyết) thành 4 phần: I. Based on Seclusion (Viên) IL Restraint of Passion (Nhiệp phục tham); III. Plunging into the Deathless (Nhập vào bat từ); IV. Flowing to Nibbãna (Thiên về Nỉết-bàn).

45. TƯƠNG ƯNG ĐẠO 1025

II-V. NHÓM 4 KINH HƯỚNG VÈ PHƯƠNG ĐÔNG TỪ THỨ HAI ĐÉN THỨ NĂM (Dutìyãdipãcĩnaninnasuttacatukka) (S V. 39) 92-95. Ví như, này các Tỷ-kheo? sông Yamunã thiên về phương Đông, hướng vê phương Đông? xuôi vê phương Đông. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo... Ví nhu, này các Tỷ-kheo, sông Aciravatĩ thiên về phương Đông, hướng về phương Đông? xuôi về phương Đông. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo... Ví nhu, này các Tỷ-kheo9 sông Sarabhũ thiên vê phương Đông, hướng vê phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo... Ví nhu, này các Tỷ-kheo, sông Mahĩ thiên về phương Đông, hướng vê phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... (như kinh trên).25 VI. KINH HƯỚNG VÈ PHƯƠNG ĐÔNG THỨ SÁU (ChaỊthapãcĩnaninnasuttà)26 (S V. 39) 96. Ví như? này các Tỷ-kheo, tât cả các sông lớn, như sông Gangã... sông Yamunã... sônậ Aciravatĩ... sông Sarabhũ... sông Mahĩ... đều thiên về phương Đông, hướng ve phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ- kheo, Tỷ-kheo làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn5 xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn? Ở đâỵ5 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập

chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo tu tạp Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành thiên về Niêt-bàn9 hướng về Niêt-bàn, xuôi về Niết-bàn. I. KINH HƯỚNG VÈ BIỂN THỨ NHẤT (Pathamasamuddaninnasutta) (S V. 39) 97. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Gaồgã thiên về biển, hướng về biển, xuôi về biển. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành thiên về Niếtbàn, hướng về Niêt-bàn, xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tap Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niet-bàn, hướng về Niet-bàn, xuôi về Niết-bàn? Ở đậy5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham5 liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành thiên vê Niêt-bàn5 hướng vê Niêt-bàn? xuôi về Niết-bàn.

25 Có 5 sông lợn thuộc miền Bắc Ấn Độ chảy từ Himalaya, xuôi về phương Đông để ra biển. Đó là Gangã (sông Hằng), Yamunã, Aciravatĩ, Sarabhũ, Mahĩ. 26 Bản tiếng Anh của PTS: Ocean, nghĩa là Biển.

1026 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

II-VI. NHÓM 5 KINH HƯỚNG VÈ BIỂN TỪ THỨ HAI ĐÉN THỨ SÁU (Dutìyãdisamuddaninnasuttapancaka) (S. V. 40) 98-102. Ví như, này các Tỷ-kheo? sông Gangâ... sông Yamunã... sông Aciravatĩ... sông Sarabhũ... sông Mahĩ... tất cả các sông lớn như sông Hằng, Yamunã, Aciravatĩ, Sarabhũ, Mahĩ thiên vê hướng biên9 hướng vê biên, xuôi về biển. (Như các kinh 92-96, chỉ thay thế bằng "hướng về biển^,).

PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT THỨ HAI (DUTIY4GANGẴPEYYẴLAK4GGA)

II. NHIẾP PHỤC THAM

I. KINH HƯỚNG VÈ PHƯƠNG ĐÔNG THỨ NHẤT (Paḷhamapãcĩnaninnasutta) (5. V. 40) 103. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Gaỏgã thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tap Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn5 hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân5 với cứu cánh là nhiếp phục si... tu tập chánh định với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết- bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. II-VI. NHÓM 5 KINH HƯỚNG VÈ PHƯƠNG ĐÔNG TỪ THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU (Dutiyãdipãcĩnaninnasuttapancaka) (S. V. 40) 104. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? sông Yamunã thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... (như trên). 105. Ví như? này các Tỷ-kheo9 sông Aciravatĩ thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các

Tỷ-kheo... (như trên). 106. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 sông Sarabhũ thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... (như trên).

107. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Mahĩ thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo... (như trên). 108. Ví như, này các Tỷ-kheo9 tất cả các con sông lớn, như sông Gaồgã? sông Yamunã, sông Aciravatĩ, sông Sarabhũ, sông Mahĩ đều thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy5 này các Tỷ- kheo... (nhưtrên). I. KINH HƯỚNG VỀ BIỂN THỨ NHẤT (PaḶhamasamuddaninnasutta) (5. V. 40) 109. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, sông Gaủgã thiên về biển, hướng về biển, xuôi về biển. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành5 làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành5 thiên về Niết-bàn5 hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si... tu tập chánh định với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết- bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. II-VI. NHÓM 5 KINH HƯỚNG VỀ BIỂN TỪ THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU (Dutìyãdisamuddaninnasuttapancakà) (S V. 40) 110. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Yamunã thiên về biển, hướng về biển, xuôi về biển. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... (như trên). 111. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 sông Aciravatĩ thiên về biển, hướng về biển, xuôi về biển. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... (như trên). 112. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Sarabhũ thiên về biển, hướng về biển, xuôi về biển. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... (như trên). 113. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, sông Mahĩ thiên vê biên, hướng vê biên, xuôi về biển. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... (như trên) 114. Ví như, này các Tỷ-kheo9 tất cả các con sông lớn, như sông Gaồẹã5 sông Yamunã, sông Aciravatĩ, sông Sarabhũ, sông Mahĩ đêu thiên vê biên, hướng về biển, xuôi về biển. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên vê Niêt-bàn, hướng vê Niêt-bàn, xuôi vê Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si... tu tập chánh định với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục

sân? với cứu cánh là nhiếp phục si. Này các Tỷ-kheo? như vậy là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết- bàn? hướng về Niết-bàn? xuôi về Niết-bàn.

III. NHẬP VÀO BẤT TỬ

L KINH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG ĐÔNG THỨ NHẤT (PaḶhamapãcĩnanìnnasutta) (S. V. 41) 115. Ví như5 này các Tỷ-kheo, sông Gangã thiên về phương Đông, hướng vê phương Đông, xuôi vê phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn? hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên vê Niêt-bàn? hướng vê Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn? Ở đay, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, nhập vào bất tử, hướng về bất tử, cứu cánh là bất tử... tu tập chánh định5 nhập vào bất tử, hướng về bất tử, cứu cánh là bất tử. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.... II-VL NHÓM 5 KINH HƯỚNG VÈ PHƯƠNG ĐÔNG TỪ THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU (Putiyãdipãcĩnaninnasuttapancaka) (5. V. 41) 116. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 sông Yamunã thiên về phương Đông? hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy? này các Tỷ- kheo...(như trên). 117. Ví như, này các Tỷ-kheo5 sông Aciravatĩ thiên về phương Đông, hướng về phương Đông? xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... (như trên). 118. Ví như5 này các Tỷ-kheo, sông Sarabhũ thiên về phương Đông9 hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... (như trên). 119. Ví như, này các Tỷ-kheo9 sông Mahĩ thiên vê phương Đông, hướng vê phương Đông? xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... (như trên). 120. Ví như, này các Tỷ-kheo, tất cả các con sông lớn, như sông Gaỏgã, sông Yamunã, sông Aciravatĩ, sông Sarabhũ, sông Mahĩ đều thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy5 này các Tỷ- kheo... (nhưtrên). L KINH HƯỚNG VÈ BIỂN THỨ NHẤT (PaḶhamasamuddaninnasuttà) (S V. 41) 121. (Như kinh 115, chi thay thế bằng "hướng về biển,,).

45. TƯƠNG ƯNG ĐẠO 1029

ILVL NHÓM 5 KINH HƯỚNG VÈ BIỂN TỪ THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU (Dutiyãdisamuddaninnasuttapancaka) (S V. 41) 122-126. (Như các kinh 116-120, chỉ thay thế bằng "hướng về biển,,). Ví như. này các Tỷ-kheo5 tất cả các con sông lớn, như sông Gaỏgă, sông Yamuna, sông Aciravatĩ, sông Sarabhũ, sông Mahĩ đêu thiên vê biên, hướng vê biển, xuôi về biển. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo... (như trên). Ở gây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, nhập vào bất tử, hướng về bất tử, cứu cánh là bất tử... (như trên).

IV. THIÊN VỀ NIẾT-BÀN

I. KINH HƯỚNG VÈ PHƯƠNG ĐÔNG THỨ NHẤT (PaḶhamapãcĩnaninnasutta) (5. V. 42) 127. Ví như, này các Tỷ-kheo5 sông Gaỏgã thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên vê Niêt-bàn, hướng vê Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn? Ở đây5 nay các

Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến thiên về Niết-bàn, hướng vê Niết-bàn5 xuôi về Niét-bàn... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.. II-VI. NHÓM 5 KINH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG ĐÔNG TỪ THỬ HAI ĐẾN THỨ SÁU (Dutìyãdipãcĩnaninnasuttapancaka) (5. V. 42) 128-132. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, sông Yamunã... sông Aciravatĩ... sông Sarabhũ... sông Mahĩ... thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo... (như trên). L KINH HƯỚNG VÈ BIỂN THỨ NHẤT (PaỊhamasamuddaninnasutta) (S V. 42) 133. (Như kinh 127, chỉ thay thế bằng "hướng về biển^,). II-VI. NHÓM 5 KINH HƯỚNG VỀ BIỂN TỪ THỨ HAI ĐÉN THỨ SÁU (Dutìyãdisamuddaninnasuttapancakd) (S V. 42) 134-138. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 tất cả các con sông lớn? như SÔĨ1Ẹ Gangã, sông Yamuna, sông Aciravatĩ, sông Sarabhũ, sông Mahĩ đêu thiên vê biển, hướng về biển, xuôi về biên. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... (như trên). Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn5 hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

hội nhập, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh... tu tập chánh định, lấy bất tử làm chỗ hội nhập? lấy bất tử làm mục đích5 lấy bất tử làm cứu cánh... IV. NIẾT-BÀN Ở đây, nàỵ các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, thiên về Nigt-bàn, hướng ve Niet-bàn5 xuôi về Niết-bàn... tu tập chánh định, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn... II. KINH DẤU CHÂN (Padasutta) (S V. 43) 140. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ví như, nây các Tỷ-kheo, phàm có những dấu chân của các loại chúng sanh bộ hành nào, tất cả đều hội tập (samodhãnam gacchantĩ) trong chân con voi, vì chân con voi được gọi là tối thượng trong tất cả loại chân5 tức là về phần to lớn. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo5 J)hàm có những thiện pháp nào, tất cả đều lây không phóng dật làm căn bản5 lây không phóng dật làm chỗ quy tụ5 không phóng dật được gọi là tôi thượng trong tât cả thiện pháp. Với Tỷ-kheo không phóng dật? này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. (Mỗi kinh được trình bày thêm bốn phần như kinh 139). III. KINH CHÓP MÁI29 (S V. 43) 141. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, các đòn tay nào của một ngôi nhà có mái nhọn, tất cả đều đi đến mái nhọn, hướng đến mái nhọn, quy tụ vào mái nhọn. Mái nhọn đối với chứng được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... (như trên). IV. KINH RỄ HƯƠNG (S V. 44) 142. Ví như, này các Tỷ-kheo5 phàm có những loại rễ hương nào5 loại Chiên-đàn đen (kãỊãnusãriya) được gọi là tối thượng. Cũng vậy... (như trên). V KINH LÕI HƯƠNG (S V. 44) 143. Ví như, này các Tỷ-kheo. phàm có những loại lõi hương nào, loại Chiên-đàn đỏ (ỉohitacandana) được gọi là tối thượng. Cũng vậy... (như trên). VI. KINH HẠ SANH HOA (S V. 44) 144. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, phàm có những loại hương hoa nào (pupphagandha). hoa huệ được gọi là tối thượng. Cũng vậy... (như trên).

VII. KINH VUA (S. V. 44) 145. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, phàm có những tiểu vương nào (kuttarqjana).

29 Xem s. II. 262; s. III. 156. Bản Pãli trình bày 5 kinh từ 141-145 chung một nhóm với tên nhóm là Kũtãdỉsuttapancaka, nghĩa là Nhóm 5 kỉnh bắt đầu bằng Kỉnh Chóp mải. Bản tiếng Anh của PTS trình bày tòng kinh, với tên riêng: (iii) The Roof-peak (Chóp mải); (iv) Wood (Re hương); (v) Heart-wood (Lõi hưầng); (vi) Jasmine(Hạ Sanh hoa); (vii) Prince (Tiểu vương).

tât cả đêu tùy thuộc Chuyên Luân Vương. Vua Chuyên Luân đôi với họ được gọi là tôi thượng. Cũng vậy... (như trên). VIII. KINH MẶT TRĂNG30 (S. V. 44) 146. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, phàm ánh sáng của bất cứ loại sao nào, tất cả đều không bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng. Ánh sáng mặt trâng đối với chúng được gọi là tối thượng. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo... (như trên). IX. KINH MẶT TRỜI (S V. 44) 147. Ví như, này các Tỷ-kheo, vào mùa thu, khi hư không mở rộng5 không có mây mù, mặt trời vươn thẳng lên hư không, quét sạch mọi tối tăm trên trời, chói sáng, bừng sáng. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo... (như trên). X. KINH VẢI (S. V. 45) 148. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có vải gì được dệt. vải dệt ở Ba-la-nại được ệọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? phàm có những thiện pháp nào, tat cả đều lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp. Với Tỷ-kheo không phóng dật5 này các Tỷ-kheo5 được chờ đợi rằng Thánh đạo tám ngành được tu tập, Thánh đạo tám ngành được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật5 tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

30 Bản Pãli trình bày 3 kinh từ 146-148 chung một nhóm với tên nhóm là Candỉmãdỉsuttatatiyaka, nghĩa là Nhóm 3 kinh bắt đầu bằng Kỉnh Mặt trăng. Bản tiếng Anh của PTS trình bày từng kinh vơi tên riêng: (viii) Moon (Mặt trăng)', (ix) Sun (Mạt trời); (x) Cloth(Vải).

VI. PHẨM CÀN DÙNG sức MẠNH (BALAKARANIZ4K4GGA)

Tất cả đều có nhân duyên ở Sãvatthi.

I. KINH SỨC Lực (BalasuttdýỴ (S V. 45) 149. Nhân duyên ở Sãvatthi. - Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những hành động gì muốn làm cần phải có sức lực, tất cả những hành động ấy đều y cứ vào dất, đều an trú vào đất. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo y cứ trên giới, an trú trên giới, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành? Ở đây9 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham? liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đên viên ly, liên hệ đên

ly tham, liên hệ đên đoạn diệt? hướng đến từ bỏ. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến lấy nhiếp phục tham làm cứu cánh, lấy nhiếp phục sân làm cứu cánh, lấy nhiếp phục si làm cứu cánh... tu tập chánh định lây nhiếp phục tham làm cứu cánh, lấy nhiếp phục sân làm cứu cánh, lấy nhiếp phục si làm cứu cánh... Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến lấy bất tử làm chỗ hội nhập? lấy bất tử làm mục đích? lấy bất tử làm cứu cánh... tu tập chánh định lấy bất tử làm chỗ hội nhập, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh... Ở dây, nàỵ các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn... tu tập chánh định, thiên về Niết-bàn, hướng về Niêt-bàn, xuôi về Niêt-bàn... IL KINH CÁC HẠT GIỐNG (Byasuttaý2 (S V. 46) 150. Ví như, này các Tỷ-kheo5 phàm có những hạt giống nào, những cây mạ nào tăng trưởng, lớn mạnh5 quảng dại, tât cả đêu y cứ vào đât5 đêu an trú vào đất. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giói, tu*

31 Xem M. I. 230. 32 SA. III. 303 giải thích 5 loại hạt giống còn gọi là bĩịagãma, khi thành màu xanh lá mạ được gọi là bhũtagãma.

tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đạt được tăng trưởng, lớn mạnh và quảng đại trong các pháp. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đạt được tăng trưởng, lớn mạnh, quảng đại trong các pháp? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đạt đến tăng trưởng, lớn mạnh và quảng đại trong các pháp. III. KINH CON RẮN (Nãgasutta) (5. V. 47) 151. Y cứ vào vua Tuyết sơn, này các Tỷ-kheo? các loài rắn lớn tăng trưởng tự thân, thâu hoạch sức mạnh. Ở dấy, khi chúng tăng trưởng tự thân, thâu hoạch sức mạnh, chúng đi xuống các hồ nhỏ;33 sau khi xuống các hồ nhỏ, chúng đi xuống các hồ lớn; sau khi đi xuống các hồ lớn, chúng đi xuống các sông nhỏ; sau khi đi xuống các sông nhỏ? chúng đi xuống các sông lớn; sau khi đi xuống các sông lớn, chúng đi ra biển, ra đại dương. Tại đấy, thân của chúng được to lớn và quảng đại hơn. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đạt được sự to lớn, sự quảng đại trong các thiện pháp. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo y cứ vào giới5 an trú vào giới, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đạt đến sự to lớn, sự quảng đại trong các thiện pháp? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú trên gi&i, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đạt đến sự

to lớn, sự quảng đại trong các pháp.34 IV. KINH CÂY (Rukkhasutta) (S V. 47) 152. Ví như5 này các Tỷ-kheo, có cây thiên về hướng Đông, hướng về hướng Đông, xuôi về hướng Đông, khi bị chặt từ gốc, cây ấy sẽ rơi về hướng nào? Bạch Thế Tôn5 về phía nó thiên về9 về phía nó hướng về, về phía nó xuôi về.

33 Xem s. II. 30. 34 .,111. 136 giải thích lẳng: "Tuyết Sơn tượng trưng cho bốn thạnh tịnh hoàn toàn của giới luật. Các loài răn tượng trưng cho các vị Hữu học nhiệt tình. Các hô lớn, hô nhỏ... tượng trưng cho Thánh đạo. Biển, đại dương tượng trưng cho Niết-bàn. Sự lớn lên và trưởng thành tượng trưng cho Thắng trí.,,

-Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn5 hướng về Niết-bàn? xuôi về Niết-bàn. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên vê Niêt-bàn5 hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. V. KINH CÁI GHÈ (Kumbhasutta) (5. V. 48) 153. Ví như5 này các Tỷ-kheo5 một cái ghè5 nếu bị nghiêng đổ9 nước đã bị đổ ra không thể đổ vào lại được. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đối với các ác? bất thiện pháp đã được đổ ra? không thể đổ vào lại được. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp đã được đổ ra, không thể đổ vào lại được? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly? liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 Tỵ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đôi với các ác, bât thiện pháp đã được đô ra, không có thể đổ vào lại được. VI. KINH RÂU LÚA MÌ (Sŭkasutta) (S V. 48) 154. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? sợi râu lúa mì5 hay sợi râu lúa mạch được đặt hướng chơn chánh, khi bị tay chân đè vào, có thể đâm thủng tay chân, hay có thể làm đổ máu. Sự tình này có xảy ra. Vì sao? Vì sợi râu được đặt hướng chơn chánh. Cũng vậy, Tỷ-kheo nhờ đặt hướng chơn chánh, tu tập con đường chơn chánh, thời vô minh được căt đoạn, minh sẽ được khởi lên, Niêt-bàn sẽ được chứng đắc. Sự kiện như vậy có xảy ra. Vì sao? Vì tri kiến được đặt hướng một cách chơn chánh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo nhờ chơn chánh đặt hướng tri kiến5 nhờ chơn chánh đặt hướng con đường tu tập nên đâm thủng vô minh, làm minh sanh khởi, chứng ngộ được Niêt-bàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đ^i ly tham5 liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướnệ đến từ bỏ. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo chơn chánh đặt hướng tri kiến, chơn

chánh đặt hướng con đường tu tập nên đâm thủng vô minh? làm minh sanh khởi, chứng ngộ được Niết-bàn. VIL KINH HƯ KHÔNG (Ākāsasuttdỷ5 (S. V. 49) 155. Ví nhu, này các Tỷ-kheo9 trên khônệ trung, có nhiều loại gió thổi, gió từ phương Đông thổi, gió từ phương Tây thôi, gió từ phương Bắc thổi, gió từ phương Nam thổi, gió có bụi thổi5 gió không bụi thổi, gió lạnh thổi, gió nóng thổi, gió nhỏ thổi, gió thật lớn thổi. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thời bốn niệm xứ được tu tập đi đến viên mãn, bôn chánh cân... bôn như ý túc... năm căn... năm lực... bảy giác chi được tu tập đi đến viên mãn. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, bốn niệm xứ được tu tập đi đến viên mãn, bốn chánh cần... bốn như ý túc... năm căn... năm lực... bảy giác chi được tu tập đi đến viên mãn? Ở đây? này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định? liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, bốn niệm xứ được tu tập đi đến viên mãn5 bốn chánh cần... bốn như ý túc... năm căn... năm lực... bảy giác chi được tu tập đi đến viên mãn. VIII. KINH MÂY MƯA THỨ NHẤT (Paḷhamameghasutta) (5. V. 50) 156. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? vào cuối tháng mùa hạ5 bụi mù bay lên, rồi có đám mây, mưa lớn trái mùa thình lình làm chúng tiêu tan và tịnh chỉ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh lập tức làm chúng tiêu tan và tịnh chỉ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh lập tức làm cho chúng tiêu tan và tịnh chỉ? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh (uppannuppannă) lập tức làm cho chúng tiêu tan và tịnh chỉ. IX. KINH MÂY MƯA THỨ HAI (Dutìyameghasuttà) (5. V. 50) 157. Ví như, này các Tỷ-kheo, một ngọn gió lớn thỉnh thoảng làm cho đám mây9 mưa lớn khởi lên bị tiêu tan, tịnh chỉ. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đối với

35 Xem s. IV. 218.

các ác, bất thiện phập tiếp tục sanh khởi khiến chúng tiêu tan và tịnh chỉ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh khởi khiên chúng tiêu tan và tịnh chỉ? Ở đây? này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh

đạo tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh khởi khiên chúng tiêu tan và tịnh chỉ. X. KINH CHIẾC THUYỀN (Nãvãsutta) (S. V. 51) 158. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? một chiếc thuyền đi biển, đầy đủ cột buồm và dây buồm (yettabandhanabandhãyd). và bị mắc cạn trên bờ5 trong sáu tháng bị nước làm cho hao mòn.36 Còn trong mùa khô, các dây buồm bị gió và mặt trời làm cho hư hại; rồi trong mùa mưa5 bị thấm ướt (abhippavuttha) bởi cơn mưa giông, rất dễ (appakasirenă) bị yếu, hư và mục nát. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, rất dễ làm cho các kiết sử yếu mòn và mục nát. Và thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, rất dễ làm cho các kiết sử yếu mòn và mục nát? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham9 liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo. Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, rât dê làm cho các kiêt sử yêu mòn và mục nát. XI. KINH CÁC KHÁCH (Ẵgantukasuttd) (S. V 51) 159. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 có một nhà khách, ở đấy có người từ phương Đông tới ở5 có người từ phương Tây tới ở? có người từ phương Bắc tới ở? có người từ phương Nam tới ở, có người Sát-đế-lỵ tới ở5 có người Bà-la-môn tới ở? có người Phệ-xá tới ở5 có người Thủ-đà tới ở. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, với các pháp cần phải liễu tri nhờ thắng trí, họ nhờ thắng trí liễu tri các pháp ấy; với các pháp cần phải đoạn tận nhờ thăng trí, họ đoạn tận các pháp ấy nhờ thăng trí; với các pháp cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, họ chứng ngộ các pháp ấy nhờ thắng trí; với những pháp cần phải tu tập nhờ thắng trí, họ tu tập những pháp ấy nhờ thắng trí. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là những pháp cần phải liễu tri nhờ thắng trí? Cần pihải được trả lời là năm thủ uẩn. The nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo? là những pháp cần phải liễu tri nhờ thắng trí.

36 Parỉyenãya = Parỉyãdãya^ nghĩa đen là xoay yòng. Xem s. V. 51; 4 IV. 127. Trong SA. II. 331, viết mahãsamude parỉyãdãnam, nghĩa là bị nước biển làm hao mòn.

Và này các Tỷ-kheo9 thê nào là những pháp cân phải đoạn tận nhờ thăng trí? Vô minh, hữu và ái (bhavatanhã), những pháp này cần phải đoạn tận nhờ thắng trí. Và này các Tỷ-kheo5 những pháp nào cân phải chứng ngộ nhờ thăng trí? Minh và giải thoát, này các Tỷ-kheo9 những pháp này cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí. Và này các Tỷ-kheo5 những pháp nào cân phải tu tập nhờ thăng trí? Chỉ và quán, này các Tỷ-kheo, những pháp này cần phải tu tập nhờ thắng trí. Và thế nào, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành; đối với các pháp cần phải liễu tri, họ liễu tri được các pháp ấy nhờ thắng trí; đối với các pháp cần phải đoạn tận nhờ thắng trí, họ đoạn tận các pháp ây nhờ thăng trí: đôi với những pháp cân phải chứng ngộ nhờ thắng trí, họ chứng ngộ những pháp ấy nhờ thắng trí; đối với những pháp cần phải tu tập nhờ thắng trí, họ tu tập những pháp ấy nhờ thắng trí? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên

hệ đến ly tham5 liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành; đối với các pháp cần phải liễu tri nhờ thắng trí, vị ấy liễu tri những pháp ấy nhờ thắng trí; đối với những pháp cần phải đoạn tận nhờ thăng trí, vị ây đoạn tận những pháp ây nhờ thăng trí; đôi với những pháp cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, vị ấy chứng ngộ những pháp ấy nhờ thắng trí; đối với những pháp cần phải tu tập nhờ thắng trí, vị ấy tu tập những pháp ấy nhờ thắng trí. XII. KINH CON SÔNG (Nadĩsutta) (S V. 53) 160.
Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về hướng Đông, hướng về hướng Đông, xuôi về hướng Đông. Rồi có một quần chúng lớn đến cầm cuốc và giỏ nói rằng: "Chúng ta sẽ làm cho sông Hằng này thiên về hướng Tây5 hướng về hướng Tây, xuôi về hướng Tây." Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo5 quần chúng lớn ấy có thể làm cho sông Hằng thiên về hướng Tây? hướng về hướng Tây? xuôi về hướng Tây không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Vì sao? Vì rằng sông Hằng thiên về hướng Đông5 hướng về hướng Đông? xuôi về hướng Đông, khôn^ dễ gì có thể làm sông Hằng thiên về hướng Tây5 hướng về hướng Tây5 xuôi về hướng Tây. Quần chúng lớn ấy chỉ phải khổ nhọc, phiền não mà thôi. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngSnh, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thời các vua, đại thần của vua, bang hữu, đồng nghiệp, thân thích hay quyến thuộc cùng một huyết thống, đem tài sản đến mời mọc: "Hãy đến, này bạn! Sao để những cà-sa này làm phiền não bạn? Sao lại bộ hành với đầu trọc và y bát? Hãy hoàn tục, hưởng các tài sản và làm các công

dức.” Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự kiện như vậy khônẹ xảy ra. Vì sao? Vì răng5 này các Tỷ-kheo, tâm của vị ây đã lâu ngày thiên vê viễn ly, hướng về viễn ly, xuôi về viễn ly, không thể nào có thể trở lại hoàn tục; Sự kiện như vậy không xảy ra. Và thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham5 liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

VIL PHẨM TẦM CÀU (ESANẢVAGGA)

I. KINH TẦM CẦU (Esanãsutta)31 (S V. 54) Tất cả đều có nhân duyên ở Sãvatthi. I. THẮNG TRI (Abhinnã) 161. Này các Tỷ-kheo, có ba loại tầm cầu. Thế nào là ba? Tầm cầu về dqc, tầm cầu về hữu, tầm cầu về Phạm hạnh. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba tâm câu. Chính do thăng tri ba tâm câu này mà Thánh đạo tám ngành này được tu tập. Thế nào là Thánh đạo tám ngành được tu tập? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Chính do thắng tri ba tầm cầu này mà Thánh đạo tám ngành này được tu tập. Này các Tỷ-kheo, có ba loại tầm cầu... tu tập chánh định với cứu

cánh là đoạn tận tham, với cứu cánh là đoạn tận sân? với cứu cánh là đoạn tận si. Này các Tỷ-kheo5 có ba loại tầm cầu... tu tập chánh định, thể nhập vào bất tử, với mục đích là bất tử, với cứu cánh là bất tử. Này các Tỷ-kheo, có ba loại tâm câu... tu tập chánh định, thiên vê Niêt-bàn5 hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, chính do thắng tri ba tầm cầu này mà Thánh đạo tám ngành này được tu tập. II. LIỄU TRI (Parinna) Này các Tỷ-kheo5 có ba loại tầm cầu. Thế nào là ba? Tầm cầu về dục? tầm câu vê hữu, tâm câu vê Phạm hạnh. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba tâm cầu. Chính vì liễu tri ba tầm cầu này... mà Thánh đạo tám ngành được tu tập.

III. ĐOẠN DIỆT (Parikkhayă) Này các Tỷ-kheo, có ba loại tầm cầu. Thế nào là ba? Tầm cầu dục5 tầm cầu hữu, tầm cầu Phạm hạnh. Chính vì mục đích đoạn diệt ba tầm cầu này... mà Thánh đạo tám ngành được tu tập. IV. ĐOẠN TẬN (Pahãna) Này các Tỷ-kheo5 có ba tầm cầu này. Thế nào là ba? Tầm cầu dục, tầm cầu

37 Bản PãỊi trình bày liên tục kinh I6l. Bản tiếng Anh của PTS phân chia kinh I6l, mục I. Longing (Tầm cầu), thành 4 phần: I. Full Comprehension (Thang trĩ); II. Realization (Liễu trĩ); III. Wearingout (Đoạn diệt); IV. Abandoning (Đoạn tận).

hữu, tâm câu Phạm hạnh. Chính vì mục đích đoạn tận ba tâm câu này mà Thánh đạo tám ngành được tu tập. Thế nào là Thánh đạo tám ngành được tu tập? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định liên hệ đen viễn ly5 liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt? hướng đến từ bỏ... Này các Tỷ-kheo9 chính vì mục đích đoạn tận ba tầm cầu này mà Thánh đạo tám ngành này được tu tập. II. KINH KIÊU MẠN(yỉdhãsuttàÝ^ (S V. 56) 162. Này các Tỷ-kheo5 có ba kiêu mạn. Thế nào là ba? Kiêu mạn: "Tôi hơn”kiêu mạn: uTôi bằng5\ kiêu mạn: "Tôi thua.” Này các Tỷ-kheo? đó là ba kiêu mạn này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba kiêu mạn này mà Thánh đạo tám ngành được tu tập. Thế nào là Thánh đạo tám ngành được tu tập? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định liên hệ đen viễn ly? liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ... Này các Tỷ-kheo5 chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diet, đoạn tận ba kiêu mạn này mà Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập. III. KINH LẬU HOẶC (Ãsavasutta) (S V, 56) 163. Này các Tỷ-kheo? có ba lậu hoặc này. Thế nào là ba? Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Này các Tỷ-kheo, đó là ba lậu hoặc này. Chính vì mục đích thắng tri5 liễu tri, đoạn diet, đoạn tận ba lậu hoặc này... mà Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập... IV. KINH HỮU (Bhavasuttd) (S V. 56) 164. Này các Tỷ-kheo? có ba hữu này. Thế nào là ba? Dục hữu5 sắc hữu, vô sắc hữu. Này các Tỷ-kheo, đó là ba hữu này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diet, đoạn tận ba hữu này... mà Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập. V. KINH KHỔ TÁNH (Dukkhatãsutta) (S. V. 56) 165. Này các Tỷ-kheo? có ba khổ tánh này. Thế nào là ba? Khổ khổ tánh, hành khổ tánh, hoại khố tánh. Này các Tỷ-kheo5 đó là ba khố tánh này. Chính vì mục đích thắng tri5 liễu tri, đoạn diet, đoạn tận ba khổ tánh này... mà Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

VI. KINH HOANG vu (Khìlasuttdỷ9 (S V. 57) 166. Này các Tỷ-kheo? có ba hoang vu này. Thế nào là ba? Tham hoang vu, sân hoang vu, si hoang vu. Này các Tỷ-kheo, đó là ba hoang vu này. Chính vì mục đích thắng tri; liễu tri, đoạn diet, đoạn tận ba hoang vu này... mà Thánh đạo tám ngành này càn phải tu tập.

38 Vỉdhã. Các tà kiến và ưanh luận do mạn gây ra. Xem chú thích trong KS. III. 42; Vbh. 367; BPE. 298. 39 Khiỉa: Đất hoang. Xem Vbh. 377 về 5 cetto khỉlã'. Hoài nghi, không tin Đạo sư, Pháp, Tăng và học pháp. Không nên nhầm lẫn khỉla với khĩỉa, có nghĩa cái chốt, cái cọc, thỏi.

VII. KINH CẤU NHIỄM (Maỉasutta) (S V. 57) 167. Này các Tỷ-kheo? có ba cấu nhiễm này. Thế nào là ba? Tham cấu nhiêm, sân câu nhiêm, si câu nhiêm. Này các Tỷ-kheo5 đó là ba câu nhiêm này. Chính vì mục đích thăng tri, liêu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba câu nhiêm này... mà Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập. VIII. KINH DAO ĐỘNG (Nĩghasutta) (S V. 57) 168. Này các Tỷ-kheo5 có ba dao động này. Thế nào là ba? Tham dao động, sân dao độn^, si dao động. Này các Tỷ-kheo, đó là ba dao động này. Chính vì mục đích thang tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba dao động này... mà Thánh đạo tám ngành này cân phải tu tập. IX. KINH THỌ (Vedanãsuttă) (5. V. 57) 169. Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ5 khổ thọ5 phi khô phi lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, đó là ba thọ này. Chính vì mục đích thăng tri5 liêu tri, đoạn diet, đoạn tận ba thọ này... mà Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

X. KINH KHÁT ÁI (Tanhãsutta) (5. V. 58) 170. Này các Tỷ-kheo5 có ba khát ái này. Thế nào là ba? Dục khát ái5 hữu khát ái5 phi hữu khát ái. Này các Tỷ-kheo5 đó là ba khát ái này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba khát ái này, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập. Thế nào là Thánh đạo tám ngành cẩn phải tu tập? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham5 liên hệ đến đoạn diệt, liên hệ đến đoạn tận, hưởng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, liên hệ đến đoạn tận5 hướng đến từ bỏ. Chính vì mục đích thắng tri5 liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba khát ái này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập. XI. KINH KHÁT ÁI (Tasinãsutta)^ (5. V. 58) 171. Có ba khát ái, này các Tỷ-kheo... Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diet, đoạn tận ba khát ái này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đến ly tham5 liên hệ đến đoạn diệt, hướng đên từ bỏ... tu tập chánh định với cứu cánh là đoạn tận tham, với cứu cánh là đoạn tận san5 với cứu cánh là đoạn tận si... tu tập chánh định với mục đích là thể nhập bất tử5 với mục đích là bất tử, với cứu cánh là bất tử... tu tập chánh định thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn... Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba khát ái này, này các Tỷ-kheo5 Thánh đạo tám ngành này cân phải tu tập.

40 Tasỉnã hay Tanhã đều chỉ cho khát ái.

đoạn tận bảy tùy miên này, này các Tỷ-kheo5 Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập. VI. KINH DỤC CÔNG ĐỨC (Kãmagunasutta) (S V. 60) 177. Này các Tỷ-kheo. có năm dục công đức. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý9 khả ái5 liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... Các hương do mũi nhận thức... Các vị do lưỡi nhận thức... Các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý? khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, đó là năm dục công đức này. Chính vì mục đích thắng tri? liễu tri, đoạn diệt5 đoạn tận năm dục công đức này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này phải được tu tập. VII. KINH TRIỀN CÁI (Nĩvaranasutta) (S V. 60) 178. Này các Tỷ-kheo? có năm triền cái này. Thế nào là năm? Dục tham triên cái (kãmacchandanĩvarand). sân triên cái, hôn trâm thụy miên triên cái, trạo hối triền cái, nghi triền cái. Này các Tỷ-kheo5 đó là năm triền cái này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diet, đoạn tận năm triền cái này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập. VIII. KINH THỦ UẨN (Upãdãnakkhandhasutta) (S. V. 60) 179. Này các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào la năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, đó là năm thủ uẩn này. Chính vì mục đích thắng tri? liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thủ uẩn này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập. IX. KINH HẠ PHẦN KIẾT sử (Orambhãgiyasutta) (S. V. 61) 180. Này các Tỷ-kheo, có năm hạ phần kiết sử này. Thế nào là năm? Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục tham, sân. Này các Tỷ-kheo9 đó là năm hạ phần kiết sử này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm hạ phần kiết sử này5 này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập. X. KINH THƯỢNG PHẦN KIẾT sử (Uddhambhãgiyasutta) (5. V 61) 181. Có năm thượng phần kiết sử, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Này các Tỷ-kheo, đó là năm thượng phần kiết sử này. Chính vì mục đích thắng tri5 liễu tri, đoạn diet, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập. Thế nào là Thánh đạo tám ngành cần phải tu tập? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phân kiêt sử này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cân phải tu tập. Ví như5 này các Tỷ-kheo, con sông Hằng...

Này các Tỷ-kheo? có năm thượng phần kiết sử. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn? trạo cỉr, vô minh. Này các Tỷ-kheo? đó là năm thượng phần kiết sử này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diet, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập. Thế nào là Thánh đạo tám ngành cần phải tu tập? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định với cứu cánh là đoạn tận tham, với cứu cánh là đoạn tận sân, với cứu cánh là đoạn tận si... thể nhập vào bất tử, hướng đến bất tử, với cứu cánh là bất tử... thiên về Niết-bàn? hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Chính vì mục đích thăng tri, liêu tri, đoạn diệt, đoạn tận

năm thượng phân kiêt sử này, này các Tỷ- kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI (BOJJHANGASAMYUTTA)

I. PHẨM NÚI (PABBATAVAGGA)

I. KINH TUYẾT SƠN (Himavantasutta) (5. V. 63) 182. Nhân duyên ở Sãvatthi. Thế Tôn nói như sau: -Ví nhu, nương tựa vào (nissãya) vua Tuyêt sơn5 này các Tỷ-kheo, các loài rắn lớn tăng trưởng tự thân, thâu hoạch sức mạnh. Ở dấy, khi chúng tăng trưởng tự than thâu hoạch sức mạnh, chúng đi xuống các hồ nhỏ. Sau khi xuống các hồ nhỏ5 chúng đi xuống các hồ lớn. Sau khi đi xuống các hồ lớn, chúng đi xuống các sông nhỏ. Sau khi đi xuông các sông nhỏ, chúng đi xuông các sông lớn. Sau khi đi xuông các sông lớn, chúng đi ra biên, ra đại dương. Tại dây, thân của chúng được to lớn và quảng đại hơn. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo y cứ vào giới9 an trú vào giới, tu tập bảy giác chi? làm cho sung mãn bảy giác chi, đạt được sự to lớn, sự quảng đại trong các pháp. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bảy giác chi5 làm cho sung mãn bảy giác chi, đạt được sự to lớn, sự quảng đại trong các pháp? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham5 liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi, đạt được sự to lớn, sự quảng đại trong các pháp. II. KINH THÂN (Kãyasutta) (S. V. 64) 183. Nhân duyên ở Sãvatthi. -Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 cái thân này y cứ món ăn, duyên món ăn được an trú; không có món ăn thì không an trú. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, năm triền cái y cứ món ăn5 duyên món ăn được an trú; không có món ăn thì không an trú.

Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với dục tham (kãmacchandă) chưa sanh được sanh khởi; hay đối với dục tham đã sanh được tănjg trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có tịnh tướng (subhanỉmittd). Ở đây, néu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn? thời tịnh tướng này là món ăn khiên cho dục tham chưa sanh được sanh khởi; hay đối với đục tham đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại. Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với sân chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với sân đã sanh khiến được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo? có đối ngại tướng (patighanimitta). Ở dây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời đối ngại tướng này là món ăn khiên cho sân chưa sanh được sanh khởi; hay đôi với sân đã sanh khiên cho tăng trưởng, quảng đại. Này các Tỷ-kheo? món ăn nào đối với hôn trầm thụy miên chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với hôn trầm thụy miên đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có sự không hân hoan, biếng nhác (tandí), uể oải (yyambhitã), ăn quá no, tâm rụt rè.1 Ở đây? nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn9 thời chính là món ăn khiên cho hôn trâm thụy miên chưa sanh được .sanh khởi;

hay đối với hôn trầm thụy miên đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại. Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với trạo hối chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với trạo hối đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo9 có tâm không được tịnh chỉ. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính là món ăn khiên cho trạo hôi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với trạo hối đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại. Và này các Tỷ-kheo? món ăn nào đối với nghi chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với nghi đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo? có những pháp làm trú xứ cho nghi hoặc. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn5 thời chính các pháp này là món ăn khiên cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; hay đôi với nghi hoặc đã sanh khiên cho tăng trưởng, quảng đại. Ví như, này các Tỷ-kheo, cái thân này y cứ món ăn5 duyên món ăn mà được an trú; không có món ăn thì không an trú. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? năm triền cái y cứ món ăn, duyên món ăn mà được an trú; không có món ăn thì không an trú. Ví như, này các Tỷ-kheo, cái thân này y cứ món ăn, duyên món ăn mà được an trú; không có món ăn thì không an trú. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, bảy giác chi này y cứ món ăn5 duyên món ăn mà được an trú; không có món ăn thì không an trú. Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đôi với niệm giác chi chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đôi với niệm giác chi đã sanh được tu tập, làm cho viên mãn?

1 Aratỉ tandỉ vỉjambhỉtã bhattasammado cetaso ca lĩnattaụi. Xem SA. I. 36; JA. VI. 57; Vỉbh. 272, 352, 478.

Có các pháp, này các Tỷ-kheo, làm trú xứ cho niệm giác chi. Ở dây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời đây là món ăn khiến cho niệm giác chi chưa sanh được sanh; hay đoi với niệm giác chi đã sanh khiến cho được tu tap, làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với trạch pháp giác chi chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với trạch pháp giác chi đã sanh được tu tập và làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có các thiện pháp và bât thiện pháp, có các pháp đáng chỉ trích và không đáng chỉ trích, có các pháp liệt và thắng, có các pháp đen và trắng (kanhasukkasappatibhaga)?- ơ đây, nêu như lý tác ý được làm cho sung mãn9 thời đây là món ăn khiến cho trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với trạch pháp giác chi đã sanh khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với tinh tấn giác chi chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập và làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có phát cần giới {ãrambhađhãtủ). tinh cần giới (nikkamadhãtiỉ), cần dõng giới (parakkamadhãtiỉ). Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời đây là món ăn khiến cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với tinh tấn giác chi đã sanh khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo? món ăn nào đôi với hỷ giác chi chưa sanh khiên cho sanh khởi; hay đối với hỷ giác chi đã sanh được tu tập5 làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có những pháp làm trú xứ cho hỷ giác chi. Ở dây, nếu như lý tác ý được làm cho viên mãn, thời đây là món ăn khiến cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với hỷ giác chi đã sanh khiến cho được tu tập5 làm cho viên

mẫn. Và này các Tỷ-kheo? món ăn nào đối với khinh an giác chi chưa sanh khiến cho sanh khởi; hay đối với khinh an giác chi đã sanh được tu tap, làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo? có thân khinh an, tâm khinh an. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời đây là món ăn khiến cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với khinh an giác chi đã sanh khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với định giác chi chưa sanh khiến cho sanh khởi; hay đối với định giác chi đã sanh được tu tập, làm cho viên mãn? Này các Tỷ- kheo? có tịnh chỉ tướng (samathanimỉttamẹ bất loạn tướng (abyagganimittam). Ở đây? nếu như lý tác ý được làm cho viên mãn, thời đây là món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với định giác chi đã sanh khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với xả giác chi chưa sanh khiến cho sanh khởi; hay đối với xả giác chi đã sanh được tu tập5 làm cho viên mãn? Này*

2XemD. 11.215.

các Tỷ-kheo, có các pháp làm trú xứ cho xả giác chi. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho viên mãn, thời đây là món ăn khiến cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với xả giác chi đã sanh khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, cái thân này y cứ món ăn, duyên món ăn được an trú; không có món ăn thì không an trú. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, bảy giác chi này y cứ món ăn, duyên món ăn mà được an trú; không có món ăn thì không an trú. III. KINH GIỚI (Sĩỉasutta) (5. V. 67) 184. Này các Tỷ-kheo5 những Tỷ-kheo nào Cụ túc giới, Cụ túc định, Cụ túc tuệ5 Cụ túc giải thoát, Cụ túc giải thoát tri kiến, Ta nói rằng chỉ thấy các Tỷ- kheo ấy thì có rất nhiều lợi ích. Chỉ nghe các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích. Chỉ yết kiến các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích. Chỉ thân cận các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích. Chỉ nhớ nghĩ đến các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích. Chỉ tùy thuận các Tỷ-kheo ấy xuất gia,3 này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, khi nghe pháp từ các Tỷ-kheo như vậy? vị nào sông viên ly (yupakattho), được hai sự viên ly: Viên ly vê thân và viên ly vê tâm. Vị sống viễn ly như vậy thì sẽ tùy niệm (anussarati) pháp ấy, tùy tầm pháp ấy. Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo sông viên ly như vậy5 tùy niệm, tùy tầm pháp ấy; trong lúc ấy, niệm giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi? trong khi ấy, nhờ tu tập, niệm giác chi đi đến viên mãn. Vị ấy trú với chánh niệm như vậy5 với trí tuệ quyết trạch, tư 4 và thành tựu quán sát pháp ấy. sát3 Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chánh niệm như vậy, với trí tuệ quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy; trong khi ấy, này các Tỷ-kheo. trạch pháp giác chi băt đâu phát khởi trong Tỷ-kheo ây. Trong khi Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi; trong khi ấy5 nhờ tu tập, trạch pháp giác chi đi đến viên mãn. Trong khi vị ấy với trí tuệ quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ây5 thời tinh tân, không thụ động (asallĩnam) băt đâu phát khởi nơi vị ây. ỉ Trong khi, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo với trí tuệ quyêt trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy; thời tinh tấn, không thụ động bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong

khi Tỷ-kheo tu tập tinh tấn giác chi; trong khi ấy, nhờ tu

3 Anupabbcyja. SA. III. 143 đề cập đến các Trưởng lão Mahãkassapa, Candagutta, Sũriyagutta, Assagutta, Yonakadhammarakkhita, Tissa va Mahinda. 4 SA. III. 143: Pavỉcỉnatĩtỉãdi sabbam tattha Ỹíãnacãravaseneva vuttam ("quyết trạch,,5 V. V... tất cả trong trường hợp này được cho là nhờ vào tchành tuệ,?).

tập, tinh tấn giác chi đi đến viên mãn. Với vị tinh cần, tinh tấn, hỷ không liến hệ đến vật chất (pĩti nỉrãmisã) khởi lên. Trong khi, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tinh cần, tinh tấn, hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên; trong khi ấy, hỷ giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ây. Trong khi Tỷ-kheo tu tập hỷ giác chi; trong khi ây, nhờ tu tap, hỷ giác chi đi đên viên mãn. Với vị có ý hoan hỷ5 thân được khinh an, tâm được khinh an. Trong khi, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo với ý hoan hỷ? thân được khinh an, tâm được khinh an; trong khi ây5 khinh an giác chi băt đâu phát khởi trong Tỷ- kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập khinh an giác chi; trong khi ấy, nhờ tu tập5 khinh an giác chi đi đến viên mãn. Với vị có thân khinh an5 lạc hiện hữu. Với vị có lạc, tâm được định tĩnh. Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thân khinh an, được an lạc, tâm được định tĩnh; trong khi ấy, này các Tỷ-kheo? định giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ây. Trong khi Tỷ-kheo tu tập định giác chi; trong khi ấy, định giác chi nhờ tu tập5 đi đên viên mãn. Vị ây với tâm định tĩnh như vậy? khéo trú xả nhìn [sự vật] (sãdhukam cỳjhupekkhitã). Trong khi, này các Tỷ-ldieo5 Tỷ-kheo với tâm định tinh, khéo trú xả nhìn [sự vật] như vậy; trong khi ây5 này các Tỷ-kheo, xả giác chi băt đâu phát khởi trong Tỷ-kheo ây. Trong khi Tỷ-kheo tu tập xả giác chi; trong khi ấy, xả giác chi nhờ tu tập, đi đến viên mãn. Này các Tỷ-kheo5 bảy giác chi được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, thời bảy quả5 bảy lợi ích được chờ đợi. Thế nào là bảy quả? bảy lợi ích? Ngay trong hiện tại, lập tức5 thành tựu được chánh trí; nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được chánh trí, thời khi lâm chung, thành tựu được chánh trí. Nấu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được chánh trí; nếu khi lâm chung, không thành tựu được chánh trí5 thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-niết-bàn (Antarãparinibbãyĩ).67 Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được chánh trí; nếu khi lâm chung, không thành tựu được chánh trí; nêu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Trung gian Bát-niêt-bàn, thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn (Upahaccaparinibbãyĩ).1 Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không chứng được chánh trí; nếu khi lâm chung, không chứng được chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử? không chứng được Trung gian Bát-niết-bàn; nêu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Tôn hại Bát-niêt-bàn5 thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn (Asankhãraparỉnibbãyĩ)^

5 Patỉkacca. Bản Tích Lan và PTS viết Patigacca. Xem D. II. 118; Mỉln. 48, 421; Vin. IV. 44. 6 Vị này là bậc Bất Lai, sống đời sống còn lại ở Phạm thiên giới. 7 Chú giải giải thích vị này sống 500 kiếp nữa rồi chứng quả A-la-hán. Xem PC. 158. ^Asankhãra. Vồ hành, tức những hành động không có kết quả của nghiệp. Xem PugA.; JPTS. 1914, p.199;

Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được Chánh trí; nếu khi lâm chung, không thành tựu được Chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Trung gian Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử? không chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Vô hành Bát-niết-bàn; thời sau khi đoạn tận năm hạ phàn kiết sử, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn (Sasarikhãraparinibbãyĩ). Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được Chánh trí; nếu khi lâm chung, không thành tựu được Chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Trung gian Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử? không chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử. không chứng được Vô hành Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phàn kiết sử? không chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn; thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy là bậc Thượng lưu (Uddharnsota) đạt được Sắc Cứu Cánh thiên (Akanitthagãmĩ). Này các Tỷ-kheo? do tu tập bảy giác chi như vậy5 do làm cho sung mãn như vậy? nên được chờ đợi bảy quả này, bảy lợi ích này. IV KINH Y PHỤC ịyatthasuttdỷ (S V. 70) 185. Một thời, Tôn giả Sãriputta trú ở Sãvatthi, tại Thắng Lâm, vườn ông Anãthapindika. Tại đây, Tôn giả Sãriputta gọi các Tỷ-kheo: Chư Hiền giả Tỷ-kheo! Thưa Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sãriputta. Tôn giả Sãriputta nói như sau: Này chư Hiền, có bảy giác chi này. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Này chư Hiền, đó là bảy giác chi này. Đối với bảy giác chi này? này chư Hiền, đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi sáng, trong giác chi ấy, ta an trú vào buoi sáng. Đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi trưa, trong giác chi ấy, ta an trú vào buổi trưa. Đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi chiều, trong giác chi ấy, ta an trú vào buổi chiều. Nếu là niệm giác chi hiện hữu trong ta, này chư Hiền? ta rõ biết được giác chi ấy là vô lượng trong ta, giác chi ấy là khéo phát khởi trong ta, và giác chi ấy an trú trong ta, ta rõ biết là có an trú. Nếu giác chi ấy từ bỏ ta, ta rõ biết giác chi ấy từ bỏ ta vì nhân duyên này. ...(như trên, với các giác chi khác). Nêu là xả giác chi hiện hữu trong ta, này chư Hiên, ta rõ biêt được giác chi ấy là vô lượng trong ta, giác chi ấy là khéo phát khởi trong ta, và giác chi ấy an

9 Bản tiếng Anh của PTS: Practice, nghĩa là Tu tập.

trú trong ta, ta rõ biêt là có an trứ. Nêu giác chi ây từ bỏ ta, ta rõ biêt giác chi ây từ bỏ ta vì nhân duyên này. Ví như, này chư Hiền, hòm áo của vua hay vị đại thần của vua đầy những loại áo có màu sắc sai biệt. Nếu vị ấy muốn mặc loại áo nào vào buổi sáng, vị ây mặc áo loại ây vào buôi sáng. Nêu muôn mặc loại ảo nào vào buôi trưa, vị ấy mặc loại áo ấy vào buổi trưa. Nếu muốn mặc loại áo nào vào buổi chiều, vị ấy mặc loại áo ấy vào buổi ehiều. Cũng vậy, này chư Hiền, đối với bảy giác chi này, đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi sáng, trong giác chi ây ta an trú vào buổi sáng. Đối với giác chi

nào ta muốn an trú vào buổi trưa, trong ẹiác chi ấy ta an trú vào buổi trưa. Đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi chiều, ta an trú giác chi ấy vào buổi chiều.1011 Nếu là niệm giác chi hiện hữu trong ta, này chư Hiền, ta rõ biết... (như trên). Nếu là xả giác chi... (như trên). V. KINH VỊ TỶ-KHEO (Bhikkhusutta) (S. V. 72) 186. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến... ngồi xuống một bên, Tỷ- kheo ấy bạch Thế Tôn: 6íGiác chi? giác chi", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào? bạch Thế Tôn? được gọi là giác chi? Này Tỷ-kheo? chúng đưa đến giác ngộ, do vậy chúng được gọi là giác chi. Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm ẹiác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đên từ bỏ... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ. Do vị ấy tu tập bảy giác chi này? tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu? tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát.59 Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Chúng đưa đến giác ngộ, này các Tỷ-kheo, do vậy chúng được gọi là giác chi.

VI. KINH KUNDALIYA (Kundaliyasutta) n (S V. 73) 187. Một thòi, Thế Tôn trú ở Sãketa,12 tại rừng Aftjana, Lộc Uyển. Rồi du sĩ Kunặaliya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Kundaliya bạch Thế Tôn:

10 Xem M. I. 215: Đoạn kinh nêu rõ vị Tỷ-kheo làm chủ tâm mình, không để ý sai khiến mình. Xem .254. 11 Người đeo bông tai. 12 T Oudh, địa danh này, một thời là kinh đô của Kosala. Xem s. V. 219; KS. V. 194 (kinh 513Ở sau); KS.l. 77 (chú thích); B/. 39, 103.

Thưa Tôn giả Gotama, tôi sông gân khu vườn, giao du với hội chúng. Sau khi ăn bữa sáng xong, thưa Tôn giả Gotama như sau là sở hành (ãcãra) của tôi. Tôi bộ hành, tôi du hành, từ khóm vườn này qua khóm vườn khác, từ khu vườn này qua khu vườn khác. Tại đây, tôi thây một sô Sa-môn? Bà-la-môn luận bàn về lợi ích thoát ly các tranh luận và lợi ích cật vấn. Còn Tôn giả Gotama sống có lợi ích gì? —Này Kundaliya, Như Lai có quả lợi ích của Minh và Giải thoát. Nhxmg thưa Tôn giả Gotama, những pháp nào được tu tap, được làm cho sung mãn? khiến cho Minh và Giải thoát được viên mãn? -Này Kundaliya, bảy giác chi được tu tap, được làm cho sung mãn? khiến cho Minh và Giải thoát được viên mãn. —Nhimg thưa Tôn giả Gotama, những pháp nào được tu tập, được làm cho sung mãn, khiến cho bảy giác chi được viên mãn? Này Kundaliya, bốn niệm xứ được tu tap, được làm cho sung mãn, khiến cho Bảy giác chi được viên mãn. Nhimg thưa Tôn giả Gotama, những pháp nào được tu tap, được làm cho sung mãn, khiên cho bôn niệm xứ được viên mãn? Này Kundaliya, ba thiện hành (sucarỉtãní) được tu tập? được làm cho sung mãn5 khiến cho bốn niệm xứ được viên mãn. —Nhưng thưa Tôn giả Gotama, những pháp nào được tu tập5 được làm cho sung mãn, khiến cho ba thiện hành được viên mãn? Này Kundaliya, hộ trì các căn được tu tập5 được làm cho sung mãn, khiến cho ba thiện hành được viên mãn. Nhưng này Kundaliya, hộ trì

các căn được tu tập như thế nào, được làm cho sung mãn như thế nào5 khiến cho ba thiện hành được viên mãn? Ở đây, này Kundaliya, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc khả ý5 không có tham trước, không có hoan hỷ, khồng để tham dục (rãga) khởi lên. Thân của vị ấy được an trú, tâm an trú, nội phần khéo an trú, khéo giải thoát. Và khi mắt thấy sắc không khả ý? không có tuyệt vọng (mankuỴ tâm không có dao động (appatitthitacitta), ý không có chán nản (ađĩnamãnasă), tâm không có tức tối (abyãpannacetasa). Thân của vị ấy được an trú, tâm được an trú, nội phần khéo an trú, khéo giải thoát. Lại nữa, này Kundaliya, Tỷ-kheo khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... Lại nữa5 này Kundaliya, Tỷ-kheo khi ý biết pháp khả ý5 không tham trước, không có hoan hỷ5 không để tham dục khởi lên. Thân của vị ấy được an trú, tâm an trú, nội phần khéo an trú5 khéo giải thoát. Và Tỷ-kheo khi ý biết pháp không khả ý5 không có tuyệt vọng, tâm không có dao động, ý không có chán nản, tâm không có tức tối. Thân của vị ấy được an trú, tâm được an trú, nội phần khéo an trú, khéo giải thoát.

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1055

Này Kundaliya, khi nào Tỷ-kheo, măt thây săc? đôi với săc khả ý hay không khả ý, thân được an trú, tâm được an trú, nội phân được khéo an trú, khéo giải thoát... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý biết pháp, đối với các pháp khả ý hay không khả ý? thân được an trú, tâm được an trú, nội phân được khéo an trú, khéo giải thoát. Này Kundaliya, hộ trì các căn được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy5 khiên cho ba thiện hành được viên mãn. Và này Kundaliya, ba thiện hành được tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào5 khiến cho bốn niệm xứ được viên mãn? Ở dây, này Kundaliya, Tỷ-kheo đoạn tận thân ác hành, tu tập thân thiện hành; đoạn tận khẩu ác hành, tu tập khẩu thiện hành; đoạn tận ý ác hành5 tu tập ý thiện hành. Này Kunậaliya, ba thiện hành được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy5 khiến cho Bốn niệm xứ được viên mãn. Và này Kundaliya, bôn niệm xứ được tu tập như thê nào, được làm cho sung mãn như thế nào, khiến cho bảy giác chi được viên mãn? Ở đây, này Kundaliya, Tỷ-kheo sông quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiêp phục tham ưu ở đời; quán thọ trên các thọ... quán tâm trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này Kunậaliya, bốn niệm xứ được tu tập như vậy5 được làm cho sung mãn như vậy, khiến cho bảy giác chi được viên mãn. Và này Kundaliya. bảy giác chi được tu tập như thế nào. được làm cho sung mãn như thế nào, khiến cho Minh và Giải thoát được viên mãn? Ở đây, này Kundaliya, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đên viên ly, liên hệ đên ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Này Kundaliya, bảy giác chi được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy? khiến cho Minh và Giải thoát được viên mãn. Khi được nghe nói vậy, du sĩ Kundaliya bạch Thế Tôn: —Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama... từ nay cho đến mạng chung, con xin quy ngưỡng. VII. KINH NÓC NHÀ (KũỊãgãrasutta) (5. V. 75) 188. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, các cây đà, cây kèo của ngôi nhà có nóc nhọn; tất cả cây đà, cây kèo ấy đêu thiên vê nóc nhọn, hướng vê nóc nhọn, xuôi về nóc nhọn. Cũng vậy? này các

Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tap bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Và này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi như thế nào, làm cho sung mãn bảy giác chi như thế nào, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ; tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập

khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đen từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn? xuôi về Niết-bàn.

VIII. KINH UPAVÃNA (Upavãnasutta) (S. V. 76) 189. Một thời, Tôn giả upavãna và Tôn giả Sãriputta sống ở Kosambĩ, tại vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Sãriputta, vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy? đi đến Tôn giả upavãna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả upavãna những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả upavãna. Thưa Hiền giả upavãna, Tỷ-kheo có thể biết được chăng, do tự mình như lý tác ý5 bảy giác chi được khéo an trú trong ta, đưa đến lạc trú? Thưa Hiền giả Sãriputta, Tỷ-kheo có thể biết được, do tự mình như lý tác ý? bảy giác chi được khéo bắt đầu trong ta, đưa đến lạc trú. Thưa Hiền giả, Tỷ- kheo chỉ bắt đầu niệm giác chi, biết được: uTâm ta được khéo giải thoát. Hôn trầm thụy miên trong ta được khéo nhổ sạch. Trạo hối trong ta được khéo điều phục. Tinh tấn đã bắt đầu trong ta. Lấy giác chi ấy làm đối tượng (atthirnkatva), ta dụng tâm tác ý. Giác chi ấy không có thối thất (lĩnaỴ\.. Thưa Hiền giả? Tỷ- kheo chỉ bắt đầu xả giác chi, biết được: uTâm ta được khéo giải thoát. Hôn trầm thụy miên trong ta được khéo nhổ sạch. Trạo hối trong ta được khéo điều phục. Tinh tấn đã bắt đầu trong ta. Lấy giác chi ấy làm đối tượng, ta dụng tâm tác ý. Giác chi ấy không có thoi thất." Cũng vậy, thưa Hiền giả Sãriputta, Tỷ-kheo có thể biết được, do tự mình như lý tác ý? bảy giác chi được khéo an trú trong ta, đưa đến lạc trú. IX. KINH SANH THỨ NHẤT (PaỊhamauppannasutta) (S V. 77) 190. Này các Tỷ-kheo? có bảy giác chi này chưa khởi lên3 nếu được tu tập, làm cho sung mãn? có thể khởi lên; nhưng không thể không có sự hiện hữu của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi. Này các Tỷ-kheo, bảy giác chi này chưa khởi lên, nếu được tu tập, làm cho sung mãn, có thể khởi lên; nhimg không thể không có sự hiện hữu của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác. X. KINH SANH THỨ HAI (Dutiyauppannasutta) (S V. 77) 191. Bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, chưa khởi lên, nêu được tu tập, làm cho sung mãn, có thể khởi lên; nhtmg không thể không có giới luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, chưa khởi lên, nếu được tu tập, được làm cho sung mãn, có thể khởi lên; nhimg không thể khong co giới luật của bậc Thiện Thệ.

IV. KINH BỆNH THỨ NHẤT (Pathamagilãnasutta) (S V. 79) 195. Một thòi, Thế Tôn trú ở Vương Xá, Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ? Tôn giả Mahãkassapa trú ở hang Pipphalĩ, bị bệnh, khổ đau? bị trọng bệnh. Roi Thê Tôn, vào buôi chiêu, từ thiên tịnh đứng dậy, đi đen Tôn giả Mahãkassapa; sau khi đên, ngôi xuông trên chô đã soạn săn. Ngôi xuông? Thê Tôn nói với Tôn giả Mahãkassapa: - Này Kassapa, ông có kham nhẫn được chăng? Ông có chịu đựng được chăng? Có phải khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có triệu chứng giảm thiêu, không có tăng trưởng? -Bạch Thế Tôn, con không thể kham nhẫn, con không thể chịu đựng. Khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi con, không có giảm thiểu; có triệu chứng tăng trưởng, không có giảm thiểu. -Này Kassapa, bảy giác chi này do Ta chơn chánh thuyết giảng5 được tu tập, được làm cho sung mãn5 đưa đên thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, này Kassapa, do Ta chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn... Xả giác chi, này Kassapa, do Ta chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ5 Niết-bàn. Bảy giác chi này, này Kassapa, do Ta chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ? Niết-bàn. Thật vậy, bạch Thế Tôn, chúng là giác chi. Thật vậy, bạch Thiện Thệ, chúng là giác chi. Thế Tôn thuyết như vậy? Tôn giả Mahãkassapa hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Và Tôn giả Mahãkassapa được thoát khỏi bệnh ấy. Bệnh ấy của Tôn giả Mahãkassapa được đoạn tận như vậy. V KINH BỆNH THỨ HAI (Dutiyagilãnasutta)(y V. 80) 196. (Như kinh trên5 chỉ khác ở đây là trường hợp của "Tôn giả Mahamoggallana^) VI. KINH BỆNH THỨ BA (Tatìyagilãnasutta) (5. V. 81) 197. Một thời, Thế Tôn ở Vương Xá, Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Thế Tôn bị bệnh, khổ đau? bị trọng bệnh. Rồi Tôn giả Mahãcunda13 đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Mahăcunda đang ngồi một bên: Này Cunda, hãy thuyêt vê giác chi.

13 Em trai của Tôn giả Sãriputta. Xem Pss. Breíh. 119; KS. IV. 30.

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1059

—Bạch Thế Tôn, có bảy giác chi này dq Thế Tôn chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bảy? Bạch Thế Tôn, niệm giác chi do Thế Ton chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn... Bạch Thế Tôn, xả giác chi do Thế Tôn chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ? Niết-bàn. Bạch Thế Tôn, bảy giác chi này do Thế Tôn chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ5 Niết-bàn. —Thật vậy5 này Cunda, chúng là giác chi. Thật vậy5 này Cunda, chúng là giác chi. Tôn giả Mahãcunda thuyết như vậy? bậc Đạo sư chấp nhận. Và Thế Tôn thoát khỏi bệnh ấy. Bệnh ấy của Thế Tôn được đoạn tận như vậy.1415 VII. KINH ĐẾN BỜ BÊN KIA (Pãrangamasuttă)ỉ5 (S. V. 81) 198. Có bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, được tu tập5 được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia. Thê nào là bảy? Niệm giác chi, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn9 đưa từ bờ bên này qua bờ bên

kia... Xả giác chi, này các Tỷ-kheo, được tu tập5 được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo? được tu tap, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia. Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: ít thay là những người, Qua được bờ bên kia. Phần lớn quân chúng khác, Chạy qua lại bờ này. Những ai khéo thuyêt giảng, Chánh pháp khéo tuyên thuyết, Họ đến bờ bên kia, Khéo vượt cảnh Ma giới. Đoạn tận các hắc pháp, Bậc trí tu bạch pháp, Bỏ nhà, sống không nhà, Trong độc cư an lạc. Ở đây muốn hưởng lạc, Hãy bỏ mọi dục vọng, Bậc trí tự thanh lọc5 Tự tâm khởi phiền não. Những ai khéo tu tập?

14 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.727. 0195b29); Tăng.(T.02. 0125.39.6. 0731a05). 15 Bản tiếng Anh của PTS: Crossing over (or No more), nghĩa là Vượt qua (hay Không còn trở ỉại nữa).

Chánh tâm trong giác chi, Từ bỏ các chấp trước, Hoan hỷ, không chấp thủ, Lậu hoặc tận, chói sáng? Đạt tịch tịnh ở đời. VIII. KINH THÔI THẤT (Vỉraddhasuttay6 (S V. 82) 199. Này các Tỷ-kheo, những ai thối thất bảy giác chi thì cũng thối thất Thánh đạo tám ngành đưa đến tận diệt khổ. Này các Tỷ-kheo? những ai tấn tu bảy giác chi thì cũng tấn tu Thánh đạo tám ngành đưa đen tận diệt kho. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi. Này các Tỷ-kheo, những ai thối thất hay tấn tu bảy giác chi thì cũng thối thất hay tấn tu Thánh đạo tám ngành đưa đến tận diệt khổ. Này các Tỷ-kheo, những ai tấn tu bảy giác chi thì cũng tấn tu Thánh đạo tám ngành đưa đến tận diệt khổ. IX. KINH THÁNH (Ariyasuttd) (S V. 82) 200. Bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, nếu được tu tap, được làm cho sung mãn? thì sẽ thành những Thánh dẫn độ?1617 dắt dẫn người sở hành chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, nếu được tu tập, được làm cho sung mãn? thì sẽ thành những Thánh dẫn độ, dắt dẫn người sở hành chơn chánh đoạn diệt khổ đau. X. KINH NHÀM CHÁN (Nibbidãsuttà) (S V. 82) 201. Có bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diet, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

16 Bản tiếng Anh của PTS: Neglected and Undertaken^ nghĩa là Thối thất và Tấn tu. Vìraddha'. Thối thất. Ẫraddhữ. Tấn tu. 17 Niyyãnika: Đưa đến giải thoát. Xem s. V. 225 (kinh 815 ở sau).

ni. PHẨM UDÃYI (UDÃYIVAGGA)

I. KINH GIÁC NGỘ (Bodhãyasutta) (S. V. 83) 202. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Ton; sau khi đến... rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: “Giác chi, giác chi”, bạch Thế Tôn? được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là giác chi? Đưa đến giác ngộ5 này Tỷ-kheo? nên được gọi là giác chi. Ở dây,

Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Đưa đến giác ngộ, này Tỷ-kheo, cho nên được gọi là giác chi. II. KINH THUYẾT VỀ GIÁC CHI (Bojjhangadesanũsutta)1819(S V. 83) 203. Này các Tỷ-kheo? Ta sẽ thuyết cho các ông về bảy giác chi. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy giác chi? Niệm giác chi... xả giác chi. Này các Tỷ-kheo, có bảy giác chi này. III. KINH TRÚ XỨ (Thăniyasuttay9 (S V. 84) 204. Do tác ý? làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho dục và tham (kãmarãga), này các Tỷ-kheo, nên dục tham (kãmacchanda) chưa sanh được sanh khởi; và dục tham đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại. Do tác V, làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho sân, này các Tỷ-kheo, nên sân chưa sanh được sanh khởi; và sân đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại. Do tác ý9 làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho hôn trầm thụy miên, này các Tỷ-kheo? nên hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; và hôn trầm thụy miên đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại. Do tác ý5 làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho trạo hối, này các Tỷ-kheo? nên trạo hối chưa sanh được sanh khởi; và trạo hối đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại. Do tác ý, làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho nghi hoặc, này các Tỷ- kheo? nên nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; và nghi hoặc đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

18 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.728. 0196al2). 19 Tham chiếu: Tạp.t.02. 0099.710. 0190b09).

Do tác ý5 làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho niệm giác chi, này các Tỷ- kheo5 nên niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; và niệm giác chi đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại... Do tác ý5 làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho xả giác chi, này các Tỷ-kheo, nên xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; và xả giác chi đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại. IV. KINH PHI NHƯ LÝ TÁC Ý (Ayonisomanasikãrasutta) 20 (S V. 84) 205. Do phi như lý tác ý5 này các Tỷ-kheo, dục tham (kãmacchanda) chưa sanh được sanh khởi; và dục tham đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại. ... sân chưa sanh được sanh khởi; và sân đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại. ... hôn trâm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; và hôn trâm thụy miên đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại. ... trạo hối chưa sanh được sanh khởi; và trạo hối đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại. ... nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; và nghi hoặc đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại. ... và niệm giác chi chưa sanh không sanh khởi; và niệm giác chi đã sanh bị đoạn diệt... xả giác chi chưa sanh không sanh khởi; và xả giác chi đã sanh bị đoạn diệt. Và này các Tỷ-kheo, nếu như lý tác ý, dục tham chưa sanh không thể sanh khởi; và dục tham đã sanh bị đoạn tận. ... sân chưa sanh không thể sanh khởi; và sân đã sanh bị đoạn tận. ... hôn trâm thụy miên chưa sanh không thê sanh khởi; và hôn trâm thụy miên đã sanh bị đoạn tận. ... trạo hôi chưa sanh không thê sanh khởi; và trạo hôi đã sanh bị đoạn tận. ... nghi hoặc chưa sanh không thê sanh khởi; và nghi hoặc đã sanh bị đoạn tận. Do như lý tác ý5 này các Tỷ-kheo5 niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; và niệm giác chi đã sanh, nhờ tu tập, đi đến viên mãn... xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; và xả giác chi đã sanh, nhờ tu tap, đi đến viên mãn. V. KINH KHÔNG TỔN

GIẢM (Aparìhãniyasutta) (S. V. 85) 206. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về bảy pháp không tổn giảm. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là bảy pháp không tổn giảm? Tức là bảy giác chi. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ

20 Bản tiếng Anh của PTS: Unsystematic dịch ý là Phỉ như lỷ. Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.704. 0189b 10).

giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Này các Tỷ-kheo, những pháp này là bảy pháp không tổn giảm. VI. KINH ĐOẠN TẬN KHÁT ÁI (Tanhakkhayasutta)21 (S. V. 86) 207. Con đường nào, đạo lộ nào, này các Tỷ-kheo? đưa đến đoạn tận khát ái9 hãy tu tập con đường ấy5 đạo lộ ấy. Và con đường nào, đạo lộ nào, này các Tỷ-kheo5 đưa đến đoạn tận khát ái? Tức là bảy giác chi. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi5 tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ưdãyi bạch Thế Tôn: Tu tập như thế nào? làm cho sung mãn như thế nào, bạch Thế Tôn? bảy giác chi đưa đến đoạn tận khát ái? -Ở đây, này Ưdãyi, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đên ly tham, liên hệ đên đoạn diệt, hướng đên từ bỏ5 quảng dại, to lớn, vô lượng, không sân. Đôi với vị tu tập niệm giác chi liên hệ đên viên ly, liên hệ đên ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ, quảng đại, to lớn, vô lượng, không sân thì khát ái được đoạn tận. Do khát ái được đoạn tận nên nghiệp được đoạn tận. Do nghiệp được đoạn tận nên khổ được đoạn tận. Ở đây5 Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi... tinh tấn giác chi... hỷ giác chi... khinh an giác chi... định giác chi... Ở đây, Tỷ-kheo tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly9 liên hệ đến ly tham, liên hệ đên đoạn diệt, hướng đên từ bỏ, quảng dại, to lớn, vô lượng, không sân. Đối với vị tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến r . đoạn diet, hướng đên từ bỏ? quảng đại, to lớn, vô lượng, không sân thì khát ái được đoạn tận. Do khát ái được đoạn tận nên nghiệp được đoạn tận. Do nghiệp được đoạn tận nên khổ được đoạn tận. Như vậy, này Ưdãyi, do khát ái đoạn tận nên nghiệp đoạn tận. Do nghiệp đoạn tận nên khổ đoạn tận. VII. KINH ĐOẠN DIỆT KHÁT ÁI (Tanhãnừodhasutta)22 (S V. 87) 208. Con đường nào, đạo lộ nào, này các Tỷ-kheo, đưa đến đoạn diệt khát ái, hãy tu tập con đường ấy9 đạo lộ ấy. Và này các Tỷ-kheo, con đường nào5 đạo lộ nào đưa đến đoạn diệt khát ái? Tức là bảy giác chi. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi. Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, này các Tỷ-kheo, bảy giác chi đưa đến đoạn diệt khát ái? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly,

21 Bản tiếng Anh của PTS: Destruction, nghĩa là Đoạn tận. 22 Bản tiếng Anh của PTS: Cessation, nghĩa là Đoạn diệt.

liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy5 này các Tỷ-kheo, bảy giác chi đưa đến đoạn diệt khát

ái. VIII. KINH THẺ NHẬP (Nibbedhabhãgiyasutta) (5. V. 87) 209. Này các Tỷ-kheo9 Ta sẽ giảng cho các ông con đường thể nhập phần. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là con đường thể nhập phần? Tức là bảy giác chi. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi. Khi nghe nói vậy, Tôn giả Udãyi bạch Thế Tôn: - Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, bạch Thế Tôn, bảy giác chi đưa đến thể nhập? Ở đây, này Udãyi, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ, quảng đại, to lớn, vô lượng5 không sân. Vị ấy nhờ tâm tu tập niệm giác chi, đâm thủng được (nỉbbỉjjhatíy phá vỡ được (padãỉeti) tham uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ; vị ấy đâm thủng được, phá vỡ được sân uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ; vị ấy đâm thủng được, phá vỡ được si uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ... Tỷ-kheo tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham? liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ? quảng đại, to lớn? vô lượng, không sân. Vị ấy nhờ tâm tu tập xả giác chi, đâm thủng được, phá vỡ được tham uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ; vị ấy đâm thủng được? phá vỡ được sân uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ; vị ấy đâm thủng được, phá vỡ được si uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ. Tu tập như vậy5 làm cho sung mãn như vậy5 này Udãyi, bảy giác chi đưa đến thể nhập. IX. KINH MỘT PHÁP (Ẹkadhammasuttd) (5. V. 88) 210. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo5 được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các pháp có khả năng sanh kiết sử. Đó chính là bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi. Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, này các Tỷ-kheo? bảy giác chi đưa đến đoạn tận các pháp có khả năng sanh kiết sử? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ. Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo5 bảy giác chi đưa đến đoạn tận các pháp có khả năng sanh kiết sử.

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1065

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp có khả năng sanh kiết sử? Mắt5 này các Tỷ-kheo5 là pháp có khả năng sanh kiêt sử. Ở đây? khởi lên các tham trước (ajjhosana), sai sử, trói buộc (samyojanavinibandha)... Ý là pháp có khả năng sanh kiết sử. Ở dây, khởi lên các tham trước, sai sử, trói buộc. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, được gọi là các pháp có khả năng sanh kiết sử.

X. KINH UDẢYI (Ụdãyisutta) (5. V. 89) 211. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa những người Sumbha, tại một thị trấn của những người Sumbha tên là Setaka. Rồi Tôn giả Udãyi đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Udãyi bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Xúc động nhiều thay, bạch Thế Tôn, là lòng ái mộ? tôn kính, lòng tàm và quý của con đối với Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, trước kia con còn là người tại gia, con không có nhiều xúc động (bahukata) đối với Pháp, không có nhiều xúc động đôi với Tăng. Nhưng, bạch Thế T6n, khi con cảm thấy (sampassamãno) lòng ái mộ, tôn kính, lòng tàm và quý của con đối với Thế Tôn? thời

con xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Và Thế Tôn thuyết pháp cho con: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt, đây là con đường đưa đến sắc đoạn diệt. Đây là thọ? đây là thọ tập khởi5 đây là thọ đoạn diệt, đây là con đường đưa đến thọ đoạn diệt... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diet, đây là con đường đưa đến thức đoạn diet." Rôi bạch Thê T6n, con đi đên chô nhà trông, và trong khi tùy quán (samparivattento) theo sự sanh diệt của năm thủ uẩn này, con như thật thắng tri: "Dây là khổ/9 Con như thật thắng tri: "Đây là khổ tập khởi.59 Con như thật thắng tri: "Đây là khổ diet." Con như thật thắng tri: "Dây là con đường đưa đến khổ diệt.55 Pháp, bạch Thế Tôn, được con hoàn toàn chứng tri (abhisamito). Con đường được con chứng đắc, con đường này được tu tập, được làm cho sung mãn, sẽ dắt dẫn con với sự an trú như vậy5 như vậy, đạt đến sự chứng đạt như vậy (tathattãya). Nhờ vậy5 con sẽ rõ biết rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm5 không còn trở lại đời này nua/9 Bạch Thế Tôn, con chứng được niệm giác chi. Niệm này được tu tập, được làm cho sung mãn5 sẽ dắt dẫn con với sự an trú như vậy, như vậy? đạt đến sự chứng đạt như vậy. Nhờ vậy5 con sẽ rõ biết được rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lại đời này nữa.,\.. Con chứng được5 bạch Thế Tôn, xả giác chi. Xả này được tu tap, được làm cho sung mãn, sẽ dắt dẫn con với sự an trú như vậy5 như vậy9 đạt đên sự chứng đạt như vậy. Nhờ vậy, con sẽ rõ biết rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.,, Bạch Thế Tôn, con đường này được con chứng đắc, con đường này được tu tập5

được làm cho sung mãn, sẽ dắt dẫn con với sự an trú như vậy5 như vậy5 đạt đến sự chứng đạt như vậy. Nhờ vậy, con sẽ rõ biết rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa/9 Lành thay, lành thay, này Udãyi! Con đường này, này Udãyi5 ông chứng được, con đường này được tu tap, được làm cho sung mãn sẽ dắt dẫn ông với sự an trú như vậy, như vậy, đạt đến sự chứng đạt như vậy. Nhờ vậy, ông sẽ rõ biết rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

IV PHẨM TRIỀN CÁI (NlVĂRANAVĂGGA)

I. KINH THIỆN THỨ NHẤT (PaỊhamakusaỉasutta) (S V.91) 212. Phàm có những pháp nào, này các Tỷ-kheo, dự phần về thiện và bất thiện,23 nhtmg thuộc về phần thiện, tất cả những pháp ấy lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ; không phóng dật được gọi là M 7 1 ... tôi thượng đôi với những pháp ây. Với Tỷ-kheo không phóng dật này? này các Tỷ-kheo? được chờ đợi rằng bảy giác chi sẽ được tu tập, bảy giác chi sẽ được làm cho sung mãn. Và như thế nào5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập bảy giác chi? làm cho sung mãn bảy giác chi? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đên viên ly, liên hệ đên ly tham, liên hệ đên đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập bảy giác chi5 làm cho sung mãn bảy giác chi. II. KINH

THIỆN THỨ HAI (Dutìyakusatasutta) (S V. 91) 213. Phàm có những pháp nào5 này các Tỷ-kheo5 dự phần về thiện và bất thiện, nhimg thuộc vê phân thiện, tât cả những pháp ây lây như lý tác ý làm căn bản, lấy như lý tác ý làm chỗ quy tụ; như lý tác ý được gọi là tối thượng đối với những pháp ấy. Với Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý này, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng bảy giác chi sẽ được tu tap, sẽ được làm cho sung mãn. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý? tu tập bảy giác chi5 làm cho sung mãn bảy giác chi? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly? liên hệ đến ly tham5 liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý? tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi. III. KINH CẤU UẾ (Upakkilesasutta)24 (S V. 92) 214. Này các Tỷ-kheo, có năm cấu uế25 này đối với vàng. Do những cấu uế ấy, vàng bị uế nhiễm, không có nhu nhuyến, không có kham nhậm, không có

23 Các pháp thiện và bất thiện. Xem M. I. 489. 24 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Corruptions, nghĩa là Các cấu uế. 25 Upakkilesã, ở đây có nghĩa là các kim khí khác xen lẫn với vàng như hợp kim. Xem BPE. 251, 281.

chói sáng, dễ bị bể vụn (pabhangu), và không chơn chánh chịu sử dụng. Thế nào là năm? Săt (ạy)này các Tỷ-kheo5 là câu uê của vàng. Do câu uê ây, vàng bị uê nhiễm... chịu sử dụng. Đồng QohdĩỊĩ)?6 này các Tỷ-kheo, là cấu uế của vàng. Do cấu uế ấy, vàng bị uế nhiễm... chịu sử dụng. Thiêc 0ipu), này các Tỷ-kheo5 là câu uê của vàng. Do câu uê ây, vàng bị uế nhiễm... Chì (sĩsarn), này các Tỷ-kheo, là câu uê của vàng. Do câu uê ây, vàng bị uế nhiễm... Bạc (sạiịhu), này các Tỷ-kheo, là câu uế của vàng. Do câu uê ây, vàng bị uê nhiễm, không có nhu nhuyến, không có kham nhậm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn, và không chơn chánh chịu sử dụng. Chính cấu uế của vàng, này các Tỷ-kheo, do những cấu uế ấy, vàng bị uế nhiễm, không có nhu nhuyến, không có kham nhậm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn, và không chơn chánh chịu sử dụnẹ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có năm cau ue nay của tâm, chính những cau ue ay khiên tam bi ue nhiêm,26 2728 không có nhu nhuyến, không có kham nhậm5 không có chói sánẹ, dễ bị bể vụn, không chơn chánh được định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc. Thể nào là năm? Dục tham (kãmacchandă). này các Tỷ-kheo? là cấu uế của tâm. Do cấu uế ấy, tâm bị uế nhiễm, không có nhu nhuyến, không có kham nhậm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn, không chơn chánh được định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc. ... (Tương tự với 64sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi"). Những pháp này, này các Tỷ-kheo? là năm cấu uế của tâm. Chính do những cấu uế ấy, tâm không có nhu nhuyến, không có kham nhậm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn, và không chơn chánh được định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc. IV. KINH KHÔNG CẤU UẾ (Anupakkilesasutta)2S (S. V. 93) 215. Này các Tỷ-kheo? có bảy giác chi này không chướng ngại, không triền cái, không uế nhiễm tâm, được tu tập? được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Thế nào là bảy? Có niệm giác chi, này các Tỷ-kheo, không chướng ngại, không triền cái? không uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát... xả giác chi, không chướng ngại, không triền cái, không uế nhiễm

tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát.

26 Kim loại đỏ. sắt được gọi là kim loại đen. 27 Chữ khỉla có nghĩa là cái vỏ cứng của bản ngã cần phải đập bể ra. Xem s. V. 57. 28 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.707. 0189cl4).

Này các Tỷ-kheo9 có bảy giác chi này không chướng ngại, không triền cái, không uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. V. KINH PHI NHƯ LÝ TÁC Ý (Ayonisomanasikãrasutta)2930 (S. V. 93) 216. Do phi như lý tác ý? này các Tỷ-kheo? dục tham (kãmacchandă) chưa sanh được sanh khởi; và dục tham đã sanh đưa đến tăng trưởng, quảng đại. Do phi như lý tác ý? này các Tỷ-kheo9 sân chưa sanh được sanh khởi; và sân đã sanh đưa đến tăng trưởng, quảng đại. Do phi như lý tác ý. này các Tỷ-kheo. hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; và hôn trầm thụy miên đã sanh đưa đến tăng trưởng, quảng đại. Do phi như lý tác ý? này các Tỷ-kheo, trạo hối chưa sanh được sanh khởi; và trạo hối đã sanh đưa đến tăng trưởng, quảng đại. Và này các Tỷ-kheo, do phi như lý tác ý? nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; và nghi hoặc đã sanh đưa đến tăng trưởng, quảng đại. VI. KINH NHƯ LÝ TÁC Ý (ĩonisomanasikãrasutta) (S V. 94) 217. Do như lý tác ý5 này các Tỷ-kheo, niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; và niệm giác chi đã sanh, nhờ tu tap, đi đến viên mãn... xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; và xả giác chi đã sanh, nhờ tu tập, đi đến viên mãn. VIL KINH GIÁC NGỘ (Buddhisuttaỷồ (S. V. 94) 218. Có bảy giác chi, này các Tỷ-kheo? được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến giác ngộ? đưa đến tăng trưởng. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi5 hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Bảy giác chi này, nàỵ các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến giác ngộ? đưa đen tăng trưởng. VIII. KINH CHƯỚNG NGẠI, TRIỀN CÁI (Ẵvarananĩvaranasutta)31 (S V. 94) 219. Có năm chướng ngại, triền cái, này các Tỷ-kheo, làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Thế nào là năm? Dục tham, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại? triền cái, làm uế nhiễm tâm? làm yếu ớt trí tuệ. Sân, này các Tỷ-kheo? là chướng ngại, triền cái? làm uế nhiễm tâm9 làm yếu ớt trí tuệ. Hôn trầm thụy miên, này các T*kheo, là chướng ngại, trien cai. lam ue nniem tam, lam yen ớt trí tue. Trao hoi. nay cac Ty-kneo. la

29 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS: Systematic, dịch ý là Như lý. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.704. 0189bl0) 30 Bản tiếng Anh của PTS: Increase (or Not Decrease), nghĩa là Tăng trưởng (hay Không giảm thiểu) Tham chiếu: Ttzp.(r.O2. 0099.709. 0190b01). 31 Tham chiếu: Tạp. à(r02. 0099.707. 0189cl4).

chướng ngại, ứiền cái? làm uế nhiễm tâm? làm yếu ớt trí tuệ. Nghi hoặc, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái? làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Năm chướng ngại, triền cái này5 này các Tỷ-kheo? làm uế nhiễm tâm và làm yếu ớt trí tuệ. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo? không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiễm tâm5 được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, này các Tỷ-kheo5 không phải là chướng ngại, triền cái,

không làm uế nhiễm tâm, được tu tập? được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát... Xả giác chi, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái5 không làm uế nhiễm tâm, được tu tập? được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo5 không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiễm tâm? được tu tập5 được làm cho sung mãn? đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Trong khi, này các Tỷ-kheo? vị Thánh đệ tử lấy pháp làm đối tượng (atthim lắng tai nghe pháp; trong khi ấy, năm triền katvã) tác ý? tập trung tất cả tâm ý?3233 cái không có hiện hữu trong vị ấy. Và bảy giác chi, trong khi ấy, nhờ tu tập? đi đến viên mãn. Năm triền cái nào, trong khi ấy, không có hiện hữu? Dục tham triền cái, trong khi ấy, không có hiện hữu. Sân triền cái5 trong khi ấy, không có hiện hữu. Hôn trầm thụy miên triền cái, trong khi ấy, khônẹ có hiện hữu. Trạo hối triền cái? trong khi ây, không có hiện hữu. Nghi hoặc triên cái, trong khi ấy, không có hiện hữu. Năm triền cái này, trong khi ấy, không có hiện hữu trong vị ấy. Bảy giác chi nào, trong khi ấy5 nhờ tu tập, đi đến viên mãn? Niệm giác chi, trong khi ấy, nhờ tu tap, đi đến viên mãn... Xả giác chi, trong khi ấy, nhờ tu tập, đi đên viên mãn. Trong khi5 này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử lấy pháp làm đối tượng tác y, tập trung tất cả tâm ý, lăng tai nghe pháp; trong khi ây, năm triên cái không có hiện hữu trong vị ấy. Bảy giác chi này, trong khi ấy, nhờ tu tập, đi đến viên mãn. IX. KINH CÂY (Rukkhasuttaý3 (S. V. 96) 220. Có những cây lớn, này các Tỷ-kheo, sanh từ hạt giống nhỏ, có thân cây lớn, lớn lên bao trùm (ạjjhãrũỉhã) các cây khác; các cây bị bao trùm, bị phá hủy, bị hư hại, ngã xuống, nằm rạp xuống. Và này các Tỷ-kheo, những cây lớn nào sanh từ hạt giống nhỏ5 có thân cây lớn5 lớn lên bao trùm các cây khác; các cây bị bao trùm, bị phá hủy, bị hư hại, ngã xuống, nằm rạp xuống? Ví như cây Bồ-đề (Assattha), cây Bàng (Nigrodha),

32 Sabbam cetaso samannãharỉtvã. 33 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.708. 0190a08).

cây Sanh (Pilakka), cây Sung (Udumbara), cây Bách Hướng (Kacchaka), cây Kapitthana;34 những cây lớn này, này các Tỷ-kheo, sanh từ hạt giống nhỏ? có thân cây lớn, lớn lên bao trùm các cây khác; các cây bị bao trùm, bị phá hủy, bị hư hại, ngã xuống, nằm rạp xuống. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, ở dây, có thiện nam tử đoạn trừ các dục vọng, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia dinh, nhưng bị những dục vọng ấy, hay bị những dục vọng tệ hại hơn làm cho người ấy bị phá hủy, bị hư hại, ngã xuống, nằm rạp xuống. Năm chướng ngại, triền cái, này các Tỷ-kheo, bao trùm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ. Thế nào là năm? Dục tham (kãmacchandă). này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái, bao trùm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ. Sân, này các Tỷ-kheo5 là chướng ngại, triền cái, bao trùm tâm? làm cho yếu ớt trí tuệ. Hôn trầm thụy miên, này các Tỷ-kheo5 là chướng ngại, triền cái, bao trùm tâm9 làm cho yếu ớt trí tuệ. Trạo hối5 này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái, bao trùm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ. Nghi hoặc, này các Tỷ-kheo? là chướng ngại, triền cái, bao trùm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, năm chướng ngại, triền cái này bao trùm tâm và làm cho yếu ớt trí tuệ. Bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không bao trùm

tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không bao trùm tâm, được tu tập? được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát... Xả giác chi, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không bao trùm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Bảy giác chi này? này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngai, triền cái, không bao trùm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đen chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. X. KINH TRIỀN CÁI (Nĩvaranasutta)3536 (S V. 97) 221. Năm triên cái, này các Tỷ-kheo; tác thành si ám, tác thành không mat, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ9 dự phần vào tổn hại,36 không đưa đến Niết- bàn. Thế nào là năm? Dục tham triền cái, này các Tỷ-kheo, tác thành si ám, tác thành không mat, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phân vào tôn hại, không đưa đến Niết-bàn. Sân triền cái, này các Tỷ-kheo5 tác thành si ám, tác thành không mắt? tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ? dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Hôn trầm thụy miên triền cái, này các Tỷ-kheo, tác thành si ám, tác thành không mắt, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ9 dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Trạo hối triền cái, này các Tỷ-kheo, tác thành si

34 Kapitthana. DA. I. 81 cũng viết Kapitthana; Vism. 183 viết Kapitthako; E. Wood-apple, nghĩa là cây quách. 35 Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.706. 0l89c02). 36XemM.L ll5;Zí. 81.

ám, tác thành không mắt? tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn hại5 không đưa đến Niết-bàn. Nghi hoặc triền cái? này các Tỷ-kheo, tác thành si ám, tác thành không mắt, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Năm triền cái này, này các Tỷ-kheo, tác thành si ám5 tác thành không mắt, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ? dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Bảy giác chi, này các Tỵ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại,,dua đến Niết-bàn. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt? tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Trạch pháp giác chi, này các Tỷ-kheo? tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ9 không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Tinh tấn giác chi, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Hỷ giác chi, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Khinh an giác chi, này các Tỷ- kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại5 đưa đến Niết-bàn. Định giác chi, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Xả giác chi, này các Tỷ-kheo, tác thành măt? tác thành trí5 làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại? đưa đến Niết-bàn. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ? không dự phần vào tổn hại? đưa đến Niết-bàn.

V PHẨM CHUYỂN LUÂN (CAKKAVATTIVAGGA)

I. KINH KIÊU MẠN(yìdhãsutídý1 (S V. 98) 222. Nhân duyên ở Sãvatthi. Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, trong thời quá khứ, đã đoạn tận ba kiêu mạn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi. Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào9 này các Tỷ-kheo, trong tương lai, sẽ đoạn tận ba kiêu mạn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi. Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo5 trong thời hiện tại, đoạn tận ba kiêu mạn này; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi này. Thế nào là bảy giác chi? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi5 tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, trong thời quá khứ, đã đoạn tận ba kiêu mạn; tât cả những vị ây đêu nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi này. Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, trong thời vị lai đã đoạn tận ba kiêu mạn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi này. Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, trong thời hiện tại, đã đoạn tận ba kiêu mạn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi này. II. KINH CHUYỂN LUÂN (Cakkavattisuttà)^ (S V. 99) 223. Cùng với sự xuất hiện của Vua Chuyển Luân, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của bảy báu. Thế nào là bảy? Sự xuất hiện của bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu ngọc báu, nữ báu, cư SĨ báu, tướng quân báu. Cùng với sự xuât hiện của Vua Chuyên Luân, này các Tỷ-kheo5 là sự xuất hiện của bảy báu này. Cùng với sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác? này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của bảy giác chi báu. Thế nào là bảy? Niệm giác chi báu, trạch pháp giác chi báu, tinh tấn giác chi báu, hỷ giác chi bau, khmh an giác chi bau, đinh giác chi bau5 xả giác chi báu xuất hiện.

37 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.730. 0l96a23). 38 Tham chiếu: Tạp. É (T.02. 0099.721-722. 0194a05-23); Thất bảo kỉnh (roi. 0026.58. 0493al0); Tăng.(7.02. 0125.39.7. 0731bl4).

Cùng với sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của bảy giác chi báu này. III. KINH MẢRA (Mãrasuttd) (5. V. 99) 224. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông con đường đưa đến chinh phục Ma quân. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến chinh phục Ma quân? Tức là bảy giác chi. Thê nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tân giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi, Đây là con đường, này các Tỷ-kheo, đưa đên chinh phục Ma quân. IV. KINH LIỆT TUỆ (Duppannasutta) (S V. 99) 225. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: - "Kẻ liệt tuệ ngu đần?39 kẻ liệt tuệ ngu dần", bạch Thế Tôn5 được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là liệt tuệ ngu đần? Do bảy giác chi không được tu tập, không được làm cho sung mãn5 này Tỷ-kheo, nên được ẹọi là liệt tuệ ngu đân. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi5 tinh tân giác

chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Này các Tỷ-kheo, chính do bảy giác chi này không được tu tập? không được làm cho sung mãn5 được gọi là liệt tuệ ngu đần. V. KINH CÓ TRÍ TUỆ (Pannavantasutta) (S V. 100) 226. C6 trí tuệ không ngu đần, có trí tuệ không ngu dần", bạch Thế Tôn5 được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là có trí tuệ không ngu đần? -Do tu tap, do làm cho sung mãn bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, được gọi là có trí tuệ không ngu đần. Thê nào là bảy giác chi này? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Do tu tập? do làm cho sung mãn bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, được gọi là có trí tuệ không ngu đần. VI. KINH BÀN CÙNG (Daliddasutta) (S. V. 100) 227. “Bần cùng, bần cùng", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào5 bạch Thế Tôn, được gọi là bần cùng? Do không tu tập, do không làm cho sung mãn bảy giác chi, nên được gọi là bần cùng. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi.

39 EỊamũgа'. Ngu ngốc. M. I. 20, 527 dùng thuật ngữ này theo nghĩa vừa nói vừa chảy nước miếng. DA. I. 282 dung theo nghĩa nói phều phào kho nghe.

Do không tu tap, không làm cho sung mãn bảy giác chi này, này Tỷ-kheo, được gọi là bần cùng. VII. KINH KHÔNG BÀN CÙNG (Adaỉiddasutta) (S V. 100) 228. - "Không bần cùng, khôn^ bần cùng”, bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là không bần cùng? Do tu tập. do làm cho sung mãn bảy giác chi, này Tỷ-kheo. được gọi là không bần cùng. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi9 tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Chính do tu tập, làm cho sung mãn bảy giác chi này, được gọi là không bần cùng. VIII. KINH MẶT TRỜI (Ẵdiccasuttа) (S. V. 101) 229. Cái này là điêm đi trước, này các Tỷ-kheo, cái này là tướng báo trước mặt trời mọc, tức là rạng đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? cái này là điềm đi trước, cái này là tướng báo trước bảy giác chi sanh khởi, tức là làm bạn với thiện hữu (kalyãnamỉttd), Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi ĩẳng bảy giác chi sẽ được tu tap, bảy giác chi sẽ được làm cho sung mãn. Như thế nào, này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi. IX. KINH NỘI CHI PHẦN (Ajjhattikangasutta)^ (5. V. 101) 230. Sau khi làm thành nội chi phần, này các Tỷ-kheo5 Ta không quán thấy một chi phần nào khác khiến bảy giác chi được sanh khởi, này các Tỷ-kheo, chi phần ấy tức là như lý tác ý. Với Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý này, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng bảy giác chi được tu tập5 được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý này, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến

đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập bảy giác chi5 làm cho sung mãn bảy giác chi.

40 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Factor, nghĩa là Chỉ phần. Tham chiếu: Tạp.(r.O2. 0099.717. 0193a26).

X. KINH NGOẠI CHI PHẦN (Bãhừangasuttà) (S V. 102) 231. Sau khi làm thành ngoại chi phần, này các Tỷ-kheo? Ta không quán thấy một chi phần nào khác khiến bảy giác chi được sanh khởi, này các Tỷ- kheo, chi phần ấy tức làm bạn với thiện hữu. Với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng bảy giác chi được tu tập5 được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đến ly tham? liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

VI. PHẨM TỒNG NHIẾP GIÁC CHI (SẴKACCHAVAGGA)

I. KINH ĐỒ ĂN (Ẩhãrasutta)41 (S V. 102) 232. Nhân duyên ở Săvatthi. Ta sẽ giảng cho các ông? này các Tỷ-kheo, các món ăn và không phải món ăn của năm triền cái và bảy giác chi. Hãy lắng nghe. I. MÓN ĂN CHO CÁC TRIỀN CÁI Cái gì là món ăn5 này các Tỷ-kheo? khiến cho dục tham (kãmacchandă) chưa sanh được sanh khởi; hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Có tịnh tướng, này các Tỷ-kheo. Ở đây? nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiên cho dục tham chưa sanh được sanh khởi; hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Cái gì là món ăn5 này các Tỷ-kheo, khiến cho sân chưa sanh được sanh khởi; hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Có chướng ngại tướng (patighanimittam), này các Tỷ-kheo. ơ đây? nêu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiên cho sân chưa sanh được sanh khởi; hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiến cho hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; hay hôn trâm thụy miên đã sanh được tăn^ trưởng, quảng đại? Không hân hoan, biếng nhác, chán nản, ăn quá no, tâm ue oải. Ở đây, nễu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; hay hôn trâm thụy miên đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Cái gì là món ăn? này các Tỷ-kheo? khiến cho trạo hối chưa sanh được sanh khởi; hay trạo hối đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Có tâm chưa được tịnh chi, này các Tỷ-kheo. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho trạo hối chưa sanh được sanh khởi; hay trạo hối đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Cái gì là món ăn9 này các Tỷ-kheo? khiến cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Có các pháp

41 Bản Pãli trình bày liên tục kinh 232. Bản tiếngẠnh của PTS phân chia kinh 232 này thành 4 phần: I. The Food of the Hindrances (Món ăn cho các tnền cái); IL The Food of the Limbs of Wisdom (Món ăn cho các giác chi); III. No Foodfor the Hindrances (Khong phải món ăn chọ các triền cái); IV. No Food for the Limbs of Wisdom (Không phải món ăn cho các giác chi). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.715. 0192a25).

trú xứ của nghi hoặc. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn5 thời chính cái này là món ăn khiến cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. II. MÓN ẨN CHO CÁC GIÁC CHI -Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiến cho niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay niệm giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo9 có các pháp trú xứ cho niệm giác chi. Ở dây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn? thời chính cái này là món ăn khiên cho niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay niệm giác chi đã sanh được tu tập, làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo, cái gì là món ăn khiến cho trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay trạch pháp giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Có những pháp thiện và bất thiện, này các Tỷ-kheo, có những pháp có tội và không có tội? có những pháp liệt và thăng, có những pháp dự phân đen và trắng. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn5 thời chính cái này là món ăn khiên cho trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay trạch pháp giác chi đã sanh được tu tap, được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo5 cái gì là món ăn khiên cho tinh tân giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay tinh tấn giác chi đã sanh được tu tap, được làm cho viên mãn? Có phát cần giới,42 này các Tỷ-kheo, tinh cần giới, dõng mãnh giới. Ở đây, nêu như lý tác ý được làm cho sung mãn9 thời chính cái này là món ăn khiến cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo5 cái gì là món ăn khiến cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay hỷ giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có những pháp trú xứ cho hỷ giác chi. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiên cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay hỷ giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo, cái gì là món ăn khiến cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay khinh an giác chi đã sanh được tu tâp? được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo5 có thân khinh an, tâm khinh an. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiên cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay khinh an giác chi đã sanh được tu tập? được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo9 cái gì là món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay định giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có tịnh chỉ tướng, bất loạn tướng. Ở đây5 nếu như lý tác ý

42 Ẫrambhadhãtu. Expos. I. 192 giải thích khi mới bắt đầu cố gắng. MA. I. 284 viết nỉkkamadhãtu, giải thích cũng như vậy, nhưng mạnh hơn nhờ không biếng nhác. Parakkamadhãtu, cũng vậy, và mạnh hơn vì càng gan đến đích.

được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay định giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo5 cái gì là món ăn khiến cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay xả giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo? có các pháp trú xứ cho xả giác chi. Ớ dây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn5 thời chính cái này là món ăn khiến cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay xả giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn. III. KHÔNG PHẢI MÓN ĂN CHO CÁC TRIỀN CÁI Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải món ăn khiến cho dục tham chưa sanh được sanh khởi; hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có bất tịnh tướng. Ở dây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn5 thời chính cái này không phải là món ăn khiên cho dục tham chưa sanh được sanh khởi; hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Và này các Tỷ-kheo5 cái gì không phải món ăn khiến cho sân chưa sanh được sanh khởi; hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo5 có từ tâm giải thoát. Ở đây5 nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn5 thời chính cái này không phải là món ăn khiên cho sân chưa sanh được sanh khởi; hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải món ăn khiến cho hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; hay hôn trâm thụy miên đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có phát cần giới, tinh cần giới, dõng mãnh giới, ơ đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn5 thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; hay hôn trầm thụy miên đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Và này các Tỷ-kheo, cái gi không phải món ăn khiến cho trạo hối chưa sanh được sanh khởi; hay trạo hôi đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo? có tâm tịnh chỉ. Ở đây5 nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho trạo hối chưa sanh được sanh khởi; hay trạo hối đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Và này các Tỷ-kheo? cái gì không phải món ăn khiến cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có pháp thiện và bất thiện, có pháp có tội và không có tội, có pháp liệt và thắng, có pháp dự phân vào đen và trăng, ơ đây, nêu như lý tác ý được làm cho sung mãn? thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. IV. KHÔNG PHẢI LÀ MÓN ẦN CHO CÁC GIÁC CHI -Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải là món ăn khiến cho niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay niệm giác chi đã sanh được tu tập5 được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có các pháp trú xứ cho niệm giác chi. Ở đây5 nếu

phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải món ăn khiến niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay niệm giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo? cái gì không phải là món ăn khiến cho trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay trạch pháp giác chi đã sanh được tu tap, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có các pháp thiện và bất thiện, có tội và không có tội5 liệt và thắng, dự phần vào đen và trắng. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được

làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho Trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay trạch pháp giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo5 cái gì không phải là món ăn khiến cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập? được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có phát cần giới5 tinh cần giới, dõng mãnh giới. Ở đây9 nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn? thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo? cái gì không phải là món ăn khiến cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay hỷ giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có những pháp trú xứ cho hỷ giác chi. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay hỷ giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải là món ăn khiến cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay khinh an giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có thân khinh an, tâm khinh an. Ở dây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải món ăn khiến cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay khinh an giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo? cái gì không phải là món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay định giác chi đã sanh được tu tap, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có tịnh chỉ tướng, bất loạn tướng. Ở đây5 nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay định giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải là món ăn khiến cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay xả giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo? có các pháp trú xứ cho xả giác chi. ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay xả giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1081

II. KINH PHÁP MÔN (Paríyãyasuttaỹ3 (S V. 108) 233. Rồi một số đông Tỷ-kheo? vào buổi sáng, đắp y, mang y bát đi vào Sãvatthi để khất thực. Rồi các Tỷ-kheo ấy suỵ nghĩ: “Nay còn quá sớm để đi vào Sãvatthi khất thực, vậy chúng ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo.95 Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên: Này chư Hiên, Sa-môn Gotama có thuyêt phá^ như sau cho các đệ tử: "Hãy dến, này các Tỷ-kheo? sau khi đoạn tận năm triên cái là những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, hãy như thật tu tập bảy giác chi.,, Này chư Hiền, chúng tôi cũng thuyết pháp như vậy cho các đệ tử: uHãy đến, này chư Hiền, sau khi đoạn tận năm triền cái là những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ9 hãy như thật tu tập bảy giác chi.” Ở đây? này chư Hiền, cái gì là đặc thù (visesam), cái gì là thù thắng (adhippayãsoỴ cái gì là sai biệt giữa Sa-môn Gotama và chúng tôi?

tức là vê thuyêt pháp hay về giáo giới? Rôi các Tỷ-kheo ây không hoan hỷ9 không bác bỏ lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy; không hoan hỷ? không bác bỏ? từ chỗ ngồi đứng dậy, họ ra đi với ý nghĩ: "Chúng ta sẽ được biết ý nghĩa lời nói này từ nơi Thế Ton?9 Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi đi khất thực ở Sãvatthi, sau bữa ăn, trên con đường trở về? đi đến Thế Tôn; sau khi đến9 họ đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát và đi vào Sãvatthi để khất thực. Bạch The Tôn, rồi chúng con suy nghĩ: “Nay còn quá sớm để đi vào Sãvatthi khất thực. Vậy chúng ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại dạo.” Rồi, bạch Thế Tôn, chúng con đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói len những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rôi ngôi xuông một bên. Rôi bạch Thế Tôn? các du sĩ ngoại đạo ấy nói với chúng con đang ngồi một bên: “Này chư Hiền, Sa-môn Gotama thuyết pháp như sau... tức là về thuyết pháp hay về giáo gi&i?” Rồi bạch Thế Tôn, chúng con không tán thán, khônẸ bác bỏ lời nói các du sĩ ngoại đạo ấy; không hoan hỷ, không bác bỏ? từ chỗ ngồi đứng dậy5 chúng con ra đi với ý nghĩ: "Chúng ta sẽ được hiểu lời nói này từ Thế Tôn.,, Được nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải trả lời với các du sĩ ngoại

43 Bản Pãli trình bày liên tục kinh 233. Bản tiếng Anh của PTS phân chia kinh 233 này thành 2 phần: I. Ther Five Are Ten (Năm trở thành mười); II. The Seven Are Fourteen (Bảy trở thành mười bốn). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.711-712. 0190b22-0191al2).

đạo như sau: "Này chư Hiên, có pháp môn nào? do pháp môn ây, năm triên cái được trở thành mười, bảy giác chi được trở thành mười b6n?” Được đáp như vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo sẽ không thể cắt nghĩa được? sẽ rơi vào khó khăn. Vì sao? Vì lẳng, này các Tỷ-kheo? vấn đề này vượt ngoài giới vức của họ. Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một ai ở thế giới này, ở Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người CÓ thể làm thỏa mãn tâm với câu trả lời cho những câu hỏi này5 ngoại trừ Như Lai, hay đệ tử Như Lai, hay những ai được nghe từ hai vị ấy. I. NĂM TRỞ THÀNH MƯỜI -Và này các Tỷ-kheo5 pháp môn nào, do y cứ pháp môn ây, năm triên cái trở thành mười? Cái gì thuộc nội dục tham, này các Tỷ-kheo, cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại dục tham, cái ấy là triền cái. Gọi là dục tham triền cái là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Cái gì thuộc về nội sân, này các Tỷ-kheo, cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại sân, cái ấy là triền cái. Gọi là sân triền cái là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Cái gì thuộc vê nội hôn trâm thụy miên, này các Tỷ-kheo. cái ây là triên cái. Cái gì thuộc ngoại hôn trâm thụy miên, cái ây là triên cái. Gọi là hôn trâm thụy miên là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Cái gì thuộc nội trạo hối, này các Tỷ-kheo, cai ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại trạo hối, cái ấy là triền cái. Gọi là trạo hối triền cái là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Cái gì thuộc về nội nghi hoặc, này các Tỷ-kheo5 cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại nghi hoặc, cái ấy là triền cái. Gọi là nghi hoặc triền cái là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Này các

Tỷ-kheo, chính là pháp môn này, do y cứ pháp môn này, năm triền cái trở thành mười. II. BẢY TRỞ THÀNH MƯỜI BỐN -Và này các Tỷ-kheo? pháp môn nào, do y cứ pháp môn ấy, bảy giác chi trở thành mười bốn? Cái gì là niệm đối với nội pháp, này các Tỷ-kheo5 cái ấy là niệm giác chi. Cái gì là niệm đối với ngoại pháp, cái ấy là niệm giác chi. Gọi là niệm giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Cái gì là quyêt trạch, tư sát, quán sát với trí tuệ đôi với các nội pháp, này các Tỷ-kheo? cái ấy là trạch pháp giác chi. Cái gì là quyết trạch, tư sát, quán sát đôi với các ngoại pháp, cái ây là trạch pháp giác chi. Gọi là trạch pháp giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1083

Cái gì là thân tinh tấn,44 này các Tỷ-kheo, cái ấy là tinh tấn giác chi. Cái gì là tâm tinh tấn,45 cái ấy là tinh tấn giác chi. Gọi là tinh tân giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Cái gì là hỷ có tầm có tứ5 này các Tỷ-kheo, cái ấy là hỷ giác chi. Cái gì là hỷ không tầm không tứ, cái ấy là hỷ giác chi. Gọi là hỷ giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Cái gì là thân khinh an, này các Tỷ-kheo, cái ấy là khinh an giác chi. Cái gì là tâm khinh an, cái ấy là khinh an giác chi. Gọi là khinh an giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Cái gì là định có tâm có tứ, này các Tỷ-kheo? cái ây là định giác chi. Cái gì là định không tàm không tứ, cái ấy là định giác chi. Gọi là định giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Cái gì là xả đối với các nội pháp5 này các Tỷ-kheo5 cái ấy là xả giác chi. Cái gì là xả đối với các ngoại pháp, cái ấy là xả giác chi. Gọi là xả giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Này các Tỷ-kheo, chính là pháp môn này, do y cứ pháp môn này5 bảy giác chi trở thành mười bốn.

III. KINH LỬA (AggisuttaỊ6 (S V. 112) 234. Rồi một số đông Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sãvatthi để khất thực. (Như kinh trên)... Được nói vậy9 này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo cân được trả lời như sau: "Này chư Hiền, khi tâm thụ động,44 47 trong khi ấy, tu tập giác chi nào là 46 45 không phải thời; trong khi ấy, tu tập giác chi nào là phải thời? Lại nữa5 này chư Hiền, trong khi tâm dao động (uddhată). trong khi ấy, tu tập giác chi nào là không phải thời; trong khi ấy, tu tập giác chi nào là phải th&i?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo sẽ không thê căt nghĩa được, sẽ rơi vào khó khăn. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, vấn đề này vượt ngoài giới vức của họ. Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một ai ở thế giới này, ở Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn5 Bà-la-môn, chư thiên và loài người

44 Kãyỉkam vĩrỉyam. SA. III. 171: Thân tinh tấn là chỉ cho việc tinh tấn đi kinh hành qua lại. Thân khinh an chỉ cho thọ, tưởng, hành được nhẹ dần. 45 Cetasikam vĩrỉyam. SA. III. 171: Tâm tinh tấn là chỉ cho tâm nguyện ta sẽ không rời bỏ ngồi thiền cho đên khi đoạn trừ được các lậu hoặc, khồng châp thủ. 46 Bản Pãli trình bày liên tục kinh 234. Bản tiếng Anh của PTS phân chia kinh 234 này thành 4 phần: I. Wrong Season (Không phảỉr thờỉ); IL Season (Phải thời); III. Wrong Season (Không phải thời)', IV. Season (Phải thờỉỵ Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.747. Ó198al2). 47 Lĩna: Dính vào, bám víu vào. Đây

có nghĩa là thụ động. Xem s. V. 263.

1084 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

CÓ thể làm thỏa mãn tâm với câu trả lời cho những câu hỏi này5 ngoại trừ Như Lai, hay đệ tử Như Lai, hay những ai được nghe từ hai vị ấy. I. KHÔNG PHẢI THỜI Trong khi tâm thụ động, này các Tỷ-kheo5 trong khi ấy, không phải thời là tu tập khinh an giác chi, không phải thời là tu tập định giác chi, không phải thời là tu tập xả giác chi. Vì sao? Khi tâm thụ động, này các Tỷ-kheo, thật khó làm tâm phát khởi nhờ những pháp này. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một người muôn đôt lên một ngọn lửa nhỏ; người ấy ném vào đay cỏ ướtj phân bò ướt, củi ướt? để ngọn lửa ấy giữa mua, gió và răc bụi lên trên; người ấy có thể nhen đỏ ngọn lửa nhỏ ấy không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. - Cũng vậy? này các Tỷ-kheo? trong khi tâm thụ động, trong khi ấy, không phải thời là tu tập khinh an giác chi, không phải thời là tu tập định giác chi5 không phải thời là tu tập xả giác chi. Vì sao? Vì rằng, khi tâm thụ động? này các Tỷ-kheo thật khó làm tâm phát khởi nhờ những pháp này. II. PHẢI THỜI Và này các Tỷ-kheo? trong khi tâm thụ động, trong khi ấy, phải thời là tu tập trạch pháp giác chi, phải thời là tu tập tinh tấn giác chi, phải thời là tu tập hỷ giác chi. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, khi tâm thụ động, thật dễ làm tâm phát khởi nhờ những pháp này. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một người muốn đốt lên một ngọn lửa nhỏ5 người ấy ném vào đấy cỏ khô, phan bò khô? củi khô5 dùng miệng thổi, không có rắc bụi lên trên; người ấy có thể nhen đỏ ngọn lửa ấy không? - Thưa c6, bạch Thế Tôn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? trong khi tâm thụ động, trong khi ấy, phải thời là tu tập trạch pháp giác chi, phải thời là tu tập tinh tân giác chi, phải thời là tu tập hỷ giác chi. Vì sao? Vì răng, này các Tỷ-kheo? khi tâm thụ động, thật dễ làm tâm phát khởi nhờ những pháp này. III. KHÔNG PHẢI THỜI Và này các Tỷ-kheo? trong khi tâm dao động, trong khi ấy5 không phải thời là tu tập trạch pháp giác chi, không phải thời là tu tập tinh tấn giác chi, không phải thời là tu tập hỷ giác chi. Vì sao? Vì rằng? này các Tỷ-kheo9 tâm dao động, thật khó được tịnh chỉ do những pháp ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo5 một người muốn dập tắt một đống lửa lớn. Ở đây5 n^ười ấy ném vào đấy cỏ khô, phân bò khô và củi khô, dùng miệng thổi, không rac bụi lên trên; người ấy có thể dập tắt đống lửa lớn ấy không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tâm dao động, trong khi ấy, không

phải thời là tu tập trạch pháp giác chi, không phải thời là tu tập tinh tấn giác chi, không phải thời là tu tập hỷ giác chi. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo? tâm dao động, thật không dễ được tịnh chỉ nhờ những pháp ấy. IV. PHẢI THỜI Và này các Tỷ-kheo, trong khi tâm dao động, trong khi ấy, phải thời là tu tập khinh an giác chi, phải thời là tu tập định giác chi, phải thời là tu tập xả giác chi. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo? tâm dao động thật dễ được tịnh chỉ nhờ những pháp này. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, có người muốn dập tắt một đống lửa lớn. Ở đây, người ấy ném vào cỏ ướt5 ném vào phân bò ướt5 ném vào củi ướt, để giữa gió và mưa và rắc bụi lên trên; người ấy có thể dập tắt ngọn lửa lớn ấy không? - Thưa c6, bạch Thế Tôn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? trong khi tâm dao động, trong khi ấy5 phải thời là tu tập khinh an giác chi, phải thời là tu tập

định giác chi, phải thời là tu tập xả giác chi. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo? khi tâm dao động, thật dễ được tịnh chỉ nhờ các pháp này. Nhưng đối với niệm, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng lợi ích trong mọi trường hợp. IV KINH CÂU HỮU VỚI TỪ (Mettãsahagatasuttd)^ (S V. 115) 235. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Koliya, tại thị trấn của dân Koliya tên là Haliddavasana. Rôi một sô đông Tỷ-kheo, vào buôi sáng, đăp y, câm y bát, đi vào Haliddavasana để khất thực. Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "That là quá sớm để đi vào Haliddavasana khất thực! Vậy chúng ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại dạo." Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến? nói lên với những du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, họ liền ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên: Này chư Hiên, Sa-môn Gotama có thuyêt pháp như sau cho các đệ tử: ÍCHãy đến? này các Tỵ-kheo, sau khi đoạn tận năm triền cái, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, hãy trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ; cũng vậy với phương thứ hai; cũng vậy với phương thứ ba; cũng vậy với phương thứ tư. Như vậy? cùng khắp thê giới, trên dưới, bề ngang, hêt thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận? không sân... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả; cũng vậy với phương thứ hai; cũng vậy với phương thứ ba; cũng vậy với phương thứ tư. Như vậy,

48 Bản tiếng Anh của PTS: Goodwill, nghĩa là Lòng từ. Tham khảo: Tạp.(T.02. 0099.743. 0197ỒỒ20).

cùng khắp thế giới5 trên dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân.” Này chư Hiền, chúng tôi cũng thuyết pháp cho các đệ tử như sau: "Hay đến5 này chư Hiên, sau khi đoạn tận năm triên cái, những pháp làm uê nhiêm tâm, làm yếu ớt trí tuệ? hãy trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả... không hận, không sân.” Ở đây, này chư Hiền, cái gì là đặc thù, cái gì là thù thắng, cái gì là sai biệt giữa Sa-môn Gotama và chúng tôi? tức là về thuyết pháp hay về giáo giới? Rồi các Tỷ-kheo ấy không hoan hỷ9 không bác bỏ lời nói các du sĩ ngoại đạo ấy; không hoan hỷ5 không bác bỏ, từ chỗ ngồi đứng dậy, họ ra đi với ý nghĩ: "Chúng ta sẽ được biết ý nghĩa lời nói này từ nơi Thế T6n." Rồi các Tỷ-kheo ấy sau khi đi khất thực ở Haliddavasana; sau bữa ăn5 trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến9 họ đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: —Ở đây, bạch Thế Tôn5 chúng con vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Haliddavasana đê khât thực. Rôi bạch Thê Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: "Thật là quá sớm đế đi vào Haliddavasana khat thực! Vậy chúng ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại dạo.” Rồi bạch Thế Tôn, chúng con đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo... (như trên). Rồi chúng con, bạch Thế Tôn, không hoan hy, không bác bỏ lời nói các du sĩ ngoại đạo ấy; không hoan hỷ5 không bác bỏ5 từ chỗ ngồi đứng dậy, chúng con ra đi với ý nghĩ: uChúng ta sẽ được biết ý nghĩa lời nói này từ

Thế Tôn.,, Được nói vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải nói với các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Nhưng này chư Hiền, từ tâm giải thoát tu tập như thế nào5 thú hướng như thê nào, tôi thăng như thê nào5 quả như thê nào, cứu cánh như thê nào? Và này chư Hiền, bi tâm giải thoát tu tập như thế nào, thú hướng như thế nào, tối thắng như thế nào, quả như thế nào, cứu cánh như thế nào? Và này chư Hiền, hỷ tâm giải thoát tu tập như thế nào, thú hướng như thế nào, tối thắng như thế nào, quả như thế nào, cứu cánh như thế nào? Và này chư Hiền, xả tâm giải thoát tu tập như thế nào, thú hướng như thế nào, tối thắng như thê nào? quả như thế nào, cứu cánh như thế nào?" Khi được hỏi như vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo sẽ không thể cắt nghĩa được? sẽ rơi vào khó khăn. Vì sao? Vì răng5 này các Tỷ-kheo, vân đê này vượt ngoài giới vức của họ. Này các Tỷ-kheo? Ta không thấy một ai ở thế giới này, ở Thiên giới, Ma giới? Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn5 chư thiên và loài người CÓ thể làm thỏa mãn tâm với câu trả lời cho những câu hỏi này. ngoại trừ Như Lai, hay đệ tử Như Lai, hay những ai được nghe từ hai vị ấy.

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1087

Và này các Tỷ-kheo, từ tâm giải thoát tu tập như thê nào, thú hướng như thê nào, tôi thăng như thê nào, quả như thê nào, cứu cánh như thê nào? J này Ở đây, J các J Tỷ-kheo. 7 J Tỷ-kheo _ • JFtu tập • niệm ơ giác _chi câu hữu với từ... tu tập xả giác chi câu hữu với từ? liên hệ đen viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đen đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Neu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng ệhê tởm đối với pháp khồng ghê tởm", vị ấy trú ở đâỵ với tưởng ghê tởm. Neu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng không ghê tởm đoi với pháp ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng không ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng ghê tởm đối với pháp khônẹ ghê tởm và pháp ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm. Nếu vị ấy muôn: "Ta sẽ trú với tưởng không ghê tởm đôi với pháp ệhê tởm và pháp không ghê tởm"vị ấy trú ở đây với tưởng không ghê tởm. Nêu vị ấy muốn: "Từ bỏ cả hai không ghê tởm và ghê tởm, ta sẽ trú xả5 chánh niệm tỉnh giác", vị ấy trú ở đây với xả? chánh niệm tỉnh giác9 hay đạt đến giải thoát được gọi là thanh tịnh5 vị ấy an trú. Này các Tỷ-kheo5 từ tâm giải thoát là thanh tịnh tối thượng, Ta tuyên bố như vậy. Ở đây là trí tuệ đối với Tỷ-kheo không đạt tới giải thoát cao hơn. Và này các Tỷ-kheo, bi tâm giải thoát tu tập như thê nào, thú hướng như thê nào, tối thắng như thế nào, quả như thế nào9 cứu cánh như thế nào? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với bi... tu tập xả giác chi câu hữu với bi5 liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đên đoạn diệt, hướng đên từ bỏ. Nêu vị ây muôn: "Ta sẽ trú với tưởng ệhê tởm đối với pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm... Neu vị ấy muốn: "Từ bỏ cả hai không ghê tởm và ghê tởm, ta sẽ trú xả5 chánh niệm tỉnh giác"vị ấy trú ở đây với xả, chánh niệm tỉnh giác. Vượt qua một cách hoàn toàn các sắc tưởng, chấm dứt các tưởng đối ngại5 không tác ý các tưởng sai biệt, vị ấy nghĩ rằng: "Hu không là vô biOn", vị ấy đạt đến và trú Không vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo9 Ta nói rằng từ tâm giải thoát lấy Không vô biên xứ làm tối thắng. Ở đây là trí tuệ của Tỷ-kheo không đạt tới giải thoát cao hơn. Và này các Tỷ-kheo? tu tập hỷ tâm ệiải thoát như thê nào, thú hướng như thê nào, tối thắng như thế nào, quả như thế nào, cứu cánh như thế nào? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với hỷ... tu tập xả

giác chi câu hữu với hỷ5 liên hệ đen viên ly5 liên hệ đên ly tham? liên hệ đên đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Neu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng ghe tởm đối với pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm... Nếu vị ấy muốn: :Từ bỏ cả hai không ghê tởm và ghê tởm, ta sẽ trú xả, chánh niệm tỉnh giác", vị ấy trú ở đây với xả, chánh niệm tỉnh giác... Vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, vị ấy nghĩ rằng: "Thức là vô biên", vị ấy đạt đến và trú Thức vô biên xứ. Nàỵ các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hỷ tâm giải thoát lấy Thức vô biên xứ làm tối thắng. Ở đây là trí tuệ của Tỷ-kheo không đạt tới giải thoát cao hơn. Và này các Tỷ-kheo, tu tập xả tâm ệiải thoát như thê nào. thú hướng như thê nào, tối thắng như thê nào, quả như thê nào, cứu cánh như thê nào?

Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với xả... tu tập xả giác chi câu hữu với xả, liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đến ly tham, liên hệ đen đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng ệhê tởm đối với pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đâỵ với tưởng ghê tởm. Nêu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng khôĩiệ ghê tởm đoi với pháp ghê tởm", vị ấy trú ở đay với tưởng không ghê tởm. Nêu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng ghê tởm đối với pháp khôĩiệ ghê tởm và pháp ghê tởm"vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm. Nếu vị ấy muôn: "Ta sẽ trú với tưởng không ghê tởm đối với pháp ệhê tởm và pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng không ghê tởm. Nêu vị ấy muốn: "Từ bỏ cả hai không ghê tởm và ghê tởm, ta sẽ trú xả, chánh niệm tỉnh giác", vị ấy trú ở đây với xả, chánh niệm tỉnh giác. Sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn với ý nghĩ: uKhông có vật gi", vị ấy chứng đạt và trú Vô sở hữu xứ. Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, xả tâm giải thoát lấy Vô sở hữu xứ làm tối thắng. Ở đây là trí tuệ của Tỷ-kheo không đạt tới giải thoát cao hơn.49

V KINH SANGÃRAVA (Sangãravasutta) (S V. 121) 236. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi Bà-la-môn Saồgãrava đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, vị ây liên ngôi xuông một bên. Ngôi một bên? Bà-la-môn Saỏgãrava thưa với Thế Tôn: Do nhân gi, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, có khi các chú thuật (mantã) mà tôi học thuộc lòng lâu ngày (sơjjhãyakatã) lại không thể nhớ đến được? còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng? Do nhân gi, do duyên gi, thưa Tôn giả Gotama, có khi các chú thuật mà tôi không học thuộc lòng lâu ngày lại nhớ đến được? còn nói gì các chú thuật được học thuộc lòng? Này Bà-la-môn5 khi trú với tâm bị dục tham (kãmarãgd) xâm chiếm, bị dục tham chi phối và không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thê nhớ đên được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước trộn lẫn với thuốc nhuộm gôm lắc,50 hay màu đỏ tía, hay màu xanh, hay màu vàng, và ở đây một người có mắt muốn ngắm bóng mặt của mình, không thể như thật biêt được và thấy được. Cũng vậy5 này Bà-la-môn5 trong khi trú với tâm bị dục tham xâm chiếm, bị dục tham

49 Còn hai giai đoạn nữa mới chứng Niết-bàn. 50 Lãkhã còn gọi là chất gôm-lắc là một hợp chất từ loài bọ, đó là con rệp son cánh kiến đỏ (lacca). Thành phần hóa học của hợp chất này gồm có 75% chất nhựa, và 25% chất sáp, chất màu và tạp chất khác (mảnh gỗ, xác rệp son), độ ẩm. Hợp chất này được gọi bằng nhiều tên: Tư giao, tử ngạch, tư thảo nhung,... (tieng Trung Hoa), tên khoa học là Lacca-Stick-Lac. Trong y học, kỹ nghệ, đời song sinh hoạt thường ngay, hợp chat này được sử dụng rất phổ biến.

chi phối, không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thê nhớ đên được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị sân xâm chiếm, bị sân chi phối, không như thật biết sự xuất ly khỏi sân đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví như, này Bà-la-môn5 một bát nước được lửa đun sôi, sôi lên sùng sục, sôi lên cuồn cuộn. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy? này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị sân xâm chiếm... Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm, bị hôn trầm thụy miên chi phối, không như thật biết sự xuất ly khỏi hôn trầm thụy miên đã khởi lên; trong khi ây, người ây không như thật biêt và thây lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật rõ biết và thấy lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ đến được? còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví như, này Bà-la-môn5 một bát nước bị rong rêu che phủ. Ở đây5 một người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn5 trong khi trú với tâm bị hôn tràm thụy miên xâm chiếm... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị trạo hối xâm chiếm, bị trạo hối chi ph§i, không như thật biết sự xuất ly khỏi trạo hối đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ đến được? còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví như, này Bà-la-môn5 một bát nước bị gió thổi, dao động, chấn động, nổi - đây, một người có măt muôn ngăm khuôn mặt của mình, không thê như thật biêt và thây được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị trạo hối xâm chiêm... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phôi5 và không như thật biêt sự xuât ly khỏi nghi hoặc đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy sự lợi ích của

mình;

trong khi ây? không như thật biêt và thây sự lợi ích của người; trong khi ây, không như thật biết và thấy sự lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước bị khuấy động5 khuấy đục, khuấy bùn5 đặt trong bóng tối. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phối... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Đây là nhân, đây là duyên, này Bà-la-môn, có khi các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thê nhớ đên được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Này Bà-la-môn5 khi trú với tâm không bị dục tham xâm chiếm, không bị dục tham chi phối, lại như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy như thật biết và thấy lợi ích của minh; trong khi ấy, như thật biêt và thây lợi ích của người; trong khi ây, như thật biêt và thây lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày được nhớ đến, còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Ví nhu, này Bà-la-môn, một bát nước không trộn lẫn với thuốc gôm lắc, hay màu đỏ tía, hay màu xanh, hay màu vàng, ơ đây, một người có mắt muốn ngắm bóng mặt của mình, có thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn? khi trú với tâm không bị dục tham xâm chiêm... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị sân xâm chiếm... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Ví nhu, này Bà-la-môn5 một bát nước không được lửa đun sôi, không sôi lên sùng sục, không sôi lên cuồn cuộn. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm bóng mặt của mình, có thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la- môn, khi trú với tâm không bị sân xâm chiêm, không bị sân chi phôi... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn5 khi trú với tâm không bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm, không bị hôn trầm thụy miên chi phôi... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước không bị rong rêu che phủ. Ở đây9 một người có mắt muốn ngắm bóng mặt của mình, có thê như thật biết và thây được. Cũng vay, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm không bị hôn trầm thụy miên xâm chiêm, không bị hôn trâm thụy miên chi phôi... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Lại nữa, nàỵ Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị trạo hối xâm chiếm, không bị trạo hối chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Ví nhu, này Bà-la-môn5 một bát nước không bị gió thôi5 không bị dao

động, không bị chấn động, khôn^ bị nổi sóng. Ở dây, một người có mắt muốn ngắm bóng mặt của mình, có thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm không bị trạo hôi xâm chiêm, không bị trạo hối chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm không bị nghi hoặc xâm chiếm, không bị nghi hoặc chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Ví nhu, này Bà-la-môn, một bát nước trừng tịnh, trong sáng, không bị

khuấy động, đặt giữa ánh sáng. Ở đây5 một người có mắt muốn ngắm bóng mặt của mình, có thê như thật biêt và thây được. Cũng vậy, này Bà-la-môn? trong khi trú với tâm không bị nghi hoặc xâm chiếm, không bị nghi hoặc chi phối và như thật biết sự xuất ly khỏi nghi hoặc đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày được nhớ đến5 còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Đây là nhân5 đây là duyên, này Bà-la-môn, có khi các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày lại có thể nhớ đến được? còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Có bảy giác chi này, này Bà-la-môn, không chướng ngại, không triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập5 được làm cho sung mãn5 đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, này Bà-la-môn, không phải là chướng ngại? triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập? được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát... Xả giác chi, không phải là chướng ngại, triền cái5 không làm uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Bảy giác chi này, này Bà-la-môn5 không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiêm tâm, được tu tập? được làm cho sung mãn9 đưa đên chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Khi được nói vậy9 Bà-la-môn Saõgãrava bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. VI. KINH ABHAYA (Abhayasutta)5i (S V. 126) 237. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), tại núi Linh Thứu. Rồi Hoàng tử Abhaya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Hoàng tử Abhaya bạch Thế Tôn: —Bạch Thế Tôn5 Pũrana Kassapa nói như sau: "Không có nhân, không có

51 Tham khảo: Tạp.(T.02. 0099.711-712. 0190b22-0191al2).

duyên để không biết, để không thấy. Không biết, khôn^ thấy không có nhân, không có duyên. Không có nhân, không có duyên để biết, để thấy. Biết và thấy không có nhân, không có duyên.Ở đây, Thế Tôn đã nói như the nào? - Này Hoàng tử, có nhân, có duyên để không biết, để không thấy. Không biết, không thấy có nhân, có duyên. Này Hoàng tử, có nhân, có duyên để biết, để thấy. Biết và thấy có nhân, có duyên. Do nhân nào? do duyên nào, bạch Thế T6n, để không biết, để không thấy? Như thế nào, không biết, không thấy có nhân, có duyên? - Này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị dục tham xâm chiếm, bị dục tham chi phối, như thật không biết, không thấy sự xuất ly khỏi dục và tham đã sanh; đây là nhân, đây là duyên, này Hoàng tử, để không biết, để không thấy. Như vậy? không biết5 không thấy có nhân, có duyên. Lại nữa, này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị sân xâm chiếm, bị sân chi phối... Lại nữa, này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm, bị hôn trầm thụy miên chi phối... Lại nữa, này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị trạo hối xâm chiếm, bị trạo hối chi phối... Lại nữa, này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phối, và như thật không biết, không thấy sự xuất ly khỏi nghi hoặc đã sanh; đây là nhân, đây là duyên, này Hoàng tử, để không biết, để không thấy. Như vậy, không biết, không thấy có

nhân, có duyên. Bạch Thế Tôn, pháp môn này được gọi là gì? Này Hoàng tử, được gọi là các triền cái. Thật vậy? chúng là triền cái, bạch Thế Tôn. Thật vậy, chúng là triền cái, bạch Thiện Thệ. Chỉ bị chinh phục bởi một triền cái mà thôi, bạch Thế Tôn? cũng không có thể biết như thật, thấy như thật, còn nói gì bị cả năm triền cái chinh phục. Nhưng, bạch Thế Tôn? do nhân nào9 do duyên nào để biết, để thấy? Như thê nào biêt và thây có nhân, có duyên? Ở đây, này Hoàng tử, Tỷ-kheo tu tập niệm ^iác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham5 liên hệ đến đoạn diệt, hướng đen từ bỏ. Vị ấy nhờ tâm được tu tập niệm giác chi nên như thật biết và thấy. Đây là nhân, đây là duyên, này Hoàng tử? đê biêt? đê thây. Như vậy5 biêt và thây có nhân, có duyên. Lại nữa, này Hoàng tử, Tỷ-kheo... Lại nữa, này Hoàng tử, Tỷ-kheo tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Vị ấy nhờ tâm được tu tap xả giác chi nên như thật biêt và thây. Đây là nhân, đây là duyên đế biết? đế thấy. Như vậy? biết và thấy có nhân, có duyên.

_____ 46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1093

Bạch Thế Tôn, pháp môn này được gọi là gì? Này Hoàng tử, được gọi là các giác chi. Thật vậy, chúng là giác chi, bạch Thế Tôn. Thật vậy, chúng là giác chi, bạch Thiện Thệ. Bạch The Tôn, chỉ được đầy đủ với một giác chi mà thôi đã có thể như thật thấy và biết, còn nói gì đầy đủ cả bảy giác chi. Bạch Thế Tôn, sự mệt nhọc về thân và mệt nhọc về tâm khi con leo lên núi Linh Thứu đã được khinh an, nhẹ nhàng và pháp đã được con hoàn toàn chứng đắc.

1094 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

VIL PHẨM HƠI THỞ VÔ, HƠI THỞ RA (ÂNĂPĂNAVĂGGA)

I. KINH LỢI ÍCH LỚN CỦA CỐT TƯỞNG (Affhikamahapphalasutta) (S V. 129) 238. Nhân duyên ở Sãvatthi. -Tu tập cốt tưởng, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn, được quả lớn, được lợi ích lớn. Wcác Tỷ-kheo5 côt tưởng được tu tập như thê nào, được làm cho sung mãn như thế nào đưa đến quả lớn, đưa đến lợi ích lớn? Ở đây, này các Tỷ"kheo? Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với cốt tưởng, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến lỵ tham? liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ... tu tập xả giác chi câu hữu với cốt tưởng, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham5 liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo5 cốt tưởng được tu tập như vậy? được làm cho sung mãn như vậy, có quả lớn, có lợi ích lớn. KINH MỘT QUẢ NÀO ĐÓ (Annataraphalasutta)51 -Tu tập, làm cho sung mãn cốt tưởng, này các Tỷ-kheo5 một trong hai quả được chờ đợi: Ngay trong hiện tại được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng được Bất hoàn. Tu tập cốt tưởng như thế nào? làm cho sung mãn như thế nào, này các Tỷ- kheo9 một trong hai quả được chờ đợi: Ngay trong hiện tại được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng được Bất hoàn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với cốt tưởng... tu tập xả giác chi câu hữu với cốt tưởng, liên hệ đến viễn ly9 liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ. Tu tập cốt tưởng như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ- kheo, một trong hai quả được chờ đợi: Ngay trong hiện tại được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng được Bất hoàn. KINH NGHĨA LỢI LỚN (Mahatthasutta) -Cốt tưởng, này

các Tỷ-kheo, được tu tap, được làm cho sung mãn, đưa đến nghĩa lợi lớn.

52 Bản tiếng Anh của PTS: Realization or No Return, nghĩa là Trỉ hay Bất hoàn.

. .

I .

8
6
0
6
3
.
Z K

o b C z q

6 0 s H

Q *

.6

N O o b

q STS W6600 m n

0 0 ỉ H

^

ồ q

M

Q q - 09A Qip dE)
H cú
H ô
H q
(

O
>
O x
M w IO H I
IO H H N D
.
9 n

0 H
0
6 8 <o
H
^
d g
-4—
•.•ODIPJ— AH X z ỉ
(
ẽ ă ^ ẽ
A y x H N ES X I i —
e n
ị o H s
• ••o p a d g -4>
-4>—
cdi
A p u 6UIE q z
I
A
H
>
(IM s) AH HNDI
:
.
i
*
— n
0
0
E
E
H
O ^
d .
'i>

Amu -q z Ĩ

(Dl s pJ Ễ C S s

> H ề

H N D rH A : l

• á e n

0 0

o o d

^

H

6

S

H s

^

Trz

Apu ĩ i ả

(IM A s) w H N D I IA I n

0

0

B

H

^ d E z Trz

Xugqd Xunn ụ X 8uọ j ụ dE) >

(ễ n s) . DsM m ỉ pp ẻN D N Q H d D N ự lS H N D I X

4 B e n d

D

H

H

I

O O

W

(•. Amu u ự iu uọ xụ z f z

S 0

A E

Ỉ

Ể
^
^ E ễ O o õn
h n d i >1
.
0 n
H S-
q
.:odipj — a h Amu OUIgq z Jq X 8uọ xụ dg ỉ ẫ ẫ u ễ cex m
(IE I A I H N V X H N D
• •. X
L p
t
P O n
D
Ị^
H
H
O
đ oí o W m
)cú õnu
/u 8uụja Jq .6EZ
>
(IM s) N y D N Í Ị U L N H N D I II
)
2
x 9
0 1 2

p d b N
p LỊUPI v
a
/ o q
S H

>
(g g

Z ợ
(I M s) hnq r n
B
0
3
1
i D
.ỗp
Xuọ q X 0
H 2 nqN)
O c ấ ỗ m
s- (OM A S) § M S M)Npq HNS e
B n u 2
p
ắ
d b E J9 E UB upp nqN)
i
ỉ y o .§
o £ H
ẫ 9 ễ E
^
^
Q H X IQHM N p q NV H N Q
s 8
u u
q q O.2 (U9.U nqu) .Z U P I U0P R n p O91PJ
l
P
4 b U
H q
O O ôs

<<Dq <so nqu URUI 8uns oqU I E nqu dg- m ÍIỌ m

l

I c

y n

o U D

H
N
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
S60I .9
DN 0S
) J

7 3 A

& X .S

.(w ssau-u s ald ơ ơ -

s ?

s

P z 80 £ ~s

 ~

  ^ D

  d ws

:5

H) y .A awDpfoq.Em .XI) g

1 >I.

k

A

£ s -§

'

1 D

&

)

D ễ ễ

ỈSA ~ c ứ

.

H ;

r ồ

.III 1k ế

6 $ a

£ q

IM S Eau .II"(UJỌ1 PV8) :ệo ạB

.§ u

u UEm w §<

6q z & L u p f Biq sid qM *v 2 I

p

.u ipnqz •

§ i

q m .

.$//6600 s s

y

u

E

3

Ế

Ể

O

ễ i

ẫ tí

.(ZW863 =

0)
q u e ugg
ư leqHM
.(ZX863zw/6600 m a
rn
u tH zw/6600 X8oq(63 .Z E6600
. .
I I
.
s
z s z z z. y z.
0I s s S s 3
Q Z(o . b b
ể 3 o o. o. es o. b b b Hb
C Ỗ6 cg6
ZW/6600 X 6 Z S 6 I 0 6600 m §q l I
8 2
U H T
N N
y iio I S H
(
> Q O.
I NVOG H N D I X
.
.
•
0
4 n
E
D
H
6
H

§

og^ u >1 X u ọ xụ .9SZ ỉ

> E ễ ề

(m W V H AH H N IN X I

.

•

E

—

J n

0 0 E

a

D H

O

—

^

^

B d

-4>

UHOP 8uọ m ssz .

V B

H A

> • N

(ZEI s) (W W S W 0 W S N V O Q H IN

.

..

*

PfI

6

D H U

O

— >

.

sz 9A 8upm dgi ỉ y o

s U

(

ã ễ <ceu N

I Q A HNTH H A s z

s

á n

o o d

^ H ỉ ĩ H

m

m

õbE

9W (ỉ

> .

s) Q H X H N D Ỉ IA 4 n

0

8 H H

... ^ d g M»—

UJQnqA 9A Xuọ m zsz ỉ bn n

ị 0 s Ỉ H H

(a ễ

I Q A H N D I

. á s n

o o ^

ỉ

H

Ỉ

§

H

= o ẩ

9q~ o 9 A q w p ISZ l v u

(

> I y H N H y n H N IM .A I

.
•
•
4 l
D H e
O n
0 0 d H
W ^ d g e
<SA <op
9P 3q8 8 £ m osz
2 ố H
Q ễ
s
a HNDI . . d
e < 6
0 0
^
ỉ
H
Ỉ
H mh
o ễ ^ ị q muọ m z ỉ H d H
ễ ễ
O n
(m A s) H N IX I I .
0
4
D
H e
8
n
0 0 c d
Ỉ 1 ...

^ q z .s. q 8upm y

(s

> W
3

H
PQ H
QSI s) SVWKSN) HNtL HNDTI I

a A

& O

H SD VAyH Q O N I ẻ NỶ O G K Ỵ H d

fl

<
G
N
H
I
0
»
9
6
2
of ễ .A

tì DNOAL HNIX

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1097

257. Tu tập tưởng đoạn diệt, làm cho sung mãn5 này các Tỷ-kheo, được quả lớn, được lợi ích lớn. Và này các Tỷ-kheo, tu tập tưởng đoạn diệt như thế nào... ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với tưởng đoạn diệt... Tu tập tưởng đoạn diệt như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo, được quả lớn, được lợi ích lớn. IL TRÍ HAY BẤT HOÀN Tu tập tưởng đoạn diệt, làm cho sung mãn? này các Tỷ-kheo, một trong hai quả được chờ đợi: Ngay trong hiện tại được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng được Bất hoàn. Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn tưởng đoạn diệt như thế nào, này các Tỷ-kheo...? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với tưởng đoạn diệt... Tu tập tưởng đoạn diệt như vậy, làm cho sung mãn như vậy5 này các Tỷ-kheo... III-VL NGHĨA LỢI LỚN5 AN ỒN LỚN KHỎI KHỔ ÁCH? HỨNG KHỞI LỚN? LẠC TRÚ LỚN Tưởng đoạn diệt được tu tập? được làm cho sung mãn, đưa đến nghĩa lợi lớn5 đưa đên an ôn lớn khỏi các khô ách, đưa đên hứng khởi lớn, đưa đên

lạc trú lớn. Tu tập đoạn diệt tưởng như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, đưa đến nệhĩa lợi lớn, đưa đến an ổn lớn khỏi các khổ ách, đưa đến hứng khởi lớn, đưa đen lạc trú lớn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với tưởng đoạn diệt... tu tập xả giác chi câu hữu với tưởng đoạn diệt? liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... Tu tập tưởng đoạn diệt như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo, đưa đến Ĩiệhĩa lợi lớn, đưa đến an ổn lớn khỏi các khổ ách, đưa đến hứng khởi lớn, đưa đển lạc trú lớn.

1098 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

IX. PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT (GANGẴPEYYẴLAK4GGA)

I-XII. KINH SÔNG HẰNG, (Gangãnadĩãdisutta)61 (S V. 135) 258-269. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng vê phương Đông, xuôi vê phương Đông. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi, thiên về Niết-bàn, hướng về Niếtbàn, xuôi về Niết-bàn. Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi, thiên về Niết-bàn? hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? sông Yamunã... sông Aciravatĩ... sông Sarabhũ... sông Mahĩ... các sông lớn như sông Hằng, Yamunã, Aciravatĩ, Sarabhũ, Mahĩ thiên về phương Đông? hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông... Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng... sông Yamunã... sông Aciravatĩ... sông Sarabhũ... sông Mahĩ... các sông lớn như sông Hằng, Yamunã, Aciravatĩ, Sarabhũ, Mahĩ thiên về biển, hướng về biển, xuôi về biển...

X. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (ẠPPAMÃDAVAGGA)

I-X. KINH NHƯ LAI, (Tathãgatãdisutta) (5. V. 135) 270-279. Này các Tỷ-kheo, cũng như đối yới các loài hữu tình không chân? hay có hai chân, hay có bốn chân, hay có nhiều chân... (Như kinh Í39-148, tức các kinh: "Nhu Lai", “Dấu chan", "Chóp mái", “Rễ hương”"Lõi hương”"Hạ Sanh hoa”“Vua", “Mặt trang9\ "Mặt trời,\ "Vi", như Tương ưng Giác chí).

61 Bản tiếng Anh của PTS: Eastward, nghĩa là Hưởng về phương Đông.

XI. PHẨM CÀN DÙNG sức MẠNH (BALAKARANĨYAVAGGA)

I-XII. KINH SỨC Lực, V.V.. (Balãdisutta) (S V. 135) 280-291. Này các Tỷ-kheo? ví như các hành động cần phải dùng sức mạnh... (Như kinh 149-160, tức các kinh: "Sức luc", "Các hạt gi6ng”“Con rắn”, “C2y “CAi ghS", "Râu lúa mi", “Hu không9\ "Mây mưa 1", =Mây mưa 2" "Chiếc thuyền", "Các khách,\ "Con sông9\ như Tương ưng Giác chí).

xn. PHẨM TẦM CẦU (ẸSANẴVAGGA)

I-X. KINH TÀM CẦU, V.V.. (Esanãdisutta) (S V. 136) 292-301. Có ba sự tầm cầu, này các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Tầm cầu dục? tầm cầu hữu, tầm cầu Phạm hạnh... (Như kinh 161-170, tức các kinh: “Tầm cầu", "Kiêu 6CLậu ho^c", “Hữu", "Khổ tánh", “Hoang vu",

“cấu nhiễm,\ “Dao ng”, aThọ,\ 'Khát'ái”, như Tương ưng Giác chí).

xm. PHẨM Bộc LƯU (OGHAVAGGA)

I-IX. KINH BỘC LƯU, V.V.. (Oghãdisutta) (S V. 136) 302-310. Có bốn bộc lưu, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn? Dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiên bộc lưu, vô minh bộc lưu... (Tương tự với các kinh: "Ach phược5\ "Chấp thủy, ẾCHệ phược9,? "Tùy mien9\ "Dục công dức”, "Triền cái”, "Thủ un", "Hạ phần kiết sử”). X. KINH THƯỢNG PHẦN KIẾT sử (Uddhambhãgiyasuttấ) (5. V. 136) 311. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo5 có năm thượng phần kiết sử. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử? vô minh. Các pháp này, này các Tỷ-kheo? là năm thượng phần kiết sử. Này các Tỷ-kheo, với mục đích thắng tri? liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bảy giác chi cần phải tu tập. Thế nào là bảy? Ở đây? này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diet, đoạn tận năm thượng phàn kiết sử này, bảy giác chi này cần phải tu tập.

1100 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

XIV PHẨM SÔNG HẢNG TÁI Lược THUYẾT (PUNAGANGÃPEYYÃLA^ÂGGA)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XII. KINH SÔNG HẰNG, V.V.. (Punagangãnađĩãdisuttà) (S V. 137) 312. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi, thiên về Niết-bàn? hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi với mục đích nhiếp phục tham, với mục đích nhiếp phục sân5 với mục đích nhiếp phục si. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo... xuôi về Niết-bàn. 313-317. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, sông Yamunã... sông Aciravatĩ... sông Sarabhũ... sông Mahĩ... các sông lớn như sông Hằng, Yamunã, Aciravatĩ, Sarabhũ, Mahĩ thiên vê phương Đông, hướng vê phương Đông, xuôi vê phương Đông... 318-323. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, sông Hằng... sông Yamunã... sông Aciravatĩ... sông Sarabhũ... sông Mahĩ... các sông lớn như sông Hằng, Yamunã, Aciravatĩ, Sarabhũ, Mahĩ thiên về biển, hướng về biển, xuôi về biển... (Như kinh 312)...

XV PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (PUNAAPPAMÃDAK4GGA)

NHIẾP PHỤC THAM

I-X. KINH NHƯ LAI, vv... (Tathãgatãdisutta) (S. V. 138) 324-333. Gồm các kinh: "Nhu Lai”, "Dấu chân”, “Ch6p mái”, "Rễ huơng", "L6i hương", uHạ Sanh hoa", "Vua”uMặt trăng", uMặt trời”“Vải” (như Tương ưng Giác chi, Nhiếp phục tham...)

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1101

XVI. PHẨM CẦN DÙNG sức MẠNH (PUNABALAKARANIIAVAGGA)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XII. KINH SỨC Lực, vv... (Punabaỉãdisutta) (S V. 138) 334-345. Gồm các kinh: “Sức Iịtc”, uCác hạt giống9\ "Con rắn”, “Cây”, uCái ghe9\ "Râu lúa mi”, “Hu kh6ng”, “Mây mưa 1”, ĐÍMây mưa 2”, “Chiếc thuyền9\ uCác khách9,, “Con song" (như Tương ưng Giác chi, Nhiếp phục tham...)

XVIL PHẨM TẦM CẦU (PUNAESANÃVAGGA)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XL KINH TẦM CẦU, vv.. (Punaesanãdisutta) (S. V. 139) 346-356. Gồm các kinh: í6Tầm cầu", "Kiêu mạn,\ uLậu hoặc”, “Hữu”, "Khổ tánh,99 "Hoang vu”, “cấu nhiễm,99 “Dao động,55 "ThQ”, và 2 kinh “Khát ái” (như Tương ưng Giác chi, Nhiếp phục tham...)

xvin. PHẨM Bộc LƯU (PUNAOGHAK4GGA)

NHIẾP PHỤC THAM

I-IX. KINH BỘC LƯU, w.. (Punaoghãdisutta) (S V. 139) 357-365. Này các Tỷ-kheo, có bốn bộc lưu này. Thế nào là bốn? Dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu, vô minh bộc lưu... (Tương tự với các kinh: "Ach phược9\ "Chấp thủ9\ "He phược9,5 "Tùy mi8n”, “D công dức”, uTriền cái”, uThu uan5\ uHạ phần kiết sh”).

X. KINH THƯỢNG PHẢN KIẾT sử (Uddhambhãgiyasutta) (5. V. 139) 366. Này các Tỷ-kheo? có năm thượng phần kiết sử. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn5 trạo cử, vô minh. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm thượng phần kiết sử. Này các Tỷ-kheo, với mục đích thăng tri, liêu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bảy giác chi cần phải tu tập. Thế nào là bảy? Ở đây5 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi với mục đích nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si, nhập vào bất tử,

lấy bất tử làm tối thượng, lấy bất tử làm cứu cánh, thiên về Niết-bn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, vì mục đích thăng tri, liêu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phân kiêt sử này, bảy giác chi này cân phải tu tập.

47. TƯƠNG ỰNG NIỆM xứ (SATIPATTHANASAMYUTTA)

L PHẨM AMBAPÃLI (AMBAPÂLIVAGGA)

I. KINHAMBAPẢLI (Ambapãỉisuttay (S V. 141) 367. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli, tại rừng Ambapãli. Tại đay, The Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! Bạch Thế Tôn. r _ Ff-1 7 *1 __ ___ — J- / _ A rr\ _ A rr\ A _ _ / • _ 1_ ___ _ A Các Tỷ-kheo ay vâng đáp The Ton. The Ton nói như sau: Có con đường độc nhất,2 này các Tỷ-kheo? khiến cho các loài hữu tình được thanh tịnh, vượt qua được sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý9 chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Ở đây9 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm... trú, quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiêp phục tham ưu ở đời.

Có con đường độc nhất này5 này các Tỷ-kheo, khiến cho các loài hữu tình được thanh tịnh9 vượt qua được sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn. Con đường ấy tức là bốn niệm xứ. Thế Tôn thuyết như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn nói. II. KINH CHÁNH NIỆM (Satìsutta)123 (S V. 142) 368. Một thời, Thế Tôn ở Vesãli, tại rừng Ambapãli. Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo... Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải trú chánh niệm, tỉnh giác. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông. Và này các Ty.kheo, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm? Ở đây, này các

1 XemD. II. 94. Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.622. 0174a02). 2 SA. III. 177: Ekãyano = Ekamaggo. Xem D. III. 221; M. I. 55, 74. 3 Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.607. 0171a09).

Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... quán thọ trên các thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm? tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chánh niệm. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo tỉnh giác? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đi tới5 khi đi lui đều tỉnh .giác; khi nhìn tới, khi nhìn lui đều tỉnh giác; khi co cánh tay, duỗi cánh tay đều tỉnh giác; khi đắp y Tăng-già-lê, khi mang y bát đều tỉnh giác; khi ăn uống? nhai nếm đều tỉnh giác; khi đi tiểu tiện? đại tiện đều tỉnh giác; khi di, đứng, ngồi, ngủ5 thức, nói, im lặng đều tỉnh giác. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải trú chánh niệm, tỉnh giác. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông. III. KINH VỊ TỶ-KHEO (Bhikkhusutta)4 (S. V. 142) 369. Một thòi, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến5^ đảnh lễ Thế Tôn rồi ngòi xuống một bên. Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con! Sau khi nghe Thê Tôn thuyêt pháp, con sẽ sông một minh, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Và như vậy? có thể có những người ngu si thẩm tra con; sau khi con nói pháp cho họ, họ nghĩ rằng đi theo con sẽ có lợi ích cho họ. Bạch Thế Ton, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con. Thiện Thệ hãy thuyết pháp vắn tắt cho con. Chắc chắn con có thể hiểu lời Thế Tôn thuyết. Chắc chắn con có thể trở thành người thừa tự lời Thế Tôn dạy. Vậy này Tỷ-kheo? ông phải gột sạch cơ bản về các thiện pháp. Và thế nào là cơ bản về các thiện pháp? Chính là giới khéo thanh tịnh và tri kiến chánh trực. Này Tỷ-kheo? khi nào ông được giới khéo thanh tịnh và tri kiến chánh trực, này Tỷ-kheo5 ông hãy y cứ trên giới, an trú trên giới, tu tập bốn niệm xứ theo ba cách. Thế nào là bốn? Ở đây9 này Tỷ-kheo, ông hãy trú, quán thân trên nội thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm5 nhiếp phục tham ưu ở đời; hay ông hãy trú, quán thân trên ngoại thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiêp phục tham ưu ở đời; hay ông hãy trú, quán thân trên nội ngoại thân? nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Hay ông hãy trú, quán thọ trên các nội thọ... Hay ông hãy trú, quán tâm trên các nội tâm... Hay ông hãy trú, quán pháp trên các nội pháp, nhiệt tâm5 tỉnh giác? chánh niệm? nhiêp phục tham ưu ở đời; hay ông hãy trú5 quán pháp trên các ngoại pháp5 nhiệt tâm, tỉnh giác5 chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; hay ông hãy trú, quán pháp trên các nội ngoại pháp, nhiệt tâm,

tỉnh giác, chánh niệm, nhiêp phục tham ưu ở đời.

4 Tham chiếu: uất-già-chỉ-la kỉnh (T.Ol. 0026.76. 0543c0l).

_____ 47. TƯƠNG ƯNG NIỆM xứ* 1105

Này Tỷ-kheo, khi nào ông y cứ trên giới, an trú trên giới và tu tập bốn niệm xứ theo ba cách như vậy, khi ây5 này Tỷ-kheo, hoặc đêm hay ngày, chờ đợi là tăng trưởng trong các thiện pháp, không phải là tôn giảm. Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy? đảnh lễ The Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi. , Rồi Tỷ-kheo ấy sống một mình an tịnh, không phóng dật5 nhiệt tâm, tinh cần5 không bao lâu đạt được mục đích mà một thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, chính là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh; ngay trong hiện tại, vị ấy tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nïïa.” Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa. IV. KINH SÃLÃ (Sãỉasuttà)5 (S. V. 144) 370. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Kosala, tại một làng Bà-la-môn tên là Sãlấ. Ở đây? Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo... Thế Tôn nói như sau: Những Tỷ-kheo nào5 này các Tỷ-kheo? mới tu, xuất gia chẳng bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này; những Tỷ-kheo ấy, này các Tỵ-kheo, cần phải được khích lệ (samãdapetabbã), cân phải được hướng dẫn, cân phải được an trú, tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? "Hy đến, này chư Hiền, hãy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác? chuyên chú? với tâm thanh tịnh, định tinh, nhât tâm, để có chánh trí như thật đối với thân. Hãy trú, quán thọ trên các thọ? nhiệt tâm9 tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm để có chánh trí như thật đối với các thọ. Hãy trú, quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm, để có chánh trí như thật đối với tâm. Hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh? định tinh, nhất tâm, để có chánh trí như thật đối với các phAp." Này các Tỷ-kheo? có những Tỷ-kheo Hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sông cân cầu vô thượng an ổn khỏi các khô ách. Các vị ây trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác? chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm đê liễu tri vê thân. Các vị ây trú, quán thọ trên các thọ? nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tinh, nhất tâm để liễu tri về thọ. Các vị ấy trú, quán tâm trên tâm... để liễu tri về tâm. Các vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác? chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tinh, nhất tâm để liễu tri về các pháp.

5 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.621. 0173cl2).

1106 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán5 các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí, giải thoát; các vị ấy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhât tâm, ly hệ phược đối với thân. Các vị ấy trú, quán thọ trên các thọ... Các vị ấy trú, quán tâm trên tâm... Các vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tinh,

nhất tâm, ly hệ phược đối với các pháp. Này các Tỷ-kheo? những Tỷ-kheo nào mới tu, xuất gia chẳng bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này; những vị ấy, này các Tỷ-kheo, càn phải được khích lệ, cần phải được hướng dẫn, cần phải được an trú, tu tập bốn niệm xứ này. V KINH ĐỐNG BẤT THIỆN (Akusalarãsisuttdý (S. V. 145) 371. Nhân duyên ở Sãvatthi. Ở đấy, Thế Tôn nói như sau: Đống bất thiện, này các Tỷ-kheo? nếu có ai nói là năm triền cái, người ấy nói một cách chơn chánh. Toàn bộ đông bất thiện, này các Tỷ-kheo5 tức là năm triền cái. Thế nào là năm? Dục tham triên cái5 sân triên cái, hôn trâm thụy miên triên cải, trạo hôi triên cái, nghi hoặc triền cái. Đống bất thiện này, này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói là năm triền cái, người ấy nói một cách chơn chánh. Toàn bộ đống bất thiện này? này các Tỷ-kheo? tức là năm triền cái. Đống thiện, này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói là bốn niệm xứ, người ấy nói một cách chơn chánh. Toàn bộ đông thiện, này các Tỷ-kheo, tức là bốn niệm xư. Thế nào là bốn? Ở đây? này các T*kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiêp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm? nhiếp phục tham ưu ở đời. Đống thiện này, này các Tỷ-kheo5 nếu có ai nói là bốn niệm xứ, người ấy nói một cách chơn chánh. Toàn bộ đống thiện này, này các Tỷ-kheo, tức là bốn niệm xứ. VI. KINH CON CHIM ƯNG (Sakunagghisutta)1 (S V. 146) 372. Thuở xua, này các Tỷ-kheo, một con chim tmg mái thình lình vồ xuống và chụp lấy một con chim cút. Rồi này các Tỷ-kheo, con chim cút bị con chim ưng mái bắt, than khóc như sau: —Như thế này, thật bất hạnh cho tôi! Thật thiếu công đức cho tôi! Vì rằng tôi đã đi không phải chỗ hành xứ của minh, đi vào cảnh giới của người khác.6 7

6 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.611. 0171b24); Tạp.(T.02. 0099.725. 0195b01). 7 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.617. 0172c24).

47. TƯƠNG ƯNG NIỆM xứ 1107

Nếu tôi đi trong chỗ hành xứ của tôi, trong cảnh giới của cha mẹ tôi, thời con chim ưng này không thê hơn tôi, nêu phải đánh nhau. Này chim cút, thế nào là chỗ hành xứ của ngươi, thế nào là cảnh giới của cha mẹ ngươi? Là vạt đất được lưỡi cày xới lên. Rồi này các Tỷ-kheo9 con chim ưng mái không có siết mạnh sức mạnh của mình (apatthaddhã). không có bóp chặt sức mạnh của mình, thả con chim cút rồi nói: Hãy đi, này chim cút. Sau khi đi tại chô ây, ta sẽ không thả ngươi. Rồi này các Tỷ-kheo? con chim cút đi đến vạt đất được lưỡi cày xới lên, leo lên một hòn đất lớn, đứng trên ấy và nói với con chim ưng: Này, hãy đên ta, chim ưng! Này, hãy đên ta, này chim img! Rồi này các Tỷ-kheo5 con chim img mái siết mạnh sức mạnh của mình, bóp chặt sức mạnh của mình, xêp cả hai cánh, thình lình vô lây con chim cút. Này các Tỷ-kheo, khi con chim cút biết được: "Con chim ưng này đang vồ mạnh xuống ta”liền nấp sau hòn đất ấy. Này các Tỷ-kheo? ở đây, con chim ưng bị bể ngực. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với ai đi tới chỗ không phải hành xứ của mình, đi đến cảnh giới của người khác. Do vậy? này các Tỷ-kheo, chớ có đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của người khác. Này các Tỷ-kheo? đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, đi đến cảnh giới của người khác, thời Ác ma nắm được cơ hội, Ác ma nắm được đối txrợng.

Này các Tỷ-kheo, chỗ nào không phải hành xứ của Tỷ-kheo? Chỗ nào là cảnh giới của người khác? Chính là năm dục công đức. Thế nào là năm? Có các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ5 khả ý5 khả ái? liên hệ đến dục, hấp dẫn. Có các tiếng do tai nhận thức... Có các hương do mũi nhận thức... Có các vị do lưỡi nhận thức... Có các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý5 khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo? đây là chỗ không phải hành xứ của Tỷ-kheo, chỗ cảnh giới của người khác. Này các Tỷ-kheo9 hãy đi đến chỗ hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình. Này các Tỷ-kheo, đi đến chỗ hành xứ của minh, đến cảnh giới của cha mẹ mình, thời Ác ma không nắm được cơ hội, không nắm được đối tượng. Và này các Tỷ-kheo, chỗ nào là chỗ hành xứ của Tỷ-kheo? Chỗ nào là cảnh giới của cha mẹ mình? Chính là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm5 tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo? đây là chỗ hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình.

1108 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

VII. KINH CON VƯỢN (Makkaịasuttăỷ (S. V. 148) 373. Nàỵ các Tỷ-kheo, tại vua Tuyết sơn có khoảnh đất gồ ghề, không bằng phẳng, chỗ ấy không có các loài vượn, loài người qua lại. Này các Ty.kheo, tại vua Tuyết sơn có những khoảnh đất gồ ghề, không bằng phẳng, chỗ ấy chỉ có loài vượn qua lại, không có loài người. Tại vua Tuyết sơn, có những khoảnh đất bằng phẳng, khả ái. Tại chỗ ấy có các loài vượn và loài người qua lại. Tại đấy, này các Tỷ-kheo? những người thợ săn đặt các bẫy nhựa (ỉepa) trên những con đường có vượn qua lại đe bắt các con vượn. Ở dây, này các Tỷ-kheo, những con vượn nào tánh không ngu si, không tham ăn5 thấy bẫy nhựa ấy liền tránh xa; còn con vượn nào tánh ngu si, tham ăn, thấy bẫy nhựa ấy, thò tay nắm lấy và bị dính vào đấy. "Ta sẽ gỡ bàn tay ra”nó thò bàn tay thứ hai nắm lấy và bị dính ở đấy. “Ta sẽ gỡ hai tay ra”, nó giơ chân nắm lấy và bị dính ở đấy. "Ta sẽ gỡ hai bàn tay và bàn chân ra”, nó giơ bàn chân thứ hai nắm lấy và bi dính ở đấỵ. “Ta sẽ gỡ cả hai tay và hai chân", nó dùng miệng ngậm lấy và bị mắc dính ở đấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo? con vượn bị bắt năm chỗ, liền rên la nằm xuống, rơi vào bất hạnh, rơi vào khổ não, bị người thợ săn muốn làm gì thì làm. Này các Tỷ-kheo, người thợ săn đâm chết nó, nướng nó trên đông than củi9 và ra đi theo sở thích của mình. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, là người đi đến chỗ không phải hành xứ của minh, chỗ cảnh giới của người khác. Này các Tỷ-kheo, đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của người khác, Ác ma nắm được cơ hội, Ác ma nắm được đối tượng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không phải chỗ hành xứ của Tỷ-kheo, chỗ cảnh giới của người khác? Tức là năm dục công đức. Thế nào là năm? ,Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ? khả ý? khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Các xúc do thân nhận thức, khả lạc5 khả hỷ? khả ý, khả ái? liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, đây không phải là chỗ hành xứ của Tỷ-kheo, là chỗ cảnh giới của người khác. Này các Tỷ-kheo, hãy đi đến chỗ hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình. Này các Tỷ-kheo, đi đến chỗ hành xứ của minh, đến chỗ cảnh giới của cha mẹ mình, Ac ma không năm được cơ hội5 Ac ma không năm được đôi tượng. Và này

các Tỷ-kheo, thế nào là hành xứ của Tỷ-kheo? là cảnh giới của cha mẹ mình? Tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỵ-kheo? Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác? chánh niệm, nhiêp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm? nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây là chỗ hành xứ của Tỷ-kheo? chỗ cảnh giới của cha mẹ mình.

8 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.620. 0173ỒỒ20).

47. TƯƠNG ƯNG NIỆM xứ 5109

Vin. KINH NGƯỜI ĐÀU BẾP (Sữdasutta)9 (S V. 149) 374. Ví như, này các Ty.kheo, một người đầu bếp ngu si, không thông minh, không khéo léo5 được giao lo liệu các thứ súp sai khác cho vua hay cho các đại thần của vua, như súp chua, dắng, cay, ngọt, vị kiềm (khãrikehiỵ không phải vị kiềm (akhãrikehí), vị mặn5 không phải vị mặn. Này các Tỷ-kheo, người đầu bếp ngu si, không thông minh, không khéo léo ây không năm được sở thích vê việc ăn uông của người chủ mình (bhattu): uHôm nay, chủ ta thích món súp này”hay: "M6n súp này chủ ta lấy Ĩ1", hay: “M6n súp này chủ ta dùng nhiều", hay: "Chủ ta tán thán món súp này.,, uHôm nay, chủ ta thích món súp chua này”, hay: "M6n súp chua này chủ ta lấy ăn”, hay: “M6n súp chua này, chủ ta dùng nhiều", hay: "Chủ ta tán thán món súp chua này.” uHôm nay, chủ ta thích món súp đắng này",...hay: "H6m nay, chủ ta thích món súp cay ĩiày",.. hay: “Hờm nay, chủ ta thích món súp ngọt này”,... hay: "Hôm nay, chủ ta thích món súp vị kiềm này”,.. hay: "H6m nay, chủ ta thích món súp không phải vị kiềm này”,.. hay: "H6m nay, chủ ta thích món súp mặn ĩiày”,.. hay: "H6m nay, chủ ta thích món súp không mặn này”hay: "M6n súp không mặn này chủ ta lấy ăn", hay: "M6n súp không mặn này chủ ta dùng nhiều", hay: “Chỉ ta tán thán món súp không mặn này.” Và này các Tỷ-kheo, người đầu bếp ngu si, không thông minh, không khéo léo ây, không nhận được đô mặc, không nhận được lương bông, không nhận được tiền thưởng. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, kẻ đầu bếp ngu si, không thông minh, không khéo léo ây, không năm được sở thích vê việc ăn uông của người chủ mình. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 ở đây5 có Tỷ-kheo ngu si, không thông minh, không khéo léo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm? nhiếp phục tham ưu ở đời; dâu vị ây trú, quán thân trên thân, nhưng tâm không định tinh, các phiền não10 không được đoạn tận, vị ấy không học được tướng ấy... quán thọ trên các thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; dầu vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, nhưng tâm không định tinh, các phiền não không được đoạn tận, vị ấy không học được tướng ấy.11 Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo ngu si, không thông minh, không khéo léo ấy, không được lạc trú ngay trong hiện tại9 không được tỉnh giác. Vì sao? Vì rằng? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngu si, không thông minh, không khéo léo ấy, không học được tướng tâm của mình. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, có người đầu bếp có trí, thông minh, khéo léo,

9 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.616. 0172ỒỒ23). 1° .III. 202: Nam triền cái.

11 SA. III. 202: Vị ấy không ghi nhận được sự tiến triển hay các giai đoạn thực tập đề mục thiền tập (kammatthãnà) cua mình.

được giao lo liệu các thứ súp sai khác cho vua hay cho các đại thần của vua, như súp chua, đăng? cay, ngọt, vị kiêm, không phải vị kiêm, vị mặn5 không phải vị mặn. Này các Tỷ-kheo, người đầu bếp có trí, thông minh, khéo léo ấy nắm được sở thích về việc ăn uống của người chủ mình: "H6m nay, chủ ta thích món súp ĩìày", hay: uMón súp này chủ ta lấy ăn,\ hay: "Món súp này chủ ta dùng nhiều", hay: "M6n súp này chủ ta tán thán." Hay: "Hôm nay, chủ ta thích món súp chua này", hay: "M6n súp chua này chủ ta lấy an9\ hay: "M6n súp chua này chủ ta dùng nhiều", hay: "Món súp chua này chủ ta tán thán.^^ "Hôm nay, chủ ta thích món súp đắng nay",.. "H6m nay, chủ ta thích món súp cay này",... "H6m nay, chủ ta thích món súp ngọt này",.. "Hôm nay, chủ ta thích món súp vị kiềm này",... "H6m nay, chủ ta thích món súp không phải vị kiềm này",... "Hôm nay, chủ ta thích món súp vị mặn này,\... "H6m nay, chủ ta thích món súp không mặn này", hay: "Món súp không mặn này chủ ta lấy ăn,95 hay: "M6n súp không mặn này chủ ta dùng nhiều", hay: "M6n súp không mặn này chủ ta tán thấĩi." Này các Tỷ-kheo, người đầu bếp có trí, thông minh, khéo léo ấy, nhận được đồ mặc, nhận được lương bổng, nhận được tiền thưởng. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, người đâu bêp có trí? thông minh, khéo léo ây, năm được sở thích vê việc ăn uông của người chủ mình. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 ở đây5 có Tỷ-kheo có trí, thông minh, khéo léo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm5 tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; do vị ấy trú, quán thân trên thân, tâm được định tĩnh, các phiền não được đoạn tận, vị ấy học được tướng ấy... quán thọ trên các thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; do vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, tâm được định tĩnh, các phiền não được đoạn tận9 vị ấy học được tướng ấy. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có trí, thông minh, khéo léo ấy, ngay trong hiện tại chứng được lạc trú, chứng được chánh niệm tỉnh giác. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có trí, thông minh, khéo léo ấy, học được tướng tâm của mình. IX. KINH BỆNH (Giỉãnasutta)n (S V. 152) 375. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli, tại làng Beluva. Ở dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: —Hãy đến, này các Tỷ-kheo? hãy an cư vào mùa mưa xung quanh Vèsãli, chỗ nào có bạn bè, có người quen biêt (sandỉtthă). có người thân thiêt (sambhattă). Ở đây5 Ta sẽ an cư mùa mưa tại làng Beluva này. -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn, an cư mùa mưa xung quanh Vesãli, tại12

12 Tham chiếu: Du hành kinh (TOI. 0001.02. 0011a07).

chỗ có bạn bè, có người quen biết, có người thân thiết. Còn Thế Tôn thời an cư mùa mưa tại làng Beluva. Trong khi Thê Tôn an cư mùa mưa, một cơn bệnh trâm trọng khởi lên, những cảm thọ khốc liệt gần như chết tiếp diễn. Ở dây, Thế Tôn chánh niệm5 tỉnh giác, không có than vãn. Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Thật không tương xứng đối với Ta, nếu

Ta không báo trước các vị ủng hộ Ta và không từ giã chúng Tỷ-kheo mà nhập Niết-bàn. Vậy Ta hãy tinh tấn nhiếp phục trọng bệnh này, lưu giữ mạng hành (jĩvỉtasankhără) và sống." Rồi Thế Tôn với sức tinh tấn nhiếp phục trọng bệnh ấy, lưu giữ mạng hành và sống. Rồi Thế Tôn thoát khỏi cơn bệnh; thoát khỏi cơn bệnh không bao lâu, Ngài đi ra khỏi nhà bệnh, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, trong bóng mát5 sau lưng ngôi nhà. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn^sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn5 con thấy Thế Tôn kham nhẫn! Bạch Thế Tôn, con thấy Thế Tôn chịu đựng! Bạch Thế Tôn, thân con cảm thấy yếu ớt như lau sậy, mat con mờ mịt không thấy rõ phươnẹ hướng. Pháp không được tỏ rõ cho con vì Thế Tôn bị bệnh. Nhưng bạch The Tôn? con được chút an ủi rằng Thế Tôn sẽ không diệt độ nếu Ngài không có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo. Này Ãnanda, chúng Tỷ-kheo còn mong mỏi nữa ở nơi Ta. Này Ãnanda, Ta giảng pháp không có phân biệt trong ngoài. Vì rằng, này Ãnanda, đối với các pháp, Như Lai không bao gi& là vị Đạo sư còn năm tay. Này Ãnanda, những ai nghĩ răng Ta sẽ là vị dân đâu chúng Tỷ-kheo, hay chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta, thời này Ảnanda, người ấy sẽ có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo. Này Ãnanda, Như Lai không có nghĩ rằng: "Ta sẽ là vị dẫn đầu chúng Ty-kheo^, hay “chiing Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta9\ thời này Ãnanda5 làm sao Như Lai lại có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo? Này Ananda, Ta nay đã già? bậc Trưởng thượng, bậc Trưởng lão9 đã đạt đến đoạn cuối của đời, đã đến tám mươi tuổi. Này Ãnanda, như cỗ xe đã già mòn, sở dĩ còn chạy được là nhờ dây thừng chằng chịt. Cũng vậy5 thân Như Lai được duy trì sự sống giống như chính nhờ dây thừng chăng chịt. Này Ananda, chỉ trong khi Như Lai không tác ý đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một số cảm thọ5 chứng và an trú vô tướng tâm định, chính khi ay, thân Như Lai được thoải mái. Vậy này Ananda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính minh, chớ nương tựa một điều gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một điều gì khác. Và này Ãnanda, thế nào là Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính minh, tự mình nương tựa chính minh, không nương tựa một điều gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điêu gì khác?

1112 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

Này Ãnanda, ở dây, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm5 nhiếp phục tham ưu ở đời; quán thọ trên các thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này Ananda, như vậy là Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điêu gì khác. Này Ãnanda, những ai hiện nay hoặc sau khi Ta diệt độ? tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính minh, không nương tựa một điêu gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn? dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một điều gì khác; những vị ấy, này Ãnanda, là những vị tối thượng1314 trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi. X. KINH TRÚ XỨ TỶ-KHEO-NI {Bhikkhunupassayasuttd)^ (S V. 154) 376. Rồi Tôn giả Ãnanda, vào buổi sáng, đắp y,

cầm y bát đi đến một trú xứ của Tỷ-kheo-ni; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi một số đông Tỷ-kheo-ni đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ananda rôi ngôi xuông một bên. Ngôi một bên, các Tỷ-kheo-ni ây thưa với Tôn giả Ãnanda: Ở đây? bạch Thượng tọa Ananda, một số đông Tỷ-kheo-ni sống khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, đạt được sự rõ biết (sampaịãnantỉtí) quảng đại5 trước sau thù thắng.15 Như vậy là phải, này các đại tỷ! Như vậy là phải, này các đại tỷ! Này các đại tỷ5 Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trong bốn niệm xứ, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng. Rồi Tôn giả Ãnanda với bài pháp thoại, sau khi tuyên thuyết cho các Tỷ- kheo-ni ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi5 làm cho hoan hỷ5 từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Tôn giả Ãnanda sau khi đi khất thực ở Sãvatthi, sau bữa ăn9 trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế T6n, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng9 đắp y, cầm y bát đi đến một trú xứ của Tỷ-kheo-ni; sau khi đên5 con ngôi trên chô đã soạn săn. Rôi bạch Thê Tôn, một số đông Tỷ-kheo-ni đi đến con; sau khi dến, đảnh lễ con rồi ngồi xuông một bên. Ngôi một bên, bạch Thê Tôn, các Tỷ-kheo-ni ây thưa với con: "d dây, bạch Thượng tọa Ãnanda, một số đông Tỷ-kheo-ni sống khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng." Khi được nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với các Tỷ-kheo-ni ấy: "Nhu vậy là phải,

13 Tamatagge. SA. III. 204 viết tamaagge, trạng thái cao vượt, chỉ cho quả vị A-la-hán. 14 Tham chiếu: Tạp. a (T.02. 0099.615. 0172a26). 15 Tiếp tục tiến triển dần, càng trở nên thù thắng.

này các đại tỷ! Như vậy là phải, này các đại tỷ! Này các đại ty, Tỷ-kheo hay Ty-kheo-ni nao song với tam kheo an trú trong bon niệm xứ, vị ây được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng dại, trước sau thù thắng.^, Như vậy là phải, này Ãnanda! Như vậy là phải, này Ãnanda! Này Ãnanda, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ, vị ấy được chờ đọd sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng. Thế nào là bốn? Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo sống, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán thân trên thân? hoặc thân sở duyên (kãyãrammano) khởi lên, hoặc thân nhiệt não (kãyasmim parỉỊãho), hoặc tâm thụ động, hoặc tâm phân tán? hướng ngoại (bahiddhã vã cittam vikkhipatí); do vậy, này Ãnanda, Tỷ-kheo cần phải hướng tâm đến một tướng tịnh tín (pasãdanĩye nimitte)}6 Do vị ấy hướng tâm đến một tướng tịnh tín, hân hoan (pãmojjam\ thắng hỷ) sanh. Người có tâm hân hoan, hỷ sanh. Người có tâm hỷ, thân được khinh an. Người có tâm khinh an, lạc thọ sanh. Người có tâm lạc ứịọ5 tâm được định tĩnh. Vị ấy tư sát như sau: uMục đích mà ta hướng tâm đến, mục đích ấy đã đạt được. Nay ta rút lui [khỏi đối tượng tướng tịnh tín].^, Vị ấy rút lui, không tầm không tứ. Vị ấy rõ biết: uKhông tầm không tứ5 nội tâm chánh niệm? ta được an lạc." Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo sông5 quán thọ trên các thọ... sông, quán tâm trên tâm... Vị ấy sống? quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác5 chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán

pháp trên các pháp, hoặc thân sở duyên khởi lên, hoặc thân nhiệt não, hoặc tâm thụ động, hoặc tâm phân tán, hướng ngoại; do vậy? này Ãnanda, Tỷ-kheo cần phải hướng tâm đến một tướng tịnh tín. Do vị ấy hướng tâm đến một tướng tịnh tín, hân hoan sanh. Người có tâm hân hoan, hỷ sanh. Người có tâm hỷ9 thân được khinh an. Người có thân khinh an? lạc thọ sanh. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Vị ây tư sát như sau: uMục đích mà ta hướng tâm đến, mục đích ấy đã đạt được. Nay ta rút lui [khỏi đối tượng tướng tịnh tín]." Vị ấy rút lui,17 không tầm không tứ. Vị ấy rõ biết: "Không tam không tứ, nội tâm chánh niệm, ta được an lac." Như vậy, này Ảnanda, là sự tu tập về hướng tâm. Và này Ãnanda, thế nào là sự tu tập không có hướng tâm? Này Ãnanda, Tỷ-kheo với tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng ngoại.” Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chap thủ đối với cái gì ở trước, hay cái gì ở sau (pacchãpurê), nhưng được giải thoát, không có hướng tâm.,, Rồi vị ấy rõ biết: “Ta trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc.” Này Ananda, Tỷ-kheo với tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không16 17

16 SA. III. 205: Như đức Phật.

17 Patisamharami.

•y • SA. III. 205 Dgiải thích khôngD chú tâm trên tịnh

.D tướng mà chú tâm vào đối tượng

.D chính ban đau (mũlakammatthãnă).

hướng ngoại.” Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gi ở trước, hay cái gì ở sau,18 nhưng được giải thoát, không có hướng tâm." Rôi vị ây rõ biêt: "Ta trú, quán thọ trên các thọ? nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm5 ta được an lạc.” Này Ananda, Tỷ-kheo với tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng pgoại." Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước... Rồi vị ấy rõ biết: “Ta trú, quán tâm trên tâm5 nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc." Này Ãnanda, Tỷ-kheo với tâm không hướng ngoại... Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm5 tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc." Như vậy5 này Ãnanda, là tu tập không có hướng tâm. Như vậy, này Ảnanda, Ta thuyết tu tập có hướng tâm? Ta thuyết tu tập không có hướng tâm. Những gì, này Ãnanda, một bậc Đạo sư cần phải làm vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đối với các đệ tử, vì lòng từ mẫn khởi lên, những việc ấy, Ta đã làm cho các ông. Này Ảnanda, đây là những gốc cây9 đây là những ngôi nhà trống. Hãy tu thiền, này Ãnanda! Chớ có phóng dật, chớ có hối hận về sau! Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông. Thế Tôn thuyết giảng như vậy5 Tôn giả Ảnanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.*

18 Pure\ Ban đầu, chỉ cho việc chuyên tâm thực tập. Pacchã'. về sau, chỉ cho quả vị A-la-hán.

47. TƯƠNG ƯNG NIỆM xứ^ 1115

n. PHẨM NÃLANDẢ (NÂLANDAIỈ4GGA)

I. KINH ĐẠI NHÂN (Mahãpurisasuttã)^ (S V. 158) 377. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Sãriputta đi đến Thế Tôn... Ngồi một bên, Tôn giả Sãriputta bạch Thế Tôn: - "Đại nhân, Đại nhân", bạch Thế Tôn5 được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là Đại nhân? -Với tâm giải thoát, này Sãriputta, Ta gọi là Đại nhân. Không có tâm giải thoát, Ta không gọi là Đại nhân. Và này Sãriputta, thế nào là tâm giải thoát? Ổ đây, này Sãriputta, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm? nhiếp phục tham ưu ở đời. Khi vị ấy trú, quán thân trên thân, tâm được ly tham, được giải thoát khỏi các lậu hoặc5 không có chấp thủ... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú5 quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm? tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Khi vị ấy trú, quán pháp trên các pháp5 tâm được ly tham, được giải thoát khỏi các lậu hoặc? không có chấp thủ. Như vậy? này Sãriputta, là tâm giải thoát. Với tâm giải thoát, này Sãriputta, Ta gọi là Đại nhân. Không có tâm giải thoát, Ta không gọi là Đại nhân. n. KINH NÃLANDÃ (NãỊandasutta)2Q (5. V. 159) 378. Một thời, Thế Tôn trú ở NãỊandã,1921 tại rừng Pãvãrikamba. 20 Rồi Tôn giả Sãriputta đi đến Thế Tôn... Ngồi một bên, Tôn giả Sãriputta bạch Thế Tôn: Như vậy, bạch Thế Tôn? là lòng tịnh tín của con đối với Thế Tôn. Không thể đã có, không thể sẽ c6, không thể hiện có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác, có thể vĩ đại hơn, thắng trí hơn Thế Tôn về Chánh giác. Thật là đại ngôn (uỊãrà), này Sãriputta, là lời tuyên bố như con Ngưu vương này của ông5 lời tuyên bố một chiều, tiếng rống của con sư tử: “Nhu vậy là lòng tịnh tín của con đối với Thế Tôn. Không thể đã có, không thể sẽ c6,

19 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.614. 0172a08).

20 Tham chiếu: Tạp. ® (T.02. 0099.498. 0130c07); Tự hoan hỷ kỉnh (T01. 0001.18. 0076b24).

21 Xem Ă II. 81.

không thể hiện có một Sa-môn hay một Bà-la-môn nào khác, có thể vĩ đại hơn, thắng trí hơn Thế Tôn về Chánh giác.99 Này Sãriputta, đối với các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, tất cả các vị Thế Tôn ấy, ông có thể biết rõ tâm niệm với tâm của ông rằng: uCác bậc Thế Tôn ấy đã có giới đức như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy đã có pháp như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy đã có tuệ như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy đã có hạnh trú như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy đã giải thoát như vậy,9 không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Này Sãriputta, đôi với các vị A-la-hán Chánh Đăng Giác trong thời vị lai? tất cả các vị Thế Tôn ấy, ông có thể biết rõ tâm niệm với tam của ông rằng: uCác bậc Thế Tôn ấy sẽ có giới đức như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy sẽ có pháp như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy sẽ có tuệ như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy sẽ có hạnh trú như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy sẽ giải thoát như vậy,5 không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Này Sãriputta, đối với các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong thời hiện tại, tất cả các bậc Thế Tôn ấy, ông có thể biết rõ tâm niệm với tâm của ông rằng: uCác bậc Thế Tôn ấy hiện có giới đức như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy hiện có pháp như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy hiện có tuệ như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy hiện có hạnh trú như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy hiện có giải thoát như vậy99 không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. -Và này Sãriputta, ở dây, ông không có chánh trí

với tâm của ông biết được tâm của các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác thời quá khứ, vị lai, hiện tại; thời này Sãriputta. do ý nghĩa gì ông lại thốt ra lời đại ngôn, lời tuyên bố như con Ngưu vương, lời tuyên bô một chiêu, rông tiêng rông con sư tử của ông răng: uNhư vậy là lòng tịnh tín của con đối với Thế Tôn. Không thể đã có? không thể sẽ c6, không thể hiện có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác, có thể vĩ đại hơn, thắng trí hơn Thế Tôn về Chánh giác99? Bạch Thế Tôn, con không có chánh trí với tâm của con biết được tâm các vị A-la-hán Chánh Đăng Giác thời quá khứ, vị lai, hiện tại, nhưng bạch Thê Tôn, con biết được pháp truyền thống (dhammanvayă)^2 Ví nhu, bạch Thế Tôn, tại một thành ở biên giới22 23 với những hào lũy kiên cố, vững chắc, với những thành quách, tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa ra vào. Tại dấy, có một người gác cửa sáng suốt, thông minh, có trí, không cho vào những người lạ mặt? chỉ cho vào những người quen mặt. Trong khi người ấy đi tuần đến con đường xung quanh thành trì ấy để xem, không thấy có một khe hở ở tường nào? hay lỗ hổng ở tường nào5 cho đến một con mèo có thể lọt qua được. Và người ấy suy nghĩ rằng: “C6 những sinh loại thô lớn nào đi vào

22 Dhammanvayo vỉdỉto. SA. III. 210: Trí do suy luận mà đạt được (anumãnanãụam).
23 XemD. 11.83.

hay đi ra ngôi thành này, tất cả phải đi vào hay đi ra cửa này.” Như vậy? bạch Thế Tôn, là pháp truyền thống mà con được biết. Bạch Thế Tôn? phàm có những bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nào trong thời quá khứ? tât cả bậc Thê Tôn ây, sau khi đoạn tận năm triên cái, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ5 sau khi khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, sau khi như thật tu tập bảy giác chi, đã chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch Thế Tôn, phàm c6 những bậc A-la-hán Chánh Đẳnệ Giác nào trong thời vị lai, tất cả các bậc Thế Tôn ấy, sau khi đoạn tận năm trien cái5 các pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, sau khi khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, sau khi như thật tu tập bảy giác chi, sẽ chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Còn Thế Tôn, bạch Thế Tôn, là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, sau khi đoạn tận năm triền cái, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, sau khi khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, sau khi như thật tu tập bảy giác chi, chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lành thay, lành thay, này Sãriputta! Ông hãy luôn luôn thuyết pháp thoại này cho các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni? các nam cư si, các nữ cư sĩ. Này Sãriputta, nếu có những người ngu si nào còn có những nghi ngờ? hay những do dự đối với Như Lai, sau khi nghe pháp thoại này, sự nghi ngờ, do dự ấy của họ đối với Như Lai sẽ trừ diệt.
III. KINH CUNDA (Cundasutta)24 (S V. I6l) 379. Một th&i, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Thắng Lâm, khu vườn của ông Cấp Cô Độc. Lúc bấy giờ5 Tôn giả Sãriputta trú ở Magadha, tại làng Nãla? bị bệnh, đau đớn? bị trọng bệnh. Và Sa-di Cunda là thị giả của Tôn giả Sãriputta. Tôn giả nhập Niết-bàn vì bệnh ấy. Rồi Sa-di Cunda cầm lấy ỵ bát của Tôn giả Sãriputta đi đến Sãvatthi, Thắng Lâm, tại khu vườn của ông cấp Cô Độc, đi đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đến5 đảnh lễ Tôn giả Ananda, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Sa-di Cunda nói với Tôn giả Ãnanda: Bạch Thượng tọa? Tôn giả Sãriputta đã

mệnh chung. Đây là y bát của vị ấy.25 Này Hiền giả Cunda? đây là lý do26 để đến yết kiến Thế Tôn. Này Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, chúng ta hãy báo tin này cho Thế Tôn. Thưa vâng, Thượng tọa. Sa-di Cunda vâng đáp Tôn giả Ãnanda.

24 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.638. 0176ỒỒ28); Tăng.(7.02. 0125.26.9. 0639al2). 25 SA. III. 221 viết ỉdam dhãtuparỉssãvana, tức là cái đãy có đụng Xá-lợi của Tôn giả Sãriputta. 26 SA. III. 221: Kathãpãbhatam = Kathãmũlain, nghĩa là chủ đề cuộc nói chuyện.

Rồi Tôn giả Ãnanda và Sa-di Cunda đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ rr^i r _ A rri A /\ 4 f A . J i Ạ Arr-ì Ạ _ — _ .. *9 A _ f A1 í i rr^l /\ rr^ Thê Tôn roi ngôi xuông một ben. Ngôi một ben, Ton gia Ananda bạch The Tôn: -Bạch Thế Tôn, Sa-di Cunda này thưa như sau::'Bạch Thượng tọa, Tôn giả Sãriputta đã mệnh chung. Đây là y và bát của vị ấy." Bạch Thế Tôn, thân con cảm thấy yếu ớt như lau sậy [bàng hoàng] (madhurakcỳãto). Các phương hướng không hiện ra rõ ràng đối với con. Pháp sẽ không được giảng cho con, khi con nghe tin Tôn giả Sãriputta đã mệnh chung. Này Ãnanda, Sãriputta có đem theo giới uẩn khi mệnh chung; có đem theo định uẩn khi mệnh chung; có đem theo tuệ uẩn khi mệnh chung; có đem theo giải thoát uẩn khi mệnh chung; có đem theo giải thoát tri kiến uẩn khi mệnh chung không? Bạch Thế T6n, Tôn giả Sãriputta không đem theo giới uẩn khi mệnh chung, không đem theo định uẩn khi mệnh chung, không đem theo tuệ uẩn khi mệnh chung, không đem theo giải thoát uẩn khi mệnh chung, không đem theo giải thoát tri kiến uẩn khi mệnh chung. Nhưng bạch Thế Tôn, Tôn giả Sãriputta là vị giáo giới cho con, là vị đã vượt qua [bộc lưu]?27 là bậc Giáo thọ; là vị khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ; là vị thuyết pháp không biết mệt mỏi; là vị hộ trì cho các đồng Phạm hạnh. Chúng con đều ức niệm rằng, Tôn giả Sãriputta là tinh ba của pháp (dhammojam). là tài sản của pháp (dhammabhogarỴì). là hộ trì của pháp. Này Ãnanda, có phải trước đây Ta đã từng tuyên bố với ông rằng mọi pháp khả ái, khả ý đều có tánh chất khác biệt, có tánh chất ly tán, có tánh chất đổi khác? Làm sao, này Ananda, ở đây, lời ước nguyện này có thể thành tựu được: "Mong rằng cái gì được sanh, được thành, là pháp hữu vi, là pháp bị diệt hoại, lại có thể không bị diệt hoai” Sự kiện như vậy không xảy ra. Ví nhu, này Ananda, từ một cây lớn mọc thẳng, có lối cây, một cành cây lớn bị gãy đổ. Cũng vậy, này Ananda, từ nơi chúng Tỷ-kheo đứng thẳng, có lõi cây, Sãriputta bị mệnh chung. Làm sao, này Ãnanda, ở đây, lời ước nguyện này có thể thành tựu được: "Mong rằng cái gì được sanh, được thành, là pháp hữu vi5 là pháp bị diệt hoại? lại có thể không bị diệt hoẹd” Sự kiện như vậy không xảy ra. Do vậy9 này Ãnanda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính minh, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn5 dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một điêu gì khác. Này Ãnanda, thế nào là Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính minh, không nương tựa một điều gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác? Ở dây, này Ananda, Tỷ-kheo trú, quán thân trên than, nhiệt tâm5 tỉnh giác, chánh niệm,

nhiếp phục tham ưu ở đời... trú9 quán thọ trên các thọ... trú? quán

27 UdA. 23: Otinnavatthukampuggalam, nghĩa là người đến được chỗ đất cứng chắc.

tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm? nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này Ãnanda, Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính minh, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác. Này Ãnanda, những ai hiện nay, hay sau khi Ta diệt độ? tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác; những vị ấy, này Ãnanda, là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.

IV. KINH UKKACELA (Ukkacelasutta)2S (S. V. 163) 380. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Vajjĩ? tại Ukkacela, trên bờ sông Hằng, với đại chúng Tỷ-kheo5 sau khi Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Moggallãna mệnh chung không bao lâu.28 29 Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, xung quanh có chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi Thế Tôn, sau khi nhìn quanh chúng Tỷ-kheo im lặng, liền nói với các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, chúng này của Ta được xem hình như trông không. Nay Sãriputta và Moggallãna đã mệnh chung, này các Tỷ-kheo, chúng của Ta thành trống không. Phương hướng nào Sãriputta và Moggallãna trú, phương hướng ấy không còn có ước vọng gì (anapekkho), Này các Tỷ-kheo, các bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác trong thời quá khứ, các vị Thế Tôn ấy đã có một cặp đệ tử tối thắng như Ta có Sãriputta và Moggallãna. Này các Tỷ-kheo? các bậc A-la-hán Chánh Đẳnẹ Giác nào trong đời vị lai, những bậc Thế Tôn ấy sẽ có một cặp đệ tử tối thăng như Ta có Sãriputta và Moggallâna. Thật là vi diệu thay về các đệ tử, này các Tỷ-kheo! Thật hy hữu thay về các đệ tử, này các Tỷ-kheo! Họ thực hành những lời dạy của đức Bổn sư. Họ làm trách nhiệm giáo giới. Họ được bốn chúng ái kính, khả ý5 khả kính, quý mến. Thật vi diệu thay, này các Tỷ-kheo, về Như Lai! Thật hy hữu thay, này các Tỷ- kheo, về Như Lai! Trong khi cặp đệ tử như vậy mệnh chung, Như Lai không có sầu buồn, hay không có than khóc. Làm sao, này Ãnanda, lời ước nguyện này có thể thành tựu được: "Mong sao cái gì được sanh, được thành, là pháp hữu vi? là pháp bị diệt hoại, lại có thể không bị diệt hogi” Sự kiện như vậy không xảy ra. Ví như, này các Tỷ-kheo, từ một cây lớn mọc thẳng, có lõi cây, những cành cây lớn hơn bị gãy đô. Cũng vậy. này các Tỷ-kheo. từ nơi đại chúng Tỷ-kheo

28 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.639. 0177al5). 29 SA. III. 225 viết Tôn giả Sãriputta viên tịch vào ngày rằm tháng Kattikã (tháng 10-11 dương lịch). Tôn giả Moggallãna viên tịch sau đó 14 ngày.

đứng thẳng, có lõi cây, Sãriputta và Moggallãna bị mệnh chung. Làm sao, này các Tỷ-kheo? ở đây, lời ước nguyện này có thể thành tựu được: uMong sao cái gì được sanh, được thành, là pháp hữu vi? là pháp bị diệt hoại, lại có thể không bị diệt hoại” Sự kiện

như vậy không thể xảy ra. Do vậy5 này các Tỷ-kheo, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình... (như kinh trên). Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... không nương tựa một ai Idiác. Này các Tỷ-kheo, những ai hiện nay, hay sau khi Ta diệt độ... nếu những vị ấy thiết tha học hỏi.

V. KINH BÃHIYA (Bãhiyasuttà)3ồ (5. V. 165) 381. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Bãhiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến... Ngồi một bên, Tôn giả Bãhiya bạch Thế Tôn: Lành thay? bạch Thế Tôn5 nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con! Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một minh, an tịnh9 không phóng dật? nhiệt tâm, tinh cần. Như vậy? này Bãhiya, hãy làm cho thanh tịnh các pháp căn bản3031 trong các thiện pháp. Thế nào là các pháp căn bản trong các thiện pháp? Giới khéo thanh tịnh và tri kiến chánh trực. Và này Bãhiya, khi nào ông có giới khéo thanh tịnh và tri kiến chánh trực; rồi này Bãhiya, y cứ vào giới, an trú vào giới, ông hãy tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Ở đây, này Bãhiya, ông hãy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; hãy trú, quán thọ trên các thọ... hãy trú, quán tâm trên tâm... hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác? chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Khi nào, này Bãhiya, y cứ vào giới, an trú vào giới, ông hãy tu tập bốn niệm xứ này. Do vậy, này Bãhiya, ban đêm hay ban ngày, chờ đợi là các thiện pháp tăng trưởng, không phải tổn giảm. Rồi Tôn giả Bãhiya hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy? đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi Tôn giả Bãhiya sống một minh, an tịnh5 không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần? không bao lâu chứng được mục đích mà thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia dinh, chính là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh; ngay trong hiện tại, vị ấy tự mình chứng ngộ với chánh trí, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

30 Còn được viết là Bãhika. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.625. 0175al7). 31 Xem s. V. 143; Pss. Breth. 35.

Rồi Tôn giả Bãhiya trở thành một vị A-la-hán nữa.

VI. KINH UTTIYA (Uttiyasuttà)32 (S V. 166) 382. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Uttiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến... ... Do vậy, này ưttiya, ông sẽ vượt khỏi giới vức của tử ma... Rồi Tôn giả Uttiya trở thành một vị A-la-hán nữa. VII. KINH BẬC THÁNH (ArìyasuttẩÝ3 (S V. 166) 383. Này các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này được tu tap, được làm cho sung mãn? là những Thánh dẫn đạo, dắt dẫn những ai thực hành theo, đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ^-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú5 quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo5 bốn niệm xứ này được tu tập? được làm cho sung mãn, là những Thánh dẫn đạo, dắt dẫn những ai thực hành theo, đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. VIII. KINH PHẠM THIÊN (Brahmasutta)34 (S V. 167) 384. Một thời, Thế Tôn trú ở Uruvelã, trên bờ sông

Neranjara, tại cây bàng Ajapala sau khi mới giác ngộ. Trong khi Thế Tôn độc cư thiền tịnh, tâm niệm tư tưởng như sau được khởi lên: "Dây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ dau, chứng đạt chánh lý (nãya), chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ." Thế nào là bốn? Này Tỷ-kheo9 hãy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ở đời. Đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho các chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết- bàn? tức là bốn niệm xứ. Rồi Phạm thiên Sahampati với tâm của mình biết được tâm ý Thế Tôn, ví như nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy? vị ấy biến mất ở Phạm thiên giới, hiện ra trước mặt Thế Tôn; Rồi Phạm thiên Sahampati đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

32 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.624. 0174c21). 33 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.634. 0176a02). 34 Tham chiếu: Tạp. Ể (T.02. 0099.1188. 0322a07).

Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thê Tôn, đây là con đường độc nhất đưa đên thanh tịnh cho các chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý5 chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Tỷ-kheo trú, quán thọ trên các cảm thọ... Tỷ-kheo trú, quán tâm trên tâm... Tỷ-kheo trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Bạch Thế Tôn, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho các chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết- bàn? tức là bốn niệm xứ. Phạm thiên Sahampati thuyết như vậy9 nói như vậy xong, lại nói thêm: Thấy con đường độc nhất, Đưa đến đoạn tận sanh, Bậc lân mẫn chúng sanh, Biết được con đường ấy. Chính với con đường này, Trước đã từng vượt qua, Tương lai sẽ vượt qua, Nay vượt khỏi bộc liru. IX. KINH SEDAKA (Sedakasuttaý5 (5. V. 168) 385. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sumbha, tại Sedaka, một thị trấn của dân chúng Sumbha. f Tại day? The Ton gọi cac Ty-kheo va bao: Thuở trước, này các Tỷ-kheo, một người nhào lộn với cây tre, sau khi dựng lên một cây tre5 liền bảo người đệ tử tên là Medakathãlikã:35 36 -Này Medakathãlikã, hãy đến? leo lên cây tre và đứng trên vai ta. -Thưa thầy, vâng. Này các Tỷ-kheo, đệ tử Medakathãlikã vâng đáp người nhào lộn trên cây tre, leo lên cây tre và đứng trên vai của thầy. Rồi này các Tỷ-kheo, người nhào lộn trên cây tre nói với đệ tử Medakathãlikã: "Này Medakathãlikã, ông hộ trì cho ta và ta sẽ hộ trì cho ông. Như vậy? chúng ta nhờ che chở cho nhau, nhờ hộ trì cho nhau, trình bày các tiết mqc, thâu hoạch được lợi tức và leo xuống cây tre một cách an toàn.,, Khi được nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, đệ tử Medakathălikã nói với người nhào lộn trên cây tre: "Thua thầy, không nên như vậy. Thưa thầy, nên như vầy: Thầy nên hộ trì tự ngã thầy và con sẽ hộ trì tự ngã con. Như vậy, chúng ta tự che

35 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.619. 0173b05). 36 Nghĩa đen là chảo kho đồ ăn.

chở cho mình, tự hộ trì cho mình, trình bày các tiết mục, thâu hoạch được lọi ích, và leo xuông cây tre một cách an toàn. Đây là chánh lý (nãyă) cân phải làm.” FT^i Ấ FT'' A r *

Thê Tôn nói: Này các Tỷ-kheo? như đệ tử Medakathãlikã đã nói với thầy của ông ấy: "T6i sẽ hộ trì cho minh”tức là niệm xứ cần phải thực hành. Này các Tỷ-kheo: "Chúng ta sẽ hộ trì người khác”tức là niệm xứ cân phải thực hành. Trong khi hộ trì cho mình, này các Tỷ-kheo, là hộ trì người khác. Trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình. Và này các Tỷ-kheo? thế nào trong khi hộ trì cho mình, là hộ trì người khác? Chính do sự thực hành (ãsevanãya). do sự tu tập (bhãvanãya), do sự làm cho sung mãn.3738 Như vậy5 này các Tỷ-kheo, trong khi hộ trì cho mình, là hộ trì người khác. Và này các Tỷ-kheo5 thê nào trong khi hộ trì người khác5 là hộ trì cho mình? Chính do sự kham nhẫn, do sự vô hại, do lòng từ, do lòng ai mẫn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình. Này các Tỷ-kheo: "T6i sẽ hộ trì cho minh", tức là niệm xứ cần phải thực hành. Này các Tỷ-kheo: "T6i sẽ hộ trì người khác”tức là niệm xứ cần phải thực hành. Trong khi hộ trì cho mình, này các Tỷ-kheo9 là hộ trì người khác. Trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình. X. KINH CÔ GÁI HOA HẬU CỦA QUỐC Đô (Janapadakaỉyãnĩsutta)3S (S V. 169) 386. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sumbha, tại một thị trấn của dân chúng Sumbha tên là Sedaka. Tại đây5 The Tôn gọi các Tỷ-kheo... Ví như một số đông quần chúng, này các Tỷ-kheo9 tụ họp lại và nói: "C6 gái hoa hậu của quốc độ. Cô gái hoa hậu của quốc d!" Và người con gái hoa hậu quôc độ ây với tât cả sự quyên rũ của mình, múa cho họ xem; với tât cả sự quyến rũ của mình, hát cho họ nghe. Và một số quần chúng còn đông hơn tụ họp lại và nói: "C6 gái hoa hậu của quốc độ múa và hát." Rồi một người đến, muốn sống5 không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ, họ nói với người ấy như sau: "Này ông, hãy xem đây. Đây là cái bát đầy dầu. Ông hãy mang bát dầu ấy và đi vòng quanh đám quần chúng lớn và người con gái hoa hậu của quốc độ. Và một nệười với cây kiếm giơ cao sẽ đi theo sau lưng ông. Tại chỗ nào làm đổ một ít dau? tại chỗ ay, đầu ông bị rơi xuống.^ Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? người ấy có thể không tác ý đến bát dầu, phóng tâm hướng ngoại không? Thưa không, bạch Thế Tôn.

37 SA. III. 227: Đời sống tu tập nghiêm túc, tinh tấn đã đưa vị ấy thành tựu quả vị A-la-hán, khiến mọi người tôn kính, noi gUOTig tu tập theo và nhờ vậy cũng được sinh vào các cõi trời. 38 Tham chiếu: Tạp.(7L02. Ỏ099.623. 0174bl5).

Ví dụ này, này các Tỷ-kheo, la nói ra để nêu rõ ý nghĩa. Và đây là ý nghĩa của nó. Này các Tỷ-kheo? cái bát đầy dầu là đồng nghĩa với thân hành niệm. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

ni. PHẨM GIỚI TRÚ (SlLATTHITIVAGGA)

(S V. 171) I. KINH GIỚI (Sĩlasutta)3940 387. Như vầy tôi nghe. Một thời, Tôn giả Ãnanda và Tôn giả Bhadda trú ở Pãtaliputta, tại khu vườn Kukkuta. Rồi Tôn giả Bhadda, vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy? đi đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đến? nói lên với Tôn giả Ãnanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu... nói với Tôn giả Ãnanda: -Này Hiên giả Ananda, những thiện giới này được Thê Tôn nói đên, những thiện giới này vì mục đích gì được Thế Tôn nói đến? Lành thay, lành thay! Này Hiền giả Bhadda, hiền thiện là trí tuệ (ummaggo) của Hiền giả. Này Hiền giả Bhadda, hiền thiện là biện tài (patibhãnam) của Hiền giả, chí thiện là câu hỏi của Hiền giả. Này Hiền giả Bhadda, có phải như vầy là câu hỏi của Hiền giả: "Này Hiền giả Ãnanda, những thiện giới này được Thế Tôn nói dến, những thiện giới này vì mục đích gì được Thế Tôn nói dến" chăng? —Thưa vâng, Hiền giả. -Này Hiền giả Bhadda, những thiện giới này được Thế Ton nói đến5 những thiện giới này chính do tu tập bốn niệm xứ đưa lại, như Thế Tôn đã nói. The nào làJ?ốn? Ở dây, này Hiền giả, Tỷ"kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm5 nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm5 tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này Hiền giả Bhadda, những thiện giới này được Thế Tôn nói đến5 những thiện giới này chính do tu tập bốn niệm xứ đưa lại, như Thê Tôn đã nói. II. KINH TỒN TẠI LÂU DÀI (CiraḶíhitisutta)^ (S. V. 172) 388. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Bhadda nói với Tôn giả Ãnanda đang ngồi một bên:

39 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.628. 0175bl2). 40 Bản tiếng Anh của PTS: Permanence, nghĩa là Thường trú. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.621. 0173C12).

Do nhân gi, do duyên gì, này Hiên giả Ananda, khi Như Lai nhập Niêt-bàn, Diệu pháp không được tồn tại lâu dài? Do nhân gì, do duyên gì, này Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài? Lành thay, lành thay, này Hiên giả Bhadda! Hiên thiện thay, này Hiên giả Bhadda, là trí tuệ của Hiền giả! Hiền thiện là biện tài của Hiền giả! Chí thiện là câu hỏi của Hiền giả! Có phải như vầy, này Hiền giả Bhadda, là câu hỏi của Hiền giả: 66Này Hiền giả Ãnanda, do nhân gì, do duyên gi, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không được tôn tại lâu dài? Do nhân gì, do duyên gì, này Hiên giả Ananda, khi Như Lai nhập Niêt-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài,, chăng? —Thưa vâng, Hiền giả. Do bốn niệm xứ không được tu tập, không được làm cho sung mãn5 này Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Điệu pháp không có tồn tại lâu dài. Do bốn niệm xứ được tu tập? được làm cho sung mãn, thưa Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài. Thế nào là bốn? Ở đây, này Hiền giả? Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm5 nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú? quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Do không tu tập, không làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, này Hiên giả, khi Như Lai nhập Niêt-bàn5 Diệu pháp không được tôn tại lâu dài. Do tu tập5 do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, này Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài. III. KINH TỔN

GIẢM (Parihãnasuttd)^ (S V. 173) 389. Một thời, Tôn giả Ãnanda và Tôn giả Bhadda trú ở Pătaliputta, tại khu vườn Kukkuta. Rồi Tôn giả Bhadda, vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy? đi đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đến5 nói lên với Tôn giả Ãnanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu... nói với Tôn giả Ãnanda: Do nhân gì, do duyên gi, này Hiền giả Ãnanda, khiến cho Diệu pháp bị tổn giảm? Do nhân gi, do duyên gi, này Hiền giả Ananda, khiến cho Diệu pháp không bị tổn giảm? (Như kinh trên, chỉ thay đổi câu hỏi và câu trả lời).

IV KINH THANH TỊNH (Suddhasutta)41 42 (S. V. 173) 390. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này. Thế nào là bốn?

41 Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.629. 0175b24). 42 Xem s. I. 165; KS. III. 126. Tham chiếu: Tạp. Ể (T.02. 0099.606. 0171a03).

47. TƯƠNG ƯNG NIỆM xứ^ 1127

Ở đây, này các Tỵ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú? quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này. V. KINH VỊ BÀ-LA-MÔN (Annatarabrahmanasutta) (S. V. 174) 391. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Thắng Lâm? khu vườn ông cấp Cô Độc. 5 r ỉ Ị Rôi mot Ba-la-mon di den The Ton; sau khi đen, nói lên với Thê Ton những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, vị Bà-la-môn ấy thưa với Thế Tôn: -Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, khi Như Lai nhập Niết- bàn, Diệu pháp không được tồn tại lâu dài? Do nhân gi, do duyên gi, thưa Tôn giả Gotama, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài? (Như kinh 388, với những thay đổi cần thiết)... Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. VI. KINH MỘT PHẦN (Padesasutta)43 (S V. 174) 392. Một thời, Tôn giả Sãriputta, Tôn giả Mahãmoggallãna và Tôn giả Anuruddha trú ở Sãketa, tại rừng Kantakĩ. Rồi Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Mahãmoggallãna, vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy5 đi đến Tôn giảAnuruddha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuruddha những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Sãriputta thưa với Tôn giả Anuruddha: "Hữu học, hữu hQC”thưa Hiền giả Anuruddha, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Anuruddha, là bậc Hữu học? -Do tu tập một phần bốn niệm xứ, thưa Hiền gia, là bậc Hữu học. Thế nào là bốn? Ở dây, thưa Hiền giả5 Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Do tu tập một phần bốn niệm xứ này, thưa Hiền giả? là bậc Hữu học. VII. KINH TOÀN DIỆN (Samattasutta) (5. V. 175) 393. Nhân duyên như kinh trên.

43 Tham chiếu: Tạp.(T.Q2. 0099.627. 0175a28).

—“V6 học, vô học9\ thưa Hiền giả Anuruddha, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Anuruddha, là bậc Vô học? -Do tu tập hoàn toàn bốn niệm xứ, thưa Hiền giả, là bậc Vô học. Thế nào là bốn? (Như kinh trên, chỉ khác đoạn sau: "Do tu tập một cách hoàn toàn bốn niệm xứ này, thưa Hiền giả, là bậc Vô hQC”) VIII. KINH THẾ GIỚI (Lokasuttd)^ (S V. 175) 394. Nhân duyên như kinh trên. -Do tu tập, do làm cho sung mãn những pháp nào, thưa Hiền giảAnuruddha, đạt được đại thắng trí? Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ, đạt được đại thắng trí. Thế nào là bốn? (Như kinh trên, chỉ khác đoạn cuối: "Chính do tu tập, làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, thưa Hiền giả, tôi đạt được đại thắng trí").. Và thưa Hiền giả5 do tu tap, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi thắng tri được ngàn thế giới.

IX. KINH SIRIVADDHA (Sirivaddhasutta)44 45 (S. V. 176) 395. Một thời, Tôn giả Ãnanda trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, cư sĩ Sirivaddha bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Rồi gia chủ Sirivaặậha bảo một người: Hãy đến9 này bạn, hãy đi đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đến, nhân danh ta, cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Ãnanda và thưa: "Thưa Tôn giả, gia chủ Sirivaậdha bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Gia chủ cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Ãnanda, và thưa như vây: 'Lành thay, thưa Tôn giả, nêu Tôn giả Ananda đi đên trú xứ của gia chủ Sirivaddha vì lòng từ mẫn!,n Thưa vâng, gia chủ. Người ấy vâng đáp gia chủ Sirivaddha, đi đến Tôn giả Ãnanda. Sau khi đến, vị ây đảnh lê Tôn giả Ananda và ngôi xuông một bên. Ngôi một bên, vị ây thưa với Tôn giả Ãnanda: Thưa Tôn giả Ananda, gia chủ Sirivaddha bị bệnh? đau đớn, bị trọng bệnh. Gia chủ cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Ãnanda và thưa: "Lành thay, thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Ãnanda đi đến trú xứ của gia chủ Sirivaddha vì lòng từ mẫn.^^ Tôn giả Ãnanda im lặng nhận lời. Rôi Tôn giả Ananda đăp y, câm y bát5 đi đên trú xứ của gia chủ Sirivaddha;

44 Tham chiếu: Tạp. 0.02. 0099.537-538. 0139cl6-0140a07). 45 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1036. 0270Ồ20).

sau khi đến5 ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi một bên, Tôn giả Ãnanda nói với gia chủ Sirivaddha: Này gia chủ5 gia chủ có thể kham nhẫn được chăng? Gia chủ có thể chịu đựng được chăng? Có phải các khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có dấu hiệu giảm thiểu, không có tăng trưởng? —Thưa Tôn giả, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Các khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi con, không có giảm thiểu; có dấu hiệu tăng trưởng, không có giảm thiểu. -Vậy này gia chủ, hãy tự học tậẸ như sau: “T6i sẽ trú9 quán thân trên thân, nhiệt tâm9 tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Tôi sẽ trú, quán thọ trên các cảm thọ... Tôi sẽ trú, quán tâm trên tâm... Tôi sẽ trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác9 chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đờiy Như vậy, này gia chủ, ông cần phải học tập. Thưa Tôn giả? bốn niệm xứ này được Thế Tôn thuyết giảng, những pháp ấy có ở trong con, và con hiện thực hành những pháp ấy. Thưa Tôn giả, con trú, quán thân trên than,

nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm5 nhiếp phục tham ưu ở đời. Con trú, quán thọ trên các cảm thọ... Con trú, quán tâm trên tâm... Con trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm5 nhiếp phục tham ưu ở đời. Thưa Tôn giả, năm hạ phần kiết sử được Thế Tôn thuyết giảng, con không thấy có một pháp nào mà không được đoạn tận ở nơi con. Lợi đắc thay cho ông, này gia chủ! Thật khéo lợi đắc thay cho ông? này gia chủ! Này gia chủ5 gia chủ đã tuyên bố về quả Bất lai.

X. KINH MÃNADINNA (Mãnadinnasutta)46 (S. V. 178) 396. Nhân duyên như kinh trên. Lúc bấy giờ, gia chủ Mãnadinna bị bệnh, đau đớn9 bị trọng bệnh. Rồi gia chủ Mãnadinna gọi một người và bảo... Dầu cho con phải cảm giác những khổ thọ như vậy, con vẫn trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm? nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Thưa Tôn giả, năm hạ phần kiết sử được Thế Tôn thuyết giảng, con không thấy có một pháp nào chưa được đoạn tận nơi con. -Thật lợi đắc thay, này gia chủ! Thật khéo lợi đắc thay, này gia chủ! Này gia chủ, gia chủ đã tuyên bố về quả Bất lai.47

46 Tham chiếu: Tạp. a (02. 0099.1038. 0270c 15). 47 Đây là chỗ duy nhất trong kinh tạng nói đến một gia chủ chứng được quả Bất lai (thường chỉ nói sau khi mệnh chung mới được chứng qua Bất lai). Xem D. II. 92.

IV PHẨM CHƯA TÙNG Được NGHE (ANANUSSUTAVAGGA)

I. KINH CHƯA TÙNG ĐƯỢC NGHE (Ananussutasutta) (S V. 178) 397. Nhân duyên ở Sãvatthi. 64Quán thân trên thân”này các Tỷ-kheo5 đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, minh sanh, quang sanh. Quán thân trên thân cần phải tu tập này... Quán thân trên thân đã được tu tập này? này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, minh sanh, quang sanh. "Quán thọ trên các cảm thQ”,... "Quán tâm trên tâm”,... "Quán pháp trên các phap", này các Tỷ-kheo5 đôi với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, minh sanh, quang sanh. Quán pháp trên các pháp cần phải tu tập này... Quán pháp trên các pháp đã được tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, minh sanh, quang sanh. II. KINH LY THAM(yirãgasuttd)^ (S V. 179) 398. Bốn niệm xứ, này các Tỷ-kheo? nếu được tu tập5 được làm cho sung mãn? đưa đến nhất hướng nhàm chán5 ly tham, đoạn diet, an tịnh, thắng trí, giác ngộ? Niết-bàn. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỵ-kheo? Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm5 tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm? nhiếp phục tham ưu ở đời. Bốn niệm xứ này, này các Tỷ-kheo, nếu tu tập, nếu làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhàm chán5 ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

III. KINH THÓI THẤT(yỉraddhasuttă)^ (S V. 179) 399. Với những ai, này các Tỷ-kheo5 bốn niệm xứ bị thối thất,48 50 đối với 49 những người ấy, cũng bị thối thất là Thánh

đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau.

48 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.636. 0176a20). 49 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.608. 0171al5). 50 Xem s. V. 23.

47. TƯƠNG ƯNG NIỆM xứ 1131

Với những ai, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này được thực hành, đối với những người ay, cũng được thực hành là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỵ-kheo, Tỷ-kheo trú5 quán thân trên than, nhiệt tâm5 tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp5 nhiệt tâm5 tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Đối với những ai, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này bị thối thất5 thời cũng thối thất là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Đối với những ai, này các Tỷ-kheo? bốn niệm xứ này được thực hành, thời cũng được thực hành là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. IV KINH TU TẬP (Bhãvitasutta) (S V. 180) 400. Bôn niệm xứ, này các Tỷ-kheo, được tu tap, được làm cho sung mãn5 đưa từ bờ bên này qua đến bờ bên kia. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú5 quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Bốn niệm xứ này, này các Tỷ-kheo, nếu được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua đến bờ bên kia. V. KINH CHÁNH NIỆM (Satisutta) (S. V. 180) 401. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo hãy trú chánh niệm, tỉnh giác. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm? Ở đây, này các Tỷ- kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiêp phục tham ưu ở đời... Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chánh niệm. Và này các Tỵ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo tỉnh giác? Ở đây, này các Tỷ- kheo, Tỷ-kheo biêt rõ ràng các cảm thọ khởi lên, biêt rõ ràng các cảm thọ an trú, biết rõ ràng các cảm thọ đi đên tiêu mat; biêt rõ ràng các tâm khởi lên, biêt rõ ràng các tầm an trú, biết rõ ràng các tầm đi đến tiêu mất; biết rõ ràng các tưởng khởi lên, biết rõ ràng các tưởng an trú, biết rõ ràng các tưởng đi đen tiêu mất. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là Tỷ-kheo tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo hãy trú chánh niệm, tỉnh giác. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông. VI. KINH CHÁNH TRÍ (Annãsutta) (5. V. 181) 402. Này các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này. Thế nào là bốn? Ở đây? này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm? nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo5 đây là bốn niệm xứ.

1132 > KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

Do tu tập, làm cho sung mãn bôn niệm xứ này, này các Tỷ-kheo9 được chờ đợi là một trong hai quả: Ngay trong hiện tại, chứng được Chánh trí; hay nếu có dư y, chứng được Bất hoàn. VII. KINH ƯỚC MUỐN (Chandasutta) (5. V. 182) 403. Này các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này. Thế nào là bốn? Ở đây? này các Tỵ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Do vị ấy trú, quán

thân trên thân, ước muốn đối với thân được đoạn diệt. Do ước muốn được đoạn diệt nên chứng ngộ được bất tử. Vị ây trú, quán thọ trên các cảm thọ... Do vị ây trú, quán thọ trên các cảm thọ5 ước muốn đối với thọ được đoạn diệt. Do ước muốn được đoạn diệt nên chứng ngộ được bất tử. Vị ây trú, quán tâm trên tâm... Do vị ây trú, quán tâm trên tâm, ước muôn đối với tâm được đoạn diệt. Do ước muốn được đoạn diệt nên chứng ngộ được bất tử. Vị ây trú; quán pháp trên các pháp... Do vị ây trú, quán pháp trên các pháp, ước muôn đôi với các pháp được đoạn diệt. Do ước muôn được đoạn diệt nên chứng ngộ được bất tử. VIII. KINH LIỄU TRI (Parinndtasutta) (S. V. 182) 404. Này các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỵ-kheo5 Tỷ-kheo trú5 quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Do vị ấy trú5 quán thân trên thân, thân được liễu tri. Do liễu tri thân nên chứng ngộ được bất tử... (Cũng vậy? đối với 66thọ,\ đối với "tâm", d6i vói "pháp").

IX. KINH TU TẬP (Bhãvanãsuttà)5i (S V. 182) 405. Này các Tỷ-kheo? Ta sẽ thuyết về tu tập bốn niệm xứ. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tu tập bốn niệm xứ? Ở đây5 này các Tỵ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm5 nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... Tỷ-kheo trú, quán pháp trên các pháp? nhiệt tâm, tỉnh giác5 chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo9 đây là sự tu tập bốn niệm xứ này. X. KINH PHÂN BIỆT (Vỉbhangasutta) (S. V. 183) 406. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ôíiệ về niệm xứ, tu tập bốn niệm xứ và đạo lộ đưa đến tu tập bôn niệm xứ. Hãy lăng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là niệm xứ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo

51 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.610. 0171bl4).

trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm5 nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú? quán tâm trên tâm... trú9 quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiêp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là niệm xứ. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là tu tập bốn niệm xứ? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán tánh tập khởi trên thân; trú, quán tánh đoạn diệt trên thân; trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên các cảm thọ; trú, quán tánh đoạn diệt trên các cảm thọ; trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các cảm thọ... trú? quán tánh tập khởi trên tâm... trú, quán tánh tập khởi trên các pháp; trú, quán tánh đoạn diệt trên các pháp; trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là sự tu tập bốn niệm xứ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo lộ đưa đến sự tu tập bốn niệm xứ? Đây là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo lộ đưa đến tu tập bốn niệm xứ.

V. PHẨM BẤT TỬ (AMATAK4GGA)

I. KINH BẤT TỬ (Amatasuttd)52 (S. V. 184) 407. Nhân duyên tại Săvatthi. -Này các Tỷ-kheo, hãy trú với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ. Nhưng các ông chớ có bỏ mất bất tử. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỵ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm9 tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiêp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, hãy trú với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ. Nhưng các ông chớ có bỏ mất bất tử.

II. KINH TẬP KHỞI (Samudayasuttà)53 (S V. 184) 408. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về sự tập khởi và sự chấm dứt bốn niệm xứ. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là sự tập khởi của thân? Sự tập khởi của món ăn là sự tập khởi của thân. Sự đoạn diệt các món ăn là sự đoạn diệt của thân. Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của thọ. Sự đoạn diệt của xúc là sự chấm dứt của thọ. Sự tập khởi của danh sắc là sự tập khởi của tâm. Sự đoạn diệt của danh sắc là sự chấm dứt của tâm. Sự tập khởi của tác ý là sự tập khởi của các pháp. Sự đoạn diệt của tác ý là sự chấm dứt của các pháp. IIL KINH CON ĐƯỜNG (Maggasutía)54 (S. V. 185) 409. Nhân duyên tại Sãvatthi. Tại đay, The Tôn gọi cac Ty-kneo: Một thòi, này các Tỷ-kheo, Ta trú ở Ưruvelã, trên bờ sông Nerafijara, dưới cây bàng Ajapala khi vừa mới được giác ngộ. Này các Tỷ-kheo, trong khi độc cư thiền tịnh, tâm niệm, tư tưởng như sau khởi lên nơi Ta: “Dây là con đường độc nhất khiến chúng sanh được thanh tịnh,

52 Tham chiếu: Tạp.(ro2. 0099.608. 0171al5). 53 Tham chiếu: Tạp. B (T.02. 0099.609. 0171a26). ^Xem S. V. 167; KS. V. 147 (kinh 384 ở trước). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1189. 0322a28); Biệt Tạp.(7.02. 0100.102. 0410bl0).

vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý9 chứng ngộ Niếtbàn, tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Tỷ-kheo hãy trú, quán thân trên thân... hãy trú, quán thọ trên các thọ... hãy trú, quán tâm trên tâm... hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm9 nhiếp phục tham ưu ở đời. Đây là con đường độc nhất khiến chúng sanh được thanh tịnh, vượt ạua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý5 chứng ngộ Niết-bàn, tức là bon niệm xứ. Này các Tỷ-kheo5 rồi Phạm thiên Sahampati với tâm của mình biết được tâm niệm suy tư của Ta, ví như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, vị ấy biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Ta. Rồi? này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng đen Ta và thưa với Ta: "Nhu vậy là phi, bạch Thế Tôn. Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ. Đây là con đường độc nhất khiến chúng sanh được thanh tịnh, vượt qua sầu bi, châm dứt khô ưu, chứng đạt chánh lý? chứng ngộ Niết-bàn, tức là bon niệm xứ. Thế nào là bốn? Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Bạch Thế Tôn? đây là con đường độc nhất khiến chúng sanh được thanh tịnh? vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý5 chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ.” Này các Tỷ-kheo5 Phạm thiên Sahampati thuyêt như vậy, nói vậy xong? lại nói thêm như sau:

Thấy con đường độc nhất, Đưa đến đoạn tận sanh, Bậc Đại Từ lân mẫn, Rõ biết chính con đường. Chính với con đường này, Trước đã vượt được qua, Tương lai sẽ vượt qua, Và hiện vượt bộc lưu. IV KINH CHÁNH NIỆM (Satìsutta) (S V. 186) 410. Này các Tỷ-kheo, hãy trú chánh niệm. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chánh niệm. Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo hãy trú chánh niệm. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

V. KINH ĐỐNG THIỆN (Kusalarãsisutta)55 (S V. 186) 411. Nói đến "đống thiện,\ này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh phải nói là bốn niệm xứ. Toàn bộ đống thiện, này các Tỷ-kheo, tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Ở dây, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Nói đến "đống thiên", này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh phải nói là bôn niệm xứ này. Toàn bộ đông thiện này, này các Tỷ-kheo, chính là bôn niệm xứ. VI. KINH Sự Hộ TRÌ CỦA GIỚI BỔN (Patimokkhasamvarasutta)56 (S. V. 187) 412. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến... Ngồi một bên, Tỷ-kheo Ắ 1 i rr^i Ấ FT"Ì A ây bạch The Tôn: Lành thay, bạch Thế Tôn? Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe pháp từ Thê T6n, con sẽ sông một minh, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Vậy này Tỷ-kheo? hãy làm cho thanh tịnh căn bản trong các thiện pháp. Thế nào là căn bản trong các thiện pháp? Ở đây, này Tỷ-kheo, hãy sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn (Pãtỉmokkha). đầy đủ uy nghi chánh hạnh (ãcãragocarasampannă), thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt? chấp nhận và thực hành các học giới. Này Tỷ-kheo9 sau khi sống, hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và thực hành các học giới rồi, này Tỷ-kheo, y cứ trên giới5 an trú trên giới, hãy tu tập bôn niệm xứ. Thê nào là bốn? Ở dây, này Tỷ-kheo? Tỷ-kheo hãy trú, quán thân trên thân... Hãy trú, quán thọ trên các cảm thọ... Hãy trú, quán tâm trên tâm... Hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Khi nào, này Tỷ-kheo5 ông y cứ trên giới, an trú trên giới, tu tập bốn niệm xứ; khi ấy, này Tỷ-kheo5 hoặc là đêm hay ngày? hãy chờ đợi ở nơi ông sự tăng trưởng trong các thiện pháp, không phải sự tổn giảm. Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn thuyết... Rồi Tỷ-kheo ấy sống một mình... Rồi Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

55 Tham chiếu: Tạp.(Z02. 0099.6H. 0l7lb24); Tạp.(7.02. 0099.725. 0l95b0l); Tạp.(7.02. 0099.767. 0200b23). Kusalarãsỉ'. Tích thiện, tích lũy thiện. Kusala (thiện) + rãsỉ (tích lũy, tích tụ). 56 Tham chiếu: Tạp.(Z02. 0099.637. 0l76b20).

VII. KINH ÁC HÀNH (Duccarítasutta)51 (S. V. 188) 413. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Vậy5 này Tỷ-kheo, ông hãy làm cho thanh tịnh những căn bản trong các thiện pháp. Và thế nào là căn bản trong các thiện pháp? Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi đoạn tận thân ác hành, hãy tu tập thân thiện hành. Sau khi đoạn tận khẩu ác hành, hãy tu tập khẩu thiện hành. Sau khi đoạn tận ý ác hành, hãy tu tập ý thiện hành. Rồi này Tỷ-kheo, y cứ vào giới, an trú vào giới, ông hãy tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Ở đây5 này Tỷ-kheo, ông hãy trú, quán thân trên thân... Ông hãy trú, quán thọ trên các cảm thọ... Ong hãy trú, quán tâm trên tâm... Ong hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này Tỷ-kheo5 sau khi y cứ trên giới, an trú trên giới, ông tu tập bốn niệm xứ này như vậy; thời này Tỷ-kheo, hoặc là đêm hay ngày, hãy chờ đợi ở nơi ông sự tăng trưởng trong các thiện pháp, không phải sự tổn giảm. ... (Như kinh trên). Rồi Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa. VIII. KINH THÂN HỮU (Mittasuttd) (S V. 189) 414. Này các Tỷ-kheo, những ai mà các ông có lòng lân mẫn, những ai mà các ông nghĩ rằng cần phải nghe theo, các bạn bè5 hay thân hữu, hay bà con, hay huyêt thông; này các Tỷ-kheo, các ông cân phải khích lệ các người ây, hướng dân, an trú các người ây trong sự tu tập bôn niệm xứ. Thê nào là bôn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, những ai mà các ông có lòng lân mẫn, những ai mà các Ông nghĩ răng cân phải nghe theo, các bạn bè, hay thân hữu, hay bà con huyêt thông; này các Tỷ-kheo, các ông cân phải khích lệ các người ây5 hướng dân, an trú các người ây trong sự tu tập bôn niệm xứ. IX. KINH CÁC CẢM THỌ (Vedanãsuttd) (5. V. 189) 415. Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, đây là ba thọ. Vì muốn liễu tri ba thọ này, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ cần phải tu tập. Thế nào là bốn?57

57 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.615. 0172a26).

Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Chính đê liêu tri ba thọ này, này các Tỷ-kheo5 bôn niệm xứ này cân phải tu tập. X. KINH CÁC LẬU HOẶC (Ẫsavasutta) (S. V. 189) 416. Có ba lậu hoặc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Này các Tỷ-kheo, đây là ba lậu hoặc. Chính để đoạn tận ba lậu hoặc này, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này cần phải tu tập. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Chính để đoạn tận ba lậu hoặc này, này các Tỷ-kheo? bốn niệm xứ này cần phải được tu tập.

VI. PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT (GANGẪPEYYÃLAVAGGA)

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH SÔNG HẢNG (Gangãnađĩãdisuttadvãdasakd) (S V. 190) 417-428. Ví như sông Hằng, này các Tỷ-kheo, thiên về phương Đông, hướng về phương Đông... Cũng vậy, Tỷ-kheo tu tập bốn niệm xứ... xuôi về Niết-bàn. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo... Niết-bàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp... Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo... xuôi về Niết-bàn. (Tóm tắt các đề kinh). (Sáu hướng vê phương Đông và sáu hướng vê biên. Hai lân sáu thành mười hai và mục này được gọi như vậy. Các kinh được thuyêt rộng vê bôn niệm xứ như các kinh trước).

47. TƯƠNG ƯNG NIỆM xứ 1139

VIL PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (APR4MẪDAK4GGA)

I-X. KINH 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH NHƯ LAI (Tathãgatãdisuttadasakă) (S V. 191) 429-438. Này các Tỷ-kheo, cũng như đối yới các loài hữu tình không chân, hay có hai chân, hay có bốn chân, hay có nhiều chân... (Như các kinh: "Nhu Lai", “Dấu chân”"Chóp mái", “Rễ hương", "Lõi hương", "Hạ Sanh hoa", “Vua "Mặt trăng,9? “Mặt tròd”, í6Vảf\ tất cả là mười kinh, được thuyết rộng theo bốn niệm xứ).

vni. PHẨM CẦN DÙNG sức MẠNH (BALAKARANĨY4VĂGGA)

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH sức Lực (Balãdisuttadvãdasakd) (SV. 191) 439-450. Này các Tỷ-kheo, ví như các hành động cần phải dùng sức mạnh... (Như các kinh: "Sức lực", uCác hạt gi6ng”“Con rắn”"Cây”"Cái ghè”, “Râu lúa mi”, “Hu không95* “Mây mưa r\ "May mưa T\ "Chiếc thuyền^^Các khAch”, “Con s6ng”).

IX. PHẢM TÀM CÀU (ẸSANẴVAGGA)

IX NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH TẦM CẦU (Esanãdisuttadasaka) (S. V. 192) 451-460. Có ba sự tầm cầu, này các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Tầm cầu dục, tầm cầu hữu, tầm cầu Phạm hạnh... (Như các kinh: “Tầm cầu”6CKiêu mạn”66Lậu hoặc”“Hữu”"Khổ táĩiir, “Hoang vu", “cấu nhi3m”, “Dao độn^\ cThọ,\ "Khát ái”).

1140 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ V. THIÊN ĐẠI

X. PHẨM BỘC LƯU (OGHAK4GGA)

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐÀU BÂNG KINH THƯỢNG PHÀN KIẾT sử (Uddhambhãgiyãdisuttadasaka) (S V. 192) 461-470. Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử này. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Này các Tỷ-kheo, những pháp này là năm thượng phân kiêt sử. Này các Tỷ-kheo? với mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bốn niệm xứ cần phải tu tập. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm9 tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú5 quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo5 với mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phân kiêt sử này, bôn niệm xứ này phải tu tập.

(Tương tự cho các kinh: "Bộc lưu5\ "Ách phược5\ "Chấp thủ,95 "He phuẹyc", "Tùy miêrf\66Dục công dức", 'Triền cái", "fhủ uẩn", "Hạ phần kiết s£').

48. TƯƠNG ƯNG CẢN (INDRIYASAMYUTTA)

L PHẨM THANH TỊNH (SUDDHIKAVAGGA)

I. KINH THANH TỊNH (Suddhikasutta)Ỵ (S. V. 193) 471. Nhân duyên tại Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo5 có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn, tấn căn? niệm căn, định căn, tuệ căn. Này các Tỷ-kheo9 những pháp này là năm căn. II. KINH Dự LƯU THỨ NHẤT (PaỊhamasotãpannasutta)12 (S V. 193) 472. Này các Tỷ-kheo5 có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn, tấn căn? niệm căn9 định căn, tuệ căn. Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết vị ngọt? sự nguy hiểm, sự xuất ly của năm căn này; khi ấy, này các Tỷ-kheo? vị Thánh đệ tử ấy được gọi là vị Dự Lưu, không còn bị thối đọa9 quyết chắc chứng quả giác ngộ. III. KINH Dự LƯU THỨ HAI (Dutiyasotãpannasutta) (5. V. 193) 473. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự châm dứt, vị ngọt, sự nguy hiêm và sự xuất ly của năm căn này; khi ây, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử ấy được gọi là vị Dự Lưu, không còn bị thối đọa? quyết chắc chứng quả giác ngộ. IV KINHA-LA-HÁN THỨ NHẤT (PaỊhamaarahantasutta)3 (5. V. 194) 474. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, sau khi như thật rõ biết vị ngọt? sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này, được giải thoát không có chấp thủ; khi ấy, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử ấy4 được gọi là vị A-la-hán, lậu hoặc đã được đoạn tận5 Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt

1 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.643. 0182c26).

2 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.644. 0182b02). 3 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.645. 0182b 10). 4 Kinh này và kinh kế tiếp giống nhau, chỉ khác là kinh này chỉ cho vị Thánh đệ tử, còn kinh sau chỉ cho một vị Tỷ-kheo.

gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn tận5 chánh trí, giải thoát. V. KINH A-LA-HÁN THỨ HAI (Dutiyaarahantasutta) (S V. 194) 475. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Khi nào Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo? sau khi như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt5 sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này, được giải thoát không có chấp thủ; khi ấy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là vị A-la- hán, các lậu hoặc đã đoạn tận? Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn tận, chánh trí, giải thoát. VI. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ NHẮT (Pathamasamanabrãhmanasuttăý (S V. 194) 476. Này các Tỷ-kheo? có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào5 này các Tỷ-kheo? không như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt5 sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này; những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy? này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn5 hay không được chấp nhận là

Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại? cũng không tự mình chứng ngộ với chánh trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh5 hay mục đích của Bà-la-môn hạnh. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào? này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo5 được chấp nhận là Sa- môn giữa các hàng Sa-môn5 hay được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng tự mình chứng ngộ với chánh trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh? hay mục đích của Bà-la-môn hạnh. VII. KINH SALMON, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI (Dutiyasamanabrãhmanasuttd) (5. V. 195) 477. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo9 không như thật rõ biết tín căn/ không như thật rõ biết tín căn tập khỏi, không như thật rõ biêt tín căn đoạn diệt, không như thật rõ biêt con đường đưa đên tín căn đoạn diệt; không như thật rõ biết tấn căn... không như thật rõ biết niệm căn... không như thật rõ biết định căn... không như thật rõ biết tuệ căn, không như thật rõ biết tuệ căn tập khởi, không như thật rõ biết tuệ căn đoạn diệt, không như thật rõ biết con đường đưa đến tuệ căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn

5 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099. 650-651. 0182c28-0183al2). 6 Saddhỉndrỉya'. Tín căn (xem đoạn kinh 479). Saddhã'. Tín, tin, gồm có tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, tin Thánh giới viên mãn. Ba niêm tin đầu được xem là thuộc vê tín căn. Xem KS. II. 48; Expos. I. 191.

ấy, này các Tỷ-kheo9 không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn5 hay không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ây5 ngay trong hiện tại, cũng không tự mình chứng ngộ với chánh trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay của Bà-la-môn hạnh. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào? này các Tỷ-kheo5 như thật rõ biết tín căn? như thật rõ biết tín căn tập khởi, như thật rõ biết tín căn đoạn diet, như thật rõ biết con đường đưa đến tín căn đoạn diệt; như thật rõ biết tấn căn... như thật rõ biết niệm căn... như thật rõ biết định căn... như thật rõ biết tuệ căn5 như thật rõ biết tuệ căn tập khởi, như thật rõ biết tuệ căn đoạn diệt, như thật rõ biết con đường đưa đến tuệ căn đoạn diệt; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ- kheo? được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy5 ngay trong hiện tại5 cũng tự mình chứng ngộ với chánh trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay của Bà-la-môn hạnh. VIII. KINH CẦN PHÁI QUÁN (Datthabbasutta)1 (S V. 196) 478. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Và này các Tỷ-kheo, cần phải quán tín căn ở chỗ nào? Ở đây, cần phải quán tín căn trong bốn Dự lưu phần. Và này các Tỷ-kheo, cần phải quán tấn căn ở chỗ nào? Ở dây, cần phải quán tấn căn trong bốn chánh cần. Và này các Tỷ-kheo, cần phải quán niệm căn ở chỗ nào? Ở đây9 cần phải quán niệm căn trong bốn niệm xứ. Và này các Tỷ-kheo5 cần phải quán định căn ở chỗ nào? Ở dây, cần phải quán định căn trong bốn thiền. Và này các Tỷ-kheo, cần phải quán tuệ căn ở chỗ nào? Ở dây, cần phải quán

tuệ căn trong Bốn Thánh đế. Những pháp này5 này các Tỷ-kheo5 là năm căn. IX. KINH PHÂN TÍCH THỨ NHẤT (Pathamavibhangasuttaf (S V. 196) 479. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là tín căn? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, đặt lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: 6CĐây là Thế Tôn, ứng Cúng, Chánh Bien Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải? Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế T6n' Này các Tỷ-kheo? đây gọi là tín căn. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là tấn căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện78

7 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.646. 0182ỒỒ16); Tạp.(T.02. 0099.675. 0185c09). 8 Tham chiếu: Tạp. B(y.02. 0099.647. 0182ỒỒ23).

pháp với nỗ lực kiên trì (daỊhaparakkamoỴ tinh tấn, không có từ bỏ gánh nặng (anikkhỉttadhuro) làm các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là tấn căn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là niệm căn? Ở đây9 này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử chánh niệm, thành tựu niệm tuệ910 tối thắng, ức niệm, tùy niệm các việc làm từ lâu, các lời nói từ lâu. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là niệm căn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định căn? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sau khi từ bỏ pháp sở duyên (yossaggãrammanam). được định? được nhất tâm. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là định căn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ căn? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử có trí tuệ5 thành tựu trí tuệ về sự sanh diệt các pháp5 trí tuệ các bậc Thánh thể nhập [các pháp], đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo? là năm căn. X. KINH PHÂN TÍCH THỨ HAI (Dutiyavibhangasutta)ÌQ (5. V. 197) 480. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn, tấn căn, niệm căn5 định căn? tuệ căn. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là tín căn? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử có lòng tin, đặt lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: "Dây là Thế Tôn, ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Tuc? Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng s[Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật5 Thế T6n.” Này các Tỷ-kheo? đây được gọi là tín căn. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là tấn căn? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 yị Thánh đệ tử sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp với nỗ lực kiên trì5 tinh tấn5 không có từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp. Vị ấy đối với các pháp bất thiện chưa sanh, phát khởi 16ng ước muôn, tinh cân tinh tân5 quyết tâm, cô gắng làm cho không sanh khởi; đoi với các pháp bất thiện đã sanh, phát khởi lòng ước muôn, tinh cân tinh tân, quyêt tâm, cô găng làm cho đoạn tận; đôi với các thiện pháp chưa sanh, phát khởi lòng ước muốn5 tinh cần tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho sanh khởi; đôi với các thiện pháp đã sanh, phát khởi lòng ước muốn, tinh cần tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho an trú, không có mê ám, được tăng trưởng, quảng đại, được tu tap, được làm cho viên mãn.11 Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tân căn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là niệm căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử chánh niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, ức niệm, tùy niệm các việc làm từ lâu, và lời nói từ lâu. Vị ấy trú, quán

9 SA. III, 234: Satỉnepakkenãtỉ ettha nỉpakassa bhãvo nepakkam^ panriãyetam nãmam ợ'Niệm tuệ,9 trong trường hợp này nghĩa là sự phân biệt, trạng thái sáng suốt). Xem s. V. 225; Vỉsm. 3. 10 Tham chiêu: Tạp.(T.02. 0Ỏ99.655. 0183b25); Tạp.(T.02. 0099.658. 0183ỒỒ27). 11 Xem D III. 221.

thân trên thân... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm5 tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là niệm căn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định căn? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử, sau khi từ bỏ pháp sở duyên, được định5 được nhất tâm. Vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh? có tam có tứ... an trú Thiền thứ hai... an trú Thiền thứ ba... từ bỏ lạc từ bỏ khổ5 chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc9 xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là định căn. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là tuệ căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, đầy đủ trí tuệ về sự sanh diệt các pháp5 trí tuệ thuộc bậc Thánh thể nhập [các pháp], đưa đến chơn chánh đoạn tận kho đau. Vị ấy như thật rõ biết đây là khổ9 như thật rõ biết đây là khổ tập khởi, như thật rõ biết đây là khổ đoạn diệt, như thật rõ biết đây là con đường đưa đến khổ đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là tuệ căn. Những pháp này9 này các Tỷ-kheo, là năm căn.

II. PHẨM CÓ PHẦN YẾU HƠN (MUDUTARAVAGGA)

I. KINH CHỨNG ĐẮC (PaỊilãbhasutta) (5. V. 199) 481. Này các Tỷ-kheo, có năm căn. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là tín căn? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử có lòng tin, đặt lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Như Lai, bậc ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Tuc9 Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Ton?9 Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là tín căn. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là tấn căn? Này các Tỷ-kheo? khi tu tập bôn chánh cân, thâu nhận tinh tân; này các Tỷ-kheo? đây gọi là tấn căn. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là niệm căn? Này các Tỷ-kheo, khi tu tập bốn niệm xứ, thâu nhận niệm; này các Tỷ-kheo5 đây gọi là niệm căn. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là định căn? Ở đây9 này các Tỷ-kheo? vị Thánh đệ tử, sau khi từ bỏ pháp sở duyên, được định, được nhất tâm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là định căn. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là tuệ căn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt [các pháp], với trí tuệ các bậc Thánh thể nhập [các phảp]5 đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là tuệ căn. Này các Tỷ-kheo, những pháp này là năm căn. II. KINH TÓM TẮT THỨ NHẤT (Pathamasamkhittasutta)n (S V. 200) 482. Này các Tỷ-kheo5 có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn. Với sự toàn diện (samattã). này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là bậc Bất Hoàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất Lai. Yếu nhẹ hơn là bậc Dự Lim. Yếu nhẹ hơn nữa là bậc Tuy pháp hành. Yếu nhẹ hơn nữa

là bậc Tuy tín hành.12 13

12 Tham chiếu: Tạp. B (T.02. 0099.648. 0182cl4). 13 Saddhãnusãrĩ'. Vị ấy học tập, đặt ra nhiều nghi vấn ,và rồi mới bước vào thực tập. Dhammãnusãrĩ: Sau khi nghe được nghe một hoặc hai lần về Thánh đế, vị ấy chứng quả Nhập liru. Xem SA. III. 235; PC. 149.

III. KINH TÓM TẮT THỨ HAI (Dutiyasamkhittasutta)^ (S. V. 200) 483. Này các Tỷ-kheo? có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn. Với sự toàn diện5 này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này9 là bậc A-la-hán... là bậc Tùy tín hành. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 do có sự sai biệt về căn mà có sự sai biệt về quả? do có sự sai biệt về quả mà có sự sai biệt về [hạng] người.14 15 IV. KINH TÓM TẮT THỨ BA (Tatiyasamkhittasuttă) (S V. 201) 484. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này? này các Tỷ-kheo, là năm căn. Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo5 với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán... là bậc Tùy tín hành. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 ai làm viên mãn? được quả viên mãn. Ai làm từng phần, được quả từng phần. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng năm căn không phải không sinh quả. V. KINH QUẢNG THUYẾT THỨ NHẤT (PaḶhamavitthãrasutta) (S V. 201) 485. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này5 này các Tỷ-kheo? là năm căn. Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này5 là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là bậc Trung gian Bát-niết-bàn (Antarãparinibbãyĩ). Yeu nhẹ hơn là bậc Tổn hại Bát-niết-bàn (Upahaccaparinibbãyĩ), Yeu nhẹ hơn là bậc Vô hành Bát-niết-bàn (Asankhãraparinibbãyĩ). Yếu nhẹ hơn là bậc Hữu hành Bát-niết-bàn (Sasarikhãraparinibbãyĩ). Yeu nhẹ hơn là bậc Thượng liru đạt đến Sắc Cứu Cánh thiên. Yeu nhẹ hơn là bậc Nhất Lai. Yếu nhẹ hơn là bậc Dự Lưu. Yếu nhẹ hơn là bậc Tùy phắp hành. Yếu nhẹ hơn là bậc Tuy tín hành.

VI. KINH QUẢNG THUYẾT THỨ HAI (Dutiyavitthãrasuttă) (5. V. 201) 486. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Các pháp này, này các Tỷ-kheo? là năm căn. Với sự toàn diện5 này các Tỷ-kheo5 với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là bậc Trung gian Bát-niết-bàn... là bậc Tùy tín hành. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là do sự sai khác về căn mà có sự sai khác về quả5 do sự sai khác về quả mà có sự sai khác về [hạng] người. VII. KINH QUẢNG THUYẾT THỨ BA (Tatìyavitthãrasutta) (5. V. 202) 487. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này5 này các Tỷ-kheo5 là năm căn.

14 Tham chiếu: Tạp.(T.Q2. 0099.648. 0182cl4). 15 Itỉ kho, bhikkhave, ỉndrỉyavemattatã phalavemattatã hotỉ, phalavemattatã puggaỉavemattatã tỉ.

Với Sự toàn diện, này các Tỷ-kheo5 với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yeu nhẹ hơn là bậc Trung gian Bát-niết-bàn... Yeu nhẹ hơn là bậc Tùy tín hành. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 ai làm viên mãn5 được quả viên mãn; ai làm từng phần5 được quả từng phần. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng năm căn không phải không sinh quả. VIII.

KINH THựC HÀNH (Pafipannasutta)1617 (S V. 202) 18 488. Này các Tỷ-kheo5 có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này5 này các Tỷ-kheo? là năm căn. Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả A-la-hán (A-la- hán hướng). Yếu nhẹ hơn là bậc Bất Lai. Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả Bât lai (A-na-hàm hướng). Yêu nhẹ hơn là bậc Nhât Lai. Yêu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả Nhất lai (Nhất lai hướng). Yếu nhẹ hơn là bậc Dự Lim. Yeu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả Dự lim (Dự lưu hướng). Đôi với ai, này các Tỷ-kheo5 năm căn này toàn bộ và toàn diện không có5 thời Ta nói rằng người ấy là người đứng phía ngoài, là thuộc thành phần phàm phu. IX. KINH ĐẦY ĐỦ (Sampannasuttay 1 (S. V. 202) 489. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi một bên5 Tỷ-kheo ấy bạch Thê Tôn: "Căn đầy đủ, căn đầy đủ9\ bạch Thế Tôn? được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào5 bạch Thế Tôn, là căn đầy đủ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín căn, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ... tu tập Tuệ căn5 đưa đến tịch tịnh5 đưa đến giác ngộ. Cho đến như vậy? này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo có căn đầy đủ. X. KINH ĐOẠN TẬN CÁC LẬU HOẶC (Ẵsavakkhayasutta)^ (S. V. 203) 490. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn. Do tu tập, do làm cho sung mãn năm căn này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thăng trí, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

16 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.652. 0183a24). 17 Indriyasampanna'. Căn đầy đủ. Bản tiếng Anh của PTS: Tranquil, nghĩa là Tịch tịnh. 18 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.649. 0182c21).

III. PHẨM SÁU CĂN (CHALINDRIYAVAGGA)

I. KINH TÁI SANH (Punabbhavasuttay9 (S V. 203) 491. Này các Tỷ-kheo5 có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Cho đến khi nào5 này các Tỷ-kheo5 Ta không như thật rõ biết sự tậỊ)khởi? sự chấm dứt, vị ngọt5 sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này; cho đến khi ấy, nay các Tỷ-kheo5 Ta không biết rõ ý nghĩa về sự chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với các thế giới như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giói, cùng với chúng Sa-môn? Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Cho đến khi nào5 này các Tỷ-kheo5 Ta như thật rõ biết sự tập khởi9 sự chấm dứt, vị ngọt5 sự nguy hiêm và sự xuât lỵ của năm căn này; cho đên khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta mới biêt rõ ý nghĩa vê sự chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đôi với các thê giới như Thiên giới5 Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn5 Bà-la-môn5 chư thiên và loài người. Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: “Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sông cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa.,, II. KINH MẠNG CĂN (Jĩvitindriyasutta)2() (S V. 204) 492. Này các Tỷ-kheo5 có ba căn này. Thế nào là ba? Nữ căn, nam căn5 mạng căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo? là ba căn. III. KINH DĨ TRI CĂN (Annindriyasutta)19 21 (S. V. 204) 20 493. Này các Tỷ-kheo, có ba căn này. Thê nào là ba? Vị tri đương tri căn5 dĩ tri căn, cụ tri căn,22 Những pháp này, này các Tỷ-kheo5 là ba căn. IV. KINH

BẬC NHẤT CHỦNG (Ekabĩịĩsuttă)23 (S. V. 204) 494. Có năm căn? này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp nảy, này các Tỷ-kheo9 là năm căn.

19 Bản tiếng Anh của PTS: No More Becoming (or The Knower), nghĩa là KhEng còn tái sanh (hay Người có trỉ). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.650. 0182c28). 20 Bản tiếng Anh của PTS: Vitality, nghĩa là Mạng. 21 Bản tiếng Anh của PTS: The Method, nghĩa là Chảnh lỷ. Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.642. 0182al4). 22 Xem Vỉsm. 491. 23 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.653. 0183b04).

Với Sự toàn diện? này các Tỷ-kheo? với sự viên mãn năm căn này là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là bậc Trung gian Bát-niết-bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Tổn hại Bát-niết-bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Vô hành Bát-niết-bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Hữu hàĩủi Bát-niết-bàn. Ỳếu nhẹ hơn là bậc Thượng lưu đat tới sắc Cứu Cánh thiên. Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất Lai. Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất Chủng.24 Yếu nhẹ hơn là bậc Gia Gia (koỉamkoỉo).25 Yếu nhẹ hơn là bậc phải tái sanh lại nhiều nhất là bảy lần. Yếu nhẹ hơn là bậc Tùy pháp hành. Yếu nhẹ hơn là bậc Tùy tín hành.

V. KINH THANH TỊNH (Suddhakasutta) (S V. 205) 495. Này các Tỷ-kheo5 có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn5 thân căn? ý căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo9 là sáu căn. VI. KINH BẬC Dự LƯU (Sotãpannasutta) (S V. 205) 496. Này các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhãn căn... ý căn. Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo5 như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt5 sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu căn căn này; khi ấy, vị Thánh đệ tử được gọi là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa5 quyết định đạt tới Chánh đẳng giác. VII. KINH BẬC A-LA-HÁN (Arahantasutta)26 (S V. 205) 497. Này các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhãn căn... ý căn. Khi nào Tỷ-kheo? này các Tỷ-kheo, sau khi như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu căn này, được giải thoát, không có chấp thủ; khi ấy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là bậc A-la- hán, các lậu hoặc đã được đoạn tận. Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm5 đã gặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn diệt, chánh trí? giải thoát. VIII. KINH CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC (Sambuddhasuttă) (S V. 205) 498. Này các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhãn căn... ý căn. Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Ta chưa như thật chứng tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt5 sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu căn này; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta không biết rõ ý nghĩa về sự chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với các thế giới như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới5 với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo5 Ta như thật chứng tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu căn này; cho đến khi ấy, này các

24 Chủ giải giải thích ràng bậc Dự Lưu sanh lại làm người một lần nữa, tiếp tục nỗ lực tu tập thành tựu quả vị A-la-han. 25 Từ gia đình này đến gia đình khác. 26 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Arahant (or Enlightened), nghĩa là bậc A-la-hản (hay bậc Giác Ngộ).

Tỷ-kheo, Ta mới nhận biết rõ ý nghĩa về sự chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với các thế giới, như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn5 Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa.” IX. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ NHẤT (PaḶhamasamanabrãhmanasutta) (S. V. 206) 499. Này các Tỷ-kheo9 có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhãn căn... ý căn. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo5 không như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ây5 này các Tỷ-kheo, không được chập nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, này các Tỷ-kheo, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, được chấp nhận là Sa- môn giữa các hàng Sa-môn5 hay được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại5 tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh? hay mục đích của Bà-la-môn hạnh. X. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI (Dutiyasamanabrãhmanasutta) (S. V. 206) 500. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo9 không như thật rõ biết nhãn căn, không như thật rõ biết nhãn căn tập khởi, không như thật rõ biêt nhãn căn đoạn diệt, không như thật rõ biêt con đường đưa đên nhãn căn đoạn diệt... nhĩ căn... tỷ căn... thiệt căn... thân căn... không như thật rõ biết ý căn5 không như thật rõ biêt ý căn tập khởi? không như thật rõ biêt ý căn đoạn diệt, không như thật rõ biết con đường đưa đến ý căn đoạn diệt; những vị Sa- môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo5 không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy9 này các Tỷ-kheo, ngay trong hiện tại5 không tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa- môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh. Nhưng những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo5 như thật rõ biết nhãn căn, như thật rõ biết nhãn căn tập khởi5 như thật rõ biết nhãn căn đoạn diet, như thật rõ biết con đường đưa đến nhãn căn đoạn diệt... nhĩ căn... tỷ căn... thiệt căn... thân căn... như thật rõ biết ý căn5 như thật rõ biết ý căn tập khởi, như

thật rõ biêt ý căn đoạn diệt, như thật rõ biêt con đường đưa đên ý căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, được chấp nhận là Sa- môn giữa các hàng Sa-môn? hay được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, này các Tỷ-kheo? ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

IV PHẨM LẠC CĂN (SUKHINDRIYWAGGA)

I. KINH THANH TỊNH (Suddhikasuttă) (5. V. 207) 501. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thê nào là năm? Lạc căn5 khô căn, hỷ căn5 ưu căn? xả căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo5 là năm căn. IL KINH BẬC Dự LƯU (Sotãpannasutta) (5. V. 207) 502. Này các Tỷ-kheo9 có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn. Khi nào vị Thánh đệ tử5 nay các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiêm và sự xuất ly của năm căn này; vị Thánh đệ tử ấy, này các Tỷ-kheo9 được gọi là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa5 quyết định đạt đến Chánh đẳng giác. III. KINH BẬC A-LA-HÁN (Arahantasutta) (S V. 208) 503. Này các Tỷ-kheo5 có năm căn này. Thê nào là năm? Lạc căn5 khô căn5 hỷ căn, ưu căn5 xả căn. Khi nào, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo sau khi như thật rõ biết sự tập khởi? sự chấm dứt, vị ỉiệọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này, được giải thoát không có chập thủ; khi ây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ây được gọi là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã được đoạn tận9 Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục dích, hữu kiết sử đã được đoạn tận, chánh trí, giải thoát. IV. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ NHẤT (PaỊhamasamanabrãhmanasutta) (S. V. 208) 504. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn. Vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào5 này các Tỷ-kheo? không như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ây? ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh? hay mục đích của Bà-la-môn hạnh. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào5 này các Tỷ-kheo5 như thật rõ biết sự tập khởi5 sự chấm dứt, vị ngọt5 sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn

này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ây5 này các Tỷ-kheo5 được chập nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn? hay được chập nhận là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ây5 ngay trong hiện tại, cũng tự mình chứng ngộ với thăng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh. V. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI (Dutiyasamanabrãhmanasutta) (5. V. 208) 505. Này các Tỷ-kheo5 có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào không rõ biêt lạc căn5 không rõ biêt lạc căn tập khởi, không rõ biết lạc căn đoạn diệt, không rõ biết con đường đưa đên lạc căn đoạn diệt... không rõ biêt xả căn5 không rõ biêt xả căn tập khởi, không rõ biết xả căn đoạn diệt, không rõ biết con đường đưa đến xả căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn5 hay không được chập nhận là Bà- la-môn trong các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thăng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo? rõ biêt lạc căn, rõ biêt lạc căn tập khởi9 rõ biết lạc căn đoạn diệt, rõ biết con đường đưa đến lạc căn đoạn diệt... rõ biết xả căn5 rõ biết xả căn tập khởi, rõ biết xả căn

đoạn diệt, rõ biết con đường đưa đến xả căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn5 hay được chấp nhận là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thăng trí5 chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh. VI. KINH PHÂN TÍCH THỨ NHẤT (Pathamavibhangasutta) (S. V. 209) 506. Này các Tỷ-kheo5 có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là lạc căn? Này các Tỷ-kheo9 cái gì lạc thuộc về thân, cái gì thích thú thuộc về thân, cái gì lạc do thân xúc sanh, cái gì thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo5 đây được gọi là lạc căn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ căn? Này các Tỷ-kheo, cái gì khổ thuộc về thân, cái gì không thích thú thuộc về than, cái gì khổ do thân xúc sanh, cái gì không thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo5 đây được gọi là khổ căn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hỷ căn (somanassa)? Này các Tỷ-kheo? cái gì lạc thuộc về tâm, cái gì thích thú thuộc về tâm, cái gì lạc do ý xúc sanh, cái gì thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo? đây được gọi là hỷ căn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ưu căn? Này các Tỷ-kheo, cái gì khổ thuộc về tâm, cái gì không thích thú thuộc vê tâm, cái gì khổ do ý xúc sanh, cái gì không thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là ưu căn. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là xả căn? Này các Tỷ-kheo9 cái gì không thích

thú và không không thích thú thuộc vê thân hay thuộc vê tâm được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là xả căn. Các pháp này5 này các Tỷ-kheo, là năm căn. VII. KINH PHÂN TÍCH THỨ HAI (Dutìyavibhangasutta) (S. V. 209) 507. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc căn?... (như kinh trên). Ở đây, này các Tỷ-kheo? cái gì thuộc lạc căn và cái gì thuộc hỷ căn. cần phải xem là lạc thọ. Ở đây, này các Tỷ-kheo, cái gì thuộc về khố căn. và cái gì thuộc ưu căn9 cân phải xem là khô thọ. ơ đây5 cái gì thuộc xả căn, cân phải xem là bât khổ bất lạc thọ. Những pháp này, này các Tỷ-kheo9 là năm căn. VIII. KINH PHÂN TÍCH THỨ BA (Tatìyavibhangasutta) (S. V. 210) 508. Này các Tỷ-kheo5 có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc căn?... (như kinh trên). Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 các căn này, trước năm sau trở thành ba, trước ba sau trở thành năm, tùy theo pháp môn. IX. KINH VÍ DỤ THANH CỦI (Katthopamasutta)21 (S V.211) 509. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn? khổ căn5 hỷ căn, ưu căn, xả căn. Này các Tỷ-kheo5 do duyên xúc được cảm thọ là lạc? khởi lên lạc căn. Khi cảm thọ là lạc, người ấy rõ biết: “T6i cảm giác lạc thQ.” Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là lạc ấy, lạc căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng2728 được cảm thọ là lạc, người ấy rõ biết lạc căn ấy diệt, được tịnh chỉ. Này các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là khổ, khởi lên khổ căn. Khi cảm thọ là khổ, người ấy rõ biết: "Tôi cảm giác khổ thọ?9 Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là khổ ấy? khổ căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là khổ, người ấy rõ biết khổ căn ấy diet, được tịnh chỉ. Này các Tỷ-kheo5 do duyên xúc được cảm thọ là hỷ, khởi lên hỷ căn. Khi cảm thọ là hỷ, người ấy rõ biết: "Tôi cảm giác hỷ.,, Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là hỷ ấy, hỷ căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là hỷ5

người ấy rố biết hỷ căn ấy diệt, được tịnh chỉ. Này các Tỷ-kheo5 do duyên xúc được cảm thọ là ưu, khởi lên ưu căn. Khi cảm thọ là ưu, người ấy rõ biết: "T6i cảm giác ưu thẹ).” Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là ưu ấy, ưu căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là ưu, người ấy rõ biết ưu căn ấy diệt, được tịnh chỉ.

27 Katthopama (kattha + upamấ) nghĩa là ví dụ về thanh củi, mảnh cây. Bản tiếng Anh của PTS: The Fire-stick, nghĩa là Cây quay ra lửa. Arayiỉ. Xem KS. II. 67; IV. 145. 28 Tajjam = Sarũpam, Xem chú thích trong BPE. 6.

Này các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là xả, khởi lên xả căn. Khi cảm thọ là xả9 người ấy rõ biết: “T6i cảm giác xả thẹ)." Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là xả ấy, xả căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là xả, người ấy rõ biết xả căn ấy diệt, được tịnh chỉ. Ví như, này các Tỷ-kheo, sự xúc chạm và sự cọ xát hai thanh củi, sức nóng sanh khởi, lửa được hiện hữu. Khi hai thanh củi ấy được tách rời5 được ly khai, sức nóng thích ứng ấy được đoạn diệt, được tịnh chỉ. Cũng vậy5 này các Tỷ- kheo, do duyên xúc được cảm thọ là lạc, khởi lên lạc căn. Khi cảm thọ là lạc? người ấy rõ biết: "Tôi cảm giác lạc th." Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là lạc ấy, lạc căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là lạc, người ấy rõ biết lạc căn ấy diệt, được tịnh chỉ. Do duyên xúc được cảm thọ là khổ5 khởi lên khổ căn... Do duyên xúc được cảm thọ là hỷ, khởi lên hỷ căn... Do duyên xúc được cảm thọ là ưu, khởi lên ưu căn... Do duyên xúc được cảm thọ là xả5 khởi lên xả căn. Khi cảm thọ là xả, người ấy rõ biết: “T6i cảm giác xả thẹ)" Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là xả ấy, xả căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là xả, người ấy rõ biết xả căn ấy diet, được tịnh chỉ. X. KINH KHÔNG THUẬN THỨ (UppaḶipãḶikasutta) (5. V. 213) 510. Này các Tỷ-kheo5 có năm căn này. Thế nào là năm? Khổ căn, ưu căn, lạc căn5 hỷ căn, xả căn. Ở đây5 này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống không phóng dật5 nhiệt tâm, tinh cần? khởi lên khổ căn, vị ấy rõ biết như vầy: "Khổ căn này khởi lên nơi ta.” Và khổ căn ấy có tướng, có nhân5 có hành, có duyên. Và khổ căn ấy không tướng, không nhân, không hành, không duyên có thể khởi lên; sự kiện như vậy không xảy ra. Và vị ấy rõ biết khổ căn; rõ biết khổ căn tập khởi; rõ biết khổ căn đoạn diệt; từ chỗ nào? khổ căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn, vị ấy rõ biết khổ căn ấy. Và tại chỗ nào, khổ căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục? ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Ở dây, khổ căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là Tỷ- kheo biết rõ sự đoạn diệt của khổ căn5 tập trung tâm để đạt tới điều kiện ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo5 với Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm5 tinh cần, khởi lên ưu căn5 vị ấy rõ biết như vầy: "Trong ta khởi lên ưu căn này." Và ưu căn ấy có tướng, có nhân, có hành, có duyên. Và ưu căn ấy không tướng, không nhân, không hành, không duyên có thể khởi lên; sự kiện như vậy không xảy ra. Và vị ấy rõ biết ưu căn; rõ biết ưu căn tập khởi; rõ biết ưu căn đoạn diệt; từ chỗ nào, ưu căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn, vị ấy rõ biết ưu căn ấy. Và tại chỗ nào, ưu căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo làm cho

tịnh chỉ tầm và tứ? chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Và ở

đây, ưu căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo biết rõ sự đoạn diệt của ưu căn, tập trung tâm để đạt tới điều kiện ấy. Ở dây, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, khởi lên lạc căn, vị ấy rõ biết như vầy: “Lạc căn này khởi lên nơi ta." Và lạc căn ấy có tướng, có nhân, có hành, có duyên. Và lạc căn ấy không tướng, không nhân5 không hành, không duyên có thê khởi lên; sự kiện như vậy không xảy ra. Và vị ấy rõ biết lạc căn; rõ biết lạc căn tập khởi; rõ biết lạc căn đoạn diệt; từ chỗ nào, lạc căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn, vị ấy rõ biết lạc căn ấy. Và tại chỗ nào, lạc căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả. chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Ở đây, lạc căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo biết rõ sự đoạn diệt của lạc căn, tập trung tâm để đạt tới điều kiện ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm5 tinh càn, khởi lên hỷ căn5 vị ấy rõ biết như sau: C6Hỷ căn này khởi lên nơi ta.” Và hỷ căn ấy có tướng, có nhân, có hành, có duyên. Và hỷ căn ấy không tướng, không nhân, không hanh, không duyên có thê khởi lên; sự kiện như vậy không xảy ra. Vị ấy rõ biết hỷ căn; rõ biết hỷ căn tập khởi; rõ biết hỷ căn đoạn diệt; từ chỗ nào, hỷ căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn, vị ấy rõ biết hỷ căn ấy. Và tại chỗ nào, hỷ căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn? Ở đây, này các Tỷ- kheo, Tỷ-kheo đoạn lạc đoạn khô? châm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tu, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Ở đây, hỷ căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là Tỷ-kheo biết rõ sự đoạn diệt của hỷ căn, tập trung tâm để đạt tới điều kiện ấy. Ở dây, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống không phóng dật5 nhiệt tâm? tinh cần, khởi lên xả căn? vị ấy rõ biết như sau: "Xả căn này khởi lên nơi ta.” Và xả căn ấy có tướng, có nhân, có hành, có duyên. Và xả căn ấy không tướng, không nhân? không hành, không duyên có thê khởi lên; sự kiện như vậy không xảy ra. Vị ấy rõ biết xả căn; rõ biết xả căn tập khởi; rõ biết xả căn đoạn diệt; từ chỗ nào, xả căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn, vị ấy rõ biết xả căn ấy. Và tại chỗ nào5 xả căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn? Ở dây, này các Tỷ- kheo, Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định. Ở đây, xả căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là Tỷ-kheo biết rõ sự đoạn diệt của xả căn, tập trung tâm để đạt tới điều kiện ấy.

V PHẨM GIÀ ỰARÃVAGGA)

I. KINH PHÁP GIÀ (Jaradhammasutta)29 (S V.216) 511. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Pubbãrãma, trong lâu đài của mẹ Migãra.3031 Lúc bấy giờ, Thế Tôn, vào buổi chiều, từ chỗ độc cư đứng dậy, ngồi sưởi âm limg trong ánh năng

phương Tây. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Ton; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn, với tay xoa bóp chân tay cho Thế Tôn, thưa rằng: Thật kinh hoàng thay, bạch Thế Tôn! Thật kỳ dị thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, màu da Thê Tôn nay không còn thanh tịnh, trong sáng, tay chân rã rời (sithilãní), nhăn nheo, thân được thây còm vê phía trước, và các căn đang bị đôi khác, nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn. Sự thể là vậy5 này Ãnanda, tánh già nằm trong tuổi trẻ; tánh bệnh ở trong sức khỏe; tánh chêt ở trong sự sông. Như vậy5 màu da không còn thanh tịnh, trong sáng, tay chân rã ròi, nhăn nheo, thân còm về phía trước5 và các căn đang bị đôi khác, nhãn căn, nhĩ căn5 tỷ căn5 thiệt căn5 thân căn. Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Bất hạnh thay tuổi già! Đáng sợ thay cuộc sống! Tuổi già làm phai nhạt, Sắc diện của màu da.31 Hình bóng trước khả ý, Nay già đã phá tan. Ai sống được trăm tuổi? Cuối cùng cũng phải chết. Không bỏ sót một ai, Tất cả bị phá sập. II. KINH BÀ-LA-MÔN UNNABHA (Unnãbhabrãhmanasuttd) (S. V.217) 512. Nhân duyên ở Sãvatthi.

29 Bản tiếng Anh của PTS: Old Age, được dịch là Già. 30 Mỉgãramãtupãsãda: Tên của một tinh xá do tín nữ Visãkhã tạo dựng và hỷ cúng cho đức Phật cùng Tăng đoàn. s. I. 77 và III. 100. 31 Bỉmba (hay vimba) = Attabhãva. Xem SA. III. 245; Dh. V. 147.

48. TƯƠNG ƯNG CĂN 1159

Rồi Bà-la-môn Unnãbha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Bà-la-môn ưnnãbha thưa r 111 r 11 A Thê Tôn: -Có năm căn này, thưa Tôn giả Gotama, đối cảnh khác nhau (nãnãvisayãní), hành cảnh khác nhau (nãnãgocarãnỉ). chúng không dung nạp Cpaccanubhontĩ) hành cảnh đối cảnh của nhau. Thế nào là năm? Nhãn căn? nhĩ căn5 tỷ căn, thiệt căn, thân căn. Thưa Tôn giả Gotama, năm căn này9 đối cảnh khác nhau, hành cảnh khác nhau, chúng không dung nạp hành cảnh đối cảnh của nhau, thời cái gì làm chỗ quy tựa cho chúng? Và cái gì dung nạp hành cảnh đối cảnh của chúng? Này Bà-la-môn5 có năm căn này, đối cảnh khác nhau, hành cảnh khác nhau, chúng không dung nạp hành cảnh đối cảnh của nhau. Thế nào là năm? Nhãn căn... thân căn. Này Bà-la-môn, năm căn này, đối cảnh khác nhau, hành cảnh khác nhau, chúng không dung nạp hành cảnh đối cảnh của nhau, ý làm chỗ quy tựa cho chúng, ý dung nạp hành cảnh đối cảnh của chúng. Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cái gì làm chỗ quy tựa cho ý? Này Bà-la-môn, niệm là chỗ quy tựa cho ý. Nhimg thưa Tôn giả Gotama, cái gì làm chỗ quy tựa cho niệm? Này Bà-la-môn, giải thoát là chỗ quy tựa cho niệm. Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cái gì làm chỗ quy tựa cho giải thoát? Này Bà-la-môn? Niết-bàn là chỗ quy tựa cho giải thoát. Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cái gì là chỗ quy tựa cho Niết-bàn? Này Bà-la-môn, câu hỏi đi quá xa (ajjhaparam) không thể nắm được chỗ tận cùng của câu hỏi. Này Bà-la-môn, Phạm hạnh được sống để thể nhập Niết- bàn, Phạm hạnh lấy Niết-bàn làm mục đích, lấy Niết-bàn làm cứu cánh. Rồi Bà-la-môn Unnãbha hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn thuyết, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn5 thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Sau khi Bà-la-môn Ưnnãbha ra đi không bao lâu? Thế Tôn bảo các

Tỷ-kheo: -Ví như, này các Tỷ-kheo? một cái nhà có nóc nhọn, hay một giảng đường có nóc nhọn với cửa sổ hướng về phía Đông, khi mặt trời mọc và các tia nắng chiếu vào ngang qua cửa sổ? chúng dựa vào chỗ nào?32 Chúng dựa trên bức tường phía Tây, bạch Thế Tôn. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo, lòng tin của Bà-la-môn Unnãbha hướng về, căn cứ, được an trú trên Như Lai. Lòng tin ấy kiên cố, không bị Sa-môn, Bà-la- môn? Thiên, Ma, Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chiếm đoạt. Nếu trong lúc này, này các Tỷ-kheo, Bà-la-môn Unnãbha bị mệnh chung, không có một kiết sử nào có thể cột để kéo Bà-la-môn Unnãbha trở lui về đời này.33

32 XemKS. II. 71. 33 Vị ấy chứng quả A-na-hàm. Tham khảo: s. V. 178; KS. V. 156 (kinh 396 ở trước).

1160 « KINH TƯƠNG ƯNG BỘ V. THIÊN ĐẠI

III. KINH SẢKETA (Sãketasutta) (S V. 219) 513. Như vầy tôi nghe. Một thời5 Thế Tôn trú ở Sãketa, tại rừng Anjana, Lộc Uyển. Luc bay giờ, The Ton gọi các Ty-kheo: - Này các Tỷ-kheo5 có pháp môn nào, y theo pháp môn ấy, năm căn tức là năm lực, và năm lực trở thành năm căn? Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... Này các Tỷ-kheo, có pháp môn, y theo pháp môn ấy, năm căn tức là năm lực, và năm lực trở thành năm căn. Và này các Tỷ-kheo? pháp môn ấy là gi, y theo pháp môn ấy, năm căn tức là năm lực? và năm lực trở thành năm căn? Cái gì là tín căn, này các Tỵ-kheo, cái ấy là tín lực. Cái gì là tín lực, cái ấy là tín căn. Cái gì là tấn căn, cái ấy là tấn lực. Cái gì là tấn lực5 cái ấy là tấn căn... Cái gì là tuệ căn, cái ấy là tuệ lực. Cái gì là tuệ lực, cái ấy là tuệ căn... Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 một con sông thiên vê phương Đông, hướng vê phương Đông, xuôi vê phương Đông, và giữa con sông có hòn đảo. Này các Tỷ-kheo, có pháp môn5 y theo pháp môn ấy, dòng con sông ấy được tính là một. Nhimg này các Tỷ-kheo, lại có pháp môn, y theo pháp môn ấy, dòng con sông ây được tính là hai. Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ây là gi, y theo pháp môn ây, được tính là một? Này các Tỳ-kheo, nước cuôi phía Đông và nước cuôi phía Tây của hòn đảo ấy được tính là một dòng. Này các Tỷ-kheo5 đây là pháp môn, y theo pháp môn ây, dòng con sông ây được tính là một. Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ây là gì, y theo pháp môn ây, dòng con sông ấy được tính là hai? Này các Tỷ-kheo, nước cuối phía Bắc và nước cuối phía Nam của hòn đảo ấy được tính là hai dòng. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp môn5 y theo pháp môn ấy, dòng sông ấy được tính là hai. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì là tín căn, cái ấy là tín lực. Cái gì là tín lực, cái ẩy là tín căn... Cái gì là tuệ căn, cái ấy là tuệ lực. Cái gì là tuệ lực5 cái ấy là tuệ căn. Này các Tỷ-kheo, do tu tập, do làm cho sung mãn năm căn này9 Tỷ-kheo đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí tự mình chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. IV KINH NGÔI NHÀ PHÍA ĐÔNG (PubbakoỊIhakasutta) (S V. 220) 514. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi, tại Pubbakotthaka.34 Tại dấy, Thế Tôn bảo Tôn giả Sãriputta:

34 Xem. III. 345; GS. III. 243. Có lẽ đây là kinh duy nhất đề cập việc đức Phật và Tôn giả Ãnanda 0i

đện chô tăm. Gân công thành, có nhiêu chô tăm công cộng. Kotthaka là căn phòng hay nhà kho (gân cổng thành).

48. TƯƠNG ƯNG CẢN 1161

Ông có tin không, này Sãriputta, tín căn được tu tập5 được làm cho sung mãn? thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích? lấy bat tử làm cứu cánh...? Ông có tin không, này Sãriputta, tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn? thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh? -Ở đây, bạch Thế Tôn, con không đi với lòng tin nơi Thế Tôn, rằng tín căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục dích, lấy bất tử làm cứu cánh... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn5 thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Với những ai, bạch Thế Tôn, không chứng tri, không thấy, không hiểu, không chứng ngộ? không đạt tới với trí tuệ; họ cần đi với lòng tin nơi kẻ khác [tin rằng]: "Tín căn... tuệ căn được tu tập? được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử5 lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh." Còn với những ai, bạch Thế Tôn, đã chứng tri, đã thấy, đã hiểu, đã chứng ngộ, đã đạt tới với trí tuệ; những người ấy, ở đây, không có nghi ngờ5 không có phân vân [tin rằng]: "Tín căn... tuệ căn được tu tap, được làm cho sung mãn5 thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh." Còn con, bạch Thế Tôn, đã chứng tri, đã thấy, đã hiểu, đã chứng ngộ, đã đạt tới với trí tuệ; con ở đây? không có nghi ngờ, không có phân vân [tin rằng]: “Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bat tử làm cứu cánh.” Lành thay, lành thay, này Sãriputta! Với những ai, này Sãriputta, không chứng tri, không thấy, không hiểu, không chứng ngộ5 không đạt tới với trí tuệ; ở đây? họ cần đi với lòng tin nơi kẻ khác [tin rằng]: "Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thê nhập vào bât tử9 lây bât tử làm mục đích5 lây bất tử làm cứu cánh.” Và còn với những ai, này Sãriputta, đã chứng tri, đã thấy, đã hiểu, đã chứng ngộ5 đã đạt tới với trí tuệ; những người ấy, ở đây5 không có nghi ngờ. không có phân vân [tin rằngl: "Tín căn... tuệ căn được tu tận, được làm cho sung mãn5 thể nhập vào bất tử5 lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh." V KINH NGÔI VƯỜN PHÍA ĐÔNG THỨ NHẤT (Pathamapubbãrãmasuttd) (5. V. 222) 515. Như vầy tôi nghe. Một thòi, Thế Tôn ở Sãvatthi, tại Đông Viên? ở lâu đài của mẹ Migăra. Tại đây, The Tôn gọi các Tỷ-kheo: Bao nhiêu căn được tu tập. được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa^? Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... -Do tu tập, do làm cho sung mãn chỉ một căn? này các Tỷ-kheo9 khiến cho

1162 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” Một căn ấy là căn gì? Là tuệ căn. Với vị Thánh đệ tử có trí tuệ5 này các Tỷ-kheo5 tất nhiên (tadanvayam) tín được an trú, tất nhiên tinh tấn được an trú, tất nhiên niệm được an trú, tất nhiên định được an trú. Do tu tập? do làm cho sung mãn chỉ một căn này, này

các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm9 không còn trở lại đời này nữa.,^ VI. KINH NGÔI VƯỜN PHÍA ĐÔNG THỨ HAI (Dutiyapubbãrãmasuttd) (S V. 222) 516. Nhân duyên như kinh trên. -Bao nhiêu căn được tu tập5 được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa"? -Bạch Thế Tôn? đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... Hai căn được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo5 khiên cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Thế nào là hai? Thánh trí tuệ và Thánh giải thoát. Cái gì trqng vị ấy, này các Tỷ-kheo, là Thánh trí tuệ? cái ấy là tuệ căn. Cái gì trong vị ấy, này các Tỷ-kheo, là Thánh giải thoát, cái ấy là định căn. Hai căn này được tu tap, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo? khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm5 không còn trở lại đời này nữa." VIL KINH NGÔI VƯỜN PHÍA ĐÔNG THỨ BA (Tatìyapubbãrãmasutta) (S. V. 223) 517. Nhân duyên như kinh trên. Có bao nhiêu căn được tu tập, được làm cho sung mãn5 này các Tỷ-kheo? khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: “Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa” Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... ... (Như kinh trên? chỉ khác là kinh này nói đến "bốn cán" tức "tấn căn5 niệm căn? định căn, tuệ cn").

48. TƯƠNG ƯNG CĂN 1163

VIII. KINH NGÔI VƯỜN PHÍA ĐÔNG THỨ TƯ (Catutthapubbãrãmasutta) (5. IV. 223) 518. Nhân duyên như kinh trên. (Như kinh trên, chỉ khác là đây là í4năm can^ tức "tín căn5 tấn căn? niệm căn9 định căn5 tuệ căn„). IX. KINH PINDOLA BHÃRADVÃJA (Pindolabhãrâdvãjasuttàý5 (S. IV. 224) 519. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambĩ, tại khu vườn Ghosita. Lúc bấy giờ, Tôn giả Pindola Bhãradvậja tuyên bố với chánh trí như sau: “Ta rõ biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: -Tôn giả Pindola Bhãradvặja đã tuyên bố với chánh trí như sau: “Ta rõ biết: Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa?5 Do thấy lý do gì, bạch Thế Tôn5 Tôn giả Pindola Bhãradvặja lại tuyên bố với chánh trí rằng: "Ta rõ biết: Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm? không còn trô lại đời này nữ*a"? -Do tu tập, do làm cho sung mãn ba căn5 này các Tỷ-kheo, khiến Tỷ-kheo Pindola Bharadvaja tuyên bố với chánh trí rằng: "Ta rõ biết: Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” Ba căn ấy là gì? Niệm căn? định căn5 tuệ căn. Chính do tu tập5 do làm cho sung mãn ba căn này, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo Pindola Bhãradvặja đã tuyên bố với chánh trí rằng: "Ta rõ biết: Sanh đã tận? Phạm hạnh đã thành5 những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.^^ Và này các Tỷ-kheo, ba căn này,

chúng đi đến tận cùng ở đâu? Tận cùng đi đến đoạn diệt. Đi đến đoạn diệt cái gì? Sanh già và chết. Vì thấy sanh già và chêt đoạn diet, này các Tỷ-kheo; nên Tỷ-kheo Pindola Bhâradvặịa đã tuyên bố với chánh trí rang: "Ta rõ biết: Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” X. KINH ĂPANA (Ẵpanasuttа)35 36 (5. V. 225) 520. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Ahga, tại thị trấn của dân chúng Aốga tên là Ăpana. Tại dấy, Thế Tôn bảo Tôn giả Sãriputta: Này Sãriputta, có vị Thánh đệ tử nào đi đến nhất tâm và hoàn toàn tin

35 Bản tiếng Anh của PTS: Scrap-hunter, nghĩa là Người tìm lượm phế liệu. 36 Bản tiếng Anh của PTS: Faithful (or Market), nghĩa là Tín (hay Ngôi chợ).

tưởng ở Như Lai; vị ấy có thể có phân vân hay nghi ngờ đối với Như Lai, hay đối với lời giảng dạy của Như Lai? -Vị Thánh đệ tử nào, bạch Thế Tôn, đi đến nhất tâm và hoàn toàn tin tưởng ở Như Lai; vị ấy không có thể phân vân hay nghi ngờ đối với Như Lai, hay đoi với lời giảng dạy của Như Lai. Với vị Thánh đệ tử có lòng tin, được chờ đợi rằng: Vị ấy sẽ trú tinh cần tinh tấn, để đoạn tận các pháp bất thiện, để làm sanh khởi các thiện pháp, nô lực, kiên trì5 tinh tân, không có quăng bỏ gánh nặng đôi với các thiện pháp. Sự tinh tấn của vị ấy, bạch Thế Tôn, là tấn căn của vị ấy. Với vị Thánh đệ tử có lòng tin và tinh cân tinh tân, bạch Thê Tôn, được chờ đợi răng: Vị ây có niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, ức niệm, tùy niệm những điều làm đã lâu9 nói đã lâu ngày. Sự niệm của vị ấy, bạch Thế Tôn, là niệm căn của vị ấy. Với vị Thánh đệ tử có lòng tin, tinh cần tinh tấn, với niệm được an trú, bạch Thế Tôn, được chờ đợi rằng: Sau khi từ bỏ pháp sở duyên, vị ấy sẽ được định, được nhất tâm. Định của vị ấy, bạch Thế Tôn, là định căn của vị ấy. Với vị Thánh đệ tử có lòng tin, an trú chánh niệm? với tâm thiền định, bạch Thế Tôn? được chờ đợi như sau: Vị ấy rõ biết rằng vô thỉ là luân hồi, khởi điểm đầu tiên không thể chỉ rõ. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị khát ái trói buộc9 lưu chuyển luân hồi. Sự ly tham, đoạn diệt vô minh không có dư tàn khối u ám ấy9 là tịch tịnh của vị này, là thù thắng của vị này, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn tận tham ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Trí tuệ của vị ấy, bạch Thế Tôn5 là tuệ căn của vị ấy. Vị Thánh đệ tử có lòng tin ấy, tinh cần tinh tấn như vậy; ức niệm, ức niệm như vậy; định tĩnh5 định tĩnh như vậy; rõ biết? rõ biết như vậy; lòng thâm tín như sau sanh khởi: "Những pháp này mà trước kia ta từng được nghe, nay ta trú, tự thân chứng đạt những pháp ấy. Nay với trí tuệ, ta thê nhập chúng, ta thấy chúng rõ rang?9 Lòng tin của vị ây9 bạch Thê Tôn5 là tín căn của vị ây. —Lành thay? lành thay, này Sãriputta! Vị Thánh đệ tử nào, này Sãriputta, đi đến nhất tâm và hoàn toàn tin tưởng ở Như Lai; vị ấy không có phân vân, không có nghi ngờ gì đối với Như Lai, hay đối với lời dạy của Như Lai. Vị Thánh đệ tử nào có lòng tin, này Sãriputta, được chờ đợi như sau: Vị ấy sẽ trú tinh cần tinh tấn, để đoạn tận các pháp bất thiện, để làm sanh khởi các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì tinh tấn, không quăng bỏ gánh nặng đối với thiện pháp. Sự tinh tấn của vị ấy, này Sãriputta, là tấn căn của vị ấy. Với vị Thánh đệ tử có lòng tin và tinh cần? tinh tấn, này Sãriputta... Vị Thánh đệ tử có lòng tin ấy, tinh cần tỉnh tấn như vậy; rõ biết, rõ biết như vậy; lòng thâm tín như sau sanh khởi: "Những

pháp này trước kia ta từng được nghe, nay ta trú, tự thân chứng đạt những pháp ây. Nay với trí tuệ5 ta thể nhập chúng, ta thấy chúng rõ ràng.” Lòng tin của vị ấy, này Sãriputta, tức là tín căn của vị ấy.

48. TƯƠNG ƯNG CĂN 1165

VI. PHẨM HANG LỢN (SŨKARAKHA TA VAGGA)

I. KINH SÃLÃ (Sãlasutta)(y V. 227) 521. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Kosala, tại một làng Bà-la-môn tên Sãiã. rr^ • 4Ạ rr^i r A rT~ĩ /V * rr^ 7 1 Tại đây5 The Tôn gọi các Tỷ-kheo... Ví nhu, này các Tỷ-kheo, trong các loài bàng sanh, con sư tử, vua các loài thú, được xem là tối thượng, tức là về sức mạnh, về tốc lực, về dõng mãnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong các pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là các pháp thuộc phần giác ngộ? Tín căn, này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phân giác ngộ5 vì đưa đên giác ngộ. Tân căn là pháp thuộc phân giác ngộ, vì đưa đên giác ngộ. Niệm căn là pháp thuộc phân giác ngộ, vì đưa đên giác ngộ. Định căn là pháp thuộc phân giác ngộ, vì đưa đến giác ngộ. Tuệ căn là pháp thuộc phần giác ngộ5 vì đưa đến giác ngộ. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 trong các loài bàng sanh, con sư tử, vua các loài thú, được xem là tôi thượng, tức là vê sức mạnh, vê tôc lực9 vê dõng mãnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong các pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ.

II. KINH MALLIKA (Mallikasuttấỷ1 (S V. 228) 522. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Mallã, tại một thị trấn của dân chúng Mallã tên là Ưruvelakappa. Ở dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo... Cho đến khi nào Thánh trí chưa khởi len nơi vị Thánh đệ tử, này các Tỷ- kheo5 cho đến khi ấy, bốn căn chưa được đẳng trú (santhiti); cho đến khi ấy, bốn căn chưa được an trú (avatthiti). Và cho đến khi nào Thánh trí khởi lên nơi Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, bốn căn được đẳng trú; cho đến khi ấy, bốn căn được an trú. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào xà ngang của một nóc nhà có mái

37 Tham chiếu: Tạp. 0.02. 0099.655. 0183ỒỒ25).

nhọn chưa được gác qua, cho đến khi ấy, các kèo nhà chưa được đẳng trú; cho đến khi ấy, các kèo nhà chưa được an trú. Và này các Tỷ-kheo9 cho đến khi nào xà ngang của một nóc nhà có mái nhọn được gác qua, cho đến khi ấy, các kèo nhà được đăng trú; cho đên khi ây, các kèo nhà được an trú. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo? cho đến khi nào Thánh trí chưa khởi lên nơi vị Thánh đệ tử, cho đến khi ấy, bốn căn chưa được đẳng trú; cho đến khi ấy, bốn căn chưa được an trú. Và cho đến khi nào Thánh trí khởi lên nơi vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo; cho đến khi ấy, bốn căn được đẳng trú; cho đến khi ấy, bốn căn được an trú. Thế nào là bốn? Tín căn, tấn căn, niệm căn? định căn. Với vị Thánh đệ tử có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, tất nhiên long tin được đẳng trú, tất nhiên tinh tấn được đẳng trú, tất nhiên niệm được đẳng trú, tất nhiên định được đẳng trú.

III. KINH HỮU HỌC (Sekhasutta) (S V. 229) 523. Như vầy tôi nghe. Một th&i, Thế Tôn trú ở Kosambĩ, tại khu vườn Ghosita. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Có pháp môn nào, này các Tỷ-kheo9 y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo Hữu học đứng trên hữu học địa có thể rõ biết: 66Tôi là bậc Hữu hQC", Tỷ-kheo Vô học (Asekha) đứng trên vô học địa có thể rõ biết: "T6i là bậc Vô hQC" Bạch Thế Tôn, đối với chúng con5 các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... Có pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo Hữu học đứng trên hữu học địa có thể rõ biết: "T6i là bậc Hữu học9\ Tỷ-kheo Vô học đứng trên vô học địa có thể rõ biết: "T6i là bậc Vô hoc." Và này các Tỷ-kheo? pháp môn ây là gi, y cứ pháp môn ây9 Tỷ-kheo Hữu học trú trên hữu học địa rõ biet: "Tôi là bậc Hữu hẹ)c."Ở dây, nàỵ các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo Hữu học như thật rõ biết: "Đây là kh6", như thật rõ biết: "Đây là khổ tập khởf\ như thật rõ biết: "Dây là khổ đoạn diet", như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ đoạn diet." Đây là pháp môn, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo Hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: "T6i là bậc Hữu hQC." Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Hữu học suy nghĩ như sau: "Ngoài Tăng chúng này? có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy?38 như Thế Tôn hay kh6ng?" Và vị ấy rõ biết như sau: "Ngoài Tăng chúng này, không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy? như thị như vậy? như Thế T6n." Đây là pháp môn? nàỵ các Tỷ-kheo? y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo Hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc Hữu hQC." Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Hữu học rõ biết năm căn: Tín căn... tuệ căn. Nhưng vê sanh thú, vê tôi thăng, vê quả, vê mục đích của chúng, vị ây

38 Xem D I. 190.

không có thể trú với tự thân thông đạt được? và không thể với trí tuệ, thông suốt chúng và thấy chúng rõ ràng. Đây là pháp môn? này các Tỷ-kheo... rõ biết: "Tôi là bậc Hữu hoc.59 Và này các Tỷ-kheo? pháp môn ấy là gì5 y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo Vô học đứng trên vô học địa rõ biết: "Ta là bậc Vô học.95 Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo Vô học rõ biết năm căn: Tín căn... tuệ căn? với sanh thú của chúng, với tôi thăng của chúng, với quả của chúng, với mục đích của chúng. Và vị ây trú với tự thân thông đạt được, và với trí tuệ thông suốt chúng và thấy chúng rõ ràng. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo Vô học đứng trên vô học địa rõ biết: "T6i là bậc Vô hQC." Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Vo học rõ biết sáu căn: Nhãn căn5 nhĩ căn, tỷ căn? thiệt căn? thân căn, ý căn. Vị ấy rõ biết: "Sáu căn này được đoạn diệt, không có dư tàn, toàn bộ và toàn diện. Và sẽ không có sáu căn khác khởi lên? tại một chỗ nào và như thế nào?9 Vị ấy rõ biết như vậy. Đây là pháp môn5 này các Tỷ-kheo9 do pháp môn ấy, Tỷ-kheo Vô học đứng trên vô học địa rõ biết: uToi là bạc Vô hoc." IV KINH DẤU CHÂN (Padasutta) (S. V. 230) 524. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, phàm có các bàn chân nào của loài hữu tình bộ hành trong rừng sâu (jangalanam). tât cả bàn chân ây đêu năm gọn trong bàn chân con voi. Bàn chân con voi được xem là tối thượng trong các loại bàn chân, tức là về to lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo9 trong tất cả bàn chân nào (padãní) đưa đến giác ngộ9 tuệ căn được xem là tối thượng về phương diện giác ngộ. Và này các

Tỷ-kheo? những bàn chân nào đưa đến giác ngộ? Tín căn, này các Tỷ-kheo, là bàn chân đưa đên giác ngộ. Tân căn... niệm căn... định căn... tuệ căn là bàn chân đưa đến giác ngộ. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? trong bất cứ bàn chân nào của những loài hữu tình bộ hành trong rừng sâu, tất cả bàn chân đều nằm gọn trong bàn chân con voi. Bàn chân con voi được xem là tối thượng trong các loại bàn chân, tức là về to lớn. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, phàm có bàn chân nào đưa đến giác ngộ5 tuệ căn được xem là tối thượng trong tất cả bàn chân, tức là về giác ngộ. V. KINH LÕI CÂY (Sãrasutta) (5. V. 231) 525. Ví như, này các Tỷ-kheo? phàm có những lõi hương nào, cây Chiên-đàn đỏ được xem là tối thượng trong tất cả lõi hương. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo? phàm có những pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn là pháp tối thượng trong tất cả pháp ấy, tức là về phàn giác ngộ. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là các pháp thuộc phần giác ngộ? Tín căn, này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phần giác ngộ? pháp ấy đưa đến giác ngộ... tuệ căn là pháp thuộc phần giác ngộ? pháp ấy đưa đến giác ngộ. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những lõi hương nào, cây Chiên-đàn đỏ

được xem là tối thượng trong các lõi hươnẹ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 tuệ căn được xem là tối thượng trong các pháp ây, tức là về giác ngộ. VI. KINH Y CHÍ, AN TRÚ (Patitthitasutta) (S. V. 232) 526. Tỷ-kheo y chỉ một pháp, này các Tỷ-kheo5 năm căn được tu tap, được khéo tu tập. Một pháp ấy là gì? Là không phóng dật. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp không phóng dật? Ở đây? này các Tỷ- kheo, Tỷ-kheo hộ trì tâm đối với các lậu hoặc và các pháp hữu lậu. Do vị ấy hộ trì tâm đối với các lậu hoặc và các pháp hữu lậu? nên tín căn được tu tập đi đến viên mãn... tấn căn... niệm căn... định căn... tuệ căn được tu tập đi đến viên mãn. Tỷ-kheo y chỉ một pháp như vậy? này các Tỷ-kheo5 năm căn được tu tập đi đến viên mãn. VII. KINH PHẠM THIÊN SAHAMPATI (Sahampatibrahmasuttà) (S. V. 232) 527. Một thời5 Thế Tôn trú ở Uruvelã5 trên bờ sông Neranjara, dưới cây bàng Ajapala, khi vừa mới giác ngộ. Rôi Thê Tôn trong khi độc cư thiên tịnh, tâm tư suy tưởng sau đây được khởi lên: "Năm căn được tu tập. được làm sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích5 lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là năm? Tín căn được tu tap, được làm cho sung mãn9 thê nhập vào bât tử5 lây bât tử làm mục đích9 lấy bất tử làm cứu cánh. Tấn căn... Niệm căn... Định căn... Tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Năm căn này được tu tập, được làm cho sung mãn5 thể nhập vào bất tử5 lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu canh?9 Rôi Phạm thiên Sahampati với tâm của mình biêt được tâm tư suy tưởng của Thế Tôn, ví như người lực sĩ duỗi bàn tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra, cũng vậy5 Phạm thiên biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Thê Tôn. Rồi Phạm thiên Sahampati đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay vái chào rmi rrn /X > i 1 rr^i r-1-1 Thê Tôn và bạch Thê Tôn:
Thưa vậy là phải, bạch Thế Tôn. Thưa vậy là phải5 bạch Thiện Thệ. Năm căn được tu tập, được làm cho sung mãn5 thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là năm? Tín căn được tu tập, được làm cho sung mãn5 thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh... Tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn5 thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục dích, lấy bất tử làm

cứu cánh. Năm căn này được tu tập, được làm cho sung mãn, thê nhập vào bât tử, lây bât tử làm mục đích5 lây bât tử làm cứu cánh. Thuở xưa, bạch Thế T6n, con sống Phạm hạnh trong thời Ngài Kassapa

Chánh Đẳng Chánh Giác. Tại đấy mọi người biết con là: uTỷ-kheo Sahaka, Tỷ-kheo Sahaka." Và con, bạch Thế Ton, nhờ tu tập5 nhờ làm cho sung mãn năm căn này, sau khi từ bỏ dục tham đối với các dục5 sau khi thân hoại mạng chung, con được sanh lên thiện thú, Phạm thiên giới. Tại đấy, họ gọi con là: "Phạm thiên Sahampati, Phạm thiên Sahampati.,^ Như vậy là phải, bạch Thế Tôn. Như vậy là phải5 bạch Thiện Thệ. Con biết như sau, con thấy như sau: C6Năm căn này được tu tập5 được làm cho sung mãn5 thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích5 lấy bất tử làm cứu cánh."

VIII. KINH HANG LỢN (Sũkarakhatasuttăý9 (S. V. 233) 528. Một thời, Thế Tôn trú ở Rặjagaha (Vương Xá), tại Gijjhakuta (núi Linh Thứu), trong hang Con Lợn. Tại đây? Thê Tôn bảo Tôn gia Sãriputta: Do thây lý do gi, này Sãriputta, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc5 bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai, hay lời giảng dạy của Như Lai? Vì thấy vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, bạch Thế Tôn, nên Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai, hay lời giảng dạy của Như Lai. Lành thay, lành thay, này Sãriputta! Do thấy vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, này Sãriputta, nên Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đôi với Như Lai, hay lời giảng dạy của Như Lai. Thế nào là vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, này Sãriputta, do thấy vậy, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai hay lời giảng dạy của Như Lai? Ở đây, bạch Thế Tôn5 Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc tu tập tín căn, đưa đến an tịnh, đưa đến giác ngộ... tu tập tấn căn... tu tập niệm căn... tu tập định căn... tu tập tuệ căn, đưa đến an tịnh, đưa đến giác ngộ. Đây là vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, bạch Thế Tôn; do thấy vậy, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai, hay lời giảng dạy của Như Lai. Lành thay, lành thay, nàỵ Sãriputta! Cái này là vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, này Sãriputta, do thây vậy5 Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai, hay đối với lời giảng dạy của Như Lai. Và này Sãriputta, thế nào là sự tối thượng tôn kính mà Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai hay đối với lời giảng dạy của Như Lai? Ở đây, bạch Thế Ton, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc sống tôn trọng, cung kính bậc Đạo sư; sống tôn trọng, cung kính Pháp; sống tôn trọng, cung kính chúng Tăng; sông tôn trọng, cung kính học giới; sông tôn trọng, cung kính thiền định. Đây là sự tối thượng tôn kính, bạch Thế Tôn, mà Tỷ-kheo đã đoạn

39 Bản tiếng Anh của PTS: Boar s Cave, nghĩa là hang con lợn lòi đực.

tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai, hay lời giảng dạy của Như Lai. Lành thay, lành thay, này Sãriputta! Cái này là tối thượng tôn kính mà Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai, hay đối

với lời giảng dạy của Như Lai. IX. KINH SANH THỨ NHẤT (PaḶhamauppãdasutta) (5. V. 235) 529. Nhân duyên tại Sãvatthi. Năm căn, này các Tỷ-kheo? được tu tập, được làm cho sung mãn, nêu chưa sanh khởi, sẽ được sanh khởi, nhung không thể không có sự hiện hữu của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Thế nào là năm? Tín căn5 tấn căn, niệm căn, định căn5 tuệ căn. Năm căn này, này các Tỷ-kheo5 được tu tập9 được làm cho sung mãn? nếu chưa sanh khởi, sẽ được sanh khởi, nhưng không thể không có sự hiện hữu của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. X. KINH SANH THỨ HAI (Dutìyauppãdasutta) (S. V 235) 530. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "không thể không có sự hiện hữu giới luật của bậc Thiện The").

48. TƯƠNG ƯNG CĂN 1171

VII. PHẨM GIÁC PHÀN (BODHIB4KKHI GGA)

1. KINH KIẾT SỬ (Samyojanasutta) (S V. 236) 531. Nhân duyên tại Sãvatthi. Có năm căn, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đên đoạn tận các kiêt sử. Thê nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Năm căn này, này các Tỷ-khẹo? được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các kiết sử. IL KINH TÙY MIÊN (Ạnusayasuttd)(y V. 236)

ĩ Có năm căn, này các Tỷ-kheo 532. 9 r ? được tu tap, . " được* làm cho sung mãn? đưa đên sự nhô sạch các tùy miên. Thê nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự nhổ sạch các tùy miên. IIL KINH LIỄU TRI (Parinnãsuttd)^ (S. V. 236) 533. Có năm căn? này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến liễu tri đường luân hồi dài. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập5 được làm cho sung mãn, đưa đến liễu tri đường luân hồi dài. IV. KINH ĐOẠN DIỆT CÁC LẬU HOẶC (Ẅsavakkhayasutta) (5. V. 236) 534. Có năm căn5 này các Tỷ-kheo? được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Năm căn này? này các Tỷ-kheo5 được tu tap, được làm cho sung mãn, đưa đến sự đoạn diệt các lậu hoặc. Có năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đên đoạn tận các kiêt sử, đưa đên nhô sạch các tùy miên, đưa đên liêu tri đường luân hồi dài, đưa đến đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Năm căn này, này các Tỷ-kheo? được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến đoạn tận các kiết sử, đưa đến nhổ sạch các tùy miên, đưa đến liễu tri đường luân hồi dài, đưa đến đoạn diệt các lậu hoặc.

40 Bản tiếng Anh của PTS: Comprehension (or The Way out), nghĩa là Liễu tri (hay Con đường ra khỏi).

1172 « KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

V. KINH QUẢ VỊ THỨ NHẤT (PaḶhamaphaỉasuttay1 (S V. 236) 535. Có năm căn? này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Do tu tập, làm cho sung mãn năm căn này, này các Tỷ-kheo, một trong hai quả được chờ đợi như sau: Ngay trong hiện tại được chánh trí; hay nếu có dư tàn, được quả Bất lai. VI. KINH QUẢ VỊ THỨ HAI (Dutiyaphalasutta)41 42 (S V. 237) 536. Này các Tỷ-kheo, có

năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Này các Tỷ-kheo9 có năm căn này. Do tu tập, làm cho sung mãn năm căn này, bảy quả, bảy lợi ích được chờ đợi. Thế nào là bảy quả, bảy lợi ích? Ngay trong hiện tại5 lập tức thành tựu chánh trí. Nếu ngay trong hiện tại không lập tức thành tựu chánh trí, thời khi lâm chung, thành tựu được chánh trí. Neu ngay trong hiện tại không lập tức thành tựu chánh trí, khi lâm chung không thành tựu được chánh trí, thời sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-niêt-bàn, chứng được Tôn hại Bát-niêt-bàn chứng được Vô hành Bát-niết-bàn, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn, chứng được Thượng lưu đạt được sắc Cứu Cánh thiên. Do tu tập5 làm cho sung mãn năm căn này5 này các Tỷ-kheo5 bảy quả này, bảy lợi ích này được chờ đợi. VII. KINH CÂY THỨ NHẤT (PaỊhamarukkhasutta) (S V. 237) 537. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong tất cả cây sống ở Jambudipa (Diêm-phù-đề)5 cây Jambu (Diêm-phù) được xem là tối thượng. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, phàm có những pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là các pháp thuộc phần giác ngộ? Tín căn5 này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phần giác ngộ5 vì pháp ấy đưa đến giác ngộ. Tấn căn... Niệm căn... Định căn... Tuệ căn, này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phần giác ngộ, vì pháp ấy đưa đến giác ngộ. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 những cây sống trên cõi Diêm-phù-đề9 cây Jambu được xem là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 phàm có những pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ. VIII. KINH CÂY THỨ HAI (Dutiyarukkhasuttã) (S V. 238) 538. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những cây của chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba, cây Pãricchattaka được xem là tối thượng. Cũng vậy, này các

41 Bản tiếng Anh của PTS: Two Fruits, nghĩa là Hai quả vị. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.734. 0196b29); Tạp.(T.02. 0099.738. 0197al0). 42 Bản tiếng Anh của PTS: Seven Advantages, nghĩa là Bảy lợi ích.

Tỷ-kheo, phàm có những pháp thuộc phần giác ngộ? tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp thuộc phần giác ngộ? Tín căn, này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phần giác ngộ... Tuệ căn, này các Tỷ-kheo5 là pháp thuộc phần giác ngộ? vì pháp ấy đưa đến giác ngộ. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, phàm có những cây gì của chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba, cây Pãrichattaka được xem là tối thượng. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo, phàm có những pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ. IX. KINH CÂY THỨ BA (Tatiyarukkhasutta) (S V. 238) 539. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "những cây của các loài a-tu-la và cây Cittapãtali được xem là tôi thượng", với những thay đôi cân thiêt). X. KINH CÂY THỨ TƯ (Catuttharukkhasuttd) (S V. 238) 540. (Như kinh trên5 chỉ khác ở đây là "những cây của các Supanna (Kim Sí điểu) và cây Kũtasimbalĩ được xem là tối thượng9\ với những thay đổi cần thiết).

VIIL PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT (GANGẴPEYYẴLAK4GGA)

VIỄN LY

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐÀU BẰNG KINH PHƯƠNG ĐÔNG (Pãcĩnãdisuttadvãdasaka) (S V. 239) 541-552. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, sông Hăng thiên vê phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập năm căn, làm cho sung mãn năm căn, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Và thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm căn, làm cho sung mãn năm căn? thiên vê Niêt-bàn, hướng vê Niêt-bàn, xuôi về Niết-bàn? Ở đây? này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập tín căn liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đên ly tham5 liên hệ đên đoạn diệt, hướng đên từ bỏ... tân căn... niệm căn... định căn... tuệ căn liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập năm căn, làm cho sung mãn năm căn, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn? xuôi về Niết-bàn. (Phẩm này gồm các kinh: "Sáu hướng về phương Đông và sáu hướng về biển.^, Hai lần sáu thành mười hai và phẩm này được gọi như vậy).

1174 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ V. THIÊN ĐẠI

IX. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (APPAMÃDA VA GGA)

VIỄN LY

I-X. (S V. 240) 553-562. (Gồm các kinh: "Nhu Lai", "Dấu chân9\ "Chóp mái", "Rễ hương", “L6i hương”“Hạ Sanh hoa", “Vua", “Mặt trăng9 "M/t tr&i”"Vải", tất cả là mười kinh được thuyết rộng như Tương ưng Đạo).

X. PHẨM CẦN DÙNG sức MẠNH (BALAKARANĨY4K4GGA)

VIỄN LY

I.XIL (S V. 240) 563-574. (Gồm các kinh: “Sức Iịtc”“Các hạt gi6ng”"Con rin”“Cây”, “Cái gh,“dâu lúa mi”, “Hu không", "Mây mưa r\ "Mây mưa 2” "Chiếc thuyền”, "Các khách9\ “Con sông9\ được thuyết rộng như Tương ưng Đạo),

XI. PHẨM TÀM CÀU (ESANẨVAGGA)

VIỄN LY

IXIL (S V. 240) 575-586. (Gồm các kinh: uTầm c*u”"Kiêu mạiT, uLậu hoặố\ "Hữu”, "Khổ tánh”"Hoang vu”“cấu nhiễm,\ "Dao dong95, “Thẹ)", và 2 kinh "Khát được thuyết rộng như Tương ưng Đạo),

48. TƯƠNG ƯNG CĂN 1175

XIL PHẨM BỘC LƯU (OGHAVAGGA)

VIỄN LY

IX NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH Bộc Lưu (Oghãdisuttadasaka) (S. V. 241) 587-596. Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử này. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Này các Tỷ-kheo, đây là năm thượng phân kiêt sử. Đê thăng tri, đê liêu tri, đê đoạn diệt, đê đoạn tận các thượng phần kiết sử này, năm căn cần phải tu tập. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập tín căn liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập

tuệ căn liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo? để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, năm căn này cần phải tu tập. (Phẩm này gồm các kinh: "Bộc lưu", "Ach phược9\ "Chấp thtr, uHệ phugc", uTùy mien,\ yDục công đức", "Triền cái", "Thủ uẩn", uHạ phần kiết sử", "Thượng phần kiết sử", thuyết rộng như Tương ưng Đạo, phẩm Bộc lưu).

XHL PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT (GANGÂPEYYẴLAK4GGA)

NHIẾP PHỤC ITĨAM

I-XIL NHÓM 12 KINH BẮT ĐÀU BẰNG KINH PHƯƠNG ĐÔNG (Pãcĩnãdisuttadvãdasaka) (S V. 241) 597-608. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm căn5 làm cho sung mãn năm căn, thiên về Niết-bàn, hướng ve Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Và thế nào? nàỵ các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập năm căn, làm cho sung mãn năm căn? thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn? Ở đây, này các Ty.kheo, Tỷ-kheo tu tập tín căn với cứu cánh nhiếp phục tham, với cứu cánh nhiếp phục sân, với cứu cánh nhiếp phục si... tu tập tuệ căn với cứu cánh nhiếp phục tham, với cứu cánh nhiếp phục sân, với cứu cánh nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm căn, làm cho sung mãn năm căn, thiên vê Niêt-bàn, hướng vê Niêt-bàn, xuôi vê Niết-bàn. (Phẩm này gồm các kinh: "Sáu hướng về phương Đông và sáu hướng về biển.,^ Hai lần sáu thành mười hai và phẩm này được gọi như vậy).

XIV PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (APR4MẴDAVAGGA)

NHIẾP PHỤC THAM

I-X. (S. V. 242) 609-618. (Gồm các kinh: "Nhu Lai", "Dấu chân", "Chóp mái", "rm hương,\ "Lõi hương", "Hạ Sanh hoa", "Vua", "Mặt trng", "Mặt trời9 "VM', tất cả là mười kinh).

XV PHẨM CẦN DÙNG sức MẠNH (BALAKARANlYAVAGGA)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XII. (5. V. 242) 619-630. (Gồm các kinh: "Sức lực""Các hạt giống9\ "Con rắn", "C2y", "Cái ghV, "Râu lúa mi", "Hu kh6ng", "Mây mưa r\ "Mây mưa 2" "Chiếc thuyền,\ "Các khách""Con s6ng").

XVI. PHẨM TÀM CÀU (ESANẴVĂGGẦ)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XII. (3. V. 242) 631-640. (Gồm các kinh: "Tầm cu", uKiêu mạn""Lậu ho/c""Hữu", "Kh6 tánh""Hoang vu""cấu nhiễm,\ "Dao động9\ "Tho""Khát ái,).

XVII. PHẨM BỘC LƯU (OGHAK4GGA)

NHIẾP PHỤC THAM

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐÀU BẢNG KINH BỘC LƯU (Oghãdisuttadasaka) (5. V. 242) 641-650. Có năm thượng phần kiết sử này. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn5 trạo cử? vô minh. Này các Tỷ-kheo, đây là năm thượng phần kiết

sử. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri, để liễu tri, để đoạn diệt, để đoạn tận năm thượng phần kiết sử này5 năm căn này cần phải tu tập. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập tín căn với cứu cánh nhiếp phục tham, với cứu cánh nhiếp phục sân, với cứu cánh nhiếp phục si... tấn căn... niệm căn... định căn... tu tập tuệ căn với cứu cánh nhiếp phục tham, với cửu cánh nhiếp phục sân, với cứu cánh nhiếp phục si. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri, để liễu tri, để đoạn diet, để đoạn tận năm thượng phần kiết sử này? năm căn này cần phải tu tập. (Phẩm này gồm các kinh: "Bộc hnT, "Ách phugc", “Chấp thiỉ""He phyqc”"Tùy miên,\ "Dục công đức5\ "Triền c/i”6Thủ uẩn”"Hạ phần kiết sử", "Thượng phần kiết sỉr.” Phẩm Bộc lưu được thuyết rộng như Tương ưng Đạo).

49. TƯƠNG ƯNG CHÁNH CẦN (SAMMAPPADHẪNASAMYUTTA)

L PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT (GANGẪPEYYẪLAK4GGA)

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG ĐÔNG (PãcTnãdisuttadvãdasaka) (S. V. 244) 651-662. Nhân duyên tại Sãvatthi. Tại dấy, Thế Tôn nói như sau: - Này các Tỷ-kheo? có bốn chánh cần này. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các ác? bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Đôi với các ác, bât thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muôn đoạn tận, tinh cân? tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Đôi với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muôn làm cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Đôi với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muôn làm cho an trú, không cho vong thât, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập5 làm cho viên mãn5 tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Những pháp này, này các Tỷ-kheo5 là bốn chánh càn. Ví như5 này các Tỷ-kheo? sông Hằng thiên về phương Đông? hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bốn chánh cần, làm cho sung mãn bốn chánh cần, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, bốn chánh cần tu tập làm cho sung mãn như thê nào, thiên vê Niêt-bàn, hướng vê Niêt-bàn, xuôi vê Niết-bàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các ác? bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muôn không cho sanh khởi? tinh cân, tinh tân, quyêt tâm, cố gắng; đôi với các ác, bât thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muôn đoạn tận, tinh cân... cô gắng; đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn làm cho sanh khởi... cố gắng; đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tănẹ trưởng, làm cho quảng đại, tu tap, làm cho viên mãn9 tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

Như vậy, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập bốn chánh cần, làm cho sung mãn bốn chánh cần, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. r y (Thuyêt rộng

như Tương ưng Chảnh cân). (Phâm này gôm các kinh: “Sáu hướng vê phương Đông và sáu hướng vê biển.,, Hai lần sáu thành mười hai và phẩm này được gọi như vậy).

II. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (APR4MÃDAK4GGA)

IX.(S V. 245) 663-672. (Gồm các kinh: "Nhu Lai”, “Dấu chẫn"\ "Chóp mái", "Rễ hương”, "Lõi hương", “Hạ Sanh hoa”“Vua”“Mặt trang,99 66Mặt trời9\ "Vi", tất cả là mười kinh, được thuyêt rộng như Tương ưng Chánh cân).

III. PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH (BALAKARANĨỊAVAGGA)

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐÀU BẰNG KINH CÀN DÙNG sức MẠNH (Balakaranĩyãdisuttadvãdasakd) (5. V. 246) 673-684. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, phàm có những việc làm cần dùng đến sức mạnh mà làm tất cả công việc ấy, được làm y cứ vào đất, an trú vào đất. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới5 an trú vào giới, tu tập bốn chánh cần? làm cho sung mãn bốn chánh cần. Như thê nào, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bốn chánh cần, làm cho sung mãn bốn chánh cần? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, tinh cần5 tinh tấn, quyết tâm, cố gắng... đôi với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muôn an trú, không cho vong thât, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng dại, tu tập5 làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bôn chánh cân, làm cho sung mãn bôn chánh cân. (Gồm các kinh: "Sức Ẹrc", “Hạt gi6ng", “Con rắn”"Cây”“Cái ghè,55 “Râu lúa mi”, “Hu kh6ng”, JMây mưa "Mây mưa "Chiếc thuyền^^Các khách”, “Con sông9\ được thuyết rộng như Tương ưng Chánh cần).

IV PHẨM TẦM CÀU (ESANÂVĂGGA)

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH TÀM CẦU (Esanãdisuttadasaka) (S. V. 246) 685-694. Này các Tỷ-kheo, có ba tầm cầu này. Thế nào là ba? Dục tầm câu, hữu tâm câu, Phạm hạnh tâm câu. Những pháp này, này các Tỷ-kheo? là ba tầm cầu. Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba tầm cầu này? này các Tỷ-kheo, bốn chánh cần này cần phải tu tập. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh... đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng dại, tu tập, làm cho viên mãn? tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba tầm cầu này, bốn chánh cần này cần phải tu tập. (Gồm các kinh: “Tầm cầu”, "Kiêu mạn,\ 66Lậu hoặc”, “Hữu”, uKhổ ĩih”, “Hoang vu”“cấu nhiễm,\ "Dao động,\ "ThQ”"Khát ải'\ được thuyết rộng y như Tương ưng Chánh cân).

V. PHẨM BỘC LƯU (OGHAVAGGA)

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐÀU BẰNG KINH BỘC LƯU (Oghãdisuttadasaka) (5. V. 247) 695-704. Có năm thượng phần kiết sử9 này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Những pháp này, này các Tỷ- kheo, là năm thượng phân kiêt sử. Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử, bốn

chánh cần này cần phải tu tập. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh... đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muôn làm cho an trú, không cho vong that, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập5 làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tân, quyêt tâm? cô găng. Chính để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bốn chánh cần này cần phải tu tập. (Gồm các kinh: "Bộc lưu", “Ach phug "Chấp thỉT, "Hệ phược9\ "Ttiy miên,\ í6Dục công đức,9 "Triền cáf\ “Thii uan,\ "Hạ phần kiết "Thượng phân kiêt sử", được thuyêt rộng như Tương ưng Chánh cân).

50. TƯƠNG ƯNG Lực (BALASAMYUTTA)

I. PHẨM SÔNG HẢNG LƯỢC THUYẾT (GANGẨPEYYẴLAK4GGA)

VIỄNIY

l-xn. NHÓM 12 KINH BẮT ĐÀU BẰNG KINH sức Lực (Balãdisuttadvãdasaka) (S V. 249) 705-716. Có năm lực, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tín lực, tấn lực? niệm Ẹrc, định lực, tuệ lực. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm lực. Ví như, này các Tỷ-kheo9 sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên vê Niêt-bàn? hướng vê Niêt- bàn, xuôi về Niết-bàn. Như thế nào, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập năm lực? làm cho sung mãn năm lực5 thiên vê Niêt-bàn? hướng vê Niêt-bàn, xuôi về Niết-bàn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín lực liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tấn lực... niệm lực... định lực...tu tập tuệ lực liên hệ đến viễn ly... hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. (Phẩm này gồm các kinh: "Sáu thiên về phương Đông, sáu thiên về biển." Hai lần sáu thành mười hai và phẩm này được gọi như vậy).

IL PHẢM KHÔNG PHÓNG DẬT (APPAMÃDAVAGGA)

VIỄN LY

IX (S V. 250) 717-726. (Gồm các kinh: "Nhu Lai", “Dấu chân”, “Ch6p mái”, “Rễ huang9 "Lõi hương”“Hạ Sanh hoa”“Vua”"Mặt trăng9 “Mặt trời9\ 66Vảr\ gồm tất cả là mười kinh).

m. PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH (ẸALAKARANỈYAVAGGA}

VIỄN LY

I-XII. (5. V. 250) 727-738. (Gồm các kinh: “Sức lyc", uCác hạt gi6ng”"Con rắn", “C2y”, 6íCái ghè", "Râu lúa mi”, “Hu kh6ng”, “Mây mưa 1”, "Mây mưa 2” “Chiếc thuyền9\ "Các khách,59 "Con s6ng").

IV PHẨM TÀM CÀU (ESANẴV4GGA)

VIỄN LY

IX.(S V. 250) 739-748. (Gồm các kinh: "Tầm cầu", "Kiêu mạn5\ aíLậu hog", "Hữu", “Kh6 Anh”, "Hoang vu”, “cấu nhiễm,\ "Dao động^, “ThQ”, “Khái ái").

V PHẨM BỘC LƯU {ỌGHAVAGGA}

VIỄN LY

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐÀU BẰNG KINH Bộc LƯU (Oghãdisuttadasaka) (5. V. 251) 749-758. Có năm thượng phần kiết sử, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm?

Tham sắc, tham vô sắc, mạn, ưạo cử, vô minh. Những pháp này, này các Tỷ- kheo, là năm thượng phần kiết sử. Đe thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này? năm lực cần phải tu tập. Thế nào là năm? Ở dây, này các T*kheo, Tỷ-kheo tu tập tín lực liên hệ đến viễn ly? liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tấn lực... niệm lực... định lực... tu tập tuệ lực liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này5 năm lực này cần phải tu tập. (Gồm các kinh: UBỘC lưu "Ach phugc”, “Chấp thủ\ uHệ phược9\ "Tùy mien5\ ẾDục công đức,9 "Triền cái”, “Thii uấi”, “liạ phần kiết ử”, "Thượng phần kiết SÍT”).

VI. PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT (gangăpeyyảlavaĨgga) NHIẾP PHỤC THAM

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH HƯỚNG VÈ PHƯƠNG ĐÔNG (Pãcĩnãdisuttadvữdasaka) (S V. 251) 759-770. Ví như, này các Tỷ-kheo? sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực? thiên về Niết-bàn, hướng ve Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín lực với mục đích nhiếp phục tham, với mục đích nhiếp phục sân5 với mục đích nhiếp phục si... Như vậy? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. (Phẩm này gồm các kinh: “Sáp thiên về phương Đông và sáu thiên về biển.” Hai lần sáu thành mười hai và phẩm này được gọi như vậy).

vn. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (APPAMẴDAVAGGA)

NHIẾP PHỤC THAM

IX.(S V. 252) 771-780. (Gồm các kinh: "Nhu Lai", “Dấu chân”, “Ch6p mAi”, “Rễ hyơng”, "Lõi hương", utHạ Sanh hoa”“Vua", "Mặt trâng”uMặt trời”"Vi”, tất cả là mười kinh).

Vin. PHẨM CẦN DÙNG sức MẠNH (BALAKARANlYAVĂGGA)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XII. (S. V. 252) 781-792. (Gồm các kinh: “Sức Iịtc”“Các hạt gi6ng”“Con rắn”“CAy”, “Cái ghè9\ ÍCRâu lúa mi”, “Hu không9\ "Mây mưa r\ "Mây mưa 2” “Chiếc thuyền", "Các khách”, "Con s6ng").

IX. PHẨM TẦM CÀU (ESANẴVAGGA)

NHIẾP PHỤC THAM

I-X. (S. V. 252) 793-802. (Gồm các kinh: "Tầm cầu”"Kiêu mạn", uLậu hc^c", "Hữu", "Khổ tánh”, “Hoang vu”, “cấu nhiễm”, “Dao động^/Thọ", cKháÌ ái”).

X. PHẨM BỘC LƯU (OGHAK4GGA)

NHIẾP PHỤC THAM

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐÀU BẢNG KINH BỘC LƯU (Oghãdisuttadasaka) (S V. 253) 803-812. Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phàn kiết sử này. Thế nào là

năm? Tham săc5 tham vô săc5 mạn, trạo cử, vô minh. Này các Tỷ-kheo? đây là năm thượng phần kiết sử. Đe thắng tri, liễu tri, đoạn diet, đoạn tận năm thượng phân kiêt sử này, năm lực cân phải tu tập. Thê nào là năm?... Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập tín lực... tu tập tuệ lực với mục đích nhiêp phục tham, với mục đích nhiêp phục sân, với mục đích nhiêp phục si. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, năm lực cần được tu tập. (Gồm các kinh: UBỘC lưu”,ch phược,95 “Chấp thiỉ”“He phược9\ uTùy mien,\ "Dục công đức,5 "Triền cái”, "Thủ uảr, "Thượng phần kiết sử\ ÍCHạ phần kiết sử").

51. TƯƠNG ƯNG NHƯÝTÚC ựDDHIPÂDASAMYUTTA)

L PHẨM CĂPẢLA (CĂPÂLAVAGGA)

I. KINH TỪ BỜ BÊN NÀY (Apãrasuttay (S V. 254) 813. Có bốn như ý túc, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này đến bờ bên kia. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành; tu tập như ý túc câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành; tu tập như ý túc câu hữu với tâm định tinh cần hành; tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Những pháp này5 này các Tỷ-kheo, là bốn như ý túc, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này đến bờ bên kia.

II. KINH THỐI THẤT(yỉraddhasuttd) (5. V. 254) 814. Với những ai bốn như ý túc bị thối thất, này các Tỷ-kheo, với những người ấy, bị thối thất là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Với những ai bốn như ý túc được thực hiện, này các Tỷ-kheo, với những người ấy, được thực hiện là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Với những ai bốn như ý túc này bị thối thất, này các Tỷ-kheo5 với những người ấy, bị thối thất là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Với những ai bốn như ý túc này được thực hiện5 này các Tỷ-kheo5 với những người ấy,

được thực hiện là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. III. KINH VỊ THÁNH (Ariyasutta) (S. V. 255) 815. Có bốn như ý túc, này các Tỷ-kheo9 được tu tập, được làm cho sung mãn, trở thành những vị Thánh lãnh đạo, dắt dẫn những ai thực hiện5 đi đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Thế nào là bốn? Ở đây5 này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh

1 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.29.7. 0658a05).

Cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Có bốn như ý túc này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, trở thành những vị Thánh lãnh dạo, dắt dẫn những ai thực hiện, đi đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. IV. KINH YÈM LY (Nibbidãsutta) (S V. 255) 816. Có bốn như ý túc, này các Tỷ-kheo? được tu tập5 làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh? thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. r

Bôn như ý túc này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tjnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. V KINH MỘT PHÀN NHƯ Ý TÚC (Iddhipadesasutta)2 (S. V. 255) 817. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ5 này các Tỷ- kheo, đã thực hiện một phân như ý túc; tât cả những vị ây đã làm như thê nhờ tu tập5 nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời tương lai, này các Tỷ-kheo? sẽ thực hiện một phần như ý túc; tất cả những vị ây sẽ làm như thê nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bôn như ý túc. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong hiện tại, này các Tỷ-kheo, có thực hiện một phần như ý túc; tất cả những vị ấy đang làm như thế nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bôn như ý túc. Thê nào là bôn? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo5 đã thực hiện một phân như ý túc... sẽ thực hiện... đang thực hiện một phân như ý túc; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. VI. KINH TOÀN DIỆN (Samattasutta) (5. V. 256) 818. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ5 này các Tỷ- kheo, đã thực hiện toàn diện như ý túc; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời tương lai5 này các Tỷ-kheo9 sẽ thực hiện toàn diện như ý túc; tất cả những vị ây đêu nhờ tu tap, nhờ làm cho sung mãn bôn như ý túc. Những vị Sa-môn

2 Bản tiếng Anh của PTS: Partial, nghĩa là Một phần.

hay Bà-la-môn nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo, đang thực hiện toàn diện như ý túc; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần

hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo5 đã thực hiện toàn diện như ý túc... sẽ thực hiện toàn diện như ý túc... đang thực hiện toàn diện như ý túc; tât cả những vị ây đêu nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. VII. KINH TỶ-KHEO (Bhikkhusuttd) (S. V. 257) 819. Những Tỷ-kheo nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; tất cả các vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Những Tỷ-kheo nào trong thời tương lai, này các Tỷ-kheo5 đã đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, sẽ tự mình với thắng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tap, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Những Tỷ- kheo nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo5 do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Những Tỷ-kheo nào trong thời quá khứ, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại9 sau khi tự mình chứng ngộ với thắng trí, đã chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát... sẽ chứng đạt... đang chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc này.

VIII. KINH BẬC CHÁNH ĐẲNG GIÁC (Buddhasuttaý (S V. 257) 820. Này các Tỷ-kheo5 có bốn như ý túc này. Thế nào là bốn? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tân định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cân hành. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn như ý túc. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Như Lai được gọi là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

3 Bản tiếng Anh của PTS: Arỉyan, nghĩa là Bậc A-ỉa-hán.

IX. KINH TRÍ (Nãnasutta) (S. V. 258) 821. Với suỵ tư: “Dây là như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành", này các Tỷ-kheo9 đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, ở nơi Ta, nhãn khởi lên, trí khởi lên9 tuệ khởi lên5 minh khởi lên? quang khởi lên. Với suy tư: "Nhu* ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành này cần phải được tu tap”này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, ở nơi Ta, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên? minh khởi lên9 quang khởi lên. Với suy tư: “Nhu ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành này đã được tu tap", này các Tỷ-kheo? đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, ở nơi Ta, nhãn khởi lên, trí khởi lên? tuệ khởi lên, minh khởi lên? quang khởi lên. ... tinh tấn định... ... tâm định... ... tư duy định... X. KINH ĐÈN THỜ (Cetiyasutta)4 (S V. 258) 822. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Vesãli, Đại Lâm, tại ngôi nhà có nóc iihọn. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Vesãli để khất thực. Sau khi vào Vesãli để khất thực, sau bữa ăn, trên con đường trở về,

Thế Tôn gọi Tôn giả Ãnanda: —Hãy câm tọa cụ, này Ananda, Ta sẽ đi đên đên thờ Cãpãla đê nghỉ trưa. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ãnanda vâng đáp Thế Tôn, cầm tọa cụ và đi theo sau lưng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn đi đến đền thờ Cãpãla; sau khi đến ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Tôn giả Ãnanda đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda đang ngồi một bên: Này Ãnanda, khả ái thay Vesãli! Khả ái thay đền thờ Udena! Oả ái thay đền thờ Gotamaka! Khả ái thay đền thờ Sattamba! Khả ái thay đền thờ Bahuputta! Khả ái thay đền thờ Sãrandada! Khả ái thay đền thờ Cãpãla! Này Ãnanda, những ai đã tu tập bốn như ý túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo, thời nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ãnanda, nay Như Lai đã tu tập bốn như ý túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo, này Ananda, nêu muôn5 Như Lai có thê sông đên một kiếp hay phần kiếp còn lại. Nhưng Tôn giả Ananda không thê nhận hiêu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Ton. Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn^ "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp,

4 Cetỉya. XemD II. 102, 118. Tham chiếu: Du hành kỉnh (TOI. 0001.02. 0011a07).

vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài trời và loài ngu&i", vì tâm Tôn giả đã bị Ác ma ám ảnh. Lần thứ hai, Thế Tôn... Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda: Này Ãnanda, khả ái thay Vesãli! Khả ái thay đền thờ Udena!... có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Tuy vậy, Tôn giả Ãnanda không thể nhận hiểu... vì tâm của Tôn giả đã bị Ác ma ám ảnh. Rồi Thế Tôn nói Tôn giả Ãnanda: Này Ãnanda, hãy đi và làm những gì ông nghĩ là phải thời. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ãnanda vâng đáp The T6% từ chỗ ngồi đứng dậy5 đảnh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi đi đến ngồi tại một gốc cây không xa bao nhiêu. Tôn giả Ãnanda đi ra không bao lâu, Ác ma liền đến chỗ Thế T6n, khi đến xong, liền thưa với Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ5 Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những vị đệ tử có học? có kỷ luật, tự chủ, đạt được an ổn khỏi các khổ ách, đa văn5 trì pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống thuận Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý? chưa có thê tuyên bô9 diên giảng, trình bày, xác định? khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, họ chưa có thể dùng Chánh pháp cật vấn và khéo hàng phục, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thẫn dieu." Bạch Thế T6n, nhưng nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn đã trở thành những vị đệ tử có học? có kỷ luật, tự chủ, đạt được an ổn khỏi các khổ ách, đa văn5 trì pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống thuận Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý? đã có thể tuyên bố? diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đao khởi lên9 họ đã có thể dùng Chánh pháp cật vấn và khéo hàng phục, đã có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu. Như vậy? bạch Thê Tôn? nay The Tôn hãy diệt độ?

Thiện Thệ hãy diệt độ. Nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo-ni của Ta chưa trở thành những vị đệ tử có học, có kỷ luật... "...khi nào những nam cư sĩ của Ta... khi nào nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử có học, có kỷ luật, tự chủ, đạt được an ổn khỏi các khổ ách, đa văn, trì pháp? thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống thuận Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thê tuyên bô? diên giảng, trình bày,

xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên5 họ chưa có thê dting Chánh pháp cật vân và khéo hàng phục5 chưa có thể truyền bá Chánh pháp thẫn dieu." Bạch Thế Tôn, nhưng nay những nữ cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử có học5 có kỷ luật, tự chủ, đạt được an ổn khỏi các khổ ách, đa văn, trì pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sông chơn chánh, sông thuận Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý5 đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định? khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên5 họ đã có thể dùng Chánh pháp cật vấn và khéo hàng phục, đã có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu. Như vậy, bạch Thê Ton, nay The Tôn hãy diệt độ, Thiên Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn5 đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ? khi nào Phạm hạnh Ta giảng dạy chưa thành tựu, thịnh dạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn5 nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài người.,, Bạch Thế Tôn? nay Phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh dạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho chư thiên và loài người. Như vậy, bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ9 Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Ác ma: Này Ác ma, hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ. Và tại chỗ Cãpăla, Thế Tôn chánh niệm, tỉnh giác5 từ bỏ thọ hành (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa). Khi Thế Tôn từ bỏ, không duy trì mạng sống thêm nữa, thời đại địa chấn động5 ghê rợn, tóc lông dựng ngược, sấm trời vang dậy. Thế Tôn nhận hiểu ý nghĩa của sự kiện ấy; lúc bấy giờ5 Ngài nói lên bài kệ cảm khái như sau: Mạng sống có hạn hay vô hạn, Đạo sĩ từ bỏ không kéo dài, Nội tâm chuyên nhất trú thiền định, Như thoát áo giáp đang mang mặc.

II. PHẨM LÀU RUNG CHUYỂN (PẴSÂDAKAMR4NAK4GGA)

I. KINH TRƯỚC (Pubbasutta)5 (S V. 263) 823. Nhân duyên tại Sãvatthi. Trước khi Ta giác ngộ? này các Tỷ-kheo? chưa chứng Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát5 Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gi, do duyên gì tu tập như ý túc?" Rồi này các Tỷ-kheo5 Ta suy nghĩ như sau: Ở dây, này các Tỷ-kheo? có người tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành với ý nghĩ: "Nhu vậy, ý muốn (dục) của ta sẽ không quá thụ động và không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tưởng trước sau đồng đẳng (pacchãpuresanfiĩ)\ trước thế nào thời sau như vậy5 sau

thế nào thời trước như vậy; dưới thế nào thời trên như vậy, trên thế nào thời dưới như vậy; ban ngày thế nào thời ban đêm như vậy5 ban đêm thế nào thời ban ngày như vậy.,, Như vậy5 với tâm rộng mở5 với tâm không gò bó (aparỉyonaddhenă), với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm. CÓ người tu tập như ý túc câu hữu với tinh tân định tinh cân hành, với ý nghĩ: "Nhu vậy5 tinh tấn của ta sẽ không quá thụ động và cũng không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tưởng trước sau đồng đăng; trước thê nào thời sau như vậy5 sau thê nào thời trước như như vậy; dưới thế nào thời trên như vậy, trên thế nào thời dưới như vậy; ban ngày thế nào thời ban đêm như vậy? ban đêm thế nào thời ban ngày như vậy.,, Như vậy? với tâm rộng mở5 với tâm không gò bó? với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm. Có người tu tập như ý túc câu hữu với tâm định tinh cần hành với ý nghĩ: "Nhu vậy, tâm của ta sẽ không quá thụ động và cũng không quá hăng say, sẽ khôĩiẸ co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tưởng trước sau đông đẳng; trước thế nào thời sau như vậy? sau thế nào thời trước như vậy; dưới thế nào thời trên như vậy9 trên thế nào thời dưới như vậy; ban ngày thế nào thời ban đêm như vậy5 ban đêm thế nào thời ban ngày như vay." Như vậy, với tâm rộng mở5 với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm. Có người tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành với ý nghĩ: "Nhu vậy, tư duy của ta sẽ không quá thụ động và cũng không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tưởng trước

5 Bản tiếng Anh của PTS: Formerly (or Condition), nghĩa là Trước (hay Duyên).

sau đồng đẳng; trước thế nào thời sau như vậy9 sau thế nào thời trước như vậy; dưới thế nào thời trên như vậy? trên thế nào thời dưới như vậy; ban ngày thế nào thời ban đêm như vậy5 ban đêm thế nào thời ban ngày như vay." Như vậy5 với tâm rộng mở, với tâm không gò bó? với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm. Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy, Tỷ-kheo chứng được nhiêu loại thân thông: Một thân hiện ra nhiêu thân, nhiêu thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua tường, qua thành lũy, qua núi như đi ngạng qua hư không; trồi lên, độn thổ, ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đât liên; ngôi kiêt-già ngang qua hư không như con chim, với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại thần lực, đại uy lực như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy5 Tỷ-kheo chứng được Thiên nhĩ thông thuần tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng chư thiên và loài người, hoặc xa hoặc gần. Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy? Tỷ-kheo với tâm của mình rõ biết tâm của các chúng sanh, của những người khác. Với tâm có tham, vị ấy rõ biết là tâm có tham; với tâm không có tham, rõ biết là tâm không có tham; với tâm có sân, rõ biết là tâm có sân; với tâm không có sân, rõ biết là tâm không có sân; với tâm có si, rõ biết là tâm có si; với tâm không có si, rõ biết là tâm không có si; với tâm co rút, rõ biết là tâm co rút; với tâm tán loạn5 rõ biết là tâm tán loạn; với tâm đại hành, rõ biết là tâm đại hành; với tâm không đại hành, rõ biêt là tâm kh6ng đại hành; với tâm hữu hạn, rõ biêt là tâm hữu hạn; với tâm vô thượng, rõ biết là tâm vô thượnệ với tâm

thiền định, rõ biết là tâm thiền định; với tâm không thiền định, rõ biet là tâm không thiền định; với tâm không giải thoát, rõ biết là tâm không giải thoát; với tâm giải thoát, rõ biết là tâm giải thoát. Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy5 vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời? ba đời? bốn đời, năm đời, mười đời? hai mươi đời? ba mươi đời5 bốn mươi đời, năm mươi đời? một trăm đời5 một ngàn đời5 một trăm ngàn đời5 nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, món ăn như thế ïiày, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, món ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ. ta được sanh ra ở đây.,^ Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ với các nét đại cương và các chi tiết. Tu tập bôn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy9 Tỷ-kheo với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh: Vị ấy rõ biết chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ9 kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các vị này làm những ác

hạnh vê than, ngữ hay ý; phỉ báng các bậc Thánh; theo tà kiên, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú9 đọa xứ5 địa ngục. Còn những vị làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý; không phỉ báng các bậc Thánh; theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, cõi trời, cõi đời này. Như vậy5 vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân? thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng: "Chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ5 kẻ thô xấu; người may mắn5 kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của hẹ)" Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy? Tỷ-kheo do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.67 II. KINH QUẢ LỚN (Mahãpphalasutta) (S V. 267) 824. Bốn như ý túc, này các Tỷ-kheo5 được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn. Bốn như ý túc, này các Tỷ-kheo, được tu tập như thế nào? được làm cho sung mãn như thế nào, đưa đến quả lớn? lợi ích lớn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành với ý nghĩ: “Nhu vậy5 ý muốn của ta sẽ không quá thụ động, và cũng không quá hăng say, sẽ khồng co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tưởng trước sau đồng đẳng; trước thế nào thời sau như vậy, sau thế nào thời trước như vậy; dưới thế nào thời trên như vậy5 trên thế nào thời dưới như vậy; ban ngày thế nào thời ban đêm như vậy, ban đêm thế nào thời ban ngày như vậy.,^ Như vậy5 với tâm rộng mở, với tâm không gò bó5 với tâm chói sáng5 vị ấy tu tập tâm. ... tinh tấn định... tâm định... tư duy định... Bốn như ý túc được tu tập như vậy? làm cho sung mãn như vậy, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn. Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy? Tỷ-kheo chứng được nhiêu loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân... có thể tự thân bay đến Phạm thiên... Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy? này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong

hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. III. KINH DỤC ĐỊNH (Chandasamãdhisutta)1 (S V. 268) 825. Này các Tỷ-kheo5 nếu Tỷ-kheo nương tựa8 dục được định, được nhất tâm, đây gọi là dục định. Đối với các ác5 bất thiện pháp chưa sanh, vị ấy khởi

6 s. IL 121ff nêu rõ rằng có thể chứng chánh trí (anna) mà không cần chứng các thần thông (abhinna). 7 Bản tiếng Anh của PTS: Desire, nghĩa là Sự mong muốn.

8 Nissãya. Xem Vbh. 216; Vỉsm. II. 385.

lên ý muốn không cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn5 quyết tâm, cố gắng. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, vị ấy khởi lên ý muốn đoạn diệt, tinh cần5 tinh tấn, quyết tâm5 cố gắng. Đối với các thiện pháp chưa sanh, vị ấy khởi lên ý muôn làm cho sanh khởi, tinh cân? tinh tân, quyêt tâm5 cô găng. Đôi với các thiện pháp đã sanh, vị ây khởi lên ý muôn làm cho an trú, không cho vong that, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại? tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Những [pháp] này được gọi là tinh cần hành. Như vậy, đây là dục5 đây là dục định? và những pháp này là tinh cần hành. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành. Nếu Tỷ-kheo nương tựa tinh tấn, này các Tỷ-kheo, được định, được nhất tâm, đây gọi là tinh tấn định. Đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh... Đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tap, làm cho viên mãn5 tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Các pháp này được gọi là tinh cần hành. Như vậy, đây là tinh tấn, đây là tinh tấn định, những pháp này là tinh cần hành. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là như ý túc câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành. Nếu Tỷ-kheo nương tựa tâm, này các Tỷ-kheo5 được định5 được nhất tâm, đây gọi là tâm định. Đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh... Đối với các thiện pháp đã sanh, vị ấy khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng dại, tu tập, làm cho viên mãn? tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Các [pháp] này được gọi là tinh cần hành. Như vậy? đây là tâm, đây là tâm định5 những pháp này là tinh cần hành. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là như ý túc câu hữu với tâm định tinh cần hành. Nếu Tỷ-kheo nương tựa tư duy, này các Tỷ-kheo9 được định, được nhất tâm, đây gọi là tư duy định. Đối với ác, bất thiện pháp chưa sanh... đối với các thiện pháp đã sanh, vị ây khởi lên ý muôn làm cho an trú, không vong that, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng dại, tu tap, làm cho viên mãn? tinh cần? tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Các [pháp] này được gọi là tinh cần hành. Như vậy9 đây là tư duy, đây là tư duy định, những pháp này là tinh cần hành. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. IV. KINH MOGGALLÃNA (Moggaỉỉãnasutta) (S V. 269) 826. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Đông Viên? lâu đài của mẹ Migãra. LÚC bây giờ5 một sô Tỷ-kheo trú ở dưới lâu của mẹ Migãra, trạo cử, kiêu mạn, dao động, lắm miệng, tạp thoại, thất niệm? không tỉnh giác, không định tĩnh5 tâm mê loạn9 các căn không chế ngự (pãkatindriyã), Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Mahãmoggallãna: -Này Moggallãna, những đồng Phạm hạnh ấy trú dưới làu của mẹ Migãra,

trạo cử,9 kiêu mạn, dao động? lắm miệng, tạp thoại, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, với tâm mê loạn, các căn không chế ngự. Hãy đi, này Moggallãna, và làm cho họ hoảng hốt (samvejeti). Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Mahãmoggallãna vâng đáp Thế Tôn, thực hiện thần thông, với ngón chân lớn5 làm cho rung động? rung chuyển, làm cho chấn động lâu đài của mẹ Migãra. Rồi các Tỷ-kheo ấy hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, họ đứng về một bên và [la lớn]: "Thật là vi diệu, chư Tôn giả! Thật là hy hữu, chư Tôn giả! Lâu đài của mẹ Migãra này được che chở khỏi gi6, được khéo đào những nền móng thâm sâu, không có lung lay, không có chuyển động. Tuy vậy? nó rung động, rung chuyển, chấn dong?9 Rồi Thế Tôn đi đến các Tỷ-kheo ấy; sau khi đến nói với họ: Này các Tỷ-kheo5 tại sao các ông lại hốt hoảng? lông tóc dựng ngược, và đứng về một bên như vậy? Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế T6n Lâu đài của mẹ Migãra được che chở khỏi gió, được khéo đào thành những nền móng thâm sâu, không có lung lay, không có chuyển động. Tuy vậy5 nó rung động5 rung chuyển, chấn động. Này các Tỷ-kheo, chính do Tỷ-kheo Moggallãna muốn làm cho các ông hoảng hốt, với ngón chân lớn, đã làm cho lâu đài của mẹ Migãra bị rung chuyển, rung động, bị chấn động. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, do tu tap, do làm cho sung mãn những pháp nào5 Tỷ-kheo Moggallãna có đại thần lực như vậy, đại uy lực như vậy? Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo... sau khi nghe pháp, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. -Vậy hãy nghe, này các Tỷ-kheo. Chính do tu tập5 do làm cho sung mãn bốn như ý túc, Tỷ-kheo Moggallãna đã có đại thần lực như vậy? đại uy lực như vậy. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo Moggallãna tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... Tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh càn hành với ý nghĩ: "Nhu vậy, tư duy của ta sẽ không quá thụ động, cũng không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tưởng trước sau đồng đẳng; trước thế nào thời sau như vậy? sau thế nào thời trước như vậy; dưới thế nào thời trên như vậy? trên thế nào thời dưới như vậy; ban ngày thế nào thời ban đêm như vậy5 ban đêm thế nào thời ban ngày như vậy.,, Như vậy, với tâm rộng mở5 với tâm không gò bó5 với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

9 XemKS. I. 84; M. I. 32; PugA. 217.

Này các Tỷ-kheo9 chính do tu tập? do làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Tỷ-kheo Moggallãna được đại thần lực như vậy, đại uy lực như vậy. Và này các Tỷ-kheo, cũng chính do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Tỷ-kheo Moggallãna thực hiện nhiêu loại thân thông... có thể tự thân bay đên cõi Phạm thiên. Và chính nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Tỷ-kheo Moggallãna do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. (Sáu thần thông được thuyết rộng ra như vậy). V KINH BÀ-LA-MÔN UNNABHA (Ụnnăbhabrãhmanasuttd)^ (S V. 271) 827. Như vầy tôi nghe. Một thời, Tôn giả Ãnanda trú ở Kosambĩ, tại khu vườn Ghosita. Rồi Bà-la-môn Ưnnãbha

đi đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ãnanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Bà-la-môn Unnãbha thưa với Tôn giả Ãnanda: Do mục đích gi, thưa Tôn giả Ảnanda, Phạm hạnh được sống dưới Sa- môn Gotama? -Với mục đích đoạn tận lòng dục,10 11 này Bà-la~môn? Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama. —Có con đường gì9 thưa Tôn giả Ãnanda, có đạo lộ gì đưa đến đoạn tận lòng dục? Có con đường này, này Bà-la-môn, có đạo lộ này đưa đến đoạn tận lòng dục. Con đường ấy là gì, thưa Tôn giả Ãnanda? Đạo lộ ấy là gì đưa đến đoạn tận lòng dục? Ở đây? này Bà-la-môn, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Đây là con đường, này Bà-la-môn, đây là đạo lộ đưa đến đoạn tận lòng dục. -Sự thể là vậy9 thưa Tôn giả Ãnanda, thời một công việc có chấm dứt (santaka). không phải là một công việc không có chấm dứt. Lấy dục mà trừ dục, sự kiện như vậy không xảy ra. Này Bà-la-môn, vê vân đê này, tôi sẽ hỏi ông. Nêu ông kham nhân, xin hãy trả lời.12

10 Bản tiếng Anh của PTS: The Brahmin, nghĩa là Bà-la-môn. 11 SA. III. 258: Chandappahãnatthanti tanhăchandassa pahãnattham (44Mục đích đoạn tận lòng due" nghĩa là mục đích đoạn tận lòng tham ái). Trong kinh này, chanda có nghĩa là tanhã (tham ái). 12 Yathã te khameyya tathã tam byãkareyyãsi.

51. TƯƠNG ƯNGNHƯÝ TÚC 1201

Này Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào? Có phải trước có lòng dục (ý muốn) nơi ông, thúc đây ông: “Ta sẽ đi đêîì khu vườn", sau khi ông đên khu vườn, lòng dục ấy được tịnh chỉ? Thưa vâng, Tôn giả. - Có phải trước có tinh tấn nơi ông5 thúc đẩy ông: “Ta sẽ đi đến khu vườn", sau khi ông đến khu vườn, tinh tấn ấy được tịnh chỉ? Thưa vâng, Tôn giả. Có phải trước có tâm nơi ông, thúc đây ông: “Ta sẽ đi đên khu vườn", sau khi ông đên khu vườn, tâm ây được tịnh chỉ? Thưa vâng, Tôn giả. Có phải trước có tư duy nơi 6ng, thúc đây ông: "Ta sẽ đi đên khu vườn", sau khi ông đến khu vườn, tư duy ấy được tịnh chỉ? Thưa vâng, Tôn giả. Cũng vậy này Bà-la-môn? khi Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận5 Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã đoạn, chánh trí, giải thoát. Lòng dục mà vị ấy có trước để chứng được A-la-hán5 thì khi chứng được A-la-hán rôi, lòng dục ây được tịnh chỉ. Sự tinh tân mà vị ây có trước đê chứng đạt A-la- hán, thì khi chứng được A-la-hán rôi9 tinh tân ây được tịnh chỉ. Tâm mà vị ây CÓ trước đê chứng đạt A-la-hán, thì khi chứng được A-la-hán rôi? tâm ây được tịnh chỉ. Tư duy mà vị ây có trước đê chứng đạt A-la-hán, thì khi chứng được A-la-hán rồi, tư duy ấy được tịnh chỉ. Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn, sự thể là vậy, thời một công việc có chấm dứt hay không phải là một công việc không chấm dứt? Thực vậy, thưa Tôn giả Ãnanda, sự thể là vậy, một công việc có chấm dứt, không phải là một công việc không chấm dứt. Thật vi diệu thay, Tôn giả Ãnanda! Thật vi diệu thay, Tôn giả Ãnanda!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng! VI. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ NHẤT (Pathamasamanabrahmanasutta)13 (S V. 273) 828. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ9 này các Tỷ- kheo, có thần lực lớn, có uy lực lớn; tất cả những vị ấy

đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai, này các Tỷ-kheo? có thần lực lớn, có uy lực lớn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

13 Bản tiếng Anh của PTSX Recluses and Brahmins (a) (or Mighty Magic Power), nghĩa là Sa-môn, Bà-ỉa-môn(si) (hay Đại thần thông).

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo, có thần lực lớn, có uy lực lớn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ này các Tỷ-kheo, có thần lực lớn, có uy lực lớn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tap, nhờ làm cho sung mãn bôn như ý túc. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai, này các Tỷ-kheo5 có thần lực lớn, có uy lực lớn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tap, nhờ làm cho sung mãn bôn như ý túc. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời hiện tại5 này các Tỷ-kheo, có thân lực lớn, có uy lực lớn; tât cả những vị ây đêu nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. VII. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI (Dutiyasamanabrãhmanasuttà)^ (S V. 274) 829. Phàm những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo5 đã thực hiện nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hinh, biến hinh, đi ngang qua tường, qua thành lũy, qua núi như đi ngang hư không; trồi lên, độn thổ, ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim, với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại thần lực, đại uy lực như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Phàm những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai, này các Tỷ-kheo, sẽ thực hiện nhiêu loại thân thônẹ: Một thân hiện ra nhiêu thân... bay đên cõi Phạm thiên; tất cả những vị này đều nhờ tu tập5 nhờ làm cho sung mãn bốn như ý tủc. Phàm những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời hiện tại, này các Tỷ- kheo, sẽ thực hiện nhiêu loại thân thông: Một thân hiện ra nhiêu thân... bay đên cõi Phạm thiên; tất cả những vị này đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Phàm những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, đã thực hiện nhiều loại thần thông... sẽ thực hiện nhiều loại thần thông... đang thực hiện*

14 Bản tiếng Ạnh của PTS: Recluses and Brahmins (b) (or Manifold Forms), nghĩa là Sa-môn, Bà-la-môn (b) (hay Nhiều hình dạng).

nhiều loại thần thông... tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bôn như ý túc này. VIII. KINH TỶ-KHEO (Bhikkhusutta) (5. V. 275) 830. Do tu tập, do làm cho

sung mãn bốn như ý túc, này các Tỷ-kheo? Tỷ- kheo sau khi đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo. Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Chính nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc này, này các Tỷ-kheo? một Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc5 ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. IX. KINH THUYẾT VỀ THẦN THÔNG ụddhãdidesanãsutta) 15 (S V. 276) 831. Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ thuyết cho các ông về như ý (iddhĩ), về như ý túc5 về tu tập như ý túc, và về con đường đưa đến tu tập như ý túc. Hãy lắng nghe. Này các Tỷ-kheo, thế nào là như ý? Ở dây, nàỵ các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hiện nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là như ý. Này các Tỷ-kheo, thế nào là như ý túc? Con đường nào, đạo lộ nào, này các Tỷ-kheo, đưa đến chứng được như ý? chứng đắc như ý. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là như ý túc. Này các Tỷ-kheo, thế nào là sự tu tập như ý túc? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tu tập như ý túc. Này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến tu tập như ý túc? Đây là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến sự tu tập như ý túc. X. KINH PHÂN TÍCH (Vibhangasutta) (S V. 276) 832. Có bốn như ý túc, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn. Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, này các Tỷ-kheo, bốn như ý túc này có quả lớn, có lợi ích lớn? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành, nghĩ rằng: "Nhu vậy, dục của ta sẽ không có quá thụ động, sẽ không có quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tưởng trước sau đồng đẳng... Như vậy, với tâm rộng mở5 với tâm không

15 Bản tiếng Anh của PTS: Teaching (or Cultivation)^ nghĩa là Giảo giới (hay Tu tập).

gò bó9 với tâm chói sáng, vị ây tu tập tâm... tinh tân định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh càn hành, nghĩ rằng: "Nhu vậy5 tư duy của ta sẽ không quá thụ động... Như vậy, với tâm rộng mở5 với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm. Này các Tỷ-kheo, thế nào là dục quá thụ động? Dục nào, này các Tỷ-kheo? đi đôi với biếng nhác5 tương img với biếng nhác, này các Tỷ-kheo5 đây gọi là dục quá thụ động. Này các Tỷ-kheo5 thế nào là dục quá hăng say? Dục nào, này các Tỷ-kheo? đi đôi với trạo cử, tương ưng với dao động, này các Tỷ-kheo5 đây gọi là dục quá hăng say. Này các Tỷ-kheo5 thế nào là dục bị co rút phía trong? Dục nào, này các Tỷ- kheo, đi đôi với hôn trầm thụy miên? tương ưng với hôn trầm thụy miên, này các Tỷ-kheo5 đây gọi là dục bị co rút phía trong. Này các Tỷ-kheo, thế nào là dục bị phân tán phía ngoài? Dục nào, này các Tỷ-kheo, hướng về phía ngoài, duyên năm dục công đức, bị phân tán, bị phân ly, này các Tỷ-kheo5 đây gọi là dục bị phân tán phía ngoài. ỉ 5

?

Này các Tỷ-kheo5 thê nào là Tỷ-kheo trú với tưởng trước sau đông đăng5 trước thế nào thời sau như vậy, sau thế nào thời trước như vậy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tưởng trước sau của Tỷ-kheo được khéo nắm lấy, khéo tác ý, khéo thọ trì? khéo thể nhập với trí tuệ. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 trú với tưởng trước sau đồng đẳng, trước thế nào thời sau như vậy5 sau thế nào thời trước như vậy. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo trú dưới thế nào thời trên như vậy, trên thế nào thời dưới như vậy? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo quán thân này, từ bàn chân trở lên,16 từ đầu tóc trở xuống? bao bọc bởi da, đều đầy những vật bất tịnh; thân này có tóc, lông, m6ng, răng, da5 thịt, dây gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô5 lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân? mật, dàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là Tỷ-kheo trú dưới thế nào thời trên như vậy9 trên thế nào thời dưới như vậy. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo trú ban ngày thế nào thời ban đêm như vậy, ban đêm thế nào thời ban ngày như vậy? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo ban ngày tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành với hành tướng, đặc tướng, nhân tướng gi, thời ban đêm vị ấy tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành với hành tướng, đặc tướng, nhân tướng ấy (yehi ãkãrehi yehi ỉirìgehi yehi nimittehí). Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo trú ban ngày thế nào thời ban đêm như vậy5 ban đêm thế nào thời ban ngày như vậy. Này các Tỷ-kheo, thê nào là Tỷ-kheo với tâm rộng mở5 với tâm không gò bó5 với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, quang tưởng (ãlokasannã) của Tỷ-kheo được khéo nắm lấy5 tưởng ban ngày được khéo an

16 Xemy IV. Ill; M I. 57.

trú. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo với tâm rộng mở? với tâm không gò b6, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm. (Như kinh trên, chỉ khác là ở trước nói đến 66dục djnh", ở đây nói đến "tinh tấn định, tâm định và tư duy định^,). Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo5 bốn như ý túc này có quả lớn, có lợi ích lớn. Này các Tỷ-kheo9 tu tập bốn như ý túc như vậy? làm cho sung mãn như vậy5 Tỷ-kheo thực hiện nhiều loại thần thông. Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên... Tu tập như vậy9 làm cho sung mãn bôn như ý túc như vậy? này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

ni. PHẨM VIÊN BI SẮT (AYOGULAVAGGA)

I. KINH CON ĐƯỜNG (Maggasutta) (5. V. 281) 833. Nhân duyên tại Sãvatthi. —Ngày xưa, trước khi Ta giác ngộ5 này các Tỷ-kheo, chưa chứng đạt Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát? Ta suy nghĩ như sau: “Con đường gì, đạo lộ gì để tu tập như ý túc?” Rồi này các Tỷ-kheo5 Ta suy nghĩ như sau: Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần

hành, nghĩ rằng: “Nhu vậy, dục của ta sẽ không quá thụ động, sẽ không quá hăng say... với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.,^ ... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành, nghĩ rằng: "Nhu vậy, tư duy của ta sẽ không quá thụ động, sẽ không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, vị ấy trú với tưởng trước sau đồng đẳng. Trước thế nào thời sau như vậy, sau thế nào thời trước như vậy. Dưới thế nào thời trên như vậy? trên thế nào thời dưới như vậy. Ngày thê nào thời đêm như vậy, đêm thê nào thời ngày như vay." Như vậy5 với tâm rộng mở5 với tâm không gò bó? với tâm chói sáng5 vị ây tu tập tâm. "Bốn như ý túc được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy9 Tỷ- kheo thực hiện nhiều loại thần thông: Một thân hiện thành nhiều thân, nhiều thân hiện thành một thân... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên... "Bốn như ý túc được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy? Tỷ- kheo do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. ... (Sáu thăng trí được thuyêt rộng). II. KINH HÒN SẮT (ÀyoguỊasutta) (S. V. 282) 834. Nhân duyên tại Sãvatthi. . . . . f f . ..

Roi Tôn giả Ananda đi đên Thê Tôn; sau kni đên5 đanh lê Thê Tôn rôi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế T6n, Thế Tôn có biết làm thế nào với như ý lực5 đi đến Phạm thiên giới với thân do ý làm ra? -Ta có biết, này Ãnanda, làm thế nào với như ý lực? đi đến Phạm thiên giới với thân do ý làm ra.

51. TƯƠNG ƯNG NHƯ Ý TÚC 1207

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có biết làm thế nào với như ý lực, đi đến Phạm thiên giới với thân do bốn đại tác thành này? Ta có biết, này Ãnanda, làm thế nào với như ý lực, đi đến Phạm thiên giới với thân do bốn đại tác thành này. Thế Tôn có thể hóa thân (opapãtĩ) với như ý lực, đi đến Phạm thiên giới với thân do ý làm ra. Thế Tôn có thể rõ biết được với như ý lực, đi đến Phạm thiên giới với thân do bốn đại hợp thành. Như vậy, bạch Thế Tôn, Thế Tôn thật là vi diệu? thật là hy hữu! Thật vậy, này Ãnanda, Như Lai thật là vi diệu, này Ananda, vì Như Lai đầy đủ vi diệu pháp! Như Lai thật hy hữu, này Ảnanda, vì Như Lai đầy đủ hy hữu pháp! Khi nào, này Ãnanda, Như Lai định thân trên tâm và định tâm trên thân, trong khi nhập vào và an trú lạc tưởng, khinh an tưởng trong thân; trong khi ấy, này Ãnanda, thân của Như Lai lại càng khinh an hơn, càng nhu nhuyến hơn, càng kham nhẫn hơn, càng chói sáng hơn. Ví như một hòn sắt [hâm nóng] cả ngày, trở thành nhẹ nhàng hơn, nhu nhuyến hơn, kham nhẫn hơn, chói sáng hơn. Cũng vậy5 này Ãnanda, khi nào Như Lai định thân trên tâm hay định tâm trên thân, trong khi nhập vào và an trú lạc tưởng, khinh an tưởng trong thân; trong khi ấy, này Ãnanda, thân của Như Lai lại càng khinh an hơn, nhu nhuyến hơn, càng kham nhẫn hơn, càng chói sáng hơn. Trong khi, này Ãnanda, Như Lai định thân trên tâm hay định tâm trên thân, trong khi nhập vào và an trú lạc tưởng, khinh an tưởng trong thân; trong khi ấy, này Ãnanda, thân của Như Lai không mệt nhọc, từ đất bay bổng lên hư không, và thực hiện nhiều loại thần thông: Một thân hóa thành nhiều thân, nhiều thân hóa thành một thân... tự thân có thể bay đến Phạm thiên giới. Ví như, này Ãnanda, hoa bông gòn hay hoa cỏ bông dại được gió thổi nhẹ, không mệt nhọc, từ đất bay bổng lên

hư không. Cũng vậy, này Ãnanda, trong khi Như Lai định thân trên tâm hay định tâm trên thân5 trong khi nhập vào và an trú lạc tưởng, khinh an tưởng trong thân; trong khi ấy, này Ãnanda, thân của Như Lai không có gì mệt nhọc, có thể từ đất bay bổng lên hư không, và thực hiện nhiêu loại thân thông: Một thân hiện ra nhiêu thân? nhiêu thân hiện ra một thân... tự thân có thể bay đến Phạm thiên giới.

IIL KINH TỶ-KHEO (Bhikkhusutta) (S V. 284) 835. Này các Tỷ-kheo? có bốn như ý túc này. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Những pháp này, này các Tỷ-kheo5 là bốn như ý túc. Nhờ tu tập5 nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc này, này các Tỷ-kheo?

w • r Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. IV. KINH THANH TỊNH (Suddhikasutta) (S V. 284) 836. (Như kinh trên). V. KINH QUẢ VỊ THỨ NHẤT (PaḶhamaphalasutta) (S V. 285) 837. Này các Tỷ-kheo, có bốn như ý túc này. Thế nào là bốn?... Tu tập? làm cho sung mãn bốn như ý túc này5 này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là một trong hai quả: Ngay hiện tại được chánh trí, hay nếu có dư y, được quả Bất lai. VI. KINH QUẢ VỊ THỨ HAI (Dutìyaphalasutta) (5. V. 285) 838. Này các Tỷ-kheo, có bốn như ý túc này. Thế nào là bốn?... Tu tập, làm cho sung mãn bốn như ý túc này, được chờ đợi bảy quả5 bảy lợi ích. Thế nào là bảy quả9 bảy lợi ích? Ngay trong hiện tại? lập tức thành tựu chánh trí; nếu ngay trong hiện tại, không lập tức thành tựu chánh trí, thời khi mạng chung, thành tựu chánh trí; nếu khi mạng chung, không thành tựu chánh trí, thì sau khi diệt năm hạ phần kiết sử, được Trung gian Bát-niết-bàn, được Tổn hại Bát-niết-bàn, được Vô hành Bát-niêt-bàn, được Hữu hành Bát-niêt-bàn, được chứng Thượng lưu sanh Săc Cứu Cánh thiên. Tu tập5 làm cho sung mãn bốn như ý túc này, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi bảy quả, bảy lợi ích. VII. KINH ÃNANDA THỨ NHẤT (PaḶhamaãnandasutta) (S V. 286) 839. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn, sau khi đến... ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Ton, thế nào là như ý? Thế nào là như ý túc? Thế nào là sự tu tập như ý túc? Thế nào là con đường đưa đến tu tập như ý túc? (Như trên)... VIII. KINH ÃNANDA THỨ HAI (Dutiyaãnandasutta) (5. V. 286) 840. Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda đang ngồi một bên: —Này Ảnanda5 thế nào là như ý? Thế nào là như ý túc? Thế nào là tu tập như ý túc? Thê nào là con đường đưa đên tu tập như ý túc? (Như kinh 831 chương II ở trên). IX. KINH TỶ-KHEO THỨ NHẤT (Pathamabhikkhusutta) (S V. 287) 841. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ây bạch The Tôn:

Bạch Thế T6n, thế nào là như ý? Thế nào là như ý túc? Thế nào là tu tập như ý túc? Thế nào là con đường đưa đến tu tập như ý túc? - Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập nhiều loại thần thông: Một thân trở thành nhiều thân... cho đến Phạm thiên giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến như ý túc. X. KINH TỶ-KHEO THỨ HAI

(Dutìyabhikkhusutía) (S. V. 287) 842. (Như kinh 840, chỉ khác là ở đây Thế Tôn nói với "nhiều Tỷ-kheo,,).

XI. KINH MOGGALLÃNA (Moggallãnasuttd)(y V. 288) 843. Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: -Các ông nghĩ thế nào? này các Tỷ-kheo, tu tập5 làm cho sung mãn những pháp nào, Tỷ-kheo Moggallãna có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy? Bạch Thế Tôn5 đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm bậc chỉ đạo... -Do tu tập5 làm cho sung mãn bốn như ý túc, Tỷ-kheo Moggallãna có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy. Thế nào là bốn? Ở đây? này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo Moggallãna tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành nghĩ rằng: "Nhu vậy9 dục của ta không quá thụ động... với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm. ... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành nghĩ rằng: "Tu duy của ta sẽ không quá thụ động? sẽ không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài..Như vậy5 với tâm rộng mở? với tâm không gò b6, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Tỷ-kheo Moggallăna có đại thần lực như vậy, đại uy lực như vậy. Do tu tap, do làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Tỷ-kheo Moggallãna thực hiện nhiều loại thần thông: Như một thân hiện thành nhiều thân, nhiều thân hiện thành một thân... tự thân có thể bay đến Phạm thiên giới. Do tu tập, làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Tỷ-kheo Moggallãna đoạn tận các lậu hoặc5 ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. XII. KINH NHƯ LAI (Tathữgatasutta) (5. V. 289) 844. Ở dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Các ông nghĩ thế nào? này các Tỷ-kheo5 tu tập, làm cho sung mãn những pháp nào, Như Lai có đại thần lực như vậy5 có đại uy lực như vậy? (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "Nhu Lai')

1210 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ V. THIÊN ĐẠI

IV PHẨM SÔNG HÃNG LƯỢC THUYẾT (gangãpeyyãlavẪgga) I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐÀU BẰNG KINH SÔNG HẰNG (Gangãnadĩãđisuttadvãdasaka) (S V. 290-91) 845-856. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, sông Hăng thiên vê phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bôn như ý túc5 làm cho sung mãn bôn như ý túc, thiên vê Niêt-bàn, hướng vê Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ~kheo tu tập bốn như ý túc5 làm cho sung mãn bốn như ý túc, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết- bàn, xuôi về Niết-bàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bốn như ý túc, làm cho sung mãn bốn như ý túc, thiên về Niết-bàn? hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. (Phâm này gôm các kinh: "Sáu hướng vê phương Đông và sáu hướng vê biển.^, Hai lần sáu thành mười hai và phẩm này được gọi như vậy).

V PHẨM KHÔNG PHÓNG DẶT (APPAMÀDAVAGGA)

IX.(S V. 291)
857-866. (Phẩm này gồm các kinh: "Nhu Lai", “Dấu chân”, "Chóp mái",

“Rễ hương”"Lõi hương”"Hạ Sanh hoa", "Vua”“Mặt trĩig”“Mặt tròi",
6ẺVảr\ tất cả là mười kinh).
VI. PHẨM CÀN DÙNG sức MẠNH (BALAKARANĨY4V4GGA)

I-XIL (5. V. 291)
867-878. (Phẩm này gồm các kinh: “Sức lực”, "Các hạt giống5\ "Con ran^,
“Cây "Cái ghV, “Rấulúa mi”, “Hu kh6ng”, "Mây mua" dây mưa 2”
“Chiếc thuyền", "Các khAch", "Con s6ng").
51. TƯƠNG ƯNG NHƯ Ý TÚC 1211

vn. PHẨM TÀM CÀU (ESANÂVAGGA)

IX.(S V. 291) 879-888. (Phẩm này gồm các kinh: "Tầm cầu", "Kiêu mạn", "Lậu hoặc,\ “Hữu”, "Khổ tánh”, “Hoang vu”, “cấu nhiễm,\ "Dao động", “Th”, uKhát ái”).

VIIL PHẨM BỘC LƯU (OGHAVAGGA)

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH Bộc LƯU (Oghãdisuttadasakà) (S. V. 292) 889-898. Này các Tỷ-kheo5 có năm thượng phần kiết sử này. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Này các Tỷ-kheo, những pháp này là năm thượng phân kiêt sử. Này các Tỷ-kheo5 với mục đích thắng tri? liễu tri, đoạn diet, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bốn như ý túc cần phải tu tập. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Này các Tỷ-kheo, với mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bốn như ý túc cần phải tu tập. (Phẩm này gồm các kinh: "Bộc lưu”, "Ach phugc”, “Chấp thìì”“He phug "Thy mien,\ yDục công dức”, "Triền cái”, "Thủ uẩn”, “Hạ phần kiết "Thượng phần kiết SỈT).

52. TƯƠNG ƯNG ANURUDDHA (ANURUDDHASAMYUTTA)

L PHẨM ĐỘC Cư (RAHOGATAVAGGA)

L KINH ĐỘC Cư THỨ NHẤT (Pafhamarahogatasutta) (S V. 294) 899. Như vầy tôi nghe. Một thòi, Tôn giả Anuruddha trú ở Sãvatthi, tại Thắng Lâm, khu vườn ông Anãthapindika. Rồi Tôn giả Anuruddha trong khi độc cư thiền tịnh, tâm tưởng suy tư sau đây được khởi lên: "Những ai thối thất bốn niệm xứ, cũng thối thất đối với họ là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Những ai thành tựu bốn niệm xứ thì cũng thực hiện được Thánh đạo đưa đên chơn chánh đoạn tận khô dau." Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna với tâm của mình biết được tâm của Tôn giả Anuruddha. Như người lực sĩ duỗi cánh tay co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Tôn giả Mahãmoggallãna hiện ra trước mặt Tôn giả Anuruddha. Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna nói với Tôn giả Anuruddha: Cho đến như thế nào, này Hiền giả Anuruddha, Tỷ-kheo thực hiện bốn niệm xứ? Ở dây, này Hiền giả, Tỷ-kheo trú, CỊuán tánh tập khởi trên nội thân. Vị ấy trú, quán tánh đoạn diệt trên nội thân. Vị ây trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên nội thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên ngoại thân. Vị ấy trú, quán tánh đoạn diệt trên

ngoại thân. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên ngoại thân5 nhiệt tâm5 tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên nội ngoại thân. Vị ấy trú, quán tánh đoạn diệt trên nội ngoại thân. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên nội ngoại thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Nêu vị ây muôn: "Ta sẽ trú với tưởng ghê tởm đôi với pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng không ghê tởm đối với pháp ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng không ghê tởm. Nêu vị ây muôn: "Ta sẽ trú với tưởng ghê tởm đôi với các pháp không ghê tởm và pháp ghê tởm"vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng không ghê tởm đối với pháp ghê tởm và pháp không ghê tởm",

vị ây trú ở đây với tưởng không ghê tởm. Nêu vị ây muôn: "Từ bỏ cả hai, không ghê tởm và ghê tởm, ta sẽ trú xả5 chánh niệm5 tỉnh giác", vị ấy trú ở đây với xả5 chánh niệm, tỉnh giác. Vị ây trú, quán tánh tập khởi trên các nội thọ. Vị ây trú, quán tánh đoạn diệt trên các nội thọ. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các nội thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên các ngoại thọ. Vị ấy trú, quán tánh đoạn diệt trên các ngoại thọ. Vị ẩy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các ngoại thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm5 nhiêp phục tham ưu ở đời. Vị ây trú, quán tánh tập khởi trên các nội ngoại thọ. Vị ây trú, quán tánh đoạn diệt trên các nội ngoại thọ. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các nội ngoại thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm9 nhiêp phục tham ưu ở đời. Nếu vị ấy muốn... ... trên nội tâm... ... trên ngoại tâm... ... trên nội ngoại tâm... Nếu vị ấy muốn... ... trên nội pháp... ... trên ngoại pháp... Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên các nội ngoại pháp. Vị ấy trú? quán tánh đoạn diệt trên các nội ngoại pháp. Vị ây trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các nội ngoại pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác? chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Nêu vị ây muôn: "Ta sẽ trú với tưởng ghê tởm đôi với pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm... vị ây trú ở đây với xả5 chánh niệm? tỉnh giác. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là Tỷ-kheo thực hiện bốn niệm xứ. IL KINH ĐỘC CƯ THỨ HAI (Dutìyarahogatasutta) (5. V. 296) 900. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Anuruddha trong khi độc cư thiền định, tâm tưởĩiệ, suy tư sau đây được khởi lên: :Những ai thối thất bốn niệm xứ, cũng thối that đối với họ là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Những ai thành tựu bốn niệm xứ cũng thành tựu đối với họ là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ dau." Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna với tâm của mình biết tâm tư suy tưởng của Ton giảAnuruddha. Như một nhà lực sĩ... hiện ra trước mặt Tôn giảAnuruddha. Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna nói với Tôn giả Anuruddha: Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Anuruddha, là Tỷ-kheo thực hiện bốn niệm xứ?

Ở đây5 thưa Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên nội thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán thân trên ngoại thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán thân trên nội

ngoại thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán thọ trên các nội thọ... Vị ấy trú, quán tâm trên nội tâm... Vị ấy trú, quán pháp trên các nội pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán pháp trên các ngoại pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiêp phục tham ưu ở đời. Vị ây trú, quán pháp trên các nội ngoại pháp? nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm? nhiếp phục tham ưu ở đời. Cho đến như vậy, này Hiền giả5 là Tỷ-kheo thành tựu bốn niệm xứ.

III. KINH SUTANU (Sutanusuttd) (8. V. 297) 901. Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sãvatthi, trên bờ sông Sutanu. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuruddha những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy thưa với Tôn giả Anuruddha: -Tôn giả Anuruddha tu tập, làm cho sung mãn những pháp nào, đạt được đại thắng trí? Thưa các Hiền giả5 do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ nên tôi đạt được đại thắng trí. Thế nào là bon? Ở đây? này chư Hiền, tôi trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm5 nhiếp phục tham ưu ở đời. Này chư Hiền, chính do tu tập, làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi đạt được đại thắng trí. Và thưa chư Hiền, chính do tu tap, làm cho sung mãn bốn niệm xứ này5 tôi chứng tri liệt pháp là liệt pháp, trung pháp là trung pháp, thắng pháp là thắng pháp. IV. KINH KANDAKI THỨ NHẤT (PaḶhamakanặakĩsutta) (S V. 298) 902. Một thòi, Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Mahãmoggallãna trú ở Sãketa, tại rừng Kandakĩ. Rồi Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Mahãmoggallãna, vào buổi chiều, từ độc cư thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, nói lên với Tôn giảAnuruddha những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Sãriputta thưa với Tôn giả Anuruddha: Thưa Hiền giảAnuruddha, Tỷ-kheo Hữu học9 sau khi đạt pháp gì, phải an trú pháp ấy?

Thưa Hiền giả Sãriputta, Tỷ-kheo Hữu học, sau khi đạt bốn niệm xứ5 phải an trú pháp ấy. Thế nào là bốn? Ở đây? thưa Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân? nhiệt tâm5 tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán thọ trên các cảm thọ9 nhiệt tâm5 tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán tâm trên tâm... Vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Thưa Hiền giả Sãriputta, Tỷ-kheo Hữu học? sau khi chứng đạt bốn niệm xứ này, phải an trú pháp ấy. V KINH KANDAKI THỨ HAI (Dutìyakandakĩsutta) (S. V. 299) 903. Nhân duyên ở Sãketa. Ngồi một bên, Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả Anuruddha: Thưa Hiền giả Anuruddha, Tỷ-kheo Vô học5 sau khi chứng đạt pháp gì, phải an trú pháp ấy? Thưa Hiền giả Sãriputta, Tỷ-kheo Vô học, sau khi chứng đạt bốn niệm xứ9 phải an trú pháp ấy. Thế nào là bốn? Ở đây? thưa Hiền giả5 Tỷ-kheo trú, quán thân trên than, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp

phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Thưa Hiền giả Sâriputta, Tỷ-kheo Vô học5 sau khi chứng đạt bốn niệm xứ này, phải an trú pháp ấy. VI. KINH KANỌAKĨ THỨ BA (Tatiyakandakisutta) (S V. 299) 904. Nhân duyên tại Sãketa. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả Anuruddha như sau: -Tôn giả Anuruddha do tu tập? làm cho sung mãn những pháp nào, đạt được đại thắng trí? -Thưa Hiền giả, do tu tập5 do làm cho sung mãn bốn niệm xứ, tôi đạt được đại thắng trí. Thế nào là bốn? Ở đây, thưa Hiền giả, tôi trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm5 tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Thưa Hiền giả, do tu tap, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này9 tôi đạt được đại thắng trí. Thưa Hiền giả5 do tu tập, làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi thắng tri được một ngàn thế giới. VII. KINH ÁI TÂN (Tanhakkhayasutta)(y V. 300) 905. Nhân duyên ở Sãvatthi. Tại đây, Tôn giả Anuruddha nói với các Tỷ-kheo:

- Này chư Hiền. Thưa Tôn giả. Các Tỷ-kheo vâng đáp Tôn giảAnuruddha. Tôn giảAnuruddha nói như sau: Bôn niệm xứ này, thưa chư Hiên, được tu tập, được làm cho sung mãn5 đưa đến đoạn tận khát ái. Thế nào là bốn? Ở đây9 thưa chư Hiền, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trên các cảm thọ... trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Thưa chư Hiền, bốn niệm xứ này được tu tập? được làm cho sung mãn5 đưa đến đoạn tận khát ái. VIII. KINH TẠI NHÀ BẰNG CÂY SALALA (SalaḶãgãrasuttd) (S V. 300) 906. Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sãvatthi, tại nhà làm bằng cây SalaḶa. Tại đây, Tôn giả Anuruddha gọi các Tỷ-kheo... nói như sau: Ví như, này chư Hiền, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Rồi một số đông quần chúng đến, cầm cuốc? thúng và nói: "Chúng ta sẽ làm cho sông Hằng này thiên về phương Tây, hướng về phương Tây, xuôi về phương Tây?5 Thưa chư Hiền, chư Hiền nghĩ thế nào5 sô đông quân chúng này có thê làm cho sông Hăng thiên vê phương Tây, hướng về phương Tây5 xuôi về phương Tây không? Thưa không, Hiền giả.1 Vì sao? Thưa Hiền giả, vì sông Hằng thiên về phương Đông, hướng vê phương Đông, xuôi vê phương Đông, không dê gì khiên cho thiên vê phương Tây, hướng vê phương Tây, xuôi vê phương Tây được. Và quân chúng ây chỉ mệt nhọc và tôn não mà thôi. Cũng vậy9 này chư Hiền5 Tỷ-kheo tu tập bốn niệm xứ5 làm cho sung mãn bôn niệm xứ. Dâu cho vua chúa? hay đại thân, hay thân hữu, hay bạn bè, hay bà con huyết thống có thể đến dâng các tài vật và mời: t4Hãy đến, này người kia, sao đê các áo vàng này hành hạ ông? Sao lại đi loanh quanh với đâu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởn^ các tài vật và làm các phước dức!" Tỷ-kheo ấy5 thưa chư Hiền, được tu tập bốn niệm xứ, được làm cho sung mãn bốn niệm xứ, có thể từ bỏ giới trở lui hoàn tục; sự kiện như vậy không xảy ra. Vì sao? Vì này chư Hiền, tâm người ấy đã lâu ngày thiên về viễn ly, hướng về viễn ly, xuôi về viễn ly, lại trở lại hoàn tục, sự kiện như vậy không xảy ra. Và này chư Hiên, Tỷ-kheo tu tập bôn niệm xứ như thê nào, làm cho sung mãn như thế nào? Ở đây, này chư Hiền,

Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân.. trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; như vậy? thưa chư Hiên, Tỷ-kheo tu tập bôn niệm xứ, làm cho sung mãn bôn niệm xứ.

1 Xem s. IV. 191.

IX. KINH TẠI RỪNG AMBAPẢLI (Ambapãlivanasutta) (S V. 301) 907. Một thời, Tôn giả Anuruddha và Tôn giả Sãriputta trú ở Vesãli, tại rừng Ambapãli. Rồi Tôn giả Sãriputta, vào buổi chiều, từ chỗ độc cư thiền tịnh đứng dậy... Ngồi một bên, Tôn giả Sãriputta thưa với Tôn giả Anuruddha: -Thưa Hiền giả Anuruddha, các căn của Hiền giả trong sáng, thanh tịnh, sắc mặt được sáng suốt. Tôn giả Anuruddha nay trú nhiều sự an trú gì? Thưa Hiên giả, nay tôi an trú nhiêu với tâm khéo an trú trên bôn niệm xứ. Thế nào là bốn? Ở đây5 thưa Hiền giả, tôi trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm? nhiếp phục tham ưu ở đời. Thưa Hiền giả, nay tôi an trú nhiều với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ. Thưa Hiền giả, Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận5 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục đích đã đạt tới, hữu kiết sử đã đoạn tận, chánh trí, giải thoát; vị ấy an trú nhiều với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ này. Thật lợi ích cho chúng tôi, thưa Hiền giả! Thật khéo lợi ích cho chúng tôi, thưa Hiền giả! Chúng tôi được đối mặt với Tôn giả Anuruddha, đã được nghe tiếng nói như Ngưu vương.

X. KINH BỊ TRỌNG BỆNH (BãỊhagilãnasuttd) (S. V. 302) 908. Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sãvatthi, tại rừng Andha, bị bệnh, khổ đau5 bị trọng bệnh. A e e A r e e

Rôi nhiêu Tỷ"kheo đi đên Tôn giảAnuruddha và nói với Tôn giảAnuruddha: -Tôn giả Anuruddha an trú với sự an trú gì khiên cho khô thọ vê thân khởi lên lại không có ảnh hưởng gì đến tâm? -Thưa chư Hiên, do tôi trú với tâm khéo an trú trên bôn niệm xứ nên các khổ thọ về thân khởi lên không có ảnh hưởng gì đến tâm. Thế nào là bốn? Ở dây, thưa chư Hiền, tôi trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm..trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác5 chánh niệm? nhiếp phục tham ưu ở đời. Thưa chư Hiên, do tôi trú với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ nên các khổ thọ về thân khởi lên không có ảnh hưởng đến tâm.

n. PHẨM THỨ HAI (DUTIY4K4GGA)

I. KINH MỘT NGÀN KAPPA (Kappasahassasutta)2 (S V. 303) 909. Một thời, Tôn giảAnuruddha trú ở Sãvatthi, tại Thắng Lâm, trong khu vườn ông Anãthapindika. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuruddha những lời chào đón hỏi thăm... nói với Tôn giả Anuruddha: -Do tu tap, do làm cho sung mãn những pháp gì Tôn giả Anuruddha đạt được đại thắng trí? Thưa chư Hiên, do tu

tập, do làm cho sung mãn bôn niệm xứ5 nên tôi đạt được đại thắng trí. Thế nào là bốn? Ở đây, này chư Hiền, tôi trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Do tu tap, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, thưa chư Hiền, tôi đạt được đại thắng trí. Và cũng do tu tập, do làm cho sung mãn bôn niệm xứ này, thưa chư Hiên, nên tôi nhớ được ngàn kiếp. II. KINH NHIỀU LOẠI THẦN THÔNG (Ịddhividhasuttă) (S V. 303) 910. Thưa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi thực hiện nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân... có thể tự thân bay đến Phạm thiên giới.

III. KINH THIÊN NHĨ THÔNG (Dibbasotasutta) (S V. 304) 911. Thưa chư Hiền, do tu tập? do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi chứng được Thiên nhĩ thông thuần tịnh siêu nhân, có thể nghe được hai thứ tiêng chư thiên và loài người, hoặc xa hoặc gân. IV. KINH BIẾT ĐƯỢC TÂM (Cetopariyasutta) (S V. 304) 912. Thưa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi với tâm của mình biêt được tâm của nhiêu loại hữu tình khác, nhiêu loại người khác. Với tâm có tham, tôi rõ biết là tâm có tham... với tâm chưa giải thoát, rõ biết là tâm chưa giải thoát.

2 Bản tiếng Anh của PTS: Thousandfold, nghĩa là Một ngàn.

V. KINH XỨ (Thãnasuttăý(y V. 304) 913. Thưa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thực rõ biêt xứ là xứ,4 phi xứ là phi xứ. VI. KINH TIẾP NHẬN QUẢ DỊ THỤC CỦA NGHIỆP (Kammasamãdãnasutta) (S V. 304) 914. Thưa chư Hiền, do tu tập? do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biêt quả dị thục các nghiệp báo quá khứ, vị lai, hiện tại tùy thuộc sở do (thãnaso) và tùy thuộc về nhân Ợietuso).

VII. KINH ĐẠO Lộ (Sabbatthagăminisutta)5 (S V. 304) 915. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết con đường đưa đên tất cả cảnh giới. VIII. KINH THÉ GIỚI SAI BIỆT (Nãnãdhãtusutta)6 (S. V. 304) 916. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết thế giới với mọi cảnh giới, nhiều chủng loại sai biệt. IX. KINH THẮNG GIẢI SAI BIỆT (Nãnãdhimuttisutta) (5. V. 305) 917. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết chỉ hướng sai biệt của các loại hữu tình. X. KINH CÁC CĂN THƯỢNG HẠ (Indríyaparoparíyattasuttay (S V. 305) 918. Do tu tap, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết các căn thượng hạ của các loại hữu tình và các loại người. XI. KINH THIỀN ụhãnãdisutta) (5. V. 305) 919. Do tu tập5 do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các thiền chứng về thiền, về giải thoát, vê định. XIL KINH TÚC MẠNG MINH (Pubbenivãsasuttdỷ (S V. 305) 920. Do tu tap, do làm cho sung mãn bôn niệm xứ này, tôi nhớ được nhiêu đời quá khứ, như một đời5 hai đời... nhiều đời sống quá khứ cùng các nét đại cương và các chi tiết. XIII. KINH THIÊN NHÃN MINH (Dibbacakkhusutta) (S V. 306) 921. Do tu tập5 do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi chứng được

3 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Causal Occasion, nghĩa là Duyên hệ. 4 SA. III. 263 giải thích rằng đối với trí này, các đệ tử chỉ đạt được một phần, còn chư Phật thành tựu một cách viên mãn. 5 Bản tiếng Anh của PTS: Practice, nghĩa là Tu tập. 6 Bản tiếng Anh của PTS: The World, nghĩa là Thế giới. 7 Bản tiếng Anh của PTS: Faculty, nghĩa là Căn. 8 Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (921,922) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Knowledge, nghĩa là Minh.

52. TƯƠNG ƯNG ANURUDDHA 1221

Thiên nhãn thuân tịnh siêu nhân, thây sự sông và sự chêt của chúng sanh... Nhờ Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân như vậy5 tôi biết rõ chúng sanh đều đi theo hạnh nghiệp của họ. XIV KINH LẬU TẬN MINH (Ẫsavakkhayasutta) (5. V. 306) 922. Do tu tập5 do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí tôi chứng ngộ, chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

53. TƯỢNG ƯNG thiên ỰHẢNASAMYUTTA)

L PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT (GANGẴPEYYẴLAVẰGGA)

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐÀU BẰNG KINH THIỀN ựhãnãdisuttadvãdasakd)1 (S. V. 307) 923-934. Nhân duyên tại Sãvatthi. - Này các Tỷ-kheo, có bốn tầng thiền này. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiên thứ nhât5 một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ. Làm tịnh chỉ tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Đoạn lạc đoạn khổ9 chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bôn thiên. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, sông Hăng thiên vê phương Đông5 hướng vê phương Đông, xuôi về phương Đông; cũng vậy? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bốn thiền, làm cho sung mãn bốn thiền, thiên ve iết-bàn, hướng về Niết- bàn, xuôi về Niết-bàn. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào Tỷ-kheo tu tập bốn thiên làm cho sung mãn bôn thiên, thiên vê Niêt-bàn, hướng vê Niêt-bàn, xuôi về Niết-bàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục? ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ... Thiền thứ hai.. Thiền thứ ba... Thiền thứ tư. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập bốn thiền, làm cho sung mãn bốn thiền, thiên về Niết-bàn? hướng về Niết-bn, xuôi về Niết-bàn. (Phẩm này gồm các bài kinh: 66Sáu hướng về phương Đông và sáu hướng về biển.,, Hai lần sáu thành mười hai và phẩm này được gọi như vậy).

1 Bản tiếng Anh của PTS: Foremost in Purity, nghĩa là Thanh tịnh nhất.

1224 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

II. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (APP4MẴDAK4GGA)

IX.(S V. 308) 935-944. (Phẩm này gồm các bài kinh: "Nhu Lai”“Dấu chân", "Chóp mái,55 “Rễ hương,55 "Lõi hương9\ "Hạ Sanh hoa”“Vua”"Mặt trang9\ “M trời”, "Vải”, tất cả là mười kinh).

in. PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH (BALAKARANĨIAVAGGA)

I-XIL (S V. 308) 945-956. (Phẩm này gồm các bài kinh: "Sức lực", uCác hạt gi6ng", "Con rắn,\ "Cây", 'cái ghè"âu lúa mi", "Hu kh6ngt "Mây mưa CÍMầy mưa T\ "Chiếc thuyền9\ "Các khach9\ "Con s6ng").

IV PHẨM TẦM CÀU (ẸSANÃVAGGA)

I.x. (S V. 309)
957-966. (Phẩm này gồm các bài kinh: ÍCTầm cầu", uKiêu mạn", "Lậu hoặc""Hữu" "Khổ tánh9 "Hoang vu""cấu nhi3m""Dao động9\ "Thq", "Khát ái").
V PHẨM BỘC LƯU (OGHAVAGGA)

I-X. KINH BỘC LƯU, VV... (Ọghãdisuttă) (S V. 309) 967-976. Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử này. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm thượng phần kiết sử. Này các Tỷ-kheo5 để thắng tri, liễu tri, đoạn diet, đoạn tận năm thượng phân kiêt sử này, bôn thiên cân phải tu tập. Thê nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư.

Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này5 này các Tỷ-kheo? Bốn thiền cần phải tu tập. (Phẩm này gồm các bài kinh: "Bộc lưu", "Ach phưgc", "Chấp thủ,\ "Hệ phược5\ "Tùy miên,\ "Dục công dức", "Triền cái", "Thủ uẩn", "Hạ phần kiết sử", "Thượng phần kiết sử").

54. TƯƠNG UNG HƠI THỞ VÔ, HƠI THỞ RA (ÃNẴPÂNASAMYUTTA)

L PHẨM MỘT PHÁP (EKADHAMMAE4GGA)

I. KINH MỘT PHÁP (Ekadhammasutta) (5.V. 311) 977. Nhân duyên tại Sãvatthi. Ở đây... nói như sau: Có một pháp, này các Tỷ-kheo? được tu tập, được làm cho sung mãn, thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Thế nào là một pháp? Niệm hơi thở v6, hơi thở ra. Và này các Tỷ-kheo, niệm hơi thở vô, hơi thở ra,1 tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, thời có quả lớn, có lợi ích lớn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây5 hay đi đến căn nhà trống, ngồi kiết-già, lưng thẳng, đặt niệm trước mặt; vị ấy chánh niệm thở vô, chánh niệm thở ra. Thở vô dài, vị ây rõ biêt: Tôi thở vô dài. Thở ra dài, vị ây rõ Diet: Tồi thở ra d2i." Thở vô ngắn, vị ấy rõ biết: "T6i thở vô ngắn.,, Thở ra ngắn, vị ấy rõ biet/Toithara^m^ g 1

"Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập. "Cảm ẹiác23toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vị ay tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập, :Cảm giác hỷ thọ? tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ5 tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở v6"vị ấy tập. "Cảm ẹiác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy

tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở v6”, vị ạy tập. ^An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập. "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan,3 tôi sẽ thở v6", vị ấy tập. "Vói tâm hân hoan, tôi sẽ thở

1 Xem D II. 291; M.L 56; Vism. I. 267 2 Patỉsamvedĩ. Vị ấy theo dõi hơi thở đi vào mũi, ngang qua toàn thân và ra khỏi thân. 3 Theo Vịsm. giải thoát khỏi các triền cái nhờ Thiền thứ nhất, khỏi tầm và tứ nhờ Thiền thứ hai, khỏi hỷ nhờ Thiền thư ba, khỏi khổ và lạc nhờ Thiền thứ tư.

ra”vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập. uVới tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra”vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát5 tôi sẽ thở ra”, vị ấy tập. "Quán vô thường, tôi sẽ thở v6”vị ấy tập. uQuán vô thường, tôi sẽ thở ra” vị ấy tập. uQuán ly tham, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập. uQuán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở v6”vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra” vị ay tập. "Quán từ bỏ? tôi sẽ thở v6”, vị ấy tập. "Quán từ bỏ5 tôi sẽ thở ra", vị ây tập. Tu tập như vậy5 này các Tỷ-kheo? làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô9 hơi thở ra, thời có quả lớn, có lợi ích lớn. II. KINH GIÁC CHI (Bojjhangasutta) (5. V.312) 978. Niệm hơi thở vô5 hơi thở ra5 này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn5 thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Và này các Tỷ-kheo? tu tập như thê nào, làm cho sung mãn như thê nào, niệm hơi thở vô5 hơi thở ra5 thời có quả lớn, có lợi ích lớn? Ở đây5 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với niệm hơi thở vô? hơi thở ra, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ; tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi câu hữu với niệm hơi thở v6, hơi thở ra, liên hệ đến viễn ly? liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ. Tu tập như vậy5 này các Tỷ-kheo5 làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra, thời có quả lớn, có lợi ích lớn. III. KINH THANH TỊNH (Suddhikasuttd) (S. V. 313) 979. Niệm hơi thở vô? hơi thở ra, này các Tỷ-kheo5 được tu tap, được làm cho sung mãn5 thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Tu tập như thế nào, này các Tỷ- kheo? làm cho sung mãn như thế nào, niệm hơi thở vô? hơi thở ra, thời có quả lớn, có lợi ích lớn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây? hay đi đên căn nhà trông, ngôi kiêt-già, lưng thăng, đặt niệm trước mặt; vị ây chánh niệm hơi thở vô, chánh niệm hơi thở ra. (Như kinh 977)... Tu tập như vậy? này các Tỷ-kheo5 làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra5 thời có quả lớn, thời có lợi ích lớn. IV. KINH QUẢ VỊ THỨ NHẤT (PaỊhamaphaỉasutta) (S V. 313) 980. Niệm hơi thở v6, hơi thở ra5 này các Tỷ-kheo5 được tu tập5 được làm cho sung mãn5 thời có quả lớn5 có lợi ích lớn. Tu tập như thê nào, này các Tỷ- kheo5 làm cho sung mãn như thế nào, niệm hơi thở v6, hơi thở ra có quả lớn, có lợi ích lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống, ngồi kiết-già... "Quán từ bỏ? tôi sẽ thở v6'\ vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở

ra”vị ấy tập. Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy? niệm hơi thở v6, hơi thở ra, thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Niệm hơi thở vô5 hơi thở ra được tu tập như vậy5 này các Tỷ-kheo? được làm cho sung mãn như vậy5 được chờ đợi một trong hai quả sau: Ngay trong hiện tại, được Chánh trí; nếu có dư y, chứng quả Bất lai. V. KINH QUẢ VỊ THỨ HAI (Dutìyaphalasutta) (S V. 314) 981. Niệm hơi thở vô5 hơi thở ra, này các Tỷ-kheo? được tu tap, được làm cho sung mãn, thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, niệm hơi thở v6, hơi thở ra5 thời có quả lớn, có lợi ích lớn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống, ngồi... "Quán từ bỏ5 tôi sẽ thở ra45\ vị ấy tập. Tu tập như vậy9 này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô5 hơi thở ra, thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Tu tập như vậy? này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra, thời được chờ đợi bảy quả, bảy lợi ích. Thế nào là bảy quả? bảy lợi ích? Ngay trong hiện tại, lập tức4 thành tựu chánh trí. Neu ngay trong hiện tại không lập tức thành tựu chánh trí5 thời khi mệnh chung thành tựu chánh trí. Nếu khi mệnh chung không thành tựu chánh trí, thời sau khi đoạn diệt năm hạ phân kiêt sử, được Trung gian Bát-niêt-bàn, được Tôn hại Bát-niêt-bàn? được Vô hành Bát-niết-bàn, được Hữu hành Bát-niết-bàn? được Thượng lưu đạt đến Sắc Cứu Cánh thiên. Tu tập như vậy5 này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy5 niệm hơi thở vô5 hơi thở ra thời được chờ đợi bảy quả, bảy lợi ích này. VI. KINH ARITTHA (AríỊỊhasutta)5 (S V. 314) 982. Nhân duyên tại Sãvatthi. Tại dấy, Thế Tôn... nói như sau: Này các Tỷ-kheo, các ông hãy tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra. Khi được nói vậy5 Tôn giả Arittha bạch Thế Tôn: Bạch Thế T6n, con có tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra.

—Này Arittha, ông tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra như thế nào? - Bạch Thế Tôn, đối với các dục (kãma) quá khứ, con đoạn trừ dục tham (kãmacchanda). Đối với dục tương lai, con từ bỏ dục tham. Đối ngại tưởng

4 Xem s. V. 204. 5 Xem M I. 130; 4 III. 451; Vin. II. 377.

(paíighasaỉinã) đối với nội ngoại pháp, được khéo nhiếp phục6 nơi con. Chánh niệm, con thở vô. Chánh niệm, con thở ra. Như vậy, bạch Thế Tôn? con tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra.7 Đây cũng là niệm hơi thở vô9 hơi thở ra, này Arittha, nhưng Ta tuyên bố là không phải. Này Arittha, Ta sẽ nói cho ông như thế nào là niệm hơi thở vô5 hơi thở ra được phát triển, được làm cho viên mãn. Hãy nghe và khéo tác ý9 Ta sẽ nói. Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Arittha vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Này Arittha, niệm hơi thở vô? hơi thở ra được phát triển, được làm cho viên mãn như thế nào? Ở đây, này Arittha, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây? hay đi đến căn nhà trống, ngồi kiết-già... "Quán từ bỏ9 tôi sẽ thở v6”vị ấy tập. "Quán từ bỏ5 tôi sẽ thở ra9\ vị ấy tập. Như vậy? này Arittha, niệm hơi thở v6, hơi thở ra được phát triển, được làm cho sung mãn. VII. KINH MAHÃKAPPINA (Mahãkappinasutta) (S V. 315) 983. Nhân duyên tại

Sãvatthi. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahãkappina đang ngồi kiết-già, không xa Thế Tôn bao nhiêu, thân thẳng, để niệm trước mặt. Thế Tôn thấy Tôn giả Mahãkappina ngồi kiết-già, không xa bao nhiêu, thân thẳng, để niệm trước mặt. Thấy vậy, Ngài liền gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo? các ông có thây Tỷ-kheo ây, thân có rung động hay có dao động không? Bạch Thế Tôn? chúng con thấy vị Tôn giả ấy ngồi giữa Tăng chúng hay ngồi một minh, độc cư; chúng con không thấy vị Tôn giả ấy thân bị rung động hay dao động. Đối với một vị có thiền định như vậy, này cáe Tỷ-kheo, nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn nên thân vị ây không rung động hay dao động? nên tâm vị ấy không rung động hay dao động. Đối với vị Tỷ-kheo ấy, được định như vậy, không có khó khăn, không có gian nan, không có mệt nhọc. Và này các Tỷ-kheo, vị ây tu tập5 làm cho sung mãn định nào mà thân không rung động, không dao động5 hay tâm không rung động, không dao động? Này các Tỷ-kheo, do vị ấy tu tập, làm cho sung mãn định niệm hơi thở vô, hơi thở ra nên thân không rung động, không dao động5 hoặc tâm không rung động hay không dao động.

6 Trong trường hợp này, Chủ 2Ìải viết rằng vị ấy tuyên bố con đường đưa đến quả vị Bất hoàn. 7 Trong trường hợp này, vị ấy tuyên bố trí tuệ đưa đến quả vị A-la-hán.

54. TƯƠNG ƯNG HƠI THỞ VÔ, HƠI THỞ RA 1231

Và này các Tỷ-kheo, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào mà thân không rung động hay không dao động, hoặc tâm không rung động hay không dao động? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị ấy đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống? ngồi kiết-già... “Quán từ bỏ, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Nhờ tu tập như vậy5 định niệm hơi thở vô, hơi thở ra5 này các Tỷ-kheo, nhờ làm cho sung mãn như vậy nên thân không bị rung động hay không dao động? hoặc tâm không rung động hay không dao động. VIII. KINH NGỌN ĐÈN TRÍ TUỆ (Padĩpopamasutta) (S. V. 316) 984. Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Và này các Tỷ-kheo? tu tập định niệm hơi thở v6, hơi thở ra như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, thời có quả lớn, có lợi ích lớn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô5\ vị ấy tap "Quán từ bỏ? tôi sẽ thở ra”vị ấy tập. Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra9 này các Tỷ-kheo? tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy5 thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Này các Tỷ-kheo? Ta trước khi giác ngộ, chưa chứng Chánh đẳng giác, khi còn là Bồ-tát, Ta trú nhiều với trú này. Này các Tỷ-kheo, do Ta trú nhiều với trú này, thân Ta và con mắt không có mệt nhọc; và tâm Ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. f r \ Do vậy? này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo ước muôn răng: "Mong răng thân và mắt khỏi bị mệt mỏi, và mong rằng tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thtr, th&i định niệm hơi thở vô và hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý. Do vậy? này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo ước muôn răng: "Mong răng các niệm? các tư duy của ta được đoạn tan”, thời định niệm hơi thở v6, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý. Do vậy, này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo ước muôn răng: "Mong răng ta sẽ trú với tưởng ghê tởm đối với các pháp không ghê tởm", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra

này cần phải được khéo tác ý. Do vậy, này các Tỷ-kheo? nêu Tỷ-kheo ước muôn răng: "Mong răng ta sẽ trú với tưởng không ghê tởm đối với các pháp ghê tởm", thời định niệm hơi thở vô? hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý. Do vậy9 này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo ước muôn răng: "T6i sẽ trú với tưởng ghê tởm đối với các pháp không ghê tởm và ghê tởm", thời định niệm hơi thở vô? hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

Do vậy9 này các Tỷ-kheo? nêu Tỷ-kheo ước muôn răng: "Tôi sẽ trú với tưởng không ghê tởm đối với các pháp ghê tởm và không ghê tởm", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý. Do vậy, này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo ước muôn răng: "Mong răng sau khi từ bỏ cả hai không ghê tởm và ghê tởm, tôi sẽ trú xả5 chánh niệm, tỉnh giác", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý. Do vậy? này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Mong rằng ly dục, ly bất thiện pháp, tôi sẽ chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ", thời định niệm hơi thở vô5 hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý. Do vậy? này các Tỷ-kheo? nêu Tỷ-kheo ước muôn răng: "Mong răng làm cho tịnh chỉ tâm và tứ, tôi sẽ chứng đạt và an trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất lâm", thời định niệm hơi thở vô? hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý. Do vậy? này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo ước muôn răng: "Mong răng ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, tôi sẽ chứng đạt và an trú Thiền thứ ba", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý. Do vậy? này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo ước muôn răng: "Mong răng đoạn lạc đoạn khổ? chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ trước, tôi chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tjnh", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý. Do vậy5 này các Tỷ-kheo? nêu Tỷ-kheo ước muôn răng: "Vượt qua săc tưởng một cách hoàn toàn, châm dứt đôi ngại tưởng, không tác ý các tưởng sai biệt5 nghĩ rằng: 'Hư không là vô biên\ chứng đạt và an trú Không vô biên xứ", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cân phải được khéo tác ý. Do vậy5 này các Tỷ-kheo? nêu Tỷ-kheo ước muôn răng: "Vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: 'Thức là vô biên\ tôi có thể chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ", thời định niệm hơi thở vô? hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý. Do vậy, này các Tỷ-kheo5 nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ răng: 'Không có vật gì\ tôi sẽ chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ9\ thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này càn phải được khéo tác ý. Do vậy5 này các Tỷ-kheo? nêu Tỷ-kheo ước muôn răng: "Vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, tôi sẽ chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cân phải được khéo tác ý. Do vậy5 này các Tỷ-kheo5 nêu Tỷ-kheo ước muôn răng: "Vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, tôi sẽ chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng djnh", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý. Trong khi tu tập định niệm hơi thở vô, hơi thở ra như vậy, này các Tỷ-kheo5

trong khi làm cho sung mãn như vậy, vị ấy cảm giác lạc thọ5 vị ấy rõ biết: "ThQ ấy là vô thuờng" vị ạy rõ biết: "Không có chập trước thọ ấy8 9J; vị ấy rõ biết: "'Không có hoan duyệt thọ ấy Nếu vị ấy cảm ệiác khổ thọ, vị ấy rõ biết: "Thọ ấy là vô thuờng"; vị ấy rõ biết: "Không có chấp trước thọ "vị ấy rõ biết: "IỢi6ng có hoan duyệt thọ ấy." Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc tho, vị ấy rõ biết: "'Thọ ấy là vô thường^,; vị ấy rõ biết: "Không có chấp trước thọ ấy"; vị ấy rõ biết: "Không có hoan duyệt thọ ấy." Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, thọ ấy được cảm thọ không bị trói buộc. Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, thọ ấy được cảm thọ không bị trói buộc. Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, thọ ấy được cảm thọ không bị trói buoc. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của thân, vị ây rõ Diet: Tôi cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của thân.,, Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của sinh mạng, vị ấy rõ biết: "Tôi cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của sinh mạng.,^ Khi thân hoại mạng chung, vị ấy rõ biết: "d đây5 tất cả mọi cảm thọ đều không có gì được hân hoan, và sẽ trở thành mát lạnh.M8 Ví như, này các Tỷ-kheo, do duyên dầu, duyên tim, một cây đèn dầu được cháy sáng. Nếu dầu và tim của ngọn đèn ấy đi đến tiêu diệt, nhiên liệu không được mang đến, thời ngọn đèn sẽ tắt. Cũng vậy, này các Tỵ-kheo, khi Tỷ-kheo cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của thân, vị ấy rõ biết: "T6i cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của thân.,, Khi Tỷ-kheo cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của sinh mạng, vị ấy rõ biêt: "Tôi cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của sinh mạng." Khi thân hoại mạng chung, vị ấy rõ biết: "d đây9 tất cả những gì được cảm thọ đều không có gì được hân hoan, và sẽ trở thành mát lạnh." IX. KINH VESÃLI (Vesãlĩsutta) (S V. 320) 985. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Vesãli, tại Đại Lâm, ngôi nhà có nóc nhọn. Lúc bấy giờ, Thế Tôn díing nhiều phương tiện giảng về bất tịnh,9 tán thán về bất tịnh, tán thán sự tu tập ve bất tịnh. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo: - Ta muốn sống thiền tịnh một mình trong nửa tháng, không gặp một ai, trừ người đem đồ ăn cho Ta. Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ây vâng dap The Ton, không cho một ai đen thăm Thê Tôn? trừ một người đem đồ ăn. Rồi các Tỷ-kheo ấy được nghe Thế Tôn dùng nhiều pháp môn nói về bất

8 Xem y II. 83. 9 Xem Vin. III; VỉnA. III. 393; Vỉsm. I. 241ff.

tịnh, nói lời tán thán về bất tịnh, nói lời tán thán sự tu tập về bất tịnh nên sống chuyên chú tu tập về bất tịnh dưới nhiều hình thức sai biệt.10 Họ tủi hổ với thân này? tàm quý và nhàm chán, tầm cầu đem lại con dao. Mười Tỷ-kheo trong một ngày đem lại con dao... Hai mươi... Ba mươi Tỷ-kheo trong một ngày đem lại con dao. Rồi Thế Tôn sau nửa tháng, từ thiền tịnh đứng dậy và bảo Tôn giả Ãnanda: Này Ãnanda, vì sao chúng Tỷ-kheo giảm thiểu như vậy?

-Bạch Thế Tôn, ỴÌ Thế Tôn dùng nhiều pháp môn thuyết cho các Tỷ-kheo về bất tịnh, tán thán yề bất tịnh9 tán thán sự tu tập về bất tịnh, nên các vị ấy sống chuyên chú tu tập về bất tịnh dưới nhiều hình thức sai biệt. Họ tủi hổ với thân này, tàm quý và nhàm chán, tầm cầu đem lại con dao. Mười Tỷ-kheo trong một ngày đem lại con dao... Hai

mươi... Ba mươi Tỷ-kheo trong một ngày đem lại con dao. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết cho pháp môn khác, nhờ vậy, chúng Tỷ-kheo được an trú vào chánh trí. -Vậy này Ảnanda, hãy tập hợp tại giảng đường tất cả các Tỷ-kheo trú xung quanh Vesãli. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ãnanda vâng đáp Thế Tôn và mời tất cả Tỷ-kheo trú xung quanh Vesãli tập hợp tại giảng đường, rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau Sìi đen' bạẫi Thế Tôn: s '

Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã tập hợp. Nay Thế Tôn hãy làm những gì Thế Tôn nghĩ là phải thời. Rồi Thế Tôn đi đến giảng đường; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo5 định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này được tu tập, được làm cho sung mãn là tịch tịnh, thù diệu, thuần nhất (asecanakă). lạc trú? làm cho các ác, bât thiện pháp đã sanh biên mât, tịnh chỉ lập tức (thãnaso). Ví như, này các Tỷ-kheo9 trong cuối mùa hạ, bụi nhớp bay lên và một đám mưa lớn trái mùa lập tức làm chúng biến mất, tịnh chỉ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 định niệm hơi thở v6, hơi thở ra được tu tập, được làm cho sung mãn là tịch tịnh, thù diệu, thuần nhất, lạc trú, làm cho các ác5 bất thiện pháp đã sanh biến mất, tịnh chỉ lập tức. Và này các Tỷ-kheo, định niệm hơi thở vô9 hơi thở ra, được tu tập như thế nào, được làm cho sung mãn như thế nào là tịch tịnh, thù diệu, thuần nhât, lạc trú, làm cho các ác5 bât thiện pháp đã sanh được biên mât và tịnh chỉ lập tức? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay

i°XemS. V. 12.

đi đến căn nhà trống, ngồi kiết-già... uQuán từ bỏ, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Wcác Tỷ-kheo5 định niệm hơi thở vô, hơi thở ra tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy là tịch tịnh, thù diệu, thuần nhất, lạc trú, và các ác, bất thiện pháp đã sanh được biến mất và tịnh chỉ lập tức.

X. KINH KIMBILA (Kimilasutta)n (S V. 322) 986. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Kimbilã, tại VeỊuvana. Ở đấy5 Thế Tôn gọi Tôn giả Kimbila: Tu tập như thế nào, này Kimbila, làm cho sung mãn như thế nào, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, thời được quả lớn, được lợi ích lớn? Khi được nói vậy5 Tôn giả Kimbila im lặng. Lần thứ hai, Thế Tôn... Lần thứ ba, Thế Tôn bảo Tôn giả Kimbila: Tu tập như thế nào, này Kimbila, làm cho sung mãn như thế nào, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, thời được quả lớn, được lợi ích lớn? Lần thứ ba, Tôn giả Kimbila im lặng. Được nói vậy, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Nay đã đến thời, bạch Thế Tôn. Nay đã đến thời5 bạch Thiện Thệ. Mong Thê Tôn giảng dạy pháp tu tập định niệm hơi thở vô, hơi thở ra! Sau khi nghe Thế Tôn dạy, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. -Vậy này Ãnanda, hãy nghe và khéo tác ý? Ta sẽ giảng. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ãnanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Định niệm hơi thở v6, hơi thở ra, này Ãnanda, tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, thời có quả lớn, có lợi ích lớn? Ở đây5 này Ãnanda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống... "Quán từ bỏ? tôi sẽ thở v6", vị ấy tập, "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Tu tập như vậy, này Ãnanda, làm cho sung

mãn như vậy, định niệm hơi thở vô5 hơi thở ra, thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Lúc nào9 này Ananda, Tỷ-kheo thở vô dài, vị ấy rõ biết: "T6i thở vô dài." Hay khi Tỷ-kheo thở ra dài, vị ấy rõ biết: "T6i thở ra dai." Hay khi Tỷ-kheo thở vô ngắn, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô ngắn.” Hay khi Tỷ-kheo thở ra ngắn, vị ấy rõ biêt: "T6i thở ra ngắn.” "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở v6”vị ấy tập. 6CCảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vị ấy tập. “An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra9\ vị ấy tập. Này Ãnanda, sống quán thân

11 Bản Tích Lan và PTS viết Kimbila.

trên thân, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm5 tỉnh giác5 chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vì sao? Này Ananda, Ta tuyên bô răng, tùy thuộc vê thân, tức là hơi thở vô5 hơi thở ra. Do vậy, này Ãnanda, quán thân trên thân, Tỷ-kheo trú như vậy5 nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiêp phục tham ưu ở đời. Trong khi, này Ãnanda, Tỷ-kheo: "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở v6”, vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ9 tôi sẽ thở v6", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ5 tôi sẽ thở ra”, vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở v6”, vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra5\ vị ấy tập. Trong khi quán thọ trên các cảm thọ, Tỷ-kheo trú như vậy9 nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm? nhiếp phục tham ưu ở đời. Vì sao? Này Ananda, Ta tuyên bô răng, tùy thuộc vê thọ, tức là hơi thở vô, hơi thở ra, được khéo tác ý. Do vậy, này Ãnanda, quán thọ trên các cảm thọ5 Tỷ-kheo trú như vậy5 nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiêp phục tham ưu ở đời. Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo: "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở v6”vị ấy tập. "Cảm giác vê tâm, tôi sẽ thở ra”vị ấy tập. uVới tâm hân hoan, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập. "Vơi tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở vô9\ vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra”, vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập. "V&i tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Trong khi quán tâm trên tâm, Tỷ-kheo trú như vậy? nhiệt tâm, tỉnh giác9 nhiêp phục tham iru ở đời. Vì sao? Này Ãnanda, Ta tuyên bố rằng sự tu tập chánh niệm hơi thở ẹô, hơi thở ra không phải cho người thât niệm và không tỉnh giác. Do vậy, này Ananda, quán tâm trên tâm5 Tỷ-kheo trong khi ây, trú nhiệt tâm? tỉnh giác5 chánh niệm, nhiêp phục tham ưu ở đời. Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo: "Quán vô thường, tôi sẽ thở v6”, vị ấy tập. "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tap. "Quán ly tham, tôi sẽ thở vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ây tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở v6”, vị ay tập."Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra”yị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập. "Quán từ bỏ? tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Trong khi quán pháp trên cácphp, này Ãnanda, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiêp phục tham ưu ở đời, đoạn tận các tham ưu; sau khi thây với trí tuệ5 vị ây khéo trú xả. Do vậy5 này Ananda, quán pháp trên các pháp, Tỷ-kheo trú như vậy5 nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Ví như, này Ãnanda, một đống rác bụi lớn ở ngã tư đường, nếu từ phương Đông, một cái xe đi đến và làm cho đông rác bụi ây giảm bớt đi; nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam? một cái xe đi đến và làm cho đống rác bụi ấy giảm bớt đi. Cũng vậy? này Ãnanda, Tỷ-kheo trong

khi trú, quán thân trên thân, làm cho giảm bớt đi các ác, bất thiện pháp; khi trú, quán thọ trên các cảm thọ... khi trú, quán tâm trên tâm... khi trú, quán pháp trên các pháp... làm cho giảm bớt đi các ác, bất thiện pháp.

54. TƯƠNG ƯNG HƠI THỞ VỒ, HƠI THỞ RA 1237

II. PHẨM THỨ HAI (DUTIY4K4GGA)

I. KINH ICCHÃNANGALA ựcchãnangalasutta) (S V. 325) 987. Một thời, Thế Tôn trú ở Icchãnaồgala, tại khóm rừng ở Icchãnaốgala. Tại đây, Thê Tôn bảo các Tỷ-kheo: Ta muốn sống độc cư thiền tịnh trong ba tháng, không gặp một ai, trừ người đem đồ ăn cho Ta. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Như vậy5 không một ai đến viếng Thế Tôn5 trừ một người đem đồ ăn lại. Rồi Thế Tôn, sau khi ba tháng ấy đã mãn, từ chỗ thiền tịnh độc cư đứng dậy9 gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, nêu các du sĩ ngoại đạo đên hỏi các ông: "Với sự an trú nào, này chư Hiền, Sa-môn Gotama an trú nhiều trong mùa mua?" Được hỏi vậy9 này các Tỷ-kheo, các ông hãy trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Vói định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này chư Hiên, Thê Tôn an trú nhiêu trong các mùa mua." Ở đây? này các Tỷ-kheo5 chánh niệm Ta thở vô, chánh niệm Ta thở ra. Hay thở vô dài9 Ta rõ biết: "Ta thở vô dAi." Hay thở ra dài? Ta rõ biết: "Ta thở ra dài." Hay thở vô ngắn5 Ta rõ biết: "Ta thở vô ngắn.,, Hay thở ra ngắn, Ta rõ biết: "Ta thở ra ngắn."‥ "Quán từ bỏ, Ta thở v6", Ta rõ biết như vậy. "Quán từ bỏ9 Ta thở ra", Ta rõ biết như vậy. Này các Tỷ-kheo5 ai muốn nói một cách chơn chánh, đây là Thánh trú, đây là Phạm trú, đây là Như Lai trú; người ấy nói một cách chơn chánh, phải nói định niệm hơi thở vô5 hơi thở ra là Thánh trú, là Phạm trú, là Như Lai trú. Này các Tỷ-kheo5 những Tỷ-kheo nào là bậc Hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống càn cầu vô thượng an ổn khỏi các khổ ách; những vị ấy tu tập, làm cho sung mãn định niệm hơi thở vô, hơi thở ra5 sẽ đưa đến đoạn tận các lậu hoặc. Và này các Tỷ-kheo5 những Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đoạn tận các lậu hoặc, tu hành thành mãn5 những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuông, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiêt sử, chánh trí, giải thoát; những vị ấy tu tập5 làm cho sung mãn định niệm hơi thở vô5 hơi thở ra, ngay trong hiện tại, đưa đến lạc trú, chánh niệm tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo9 ai muốn nói một cách chơn chánh, đây là Thánh trú, đây

1238 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

là Phạm trú, đây là Như Lai trú; người ấy nói một cách chơn chánh, phải nói định niệm hơi thở v6, hơi thở ra là Thánh trú, là Phạm trú, là Như Lai trú. II. KINH NGHI NGỜ (Kankheyyasutta) (S. V. 327) 988. Một thời, Tôn giả Lomasavaồgĩsa trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, trong khu vườn Nigrodha. Lúc bấy giờ, Thích tử Mahãnãma đi đến Tôn giả Lomasavangĩsa; sau khi đến? đảnh lễ Tôn giả Lomasavaồgĩsa rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Thích tử Mahãnãma thưa với Tôn giả Lomasavaồgĩsa: Thưa Tôn gia, Hữu học trú với Như Lai trú là một9 hay Hữu học trú là khác, Như Lai trú là khác? -Này Hiền giả Mahãnãma, Hữu học trú không phải là một với Như Lai trú. Này Hiền giả Mahãnãma, Hữu học trú là khác? Như Lai trú là khác. Này Hiên giả Mahãnãma, những Tỷ-kheo nào là bậc Hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần

cầu vô thượng an ổn khỏi các khổ ách; sau khi đoạn tận năm triền cái, các vị ấy trú. Thế nào là năm? Đoạn tận dục tham triền cái, các vị ấy trú. Đoạn tận sân triền cái, các vị ấy trú. Đoạn tận hôn trầm thụy miên triền cái, các vị ấy trú. Đoạn tận trạo hối triền cái, các vị ấy trú. Đoạn tận nghi hoặc triền cái9 các vị ấy trú. Này Hiền giả Mahănãma, những Tỷ-kheo nào là bậc Hữu học, trú với tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các khổ ách; sau khi đoạn tận năm triền cái này, những vị ấy trú. Và này Hiền giả Mahãnãma, những Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc, đã tu hành thành mãn9 những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí, giải thoát; những vị ấy đoạn tận năm triền cái, chặt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la? làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể khởi lên. Thế nào là năm? Dục tham triền cái được đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây Sa-la? được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể khởi lên; sân triền cái được đoạn tận... hôn trầm thụy miên triền cái được đoạn tận... trạo hối triền cái được đoạn tận... nghi hoặc triền cái được đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ9 được làm cho như thân cây Sa-la, được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể khởi lên. Này Hiền giả Mahãnãma, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc, đã tu hành thành mãn, những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí, giải thoát; những vị ấy đã đoạn tận năm triền cái này, đã chặt đứt từ gốc rễ, đã làm cho như thân cây Sa-la? đã làm cho không thể tái sanh, đã làm cho không thể khởi lên. Như vậy9 với pháp môn này, này Hiên giả Mahãnâma, Hiên giả cân phải hiểu rằng Hữu học trú là khác, Như Lai trú là khác. Một thời? thưa Hiền giả Mahãnãma, Thế Tôn trú ở Icchãnangala, tại khu rừng Icchãnaốgala.

_____ 54. TƯƠNG ƯNG HƠI THỞ VÔ, HƠI THỞ RA 1239

Rồi này Mahãnãma, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: (Như trên)... Rồi Thế Tôn... (như trên)... Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta... (như trên)... Thở vô dài... (như trên)... Ai muôn nói một cách chơn chánh, đây là Thánh trú... (như trên)... Những ai là những Tỷ-kheo Hữu học... (như trên)... Ai muốn nói một cách chơn chánh... (như trên)... Với pháp môn này, này Hiên giả Mahãnãma, cân phải hiêu răng Hữu học trú là khác, Như Lai trú là khác. III. KINH ĂNANDA THỨ NHẤT (Paḷhamaãnandasutta) (S. V. 328) 989. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thê Tôn, có một pháp nào được tu tap, được làm cho sung mãn5 làm cho viên mãn bôn pháp? Bôn pháp được tu tập, được làm cho sung mãn? làm cho viên mãn bảy pháp? Bảy pháp được tu tap, được làm cho sung mãn? làm cho viên mãn hai pháp? Này Ãnanda, có một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn? làm cho viên mãn bốn pháp. Bốn pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bảy pháp. Bảy pháp được tu tap, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn hai pháp. Một pháp ấy là gi, bạch Thế Tôn, được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bốn pháp? Bốn pháp được tu tập, được làm cho sung mãn? làm cho viên mãn bảy pháp? Bảy pháp được tu tập được làm cho sung mãn? làm cho viên mãn hai pháp? Này Ãnanda, định niệm hơi thở vô? hơi thở ra được tu tập, được làm cho sung mãn? làm cho viên mãn bốn niệm xứ. Bốn niệm xứ được tu tập, được làm cho sung mãn, làm

cho viên mãn bảy giác chi. Bảy giác chi được tu tập, được làm cho sung mãn5 làm cho viên mãn Minh và Giải thoát.12 Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, làm cho viên mãn bốn niệm xứ? Ở đây5 này Ānanda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Lúc nào, này Ānanda, Tỷ-kheo thở vô dài, vị ấy rõ biết: "T6i thở vô dài... Này Ananda, sông quán thân trên thân, Tỷ-kheo trong khi ây trú như vậy, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vì sao? (như kinh 986).

12 Xem M. III. 82; Vỉsm. 291.

Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo: "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô9\ vị ấy tập... tham ưu ở đời (như kinh 986). Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo: "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập... tham ưu ở đời (như kinh 986). Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo: "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập... nhiếp phục tham ưu ở đời (như kinh 986). Định niệm hơi thở vô5 hơi thở ra? này Ānanda, được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy5 làm viên mãn bốn niệm xứ. Tu tập như thế nào, này Ānanda, làm cho sung mãn như thế nào, bốn niệm xứ làm cho viên mãn bảy giác chi?13 Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, niệm được an trú; khi ấy, này Ānanda, Tỷ-kheo có niệm, không phải thất niệm. Trong khi, này Ảnanda, Tỷ-kheo an trú niệm, không phải thất niệm, thời niệm giác chi, đối với Tỷ-kheo ấy được thành tựu. Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi, niệm giác chi được Tỷ-kheo tu tập đi đến viên mãn. Vị ấy trú chánh niệm như vậy, với trí tuệ quyết trạch, tư sát, thành tựu quán pháp ấy. Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo sống chánh niệm như vậy, với trí tuệ quyết trạch, tư sát và đi đến quán sát ấy; khi ấy, này Ānanda, trạch pháp giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi, khi ấy, nhờ tu tập, trạch pháp giác chi đi đến viên mãn. Trong khi vị ấy với trí tuệ quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy, thời tinh tấn, không thụ động bắt đầu phát khởi nơi vị ấy. Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo với trí tuệ quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy, thời tinh tấn? không thụ động phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập tinh tấn giác chi, khi ấy, nhờ tu tap, tinh tấn giác chi đi đến viên mãn. Với vị có tinh cần tinh tấn, hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên. Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo tinh cần tinh tấn5 hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên; khi ấy, hỷ giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập hỷ giác chi, khi ấy, nhờ tu tập5 hỷ giác chi đi đến viên mãn. Với vị có ý hoan hỷ, thân được khinh an5 tâm được khinh an. Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo với ý hoan hỷ5 thân được khinh an, tâm được khinh an; khi ấy, khinh an giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập khinh an giác chi, khi ấy, nhờ tu tập, khinh an giác chi đi đến viên mãn. Với vị có thân khinh an, lạc hiện hữu. Với vị có lạc, tâm được định tĩnh. Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo có thân khinh an, được an lạc5 tâm được định tĩnh; khi ấy, này các Tỷ-kheo9 định giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi, Tỷ-kheo tu tập định giác chi, khi ấy, nhờ tu tập định giác chi đi đến viên mãn.

13 Đoạn này lặp lại s. V. 68.

Vị ây với tâm định tĩnh như vậy, khéo trú xả nhìn sự vật. Trong khi, này Ãnanda, Tỷ-kheo với tâm định tĩnh, khéo trú xả nhìn sự vật như vậy, khi ấy, này Ãnanda, xả giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập xả giác chi, khi ấy, xả giác chi, nhờ tu tập5 đi đến viên mãn. Trong khi, này Ãnanda, Tỷ-kheo trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú? quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp... (như trên). Tu tập như vậy, này Ãnanda, làm cho sung mãn như vậy, bốn niệm xứ làm viên mãn bảy giác chi. Tu tập như thế nào5 làm cho sung mãn như thế nào, bảy giác chi làm viên mãn Minh và Giải thoát? Ở đây, này Ãnanda, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly? liên hệ đên ly tham, liên hệ đên đoạn diet, hướng đên từ bỏ... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham5 liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ. Tu tập như vậy5 làm cho sung mãn như vậy, bảy giác chi làm viên mãn Minh và Giải thoát. IV. KINH ÃNANDA THỨ HAI (Dutiyaãnandasutta) (S V. 333) 990. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn... Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda: (Rồi Thế Tôn hỏi câu hỏi giống như trước và Ãnanda trả lời). "Đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản.,, (Rồi Thế Tôn lặp lại toàn bộ như kinh trên). V KINH TỶ-KHEO THỨ NHẤT (PaỊhamabhikkhusutta) (S V. 334) 991. (Ở dây, các Tỷ-kheo hỏi cùng một câu hỏi ấy và được Thế Tôn trả lời toàn bộ giống như kinh trên). VI. KINH TỶ-KHEO THỨ HAI (Dutiyabhikkhusutta) (S V. 335) 992. (Ở dây, Thế Tôn hỏi các Tỷ-kheo cùng một câu hỏi5 các Tỷ-kheo trả lời "các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản?\.. rồi Thế Tôn trả lời toàn bộ giống như kinh trên). VII. KINH ĐOẠN TẬN KIẾT sử (Samyojanappahãnasutta)H (S V. 340) 993. Định niệm hơi thở v6, hơi thở ra, này các Tỷ-kheo5 được tu tập5 được làm cho sung mãn? đưa đến đoạn tận các kiết sử. VIII. KINH NHỔ SẠCH TÙY MIÊN (Anusayasamugghãtasutta)14 15 (S V. 340) 994. (Như trên)... đưa đến nhổ sạch các tùy miên.

14 Bản tiếng Anh của PTS: Fetter, nghĩa là Kiết sử. 15 Bản tiếng Anh của PTS: Tendency, nghĩa là Tùy miên.

IX. KINH LIỄU TRI CON ĐƯỜNG DÀI (Addhãnaparínnãsutta) 16 (S. V. 340) 995. (Như trên)... đưa đến liễu tri con đường (ba kinh trên được giải thích như kinh kế tiếp). X. KINH ĐOẠN TẬN CÁC LẬU HOẶC (Ásavakkhayasutta) (S V. 340) 996. (Như trên)... đưa đến đoạn tận các lậu hoặc. —Này các Tỷ-kheo, tu tập như thê nào, làm cho sung mãn như thê nào, định niệm hơi thở vô? hơi thở ra đưa đên đoạn tận các kiêt sử... đưa đên nhô sạch các tùy miên... đưa đến liễu tri con đường... đưa đến đoạn tận các lậu hoặc? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây5 hay đi đến căn nhà trống... 6aQuán từ bỏ? tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy9 định niệm hơi thở vô9 hơi thở ra đưa đến đoạn tận các kiết sử... nhổ sạch các tùy miên... liễu tri con đường... đoạn tận các lậu hoặc.

16 Bản tiếng Anh của PTS: The Way, nghĩa là Con đường.

55. TƯƠNG ƯNG Dự Lưu (SOTÂPATTISAMYỦTTA)

I. PHẨM VELUDVÂRA (VELUDVÃRAVAGGA) I. KINH CHUYỂN LUÂN VƯƠNG (Cakkavattừậịasutta) (S V. 342) 997. Nhân duyên tại Săvatthi. Ở đấy... nói như sau: Dầu cho, này các Tỷ-kheo, một vị Chuyển Luân Vương làm chủ tể và cai trị bốn châu, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thii, thiên giới, cõi đời này và cộng trú với chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba; tại dấy, vị ấy trú trong vườn Nandana,1 được chúng thiên nữ đoanh vây5 được đây đủ5 được cung cấp, được bao bọc năm thiên dục công đức, nhưng không được đày đủ bốn pháp; tuy vậy, vị ấy chưa được giải thoát khỏi địa ngục, chưa được giải thoát khỏi sanh vào loài bàng sanh, chưa giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ5 và chưa thoát khỏi ác sanh, ác thú5 đọa xứ. Nhưng này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử, dầu sống bằng các miếng ăn khất thực, đắp với y nhiều mảnh;2 vị ấy đầy đủ bốn pháp. Và vị ấy được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi sanh vào loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ? được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ. Thế nào là bốn? Ở đây9 này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đay là Thế Tôn, bạc ứng cùng, Chánh Biến ri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, The Gian Giải, Vô Thượng Sĩ9Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư/phật, Thế Ton.59 yị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với Pháp: 'Tháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại5 có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.” Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế T6n, Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế T6n, ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thê Tôn, Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thê Tôn, tức là bôn đôi

1 Xem chú thích trong ẴTS. I. 9. Đây là ngôi vườn trên cõi Tam Thập Tam thiên. Khi một vị thiên sắp mệnh chung, yị ây đện ngôi vườn này, sau đó thân thê tan hoại như tuyêt tan, như làn gió thôi tăt ngọn đèn và rôi chuyên sanh. 2 Nantakãni. Chủ giải giải thích tâm vải dài 13 gang tay, gọi như vậy vì được chia thành 10 mảnh.

tám vị. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tồn trọng, đáng được chăp tay, là phước điên vô thượng ở dòi." Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị điểm 6, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến thiền định. Vị ấy thành tựu bốn pháp này. Và này các Tỷ-kheo, có sự lợi đắc của bốn châu và sự lợi đắc của bốn pháp. Sự lợi đắc bốn châu không đáng giá một phần mười sáu lợi đắc bốn pháp. II. KINH THẺ NHẬP PHẠM HẠNH (BrahmacariyogadhasuttàÝ (S V. 343) 998. Thành tựu b6n pháp, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không có thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn? Ở đây5 này các Tỷ-kheo9 vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đay là Thế Tôn5 bậc Như Lai5 ứng củng, Chánh Biến Ai, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng sí Điều Ngự Trượng Phu, rhien Nhơn sĩ Phạ^ The Ton?'

yị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với Pháp: "Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiêt thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đên đê mà thây, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.” Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với Tăng: "Diệu

hạnh là chúng đệ tử của Thế Ton, Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chắp tay, 1 phước điền vô thượng ở dời." Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại? không bị đâm cắt, không bị điểm ố, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến thiền định. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thê Tôn thuyêt như vậy. Thiện Thệ thuyêt vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Ai có tín và giới, Tịnh tín và thấy pháp5 Đến thời chúng chín muồi, Nhập Phạm hạnh được lạc. III. KINH CƯ SĨ DĨGHÃVU (Dĩghãvuupãsakasuttă) (5. V. 344) 999. Một thời5 Thế Tôn ở Rặjagaha (Vương Xá), Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

3 Bản tiếng Anh của PTS: Steeped ỉn, nghĩa là Thể nhập.

55. TƯƠNG ƯNG Dự Lưu 1245

LÚC bấy giờ, cư sĩ Dĩghãvu bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Rồi cư sĩ Dĩghãvu thưa với cha là Jotika: —Hãy di, thưa cha, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nhân danh con, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và thưa: "Cu sĩ Dĩghãvu, bạch Thế Tôn, bị bệnh5 đau đớn, bị trọng bệnh, xin cui đầu đảnh lễ chân Thế T6n." Rồi cha hãy thưa như sau: "Lành thay, bạch Thế T6n, nếu Thế Tôn đi đến nhà cư sĩ Dĩghãvu vì lòng từman!” Được, này con. Gia chủ Jotika nghe lời cư sĩ Dĩghãvu, đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi một bên5 gia chủ Jotika bạch Thế Tôn: —Bạch Thế T6n, cư sĩ Dĩghãvu bị bệnh5 đau đớn, bị trọng bệnh. Vị ấy cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và thưa như sau: "Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tồn đi đến trú xứ của cư sĩ Dĩghãvu vì lòng từ mẫn!95 Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ của cư sĩ Dĩghãvu; sau khi dến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống rồi, Thế Tôn nói với cư sĩ Dĩghãvu: -Này Dĩghãvu, ông có kham nhân được chăng? Ong có chịu dựng được chăng? Có phải khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có dau hiệu giảm thiểu, không tăng trưởng? - Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Đau đớn kịch liệt nơi con không có giảm thiêu, chúng tăng trưởng, chúng có dâu hiệu tăng trưởng, không có dâu hiệu giảm thiêu. Do vậy5 này Dĩghãvu, ông hãy học tập như sau: "Ta sẽ thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: 'Đây là Thế Tôn, bậc ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giai, Vô Thượng Si, Điều Ngự Tnxợng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Tôn. Ta sẽ thành tựu lòng tin bất động đối với Pháp... Ta sẽ thành tựu lòng tin bất động đối với chúng Tăng... Ta sẽ thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền djnh."‘ Như vậy, này Dĩghãvu, ông cần phải học tập. Bạch Thế Tôn, đối với bốn Dự lưu phần do Thế Tôn thuyết giảng, tất cả các pháp ấy đều có ở trong con và con thực hiện chúng đầy đủ. Bạch Thế Tôn, con thành tựu lòng tin bất động đối với Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư5 Phật, Thế Tôn. Con thành tựu lòng tin bât động đôi với Pháp... Con thành tựu lòng tin bât động đôi với chúng Tăng... Con sẽ thành tựu

các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định.^, -Do vậy, này Dĩghãvu, sau khi ông đã an trú trong bốn Dự Ixru phần này, ông hãy tu tập thêm sáu minh phàn pháp (cha vịjjãbhăgỉye dhammé). Ở đây5 này Dĩghãvu, ông hãy trú, quán vô thường trong tất cả hành, quán khổ tưởng trong vô thường, quán vô ngã tưởng trong khổ, quán tưởng đoạn tận,

quán tưởng ly tham, quán tưởng đoạn diệt. Như vậy9 này Dĩghãvu, ông cần phải học tập. Bạch Thế Tôn, đối với sáu minh phần pháp được Thế Tôn thuyết giảng này, chúng đều có ở trong con và con thực hiện chúng đầy đủ. Bạch Thế Tôn5 con trú, quán vô thường trong tất cả hành, quán khổ tưởng trong vô thường, quán vô ngã tưởng trong khô5 quán tưởng đoạn tận5 quán tưởng ly tham, quán tưởng đoạn diệt. Nhưng, bạch Thế T6n, con có ý nghĩ sau đây: "Ta không có muốn gia chủ Jotika, ở đây khi ta chết, phải rơi vào khôn khô (yighãta)y Này Dĩghãvu, chớ có tác ý như vậy! Hãy nhìn, này Dĩghãvu! Những gì Thế Tôn đang nói cho ông, ông hãy khéo tác ý. Rồi Thế Tôn sau khi giáo giới cho cư sĩ Dĩghãvu với lời giáo giới, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Cư sĩ Dĩghăvu, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu liền mệnh chung. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảiứi lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: -Bạch Thế T6n, người cư sĩ tên là Dĩghãvu, sau khi được nghe Thế Tôn giáo giới một cách tóm tắt, đã mệnh chung. Sanh thú cư sĩ ấy thế nào? Sanh xứ cư sĩ ấy chỗ nào? —Hiền minh, này các Tỷ-kheo, là cư sĩ Dĩghãvu! Cư sĩ Dĩghãvu thực hiện các pháp và tùy pháp, không làm phiền nhiễu Ta với những kiện tụng về pháp. Cư sĩ Dĩghãvu, sau khi đoạn diệt năm hạ phân kiêt sử, được hóa sanh, nhập diệt ở tại đấy, không còn trở lui thế giới này nữa. IV KINH SÃRIPUTTA THỨ NHẤT (PaỊhamasãriputtasutta) (S V. 346) 1000. Một thời, Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Ãnanda trú ở Săvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anãthapindika. Rôi Tôn giả Ananda, vào buôi chiêu, từ chô thiên tịnh đứng dậy... ngôi xuống một bên9 Tôn giả Ãnanda thưa với Tôn giả Sãriputta: -Thưa Hiền giả Sãriputta, do nhân thành tựu bao nhiêu pháp, chúng sanh ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa? quyết chắc sẽ chứng quả giác ngộ? Này Hiên giả, do nhân thành tựu bôn pháp nên chúng sanh ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Ekr Lưu, không còn bị thối đọa? quyết chắc sẽ chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn? Ở đây5 này Hiền giả; vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật... đôi với Pháp... đối với chúng Tăng... đầy đủ các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Này Hiền giả5 do nhân thành tựu bốn pháp này nên các chúng sanh ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa5 quyết chắc chứng quả giác ngộ.

V. KINH SẢRIPUTTA THỨ HAI (Dutiyasãriputtasuttd) (S V. 347) 1001. Rồi Tôn giả Sãriprutta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sãriputta đang ngồi một bên: "Dự lưu phần, Dự lưu phĨ1", này Sãriputta, được nói đến như vậy. Này Sãriputta, thế nào là Dự lưu phần? - Thân can bậc Chân nhân, bạch Thế Ton? là Dự lưu phần. Nghe Diệu pháp là Dự lưu phần. Như lý tác

ý là Dự lưu phần. Thực hành pháp và tùy pháp là Dự lưu phần. Lành thay, này Sãriputta! Lành thay, này Sãriputta! Thân cận bậc Chân nhân là Dự lưu phân... Thực hành pháp và tùy pháp là Dự lưu phân. 6ẾDòng sông5 dòng s6ng", này Sãriputta, được nói đến như vậy. Này Sãriputta, thế nào là dòng sông? -Bạch Thế Tôn5 đây là dòng sông Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Lành thay, lành thay, này Sãriputta! Này Sãriputta, đây là dòng sông Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. -"Dụ* lưu, Dự lưu", này Sãriputta, được gọi là như vậy. Này Sãriputta, thế nào là Dự lưu? -Bạch Thê Tôn5 ai thành tựu Thánh đạo tám ngành này, người ây gọi là Dự Lưu, vị Tôn giả với tên như vậy5 với họ như vậy. Lành thay? lành thay, này Sãriputta! Này Sãriputta, ai thành tựu Thánh đạo tám ngành này, người ấy được gọi là bậc Dự Lưu, vị Tôn giả với tên như thế này, với họ như thê này. VI. KINH CÁC NGƯỜI THỢ Mộc (Thapatìsutta) (5. V. 348) 1002. Nhân duyên ở Sãvatthi. Lúc bấy giờ? nhiều Tỷ-kheo đang làm y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: "Khi y làm xong, Thê Tôn sau ba tháng sẽ ra đi du hành.,, Lúc bấy giờ? Isidatta và Purãna, hai người thợ mộc, trú ở Sãdhuka vì một vài công việc phải làm. Hai người thợ mộc Isidatta và Purãna nghe rằng nhiều Tỷ-kheo đang làm y cho Thế Tôn5 khi y làm xong, Thế Tôn sau ba tháng sẽ ra đi du hành. Rồi hai thợ mộc Isidatta và Purãna đặt một người đứng ở giữa đường và dặn: Này ông9 khi nào ông thấy Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đi đến, hãy báo tin cho chúng tôi biết. Sau khi đứng hai, ba ngày5 người ấy thấy Thế Tôn từ xa đi đến; thấy vậy, liền đi đến hai người thợ mộc Isidatta và Purãna và nói với họ: -Thưa quý vị, bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy đã đến. Nay là thời quý vị nghĩ phải làm gì.

e r ___ r # r

Rôi hai người thợ mộc Isidatta và Purãna đi đên Thê Tôn; sau khi đên? đảnh lê Thê Tôn roi đi theo sau lưng The Tôn. Rồi Thế Tôn đi xuống đường, đến một gốc cây; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Isidatta và Purãna đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi một bên5 hai người thợ mộc Isidatta và Purãna bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, khi chúng con được nghe: "Thế Tôn sẽ đi khỏi Sãvatthi để du hành giữa dân chúng Kosala", khi ấy, chúng con không được hoan hỷ, có sự ưu buồn, nghĩ rằng: 'Thế Tôn sẽ ở xa chúng ta." Và khi, bạch Thế Tôn? chúng con được nghe: "Thế Tôn đã đi khỏi Sãvatthi, và đang du hành giữa dân chúng Kosala"khi ấy, chúng con không được hoan hỷ, có sự ưu buồn, nghĩ rằng: "Thế Tôn đã ở xa chúng ta." Bạch Thế Tôn5 khi chúng con được nghe: :Thế Tôn sẽ đi khỏi dân chúng Kosala để du hành giữa dân chúng Mali",khi ấy, chúng con không được hoan hỷ5 có sự ưu buồn, nghĩ rằng: "Thế Tôn sẽ ở xa chúng ta." Và khi, bạch Thế Tôn, chúng con được nghe: "Thê Tôn đã đi khỏi dân chúng Kosala, và đang du hành giữa dân chúng Mali", khi ấy, chúng con không được hoan hỷ, có sự ưu buồn, nghĩ rằng: "Thế Tôn đã ở xa chúng ta." Bạch Thế Tôn5 khi chúng con được nghe: "Thế Tôn sẽ đi khỏi dân chúng Mallã đê du hành giữa dân chúng Vajjr\ khi ây, chúng con không được hoan hỷ? có sự ưu buồn5 nghĩ rằng: 'Thế Tôn sẽ ở xa chúng ta." Và khi, bạch Thế T6n, chúng con được nghe: "Thế Tôn đã ra đi khỏi dân

chúng Mallã, và đang du hành giữa dân chúng Vạijĩ5\ khi ấy, chúng con không được hoan hỷ5 có sự ưu buồn, nghĩ rằng: "Thế Tôn đã ở xa chúng ta." Bạch Thế Tôn? khi chúng con được nghe: "Thế Tôn sẽ đi khỏi dân chúng Vajjĩ để du hành giữa dân chìing Ksi", khi ấy, chúng con không được hoan hỷ5 có sự ưu buồn, nghĩ rằng: "The Tôn sẽ ở xa chúng ta." Và khi, bạch Thế Tôn, chúng con được nghe: "Thế Tồn đã đi khỏi dân chúng Vajjĩ, và đang du hành giữa dân chúng Kasi", khi ấy, chúng con không được hoan hỷ? có sự ưu buồn, nghĩ rằng: "Thế Tôn đã ở xa chúng ta." Bạch Thế T6n, khi chúng con được nghe: [Thế Tôn sẽ đi khỏi dân chúng Kãsi để du hành giữa dân chúng Magadha", khi ấy, chúng con không được hoan hỷ9 có sự ưu buon9 nghĩ rằng: "The Tôn sẽ ở xa chúng ta." Và khi, bạch Thế Tôn9 chúng con được nghe: "The Tôn đã đi khỏi dân chúng Kãsi, và đang du hành giữa dân chúng Magadha", khi ấy, chúng con không được hoan hỷ5 có sự ưu buon5 nghĩ rằng: "Thế Tôn đã ở xa chúng ta." Bạch Thế Tôn, khi chúng con được nghe: 'Thế Tôn sẽ đi khỏi dân chúng Magadha để du hành giữa dân chúng K2si", khi ấy, chúng con được vui vẻ9 có Sự hoan hỷ, nghĩ rằng: "The Tôn sẽ ở gần chúng ta." Và khi, bạch Thế Tôn, chúng con được nghe: "Thế Tôn đã đi khỏi dân chúng Magadha, và đang du hành giữa dân chúng Ksi", khi ây? chúng con được vui vẻ9 có sự hoan hỷ, nghĩ rằng: "Thế Tôn đã ở gần chúng ta."

... "khỏi dân chúng Kãsi để du hành giữa dân chúng Vạjjr\ ... "khỏi dân chúng Vạjjĩ để du hành giữa dân chúng Malla", ... "khỏi dân chúng Mallã để du hành giữa dân chúng Kosala". Bạch Thế Tôn, khi chúng con được nghe: "Thế Tôn sẽ đi khỏi dân chúng Kosala, đê du hành giữa dân chúng Sãvatthi,\ khi ây, chúng con được vui vẻ, có sự hoan hỷ5 nghĩ rằng: 'Thế Tôn sẽ ở gần chúng ta" Và khi, bạch Thế Tôn, chúng con được nghe: "Thế Tôn trú ở Sãvatthi, Thắng Lâm, khu vườn ông Anãthapindika,,? khi ấy vô lượng là sự vui vẻ của chúng con, vô lượng là sự hoan hỷ của chúng con, nghĩ rằng: "Thế Tôn đã ở gần chúng ta." -Do vậy5 này các người thợ mộc, chật hep là đời sốĩiệ ở gia đình, đầy những bụi đời! Phóng khoáng giữa trời là đời sông người xuất gia! Như vậy là vừa đủ? này các người thợ mộc, đê các ông không có phóng dật. - Nhưng bạch Thế Tôn, ở đây chúng con có đàn áp khác, còn áp bức hơn, còn bội phần áp bức hơn.
Thế nào là sự đàn áp khác, này các người thợ mộc? còn áp bức hơn, còn bội phần áp bức hơn? —ở đây? bạch Thế Tôn? khi Vua Pasenadi nước Kosala muốn đi ra viếng thăm khu vườn, thời các con voi của Vua Pasenadi nước Kosala cần phải được chúng con chuẩn bị và trang sức? và các cung phi khả ái, khả ý của Vua Pasenadi nước Kosala cần phải được chúng con đặt một người ngồi trước, một người ngồi sau. Bạch Thê Tôn5 mùi hương của các cung phi ây thật là thơm ngọt như một hộp nước hoa vừa được mở ra, các cung phi của vua được ướp với mùi thơm như vậy. Lại nữa, bạch Thế Tôn, thân xúc các cung phi này thật là mềm dịu như một túm bông hoa hông, vì họ được nuôi dưỡng rât an lạc. Bạch Thê Tôn, trong lúc ấy, chúng con cần phải hộ trì cho voi, cân phải hộ trì cho các cung phi, cần phải hộ trì cho tự ngã nữa. Dầu vậy, bạch Thế Tôn5 chúng con không rõ biết sự khởi lên ái tâm đối với các cung phi ấy. Đây, bạch Thế Tôn, là đàn áp khác? còn áp bức hơn, còn bội phân áp bức hơn! Do vậy, này các người thợ mộc5 chật hep là đời sốnệ ở gia đình, đầy những bụi đời! Phóng khoáng giữa trời là đời

sông người xuất gia! Như vậy là vừa đủ? này các người thợ mộc, để các người không có phóng dật! Này các người thợ mộc, thành tựu bốn pháp, vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn? Ở dây, này các người thợ mộc, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đưc Phật: "Đay là Thế Ton, bậc ứng cùng... Phật, Thế Ton.,,;.. đối VƠI Pháp... đối với chúng Tăng... Vị ấy sống ở gia đình với tâm gột sạch cấu uế, xan tham. Vị ấy thường bố thí, bàn tay rộng mở? ưa thích từ bỏ5 thích được nhờ cậy, thích thú chia sẻ vật được bô thí. Thành tựu bôn pháp này, này các ĩijgười thợ mộc, vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không còn bị thổi đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

Này các người thợ mộc, các ông thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Dây là Thế Tôn, bậc ứng Cúng... Phật, Thế T6n'' đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Trong gia đình các người, phàm có vật được bố thí nào, tất cả đều được chia sẻ hoàn toàn và vô tư cho những vị có trì giới và các thiện nhân. Các ông nghĩ thế nào, này các người thợ mộc, có bao nhiêu người ở tại Kosala có thể ngang bằng các ông về phần chia vật bố thí? Thật lợi đắc cho chúng con, bạch Thế Tôn! Thật khéo lợi đắc cho chúng con, bạch Thế Tôn5 được Thế Tôn biết chúng con như vậy! VII. KINH NHỮNG NGƯỜI Ở VELUDVÃRA (VeỊudvãreyyasuttă) (S. V. 352) 1003. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang đi du hành giữa Kosala cùng với đại chúng Tỷ- kheo và đi đên một làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala tên là VèỊudvãra (Cổng Trúc). Các Bà-la-môn gia chủ ở VeỊudvãra được nghe: "Sa-môn Gotama là Thích tử, đã xuất gia từ gia tộc họ Thích, đang đi du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo và đã đên Veludvra." Tiêng đôn tôt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: "Dây là Thế Tôn, bậc ứng Cúng, Chánh Biển Tri Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ5 Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Sau khi chứng ngộ? Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đây đủ trong sạch. Tôt lành thay, sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!,, Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở VeỊudvãra đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, một SO đảnh le The Ton roi ngoi xuong một ben; một so nói lên với The Ton những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngôi xuông một bên; một sô chăp tay vái chào Thê Tôn rôi ngôi xuông một bên; một số nói lên với Thế Tôn tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên; một số im lặng ngôi xuông một bên. Ngôi một bên, các Bà-la-môn gia chủ ở VeỊudvãra bạch Thế Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi có ước vọng như thê này9 có ước muôn như thế này? có chú tâm (adhippãyã) như thế này: “Mong rằng chúng tôi được sống trong một nhà chật đầy trẻ con! Mong chúng tôi được sử dụng các hương Chiên-đàn từ Kãsi! Mong rằng chúng tôi được trang sức bằng vòng hoa và phấn sáp! Mong rằng chúng tôi được sử dụng vàng và bạc! Sau khi thân hoại mạng chung, mong rằng chúng tôi được sanh thiện thii, thiên giới? cõi đời này!" Mong rằng Tôn giả Gotama hãy thuyết pháp cho chúng tôi, những nẹười có ước vọng như vậy5 có ước muôn như vậy5 có chú tâm như vậy. Hãy thuyêt pháp như

thế nào để chúng tôi được sống trong một nhà chật đầy trẻ con, để chúng tôi được sử dụng các hương Chiên-đàn từ Kãsi... để chúng tôi, khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này. -Vậy này các gia chủ, Ta sẽ thuyết cho các ông một pháp môn đưa đến lợi ích [tự lợi] cho tự ngã. Hãy nghe và khéo tác ý? Ta sẽ giảng. Thưa vâng, Tôn giả. Các Bà-la-môn ở VeḶudvãra vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Này các gia chủ, thế nào là pháp môn đưa đến lợi ích cho tự ngã?

Ở dây, này các gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Ta muốn sống, không muôn chêt, muôn lạc, ghét khô. Nêu có ai đên đoạt mạng sông của ta, một người muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ? như vậy là một việc không khả ái, không khả ý đối với ta. Nhưng nếu ta đoạt mạng sống một người muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý đối với người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp ấy cũng không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy từ bỏ sát sanh, khuyến khích người khác từ bỏ sát sanh, nói lời tán thán từ bỏ sát sanh. Như vậy9 về thân hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh (tikotiparisuddho). Lại nữa, này các gia chủ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: "Nếu có ai lấy của không cho của ta, gọi là ăn trộm5 như vậy là một việc không khả ái5 không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta lấy của không cho của người khác, gọi là ăn trộm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp ấy cũng không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao lại đem cột pháp ây cho người khác?" Do suy tư như vậy, vị ây từ bỏ lây của không cho, khuyến khích người khác từ bỏ lấy của không cho, nói lời tán thán từ bỏ lấy của không cho. Như vậy, về thân hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh. Lại nữa, này các gia chủ? vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Nêu ai có tà hạnh với vợ của ta, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta có tà hạnh với vợ của người khác, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta5 thời pháp này không khả ái5 không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục, khuyến khích người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục, nói lời tán thán từ bỏ tà hạnh trong các dục. Như vậy? về thân hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh. Lại nữa5 này các gia chủ? vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Nếu có ai làm tổn hại lợi ích của ta với lời nói láo, như vậy là một việc không khả ái? không khả ý cho ta. Nhimg nêu ta cũng làm tôn hại lợi ích của người khác với lời nói

láo5 như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp này không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ nói láo, khuyến khích người khác

từ bỏ nói láo, nói lời tán thán từ bỏ nói láo. Như vậy5 vê khâu hành5 vị ây được hoàn toàn thanh tịnh. Lại nữa, này các gia chiỉ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: "Nếu có ai chia rẽ bạn bè với ta bằng lời nói hai lưỡi5 như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta chia rẽ bạn bè với người khác bằng lời nói hai lưỡi5 như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái? không khả ý cho ta, thời pháp này không khả ái5 không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ nói lời hai lưỡi, khuyến khích người khác từ bỏ nói lời hai lưỡi5 nói lời tán thán từ bỏ nói lời hai lưỡi. Như vậy5 về khẩu hàiĩh, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh. Lại nữa, này các gia chủ5 vị Thánh đệ tử suy tư như sau: "Nếu có ai đối xử với ta bằng thô ác ngữ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta cũng đối xử với người khác bằng thô ác ngữ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp này không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái5 không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?" Do suy tư như vậy, vị ây tự mình từ bỏ thô ác ngữ, khuyên khích người khác từ bỏ thô ác ngữ, nói lời tán thán từ bỏ thô ác ngữ. Như vậy, về khẩu hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh. Lại nữa, này các gia chủ5 vị Thánh đệ tử suy tư như sau: "Nếu có ai đối xử với ta với lời tạp ngữ, với lời phù phiếm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta cũng đối xử với người khác với lời tạp ngữ, với lời phù phiếm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp này không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái? không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác7,5 Do suy tư như vậy5 vị ấy tự mình từ bỏ lời nói phù phiếm, khuyến khích người khác từ bỏ nói lời phù phiếm, tán thán từ bỏ nói lời phù phiếm. Như vậy5 về khẩu hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh. Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Dây là bậc A-la-hán... Phật5 The Tôn.95 yị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với Pháp: "Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, âền để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hieu.,, Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thê Tôn, Trực hạnh là chúng đệ tử của Thê Tôn, Ưng lý hạnh là chúng

đệ tử của Thế Tôn, Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chăp tay, là phước điên vô thượng ở dòi." Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị điểm ố, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến thiền định. Này các gia chủ, khi nào vị Thánh đệ tử thành tựu bảy pháp này và bốn lời nguyện xứ này, nêu vị ây muôn, vị ây có thê tuyên bô vê mình: "Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, đoạn tận cõi ngạ quỷ, đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự Lưu, không có bị thối đọa5 quyết chắc chứng quả giác ngộ.,, Được nghe nói vậy5 các Bà-la-môn gia chủ ở VeỊudvãra bạch Thế Tôn: Thật vi

diệu thay, bạch Thế Tôn... từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng! VIII. KINH GIẢNG ĐƯỜNG BẰNG GẠCH THỨ NHẤT (PaḶhamagiūḷakāvasathasutta) (5. V. 356) 1004. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Nãtika, trong ngôi giảng đường bằng gạch. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến... bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo SãḶha đã mạng chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào? Bạch Thế Tôn; Tỷ-kheo-ni Nandã mệnh chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào? Bạch Thế Tôn, cư sĩ Sudatta mệnh chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào? Nữ cư sĩ Siýãtã mệnh chung, sanh thú thế nào5 thọ sanh chỗ nào? Tỷ-kheo SãḶha, này Ãnanda, đoạn tận các lậu hoặc5 ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Tỷ-kheo-ni Nandã, này Ãnanda, mệnh chung, sau khi đoạn diệt năm hạ phân kiêt sử, được hóa sanh, từ chô ây nhập Niêt-bàn5 không phải trở lui cõi đời này. Cư sĩ Sudatta, này Ãnanda, do đoạn diệt ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân5 si, là bậc Nhất Lai, sau khi trở lui thế giới này một lần nữa, sẽ đoạn tận khổ đau. Nữ cư sĩ Sụjãtã5 này Ananda, mạng chung, sau khi đoạn tận ba kiết sử, là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa5 quyết chăc chứng quả giác ngộ. Này Ãnanda, thật không có gì lạ vấn đề con người phải mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người mệnh chung lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này5 thời này Ananda, như vậy làm phiền nhiễu Như Lai. Này Ãnanda, vì vậy Ta sẽ giảng pháp môn "Pháp kính,, (Gương Chánh pháp) để vị Thánh đệ tử sau khi thành tựu pháp môn này5 nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, đoạn tận cõi ngạ quỷ, đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta đã chứng quả Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngO.”

Này Ãnanda, pháp môn "Pháp kính ấy là gì mà Thánh đệ tử thành tựu pháp môn ấy, nếu muốn, sẽ tự mình tuyên bố về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, đoạn tận cõi ngạ quỷ, đoạn tận ác sanh, ác thú? đọa xứ. Ta đã chứng quả Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ng" Ở đây5 này Ãnanda, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc ứng Cúng...Phật5 Thế T6ïi.".. với Pháp... với Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Đây là pháp môn “Pháp kính", này Ãnanda, thành tựu pháp môn này, vị Thánh đệ tử nếu muốn, tự mình tuyên bố về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, đoạn tận cõi ngạ quỷ, đoạn tận ác sanh, ác thú9 đọa xứ. Ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thôi đọa, quyêt chăc chứng quả giác ng' (Kinh này và hai kinh sau đều cùng một nhân duyên). IX. KINH GIẢNG ĐƯỜNG BẢNG GẠCH THỨ HAI (Dutiyaginjakavasathasutta) (5. V. 358) 1005. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Asokã đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào? Bạch Thế Tôn5 Tỷ-kheo-ni Asokã đã mệnh chung... Nam cư sĩ Asokã đã mệnh chung... Nữ cư sĩ Asokã đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào? Này Ãnanda, Tỷ-kheo Asokã đã mệnh chung, sau khi đoạn tận các lậu hoặc5 ngay trong hiện tại5 tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát... (như kinh trên, thay với 6aTỷ-kheo-ni Asokã, nam cư sĩ Asokã và nữ cư sĩ

Asok) Này Ãnanda, đây là pháp môn "Pháp kính", thành tựu pháp môn này, vị Thánh đệ tử nếu muốn, tự mình tuyên bố về mình: "Ta đã đoạn tận địa ngục, ta đã đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, ta đã đoạn tận cõi ngạ quỷ, ta đã đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa5 quyết chắc chứng quả giác ng0."
X. KINH GIẢNG ĐƯỜNG BẢNG GẠCH THỨ BA (Tatiyagiiyakãvasathasuttà) (S V. 358)
1006. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: -Cư sĩ ở Nãtika tên Kakkata đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào? Cư sĩ ở Nãtika tên KãỊibha, bạch Thế Tôn5 đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào? Cư sĩ ở Nãtika tên Nikata... Cư sĩ Katissaha... Cư sĩ Tuttha... Cư sĩ Santuttha... Cư sĩ Bhadda... Cư sĩ Subhadda ở Nãtika, bạch Thế Tôn, đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào?

-Cư sĩ Kakkata, này Ananda, đã mệnh chung, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đấy nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui cối đời này. Cư sĩ KãỊibha, này Ãnanda... Cư sĩ Nikata, này Ãnanda... Cư sĩ Katissaha, này Ãnanda... Cư sĩ Tuttha, này Ãnanda... Cư sĩ Santuttha, này Ãnanda... Cư sĩ Bhadda, này Ãnanda... Cư sĩ Subhadda, này Ãnanda, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đấy nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui cõi đời này nữa. Tất cả đều cùng một sanh thú. Hơn năm mươi cư sĩ ở Nãtika, này Ãnanda, đã mệnh chung, sau khi đoạn tận năm hạ phân kiêt sử, được hóa sanh, từ đây nhập Niêt-bàn5 không còn phải trở lui cõi đời này nữa. Hơn chín mươi nam cư sĩ ở Nãtika, này Ananda, đã mệnh chung, sau khi đoạn tận ba kiết sử, sau khi làm cho muội lược tham, sân, si, là bậc Nhât Lai, sau khi trở lui thê giới này một lân nữa, sẽ đoạn tận khô đau. Năm trăm lẻ sáu nam cư sĩ ở Sâkata, này Ãnanda, đã mệnh chung, sau khi đoạn diệt ba kiết sử9 là bậc Dự Lưu, không còn thối đọa? quyết chắc chứng quả giác ngộ. Này Ananda, thật không có gì lạ vân đê con người phải mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người mệnh chung, ông lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này; thời này Ãnanda, như vậy làm phiền nhiễu Như Lai... (xem kinh trên)... quyết chắc chứng quả giác ngộ.

n. PHẨM VƯỜN VUA (RÃJAKẴRẴMAVAGGAý

I. KINH CHÚNG MỘT NGÀN TỶ-KHEO-NI (Sahassabhikkhunisanghasutta)45 (S. V. 360)
1007. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi, tại khu vườn Rãjaka. Rồi một chúng gồm một ngàn Tỵ-kheo-ni đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn roi đứng một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo-ni đang đứng một bên: - Này các Tỷ-kheo-ni, yị Thánh đệ tử thành tựu bốn pháp là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn? Ở đây5 này các Tỷ-kheo-ni, vị Thánh đệ tử thành tựu long tin bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc ứng Cúng... Phật, Thế Tôn.,, Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với Pháp... đối với Tăng... Vị ấy thành tựu các giới được bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo-ni5 bậc Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. II. KINH CÁC

BÀ-LA-MÔN (Brãhmanasutta) (5. V. 361) 1008. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo? các Bà-la-môn trình bày một đạo lộ hướng thượng (ụdayagãminỈTỵi), Họ khuyến khích các đệ tử như sau: "Hãy đến5 này các ông! Sáng sớm dậy, hãy đi hướng mặt về phía Đông. Chớ có tránh những lỗ hổng5 lỗ trũng, khúc cây, chỗ có gai, hố nước nhớp; chớ có tránh đường mương. Nếu có rơi vào các chỗ ấy và đi đến chết, như vậy5 này các ông5 sau khi thân hoại mạng chung, các ông sẽ sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.” Nhưng này các Tỷ-kheo, con đường ây của các Bà-la-môn là con đường của kẻ ngu, con đường của kẻ si5 không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh5 thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo? nay Ta trình bày một đạo lộ hướng thượng trong Luật của bậc Thánh và con đường ấy nhất hướng đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diet, an tịnh, thắng trí, giác ngộ5 Niết-bàn. Và này các Tỷ-kheo, đạo lộ hướng thượng ấy là gì, đạo lộ đưa đến nhất hướng yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh5 thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn?

4 Bản tiếng Anh của PTS: Thousandfold (or Royal Park), nghĩa là Một ngàn (hay Vườn vua). 5 Bản tiếng Anh của PTS: Thousand, nghĩa là Một ngàn.

Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: uĐây là Thế Tôn, bậc ứng Cúng... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Đây là đạo lộ đưa đến hướng thượng, này các Tỷ-kheo... nhất hướng yểm ly... đưa đến Niết-bàn. III. KINH TÔN GIẢ ẢNANDA (Ẫnandattherasuttã) (S. V. 362) 1009. Một thời, Tôn giả Ãnanda và Tôn giả Sãriputta trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Rồi Tôn giả Sãriputta, vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy? đi đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ãnanda những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, Tôn giả ngồi xuống một bên. Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả Ãnanda: Do đoạn tận những pháp nào, này Hiền giả Ãnanda, do nhân thành tựu những pháp nào, quần chúng ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự Lưu, không còn bị thôi đọa, quyết chăc chứng quả giác ngộ? —Do đoạn tận bôn pháp, thưa Hiên giả, do nhân thành tựu bôn pháp, quân chúng ở đời này được Thê Tôn tuyên bô là bậc Dự Lưu, không còn bị thôi đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn? Kẻ vô văn phàm phu, này Hiền giả, không thành tựu lòng tịnh tín đối với đức Phật, khi thân hoại mạng chung, sanh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy là không có lòng tịnh tín đối với đức Phật. Và vị đa văn Thánh đệ tír, thưa Hiền giả, thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới? cõi đời này. Như vậy là lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Bây là Thế Tôn, bậc ứng Cúng... Phật, Thế T6n.” Kẻ vô văn phàm phu, này Hiền giả, không thành tựu lòng tịnh tín đối với Pháp, khi thân hoại mạng chung, sanh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy là không có lòng tịnh tín đối với Pháp. Và vị đa văn Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp... Như vậy là lòng tịnh tín bất độn^ đối với Pháp: 'Tháp được Thế Tôn khéo thuyết... chỉ người có trí mới giác hiêu.,, Kẻ vô văn phàm phu, này Hiền giả5 không thành tựu lòng tịnh tín đối với chúng

Tăng... Như vậy là lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tồn... vô thượng phước điền ở dòi." Kẻ vô văn phàm phu, này Hiền giả, thành tựu ác giới... Như vậy là không có lòng tịnh tín bất động... Như vậy là lòng tịnh tín bất động đối với các giới: “Các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định/5 Do đoạn tận bốn pháp này, này Hiền giả, do nhân thành tựu bốn pháp này, quần chúng ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

IV KINH ÁC THÚ (Duggatìbhayasutta)6 (S V. 364) 1010. Do thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo? vị Thánh đệ tử vượt qua sự sợ hãi của tất cả ác thú. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Dây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế T6n." Ở dây, này các Tỷ-kheo? vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp... Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng... Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Do thành tựu bốn pháp này, vị Thánh đệ tử vượt qua sự sợ hãi của tất cả ác thú. V KINH NÔI SỢ HÃI NƠI Ác THÚ (Duggatìvinipãtabhayasutta) (S V. 364) 1011. Do thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử vượt qua sự sợ hãi của tất cả ác thú5 đọa xứ. Thế nào là bốn? ... (Như kinh trên). Do thành tựu bốn pháp này, vị Thánh đệ tử vượt qua sự sợ hãi của tất cả ác thú, đọa xứ. VI. KINH THÂN HỮU THỨ NHẤT (PaỊhamamittãmaccasutta) (S. V. 364) 1012. Tất cả những ai, này các Tỷ-kheo, các ông có lòng từ mẫn, và những ai mà các ông nghĩ cần phải nghe theo, các bạn bè, hay thân hữu, hay bà con, hay cùng một huyết thống; tất cả những vị ấy, này các Tỷ-kheo5 cần phải được khuyến khích, cần phải được áp dặt, phải được an trú trong bốn Dự lưu phần. Thế nào là bốn? Họ cần phải được khuyến khích, phải được áp đặt9 phải được an trú vào 16ng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là The Tôn, bậc ứng Cúng... Phật, The Ton/9... đối với Pháp... đối với Tăng... đối với các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Những ai mà các ông có lòng từ mẫn, này các Tỷ-kheo, những ai mà các ông nghĩ là cần phải nghe theo, các bạn bè, hay thân hữu, hay bà con, hay cùng một huyết thống; các người ấy cần phải được khuyến khích, cần phải được áp đặt, cần phải được an trú trong bốn Dự lưu phần này. VII. KINH THÂN HỮU THỨ HAI (Dutiyamitíãmaccasutta) (5. V. 365) 1013. Những ai, này các Tỷ-kheo, các ông có lòng từ mẫn, những ai mà các ông nghĩ rằng cần phải nghe theo, các bạn bè5 hay thân hữu, hay bà con, hay cùng một huyêt thông; các người ây cân phải được các ông khuyến khích,

6 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: The Woeful Way, nghĩa là Con đường ảc.

Cần phải được áp đặt5 cần phải được an trú trong bốn Dự lưu phần. Thế nào là bon? -r . khuyên Cân phải _ khích, cân phải áp đặt _ ? cân phải _ an trú tronglòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc ứng Cúng... Phật?

Thế T6n." Dầu cho, này các Tỷ-kheo, bốn đại chủng: Địa đại5 thủy dại, hỏa đại, phong đại có đổi khác, nhưng nhất định không có thay đổi trong vị Thánh đệ tử đã thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật. Ở dây, sự đối khác cọ nghĩa là: Vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động như vậy sẽ sanh vào địa ngục, hay vào loài bàng sanh, hay vào hàng ngạ quỷ; sự kiện như vậy không xảy ra. Cần phải khuyến khích, cần phải áp đặt, cần phải an trú trong lòng tịnh tín bất động đối với Pháp... đối với Tăng... Cân phải khuyên khích, cân phải áp đặt? cân phải an trú vào các giới được các bậc Thánh ái kính. Dầu cho, này các Tỷ-kheo, bốn đại chủng: Địa dại, thủy đại, hỏa dại, phong đại có đổi khác, nhưng nhất định không có sự đổi khác trong vị Thánh đệ tử đã thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với các giới được các bậc Thánh ái kính. Ở dây, sự đổi khác có nghĩa là: Vị Thánh đệ tử thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, sẽ sanh vào địa ngục, hay các loài bàng sanh, hay hàng ngạ quỷ; sự kiện như vậy không xảy ra. Những ai mà các ông có lòng từ mẫn, này các Tỷ-kheo... an trú trong bốn Dự lưu phần. VIII. KINH CHƯ THIÊN THĂM VIẾNG THỨ NHẤT (PaḶhamadevacārikasutta) (S. V. 366) 1014. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna, như nhà lực sĩ duỗi ra cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy5 Tôn giả biến mất ở Jetavana và hiện ra ở cõi trời Ba Mươi Ba. Rồi một số đông chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba đi đến Tôn giả Mahãmoggallãna; sau khi đến5 đảnh lễ Tôn giả Mahãmoggallãna rồi đứng một bên. Tôn giả Mahãmoggallãna nói với chư thiên đang đứng một bên: Lành thay, chư Hiền,
là sự thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai... Phật, Thế Tôn.^, Do nhân thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, như vậy ở đây9 một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Lành thay5 chư Hiền, là sự thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp... đối với Tăng... Lành thay, chư Hiên, là sự thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Do nhân thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, chư Hiền, như vậy ở đây5 một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú9 thiên giới, cõi đời này.

Lành thay, Tôn giả Moggallãna, là sự thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Dây là Như Lai... Phật, Thế T6n." Do nhân thành tựu lòng tịnh tín bất động đôi với đức Phật5 thưa Tôn giả Moggallãna, như vậy ở dây, một sô chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Lành thay, Tôn giả Moggallãna, là sự thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp... đối với Tăng... các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Do nhân thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, thưa Tôn giả Moggallãna, như vậy ở đây5 một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới? cõi đời này. IX. KINH CHƯ THIÊN THẢM VIẾNG THỨ HAI (Dutìyadevacārikasutta) (5. V. 367) 1015. Nhân duyên ở Sãvatthi. Một thòi, Tôn giả Mahãmoggallãna trú ở Sãvatthi, Jetavana, tại khu vườn của ông Anãthapindika. Rồi Tôn giả Moggallãna, như người lực sĩ... (như trên). (Như trên)... một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này. X. KINH CHƯ THIÊN THẢM VIẾNG THỨ BA (Tatiyadevacārikasutta) (5. V. 367) 1016. (Như kinh trên, chỉ khác đây là "Thế

T6n”không phải "Tôn giả Mahamoggallana”).

55. TƯƠNG ƯNG Dự Lưu 1261

ni. PHẨM SARANÃNI (SARANẴNIE4GGA)

I. KINH MAHÃNÃMA THỨ NHẤT (PaḶhamamahãnãmasutta) (S. V. 369) 1017. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha. Rồi họ Thích Mahãnãma đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên5 họ Thích Mahãnãma bạch Thế Tôn: - Kapilavatthu này, bạch Thế T6n, là phồn vinh, phú cường, dân cư đông đúc, quần chúng khắp nơi chen chúc, chật hẹp. Bạch Thế Tôn, sau khi con hầu hạ Thế Tôn hay các Tỷ-kheo đáng kính, vào buổi chiều, con đi vào Kapilavatthu, con gặp con voi cuồng chạy; con gặp con ngựa cuồng chạy; con gặp cỗ xe lớn cuồng chạy; con gặp cỗ xe nhỏ cuồng chạy; con gặp người cuồng chạy. Trong khi ấy, bạch Thế Tôn, tâm con nghĩ đến Phật bị hoang mang, tâm con nạhĩ đến Pháp bị hoang mang, tâm con nghĩ đên chúng Tăng bị hoang mang. Rôi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Nếu lúc ấy con mệnh chung, thời sanh thú của con là gì, sanh xứ đời sau chỗ nào?" Chớ có sợ, này Mahãnãma! Chớ có sợ9 này Mahãnãma! Không ác sẽ là cái chết của ông! Không ác sẽ là mệnh chung của ông! Này Mahãnãma, với ai đã lâu ngày, tâm tu tập trọn vẹn về tín, tâm tu tập trọn vẹn về giói, tâm tu tập trọn vẹn vê sở văn5 tâm tu tập trọn vẹn vê thí xả, tâm tu tập trọn vẹn về trí tuệ; với người ấy, dầu thân có sắc này do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, có bị vô thường phá hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; dầu cho thân này ở đây bị quạ ăn, chim kên ăn9 chim ưng ăn5 chó ăn5 hay dã can ăn5 hay các sanh loại sai khác ăn; nhưng nếu tâm của vị ấy được lâu ngày tu tập trọn vẹn về tín, tu tập trọn vẹn về giới5 tu tập trọn vẹn về sở văn, tu tập trọn vẹn về thí xả5 tu tập trọn vẹn về trí tuệ, thời tâm của vị ấy thượng thăng, đi đến thù thắng. Ví như, này Mahãnãma, một người nhận chìm một ghè sữa bo,7 hay một ghè dầu vào trong một hồ nước sâu và đập bể ghè ấy. Ở đây, các mảnh ghè hay mảnh vụn chìm xuống nước; nhưng sữa, bơ hay dầu thời nổi lên, trồi lên trên. Cũng vậy, này Mahãnãma, với ai đã lâu ngày, tâm được tu tập trọn vẹn về tín, tâm được tu tập trọn vẹn về giới, tâm được tu tập trọn vẹn về sở văn? tâm được

7 Xem ví dụ tương tự trong KS. IV. 313.

tu tập trọn vẹn vê thí X,tâm được tu tập trọn vẹn vê trí tuệ; với người ây, thân có săc này do bốn đại hợp thành? do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, có bị vô thường phá hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; dầu cho thân này ở đây bị quạ ăn, chim kên ăn9 chim ưng ăn, chó ăn5 dã can ăn hay các sanh loại sai khác ăn; nhưng nếu tâm của vị ấy được lâu ngày tu tập trọn vẹn về tín, tu tập trọn vẹn về giới, tu tập trọn vẹn về sở văn, tu tập trọn vẹn về thí xả? tu tập trọn vẹn về trí tuệ5 thời tâm của vị ấy thượng thăng, đi đến thù thắng. Này Mahãnãma, đã lâu ngày tâm ông được tu tập trọn vẹn về tín, được tu tập trọn vẹn về giới, được tu tập trọn vẹn về sở văn5 được tu tập trọn vẹn về thí xả, được tu tập trọn vẹn về trí tuệ. Chớ có sợ5 này Mahãnãma! Chớ có sợ5 này

Mahãnãma! Không ác sẽ là cái chết của ông! Không ác sẽ là mệnh chung của ông! II. KINH MAHÃNÃMA THỨ HAI (Dutìyamahãnãmasutta) (5. V. 371) 1018. Như vầy tôi nghe... Rồi Mahãnãma... Ở dây, bạch Thế Tôn? Kapilavatthu...

Chớ có sợ hãi, này Mahãnãma! Chớ có sợ hãi5 này Mahãnãma! Klhông ác sẽ là cái chết của ông! Không ác sẽ là mệnh chung của ông! Do thành tựu bốn pháp, này Mahãnãma, vị Thánh đệ tử thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Thế nào là bốn? Ở đây5 này Mahãnãma, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Đây là Như Lai, bạc A-la-hán... Phật, Thề T6nđối vơi Phap.y. đối với Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Ví như, này Mahãnãma, một cây thiên vê phía Đông, hướng vê phía Đông, xuôi về phía Đông, nếu bị chặt đứt từ gốc rễ, nó sẽ ngả về phía nào? Bạch Thê Tôn? vê phía nào nó thiên, vê phía nào nó hướng, vê phía nào nó xuôi. —Cũng vậy, này Mahãnãma, do thành tựu bôn pháp này, vị Thánh đệ tử thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. III. KINH HỌ THÍCH GODHA (Godhasakkasuttảỷ (S. V. 371) 1019. Nhân duyên ở Kapilavatthu. Rồi họ Thích Mahãnăma đi đến họ Thích Godha; sau khi dến, nói với họ Thích Godha: Này Godha, theo như Hiền giả biết, một ngiròi là bậc Dự Lưu, thành tựu bao nhiêu pháp thời không bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ? -Này Mahãnãma, theo như tôi biết, một người là bậc Dự Lưu thành tựu ba pháp thời không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

8 Bản tiếng Anh của PTS viết: Godha (or Mahãnãmà), nghĩa là Tôn giả Godha (hay Mahãnãma).

Ở dây, này Mahãnãma, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: “Dây là The Tôn? bậc ứng Cúng... Phật5 Thế Ton." ... đối với Pháp... đôi với Tăng... là vô thượng phước điên ở đời. Này Mahãnãma, do thành tựu ba pháp này, tôi được biết một người là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa9 quyêt chăc chứng quả giác ngộ. Nhưng này Mahãnãma, theo như Hiên giả biêt, một người là bậc Dự Lưu thành tựu bao nhiêu pháp thời không còn thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ? Này Godha, theo như tôi biết, một người là bậc Dự Lira thành tựu bốn pháp thời không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn? Ở đây, này Godha, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: “Dây là Thế Tôn5 bậc ứng Cúng... Phật, Thế Tôn?5... đối với Pháp... đôi với Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đên thiên định. Này Godha, theo như tôi biêt, một người là bậc Dự Lưu thành tựu bôn pháp này thời không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. -Hãy chờ một [át, này Mahãnâma! Hãy chờ một lát, này Mahãnãma! Thế Tôn biết rõ việc này, thành tựu hay không thành tựu những pháp này. Này Godha, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn và sau khi đến, hãy hỏi về ý nghĩa này. Rồi họ Thích Mahãnãma và họ Thích Godha đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, họ Thích Mahãnãma bạch Thế Tôn: Ở dây, bạch Thế Tôn5 con đi đến họ Thích Godha; sau khi đến, nói với họ Thích Godha: "Này Godha, theo như Hiền giả biết, một người là bậc Dự Liru thành tựu bao nhiêu pháp... giác ngO?” Được nghe nói

vậy, bạch Thế Tôn, họ Thích Godha nói với con: “Này Mahãnãma, theo như tôi biêt, một người là bậc Dự Lưu thành tựu ba pháp... giác ngộ. Thế nào là ba? Ở đây, này Mahãnãma, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn? bậc ứng Cúng... Phật, Thế Ton.59... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Này Mahãnãma, theo như tôi biết, một người là bậc Dự Lưu thành tựu ba pháp này thời không còn bị thối đọa5 quyết chắc chứng quả giác ngộ. Còn này Mahãnãma theo như Hiền giả biết, một người là bậc Dự Lưu thành tựu bao nhiêu pháp... giác ng?" Được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với họ Thích Godha: "Này Godha, theo như tôi biếq một người là bậc Dự Lưu thành tựu bốn pháp... giác ngộ. Thế nào là bốn? Ở đây, này Godha, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: “Bây là Thế Tôn, bậc ứng Cúng... Phật5 Thế Ton.99 ... đối với Pháp... đối với Tăng... thành tựu các giới được các bậc

Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Này Godha, theo như tôi biết, một người là bậc Dự Lưu thành tựu bốn pháp... giác ng0.” r

Được nghe nói vậy, bạch Thê Tôn, họ Thích Godha nói với con: "Hãy chờ một lát5 này Mahãnãma! Hãy chờ một lát, này Mahãnãma! Thế Tôn sẽ biết rõ việc này, là thành tựu hay không thành tựu những pháp ny.” Ở đây, bạch Thế Tôn, nếu nói vấn đề pháp sự khởi lên (dhammo samuppãdoỴ và một bên là Thê Tôn, một bên là chúng Tỷ-kheo; bên nào là Thê Tôn, bên ây con theo. Vì bạch Thế Tôn, đó là lòng tịnh tín của con. Mong Thế Tôn chấp nhận. Ở dây, bạch Thế T6n, nếu có vấn đề pháp sự khởi lên5 và một bên là Thế Tôn5 một bên là chúng Tỷ-kheo và chúng Tỷ-kheo-ni; bên nào là Thế Tôn? bên ấy con theo. Vì bạch The Tôn... Mong Thế Tôn chấp nhận. Ở đây, bạch Thế Tôn, nếu có vấn đề pháp sự khởi lên, và một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỷ-kheo5 chúng Tỷ-kheo-ni và nam cư sĩ; bên nào là Thế Tôn... Mong Thế Tôn chấp nhận. Ở dây, bạch Thế Tôn, nếu có vấn đề pháp sự khởi lên, và một bên là Thế Tôn? một bên là chúng Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo-ni? nam cư sĩ và nữ cư sĩ; bên nào là Thế Tôn... Mong Thế Tôn chấp nhận. Ở dây, bạch Thế Tôn, nếu có vấn đề pháp sự khởi lên, và một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỷ-kheo5 chúng Tỷ-kheo-ni, nam cư si, nữ cư sĩ, chúng Thiên giới9 chúng Ma giới, chúng Phạm thiên giới, chúng Sa-môn và Bà-la- môn5 chư thiên và loài người; bên nào là Thế Ton, ben ấy con theo. Vì bạch Thế Tôn, đó là lòng tịnh tín của con. Mong Thế Tôn chấp nhận. Họ Thích Mahãnãma đã nói như vậy, này Godha, ông có nói gì không?

—Họ Thích Mahãnãma đã nói như vậy, con không có nói gì trừ lời nói: “Thiên” trừ lời nói: "T.

IV KINH HỌ THÍCH SARAKÃNI THỨ NHẤT (Pathamasarananisakkasutta) (S. V. 375) 1020. Nhân duyên ở Kapilavatthu. Lúc bấy giờ, họ Thích Sarakãni mệnh chung và được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa5 quyết chắc chứng quả giác ngộ. Tại dấy, một số đông họ Thích tụ họp lại với nhau, chỉ trích, phê bình, bàn tán: "Thật là kỳ lạ! Thật là hy hữu! Ngày nay ai cũng có thể thành bậc Dự Ltru, vì rằng họ

Thích Sarakãni đã mệnh chung, được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa5 quyết chắc chứng quả giác ngộ. Họ Thích Sarakãni đã phạm giới và uống rượu." Rồi họ Thích Mahãnãma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, họ Thích Mahãnãma bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn, họ Thích Sarakãni đã mệnh chung và được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự Lưu... chứng quả giác ngộ. Ở đây, bạch Thế Tôn, một số

đông họ Thích khi tụ tập lại với nhau, chỉ trích, phê bình, bàn tán: "That là kỳ lạ! Thật là hy hữu!... Họ Thích Sarakãni đã phạm giới và uống rượu." Này Mahãnãma, một cư sĩ lâu ngày quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng làm sao có thể đi đến đọa xứ được? Này Mahãnãma, nếu nói một cách chơn chánh: Người cư sĩ nào đã lâu ngày quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng; nói một cách chơn chánh phải nói là họ Thích Sarakãni. Này Mahãnãma, họ Thích Sarakãni đã lâu ngày quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, làm sao có thể đi đến đọa xứ? Ở dây, này Mahãnãma, có nẹười thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Bây là Thế Tôn, bậc Ung Cúng... Phật, Thế Tôn.^,... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... có trí tuệ hoan hỷ (hãsapannoỴ có trí tuệ tốc hành9 và thành tựu giải thoát. Vị ấy do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Người này? này Mahãnâma, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ở dây, này Mahãnãma, có n^ười thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật. “Dây là Thế Tôn, bậc Ung Cúng... Phật, [hế T6n.” ... đối với Pháp... đối với chúng Tng.. có trí tuệ hoan hỷ5 có trí tuệ tốc hành nhưng không thành tựu giải thoát. Vị ây do đoạn diệt năm hạ phân kiêt sử, được hóa sanh, tại đấy nhập Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa. Người này, này Mahãnãma, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ5 được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ở đây, này Mahãnãma, có người thành tựu lòng tịnh tín đối với đức Phật: “Bây là Thế Tôn5 bậc ứng Cúng... Phật, Thế T6ĩi” ... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... không có trí tuệ hoan hỷ5 khônệ có trí tuệ tốc hành, không thành tựu giải thoát. Vị ây sau khi đoạn diệt ba kiêt sử, sau khi làm cho muội lược tham, sân, si, thành bậc Nhất Lai, chỉ trở lui đời này một lân nữa, đoạn tận khô đau. Người này, này Mahãnãma, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ở đây, này Mahãnãma, có người thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật... đối vơi Pháp... đối với chúng Tăng... không có trí tuệ hoan hỷ? khônẹ có trí tuệ tốc hành5 không thành tựu giải thoát. Vị ấy sau khi đoạn diệt ba kiêt sử5 là bậc Dự Lim không còn bị thôi đọa, quyêt chăc chứng quả giác ngộ. Người này, này Mahãnãma, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ5 được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú5 đọa xứ. Ở đây5 này Mahãnãma, có người không có lòng tịnh tín bất động đối với

9 về hai loại trí, hãsapanna và javanapanna, xem s. V. 412; KS. I. 88; M. III. 25; JA. IV. 136.

đức Phật... đối với Pháp... đối với Tăng... không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không thành tựu giải thoát. Nhưng vị ấy có những pháp này: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn và những pháp này do Như Lai tuyên bố được thiểu phần kham nhẫn, quán sát với trí tuệ. Người này, này Mahãnãma, không đi đến địa ngục, không đi đến loài bàng sanh, không đi đến cối ngạ quỷ, không đi đến ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ở đây, này Mahãnãma, có người không có lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật... đối với Pháp... đối với Tăng... không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không thành tựu giải thoát. Nhưng vị ấy có những pháp này: Tín căn, tấn căn5 niệm căn, định căn, tuệ căn5 chỉ có lòng tin, chỉ có lòng ái mộ ở Như Lai. Người này, này Mahãnãma, không có đi đến địa ngục? không có đi đến loài bàng sanh, không có đi đến cõi ngạ quỷ? không có đi đến cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Nếu những cây Sa-la lớn này, này Mahãnãma, biết những gì là thiện thuyết, ác thuyết, thời Ta cũng sẽ tuyên bố những cây ấy là những bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa5 quyết chắc chứng quả giác ngộ, huống nữa là họ Thích Sarakãni. Này Mahãnãma, họ Thích Sarakãni, khi mệnh chung, đã chấp nhận học giới. V. KINH HỌ THÍCH SARAKÃNI THỨ HAI (Dutìyasaranũnisakkasutta) (S. V. 378) 1021. Nhân duyên ở Kapilavatthu. (Như kinh trên)... Nhưng ở dây, này Mahãnãma, có người có lòng nhất hướng sùng tín đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn.,, ... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... có trí tuệ hoan hỷ, có trí tuệ tốc hành, thành tựu giải thoát. Vị này sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát- ĩiiết-bàn, chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn? chứng được Vô hành Bát-niết-bàn, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn, chứng được Thượng lưu sanh ở sắc Cứu Cánh thiên. Người này, này Mahãnãma, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cối dữ5 ác thú5 đọa xứ. Ở đây? này Mahãnãma, có người có lòng nhất hướng sùng tín đức Phật: "Dây là Như Lai, bậc A-la-hán... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không có thành tựu giải thoát. Vị này sau khi đoạn diệt ba kiêt sử5 làm cho muội lược tham, sân, si, thành bậc Nhất Lai, chỉ một lần trở lui cõi đời này. Này Mahãnãma, người này được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú? đọa xứ. Ở dây, này Mahănãma, có người có lòng nhất hướng sùng tín đức Phật: uĐây là Như Lai, bậc A-la-hán... đối với Pháp... đối với Tăng... không có trí tuệ hoan hỷ9 không có trí tuệ tốc hành, không có thành tựu giải thoát. Vị này sau khi đoạn diệt ba kiết sử, thành bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết

chắc chứng quả giác ngộ. Người này, này Mahãnãma, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú? đọa xứ. Ở đây, này Mahãnãma, có người không có lòng nhất hướng sùng tín đức Phật: "Bây là Như Lai, bậc A-la-hán... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... không có trí tuệ hoan hỷ? không có trí tuệ tốc hành, không có thành tựu giải thoát, nhưng có những pháp này: Tín căn, tân căn, niệm căn? định căn5 tuệ căn; và những pháp do Như Lai tuyên bố được thiểu phần kham nhẫn, quán sát với —
. • • J2 ~ r

trí tuệ. Người này, này Mahãnãma, không có đi đên địa ngục... không có đi đên cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Ở đây, này Mahãnãma, có người không có lòng nhất hướng sùng tín đối với đức Phật... đôi với Pháp... đôi với Tăng... không có thành tựu giải thoát, nhưng có những pháp này: Tín căn5 tấn căn, niệm căn, định căn9 tuệ căn, chỉ có lòng tin, lòng ái mộ đối với Như Lai. Người này, này Mahãnãma, không có đi đến địa ngục... không có đi đên cõi dữ5 ác thú5 đọa xứ. Ví như, này Mahãnãma, có đám ruộng xâu? đám đât xâu5 các gôc cây chưa được phá hủy5 các hột giống bị bể nát, bị hư thối, bị gió nắng làm cho hư hại, không thể nảy nầm, không khéo cấy trồng, và trời không mưa lớn thích hợp; thời các hột giống ấy có thể lớn, tăng trưởng, lớn mạnh không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Cũng vậy, này Mahãnãma, ở dây, pháp giảng kém5 trình bày kém? không đưa đến xuất ly, không đưa đến an tịnh, không được một vị Chánh Đẳng Giác thuyết giảng. Ta nói rằng pháp này như ở đám ruộng xấu. Vị đệ tử ấy sống trong pháp ấy, thực hiện pháp và tùy pháp? chơn chánh thưc hành, hành trì đúng pháp. Như vậy, Ta nói rằng5 người này giống như hột giống xấu. Ví nhu, này Mahãnãma, một đám ruộng tôt5 đât tôt, các gôc khéo phá hủy? các hột giống không bị bể nát5 không bị hư thối, gió nắng không làm hư hại, có thể nảy mầm, khéo cấy, khéo trồng và trời mưa lớn thích hợp. Như vậy, các hột giống ấy có lớn lên9 có tăng trưởng, có lớn mạnh không? Thưa c6, bạch Thế Tôn.

Cũng vậy, này Mahãnãma, ở đây, pháp được khéo giảng, khéo trình bày, đưa đến xuất ly, đưa đến an tịnh, được bậc Chánh Đẳng Giác thuyết giảng, Ta nói pháp này như đám ruộng tốt. Vị đệ tử sống trong pháp ấy, thực hành theo pháp và tùy pháp, chơn chánh thực hành, hành trì đúng pháp. Như vậy, Ta nói rang người này như hột giống tốt9 huống nữa là họ Thích Sarakãni. Này Mahãnãma, họ Thích Sarakãni, khi mạng chung, đã làm viên mãn học giới. VI. KINH ANÃTHAPINỌIKA THỨ NHẤT (Pathamaanathapindikasutta)w (S. V. 380) 1022. Nhân duyên ở Sãvatthi.

10 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Immoral (or Anãthapindika), nghĩa là Ắc thủ (hay Anathapindika).

LÚC bấy giờ9 gia chủ Anãthapindika đang bị bệnh9 đau dớn, bị trọng bệnh. Rồi gia chủ Anãthapindika bảo một người: Hãy đên, này bạn. Hãy đi đên Tôn giả Sãriputta; sau khi đên? nhân danh ta, cúi đâu đảnh lễ chân Tôn giả Sãriputta và thưa: "Gia chủ Anãthapindika, thưa Tôn giả9 bị bệnh, đau đớn, bị ượng bệnh5 cúi đàu đảnh lễ chân Tôn giả sriputta" và thưa: "Lành thay, thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Sãriputta đi đến trú xứ của gia chủ Anãthapindika vì lòng từ mAri!" Thưa vâng, gia chủ. Người ấy vâng đáp gia chủ Anãthapindika, đi đến Tôn ệiả Sãriputta; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Sãriputta rồi ngồi xuống một bên. Ngoi một bên5 người ấy thưa với Tôn giả Sãriputta: Gia chủ Anãthapindika, thưa Tôn giả5 bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh, xin cúi đầu đảnh lễ chân Tôn ệiả Sãriputta, gia chủ thưa: "Lành thay, thưa Tôn giả, nêu Tôn giả Sãriputta đi đên trú xứ của gia chủ Anãthapindika vì lòng từ mẫn!,, Tôn giả Sãriputta im lặng nhận lời. Rồi Tôn giả Sãriputta, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát với Tôn giả Ãnanda là Sa-môn tùy tùng, đi đến trú xứ của gia chủ Anãthapindika; sau khi đên9

ngôi xuông chô đã soạn săn. Ngôi xuông, Tôn giả Sãriputta nói với gia chủ Anãthapindika: -Này gia chủ? gia chủ có kham nhẫn nổi không? Gia chủ có chịu đựng nổi không? Có phải kho thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có dấu hiệu giảm thiểu, không có tăng trưởng? —Thưa Tôn giả, con không thể kham nhẫn. Con không thể chịu dựng. Kịch liệt là khổ thọ nơi con. Chúng tăng trưởng, không có giảm thiểu. Có dấu hiệu chúng tăng trưởng, không giảm thiểu. Vì răng kẻ vô văn phàm phu, này gia chủ, thành tựu lòng bât tín đôi với Phật nên sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ5 địa ngục. Nhưng gia chủ không có lòng bất tín đối với Phật, trái lại, gia chủ thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Dây la Như Lai, bậc A-la-han... Phật? Thế T6ïi.” Nếu gia chủ tự thấy lòng tịnh tín bất động của gia chủ đối với đức Phật, thời lập tức các cảm thọ của gia chủ được an tịnh. Vì rằng kẻ vô văn phàm phu, này gia chủ5 thành tựu lòng bất tín đối với Pháp nên sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ5 ác thú? đọa xứ5 địa ngục. Nhimg gia chủ không có lòng bất tín đối với Pháp? trái lại, gia chủ thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết... tự mình giác hiêu?5 Nêu gia chủ tự mình thây lòng tịnh tín bât động đôi với Pháp, thời lập tức các cảm thọ của gia chủ được an tịnh. Vì rằng kẻ vô văn phàm phu, này gia chủ, thành tựu lòng bất tín đối với chúng Tăng nên sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhimg gia chủ không có lòng bất tín đối với chúng Tăng5 trái lại,

gia chủ thành tựu lòng tịnh tín đối với chúng Tăng: uDiệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn... là phước điền vô thượng ở Nếu gia chủ tự mình th lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, thời lập tức các cảm thọ của gia chủ được an tịnh. Vì rằng kẻ vô văn phàm phu, này gia chủ, thành tựu ác giới, nên sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào... địa ngục. Nhưng gia chủ không có ác giới như vậy, trái lại, gia chủ có giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Nếu gia chủ tự mình thấy có giới được các bậc Thánh ái kính ấy, thời lập tức các cảm thọ của gia chủ được an tịnh. Vì răng kẻ vô văn phàm phu, này gia chủ, thành tựu tà kiên nên sau khi thân hoại... địa ngục. Nhưng gia chủ không có tà kiến như vậy5 trái lại, gia chủ có chánh kiến. Nếu gia chủ tự mình thấy chánh kiên của gia chủ, thời lập tức các cảm thọ của gia chủ được an tịnh. Vì răng kẻ vô văn phàm phu, này gia chủ, thành tựu tà tư duy... tà ngữ... tà nghiệp... tà mạng... tà tinh tấn... tà niệm... tà định... tà trí... tà giải thoát, nên sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa nẹục. Nhưng gia chủ không có tà tư duy... tà ngữ... tà nghiệp... tà mạng... tà tinh tân... tà niệm... tà định... tà trí... tà giải thoát như vậy; trái lại, gia chủ có chánh tư duy... chánh ngữ... chánh nghiệp... chánh mạng... chánh tinh tấn... chánh niệm... chánh định... chánh trí... chánh giải thoát. Nêu gia chủ tự mình thây chánh tư duy... chánh ngữ...chánh nghiệp... chánh mạng... chánh tinh tấn... chánh niệm... chánh định... chánh trí... chánh giải thoát của gia chủ; thời lập tức các cảm thọ của gia chủ được an tịnh. Rồi các cảm thọ của gia chủ Anãthapindika lập tức được an tịnh. Rồi gia chủ Anãthapindika mời Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Ãnanda [dùng bữa ăn] từ nơi nồi nấu cơm của mình. Sau khi Tôn giả Sãriputta ăn xong, tay đã rời khỏi bát, gia chủ Anãthapindika đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến, lấy một ghế thấp và

ngồi xuống một bên. Tôn giả Sãriputta tán thán gia chủ Anãthapindika với những lời kệ này:11 Ai tin tưởng Như Lai, Bất động khéo an lập. Ai có giới thiện lành, Được bậc Thánh ái kính. Ai tin tưởng chúng Tăng, Sở kiến được chánh trực. Người ấy gọi: "Không nghèo", Đời sống không uổng phí. Do vậy bậc Hiền minh, Cần tu tập tín giới,

11 Các bài kệ này có viết trong s. L 232; V. 405; A. II. 57; III. 54.

Thấy rõ được Chánh pháp5 Không quên lời Phật dạy. Rồi Tôn giả Sãriputta, sau khi nói lời hoan hỷ tán thán với các lời kệ này, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. > . _ . _ 5 _ A _ ta * FT^ A *7 A i ri-ĩí rr^ r\ . _ i I_ s J. Ạ , 4 9 Í 1 A FTTi f\ rT-i A /\ * /\ € Roi Ton gia Ananda đi đen The Ton; sau khi đên5 đảnh le The Ton roi ngoi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda đang ngồi một bên: -Này Ãnanda, ông đi đâu để nghỉ trưa? Bạch Thế Tôn, gia chủ Anãthapindika đã được Tôn giả Sãriputta giáo giới với lời giáo giới như thế này, thế này... Hiền minh, này Ãnanda, là Sãriputta! Đại tuệ5 này Ãnanda, là Sãriputta! Vị ấy có thể chia chẻ bốn Dự lưu phần thành mười tướng. VII. KINH ANATHAPINDIKA THỨ HAI • •

(Dutiyaanathapindikasutta) (S. V. 385) 1023. Nhân duyên ở Sãvatthi. Lúc bấy giờ, gia chủ Anãthapindika bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. (Như kinh trên, chỉ khác đây là "T6n giả Ananda" chứ không phải "Tôn giả Sãriputta,\ và "Tôn giả Ãnanda đi chỉ có một minh", cho đến "c6 dấu hiệu tăng trưởng, không có giảm thiểu"). Này gia chủ? kẻ vô văn phàm phu thành tựu bốn pháp nên run sợ, hoảng hốt5 sợ hãi về cái chết, về đời sau. Thế nào là bốn? Ở đây5 này gia chủ, kẻ vô văn phàm phu thành tựu lòng bất tín đối với Phật. Khi vị ấy tự thấy lòng bất tín của mình đối với Phật; vị ấy run sợ5 hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau. Lại nữa, này gia chủ, kẻ vô văn phàm phu thành tựu r __ r r . .

lòng bat tín đôi với Pháp. Khi vị ây tự thay lòng bât tín của mình đôi với Pháp; vị ấy run sợ? hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau. Lại nữa, này gia chủ, kẻ vô văn phàm phu thành tựu lòng bất tín đối với chúng Tăng. Khi vị ấy tự thấy lòng bât tín của mình đôi với chúng Tăng; vị ây run sợ5 hoảng hôt? sợ hãi vê cái chết, về đời sau. Lại nữa, này gia chủ? kẻ vô văn phàm phu thành tựu ác giới. Khi vị ấy tự thấy sự thành tựu ác giới của mình; vị ấy run sợ? hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau. Do thành tựu bốn pháp này, này gia chủ, kẻ vô văn phàm phu run sợ? hoảng hốt? sợ hãi về cái chết, về đời sau. Do thành tựu bốn pháp, này gia chủ, vị đa văn Thánh đệ tử không có run sợ, không có hoảng hot, không có sợ hãi vê cái chêt? vê đời sau. Thê nào là bôn? Ở dây, này gia chủ, vị đa văn Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Dây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn.^, Khi tự thấy lòng tịnh tín bất động của mình đối với Phật, vị ấy không run sợ, không hoảng hốt5 không sợ hãi về cái chết, về đời sau. Lại nữa, này gia chiỉ, vị đa văn Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết... chỉ người có trí tự mình giác

hiểu.,, Khi tự thấy lòng tịnh tín bất động của mình đối với Pháp, vị ấy không run sợ5 không hoảng hốt, không sợ hãi về cái chết, về đời sau. Lại nữa, này gia chủ... lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là đệ tử của Thế Tôn... là phước điền vô thượng ở đời?5... về đời sau. Lại nữa, này gia chủ, vị đa văn Thánh đệ tử thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Khi tự thấy sự thành tựu các ệiới được các bậc Thánh ái kính của minh, vị ấy không run sợ, không hoảng hot, không sợ hãi về cái chết, về đời sau. Thành tựu bốn pháp này? này gia chủ, bậc đa văn Thánh đệ tử không có run sợ? không có hoảng hốt5 không sợ hãi về cái chết, về đời sau. Thưa Tôn giả Ãnanda, con không sợ hãi. Sao con có thể sợ hãi? Con đã thành tựu lòng tịnh tín đối với Phật: 6CĐây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn.^, ... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... thưa Tôn giả, phàm có những học giới hòa kính (sãmĩcí) tại gia do Thế Tôn thuyết giảng, con thấy không có tự mình vi phạm một giới nào. Lợi đăc thay cho gia chủ, này gia chủ! Khéo lợi đăc thay cho gia chủ5 này gia chủ! Gia chủ đã tuyên bố về Dự lưu quả rồi. VIII. KINH TỊNH CHỈ sợ HÃI VÀ THÙ HẬN THỨ NHẤT (PaỊhamabhayaverữpasantasutta)12 (S V. 387) 1024. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi gia chủ Anãthapindika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Ton rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anãthapindika đang ngồi một bên: Khi nào vị Thánh đệ tử, này gia chủ, làm cho tịnh chỉ năm sự sợ hãi, hận thù (panca bhayãní), thành tựu bốn Dự lưu phần, và nhờ trí tuệ, Thánh lý (ỉiãya) được khéo thấy, được khéo thông dạt, nếu vị ấy muốn5 sẽ tự mình tuyên bố về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục; ta đã đoạn tận loài bàng sanh; ta đã đoạn tận cối ngạ quỷ; ta là bậc Dự Lưu, không còn thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ng0." Thế nào là năm sự sợ hãi, hận thù được tịnh chỉ? Sự sợ hai, hận thù, này gia chủ, ngay trong hiện tại khởi lên cho người sát sanh; do duyên sát sanh, sự sợ hai, hận thù khởi lên ở đời sau, sự khổ ưu do tâm người ấy cảm thọ. Với người từ bỏ sát sanh, thời sự sợ hãi? hận thù như vậy được tịnh chỉ. ... khởi lên cho người lấy của không cho... ... khởi lên cho người tà hạnh trong các dục... ... khởi lên cho người nói láo... Sự sợ hãi, hận thù, này gia chủ, ngay trong hiện tại khởi lên cho người đắm

12 Bản tiếng Anh của PTS: Guilty Dread (or Anãthapỉndikă) (c), nghĩa là Sợ hãi tội ỉẫi (hay Anãthapindỉkă) (c).

say rượu men rượu nâu; do duyên đăm say rượu men rượu nâu, sự sợ hãi, hận thù khởi lên ở đời sau? sự khổ ưu do tâm người ấy cảm thọ. Với người từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, thời sự sợ hãi, hận thù như vậy được tịnh chỉ. Năm sự sợ hãi5 hận thù này được tịnh chỉ. Với bốn Dự lưu phần nào, vị ấy được thành tựu? Ở dây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: t6Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế T6ĩi.”.. đối với Pháp... đối với chúng Tăng... vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Bốn Dự lưu phần này được thành tựu. Thánh lý nào được vị ấy khéo thấy với trí tuệ, khéo thông đạt? Ở đây, này gia chủ? vị Thánh đệ tử khéo như lý tác ý lý duyên khởi: Do cái này có mặt, cái kia có mặt. Do cái này sanh khởi5 cái kia sanh khởi. Do cái này không có mặt, cái kia không có

mặt. Do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ5 thọ duyên ái5 ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh không có dư tàn, nên hành diệt. Do hành diệt, nên thức diệt... nên lão tử diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này vậy. Đây là Thánh lý với trí tuệ được khéo thấy, khéo thông đạt. Khi nào vị Thánh đệ tử5 này gia chủ? được tịnh chỉ năm sự sợ hãi? hận thù này, được thành tựu bôn Dự lira phân này, và Thánh lý nhờ trí tuệ được khéo thây, khéo thông đạt, thời nêu muôn5 vị ây có thê tự mình tuyên bô vê mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục; ta đã đoạn tận loài bàng sanh; ta đã đoạn tận cõi ngạ quỷ; ta đã đoạn tận cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thôi đọa9 quyêt chăc chứng quả giác ngO." IX. KINH TỊNH CHỈ sợ HÃI VÀ THÙ HẬN THỨ HAI (Dutiyabhayaverũpasantasutta)13 (S. V. 389) 1025. Nhân duyên ở Sãvatthi. (Như kinh trên5 chỉ khác ở đây là "Một số đông Tỷ-kheo đi đến đức Phậf, và đức Phật thuyết cho các vị ấy). X. KINH NANDAKA - ĐẠI THẦN NGƯỜI LICCHAVI (Nandakalicchavisutta) (S V. 389) 1026. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli, tại Đại Lâm, chỗ ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi đại thần người Licchavi tên là Nandaka đi đến Thế Tôn; sau khi đến5

13 Bản tiếng Anh của PTS: Fear (or the Monk), nghĩa là Sợ hãi (hay VỊ Tỷ-kheo).

đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Nandaka, vị đại thần người Licchavi đang ngồi một bên: - Này Nandaka, thành tựu bốn pháp, một vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lira... chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn? Ở đây, này Nandaka, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật5 Thế T6n." ... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh... đưa đến thiền định. Thành tựu bốn pháp này5 này Nandaka, vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thành tựu bốn pháp này? này Nadaka, vị Thánh đệ tử liên hệ đến tuổi thọ chư thiên và loài người, liên hệ đến dung sắc5 liên hệ đến an lạc, liên hệ đến thanh danh, liên hệ đến lực tăng thượng (ãdhipateyyena) chư thiên và loài người. Điêm này, này Nandaka, Ta biêt chứ không phải nhờ nghe từ một Sa-môn hay Bà-la-môn nào rồi Ta tuyên bố. Chính do tự Ta biết, tự Ta thấy, tự Ta ý thức rôi Ta tuyên bo. Khi được nghe nói vậy, một người thưa với Nandaka, vị đại thần người Licchavi: Thưa Đại quan, nay đã đến giờ tắm.

Thôi, nay đã vừa rôi5 này bạn? đó chỉ là sự tăm rửa bê ngoài. Tăm rửa bên trong này là vừa đủ cho ta, tức là lòng tịnh tín đối với Thế Tôn.

IV PHẨM PHƯỚC ĐỨC SUNG MÃN (PUNNÃBHISANDAVAGGA)

I. KINH PHƯỚC ĐỨC SUNG MÃN THỨ NHẤT (PaỊhamapuíinãbhisandasutta) (S V. 391) 1027. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, có bốn phước đức sung mãn9 thiện sung mãn? món ăn cho lạc này. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo? vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Đây Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế

Tôn.,, Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ nhất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo; vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp: 'Tháp được Thế Tôn khéo thuyết... chỉ người có trí tự mình giác hiểu." Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ hai. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: Ế6Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn... là phước điền vô thượng ở đời.,, Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn5 món ăn cho lạc thứ ba. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ tư. f Những pháp này, này các Tỷ-kheo5 là bôn phước đức sung mãn, thiện sung mãn9 món ăn cho lạc. IL KINH PHƯỚC ĐỨC SUNG MÃN THỨ HAI (Dutìyapuỉinãbhisandasutta) (5. V. 391) 1028. (Như kinh trên). Lại nữa, này các Tỷ-kheo? vị Thánh đệ tử trú ở gia đình với tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, đáp ứng điều yêu cầu, thích thú chia sẻ vật bố thí. Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ tư. Những pháp này, này các Tỷ-kheo5 là bôn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc. IIL KINH PHƯỚC ĐỨC SUNG MÃN THỨ BA (Tatìyapunnãbhisandasuttà) (5. V. 392) 1029. (Như kinh trên).

55. TƯƠNG ƯNG Dự Lưu 1275

- Vị ấy có trí tuệ5 thành tựu trí tuệ về sanh diệt [các pháp], trí tuệ các bậc Thánh thể nhập [các pháp]5 đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ tư. Những pháp này, này các Tỷ-kheo5 là bôn phước đức sung mãn5 thiện sung mãn, món ăn cho lạc. IV. KINH CON ĐƯỜNG CỦA CHƯ THIÊN THỨ NHẤT (Pathamadevapadasutta) (S. V. 392) 1030. Nhân duyên ở Sãvatthi. Có bốn thiên đạo này của chư thiên, này các Tỷ-kheo, khiến chúng sanh chưa thanh tịnh được thanh tịnh, khiến chúng sanh chưa thuần bạch được thuần bạch. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín đối với đức Phật... Đây là thiên đạo thứ nhất của chư thiên, khiến chúng sanh chưa thanh tịnh được thanh tịnh, khiến chúng sanh chưa thuần bạch được thuần bạch. (Như trên đối với "Phap", với "chúng Tng", với "các gi&i"... Đây là thiên đạo thứ tư của chư thiên, khiên chúng sanh... được thuân bạch). Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn thiên đạo của chư thiên, khiến chúng sanh... được thuần bạch. V. KINH CON ĐƯỜNG CỦA CHƯ THIÊN THỨ HAI (Dutìyadevapadasuttà) (5. V. 393) 1031. Có bốn thiên đạo của chư thiên, này các Tỷ-kheo, khiến chúng sanh chưa thanh tịnh được thanh tịnh, khiến chúng sanh chưa thuần bạch được thuần bạch. Thế nào là bốn? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động với đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế T6n.” Vị ấy suy tư như sau: "Thế nào là thiên đạo của chư thiên? Nói rằng không sân hận là tối thượng. Ta không làm hại một ai, các chúng sanh di động hay các chúng sanh không di động. Thật vậy? ta sống thành tựu pháp của thiên đạo?5 Đây là thiên đạo thứ nhất : :. . của chư thiên khiên các chúng sanh... được thuân bạch. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Vị ấy suy tư như sau: "Thế nào là

thiên đạo của chư thien?55 Vị ấy rõ biết như sau: "Ta nghe các chư thiên nói rằng không sân hận là tối thượng. Ta không làm hại một ai, các chúng sanh di động hay các chúng sanh không di động. Thật vậy, ta sống thành tựu pháp của thiên dạo.” Đây là thiên đạo thứ tư của chư thiên, khiến các chúng sanh chưa thanh tịnh được thanh tịnh, khiên các chúng sanh chưa thuân bạch được thuân bạch.

Các pháp này, này các Tỷ-kheo5 là bôn thiên đạo của chư thiên, khiên chúng sanh... được thuần bạch. VI. KINH ĐI ĐẾN HỘI CHÚNG CHƯ THIÊN (Devasabhãgasutta)14 (s. V. 394) 1032. Chư thiên, này các Tỷ-kheo? hoan hỷ nói chuyện với ai thành tựu bốn pháp. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Bây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật? Thế Tôn/5 Chư thiên nào thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, sau khi mệnh chung ở chỗ này, được sanh ở đây. Chư thiên ấy suy nghĩ: "Nhu chúng ta thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, mệnh chung chỗ kia, được sanh chỗ này." Vị Thánh đệ tử cũn^ thành tựu lòng tịnh tín bất động như vậy. Họ nói với vị ấy: "Hy đến đây, đen gần chư thien?5 Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Vị Thánh đệ tử thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Chư thiên nào thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, sau khi mệnh chung ở chỗ này5 được tái sanh chỗ kia. Họ suy nghĩ như sau: "Chúng ta thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính. Do vậy, chúng ta mệnh chung tại chỗ kia, sanh tại chỗ này." Vị Thánh đệ tử cũng thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính như vậy. Họ nói với vị ấy: "Hãy đến dây, đến gần chư thiên/5 Những ai thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, chư thiên hoan hỷ nói chuyện với họ. VIL KINH MAHÃNÃMA (Mahãnãmasutta) (5. V. 395) 1033. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, trong khu vườn cây Bàng. Rồi họ Thích Mahãnãma đi đến Thế Tôn, sau khi đến... ngồi xuống một bên, họ Thích Mahãnãma bạch Thế Tôn: —Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ? Ai quy y Phật, này Mahãnãma, quy y Pháp, quy y chúng Tăng. Cho đến như vậy, này Mahãnãma, là người cư sĩ. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ giới?

Này Mahãnãma, người cư sĩ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Cho đến như vậy5 này Mahãnãma, là người cư sĩ đầy đủ giới. Cho đến như thế nào, bạch Thế T6n, là người cư sĩ đày đủ tín?

—Ở đây9 này Mahãnãma, người cư sĩ có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của

14 Bản tiếng Anh của PTS: Joined the Company, nghĩa là Đì đến hội chủng.

Như Lai: “Bây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn.55 Cho đến như vậy5 này Mahãnãma, là người cư sĩ đầy đủ tín. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ lòng bố thí?

Ở đây5 này Mahãnãma, người cư sĩ trú ở gia đình, tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộn^ mở, thích thú từ bỏ5 đáp ứng điều yêu câu, thích thú chia sẻ vật bô thí. Cho đên như vậy, này Mahãnẫma, là người cư sĩ đầy đủ bố thí. -Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ? Ở đây5 này Mahãnãma, người cư sĩ có trí tuệ5 thành tựu trí tuệ về sanh diệt [các pháp], trí tuệ các bậc Thánh thể nhập [các pháp], đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Cho đến như vậy5 này Mahãnãma, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ.

VIII. KINH MƯA (Vassasuttă) (5. V. 396) 1034. Ví như, này các Tỷ-kheo5 khi trên đầu núi có cơn mưa to lớn, nước mưa ấy chảy theo hướng xuôi của nó? tràn đầy các hang núi, khe núi; sau khi tràn đầy các hang núi, khe núi, nó tràn đầy hồ nhỏ; sau khi tràn đầy hồ nhỏ, nó tràn đầy hồ lớn; sau khi tràn đầy hồ lớn, nó tràn đầy sông nhỏ; sau khi tràn đầy sông nhỏ? nó tràn đầy sông lớn; sau khi tràn đầy sông lớn, nó tràn đầy biển, đại dương. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo5 đối với vị Thánh đệ tử9 lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật? lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng và các giới được các bậc Thánh ái kính; những pháp này trôi chảy đến bờ bên kia, đưa đến đoạn diệt các lậu hoặc. IX. KINH KÃLIGODHÃ (KăĮigodhasutta) (S V. 396) 1035. Lúc bấy giờ5 Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn cây Bàng. Rồi Thế Tôn? vào buổi sáng? đắp y, cầm y bát, đi đến nhà của Thích nữ KãĮigodhã; sau khi dến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi Thích nữ KãĮigodhã đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Thích nữ KãĮigodhã đang ngồi một bên: -Thành tựu bốn pháp này5 này Godhã, vị nữ Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn? Ở dây, này Godhã, vị nữ Thánh đệ tử thành tựu 16ng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thê Tôn.y ... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Vị này trú ở gia đình, tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ5 đáp ứng điều yêu cầu, thích thú chia sẻ vật bố thí. Này Godhã, thành tựu bốn pháp này, một nữ Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa? quyết chắc chứng quả giác ngộ. Bốn Dự lưu phần được Thế Tôn thuyết giảng, bạch Thế Tôn, chúng đều có trong con. Con thực hiện những pháp này. Bạch Thê Tôn? con thành tựu lòng

tịnh tín bất động đối với Phật, Thế Tôn... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Phàm những vật gì được đem bố thí trong gia dinh, tat cả đều được phân phát cho những người có giới và những người làm thiện. Lợi đắc thay cho ngươi, này Godhã! Thật khéo lợi đắc thay cho ngươi, này Godhă! Này Godhã, người đã tuyên bố về Dự lưu quả. X. KINH HỌ THÍCH NANDIYA (Nandiyasakkasuttà) (5. V. 397) 1036. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, trong khu vườn cây Bàng. Rồi họ Thích Nandiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến... ngồi xuống một bên, họ Thích Nandiya bạch Thế Tôn: -Với vị Thánh đệ tử nào, bạch Thế Tôn, toàn diện, toàn bộ không có bốn Dự lưu phân này; vị Thánh đệ tử ây, bạch Thê Tôn, có thê được gọi là trú phóng dật không? Này Nandiya, với ai toàn diện, toàn bộ không có bốn Dự liru phần này; người ấy, Ta

tuyên bố là người đứng ngoài, trong hàng ngũ kẻ phàm phu. Tuy vậy, này Nandiya, Ta sẽ nói cho ông như thế nào là một Thánh đệ tử trú phóng dật và trú không phóng dật. Hãy nghe và khéo tác ý? Ta sẽ nói. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Họ Thích Nandiya vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau: Này Nandiya, thế nào là vị Thánh đệ tử trú phóng dật?

Ở đây, này Nandiya, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn.,, Vị ấy thỏa mãn với lòng tịnh tín bất động đối với Phật? không cố gắng thêm, ban ngày không sống viễn ly, ban đêm không sống thiền tịnh. Do vị ấy sống phóng dật như vậy, nên không có hân hoan. Do không có hân hoan nên không có hỷ. Do không có hỷ nên không có khinh an. Do không khinh an nên sống đau khổ. Do tâm đau khổ nên không định tĩnh. Do tâm không định tĩnh nên các pháp không hiện rõ. Do các pháp không hiện rõ nên vị ấy được gọi là trú phóng dật. Lại nữa, này Nandiya, vị Thánh đệ tử... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đên thiền định. Vị này thỏa mãn với những giới được các bậc Thánh ái kính, không cố ệắng thêm, ban ngày không sống viên ly, ban đêm không sông thiên tịnh. Do vị ây trú phóng dật như vậy nên không có hân hoan. Do không có hân hoan nên không có hỷ. Do không có hỷ nên không có khinh an. Do không có khinh an nên sống đau khổ. Do tâm đau khổ nên không định tĩnh. Do tâm không định tĩnh nên các pháp không hiện rõ. Do các pháp không hiện rõ nên vị ấy được gọi là trú phóng dật. Này Nandiya, thế nào là vị Thánh đệ tử trú không phóng dật? Ở đây, này Nandiya, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đay là Như Laì? bậc A-la-hán... Phạt, Thế Ton/9 Vị này ídiong thỏa

mãn với lòng tịnh tín bất động ấy, cố gắng hơn nữa, ban ngày sống viễn ly, ban đêm sông thiên tịnh. Do vị ấy sông không phóng dật nên hân hoan khởi. Do vị ấy hân hoan nên hỷ sanh. Do ý có hỷ nên thân khinh an. Do thân khinh an nên vị ấy cảm thọ lạc. Do tâm được lạc nên vị ấy định tĩnh. Do tâm định tĩnh các pháp được hiện ra. Do các pháp được hiện ra nên vị ây được gọi là trú không phóng dật. Lại nữa, này Nandiya, vị Thánh đệ tử đối với Pháp... đối với chúng Tăng... vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Vị ấy không thỏa mãn với các giới được các bậc Thánh ái kính, cố gắng tinh tấn hơn nữa, ban ngày sống viễn ly, ban đêm sống thiền tịnh. Do vị ấy sống không phóng dật như vậy nên hân hoan sanh. Vị ấy có hân hoan nên hỷ sanh. Do ý có hỷ nên thân khinh an. Do thân khinh an nên vị ấy cảm thọ lạc. Do tâm được lạc nên vị ấy định tĩnh. Do tâm định tĩnh các pháp được hiện ra. Do các pháp được hiện ra nên vị ấy được gọi là trú không phóng dật. Như vậy, này Nandiya, là vị Thánh đệ tử trú không phóng dật.

V PHẨM PHƯỚC ĐỨC SUNG MÃN CÓ KỆ (SAGẢTHAKAPUNNÂBHISANDAK4GGA)

L KINH PHƯỚC ĐỨC SUNG MÃN THỨ NHẤT (Pathamaabhisandasutta) (S. V. 399) 1037. Này các Tỷ-kheo, có bốn phước đức sung mãn9 thiện sung mãn5 món ăn cho lạc này.

Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Bây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế T6n." Đây là phước đức sung mãn? thiện sung mãn9 món ăn cho lạc thứ nhất. Lại nữa, này các Tỷ- kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp... đối với Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Đây là phước đức sung mãn5 thiện sung mãn? món ăn cho lạc thứ tư. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn9 món ăn cho lạc. Với vị Thánh đệ tử thành tựu bốn phước đức sung mãn? thiện sung mãn? món ăn cho lạc này, này các Tỷ-kheo5 thật không dễ đếm được số lượng phước đức: “s6 lượng như thế này là phước đức sung mãn, thiện sung mãn? món ăn cho lạc." Chúng chỉ có thê được gọi là vô sô, vô lượng, đại uân phước đức. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, thật không dễ đếm được số lượng nước trong biển lớn là có bao nhiêu thùng, hay có bao nhiêu trăm thùng, hay có bao nhiêu trăm ngàn thùng. Chúng chỉ có thể được gọi là vô số5 vô lượng nước lớn tụ tập. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo9 vị Thánh đệ tử thành tựu bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc này, thật không dễ gì đếm được số lượng phước đức: “S6 lượng như thê này là phước đức sung mãn9 thiện sung mãn9 món ăn cho 0C." Chúng chỉ có thê được gọi là vô sô? vô lượng, đại uân phước đức. FT»i_ Ấ nn __ r * _ ĩ____ ___ A____
The Tôn nói như vay: Là đại dương, đại hai, Nước mênh mông rộng lớn, Đầy dẫy những hãi hùng, Chứa vô lượng trân châu, Phục vụ trăm ngàn người, Các con sông [lớn, nhỏ]? Chúng tuôn chảy ồ ạt,

Chúng đổ về bể khơi. Cũng vậy là những người, Thí đồ ăn5 uống, vải, Bố thí giường, chỗ ngồi, Mền, nệm, các đồ nằm, Vô lượng nguồn phước đức, Từ kẻ trí tuôn chảy, Như sông hồ đầy nước, Chảy tuôn ra bể cả. II. KINH PHƯỚC ĐỨC SUNG MÃN THỨ HAI (Dutìyaabhisandasutta) (S. V. 401) 1038. Này các Tỷ-kheo, có bốn phước đức sung mãn5 thiện sung mãn, món ăn cho lạc này. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... trú ở gia dinh, với tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng mở? thích thú từ bỏ, đáp ứng điêu yêu câu, thích thú chia sẻ vật bô thí. Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn9 món ăn cho lạc thứ tư. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn9 món ăn cho lạc. (Như kinh trên)... Ví như, tại chỗ mà các con sông lớn này gặp nhau, nhập vào một dòng với nhau, ví như sông Hằng, sông Yamunã, sông Aciravatĩ, sông Sarabhũ, sông Mahí, thật không dễ gì đếm được số lượng nước tại chỗ ấy là có bao nhiêu thùng, bao nhiêu trăm thùng, bao nhiêu trăm ngàn thùng. Chúng chỉ có thể gọi được là vô số5 vô lượng nước lớn tụ tập... đại uẩn phước đức. — _ 1 The Ton nói như vây: (Như hai bài kệ kinh trên)...
III. KINH PHƯỚC ĐỨC SUNG MÃN THỨ BA (Tatìyaabhisandasutta) (S. V. 401) 1039. (Như kinh trên)... (Đoạn đầu như kinh trên đối với 66Phật5 Pháp, Tng").. có trí tuệ,
thành tựu trí tuệ về sanh diệt [các pháp], trí tuệ các bậc Thánh thể nhập [các pháp], đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn phước đức sung mãn? thiện sung mãn, món ăn cho lạc. (Như kinh trên)... Thế Tôn thuyết như vầy: Ai ước muốn phước đức, Vững trú trên điều thiện,

Tu tập theo con đường, Đưa đến đạt bất tử, Chứng được lõi của pháp, Thích thú đoạn [lậu hoặc], Vị ấy không run sợ5 Khi nghĩ đến thần chết. IV. KINH RẤT GIÀU THỨ NHẤT (PaḶhamamahaddhanasutta) (5. V. 402) 1040. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo? vị Thánh đệ tử được gọi là giàu, rất giàu, có tài sản lớn, 15 có danh ximg lớn. Thế nào là bốn? (Như các kinh trên, nói về lòng tịnh tín bất động đối với "Ba ngôi báu và các giới”).. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử được gọi là giàu, rất giàu, có tài sản lớn, có danh xưng lớn. V KINH RẤT GIÀU THỨ HAI (Dutiyamahaddhanasutta) (S V. 402) 1041. (Như kinh trên)... VI. KINH THANH TỊNH (Suddhakasutta)15 16 (S V. 403) 1042. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ~kheo? vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa5 quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn? (Như các kinh trên, nói về lòng tịnh tín đối với "Ba ngôi báu và các giới"). Thành tựu bốn pháp này,, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

VII. KINH NANDIYA (Nandiyasutta) (5. V. 403) 1043. Nhân duyên ở Kapilavatthu. Thế Tôn nói với họ Thích Nandiya đang ngồi một bên: "Thành tựu bốn pháp này, này Nandiya, vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu... giác ngộ. Thế nào là b6n?" (Như kinh trên, nói về lòng tịnh tín đối với “Ba ngôi báu và các gi&i").. (Như kinh trên)... VIII. KINH BHADDIYA (Bhaddiyasuttấ) (5. V. 403) 1044. Nhân duyên ở Kapilavatthu. (Như kinh trên, chỉ khác đây là "hẹ)Thích Bhaddiya"). IX. KINH MAHẢNÃMA (Mahãnãmasutta) (S. V. 404) 1045. Nhân duyên ở Kapilavatthu. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "họ Thích Mahnma").

15 Chú giải viết tài sản của bậc Thánh có tín, giới, tàm quý, văn thí và tuệ. 16 Bản tiếng Anh của PTS: Monks (or Puritan), nghĩa là Tỷ-kheo (hay Thanh tịnh).

X. KINH PHẦN (Angasutta) (5. V. 404) 1046. Có bốn Dự lira phần, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn? Thân cận bậc Chân nhân5 lắng nghe Diệu pháp, như lý tác ý5 thực hành pháp và tùy pháp. Những pháp này5 này các Tỷ-kheo, là bôn Dự lưu phân.

VL PHẨM TRÍ TUỆ (SAPPANNAVAGGA)

L KINH CÓ KỆ (Sagãthakasutta) (S V. 404)
1047. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa5 quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?
(Như các kinh trên, "lòng tịnh tín Ba ngôi báu và thành tựu các gi&i")...
Này các Tỷ-kheo, thành tựu bốn pháp này, vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu.. giác ngộ.
Ạ rrs _ r • 1 _ Ạ _
Thê Tôn nói như vây:
Với ai tin Như Lai,
Bất động5 khéo an trú,

Với ai giới thiện lành,
Bậc Thánh kính, tán thán.
Với ai tịnh tín Tăng,
Với tri kiến chánh trực,
Được nói: Không phải nghèo,
Sống vậy khonjg vô ích.
Do vậy bậc Hiền minh,
Cần tu tập tín giới,
Thấy rõ được Chánh pháp,
Không quên lời Phật dạy.
II. KINH AN CƯ MÙA MƯA (Vassamvutthasutta) (S V. 405)
1048. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, Jetavana, tại khu vườn ông Anãthapindika.
Lúc bấy giờ5 một Tỷ-kheo, sau khi an cư mùa mưa ở Sãvatthi xong, đi đến Kapilavatthu vì một vài công việc.
Các họ Thích ở Kapilavatthu được nghe một Tỷ-kheo5 sau khi an cư mùa mưa xong ở Sãvatthi, đã đến Kapilavatthu.
Rồi các họ Thích ở Kapilavatthu đi đến Tỷ-kheo ấy; sau khi đến, đảnh lễ Tỷ-kheo ây rôi ngôi xuông một bên. Các họ Thích ở Kapilavatthu thưa với Tỷ-kheo ấy:
- Thưa Tôn giả5 Thế Tôn có sức khỏe không, có khỏe mạnh không?
-Này chư Hiền, Thế Tôn có sức khỏe? có khỏe mạnh.
55. TƯƠNG ƯNG Dự Lưu 1285

Thưa Tôn giả5 Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Moggallãna có sức khỏe không9 có khỏe mạnh không? Này chư Hiền, Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Moggallãna có sức khỏe, có khỏe mạnh. Thưa Tôn giả5 chúng Tỷ-kheo có sức khỏe không, có khỏe mạnh không?

-Này chư Hiên, chúng Tỷ-kheo có sức khỏe, có khỏe mạnh. Thưa Tôn giả5 trong dịp an cư này5 Tôn giả có tự thân nghe, tự thân lãnh thọ gì từ Thế Tôn? -Này chư Hiền, tôi có tự thân nghe, tự thân lãnh thọ từ Thế Tôn như sau: "Thật là ít, này các Tỷ-kheo? là những Tỷ-kheo5 sau khi đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; còn nhiều hơn là các Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đấy nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa/9 Lại nữa, này chư Hiền, tôi tự thân nghe, tự thân lãnh thọ từ Thế Tôn như sau: "Thật là ít, này các Tỷ-kheo5 là những Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đấy nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa; còn nhiều hơn là những Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt ba kiết sử5 làm cho I e 9 t • • Ji A • ? A muội lược tham, sân5 si, là bậc Nhất Lai, chỉ một lân trở lui đời này nữa đê châm dứt khổ dau." Lại nữa, này chư Hiền, tôi tự thân nghe, tự thân lãnh thọ từ Thế Tôn như sau: "Thật là ít, này các Tỷ-kheo5 là những Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt ba kiết sử5 làm cho muội lược tham, sân5 si, thành bậc Nhất Lai, chỉ một lần trở lui đời

này nữa để chấm dứt khổ đau; còn nhiều hơn là những Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, thành bậc Dự Lưu, không còn phải thối đọa5 quyết chắc chứng quả giác ngO." III. KINH DHAMMADINNA (Dhammadinnasuttă) (S V. 406) 1049. Một thời, Thế Tôn trú ở Bãrãnasĩ, tại Isipatana, ở Vườn Nai. Rồi cư sĩ Dhammadinna17 với năm trăm cư sĩ đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên5 cư sĩ Dhammadinna bạch Thế Tôn: Bạch Thê Tôn, Thê Tôn hãy giảng dạy cho chúng con! The Tôn hãy giáo giới cho chúng con! Nhờ vậy chúng con được hạnh phúc, an lạc lâu dài. Nêu vậy5 này Dhammadinna, các ông cân phải học tập như sau: Các kinh điển nào do Như Lai thuyết giảng thâm sâu, nghĩa lý thâm sâu5 siêu thế, liên hệ đến nghĩa không, cần phải thường thường được tìm đến và an trú [học hỏi]. Như vậy5 này Dhammadinna, các ông cần phải học tập.

17 Chủ giải viết ông là một trong bảy vị cư sĩ có số đồ chúng lên đến 500 vị. Sáu vị còn lại là cư sĩ Ugga, Citta, Hatthaka ÃỈavaka, CũIa, Anathapindika và nữ cư sĩ Visãkhã.

Bạch Thế Tôn, thật không dễ gì cho chúng con, phải sống trong những ngôi nhà đầy những trẻ con, sử dụng hương Chiên-đàn từ Kãsi, đeo các vònệ hoa, hương và phấn sáp, thọ dụng vàng và bạc5 đối với các kinh điển do The Tôn thuyết giảng thâm sâu, nghia lý thâm sâu, siêu thế, liên hệ đến nghĩa không, có thể thường thường tìm đen những kinh điển ấy và học hỏi. Bạch Thế Tôn, chúng con là những người an trú trên năm học pháp, Thế Tôn hãy giảng cho chúng con các pháp khác! -Do vậy, này Dhammadinna, các ông hãy học tập như sau: "Chúng ta sẽ thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: 6Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn.9... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đên Thiên djnh.” Như vậy, này Dhammadinna, các ông cần phải học tập. Bạch Thế T6n, bốn Dự lưu phần này được Thế Tôn thuyết giảng, các pháp ấy có mặt ở nơi chúng con. Chúng con thực hiện các pháp ấy. Bạch Thế Tôn? chúng con thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "E)ây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế T6n." ... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... chúng con thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. —Lợi đắc thay cho ông5 này Dhammadinna! Thật khéo lợi đắc thay cho ông, này Dhammadinna! Này Dhammadinna, ông đã tuyên bô vê Dự lưu quả. IV. KINH BỊ BỆNH (Gilãnasutta) (5. V. 408) 1050. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng họ Thích, tại Kapilavatthu, khu vườn cây Bàng. Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo đang làm y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: "Khi y làm xong, Thế Tôn sau ba tháng sẽ đi du hành." Họ Thích Mahãnãma được nghe: ^Nhiều Tỷ-kheo đang làm y cho Thế Tôn và họ nghĩ rằng: ẾKhi ỵ làm xong, Thế Tôn sau ba tháng sẽ đi du hành/y Rồi họ Thích Mahãnâma đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, họ Thích Mahãnãma bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, con được nghe nhiều Tỷ-kheo đang làm y cho Thế Tôn và họ nghĩ rằng: "Sau khi y làm xong5 Thể Tôn sau ba tháng sẽ đi đu hành.,, Chúng con chưa được tự thân nghe từ Thế Tôn5 tự thân lãnh thọ từ Thế Tôn điều này. Bạch Thế T6n, một cư sĩ có trí18 bị bệnh, đau đớn5 bị trọng bệnh, cần phải được một cư sĩ có trí giáo giới như thế nào? Này Mahãnãma, một cư sĩ có trí bị bệnh,

đau đớn, bị trọng bệnh, cần phải an ủi với bốn pháp (Assãsaniyehi dhammehĩ) như sau: Tôn giả hãy yên tâm5 với lòng tịnh tín bất động của Tôn giả đối với đức Phật: "Bây là Như Lai, bậc A-la- hán... Phật5 Thế T6n." Tôn giả hãy yên tâm, với lòng tịnh tín bất động của Tôn giả đối với Pháp... Tôn giả hãy yên tâm, với lòng tịnh tín bất động của của Tôn

18 SA. III. 291: Sappanna = Sotãpanna, tức bậc Dự Lưu.

giả đôi với chúng Tăng... Tôn giả hãy yên tâm5 với các giới của Tôn giả được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Một cư sĩ có trí bị bệnh5 đau đớn, bị trọng bệnh, này Mahãnãma, phải được một cư sĩ có trí giáo giới với bôn pháp an ủi này. Cân phải nói như vậy. Tôn giả ây có lòng thương nhớ cha mẹ. Nêu vị ây nói: "T6i còn có lòng thương nhớ cha mẹ"thời nên nói với vị ấy như sau: "Thua Tôn giả? Tôn giả thế nào cũng phải chết. Dầu Tôn giả có lòng thương nhớ cha mẹ, Tôn giả cũng sẽ chết. Dầu Tôn giả không có lòng thương nhớ cha mẹ5 Tôn giả cũng sẽ chết. Vậy tốt hơn là Tôn giả hãy từ bỏ lòng thương nhớ đối với cha mẹ của Tôn gi2." Nếu vị ấy nói như sau: "Lòng thương nhớ của tôi đối với cha mẹ, lòng thương nhớ ấy đã được đoạn tận", vị ấy cân phải được nói như sau: "T6n giả có lòng thương nhớ vợ con hay không?55 Nêu vị ây nói: "T6i có lòng thương nhớ vợ con", thời vị ấy cần phải được nói như sau: "T6n giả thế nào cũng chết. Dầu Tôn giả có lòng thương nhớ vợ con, Tôn giả cũng sẽ chêt. Dâu Tôn giả không có lòng thương nhớ vợ con, Tôn giả cũng sẽ chêt. Vậy tôt hơn là Tôn giả hãy từ bỏ lòng thương nhớ đối với vợ con của Tôn gi Nếu vị ấy nói như sau: uLòng thương nhớ của tôi đối với vợ con, lòng thương nhớ ấy đã được đoạn tận,\ vị ây cân phải được nói như sau: "T6n giả có lòng thương tiếc năm dục công đức của loài người kh6ng?" Nếu vị ấy nói như sau: "T6i có lòng thương tiếc năm dục công đức của loài ngu&i", vị ấy cần phải được nói như sau: "Các thiên dục đối với nhân dục còn hâp dẫn hơn, còn thù diệu hơn. Vậy tốt hơn là Tôn giả hãy từ bỏ tâm khỏi các nhân dục và hướng tâm đến Tứ Đại Thiên Vương thiềk." Nếu vị ấy nói như sau: ^Tâm tôi đã từ bỏ nhân dục và hướng đến Tứ Đại Thiên Vương thiên"vị ấy cần phải được nói như sau: "Chu thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba còn hấp dẫn hơn, còn thù diệu hơn Tứ Đại Thiên Vương thiên. Tốt hơn là Tôn giả hãy từ bỏ tâm khỏi Tứ Đại Thiên Vương thiên và hướng tâm đến chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba." Nếu vị ấy nói như sau: "Tâm tôi đã từ bỏ Tứ Đại Thiên Vương thiên và hướng đến chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba", vị ây cân được nói như sau: "Chu thiên Dạ-ma... chư thiên Đâu-suất... chư thiên ở Hóa Lạc... chư thiên Tha Hóa Tự Tại còn hấp dẫn hơn, còn thù diệu hơn chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba." ... "Chu thiên ở Phạm thế còn hấp dẫn hơn, còn thù diệu hơn chư thiên ở Tha Hóa Tự Tại. Tốt hơn là Tôn giả hãy từ bỏ tâm khỏi chư thiên Tha Hóa Tự Tại và hướng tâm đến Phạm thế, Phạm thiên giới.^, Nếu vị ấy nói như sau: "Tâm tôi đã từ bỏ chư thiên ở Tha Hóa Tự Tại thiên và hướng tâm vê chư thiên ở Phạm thê5\ thời vị ây cân phải được nói như sau: "Này Tôn giả, Phạm thiên giới là vô thường, không thườnệ hằng, bị thân kiến giới hạn,19 Tốt hơn là Tôn giả hãy từ bỏ tâm khỏi Phạm the và hướng tâm đến đoạn diệt thân kiến?5

19 Sakkãyapariyãpanna: Liên quan đến thân hay tự ngã. Xem s. III. 85; KS. III. 71.

Neu vị ấy nói như sau: "Tâm tôi đã từ bỏ Phạm thế và hướng đến đoạn diệt thân kiến" vị cư sĩ nói như vậy9 này Mahãnãma5 và với Tỷ-kheo có tâm giải thoát khỏi các lậu hoặc, Ta nói rằng không có gì sai biệt, tức là về phương diện giải thoát. V. KINH QUẢ VỊ THẤT LAI (Sotãpattìphaỉasutta)20 (S. V. 410) 1051. Có bốn pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đen chứng ngộ quá Dự lưu. Thê nào là bôn? __ Thân cận với bậc Chân nhân, lăng nghe Diệu pháp, như lý tác ý, thực hành pháp và tùy pháp. Bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Dự lưu. VI. KINH QUẢ VỊ NHẤT LAI (Sakadãgãmiphalasutta) (S V. 411) 1052. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến chứng ngộ quả Nhất lai"). VII. KINH QUẢ VỊ BẤT LAI (Anãgãmiphaỉasutta) (5. V. 411) 1053. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến chứng ngộ quả Bất lai"). VIII. KINH QUẢ VỊ A-LA-HÁN (Arahattaphaỉasutta) (5. V.411) 1054. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "dua đến chứng ngộ qu A-la-hAn"). IX. KINH LỢI ĐẮC TRÍ TUỆ (PannãpaỊiỉãbhasutta)21 (S. V.411) 1055. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "dua đến lợi đắc trí tue"). X. KINH TĂNG TRƯỞNG TRÍ TUỆ (Pannãvuddhisutta)22 (S. V. 411) 1056. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến tăng trưởng trí tue"). XI. KINH QUẢNG ĐẠI TRÍ TUỆ (Pannãvepuỉỉasutta)23 (5. V.411) 1057. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến quảng đại trí tue").

20 Tên kinh này và 3 kinh kế tiếp (1052, 1053, 1054) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Four Fruits, nghĩa là Bốn quả vị. 21 Bản tiếng Anh của PTS: Acquiring, nghĩa là Lợi đắc. 22 Bản tiếng Anh của PTS: Growth, nghĩa là Tăng trưởng. 23 Bản tiếng Anh của PTS: Increase, nghĩa là Quảng đại.

VIL PHẨM ĐẠI TRÍ TUỆ (MAHẴPANNAVAGGA)

I. KINH ĐẠI TRÍ TUỆ (Mahãpannãsuttd) (5. V. 412) 1058. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến đại trí tue"). II. KINH TRÍ TUỆ RỘNG LỚN (Puthupannãsuttd) (5. V. 412) 1059. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến trí tuệ rộng lớn"). III. KINH TRÍ TUỆ TĂNG TRƯỞNG (Vỉpuỉapannãsutta) (S V. 412) 1060. (Như kinh trên5 chỉ khác ở đây là "đưa đến tăng trưởng trí tue"). IV. KINH TRÍ TUỆ THÂM SÂU (Gambhĩrapannãsuttă) (S. V 412) 1061. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "dua đến trí tuệ thâm sT) V. KINH TRÍ TUỆ VÔ SONG (Appamattapannãsutta) (5. V. 412) 1062. (Như kinh trên? chỉ khác ở đây là "dua đến trí tuệ không có ngang bằng"). VI. KINH TRÍ TUỆ SUNG MÃN (Bhũripannãsutta) (S V.412) 1063. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến trí tuệ sung mãn,,). VII. KINH NHIỀU TRÍ TUỆ (Pannãbãhullasuttă) (S V. 412) 1064. (Như kinh trên9 chỉ khác ở đây là "dua đến trí tuệ sung túc"). VIII. KINH TRÍ TUỆ NHANH LẸ (Sĩghapaíinãsutta) (5. V. 412) 1065. (Như kinh trên5 chỉ khác ở đây là "đưa đến trí tuệ nhanh lẹ"). IX. KINH TRÍ TUỆ KHINH AN (Lahupannasutta) (S V. 412) 1066. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến trí tuệ khinh an"). X. KINH TRÍ TUỆ HOAN HỶ (Hãsapannãsutta) (5. V. 412) 1067. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến trí tuệ

hoan hy”). XI. KINH TRÍ TUỆ TỐC HÀNH (Javanapaiinasutta) (5. V. 413) 1068. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "dua đến trí tuệ tốc hành"). XII. KINH TRÍ TUỆ SẮC BÉN (Tikkhapannãsuttă) (5. V.413) 1069. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "dua đến trí tuệ sắc b6n”).

1290 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

XIII. KINH TRÍ TUỆ THẺ NHẬP (Nibbedhikapannãsutta) (y V.413) 1070. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là 66đưa đến trí tuệ thể nhập,9). Thế nào là bốn?(như trên).

56. TƯƠNG ƯNG sự THẬT (SACCASAMYUTTA)

L PHẨM ĐỊNH (SAMÂDHIVAGGA)

L KINH ĐỊNH (Samãdhisutta) (5. V. 414) 1071. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập định. Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo có định5 như thật rõ biết (pcỳãnãtí). Và như thật rõ biết gì? Như thật rõ biết: "Đây là kh6." Như thật rõ biết: "Bây là khổ tập.99 Như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt.,, Như thật rõ biết: “Dây là con đường đưa đến khồ diet." Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập định. Này các Tỵ-kheo5 Tỷ-kheo có định? như thật rõ biết. Do vậy? này các Tỷ-kheo? một cố gắng cần phải làm để rõ biết uĐây la kh6." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đay là khổ tap.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diet." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: í6Đây là con đường đưa đến khổ diet."

II. KINH THIỀN TỊNH (PaỊisaỉỉãnasutta) (S. V. 414) 1072. Này các Tỷ-kheo, hãy chú tâm tu tập thiền tịnh. Tỷ-kheo tu tập thiền tịnh, này các Tỷ-kheo? như thật rõ biết. Như thật rõ biết gì? (Như kinh trên)... Này các Tỷ-kheo, hãy chú tam tu tập thiền tịnh. Tỷ-kheo tu tập thiền tịnh, này các Tỷ-kheo5 như thật rõ biết. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ?9 Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: ccĐây là khổ tap." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: uĐay là khổ diet.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biet: "Dây là con đường đưa đến khổ diet."

III. KINH THIỆN NAM TỬ THỨ NHẤT (Pathamakulaputtasuttd) (S V 415) 1073. Những thiện nam tử nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo? đã chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình; tất cả những vị ấy đã làm như vậy để như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế. Những thiện nam tử nào trong thời vị lai, này các Tỷ-kheo? sẽ chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; tất cả những vị ấy sẽ làm như vậy để như thật chứng ngộ Bốn Thánh đe.

1292 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

Những thiện nam tử nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo, chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sông không gia đình; tât cả những vị ây làm như vậy để như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về KJ1Ổ5 Thánh đế về Khổ tập5 Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt. Những thiện nam tử nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã chơn chánh xuât gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... sẽ chơn chánh xuất gia... chơn chánh xuất gia... tât cả những vị ây làm như vay đê như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế này. Do vay, này các Tỷ-kheo5 một cổ gắng cần

phải làm để rõ biết: uĐây là kh6." Một co gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tap." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đay là khổ diet.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Dây là con đường đưa đến khổ diet." IV. KINH THIỆN NAM TỬ THỨ HAI (Dutiyakulaputtasutta) (5. V.415) 1074. Những thiện nam tử nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo5 đã chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; tât cả những vị ấy đã như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế. Những thiện nam tử nào trong thời vị lai... sẽ như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế. Những thiện nam tử nào trong thời hiện tại... như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt. Những thiện nam tử nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình5 sông không gia dinh, đã như thật chứng ngộ... sẽ như thật chứng ngộ... như thật chứng ngộ Bon Thánh đế này. Do vậy5 này các Tỷ-kheo? một cố gắng cần phải làm để rõ biết: :Dây là khổ/5 Một co gắng cần phải làm để rõ biet: "Đây là khổ tap." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diệt,,, Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Dây là con đường đưa đến khổ di/t.”

V. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ NHẤT (PaḶhamasamanabrãhmanasuttà) (S. V. 416) 1075. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ- kheo, đã như thật chánh đẳng giác, tất cả những vị ấy như thật chánh đẳng giác Bốn Thánh đế. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời vị lai... sẽ như thật chánh đẳng giác Bốn Thánh đế. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời hiện tại... như thật chánh đẳng giác Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo? đã như thật chánh đẳng giác... sẽ như thật chánh đẳng giác... như thật chánh

đẳng giác; tất cả những vị ấy như thật chánh đẳng giác Bốn Thánh đế này. Do vậy, này các Tỷ-kheo5 một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ.99 Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tap.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: C6Đây là khổ diet.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Dây là con đường đưa đến khổ diet.” VI. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI (Dutiyasamaụabrũhmanasutta) (S. V. 417) 1076. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ- kheo, đã tuyên bố như thật chánh đẳng giác; tất cả những vị ấy đã tuyên bố như thật chánh đẳng giác Bốn Thánh đế. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời vị lai... sẽ tuyên bố như thật chánh đăng giác... tât cả những vị ây sẽ tuyên bô như thật chánh đăng giác Bôn Thánh đế. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời hiện tại... tuyên bố như thật chánh đăng giác... tât cả những vị ây tuyên bô như thật chánh đăng giác Bôn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tap, Thánh đế về Khổ diet, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã tuyên bố như thật chánh đẳng giác... sẽ tuyên bố... hiện tuyên bố như thật chánh đẳng giác, tất cả những vị ấy đã tuyên bố... sẽ tuyên bố... hiện tuyên r 9 r z __ r bô như thật chánh đăng giác Bôn Thánh đê. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Dây là kh6." Một cố gắng cần phải làm để rõ biêt: "Dây là

khô tập.,, Một cô găng cân phải làm đê rõ biêt: "Dây _ < - • Jr • o c? A là khô _ diet. • ” Một cố gắng cần phải làm đế rố biết: "Bây là con đường đưa đến khố diet." VII. KINH CÁC TẦM (Vỉtakkasutta) (S V. 417) 1077. Này các Tỷ-kheo5 chớ có suy tàm các tầm ác9 bất thiện như dục tầm5 sân tầm, hại tầm. Vì sao? Các tâm ây5 này các Tỷ-kheo, không liên hệ đên mục đích, chúng không phải căn bản cho Phạm hạnh, chúng không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Khi các ông suy tầm, này các Tỷ-kheo, các ông hãy suy tầm: "Dây là khổ?5 ... hãy suy tầm: "Đây là khổ tap." ... hãy suy tầm: "Đây là khổ diệt.95... hãy suy tàm: "Dây là con đường đưa đến khổ diệt.,, Vì sao? Các suy tâm ây, này các Tỷ-kheo, liên hệ đên mục đích? chúng là căn bản cho Phạm hạnh, chúng đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh5 thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, này các Tỷ-kheo5 một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là kh6." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tập.,, Một Cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diet." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệf,

VIII. KINH SUY Tư (Cintasutta) (S V.418) 1078. Này các Tỷ-kheo9 chớ có suy tư ác5 bất thiện tầm: "Thế giới là thườĩiệ hằng", hay: "Thế giới là vô thuờng'1 hay: "Thế giới là hữu biên,\ hay: "The giới là vô bien9\ hay: "Sinh mạng này, thân thể này là mộf\ hay: "Sinh mạng này, thân thể này là khác,95 hay: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chef\ hay: "Nhu Lai không tồn tại sau khi chết”, hay: "Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết”, hay: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.” Vì sao? (Như kinh trên)... Và có suy tư, này các Tỷ-kheo, các ông hãy suy tư: "Đây là kh8.” ... hãy suy tư: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt.,, Vì sao? Các suy tư ấy... (như kinh trên). IX. KINH NÓI LỜI TRANH LUẬN (Vìggãhikakathãsutta) (5. V. 419) 1079. Này các Tỷ-kheo9 chớ có nói lời tranh luận nhau: tỆộng không biết Pháp và Luật này. Tôi biết Pháp và Luật này. Sao ông có thể biết Pháp và Luật này? Ong theo tà hạnh, tôi theo chánh hạnh. Điêu đáng nói trước, ông lại nói sau. Điều đáng nói sau, ông lại nói trước. Lời nói tôi tương ưng. Lời nói ông không tương ưng. Điêu ông quan niệm, trình bày đã bị đảo lộn. Quan điêm của Ông đã bị thách đố. Hãy đi giải tỏa quan điểm của ông! Hãy tự thoát khỏi bế tắc nếu ông có thể làm dugc!" Vì sao? Những câu chuyện ấy, này các Tỷ-kheo, không liên hệ đến mục đích, không phải căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đên yêm ly, ly tham, đoạn diet, an tịnh, thắng trí, giác ngộ? Niết-bàn. Và này các Tỷ-kheo5 nếụ có nói, thời hãy nói: “Dây là kh6."...hãy nói: “Bây là con đường đưa đến khổ diet." Vì sao? Các lời nói ấy, này các Tỷ-kheo? liên hệ đến mục đích, làm căn bản cho Phạm hạnh... một cố gắng cần phải làm... X. KINH NÓI LỜI VÔ ÍCH (Tiracchãnakathãsutta)1 (S V. 419) 1080. Này các Tỷ-kheo, chớ có nói những câu chuyện vô ích như câu chuyện vê vua chúa, câu chuyện vê ăn trộm5 câu chuyện vê đại thân, câu chuyện vê binh lính, các câu chuyên hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đô uống, câu chuyện yê vải mặc5 câu chuyện vê giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện vê hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện vê xe cộ? câu chuyện vê làng xóm, câu chuyện vê thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ; câu chuyện về đàn bà, câu chuyện vê vị anh hùng, câu chuyện bên lê đường, câu chuyện tại chô lây

nước, câu chuyện người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, các câu chuyện biến trạng của thế giới, câu chuyện về biến trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Vì sao?

1 Bản tiếng Anh của PTS: Talk, nghĩa là Nói.

Những câu chuyện này, này các Tỷ-kheo? không đưa đến mục đích, không phải căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ? Niết-bàn. Có nói chuyện, này các Tỷ-kheo, các ong hãy nói chuyện: "Dây là khổ?9... hãy nói chuyện: "Bây là con đường đưa đến khổ diet/9 Vì sao? Các câu chuyện này? này các Tỷ-kheo, liên hệ đến mục đích, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh? thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, này các Tỷ-kheo? một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Bây là kh6." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tap." Một cố gắng Cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diet." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Dây là con đường đưa đến khổ diệt.^,

II. PHẨM CHUYỂN PHÁP LUÂN (DHAMMACAKKAPPAVATTANAVAGGA)

I. KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN (Dhammacakkappavattanasutta) (S V. 420) 1081. Một thời, Thế Tôn trú ở Bãrãnasĩ, tại Isipatana, chỗ Vườn Nai. Tại day, The Ton bao chúng năm Ty-kheo: -Có hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, một người xuất gia không nên thực hành theo. Thế nào là hai? Một là đắm say trong các dục (kãma). hạ liệt9 đê tiện5 phàm phu, khônẹ xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Hai là tự hành khổ minh, kho dau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, là con đường Trung đạo do Như Lai chánh giác, tác thành măt5 tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ5 Niết-bàn. Và thế nào là con đường Trung đạo, này các Tỷ-kheo9 do Như Lai chánh giác, tác thành mắt5 tác thành trí, đưa đến an tịnh? thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ5 chánh nghiệp, chánh mạng5 chánh tinh tấn, chánh niệm? chánh định. Đây là con đường Trung đạo5 này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo5 sanh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ; oán gặp nhau là khổ; ái biệt ly là khổ; cầu không được là khổ; tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo, chính là ái này đưa đến tái sanh câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. , Đây là Thánh đế về Khổ diet, này các Tỷ-kheo5 chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ5 từ bỏ5 giải thoát, không có chấp trước. Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, này các Tỷ-kheo5 chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri, này các Tỷ-kheo5 đối với các pháp từ trước Ta chưa

từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ đã được liễu tri, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

Đây là Thánh đế yề Khổ tập? nay các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận5 này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn tận, này các Tỷ-kheo9 đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diet, nàỵ các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khố diệt cần phải chứng ngộ, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ, này các Tỷ-kheo5 đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt cần phải tu tập, này các Tỷ-kheo5 đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt đã được tu tập, này các Tỷ-kheo9 đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Cho đên khi nào, này các Tỷ-kheo, trong Bôn Thánh đê này với ba chuyên và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật không khéo thanh tịnh ở nơi Ta. Này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giói, Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, Ta không chứng tri đã chánh giác Vô thượng Chánh đẳng giác. Và cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo5 trong Bốn Thánh đế này, với ba chuyên và mười hai hành tướng như vậy, tri kiên như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi Ta. Cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn9 Bà-la-môn, chư thiên và loài người, Ta mới chứng tri đã chánh giác Vô thượng Chánh đẳng giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: “Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng5 nay không còn tái sanh nữa.,^ Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Chúng năm Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Phật dạy. Trong khi lời dạy này được tuyên bố, Tôn giả Kondanna khởi lên Pháp nhãn thanh tịnh không câu uê như sau: "Phàm vật gì được tập khởi, tât cả pháp ấy cũng bị đoạn diệt.,, Và khi pháp luân này được Thế Tôn chuyển vận như vậy5 chư thiên cõi đất này lớn tiếng nói lên: “Nay vô thượng pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một pháp luân chưa từng được ai chuyên vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, hay bât cứ một ai ở d&i." Sau khi được nghe tiếng chư thiên ở cõi đất, Tứ Đại Thiên Vương thiên lớn tiếng nói lên: "Nay vô thượng pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một pháp luân chưa từng được ai chuyển vận5 Sa-môn5 Bà-la-môn5 chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay bất cứ một ai ở d&i."

Sau khi được nghe tiếng của chư thiên ở Tứ Đại Thiên Vương, thời chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba... chư thiên Dạ-ma (Yãmã)... chư thiên Đâu-suất (Tusitã)... chư thiên ở Hóa Lạc... chư thiên ở Tha Hóa Tự Tại... chư thiên ở Phạm thiên giới lớn tiếng nói lên: "Nay vô thượng pháp luân này được Thế Tôn ở Ba- la-nại? chỗ chư thiên đọa xứ, tại Vườn

Nai, chuyển vận... bất cứ một ai ở dòi." Như vậy, trong sát-na ây, trong khoảnh khăc ây5 trong giây phút ây, tiêng ấy lên đến Phạm thiên giới. Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và một hào quang vô lượng, quảng đại phát chiếu ra ở dời, vượt quá uy lực chư thiên. Rồi Thế Tôn thốt lên lời cảm hứng sau đây: "Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna! Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna!" Như vậy, Tôn giả Kondafina được tên là Anfia Kondanna (A-nhã Kiều- trần-như).

II. KINH NHƯ LAI (Tathãgatasuttd) (5. V. 424) 1082. Thánh đế về Khổ này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Thánh đê vê Khô cân phải liêu tri này5 này các Tỷ-kheo, đôi với các pháp từ trước đến nay Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Khổ đã được liễu tri này, này các Tỷ-kheo? đối với các pháp... quang sanh. Thánh đế về Khổ tập này, này các Tỷ-kheo? đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn diệt này5 này các Tỷ-kheo? đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đê vê Khô tập đã được đoạn diệt này, này các Tỷ-kheo5 đôi với các pháp... quang sanh. Thánh đế về Khổ diệt này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ này5 này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt này, này các Tỷ-kheo? đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt cần phải tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đê vê Con đường đưa đến khổ diệt đã được tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe5 nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. III. KINH UẨN (Khandhasutta) (S V. 425) 1083. Này các Tỷ-kheo5 có Bốn Thánh đế này. Thế nào là bốn? Thánh đế

về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ? cần phải được nói là năm thủ uẩn. Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởn^ thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Thánh đế về Khổ tập? Chính là ái này đưa đến tái sanh câu hữu với hỷ tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là Thánh đế về Khổ tập. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Thánh đế về Khổ diệt? Chính là sự đoạn diệt, ly tham, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không CÓ chấp trước. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đê vê Khô diệt. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt? Đây là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là các Thánh đế. Do vậy, này các Tỷ" kheo, một cố gắng cần

phải làm để rõ biết: ccĐây là khổ/9 Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: 6CĐây là khổ tập.^ Một cố gắng call phải làm để rõ biết: "Dây là khổ diệt.,, Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Bây là con đường đưa đến khổ diet.”

IV. KINH NỘI XỨ (Ajjhattikayatanasutta)2 (S V. 426) 1084. Này các Tỷ-kheo? có Bốn Thánh đế này... Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ? cần phải trả lời là sáu nội xứ. Thế nào là sáu? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ? thân xứ, ý xứ. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là Thánh đế về Khổ. (Như kinh trên)... V KINH THỌ TRÌ THỨ NHẤT (Pathamadhãranasutta) (S. V. 426) 1085. Này các Tỷ-kheo, hãy thọ trì Bốn Thánh đế do Ta đã thuyết giảng cho các ông. Khi được nói vậy5 một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, con có thọ trì Bốn Thánh đế do Như Lai thuyết giảng.

Này Tỷ-kheo? như thế nào, ông thọ trì Bốn Thánh đế do Ta thuyết giảng?

Bạch Thế Tôn, con thọ trì Khổ là Thánh đế thứ nhất do Thế Tôn thuyết giảng. Bạch Thế Tôn, con thọ trì Khổ tập là Thánh đế thứ hai do Thế Tôn thuyết giảng. Bạch Thế Tôn, con thọ trì Khố diệt là Thánh đế thứ ba do Thế Tôn thuyết

2 Bản tiếng Anh của PTS: Sphere of Sense, nghĩa là Xứ (cảnh giới của căn).

giảng. Bạch Thế Tôn, con thọ trì Con đường đưa đến khổ diệt là Thánh đế thứ tư do Thế Tôn thuyết giảng. Như vậy5 bạch Thế Tôn, con thọ trì Bốn Thánh đế do Như Lai thuyết giảng. Lành thay9 lành tha» này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo ! Ông thọ trì Bốn Thánh đế do Ta thuyết giảng. Này Tỷ-kheo5 Khổ là Thánh đế thứ nhất do Ta thuyết giảng, hãy như vậy thọ trì... Này Tỷ-kheo, Con đường đưa đến khổ diệt là Thánh đế thứ tư do Ta thuyết giảng, hãy như vậy thọ trì. Này Tỷ-kheo5 hãy thọ trì như vậy Bốn Thánh đế do Ta thuyết giảng. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là kh6.” Một Cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là kho tap." Một co gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diet." Một cố gắng cần phải làm để rõ biet: "Bây là con đường đưa đến khổ diet.”

VI. KINH THỌ TRÌ THỨ HAI (Dutìyadhãranasutta) (S. V. 427) 1086. (Như kinh trên)... Bạch Thế Tôn, con thọ trì Khổ là Thánh đế thứ nhất do Thế Tôn thuyết giảng. Bạch Thế Tôn, có Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Khổ này được Sa-mon Gotama thuyết ging không phải là Thánh đế thứ nhất. Tôi bác bỏ Khổ ấy là Thánh đế thứ nhat. Tôi sẽ tuyên bố một khổ khác là Thánh đế thứ nhất”; sự kiện như vậy không xảy ra. Bạch Thế Tôn, con thọ trì Khổ tập là Thánh đế thứ hai... Khổ diệt là Thánh đế thứ ba... không xảy ra. Bạch Thế Tôn, con thọ trì Con đường đưa đến khổ diệt là Thánh đế thứ tư do Thế Tôn thuyết giảng. Bạch Thế Tôn, có Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: “Con đường đưa đến khổ diệt này, được Sa-môn Gotama thuyết giảng không phải là Thánh đế thứ tư. Tôi bác bỏ Con duờng đưa đến khổ diệt ấy là Thánh đế thứ tư. Tôi sẽ tuyên bố một con đường đưa đến khổ diệt khác là Thánh đế thứ tư”; sự kiện này không xảy ra. Bạch Thế Tôn5 như vậy con thọ trì Bốn Thánh đế do Thế Tôn thuyết giảng. Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Ông thọ trì Bốn Thánh đế do Ta

thuyết giảng. Khổ, này Tỷ-kheo, là Thánh đế thứ nhất, do Ta thuyết giảng, hãy như vậy thọ trì. Này Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Khổ này do Sa-môn Gotama thuyết giảng không phải là Thánh đế thứ nhất. Tôi bác bỏ Khổ này là Thánh đế thứ nhất. Tôi sẽ tuyên bố một khổ khác là Thánh đế thứ nhất^; sự kiện như vậy không xảy ra... Khổ diệt Thánh đế... Con đường đưa đến khổ diet, này Tỷ-kheo, là Thánh đế thứ tư do Ta thuyết giảng, hãy như vậy thọ trì. Này Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: “Con đường đưa đến khổ diệt này do Sa-môn Gotama thuyết giảng không phải là Thánh đế thứ tư. Tôi bác bỏ Con đường đưa đến khổ diệt này là Thánh đế thứ tư. Tôi sẽ tuyên bố một con đường đưa đến khổ diệt khác là Thánh đế thứ tu"; sự kiện như vậy không xảy ra.

56. TƯƠNG ƯNG sự THẬT 1301

Này Tỷ-kheo? hãy thọ trì như vậy Bốn Thánh đế do Ta thuyết giảng. Do vậy? này các Tỷ-kheo, mot cố gắng cần phải làm để rõ biết "Đây là khổ?5 Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Bây là khổ tap." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diet." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Dây là con đường đưa đến khổ diet.”

VII. KINH VÔ MINH (Avifjasutta) (S. V. 429) 1087. Rồi một Tỷ-kheo... ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: -"Vô minh, vô minh", bạch Thế Tôn5 được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn5 thế nào là vô minh? Và cho đến như thế nào là đi đến vô minh (avịjjãgato)? -Này Tỷ-kheo, chính là không rõ biết khổ5 không rõ biết khổ tập? không rõ biết khổ diệt, không rõ biết con đường đưa đến khổ diệt. Này Tỷ-kheo, đấy gọi là vô minh. Cho đến như vậy là đi đến vô minh. Do vậy, này các Tỷ-kheo5 một cố gắng cần phải làm để rõ biết: 66Đây là kh6." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đay là kh6 tap." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Dây là khổ diet." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Dây là con đường đưa đến khổ diet."

VIII. KINH MINH(yỉjjãsuttă) (5. V. 429) 1088. (Như kinh trên)... Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: -"Minh, minh”, bạch Thế Tôn5 được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là minh? Và cho đên như thê nào là đi đên minh? Này Tỷ-kheo, chính là rõ biết khổ, rõ biết khổ tập, rõ biết khổ diệt, rõ biết con đường đưa đến khổ diệt. Này Tỷ-kheo? đấy gọi là minh. Cho đến như vậy là đi đến minh. Do vậy5 này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: C6Đây là khổ.59 Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tap?9 Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Bây là khổ diet." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt.^,

IX. KINH THI THIẾT (Sankãsanasutta) (S V. 430) 1089. Đây là Thánh đế về Khổ? này các Tỷ-kheo5 đã được Ta trình bạỵ. Ở đây có vô lượng chữ (yanna). vô lượng văn (byaíyanã). vô lượng thi thiết (sankãsanã). Đây là Thánh đế về Khổ. Đây là Thánh đế về Khổ tap, này các Tỷ-kheo, đã được Ta trình bày. Ở đây có vô lượng chữ, vô lượng văn5 vô lượng thi thiết. Đây là Thánh đế về Khổ tập. Đây là Thánh đế về Khổ diet, này các Tỷ-kheo5 đã được Ta trình bày. Ở đây CÓ vô lượng chữ, vô lượng văn, vô lượng thi thiêt. Đây là Thánh đê vê Khô diệt.

1302 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đã được Ta trình bày. Ở đây có vô lượng chữ, vô lượng văn, vô lượng thi thiết. Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: '"Đây là kh6." Một cố gắnẹ cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tap.59 Một cố gắng cần phải làm để rõ biet: "Đây là khổ diet." Một cố gắng cần phải làm đe rõ biết: "Bây là con đường đưa đến khổ diet."

X. KINH NHƯ THẬT (Tathasutta) (S. V. 430) 1090. Bốn pháp? này các Tỷ-kheo, là như thật, không ly như thật (avitathãní), không khác như thật (anannathãnỉ). Thế nào là bốn? Đây là khổ, này các Tỷ-kheo? đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật. Đây là khổ tap, này các Tỷ-kheo9 đây là như that, không ly như thật, không khác như thật. Đây là khổ diệt, này các Tỷ-kheo? đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật. Đây là con đường đưa đến khổ diệt, này các Tỷ-kheo5 đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật. Bốn pháp này, này các Tỷ-kheo? đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật. Do vậy5 này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ.^, Một co gắng cần phải làm để rõ biết: "Dây là khổ tập?5 Một cố găng cân phải làm đê rõ biêt: uĐay là khô diet." Một cô găng cân phải làm đê rõ biết: "Bây là con đường đưa đến khổ diet."

56. TƯƠNG ƯNG sự THẬT 1303

m. PHẨM KOTIGÃMA . (KOTIGÃMAVAGGA)

I. KINH TẠI KOTIGÃMA THỨ NHẤT (PaỊhamakotigãmasutta)3*(S V.431) 1091. Một thời, Thế Tôn trú giữa các dân chúng Vajjĩ5 tại Kotigãma. Tại day, The Ton nói với cac Ty-kheo: Này các Tỷ-kheo5 do không giác ngộ5 do không thông đạt Bốn Thánh đế mà

Ta và các ông lâu ngày phải giong ruôi, Imi chuyên như thê này. Thê nào là bôn? Do không giác ngộ, do không thông đạt Thánh đếyề Khổ, này các Tỷ-kheo; nên Ta và các ông lâu ngày phải giong ruổi, lim chuyển như thế này... Thánh đế về Khổ tập... Thánh đế về Khổ diệt... Do không giác ngộ, do không thông đạt Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, này các Tỷ-kheo5 nên Ta và các ông lâu ngày phải giong ruổi, lưu chuyển như thế này. Nhung nay, này các Tỷ-kheo? Thánh đế về Khổ này đã được giác ngộ9 đã được thông đạt; Thánh đế về Khổ tập đã được giác ngộ5 đã được thông đạt; Thánh đế về Khổ diệt đã được giác ngộ5 đã được thông đạt; Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt đã được giác ngộ, đã được thông đạt. Được chặt đứt là hữu ái, được đoạn tận là những gì đưa đên tái sanh (bhavanettiỴ nay không còn tái sanh nữa. Thế Tôn thuyết giảng như vậy... bậc Đạo Sư lại nói thêm: Do không như thật thấy, Bốn sự thật bậc Thánh, Phải lâu ngày luân chuyển, Trải qua nhiều đời sống. Khi chúng được thấy rõ5 Mầm tái sanh nhổ sạch,4 Gốc khổ được đoạn tận, Nay không còn tái sanh. II. KINH TẠI KOTIGÃMA THỨ HAI (DutìyakoỊigãmasutta) (5. V.431) 1092. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo? không như thật rõ biết: "Dây là khổ9\ không như thật rõ biết: "Dây là khổ tap", không như thật

3 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Knowledge, nghĩa là Minh. 4XemD II. 91; Vin.l. 231.

rõ biết: "Đây là khổ diet", không như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khô diet", thời này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ây không được Ta chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn9 hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ây, ngay trong hiện tại, cũng không tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay của Bà-la-môn hạnh. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo? như thật rõ biết: “Bây là kh6”, như thật rõ biết: "Dây là khổ tap", như thật rõ biết: uĐây là khổ diet", như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khố diet", thời này các Tỷ-kheo5 các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ây được Ta châp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay của Bà-la-môn hạnh. Thế Tôn thuyết giảng như vậy... bậc Đạo Sư lại nói thêm: Những ai không rõ biết, Khổ và khổ tập ỏi, Khồng rõ như thế nào9 Khổ đoạn tận không dư9 Không biêt con đường ây, Đưa đến chỉ tịnh khổ. Những vị ấy không có Tâm và Tuệ giai thoát, Họ không thể chấm dứt, Phải đi đến sanh già. Những vị nào rõ biết, Khổ và khổ tập khởi, Và rõ như thế nào, Khổ đoạn tận không dư5 Rõ biết con đường ấy Đưa đến chỉ tịnh khổ. Tâm giải thoát thành tựu, Và các Tuệ giải thoát, Họ có thể chấm dứt, Không đi đến sanh già.

III. KINH CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC

(Sammãsambuddhasuttă) (5. V. 433)

1093. Nhân duyên tại Sãvatthi.

Có Bốn Thánh dế, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ...

Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Này các Tỷ-kheo, do như thật chánh giác Bốn Thánh đế này, Như Lai được gọi là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là kh6.”... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Bây là con đường đưa đến khổ diet."

IV. KINH BẬC A-LA-HÁN (Arahantasutta) (5. V. 433) 1094. Nhân duyên tại Sãvatthi. Những bậc A-la-hán Chánh Đăng Chánh Giác nào trong thời quá khứ5 này các Tỷ-kheo? thật sự là bậc Chánh Đang Giác; tất cả những vị ấy đã như thật chánh đẳng chánh giác Bốn Thánh đế. Những bậc A-la-hán Chánh Đăng Chánh Giác nào trong thời vị lai, này các Tỷ-kheo, thật sự là bậc Chánh Đẳng Giác; tất cả những vị ấy sẽ như thật chánh đẳng chánh giác Bốn Thánh đế. Những bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo5 thật sự là bậc Chánh Đẳng Giác; tất cả những vị ấy hiện đang chánh đẳng chánh giác Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập5 Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt. Những bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác nào trong thời quá khứ đã như thật chánh đẳng chánh giác... sẽ như thật chánh đẳng chánh giác, hiện như thật chánh đăng chánh giác; tât cả những vị ây... hiện đang chánh đăng chánh giác Bốn Thánh đế. Do vậy, này các

Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đay là kh6.".. Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diet."

V KINH ĐOẠN TẬN CÁC LẬU HOẶC (Ẫsavakkhayasutta) (S. V. 434) 1095. Với người biết, với người thấy, này các Tỷ-kheo5 Ta tuyên bố các lậu hoặc được đoạn tận9 không phải với người không biết, với người không thấy. Và do biết gì, do thấy gì5 này các Tỷ-kheo5 các lậu hoặc được đoạn tận? Do biết, do thấy: "Đây là khổ9\ này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận. Do biết, do thấy: "Dây là khổ tập.55

luyện, an trú những người ấy trong sự chứng ngộ như thật Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt. Này các Tỷ~kheo, những ai mà các ông có lòng lân mẫn... như thật Bốn Thánh đế. Do vậy, này các Tỷ-kheo5 một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Bây là kh6.".. Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Bây là con đường đưa đến khổ diet."

VII. KINH NHƯ THẬT (Tathasutta) (S V. 435) 1097. Này các Tỷ-kheo5 có Bốn Thánh đế này. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập? Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt. Bốn Thánh đế này, này các Tỷ-kheo, đây là như thật? không ly như thật? không khác như thật. Do vậy, chúng được gọi là Thánh đê. Do vậy? này các Tỷ-kheo... (như kinh trên). VIII. KINH THẾ GIỚI (Lokasutta) (5. V. 435) 1098. Này các Tỷ-kheo5 có Bốn Thánh đế này. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập? Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt. Này các Tỷ-kheo? trong các thê giới, gôm có Thiên giới9 Ma giới, Phạm thiên giới, và chúng Sa-môn, Bà-la-môn, Như Lai là bậc Thánh, do vậy được gọi làThánhđế. Do vậy? này các Tỷ-kheo... (như kinh trên). IX. KINH LIỄU TRI (Paríníieyyasutta) (S V. 436) 1099. Này các Tỷ-kheo, có Bốn Thánh đế này. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập5 Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt. Trong Bốn Thánh đế này9 này các Tỷ-kheo5 có Thánh đế cần phải liễu tri9 có Thánh đe cần phải đoạn tận5 có Thánh đế cần phải chứng ngộ5 có Thánh đế càn phải tu tập. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế cần phải liễu tri? Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo, cần phải liễu tri. Thánh đế về Khổ tập cân phải đoạn tận. Thánh đế vê Khô diệt cân phải chứng ngộ. Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt cần phải tu tập. Do vậy, này các Tỷ-kheo... (như kinh trên). X. KINH GAVAMPATI (Gavampatisutta) (S. V. 436) 1100. Một thời, một số đông Tỷ-kheo trú ở giữa dân chúng Ceti/ tại Sahancanika.

5 Còn gọi là Ceta, Cetiya. Trong BL 28f, Ceti có thể là nước Nepal ngày nay.

Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo Thượng tọa ăn xong, sau khi đi trở về, ngồi tụ họp trong ngôi nhà tròn, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Này chư Hiền, ai thấy khổ5 ngươi ấy cũng thấy khổ tập5 cũng thấy khổ diệt, cũng thấy con đường đưa đến khổ diet." Được nghe nói vậy, Tôn giả Gavampati6 nói với các Tỷ-kheo Thượng tọa: -Tôi có tự thân nghe từ Thế Tôn5 thưa chư Hiền, tự thân lãnh thọ như sau: "Này các Tỷ-kheo? ai thấy khổ5 người ấy cũng thấy khổ tập5 cũng thấy khổ diệt, cũng thấy con đường đưa

đến khổ diệt. Ai thấy khổ tập, người ấy cũng thấy khổ? cũng thấy khổ diet, cũng thấy con đường đưa đến khổ diệt. Ai thấy khổ diệt, người ấy cũng thấy khổ, cũng thấy khổ tập, cũng thấy con đường đưa đến khổ diệt. Ai thấy con đường đưa đến khổ diet, người ấy cũng thấy khổ5 cũng thấy khổ tập? cũng thấy khổ diet."

6 Con trai của một thương gia thành Ba-la-nại được Thé Tôn cho xuất gia khi Tăng đoàn mới thành lập.

1308 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

IV PHẨM rùng SĨSAPẢ (SĨSAPẢVANAVAGGAị1

I. KINH RỪNG SĨSAPÃ (Sĩsapãvanasutta) (S V. 437) 1101. Một thời9 Thế Tôn trú ở Kosambĩ, tại rừng Sĩsapã. Rồi Thế Tôn lấy tay nhặt lên một ít lá Sĩsapã, rồi bảo các Tỷ-kheo: —Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ>kheo, cái gì là nhiều hơn, một số ít lá Sĩsapã mà Ta nắm lấy trong tay, hay lá trong rừng Sĩsapã? —Thật là quá ít, bạch Thê Tôn, một ít lá Sĩsapã mà Thê Tôn năm lây trong tay, và thật là quá nhiều lá trong rừng Sĩsapã. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, thật là quá nhiều những gì Ta đã thắng tri mà không nói cho các ông! Thật là quá ít những gì mà Ta đã nói ra! Nhưng tại sao, này các Tỷ-kheo? Ta lại không nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỷ-kheo5 những điều ấy không liên hệ đến mục đích, không phải là căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta không nói lên những điều ấy. Và này các Tỷ-kheo, điều gì mà Ta nói? "Đây là kh6", này các Tỷ-kheo, là điều Ta nói. uĐây là khổ tập,95 là điều Ta nói. “Dây là khổ diệf \ là điều Ta nói. “Dây là con đường đưa đến khổ diệt5\ là điều Ta nói. Nhimg tại sao, này các Tỷ-kheo, Ta lại nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỷ-kheo9 những điều ấy liên hệ đến mục đích? là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh9 thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy? Ta nói lên những điều ấy. Do vậy? này các Tỷ-kheo? một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Dây là khổ?\.. Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diet.” II. KINH LÁ CÂY KEO (Khadirapattasuítaỷ (5. V. 438) 1102. Này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Kh6ng có như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ, không có như thật giác ngộ Thánh đe về Khổ tập, không có như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ diet, không có như thật giác ngộ Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ chơn chánh đoạn tận khổ dau” sự kiện này không xảy ra.78

7 Bản Tích Lan và PTS viết Simsapã. 8 Bản tiếng Anh của PTS: The Acacia Tree, nghĩa là Cây keo.

56. TƯƠNG ƯNG sự THẬT 1309

Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 một người nói như sau: "Với những lá cây keo, hay lá cây Palãsa hay lá cây Kha-lê-lặc (Ãmalaka), tôi sẽ làm giỏ bằng lá để đem nước lại hay làm cái quạt,9; sự kiện này không xảy ra. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 ai nói như sau: "Không như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... không như thật giác ngộ Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diet, ta sẽ chơn chánh đoạn tận khổ dau”; sự kiện này không xảy ra. Này các Tỷ-kheo5 nếu có ai nói như sau: "Sau khi như thật giác ngộ Thánh đế về

Khổ... sau khi như thật giác ngộ Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ chơn chánh đoạn tận khổ dau"; sự kiện này có xảy ra. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, có người nói như sau: uVới những lá sen hay lá Palãsa hay lá Mãluva (một loại cây leo), tôi sẽ làm các giỏ bằng lá để đem nước lại hay làm cái quạt"; sự kiện này có xảy ra. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo? co ai nói như sau: "Say khi như thật chứng ngộ Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Khổ tập... Thánh đế yề Khổ diệt... sau khi như thật chứng ngộ Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ chơn chánh đoạn tận khổ dau"; sự kiện này có xảy ra. Do vậy? này các Tỷ-kheo? một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Dây là kh6.".. Một cô găng cân phải làm đê rõ biêt: "Đây là con đường đưa đên khổ diet." III. KINH CÂY GẬY (Danậasuttdỷ (S V. 439) 1103. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 một cây gậy được quăng lên hư không, khi thì rơi xuống đầu gốc, khi thì rơi xuống chặng giữa, khi thì rơi xuống đầu ngọn. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, các chúng sanh bị vô minh che lấp, bị khát ái trói buộc, giong ruổi. luân chuyển, khi thì đi từ thế giới này đến thế giới kia, khi thì đi từ the giới kia đến thế giới này. Vì sao? Vì rằng không thấy Bốn Thánh đế. Này các Tỷ-kheo5 Bốn Thánh đế ấy là gì? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt. Do vậy5 này các Tỷ-kheo... (như kinh trên). IV. KINH KHĂN ĐẦU (Ceỉasutta) (S V. 440) 1104. Này các Tỷ-kheo9 khi khăn đầu hay đầu bị lửa cháy, thòi phải làm gì? -Bạch Thế Tôn, khi khăn đầu hay đầu bị lửa cháy, để dập tắt khăn đầu hay đầu bị lửa cháy cần phải có ước muốn tăng thượng (chcmdo), tinh tấn (yãyãmỡ), cô găng (ussãho), nô lực (ussoỊhĩ), không có thôi that (appativãnĩ), chánh niệm và tỉnh giác. Bỏ qua đâu và khăn bị cháy, này các Tỷ-kheo5 không có tác ý đê như thật chứng ngộ Bốn Thánh dế, chưa được chứng ngộ, cần phải có ước muốn tăng thượng, tinh tấn, cố gắng, nỗ lực, không thối thất, chánh niệm và tỉnh giác.

9 Xem s. II. 185.

1310 KINH TƯƠNG ƯNG Bô V. THIÊN ĐẠI

Thế

56. TƯƠNG ƯNG sự THẬT 1311

Do vậy, này các Tỷ-kheo9 một sự cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Dây là kh6.".. Một sự cô găng can phải làm đê rõ biêt: "Dây là con đường đưa đến khổ diet."

VII. KINH MẶT TRỜI THỨ NHẤT (PaỊhamasũriyasutta) (S. V. 442) 1107. Này các Tỷ-kheo, đây là điềm đi trước, đây là tướng báo trước mặt trời sắp mọc, tức là rạng đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đây là điềm đi trước, đây là tướng báo trước sự giác ngộ như thật Bốn Thánh đế, tức là chánh tri kiến... Với Tỷ-kheo có chánh tri kiến này, này các Tỷ-kheo? chờ đợi là vị ấy sẽ rõ biết: “Bây là kh8",...vị ấy sẽ rõ biết. 66Đây là con đường đưa đến khổ diet." Do vậy, này các Tỷ-kheo... (như kinh trên). VIII. KINH MẶT TRỜI THỨ HAI (Dutìyasũriyasuttà) (S. V. 442) 1108. Cho đên khi nào9 này các Tỷ-kheo, mặt trăng, mặt trời không hiện ra ở đời, cho đến khi ấy, không có ánh sáng lớn, hào quang lớn hiện hữu. Khi ấy chỉ có đêm tối5 chỉ có u ám, không thể phân biệt đêm và ngày, không thể phân biệt tháng và nửa tháng, không thể phân biệt thời tiết hằng năm. Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, mặt trăng, mặt trời hiện ra ở đời5 cho đên khi ây, có

ánh sáng lớn, có hào quang lớn hiện hữu. Khi ây không có đêm tối? không có u ám5 có sự phân biệt đêm và ngày, có sự phân biệt tháng và nửa tháng, có sự phân biệt thời tiết hằng năm. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 cho đến khi nào Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác không hiện ra ở đời, cho đến khi ấy, không có ánh sáng lớn, không có hào quang lớn. Khi ấy chỉ có đêm tối, chỉ có u ám. Cho đến khi ấy, không có sự tuyên bố9 không có sự thuyết giảng, không có sự trình bày, không có sự thiết lập5 không có sự khai diễn, không có sự phân tích, không có sự hiển thị Bốn Thánh đế. Cho đến khi nào5 này các Tỷ-kheo? Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác hiện ra ở đời, cho đến khi ấy, có ánh sáng lớn, có hào quang lớn. Khi ấy không có đêm tôi5 không có u ám. Cho đên khi ây? có sự tuyên bô5 có sự thuyêt giảng, có sự trình bày, có sự thiết lập, có sự khai diễn, có sự phân tích, có sự hiển thị Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một sự cố gắng cần phải làm để rõ biết: 66Đây là kh6."... Một sự cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diet.”

IX. KINH CỘT TRỤ ụndakhĩlasutta) (S V. 443) 1109. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo5 không như thật

rõ biết: “Dây là kh6”,.. không như thật rõ biết: 66Đây là con đường đưa đến khổ diệt.,, Họ ngước nhìn mặt (ụllokentí) một Sa-môn hay Bà-la-môn khác và nhận xét: uVị Tôn giả này biết điều đáng biết, thấy điều đáng thấy.” Ví như, này các Tỷ-kheo5 một hột bông hay một hột bông Kappăsa bị gió nhẹ thổi lên5 rơi xuống đất bằng, và gió phía Đông thổi nó qua phía Tây; gió phía Tây thổi nó qua phía Đông; gió phía Bắc thổi nó qua phía Nam; gió phía Nam thổi nó qua phía Bắc. Vì sao? Này các Tỷ-kheo5 vì hột bông Kappãsa rất nhẹ. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật rõ biết: "Đây là khổ,\... không như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diet." Họ ngước nhìn mặt một Sa-mon hay Bà-la-môn khác và nhận xét: Tôn giả này biết điều đáng biết, thấyđiều đáng thấy." Vì sao? Này các Ty.kheo, vì không chánh kiến Bốn Thánh đế. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật rõ biết: "Bây là khổ9\... như thật rõ biet: "Bây là con đường đưa đến khổ diệt.,, Họ không ngước nhìn mặt một Sa-mon hay Bà-la-môn khác và nhận xét: 4CVị Tôn giả này biết điều đáng biết, thấy điều đáng thấy." Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một cây cột săt hay cây cột trụ5 bàn tọa được đóng sâu (gambhĩranemoỴ khéo chôn sâu, bất động, không có lay chuyển; nếu từ phương Đông có gió và mưa lớn đến5 cột trụ ấy không rung chuyển, khônẹ lay chuyển, không động chuyển... nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nêu từ phương Nam có gió và mưa lớn dến, cột trụ ấy không rung chuyển, không lay chuyển, không động chuyển. Vì sao? Này các Tỷ-kheo5 vì bàn tọa được đóng sâu5 khéo chôn sâu. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 nêu Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật rõ biết: "Đây là khổ,55... như thật rõ biết: "Bây là con đường đưa đến khổ diet", họ không ngước nhìn mặt một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác và nhận xét: uVị Tôn giả này biết điều đáng biết, thấy điếu đáng thấy.,, Vì sao? Vì Bốn Thánh đế được khéo thấy, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn? (Như kinh trên)... X. KINH TRANH LUẬN (Vãdatthikasuttă) (S. V. 445) 1110.

Tỷ-kheo nào5 này các Tỷ-kheo? như thật rõ biết: "Đây là kho9\... như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diet." Neu từ phương Đông có Sa-môn hay Bà-la-môn nào đến? ưa thích tranh luận, tầm cầu tranh luận, nói răng: "Ta sẽ tranh luận5\ người này có thê làm rung chuyên, làm lay chuyên, làm động chuyển Tỷ-kheo ấy một cách đúng pháp; sự kiện này không xảy ra. Nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam có Sa-môn hay Bà-la-môn nào dến, ưa thích tranh luận, tầm cầu tranh luận5 nói rằng: “Ta sẽ tranh luan” người này có thể làm rung chuyển, làm lay chuyển, làm động chuyển Tỷ-kheo ấy một cách đúng pháp; sự kiện này không xảy ra.

Ví như, này các Tỷ-kheo5 một cột đá dài đến mười sáu khuỷu tay, tám khuỷu tay được chôn dưới đất từ bàn tọa và tám khuỷu tay ở phía trên. Neu từ phương Đông có gió và mưa lớn đến, không thể làm cột đá ấy rung chuyển, lay chuyển, động chuyển, nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam có gió và mưa lớn đến, không thể làm cho cột đá ấy rung chuyển, lay chuyển, động chuyển. Vì sao? Này các Tỷ-kheo5 vì bàn tọa cột trụ được đóng sâu, khéo chôn sâu. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo nào như thật rõ biết: "Đây là kh8.”... như thật rõ biết: "Dây là con đường đưa đến khổ diet.” Neu từ phương Đông có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đên9 ưa thích tranh luận, tâm câu tranh luận5 nói rằng: “Ta sẽ tranh luận,95 vị ấy có thể làm cho Tỷ-kheo kia rung chiiyển, lay chuyên, độnẹ chuyên một cách đúng pháp; sự kiện này không xảy ra. Nêu từ phương Tây... nêu từ phương Băc... nêu từ phương Nam có vị Sa-môn hay Bà- la-môn nào đến5 ưa thích tranh luận, tầm câu tranh luận, nói rằng: “Ta sẽ tranh man”, vị ấy có thể làm cho Tỷ-kheo kia rung chuyển, lay chuyển, động chuyển một cách đúng pháp; sự kiện này không xảy ra. Vì sao? Này các Tỷ-kheo5 vì Bốn Thánh đế đã được khéo thấy. Thế nào là bốn? (Như kinh 1109 ở trên)...

V PHẨM Vực THẲM (PAPẴTAVĂGGA)

L KINH SUY Tư VỀ THẾ GIỚI (Lokacintãsuttà) (S. V. 446) 1111. Một thời, Thế Tôn trú ở Rậjagaha (Vương Xá), tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. r-p • -X Ấ r-p-| Ấ rp/\ 19 r rp 9 *1 1

Tại đây, Thê Tôn bảo các Tỷ-kheo: Thuở trước, này các Tỷ-kheo, một người đi ra khỏi Vương Xá, nghĩ rằng: “Ta sẽ suy tư về thế gi&i”, và người ấy đi đến hồ sen Sumãgadhã; sau khi đến5 ngồi trên bờ hồ Sumãgadhã và suy tư về thế giới. Này các Tỷ-kheo, người ấy ngồi trên bờ hồ Sumãgadhã thấy một đoàn quân với bốn loại binh chủng (voi, ngựa, xe, bộ binh) đi vào trong một củ sen. Thấy vậy5 người ấy nghĩ: “C6 lẽ ta phát cuồng! Có lẽ ta điên loạn! Nay ta thấy một điếu không thể có ở âờiy Rồi người ấy, này Tỷ-kheo5 đi vào trong thành và nói với một quần chúng lớn: "Này quý vị? có lẽ ta phát cuông; này quý vị5 có lẽ ta điên loạn. Nay ta thây một điều không thể có ở dòi!” "Nhu thê nào, này bạn, bạn phát cuông? Như thê nào, bạn điên loạn? Bạn đã thấy gì không thể có ở d&i?” "Thưa quỵ vị, tôi đi ra khỏi Vương Xá? nghĩ rằng: 'Tôi sẽ suy tư về thế giới/ Tôi đi đến hồ sen Sumãgadhã; sau khi đến, ngồi trên bờ hồ Sumãgadhã, suy tư về thế giới. Thưa

quý vị5 tôi thấy trên bờ hồ Sumãgadhã một đoàn quân với bốn loại binh chủng đi vào trong một củ sen. Thấy vậy, thưa quý vị, tôi nghĩ: 'Có lẽ ta phát cuồng! Có lẽ ta điên loạn! Nay ta thấy một điều không thể co ở đời! "Thật vậy5 này bạn, bạn đã phát cuồng. Thật vậy5 bạn bị điên loạn. Bạn đã thấy một điều không thể có ở dòi!" Này các Tỷ-kheo, điều mà người ấy đã thấy là có thật, không phải khônẹ thật. Thuở xưa5 này các Tỷ-kheo, chư thiên và loài asura (a-tu-la) dàn trận đê khai chiến. Và này các Tỷ-kheo, trong trận chiến ấy, chư thiên thắng trận, các asura bại trận. Các asura bại trận, này các Tỷ-kheo? hoảng hốt đi vào thành asura ngang qua củ sen vì quá sợ hãi chư thiên. Do vậy, này các Tỷ-kheo? chớ có suy tư vê thê giới: "Thê giới là thường cbn", hay: "Thế giới là vô thường,\ hay: "?hế giới là hữu biên5\ hay: "Thế giới là vô biên5\ hay: "Mạng sống và thân thể là m0f\ hay: "Mạng sống và thân

thể là khác", hay: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết", hay: "Nhu Lai không tồn tại sau khi chết", hay: "Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", hay: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Vì sao? Các điêu suy tư ây9 này các Tỷ-kheo, không liên hệ đên mục đích, không phải là căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Nếu có suy tư, này các Tỷ-kheo, các ông hãy suy tư: "Đây là kh6." ... "Bây là con đường đưa đến khổ diet." Vì sao? Các suy tư như vậy, này các Tỷ-kheo? liên hệ đên mục đích, các suy tư ây làm căn bản cho Phạm hạnh, các suy tư ấy đưa đến yểm ly5 ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ5 Niết-bàn. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Bây là kh6."., Một cố gắng cần phải làm đe rõ biết: tcĐây là con đường đưa đến khổ diet." II. KINH Vực THẲM (Papãtasutta) (S. V. 448) 1112. Một thời, Thế Tôn ở tại Rậjagaha (Vương Xá)? trên Gijjhakuta (núi Linh Thứu). Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, chúng ta hãy đi đên Patibhãnakũta đê nghỉ trưa!

Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Ty-kneo ay vang đáp The Ton. Rồi Thế Tôn cung số đông Tỷ-kheo đi đến Patibhãnakũta. Một Tỷ-kheo thấy một vực thẳm ở Patibhãnakũta, thấy vậy, liền bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, thật là lớn, vực thẳm này! Bạch Thế Tôn? thật là đáng sợ hãi, vực thẳm này! Bạch Thế Tôn, không biết có vực thẳm nào khác lớn hơn và đáng sợ hãi hơn vực thẳm này? Này các Tỷ-kheo, có vực thẳm khác lớn hơn và đáng sợ hãi hơn vực thẳm này. —Bạch Thế Tôn, thế nào là vực thẳm khác lớn hơn và đáng sợ hãi hơn vực thẳm này? Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật rõ biết: "Bây là kh6",.. không như thật rõ biết: "Dây là con đường đưa đến khổ diệt.^, Họ hoan hỷ với các hành đưa đến sanh; họ hoan hỷ với các hành đưa đến già; họ hoan hỷ với các hành đưa đến chết; họ hoan hỷ với các hành đưa đến sầu, bi, khổ5 ưu, não. Vì họ hoan hỷ với các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ? ưu, não; họ tạo dựng các hành đưa đến sanh; họ tạo dựng các hành đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não. Do họ tạo dựng các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đên sâu, bi, khô, ưu, não; nên họ rơi vào vực thăm sanh; họ rơi vào vực

thẳm già; họ rơi vào vực thẳm chết; họ rơi vào vực thẳm sầu, bi, khổ5 ưu, não. Họ không liêu thoát khỏi sanh, khỏi già, khỏi chêt, khỏi sâu, bi, khô5 ưu, não. Ta nói rằng, họ không liễu thoát khỏi đau khổ. Và này các Tỷ-kheo? những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật rõ biết: uĐây là kh6",.. như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệf\ họ khônệ hoan hỷ với các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sau, bi, khổ, ưu, não. Vì họ không hoan hỷ với các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não; họ không tạo dựng các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não. __ — V a r : r r Do họ không tạo dựng các hành đưa đên sanh... đưa đên già... đưa đên chêt... đưa đến sầu, bi, khô5 ưu, não; họ không rơi vào vực thăm sanh; họ không rơi vào vực thẳm già; họ không rơi vào vực thẳm chết; họ không rơi vào vực thẳm sầu, bi5 khổ, ưu5 não. Họ liễu thoát khỏi sanh; khỏi già; khỏi chết; khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng, họ liễu thoát khỏi đau khổ. Dq vậy5 này Tỷ-kheo5 một cố gắng cần phải làm để rõ biết: :Dây là kh6."... Một cố gắng can phải làm để rõ biết: "Dây là con đường đưa đến khổ diet."

III. KINH ĐẠI NHIỆT NÃO (MahãparíỊãhasutta) (S. V. 450) 1113. Này các Tỷ-kheo5 có một địa ngục tên là Đại Nhiệt Não, tại đấy, con mắt có thấy sắc gì; chỉ thấy bất khả lạc sắc, không phải khả lạc sắc; chỉ thấy bất khả hỷ sắc, không phải khả hỷ sắc; chỉ thấy bất khả ý sắc, không phải khả ý sắc. Tai có nghe tiếng gì... Mũi có ngửi hương gì... Lưỡi có nếm vị gì... Thân có cảm xúc gì... Y có nhận thức pháp gì; chỉ nhận thức bất khả lạc pháp, không phải khả lạc pháp; chỉ nhận thức bất khả hỷ pháp, không phải khả hỷ pháp; chỉ nhận thức bất khả ý pháp, không phải khả ý pháp. Khi nghe nói vậy5 một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn? thật lớn thay nhiệt não ấy! Bạch Thế Tôn, thật khéo to lớn thay nhiệt não ấy! Bạch Thế T6n, không biết có nhiệt não nào khác nữa còn lớn hơn và đáng sợ hãi hơn nhiệt não ấy? Này Tỷ-kheo? có nhiệt não khác còn lớn hơn, và đáng sợ hãi hơn nhiệt não ấy. Bạch Thế Tôn, nhiệt não khác ấy như thế nào còn lớn hơn, và đáng sợ hãi hơn nhiệt não ấy? (Như kinh trên với những thay đổi cần thiết khác. Kinh trên viết: "Hq rơi vào vực thăm sanh; vực thăm già; vực thăm chêt; vực thăm sâu, bi, khô, ưu, nO."Còn kinh này viết: "Hq bị đốt cháy trong nhiệt não sanh... già... chết... sầu, bi, khổ? ưu, nO.") IV. KINH NGÔI NHÀ CÓ NÓC NHỌN (KũỊãgãrasutta) (S. V. 452) 1114. Này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Không có như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Khổ tập... Thánh đế về Khổ diệt... Thánh đế về Con

đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ chơn chánh đoạn tận khổ đau5\ sự kiện này không xảy ra. Ví như, này các Tỷ-kheo5 ai nói như sau: "Không xây dựng tầng dưới của ngôi nhà có nóc nhọn, tôi sẽ xây dựng tầng trên của ngôi nhà", sự kiện này không xảy ra. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Không có như thật giác ngộ Thánh đế về IQ1Ổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ chơn chánh đoạn tận khổ dau", sự kiện này không xảy ra. Nhưng, này các Tỷ-kheo? ai nói như sau: "Sau khi như thật giác ngộ Thánh đế về Kho... Thánh đế về Khổ tập... Thánh đế về Khổ diệt... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ chơn chánh đoạn tận khổ đau55, sự kiện này có xảy ra.

Ví nhu, này các Tỷ-kheo? ai nói như sau: "Sau khi xây dựng tầng dưới của ngôi nhà có nóc nhọn9 tôi sẽ xây dựng tầng trên của ngôi nha”sự kiện này có xảy ra. Cũng vậy5 này các Tỵ-kheo, ai nói như sau: "Sau khi như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... Thánh đe về Con đường đưa đến khổ diet, ta sẽ đoạn tận khổ đau9\ sự kiện này có xảy ra. Do vậy5 nàỵ các Tỷ-kheo? một cố gắng cần phải làm để rõ biết: 4íĐay là khổ.\.. Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Dây là con đường đưa đến khổ diệt.,,

V. KINH LÔNG ĐUÔI (Vãlasutta)n (S V. 453) 1115. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường. Rồi Tôn giả Ãnanda, vào buổi sánệ, đắp y, cầm y bát vào thành Vesãli để khất thực. Tôn giả Ãnanda thấy một sô đông thiêu niên người Licchavi trong hội trường tập bắn cung, từ xa bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ? từ lông đuôi mũi tên này tiếp lông đuôi mũi tên khác5 không sai trượt lần nào. Thấy vậy, Tôn giả suy nghĩ: "Thật có tập luyện, các thiếu niên Licchavi này! Thật khéo tập luyện, các thiếu niên Licchavi này! Vì rằng, từ xa họ bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ? từ lông đuôi mũi tên này nối tiếp lông đuôi mũi tên khác, không sai trượt lần nào?5 Rồi Tôn giả Ãnanda, sau khi khất thực ở Vèsãli xong, sau bữa ăn? trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: —Ở dây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào Vesãli đế khất thực. Bạch Thế Tôn, con thây rât nhiêu thiêu niên Licchavi trong hội trường tập bắn cung, từ xa bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ, từ lông đuôi mũi tên này tiếp lông đuôi mũi tên khác, không sai trượt lần nào. Thấy vậy, con nghĩ như sau: "Thật có tập luyện, các thiếu niên Licchavi này! Thật khéo tập luyện, các thiếu niên Licchavi này! Vì rằng, từ xa họ bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ5 từ lông đuôi mũi tên này nối tiếp lông đuôi mũi tên khác, không sai trượt lần nao.95

11 Bản tiếng Anh của PTS: The Keyhole, nghĩa là Lỗ khóa.

Ông nghĩ thế nào, này Ãnanda, cái gì khó làm hơn hay cái gì khó đạt đến (durabhisambhavataram), từ xa bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ, từ lông đuôi mũi tên này nối tiếp lông đuôi mũi tên khác, không sai trượt lần nào; hay bắn xuyên đầu một sợi lông được chia nhỏ một trăm lần? Việc này khó làm hơn, bạch Thế Tôn, khó đạt đến hơn, tức là bắn xuyên đầu một sợi lông được chia nhỏ một trăm lần. Cũng vậy, này Ãnanda, đâm xuyên ngang qua một cái gì khó đâm xuyên hơn là những ai như thật đâm xuyên qua: “Dây là kh8." ... như thật đâm xuyên qua: “Dây là con đường đưa đến khổ diet.” Do vậy, này Ananda, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Bây là kh6." ... Một cố gắng cần phải làm đế rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khố diet." VI. KINH TỐI TĂM (Ạndhakãrasutta) (S V. 454) 1116. Có một hắc ám giữa các thế giới không có trần che, tạo ra tối tăm? tạo ra hắc ám; ở đấy ánh sáng của mặt trăng, mặt trời, những vật có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy cũng không hiện ra. Được nghe nói như vậy? một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: Thật là to lớn, bạch Thế Tôn? tối tăm ấy! Thật là to lớn, bạch Thế Tôn? tối tăm ây! Bạch Thê Tôn, có một tôi tăm nào khác, còn to lớn hơn, còn đáng sợ hãi hơn tối tăm ấy? Này Tỷ-kheo, có một tối tăm khác, còn to lớn hơn, còn đáng sợ hãi hơn tối tăm ấy. Bạch Thế Tôn, sự tối tăm khác ấy là gi, còn to lớn

hơn, còn đáng sợ hãi hơn tối tăm ấy? (Như kinh lll2, chỉ thay vào: "Hq rơi vào tối tăm sanh; tối tăm già; tối tăm chết; tối tăm sầu9 bi, khổ, ưu, não^,). VII. KINH CÁI LỖ CỦA CÁI ÁCH THỨ NHẤT (Pathamachiggalayugasuttd) (S. V. 455) 1117. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một người quăng một khúc gỗ có một lỗ hông vào biên lớn. Tại đây có con rùa mil, sau môi trăm năm nôi lên một lân. Các ông nghĩ thê nào, này các Tỷ-kheo, con rùa mù ây sau mồi trăm năm nổi lên một lần, có thể chui cổ vào khúc gỗ có một lỗ hổng hay không? Năm khi mười họa may ra có thể được, bạch Thế Tôn, sau một thời gian dài.

Ta tuyên bô răng còn mau hơn, này các Tỷ-kheo, là con rùa mù ây, sau môi trăm năm nôi lên một lân5 có thê chui cô vào khúc gô có một lô hông ây; còn hơn kẻ ngu, khi một lần đã rơi vào đọa xứ để được làm người trở lại. Vì sao? VÌ răng ở đây không có pháp hành, chánh hành, thiện nghiệp, phước nghiệp. Ở đấy, này các Tỷ-kheo, chỉ có ăn thịt lẫn nhau, và chỉ có người yếu bị ăn thịt. Vì sao?

Vì không thấy được Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đê vê Con đường đưa đên khô diệt. Do vậy5 này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: 66Đây là khổ?9 Ã y 2 _ £ __ L t ... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Dây là con đường đưa đến khổ diet." VIII. KINH CÁI LỖ CỦA CÁI ÁCH THỨ HAI (Dutiyachiggalayugasuttd) (S V. 456) 1118. Ví như5 này các Tỷ-kheo, quả đât lớn này chỉ toàn một bãi nước và một người đên ném xuông đây một khúc cây có một lô hông. Rôi gió phương Đông thổi nó trôi về phương Tây; gió phương Tây thổi nó trôi về phương Đông; gió phương Bắc thổi nó trôi về phương Nam; gió phương Nam thổi nó trôi về phương Băc. Tại đấy, một con rùa mù cứ mỗi trăm năm nổi lên một lần. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, con rùa mù ấy sau mỗi trăm năm nổi lên một lần, có thể chui cổ vào trong khúc cây có một lỗ hổng hay

12 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS viết: Sỉneru, tức núi Tu-di.

SO sánh5 không có thê thành một phân nhỏ, nêu so sánh với khô trước đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn, tức là trong thời gian tối đa là bảy lần đối với người đã rõ biết: “Dây là kh6.” ... đã rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt.,, Do vậy, nàỵ các Tỷ-kheo; một cố gắng cần phải làm để rõ biết: uĐay là khổ.99 Một cố gắng can phải làm để rõ biết: "Dây là con đường đưa đến khổ diet." X. KINH VUA NÚI SINERU THỨ HAI (Dutìyasinerupabbatarậịasutta) (5. V. 458) 1120. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, vua núi Sineru đi đên đoạn tận, đi đên tiêu diệt, chỉ còn lại các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? cái gì là nhiều hơn, vua núi Sineru ấỵ đi đến đoạn tận? đi đến tiêu mòn hay các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu còn ton tại? Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là vua núi Sineru đi đến đoạn tận, đi đến tiêu mòn. Và ít hơn là các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu được còn lại? không thê đem ước tính, không thê đem so sánh và không thê băng một phân nhỏ, nếu so sánh các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu còn lại với vua núi Sineru đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu mòn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử thành tựu chánh kiến, với người đã chứng ngộ5 cái này là nhiều hơn, tức là sự khổ đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn này; và rất ít là khổ còn tồn tại, khôn^ có thể ước tính, không có thể so sánh, không có thể thành một phần nhỏ, neu so sánh với khổ trước đã được đoạn tận5 đã được tiêu mòn5 tức là trong thời gian tối đa là bảy lần đối với người đã rõ biết: "Đây là khổ.99 ... đã rõ biet: "Bây là con đường đưa đến khổ ãệtr Do vậy, này các Tỷ-kheo... (như kinh trên).

56. TƯƠNG ƯNG sự THẬT 1321

VI. PHẨM CHÚNG ĐẠT (ABHISAMAY4K4GGA)

I. KINH ĐÀU MÓNG TAY (Nakhasikhasutta) (5. V. 459) 1121. Rồi Thế Tôn lấy lên một ít đất trên đầu móng tay và bảo các Tỷ-kheo: Các ông nghĩ thế nào? nàỵ các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, một ít đất Ta lấy ở đầu móng tay, hay quả đất lớn này? Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn? tức là quả đất lớn này, và ít hơn là một ít đất mà Thế Tôn lấy ở đầu móng tay. Chúng không thế ước tính được5 không thể so sánh được, không thể thành một phần nhỏ được5 nếu đem so sánh quả đất lớn với một ít đất mà Thế Tôn lấy lên đầu móng tay. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo9 với vị Thánh đệ tử thành tựu chánh kiến, với người đã chứng dạt, cái này là nhiều hơn... (như kinh 1119).

II. KINH AO HỒ (Pokkharanĩsuttd) (S V. 460) 1122. Ví như, này các Tỷ-kheo, có một hồ nước bề dài năm mươi do-tuần, . ' .'a bê rộng năm mươi do-tuân, bê sâu năm mươi do-tuân5 đây nước tràn trên bờ đê '

con quạ có thể uống được. Từ nơi hồ nước ấy, có người lấy lên một ít nước trên đầu ngọn cỏ kusa. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, một ít nước lấy lên trên đầu ngọn cỏ kusa, hay là nước trong hồ nước? Cái này là nhiều hơn5 bạch Thế Tôn, tức là nước trong hồ nước5 và ít hơn

là nước được lây lên trên đâu ngọn cỏ kusa. Chúng không có thê ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được5 nếu đem so sánh nước ở hô nước với nước được lây lên trên đâu ngọn cỏ kusa. (Như kinh 1120)... III. KINH HỢP DÒNG THỨ NHẤT (Pathamasambhejjasutta) (S V. 460) 1123. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 tại chỗ mà các con sông lớn này nhập vào nhau, cùng chảy với nhau, tức là sông Hằng, sông Yamunã, sông Aciravatĩ, sông Sarabhũ, sông Mahĩ? từ dấy, một người lấy lên hai hay ba giọt nước. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, hai hay ba giọt nước được lấy lên5 hay là nước ở chỗ hợp dòng? Cái này là nhiêu hơn, bạch Thê T6n, tức là nước ở chô hợp dòng; còn ít hơn là hai hay ba giọt nước được lấy lên. Chúng không thể ước tính được,

1322 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

không thể so sánh được, không thể thành một phần nhỏ được? nếu đem so sánh nước ở chỗ hợp dòng với hai hay ba giọt nước được lấy lên. ... Cũng vậy... (như kinh trên). IV KINH HỢP DÒNG THỨ HAI (Dutiyasambhejjasutta) (S V. 461) 1124. - Ví nhu, này các Tỷ-kheo, tại chỗ mà các con sông lớn này nhập vào nhau, cùng chảy với nhau, tức là

sông Hằng, sông Yamunã, sônẹ Aciravatĩ, sông Sarabhũ, sông Mahĩ, nước sông ây đã đi đên đoạn tận, đã đi đên tiêu diệt, chỉ còn lại hai hay ba giọt nước còn sót lại. Các ông nghĩ thê nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiêu hơn, nước chô hợp dòng đã đi đen đoạn tân, đã đi đen tiêu diệt, hay là hai hay ba giọt nước còn sót lại? Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là nước chỗ hợp dòng đã đi đến đoạn tận5 đã đi đến tiêu diệt; còn ít hơn là hai hay ba giọt nước còn sót lại. Chúng không có thê ước tính được, không có thê so sánh được5 không có thê thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh nước chỗ hợp dòng đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt với hai hay ba giọt nước còn sót lại. (Như kinh trên)... V KINH QUẢ ĐẤT LỚN THỨ NHẤT (PaḶhamamahãpathavĩsuttă) (5. V. 462) 1125. Ví như, này các Tỷ-kheo? một người đặt trên quả đất lớn các cục đất lớn bằng bảy hạt táo (satta kolatịhimaítiyo). Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, các cục đất lớn bằng bảy hạt táo đã được đặt lên như vậy? hay là quả đất này? Cái nàỵ là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là quả đất này; còn ít hơn là các cục đất lớn bằnệ bảy hạt táo đã được đặt lên như vậy. Chúng không thể ước tính được, không thê so sánh được, không thê băng một phân nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn này với các cục đất lớn bằng bảy hạt táo được đặt lên như vậy. (Như kinh trên)... VI. KINH QUẢ ĐẤT LỚN THỨ HAI (Dutìyamahãpathavĩsutta) (5. V. 462) 1126. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? quả đất đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, chỉ còn lại những cục đất lớn bằng bảy hạt táo. Các ông nghĩ thế nào5 này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, quả đất lớn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt, hay là các cục đất lớn bằng bảy hạt táo còn sót lại? Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là quả đất lớn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt; còn ít hơn là các cục đất lớn bằng bảy hạt táo còn sót lại. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể

thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt với các cục đất lớn bằng bảy hạt táo còn sót lại. (Như kinh trên)... VII. KINH BIÊN LỚN THỨ NHẤT (PaḶhamamahãsamuddasutta) (5. V. 463) 1127. Ví như, này các Tỷ-kheo? một người lấy lên hai hay ba giọt nước từ biển lớn. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, hai hay ba giọt nước được lấy lên, hay là nước trong biển lớn? Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn. tức là nước trong biển lớn; còn ít hơn là hai hay ba giọt nước được lấy lên. Chúng không có thể ước tính được, không có thê so sánh được, không có thê thành một phân nhỏ được, nêu đem so sánh nước trong biển lớn với hai hay ba giọt nước được lấy lên. (Như kinh trên)... VIII. KINH BIỂN LỚN THỨ HAI (Duíiyamahãsamuddasutta) (5. V. 463) 1128. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? nước trong biển lớn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt, chỉ còn lại hai hay ba giọt nước còn sót lại. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, nước trong biên lớn đã đi đên đoạn tận, đã đi đên tiêu diệt, hay là hai hay ba giọt nước còn sót lại? Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là nước trong biển lớn đã đi đến đoạn tận9 đã đi đến tiêu diệt; còn ít hơn là hai hay ba giọt nước còn sót lại. Chúng không có thê ước tính được, không có thê so sánh được5 không có thê thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh nước trong biển lớn đã đi đến đoạn tận? đã đi đến tiêu diệt, với hai hay

X. KINH VÍ DỤ VỚI NÚI THỨ HAI (Dutìyapabbatũpamasutta) (S V. 464) 1130. Ví như5 này các Tỷ-kheo, vua Tuyết sơn đã đi đến đoạn tận5 đã đi đến tiêu diet, chỉ còn lại các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, vua Tuyết sơn đã đi đến đoạn tận? đã đi đến tiêu diet, hay là các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải còn sót lại? Cái nay là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là vua Tuyết sơn đã đi đến đoạn tận5 đã đi đến tiêu diệt; còn ít hơn là các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải còn sót lại. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh vua Tuyết sơn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt với hòn sạn lớn bằng bảy hột cải còn sót lại. (Như kinh trên)...

56. TƯƠNG ƯNG sự THẬT 1325

vn. PHẨM LÚAGẠO SỐNG LƯỢC ĨHUYẾT THỨ NHẤT (PATHAMAÃMAKADHANNAPEYYÃLAVAGGAY 3

I. KINH NƠI KHÁC (Annatrasuttd) (5. V. 465) 1131. Rồi Thế Tôn lấy lên một ít đất trên đầu móng tay và bảo các Tỷ-kheo: Các ông nghĩ thê nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiêu hơn, một ít đât Ta lây lên trên đâu móng tay, hay là quả đât lớn này? Cái này la nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là quả đất lớn này; còn ít hơn là một ít đất Thế Tôn lấy lên trên đầu móng tay. Chúng không có thể ước tính được5 không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn với một ít đất được Thế Tôn lấy lên trên đầu ngón tay. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 ít hơn là những chúng sanh được tái sanh làm người; còn nhiều hơn là những chúng sanh bị tái sanh ra khỏi loài người. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì không thấy Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt. Do vậy5 này các Tỷ-kheo5 một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là kh6.".. Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Bây là con đường đưa đến khổ diệt.,,

II. KINH BIÊN ĐỊA (Paccantasutta) (S V. 466) 1132. (Như kinh trên)... Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh được tái sanh vào trung tâm các quốc độ; còn nhiều hơn là các chúng sanh bị tái sanh vào các biên địa, giữa những man di vô ý thức. Vì sao? (Như kinh trên)... III. KINH TRÍ TUỆ (Paniiãsutta)(y V. 466) 1133. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo,ít hơn là các chúng sanh thành tựu tuệ nhãn của bậc Thánh; còn nhiều hơn là các chúng sanh đi đến vô minh, si ám. Vì sao? (Như kinh trên)...

13 Bản tiếng Anh của PTS: Cyclic Repetition, nghĩa là Bảnh xe trùng thuyết.

IV. KINH RƯỢU (Surãmerayasutta)^ (5. V. 466) 1134. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? ít hơn là các chúng sanh từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Vì sao? (Như kinh trên)... V KINH SANH Ở NƯỚC (Odakasuttà) (5. V. 467) 1135. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh được sanh trên đất liền Qhalạiã); còn

nhiều hơn là các chúng sanh được sanh ra trong nước. Vì sao? (Nhưkinh trên)... VI. KINH HIẾU KÍNH MẸ (Matteyyasutta) (S V. 467) 1136. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo9 ít hơn là các chúng sanh có hiếu kính với mẹ; còn nhiều hơn là các chúng sanh không hiếu kính với mẹ. (Như kinh trên)... VII. KINH HIẾU KÍNH CHA (Petteyyasutta) (5. V. 467) 1137. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh có hiếu kính với cha; còn nhiều hơn là các chúng sanh không hiếu kính với cha. (Như kinh trên)... VIII. KINH SA-MÔN (Sãmannasuttaý5 (S V. 468) 1138. (Như kinh trên)... Cũng vậy? này các Tỷ-kheo? hơn là các chúng sanh kính trọng các hàng Sa-môn; còn nhiều hơn là các chúng sanh không kính trọng các hàng Sa-môn. (Như kinh trên)... IX. KINH BÀ-LA-MÔN (Brahmannasuttay6 (S V. 468) 1139. (Như kinh trên)... -Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh kính trọng các hàng Bà-la-môn; còn nhiều hơn là các chúng sanh không kính trọng các hàng Bà-la-môn. (Như kinh trên)...

14 Bản tiếng Anh của PTS: Intoxicating Liquor, nghĩa là Rượu lên men làm say. 15 Bản tiếng Anh của PTS: Reverent to Recluses, nghĩa là Kỉnh trọng Sa-môn. 16 Bản tiếng Anh của PTS: Reverent to Brahmins, nghĩa là Kỉnh trọng Bà-ỉa-mồn.

X. KINH KÍNH TRỌNG CÁC BẬC LỚN TUỔI (Pacãyikasutta) (5. V. 468) 1140. (Như kinh trên)... Cũng vậy? này các Tỷ-kheo? ít hơn là các chúng sanh kính trọng các bậc lớn tuổi trong gia tộc; còn nhiều hơn là các chúng sanh không kính trọng các bậc lớn tuổi trong gia tộc. (Như kinh trên)...

vm. PHẨM LÚAGẠO SỐNG LƯỢC THUYẾT THỨ HAI (DUTIỴAẢMAKADHANNAPEYYÂLAVAGGAẩ1

I. KINH SÁT SANH (Pãnãtipãtasuttd)^ (S V. 468) 1141. (Như kinh trên)... -Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ sát sanh; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ sát sanh. Vì sao? (Như kinh trên)... II. KINH LẤY CỦA KHÔNG CHO (Adinnãdãnasutta) (S. V. 468) 1142. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? ít hơn là các chúng sanh từ bỏ lấy của không cho; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ lấy của không cho. Vì sao? (Như kinh trên)... III. KINH TÀ HẠNH TRONG CÁC DỤC (Kãmesumicchãcãrasutta) (S V. 468) 1143. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ tà hạnh trong các dục; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ tà hạnh trong các dục. Vì sao? (Như kinh trên)... IV. KINH NÓI LÁO (Musãvãdasutta) (S V. 468) 1144. (Như kinh trên)... Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nói láo; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nói láo. Vì sao? (Như kinh trên)... V. KINH NÓI LỜI LY GIÁN (Pesunnasuttd) (S. V. 469) 1145. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nói lời ly gián; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nói lời ly gián. Vì sao?

17 Bản tiếng Anh của PTS: Few Abstain, nghĩa là ít người từ bỏ. 18 Bản tiếng Anh của PTS: Life, nghĩa là Sự sống.

(Như kinh trên)... VI. KINH NÓI LỜI THÔ Ác (Pharusavãcãsuttă) (S V. 469) 1146. (Như kinh trên)... Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nói lời thô ác; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nói lời thô ác. Vì sao? (Như kinh trên)... VII. KINH NÓI LỜI PHÙ PHIẾM (Samphappaỉãpasutta) (S V. 469) 1147. (Như kinh trên)... Cũng vậy? này các Tỷ-kheo? ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nói lời phù phiêm; còn nhiêu hơn là các chúng sanh không từ bỏ nói lời phù phiêm. Vì sao? (Như kinh trên)... VIII. KINH HỘT GIỐNG (Bĩịagãmasuttd) (S V. 470) 1148. (Như kinh trên)... Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 ít hơn là các chúng sanh từ bỏ làm hại các hột giống và các loại cây cỏ; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ làm hại các hột giống và các cây cỏ. Vì sao? (Như kinh trên)... IX. KINH ĂN PHI THỜI (Vỉkãỉabhojanasutta) (S V. 470) 1149. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ ăn phi thời; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ ăn phi thời. Vì sao? (Như kinh trên)... X. KINH HƯƠNG LIỆU (Gandhavilepanasutta) (S. V. 470) 1150. (Nhưkinh trên)... -Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ các vòng hoa, hương lieu, phấn sáp, các đồ trang sức để mang, để đeo; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, các đồ trang sức đê mang, đê đeo. Vì sao? (Như kinh trên)...

IX. PHẨM LỦA GẠO SỐNG LƯỢC THUYẾT THỨ BA (TATIY4ẴMAKADHANNAPEYYẴLAVĂGGA)

I. KINH MÚA HÁT (Naccagĩtasutta) (S V. 471) 1151. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ đi xem múa? hát, nhạc, diễn kịch; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ đi xem múa, hát? nhạc, diễn kịch. (Như kinh trên)... IL KINH GIƯỜNG CAO (ưccãsayanasutía) (S. V.471) 1152. (Như kinh trên).., Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ các giường cao, các giường lớn; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ các giường cao, các giường lớn. (Như kinh trên)... IIL KINH VÀNG BẠC ựãtarũparaịatasutta) (5. V. 471) 1153. (Như kinh trên)... Cũng vậy? này các Tỷ-kheo? hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận vàng và bạc; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận vàng và bạc. (Như kinh trên)... IV. KINH LÚA GẠO SỐNG (Ẵmakadhannasutta) (5. V.471) 1154. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận các lúa gạo sống; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận các lúa gạo sống. (Như kinh trên)... V. KINH THỊT SỐNG (Ẵmakamamsasutta) (S V.471) 1155. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận các thịt sông; còn nhiêu hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận các thịt sông. (Như kinh trên)...

VI. KINH CON GÁI (Kumãríkasutta) (5. V.471) 1156. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận đàn bà? con gái; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận đàn bà, con gái. (Như kinh trên)... VII. KINH NỮ TỲ

(Dãsidãsasutta) (S V. 472) 1157. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận lấy các nô tỳ nữ, nô tỳ nam; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận các nô tỳ nữ, nô tỳ nam. (Như kinh trên)... VIII. KINH DÊ, DÊ RỪNG (Ajefakasutta) (S. V. 472) 1158. (Như kinh trên)... Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận dê và dê rừng; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận dê và dê rừng. (Như kinh trên)... IX. KINH GÀ, HEO (KukkuIasũkarasuttd) (S V. 472) 1159. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận gà, heo; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận gà và heo. (Như kinh trên)... X. KINH VOI, TRÂU, BÒ, LỪA (Hatthigavassasutta) (5. V. 472) 1160. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo9 ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận voi, bò, ngựa, ngựa cái; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận voi, bò5 ngựa, ngựa cái. (Như kinh trên)...

X. PHẨM CHỦNG SANH NHIỀU HƠN (CATUTTHAÃMAKADHANNAPEYYÂLAK4GGA)

I. KINH RUỘNG ĐẤT (Khettavatthusutta) (S V. 473) 1161. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận lấy ruộng đất; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận lấy ruộng đất. (Như kinh trên)... II. KINH MUA BÁN (Kayavikkayasutta) (5. V. 473) 1162. (Như kinh trên)... -Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ mua bán; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ mua bán. (Như kinh trên)... III. KINH ĐƯA TIN TỨC (Dũteyyasutta) (S. V. 473) 1163. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ không phái người môi giới hay tự mình không làm môi giới; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ phái người làm môi giới5 hay tự mình làm môi giới. (Như kinh trên)... IV KINH CÂN LƯỜNG (TulãkữIasutta) (5. V. 473) 1164. (Như kinh trên)... Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc, đo lường; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ các sự gian lận bằng cân5 tiền bạc, đo lường. (Như kinh trên)... V. KINH HỐI Lộ (Ukkotanasutta) (S. V. 473) 1165. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ hối lộ5 gian trá,

lừa đảo; còn nhiêu hơn là các chúng sanh không từ bỏ hôi lộ5 gian trá, lừa đảo. (Như kinh trên)...

VI-XL KINH CHẶT PHÁ (Chedanãdisuttay9 (S. V. 473) 1166-1171. (Như kinh trên)... Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ làm thương tôn9 sát hại5 câu thúc, bức đoạt, trộm cap, cướp phá; còn nhiêu hơn là các chúng sanh không từ bỏ làm thương tôn, sát hại, câu thúc, bức đoạt9 trộm căp, cướp phá. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì không thấy Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt. Do vậy, này các Tỷ-kheo5 một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Dây là khổ?9 ... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Bây là con đường đưa đến khổ diệt.,,

19 Bản tiếng Anh của PTS: Flogging, Plundering and Violence, nghĩa là Sát hại, trộm cắp và cướp phả.

1334 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

XI. PHẨM NĂM SANH THỦ (R4NCAGATIPEYYÃLAVAGGA)

I. KINH NGƯỜI [TÁI SINH] XUỐNG ĐỊA NGỤC (Manussacutinirayasutta)2() (S V. 474) 1172. Rồi Thế Tôn lấy lên một ít đất trên đầu móng tay và bảo các Tỷ-kheo: Y Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo9 cái nào là nhiều hơn, một ít đất Ta lấy trên đầu móng tay, hay quả đất lớn này? Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là quả đất. Và ít hơn là một ít đất mà Thế Tôn lấy trên đầu móng tay. Chúng không thể ước tính được, không thể SO sánh được, không thê thành một phân nhỏ được, nêu đem so sánh quả đất lớn _ / * ___ fl _ Ji. Ạ 4 ___ \ ____ 1 _ _ A_____ với một ít đất ma The
Ton lay tren aau mong tay. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người được tái sanh làm người lại; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người phải tái sanh trong địa ngục. (Như kinh trên)... II. KINH NGƯỜI XUỐNG BÀNG SANH (Manussacutitừacchãnasutta) (S V. 474) 1173. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người được tái sanh làm người lại; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người phải tái sanh trong các loài bàng sanh. (Như kinh trên)... III. KINH NGƯỜI XUỐNG NGẠ QUỶ (Manussacutìpettivisayasutta) (S V. 475) 1174. (Như kinh trên)...
Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người được tái sanh làm người lại; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người phải tái sanh vào cõi ngạ quỷ. (Như kinh trên)...

20 Tên của 30 kinh trong phẩm này trong bản tiếng Anh của PTS đều dịch: The Five Destinies, nghĩa là Năm sanh thủ.

_____ 56. TƯƠNG ƯNG sự THẬT 1335

IV-VI. KINH NGƯỜI LÊN CHƯ THIÊN, XUỐNG ĐỊA NGỤC (Manussacutidevanirayãdìsutta) (S. V. 475) 1175-1177. (Như kỉnh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người được tái sanh giữa chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người phải tái sanh vào địa ngục... phải tái sanh vào các loài bàng sanh... phải tái sanh vào cõi ngạ quỷ. (Như kinh trên)... VIMX. KINH CHƯ THIÊN XUỐNG ĐỊA NGỤC (Devacutìnừayãdisutta) (5. V. 475) 11784180. (Như kinh trên)... Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân chư thiên được tái sanh giữa chư thiên. Còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chêt từ thân chư thiên phải tái sanh trong cõi địa ngục... phải tái sanh trong các loài bàng sanh... phải tái sanh trong cõi ngạ quỷ. (Như kinh trên)... X-XII. KINH CHƯ THIÊN XUỐNG LÀM NGƯỜI, ĐỊA NGỤC (Devamanussanữayãdisuttà) (S V. 475) 1181-1183. (Như kinh trên)... —Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân chư thiên được tái sanh làm người; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân chư thiên phải tái sanh trong cõi địa ngục... phải tái sanh trong các loài bàng sanh... phải tái sanh trong cõi ngạ quỷ. (Như kinh trên)...

XIII-XV KINH ĐỊA NGỤC LÊN CÕI NGƯỜI, XUỐNG ĐỊA NGỤC (Nữayamanussanừayãdisutta) (S V. 475) 1184-1186. (Như kinh trên)... Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi địa ngục được tái sanh làm người; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi địa ngục bị tái sanh trong cõi địa ngục... bị tái sanh trong các loài bàng sanh... bị tái sanh trong cõi ngạ quỷ. (Như kinh trên)... XVI-XVIII. KINH ĐỊA NGỤC LÊN CHƯ THIÊN, XUỐNG ĐỊA NGỤC (Nừayadevanirayãdisutta) (S V. 476) 1187-1189. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi địa ngục được tái sanh làm chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi

chết từ cõi địa ngục bị tái sanh trong cõi địa ngục... bị tái sanh trong các loài bàng sanh... bị tái sanh trong cõi ngạ quỷ. (Như kinh trên)... XIX-XXI. KINH BÀNG SANH LÊN CÕI NGƯỜI, XUỐNG ĐỊA NGỤC (Từacchãnamanussanirayãdisuttă) (S. V. 476) 1190-1192. (Như kinh trên)... e Ị' Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chêt từ các loài bàng sanh được tái sanh làm người; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ các loài bàng sanh bị tái sanh trong cõi địa ngục... bị tái sanh trong các loài bàng sanh... bị tái sanh trong cõi ngạ quỷ. (Như kinh trên)... XXIKXXIV KINH BÀNG SANH LÊN CHƯ THIÊN, XUỐNG ĐỊA NGỤC (Từacchãnadevanỉrayãdìsutta) (S V. 476) 1193-1195. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ các loài bàng sanh được tái sanh giữa chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ các loài bàng sanh bị tái sanh trong cõi địa ngục... bị tái sanh trong các loài bàng sanh... bị tái sanh trong cõi ngạ quỷ. (Như kinh trên)... XXV-XXVII. KINH NGẠ QUỶ LÊN CÕI NGƯỜI, XUỐNG ĐỊA NGỤC (Pettimanussanữayãdisutta) (5. V. 476) 1196-1198. (Như kinh trên)... Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng san sau khi chết từ cõi ngạ quỷ được tái sanh làm người; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ bị tái sanh trong cõi địa ngục... bị tái sanh tròng các loài bàng sanh... bị tái sanh trong cõi ngạ quỷ. (Như kinh trên)... XXVIILXXIX. KINH NGẠ QUỶ LÊN CHƯ THIÊN, XUỐNG ĐỊA NGỤC (Pettidevanừayãdisuttà) (S V. 477) 1199. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ được tái sanh làm chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ bị tái sanh cõi địa ngục. 1200. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ được tái sanh làm chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ bị tái sanh trong các loài bàng sanh.

XXX. KINH NGẠ QUỶ LÊN CHƯ THIÊN, XUỐNG NGẠ QUỶ (Pettìdevapettìvisayasutta) (S V. 477) 1201. (Như kinh trên)... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ được tái sanh làm chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ bị tái sanh trong cõi ngạ quỷ. Vì sao? Này các Tỷ-kheo? vì không thấy Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt. Do vậy5 này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ

biết: "Đây là khổ.,, Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tập.99 Một cố gắng cần phải làm rõ biết: '"Đây là khổ diet." Một cố gắng phải làm để rõ biết: "Dây là con đường đưa đến khổ diệt.,,

PHỤ LỤC 1 QUY CÁCH BIÊN TẬP TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN THƯỢNG TỌA BỘ

1. ĐÁNH SÔ THEO VRI Các bản kinh được đánh số lại theo hệ thống VRI nhằm hỗ trợ cho các học giả dễ dàng tra cứu khi đối chiếu các văn bản: Pãli, Anh, Việt hoặc các ngôn 2. NGUỒN THAM KHẢO, ĐỐI CHIẾU HÁN VĂN Nhằm hỗ trợ cho việc nghiên cứu các bản kinh, hoặc các đoạn kinh tương đương giữa bản Pãli và bản Hán, bộ Đại Chánh tãn tu Đại tạng kinh (ĐCT) 3. TÔN TRỌNG ÂM VẬN VÙNG MIỀN VÀ ĐẶC NGỮ CỦA MỘT SỐ DỊCH GIẢ Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một sô dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: "Bản su", “chính niệm,\ "chúng sinh".. đối với các dịch giả miền Bắc; "Bổn su "chánh niệm,\ "chúng sanh”... đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu), Tỳ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ), Tỳ-khưu (đối với bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân), Tỷ-khiêu (đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối với các dịch giả Bấc truyền), Níp-bàn (đối với một số dịch giả Nam truyền). 4k CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM Ẩn bản lần này vẫn giữ nguyên văn từ, văn khí, văn mạch của dịch gi,chỉ hiệu chỉnh chính tả5 dấu chấm câu; đồng thời chuẩn hóa quy cách viết hoa, viết thường, in nghiêng, cách sử dụng số từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm, dịch nghĩa. 4.1. Thuật ngữ, giai vĩ, giới phẩm, địa vị, chức vụ 4.1.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái nỉệm9 học thuyết * Viết thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiền não, nghiệp báo, tâm, tâm sở? năm uẩn, năm thủ uẩn? năm triền cái? mười phiền não, v.v...

* Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết Vô nhân luận? thuyết Luân hồi tịnh hóa5 v:v... 4.1.2. Các khái niệm, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành tố. Ví dụ: tâm (cittdẹ ý (mana). thức (yiĩĩnãna). Tăng-già-lê (Sarìghãtí), v.v... 4.1.3. Các thuật ngữ phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tô và giữa chúĩiệ có gạch nôi. Ví dụ: na-do-tha5 do-tuân, yêt-ma? thiền-na, đàn-việt9 dàn-tín, kiết-gi v.v... 4.1.4. Các từ chỉ quả vị, giai vị, địa vị, chức vụ, học vị: Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác, Nhất lai5 Thiền thứ hai, Tôn giả5 Hiền giả5 Thiền su, Pháp sư5 Hòa thượng, Thượng tọa5 Đại đức, Sư c6, Trụ tri, Giáo sư, v.v... Nếu các từ được phiên âm từ tiếng nước ngoài thì giữa các thành tố có gạch nối. Ví dụ: Tu-đà-hoàn? Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Vô dưNiết-bSn, v.v... 4.1.5. Đại từ chỉ đức Phát, Bồ-tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: “Này các Tỷ-kheo, Ta nhắc các ông rang../9 4.1.6. Viết hoa các đức hiệu của Phật. Ví dụ: Như Lai, ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ,. 4.2. Danh từ riêng 4.2.1. Nhân danh, địa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa danh, địa vực, địa dư, địa chính trị, phương vị. Các từ chỉ loại hình địa danh thì viết thường. Ví dụ: Đại sư Trí Quang, thành phố Lạc Dương, vùng đất Giao Châu, châu Au, miền Tây Nam, hướng Đông Bắc, phía Bắc. 4.2.2. Nhân danh, địa danh và tên một số cây, loài hoa. chim quý đặc biệt được phiên âm từ

tiêng nước n^oài: Viêt hoa thành tô đâu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Phật Thích-ca, Bo-tat Di-lặc, Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, thành Xá-vệ9 nước Ma-kiệt-đà, cội Bồ-đề, Sa-la song thọ5 cây Chiên-đàn5 hoa Mạn-thù-sa5 chim Ca-lăng-tần-già5... 4.2.3 Nhân danh, địa danh do phiên âm hoặc dịch nghĩa được đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau nhân danh, địa danh có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài. Ví dụ: Khi đêm đã gần mãn? Pancasikha (Ngũ Kế) thuộc gandhabba (càn-thát-bà) đến thăm đức Phật tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm)? vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). 4.2.4. Các danh từ phiên âm bị tỉnh lược “tiếp đầu ngũ*” được viết lại chuẩn mực để không bị phản nghĩa hoặc sai nghĩa (ngoại trừ làm thuận vần trong thi kệ). Ví dụ: "Di-dà" sửa thành “A-di-d 4.3. Mạo từ tôn xưng Viết thường các mạo từ tôn xưng như "dức”"bậc,\ "dấng”thường

đứng trước hồng danh Phật và Bồ-tát. Ví dụ: đức Phật? đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Vượt Bờ, bậc Chiến Thắng, bậc Thiện Thệ, bậc Nhất Lai, bậc Vô Sanh, bậc Đã Thấy Đã Biết. 4.4. Tựa kỉnh và tựa tác phẩm 4.4.1. Tựa kinh trong một bộ: Viết hoa chữ đầu và in nghiêng. Ví dụ: Kỉnh Căn bản pháp mônf Kinh Du hành. 4.4.2. Tác phâm: Viêt hoa chữ đâu và danh từ riêng, đông thời in nghiêng. Ví dụ: Kỉnh Trường bộ, Kinh Dược Sư, Kinh A-di-đàf Luận Duy thức tam thập tụng, Đức Phật và Phật pháp, An Nam chí lược, 4.4.3. Tác phẩm tiếng nước ngoài: Viết hoa các thực từ (danh từ, tính từ, động từ) và viêt thường các hư từ (mạo từ, giới từ, liên từ). Ví dụ: The Buddha and His Teachings, Buddhist Psychological Ethics (A Translation of the Dhammasangani). 4.5. Pháp số Phật học 4.5.1. Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhị đê5 tam độc5 tứ sinh, ngũ uân, lục can, that bảo5 bát công đức thủy, cửu thiên, thập pháp giới. 4.5.2. Viết hoa từ đầu đối với các thuật ngữ quan trọng hoặc là lộ trình tu tập mà bài kinh đó đang nhấn mạnh. Ví dụ: - Hiền giả, có phải Giới thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn? (Trích Kỉnh Trạm xe (số 24) thuộc Kinh Trung bộ). 5. CÁCH VIẾT CHỮ VÀ SỐ TRONG VĂN BẢN 5.1. Viết bằng chữ các số trong chánh văn. Ví dụ: Tám thắng xứ5 mười ba già-nạn? một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo. 5.2. Viết bằng số ờ cước chú và trong các bài Dần luận. Ví dụ: Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tấn, niệm, định? tuệ) được thanh tịnh theo 3 cách. 5.3. Áp dụng số Ả-rập đối với ngày5 tháng, năm sinh, năm mất của người và giữa ngày, tháng, năm có gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963. 5.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (1897-1963). 5.5. Tỉnh lược phần trùng lặp đầu đối với các con số chỉ khoảng thời gian trong cùng một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932, mà viết 1930-32. 5.6. Tỉnh lược số trang trong cước chú -Trang 254-256 được viết là 254-56. -M.ỉ. 276-278 được viết là M. I. 276-78.

6. CÁCH CHÚ THÍCH 6.1. Chú thích theo ấn băn Pãli của PTS -s. I. 70. Nghĩa là Samyutta Nỉkãya, tập L trang 70. -s. 56.25: 1. Nghĩa là Samyutta Nikãya, nhóm 56, kinh 25, đoạn 1. -Dh. 10. Nghĩa là Dhammapada. trang 10. -Sn. 140. Nghĩa là Suttanipãta, trang 140. -Thag. 10. Nghĩa là Theragãthã, trang 10. -J. I. 389. Nghĩa là Jataka, tập I, trang 389. -DA. I. 41-2. Nghĩa là Dĩgha Nikãya Atthakathã, tập I, trang 41 đến 42. -UdA. 217. Nghĩa là

Udãna Atthakathã, trang 217. -Vin. II. 287. Nghĩa là Vỉnaya. tập II, trang 287. -Vbh. 351. Nghĩa là Vìbhanga, trang 351. -Kvu. 401. Nghĩa là Kathãvatthu, trang 401. 6.2. Chú thích theo ấn bản tiếng Anh Tât cả các ân bản tiêng Anh được ghi trong Thánh điên Phật giáo Thượng Tọa bộ đều do PTS xuất bản. -GS. II. 42. Nghĩa là The Book of the Gradual Sayings, vol. II, translated by E L. Woodward, London: PTS, 19§3, p. 42. -PC. 338, n. 1. Nghĩa là Points of Controversy (A Translation of the KathãvatthuỴ London: PTS, 1915, p. 338, note 1. 6.3. Chú thích tên kỉnh theo ấn bản Pãli và tiếng Việt -D. 22, Mahãsatipatthãna Sutta (Kinh Đại niệm xứ), -M. 60, Apannaka Sutta (Kinh Không gì chuyển hướng). 6.4. Trật tư của chú thích trong kỉnh có nguồn gốc Pãli được viết như sau: Pãli (viết tẩt là P), Sanskrit (viết tắt là S), Hán (viết tắt là H), Anh (viết tắt là E.). Ví dụ: Quang Âm thiên (P. Ãbhassara; s. Ãbhãsvara; H.E. The Radian gods). 6.5. Chú thích theo Hán văn 6.5.1. Tên ỉdnh biệt dịch được nêu ra trước -Phạm võng lục thập nhị kiến kinh (roi. 0021. 0264a20). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 01; 0021 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0264, cột a, dòng thứ 20. -Phật thuyết Nguyệt dụ kinh (7.02. 0121. 0544b 12). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0121 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0544, cột b? dòng thứ 12.

6.5.2. Tên kỉnh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ Trường A-hàm kinh và Trung A-hàm kinh. -Phạm động kỉnh (TOI. 0001.21. 0088bl2). Nghĩa là kinh này thuộc DCT, tập 01; 0001 là số hiệu của bộ Trường A-hàm kỉnh. 21 là số thứ tự của kinh trong bộ Trường A-hàm kinh; trang 0088, cột b, dòng thứ 12. -Cầu pháp kinh (roi. 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 01; 0026 là số hiệu của bộ Trung A-hàm kinh. 88 là số thứ tự của kinh trong bộ Trung A-hàm kinh; trang 0569, cột c, dòng thứ 23. 6.5.3. Tên bộ kỉnh được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ TạpA-hàmf Biệt dịch TạpA-hàmf Tăng nhất A-hàm, vì nội dung kinh chỉ đề cập đến số thứ tự, không có tựa đề kinh. -Tạp.(r02. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0099 là số hiệu của bộ Tạp A-hàm kỉnh. 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ Tạp A-hàm kinh; trang 0299, cột c? dòng thứ 06. -Biệt Tạp,(T.02. 0100.111. 0414al8). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0100 là số hiệu của bộ Biệt dịch Tạp A-hàm kỉnh, 111 là số thứ tự của kinh trong bộ Biệt dịch Tạp A-hàm kinh; trang 0414, cột a, dòng thứ 18. -3 (AU5. 0006.28.1. 0354a05). Nghĩa là kinh này thuộc Nam truyền DCT, tập 15; 0006 là số hiệu của Kinh Tương ưng bộ tập III, nhóm 28, kinh số 1; trang 0345, cột a, dòng thứ 05. 6.5.4. Tên kỉnh và phẩm được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như Pháp củ kinh hoặc các bộ kinh Đại thừa. -Pháp cú kinh. Nê-hoàn phẩm (7.04. 0210.36. 0573a23). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 04; 0210 là số hiệu của Pháp củ kinh. Nê-hoànphẩm thứ 36; trang 0573, cột a, dòng thứ 23. 6.5.5. Tên bộ luận được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ luận. -A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận (7.26. 1536.12. 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc DCT, tập 26; 1536 là số hiệu của A-tỷ-đạt-ma Tập dị môn túc luận, phẩm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22 6.5.6. Chú thích hai kỉnh liên tiếp và chi tiết hóa số dòng -Tăng.(7.02. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 02; 0125 là số hiệu của Tăng nhất A-hàm kinh. 11 là số thứ tự của Bất đãi phẩm, số 7-8 là kinh số

7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức là từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến trang 0567, cột a9 dòng 4.

1344 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ

-Tạp.(ro?. 0099910. 0002a02-al2). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ Tạp A-hàm kinh, 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10; 0002a02-al2 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12. 7. NHUẬN SẮC VÀ HIỆU CHỈNH Bộ phận dò Thánh tạng nhuận săc và bô túc thêm một sô từ, ngữ, đoạn vào chánh văn do đánh máy bị thiếu, sót, nhầm. Các từ, ngữ, đoạn được bổ túc y theo cách dịch của chính dịch giả đã sử dụng trong dịch phẩm. Nhiều chú thích vốn được dịch từ bản dịch tiếng Anh do các dịch giả PTS thực hiện được hiệu chỉnh cho đầy đủ, đồng thời cũng có bổ sung thêm nguồn tham khảo chữ Hán từ Đại Chánh tạng. Trong mỗi bộ đều có tài liệu tham khảo ở phần Phụ lục, nhằm giúp các nhà nghiên cứu xác định được nguồn tham chiếu của các cước chú.

PHỤ LỤC 2 TÀI LIỆU THAM KHẢO PÃLI & TIẾNG ANH (Được sử dụng trong các chú thích của bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ)

A. NGUYÊN BẢN PÃLI Anguttara Nikãya, 6 vols., ed. by Morris, RHardy, EHunt, M. and Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1885-1910). Anguttara Nikãya Atthakatha (Manoratíhapũranĩ). 5 vols., ed. by Walleser, M. and Kopp, H. (London: PTS, 1924, etc.). Apadãna. 2 vols., ed. by Lilley, M. E. (London: PTS? 1925-1927). Apadãna Atthakatha (Visuddhajanavilasini). ed. by Godakumbura, c. E. (London: PTS, 1954). Buddhavarnsa, ed. by Jayawickrama, N A. (London: PTS, 1974). Buddhavamsa Atthakatha. ed. by Homer, I B. (London: PTS, 1946). Cariyapitaka. ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974). Cariyapitaka Atthakatha, ed. by Barua, D. L. (London: PTS, 1939). Cũlaniddesa. ed. by Stede9 w. (London: PTS, 1918). Culavarnsa, ed. by Geiger, w. (London: PTS, 1925-1927). Dhammapada. ed. by Sumangala, Venerable Suriyagoda. (London: PTS, 1914). Dhammapada Atthakatha. 5 vols., ed. by Smith, H., Norman, H. Cand Tailang, L. s. (London: PTS5 1906. etc.). Dhammasangam, ed. by Muller, E. (London: PTS? 1985). Dhammasangani Commentary, ed. by Muller, E. (London: PTS, 1985). Dĩgha Nikãya. 3 vols., ed. by Rhys Davids, T. w. and Carpenter, J. E. (London: PTS? 1889-1910). Dĩgha Nikãẏa Atthakathã (Sumangalaviỉãsìnĩ), 3 vols., ed. by Rhys David, T. w. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1929-1932). Dipavamsa, ed. and tr. by Oldenberg, H. (London: Williams and Norgate, 1879). Mahavarnsa, ed. Geiger, w. (London: PTS? 1908). Mahavarnsa. Extended, ed. Malalasekera, G. P.(London: PTS? 1937).

1346 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ

Itỉvuttaka. ed. by Windisch, E. (London: PTS, 1889). Itivuttaka Atthakatha. 2 vols., ed. by Bose, M. M. (London: PTS, 1934-1936). Jataka, 7 vols., ed. by Fausboll, V. (London: PTS, 1877-1896). Kathãvatthu, 2 vols., ed. by Taylor, A. c. (London: PTS, 1894-1897). Kathãvatthu Atthakatha, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS? 1979). Khuddakapatha, ed. by Smith, H. (London: PTS? 1915). Majjhima Nỉkãya, 3 vols., ed. by

Trenckner, V. (London: PTS, 1888-1899). Majjhima Nỉkãya Atthakathã (Papancasũdanĩ). 5 vols., ed. by Woods, J. H, Kosambi, Dand Homer, I. B. (London: PTS, 1922-1838). Mahãnỉddesa. 2 vols., ed. by Poussin, L. De La Vallee and Thomas, E. J. (London: PTS, 1916-1917). Milindapanha - Milinda Tika. ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1880). Nettipakarana, ed. by Hardy, E. (London: PTS? 1902). Niddesa Tikã (Saddhammapcyjotika). 3 vols., ed. by Buddhadatta, Mahãthera A.p. (London: PTS, 1939-1940). Patisambhidamagga. 2 vols.9 ed. by Taylor, A. c. (London: PTS, 1905-1907). PatisambhidamagQa Atthakatha (Saddhammappakãsinĩ). 3 vols., ed. by Joshi, c v (London: PTS, 1933-1947), - Patthana, ed. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1908). Petavatthu. ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886). Vỉmãnavatthu. ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS? 1886). Puggalapannatti, ed. by Moriss, R. (London: PTS, 1883). PTS, 1914) ed. by Landsberg, .(London:Atthakatha, Pug^alapanfiatti 8 G. and Mrs. Rhys Davids, c.

Samyutta Nikãya. 5 vols. and index, ed. by Peer, L. and Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1884-1904). SamyUtta Nikãya Atthakathã (Sãrattappakãsỉnĩ). 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1929-1937). Suttanipãta, ed. by Andersen, D. and Smith, H. (London: PTS, 1913). Suttanipãta Atthakatha (Paramatthqjotika II), 3 vols., ed. by Smith. H. (London: PTS, 1916-1918). Theragãthã - Therĩgãthã. ed. by Oldenberg. H,and Pischel. R. (London: PTS, 1883). Theragãthã Atthakatha (Paramatthajotika V), 3 vols.? ed. by Woodward, F. L. (London: PTS5 1940-1959).

Therĩgãthã Atthakathã (Paramatthajotika VI), ed. by Muller. E. (London: PTS, 1893)* Udãna, ed. by Steinthal, p. (London: PTS, 1885). Udãna Atthakathã. ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1926). Vinaya Pitaka. 5 vols., ed. by Oldenberg, H. (London: PTS, 1879-1883). Vibhanga, ed. by Rhys David, c. A. F. (London: PTS, 1904). Vibhanga Atthakatha. ed. by Buddhadatta, MahãtheraA. p. (London: PTS, 1923). B. BẢN DỊCH TIẾNG ANH A Buddhist Manual of Psychological Ethics, tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1900). Compendium of Philosophy (The Summary of the Topics of Abhidhamma and Exposition of the Topics of Abhidhamma), tr. by Aung. s. z. and Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS? 1910). Dialogues ofthe Buddha, tr. by Rhys Davids, T. W,and Mrs. Rhys Davids, C A. F. (London: PTS, 1899). Dỉvyãvadãna. ed. Cowell, E. B. and Neil, R.A. (Cambridge: The University Press, 1886). Points of Controversy (A Translation of the KathãvatthuỴ tr. by Aung. s. z. and Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1915). Psalms of the Early Buddhists I - Psalms of the Sisters (A Translation of the Therĩgãthã). tr. by Mrs. Rhys Davids c. A. F. (London: PTS, 1909). Psalms of the Early Buddhists II - Psalms of the Brethen (A Translation of the Theragãthã). tr. by Mrs. Rhys Davids c. A. F. (London: PTS, 1913). The Book of the Discipline (A Translation of the Greater Part of the Vinaya Pitaka), tr. by Homer, I. B. (London: PTS, 1881). The Book of the Kindred Sayings. 5 vols., tr. by Mrs Rhys Davids c. A. F. and Woodward, F. L. (London: PTS, 1917-1930). The Book of the Gradual Sayings. 5 vols., tr. by Woodward, F. L. and Hare, E. M. (London: PTS, 1932-1936). The Collection of

the Middle Length Sayings. 3 vols., tr. Homer, I. B. (London: PTS, 1954-1959). The Jataka or Stories of the Buddha s Former Births (A Translation of the Jataka). 6 vols. and Index, tr. by Cowell, E. B,Chalmers, R,Rouse, w. H. D.and Francis, H. T. (London: PTS, 1895-1913). The Path ofPurity. 3 vols.? tr. by Pe, Maung Tin (London: PTS, 1922-31). The Questions of King Milinda, tr. by Rhys Davids, T. w. (Oxford: The Clarendon Press, 1890).

c. SÁCH VÀ TẠP CHÍ TIẾNG ANH

Mrs. Rhys Davids, c. A. F.A Manual of Buddhism (London: Sheldon Press, 1932).
Mrs. Rhys Davids, c. A. F., Buddhism: A Study of the Buddhist Norm (London: PTS, 19 .
Rhys Davids, T. w., American Lectures on Buddhism (New York: GP Putnam, 1896).
Mrs. Rhys Davids, c. A. FBuddhism (London: PTS, 1912).
Warren, Henry Clarke, Buddhism in Translations (Cambridge Massachusetts: Hardvard University, 1922).
Rhys Davids, T. WBuddhist Birth Stories, Triibner's Oriental Series (London: Triibner and Co.5 1880).
Rhys Davids, T. WBuddhist India. Stories of the Nations (New York: GP Putnam, 1903).
Journal of the Pali Text Society (London: PTS, 1882, etc.).
Journal of the Royal Asiatic Society (London: Cambridge University Press, 1824).
Geiger, Wilhelm, Pali Literature und Sprache (Strassburg: Karl J. Trubner, 1916).

D. TỪĐIỂN

Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary, by Edgerton, Franklin (Connecticut: Yale University, 1953).
Dictionary of the Pali Language, by Childers, R. c. (London: PTS, 1874).
A Critical Pali Dictionary, ed. Trenckner, Vilhelm and Chalmers, Robert (Copenhagen Commissioner: Munksgaard, 1924).
Dictionary of Pali Proper Names. 2 vols., by Malalasekera, G. p. (London: John Murray, 1937-1938).
Encyclopaedia ofBuddhism. 6 vols., ed. by Malalasekera, G. p, Buswell, R. E, Weeraratne. W.G. and others (Government of Ceylon, 1961-1999).
Encyclopedia ofReligion and Ethics, ed. by Hastings, James (Edinburgh: T&T Clark, 1908-1927).
English-Pali Dictionary, ed. by Buddhadatta, Mahãthera A. p. (Ceylon: Colombo

Apothecaries, 1955).

Pali-English Dictionary, ed. by Rhys Davids, T.w. and Stede, William (London: PTS? 1921-1925).

SÁCH DÀN A abbhakkhāti 956 Addhabhūtasutta 734 abbhaññāsim 414 addhānañca āpādentī 803 Abbhavalāhakasutta 705 Addhānapariññāsutta 1242 Ābhāya 1091 ādhipateyyena 1273 Abhayasutta 1091 adhippāyā 1250 Abhibhuyyasutta 893 adhippayāso 1081 ābhicetasikānam 500 adhivāseti 777 abhiharanti 352 Ādiccasutta 1075 Abhijānasutta 531 adīnamānasa 1054 abhijānissanti 330 Adinnādānasutta 1328 Abhinandamānasutta 568 Ādittapariyāyasutta 842 Abhinandanasutta 534 Ādittasutta 38, 565, 734 Abhinandasutta 417 Adukkhamasukhīsutta 675, 677, 679 Abhinīhāramūlakasakkaccasuttāditika 716 Āgantukasutta 1037 Abhinivesasutta 650 Agārasutta 876 abhiññā 731, 1197 agarum karitvā 793 Abhiññā 1040 Aggikasutta 195 Abhiññāpariññāpahānasutta 731 Aggisutta 1083 abhiññāpariññeyya 740 Aghamūlasutta 535 abhiññeyyā 740 Āhārasutta 297, 1077 abhippavuttha 1037 Āhārepatikūlasutta 1096 abhirati 902 Ahimsakasutta 192 abhisamito 1065 Ahirikamūlakasutta 408 abhisitto 512 Ajajjarasutta 971 Abhūtasutta 972 Ajarasāsutta 46 abyagganimittam 1049 Ajelakasutta 1331 Abyāpajjhasutta 972 Ajita Kesakambalī 89 abyāpannacetasa 1054 ajjhaparam 1159 ācāra 1054 ajjhārūlhā 1070 ācāragocarasampanna 1136 Ajjhattaaniccachandasutta 829 Acarimsutta 415 Ajjhattaaniccanandikkhayasutta 825 Accayasutta 285 Ajjhattaaniccarāgasutta 829 Accentisutta 4 Ajjhattadukkhahetusutta 817 Accharāsutta 21, 40 Ajjhattadukkhasutta 722 Acchariyam 972 Ajjhattadukkhātītānāgatasutta 723 Acelakassapasutta 302, 928 Ajjhattānāgatāniccasutta 831 Acirapakkantasutta 470 Ajjhattānāgatayadaniccasutta 833 Aciravatī 386, 1025, 1026, 1027, 1028, 1029, Ajjhattanandikkhayasutta 825 1098, 1100, 1281, 1321, 1322 Ajjhattānattahetusutta 817 Adaliddasutta 1075 Ajjhattānattasutta 722 Adantaaguttasutta 770 Ajjhattānattātītānāgatasutta 724 Addakaranasutta 95 Ajjhattāniccahetusutta 817

1350 KINH TƯƠNG ƯNG Bô

Ajjhattāniccasutta 721 687, 688, 689, 749, 759, 760, 792, 793, Ajjhattāniccātītānāgatasutta 723 794, 795, 796, 805, 841, 876, 877, 879, Ajjhattapaccuppannāniccasutta 831 880, 881, 992, 997, 998, 999, 1007, 1008, Ajjhattapaccuppannayadaniccasutta 833 1111, 1112, 1113, 1114, 1117, 1118, 1119, Ajjhattasutta 647 1125, 1126, 1128, 1129, 1158, 1160,1192, Ajjhattātītādianattasutta 831 1193,1200,1201,1206,1207,1208,1234, Ajjhattātītādidukkhasutta 831 1235,1236,1239,1240,1241,1246,1253, Ajjhattātītādiyadanattasutta 833 1254,1255,1257,1268,1269,1270,1271, Ajjhattātītāniccasutta 831 1317, 1318 Ajjhattātītayadaniccasutta 832 Ānandasutta 220, 234, 529, 540, 591,651,992 Ajjhattāyatanaanattasutta 834 Ānandattherasutta 1257 Ajjhattāyatanaaniccasutta 834 anañňathāni 1302 Ajjhattāyatanadukkhasutta 834 Anantavāsutta 671 Ajjhattikañgasutta 1075 Ananussutasutta 1130 Ajjhattikāyatanaparijānanasutta 787 Ānāpānasutta 1095 Ajjhattikāyatanasutta 1299 anapekkho 525,1119 ajjhosāna 1065

Anāsavādisutta 971 ākāraparivitakka 822 Anatasutta 971 ākāraparivitakkā 371 Anāthapindika 3,9,22,23,28, 30, 31, 38, 59, 72, Ākāsānañcāyatanapañhāsutta 907 73, 74, 89, 128, 131, 133, 153, 167, 169, Ākāsānañcāyatanasutta 688 220, 222, 225, 230, 246, 248, 250, 251, Ākāsasutta 1036 257, 286, 289, 297, 338, 347, 357, 373, akhārikehi 1109 381, 385, 414, 421, 449, 455, 457, 473, Ākiñcaññāyatanapañhāsutta 908 489, 493, 497, 498, 499, 520, 529, 567, Ākiñcaññāyatanasutta 689 594, 687, 691, 707, 721, 797, 798, 905, Akkodhanasutta 892 909, 975, 997, 1052, 1104, 1213, 1219, Akkodhasutta 286 1246,1249,1257,1260,1268,1269,1270, Akkosasutta 188 1271, 1284, 1285, 1340 Akusaladhammasutta 1010 Anāthapindikasutta 72 Akusalarāsisutta 1106 Anaticārīsutta 892 Akusalavitakkasutta 238 anattā 662, 740 Ālavakasutta 252 Anattachandādisutta 829 Ālavikāsutta 153 anattādhamma 662 ālokasaññā 1204 Anattadhammasutta 659 Amaccharīsutta 892 Anattalakkhanasutta 562 Āmakadhaññasutta 1330 Anattanibbānasappāyasutta 820 Āmakamamsasutta 1330 Anattānupassīsutta 646 Āmalaka 1309 Anattasutta 526, 570, 645, 659, 1096 Amatasutta 972, 1134 Andajadānūpakārasuttadasaka 693, 696 amatena 512 Andhā 122 153, 154, 155, 157, 158, 159, 160, Ambapālisutta 1103 161,799, 1218 Ambapālivanasutta 1218 Andhakārasutta 1318 Ambātaka 915,916,918, 920, 921, 922, 923 Andhakavindasutta 181 Anabhiratisutta 1096 Añga 1163 Anāgāmiphalasutta 1288 Añgasutta 893, 1283 Anālayasutta 972 aniccā 662, 740 Ānanda 73, 82, 83, 108, 185, 186, 214, 220, aniccadhamma 662 221, 234,313,314,315,316,317, 355 Aniccadhammasutta 658 356, 366 371, 373, 374, 403, 442, 449, Aniccādisuttanavaka 740 450, 451, 452, 468, 498, 529, 540, 541 Aniccanibbānasappāyasutta 820 542, 583, 584, 591, 611, 612, 613, 651, Aniccānupassīsutta 646

Aniccasaññāsutta 628 Āpanasutta 1163 Aniccasutta 526, 546, 569, 645, 658, 872, 1096 apārā pāram gamanāya 1015 Anidassanasutta 971 Apārasutta 1189 anikkhittadhuro 1144 Aparihāniyasutta 1062 Animittapañhāsutta 909 apariyonaddhena 1195 animitto cetosamādhi 909 apasādetvā 978 Anissukīsutta 892 apatthaddhā 1107 Ānisutta 492 āpatti 851 Anītikadhammasutta 972 appadakkhinaggāhino 442 Anītikasutta 972 appagabbha 437 Añjana 70, 1053, 1160 appakasirena 1037 Aññā Kondañña 227, 1298 Appakasutta 95 Aññamjīvamaññamsarīramsutta 671 Appamādasutta 107 Annasutta 39 Appamattapaññāsutta 1289 Aññāsutta 1131 Appassutamūlakasutta 409 Aññatarabhikkhusutta 538, 884 Appassutasutta 891 Aññatarabrāhmanasutta 343, 1127 appatitthitacitta 1054 Aññatarabrahmasutta 172 appativānī 1309 Aññataraphalasutta 1094 Appatividitasutta 6 Aññatitthiyasutta 312 Āraddhavīriyasutta 892 Aññatrasutta 1325 āraddhavīriyo 499 Aññindriyasutta 1149 āraddho 1014 Anomasutta 40 ārādhaka 1011 Anottappamūlakasutta 409 Arahantasutta 18, 575, 632, 656,1150,1153, 1305 Anottappīsutta 436 Arahattapañhāsutta 897 Antarāparinibbāyī 1051, 1147 Arahattaphalasutta 1288 Antasutta 630 ārambhadhātu 1049 Antavāsutta 671 Ārammanamūlakagocarasuttādipañcaka 716 Antevāsikasutta 821 Aranasutta 57 anudhamma 646 Arani 1155 Anudhammasutta 542 Araññasutta 8 anuggāhako 514 Araññāyatanaisisutta 269 anupādā 323 Aratisutta 218 Anupādāparinibbānasutta 1017

Arittha 1229, 1230 Anupakkilesasutta 1068 Aritthasutta 1229 Anupanāhīsutta 892 Ariyasāvakasutta 345 ANURĀDHA 599, 978 Ariyasutta 1060, 1121, 1189 Anurādhasutta 599, 978 Arunavatīsutta 183 Anuruddha 172, 173, 185, 186, 234, 235, 248, arunugga 1018 403, 442, 890, 891, 892, 1127, 1128, 1213, Arūpīattāsutta 674 1214, 1215, 1216, 1217, 1218, 1219 asallīnam 1050 Anuruddhasutta 234 Asamāhitasutta 411 Anusayapahānasutta 742 Asanisutta 460 Anusayasamugghātasutta 742, 1241 Asañkhāraparinibbāyī 1051, 1147 Anusayasutta 479, 1043, 1171 asañkhata 965 anuseti 335, 538, 868 Asañkhatasutta 968 anussarati 1050 asapatti 895 anvāvitthā 136 asappuriso 110 Apagatasutta 479 Asassatadittḥisutta 671 Apalokitasutta 971 Āsavakkhayasutta 1148, 1171, 1221, 1242, 1305 Āpana 1163 Āsavapahānasutta 742

1352 KINH TƯƠNG ƯNG Bô

Āsavapañhāsutta 900 Attānudittḥipahānasutta 828 Āsavasamugghātasutta 742 Attānudittḥisutta 650 Āsavasutta 1041, 1138 Attarakkhitasutta 94 asecanaka 1234 Atthañgikasutta 413 Asekha 1166 Atthasatasutta 883 āsevanāya 1123 atthavasikena 1310 Asibandhakaputta 937, 938, 940, 943, 944, 945 Atthikamahapphalasutta 1094 Asibandhakaputtasutta 936 atthikasañkhalika 482 Asilomasutta 483 atthim katvā 1070 Asīsakasutta 486 atthimkatvā 1056 Āsīvisopamasutta 845 Atthinukhopariyāyasutta 822 Asokā 1254 Atthirāgasutta 361 Assādasutta 532, 574, 642 Atthisutta 481 Assaddhamūlakasutta 407 Avantī 517,519,919 Assaddhasamsandanasutta 406 Āvarananīvaranasutta 1069 Assajisutta 605 Avassutapariyāyasutta 851 Assārohasutta 936 avatthiti 1165 Assāsaniyehi dhammehi 1286 Āvenikadukkhasutta 889 Assāsappattasutta 899 avijjāgato 1301 Assattha 838 Avijjāpaccayasutta 332 Assusutta 422 Avijj āpahānasutta 741 Assutavāsutta 357 Avijjāpañhāsutta 900 Asubhasutta 1096 Avijjāsutta 634, 997, 1301 asurā 257, 260, 264, 1314 avisaya 731 Asurindakasutta 190 Avitakkasutta 687 Aticārīsutta 891 avitathāni 1302 attabhāvassa 1310 Ayogujasutta 1206 Attadīpasutta 544 Ayonisomanasikārasutta 1062, 1069 Attahatasutta 50 Ayyikāsutta 116

bahiddhā vā cittam vikkhipati 1113 Bāhirātītādiyadanattasutta 834 Bāhiraaniccanandikkhayasutta 826 Bāhirātītādiyadaniccasutta 833 Bāhiradhātunānattasutta 394 Bāhirātītādiyamdukkhasutta 834 Bāhiradukkhachandādisutta 830 Bāhirāyatanaanattasutta 835 Bāhiradukkhahetusutta 818 Bāhirāyatanaaniccasutta 835 Bāhiradukkhasutta 722 Bāhirāyatanadukkhasutta 835 Bāhiradukkhātītānāgatasutta 724 Bāhirāyatanaparijānanasutta 788 Bāhiranandikkhayasutta 825 Bāhiya 766, 1120, 1121 Bāhirānattachandādisutta 830 Bāhiyasutta 766, 1120 Bāhirānattahetusutta 818 Bahudhītarasutta 199 Bāhirānattasutta 723 bahukata 1065 Bāhirānattātītānāgatasutta 725 bahupāyāsā 14 Bāhirañgasutta 1076 Bahutta 453, 1192 Bāhirāniccachandādisutta 830 Bahussutasutta 892 Bāhirāniccahetusutta 817 Bakabrahmasutta 169 Bāhirāniccasutta 722 Balādisutta 1099 Bāhirāniccātītānāgatasutta 724 Balādisuttadvādasaka 1139, 1183 Bāhiraphassanānattasutta 396 Balakaranīyādisuttadvādasaka 1180 Bāhirātītādianattasutta 832 Bālapanditasutta 306 Bāhirātītādianiccasutta 832 Balasutta

966, 1033 Bāhirātītādidukkhasutta 832 Bājhagilānasutta 1218

SÁCH DẪN 1353

BaḶisasutta 457 Bhesakalā 511, 806 BâḶisikopamasutta 837 Bhikkhakasutta 213 Bandhanasutta 50, 98, 635 Bhikkhunupassayasutta 1112 Bārānasī 125, 126, 369, 436, 454, 562, 610,611, Bhikkhusutta 319, 468, 881, 1053, 1104, 1191, 638, 642, 643, 644, 840, 981, 983, 984, 1203, 1207 1285, 1296 Bhindisutta 469 Beluva 1110, lin Bhītāsutta 54 Bhaddā 1007, 1008, 1125, 1126, 1254, 1255 Bhūmijasutta 315 bhaddako 897 Bhūripañññāsutta 1289 Bhaddiya 44, 78, 501, 562, 1282 Bījagāmasutta 1329 Bhaddiyasutta 1282 Bījasutta 552, 1033 Bhadraka 946, 947 Bilañgikasutta 191 Bhaginisutta 430 Bilārasutta 494 Bhāradvāja 432 Bodhāyasutta 1061 Bhāradvājasutta 803 Bojjhañgadesanāsutta 1061 Bhārasutta 530 Bojjhañgasutta 966, 1228 bhattu 1109 Brahmacariyogadhasutta 1244 Bhātusutta 430 Brahmadevasutta 167 bhavaggam 575 Brahmalokasutta 174 Bhāvanāsutta 1132 Brāhmanasutta 1256 bhāvanāya 1123 Brahmañññasutta 1326 bhavanetti 1303 Brahmasutta 1121 Bhavanettisutta 654 Brahmāyācanasutta 163 Bhavapañhāsutta 901 Buddhasutta 1191 bhavarāgānusaya 1043 Buddhavandanāsutta 277 bhavasatta 768 Buddhisutta 1069 Bhavasutta 1041 byādhi 739 bhavatanhā 1038 byañjanā 1301 Bhāvitasutta 1131 byāsiñcati 778

Cakkavattirāj asutta 1243 Celasutta 1309 Cakkavattisutta 1073 cetanā 41, 401 Cakkhusutta 473, 478, 681, 683, 685 Cetanāsutta 335 Cālāsutta 157 Ceti 1306 Candana 68, 913 Cetiyasutta 1192 Candanasutta 68, 913 Cetopariyasutta 1219 Candasutta 933 chandā 400, 401, 645, 654, 859, 1005, 1006 Candimasasutta 67 Chandappahānasutta 632 Candimasutta 65 chandarāga 414, 531, 876 Candūpamasutta 437 Chandarāgasutta 531, 656 Cañkamasutta 402 Chandasamādhisutta 1197 Cāpāla 1192, 1194 Chandasutta 1132 Catucakkasutta 21 chando 1309 Catudhātusutta 414 Channa 611,612, 761,762, 763 Catutthaanudhammasutta 543 Channasutta 610, 761 Catutthajhānapañhāsutta 907 Chaphassāyatanasutta 135 Catutthapubbārāmasutta 1163 Chappānakopamasutta 860 Catuttharukkhasutta 1173 Chatthapācīnaninnasutta 1025 Catutthasāriputtakotthikasutta 984 cha vijjābhāgiye dhamme 1245 Catutthasutasutta 693 Chavisutta 467 Catutthauposathasutta 692 Chedanādisutta 1333

1354 KINH TƯƠNG ƯNG Bô

Chetvāsutta 52, 283 931, 1285 Cintasutta 1294 Cittapātali 1173 Cīrāsutta 252 Cittasutta 49 Ciratthitisutta 1125 Cīvarasutta 451 Ciravāsi 947, 948 Cunda 761, 1058, 1059, 1117, 1118 Citta 465, 515, 915, 916, 917, 918, 919, 920, Cundasutta 1117 921, 922, 923, 925, 927, 928, 929, 930,

Daharasutta 89 Dhuvasutta 971 dalhaparakkamo 1144 Dibbacakkhusutta 1220 Daliddasutta 1074 Dibbasotasutta 1219 Daliddasutta 275 Diddhasutta 460 Dāmalisutta 61 Dīghalatthisutta 67 Dandasutta 426, 1309 Dīghalomikasutta 459 Dārunasutta 457 Dīghāvu 1245, 1246 dāruno 457 Dīghāvuupāsakasutta 1244 Dasabalasutta 309 Dīpasutta 972 Dasakammapathasutta 412 ditthinijjhānakkhanti 371, 822 Dasañgasutta 413 ditthisampanno 330 Dāsidāsasutta 1331 Donapākasutta 103 Datthabbasutta 867,

1143 Dubbanniyasutta 283 Devacutinirayādisutta 1335 Duccaritasutta 1137 Devadaha 514,813 Duggatasutta 428 Devadahasutta 514, 813 Duggatibhayasutta 1258 Devadattasutta 181 Duggativinipātabhayasutta 1258 Devahitasutta 205 Dukkarapañhāsutta 902 Devamanussanirayādisutta 1335 Dukkarasutta 11, 903 Devasabhāgasutta 1276 dukkha 662, 740 Dhajaggasutta 260 Dukkhachandādisutta 829 dhammā 338, 749, 1011 dukkhadhamma 662 dhammābhisamaya 385 Dukkhadhammasutta 659, 854 dhammabhogam 1118 Dukkhanibbānasappāyasutta 820 Dhammacakkappavattanasutta 1296 Dukkhānupassīsutta 646 dhammadhātu 328 Dukkhapañhāsutta 902 Dhammadinna 1285, 1286 Dukkhasamudayasutta 785 Dhammadinnasutta 1285 Dukkhasutta 340, 526, 570, 630, 645, 659, 1096 Dhammakathikapucchasutta 824 dukkhatā 902 Dhammakathikasutta 301, 634 Dukkhatāsutta 1041 dhammanvaya 1116 Duppañña sutta 1074 dhammapariyāya 788 durabhisambhavatarain 1318 dhammasudhammatam 439 Dussīlasutta 411, 891 Dhammavādīpañhāsutta 898 Dūteyyasutta 1332 dhammojam 1118 Dutiyaabhinivesasutta 650 dhammo samuppādo 1264 Dutiyaabhisandasutta 1281 Dhanañjānīsutta 187 Dutiyaākāsasutta 875 Dhanuggahasutta 491 Dutiyaānandasutta 541, 877, 1208, 1241 dhātunānatta 917 Dutiyaanāthapindikasutta 1270 Dhātunānattasutta 391 Dutiyaaniccasutta 546, 645 Dhātusutta 476, 684, 686 Dutiyaaññatarabhikkhusutta 539, 1001 Dhītusutta 430 Dutiyaanudhammasutta 542

SÁCH DẪN 1355

Dutiyaaparijānanasutta 733 Dutiyakulaputtasutta 1292 Dutiyaaputtakasutta 111 Dutiyakusalasutta 1067 Dutiyaarahantasutta 576, 1142 Dutiyamahaddhanasutta 1282 Dutiyaariyasāvakasutta 346 Dutiyamahānāmasutta 1262 Dutiyaasappurisasutta 1011 Dutiyamahāpathavīsutta 1322 Dutiyaassādapariyesanasutta 728 Dutiyamahārukkhasutta 352 Dutiyaassādasutta 533, 642 Dutiyamahāsamuddasutta 1323 Dutiyaassutavāsutta 358 Dutiyamārapāsasutta 126, 791 Dutiyaavijjāpaccayasutta 334 Dutiyameghasutta 1036 Dutiyaavijjāpahānasutta 756 Dutiyamigaj ālasutta 746 Dutiyaāyusutta 129 Dutiyamittāmaccasutta 1258 Dutiyabāhiraphassanānattasuta 397 Dutiyañānavatthusutta 331 Dutiyabhayaverūpasantasutta 1272 Dutiyanandikkhayasutta 551 Dutiyabhikkhusutta 1209, 1241 Dutiyanatumhākamsutta 537, 781, 817 Dutiyābhinandasutta 729 Dutiyanoceassādasutta 729 Dutiyabrahmacariyasutta 1016 Dutiyaovādasutta 443 Dutiyabrahmañña sutta 1016 Dutiyapabbatasutta 388 Dutiyacetanāsutta 336 Dutiyapabbatūpamasutta 1324 Dutiyachandappahānasutta 633 Dutiyapajjunnadhītusutta 36 Dutiyachandarāgasutta 657 Dutiyapañcaverabhayasutta 340 Dutiyachaphassāyatanasutta 750 Dutiyaparipucchitasutta 637 Dutiyachiggalayugasutta 1319 Dutiyaparisuddhasutta 1007 Dutiyadārukkhandhopamasutta 851 Dutiyapathavīsutta 387 Dutiyadasabalasutta 309 Dutiyapatipadāsutta 1010 Dutiyadevacārikasutta 1260 Dutiyapatipattisutta 1014 Dutiyadevapadasutta 1275 Dutiyaphalasutta 1172, 1208, 1229 Dutiyadhammakathikasutta 635 Dutiyapubbārāmasutta 1162 Dutiyadhāranasutta 1300 Dutiyapubbesambodhasutta 726 Dutiyādidvayakārīsuttattika 696 Dutiyapuññābhisandasutta 1274 Dutiyādipācīnaninnasuttacatukka 1025

Dutiyarahogatasutta 1214 Dutiyādipācīnaninnasuttapañcaka 1026,1028,1029 Dutiyarāhulasutta 613 Dutiyādisamuddaninnasuttapañcaka 1026,1027,1029 Dutiyarukkhasutta 1172 Dutiyadukkhuppādasutta 730 Dutiyarūpārāmasutta 816 Dutiyadvayasutta 768 Dutiyasabbupādānapariyādānasutta 743 Dutiyaejāsutta 767 Dutiyasamanabrāhmanasutta 300, 320,418,467, Dutiyagaddulabaddhasutta 625 886,1142,1151,1154,1202,1293 Dutiyagelañññasutta 871 Dutiyasamanasutta 632, 656 Dutiyagilānasutta 754, 1058 Dutiyasāmañññasutta 1016 Dutiyagiñj akāvasathasutta 1254 Dutiyasambahulasutta 878 Dutiyahāliddikānisutta 519 Dutiyasainbhejj asutta 1322 Dutiyahatthapādopamasutta 844 Dutiyasambhejjaudakasutta 386 Dutiyaisidattasutta 918 Dutiyasamkhittasutta 1147 Dutiyajanasutta 47 Dutiyasamudayadhammasutta 642 Dutiyajhānapañhāsutta 906 Dutiyasamudayasutta 574, 643 Dutiyakāmabhūsutta 923 Dutiyasamuddasutta 387, 836 Dutiyakandakīsutta 1216 Dutiyasamugghātasappāyasutta 737 Dutiyakappasutta 639 Dutiyasamyojanasutta 351 Dutiyakassapasutta 59 Dutiyasañgāmasutta 105 Dutiyakotigāmasutta 1303 Dutiyasaranānisakkasutta 1266 Dutiyakotthikasutta 644 Dutiyasāriputtakotthikasutta 983 Dutiyakukkutārāmasutta 1008 Dutiyasāriputtasutta 1247

1356 KINH TƯƠNG ƯNG Bô

Dutiyasatthusuttādidasaka 383 Dutiyasutta 48 Dutiy asinerupabbatarāj asutta 1320 Dutiyaupādāparitassansutta 524 Dutiyasiñgālasutta 495 Dutiyauposathasutta 692 Dutiyasonasutta 550 Dutiyauppādasutta 1007, 1170 Dutiyasotāpannasutta 1141 Dutiyauppannasutta 1056 Dutiyasūcilomasutta 483 Dutiyavedanānānattasutta 393 Dutiyasukkāsutta 252 Dutiyavibhañgasutta 1144, 1155 Dutiyasūriyasutta 1311 Dutiyavihārasutta 1005 Dutiyasūriyūpamasutta 1057 Dutiyavitthārasutta 1147 Dutiyasutasutta 692 Dvayakārīsutta 695 E Ekabījīsutta 1149 Ekaputtakasutta 465 Ekadhammasutta 1064, 1227 Ekasutta 893 Ekadhītusutta 466 Enijañghasutta 21 Ekamūlasutta 39 Esanādisutta 1099 Ekantadukkhasutta 416 Esanādisuttadasaka 1139, 1181 Ekantadukkhīsutta 675 Esanāsutta 1040 Ekantasukhīsutta 675 Etarpmamasutta 647, 666 G Gaddulabaddhasutta 624 Gilānadassanasutta 930 Gaggarāsutta 229 Gilānasutta 1110, 1286 Gahatthavandanāsutta 278 Giñj akāvasathasutta 401 gambhīranemo 1312 Gocaramūlakaabhinīhārasuttādicatukka 716 Gambhīrapañňāsutta 1289 Godattasutta 925 Gandhabbā 797 Godhā 1277, 1278 Gandhatthenasutta 240 Godhasakkasutta 1262 Gandhavilepanasutta 1329 Godhikasutta 142 Gañgā 386, 849, 1024, 1025, 1026, 1027, 1028, goghātaka 482 1029 Gomayapindasutta 620 Gañgānadīādisutta 1098 Gotama 17, 30, 34, 42, 52, 54, 60, 68, 89, 131, Gañgānadīādisuttadvādasaka 1138, 1210 133, 134, 135, 136, 146, 151, 170, 188, Gañgāsutta 425 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, Ganthasutta 1043 197, 198, 199, 201, 202, 203, 204, 205, Gāravasutta 165 206, 207, 208, 209, 210, 211, 213 214, gati 121 215, 216, 219, 220, 229, 234, 283, 295, Gavampati 1307 302, 303, 304, 305, 306, 312, 314, 343 Gavampatisutta 1306 344, 374, 425, 426, 707, 756, 757, 822, Gayāsīsa 734 881, 882, 899, 927, 944, 948, 955, 956, Ghatasutta 498 987, 988, 989, 990, 991, 992, 993, 1000, Ghatīkārasutta 43, 77 1004,1016,1017,1054,1055,1081,1085, Ghosita 371, 583, 607,611, 612, 803, 805, 841, 1086,1088, 1127,1159,1200, 1237,1250, 1056, 1163, 1166, 1200 1300

Ghositasutta 805 Gotamaka 1192 Gijjhakūta 131, 243, 276, 402, 426, 431, 470, Gotamasutta 295 481, 482, 483, 484, 485, 486, 487, 603, Gūthakhādasutta 485 761,796, 797, 1169, 1315 Haliddavasana 1085, 1086 H Hāliddikāni 517, 520, 806 Harantisutta 695 Hāliddikānisutta 517, 806 Hāsapaññāsutta 1289

hāsapañño 1265 hīnā 401 Hatthārohasutta 936 Hīnādhimuttikasutta 402 Hatthigavassasutta 1331 Hirīsutta 12 Hatthirāj avannasutta 124 Hoticanacahotitathāgatosutta 671 hetuso 1220 Hotitathāgatosutta 671 Hetusutta 670, 895 Himavantasutta 1047 I icchā 56 Indriyaparopariyattasutta 1220 Icchānañgalasutta 1237 Indriyasampannasutta 824 Icchāsutta 51 Indriyasutta 966 Iddhādidesanāsutta 1203 iñjita 863 iddhi 1203 Isidatta 917,918,919, 920, 1247, 1248 Iddhipādasutta 966 issariyabala 893 Iddhipadesasutta 1190 Issariyasutta 55 Iddhividhasutta 1219 Issattasutta 118 Indakasutta 243 Issukīsutta 891 Indakhīlasutta 1311 J Jāgarasutta 5 Jetavana 3,4,9,22,23,25,28, 30,31,38, 59,60, Jalābujādidānūpakārasuttatimsaka 697 61,63, 64, 67,68, 72, 74, 85, 89,128,131, Jalābujādidānūpakārasuttattimsaka 694 133, 153, 167, 169, 172, 173, 176, 178, Jambu 1172 220, 222, 225, 230, 246, 248, 257, 268, Jambudīpa 1172 272, 276, 277, 279, 280, 283, 286, 289, Jambukhādaka 897 297, 347, 357, 373 381, 385, 414, 421, Janapadakalyānīsutta 1123 449, 455, 473, 489, 493, 497, 498, 499, jañgalānam 1167 520, 537, 567, 665, 687, 691, 707, 721, Jantusutta 79 797, 798, 816, 905, 909, 975, 1104, 1246, Jānussonī 999 1257, 1259, 1260, 1284, 1340 Jānussonibrāhmanasutta 998 Jetavanasutta 41 Jānussonisutta 344 Jhanābhiññasutta 446 jarā 739 Jhānādisutta 1220 Jarādhammasutta 1158 Jhānādisuttadvādasaka 1223 Jarāmaranasutta 92, 381 Jinnasutta 440 Jarāsutta 46 Jīvaka 826 Jātarūparajatasutta 1330 Jīvakambavanapatisallānasutta 826 Jatāsutta 17, 193 Jīvakambavanasamādhisutta 826 Jātidhammādisuttadasaka 739 jīvitasañkhāra nil Jātisuttādidasaka 381 Jīvitindriyasutta 1149 Javanapaññāsutta 1289 Jotika 1245, 1246 K Kaccāna 301, 401, 402, 612, 809, 810, 992, 993 Kālattayaanattasutta 525 Kaccānagottasutta 301 Kālattayaaniccasutta 524 Kacchaka 1071 Kālattayadukkhasutta 525 Kakkata 1254, 1255 Kāligodhā 1277 Kakudhasutta 70 Kāligodhasutta 1277 Kakusandhasutta 294 Kaliñgarasutta 492 kālānusāriya 1031 Kallitamūlakaārammanasuttādichakka 715 Kalārasutta 324 kalyānamitta 1075

Kalyānamittasutta 108, 1018, 1019, 1020, 1021, kāyagatāsati 965 1022, 1023 Kāyagatāsatisutta 965 kalyānamittatā 998 kāyārammano 1113 kalyānasahāyatā 998 kāyasmim parilāho 1113 kalyānasampavañkatā 998 Kāyasutta 1047 Kalyānīsutta 465 Kayavikkayasutta 1332 kāmā 259, 400, 854, 905, 1229, 1296 kāyindriyam 843 Kāmabhū 841,922, 923,925 Khadirapattasutta 1308 Kāmabhūsutta 841 Khajjanīyasutta 578 kāmacchanda 854, 1048, 1061, 1062, 1068, Khañasutta 814 1069, 1071, 1077, 1229 khandhādhivacana 588 kāmacchandanīvarana 1044 Khandhasutta 477, 548, 682, 684, 686, 1298 Kāmadasutta 62 khārikehi 1109 Kāmagunasutta 794, 1044 Khattiyasutta 10 Kāmandāya 810 khayā 739 kāmarāga 890, 1061, 1088 khayadhammā 662

kāmarāgānusaya 1043 Khayadhammasutta 659 Kāmasutta 55 Khemā 466, 975, 977 kamati 916 Khemakasutta 607 Kāmesumicchācārasutta 1328 Khemasutta 75, 972 Kammanirodhasutta 819 Khemāsutta 975 Kammasamādānasutta 1220 Khettavatthusutta 1332 kanhasukkasappatibhāgā 1049 Khettūpamasutta 938 Kañkheyyasutta 1238 Khila 1041 Kantakī 1127 Khilasutta 1041 Kapilavatthu 32, 581, 851, 852, 1238, 1261, Khīrarukkhopamasutta 838 1262, 1264, 1266, 1276, 1277, 1278, Khīrasutta 423 1282, 1284, 1286 Khomadussasutta 215 Kappasahassasutta 1219 Kimatthiyabrahmacariyasutta 822 Kappasutta 639 Kimatthiyasutta 899, 1000 Kappina 173, 507 Kimdadasutta 38 Karotosutta 669 Kimilasutta 1235 Karunāsutta 1095 Kimsuka 858 Kāsi 100,104,105,424,1248,1249,1250,1251, Kimsukopamasutta 857 1286 KinnusThasutta 131 Kasibhāradvāj asutta 202 Kisāgotamīsutta 154 Kassakasutta 136 Kodhanasutta 890 Kassapa 28, 59, 85, 89, 173, 233, 295, 302, 303, Kokālikasutta 175, 177 304, 403, 432, 435, 436, 438, 439, 440, kolamkolo 1150 441, 443, 444, 445 446, 447, 448, 449 Kolitasutta 497 450, 451, 452, 453, 454, 455, 456, 481, Koliya 955, 1085 485, 486, 487, 564, 605, 928, 929, 930, Konāgamanasutta 295 961,990, 1058, 1091, 1168 Kondañña 227,228,1297, 1298 Kassapagottasutta 233 Kondaññasutta 227 Kassapasutta 295 Kosala 80, 89, 91, 92, 94, 95, 96, 97, 98, 100, Katamodakatissasutta 176 101, 102,103,104,105,106, 107, 108, Katichindasutta 5 HO, 111, 113, 116, 117, 118, 120, 127, Katissaha 1254, 1255 133, 138, 179, 196, 199, 210, 211, 231, Katthahārasutta 211 232, 233, 234, 235, 236, 237 238, 239, Katthopamasutta 1155 240, 344, 943, 956, 957, 975, 977, 978, Kavisutta 48 1053, 1105, 1165, 1248, 1249, 1250

Kosambī 583, 607, 611, 612, 803, 805, 841, 849, Kummasutta 458 1056, 1163, 1166, 1200, 1308 Kummopamasutta 848 Kosambisutta 371 Kundaliya 1053, 1054, 1055 Kotigāma 1303 Kundaliyasutta 1053 Koithika 638, 639, 643, 644, 826, 827, 840, 984 Kuraraghara 517, 519, 806 Kotthikaanattasutta 827 kusala 338, 1011 Kotthikaaniccasutta 826 Kusaladhammasutta 469 Kotthikadukkhasutta 827 Kusalamūlasutta 469 Kotthikasutta 643, 840 Kusalarāsisutta 1136 Kukkulasutta 645 Kusītamūlakasutta 410 Kukkuṭa 1125, 1126 Kusītasutta 891 Kukkutasūkarasutta 1331 kūtāgāra 489 Kulagharanīsutta 236 Kūtāgārasutta 1055, 1316 Kulasutta 490, 943 Kūtasimbalī 1173 Kulāvakasutta 266 Kūtasutta 489 Kulūpakasutta 439 Kutikāsutta 12 Kumārikasutta 1331 kuttarājāna 1031 Kumbhandasutta 484 Kutūhalasālāsutta 990 Kumbhasutta 1012, 1035 L Lahupañňāsutta 1289 Lokacintāsutta 1314 Lakundakabhaddiyasutta 501 Lokantagamanasutta 791 Lenasutta 972 Lokapañhāsutta 757 lepa 1108 Lokasamudayasutta 786 Licchavī 274, 492, 493, 564, 1272, 1273, 1317 Lokasutta 51, 117, 341, 1128, 1306 līna 1056 Lokāyatasutta 344 loham 1068 Iola 803 Lohiccasutta 807 Lomasavañgīsa 1238 lohitacandana 1031 lujjati 757 M Maccharisutta 23, 42 Mahākassapa 172, 402, 436, 440, 441, 443, 445, Maccharīsutta 891 449, 450,451, 452, 454,455, 1058 Macchikāsanda 915, 916, 918, 920, 921, 922, Mahākotthika 638, 642, 643, 826, 827, 840, 981, 923, 925, 927, 928 983, 984 madhurakajāto 1118 Mahālisutta 273, 564 Magadha 104, 105, 106, 135, 164, 179, 181,202, Mahāmoggallāna 172, 173, 174, 228, 402, 481, 234, 245, 427, 432, 433, 493, 897, 1007, 497, 498, 499, 852, 854, 905, 909, 910, 1117,

1248 911,912,986, 988,989,1058, i 127,1198 Maggañgasutta 966 1199, 1213, 1214, 1215, 1259, 1260 Maggasutta 1134, 1206 Mahānāma 562, 1238, 1239, 1261, 1262, 1263, Māghasutta 60 1264,1265,1266,1267,1276,1277,1282, Mahācunda 761,763, 1058, 1059 1286, 1287, 1288 Mahaddhanasutta 20 Mahānāmasutta 1276, 1282 Mahāditthisutta 670 Mahāpañňāsutta 1289 Mahaka 921,922 Mahāparilāhasutta 1316 Mahākaccāna 517,519, 520, 806, 807, 808, 809, Mahāpphalasutta 1197 919 Mahāpurisasutta 1115 Mahakapātihāriyasutta 920 Mahārukkhasutta 352 Mahākappina 172, 505, 506, 1230 Mahāsālasutta 206 Mahākappinasutta 505, 1230 Mahatthasutta 1094

Mahī 386, 1025, 1026, 1027, 1028, 1029, 1098, marana 739 1100, 1281, 1321, 1322 Maranasutta 1096 Majjhanhikasutta 239 Mārasutta 653, 658, 1074 Makkarakata 807 māretā 653 Makkatasutta 1108 Matteyyasutta 1326 Makkhali Gosāla 85,89, 564, 991 Mātugāmasutta 465, 889 Malasutta 1042 Mātuposakasutta 213 Mallā 185, 946, 1165, 1248, 1249 Mātusutta 430, 471 Mallikā 96, 97, 106 māyā 955 Mallikasutta 1165 māyam vidhamseyya 618 Mallikāsutta 96, 106 Medakathālikā 1122, 1123 Mālukyaputta 772, 773, 776, 777 Mettāsahagatasutta 1085 Mālukyaputtasutta 772 Mettāsutta 1095 Mānadinna 1129 Micchāditthipahānasutta 827 Mānadinnasutta 1129 Micchāditthisutta 650 mānagata 864 Micchattasutta 1010 Mānakāmasutta 7 Migajāla 745, 746, 747 Mānasasutta 133 Migapathaka 915 Mānatthaddhasutta 208 Migāra 1158, 1161, 1198, 1199 Mañgulitthisutta 485 Mīlhakasutta 459 Manibhaddasutta 245 Mittasutta 46, 1137, 1305 Manicūlaka 945 mīyati 653 Manicūlakasutta 945 Moggallāna 173, 176, 177, 178, 179, 228, 403, mañku 1054 432, 481, 497, 498, 499, 852, 854, 905, mañňamānā 863 906, 907, 908, 909, 910, 911, 912, 986, Mañňamānasutta 568 987, 988, 989, 990, 1119, 1120, 1198, Manonivāranasutta 18 1199, 1200, 1209, 1260, 1285 mantā 1088 Moggallānasutta 228, 986, 1198, 1209 mante 808 moghapurisā 456 Manussacutidevanirayādisutta 1335 Moliyaphaggunasutta 298 Manussacutinirayasutta 1334 Moliya Sīvaka 882, 883 Manussacutipettivisayasutta 1334 momūham 843 Manussacutitiracchānasutta 1334 muddikā 976 māra 653 Muditāsutta 1095 Māra 93, 653, 658, 660, 662, 747, 853, 854, 863 Mūlagandhadānūpakārasuttadasaka 701 Māradhamma 660 Mūlagandhadātāsutta 700 Māradhammasutta 658 Musāvādasutta 1328 Māradhītusutta 146 Mutthassatisutta 891 Mārādisuttaekādasaka 660, 662 Muttisutta 972 N Naccagītasutta 1330 nakkhattavijjā 690 Nadīsutta 615, 1038 Nakulapitā 511,512,514, 806 Nadubbhiyasutta 267 Nakulapitusutta 511, 806 Nāgā 500,670, 691, 692, 693, 694, 695 Nāla 1117 Nāgadattasutta 235 Nālaka 897 Nagarasutta 363 Nalakalāpīsutta 369 Nāgasutta 493, 1034 Nālandasutta 1115 Nahotitathāgatosutta 671 Nālandāsutta 803 Najīratisutta 54 nālikā 622 Nakhasikhasutta 489, 1321 Nāmarūpasutta 354 Nakhasikhāsutta 385, 622 Nāmasutta 49

Nānādhātusutta 1220 N e vasañňānāsañňāyatanasutta 689 Nānādhimuttisutta 1220 Nibbānapañhāsutta 897 nānāgocarāni 1159 Nibbānasappāyapatipadāsutta 820 Ñānasutta 885, 1192 Nibbānasutta 972 Nānātitthiyasāvakasutta 85

Nibbedhabhāgiyasutta 1064 Ñānavatthusutta 329 Nibbedhikapaññāsutta 1290 nānāvisayāni 1159 nibbedhikapañño 330 Nandā 503 Nibbidābahulasutta 646 Nandā 1253 Nibbidāsutta 1060, 1190 Nandaka 1272,1273 nibbijjhati 1064 Nandakalicchavisutta 1272 Nicchavisutta 482 Nandana 40, 68, 235, 1243 Nicchavitthisutta 485 Nandanasutta 9, 68 Nidānasutta 355 Nandasutta 82, 503 NiddātandTsutta 11 Nandatisutta 9, 128 Nigantha 85, 86, 89, 100, 927, 928, 940, 941, nandi 745, 764 943,944,991 nandī 326 Nigantha Nātaputta 85, 89 nandikkhaya 825 Niganthanātaputtasutta 927 Nandikkhayasutta 550 Nīghasutta 1042 Nandivisālasutta 82 Nigrodha 123, 124, 145, 163, 165,217,218,219, Nandiya 1003, 1004, 1278, 1279, 1282 245, 838, 851, 1238, 1261 Nandiyasakkasutta 1278 nikāmalābhī 500 Nandiyasutta 1003, 1282 Nikata 1254, 1255 Nantakāni 1243 niketavisāra 518 nappajānanti 550 nikkamadhātu 1049, 1078 Nasantisutta 28 Nikkhantasutta 217 Nāsentisutta 894 nimittānusāri viññānam 909 nasutthu 942 Nimokkhasutta 3 ñāti 763 ụ 934 natagāmani Nippapañcasutta 971 Nipunasutta 971 Ñātika 342, 401, 788, 992, 1253, 1254, 1255 Nirāmisasutta 886 Ñātikasutta 342 Nirayadevanirayādisutta 1335 Natthidinnasutta 669 Nirayamanussanirayādisutta 1335 Natthiputtasamasutta 10 nirodhā 739, 876 Natumhākamsutta 537 Nirodhadhammasutta 659, 660, 662 Natumhasutta 335 Nirodhasamāpattisutta 689 Navakammikasutta 210 Nirodhasutta 1096 Navasutta 500 Niruttipathasutta 565 Nāvāsutta 1037 nissāya 1047 Navātasutta 676, 678 Nīvaranasutta 1044, 1071 ñāya 338, 1011, 1121, 1123, 1271 Niyyānikā 1060 Nerañjarā 123,124,145,163,165,1121,1134,1168 Nocamesiyāsutta 649, 668 Nevahotinanahotisutta 674 Nocedamsutta 415 Nevahotinanahotitathāgatosutta 672 Nopariyesanānānattasutta 395 N e varūpīnārūpīattāsutta 675 Nophassanānattasutta 392 Nevasaññānāsaññāyatanapañhāsutta 908 O Odakasutta 1326 Oghapañhāsutta 901 Oghādisutta 1099, 1224 Oghasutta 1043 Oghādisuttadasaka 1175, 1176, 1181, 1184, Oghataranasutta 3 1186, 1211 Okilinīsutta 486

1362 KINH TƯƠNG ƯNG Bô

Okkhāsutta 490 Orambhāgiyasutta 1044 okotimaka 283 Ovādasutta 441 opapātī 1207 P Pabbatasutta 388, 424 Pañcaverabhayasutta 338 Pabbatūpamasutta 120 Pañcaverasutta 891 pabhañgu 1068 Panītasutta 972 Pabhañgusutta 535 Panītatarasutta 691 Pacāyikasutta 1327 Paññābāhullasutta 1289 Paccanīkasutta 210 Paññāpatilābhasutta 1288 Paccantasutta 1325 Paññāsutta 1325 paccanubhonti 1159 Paññavantasutta 1074 Paccayasutta 307,318 Paññāvepullasutta 1288 pacchāpure 1113 Paññāvuddhisutta 1288 pacchāpuresaññī 1195 Pāpabhikkhunīsutta 486 Pācīnādisuttadvādasaka 1173, 1175, 1179, 1185 Pāpabhikkhusutta 486 padāleti 1064 pāpakā 244 padāni 1167 papañcita 864 Padasutta 1031, 1167 Pāpasāmanerasutta 487 Padesasutta 1127 Pāpasāmanerīsutta 487 Padīpopamasutta 1231 Pāpasikkhamānasutta 487 Pahānā 1040 papātā 670 Pahānasutta 731, 866, 1096 Papātasutta 1315 Pahāsa 935 parakkamadhātu 1049 Pahāsadevā 934 Paramassāsappattasutta 899 pahātabbā 740 Parammaranasutta 454 pajānāmi 1005 Pārañgamasutta 1015, 1059 pajānāti 418, 526, 554, 558, 737, 1291 Pārasutta 971 Pajjotasutta 19, 56 Parāyanā 322, 323, 324 pākatindriyā 1198 Parāyanasutta 973

Pākatindriyasutta 239 paricārikabhāvam 890 Pālileyyasutta 583 Pāricchattaka 1172 palisajjeyya 353 Pārichattaka 1173 palokadhamma 759 Parihānadhammasutta 777 Palokadhammasutta 759 Parihānasutta 1126 Pamādavihārīsutta 778 Parikkhayā 1040 pāmojjam 1113 Parinibbānasutta 185 pana 1057 parinibbāyanti 802 Pānasutta 1057, 1310 parinibbāyati 737, 842 Pānātipātasutta 1328 pariññā 731 pañca bhayāni 1271 Pariññā 1040 Pañcakañga 878, 879 Pariññasutta 531 Pañcakañgasutta 878 Pariññāsutta 1171 Pañcālacandasutta 63 Pariññātasutta 1132 Pañcarājasutta 101 pariññeyyā 740 Pañcarathasatasutta 471 Pariññeyyasutta 631, 655, 1306 Pañcasikha 797, 1340 Paripucchitasutta 636 Pañcasikhasutta 797 paritassanā 611 Pañcasikkhāpadasutta 411 paritassati 737, 767 Pañcasīlasutta 892 parivāro 999 Pañcasīlavisāradasutta 896 Parivīmamsanasutta 347

pariyāyam 879 Pathamakāmabhūsutta 922 Pariyāyasutta 1081 Pathamakandakīsutta 1215 pariyogālhena 330 Pathamakassapasutta 59 Parosahassasutta 225 Pathamakotigāmasutta 1303 pasādanīye nimitte 1113 Pathamakukkutārāmasutta 1007 Pāsānasutta 131 Pathamakulaputtasutta 1291 Pasayhasutta 893 Pathamakusalasutta 1067 Pasenadi 89,91,92, 94, 95, 96, 97, 98, 100, 101, Pathamamahaddhanasutta 1282 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 110, Pathamamahānāmasutta 1261 111, 113, 116, 117, 118, 120, 122, 127, Pathamamahāpathavīsutta 1322 975, 977, 978, 1249 Pathamamahāsamuddasutta 1323 passaddhi 876 Pathamamārapāsasutta 125, 790 Pātāla 231 Pathamameghasutta 1036 Pātālasutta 866 Pathamamigaj ālasutta 745 Pātaliputta 1007, 1008, 1125, 1126 Pathamamittāmaccasutta 1258 Pāialiya 955, 956, 957, 964 Pathamanatumhākamsutta 781, 816 Pātaliyasutta 955 Pathamanoceassādasutta 728 Pathamaabhisandasutta 1280 Pathamapabbatūpamasutta 1323 Pathamaākāsasutta 875 Pathamapācīnaninnasutta 1024, 1026, 1028, 1029 Pathamaānandasutta 876, 1208, 1239 Pathamapajjunnadhītusutta 35 Pathamaanāthapindikasutta 1267 Pathamaparisuddhasutta 1007 Pathamaaññatarabhikkhusutta 1001 Pathamapatipadāsutta 1010 Pathamaaparijānanasutta 732 Pathamapatipattisutta 1014 Pathamaaputtakasutta 110 Pathamaphalasutta 1172, 1208, 1228 Pathamaarahantasutta 1141 Pathamapubbārāmasutta 1161 Pathamaasappurisasutta 1011 Pathamapubbesambodhasutta 726 Pathamaassādapariyesanasutta 727 Pathamapuññābhisandasutta 1274 Pathamaavijjāpahānasutta 755 Pathamarahogatasutta 1213 Pathamaāyusutta 129 Pathamarukkhasutta 1172 Pathamabhayaverūpasantasutta 1271 Pathamarūpārāmasutta 814 Pathamabhikkhusutta 1208, 1241 Pathamasabbupādānapariyādānasutta 743 Pathamābhinandasutta 729 Pathamasamanabrāhmanasutta 885, 1142, 1151, pathamābhisambuddha 1005 1153, Í201, 1292 Pathamabrahmacariyasutta 1016 Pathamasāmañña sutta 1015 Pathamabrahmañña sutta 1016 Pathamasambahulasutta 877 Pathamachaphassāyatanasutta 750 Pathamasambhejj asutta 1321 Pathamachiggalayugasutta 1318 Pathamasamiddhimārapañhāsutta 747 Pathamadārukkhandhopamasutta 849 Pathamasamkhittasutta 1146

Pathamadevacārikasutta 1259 Pathamasamuddaninnasutta 1025,1027,1028,1029 Pathamadevapadasutta 1275 Pathamasamuddasutta 836 Pathamadhāranasutta 1299 Pathamasamugghātasappāyasutta 736 Pathamadukkhuppādasutta 730 Pathamasañgāmasutta 104 Pathamadvayasutta 768 Pathamasaranānisakkasutta 1264 Pathamaejāsutta 766 Pathamasāriputtakotthikasutta 981 Pathamagelaññasutta 869 Pathamasāriputtasutta 1246 Pathamagilānasutta 753, 1058 Pathamasinerupabbatarāj asutta 1319 Pathamagiñj akāvasathasutta 1253 Pathamasotāpannasutta 1141 Pathamahatthapādopamasutta 844 Pathamasukkāsutta 251 Pathamaisidattasutta 916 Pathamasūriyasutta 1311 Pathamajanasutta 47 Pathamasūriyūpamasutta 1057 Pathamajhānapañhāsutta 905 Pathamauppādasutta 1006, 1170

1364 * KINH TƯƠNG ƯNG Bô

Pathamauppannasutta 1056 pheggumpi 618 Pathamavibhañgasutta 1143, 1154 Phenapindūpamasutta 617 Pathamavihārasutta 1005 Phusatisutta 17 Pathamavitthārasutta 1147 Pihitasutta 51 PathavTdhātusutta 682 Pilakkha 838 Pathavīsutta 386, 422 Pindasutta 135, 482 Pātheyyasutta 56 Pindola Bhāradvāja 803, 1163 Patibhānakūta 1315 Pindolabhāradvāj asutta 1163 patibhānam 1125 Pindolyasutta 581 Paticcasamuppādasutta 289 PipphalT 1058 patigha 868 pīti nirāmisā 1051 patighanimitta 1048 Pītisutta 688 patighanimittam 1077 pitta 882 patighasañña 1230 Pitusutta 430 patihareyyāsi 928 Pitusuttādichakka 472 Patilābhasutta 1146 Piyañkarasutta 248 Pātimokkha 1136 Piyasutta 92 Pātimokkhasamvarasutta 1136 Pokkharanīsutta 385, 1321 Patipadāsutta 291, 545 pubbā koti 421 Patipannasutta 1148 Pubbakotthaka 1160 patirūpam 895 Pubbakotthakasutta 1160 Patirūpasutta 133 Pubbārāma 100, 223, 1158 Patisallānasutta 780, 1291 Pubbasutta 884, 1195 Patisallānasutta 522 Pubbenivāsasutta 1220 Patitthitasutta 1168 Pubbesambodhasutta 414 Pattasutta 134 puggala 401 pattavattim 618 Puggalasutta 113, 426 patthanā 401 Pulavakasutta 1095 Pavāranāsutta 223 Punabalādisutta HOI Pāvārikamba 1115 Punabbasusutta 248 pavutā 670 Punabbhavasutta 1149 Pesalasutta 219 Punaesanādisutta noi Pesisutta 482 Punagañgānadīādisutta 1100 Pesuññasutta 1328 Punaoghādisutta noi Petteyyasutta 1326 Punna 403, 591, 763, 764, 765 Pettidevanirayādisutta 1336 Punnamasutta 586 Pettidevapettivisayasutta 1337 Punnasutta 763 Pettimanussanirayādisutta 1336 pupphagandha 1031 Phagguna 299, 757,758 Pupphasutta 616 Phaggunapañhāsutta 757 Purana 564, 1247, 1248 phandita 864 Pūrana Kassapa 85, 89, 961, 990, 1091 Pharusavācāsutta 1329 Purisasutta 91, 889 Phassamūlakasutta 872 Puthupañňāsutta 1289 Phassanānattasutta 391 Puttamamsūpamasutta 359 Phāsuvihārasutta 1095 Puttasutta 430 R Rādha 572, 653, 654, 655, 656, 657, 658, 659, Rādhadukkhasutta 755 660, 661, 662, 663, 754, 755 Rādhasutta 572 Rādhaanattasutta 755 rāgā 645, 829, 926, 933, 955, 1054 Rādhaaniccasutta 754 Rāgavirāgasutta 1016

1366 KINH TUÔNG ƯNG Bô

salākāvutta 943 Samiddhisutta 13, 141 Salalāgārasutta 1217 Sarnkhittadhammasutta 760 Sālasutta 1105, 1165 samkilesa 739 Sālha 1253 sammā mānābhisamaya 866

Sallasutta 868 Sammappadhānasutta 966 samādapetabbā 1105 Sammāsambuddhasutta 561, 1304 Samādhimūlakaabhinīhārasutta 713 Sammasasutta 366 Samādhimūlakaārammanasutta 712 samodhānam gacchanti 1031 Samādhimūlakagocarasutta 712 sampajānantīti 1112 Samādhimūlakakallitasutta 712 Sampannasutta 1148 Samādhimūlakasakkaccakārīsutta 713 samparivattento 1065 Samādhimūlakasamāpattisutta 711 sampassamāno 1065 Samādhimūlakasappāyakārīsutta 713 Samphappalāpasutta 1329 Samādhimūlakasātaccakārīsutta 713 Samphassajāsutta 681, 683, 685 Samādhimūlakathitisutta 711 Samphassasutta 474, 681, 683, 685 Samādhimūlakavutthānasutta 712 samsāra 421 Samādhisutta 520, 780, 865, 1012, 1291 samudācaranti 821, 905 samadhosi 602 samudaya 739 sāmam 882 samudayadhamma 662 Samanabrāhmanasutta 299, 320, 418, 466 Samudayadhammasutta 641, 659 Samanasutta 631, 655 Samudayasutta 574, 642, 1134 Sāmandakasutta 903 Samuddakasutta 270 Sāmaññasutta 1326 Samuddasutta 387 sāmaññattha 1016 Samugghātasāruppasutta 735 Samanupassanāsutta 547 samunna 837 samanupassati 544, 551 Samvarasutta 779 Samāpattimūlakaabhinīhārasutta 714 Samvegasutta 1095 Samāpattimūlakaārammanasutta 714 samvejeti 1199 Samāpattimūlakagocarasutta 714 Samyojanapahānasutta 741 Samāpattimūlakakallitasutta 714 Samyoj anappahānādisuttachakka 1017 Samāpattimūlakasakkaccasutta 714 Samyoj anappahānasutta 1241 Samāpattimūlakasappāyakārīsutta 714 Samyoj anasamugghātasutta 742 Samāpattimūlakasātaccasutta 714 Samyojanasutta 50, 351, 915, 1171 Samāpattimūlakathitisutta 713 samyoj anavinibandha 1065 Samāpattimūlakavutthānasutta 713 Samyojaniyadhammasutta 800 samathanimittam 1049 Samyojaniyasutta 637, 787 Samathavipassanāsutta 965 Sanamānasutta 11 samattā 1146 Sanañkumārasutta 181 Samattasutta 1127, 1190 Sañcetanāsutta 476, 684, 685 Samayasutta 32 sandittha 1110 Sambahulabhikkhusutta 756, 885 sanditthika dhammā 749 Sambahulasutta 140, 233 Sañgārava 214,215, 1088, 1091 Sambarimāyāsutta 284 Sañgāravasutta 214, 1088 sambhatta 1110 Sañghāti 33, 487, 852, 1340 Sambhejjaudakasutta 386 Sañghavandanāsutta 280 Sambuddhasutta 1150 Sanidānasutta 400 sāmīci 1271 Sañjaya Belatthiputta 89, 991 Samiddhi 13, 14, 15, 141, 142, 747, 748 sañkāsanā 1301 Samiddhidukkhapañhāsutta 748 Sañkāsanasutta 1301 Samiddhilokapañhāsutta 748 Sañkhadhamasutta 940 Samiddhisattapañhāsutta 747 sañkham gacchati 538

SÁCH DẪN 1367

Sañkhāraañññānasutta 707 Satipatthānasutta 966 sañkharitvā 494 Satisutta 1103, 1131, 1135 saññā 1005 satta 81, 747 Saññāaññānasutta 707 sattā 654 Saññānānattasutta 394 Sattadhātusutta 399 saññāsamāpatti 399 Sattajatilasutta 100 Saññāsutta 475, 683, 685 Sattakammapathasutta 412 sannipātikāni 882 satta kolatthimattiyo 1322 sañňutto 868 Sattasutta 654 santaka 1200 Sattatthānasutta 558 Santasutta 971 sattāvāsā 575 santhiti 1165 Sattavassānubandhasutta 145 Santusitā 913 Satthāravandanāsutta 279 Santuttha 1254, 1255 Satthusutta 383 Santutthasutta 435 satti 361 Sānusutta 246 Sattisatasutta 1310 saparikkhāra 1012 Sattisutta 17, 483, 490 Sappasondikapabbhāra 748 saudrayā

310 Sappasutta 127 saūmi 836 sappi 938 saupādāna 991 Sarabhū 386, 1025, 1026, 1027, 1028, 1029, Saupādāna 796 1098, 1100, 1281, 1321, 1322 saupanisa 1012 Sāragandhādidānūpakārasuttanavutika 701 Sāvakasutta 425 Sāragandhādidātāsuttanavaka 700 sāvatta 836 sārāgo 745 Sāvatthi 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 17, 22, 23, 25, 28, Sar^ita 935, 936 30, 31, 38, 52, 59, 60, 61, 62, 63, 65, 66, Sarakāni 1264, 1265, 1266, 1267 67, 74, 80, 82, 89, 91, 92, 94, 95, 96, 97, Saranāni 1261 98,100,101,103,104,105,106,107,108, Saranasutta 972 110, 111, 112, 113, 116, 117, 118, 120, Sārandada 1192 128, 131, 133, 134, 136, 153, 154, 155, Sarasutta 20 156, 157, 158, 159, 160, 161, 167, 169, Sāriputta 73, 83, 84, 176, 177, 178, 179, 222, 172, 174, 175, 176, 177, 192, 193, 194, 223, 224,312, 313315,316,322,323, 204, 205, 206, 208, 210, 213, 214, 220, 324 325 326 327, 328, 329, 369, 370, 221, 222, 223 225, 230, 246, 248, 257, 371, 402, 403, 432, 436, 441, 454, 465, 258, 260, 262, 264, 266, 267, 268, 269, 498, 499, 512, 514, 515, 516, 594, 595, 270, 272, 276, 277, 278, 279, 280, 283, 596, 598, 638, 639, 642, 643, 644, 687, 284, 285, 286, 289, 290, 291, 297, 298, 688, 689, 690, 748, 761, 762, 763, 797, 299, 300, 301, 304, 306, 307, 309, 310, 840, 897, 898, 899, 900, 901, 902, 903, 315, 317, 318, 319, 320, 322, 324, 329, 981,983,984, 986, 998,1052,1056,1058, 331 332 334 335 336 338 340, 341 1115, 1116, 1117, 1118, 1119, 1120, 1127, 343 344, 345, 346, 347, 350, 351, 352, 1160, 1161, 1163, 1164, 1169, 1170, 1215, 353, 354, 357, 358, 359, 361, 363, 373, 1216,1218,1246,1247,1257,1268,1269, 381, 383, 385, 386, 387, 388, 391, 392, 1270,1285 393, 394, 395, 396, 397, 399, 400, 402, Sāriputtasaddhivihārikasutta 797 404, 406, 407, 408, 409, 410, 411, 412, Sāriputtasutta 222, 998 413, 414, 415, 416, 417, 418, 421, 422, Sasañkhāraparinibbāyī 1052, 1147 423, 424, 425, 426, 428, 430, 435 437 Sāsapasutta 424 439, 446, 449, 455, 457, 458, 459, 460, Sasīsakasutta 485 461, 463, 465, 466, 467, 468, 469, 471, Sassatadittḥisutta 671 472, 473, 474, 475, 476, 477, 478, 479, Sātaccamūlakasappāyakārīsutta 717 489, 490, 491, 492, 493, 494, 495, 497,

498, 499, 500,501, 503, 504, 505, 506, Sīlavantasutta 638 520, 522, 524,525, 526, 527, 528, 529, Sineru 388, 389, 624, 1319, 1320 530, 531, 532,533, 534, 535, 537, 538, Siñgālasutta 460, 495 539, 540, 541,542, 543 544, 545, 546, Sirivaddha 1128, 1129 547, 548, 550,551, 552, 553, 556, 558, Sirivaddhasutta 1128 561, 565, 567,568, 569, 570, 571, 572, sīsam 1068 574, 575, 576,578, 586, 591, 592, 594, Sīsapāvanasutta 1308 613, 615, 616,620, 622, 623 624, 625, Sīsupacālāsutta 159 626, 628, 630631, 632 633 634, 635 Sītavalāhakadānūpakārasuttadasaka 704 636, 637, 639,641, 645, 646, 647, 648, Sītavalāhakasutta 705 649, 650, 651,653, 654, 655, 656, 658, Sītavana 748 659, 660, 662,665, 666, 667, 668, 669, sithilāni 1158 670, 672, 673,674, 676, 678, 679, 681, Sīvaka 250, 882, 883 683, 685, 686,687, 688, 689, 691, 692, Sīvakasutta 882 693, 694, 695,696, 697, 699, 700, 701, Sivasutta 74, 972 703, 704, 705,706, 707, 709, 711, 713, sīvathika 250 714, 715, 716,717, 721, 726, 731, 739, Soattāsutta 648, 667 740, 741, 745,753, 754, 759, 770, 784, soka 739 797, 798, 799,905, 909, 933 965, 975, somanassa 1154 997, 998, 999, 1000, 1001, 1002, 1003, Somāsutta 154 1005,1006,1007,1010,1011,1012,1013, Sona 548, 549, 550, 805 1014,1015,1016,1017,1018,1020,1021, Sonasutta 548, 805 1022,1024,1030,1031,1033,1040,1043, Sotāpannasutta 632, 656, 1150, 1153

1047,1052,1053,1073,1077,1081,1083, Sotāpattiphalasutta 1288 1088,1094, 1099, 1104, 1106, 1112, 1115, Subhadda 1254, 1255 1117, 1120, 1121, 1125, 1126, 1127, 1130, subhanimitta 1048 1131, 1134, 1141, 1158, 1160, 1161, 1170, Subhāsitaj ayasutta 264 1171, 1179, 1195, 1198, 1206, 1208, 1213, Subhāsitasutta 221 1214,1215,1216,1217,1218,1219,1223, Subhasutta 124 1227,1229,1230,1239,1243,1246,1247, Subrahmasutta 69 1248,1249,1256,1257,1259,1260,1267, sucaritāni 1054 1270,1271,1272,1274,1275,1284,1291, Sucaritasutta 699, 703 1304, 1305 Sūcilomasutta 244, 483 Savitakkasavicārasutta 966 Sūcimukhī 690 Sedaka 1122, 1123 Sūcimukhīsutta 689 Sedakasutta 1122 Sūdasutta 1109 Sekhasutta 1166 Sudatta 69, 251, 515, 1253 Sekkhasutta 1006 Sudattasutta 249 Selâsutta 160 Suddā 118, 876 semha 882 Suddhakasutta 1150, 1282 Serīsutta 75 Suddhasutta 1126 Setakā 1065 Suddhikasutta 194, 623, 691,695, 699, 703, 886, sevâla 937 1141, 1153, 1208, 1228 Seyyohamasmisutta 786 Suddhisutta 972 Sīghapaññāsutta 1289 Sududdasasutta 971 Sīhasutta 576 Sujātā 1253 Sikhīsutta 294 Sujātasutta 501 Sikkhāsuttādipeyyālaekādasaka 384 Sūkarakhatasutta 1169 Sīlasampadādisuttapañcaka 1018, 1019, 1020, Sūkasutta 1003, 1035 1021, 1022, 1023 Sukhadukkhīsutta 675 Sīlasutta 1050, 1125 Sukhasutta 865

Sukhitasutta 428 Sūriyasutta 66 Sukkadhammasutta 469 Susammutthasutta 7 sūlam 1310 Susīlasutta 892 Sumāgadhā 1314 Susimasutta 82, 374 Sumbhā 1123 Susīmasutta 258 Sumsumāra 806 Sutanu 1215 Sunāparanta 764, 765 Sutanusutta 1215 Sundarikasutta 196 Sutasutta 692 Sunimmita 913 Sutavantasutta 639 Suññatalokasutta 759 sutena 896 Suññatasamādhisutta 966 Suvannanikkhasuttādiatthaka 463 Supanna 1173 Suvannapātisutta 463 Supatisutta 127 Suvīrasutta 257 Surādhasutta 572 Suyāma 913 Surāmerayasutta 1326 sūrata 933

tadañganibbuto 545 Tatiyajanasutta 47 tadanvayam 1162 Tatiyajhānapañhāsutta 906 Tajjam 1155 Tatiyakandakīsutta 1216 Tālaputa 934, 935 Tatiyakotthikasutta 644 Tālaputasutta 934 Tatiyakukkutārāmasutta 1008 Tarnjīvamtamsarīranisutta 671 Tatiyaovādasutta 445 Tānasutta 972 Tatiyapabbatasutta 388 tandi 1048 Tatiyapubbārāmasutta 1162 tanhā 212, 763, 992 Tatiyapuññābhisandasutta 1274 Tanhā 39, 1042 Tatiyarukkhasutta 1173 Tanhakkhayasutta 1063, 1216 Tatiyasamanabrāhmanasutta 418,467, 886 Tanhākkhayasutta 972 Tatiyasamkhittasutta 1147 Tanhānirodhasutta 1063 Tatiyasamudayadhammasutta 642 Tanhāpañhāsutta 901 Tatiyasāriputtakotthikasutta 983 Tanhāsutta 49, 476, 684, 686, 1042 Tatiyasutasutta 693 Tapokammasutta 123 Tatiyauposathasutta 692 Tarunarukkhasutta 353 Tatiyavibhañgasutta 1155 Tasinā 1042 Tatiyavitthārasutta 1147 Tasināsutta 1042 Tāvatimsa 235, 909 Tathāgatādisutta 1098, 1100 Tāyanasutta 63 Tathāgatādisuttadasaka 1139 thalajā 1326 Tathāgatasutta 1030, 1209, 1298 Thānam 154 Tathasutta 1302, 1306 thānaso 1220, 1234 tathattāya 1065 Thānasutta 895, 1220 Tatiyaabhisandasutta 1281 Thāniyasutta 1061 Tatiyaaniccasutta 645 Thapatisutta 1247 Tatiyaanudhammasutta 543 Therā 504, 505,917,918,919, 920, 921 Tatiyaassādasutta

533 Theranāmakasutta 504 Tatiyacetanāsutta 336 Thitimūlakavutthānasuttādiatthaka 714 Tatiyachaphassāyatanasutta 751 Tihidhammehisutta 890 Tatiyadevacārikasutta 1260 Tikkhapaññāsutta 1289 Tatiyagilānasutta 1058 tikotiparisuddho 1251 Tatiyagiñj akāvasathasutta 1254 Timbarukasutta 304

Tiinsamattasutta 428 Todeyya 810 Tinakatthasutta 421 Toranavatthu 975 tipu 1068 Tulākūtasutta 1332 Tiracchānadevanirayādisutta 1336 Turūbrahmasutta 176 Tiracchānakathāsutta 1294 Tusitā 1298 Tiracchānamanussanirayādisutta 1336 Tuttha 1254, 1255 Tissasutta 504, 592 U Uccāsayanasutta 1330 upaddutā 740 Udakasutta 781 Upādiyamānasutta 567 Udānasutta 553 Upahaccaparinibbāyī 1051, 1147 udayagāminim 1256 Upakkilesasutta 1067 Udayasutta 204 Upanāhīsutta 891 Udāyi 810, 811, 812, 841, 878, 879, 1063, 1064, Upanisasutta 310 1065, 1066 Upanīyasutta 4 Udāyisutta 1065 Upasena 748, 749 Udāyīsutta 841 Upasenaāsīvisasutta 748 Uddaka Rāmaputta 781, 782 Upassatthasutta 740 Uddhambhāgiyādisuttadasaka 1140 upassayasutta 449 Uddhambhāgiyasutta 1044, 1099, HOI upassutisutta 788 Uddhamsota 1052 Upatissasutta 498 uddhata 1083 Upatthānasutta 232 Uddhumātakasutta 1095 Upatthitassatisutta 892 Udditasutta 50 Upavāna 205, 206,317,318, 749, 750, 1056 Udena 803, 1192, 1193 Upavānasanditthikasutta 749 Udumbara 140, 838, 839, 1071 Upavānasutta 1056 Ujjhānasaññisutta 30 upavānasutta 317 Ukkacela 1119 upavicāra 884 Ukkacelasutta 1119 Upayantisutta 373 Ukkotanasutta 1332 Upayasutta 552 ujāra 1115 Upekkhāsutta 688, 1095 ullokenti 1312 Uposatha 621,691,692 ummagga 1008 Uposathasutta 691 ummaggo 1125 Uppādasutta 417, 535 Unhavalāhakadānūpakārasuttacālīsaka 704 uppalavannāsutta 156 Unhavalāhakasutta 705 Uppathasutta 48 Unnābha 1159, 1200 Uppatipātikasutta 1156 Unnābhabrāhmanasutta 1158, 1200 uppatti 402 Upacālāsutta 158 Uruvelā 123, 124, 126, 145, 163, 165, 1121, upādāna 991 1134,1168 Upādānakkhandhasutta 1044 Uruvelakappa 946, 947, 1165 upādānapañhāsutta 901 ussāho 1309 Upādānaparipavattasutta 556 ussolhī 1309 Upādānasutta 350, 1043 Usulomasutta 483 upādāniyadhamma 350 Uttara 71,431,955 Upādāniyadhammasutta 801 Uttarasutta 71 Upādāniyasutta 637, 787 uttāsa 522 Upādāparitassanāsutta 522 Uttiya 1013, 1121 upādāyasutta 784 Uttiyasutta 1013, 1121 Upaddhasutta 997 uyyāpenti 937

V Vaccha 709,986,987,988,989,990,991,992,993 Verahaccānisutta 810 Vacchagotta 707, 986, 988, 989, 990, 992 Verambhasutta 461 Vacchagottasutta 989 Verocanaasurindasutta 268 Vâdatthikasutta 1312 Vesālī 35, 36, 135, 237, 274, 492, 502, 564, 599, Vaddhīsutta 896 802, 869, 871,945,978, 1103, 1110, 1192, Vajirāsutta 161 1193, 1218, 1233, 1234, 1272, 1317 V^jī 234, 763, 802, 903, 1119, 1248, 1249, 1303 Vesālīsutta 802, 1233 Vajjiputtasutta 237 Vessā 118, 876 Vajjīsutta 802 Vessabhūsutta 294 Vakkalisutta 601 vettabandhanabandhāya 103 7 Vālasutta 1317 Vibhañgasutta 290, 1002 1132, 1203 Vanaropasutta 41 vicayaso 584 Vañgīsasutta 230 Vicchiddakasutta 1095 vannā 1301 viddharnseti 945 Vasavattī 913 Vidhā 1041 Vāsijatasutta 626

vidhamati 945 Vassamvutthasutta 1284 Vidhāsutta 1041, 1073 Vassasutta 1277 Viggāhikakathāsutta 1294 Vassavalāhakasutta 706 vighātā 1246 Vāsudattasutta 69 vijambhitā 1048 Vatapadasutta 272 vij anavata 745 Vātasutta 665, 673 Vijayāsutta 155 Vātavalāhakasutta 705 Vijjāsutta 634, 1301 vattati 893 Vikālabhoj anasutta 1329 Vatthasutta 1052 vikirati 945 Vatthusutta 47 Vinīlakasutta 1095 vatthuvijjā 690 Viññānaaññānasutta 708 vaya 739, 870 Viññānaappaccakkhakammasutta 709 vayadhammā 662 Viññānañcāyatanapañhāsutta 908 Vayadhammasutta 659 Viññānañcāyatanasutta 688 vāyāmo 1309 Viññānasutta 354, 474, 681,683,685 vedagū 782 Vīnopamasutta 859 Vedanāaññānasutta 707 Vipassīsutta 291 Vedanānānattasutta 392 Vipula 87 Vedanāpañhāsutta 900 Vipulapañhāsutta 1289 Vedanāsutta 475, 1012, 1042, 1137 Viraddha 1014, 1060 vedayita 1005 Viraddhasutta 1014, 1060, 1130, 1189 Vejudvāreyyasutta 1250 Virāgasutta 972, 1096, 1130 Veiuvana 127,142,187,188, 190, 191, 195,227, Visākhasutta 502 251, 252, 275, 302, 312, 374, 425, 440, visarnyutta 349 441, 443, 451, 471, 481, 485, 498, 504, Visāradasutta 893 548, 550, 601, 605, 689, 747, 761, 805, visesam 1081 945, 1235 vitakkā 1005 Vendusutta 67 Vitakkasutta 1293 Vepacitti 65, 66, 262, 263, 264, 265, 266, 267, Vittasutta 52 269, 284, 285, 862, 863 Vivekajasutta 687 Vepacittisutta 262 Vivekasutta 231 Vepullapabbatasutta 431 vokāro 310 Verahaccāni 810, 811, 812 vossaggārammanarp 1144

vūpakattho 1050 Vutthānamūlakakallitasuttādisattaka 715 vūpasamoa 876 Vutthisutta 53

Yadanattāsutta 527 Yavakalāpisutta 862 Yadaniccasutta 527 Yodhājīvasutta 935 Yajamānasutta 276 Yodhājīvo 935 Yāmā 1298 Yogakkhemasutta 1095 Yamakasutta 594 Yogakkhemisutta 784 Yamdukkhasutta 527 Yogasutta 1043 Yāmunā 386, 1025, 1026, 1027, 1028, 1029, Yoniso 295 1098, 1100, 1281, 1321, 1322 Yonisomanasikārasampadāsutta 1018, 1019, Yaññasutta 97 1021,1023,1024 yathābhatam 945 Yonisomanasikārasutta 1069

TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC CÚNG DƯƠNG pháp Bảo cao quý z /•fan trọng cảm niệm công đức của chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử j đã phát tâm trong sạch ủng hộ để bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được ấn tống cúng dường đến chư Tôn đức Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư Tôn đức Tăng Ni trực thuộc các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh/ thành, các Tổ đình, tự viện, tịnh xá. Sau đây là các đơn vị ủng hộ: -Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup: 3.000 bộ. -Quỹ Đạo Phật Ngày Nay: 1.500 bộ. -Quỹ Từ thiện Tu viện Tường Vân: 500 bộ. -Quỹ cúng dường ấn tống Pháp bảo cao quý tại văn phòng VNCPHVN do chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni, trụ trì, trụ xứ tại các Tổ đình, tự viện, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, quý Phật tử thiện hữu trí thức hữu danh, ẩn danh trong và ngoài nước đã góp phần hỗ trợ chi phí các mặt để việc an hành được thành tựu viên mãn. Thành kính cầu nguyện và hồi hướng quả lành của việc làm vô cùng giá trị, ý nghĩa này đến quý chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, thân bằng quyến thuộc của quý vị luôn được tăng trưởng và thành tựu các phần phước báu đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Cầu mong Phật pháp cửu trụ

ta-bà, lợi lạc khắp nhân thiên.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.

PHƯƠNG DANH ẤN TỐNG

Thực hiện VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM 750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHA xuẤt Bản HổNG Đức
65 Tràng Thi- quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmaiLcom
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031
TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN PHẬT GIÁO VIỆT NAM - TẬP 03
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA Bổ - 03
KỈNH TƯƠNG ƯNG Bô
(Samyutta Nikãya)
Dịch giả: Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU
Chịu trách nhiệm xuất bản Giám đốc BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung Tổĩĩg biên tập LY BA TOÀN

Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in ĐĐ. Nguyên Pháp, NS.TN. Huệ Trí, SC.TN. Huệ Tịnh, SC.TN. Liên Kỉnh, Ngọc Thanh, Liên Ngọc, Ngọc Hoa, Liên Nguyệt

Trình bày
Đặng Thái Trung
Đối tác liên kết
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm, Phường 4, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
In: 7.000 bản, khổ: 19x27 cm, tại Công ty CPIn Khuyến học phía Nam (Lô B5-8 đường D4, khu công nghiệp Tân Phú Trung, Củ Chi, Thành phổ Hồ Chí Minh), số Xác nhận đãng kỷ XB: 4217-2020/CXBIPH/19 - 78/HĐ. số QĐXB của NXB: 779/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 07/11/2020. In xong và nộp lưu chiếu năm 2020. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-318-038-1 111 ISBN: 978-604-318-038-1

9II786043II1 80381II

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.